

**Đại Phương Quảng Phật
Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một
Tịnh Hạnh Phẩm
Quyển 4**

大方廣佛華嚴經
十一
淨行品

**Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Đức Phong - Huệ Trang - Minh Tiến**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(trang trống)

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một, Tịnh Hạnh Phẩm
Quyển 4

大方廣佛華嚴經

(十一) 淨行品

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội

Khởi giảng từ ngày mùng Bảy tháng Mười Một năm 2005

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo dục: Đức Phong - Huệ Trang - Minh Tiến

Tập 1549

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiêu đoạn thứ ba trong đoạn lớn thứ sáu của phần Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ mười một. Chúng ta đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Kiến báo ân nhân, đương nguyện chúng sanh, u Phật, Bồ Tát, năng tri ân đức.

(經) 見報恩人。當願眾生。於佛菩薩。能知恩德。

(Kinh: Thấy người báo ân, nguyện cho chúng sanh, hay biết ân đức của Phật, Bồ Tát).

Thanh Lương đại sư đã nêu ra mười loại ân đức thị hiện của chư Phật. Trong phần trước, chúng ta đã học đến loại thứ tám. Hôm nay, xem từ loại thứ chín. Thứ chín là...

(Sao) Thị diệt sanh thiện ân. Cổ Pháp Hoa kinh vân: “Nhược Phật cứu trụ u thế, bạc phước chi nhân bất chủng thiện căn, bản cùng, hạ tiện, tham trước ngũ dục, nhân u ức tưởng vọng kiến vãng trung. Nhược kiến Như Lai thường trụ bất diệt, tiện khởi kiêu tử, nhi hoài yếm đãi, bất năng sanh nan tao chi tưởng, cung kính chi tâm. Thị cố Như Lai dĩ phương tiện thuyết: ‘Tỳ-kheo đương tri, chư Phật xuất thế, nan khả trị ngộ’. Nãi chí vân ‘tu chúng sanh đẳng, văn như thị ngữ, tất đương sanh u nan tao chi tưởng, tâm hoài luyến mộ, khát ngưỡng u Phật, tiện chủng thiện căn’.

(鈔) 示滅生善恩。故法華經云：「若佛久住於世，薄福之人，不種善根，貧窮下賤，貪著五欲，人於憶想妄見網中，若見如來常住不滅，便起憍恣，而懷厭怠，不能生

難遭之想，恭敬之心，是故如來以方便說，比丘當知，諸佛出世難可值遇。乃至云斯眾生等，聞如是語必當生於難遭之想，心懷戀慕，渴仰於佛，便種善根」。

(Sao: Ấn “thị hiện diệt độ [khiến cho hữu tình] sanh khởi điều thiện”. Vì thế, kinh Pháp Hoa chép: “Nếu Phật trụ lâu dài trong cõi đời, kẻ bạc phước chẳng gieo thiện căn, nghèo cùng, kém hèn, tham đắm ngũ dục. Do con người [bị vướng mắc] trong lưới ức tướng, vọng kiến, nếu thấy Như Lai trụ thế dài lâu, chẳng diệt, sẽ sanh lòng kiêu căng, lòng tuồng, ôm lòng chán ngán, lười nhác, chẳng thể sanh ý tưởng khó gặp gỡ, dấy lòng cung kính. Vì thế, đức Như Lai nói phương tiện: ‘Các tỳ-kheo nên biết, chư Phật xuất thế khó thể gặp gỡ’, cho đến nói ‘những chúng sanh ấy nghe nói như thế, ắt sanh ý tưởng khó gặp gỡ, ôm lòng quyến luyến, hâm mộ, khát ngưỡng đức Phật, bèn gieo thiện căn”).

Đây là một đoạn khai thị của Thanh Lương đại sư. “Thị diệt sanh thiện” (Thị hiện diệt độ để sanh khởi thiện căn [cho chúng sanh]). Đức Phật có năng lực thường trụ chẳng diệt trong thế gian hay không? Thừa cùng chư vị, có chứ! Xác thực là có năng lực ấy; vì sao biết? Trong các vị đệ tử của đức Phật, tôn giả Tân Đầu Lô (Piṇḍola Bhāradvāja) hiện thời vẫn còn trụ trong thế gian. Tôn giả Đại Ca Diếp cũng trụ trong thế gian, chờ đợi ngài Di Lặc thị hiện thành Phật, sẽ đem y bát của Thích Ca Mâu Ni Phật truyền trao cho Phật Di Lặc. Sau khi Phật Thích Ca diệt độ, ngài Di Lặc sẽ giáng sanh thị hiện thành Phật trong thế gian này. Trong Di Lặc Hạ Sanh Kinh có nói thời gian ấy là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Nói cách khác, tôn giả Ca Diếp phải chờ tới khi ấy. Hiện thời, ngài Ca Diếp đang ở nơi đâu? Theo kinh điển ghi chép, Ngài đang ở núi Kê Túc thuộc tỉnh Vân Nam của Trung Hoa. Vì thế, lão hòa thượng Hư Vân triều bái núi Kê Túc cũng hết sức cung kính, ba bước một lạy, lạy đến tận trên núi. Tuy chẳng gặp tôn giả Ca Diếp, nhưng nghe âm thanh của khóa tụng, nghe tiếng chuông, trống, kiền chùy. Còn tôn giả Tân Đầu Lô là do đức Thế Tôn chẳng cho phép nhập diệt, bắt Ngài thường trụ trong thế gian để chúng sanh gieo ruộng phước. Thông thường, chúng ta làm cỗ chay cúng đại chúng để tu phước, nhất định là nếu có bạc thật sự có phước đến ứng cúng, phước báo ấy sẽ to lớn. Đối với chuyện này, đức Thế Tôn đã dặn dò tôn giả Tân Đầu Lô; vì thế, ngài [Tân Đầu Lô] vẫn trụ trong thế gian. Ngài ứng hóa trong thế gian, nhưng loài người chúng ta chẳng nhận biết! “Đáng nên hiện thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy”, Ngài chẳng có thân hình nhất định.

Từ kinh điển, nhìn bề ngoài, các Ngài là Đại A La Hán; thật ra,

các Ngài toàn là Pháp Thân Bồ Tát. Nếu luận định khít khao sự thật, chúng ta biết tôn giả Ca Diếp đã thành Phật từ nhiều kiếp lâu xa, thì hiện thân Thanh Văn nhằm giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, tôn giả Tân Đầu Lô cũng không phải là ngoại lệ. Đây chính là “*thùy hình lục đạo*” (giảng hiện thân hình trong sáu đường) như chúng ta đã thấy trong phần trước. Thân phận bất định, Quyền, Thật bất định, hình tướng bất định, thuyết pháp bất định, thường trụ trong nhân gian. Lẽ nào Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng có năng lực này? Vì sao Ngài phải thị hiện nhập Bát Niết Bàn?

Kinh Pháp Hoa đã nói rất hay, cùng một đạo lý giống như vậy. Đó gọi là “*ai nấy có cùng một tâm, tâm có cùng một lý ấy*”. Năm xưa, thầy Lý ở Đài Trung suốt ba mươi tám năm. Tại Đài Trung, Ngài kiến lập Đài Trung Liên Xã và Từ Quang Đồ Thư Quán, mở lớp dạy học. Khi tôi đến Đài Trung, thầy đã dạy mười năm tại đó. Tôi thấy các bạn học theo chân thầy suốt mười năm, tôi hết sức hâm mộ. Tôi làm như thế nào để có thể đuổi kịp đón đầu họ? Tuy thầy đã dạy suốt mười năm, trên thực tế, thời gian lên lớp hoàn toàn chẳng dài. Thầy dạy học tại Đài Trung, giảng kinh, thuyết pháp cho mọi người mỗi tuần hai lần, mỗi lần hai tiếng đồng hồ, nhưng cần phải dùng Đài ngữ để phiên dịch (phiên dịch [từ tiếng Phổ Thông] sang tiếng Mân Nam). Do đó, trên thực tế, thời gian [giảng giải] chỉ có một giờ. Mỗi tuần giảng một lần tại Đài Trung Liên Xã, mỗi tuần giảng một lần hoặc hai lần tại Từ Quang Đồ Thư Quán. Ngoài ra còn có một lần dạy về Nho học. Vì thế, chỉ có ba lần, [tức là] mỗi tuần chỉ giảng ba lần. Dạy Nho học hai tiếng đồng hồ, không có phiên dịch. Đó là dạy học dành cho học sinh trong nội bộ. Do vậy, trên thực tế, mỗi tuần dạy học bốn tiếng đồng hồ.

Thoạt đầu, tôi đến Đài Trung, khi ấy, tôi đã nghĩ là có thể đuổi kịp. Thời gian thầy dạy học đại khái mỗi năm là bốn mươi lăm tuần; gặp dịp Tết, thầy nghỉ. Vì thế, một năm đại khái là bốn mươi lăm tuần. Do đó, thời gian chẳng dài! Lúc đó, tôi đã nghĩ: “Nếu tôi không phải đi làm, dùng toàn bộ thời gian để học tập, tôi tin là trong vòng hai năm sẽ có thể đuổi kịp họ học mười năm”, dấy lên ý niệm ấy. Buông xuống công việc như thế nào? Nghĩ tới Chương Gia đại sư khuyên tôi xuất gia, tôi xuất gia là do Chương Gia đại sư khuyên lớn, khích lệ. Tôi vừa dấy lên ý niệm ấy, sang năm thứ hai, duyên ấy quả nhiên chín muồi, tôi trình lên thầy Lý. Thầy Lý hỏi tôi: “Vì sao muốn xuất gia?” Tôi thưa rõ đạo lý này, tôi nói: “Thầy dạy tại đây đã mười năm, bản thân con có công việc, mỗi ngày làm việc tám tiếng đồng hồ, mỗi ngày học tập chỉ có bốn tiếng đồng hồ! Nếu con chẳng cần phải đi làm, dùng thân phận người xuất gia để khéo học tập, mỗi ngày tôi thiếu con có thể học mười giờ, hai năm bèn đuổi kịp”. Thầy nghe nói, cũng gật đầu: “Có lý!” Chẳng phải là vô lý, như vậy thì mới chấp thuận cho tôi xuất gia. Vì lẽ

đó, xuất gia chẳng bao lâu, tôi lại trở về Đài Trung, chẳng cần phải đi làm, trong hai năm, thật sự đuổi kịp [các bạn học].

Tốc độ tiến triển trong học tập của tôi mau lẹ hơn họ. Các bạn học ở Đài Trung hỏi tôi: “Anh học bằng cách nào vậy? Thầy dạy anh cách nào?” Tôi đáp: “Thầy chưa có lần nào đặc biệt dạy tôi. Khi lên lớp, giảng kinh, mọi người đều cùng học với nhau, thầy chưa hề dạy riêng một mình tôi, chẳng có lần nào!” Tôi nói: “Tôi có thể học nhanh hơn quý vị một chút là do tâm thái học tập của chúng ta khác nhau”. Các đồng học của chúng tôi rất đông, thường ở cùng một chỗ, họ nói: “Khác nhau như thế nào?” Tôi đáp: “Quý vị là người Đài Trung, nhà quý vị ở Đài Trung. Thầy quanh năm dạy học tại đây. Năm nay, quý vị học chẳng hiểu còn có năm sau, năm sau học chẳng hiểu thì còn năm sau nữa, có thời gian ấy”. Tôi nói: “Tôi khác quý vị. Tôi từ bên ngoài tới, chẳng có cội rễ tại Đài Trung. Vì thế, tôi đối với thời gian mỗi ngày ở Đài Trung đều hết sức trân quý, tôi rất nghiêm túc học tập, vì sao? Không chừng ngày nào đó, tôi chẳng có cái duyên này nữa, phải rời khỏi. [Do đó], tâm thái khác nhau”. Họ nghe nói, cảm thấy cũng có lý. Bởi lẽ, tôi nghiêm túc hơn, tinh tấn hơn họ, tương ứng với điều này!

Vì thế, tỷ dụ trong kinh Pháp Hoa được nêu ở đây rất hay. Nếu đức Phật thường trụ trong thế gian này, đức Phật có thể trụ thế mấy trăm năm, mấy ngàn năm, pháp vận của đức Phật là một vạn hai ngàn năm, người ta sẽ không chịu học Phật. Điều thứ nhất là họ nhìn vào đức Phật, [bèn nói]: “Ngài là thần, thọ mạng của Ngài dài ngàn ấy. Chúng tôi không làm được, bọn tôi là phàm phu, làm sao có thể học theo Ngài cho được?” Thứ hai là kẻ thật sự bạc phước trong thế gian, chẳng phải là người gieo thiện căn, sẽ chẳng có cách nào gieo thiện căn; đó cũng là hạng người tuy hàng ngày ở cùng một chỗ với đức Phật mà chẳng thể sanh khởi thiện căn được.

Phần kinh văn kể đó đã nói rất rõ ràng, vì sao chẳng sanh khởi được? “*Bần cùng, hạ tiện*”. “*Bần cùng*” (貧窮, nghèo túng) là chẳng có phước báo. “*Hạ tiện*” (下賤, kém hèn) là chẳng có địa vị. Trong thế gian, người như vậy đông lắm, chiếm đại đa số. “*Tham trước ngũ dục*” (Tham đắm ngũ dục): Vẫn đang đuổi theo tiếng tăm, lợi dưỡng, hưởng thụ ngũ dục, lục trần. Quý vị bảo kẻ đó gieo thiện căn, học Phật, [hắn sẽ biện bác]: “Chẳng gấp gì! Đức Phật thường trụ trong thế gian mà”, tức là như tôi nói về người ở Đài Trung, năm nay chẳng học nên hồn, hãy còn có năm sau. Năm sau học không đàng hoàng, hãy còn năm sau nữa! Có thời gian như thế! Giải đãi, chần chừ, như thế sẽ làm lạc đại sự cả một đời, kẻ ấy chẳng chịu tinh tấn. Đối với chuyện nghe pháp, kẻ ấy khát lại lần sau, theo đuổi ngũ dục, lục trần, tiếng tăm, lợi dưỡng [trước đã], xếp những thứ ấy vào địa vị hàng đầu. Dùng tâm thái ấy học Phật, sẽ hết sức khó khăn, chẳng sanh khởi tâm thành kính đối với Phật pháp,

đôi với Tam Bảo.

Phật, Bồ Tát, thiện tri thức thị hiện diệt độ. Sau khi các Ngài diệt độ, đã thật sự độ rất nhiều người. Mọi người nhất định sẽ nghĩ: “Phật chẳng còn trụ thế, thầy chẳng còn nữa”. Nhất định sẽ nghĩ: “Ta theo thầy nhiều năm ngàn ấy, thầy dạy ta những gì? Trong hội của thầy, ta đã học những gì?”, sẽ nghiêm túc phản tỉnh. Giống như thuở ấy, tôi theo học với Chương Gia đại sư, đại sư dạy tôi mỗi tuần hai giờ vào ngày Chủ Nhật. Vì bản thân tôi phải đi làm, chỉ thân cận thầy vào ngày Chủ Nhật. Ngài dành cho tôi thời gian hai tiếng đồng hồ, suốt ba năm giống như một ngày. Ba năm sau thầy vãng sanh, tôi hết sức nghiêm túc phản tỉnh, dựng một cái lều ở chỗ hỏa táng thầy. Tôi ở trong lều ba ngày. Người canh giữ bên thầy có đến mười mấy người, dẫn đầu là Cam Châu Hoạt Phật. Chúng tôi đều là bạn bè rất thân thiết, đều là học trò của Chương Gia đại sư. Họ dựng lều ở nơi hỏa táng khoảng một tuần. Tôi vì bận rộn công việc, chỉ xin nghỉ ba ngày, ở đó ba ngày. Nghiêm túc phản tỉnh trong ba năm ấy đại sư đã dạy tôi những gì, nghiêm túc phản tỉnh!

Vì lúc thầy còn tại thế, tôi đã sơ sót, dụng tâm chẳng khấn thiết. Phản tỉnh lần ấy khiến cho tôi một mực tiếp nhận sự giáo huấn của lão nhân gia, tôi đã hoàn toàn sơ sót sự giáo huấn ấy. Vì tôi học Phật là do Triết Học dẫn nhập, thầy Phương đã hướng dẫn tôi, coi kinh Phật như Triết Học, tức là Triết Học trong kinh Phật. Tiễn nhập từ góc độ ấy, chẳng phải từ tôn giáo. Vì thế, đối với lý luận và phương pháp trong kinh điển thì rất hâm mộ, nhưng đối với giới luật cũng rất khinh mạn. Tuy ở trước mặt thầy chẳng dám nói năng, nhưng khẳng định là thầy đã thấy tôi có quan niệm rất sai lầm: Tôi cho rằng giới luật có tánh chất giống như lễ nghi của Trung Hoa vào thời cổ, là những khuôn phép cho cuộc sống của những kẻ bình phàm!

Lễ giáo nhằm lập khuôn phép cho cuộc sống, chắc chắn sẽ vì thời điểm, vì nơi chốn mà khác biệt. Cổ lễ Trung Hoa trong thời Tam Đại khác nhau. Tam Đại là [ba triều đại] Hạ, Thương, Châu, [lễ nghi trong ba triều đại ấy] chẳng giống nhau! Ví như trước kia vào thời đại đế vương, sự kính lễ [trang trọng] nhất sẽ là nhân dân hoặc bày tôi hễ gặp hoàng thượng bèn hành lễ gồm ba lần quỳ, chín lần khấu đầu. Hiện thời, lễ nghi của chúng ta, [thể hiện sự kính lễ nhất] chính là cúi mình ba lần, làm sao giống nhau cho được? [Theo cái nhìn sai lầm của tôi thuở ấy], những giới luật trong Phật pháp giống như lễ, là những khuôn phép trong cuộc sống. Ba ngàn năm trước chính là thời gian bất đồng, chúng ta thuộc ba ngàn năm sau. Xét về nơi chốn, đó là lễ của Ấn Độ, chính là lễ của Ấn Độ vào thời cổ, hiện thời ta học nó để làm gì? Chúng ta nay là người thuộc thế kỷ hai mươi mốt. Vì thế, tôi coi những thứ ấy như một loại kỷ niệm, biết trạng huống sinh hoạt của hết thầy nhân dân,

một số chế độ, phong tục, tập quán xã hội trong thuở ấy, coi chúng như [những dữ kiện] lịch sử thì được rồi, hiện thời làm sao có thể sử dụng nó cho được? Bởi đó, đối với kinh, luật, luận, tôi rất coi trọng kinh và luận, đối với giới luật hoàn toàn chẳng nghĩ phải nghiêm túc học tập những thứ ấy.

Đại sư rất từ bi, mỗi tuần tôi đến gặp Ngài, tuyệt đại đa số là khi tôi rời đi, Ngài đều đưa tôi đến tận cửa, thường xuyên dặn một câu: “*Giới luật rất trọng yếu*”. Nói một câu nhẹ nhàng như vậy, diễn tả đơn sơ, trong ba năm, tôi nhớ đã nghe [thầy dặn dò như vậy] tối thiểu ba chục hoặc năm chục lần. Vì thế, ấn tượng rất sâu, nhưng chẳng lưu ý. Đại sư đã vãng sanh, tôi ở trong lều ba ngày, ngâm lại giáo huấn của lão nhân gia, lập tức ấn tượng ấy sâu đậm nhất, ngay tức khắc trời lên. Thầy nói nhiều lượt ngàn ấy có ý nghĩa gì, chẳng phải là rất trọng yếu ư? Khi ấy, mới suy xét chuyện này lần nữa, tiếp nhận. Nếu đại sư chẳng vãng sanh, tôi vĩnh viễn chẳng tiếp nhận giới luật của nhà Phật, “*thị diệt sanh thiện ân*” (ân “*thị* hiện diệt độ nhằm sanh khởi điều lành”).

Khi thầy lìa khỏi thế gian, tôi thật sự coi trọng câu nói ấy, hoàn toàn tiếp nhận, mới nghiêm túc xem phần Giới Luật trong Tạng Kinh, mới biết lễ trong pháp thế gian thuộc về thế gian. Vì thế, xưa nay, trong ngoài nước, [lễ nghi] khác nhau. Giới luật trong nhà Phật chẳng phải là pháp thế gian, tôi nghĩ đến điều này, nó là gì? Nó là tiêu chuẩn [để phân định] thánh phàm. Tiêu chuẩn thánh phàm vượt trỗi không gian, vượt trỗi thời gian, tôi lãnh hội ý nghĩa này. Nếu nay chúng ta mong siêu phàm nhập thánh, giới luật hết sức trọng yếu. Nếu chẳng mong vượt thoát lục đạo, lễ của Nho gia là được rồi. Chúng ta phải tuân thủ lễ xưa nay, trong ngoài nước. Chúng ta hiểu lễ của cổ nhân, nhưng chắc chắn là giữ lễ theo hiện đại, chẳng tuân thủ lễ pháp của cổ nhân. Quan niệm này là một quan niệm rất mới mẻ, khiến cho tôi tiếp nhận giới học. Nhưng giới học là căn bản; bởi lẽ, Giới là Phật thân, Giáo là Phật ngôn, Thiên là Phật tâm, tuy một mà ba, tuy ba mà một, thiếu một điều đều chẳng được. Có như vậy, tôi mới một lần nữa học Tam Quy, Ngũ Giới. Vì thế, nếu lão nhân gia chẳng ra đi, tuy tôi ở trước mặt lão nhân gia thọ Tam Quy, Ngũ Giới, [chỉ là] hình thức, hữu danh vô thực! Chuyện này cũng giống như giáng một gậy đánh thức tôi, hoàn toàn có cùng ý nghĩa với đoạn [chú giải] nói về ân này.

Do đó, trong kinh đức Phật đã nói, đây là nói về những kẻ bình phàm, đặc biệt là trong xã hội hiện thời, chúng ta thấy rất rõ ràng, họ tham đắm tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần. “*Ức tưởng*” (憶想) là vọng tưởng; vọng tưởng là Kiến Tư phiền não. Kiến phiền não bao gồm Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và Tà Kiến. Trong Tư phiền não, Tư (思) là tư tưởng, [Tư phiền não] là tham, sân, si, mạn, nghi. “*Ức tưởng vọng kiến vông trung*” (Trong lưới ức tưởng,

vọng kiến) là nói về mười thứ phiền não, kẻ bình phàm ai mà chẳng có những thứ ấy! Lục đạo chúng sanh cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, chẳng đoạn tập khí phiền não này! Càng lên cao hơn, công năng định lực càng sâu hơn. Công năng định lực chế phục phiền não, chẳng đoạn, nhưng đôi khi tập khí phiền não vẫn dấy lên hiện hành!

Vì thế, sanh vào Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, thọ mạng là tám vạn đại kiếp, khi thọ mạng đã tới, vẫn bị đọa lạc. Đó gọi là “trèo cao ngã nặng”. Trèo đến chỗ cao nhất, tức Vô Sắc Giới Thiên, hễ đọa lạc thì chẳng phải là đọa lạc trong nhân gian, mà chắc chắn sẽ đọa lạc vào địa ngục. Vì sao? Trong cảnh giới ấy, khi người ấy đã mất đi công năng định lực, sẽ sanh lòng sân khuê, sanh tâm ngờ vực, hủy báng thánh hiền: “Thánh hiền đã nói rõ ràng, Phật, Bồ Tát đã nói rõ ràng, tu hành mà khế nhập cảnh giới Niết Bàn sẽ chẳng sanh, chẳng diệt, vì sao nay ta đã đạt đến cảnh giới Niết Bàn - người ấy ngỡ Tứ Không Thiên trong cõi trời Tứ Thiên¹ là Niết Bàn, tương cảnh giới ấy là bất sanh, bất diệt - có sao ta nay vẫn bị đọa lạc?” Có thể thấy đây là giả, chẳng thật. Hễ có một niệm ấy, sẽ là cái nhân khiến đọa vào địa ngục A Tỳ. Vì thế, trong tội Ngũ Nghịch, [quả báo] hủy báng Tam Bảo và phá hòa hợp Tăng là trong địa ngục A Tỳ, đạo lý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết. Nhưng do chính người ấy nầy sanh hiểu lầm, hoàn toàn chẳng phải là cảnh giới Niết Bàn thật sự, cảnh giới ấy tương tự Niết Bàn, chẳng thật! Niết Bàn là vĩnh hằng bất biến, quyết chẳng bị thoái chuyển. Cảnh giới Tứ Không Thiên sẽ thoái chuyển, hễ công năng định lực mất đi, sẽ bị thoái chuyển. Người ấy dựa vào công năng định lực để duy trì. Vì thế, chẳng phải là lâu dài, cũng thuộc về vô thường. Tam giới vô thường mà!

Câu này nói về lục đạo chúng sanh. Nếu chúng sanh trong lục đạo thấy Như Lai thường trụ bất diệt, những kẻ học Phật ấy nhất định sẽ dấy lòng ngạo mạn, tự cho mình là đệ tử đức Phật, nhưng lại chẳng nghiêm túc học tập, mà giải đãi, chán chường, mệt mỏi sẽ là chuyện chắc chắn! Vì thế, chẳng thể nghĩ “*thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”. Họ chẳng nghĩ đến chuyện này, cho rằng: “Ta được làm thân người, rất may mắn. Đức Phật thường trụ, học Phật khi nào cũng đều được! Hiện thời có thể hưởng thụ niềm vui ngũ dục, đến khi tuổi tác đã cao sẽ lại học cũng đâu có trễ!” Hễ đức Phật thường trụ, sẽ luôn có một hạng chúng sanh ôm tâm lý cầu may như thế! Tôi đã gặp chuyện này rất nhiều. Trước kia, tôi có rất nhiều bạn bè, tuổi còn lớn

¹ Do cõi Vô Sắc bao gồm bốn tầng trời lần lượt tương ứng với bốn cấp Thiên Định, nên thường gọi là Tứ Thiên Thiên. Do không còn sắc chất, bốn cõi trời ấy thường gọi là Tứ Không Thiên, tức Không Vô Biên Xứ (Ākāśānantyāyatana), Thức Vô Biên Xứ (Vijñānānantyāyatana), Vô Sở Hữu Xứ (Ākimcanyāyatana) và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ (Naivasamjñānāsamjñāyatana).

hơn tôi, còn có những người già bằng lớp tuổi cha tôi. Sau khi tôi đã học Phật, thường gặp họ, [khuyên nhủ] thì họ cũng đều gật gù: “Rất hay! Xuất gia học Phật khá lắm, tốt lắm!” Họ nói: “Hiện thời tôi còn bận đi làm, chờ đến khi tôi về già sẽ học”. Chẳng được mấy năm đã qua đời mất rồi! Trên đường đến suối vàng, chẳng có già hay trẻ! Họ muốn chờ tới về hưu mới lại học [Phật], còn chưa về hưu đã qua đời! Dầu cũng có người thuộc lớp tuổi đó, sau lúc sáu, bảy mươi tuổi về hưu, xác thực là tinh thần lẫn thể lực đều suy thoái, rất muốn học, nhưng tinh thần và thể lực chẳng đủ, cũng đành bỏ cuộc. Tôi gặp rất nhiều người như thế đó.

Vì thế, phải biết, thiện tri thức và Phật hoàn toàn chẳng trụ mãi trong thế gian. Các vị tổ sư đại đức xưa kia chưa đến bảy mươi tuổi đã khuất bóng rất nhiều, [có những vị] năm, sáu chục tuổi đã ra đi. Chúng ta ngẫm xem, những vị ấy đều thực hiện ân “*thị diệt sanh thiện*”, khiến cho sau khi thầy đã ra đi, những học trò tiếp nhận sự giáo hóa của các Ngài thật sự nghĩ tưởng khó gặp gỡ, sẽ nghiêm túc học tập những điều thầy đã dạy, dũng mãnh tinh tấn, đầu sào trăm thước tiến thêm một bước nữa. Vì thế, hễ thầy diệt độ, có rất nhiều học trò chứng quả, thành tựu. [Thầy khuất bóng] đã kích thích họ rất lớn, khiến cho họ nghiêm túc phản tỉnh, kiểm điểm, sám hối, sửa lỗi đổi mới. Vì thế, thầy còn sống có ân to lớn đối với chúng ta, Ngài ra đi, diệt độ, đối với chúng ta cũng là đại ân. Tôi cảm ơn Chương Gia đại sư; nếu Ngài không ra đi, tôi sẽ chẳng có thành tựu, tôi đa là coi Phật pháp như Triết Học, coi như một môn học thuật thế gian để nghiên cứu, sẽ chẳng thể lãnh hội nghĩa thú chân thật trong giáo huấn của đức Phật!

Sau khi đại sư đã khuất, một năm sau tôi quen biết thầy Lý. Dường như thầy Lý cùng độ tuổi với Chương Gia đại sư. Khi tôi quen biết Chương Gia đại sư, lão nhân gia đã sáu mươi lăm tuổi, Ngài khuất bóng lúc sáu mươi tám tuổi. Một năm sau, tôi quen biết thầy Lý, thầy Lý năm ấy đã bảy mươi tuổi. Vì thế, dường như tuổi tác của hai vị tôi đa là chênh nhau một, hai năm. Tôi nghĩ tuổi đã cao ngàn ấy, chẳng biết thầy sẽ ra đi vào lúc nào! Cổ nhân nói, từ xưa tới nay đều nói là “*thất thập cổ lai hy*”, [tức là] “*nhân sanh thất thập cổ lai hy*” (đời người bảy chục tuổi xưa nay hiếm). Vì thế, kẻ đã ngoài bảy mươi thường bị mọi người nói là “*năm tháng còn sót lại như ngọn đuốc trước gió*”, có thể ra đi bất cứ lúc nào!

Trong cổ lễ Trung Hoa, thầy Lý từng bảo chúng tôi: “*Thất thập bất lưu túc, bát thập bất lưu phạn*”, [nghĩa là] đối với người đã hơn bảy mươi tuổi, đừng nên giữ họ ở lại nhà [của chính mình], dầu một đêm cũng chẳng nên! [Bởi lẽ], vạn nhất họ ở lại một đêm, qua đời trong đêm ấy, vậy là chẳng phải bản thân quý vị chuốc phải phiền phức ư? Chẳng mời người bảy mươi tuổi ngủ lại, nhưng có thể mời người ấy ăn cơm.

Người đã tám mươi tuổi thì ngay cả mời ăn cơm cũng chớ nên. Vạn nhất họ ăn một bữa cơm bị mắc nghẹn, qua đời, quý vị vẫn bị nói là hại người ấy, hạ độc trong thức ăn! Vì thế, cổ lễ Trung Hoa nói “*bát thập bất lưu phạn*” (chẳng mời người đã tám mươi ở lại ăn cơm). Điều ấy chẳng coi là thất lễ, “*bảy mươi chẳng mời ngủ lại*”. Thầy Lý thường nói lời ấy. Tôi hiểu ý thầy vì sao nói lời ấy, nhằm nhắc nhở lũ học trò chúng tôi: Thầy hiện diện trên cõi đời, tuổi tác đã cao như vậy, chẳng biết ra đi khi nào, phải ham học, phải nghiêm túc, phải nỗ lực, chớ nên lơ lãng thời gian quá tốt đẹp. [Nếu bỏ lỡ], sai lầm mất rồi!

Kể ra thầy Lý cũng từ bi, đúng thế, đến chín mươi bảy tuổi thầy mới mất, dạy học tại Đài Trung đúng ba mươi tám năm. Có thể nói, tại Đài Loan, thầy là người thành tựu nhất; tuy phước báo chẳng lớn, nhưng thầy thật sự dạy! Thầy dạy học chẳng dầy đặc, vì chính thầy có công việc. Nếu thầy thôi việc, chuyên tâm dạy học, giảng kinh hằng ngày, sẽ tuyệt diệu lắm! Mỗi tuần thầy giảng kinh hai lần, thật sự là thời gian quá ít. Nếu học trò đối với thầy, đối với những điều chính mình đã học mà chẳng nghĩ là khó gặp, chẳng có tâm thành kính, sẽ chẳng có thành tựu. Chúng ta nói là nhân tài “*tục Phật huệ mạng, vị vãng thánh kế tuyệt học*” (nối tiếp huệ mạng của đức Phật, kế thừa cái học tuyệt diệu của các vị thánh hiền đời trước), sẽ chẳng thể xuất hiện được.

Do vậy, thuở tại thế, đức Phật thường nói, chúng ta thấy điều này trong khá nhiều kinh luận, Thích Ca Mâu Ni Phật thường bảo “*thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”, thời thời khắc khắc nhắc nhở chúng ta. Nhất là trong khi ấy, thuở đức Thế Tôn tại thế, công khóa sáng tối là niệm kinh Vô Thường. Trong Đại Tạng Kinh có bản kinh này, hình như tôi cũng thấy có bản lưu hành riêng lẻ, nhưng không được lưu thông phổ biến. Kinh vẫn không dài, nhắc nhở chính mình “*vạn pháp vô thường*”. Quý vị thật sự có thể thấu hiểu vô thường thì mới có thể nghiêm túc, mới có thể nỗ lực, mới biết điều gì là quý báu nhất trên thế gian này. Thời gian quý báu nhất, những thứ khác toàn là giả. Các đồng học học Phật ai nấy đều có thể nói: “*Vạn ban tương bất khứ, duy hữu nghiệp tùy thân*” (Muôn thứ chẳng mang được, chỉ có nghiệp theo thân). Đức Phật dạy các đệ tử: Hai loại nghiệp thiện và ác đều phải buông xuống, chuyên tu Tịnh nghiệp. Vì sao? Do thiện nghiệp sẽ ở trong ba thiện đạo, quả báo của ác nghiệp là trong ba ác đạo, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Được làm thân người chẳng dễ dàng! Được làm thân người lại còn gặp gỡ Phật pháp, càng khó khăn hơn. Gặp gỡ Phật pháp mà nếu chẳng thể vượt thoát lục đạo ngay trong một đời này, đúng là đáng tiếc! Vì thế, từ kinh nghiệm trong một đời này, tôi đã thấu hiểu sâu xa chuyện này!

Vì sao ở trong thế giới hiện thời mà chúng tôi chẳng bị nhuốm

bản, nguyên nhân là gì? Hằng ngày đọc kinh, hằng ngày nghe giáo huấn của Phật, Bồ Tát, hằng ngày ở cùng một chỗ với các vị tổ sư đại đức. Các bản chú giải đều là [do các vị] tổ sư đại đức [biên soạn], chẳng có ngày nào lìa khỏi, cho nên mới có thể giữ được [chính mình chẳng bị ô nhiễm]! Ba ngày không đọc kinh, thử hỏi quý vị có thể chống nổi ngũ dục lục trần dụ dỗ, mê hoặc hay không? Chẳng chống đỡ nổi, khẳng định là quý vị đọa lạc, tiến đến tam đồ. Do vậy, tôi có thể giữ vững, thừa trình thật lòng cùng quý vị là do hằng ngày giảng kinh. Giảng kinh mỗi ngày thì quý vị phải đọc kinh mỗi ngày. Chẳng đọc, giảng cái gì đây? Năm mươi lăm năm giống như một ngày. Vì thế mới thấy thấu suốt thế gian; sau đây, quý vị mới có thể thật sự buông xuống, chẳng còn ghim giữ pháp thế gian, cũng như chẳng ghim giữ lục đạo lẫn mười pháp giới trong tâm. Căn tánh của chính mình chẳng phải là hạng người thượng thượng căn. Chuyện này phải nói thật lòng, phải thật thà, căn tánh của chúng tôi là căn tánh trung hạ. Nếu ngoài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ ra, muốn dùng các pháp môn khác để đoạn Hoặc chúng Chân, tôi chẳng làm được! Đi theo con đường ấy chẳng suông sẻ, chính mình hiểu rõ điều này hơn bất cứ điều gì khác! Tôi tiếp nhận giáo huấn của thầy Lý, suốt đời chuyên tu Tịnh nghiệp. Lão nhân gia làm mẫu cho tôi thấy, chuyên tu Tịnh nghiệp, cầu sanh Tịnh Độ, thân cận Di Đà, thành tựu đạo nghiệp. Thành tựu của chúng ta là mong tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là mục tiêu trong một đời này, hồi hướng Tây Phương.

Chúng ta sống trong hoàn cảnh hiện tiền, hoàn cảnh này là cõi đời thiên hạ đại loạn. Chẳng phải là đại trị mà là đại loạn, chưa hề có tiền lệ trong lịch sử, chẳng tìm thấy trong lịch sử trong nước lẫn ngoài nước. Tuy quá khứ có đời loạn, nhưng so sánh với hiện thời, [thuở trước] vẫn là xã hội tốt đẹp rất khó có! Hiện thời đã loạn, loạn đến mức cùng cực; vì thế, tôn giáo ngoại quốc nói đến “*tận thế*”. Chúng ta gặp đúng cảnh này, chẳng thể không dành ra một phần thời gian để giúp đỡ xã hội, giúp gì vậy? Hóa giải xung đột, khôi phục an định, hòa bình. Vậy thì phải làm như thế nào? Ngoài việc mở lớp dạy học giống như chư Phật, Bồ Tát, chẳng có biện pháp thứ hai nào! Trong mấy ngàn năm lịch sử, chúng ta quan sát kỹ lưỡng xưa nay trong ngoài nước, [sẽ thấy] họp hành chẳng thể giải quyết. Nếu có thể giải quyết, cổ nhân nhất định dùng phương pháp họp hành! Cổ nhân có thể thấu được hiệu quả từ dạy học, thấy đều là do mở lớp dạy học! Chúng ta ắt cần phải thí nghiệm phương pháp của Phật, Bồ Tát, cổ thánh tiên hiền. Thí nghiệm quả nhiên hữu hiệu; vì thế, hiện thời, tín tâm trọn đủ mười phần. Đây là lý do vì sao phải rút ra một chút thời gian để làm những công tác ấy, đạo lý ở chỗ này! Nếu là đời thái bình thịnh trị, công việc suốt đời của chúng tôi sẽ là giảng kinh, dạy học. Ngoài chuyện ấy ra, thứ gì cũng sẽ

chẳng tham dự. Đây là chánh nghiệp của chúng tôi. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói đoạn này tới đây.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp đoạn cuối cùng, tức “*bi niệm vô tận ân*” (悲念無盡恩, ân nghĩ xót thương vô tận). Đại sư dạy:

(Sao) Vị Thế Tôn đồng nhân trung thọ, ung thọ bách niên, lưu nhị thập niên phước, dĩ tỳ Mạt Pháp đệ tử. Đại Tập kinh vân: “Bi mãn chúng sanh cố, xả thọ đệ tam phần, linh ngã pháp hải mãn, tẩy dục chư thiên nhân. Giả sử hủy cấm giới, tất trụ bất thoái địa. Nhược hữu qua đả bỉ, tức vi đả ngã thân. Nhược hữu mạ nhục giả, tắc vi hủy nhục ngã”. Hựu vân: “Lưu bạch hào chi phước dĩ phú đệ tử”. Ngôn “lưu giáo” giả, tức Tam Tạng, Bát Tạng, quảng ích chúng sanh, y chi tu hành, giai đắc thành Phật.

(鈔)謂世尊同人中壽，應壽百年，留二十年福，以庇末法弟子。大集經云：「悲愍眾生故，捨壽第三分，令我法海滿，洗浴諸天人，假使毀禁戒，悉住不退地。若有搗打彼，即為打我身，若有罵辱者，則為毀辱我」。又云。「留白毫之福以覆弟子」。言留教者，即三藏八藏，廣益眾生，依之修行，皆得成佛。

(Sao: Ý nói, trong tuổi thọ giống như loài người, lẽ ra đức Thế Tôn thọ một trăm năm, nhưng Ngài lưu lại phước trong hai mươi năm để che chở hàng đệ tử trong thời Mạt Pháp. Kinh Đại Tập nói: “Vì xót thương chúng sanh, nên bỏ phần thọ mạng thứ ba hòng khiến cho biển pháp của ta được tràn đầy, gột rửa các hàng trời người, khiến cho kẻ dẫu hủy phạm giới cấm ắt trụ nơi địa vị Bất Thoái. Nếu có kẻ nào đánh đập họ chính là đánh đập ta. Nếu có kẻ nhục mạ họ, chính là hủy nhục ta”. Lại nói: “Lưu lại phước nơi tướng bạch hào để che chở các đệ tử”. Nói đến chuyện “lưu lại giáo pháp” thì Tam Tạng hoặc Bát Tạng lợi ích chúng sanh rộng rãi, nương theo đó tu hành, sẽ đều được thành Phật).

Đây chính là bi niệm vô tận! Ý nghĩa [của đoạn này] nhằm nói thưở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, thọ mạng của con người, chúng ta nói tuổi thọ bình quân là một trăm năm. Chư vị phải biết, Phật pháp nói đến thọ mạng của con người thì có Tăng Kiếp và Giảm Kiếp hai loại khác nhau! Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này nhằm Giảm Kiếp. Giảm Kiếp là cứ một trăm năm sẽ giảm một tuổi. Thọ

mạng loài người dài nhất là tám vạn bốn ngàn năm. Khi đạt đến tám vạn bốn ngàn tuổi, cứ mỗi trăm năm bèn giảm một tuổi, một mực giảm cho đến khi loài người thọ mười năm. Mười năm là ngắn nhất, con người thọ mười tuổi. Từ mười tuổi trở đi, cứ mỗi trăm năm, tăng thêm một tuổi, tăng cho đến tám vạn bốn ngàn tuổi. [Một chu kỳ] một tăng một giảm như vậy được gọi là tiểu kiếp. Hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Đây là cách tính thời gian trong Phật pháp. Vì thế, tiểu kiếp là [chu kỳ] một tăng một giảm. Nay chúng ta đang thuộc Giảm Kiếp. Thời Thích Ca Mâu Ni Phật, thọ mạng của loài người là một trăm tuổi, cứ mỗi trăm năm giảm một tuổi. Kể từ sau khi đức Phật diệt độ cho đến hiện thời là ba ngàn năm, theo ghi chép của người Hoa là ba ngàn năm. Vì thế, tuổi thọ bình quân của người hiện thời là bảy mươi tuổi. Đương nhiên là nói theo đại đa số, tức cộng nghiệp. Trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, thọ mạng do biệt nghiệp sẽ khác nhau. Vì thế, có người sống lâu hơn bảy mươi tuổi, có người chẳng sống đến bảy mươi tuổi. Thuở đức Phật tại thế, có người sống hơn trăm tuổi, cũng có người chẳng thọ tới một trăm tuổi. Một trăm tuổi là rất bình thường, nhưng đức Phật tám mươi tuổi bèn viên tịch, Ngài hãy còn [thọ mạng] hai mươi năm. Nói thông thường là hãy còn hai mươi năm, [Ngài ra đi trước] hai mươi năm nhằm lưu lại phước trong hai mươi năm ấy. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài đáng lẽ hưởng thọ mạng một trăm tuổi, nhưng Ngài đã ra đi trước, tám mươi tuổi liền khuất bóng.

“*Đồng nhân trung thọ*” (Có thọ mạng giống như nhân loại): Trong thời đại này, thọ mạng của nhân loại là bao nhiêu, Phật, Bồ Tát thị hiện thọ mạng đều giống như nhân loại. “*Lưu nhị thập niên*” là tám mươi tuổi Ngài liền khuất núi, để lại phước báo của hai mươi năm, tức phước báo của đức Phật. Ban phước báo ấy cho ai? Ban cho “*mạt thế chúng sanh*”, ban cho đệ tử. “*Mạt thế*” là nói đến thời Mạt Pháp. Đệ tử thời Mạt Pháp nghiêm túc tu hành, sẽ chẳng sợ chết đói, chẳng sợ chết rét, tuyệt đối chẳng chết vì đói mà cũng chẳng chết vì lạnh. Vì sao? Phước thừa trong hai mươi năm của đức Phật trọn đủ cho đến lúc Phật pháp diệt mất, nhu cầu về tứ sự cúng dường của đệ tử Phật môn đều có thể đầy đủ, chẳng thiếu khuyết. “*Tứ sự cúng dường*” là thức ăn, quần áo, đồ trải nằm, thuốc men; đó là bốn thứ không thể thiếu khuyết trong đời sống của chúng ta, đức Phật đều cung cấp. Vì thế, chỉ cần chuyên tâm tu đạo, chẳng cần lo lắng về vấn đề cuộc sống vật chất, Phật, Bồ Tát sẽ lo liệu. Nếu bản thân chúng ta phan duyên, Phật, Bồ Tát sẽ chẳng chiếu cố. Do vậy, quý vị sẽ bị lưu chuyển theo nghiệp.

Phải tin tưởng lời này. Vì sao? Quý vị mới dám buông xuống. Rất nhiều người biết, đức Phật thường thường dạy chúng ta phải buông xuống, phải bố thí, phải xả, nhưng [chúng ta] chẳng dám, cứ sợ xả rồi

ngày mai sẽ chẳng có cơm ăn, ngày mai phải bị rét buốt, chẳng dám làm! Đây là do nguyên nhân gì? Vẫn chẳng tin Phật. Đối với giáo huấn của đức Phật, vẫn ngỡ vục y như cũ, chẳng thể triệt để phụng hành. Lỗi lầm ấy chẳng ở nơi Phật pháp, mà ở bản thân chúng ta. Vì thế, nghi là Căn Bản Phiền Não, tham, sân, si, mạn, nghi. Hoài nghi giáo huấn của đức Phật, chẳng thể hoàn toàn tiếp nhận. Sai mất rồi! Nhất định phải tin tưởng. Tôi có được những nguyên lý và nguyên tắc cơ bản về học tập này, toàn là đạt được từ chỗ Chương Gia đại sư. Trong ba năm ấy, Ngài đã dạy những điều cơ sở, là những cương yếu hết sức quan trọng, suốt đời này, cả năm mươi lăm năm, tôi được thọ dụng. Đúng là chỉ cần y giáo phụng hành, khẳng định là chướng duyên và tai nạn vẫn có, nhưng đều rất thuận lợi vượt qua, do oai thần của Tam Bảo gia trì!

Tiếp đó, [ngài Thanh Lương] trích dẫn kinh Đại Tập, “*bi mãn chúng sanh có, xả thọ đệ tam phần*” (do vì thương xót chúng sanh, nên xả phần thứ ba của tuổi thọ). Đây là đức Phật đã xả hai mươi năm cuối [trong tuổi thọ]. “*Linh ngã pháp hải mãn, tẩy dục chư thiên nhân*” (Khiến cho biển pháp của ta viên mãn, gột rửa các hàng trời, người). Câu trước nhằm nói để chánh pháp tồn tại lâu dài, nhất định phải dựa vào sức gia trì từ oai thần của đức Thế Tôn, tức là hai mươi năm phước báo của Ngài. Vì thế, Phật pháp hiện nay vẫn đang suy vi, suy đến nông nổi này, trong tương lai, có thể phục hưng hay không? Có thể chứ! Chương Gia đại sư bảo tôi điều này. Tôi đã từng hỏi thầy, thầy dạy: “*Thời kỳ Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm, trong chín ngàn năm ấy, Phật pháp có lúc hưng, lúc suy. Hưng hay suy không do pháp, pháp chẳng có hưng hay suy. Hưng hay suy là do con người, mà cũng là do phước báo của chúng sanh*”. Chúng sanh đều có thể tin tưởng thiện pháp, Phật pháp sẽ hưng thịnh, chư Phật, Bồ Tát ứng thế. Mọi người chẳng tin tưởng, không chịu học, Phật pháp sẽ suy vi. Dẫu trong thế hệ chúng ta, [Phật pháp] suy vi, thế hệ tiếp theo có thể là sẽ có người hưng khởi. Vì thế, chín ngàn năm Mạt Pháp có hưng và suy.

Phật pháp quyết định chẳng thể diệt, vì sao? Pháp vận của Ngài hãy còn chín ngàn năm. Sau chín ngàn năm, Phật pháp sẽ diệt. Vì thế, chúng ta chẳng cần phải bận lòng chuyện này, chính mình phải thật sự nỗ lực, thật sự phát phẫn, phải gánh vác sứ mạng giữ gìn chánh pháp trụ thế lâu dài. Nay tôi hiểu rõ, giác ngộ, chọn lựa nghề nghiệp này, “*nghề nghiệp*” này là thần thánh, không gì có thể sánh bằng. Vì sao? Nói tiếp huệ mạng của Phật, lợi ích chúng sanh, chẳng phải vì chính mình. Nói tiếp huệ mạng của Phật, lợi ích chúng sanh đều phải thực hiện từ chính mình, chẳng thể đòi hỏi ai khác! Ta làm, làm có hiệu quả, chắc chắn sẽ cảm động được một số người, nhất định là sẽ có người chí đồng đạo hợp. Người chí đồng đạo hợp như vậy ngày càng nhiều, Phật pháp sẽ hưng vượng. Vì thế, chẳng làm từ chính mình, chắc chắn là

chẳng thể! “*Linh ngã pháp hải mãn*” (Khiến cho biển pháp của ta tràn đầy) chính là chánh pháp trụ thể lâu dài, “*tây dục chư thiên nhân*” (gột rửa hàng trời người) là hồng pháp lợi sanh.

Mấy câu tiếp đó nói rất hay. “*Giả sử hủy cấm giới, tất trụ bất thoái địa*” (Giả sử có kẻ hủy phạm giới cấm, [đều khiến cho] người ấy trụ nơi địa vị chẳng thoái chuyên). Đã thọ giới, thọ giới rồi làm không được; vì sao nói người ấy vẫn trụ nơi địa vị Bất Thoái? Khi thọ giới, đã gieo thiện căn trong A Lại Da Thức; giáo pháp Đại Thừa thường diễn tả điều này là “*nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng*” (một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo), chắc chắn chẳng lui sụt! Mắt chúng ta xem kinh, nhìn tượng Phật, hễ lướt qua mắt, cũng vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo! Nhưng nếu quý vị có thể trì giới cấm, sẽ thành tựu trong đời này. Nếu quý vị chẳng trì giới cấm, nếu hủy phạm giới luật, ắt trụ nơi địa vị Bất Thoái, tức là nói ai nấy trong tương lai chắc chắn có duyên phận gặp gỡ Phật pháp, thiện căn sẽ dậy lên hiện hành. Đó gọi là Bất Thoái. Chẳng phải là nói trong một đời này, mà là nói về đời kế, hoặc đời sau nữa! Chúng tử thiện căn của quý vị (được gọi là chủng tử Kim Cang) vĩnh viễn bất hoại. Dầu cho vô lượng kiếp về sau nó mới dậy lên hiện hành, cũng sẽ thành Phật, có ý nghĩa này. Cũng chớ nên hiểu lầm ý nghĩa của phần kinh văn ở chỗ này. Hiểu lầm ý nghĩa thì trật mất rồi! Chẳng có nghĩa là hiện thời giới gì ta cũng chẳng cần giữ, chúng ta sẽ bất thoái trong hiện tại, chẳng phải vậy, mà là chủng tử Kim Cang trong tương lai chẳng bị thoái thất, nói theo ý này! Hiện thời, quý vị mê hoặc, điên đảo, tạo tác tội nghiệp, quý vị vẫn phải chịu quả báo luân hồi. Chịu hết quả báo, đã hứng chịu xong, gặp duyên, thiện căn lại dậy lên tác dụng, lại dậy lên hiện hành, đó gọi là Bất Thoái. Ngàn muôn phần đừng hiểu lầm ý nghĩa này.

Trong hai câu kệ đó, “*nhược hữu qua đả bỉ*” (nếu có kẻ đánh đập họ), đây là có kẻ lán hiếp đệ tử đức Phật, đức Phật nói “*tức vi đả ngã thân*” (tức là đánh đập thân ta). Lời này là thật. Cho nên chúng ta phải hiểu đạo lý này. Lại đọc tiếp hai câu kệ đó, “*nhược hữu mạ nhục giả*”. Đây là chửi rủa đệ tử đức Phật, kể cả hàng tại gia. Bất luận xuất gia hay tại gia, nếu quý vị chửi bới họ, “*tắc vi hủy nhục ngã*” (tức là đã hủy nhục ta). “*Ngã*” là đức Thế Tôn tự xưng. Lời này là thật. Do vậy, người xuất gia phạm lầm lỗi, chúng ta đối đãi người ấy như thế nào? Phổ Hiền Bồ Tát đã nói hay lắm, lễ kính người ấy, chẳng nói đến lỗi lầm của người ấy, vì sao? Người ấy là đệ tử đức Phật, ta cung kính người ấy là gieo phước. Nếu ta phê bình người ấy, tức là đã phê bình Tam Bảo, hủy nhục Tam Bảo. Vì sao tội hủy nhục Tam Bảo nặng nề ngàn ấy? Khiến cho kẻ khác trông thấy, nghe nói, bèn chẳng sanh tín tâm đối với Phật pháp, đạo lý ở chỗ này! Vì thế, chúng ta phải suy xét tầm ảnh hưởng, khiến cho hết thảy chúng sanh có thiện niệm tốt lành

đôi với Tam Bảo, đừng nên khiến cho họ vì ta mà sanh ác niệm, sanh ra ảnh hưởng không tốt, vậy là ta sai lầm mất rồi!

Vì thế, bất luận là xuất gia tại gia, hàng tại gia đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, bất kể họ trì giới hay không, họ tạo tác chuyện ác chẳng liên quan gì đến ta. Vì sao? Mỗi người có nhân quả riêng, ai chịu báo nấy, ta cần gì phải phê bình họ? Ta cần gì phải chỉ trích họ? Ta phê bình, chỉ trích, thật ra chính mình đã mất đi lòng đôn hậu, nhưng có một loại tình hình ta có thể phê bình, chỉ trích người ấy. Đó là gì? Chẳng có kẻ thứ ba hiện diện, ta khuyên dạy kẻ ấy. Đóng chặt cửa phòng thì có thể! Chỉ cần có kẻ thứ ba hiện diện thì chớ nên! Đây là giáo huấn của Như Lai. Hiện thời, những kẻ hiểu đạo lý này quá ít, người thật sự có thể làm được càng ít hơn nữa! Họ không hiểu thì làm sao có thể làm được?

Vì thế, ngàn muôn phần đừng cho rằng chúng ta có thể tùy tiện phê bình. Trong xã hội hiện thời, đại chúng mất lòng tin đối với Phật pháp. Vì sao mất lòng tin? Họ nghe quá nhiều, mà cũng thấy quá nhiều, làm sao có thể tin tưởng cho nổi? Chúng ta tùy tiện phê bình, tùy tiện nhục mạ, có trách nhiệm hay không? Có chứ! Chưông ngại khá nhiều chúng sanh nhập Phật môn. Cổ nhân nói rất hữu lý, “*nhược yếu Phật pháp hưng, trừ phi Tăng tán Tăng*” (nếu muốn Phật pháp hưng thịnh, ngoại trừ Tăng ca ngợi Tăng). Chúng ta tán thán lẫn nhau, tạo thiện niệm tốt nhất, thiện duyên tốt nhất cho đại chúng trong xã hội, mà cũng là khiến cho lương tâm của những đệ tử Phật trót phá trai, phạm giới được phát hiện, họ có thể quay đầu, quay đầu là bờ! Nếu họ làm chuyện sai quấy, quý vị thường chửi bới họ, họ bị chửi riết đâm lỳ, cũng coi như không có gì hết, vẫn y như cũ làm theo ý mình, căn bản là chẳng quan tâm tới quý vị! Đâm ra là gì? Đâm ra là khiến cho họ chẳng biết phản tỉnh, chẳng biết quay đầu. Nếu đối với ác hạnh, ác nghiệp của kẻ ấy, chúng ta chẳng nói một câu nào, hễ kẻ ấy có một tí thiện hạnh, chúng ta liền tán thán kẻ ấy. Lâu ngày chày tháng, lương tâm sẽ phát hiện; đây chính là giáo dục. Đây thật sự là hộ pháp, hộ trì. Vì thế, ý nghĩa này hết sức hay, hết sức sâu, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu. Nếu có thể thật sự y giáo phụng hành, quý vị sẽ thật sự là đệ tử đức Phật.

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói rất hay: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Vẫn thấy lỗi làm của thế gian, trong khi giảng kinh, chúng tôi cũng thường nói, đó chẳng phải là lỗi làm của thế gian, mà là lỗi làm của chính mình! Chính mình có lỗi làm gì vậy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị nói xem, có đúng như thế hay không? Ngày hôm qua, tôi còn nói “một người mà vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, người ấy sẽ thành Phật. Có thể buông xuống phân biệt, chấp trước, người ấy là Bồ Tát. Chẳng thể buông xuống vọng tưởng và phân biệt, nhưng buông

xuống chấp trước, người ấy thành A La Hán, và cũng vượt thoát tam giới”, đây là đúng! Quý vị đối với vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều chẳng buông xuống, sẽ là lục đạo phàm phu, sai mất rồi. Nếu chẳng thể buông xuống ba thứ ấy trong một lúc, quý vị sẽ chẳng thể vãng sanh! Niệm Phật vì sao vãng sanh? Chẳng buông xuống những thứ ấy, nhưng trong một sát-na vãng sanh, ngay trong sát-na ấy, người đó buông xuống, cho nên mới có thể vãng sanh được. Đó gọi là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Khi sắp chết, thở hắt một hơi cuối cùng mà vẫn chẳng buông xuống được, vậy là uổng công niệm Phật suốt đời rồi!

Tịnh Tông nói rất hay, đời nghiệp chỉ là “*đời cựu nghiệp*” (mang theo nghiệp cũ), chẳng mang theo nghiệp hiện hành. Cựu nghiệp là gì? Nghiệp thuộc về ngày hôm qua đều là cựu nghiệp, trọn chẳng mang theo nghiệp [gây tạo] trong ngày hôm nay, chẳng mang theo nghiệp hiện tiền. Hễ còn một niệm hiện tiền, sẽ chẳng thể vãng sanh. Vì thế, chúng ta niệm Phật, mỗi ngày niệm Phật giống như gì? Giống như luyện binh, huấn luyện, khi lâm chung là đánh giặc, hy vọng một niệm cuối cùng lúc lâm chung là chánh niệm, là A Di Đà Phật, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì mới có thể vãng sanh. Do vậy có thể biết, sự huấn luyện trong lúc bình thường hết sức quan trọng, lâm chung quý vị mới nắm chắc. Nếu sơ sót sự huấn luyện trong lúc bình thường, khi lâm chung, sẽ chẳng nắm chắc. Vì cho đến khi ấy, hễ còn có một niệm không buông xuống được, sẽ chẳng thể vãng sanh, làm lỡ đại sự!

Đương nhiên phương pháp tốt nhất là trong lúc bình thường hằng ngày, chúng ta hãy tưởng như một niệm khi lâm chung. Vì thế, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta, niệm Phật như thế nào thì mới có thể thành tựu? Phương pháp của Ngài hay lắm, dán một chữ Chết trên trán. Có nghĩa là thường tưởng ta sẽ chết, ta sẽ chết trong ngày hôm nay, hãy xem quý vị còn muốn chẳng buông xuống hay không? Tôi đã đến thăm quan phòng (關房, nơi bế quan) của lão nhân gia, tiều Phật đường trong quan phòng của Ngài rất bé, chỉ là một gian nhà, đại khái chỉ bằng một phần ba phòng thâu hình này. Trên bàn Phật, chỉ thờ một bức tượng A Di Đà Phật. Trên vách tường phía sau tượng Phật, dán một chữ Tử do lão nhân gia tự viết. Mỗi ngày thấy chữ Tử, thời thời khắc khắc nghĩ đến cái chết, muôn niệm đều nguội lạnh, buông xuống muôn duyên! Đối với kẻ khác bèn khiêm hư, cung kính, chỉ có đối với hạng người nào là có chỉ trích? Những học trò thật sự chịu nghe dạy. Suốt đời lão nhân gia chẳng thâu nhận đồ đệ xuất gia, chẳng có đồ đệ xuất gia, toàn là đệ tử quy y, tức là đệ tử quy y xuất gia và tại gia. Thật sự chịu học, thật sự hiếu học, thật sự mong thành tựu trong một đời này, Ngài sẽ chẳng rất khách sáo giáo huấn quý vị. Nếu chẳng phải là kẻ chân tâm

mong học, mong cầu sanh Tịnh Độ, lão nhân gia sẽ rất khách sáo đối với quý vị. Quý vị có thể thấy Ngài rất từ bi.

Đây là chúng ta thấy xã hội trong hiện tiền hiểu lầm người xuất gia, hiểu lầm Phật giáo, có cách nhìn sai lầm đối với người xuất gia học Phật, ảnh hưởng toàn thể xã hội. Hiểu lầm nền giáo dục của đức Phật sẽ gây chướng ngại cho việc thúc đẩy [khuếch trương] nền giáo dục của đức Phật. Không chỉ là bản thân họ chẳng học, mà còn khiến cho đại chúng trong xã hội trông thấy hiện tượng ấy cũng hiểu lầm Phật giáo là mê tín. Thời thơ ấu, Tiểu Học, và Sơ Trung (cấp hai, Trung Học đệ nhất cấp), tôi luôn ngỡ Phật giáo là mê tín, đối với Phật giáo chẳng có ấn tượng tốt đẹp! Tôi tiếp xúc các tôn giáo khá lâu, vì trong các bạn học có người là tín đồ đạo Cơ Đốc, có người là tín đồ đạo Hồi, các cuộc lễ bái họ thường mời tôi đến tham dự. Tôi cũng đến đó rất nhiều lần, nghe những vị mục sư hoặc A Hoảng (thầy tu đạo Hồi) giảng đạo, cũng cảm thấy rất hữu lý. Xem kinh sách của họ, cũng đều có thể sanh tâm hoan hỷ, chỉ riêng đối với Phật giáo là hiểu lầm nghiêm trọng. Bởi lẽ, Phật giáo không có ai giảng kinh. Chùa miếu rất nhiều, toàn là thấp nhang, lạy lục, toàn là làm kinh sám, Phật sự, siêu độ người chết. Vì thế, có ấn tượng rất xấu. Chẳng thể trách đại chúng trong xã hội! Hiện thời, bản thân chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh, chúng ta đã trái nghịch giáo huấn của đức Phật.

Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, đó là gì? Nói theo kiểu hiện thời là “*mở lớp dạy học*”. Khi tôi ở Đài Trung, đối với Đài Trung Liên Xã và Từ Quang Đồ Thư Quán của thầy Lý, lão nhân gia đã mở tổng cộng hơn ba mươi lớp, mở lớp dạy học, có khóa học dài hạn, có khóa học ngắn hạn. Như khóa Đại Chuyên Phật Học thì thời gian ngắn, hai tuần lễ. Dài nhất hình như là lần thứ ba, bốn tuần lễ. Đó là khóa học dài nhất trong kỳ nghỉ Hè; về sau, thông thường là trong khóa nghỉ Hè và nghỉ Đông đều là hai tuần, ngắn hơn! Khóa học dài ngày, tức là khóa giảng kinh, dài nhất là lớp học kinh Hoa Nghiêm. Các lớp giảng kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, thì kinh Vô Lượng Thọ khoảng ba, bốn tháng, còn như giảng kinh A Di Đà thì đại khái là một, hai tháng. Mở lớp dạy học khiến cho người ta hiểu Lý, tri giới, tuân thủ pháp tắc.

Trừ chuyện ấy ra, trong Liên Xã có bốn mươi tám ban niệm Phật, chiếu theo bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Liên hữu quá đông, phải chia ban, chia thành bốn mươi tám ban. Thông thường họ niệm Phật, mỗi tuần hai lần đến nghe kinh. Mỗi tháng, mỗi ban còn có một lần tụ hội, mời thầy giảng khai thị, giải đáp nghi vấn. Chuyện này đều là dài hạn, tháng nào cũng đều có, suốt mấy chục năm chẳng gián đoạn. Đối với nhi đồng, thầy lập hai ấu trĩ viên (trường Mẫu Giáo, nhà trẻ). Đối với người già, có một viện an lão (dưỡng lão). Đối với kẻ bệnh

hoạn, thầy có Bồ Đề y viện. Kẻ trẻ tuổi thì có ban thanh niên và ban thanh nữ. Các lớp dạy học thì có lớp Phật học, lớp Nho học, còn có lớp dạy thư pháp, lớp thi từ, lớp mỹ thuật, hội họa, tổng cộng mở hơn ba mươi lớp. Mở lớp dạy học đây nhé! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế là như vậy; vì thế, Phật pháp là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa.

Chúng ta mới hiểu rõ Phật giáo là gì, mới hiểu rõ ràng, mới thấy rõ Phật giáo chẳng mê tín. Đã thế, Phật giáo chẳng phải là tôn giáo, mà là giáo dục xã hội. Vì sao? Trong tôn giáo, chắc chắn chẳng thể thiếu Thần (Chúa, Thượng Đế) được! Trong Phật giáo chẳng có! Trong Phật giáo chỉ có thầy, Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư của chúng ta. Ngài chẳng phải là thần, mà là thầy. Nói “*thành Phật*” thì như trong kinh luận, kinh Hoa Nghiêm đã dạy thấu triệt như thế này: “*Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Lời này đã giảng rõ ràng như vậy, minh bạch như vậy! Phật là gì? Phật là Như Lai, Ngài có trí huệ viên mãn, có đức năng viên mãn, có tướng hảo viên mãn. Đức Phật nói hết thầy chúng sanh thầy đều có trí huệ, đức năng, và tướng hảo. Phật ở nơi đâu? Hết thầy chúng sanh ai nấy đều là Phật. Quý vị vốn đã thành Phật, vì sao nay chẳng phải là Phật? Hiện thời, quý vị sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên quý vị biến thành phàm phu.

Kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta: Chỉ cần quý vị có thể buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ là Như Như Phật. Các loại trí huệ, thần thông, và đức tướng của chư Phật quý vị thầy đều có, khôi phục toàn bộ. Hiện thời, biến thành tình trạng này là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã che lấp và chướng ngại trí huệ, đức năng, tướng hảo vốn có trong tự tánh. Tuy có mà chẳng thể hiện tiền, chẳng dậy lên tác dụng. Vì thế, phàm phu thành Phật, nói theo lý luận là trong một niệm. Chỉ cần quý vị chịu buông xuống, sẽ thành Phật. Khi nào quý vị buông xuống, sẽ thành Phật khi ấy. Buông xuống trong hiện tại, sẽ thành Phật trong hiện tại. Chẳng thể buông xuống vọng tưởng, có thể buông xuống phân biệt và chấp trước, quý vị thành Bồ Tát. Phân biệt cũng không buông xuống được, vậy thì quý vị buông xuống chấp trước, sẽ thành A La Hán. Buông xuống chấp trước chính là buông xuống lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi là do chấp trước biến hiện; vì thế, nó chẳng phải là thật!

Thuở ấy, tôi thỉnh giáo Chương Gia đại sư. Tôi thưa: “Con biết Phật pháp tốt đẹp, con có sự nhận thức thô thiển là do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu”. Tôi thỉnh giáo Ngài: “Có phương pháp gì khiến cho con có thể khế nhập rất nhanh chóng hay không?” Ngài dạy tôi: “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Tôi học năm mươi lăm năm, cảm kích thầy ngay hôm đầu tiên đã dạy cho tôi bí quyết ấy. Tôi thật sự làm, nhưng buông xuống không triệt để cho lắm. Tuy không triệt để, đây là

do tập khí phiền não quá nặng, nhưng mỗi năm buông xuống nhiều hơn. Mỗi tháng buông xuống nhiều hơn một tí. Các đồng học có phát hiện chuyện này hay không? Tôi tin là đại đa số chẳng phát hiện, có một ít người rất chú tâm sẽ phát hiện. Họ phát hiện như thế nào? Nghe tôi giảng kinh, mỗi năm khác hẳn! [Không chỉ là] mỗi năm khác hẳn, mà mỗi năm có tiến bộ, mỗi tháng khác hẳn, mỗi tháng đều có tiến bộ.

Trí huệ chẳng do học được, trí huệ từ đâu mà có? Buông xuống một phần, trí huệ trong tự tánh thấu lộ một phần. Buông xuống hai phần, sẽ thấu lộ hai phần. Đức năng và tướng hảo cũng giống như thế. Đây gọi là Tánh Đức hiển lộ. Thấy thấu suốt và buông xuống là Tu Đức. Tuy có Tánh Đức, nếu quý vị chẳng có Tu Đức, Tánh Đức sẽ không thể hiện tiền. Vì thế, chỉ cần quý vị quan sát cẩn thận sẽ thấy ngay! Phải thấy thấu triệt, phải buông xuống triệt để, đó gọi là công phu thật sự. Dùng công phu thực tế này để niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì mới tương ứng. Vì lẽ đó, “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, đạo lý ở chỗ này.

Nhất định phải y giáo tu hành. Đức Phật dạy quyết định chẳng sai! Quý vị có thể học mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát thì gọi là “*đại tu hành*”. Tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, hết thấy cung kính, đối với người, đối với sự, đối với vật, đều ẩn giấu điều ác, tuyên dương điều lành. Đây là “*xưng tán Như Lai*”. Chẳng ghim trong lòng tất cả hết thấy những thứ bất thiện; thấy, nghe, tiếp xúc toàn là hết thấy những điều thiện, chẳng có gì không tán thán, đây là “*xưng tán Như Lai*”. “*Quảng tu cúng dường*”: Phàm là những gì có lợi cho chúng sanh, bèn tận tâm tận lực công hiến. Phật pháp nói “*cúng dường*” là nói đến bố thí. “*Sám hối nghiệp chướng*”, sám hối như thế nào? Hằng ngày sửa đổi, hằng ngày sửa lỗi đổi mới, hằng ngày thấy thấu suốt, hằng ngày buông xuống, thật sự sám hối! “*Tùy hỷ công đức*” chúng ta thường nói là “*tùy duyên*”. Trong cuộc sống hằng ngày, thứ gì cũng đều tùy duyên, tâm địa chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, chẳng có vướng mắc, quý vị nói xem, có tự tại lắm hay không? “*Thỉnh chuyển pháp luân*”, chẳng cần thỉnh ai khác, hãy thỉnh chính mình. Thỉnh người khác, người ta không đáp ứng, quý vị sẽ sanh phiền não. Hãy thỉnh chính mình. “*Thỉnh Phật trụ thế*” cũng là thỉnh chính mình, chánh pháp tồn tại lâu dài!

Điều cuối cùng quan trọng lắm, “*hằng thuận chúng sanh*”. Chúng sanh tạo ác, tạo tội cũng phải tùy thuận. Họ đọa tam đồ, đọa địa ngục, vẫn phải tùy thuận, rất nhẫn nại chờ đợi cơ duyên chín muồi. Cơ duyên chẳng chín muồi, sẽ chẳng độ được! Quý vị nói gì với họ, họ đều không tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận. Họ tạo nghiệp chịu báo, chịu hết khổ nạn rồi mới có thể quay đầu, mới có thể giác ngộ. Khi ấy, quý vị giúp họ vẫn không trễ! Những đạo lý và sự tướng như vậy trong kinh

luận Đại Tiêu Thừa đã nói quá u là nhiều, chúng ta muốn học, học chẳng xong! Chỉ cần quý vị nắm được cương lĩnh, sẽ có thể khế nhập. Đây gọi là “*biết học*”.

Vì thế, các vị tổ sư đại đức thường trắc nghiệm học trò, hỏi họ: “*Hội ma?*” (會麼, hiểu chăng?) Câu này có ý nghĩa rất sâu! Người biết học, từ kinh luận chúng ta thường thấy [từ ngữ] “*thiện học*” (善學, khéo học). “*Thiện học*” chính là “*hội ma*” như các tổ sư đã nói. “*Hội*” (會) là có thể khế nhập; chẳng hiểu, khó lắm! Hiểu, sẽ dễ dạy, nắm được cương lĩnh. Thấy thấu suốt là hiểu rõ ràng, minh bạch, chẳng hồ đồ tí nào, trí huệ đầy! Buông xuống là trì giới, là đặc Định. Trì giới, hằng thuận chúng sanh; đặc Định, thanh tịnh chẳng nhiễm. Đây là Phật pháp, đây là tự tánh! Phật pháp chẳng phải là thứ gì khác, Phật pháp là chân tâm của chính mình, là bản tánh của chính mình. Đối với chân tâm bản tánh của chính mình, Huệ Năng đại sư đã nói hay lắm: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi bặm*”. Chúng tôi thường nói điều này, vì ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, thấy đều chẳng có, [tức là] trong chân tâm tự tánh của chính mình chẳng có [những thứ ấy]. Những thứ ấy là gì vậy? Tồn tại trong vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Vì thế, đó chẳng phải là tự tánh, chẳng phải là chân tâm, mà là tập tánh. Tập tánh chẳng thật. Có thể đoạn trừ tập tánh, có thể buông xuống. Trong chân tánh chẳng có [những thứ ấy]. Chỉ cần quý vị buông xuống hư vọng, vô lượng trí huệ và vô lượng đức năng trong tự tánh sẽ thật sự hiện tiền. Vì thế, cổ nhân có một câu nói: “*Chỉ cần buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng cần cầu Chân. Chân sẽ tự nhiên hiện tiền!*” Cách nói ấy hay tuyệt! “*Chỉ trừ vọng tưởng, chẳng cần tìm Chân*”. Nếu quý vị cầu chân, chân sẽ biến thành vọng. Quý vị chẳng cầu, nó tự nhiên hiện tiền. A! Phần sau còn có một đoạn nhỏ nữa, hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 1550

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiểu đoạn thứ ba trong đoạn lớn thứ sáu của phần kệ tụng, xem từ bài kệ thứ mười một:

(Kinh) Kiến báo ân nhân, đương nguyện chúng sanh, u Phật, Bồ Tát, năng tri ân đức.

(經)見報恩人。當願眾生。於佛菩薩。能知恩德。

(Kinh: Thấy người báo ân, nguyện cho chúng sanh, hay biết ân đức của Phật, Bồ Tát).

Trong đoạn này, Thanh Lương đại sư đã nói mười điều. Nói thật ra, ân cha mẹ, ân Phật, Bồ Tát, ân thầy, ân chúng sanh, nói chẳng tận! Trong kinh chỉ nêu mấy thí dụ mà thôi! Mười điều ấy chúng ta đã đọc qua, phía sau điều cuối cùng hãy còn có mấy câu chúng ta cũng phải đọc, chẳng thể sơ sót! Thanh Lương đại sư viện dẫn kinh điển bảo:

(Sao) Hưu vân, lưu bạch hào chi phước dĩ phú đệ tử. Ngôn lưu giáo giả, tức Tam Tạng, Bát Tạng, quảng ích chúng sanh, y chi tu hành, giai đắc thành Phật.

(鈔) 又云留白毫之福以覆弟子。言留教者，即三藏八藏，廣益眾生，依之修行，皆得成佛。

(Sao: Lại nói: “Lưu lại phước [do tu tập tướng] bạch hào để tạo phước cho các đệ tử”. Nói đến chuyện “lưu lại giáo pháp” thì Tam Tạng hoặc Bát Tạng lợi ích chúng sanh rộng rãi, nương theo đó tu hành, sẽ đều được thành Phật.

Đây là điều thứ mười, tức là đoạn cuối cùng nói về ân “*bi niệm vô tận*”. Trong kinh, đức Phật cũng nói về chuyện này, nhưng gần như không có ai nhắc tới. Khi chúng tôi xuất gia thọ giới, vị Giới hòa thượng là lão pháp sư Đạo Nguyên, pháp sư Bạch Thánh khai đường, chúng tôi nhớ các Ngài đã nói với chúng tôi [về chuyện này].

Thuở đức Thế Tôn trụ thế, tuổi thọ trong cõi đời đáng lẽ là một trăm tuổi, lão nhân gia tám mươi tuổi đã khuất bóng, cho nên còn phước báo của hai mươi năm lưu lại cho chúng sanh thời Mạt Pháp. Cũng có nghĩa là sau khi đức Phật diệt độ, pháp vận của lão nhân gia là một vạn hai ngàn năm. Trong một vạn hai ngàn năm ấy, hàng đệ tử xuất gia, tức xuất gia tứ chúng, [nghĩa là] tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, hai mươi năm phước báo của đức Phật đủ cho họ dùng. Lại nói đến bạch hào của đức Phật. Tướng bạch hào là một trong ba mươi hai tướng của đức Phật, tức là giữa hai đầu chân mày có hai sợi bạch hào (白毫, lông màu trắng trong suốt). Bạch hào cuộn tròn lại giống như một viên châu. Nó chẳng phải là một hạt châu, mà là hai sợi bạch hào [cuộn tròn lại]. Đây là Phật tướng. Đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, bạch hào thường tỏa ra quang minh, [kinh thường ghi là] “*bạch hào phóng quang*”. Phước của tướng bạch hào cũng gia trì các đệ tử trong đời sau, tức là hàng tại gia và xuất gia thấy đều có phần. Đây là bi niệm vô tận của chư Phật Như Lai. Nhưng quý vị phải nghiêm túc học, phải khéo học, chớ nên cô phụ đức Phật đã ban phước, nhất định phải nghiêm túc y giáo phụng hành, phải làm một đệ tử tốt đẹp của đức Phật, chớ nên phá hoại hình tượng của Phật pháp. Tội phá hoại hình tượng Phật pháp có cùng cấp bậc với phá hòa hợp Tăng, chẳng khác gì cả!

Quả báo đều là trong địa ngục. Chớ nên không biết điều này, chớ nên không cẩn thận.

Tuy trong kinh Đại Tập đức Phật đã nói, hôm trước, chúng ta đã đọc điều này, “*giả sử hủy cấm giới, tất trụ bất thoái địa*” (giả sử hủy phạm giới cấm, tất trụ nơi địa vị Bất Thoái). Tôi đã nói rất rõ ràng về hai câu này: Lời Phật dạy là thật, chẳng giả, nhưng chẳng phải là [nói về] hiện tiền. Hiện tiền trì giới tu hành, niệm Phật cầu vãng sanh, hai câu ấy sẽ trở thành sự thật. Cớ sao biết hủy phạm giới vẫn là “*tất trụ nơi địa vị Bất Thoái*”? Chẳng trì giới mà vẫn có thành tựu ư? Tấm gương của pháp sư Oánh Kha đời Tống là một chứng minh tốt nhất. Trái các đời, những kẻ phá giới phạm trai như pháp sư Oánh Kha cuối cùng đều có thể sám hối vãng sanh rất nhiều. Phải hiểu điều này, chớ nên hàm hồ, đọc lơ mơ lướt qua! [Đề rồi] cứ tưởng chúng ta xuất gia, phá giới, phạm trai chẳng sao hết, đức Phật nói “*vẫn trụ nơi địa vị Bất Thoái*” mà! Đến cuối cùng, quý vị đọa địa ngục, chê trách đức Phật nói chẳng giữ lời! Quý vị lại báng Phật, báng Pháp, đọa vào địa ngục A Tỳ.

Câu chuyện về pháp sư Oánh Kha được chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, trong Cao Tăng Truyện cũng có, Vãng Sanh Truyện cũng có, An Sĩ Toàn Thư cũng có trích lục. Đây là một vị xuất gia, nghiệp chướng rất nặng, chẳng có cách nào trì giới, cho nên phá giới. Chính Sư biết người xuất gia phá giới trong tương lai nhất định đọa tam đồ, nghĩ tới chuyện này, cảm thấy rất kinh sợ, bèn hỏi đồng tham đạo hữu có phương pháp gì để có thể cứu Sư. Các đạo hữu cũng rất từ bi, đưa cho Sư xem một quyển Vãng Sanh Truyện. Xem xong, Sư hết sức cảm động, đau đớn khóc lóc, tuôn lệ, do vậy bèn phát khởi đại nguyện, đóng chặt cửa liêu phòng niệm Phật. Niệm suốt ba ngày ba đêm, chẳng ngủ nghỉ, chẳng ăn uống, chân thành đến mức cùng cực, nghiêm nhiên niệm cảm A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật bảo Sư: “Ông còn mười năm tuổi thọ, thọ mạng hãy còn mười năm. Đợi đến khi ông lâm chung, ta lại đến tiếp dẫn ông. Ông hãy khéo niệm Phật”. Pháp sư Oánh Kha thưa: “Không được đâu! Con tập khí rất nặng, nghiệp chướng rất sâu, chẳng chóng nổi dụ dỗ, mê hoặc. Hễ hoàn cảnh nhân sự dụ dỗ, mê hoặc, trong mười năm ấy, con chẳng biết sẽ lại phạm bao nhiêu tội lỗi, chính mình chẳng có cách nào không chế. Con chẳng cần mười năm thọ mạng, nay con theo lão nhân gia ra đi”. A Di Đà Phật mỉm cười đáp ứng, Ngài bảo: “Như vậy cũng được, ba ngày sau ta lại đến tiếp dẫn ông”.

Oánh Kha cũng rất cao hứng, mở cửa phòng bảo các đồng tham đạo hữu trong tự viện: “Tôi niệm Phật ba ngày ba đêm, A Di Đà Phật đến ước hẹn ba ngày sau sẽ đến tiếp dẫn tôi”. Trong tự miếu chẳng có một ai tin tưởng: “Người là hạng người như vậy mà có thể vãng sanh ư?” Nhưng nghe ra giọng điệu và thái độ của Sư chẳng giống gạt người,

dường như là thật sự có chuyện ấy. Cũng may thời gian ba ngày rất ngắn, mọi người chờ xem. Tới ngày thứ ba, thời gian Sư ước định với đức Phật đã đến, mọi người đều đến xem. Sư xin mọi người niệm Phật tiễn Sư vãng sanh. Đương nhiên là mọi người hoan hỷ: “Người chẳng sanh bệnh, khỏe mạnh, coi người ra đi bằng cách nào?” Niệm gần được một khắc, pháp sư Oánh Kha nói: “A Di Đà Phật đến rồi, tôi thấy Ngài tới rồi, nay tôi theo Ngài ra đi”. Cáo từ đại chúng, Sư liền ra đi. Đây chính là gì? Giả sử hủy phạm giới cấm, ắt trụ địa vị Bất Thoái. Quý vị thấy đó, vãng sanh thế giới Cực Lạc, đâu là hạ hạ phẩm vãng sanh, vẫn là viên chúng ba món Bất Thoái, thật đấy! Há có giả ư? Vấn đề là quý vị phải thật sự sám hối cầu vãng sanh, sẽ có thể trụ nơi địa vị Bất Thoái. Vì thế, ngài Oánh Kha đã nêu một tấm gương rất hay. Do vậy, đối với những vị xuất gia mà phá giới, phạm trai, chúng ta nhất định chớ nên khinh mạn. Nói không chừng, người ấy một phen tỉnh giấc, sợ đọa địa ngục, sẽ dũng mãnh, tinh tấn vượt trội chúng ta học Phật vài chục năm, chúng ta đều chẳng sánh bằng họ.

Kẻ tại gia không học Phật, như vua A Xà Thế đã được nói tới trong kinh Quán Vô Lượng Thọ. Nhà vua tạo tội Ngũ Nghịch, giết cha, hại mẹ, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, chuyện xấu gì cũng đều làm hết. Lâm chung hối hận, khi lâm chung giác ngộ đời này đã làm chuyện sai lầm to lớn, tự biết ắt đọa trong tam đồ, cho nên mới quay đầu, thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nhà vua thật sự vãng sanh. Trong cách nhìn thông thường của chúng ta, Quán Kinh nói hạ hạ phẩm vãng sanh toàn là kẻ tội nghiệp rất nặng niệm Phật vãng sanh. Vua A Xà Thế tạo nghiệp nặng nề đường ấy, chúng ta nghĩ nhất định là hạ hạ phẩm vãng sanh, chẳng ngờ trong kinh A Xà Thế Vương, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy “*vua A Xà Thế vãng sanh là thượng phẩm trung sanh*”. Đọc xong, chúng tôi hết sức cảm động, đây là nhất niệm chân tâm sám hối. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “*Lãng tử hồi đầu kim bất hoán*” (Lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi được). Nhà vua thật sự quay đầu, quay đầu thì là thiện nhân! Chúng ta chẳng thể tưởng tượng điều này!

Vì thế, vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ bao gồm hai phương thức. Một là chúng ta bình thường niệm Phật, tích lũy công đức. Loại kia là tạo ác lắm nổi, lâm chung sám hối, tùy thuộc công phu sám hối của người ấy, [tùy thuộc] lòng chân thành của người ấy. Nếu là mười phần chân thành, giống như vua A Xà Thế là thượng phẩm trung sanh, tuyệt diệu thay! Tâm chân thành kém hơn một bậc, lại kém hơn một bậc, vẫn có thể vãng sanh, trung thượng phẩm vãng sanh, hoặc hạ phẩm thượng sanh, thấy đều có thể, đều trụ địa vị Bất Thoái. Chúng ta phải biết điều này. Nếu chẳng dũng mãnh thống thiết sám hối, quả báo của tội nghiệp sẽ là trong tam đồ. Thọ xong, thọ hết quả báo trong tam đồ,

quý vị mới lìa khỏi tam đồ. Sau đây, chắc chắn có duyên phận gặp gỡ Phật pháp, nhưng chẳng biết duyên phận ấy sẽ [xảy ra] vào lúc nào. Có khi mau chóng thì là đời kế, hoặc đời sau sẽ gặp gỡ. Có khi chậm chạp, mười mấy đời, một, hai trăm đời, thậm chí còn có trường hợp trải qua bao nhiêu đại kiếp. Thời gian sớm hay muộn là vận mạng của mỗi người, mà cũng là do tập khí nghiệp chướng của mỗi người!

Do vậy có thể biết, huân tập Phật pháp có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Thời gian huân tập Phật pháp dài, quý vị sẽ rút ngắn thời gian, dễ dàng cảnh giác, dễ dàng quay đầu. Nếu thời gian huân tập Phật pháp ít, tập khí thế tục rất nặng, tập khí tham, sân, si, mạn rất nặng, quý vị sẽ quay đầu trễ tràng. Vì sao? Dẫn gặp gỡ pháp, gặp gỡ thiện tri thức hướng dẫn, quý vị chẳng chịu tiếp nhận, chẳng nghe theo. Vì thế, quý vị rất khó quay đầu. Chỉ cần quay đầu, chẳng có ai không thành tựu! Vì thế, người trong thế gian nhất định phải biết thân cận thiện tri thức, sợ nhất là suốt ngày ở chung với ác tri thức, phiền phức sẽ to lớn! Chớ nên không biết điều này!

Tiếp đó, [ngài Thanh Lương nói] “*lưu giáo*” (để lại giáo pháp), “*giáo*” (教) là kinh điển. Đây là đại sự bậc nhất của bi niệm vô tận. Nếu kinh giáo của Phật, Bồ Tát chẳng truyền lại, bi niệm vô tận cũng giống như một lời nói suông. Vì sao? Chẳng có cách nào lợi ích chúng sanh. Khi chư Phật, Bồ Tát tại thế, giảng kinh, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, mọi người được lợi ích. Phật, Bồ Tát chẳng tại thế, dùng gì để giáo hóa chúng sanh? Kinh giáo. Kinh giáo ở đây là Tam Tạng, hoặc Bát Tạng. Tam Tạng thì chư vị biết. Kinh, Luật, Luận Tam Tạng, Đại Tạng Kinh là Tam Tạng kinh điển. Bát Tạng là gì? Bát Tạng vẫn là Tam Tạng. Vì sao gọi là Bát Tạng? Quý vị thấy Kinh, Luật, Luận, lại thêm Chú, [thành bốn phần là] Giới, Định, Huệ, Chú. Giới là Luật Tạng, Định là Kinh Tạng, Huệ là Luận Tạng, cộng thêm Chú. Đây là nội dung của Tam Tạng, tức là Giới, Định, Huệ, Chú. Đây là bốn loại lớn để đức Phật giáo hóa chúng sanh. Đại Thừa bao gồm Giới, Định, Huệ, Chú thành bốn tạng. Tiểu Thừa cũng có Giới, Định, Huệ, Chú, [tạo thành bốn tạng]. Vì thế, gọi gộp chung là Bát Tạng. Bát Tạng là nói chi tiết, còn Tam Tạng là nói đại khái. Do vậy, nội dung của Tam Tạng và Bát Tạng chẳng sai biệt, chúng ta phải hiểu điều này.

Đức Phật lưu lại [kinh điển] nhiều ngàn ấy, gọi là Pháp Bảo. Trân bảo thế gian có thể cứu giúp chúng ta thoát khỏi cảnh bần cùng. Nếu quý vị có của báu, sẽ giàu có, có thể tránh khỏi nỗi khổ bần cùng. Nhưng sanh tử luân hồi là nỗi khổ to lớn, dùng phương pháp gì để có thể tránh khỏi? Giáo huấn của Phật, Bồ Tát có thể giúp chúng ta giải quyết nỗi khổ sanh tử luân hồi to lớn ấy. Quý vị nói đó có phải là của báu hay chẳng? Còn quý báu hơn tất cả hết thấy trân bảo trong thế gian! Tam Tạng hoặc Bát Tạng đều nhiều, quý vị chỉ cần thọ trì một thứ sẽ

có thể đắc độ, công đức chẳng thể nghĩ bàn.

Nhưng bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, quý vị thấy nguyên tắc chỉ đạo tu học cao nhất của Tịnh Tông là Tịnh Nghiệp Tam Phước. Tổng cộng là ba điều, điều thứ nhất là phước nhân thiên, chẳng phải là Phật pháp, mà là pháp thế gian. Đối với phước nhân thiên, đức Phật dạy chúng ta “*hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”. Vì thế, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là phước nhân thiên. Phước nhân thiên là cơ sở của Phật pháp. Do đó, trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật đã nói từ nhân thiên, sau đây lại nói đến Thanh Văn Bồ Đề, Độc Giác Bồ Đề, Vô Thượng Bồ Đề, đều là dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo làm căn bản, làm cơ sở. Do vậy có thể biết, nếu chúng ta học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, quý vị tu Đại Thừa cũng thế, mà tu Tiểu Thừa cũng thế, Tông Môn cũng vậy, Giáo Hạ cũng vậy, Hiền Giáo cũng vậy, Mật Giáo cũng vậy, tu từ nơi đâu? Tu từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chẳng có mười thiện nghiệp, sẽ chẳng có Phật pháp; nhưng vì sao hiện thời chúng ta vẫn chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo? Đây là do chúng ta đã sơ sót nên giáo dục luân lý đạo đức từ bé. Vì thế, tuy hiện thời nói đến Thập Thiện, chẳng làm được! Phải như thế nào thì mới có thể làm được? Chớ nên không học bổ sung, chúng ta tìm căn bản của căn bản. Căn bản của căn bản là “*hiếu thân, tôn sư*”, [tức là] hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo. Học điều này từ chỗ nào? Học từ Nho gia và Đạo gia.

Trung Hoa từ xưa tới nay, mấy ngàn năm qua đã tiếp nhận sự giáo dục của ba nhà Nho, Thích, Đạo, đó là ba hệ thống giáo dục. Trọng điểm trong giáo học của Nho gia là luân lý, đạo đức. Trọng điểm của giáo dục Đạo gia là nhân quả cảm ứng. Trọng điểm của giáo học nhà Phật là trí huệ, nói thông thường thì là giáo dục tôn giáo. Nay chúng ta nói đến giáo dục tôn giáo sợ mọi người nảy sanh hiểu lầm. Người ta dễ nghe nhắc đến [giáo dục tôn giáo] bèn bảo là mê tín, chúng ta nói là “*giáo dục trí huệ*”, mọi người sẽ chẳng hiểu là mê tín. Trọng điểm giáo dục của đức Phật là trí huệ, trí huệ mới có thể giải quyết hết thảy vấn đề, chẳng có trí huệ sẽ không được. Nói cụ thể hơn một tí, giáo dục Giới, Định, Huệ rất hoàn chỉnh, nếu đại chúng bình phàm hỏi tới, quý vị có thể đáp được!

Phật giáo đã là Định Huệ, giáo dục trí huệ, ắt phải tìm luân lý, đạo đức làm căn cội. Vì thế, chúng ta nói đến căn cội của tam giáo, tức là căn cội của tam giáo Nho, Thích, Đạo, quý vị chớ nên không biết. Căn cội của Nho gia là Đệ Tử Quy, căn cội của Đạo giáo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn. Đây là căn cội của Đạo gia. Căn cội của Phật gia là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu chúng ta thật sự mong thành tựu trong một đời này, trước hết, hãy vun đắp căn cơ. Nếu quý vị chẳng có ba căn cơ ấy, quý vị học thế nào

đi nữa, đều chẳng thành công, chớ nên không biết điều này! Vì thế, tôi đề nghị trước hết học Đệ Tử Quy, sau đấy học Cảm Ứng Thiên, rồi học Thập Thiện Nghiệp, sẽ chẳng có một tí vấn đề nào. Khẳng định là quý vị có thể thực hiện, có thể làm được, quý vị có căn cội mà! Sau đấy, bất luận tu học bộ kinh luận nào, pháp môn nào, cũng đều có thành tựu. Chúng ta là người tu học trong hiện thời, chớ nên sơ sót điều này, đừng nên ham cao chuộng xa, chớ nên nhảy cấp, nhất định phải là theo thứ tự trước sau thì mới có thể thành tựu.

Phàm là người mong mỗi thật sự có thành tựu trong một đời này, quý vị chớ nên sơ sót. Quý vị học từ Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên là tốt nhất. Vì sao? Rất hữu ích cho việc học Phật của quý vị. Cảm Ứng Thiên thuộc về giáo dục nhân quả. Vì vậy, chúng tôi thường nhắc tới bốn loại giáo dục, luân lý, đạo đức, nhân quả, tôn giáo, nay chúng tôi đổi tôn giáo thành trí huệ, mọi người dễ hiểu. Bốn loại giáo dục ấy là một Thể. Do quý vị có giáo dục nhân quả, chắc chắn sẽ giúp quý vị khai trí huệ, quý vị sẽ sống đời này hết sức hạnh phúc mỹ mãn. Vì quý vị có trí huệ, quý vị có thể chọn lựa cho đời sau, có thể chọn lựa thiên đường, có thể chọn lựa thế giới Cực Lạc, hoặc Tịnh Độ của chư Phật, Bồ Tát, chính quý vị có thể chọn lựa. Sau đấy mới thật sự giúp quý vị giải quyết vấn đề.

Bởi lẽ, kinh điển, sau khi Phật, Bồ Tát diệt độ, trong Tam Bảo, quan trọng nhất là Pháp Bảo. Thuở đức Phật tại thế, bậc nhất là Phật Bảo, thứ hai là Pháp Bảo. Khi đức Phật chẳng tại thế, thứ nhất là Pháp Bảo, thứ hai là Tăng Bảo, thứ ba mới là Phật Bảo. Vì sao? Đức Phật chẳng tại thế, chúng ta đối với Phật Bảo chỉ là cung kính, chỉ là lễ bái, nhưng Phật Bảo chẳng thể dạy dỗ chúng ta. Ai dạy chúng ta? Tăng Bảo dạy chúng ta. Chúng ta tìm một vị thiện tri thức tốt hoặc một vị thầy tốt nhất. Thiện tri thức tốt đẹp hoặc vị thầy tốt lành cũng chẳng nhất định là người xuất gia. Trong hàng tại gia cũng có. Họ trì giới, tu Định, hiểu kinh, họ cũng diễn giáo, “*diễn*” (演) là biểu diễn, giảng kinh, thuyết pháp, tự hành, hóa độ người khác, trong các vị cư sĩ, cũng có không ít vị. Thời đầu Dân Quốc, chúng ta biết những vị đại cư sĩ có thành tựu trong Phật môn còn nhiều hơn người xuất gia, rất nhiều vị thật sự có thành tựu. Đây là “*quảng ích chúng sanh*”, lợi ích chúng sanh [rộng khắp].

Người đời sau nương vào đó tu hành, đều được thành Phật. Chỉ cần quý vị nương vào kinh điển Tam Tạng. Tại Trung Hoa có mười tông phái, ở Nhật Bản có mười ba tông phái, bất luận tông phái nào, chắc chắn nương theo kinh luận do Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy. Hoặc là lấy một thứ, hoặc là lấy vài thứ. Tổ sư mỗi tông phái chế định khóa trình khác nhau, nhưng thầy đều có thể thành tựu. Có vị nương theo một bộ kinh, có người suốt đời nương theo kinh A Di Đà, thật sự

vãng sanh. Có người suốt đời tham Thiên, nương theo kinh Kim Cang, thật sự khai ngộ. Nương theo kinh Pháp Hoa, nương theo kinh Lăng Nghiêm, một bộ kinh, suốt đời hạ thủ công phu nơi một bộ kinh.

Trong thời cận đại, lão pháp sư Viên Anh và lão pháp sư Hải Nhân đều chuyên tu kinh Lăng Nghiêm. Thuở sinh tiền, pháp sư Viên Anh có Viên Minh Giảng Đường, là học viện chuyên đề xướng kinh Lăng Nghiêm, đây là [thâm nhập] một bộ kinh. Năm 1977, lần đầu tiên tôi sang Hương Cảng giảng kinh Lăng Nghiêm, giảng suốt bốn tháng. Lão hòa thượng Hải Nhân trụ tại Đại Dự Sơn, tôi có đến thăm Ngài. Khi đó, Ngài đã chín mươi mấy tuổi, năm sau Ngài vãng sanh. Vì thế, tôi đã được gặp mặt Ngài một lần. Khi ấy, tại Hương Cảng, Ngài cũng được tôn là Thủ Lăng Nghiêm Vương, suốt đời chuyên tu, chuyên hoằng kinh Lăng Nghiêm. Học trò của Sư cũng chẳng đông. Nghe nói chỉ có sáu vị, cả sáu người đều rất lỗi lạc. Vì Ngài đòi hỏi phải thuộc lòng kinh Lăng Nghiêm. Không chỉ thuộc kinh mà còn phải thuộc chú giải. Chẳng thể thuộc, Ngài chẳng tiếp nhận. Do vậy, học trò của Ngài chỉ có sáu người. Vì vậy nói bất luận pháp môn nào, bất luận bộ kinh luận nào, hễ nghiêm túc y giáo phụng hành, chẳng có ai không thành tựu.

Đây là nói về tầm quan trọng của kinh điển. Hễ liả khỏi kinh điển, sẽ chẳng có Phật pháp, phải biết điều này! Chẳng có Phật pháp, tức là có những trang thiết bị vật chất, như những tháp miếu của Phật, những thứ di tích ấy vẫn còn, [nhưng không có thực chất]. Trong phần sau có nói:

(Sao) Hình tượng, tháp miếu, nãi chí xá-lợi, nhất hưng cúng dường, thiên phần sanh thiên đặng, cố tự đành chí túc hạ, kết thành ân trọng.

(鈔)形像塔廟，乃至舍利，一興供養，千返生天等，故自頂至足下，結成恩重。

(Sao: Đối với hình tượng, tháp, miếu, cho đến xá-lợi, hễ dấy lên sự cúng dường, sẽ [được phước đức như] ngàn lần sanh trong cõi trời v.v... Vì thế, từ đỉnh đầu cho đến dưới chân [đức Phật] đều kết thành ân trọng).

“Hình tượng” là hình tượng của Phật, Bồ Tát. Bất luận là tượng bằng đất nặn, điêu khắc bằng gỗ, hoặc là những hình tượng do kim loại đúc thành, tuy chẳng thể khiến cho quý vị đều được thành Phật, chúng chẳng làm được điều này, nhưng đã cho quý vị [cơ hội] tu phước. Quý vị có thể lễ kính, có thể lễ bái, sẽ dẫn phát thiện căn của quý vị, công đức ấy rất to. “Tháp” (塔) để thờ xá-lợi của đức Phật. Quá nửa là đề

cúng dường xá-lợi. “Miếu” (廟) là tự miếu, nơi thờ phụng hình tượng Phật, Bồ Tát. Ở chỗ này, chư vị phải biết, nơi đây đã biến thành miếu, chẳng phải là Tự, chẳng phải là tự, viện, am, đường. Trong tự, viện, am, đường, có Tam Tạng, Bát Tạng, có giảng kinh, giáo học. Nếu tự, viện, am, đường hiện thời chẳng có ai giảng kinh, chẳng có ai giáo học, thậm chí kinh điển cũng chẳng có, chỉ có những hình tượng, giống như hiện thời nói là “*kinh sám Phật sự*”, thì là Miếu! Trên thực chất, nó là Miếu; trên chiêu bài, vẫn dùng chữ Tự, nhưng Tự đã biến thành Miếu. Do vậy, Tự và Miếu khác nhau, chúng ta phải biết điều này! Điều này có nghĩa là trong thời kỳ Mật Pháp, trong thời kỳ Phật pháp suy vi, tháp miếu, tượng Phật lộ lộ, nhưng chẳng có ai học kinh giáo.

Hiện thời, chúng ta thấy vấn đề này đúng là ngày càng nghiêm trọng! Người thật sự tu hành trì giới, tụng kinh ngày càng ít, mà kẻ lay Phật, tu sám, cầu phước ngày càng nhiều! Toàn là cầu phước, chẳng chú trọng Giới, Định, Huệ, [chỉ lo] cầu cảm ứng, cầu Phật, Bồ Tát phù hộ thăng quan phát tài, làm những chuyện ấy, có thể cầu được hay chẳng? Trong Phật pháp có nói: “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Quý vị phải hiểu lý luận, phải hiểu phương pháp, đúng lý đúng pháp mà cầu, chẳng có gì không cảm ứng. Lý và pháp ở chỗ nào? Lý và pháp ở trong Tam Tạng, trong Bát Tạng. Do vậy có thể biết, nếu lìa kinh giáo, cầu phước nơi tháp miếu, sẽ rất hữu hạn, chỉ có thể nói là “giao một chút thiện căn”. Thật ra, những gì quý vị cầu được vẫn là do trong mạng của quý vị có! Đối với chuyện này, hy vọng quý vị hãy đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn thì sẽ hiểu rõ. Quý vị hãy xem phần thiên sư Vân Cốc khai thị cho Viên Liễu Phàm, đoạn văn ấy hay lắm! Phải đọc cho nhiều, suy nghĩ cho nhiều, chúng ta sẽ biết cầu phước, cầu phú quý, cầu con cái, cầu thăng quan, cầu tiêu tai diên thọ (tiêu trừ tai nạn, kéo dài tuổi thọ) như thế nào, chẳng có thứ gì không cầu được! Khai thị của thiên sư Trung Phong dành cho những kẻ đọc sách hay khéo tột bậc!

“*Nãi chí xá-lợi*” (Cho đến xá-lợi): Xá-lợi (Śāli) được thờ phụng trong tháp. Xá-lợi của Phật, xá-lợi của Bồ Tát, xá-lợi của La Hán, xá-lợi của tổ sư đại đức. Thấy xá-lợi giống như thấy người, chúng ta có thể nghĩ đến hành trạng của Phật, Bồ Tát, thiện tri thức, sẽ có thể sanh khởi thiện căn. Vì thế, hễ cúng dường, sẽ đạt được phước báo là “*thiên phần sanh thiên*” (sanh trong cõi trời một ngàn lần), tức một ngàn lần qua lại trong cõi trời hoặc nhân gian, chẳng đọa vào ác đạo. Phước báo ấy to cỡ nào! Vì thế, người tu phước đông đảo, họ chẳng thành Phật. Tiếp đó là nói “*có tự đánh chí túc hạ*” (vì thế từ đỉnh đầu cho đến dưới chân) là nói về toàn thân đức Phật, từ đỉnh đầu cho đến lòng bàn chân hóa thành xá-lợi. Nói theo phía chúng sanh, sẽ đều là vô tận từ bi, vô tận ân huệ, kết thành ân trọng.

Đức Phật đối với chúng sanh có ân đức nhiều dường ấy, ân đức

to ngàn ấy, nay chúng ta đọc phần kinh văn này, hãy báo ân! Chẳng biết ân, sẽ không biết báo ân; biết ân thì mới có thể phát nguyện báo ân, mới phát ra cái tâm ấy. Báo đáp bằng cách nào? Trong đoạn kinh văn này, phần trước có một bài kệ, trong lời Sớ có một bài kệ, chúng tôi cũng đã đọc trong phần trước. Bài kệ ấy được nói trong kinh: “*Giả sử đeo, đội trái trần kiếp, thân vi sàng tòa biến tam thiên, nhược bất truyền pháp lợi chúng sanh, tất cánh vô năng báo ân giả* (Giả sử đeo, đội trái trần kiếp, thân làm giường tòa khắp đại thiên, nếu chẳng truyền pháp lợi chúng sanh, rốt cuộc chẳng thể báo ân được).

Phần sau lại có một bài kệ, thuộc phần Sao, ý nghĩa đại khái tương đồng:

(Sao) Duy hữu truyền trì chánh pháp tạng, tuyên dương giáo lý thí quần sanh, tu tập nhất niệm khế Chân Như, tức thị chân báo Như Lai giả.

(鈔) 唯有傳持正法藏，宣揚教理施群生，修習一念契真如，即是真報如來者。

(Sao: Chỉ có truyền trì chánh pháp tạng, tuyên dương giáo lý thí muôn loài, tu tập một niệm hợp Chân Như, chính là thật sự báo ân Như Lai).

So với bài kệ trước, bài kệ này càng dễ hiểu hơn. Bài kệ trước có ý nghĩa rất sâu, bài này chúng ta vừa đọc liền hiểu rõ!

Chúng ta phải báo ân như thế nào? Chỉ có “truyền trì”! Trì (持) là gì? Trì là làm được, là thọ trì. Chúng ta nhất định phải làm được. Đối với những gì đức Phật dạy chúng ta, chúng ta nghiêm túc học tập, ắt phải biến chúng thành cuộc sống, thành tư duy, thành tiêu chuẩn xử thế đối người của chúng ta, đó là Trì. Chính mình có thể trì thì chúng ta có thể truyền, mong mỗi chánh pháp đừng bị đoạn tuyệt, đời nào cũng đều có người truyền thừa. Từ chỗ thầy truyền tới, chúng ta đạt được; trong tương lai, chúng ta cũng phải truyền cho đời kế tiếp. “*Truyền trì chánh pháp tạng*”, quý vị nhất định phải có nguyện này. “*Tuyên dương giáo lý thí quần sanh*”. “*Tuyên dương*” (宣揚) là quý vị có cơ duyên dạy người khác, đem đạo lý, phương pháp, sự tu học và hiệu quả của Phật pháp làm cho người khác thấy, dạy dỗ người khác, đây là Pháp Bố Thí, bố thí hết thầy chúng sanh. Cơ duyên của mỗi cá nhân khác nhau, hễ tận tâm tận lực thì thấy đều viên mãn, công đức đều là chẳng thể nghĩ bàn.

Hai câu trước, ai nấy đều có thể làm được, câu thứ ba thì không phải ai cũng đều có thể làm được, nhưng người tu Tịnh Độ chiếm tiện nghi rất lớn, nghĩa là sao? Người tu Tịnh Độ nếu thật sự niệm Phật

vãng sanh, sẽ là một niệm khế nhập Chân Như. Trong các pháp môn khác, điều này chẳng dễ dàng. Pháp môn Tịnh Tông là pháp môn đặc biệt, thật thà niệm một câu Phật hiệu đến cùng, sẽ thật sự có thể vãng sanh. Hễ vãng sanh, sẽ khế nhập Chân Như, sẽ tương ứng. Đây là người thật sự báo ân Phật, thật sự báo đền ân Phật. Vì sao? Quý vị thành Phật, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng sẽ thành Phật viên mãn ngay trong một đời. Vì thế, vãng sanh là thành Phật, chuyện này tuyệt vời lắm thay! Bất luận chúng ta tu hành hoàng pháp lợi sanh như thế nào, nếu quý vị sơ sót chuyện vãng sanh, hai câu sau sẽ chẳng có! Nhưng để báo ân Phật, báo đáp chẳng viên mãn, báo đáp chẳng rốt ráo, nhất định phải niệm Phật vãng sanh, đây mới là người báo ân Phật viên mãn rốt ráo. Chúng ta học tập bài kệ này tới đây.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ kế tiếp là bài thứ mười hai:

(Kinh) Kiến bội ân nhân, đương nguyện chúng sanh, u hữu ác nhân, bất gia kỳ báo.

(經) 見背恩人。當願眾生。於有惡人。不加其報。

(Kinh: Thấy kẻ bội ơn, nguyện cho chúng sanh, đối với kẻ ác, chẳng báo thù họ).

Nguyện này là đại đức, cũng là đại hạnh của Bồ Tát, nhất là trong hiện thời, ít kẻ báo ân, mà kẻ bội ân, vong ân phụ nghĩa phổ biến, chỗ nào cũng đều có thể trông thấy. Không chỉ là tại Trung Hoa, mà gần như trên cả thế giới, có thể nói là “*thấy lợi quên nghĩa*”, chẳng biết ân nghĩa, cho nên họ chẳng biết báo ân là gì, ân đức là gì, họ không biết. Nếu thấy kẻ tri ân, báo ân, họ sẽ nói kẻ đó là “*đứa ngốc, đầu óc có vấn đề, chẳng biết tự lợi!*” Vì thế, trong thế gian hiện thời, làm chuyện tốt chẳng dễ dàng! Có những người làm thiện sự cũng đến kể với tôi, họ làm thiện sự bị chướng ngại quá ư là nhiều, đến hỏi tôi “*vì sao có lắm chướng ngại ngàn ấy?*” Từ xưa tới nay, chuyện tốt khó làm, người tốt càng khó làm!

Thời cổ, những bậc thánh hiền, những người lãnh đạo đất nước đều là thánh hiền. Thời đại trước kia thì gọi là hoàng đế, thiên tử, hoàng thượng thánh minh; những lời ấy có lý. Vì sao? Họ đọc rất nhiều sách, đã được hưởng sự giáo dục tốt nhất. “*Thánh minh*” (聖明) nếu nói đơn giản sẽ là người hiểu biết, là người có trí huệ thông hiểu, chẳng phải là phường hồ đồ. Người thông hiểu sẽ chẳng làm chuyện hồ đồ, sẽ không gây tổn thương cho người khác, chẳng thể nào thương thiên hại

lý, cho nên là thánh minh. Nhưng vào thời ấy, làm người tốt, làm chuyện tốt cũng rất khó khăn; thật ra, vẫn còn tốt hơn chúng ta trong hiện thời quá nhiều, dễ làm! Vì quý vị làm chuyện tốt, sẽ thật sự có người tán thán, có kẻ hộ trì. Hiện thời, trong thời đại này, quý vị mong làm chuyện tốt, chẳng có ai tán thán, chẳng có ai hộ trì, lại còn tìm nhiều cách gây khó dễ, chướng ngại quý vị, phá hoại quý vị nhiều lắm. Đây là nguyên nhân gì vậy? Thánh hiền thế gian và xuất thế gian dạy chúng ta, “*hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (có chuyện gì chẳng làm được, hãy quay lại xét mình). Chúng ta làm chẳng thuận lợi, chướng duyên rất nhiều, làm như thế nào? Hãy quay lại phản tỉnh, xét lại chính mình. Vì sao có lắm chướng ngại ngàn ấy? Nếu quý vị thật sự tìm ra nguyên nhân đạo lý, cái tâm quý vị sẽ bình, tâm an lý đắc, đã thông suốt đạo lý, sau đây sẽ là tâm bình khí hòa. Có cần phải làm chuyện tốt hay không? Phải làm! Thật sự là chướng ngại quá nhiều, nhưng bất đắc dĩ, làm không được là vì chúng sanh chẳng có phước, chính mình có lỗi lầm hay chẳng? Chính mình chẳng có lỗi lầm, vì sao? Chính mình đã tận tâm, tận lực, há có lỗi lầm! Lỗi lầm ở chỗ chúng sanh thiếu phước!

Cớ sao chúng sanh chẳng có phước? Phải biết điều này, chúng sanh chẳng có cơ duyên tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền. Chúng ta không nói tới thánh hiền; đối với người hiện thời, ý nghĩa thánh hiền rất khó lãnh hội. Họ cũng chẳng biết thánh hiền là gì? Chúng tôi nói cách khác, người hiện thời chẳng được hưởng giáo dục luân lý, đạo đức, giáo dục nhân quả, nói như vậy họ sẽ dễ hiểu. Giáo dục luân lý là gì? Trung tâm của giáo dục luân lý nhằm nói rõ mối quan hệ giữa con người với nhau. Họ chẳng hiểu mối quan hệ giữa con người với nhau, chẳng thấu hiểu! Cha con, anh em là gì? Thân thích, bằng hữu là gì? Tôn ty, lớn bé là gì? Chẳng hiểu các mối quan hệ ấy. Vì sao không hiểu? Chẳng có ai dạy! Vài hôm trước, từ báo chí tôi thấy có bản tin đứa trẻ mười tuổi giết mẹ, may là mẹ nó chỉ bị thương, còn chưa chết! Vì nguyên nhân gì? Đứa nhỏ chơi game điện tử, mẹ nó không cho chơi, nó lấy dao phay giết mẹ. Đây là nguyên nhân gì? Chẳng được hưởng giáo dục luân lý, chẳng thể trách nó. Nói thật thà, nó chẳng có làm lỗi, [mà là] cha mẹ, sư trưởng của nó đã sơ sót trong việc giáo huấn.

Nhưng hiện thời, người Hoa gặp một nguy cơ nghiêm trọng nhất, nguy cơ ấy là gì? Nếu chẳng thể khôi phục sự dạy học về văn hóa truyền thống, coi như tiêu! Chuyện này rất đáng sợ! Chư vị nhất định phải hiểu, dầu chánh quyền bị mất chẳng sao cả, [coi như] không có gì cả! Dầu sao người Hoa có tâm lượng to lớn, ai làm hoàng đế cũng đều được, chỉ cần chúng ta giữ được văn hóa. Quý vị tới làm hoàng đế, có thể tôn trọng truyền thống văn hóa của chúng tôi, chúng tôi cũng có thể bao dung. Người Mông Cổ vào làm chủ Trung Hoa một trăm năm,

người Mãn Thanh vào làm chủ Trung Hoa hai trăm sáu mươi năm, xác thực là họ đã tôn trọng, chẳng hủy diệt văn hóa truyền thống của Trung Hoa; ngược lại, lại bị Trung Hoa đồng hóa, cùng người Hoa hợp thành một nhà. Đây là một thứ sức mạnh rất tuyệt vời của văn hóa Trung Hoa. Các vị học giả, chuyên gia phương Tây chẳng thể không tự đáy lòng tán thán điều này!

Nhưng trong một trăm năm gần đây nhất, do vì luôn có chiến tranh, loạn lạc. Sau khi nhà Mãn Thanh mất nước, bọn quân phiệt Trung Hoa cát cứ, xã hội hỗn loạn. Tuy là cục diện hỗn loạn, giáo học văn hóa truyền thống còn có thể tiếp tục. Nhưng năm Dân Quốc 26 (1937), Nhật Bản phát động chiến tranh đối với Trung Hoa. Tám năm Kháng Chiến đã khiến cho Trung Hoa rối loạn, xã hội nháo nhào, bị tổn thương hết sức nghiêm trọng. Cách giáo học truyền thống chẳng còn, hằng ngày lo tỵ nạn, tôi sanh nhằm thời đại ấy. Khi Kháng Chiến bùng nổ, tôi mười một tuổi. Khi Kháng Chiến kết thúc, tôi mười tám tuổi, quý vị thấy đó, toàn là đang trong độ tuổi cầu học. Tôi nhớ trong tám năm ấy, tôi ở chỗ nào, thời gian dài nhất chẳng quá mười tháng lại phải đi, ngắn nhất là một, hai tuần. Vì thế, trong tám năm, tôi đi qua mười tỉnh, hoàn toàn là đi bộ, chẳng có công cụ giao thông, nhọc nhằn như vậy đó! Những chỗ rất gần với tiền tuyến sẽ nghe được tiếng súng máy, tiếng đại bác càng chẳng cần phải nói nữa. Vì thế, toàn thể xã hội đại loạn. Mãi cho đến hiện tại, giáo học truyền thống hoàn toàn bị sơ sót, bỏ quên. Điều này hết sức đáng sợ.

Đề xướng chữ Giản Thể cố nhiên đem lại đôi chút thuận tiện, nhưng phải trả một cái giá quá lớn! Cái giá phải trả là gì? Chẳng có năng lực đọc cổ thư Trung Hoa. Văn tự Trung Hoa là phù hiệu trí huệ, sau khi đơn giản hóa [Hán tự], quý vị chẳng thấy được trí huệ và ý nghĩa trong những chữ ấy, phải trả một cái giá quá ư to lớn. Vì thế, tôi đã từng nghe nói, người Nhật đã từng nói, khi Trung Hoa thi hành chữ Giản Thể, họ liền cười nhạo: *“Năm mươi năm sau, người Hoa không nhận biết chữ Hán, phải thỉnh giáo người Nhật”*. Tôi nghe lời ấy rất cảm động. Lần đầu tiên tôi sang thăm Nhật Bản, đi cùng pháp sư Đạo An, thời gian lần đó cũng dài, ở Nhật Bản hơn hai mươi ngày, viếng thăm rất nhiều nơi, chẳng thể không bội phục người Nhật!

Mấy năm trước, tôi lại sang thăm Nhật Bản, thời gian cách nhau vừa đúng ba mươi năm, thấy văn hóa truyền thống của người Nhật bị suy thoái trên một mức độ lớn. Chúng tôi trông thấy rất khó chịu. Người Nhật Bản học theo phương Tây rất triệt để, đã bị Tây hóa, hiện thời chỉ còn giữ lại hình thức, chứ luân lý, đạo đức, nhân quả cũng đều chẳng tin tưởng. Ngược lại, người Đại Hàn dấy lên, Đại Hàn hết sức coi trọng, nghiêm túc học tập Nho, Thích, Đạo, vượt trội người Nhật rất nhiều. Vì thế, trước kia, Đại Hàn chẳng bằng Nhật Bản, hiện thời đã

vượt xa khá nhiều. Do đó, trong tương lai, đối với nền văn hóa truyền thống của Trung Hoa, đúng là người Hoa và người Nhật Bản đều phải sang Đại Hàn học tập. Người Đại Hàn kế thừa truyền thống Trung Hoa; đây là chuyện rất lỗi lạc, chúng ta chớ nên không gấp rút đuổi theo. Nếu chúng ta không quật khởi, chẳng nghiêm túc nỗ lực học tập, trong tương lai, chắc chắn người Đại Hàn là thầy của chúng ta, trừ phi chúng ta vứt bỏ truyền thống năm ngàn năm. Nếu muốn khôi phục truyền thống, chẳng thể không cầu người Đại Hàn dạy dỗ!

Vì thế, phải biết, trong xã hội, kẻ vong ân phụ nghĩa nhiều ngàn ấy, không biết ân cha mẹ, không biết ân thầy, mà cũng chẳng biết ân quốc gia, càng chẳng biết ân chúng sanh, càng chẳng biết ân Phật pháp. Chẳng có khái niệm, chẳng tiếp xúc, [lầm tưởng Phật pháp] là mê tín, lập tức bài xích. Giáo dục của ngoại quốc từ bé đã dạy gì? [Chạy theo] hiệu quả và lợi ích, dạy cạnh tranh. Trong khi giảng kinh, tôi thường luôn nhắc tới chuyện này, học cạnh tranh từ bé, khi lớn lên sẽ là đấu tranh, lại nâng cao hơn nữa là chiến tranh. Chiến tranh trong hiện thời là cùng nhau chết sạch, quý vị nói xem, có đáng sợ lắm hay không? Vì thế, ở đây, đức Phật dạy chúng ta, trông thấy những kẻ vong ân phụ nghĩa, bèn dẫn phát đại nguyện, nguyện hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, “*ư hữu ác nhân, bất gia kỳ báo*” (nếu có kẻ ác, chẳng trả thù họ), phải thương xót họ. Họ vô tri, chớ nên trách móc họ!

Vì thế, người theo đuổi công tác dạy học, trong quá khứ đều biết, quý vị đọc sách từ nhỏ, sách vỡ lòng là Tam Tự Kinh. Câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*”. Có ai là ác? Chẳng có kẻ ác! Sau đây vì sao biến thành ác? Học theo điều xấu, quý vị chẳng khéo dạy dỗ. Vì thế, câu thứ hai trong Tam Tự Kinh là “*tánh tương cận, tập tương viễn*” (tánh thì gần giống như nhau, do huân tập mà trở nên khác xa nhau). Câu này đã nói rất rõ ràng! Bản tánh vốn lành, mọi người đều như nhau, chẳng có gì sai biệt, nhưng tập tánh khác nhau. Tập tánh ngày càng xa cách bản tánh, hiện thời đã xa đến mức độ nào? Xa đến nỗi hoàn toàn quên bản tánh! Có bản tánh hay không? Có chứ! Về căn bản là chẳng biết có bản tánh, chỉ biết là thiện hay ác. Thiện là gì? Lợi chính mình là thiện, bất lợi cho chính mình thì toàn là ác. Vì thế, trẻ nhỏ đối với mẹ, mẹ cho nó chơi game điện tử thì nó vui vẻ, nghĩ là thiện. Mẹ chẳng cho phép chơi thì là ác. Ác thì phải diệt trừ, nghiêm nhiên cầm dao giết mẹ! Nguyên nhân ở chỗ này, quý vị phải tìm cho ra!

Giáo học truyền thống của Trung Hoa là một nền giáo học tốt đẹp dường ấy. Vì thế, trong một trăm năm trước, có thể nói là dân chúng Trung Hoa là dân chúng thiện lương nhất trên thế giới, có thể nhẫn nhục, có thể nhường nhịn, chẳng thích tranh giành, có thể chịu khổ, chịu hết mọi nỗi khuất nhục mà họ vẫn sống được, lại còn có thể

gìn giữ truyền thống. Điều này khá lắm! Truyền thống ấy chính là gia giáo, căn cội là gia giáo. Bởi lẽ, xưa kia, trẻ nhỏ sanh ra được ai dạy? Cha mẹ dạy. Quan trọng nhất là sự dạy dỗ của mẹ. Vì con ở với mẹ thời gian khá dài, cha có lúc phải đi làm, mẹ thì quá nửa là không biết chữ. Mẹ tôi không biết chữ, nhưng từ nhỏ, cụ đã kể cho chúng tôi những câu chuyện hiếu, đễ, trung, tín, dạy chúng tôi xử sự, đãi người tiếp vật như thế nào, bà cụ hiểu hết. Cụ học từ đâu ra? Từ thế hệ trước, ông bà dạy cho mẹ.

Về giáo dục xã hội, giáo dục xã hội tại Trung Hoa vào thời cổ đã dựa vào gì? Nói theo cách hiện thời, [sẽ là] dựa vào biểu diễn văn nghệ. Tại nông thôn, trong những dịp lễ Tết, rước thần, trảy hội, nhằm ngày vía của thần, Phật, đều có lễ mừng. Trong lễ mừng, thông thường là mời ban hát đến diễn tuồng. Nội dung tuồng tích Trung Hoa nói chung chẳng ngoài hiếu, đễ, trung, tín, thiện có thiện quả, ác có ác báo, họ (khán thính giả) học từ chỗ này, toàn là giáo dục. Chẳng như hiện thời, văn nghệ hiện thời lấy chuyện giải trí làm mục đích. Trung Hoa chẳng vậy. Văn nghệ tại Trung Hoa trong mấy ngàn năm qua lấy giáo dục làm mục đích. Vì chẳng có trường học nhiều ngàn ấy, chẳng có nhiều thầy như vậy, trước kia cũng chẳng có TV, radio, những thứ thường được dùng là ca múa, tuồng hát, mỹ thuật, đều là nghệ thuật. Mọi người đều tuân thủ, các nhà nghệ thuật đều tuân thủ một câu nói của Khổng lão phu tử, đó là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất, tức là “*tu vô tà*” (思無邪, chẳng nghĩ tà vậy). Quý vị thấy, nghe, tiếp xúc, tuyệt đối sẽ chẳng nảy sanh ác niệm, lấy chuyện này làm mục đích. Vì thế, những kẻ không biết chữ tại nông thôn đều hiểu đạo lý làm người, mà cũng đều biết cách dạy dỗ con cái.

Do vậy, giáo dục gia đình là điều đặc sắc trong sự truyền thừa năm ngàn năm của Trung Hoa, người ngoại quốc chẳng có. Dạy từ khi nào? Trẻ nhỏ sanh ra, mở mắt ra, nó có thể thấy, có thể nghe, tuy nó chẳng nói năng, nó có thể thấy, có thể nghe. Bởi vậy, cha mẹ, người lớn ở trước mặt trẻ nhỏ, ăn nói lẫn cử chỉ đều phải đoan trang, khiến cho trẻ nhỏ thấy, nghe, tiếp xúc, toàn là những thứ chánh diện, toàn là thiện, quyết định chẳng cho chúng nó trông thấy những dáng vẻ hung ác. Người lớn quan tâm chiếu cố trẻ nhỏ như vậy, trẻ nhỏ đến khi tròn ba tuổi sẽ có năng lực phân biệt đúng, sai, thiện, ác, nó có năng lực ấy. Vì sao? Từ bé nó đã học được, đó gọi là căn cội! Trung Hoa có một câu ngạn ngữ cổ: “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (Những gì được hình thành từ bé sẽ trở thành giống như bẩm tánh, do thói quen mà trở thành tự nhiên).

Đến năm, sáu tuổi, trẻ phải thực hiện Đệ Tử Quy, hiếu thảo cha mẹ, tôn kính bậc trưởng thượng, đối với ai lớn hơn nó, nó đều phải tôn trọng. Trong gia đình, có những chuyện nó sẽ phải học làm, như quét

dọn, ứng đối. Đây là khởi sự học, đều do cha mẹ dạy, người bề trên dạy. Thông thường, đến sáu, bảy tuổi bèn đi học. Đi học trong trường tư thục, được thầy dạy dỗ. Trước khi lên mười, người dạy (cha, mẹ, thầy) đều là lấy thân làm gương, chính mình làm được, nêu gương cho nó xem, chẳng phải là ngôn giáo, mà là thân giáo. Sau khi lên năm, lên sáu, mới có ngôn giáo, trẻ hiểu ý nghĩa. Từ khi sanh ra cho đến ba, bốn tuổi, hoàn toàn là thân giáo, thầy đều là làm cho trẻ thấy. Lúc đó, chẳng bảo trẻ niệm Đệ Tử Quy, mà là cha mẹ đều làm được. Tuy cha mẹ chẳng đọc sách, nhưng đều hiểu đạo lý làm người. Họ hiểu những điều được nói trong Đệ Tử Quy; tuy họ không biết chữ, nhưng họ đều làm được. Do vậy, trẻ nhỏ từ bé đã được học, hiểu. Đến khi sáu, bảy tuổi đi học, thầy cũng làm được. Nói thật ra, những người làm thầy, tức thầy giáo trong trường tư thục đã làm được Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên cũng có thể làm được. Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng chẳng sai kém cho mấy! Họ có căn cội, đó gọi là nền tảng sâu dày. Vì thế, ngạn ngữ mới có câu: “*Tam tuế khán bát thập, thất tuế khán chung thân*” (Từ [tánh cách của một người] lúc ba tuổi, có thể thấy được tánh cách của người ấy lúc tám mươi. Nhìn vào cách cư xử lúc bảy tuổi, sẽ biết suốt đời người ấy sống như thế nào). Bảy tuổi là vừa mới đi học, có thể phán đoán cả đời của đứa trẻ ấy.

Vì thế, mắt xích quan trọng nhất trong giáo dục truyền thống bị mất đi, như Tam Tự Kinh đã nói: “*Cầu bất giáo, tánh nãi thiên*”. [Ý nói] nếu quý vị chẳng khéo dạy nó, dần dần nó sẽ học theo thói xấu! Chúng ta nhìn vào sự giáo dục trẻ nhỏ trong hiện thời, nó giết cha, giết mẹ, giết anh em là do được dạy dỗ mà ra. Ai dạy nó? TV dạy nó, Internet dạy nó, trò chơi điện tử dạy nó. Quý vị thấy nội dung của những thứ ấy là gì? Bao lực, tình dục, giết, trộm, dâm, dối, hằng ngày nó học những thứ ấy. Vì thế, nó chẳng biết giết người là tội lỗi, chẳng biết đó là sai lầm, coi đó là trò chơi!

Do vậy, tôi thấy chuyện này rất lo ngại, những đứa trẻ ấy trong tương lai lớn lên, từ bé chúng nó đã chơi đùa như vậy, trong tương lai, chúng nó nắm chánh quyền, mỗi quốc gia chế tạo nhiều vũ khí nguyên tử và vũ khí hóa học như thế, đến khi lọt vào tay của chúng nó, sẽ bị sử dụng loạn xạ, vì sao? Trò chơi mà! Chúng nó chẳng biết đó là sai lầm, chẳng biết giết người là có tội, chẳng biết chiến tranh, tai họa là sai lầm, chẳng biết, trò chơi mà! Giống như chơi đùa với máy chơi game vậy. Lúc ấy sẽ là tận thế, làm như thế nào đây? Bởi lẽ này, tôi mới đề xuất, mong mỗi những quốc gia có vũ khí nguyên tử phải cảnh giác, tốt nhất là tiêu hủy vũ khí hạch nhân và vũ khí hóa học, như vậy thì mới mang lại an toàn cho xã hội. Nếu không, nhiều thứ ngàn ấy bày ra đó, chắc chắn sẽ có ngày dùng tới. Nếu dùng tới, sẽ là ngày tàn của thế giới, đáng sợ hơn bất cứ điều gì khác! Hiện thời, những người ấy còn có thể

kiềm chế. Kẻ lãnh đạo quốc gia biết kiềm chế, sợ rằng một, hai thế hệ sau sẽ chẳng thể kiềm chế.

Chúng ta thấu hiểu đạo lý này, đối với những kẻ làm ác trong hiện thời sẽ tự nhiên có thể dung thứ họ, lại còn dùng phương pháp gì? Chỉ vận dụng cảm hóa, quyết định chớ nên trả đũa. Trả đũa sẽ chẳng thể giải quyết vấn đề, chỉ khiến cho cừ hận sâu xa hơn. Bởi lẽ, ở phương Tây, xác thực là có những người đối với chuyện xử lý bọn khủng bố, họ chủ trương dùng cách giáng trả, dùng sự trấn áp, tức là dùng vũ lực để trấn áp, trả đũa bằng vũ lực, có hiệu quả hay không? Nhìn vào hiện thời, chẳng có hiệu quả! Sau khi sự kiện Mười Một tháng Chín phát sanh, khá nhiều vị chuyên gia, học giả suy nghĩ nghiêm túc, [nhận thấy] trấn áp hay trả đũa đều chẳng thể giải quyết vấn đề. Vì thế, mới nghĩ tới chuyện hãy nên chọn lựa phương pháp hòa bình để giải quyết. Cách nghĩ ấy là chánh xác!

Làm từ nơi đâu? Làm từ chính bản thân ta. Vì thế, tôi tham dự hội nghị nhiều lần, tôi đề xuất “*để hóa giải xung đột, phải làm từ trong nội tâm sâu thẳm của chính mình*”. Đối với hết thầy người, đối với hết thầy sự, đối với hết thầy vật, phải hóa giải ý niệm đối lập trong nội tâm của chúng ta, chẳng đối lập với người khác, chẳng đối lập với sự, mà cũng chẳng đối lập với hết thầy vật, hóa giải ý niệm đối lập từ trong nội tâm của chính mình. Người khác hủy báng, lăng nhục, hãm hại ta, ta đều chẳng so đo, đều chẳng bận lòng. Vì sao? Nếu quý vị so đo, ghim trong lòng, vô dụng, họa hại vô cùng! Đây chẳng phải là chuyện một đời, sẽ tạo thành đời đời kiếp kiếp oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong, quá đau khổ! Giải quyết vấn đề ấy như thế nào? Chính là chẳng ghim trong lòng, nơi ta chẳng có, nơi họ có. Họ đối với ta không tốt, ta đối với họ tốt lành. Nếu họ còn có thiện căn, còn có phước báo, thời gian lâu sau, chắc chắn họ sẽ bị cảm động, sẽ quay đầu là bờ. Chúng ta tiếp nhận, dung nạp, bao dung họ, quyết định chẳng so đo, đây là giáo dục. Phải biến ác nhân thành thiện nhân, phải biến kẻ mê hoặc, điên đảo thành người giác ngộ, hóa mê thành ngộ, hóa ngu thành trí, hóa phàm thành thánh, đây là giáo dục.

Vì thế, phải làm từ nội tâm, có thể làm đến mức trong nội tâm chẳng có kẻ đối địch, cổ nhân diễn tả chuyện này là “*nhân giả vô địch*”. “*Nhân giả*” (仁者, người có lòng nhân) là Bồ Tát. Trong tâm Bồ Tát, tuyệt đối chẳng có kẻ đối địch. Người ngoài đối địch với Bồ Tát; Phật, Bồ Tát bao dung kẻ ấy, Phật, Bồ Tát tuyệt đối là dùng thiện ý đối đãi người khác. Thấy kẻ khác làm ác, chẳng nói một câu nào. Thấy kẻ khác làm việc thiện, có thể tán thán họ. Đây là “*xưng tán Như Lai*” như trong mười nguyện Phổ Hiền đã nói. Như Lai là Tánh Đức, Tánh là thiện, bản tánh vốn lành. Vì thế, quý vị làm lành, chúng tôi tán thán quý vị. Quý vị làm ác, chẳng nhắc tới một câu nào, mà cũng chẳng

ghim trong lòng. Trước hết là độ chính mình; sau đây, quý vị sẽ có thể độ người khác. Chẳng độ nổi chính mình, làm sao quý vị có thể độ người khác cho được? Thấy người khác làm ác, khó nhẫn nhất là người ác có ác ý đối với chính mình. Chuyện này khó nhẫn nhất! Phải nhẫn, khó nhẫn vẫn phải nhẫn, khó hành vẫn phải hành, đây là gì? Công phu! Nếu quý vị thấu hiểu đạo lý này, người khác dùng ác ý đối với ta, ta không chỉ chẳng oán hận kẻ ấy. Không chỉ chẳng có cái tâm trả thù, mà còn đối với kẻ ấy tốt bậc cảm ơn! Cảm ơn gì vậy? Tăng tấn cảnh giới cho ta! Vị thầy dạy ta Nhẫn Nhục Ba La Mật chính là kẻ ấy.

Từ kinh Phật, các đồng học đều biết rành chuyện vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Trong kinh Kim Cang đã trích dẫn câu nói ấy, thật sự là chuyện khó chịu đựng nhất. Nhẫn Nhục tiên nhân chẳng có lỗi lầm, vua Ca Lợi nổi giận, đem [tiên nhân] lăng trì xử tử. “*Lăng trì*” (凌遲) là dùng dao lóc thịt, lóc từng miếng một, mãi cho đến khi người ấy bị hại chết; đó là chẳng để cho người ấy chết yên lành. Nhưng Nhẫn Nhục tiên nhân đối với vua Ca Lợi bèn phát nguyện: “Ta chẳng có tâm nóng giận, chẳng có tâm trả thù. Trong tương lai, ta thành Phật, sẽ độ người trước tiên”. Nhẫn Nhục tiên nhân thối ấy là chuyện thuộc về tiền thân của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, thật sự độ người đầu tiên là vua Ca Lợi. Tôn giả Kiều Trần Như chính là thân sau của vua Ca Lợi. Nói rồi bèn giữ lời, chẳng báo oán, chỉ biết báo ân, chẳng biết báo oán. Tiên nhân cảm kích vua Ca Lợi, vì sao? Khảo nghiệm cuối cùng về Nhẫn Nhục Ba La Mật, người có thể nhẫn hay không? Vì thế, vua Ca Lợi cắt chặt thân thể chính là [giúp Nhẫn Nhục tiên nhân] viên mãn Nhẫn Nhục Ba La Mật. Có thể chịu đựng điều này, quý vị mới thật sự là viên mãn, chẳng có mấy may oán hận nào!

Vì thế, chúng ta bị người ta lăng nhục, phải thường nghĩ đến chuyện vua Ca Lợi cắt chặt thân thể, tâm chúng ta sẽ bình lặng. Vì sao? Chúng ta hứng chịu những tổn thương nhẹ hơn Nhẫn Nhục tiên nhân quá nhiều. So sánh nỗi tổn thương của Ngài với sự tổn thương của chúng ta trong hiện tại, [sự tổn thương của Ngài] không chỉ vượt gấp trăm lần, ngàn lần, Ngài nhẫn được. Chúng ta chỉ là bị va đập đôi chút, thấm vào đâu? Thành tựu đức hạnh của chính mình. Vì thế, người biết tu hành sẽ chuyển cảnh giới. Kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Nếu có thể chuyển vật, ắt giống như Như Lai*”. Đặc biệt là đối với nghịch cảnh, ác duyên, quý vị phải biết chuyển. Hễ chuyển được, sẽ hữu ích cho sự tu hành của chúng ta rất lớn, giúp chúng ta tăng tốc độ tiến cao hơn, lẽ đâu chẳng cảm ơn? Lẽ nào còn có thể trả thù? Há có đạo lý ấy! Thuận cảnh và nghịch cảnh đều như nhau, thuận cảnh cũng nhằm khảo nghiệm ta, giúp chúng ta tăng tấn. Đối với thuận cảnh, chớ nên tham luyến. Hễ có tham luyến là hỏng. Vì thế, trong thuận cảnh, tức là đối với thuận cảnh và thiện nhân, chẳng dấy lòng tham luyến, mang lòng

cảm ơn, nhưng chẳng tham luyện. Đối với nghịch cảnh, ác nhân, có tâm cảm ơn, chẳng trả thù, chẳng oán hận, đoạn sân khuê. Trong nghịch cảnh, học đoạn sân khuê; trong thuận cảnh, học đoạn tham dục. Đoạn tham, sân, si từ chỗ nào? Nếu quý vị chẳng nghiêm túc rèn luyện trong hoàn cảnh nhân sự, có thể đoạn tham, sân, si ư?

Do đó, quý vị phải thấu hiểu đạo lý này, người tu hành tu gì vậy? Siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si. Tham, sân, si đã đoạn, ba ác đạo sẽ chẳng có, cái tâm cảnh giác sẽ cao. Đối với thuận cảnh, thiện duyên, hễ quý vị sanh lòng tham ái, sẽ đi vào ngạ quỷ đạo. Cảnh giới ấy là gì? Lôi kéo, dẫn dụ quý vị vào ngạ quỷ đạo. Nghịch cảnh, ác duyên hiện hữu trước mặt quý vị, nếu quý vị dấy lòng sân khuê, dấy lên ý niệm trả thù, nó sẽ lôi kéo quý vị vào địa ngục đạo. Quý vị hãy ngẫm xem, nếu quý vị là một người thông hiểu, sẽ chẳng bị hại. Đối với nghịch cảnh, ác duyên mà chẳng sân khuê, không chỉ là chẳng đọa địa ngục, mà còn tăng tấn vượt trời trên một mức độ lớn. Đối với thuận cảnh, thiện duyên chẳng dấy lòng tham luyện. Chẳng sanh tham luyện, sẽ không vào ngạ quỷ đạo, cũng là tăng tấn vượt trời trên một mức độ lớn. Giải quyết vấn đề này như thế nào? Trí huệ. Vì thế, quý vị có trí huệ, cảnh giới thay đều chuyển được. Quý vị thấy người ấy vốn là cảnh giới tam đồ, nay chuyển biến, tối thiểu là biến thành ba cảnh giới thiện. Quả báo trong đời sau của quý vị là Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, và Vô Sắc Giới Thiên. Nếu quý vị có thể niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, sẽ vượt thoát mười pháp giới.

Vì thế, “*u hữu ác nhân*” (với kẻ làm ác), chẳng dấy lòng sân khuê, “*bát gia kỳ báo*” (chẳng trả thù họ), đây là đại đức. Quý vị chẳng có cảnh giới ấy, sẽ chẳng tu thành đức to lớn này. Họ tạo cơ hội cho quý vị tu đại đức, mà cũng tạo cơ hội cho quý vị đọa địa ngục. Tức là cảnh giới ấy hiện tiền, một đường là thiên đường, một đường là địa ngục, chính quý vị chọn lựa. Chẳng khởi tâm, không động niệm, sẽ là thiên đường. Khởi tâm động niệm, dấy lòng oán hận, tâm sân khuê là địa ngục. Trong thuận cảnh khởi tâm động niệm, khi dấy lòng tham ái, sẽ là ngạ quỷ, súc sanh. Vì thế, cảnh giới hiện tiền, quý vị phải thường nghĩ tưởng, đối với cảnh giới này, ta sẽ tạo ba ác nghiệp hay là ba thiện nghiệp? Ba thiện nghiệp hoàn toàn tùy thuận Tánh Đức, ba ác nghiệp hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức, đạo lý là như thế đó. Do vậy, quý vị phải thấu hiểu, quyết định tu ba thiện nghiệp, quyết định xa lìa tham, sân, si. Bất luận cảnh giới gì cũng sẽ chẳng dẫn phát ý niệm tham, sân, si trong tâm, quý vị sẽ thành công, Giới, Định, Huệ của quý vị đã có cơ sở.

Do vậy, hiện thời, người vong ân phụ nghĩa quá ư là nhiều, kẻ hãm hại, kẻ lường gạt, kẻ lấn hiếp, kẻ khiến quý vị phải chịu tội, kẻ phá hoại quý vị, thay đều là hảo nhân! Quý vị có thể ngay lập tức giác ngộ,

chẳng có mấy may sân khuê, chẳng báo thù mấy may, chính mình chẳng thua thiệt, chịu một chút khổ trước mắt chẳng sao cả, đời sau sẽ là cõi trời hoặc nhân gian, chẳng phải là tam đồ. Ngược lại, quý vị hãy nên thương xót những kẻ ấy, vì sao? Do họ tạo tác [ác nghiệp], trong tương lai, sẽ đọa tam đồ, đọa tam đồ rồi vẫn mong ta giúp đỡ họ, siêu độ họ. Đây là chánh lý, là sự thật. Đức Thế Tôn đã thị hiện, trước hết là phải độ Kiều Trần Như. Phạm là kẻ nào làm hại chúng ta, khi chúng ta đã thành tựu, trước hết là phải độ họ, hãy nên phát cái tâm ấy. A! Nay đã hết thời gian rồi. Chúng tôi giảng bài kệ này tới đây!

Tập 1551

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiểu đoạn thứ ba trong đoạn lớn thứ sáu của phần Kệ Tụng. Xin xem bài kệ thứ mười ba:

(Kinh) Nhược kiến sa-môn, đương nguyện chúng sanh, điều nhu tịch tĩnh, tất cánh đệ nhất.

(經)若見沙門。當願眾生。調柔寂靜。畢竟第一。

(Kinh: Nếu thấy sa-môn, nguyện cho chúng sanh, điều nhu, tịch tĩnh, rốt ráo bậc nhất).

Đây là khi khát thực ở bên ngoài, nhất định sẽ gặp đồng hành. Đồng hành đều là người xuất gia, nhưng ở đây chẳng nói nhất định là đệ tử Phật! Bởi lẽ, tại Ấn Độ vào thời cổ, Sa-môn (Śramaṇa) gần như là tiếng để gọi chung người xuất gia trong tất cả các tôn giáo! Đây là [từ ngữ] phiên âm từ chữ Phạn; trong phần chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Thử vân Chỉ Túc.

(疏)此云止息。

(Sớ: Cõi này dịch là Chỉ Túc).

“Thử” (此) là “thử phương” (此方, phương này), tức Trung Hoa. Trong nghĩa tiếng Hán, [Sa-môn] có nghĩa là Chỉ Túc (止息, ngưng dứt). Nhưng trong giới kinh (戒經, kinh dạy về giới luật, luật tạng), chúng ta thường dịch là Cần Túc (勤息, siêng năng dứt trừ), chữ Cần trong Cần Phấn (勤奮, siêng năng, phấn chấn), ý nghĩa càng rõ rệt hơn. Vì thế, “cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si); đây là ý nghĩa của chữ Sa-môn trong Phật môn. Ở đây, cách dịch của ngài Thanh Lương có thể là cách giải thích

thông dụng trong xã hội Ấn Độ thời cổ, nên nói là Chỉ Túc. Ý nghĩa trong Phật môn hay hơn, “*siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si*”. Nói chung, ý nghĩa được bao hàm trong ấy tuyệt đối là “*dứt ác*”, ngưng dứt hết thầy ác niệm, ác ngôn, và ác hạnh.

Tại Ấn Độ, chúng ta biết trong thời đại đức Thế Tôn xuất thế, có thể nói Ấn Độ là “*đất nước tôn giáo*” trên thế giới này. Kinh Phật nói [thuở ấy] có chín mươi sáu loại [tôn giáo khác nhau], các đồng học học Phật theo thói quen thường gọi họ là chín mươi sáu thứ ngoại đạo. “*Ngoại đạo*” chẳng phải là biếm nhẽ, hạ thấp người khác đâu nhé, chẳng phải là ý nghĩa ấy! Trong Phật pháp, “*ngoại đạo*” nghĩa là: Cầu pháp ngoài tâm thì gọi là ngoại đạo. Đồng học học Phật nếu chẳng biết nội quán tự tánh thì cũng biến thành ngoại đạo, thuật ngữ trong Phật môn gọi là “*môn nội ngoại*” (門内外), tức là ngoại đạo ngay trong Phật môn! Chúng ta ngẫm xem, chúng ta có phải là “*môn nội ngoại*” như nhà Phật đã nói hay không? Có phải vẫn là cầu pháp ngoài tâm hay không? Cần thận quan sát, tư duy, đại khái là bảy, tám phần mười trong Phật môn vẫn là cầu pháp ngoài tâm, chẳng biết trở về tự tánh. Nếu mọi người đọc kỹ kinh Lăng Nghiêm, quý vị sẽ hiểu được chuyện này: Làm thế nào để giống như Quán Thế Âm “*xoay cái nghe lại để nghe tự tánh, tánh thành Vô Thượng đạo*”? Cổ nhân thường nói: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Có chuyện gì chẳng làm được, hãy quay lại xét mình). Nếu chúng ta nói theo cách hiện thời, “*phản quán*” (反觀) là như thế nào? Phàm đối với mọi chuyện, bất luận chuyện gì, nhất định là phải thường xuyên nhìn vào bên trong, quý vị mới có thể thật sự khơi mở, sanh khởi trí huệ. Nếu việc gì cũng nhìn ra ngoài, chắc chắn sẽ nảy sanh phiền não. Vì sao Phật, Bồ Tát chẳng sanh phiền não, chỉ sanh trí huệ? Chẳng có gì khác, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, các Ngài đều có thể phản tỉnh sâu xa. Do vậy, các Ngài chẳng sanh phiền não.

Trong phần trước, chúng ta đã từng đọc thấy ý nghĩa của hai bài kệ ấy đều rất sâu. Thật ra, mỗi bài kệ đều sâu rộng vô tận. Vì sao Thanh Lương đại sư chú giải hai bài kệ trước cận kề như thế? Chúng ta cũng tốn mười mấy giờ để học tập chúng. Đây là “*tri ân, báo ân*”. Từ xưa tới nay, điều này đã duy trì sự an toàn trong xã hội. Nói theo kiểu hiện thời, sẽ là “*hóa giải xung đột, xúc tiến sự an định và hòa bình trong xã hội*”. Thật sự biết “*tri ân, báo ân*”, chuyện này sẽ được giải quyết dễ dàng. Chúng ta hãy suy nghĩ chuyện này, người ta vì sao có thể tri ân? Do được dạy dỗ mà ra! Thời cổ, chúng ta có thể nói là một trăm năm trước, kẻ làm cha mẹ đều biết cách dạy con cái, nuông chiều mù quáng rất ít, phải dạy cho con hiểu chuyện, phải dạy con thành người. Chẳng thể nuông chiều! Cha mẹ dạy trẻ nhỏ (dạy con cái) phải tôn sư trọng đạo, phải biết ơn thầy. Do vậy, biết ân thầy là do cha mẹ [dạy dỗ],

chẳng phải do kẻ nào khác dạy bảo! Nói chung, thầy chẳng tiện nói, đúng hay chẳng? Thầy nói: “Các trò! Thầy có ân đức với các trò, các trò phải biết ân, báo ân”. Chẳng thốt ra lời lẽ ấy được; vì thế, nhất định phải do cha mẹ dạy.

Nhưng kẻ làm con cái đối với ân cha mẹ, chúng cũng không biết. Nếu biết cha mẹ có ân, làm sao có thể giết hại cha mẹ cho được? Làm sao có thể tổn thương, làm hại cha mẹ cho được? Con cái có thể biết ân cha mẹ bằng cách nào? Do thầy dạy. Cha mẹ cũng chẳng thể bảo con cái: “Cha mẹ vất vả nuôi tụi bay, tụi bay phải biết báo ân”. Lời này cũng chẳng thể thốt ra được, người Hoa từ xưa đều rất khiêm hư. Vì thế, chuyện này do thầy dạy, đạo lý ở chỗ này. Ân quốc gia, ân Phật, Bồ Tát, ân chúng sanh đều do thầy dạy. Thầy phải nói thấu triệt những đạo lý và chân tướng sự thật ấy, lại còn đều có thể vận dụng [những điều ấy] trong cuộc sống, ngôn hạnh và cử chỉ. Hết thầy chúng sanh, không chỉ là người, mà động vật, thực vật, khoáng vật, và hiện tượng thiên nhiên đều có ân đối với chúng ta. Vì cuộc sống của chúng ta chẳng tách rời hoàn cảnh ấy. Chúng ta dùng cái tâm báo ân để đối đãi thiên nhiên; hiện thời, chư vị đã hiểu, chư vị thấy thí nghiệm với nước của ông Giang Bồn Thắng liền biết: Dùng cái tâm báo ân đối với thiên nhiên, thiên nhiên sẽ nhất định gió thuận mưa hòa. Chẳng biết báo ân, toan phá hoại thiên nhiên, toan cải tạo thiên nhiên, được lắm! Thiên tai, nhân họa liền xảy ra. Quý vị hãy ngẫm xem, quan niệm “*tri ân, báo ân*” có quan trọng hay không?

Vì thế, trong kinh, đức Phật đã dạy, Thanh Lương đại sư đã trích dẫn điều ấy trong lời Sớ; ở đây, tôi đọc lại một lần nữa: “*Đắc nhân tiểu ân, thường hoài đại báo*” (Chịu chút ơn nhỏ của người khác, thường mang lòng báo đáp to tát). Cổ nhân dạy thế hệ sau như thế, họ dạy rằng: “*Thọ nhân trích thủy chi ân, thường tư dũng tuyền vi báo*” (Chịu ơn của người khác chừng bằng giọt nước, thường nghĩ báo đáp như suối trào). Chúng ta chịu ân đức của thiên nhiên, chịu ân đức của hết thầy chúng sanh. Quý vị hãy ngẫm xem, từ sáng đến tối, những thứ chúng ta ăn uống là do bao nhiêu người đã nhọc nhằn lo toan, nên chúng ta mới có được một chén cơm này, mới có một đĩa đồ ăn này, mới có một bộ quần áo này, há có phải là đơn giản dường ấy ư? Nay quý vị ăn no, mặc ấm, có nghĩ một hạt cơm ấy, một bộ quần áo ấy do đâu mà có hay không? Lẽ nào quý vị có thể nói chúng sanh chẳng có ân gì đối với quý vị? Gạo thóc sanh trưởng từ mặt đất, đại địa có ân với chúng ta! Nếu gieo hạt thóc xuống, mà chẳng có ánh sáng mặt trời, chẳng có không khí, chẳng có nước, chẳng có phân bón, lúa cũng không thể mọc lên được! Những thứ ấy thầy đều có ân với chúng ta, quý vị có biết hay không? Hai câu sau đó đã nói rất hay: “*Bất tri ân giả, đa tao hoạnh tử*” (Kẻ chẳng biết ân, phần nhiều sẽ bị chết ngang trái). Khi tôi giảng kinh,

chẳng nói là “*hoạnh tử*” (橫死, chết ngang trái, chết bất ngờ), mà nói là gì? Tai nạn! Gặp nhiều tai nạn ngang trái. Kinh nói còn nặng hơn tôi! Đây là lời thật, chẳng giả tí nào!

Quý vị chẳng biết báo ân, nay quý vị vẫn chưa bị chết ngang trái, là vì lẽ nào? Trong mạng của quý vị hãy còn một chút phước thừa; đợi cho đến lúc quý vị hưởng hết chút phước thừa ấy, tai nạn ngang trái sẽ xảy tới! Chẳng biết ân là ngu si, là đáng thương. Quý vị tạo tác những tội nghiệp ấy, chẳng thể nói là không có lỗi lầm. Lỗi lầm gì vậy? Lỗi lầm nhẹ hơn một chút, nhẹ hơn ai? [Nhẹ hơn kẻ] vong ân phụ nghĩa. Kẻ ấy biết ân, biết ân mà chẳng thể báo, tội ấy nặng nề. Quý vị chẳng biết ân, tạo những lỗi lầm ấy thì vẫn có tội, tội ấy cũng chẳng nhẹ đâu nhé! Quý vị phải hiểu, trên thế giới này, khá nhiều tôn giáo nói đến chuyện tận thế. Thiên sách cuối cùng trong kinh Thánh là Khải Thị Lược² chính là lời tiên đoán, tiên đoán về tận thế. Trong sáu tín điều của kinh Cổ Lan (Q’urān), có một điều là “*tin vào ngày tận thế*”, chớ nên không biết! Vì thế, chúng tôi đối với chuyện “*tri ân, báo ân*”, bèn nói về những điều ấy khá nhiều.

Trông thấy kẻ chẳng biết ân, tức là [chủ đề của] bài kệ tụng thứ mười hai, “*kiến bội ân nhân*” (thấy kẻ bội ơn), tức kẻ vong ân phụ nghĩa, Phật, Bồ Tát sanh khởi lòng thương xót, “*u hữu ác nhân, bất gia kỳ báo*” (đối với kẻ ác, chẳng trả thù họ). Trong xã hội hiện tại, bất luận tại Trung Hoa hay ngoại quốc, người hiện thời nhận lãnh sự giáo dục hoàn toàn trái nghịch luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ! Họ nhận lãnh sự giáo dục gì vậy? Ích kỷ, tổn người, lợi mình, giáo dục hiện thời là như vậy đó! Từ nhỏ đã được dạy “*tổn người, lợi mình*”. Vì chính mình đạt được một tí lợi ích mà coi giết người, phóng hỏa là chuyện chánh đáng, bình thường! Chẳng giết người, chẳng phóng hỏa, làm sao ta có thể đạt được lợi ích? Đáng kinh hãi quá! Nhỏ là giết người, phóng hỏa, lớn là tiêu diệt quốc gia của kẻ khác, tiêu diệt chủng tộc của người ta, ta mới có thể đạt được lợi ích. Có đúng như vậy hay không? Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói về đạo lý ấy quá nhiều lượt, các vị

² Khải Thị Lược còn được gọi là sách Khải Huyền, hoặc sách Khải Thị, là quyển cuối cùng trong phần Tân Ước của kinh Thánh. Chữ Khải Huyền dịch từ chữ Apokalypsis của tiếng Hy Lạp. Do vậy, sách thường được gọi là Book of Revelation, hoặc Apocalypse of John. Người ta thường tin sách này do Thánh Gioan Tông Đồ (John the Apostle, Yohanan Shliha) biên soạn từ những mạc khải của Thượng Đế. Tuy vậy, tác giả thật sự của thiên sách ấy vẫn còn đang được các học giả tranh luận. Nội dung sách bao gồm những lời tiên tri gởi đến bảy giáo hội Thiên Chúa Giáo tiên khởi thời đó (Ephesus, Smyrna, Pergamum, Thyatira, Sardis, Philadelphia, và Laodicea). Sách bao gồm nhiều ẩn dụ và cảnh tượng huyền bí liên quan đến sự phán xét cuối cùng (Last Judgement) trong giáo nghĩa Thiên Chúa Giáo.

đồng tu lâu năm đã nghe nhầm tai rồi: “*Tổn hại kẻ khác chắc chắn sẽ hại chính mình*”. Quý vị phải hiểu nhân quả thông ba đời!

Tôi vừa mới thấy một vị đồng học, [chuyện của người ấy] chính là một chứng minh. Người ấy có oan gia trái chủ dựa thân, bám vào thân người ấy, nói rất rõ ràng: “Oán thân trái chủ ấy là do trong đời quá khứ đã bị vị đồng tu ấy giết, nay kẻ ấy đến báo cừ”. Nhưng như thế nào? Thấy người ấy học Phật, tâm địa rất thiện lương, rất từ bi, lại chẳng nở lòng ra tay. Vì thế, yêu cầu cùng nhau tu hành, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tôi giới thiệu người ấy đến núi Đông Thiên Mục. Đây là một chứng minh! Đời trước quý vị giết người, đoạt tài sản của người ta, đó là “tổn người, lợi mình”; đời này người ta tìm quý vị, đến báo cừ. May mắn là quý vị học Phật! Khi quý vị chẳng học Phật, họ nhất định sẽ đoạt mạng. Vì thế, tổn người chắc chắn là hại chính mình, oan oan tương báo chẳng hết, chẳng xong!

Để giải quyết vấn đề, chắc chắn là phải dựa vào trí huệ. Thật sự có thể giải quyết, [phải cạy vào] luân lý, đạo đức, vun bồi thiện hạnh của quý vị. Giáo dục nhân quả hết sức trọng yếu, nếu quý vị đã học tập, sẽ chẳng dấy lên ác niệm đối với hết thầy người, sự, vật. Vì sao? Biết quả báo đáng sợ. Bất luận là đối với người, đối với sự, đối với muôn vật trong trời đất, muôn vật trong trời đất đều có ân với ta, nếu ta có lỗi đối với họ, quý vị sẽ thường bị gì? Người hiện thời nói là “*tai họa thiên nhiên*”. Thật ra, chẳng phải là tai họa thiên nhiên, mà là do quý vị có lỗi đối với thiên nhiên, thiên nhiên trả thù quý vị. Tai họa thiên nhiên ở chỗ nào? Nếu thật sự là có các tai họa thiên nhiên, ông Khải Tây (Edgar Cayce) của nước Mỹ sẽ chẳng nói: “*Đối với bất cứ một ai trên cả thế giới, những sự gặp gỡ trong cả đời, đều là chuyện vật vãn đến mấy, đều có liên quan tới nghiệp nhân trong đời trước*”. Ông ta nói chẳng thể có chuyện nào đột nhiên phát sanh, chẳng có tiền nhân (cái nhân trước đó). Đây chính là giáo dục nhân quả.

Đầu đời này chúng ta học Phật, học rất khá, rất ít lỗi lầm, quý vị có nghĩ trước khi học Phật, quý vị có lỗi lầm hay chẳng? Đời trước, đời trước đó nữa, chúng ta đời đời kiếp kiếp ở trong lục đạo, chẳng biết đã luân hồi bao nhiêu lần! Quá khứ chẳng có khởi đầu, vị lai chẳng có kết thúc, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ có lẽ nào chúng ta chẳng tạo tội nghiệp? Há có lẽ nào chẳng hồ đồ? Há có lẽ nào chẳng làm chuyện sai quấy? Quý vị liền biết chính mình có bao nhiêu oán thân trái chủ! Nếu chúng ta học Phật, tu hành nghiêm túc, oán thân trái chủ sẽ chẳng tìm đến, vì lẽ gì? Hằng ngày chúng ta hồi hướng cho họ, hằng ngày chia sẻ cho họ công đức tu tập của chính mình. Họ cũng có thiện tâm, cũng có lương tâm, biết oan oan tương báo thì đôi bên đều rất khổ, thấy quý vị tu hành khá lắm, lại còn hồi hướng công đức cho họ, họ sẽ miễn cưỡng nín nhịn, chẳng trả thù. Nếu quý vị ngã lòng, thoái chuyển, đối dạ, biến

đôi chủ ý, họ sẽ ngay lập tức tìm đến. Quý vị phải biết những kẻ đó đều là phàm phu, chẳng phải là Bồ Tát. Vì thế, chúng ta liễu giải, hiểu rõ ràng rành mạch những kẻ vong ân phụ nghĩa là do đạo lý nào, vì sao mà họ biến thành như vậy! Chúng ta chớ nên trách móc họ, chính mình phải khéo tu tập!

Đã thế, lại còn cảm tạ họ đã tổn thương, làm hại chúng ta, chúng ta sẽ chuyển biến cảnh giới. Năm xưa, mười năm trước, tôi rời khỏi Đài Loan, tôi viết sáu điều: “*Sống trong thế giới cảm ơn*”.

1) Điều thứ nhất là cảm ơn kẻ chê trách ta. Vì sao? Ta có thể nhẫn nhục, có thể chịu đựng. Từ sự hủy báng, lăng nhục ác ý vô duyên vô cớ của kẻ khác, từ trong cảnh giới ấy, ta nhận biết công phu Định Huệ của chính mình có được mấy phần. Vì thế, gặp cảnh giới ấy, sẽ chẳng sân khú. Chẳng có tâm sân khú, đương nhiên cũng sẽ chẳng có báo thù, lại còn rất cảm kích. Người ấy đến khảo nghiệm ta, coi công phu nhẫn nhục của ta đạt đến mức độ nào, ta gặp gỡ, ta tiếp xúc rất an nhiên!

2) [Thứ hai], cảm kích kẻ quấy nhiễu ta, lúc nào cũng làm phiền, lúc nào cũng gây chướng ngại. Trong suốt một đời, sở dĩ người hiện thời nói “khó làm chuyện tốt”, [là vì] người thật sự giúp đỡ quý vị rất ít, kẻ ngáng chân quá nhiều, hữu ý hay vô tình chẳng hợp tác với quý vị. Chúng ta cũng cảm kích kẻ ấy. Hãy nghĩ xem là do nguyên nhân nào! Đại khái là trong quá khứ ta có thái độ ấy đối với kẻ đó, nay kẻ ấy đối xử với ta như vậy, đó là lẽ đương nhiên! Nhưng ta trọn chẳng chùn bước, vẫn phải tìm ra phương pháp để đột phá, vẫn phải tìm ra biện pháp để thực hiện viên mãn, phải làm thành công những chuyện như vậy. Vì thế, những cảnh duyên ấy giúp ta tăng trưởng năng lực, quý vị nói xem, ta có phải cảm kích kẻ ấy hay chẳng?

3) Thứ ba, phải cảm tạ kẻ đã ruồng bỏ ta. Có đấy! Sau khi Hàn Quán Trưởng đã ra đi, Hàn Quán Trưởng đã vứt bỏ chúng tôi. Sau khi bà đã đi rồi, cảnh duyên hết sức xấu ác, chúng tôi không thể chẳng rời khỏi Đài Loan. Đây là duyên phận, chúng tôi chẳng oán hận, mà cũng chẳng trả đũa, vẫn phải cảm ơn. Vì sao? Chúng ta phải học từ bi, tự lực cánh sinh. Trong quá khứ chúng ta còn dựa dẫm, nay chỗ nương dựa ấy chẳng còn nữa!

4) Thứ tư, cảm kích kẻ đánh đập ta. Vì sao? Tiêu nghiệp chướng cho ta.

5) [Thứ năm], cảm kích kẻ lừa gạt ta. Tuy chúng ta rất thật thà, toàn là thiện tâm thiện ý giúp đỡ người khác, xác thực là bị lừa gạt, bị thua thiệt, bị gạt gẫm. Chúng ta vẫn không hối hận, mà rất cảm tạ, cảm kích kẻ ấy vì lẽ gì? Tăng trưởng kiến thức cho chúng ta. Có một năm, tôi giảng kinh ở Cựu Kim Sơn (San Francisco), các đồng tu dẫn tôi đi vắng cảnh, đến chơi cầu lớn Kim Sơn (Golden Gate). Gặp một đám trẻ

tuổi người Mỹ, họ vây quanh tôi nói líu lo líu lờng, khiến cho tôi nghe chẳng hiểu gì! Chẳng lâu sau, nhóm người ấy tản đi, chẳng còn nữa, một đũa cũng chẳng thấy! Tôi bỗng dung phát hiện ví tiền đã bị họ lấy trộm mất. Dường như có hai, ba ngàn Mỹ kim trong ấy bị họ đánh cắp. Tôi chẳng oán hận họ mà còn rất cảm kích. Vì sao? Trong đời này, lần đầu tiên tôi gặp chuyện ấy. Sau đây, sẽ lưu tâm cẩn thận, họ đã cảnh cáo tôi. Tôi chỉ có thể nói chính mình chẳng cẩn thận! Tôi đeo ba lô, ba lô có khóa kéo (zipper, fermeture). Quý vị thấy người Hương Cảng rất thông minh, họ đều đeo ba lô đằng trước, dùng tay ôm lấy. Tôi chẳng vậy, tôi đeo ba lô sau lưng. Người ta kéo dây khóa ra, lấy ví tiền đi. Còn may là hộ chiếu và chứng từ thông hành chẳng để cùng một chỗ. Luôn có tâm cảm kích người khác, đây là chuyện tốt.

Điều cuối cùng, cảm kích kẻ tổn thương ta. Vì sao? Kẻ ấy rèn luyện tâm trí ta. Ta phải chịu nỗi sự thử thách, giống như vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Đó là tổn thương, tổn thương nghiêm trọng!

Bởi lẽ, kẻ vong ân phụ nghĩa trong xã hội hiện thời đông lắm, chúng ta có thể thường xuyên gặp phải. Dẫu gặp phải, cũng chớ nên nguôi lạnh tấm lòng. Nếu tấm lòng nguôi lạnh, vậy là quý vị mắc lừa rồi, quý vị đã bị kẻ khác chìm xuống nước! Vĩnh viễn đối đãi bằng tấm lòng cảm ơn, hồi quang phản chiếu, tăng cao cảnh giới của chính mình, đều là chuyện tốt đẹp. Vì thế, chúng ta thấu hiểu, ai nấy đều là người tốt, chuyện nào cũng đều là chuyện tốt, bất luận thiện duyên hay ác duyên, thuận cảnh hay nghịch cảnh, chúng ta học sao cho có thể chuyển cảnh giới trong Phật pháp. Nếu có thể chuyển cảnh, ắt giống như Như Lai. Vì sao Như Lai thường trụ trong Giới, Định, Huệ? Trong đại kinh thường tán thán: “*Na Già thường tại Định, vô hữu bất định thời*” (Bậc Na Già³ thường ở trong Định, không lúc nào chẳng định). Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, Ngài đều ở trong đại định, đạo lý gì vậy? Có thể chuyển biến cảnh giới.

Chúng ta học Phật rất đáng thương. Đối với cảnh giới bé tí đều bị ngoại cảnh xoay chuyển, chính mình chẳng thể làm chủ được! Nếu là vì chuyện cá nhân, hãy coi như xong, chuyện gì cũng đều chớ nên so đo, cần gì phải vậy! Sẽ chẳng có chuyện chi hết! Nếu chuyện ấy liên quan đến sự an nguy hoặc lợi hại của đại chúng trong xã hội thì chẳng thể không hỏi đến. Đây chẳng phải là vì chính mình, mà là vì chúng sanh, vì chánh pháp tồn tại lâu dài. [Nếu là chuyện] vì lợi ích chúng sanh, đối với chuyện ấy nhất định phải hỏi tới, phải hỏi như thế nào? Khéo léo, uyển chuyển. Trong hiện thời, người thật sự phát đại tâm làm thiện sự

³ Na Già thường được dịch là “*long tượng*”, tức một loại voi to. Có thuyết giải thích từ ngữ này nói về rồng và voi. Đây là một danh xưng nhằm ca ngợi đức Phật cao quý, ôn trọng, luôn an định.

chẳng nhiều. Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ hiểu rõ, rất nhiều kẻ làm thiện sự là do theo đuôi người khác. Thấy người ta làm, chính mình bèn tùy hỷ đôi chút. Kẻ khác chẳng làm, họ tuyệt đối chẳng thể dấy lên ý niệm. Vì thế, thiện kiểu đó chẳng thật, thiện kiểu đó là giả. Quý vị thấy tiên sinh Liễu Phàm đã nói có tám loại thiện, có chân, có giả, có thiên lệch, có chánh đáng, có lớn, có nhỏ, có chẳng toàn vẹn và toàn vẹn. Quý vị xem rồi sẽ hiểu rõ!

Nếu người nào chẳng tu hành, chẳng thật sự giác ngộ, sẽ chẳng thể được! Họ nghĩ thiện sự viên mãn ngàn ấy, họ làm rớt ráo đường ấy, chẳng phải là chuyện đơn giản đâu nhé! Từ chỗ này, quý vị cũng có thể nhận biết, cũng có thể thấu hiểu tu hành chẳng phải là chuyện đơn giản đường ấy, đồng thời cũng ý thức nghiệp chướng sâu nặng đường ấy, nghiệp chướng ngăn lấp ngàn ấy. Nếu chẳng bị nghiệp chướng ngăn lấp, quý vị sẽ là người thông minh, lanh lợi bậc nhất, trong đời này, quý vị xác thực sẽ tiêu tai, tích lũy công đức. Cuộc sống của quý vị sẽ là pháp hỷ sung mãn, chắc chắn sẽ có thể lợi ích vô lượng vô biên chúng sanh. Quy kết đến cuối cùng, sẽ là trí huệ; chẳng có trí huệ sẽ không được! Nhưng trí huệ, nói theo lý, mỗi cá nhân đều như nhau, hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà không thể chứng đắc. Quý vị bèn hiểu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhiều đường ấy! Lại có một chướng ngại to lớn là oán thân trái chủ, hữu hình hay vô hình. Nói theo phương diện cảm ứng, sẽ là hiển ứng (顯應, cảm ứng rõ rệt) hay minh ứng (冥應, cảm ứng ngầm ngầm). Đây là chướng ngại rất lớn. Vì thế, hầu như bất cứ người tu hành nào, gần như chẳng có ai không coi chuyện hóa giải oán kết, tức là oán kết trong nhiều đời và hiện tiền như đại sự bậc nhất trong việc tu hành. Tu gì vậy? Hóa giải oán kết. Chỉ có thời thời khắc khắc chính mình phản tỉnh, luôn luôn phải quy kết về chính mình, đừng nên trách móc ai khác. Trách móc kẻ khác chắc chắn là sai lầm! Chẳng có lẽ ấy!

Vì thế, nay chúng ta đọc bài kệ này, trên đường, quý vị gặp gỡ người tu hành, bất luận là người tu hành thuộc tôn giáo nào, vì ở đây [Văn Thù Bồ Tát] chẳng nói “*nhược kiến tỳ-kheo, nhược kiến sa-di*” (nếu thấy tỳ-kheo, nếu thấy sa-di). [Nếu nói như vậy], sẽ chắc chắn là đệ tử Phật. Kinh chỉ chép “*sa-môn*”, tức là nói chung tất cả những người tu hành thuộc các tôn giáo. Sa-môn cũng chẳng nhất định là người xuất gia! Hàng tại gia thật sự đoạn ác tu thiện, cũng được gọi là sa-môn; nhưng sau khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa, chữ sa-môn tại Trung Hoa quá nửa là nói đến hàng xuất gia, hàng tại gia chẳng gọi là sa-môn. Nhưng cũng có một số ít thật sự hiểu “*tại gia cũng có thể gọi là sa-môn*”. Họ cũng chẳng sai. Theo thói quen, [từ ngữ sa-môn] dùng để chỉ người xuất gia, người xuất gia được gọi là sa-môn. Do vậy, ý nghĩa gốc của từ ngữ này chẳng phân biệt xuất gia hay tại gia, nhưng nhất

định là “*dứt ác, làm lành*”, đây là điều khẳng định. Vì thế, ở đây Thanh Lương đại sư dịch [chữ Sa-môn] thành Chỉ Túc.

“*Tất cánh chỉ túc*” (Ngưng dứt rốt ráo): Trong Phật pháp, “*tất cánh chỉ túc*” là ngưng dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu ngưng dứt những thứ ấy, sau đó sẽ thật sự là “*duy Đại Niết Bàn*”, [nghĩa là] chỉ có Đại Niết Bàn. Tại Ấn Độ, Niết Bàn và Đại Niết Bàn vào thời cổ cũng là thông xưng (danh xưng thông dụng), mỗi tôn giáo đều gọi chuyện “đạt đến quả báo tốt cùng viên mãn” là Niết Bàn. Niết Bàn có ý nghĩa “*bất sanh, bất diệt*”, trong Phật môn thường dùng chữ Viên Tịch (圓寂) [với hàm nghĩa] “*công đức viên mãn, thanh tịnh tịch diệt*”. Phật môn dùng hai câu ấy để giải thích [danh xưng Niết Bàn]. Trong chín mươi sáu loại tôn giáo ở Ấn Độ vào thời cổ, xác thực là có khá nhiều phái có công phu Thiền Định rất khá. Trong khi nhập Định, họ có thể đến Sắc Giới Thiên, Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, và Tứ Thiên, có thể đến Tứ Không Thiên. Có những tôn giáo ngộ Tứ Thiên là Niết Bàn, hiểu lầm mà! Còn có các tôn giáo coi Tứ Không Thiên là Niết Bàn. Quý vị thấy tầng cao nhất trong Tứ Không Thiên, công phu định lực có thể đạt tới tám vạn đại kiếp, kém hơn một bậc là sáu vạn đại kiếp, kém hơn một bậc nữa là bốn vạn đại kiếp, kém hơn một bậc nữa là hai vạn đại kiếp. Quý vị bèn hiểu công phu định lực trong Tứ Thiên, tức là công phu định lực trong Đệ Tứ Thiên của Sắc Giới là một vạn sáu ngàn kiếp.

Họ đều coi những cảnh giới ấy như Niết Bàn, nhưng khi thời gian đã tới (thời gian có thể duy trì định lực đã hết), công phu định lực của họ bị mất đi. Sau khi đã mất đi, phiền não tập khí của họ liền dậy lên hiện hành, cái tâm bèn loạn. Khi ấy, họ sẽ hoài nghi, hoài nghi gì vậy? Niết Bàn như thánh nhân đã nói là giả trát, chẳng thật. Chẳng phải là Niết Bàn bất sanh bất diệt ư? Vì sao hiện thời hiện tượng sanh diệt của ta lại dậy lên? Đã nầy sanh ý niệm ấy, bèn hủy báng thánh hiền. Tội lỗi hủy báng thánh hiền nặng lắm. Không chỉ là chuyện của riêng mình quý vị đâu nhé! Vì quý vị hủy báng mà khiến cho rất nhiều người đánh mất tín tâm đối với thánh hiền, cho rằng những điều thánh hiền đã dạy toàn là giả trát. Vì sao? Người ấy đã chứng minh rồi đó! Người ấy đã chứng Đại Niết Bàn, hiện thời lại bị lui sụt, có thể thấy là Niết Bàn chẳng thật! Điều này khiến cho bao nhiêu người chôn vùi tín tâm, tội báo ấy chính là địa ngục A Tỳ! Đó gọi là “*trèo cao, ngã nặng*”. Đạo lý ở ngay chỗ này!

Bồ Tát thấy những người tu hành ấy, quý vị thấy các Ngài (Bồ Tát) từ trong cảnh giới bèn dẫn phát đại nguyện trong tự tánh, “*đương nguyện chúng sanh, điều nhu tịch tĩnh, tất cánh đệ nhất*” (nguyện cho chúng sanh, điều hòa, mềm mỏng, vắng lặng, rốt ráo là bậc nhất), có nguyện như thế đó. “*Tất cánh đệ nhất*” xác thực là Đại Niết Bàn của

Như Lai, đây mới là đệ nhất thật sự. Vì sao? “*Bát sanh bất diệt*” như các tôn giáo khác đã nói đều chẳng thật, [bởi lẽ], chẳng thoát khỏi tam giới. Sở dĩ Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian này chính là vì chuyện này, đây là do căn cơ của các chúng sanh đã chín muồi. Vì sao? Đối với những lạc sự, vinh hoa, phú quý trong thế gian, họ đã thấy thấu suốt, biết chúng là hư giả, chẳng truy cầu nữa, mà mong cầu bát sanh bất diệt. Chỉ cần có ý niệm ấy thì gọi là “*căn cơ đã chín muồi*”. Ý niệm ấy là cảm. Căn cơ đã chín muồi, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ ứng. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật bèn đến, Ngài đến ứng hóa. Vì sao Ngài không đến ứng hóa tại Trung Hoa? Người sống tại Trung Hoa vào thuở ấy chẳng có ý niệm ấy, tối đa là người Hoa có nguyện vọng gì? Sanh lên trời! Người Hoa biết có trời, có Ngọc Hoàng Đại Đế, hoàn cảnh trên trời tốt đẹp hơn nhân gian, chẳng biết ngoài trời còn có trời, chẳng biết! Vì thế, người Hoa chẳng có ý niệm mong vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng hề có! [Do vậy], Phật, Bồ Tát chẳng [ứng hiện] tại [Trung Hoa]!

Trên thực tế, nói “*Phật, Bồ Tát chẳng đến*”, quý vị cũng đừng nghe rồi hiểu lầm! [Thật ra], Phật, Bồ Tát vẫn đến, đến như thế nào? Chẳng đến bằng thân phận Phật, Bồ Tát! Do vậy, ở Trung Hoa xuất hiện Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Trang Tử, quý vị nói họ có phải là Bồ Tát tái lai hay chẳng? Rất có thể. Năm xưa, tôi cầu học ở Đài Trung, đã thỉnh giáo thầy Lý về chuyện này. Thầy Lý bảo: “*Nói theo Lý thì hợp lẽ!*” Chẳng phải là Quán Âm Bồ Tát đã từng nói: ‘Đáng nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy’ đó sao? Đáng nên dùng thân Khổng Tử để đắc độ, bèn hiện thân Khổng Tử. Đáng nên dùng thân Lão Tử để đắc độ, bèn hiện thân Lão Tử. Vậy thì Khổng Tử, Lão Tử là Phật, Bồ Tát tái lai, nói theo Lý sẽ suông sẻ. “*Nơi Sự thì chẳng có căn cứ*”. Vì sao? Chính họ chẳng nói họ là Bồ Tát nào tái lai. Nếu Khổng Tử, Mạnh Tử khi lâm chung bảo mọi người họ là Bồ Tát gì đó tái lai thì đây là thật. Họ chẳng nói; do chẳng nói, chẳng có căn cứ sự thật. Nói theo Lý, chắc chắn sẽ thông suốt. Vì thế, Phật, Bồ Tát thị hiện tại Trung Hoa, chẳng dùng thân phận Bồ Tát để thị hiện, mà thị hiện gì? Quý vị nói tới đời sau, thị hiện làm tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, cư sĩ, quốc vương, đại thần. Đúng là giống như ba mươi hai ứng thân mà kinh điển đã nói, xác thực là có, chẳng phải là không có. Cao Tăng Truyện, Thần Tăng Truyện, và Cư Sĩ Truyện đều có ghi chép rất cặn kẽ!

Nơi xứ Ấn Độ, xác thực là cơ duyên của họ đã chín muồi, vì họ tu Thiên Định. Lại còn có Thiên Định sâu như vậy, Tứ Thiên Bát Định! Do đó, lục đạo luân hồi chẳng phải do đức Phật nói ra đầu tiên, mà là do Bà La Môn nói. Bà La Môn giáo sớm hơn Phật giáo quá nhiều. Chính họ tự nói tôn giáo của họ truyền đến hiện thời đã hơn một vạn năm, có đáng tin hay chẳng? Cũng có thể tin được, nhưng người Ấn Độ

không coi trọng lịch sử, chẳng ghi chép. Trên thế giới hiện thời, nói chung, mọi người công nhận Bà La Môn giáo tối thiểu là có lịch sử tám ngàn năm trăm năm. Vì thế, trong các tôn giáo trên toàn thế giới, nói theo lịch sử, Bà La Môn giáo được xếp đầu tiên. Do Thái giáo (Judaism, Yehudah) có bốn ngàn năm, Bái Hỏa giáo (Zoroastrianism, Mazdayasna) đã lâu hơn ba ngàn năm, đại khái là ba ngàn năm trăm năm, Phật giáo xếp thứ tư, tức là xếp vào hạng thứ tư. Điều này có nghĩa là họ ở trong Thiên Định đã đột phá thời gian, vượt qua các chiều không gian, trông thấy lục đạo luân hồi, chẳng phải do họ tưởng tượng, họ trông thấy rồi nói ra. Họ hiểu rành mạch hiện tượng luân hồi trong lục đạo, nhưng lục đạo vì sao mà có, họ chẳng biết. Ngoài lục đạo còn có gì khác hay chẳng, họ cũng chẳng biết.

Trong tình huống ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật dùng thân Phật, dùng thân Bồ Tát để thị hiện, vì sao? Họ mong cầu Niết Bàn, mong cầu bất sanh bất diệt, Phật pháp thật sự có “bất sanh, bất diệt”. Niết Bàn của Tiểu Thừa gọi là Thiên Chân Niết Bàn, vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng có Phần Đoạn sanh tử. Chẳng có hiện tượng sanh tử như trong lục đạo luân hồi, nhưng ngoài lục đạo luân hồi, còn có một thứ là Biến Dịch sanh tử; [đấy là] hai loại sanh tử. Biến Dịch sanh tử chẳng phải là sanh tử thật sự, mà là do tu hành rất vất vả, cho nên coi nỗi khổ ấy như sanh tử. Vất vả như thế nào đi nữa, chẳng nhọc nhằn bằng tu hành trong lục đạo. Nó nhẹ nhàng hơn nhiều lắm! Tuy nhẹ nhàng, nhưng vẫn có, vì thế gọi là Biến Dịch sanh tử. Mỗi giai đoạn tu hành đến một [mức độ] công phu nào đó, lại tiến cao hơn. Vì thế, tiến lên Đại Thừa, đạt đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đấy là chứng Đại Niết Bàn. Không chỉ là vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới. Đấy là đi khát thực bên ngoài, trông thấy người tu hành, chính mình luôn có nguyện vọng như vậy, thâm lặng chúc phước cho người ấy, hy vọng người ấy thật sự có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, chứng đại Niết Bàn của Như Lai. A! Chúng tôi giảng bài kệ này tới đây.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin hãy xem tiếp bài kệ tiếp theo là bài thứ mười bốn:

(Kinh) Kiến Bà La Môn, đương nguyện chúng sanh, vĩnh trì Phạm hạnh, ly nhất thiết ác.

(經) 見婆羅門。當願眾生。永持梵行。離一切惡。

(Kinh: Thấy Bà La Môn, nguyện cho chúng sanh, mãi giữ Phạm hạnh, lìa hết tất cả ác).

Bà La Môn vào thời cổ được người hiện thời gọi là Ấn Độ giáo;

ở Nam Dương, nó được gọi là Hưng Đô giáo (Hinduism), tín đồ cũng chẳng ít. Mấy năm trước, chúng tôi ở Tân Gia Ba, giáo đồ Hưng Đô giáo tại Tân Gia Ba rất đông. Bất cứ lúc nào cũng có thể thấy đạo tràng của họ, cũng có không ít đạo tràng tôi đã đến thăm, kết duyên cùng họ cũng rất sâu. Kinh điển Ấn Độ giáo khá ít tuy lịch sử truyền thừa rất lâu. Họ thờ thần, điều chủ yếu của tôn giáo là [tin vào một vị] thần sáng tạo vũ trụ, tức Đại Phạm Thiên. Trong Phật môn, vị này được gọi là Đại Phạm thiên vương. Thoạt đầu, họ cũng tiếp nhận không ít giáo nghĩa Phật giáo; vì thế, Hưng Đô giáo là phái cách tân của Bà La Môn giáo, có mối quan hệ rất mật thiết với Phật giáo. Họ coi Thích Ca Mâu Ni Phật là tiên tri, là thánh nhân, nhưng trên thánh nhân còn có một vị thần, tức là thần chúa tể. Chuyện này có thể nói thông suốt được, Phật pháp là viên dung, xác thực là “*đáng nên dùng thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy*”!

Trong các vị Đại Phạm thiên vương có Phật, Bồ Tát thị hiện hay không? Khẳng định là có! Trong giáo pháp Đại Thừa, chúng ta thường thấy Thập Địa Bồ Tát thường ứng hóa trong Sắc Giới Thiên, làm thiên vương trong Sắc Giới hay Dục Giới, dùng loại thân phận ấy để độ chur thiên. Những vị thiên vương ấy là hóa thân của Phật, Bồ Tát, tự nhiên là hộ pháp trong Phật môn. Vì thế, họ cũng thường lễ thỉnh chur Phật, Bồ Tát đến thiên cung giảng kinh, thuyết pháp. Quý vị thấy kinh Địa Tạng chẳng phải là giảng trên Đạo Lợi Thiên ư? Còn đối với kinh Hoa Nghiêm, trong phần trước, quý vị đã thấy rồi đó, tôi đã giới thiệu, bày chỗ, chín hội. Có khá nhiều bài kinh được giảng tại trời Dạ Ma, trời Đâu Suất, trời Hóa Lạc, hay trời Tha Hóa Tự Tại. Như thế thì chúng ta có thể tưởng tượng, các vị thiên vương ấy chắc chắn là Bồ Tát hóa thân. Chư vị phải hiểu, thiên vương quá nhiều!

Tam giới lục đạo ở trong tam thiên đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới là khu vực giáo hóa của một vị Phật. Khu vực giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là một tam thiên đại thiên thế giới. Đức Phật dạy, trên đỉnh của Dục Giới Thiên là Sơ Thiên Thiên, đây là một đơn vị thế giới. Trong một tiểu thiên thế giới, có bao nhiêu đơn vị thế giới? Có một ngàn. Tầng trời chót đỉnh của một ngàn đơn vị thế giới là Nhị Thiên Thiên. Do vậy, phía trên một ngàn Dục Giới Thiên (Lục Dục Thiên) chỉ có một Nhị Thiên Thiên. Phía trên một ngàn Sơ Thiên Thiên là một Nhị Thiên Thiên. Vì thế, Sơ Thiên là tầng trời chót đỉnh của một đơn vị thế giới, Nhị Thiên là tầng trời chót đỉnh của một tiểu thiên. Tam Thiên là tầng trời chót đỉnh của một trung thiên. Tứ Thiên là tầng trời chót đỉnh của một đại thiên thế giới. [Nói cách khác], một tam thiên đại thiên thế giới chỉ có một Tứ Thiên Thiên. Một tiểu thiên thế giới có một ngàn Dục Giới Thiên. [Đã là] một ngàn Dục Giới Thiên, như vậy thì quý vị biết như Đạo Lợi thiên vương [chẳng hạn], sẽ có

một ngàn vị Đạo Lợi thiên vương, một ngàn Dạ Ma thiên vương, một ngàn Đâu Suất thiên vương. Rốt cuộc là vị thiên vương của Đâu Suất Thiên nào? Là vị thiên vương của Đạo Lợi Thiên nào? Không chỉ là một vị, rất ư là nhiều! Giống như trên quả địa cầu hiện thời có hơn một trăm quốc gia, giả thiết những quốc gia ấy đều là quốc gia dân chủ, mỗi quốc gia đều có Tổng Thống, quý vị là Tổng Thống của quốc gia nào? Hơn một trăm quốc gia! Chúng ta phải hiểu rõ điều này, chớ nên hàm hồ, lơ mơ! Có nghĩa là Đạo Lợi thiên vương nhiều ngàn ấy, trong số đó, có vị thật sự là chư thiên thuộc Dục Giới Thiên, trong ấy, xác thực cũng có Phật, Bồ Tát ứng hóa. Phật, Bồ Tát đến ứng hóa nơi đâu? Đây đều là do chúng sanh cảm ứng. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn ứng. Đạo lý như thế đó, phải hiểu rõ ràng, rành rẽ chuyện này.

Bà La Môn giáo coi Phạm Thiên là chân thân để sùng bái. Phạm (梵) có nghĩa là thanh tịnh. Trong Phật giáo, Phạm Thiên được gọi là Sơ Thiên Thiên Chúa, tức Đại Phạm thiên vương. Do vậy, trong đại thiên thế giới này, Đại Phạm thiên vương cũng rất nhiều, đương nhiên là có Phật, Bồ Tát thị hiện trong ấy. Điều này là khẳng định, có thể nói là chúng ta chẳng may may ngò vục chi! Phạm Thiên đề xướng tịnh hạnh, Phạm có nghĩa là thanh tịnh, dẫn phát đại nguyện của Bồ Tát, “*vĩnh trì Phạm hạnh, ly nhất thiết ác*” (vĩnh viễn giữ gìn hạnh thanh tịnh, lìa hết thảy ác), tu tâm thanh tịnh. Trong kinh Hoa Nghiêm có phẩm Phạm Hạnh, hiện thời chúng ta đang đọc phẩm Tịnh Hạnh, phần sau còn có phẩm Phạm Hạnh. Nếu Tịnh Hạnh được nâng cao hơn, sẽ là Phạm Hạnh. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nêu ra tổng cương lãnh tu hành, chớ nên không biết điều này!

Chúng ta muốn tu Tịnh Độ, giáo pháp Đại Thừa đã dạy, “*tâm tịnh, cõi Phật tịnh*”. Nói thật ra, cõi nước chẳng có tịnh hay uế, tịnh hay uế là do lòng người! Lòng người thanh tịnh; núi, sông, đại địa chẳng có thứ gì không thanh tịnh. Lòng người bất tịnh, chẳng có pháp nào là thanh tịnh. Đây là gì? Cảnh chuyên theo tâm, đúng vậy, Thật Tướng đây! Vì thế, kinh Lăng Nghiêm có nói: “*Nếu có thể chuyển vật, ắt giống Như Lai*”. Phạm vi của chữ “*vật*” (物) hết sức rộng lớn, loài người cũng được bao gồm trong ấy, [thường nói gộp chung là] “*nhân vật*”. Nếu nói là “*người*” thì trong lục đạo chỉ có nhân đạo (loài người), chín pháp giới khác chẳng được bao gồm trong đó. Nếu nói “*vật*”, mười pháp giới đều được bao gồm. Vì thế, chữ “*vật*” bao gồm y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, hoàn toàn bao gồm trong ấy. Tâm tịnh thì hết thảy các pháp đều tịnh. Sau đó là câu “*ly nhất thiết ác*” (lìa hết thảy ác). Do vậy có thể biết, hết thảy ác sanh từ nơi đâu? Hết thảy ác sanh từ cái tâm nhiễm ô, chẳng thanh tịnh. Chúng ta thường nói là “*phiền não*”, phiền não sẽ chẳng thanh tịnh. Trong cái tâm thanh tịnh chẳng có phiền não; tựa đề kinh Vô Lượng Thọ đã nêu

ra “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, năm chữ ấy chính là nhu cầu bức thiết trong xã hội hiện tại.

Tháng trước, tại Châu Sơn thuộc Hàng Châu, Trung Hoa, đã tổ chức luận đàn Phật giáo thế giới lần thứ nhất. Đây là kỳ đầu tiên, nghe nói sau này sẽ còn tiếp tục tổ chức. Chủ đề trong luận đàn là “*giác, chánh, tịnh*”, “*tâm tịnh ắt cõi nước tịnh, tâm an ắt chúng sanh an, tâm bình ắt thiên hạ bình*”. Đây chính là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” được nói trong tựa đề kinh Vô Lượng Thọ. Thanh tịnh và bình đẳng thì mọi người có thể thấy rất rõ rệt, nhưng “*giác*” thì dường như chẳng thấy. Nó có [tác dụng] an tâm, tâm an như thế nào? Hễ giác bèn an, mê sẽ chẳng an. Vì thế, tựa đề kinh dùng chữ Giác. Vì sao chúng ta biết mê sẽ chẳng an, hễ giác bèn an? Tôi nêu công án của Huệ Khả đại sư trong Thiên Tông, nay chúng ta nói là câu chuyện, [công án] tức là một câu chuyện về Huệ Khả đại sư, quý vị chẳng hiểu rõ hay sao?

Tổ sư Đạt Ma đến Trung Hoa, đây là người đầu tiên truyền nhập Thiên Tông vào Trung Hoa. Do vậy, Ngài là Sơ Tổ của Thiên Tông Trung Hoa. Huệ Khả là người thừa kế của Ngài, là tổ sư đời thứ hai của Thiên Tông. Vị này cũng rất lỗi lạc. Ngài đến chùa Thiếu Lâm tham phỏng tổ sư Đạt Ma, rất vất vả, rất chân thành. Vì thế, đây chính là như cổ đức đã nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Thành kính được biểu hiện từ chỗ nào? Khi Ngài đến bái phỏng tổ sư Đạt Ma, nhằm lúc tuyết đổ, mùa Đông trời đổ tuyết. Tổ sư Đạt Ma tĩnh tọa trong phòng, mở toang cửa. Ngài thấy tổ sư tĩnh tọa, chẳng tiện kinh động Tổ; vì thế, đứng ngoài cửa. Tuyết đổ dày, ngập đến tận gối như thế đó, quý vị biết Ngài đã đứng bao lâu, Ngài vẫn cứ đứng nơi đó. Tổ sư vẫn chưa xuất định, Ngài đợi rất lâu. Gặp tổ sư cũng chẳng có gì để cúng dường. Khi ấy, người xuất gia trên thân đều đeo một thanh giới đao. Quý vị thấy quần áo của người xuất gia hiện thời ở bên này có may hai cái túi. Cái túi ấy để làm chi vậy? Để chứa giới đao. Ngài dùng giới đao chặt đứt cánh tay của chính mình, đem cánh tay ấy cúng dường tổ sư Đạt Ma.

Tổ sư Đạt Ma xuất định, mở mắt ra, thấy tình hình như vậy, liền hỏi Ngài: “Sao người khổ sở như vậy? Rốt cuộc là vì điều gì?” Huệ Khả đại sư thưa: “Tâm con bất an, cầu đại sư an tâm cho con”. Tổ sư Đạt Ma bảo: “*Ông lấy cái tâm ra đi*”. Vì thế, nay chúng ta thấy rất nhiều bức tượng tạc tổ Đạt Ma duỗi một cánh tay ra. Duỗi tay để làm gì? “Người lấy cái tâm ra đây, ta sẽ an nó cho người!” Huệ Khả đại sư nghe xong sững sờ, suy ngẫm tìm tâm, lặng thinh một lúc lâu, Ngài thưa: “*Ngã mịch tâm liễu bất khả đắc*”, [nghĩa là] con tìm chẳng thấy cái tâm. Trong kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan còn tìm tâm ở bảy chỗ, nói ra bảy chỗ đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật bác bỏ. Quý vị nhìn từ chỗ này, dường như Huệ Khả đại sư còn cao hơn ngài A Nan một bậc, Ngài

lập tức trả lời: “*Tìm tâm trọn chẳng thể được!*” Tổ sư Đạt Ma đáp lại bằng một câu: “*Dữ như an tâm cánh*”, nghĩa là ta đã an cái tâm cho người rồi đó. Từ câu nói ấy, khiến ngài Huệ Khả bèn ngộ, hoát nhiên đại ngộ.

Vì thế, giác ngộ thì tâm bèn an; khi mê, tâm bất an! Đây là một thí dụ rất rõ rệt. Quý vị mong tâm an, để tâm an thì phải giác ngộ. Giác ngộ gì vậy? Thật sự triệt để liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Khi ấy, vọng niệm chẳng sanh, tâm bèn an. Tâm bất an tức là vọng tưởng quá nhiều, làm sao quý vị có thể an cho nổi? Nay chúng ta thường nói [tâm bất an] là phập phều, bộp chộp. Phàm là kẻ xáo động, bộp chộp, học gì cũng đều chẳng thành công. Đừng nói là học Phật pháp, pháp thế gian kẻ ấy cũng chẳng thể có thành tựu chi cả! Dạy học thời cô rất coi trọng chuyện này. Bất luận pháp thế gian hay Phật pháp, đều phải là tâm bình khí hòa, quý vị mới thật sự có thể học được thứ này, thứ nọ. Tâm địa thanh tịnh, chắc chắn là chẳng hời hợt, bộp chộp, người như vậy thì sẽ có thể dạy được!

Điều đó có nghĩa là người ấy có lòng thành kính, có lòng chân thành cung kính. Hễ chân thành, cung kính, cái tâm sẽ chẳng hời hợt, bộp chộp. Kẻ hời hợt, bộp chộp, sẽ chẳng có lòng chân thành, mà cũng chẳng có kính ý. Dầu cung kính, đó là giả trá, chẳng thật! Người sáng mắt vừa nhìn bèn thấy rõ ngay, thấy gì vậy? Thấy cái tâm của quý vị có thanh tịnh hay không, thấy quý vị có thật sự chân thành hay không. Nếu thật sự chân thành, thật sự rất trang trọng, ồ trọng, thầy nhất định sẽ chịu dạy quý vị. Thầy chẳng chịu dạy quý vị thì sẽ chẳng phải là bậc thiện tri thức thật sự. Một vị thiện tri thức thật sự suốt một đời chẳng có mong cầu chi khác, Ngài luôn hy vọng có thể gặp một học trò tốt đẹp hòng có thể truyền thừa đạo nghiệp do Ngài đã học. Quý vị thấy tổ Đạt Ma gặp ngài Huệ Khả, đang khi Ngài tĩnh tọa nhập định, trời trong lặng, chưa đổ tuyết. Nay Tổ xuất Định, thấy tuyết đổ sâu như vậy, Huệ Khả vẫn đứng nơi chỗ đất ngập tuyết, lại còn chặt cánh tay để cúng dường. Từ chỗ này, quý vị thấy được điều gì? Thấy lòng thành của người ta, thấy lòng kính của người ta, thấy tâm người ta là định, chẳng phải là hời hợt, bộp chộp. Vì thế, Tổ chỉ điểm một câu, ngài Huệ Khả bèn thông suốt, hoát nhiên đại ngộ. Ngài ngộ nhập cảnh giới do Phật, Bồ Tát đã chứng nhập.

Kinh Bát Nhã đã giảng về cảnh giới ấy rất nhiều. Người đọc kinh Bát Nhã rất ít, chứ kinh Kim Cang và Tâm Kinh ắt ai nấy đã từng đọc, từng niệm rồi, cảnh giới ấy là cảnh giới ngộ nhập của tổ sư đại đức. Vừa mở đầu, Tâm Kinh bèn nói đến chuyện trí huệ đã khai: “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*” (Soi thấy năm uẩn đều không). Đối với ngũ dục lục trần trong thế gian, pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị sẽ tự nhiên buông xuống. Chương Gia đại sư nói “*chiếu kiến*” là “*thấy thấu*

suốt”. Thật sự thấy thấu suốt, hiểu rõ, đó chính là giác. Chiều kiến là giác, buông xuống là lia hết thấy ác. Căn cội của hết thấy ác là gì? Thừa cùng chư vị, căn cội là vọng tưởng. Kinh luận Pháp Tướng đã nói: “*Do một niệm bất giác mà có vô minh. Vô minh sanh tam tế, tam tế sanh lục thô*”. Vì thế, vô minh là cội nguồn của hết thấy ác, không chỉ là cội nguồn của lục đạo và mười pháp giới. Sau khi đã thật sự ngộ, không chỉ là chẳng có lục đạo. “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (Giác rồi ba cõi rộng toang hoang), lục đạo và mười pháp giới đều chẳng có, triệt ngộ mà! Đây mới thật sự là lia hết thấy ác, dẹp trừ gốc ác!

Chúng tôi thường giới thiệu điều này với các đồng tu, chúng tôi căn cứ trên lời dạy của đức Thế Tôn trong kinh Hoa Nghiêm: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật. Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Nói cách khác, trong mắt Phật, hết thấy chúng sanh, “*hết thấy chúng sanh*” ở đây không chỉ là hữu tình chúng sanh, mà còn bao gồm vô tình chúng sanh trong ấy. Nay chúng ta nói “*vô tình*” là nói đến gì vậy? Nói tới thực vật, khoáng vật, hiện tượng tự nhiên đều được bao gồm trong ấy. Nay chúng ta chẳng có trí huệ, đức năng cũng chẳng có, tướng hảo cũng chẳng có, biến thành nông nổi ấy, phải biết nguyên nhân. Một câu nói của đức Phật đã cảnh tỉnh chúng ta, [nguyên nhân là do] vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tuy Ngài chẳng nói đến phân biệt, tính lược phân biệt, nhưng trong vọng tưởng luôn có phân biệt. Vọng tưởng là gì? Vô minh phiền não. Phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Đối với các đồng học đã có học tập Phật pháp, hễ nói đến những danh từ ấy, chư vị đều hiểu rất rõ. Ba loại phiền não lớn, mỗi loại đều là vô lượng vô biên, đoạn chúng bằng cách nào?

Kinh Hoa Nghiêm đã nói rất hay! Kinh chẳng dùng ba thứ danh từ phiền não ấy, mà dùng “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Chúng ta đọc kinh, nghe kinh, nghe nói theo kiểu ấy, dường như là hiểu được; thật ra, hoàn toàn chẳng thật sự hiểu! Nếu thật sự hiểu, vẫn là ba loại phiền não như kinh Đại Tiểu Thừa đã nói, nói rất cặn kẽ. Cách đoạn như thế nào? Kinh Hoa Nghiêm là đại pháp viên đốn, giống như tổ Đạt Ma độ ngài Huệ Khả, như Ngũ Tổ độ Huệ Năng, đại pháp viên đốn mà! “*Một ngộ, hết thấy ngộ; một giác, hết thấy giác*”, đỡ tốn công lắm! Chuyển phàm thành thánh trong một niệm! Một niệm cũng chẳng dễ quay đầu đâu nhé, lũ bình phàm chúng ta chẳng làm được, chẳng chuyển nổi niệm ấy! Chẳng có năng lực chuyển được. Năng lực gì vậy? Chân thành đến mức tột bậc, chẳng có gì khác! Chúng ta là hư tình giả ý, chuyển cách nào cũng đều chẳng thể chuyển được! Người ta thành kính cùng cực, chuyển rất dễ dàng!

Chuyên nơi vọng tưởng; hề chẳng có vọng tưởng, đương nhiên là chẳng có phân biệt và chấp trước. Vọng tưởng là căn cội! Từ vọng tưởng sanh ra phân biệt, từ phân biệt sanh ra chấp trước. Quý vị bèn hiểu vọng tưởng là căn cội; dẹp trừ từ vọng tưởng, vấn đề bèn được giải quyết. Bí quyết truyền pháp trong Tông Môn ở ngay chỗ này. Vọng tưởng là gì? Tôi thường giải thích với các đồng học, dùng lời lẽ nông cạn nhất, đơn giản nhất để quý vị dễ hiểu, tức là khởi tâm động niệm. Quý vị hãy ngẫm xem, nếu chúng ta có thể giữ sao cho sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài mà chẳng khởi tâm, không động niệm, sẽ là Phật, là Như Lai. Vừa mới khởi tâm động niệm, vô minh đã sanh. Vô minh sanh khởi, nhất định sẽ đẩy lên phân biệt, nhất định sẽ đẩy lên chấp trước. Càng đẩy, càng hồng hét!

Rèn luyện trong Tông Môn, chẳng phải là rèn luyện điều chi khác, mà là ngay trong lúc sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, bèn học chẳng khởi tâm, không động niệm. Chư vị phải biết, tôi nói “*học*” tức là đã khởi tâm động niệm, đúng không? Vì thế, chúng ta chẳng có cách nào học, ta vẫn phải học! Chẳng thể học ư? Chẳng thể học cũng là khởi tâm động niệm, phiền toái rồi! Rốt cuộc phải như thế nào thì mới được? Trong Tông môn có nói, “*hãy tham cứu*”. Chẳng có cách nào nói, mà cũng chẳng thể tưởng tượng được. Do vậy, “*ngôn ngữ dứt bặt, tâm hành xứ diệt*”, thật sự giải quyết vấn đề. Nếu còn có ngôn ngữ, còn có tư duy, chẳng phải thấy đều là lại phân biệt, chấp trước đó sao? Vì thế, đối tượng truyền pháp của Tông Môn là bậc thượng thượng căn. Sáu căn của người thượng thượng căn ở trong cảnh giới sáu trần sẽ chẳng khởi tâm, không động niệm. Quý vị nói xem người ấy còn có ác hay không? Thiện còn chẳng có, lấy đâu ra ác? Thiện lẫn ác đều chẳng có! Thừa cùng chư vị, thiện trong thiện ác vẫn là ác, vì sao? Quý vị chấp trước điều thiện ấy, phân biệt điều thiện ấy, sẽ chẳng lìa khỏi lục đạo luân hồi, chỉ thọ sanh trong ba thiện đạo của lục đạo mà thôi! Đây gọi là tâm tịnh, là Phạm Hạnh.

Chúng ta hãy ngẫm xem, đây chẳng phải là cảnh giới hiện tiền của chúng ta! Vì thế, Giáo Hạ khuyên mọi người hãy học từ nơi đâu? Học từ không chấp trước, điều này dễ học. Quả vị trong Phật giáo có ba bậc. Bậc nhất là Phật Đà, tức là quả vị đã thành Phật. Quả vị thứ hai là Bồ Tát, quả vị thứ ba là La Hán. Đây là ba quả vị tu chứng trong Phật môn. Người nào tu khá lắm, sẽ thành A La Hán. Thành A La Hán bằng cách nào? Đoạn trừ chấp trước. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, quý vị hãy ngẫm xem, người ấy còn khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm tức là người ấy còn có vọng tưởng, còn có phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước. Đừng coi thường nhé! Chẳng có chấp trước, sẽ chẳng có lục đạo luân hồi! Vì thế, tuy người ấy chẳng vượt thoát mười pháp giới,

người ấy đã vượt thoát lục đạo. Nếu chúng ta đối với hết thầy người, sự, vật, và hết thầy các pháp mà còn có chấp trước, quý vị phải biết chính mình chắc chắn ở trong lục đạo, chẳng thoát khỏi lục đạo. Vì sao? Chúng ta phải có sự cảnh giác này. Nay chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mà có chấp trước nghiêm trọng đối với hết thầy người, sự, vật, sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh, đạo lý ở chỗ này. Ta thứ gì cũng đều chẳng chấp trước, có thể buông xuống chấp trước, niệm Phật vãng sanh sẽ chẳng có chướng ngại. Chẳng có chướng ngại đến mức độ nào? Thừa cùng chư vị, có thể tự tại vãng sanh, biết trước lúc mất, khi vãng sanh chẳng bị một tí đau khổ nào. Đau khổ đều là do chấp trước mà có! Chấp trước cái thân này, chấp trước người nhà, quyến thuộc, chẳng chịu buông xuống, cho nên khổ sở, đau khổ bèn đưa tới. Đó gọi là “*sanh ly tử biệt*”. Do vậy, phải học thầy thấu suốt, buông xuống chấp trước, đừng nên chấp trước nữa.

Trong cuộc sống hằng ngày, hãy tùy duyên. “*Tùy duyên*” là thứ gì cũng đều tốt. Vì hết thầy chúng sanh làm chuyện tốt; làm chẳng thành công, cũng chẳng cần chấp trước. Vì sao? Chúng sanh chẳng có phước báo, chính mình chẳng có trí huệ. Nếu chính mình có trí huệ, đâu chúng sanh chẳng có phước báo, vẫn có cách đột phá. Nếu chính mình chẳng đủ trí huệ, chúng sanh lại chẳng có phước, khi có rất nhiều chướng duyên đưa tới, sẽ chẳng thể đột phá. Điều này cũng là lẽ tự nhiên, cũng chẳng cần phải chấp trước! Đây là đột phá lục đạo, sanh vào tứ thánh pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới, có vọng tưởng, có phân biệt. Nếu đoạn trừ phân biệt, sẽ thuộc vào Phật pháp giới trong tứ thánh pháp giới. Tứ thánh pháp giới có bốn đẳng cấp là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật. Phật trong mười pháp giới chẳng rốt ráo. Vì thế, quý vị phải hiểu: Luôn rèn luyện trong cuộc sống hằng ngày. Hễ có thể không phân biệt, bèn tận hết sức chẳng phân biệt. Hễ có thể chẳng chấp trước, bèn tận hết sức không chấp trước. Có đoạn chấp trước, phân biệt hay không? Chẳng đoạn, [chỉ là] giảm bớt. Giảm bớt thì vẫn tốt hơn [chấp trước, phân biệt] rất nhiều! Vì thế, tận hết sức giảm bớt chấp trước, giảm bớt phân biệt thì khởi tâm động niệm sẽ chẳng có bao nhiêu. Đây thật sự là “*một đoạn thì hết thầy đều đoạn*”. Do vậy, chúng ta đoạn phân biệt và chấp trước từng phần một. Đó là hằng ngày có tiến bộ, đó là công phu thật sự. Phiền não bớt một phần, trí huệ sẽ tăng trưởng một phần, đức tướng cũng tăng trưởng một phần, lợi ích rất nhiều!

Phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng, người thế gian cũng biết, nhưng họ chẳng hiểu rõ ràng! Có phải là người thế gian nói [như thế này] hay không? “*Tướng chuyển theo tâm*”. Thâm nhập một tầng sâu hơn, sẽ là “*mạng chuyển theo tâm*”. Tiên sinh Liễu Phàm đã hiểu “*mạng chuyển theo tâm*”, tâm tốt, mạng sẽ tốt; tâm tốt, tướng sẽ tốt

đẹp. Hiểu đạo lý ấy, ông ta có thể cải tạo vận mạng của chính mình, có thể chuyển biến tướng hảo của chính mình. Ông ta đạt được phước báo trước mắt trong thế gian. Bất luận là cuộc sống vật chất hay cuộc sống tinh thần, ông ta đều hết sức hạnh phúc, vui sướng, mỹ mãn, ông ta đã hiểu đạo lý này. Đây là giáo dục nhân quả, luân lý, đạo đức. Thật sự có thể buông xuống phân biệt, chấp trước, trí huệ mở mang. Buông xuống càng nhiều, trí huệ thấu lộ càng nhiều, đạo lý là như thế đó. Vì vậy, quý vị chẳng thể không buông xuống! Nếu không buông xuống, sẽ vĩnh viễn chẳng thể khai trí huệ, vĩnh viễn chẳng đạt được tướng hảo.

Nếu công phu tăng tấn cao hơn, đây là do dụng công đã lâu, không nhất định là duyên nào sẽ được thúc đẩy thành tựu, lập tức buông khởi tâm động niệm xuống. Quý vị thấy Huệ Khả đại sư ở trước mặt tổ Đạt Ma, tổ Đạt Ma bảo: “*Dữ như an tâm cánh*” (Ta đã an cái tâm cho ngươi rồi). Từ ngay trong câu nói ấy, ngài Huệ Khả khai ngộ. Khai ngộ gì vậy? Đại triệt đại ngộ, tức là buông xuống khởi tâm động niệm. Không chỉ là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, mà trong sát-na chẳng có khởi tâm động niệm, sẽ khế nhập Nhất Chân pháp giới. Cảnh giới ấy chính là “*diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra*” (phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục) của chính mình như trong Tông Môn đã nói, Ngài đã khế nhập. Khế nhập và sở chứng chẳng khác tổ Đạt Ma, chẳng khác chư Phật. Đó gọi là “*Thật Tướng của các pháp cùng một lúc nhanh chóng hiện ra*”, đây là nhập cảnh giới.

Chúng ta nói đến tu hành thật sự thì là tu gì? Thật sự tu hành, người [chẳng] lợi căn tu hành sẽ là tu trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật, thấy thấu suốt chân tướng sự thật, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trừ những thứ ấy ra, chẳng có Phật pháp! Ngàn kinh muôn luận nói đến cuối cùng, đạt đến kết luận, chính là điều này. Vì thế, Phật pháp chẳng phải là mê tín, ngay cả tiến sĩ Thang Ân Tỹ (Arnold Toynbee) cũng biết chuyện này. Tôi đọc sách của ông ta, thấy ông ta nói: “*Phật giáo là vô thần luận, Phật giáo là trí huệ, Phật giáo là đại học vấn*”. Khi tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật giáo cho tôi, cụ đã bảo tôi: “*Phật giáo là triết học cao cấp*”. Cao đến mức độ nào? Cụ bảo tôi: “*Trên thế giới này, chẳng có gì cao hơn Triết Học trong kinh Phật*”. Tôi theo học Triết Học với cụ, sau đây, cụ còn bảo tôi: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Nghe câu nói ấy xong, rất động lòng, thế là tôi hướng theo Phật môn. Sau khi tôi xuất gia lại đến thăm cụ, cụ thấy tôi bèn nói: “Anh thật sự làm được! Tôi nói đúng mà!” Thầy giới thiệu [Phật pháp], hết sức hoan hỷ. Thầy bảo: “Anh đi theo con đường ấy là đúng, hoàn toàn chánh xác”.

Kể từ khi chúng tôi được thầy giới thiệu cho đến nay đã là năm mươi lăm năm, trong năm mươi lăm năm ấy, hằng ngày đọc kinh, hằng

ngày học tập, tôi chẳng phải là kẻ lợi căn. Lợi căn là như ngài Huệ Năng, hoặc như ngài Huệ Khả, đó là bậc lợi căn. Công phu của tôi là như tôi thường nói, từ chấp trước, từ phân biệt mà buông xuống dần dần. Nhưng tôi một mực buông xuống, hằng năm buông xuống, hằng tháng buông xuống, hằng ngày buông xuống. Quá nhiều, buông chẳng hết! Nhưng hằng ngày buông xuống, hằng tháng buông xuống, cho nên tôi nói là những chúng sanh hoặc đông học lưu ý một chút, những đồng học chú tâm sẽ có thể cảm nhận được, [những người như vậy] rất ít, chẳng nhiều, được mấy người! Họ nhận biết từ chỗ nào? Nghe từ nội dung giảng kinh của tôi. Đó là gì vậy? Mỗi tháng khác hẳn, chúng ta thường nói là “*tiến bộ*”, hằng tháng có tiến bộ. Hằng ngày có tiến bộ, họ chẳng dễ phát hiện. Hằng tháng có tiến bộ, sẽ dễ phát hiện. So sánh giữa tháng này và tháng trước, [sẽ thấy tháng này] giảng hay hơn, thấu triệt hơn tháng trước. Tháng sau lại giảng hay hơn tháng này.

Khi tôi cầu học nơi thầy Lý, thầy đã nói với tôi chuyện này. Tôi nghe thầy giảng kinh, buổi học đầu tiên bèn viết bút ký. Chư vị biết là khi ấy thầy giảng kinh mỗi tuần một lần. Buổi học thứ hai vào tuần thứ hai, tôi vẫn viết bút ký. Sau khi dạy xong buổi thứ ba, thầy gọi tôi vào phòng, hỏi: “Anh nghe kinh có ghi bút ký hay không?” Tôi thưa: “Có ạ!” “Anh viết để làm gì?” “Con sợ quên, thầy giảng những chỗ quan trọng con đều ghi lại”. Thầy bảo: “Có tác dụng chi đâu? Từ rày anh không cần viết nữa”. Tôi hỏi: “Vì sao ạ?” “Cảnh giới mỗi năm khác nhau. Tốn nhiều thời gian ngàn ấy để viết lăm thứ như thế, sang năm chẳng có một tí tác dụng nào!” Tôi ngẫm nghĩ thấy có lý, bèn chuyên tâm nghe, chẳng cần phải chia trí để viết bút ký, thầy dạy tôi [như thế đó]. Do vậy, từ đây trở đi, tôi không viết bút ký nữa. Tôi theo học với thầy mười năm, chẳng có một quyển bút ký nào là vì lão nhân đã dạy tôi hãy chuyên tâm nghe. Nghe hiểu thì rất tốt, nghe không hiểu cũng chẳng sao. Lần sau lại nghe tiếp. Cách này hay tuyệt! Toàn tâm chăm chú, dốc toàn bộ tinh thần chăm chú nghe thầy giảng kinh, quý vị có thể khế nhập cảnh giới. Huân luyện điều gì? Huân luyện Giới, Định, Huệ. Viết bút ký sẽ bị phân tâm, có phân biệt, có chấp trước. Khi chuyên tâm nghe thì sẽ chẳng có, phân biệt, chấp trước đều tạm thời buông xuống, toàn tâm nghe thầy giảng diễn.

Nhưng đối với tôi, thầy dùng phương pháp này; đối với các bạn học khác, chẳng phải là phương pháp này. Những đồng học khác viết bút ký thầy chẳng hỏi tới. Đây là tùy theo mỗi người mà áp dụng cách dạy khác nhau, [bởi lẽ], căn tánh của mỗi người khác nhau. Phương pháp này là đối với kẻ có ngộ tánh thì phải dùng phương pháp này. Kẻ không có ngộ tánh, chẳng nghe nhiều, nhớ dai, phải để cho họ viết bút ký. Rốt cuộc vẫn là người ghi bút ký đông hơn. Vì thế, thầy liễu giải học trò, phương pháp dạy học [đối với mỗi trò] khác nhau. Đây là nói

làm thế nào để lìa hết thấy ác. Để thật sự lìa hết thấy ác thì phải lìa từ gốc, hiệu quả sẽ hết sức rõ rệt. Lìa từ Sự sẽ hết sức khó khăn. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 1552

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiểu đoạn thứ ba, tức phần Sở Ngộ Nhân Vật trong đoạn lớn thứ sáu của phần Kệ Tụng. Xin xem từ bài kệ thứ mười lăm:

(Kinh) Kiến khổ hạnh nhân, đương nguyện chúng sanh, y u khổ hạnh, chí cứu cánh xứ.

(經) 見苦行人。當願眾生。依於苦行。至究竟處。

(Kinh: Thấy người khổ hạnh, nguyện cho chúng sanh, nương vào khổ hạnh, đến chỗ rốt ráo).

Phật pháp dạy mọi người “lìa khổ, được vui”, mọi người đều biết chuyện ấy. Nếu Phật pháp dạy người ta “lìa vui, được khổ”, có lẽ chẳng có ai học. Nhưng thuở đức Thế Tôn tại thế, đối với những kẻ tu khổ hạnh (chữ Hạnh (行) đọc giọng Khứ Thanh, đọc thành Hèng (tức Hạnh), phải hiểu là động từ, tức là tu khổ hạnh), Ngài đặc biệt tán thán. [Tán thán như vậy] có mâu thuẫn với những gì đức Phật đã dạy hay chẳng? Thừa cùng chư vị, chẳng mâu thuẫn! Nếu chỉ nhìn từ bề ngoài, dường như cách nói của đức Phật phạm lỗi mâu thuẫn, trên thực tế, lại là thành tựu lẫn nhau! Khổ, lìa khổ được vui, khổ là gì? Tam đồ khổ, lục đạo khổ! Trong lục đạo, nói đến nhân đạo, nay chúng ta đang thuộc trong nhân đạo, những gì được thấy nghe chính là cảnh giới Hiện Lượng, đấy là sự thật. Quý vị nói đến cõi trời thì cõi trời là vui. Nói đến nỗi khổ trong địa ngục và trong đường ngạ quỷ, chúng sanh sẽ nói: “Chúng tôi chưa hề trông thấy, rất khó lãnh hội!” Nhưng Phật pháp dạy quý vị chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, đức Phật giảng về mười pháp giới, giảng về quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu rõ chân tướng của vũ trụ, sẽ biến thành Phật pháp cao sâu, kẻ sơ học hoặc kẻ hiểu biết nông cạn sẽ chẳng thể lý giải. Vì sao đức Phật tán thán khổ hạnh? Ai nấy đều biết, bản thân chúng ta tập khí nghiệp chướng rất nặng, có ai chẳng mong mỗi chính mình tiêu nghiệp chướng, tăng trưởng trí huệ? Hễ nói tới chuyện này, mọi người chẳng có ai là không mong muốn. Nhưng chư vị phải biết, cam tâm sống cuộc đời gian khổ, sẽ tiêu nghiệp chướng nhanh chóng nhất, tiêu trừ triệt để nhất. Điều này chẳng khó hiểu, chỉ trách chúng ta trong cuộc sống hằng ngày đã sơ sót, vô tâm, ơ hờ đối với chuyện này.

Đức Thế Tôn đối với nhân gian, cõi trời, giới nội, giới ngoại, Ngài xác thực đã chứng đắc phước báo viên mãn rốt ráo. Chúng ta đọc kinh Đại Thừa bèn thấy tướng hảo của đức Phật chẳng thể nói trọn hết được! Chúng ta thấy kinh Đại Thừa thường nói: *“Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo”*. *“Vô lượng”* là cách nói mông lung, ai cũng chẳng có cách nào nói rõ ràng, nhưng xác thực là trong kinh giáo đã thuyết minh cặn kẽ, *“vi trần tướng hải thân”*. Kinh Hoa Nghiêm còn nói minh bạch hơn, trong phần trước, chúng ta đã đọc rồi đó, *“thập Liên Hoa Tạng vi trần số tướng hảo”* (tướng hảo có số lượng nhiều như số vi trần trong mười thế giới Liên Hoa Tạng), chúng ta thường thấy kinh nói là *“Hàng hà sa số”* (nhiều như số cát trong sông Hằng). Đây là nói theo nhân gian, nói theo đại thiên thế giới, chứ nói theo vũ trụ, chúng ta sẽ thường nói là *“biến pháp giới hư không giới”* (trọn khắp pháp giới hư không giới), Báo Thân có mười Liên Hoa Tạng thế giới vi trần số tướng hảo, chúng ta không có cách nào thấu hiểu. Hàng hà sa số đã chẳng có cách nào lãnh hội, thế giới vi trần số tướng hảo càng chẳng có cách nào lãnh hội, [thế mà] nay là mười Hoa Tạng thế giới vi trần số tướng hảo! Vì sao Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này (trong thế giới này) còn phải tu khổ hạnh? Từ lúc thành đạo, ba mươi tuổi Ngài thị hiện thành đạo dưới cội Bồ Đề, độ năm vị tỳ-kheo tại Lộc dã Uyển, thành lập Tăng đoàn, sống cuộc đời như thế nào? Giữa trưa ăn một bữa, qua đêm dưới cội cây, ba y một bát, đây là một bậc khổ hạnh. Vì lẽ gì mà đức Phật làm như thế?

Trong quá khứ, chúng tôi mới học Phật, khi mới xuất gia, nghi hoặc cũng rất nhiều. Lão hòa thượng dạy chúng tôi, chẳng nói rõ ràng. Ngài chỉ bảo chúng tôi: Thuở đức Thế Tôn xuất thế, Ấn Độ đúng là một quốc gia tôn giáo. Các môn phái tôn giáo rất nhiều. Những tôn giáo được nhắc đến trong kinh Phật đều là những tôn giáo nổi danh nhất, có chín mươi sáu thứ [tôn giáo]. Người tu hành trong mỗi tôn giáo đều tu khổ hạnh. Do đó, nếu đức Phật chẳng thị hiện khổ hạnh, nhất định sẽ bị đại chúng trong xã hội châm biếm, hủy báng, nói: *“Các người thấy phái của chúng nó chẳng tu khổ hạnh, chúng nó muốn hưởng thụ”*. Vì thế, đức Phật ắt phải thị hiện giống như các tôn giáo khác, chỉ có hơn, chứ không kém. Như vậy thì mới có thể khiến cho đại chúng trong xã hội tôn kính, tín ngưỡng, tiếp nhận sự giáo hóa của đức Phật. Nói kiểu ấy cũng chẳng phải là vô lý, nhưng cách nói ấy rất nông cạn, vì luận định dựa theo tình huống xã hội đương thời để nói. Trên thực tế, ngôn hạnh và cử chỉ của đức Phật đáng gọi là *“đều có mật nghĩa”*, có ý nghĩa rất sâu trong ấy, thật sự lấy thân làm gương nhằm hóa độ, hướng dẫn chúng sanh.

Mật nghĩa gì vậy? Mật nghĩa là nhằm bảo chúng ta: Tam đồ khổ, lục đạo khổ, mười pháp giới khổ, những thứ ấy đều chẳng thật. Kinh

Bát Nhã đã dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*phàm những gì có hình tướng*” bao gồm mười pháp giới, bao gồm hết thảy các cõi Phật trọn khắp pháp giới hư không giới, phạm vi ấy quá to. Vì sao phải nói đến các cõi nước khác của chư Phật? Hết thảy cõi nước của chư Phật có mối quan hệ với chúng ta, mối quan hệ gì vậy? Có lúc chúng ta sẽ di dân sang bên đó. Khi nào thì sẽ di dân? [Khi] thế giới này hư hoại. Trong kinh, đức Phật đã dạy rất rõ ràng. Đại thiên thế giới [trải qua các giai đoạn] thành, trụ, hoại, không, [tức là] bốn trung kiếp. Trong bốn trung kiếp, chỉ có một trung kiếp là có thể cư trụ, chứ ba [trung] kiếp khác đều chẳng thể cư trụ được! Chỉ có Trụ Kiếp là có thể cư trụ. Khi thế giới thành thì chẳng thể cư trụ, [bởi lẽ] thế giới mới vừa thành thì sẽ chẳng thể cư trụ. Hoại Kiếp thì chẳng thể trụ; thế giới này đã hư hoại, khá nhiều tôn giáo nói là “*tận thế*”. Thế giới bị hư hoại, sẽ chẳng thể sống trong thế giới ấy. Không Kiếp thì đương nhiên là chẳng thể trụ. Nhưng mỗi trung kiếp lại bao gồm hai mươi tiểu kiếp, thời gian rất dài.

Chúng ta biết người tu Thiền Định, tu đến Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, cho đến kể cả Tứ Không Thiên, thọ mạng đều luận định bằng kiếp. “*Kiếp*” ở đây là đại kiếp. Thế giới này “hoại” hoặc “không”, thọ mạng của họ còn chưa hết. Quý vị nghĩ xem thọ mạng của chư thiên trời Phi Tướng Phi Tướng Xứ là tám vạn đại kiếp, quý vị có biết lâu cỡ nào hay chẳng? “*Tám vạn đại kiếp*” nghĩa là thế giới Sa Bà này thành, trụ, hoại, không tám vạn lần. Trong một đại kiếp có một lần “thành, trụ, hoại, không”. Quý vị nói xem thọ mạng của họ dài cỡ nào! Vậy thì họ sẽ đến nơi đâu? Thế giới này hoại, kinh Phật thường nói, họ sẽ được dời qua thế giới khác, qua cõi Phật khác. Ở đây là hoại, không, ở bên kia là thành, trụ, có thể di chuyển sang bên ấy. Trong tam đồ, ngã quỷ, súc sanh, địa ngục, thọ mạng cũng tính bằng kiếp, họ đến nơi đâu để thọ quả báo? Thế giới này hoại, họ cũng đến thế giới khác.

Quý vị bèn hiểu, vô lượng vô biên các cõi Phật trong khắp pháp giới hư không giới có mối quan hệ với chúng ta mật thiết dường ấy. Các cõi nước ấy đều là khu vực giáo hóa của Phật, Bồ Tát. Chúng sanh nơi nào có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ thị hiện, đáng nên dùng thân gì để độ, bèn hiện thân ấy. Trong phần trước, chúng ta vừa mới đọc, Thanh Lương đại sư đã khai thị mười loại ân đức ứng hóa trên thế gian của chư Phật Như Lai. Đây là đề cương, nếu nói chi tiết, sẽ chẳng thể nói hết được. Vì thế, con người chẳng thể không tri ân. Tri ân, báo ân. Kinh đã nói hết sức hay: Kẻ chẳng biết tri ân, sẽ gặp nhiều tai họa ngang trái. Kinh vẫn nói là “*hoạnh tử*” (橫死, chết bất ngờ, chết ngang xương). Chẳng biết ân, sau khi chết, nhất định đọa vào địa ngục, chẳng phải là

ngạ quỷ hay súc sanh, mà chắc chắn là đọa địa ngục. Bởi lẽ, cái tội vong ân phụ nghĩa rất nặng.

Khô hạnh, nhất là cam tâm vui lòng sống cuộc đời kham khổ, công đức ấy vô lượng. Công đức do đâu mà có? Nêu gương cho hết thảy chúng sanh, công đức ấy to lớn. Quý vị thấy có chúng sanh nào bằng lòng chịu khổ hay chẳng? Chẳng có! Vì sao con người tạo tội nghiệp? Do sợ khổ! Họ mong lìa khổ, được vui, nhưng chẳng hiểu đạo lý, mà cũng chẳng hiểu phương pháp. Giống như trong xã hội có những thanh thiếu niên, chúng ta ở bên cạnh nhìn vào, [sẽ thấy] họ tìm niềm vui trong cảnh khổ. “Trong cảnh khổ mà ngỡ là vui” là gì vậy? Tìm sự kích thích, hút thuốc phiện, chơi morphine. Vì sao họ làm vậy? Họ tưởng đó là lạc (vui thú). Lạc ấy chỉ là hết sức ngăn ngủi, tạm bợ. Đạt được một tí lạc ngăn ngủi, quý vị phải trả giá thông khổ cỡ nào! Chuyện này hết sức rõ rệt, vừa nói ra, mọi người đều biết. Mọi người chẳng biết là trong một đời này, niệam nào chúng ta cũng đều chẳng phải là mong cầu “lìa khổ, được vui” đó ư? Nghĩ trọn mọi phương pháp để thu được tiếng tăm, lợi dưỡng, thu được ngũ dục, lục trần, đây chẳng phải tham cầu hưởng thụ hay sao? Nói thật ra, chẳng khác lũ trẻ tuổi vô tri hút thuốc phiện!

Tâm quý vị bất thiện, hành vi bất thiện, phương pháp thủ đoạn bất thiện, tận lực làm chuyện tổn người lợi mình, dẫu trước mắt đạt được chút lợi nhỏ, dẫu quý vị đoạt được ngôi vua trong thế gian, vẫn là vì trong mạng quý vị sẵn có. Nếu trong mạng chẳng có, quý vị sẽ chẳng đoạt được! Trong mạng đã có, cần gì phải chiếm đoạt? Trong mạng mà có, chắc chắn sẽ chẳng vứt bỏ được. Đó là trong quá khứ đã tu tập, tích lũy thiện căn, phước đức; đời này, quý vị nhất định sẽ đạt được quả báo. Quý vị vô tri, chẳng hiểu chân tướng sự thật, liềm mạng dùng mưu kế, dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để đạt được. Đạt được thì như thế nào? Vẫn là do trong mạng sẵn có, nhưng cái có sẵn trong mạng ấy đã bị chiết khấu, tổn giảm. Người Hoa đã nói, nói rất nhiều: “Trong mạng của quý vị có phước báo mười đời làm đế vương, trong nhà quý vị nhất định sẽ sanh ra mười vị hoàng đế, đời đời truyền thừa”. Trong nhà quý vị có phước báo một trăm vị đế vương, đó là do tổ tông tự mình tích phước to lớn, nhất định sẽ có một trăm con cháu truyền thừa, quý vị phải tin tưởng. Nhưng quý vị dùng thủ đoạn bất chánh để chiếm đoạt ngôi vua, dùng thủ đoạn bất chánh để bóc lột nhân dân, vậy là phước báo một trăm đời có thể chỉ còn sót lại mười đời, bị chiết khấu. Thật đấy, chẳng giả đâu nhé!

Hoặc là có [trường hợp], đây cũng là thật, chẳng giả, phước báo của quý vị chẳng hiện hữu trong đời này, mà sẽ là trong đời kế, hoặc đời sau nữa, nhưng trong đời này, quý vị dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng để đoạt lấy thì cũng đoạt được. Vốn là phước báo to lớn trong đời

kẻ hoặc đời sau, hiện thời đạt được, biến thành phước báo nhỏ bé, tức là quý vị thúc đẩy phước báo của chính mình đến sớm, vẫn là phước báo của chính mình, nhưng hưởng thụ trước. Nói theo luật nhân quả, sẽ là “*lộc tận nhân vong*” (người hết lộc sẽ chết). Quý vị thấy phước mấy trăm đời, khi quý vị hưởng trước, một đời là hưởng hết sạch! Đã hưởng hết rồi, quý vị còn tạo tác rất nhiều tội nghiệp, làm hại những kẻ khác, người ta sẽ báo thù. Quý vị tước đoạt tài sản của kẻ khác, khi đến lúc, họ cũng sẽ đến đòi nợ, quý vị nói xem, phiền phức to lớn hay không? Vì thế, tôi thấy chuyện chẳng phải là đơn giản như vậy đâu nhé!

Ngày hôm qua, ở đây có một vị đồng tu, cũng là người làm công quả đã lâu năm tại đạo tràng chúng ta. Ngày hôm qua, [người ấy] đến gặp tôi. Có oán thân trái chủ dựa thân người ấy, người ấy rất đau khổ. Oán thân trái chủ cho biết, đời trước oán thân trái chủ đã bị người ấy giết. Người ấy tuyệt đối chẳng bịa chuyện gạt gẫm tôi, rất nhiều người trong số quý vị đã trông thấy: Người ấy cũng chẳng phải là hạng bịa chuyện, đồn thổi. Oan gia đến đòi mạng, nhưng đời này, người ấy đã học Phật rất nhiều năm, tâm địa rất thiện lương. Con quỷ ấy cũng rất khó có, thấy người ấy [tốt lành như vậy], bèn chẳng nỡ lòng ra tay. Vấn đề hiện thời là quỷ đó vẫn ở trên thân người ấy, chẳng bỏ đi. Trong quá khứ chúng tôi đã gặp chuyện này vài lần, chúng tôi liễu giải. Sau khi quỷ đã đến [dựa thân] rồi, nó chẳng bỏ đi, nó hết sức mong muốn tu hành, [người ấy] đến hỏi tôi, hy vọng tôi giới thiệu một nơi để người ấy đến đó tu hành. Tôi giới thiệu người ấy đến núi Đông Thiên Mục, người ấy rất hoan hỷ. Chẳng giả! Oan có đầu, nợ có chủ! Đời này, một người được làm thân người trong thế gian này, bất luận quý vị có thân phận gì, bất luận địa vị nào, bất luận sống như thế nào, đều phải thật thà, chắc chắn là chẳng thể tổn hại chúng sanh. Đừng nói là chẳng thể tổn hại chúng sanh, [ngay cả] súc sanh cũng chớ nên tổn hại, chớ nên phá hoại hoàn cảnh tự nhiên.

Trong phần trước, chúng ta đã đọc kinh Hoa Nghiêm, [thấy kinh nói đến] thân núi, thân đất, thân sông, thân biển, thân cây, thân thảo mộc, thân lúa mạ, chúng ta đọc thấy quá nhiều [loại thần]. Núi, sông, đại địa, cỏ cây, rừng rậm có chủ hay không? Có chứ, quỷ thần làm chủ! Chúng ta muốn sử dụng những cây cối ấy, trong giới kinh, đức Phật đã dạy người xuất gia: Người xuất gia ở chốn núi rừng, nếu muốn chặt mấy cội cây để dựng lều tranh nhỏ thì được phép, nhưng phải nên như thế nào? Ba ngày trước đó, quý vị nhìn trúng mấy cây nào, quý vị phải cúng tế chúng nó, [tức là] cúng tế thân cây, cúng dường, tụng kinh, trì chú, triển khai đàm phán với thân cây. Tôi bắt đắc dĩ, muốn dựng lều tranh tu hành ở chỗ này, cần đến những vật liệu này, xin họ chuyển nhà. Chư vị phải biết, “thần cây” chẳng phải là cái cây ấy thành thần, mà là quỷ thần dựa vào cây ấy, coi như nhà của họ, họ ở chỗ đó. [Do vậy,

phải] xin họ chuyển nhà. Đây là đúng pháp, chẳng đắc tội với họ, họ nhất định sẽ dọn đi.

Chúng tôi hiểu đạo lý ấy; do vậy, vài năm trước, [nói đúng ra là] ba năm trước, chúng tôi mua một ngôi nhà thờ ở Đồ Văn Ba (Toowoomba), Úc châu, mua hết mấy căn nhà bên cạnh. Có một căn nhà quá cũ nát, chúng tôi liền phá đi xây lại. Ngoài cửa có hai cây to. Chúng tôi đã cúng tế thần cây ấy từ ba hôm trước. Sau khi cúng bái xong, trong các đồng học, có một vị đồng học buổi tối nằm mộng thấy thần cây đến tìm người ấy, bảo [người ấy hãy nói với] những người xuất gia chúng tôi: Sau này, hễ cúng tế mời họ chuyển nhà, họ muốn chúng tôi phải làm sớm hơn, tức là trước đó bảy ngày. Thần nói thời gian ba ngày quá ngắn, [lần này] thần vẫn dọn đi, nhưng rất bận bịu, yêu cầu chúng tôi [báo trước] bảy ngày. Chúng tôi nghe tin tức ấy, suy ngẫm thấy rất có lý, vì sao? Tập khí của người Úc là tất cả hết thảy các động tác đều hết sức thông thả, chẳng giống người bên này làm việc luôn cầu hiệu suất, động tác luôn rất nhanh nhẹn. Người Úc xác thực giống như loài gấu không đuôi, chẳng chú trọng hiệu suất, đúng là bất luận làm chuyện gì cũng đều tà tà, quý vị giao thiệp với họ phải rất kiên nhẫn. Vì thế, quý thần, thần cây tại Úc cũng giống người Úc, nói ba ngày không được, phải là bảy ngày, chúng ta hiểu được! Về sau, đương nhiên là hiện thời chúng tôi đang ở Úc, thường có chuyện xây dựng; sau đó, hễ cần vật liệu, chúng ta biết là phải cúng tế họ trước bảy ngày. Há có phải là giả?

Phật môn chẳng thờ cúng quỷ thần. Cúng bái ở đây chẳng giống như trong tôn giáo, [tôn giáo] coi quỷ thần như Thượng Đế, coi như là chúa tể, Phật môn chẳng phải vậy. Cúng bái quỷ thần trong Phật môn thì quỷ thần là chúng sanh, là bằng hữu của chúng ta. Chúng ta đôi bên ở cùng một chỗ, cũng phải giao thiệp lễ độ với nhau. Họ chẳng phải là chúa tể, điều này có ý nghĩa khác biệt rất lớn so với tôn giáo. Vì thế, chúng ta làm những Phật sự siêu độ nhằm khuyến nhủ, hướng dẫn họ, chúng ta cùng nhau tu tập. Mục tiêu của Tịnh Tông là cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta cùng tu với nhau, cùng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Có Tịnh Độ hay không? Trong thế giới này, đức Thế Tôn giới thiệu [Tịnh Độ] cho chúng ta, lại còn nói với kẻ căn tánh trung hạ: “Có [Tịnh Độ], khẳng định là có”. Quý vị chấp trước Có thì mới có thể vãng sanh. Nếu quý vị chấp trước “chẳng có [Tịnh Độ]”, sẽ chẳng thể vãng sanh. Nếu đức Phật nói với người thượng thượng căn, sẽ chẳng giống như nói với chúng ta. [Đối với] người thượng thượng căn, đức Phật nói như thế nào? Có Tịnh Độ hay không? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Có Tịnh Độ, có thế giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, có như thế nào? Do chính cái tâm của quý vị, do cái thức của quý vị biến, chẳng lìa tâm thức. Đây gọi là “*chân tánh*”.

Người thượng thượng căn là gì? Buông xuống phân biệt, chấp trước thì gọi là người thượng thượng căn. Chẳng buông xuống phân biệt và chấp trước thì là kẻ trung hạ căn. Vì thế, kẻ trung hạ căn vãng sanh Tịnh Độ là đời nghiệp vãng sanh. Pháp môn này rất đặc thù. Ngẫu Ích đại sư là một người rất lỗi lạc, Ngài đã thị hiện, nêu gương cho chúng ta. Ngài quy y pháp môn Tịnh Độ, lấy biệt hiệu là Tây Hữu Đạo Nhân. Tây (西) là phương Tây, Hữu (有) là hữu (có) trong hữu-vô, nhằm trực tiếp dạy rõ ràng cùng chúng ta, “Tây Phương là có thật”. Vì thế, Ngài tự xưng là Tây Hữu Đạo Nhân. Quý vị thấy Ngài chú giải kinh Di Đà, tức Di Đà Yếu Giải, phân lượng chú giải không nhiều lắm. Trong lời tựa, Ngài đã viết rất rõ ràng, chín ngày bèn viết xong. Cận đại, pháp sư Viên Anh có bộ [Di Đà Kinh Yếu Giải] Giảng Nghĩa, pháp sư Bảo Tĩnh có bộ [Di Đà Kinh Yếu Giải] Thân Văn Ký, đều là chú giải của bộ Yếu Giải. Trong quá khứ, chúng tôi cũng đã giảng cận kề, lão cư sĩ Lưu Thừa Phù chép từ băng thâu âm thành một quyển giảng ký. Bộ sách Yếu Giải được Ấn Quang đại sư tán thán tột bậc. Trong Văn Sao có chép lời tỏ Ấn Quang đã nói: “*Dẫu cổ Phật tái lai viết chú giải cho kinh A Di Đà cũng chẳng thể hay hơn bản này được*”. Đây là tán thán tột bậc, chẳng có cách nào tán dương nữa!

Năm xưa, pháp sư Diễm Bồi đã đem vấn đề này hỏi tôi. Tôi tu Di Đà Tịnh Độ, còn Ngài tu Di Lạc Tịnh Độ, [tức là] Ngài cầu sanh về Đâu Suất Nội Viện. Ngài hỏi tôi: “Câu ấy của tổ Ấn Quang có phải là hơi quá lớ một chút hay chẳng?” Vị này cũng là một vị đại pháp sư giảng kinh. Tôi nói với Ngài, tôi thưa: - Lời tỏ Ấn Quang đã nói tuyệt đối chẳng quá lớ tí nào! Nói thật ra, Ngài nói vừa đúng! Nay chúng ta biết, Ấn Quang đại sư là Tây Phương thế giới Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán tổ Ngẫu Ích như vậy, vị này là hạng người nào? Nhưng suốt đời Ngẫu Ích đại sư chẳng bộc lộ thân phận. Chúng ta thấy Đại Thế Chí Bồ Tát đã tán thán như vậy, chúng tôi nghĩ: Nếu ngài Ngẫu Ích chẳng phải là A Di Đà Phật tái lai, chắc chắn là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai thì mới có thể chú giải hay như thế, thấu triệt như thế. Văn tự không nhiều lắm, nhưng từng câu, từng chữ đúng là ý nghĩa của A Di Đà Phật, ý nghĩa của Thích Ca Mâu Ni Phật, lẽ nào kẻ bình phàm có thể nói được ư?

Quý vị thấy Ngẫu Ích đại sư khiêm hư như vậy, Ngài cũng được coi là một vị Tăng khổ hạnh, đã vì chúng ta thị hiện, nêu gương cho chúng sanh thời Mạt Pháp: Trì giới niệm Phật. Thuở ấy, Ngẫu Ích đại sư cũng được mọi người xưng tụng là một vị luật sư. Ngài đồ công dốc sức rất sâu nơi giới luật, giống Hoàng Nhất đại sư vào đầu thời Dân Quốc. Hoàng Nhất đại sư cũng đồ công dốc sức rất lớn nơi giới luật. Những vị ấy đều làm cho chúng ta thấy: Trì giới niệm Phật thì quý vị mới có thể thật sự vãng sanh. Đức Phật dạy mọi người, căn tánh trung

hạ thì thiên trọng sự tướng, còn bậc thượng thượng căn thì thiên trọng lý tánh, nhưng tánh và tướng như một, Lý và Sự chẳng hai. Chúng ta ắt cần phải hiểu điều này. Tuy hiểu rõ Lý, chẳng thể phớt bỏ Sự. Nếu chấp trước Lý, phớt Sự, sẽ là sai lầm đặc biệt to tát. Vẫn chẳng bằng không hiểu rõ Lý, mà chuyên môn chú trọng nơi sự tướng, sẽ thật sự có phần trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Nếu chấp trước Lý, vứt bỏ sự tu tập nơi Sự, sẽ chẳng có phần trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư! Quý vị còn chưa thấu triệt Lý. Hễ thấu triệt, sẽ kiến tánh, đúng là vấn đề gì cũng đều được giải quyết. Hiểu rõ Lý đôi chút, chẳng thấu triệt, sẽ vô dụng. Phải đến khi nào mới thấu triệt Lý? Thấu triệt lại là như thế nào? Chớ nên không biết điều này! Vì sao? Quý vị thường xuyên hỏi quang phản chiếu, khám nghiệm chính mình, rốt cuộc ta có thấu triệt hay không? Thật sự thấu triệt, [sẽ là] “nghe một, ngộ cả ngàn; một ngộ, hết thấy ngộ”.

Ngày nào quý vị thật sự khai ngộ, sẽ giống như Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên Tông: Tất cả hết thấy các kinh điển quý vị đều thông suốt toàn bộ. Chúng ta biết Huệ Năng đại sư không biết chữ, chưa hề học kinh giáo. Quý vị thấy tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng thọ trì kinh Niết Bàn mấy chục năm, hằng ngày đọc tụng, đọc tụng rất thuần thực, [thế mà] chẳng khai ngộ. Bà thỉnh giáo ngài Huệ Năng, khi đó, ngài Huệ Năng vẫn mang hình tướng tại gia, chẳng thị hiện tướng xuất gia, vị tỳ-kheo-ni ấy là người xuất gia. Lục Tổ Huệ Năng đại sư ở Hoàng Mai chỉ giã gạo trong phòng xay xát. Nói theo kiểu hiện thời, Ngài là người làm công quả, chẳng phải là người xuất gia, [thế mà] tổ sư truyền y bát cho Ngài. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng hoàn toàn chẳng biết, chỉ cảm thấy vị này rất hiểu Phật pháp, nói rất có lý, bội phục đến mức năm vóc sát đất, liền đem kinh Niết Bàn hướng về Ngài thỉnh giáo. Huệ Năng đại sư bảo bà ta: “Bà hãy đọc cho tôi nghe”. Bà ta liền đọc, đọc xong, Huệ Năng đại sư giảng giải, bà ta khai ngộ. Nếu quý vị có năng lực ấy, chúng tôi quý vị đã thật sự khai ngộ, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian không có thứ gì chẳng thông đạt. Nếu chẳng đạt đến mức độ ấy, hãy thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, phải tin thật sự có Tịnh Độ, đời này mới chẳng đến nỗi luống uổng!

Đối với thụy tướng vãng sanh, trong đời này tôi đã thấy mấy trường hợp, đứng mất, ngồi mất, lâm chung chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất. Hôm trước còn có một vị lão cư sĩ đến từ phương Bắc kể với tôi: Chồng của bà ta vãng sanh, bảy mươi tám tuổi, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, nói đi là đi. Bà ta chính mắt trông thấy, nay bèn sanh khởi tín tâm, kể với tôi là bà hãy còn có những thứ chẳng thể buông xuống được. Tôi bảo bà ta, hãy buông xuống! Thế gian và xuất thế gian toàn là giả! Một người có thể vãng sanh hay không, điểm then chốt là người ấy có buông xuống hay không. Nếu thật sự buông xuống, niệm

Phật chắc chắn được vãng sanh. Bà ta kể hôm chồng bà vãng sanh, ông còn kéo tay bà, bảo bà: “Hãy nhìn xem! Hai bên đường toàn là hoa sen”. Ông bảo bà như vậy, nhưng bà chẳng thấy, chồng bà thì thấy. Khoảng một, hai giờ sau, ông ra đi. Những chuyện chúng tôi đích thân mắt thấy, tai nghe rất nhiều, chẳng phải là giả.

Vì thế, đối với hết thảy các kinh luận, chúng ta mở ra mà còn có nghi hoặc, còn chẳng thể thông đạt, chẳng hiểu rõ, [tức là] chẳng ngộ! Bình thường nói đến “ngộ”, đó là tiểu ngộ, chẳng phải là đại triệt đại ngộ. Tiểu ngộ và đại ngộ đều vô dụng, vì sao? Chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát ly lục đạo luân hồi. Người đại triệt đại ngộ có thể thoát ly lục đạo luân hồi, đến chỗ nào? Đến tứ thánh pháp giới, chẳng phải là đến thế giới Cực Lạc, phải hiểu chuyện này! Nay chúng ta nói “*hằng ngày có ngộ xứ*”, chính là tiểu ngộ. Cổ đức thường nói “*tích tiểu ngộ thành đại ngộ*”, nay chúng ta thực hiện công phu này, tích đại ngộ thành triệt ngộ, đây chẳng phải là chuyện dễ dàng. Trong một vạn người, đại khái chẳng tìm được một ai! Ất cần phải làm. Điều then chốt để có thể ngộ hay không, thừa cùng chur vị, khổ hạnh là một nhân tố rất trọng yếu; vì sao? Người cam tâm tình nguyện sống cuộc đời kham khổ, sẽ chẳng có dục vọng. Nghiêm trọng nhất trong các phiền não chính là ái dục. Thứ này khó đoạn lăm! Cam tâm tình nguyện sống cuộc đời kham khổ, tập khí ái dục liền mỏng bớt. Đây là chuyện tốt.

Vì lẽ ấy, thuở đức Thế Tôn tại thế, đã vì chúng ta thị hiện. Quý vị nhìn lại các vị thánh hiền thế gian. Tại Trung Hoa, quý vị hãy nhìn vào Khổng Tử, nhìn vào Mạnh Tử. Quý vị thấy một học trò của Khổng Tử là Nhan Hồi, vị này thường được phu tử tán thán. Nhan Hồi là một vị tăng khổ hạnh, cơm đựng trong giỏ, nước đựng trong bầu, sống cuộc đời kham khổ nhất. Hiện thời, trong thế gian này, một số ít, chẳng nhiều, những người thật sự tu hành, sống trên núi, chẳng xuống núi, ở trong lều tranh. Ở bên cạnh chiếc lều tranh của mình, bèn trồng một ít rau, giữa trưa ăn một bữa, há có thứ gì ngon miệng? Thế mà họ trường thọ, khỏe mạnh. Quý vị thấy cụ Hứa Triết ở Tân Gia Ba, năm nay đã một trăm lẻ tám tuổi. Khi cụ một trăm lẻ một tuổi, đã đến chỗ tôi xin quy y. Mỗi ngày bà cụ ăn một bữa, bà ăn rau sống, một chút cơm, chẳng có dầu, chẳng có muối, chẳng có đường, những thứ gia vị gì bà cụ đều chẳng ăn. Rau sống thì bà dùng nước sôi chần qua một chút. Sống cuộc đời ấy, bà cụ sống [như vậy đã] vài chục năm, thân thể hết sức khỏe mạnh. Cụ đã vì chúng ta thị hiện, nghe nói hai hôm nay, cụ sang Thượng Hải. Một trăm lẻ tám tuổi mà còn đi khắp nơi. Quý vị thấy cụ suốt đời chăm sóc hai mươi mấy người già. Thật ra, những người già đó toàn là bảy, tám mươi tuổi, còn bản thân cụ là một trăm lẻ tám tuổi, chăm sóc những người già bảy, tám mươi tuổi, chăm nom hơn hai mươi người. Vì thế, cụ bảo người khác, cụ là “*thanh niên một trăm*

lễ tám tuổi”!

Lũ người thế gian chúng ta lại sợ thứ này chẳng đủ dinh dưỡng, sợ thứ kia không đủ dinh dưỡng, kết quả là như thế nào? Kết quả là thật sự đều chẳng đủ. Vì sao? Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng! Quý vị thường nghĩ nó không đủ, làm sao nó đủ cho được? Giống như cụ Hứa Triết, giống như đức Thế Tôn và các vị đệ tử của Ngài, thứ gì cũng chẳng nghĩ đến. Thứ gì cũng chẳng nghĩ đến thì sẽ đều đủ, vấn đề gì cũng đều chẳng có. Chúng ta chớ nên không biết điều này. Vì thế, thấy người khổ hạnh, tự nhiên Bồ Tát sẽ dẫn khỏi đại nguyện, hy vọng vĩnh viễn “*y u khổ hạnh*” (nuơng vào khổ hạnh), tự hành, hóa độ người khác đạt đến chỗ rốt ráo. Chỗ rốt ráo của chúng ta chính là vãng sanh Tịnh Độ, đây là chỗ rốt ráo của chúng ta. Sau khi đã đến Tịnh Độ, nhất định sẽ chứng Vô Thượng Bồ Đề ngay trong một đời, chẳng cần đến đời thứ hai, [mà là] thành tựu ngay trong một đời. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ kế tiếp là bài thứ mười sáu:

(Kinh) Kiến thao hành nhân, đương nguyện chúng sanh, kiên trì chí hạnh, bất xả Phật đạo.

(經) 見操行人。當願眾生。堅持志行。不捨佛道。

(Kinh: Thấy người tu luyện, nguyện cho chúng sanh, giữ vững chí hạnh, chẳng bỏ Phật đạo).

Bài kệ này cũng là khi ra khỏi cửa, trong phần trước đã nói là đi khát thực, [trông thấy] những nhân vật có thể gặp gỡ trên đường. Ở đây là người như thế nào? Giữ vững giới luật, người có tu luyện, chúng ta thường nói là “*nghiêm trì giới luật*”. Ra cửa trông thấy [người như vậy] bèn dẫn phát đại nguyện, “*đương nguyện chúng sanh, kiên trì chí hạnh*” (nguyện cho chúng sanh, giữ vững chí hạnh). “*Chí*” (志) là chí hướng, “*hạnh*” (行) là hành vi. “*Bất xả Phật đạo*” (Chẳng bỏ Phật đạo): Có chí hướng làm Phật. Nói cách khác, tâm, ngôn ngữ, và thân của chúng ta, [hay nói cách khác là] “*thân, ngữ, ý*” nhất định phải giống như Phật. Tâm Phật là Thiên, Phật ngôn là giáo, Phật thân là giới luật. Vì thế, Thiên, Giáo, Giới là Phật đạo, thời thời khắc khắc chẳng thể vứt bỏ, người như vậy có ai chẳng thành tựu? Không chỉ là thành tựu, lại còn khẳng định là sẽ thành tựu ngay trong một đời, chẳng đợi đến đời kế tiếp hay đời sau. Phạm là còn có thể kéo dài đến đời kế tiếp hay đời sau, đều là do đời này chí hạnh tu hành chẳng vững chắc, mới luống

uồng thời gian trong đời này, thậm chí bỏ phí. Chuyện này hết sức đáng tiếc.

Chúng ta có mong thành tựu ngay trong một đời này hay không? Bài kệ này chính là mấu chốt. Phần trước dạy chúng ta phải nương theo khổ hạnh. Thuở ấy, trước khi đức Thế Tôn nhập diệt, đã răn dạy đệ tử, vì ngài A Nan hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo: “*Khi đức Phật trụ thế, mọi người tôn Phật là thầy. Sau khi đức Phật đã nhập Bát Niết Bàn, chúng con lấy ai làm thầy?*” Đức Phật nói hai câu: “*Dĩ khổ vi sư, dĩ giới vi sư*” (Lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy). Chỉ cần quý vị có thể chẳng bỏ khổ hạnh, giữ vững giới luật, sẽ chẳng khác gì Phật đang tại thế. Vì thế, đức Phật suốt đời thị hiện khổ hạnh. Dầu quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ quy y cúng dường, đức Phật vẫn khát thực, vẫn là ba y một bát. Cúng dường vườn rừng, tinh xá, chỉ dùng để giảng kinh, dạy học mà thôi, quyết định chẳng coi những thứ đó là tài sản của chính mình, chẳng hề có! Đức Phật là xuất gia thật sự. Người xuất gia nếu còn có tài sản, xuất gia ở chỗ nào? Luận định khí kho sự thật, quý vị ra khỏi cái nhà nhỏ, vì đất đai, nhà cửa của quý vị chẳng to cho lắm. Quý vị ra khỏi cái nhà nhỏ để vào một căn nhà to. Trụ trì một ngôi tự viện, tự viện ấy biến thành nhà của quý vị, diện tích đất đai, điện, đường, phòng ốc to hơn nhà của quý vị rất nhiều. Quý vị lại vào một cái nhà to hơn! Nhà nhỏ chướng ngại quý vị liễu sanh tử, thoát tam giới; nhà to càng chẳng cần phải nói nữa! Chúng ta phải thấy thấu suốt, thấy rõ ràng điều này, Thích Ca Mâu Ni Phật lão nhân gia làm như thế nào, chúng ta phải học tập theo Ngài.

Thuở ấy, đối với các thứ cúng dường của quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, đức Phật chẳng lấy một phần, một mảy nào, chỉ là mượn chỗ của họ. Nói theo cách hiện thời, sẽ là “*mở lớp dạy học*”. Quý vị cung cấp nơi chốn, được lắm, chúng tôi mở [khóa học] ngay tại cơ sở này của quý vị. Giảng xong xuôi, giảng xong khóa học ấy, sẽ ra đi, chắc chắn chẳng lưu luyến. Vì thế, nay chúng ta nói là “*mở lớp dạy học*”, mọi người sẽ dễ hiểu. Có chỗ đức Phật chỉ giảng một bộ kinh, nay chúng ta nói là một đơn nguyên (đơn vị, unit). Có những chỗ, đức Phật giảng mấy bộ kinh, như Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên đại khái là chỗ được giảng kinh nhiều nhất trong các nơi chốn. Ngài giảng mười mấy bộ kinh ở nơi ấy. Tại núi Linh Thứu, trên núi Linh Thứu chẳng có nhà cửa, dưới cội cây to, học trò vây quanh Thích Ca Mâu Ni Phật nghe giảng dạy, chẳng có bàn, ghế, đều ngồi dưới đất trên cỏ. Mở lớp dạy học như vậy, trong đời đức Thế Tôn chiếm thời gian dài nhất. Có tinh xá, có phòng ốc là do người khác cung cấp, rất ít! Đức Phật chẳng có mảy may lưu luyến, tùy duyên, thứ gì cũng đều tốt đẹp, chẳng có gì không tốt. Trong ấy có một đạo lý rất sâu, kinh Lăng Nghiêm bảo: “*Nếu có thể chuyển cảnh, sẽ giống Như Lai*”.

Đức Phật ở bất cứ chỗ nào, cảnh giới đều là cảnh giới Phật. Ở nơi đồng trống, mọi người trải đồ lót ngồi thẳng xuống đất. Nơi đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, mùa Đông có rét mướt hay không? Mùa Hè có nóng bức hay không? Chúng ta biết Ấn Độ là xứ nhiệt đới, chẳng có mùa Đông, cho nên ba y một bát là đủ. Có gặp mưa, móc, gió, sương hay không? Chúng ta tin tưởng điều này. Đức Phật dạy học ở nơi đó, ngoại trừ đại chúng và thánh chúng mà chúng ta có thể thấy bằng nhục nhãn, còn có [những chúng sanh] mà nhục nhãn của lũ chúng ta chẳng thấy, nhưng từ Tu Đà Hoàn trở lên thì có thể trông thấy. Tu Đà Hoàn là Tiểu Thừa Sơ Quả, công phu đoạn chứng của Ngài bằng với hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín như trong kinh Hoa Nghiêm của Đại Thừa đã nói. Đối với Lục Thông, Ngài đạt được hai món là Thiên Nhãn Thông và Thiên Nhĩ Thông. Nói cách khác, Ngài có thể trông thấy trời, rồng, quỷ thần cũng đang vây quanh Thích Ca Mâu Ni Phật nghe kinh. Có nhiều trời, rồng, quỷ thần ngàn ấy, khẳng định là mưa hòa gió thuận, hiện thời nói là khí hậu tốt nhất. Bất luận đức Phật đến nơi đâu, quý vị thấy núi, sông, đại địa đều là hết sức cát tường, hết sức hòa thuận, chẳng có gió mưa, chẳng có chướng ngại, chúng ta có thể tưởng tượng điều này. Vì sao? Những người đến nghe giảng kinh đều là thiện nhân, kinh nói là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, họ chẳng tạo tội nghiệp.

Không chỉ là đức Phật bảo chúng ta, “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, hiện thời, tiên sĩ Giang Bôn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, khiến cho chúng ta từ phương pháp khoa học đã thấu hiểu “cảnh giới bên ngoài thật sự chuyển theo ý niệm của chúng ta”. Chúng ta có ý niệm tốt đẹp, tức là thiện niệm thì núi, sông, đại địa, hết thấy vạn vật, chẳng có vật gì không tốt lành. Nếu ý niệm của chúng ta bất thiện, sẽ chẳng có vật gì là thiện! Trước kia, đức Phật đã nói, khoa học gia hiện thời đã chứng minh, có thể chẳng tin tưởng hay sao? Đáng cho chúng ta suy nghĩ sâu xa!

Những người tu hành, những người thật sự có tu luyện, tôi tin mục tiêu của họ là mong đạt được thành tựu ngay trong đời này, thành tựu Phật đạo. Phật đạo là gì? Trong các buổi giảng, chúng tôi đã thừa trình cùng chư vị đồng học: Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thành Phật. Dầu chẳng buông xuống vọng tưởng được mà có thể buông xuống phân biệt và chấp trước thì là Bồ Tát. Nếu phân biệt cũng chẳng có cách nào buông xuống được, nhưng buông xuống chấp trước thì cũng là khó có, chúng A La Hán. Vì thế, Phật, Bồ Tát, La Hán là do con người tu thành, vì sao biết? Kinh Hoa Nghiêm đã nói rất rõ ràng: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Lời này đã nói rõ ràng đường ấy, chỉ cần chúng ta trừ bỏ, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trí huệ và đức tướng của Như Lai sẽ hiện tiền,

quý vị sẽ thành Phật. Vì thế, điều then chốt là quý vị có buông xuống hay không, then chốt ở chỗ này!

Quý vị thật sự phát tâm tu, có thể giữ vững chí hạnh hay chăng? Điều then chốt là kiên trì (giữ vững), “*kiên*” (堅) là kiên quyết, “*trì*” (持) là giữ gìn, dấu một sát-na cũng chẳng để mất đi! Nói theo cách hiện thời, “*chí*” là nguyện vọng, “*hạnh*” là hành vi nơi ba nghiệp. Đốc chí nơi Phật đạo, Phật đạo là trí huệ viên mãn rốt ráo. Trí huệ viên mãn rốt ráo chẳng đến từ bên ngoài, bên ngoài chẳng có đâu nhé, tự tánh vốn trọn đủ. Tự tánh do đâu mà có? Tự tánh do từ đại định mà đắc, kinh Lăng Nghiêm gọi môn đại định ấy là “*Thủ Lăng Nghiêm đại định*”. Thủ Lăng Nghiêm đại định là Định vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng phải do từ bên ngoài mà có. Tự tánh của quý vị vốn định, hiện thời cũng chẳng động, hiện thời bị dao động là gì? Cái bị dao động chẳng phải là tự tánh, mà là gì? Là vô minh, là vọng tưởng, là phân biệt, là chấp trước, những thứ ấy động, chúng tuyệt đối chẳng thuộc trạng thái tĩnh. Tập khí phiền não động, vì sao? Nó do vô minh biến hiện ra, vô minh là động, nhưng minh thì bất động. Minh là chiếu, tức chiếu kiến, chiếu kiến sẽ bất động giống như nước. Chúng ta đi chơi xa, thấy cảnh sắc núi hồ xinh đẹp. Tại sông lớn và sông cái chẳng thấy hiện tượng ấy, nhưng nơi hồ, ao, sẽ thấy hiện tượng này.

Hai tuần trước tôi có cơ duyên như vậy, đến Lệ Giang tỉnh Vân Nam ở lại hai ngày. Tại Lệ Giang, trông thấy cái hồ thanh tịnh chẳng bị ô nhiễm. Nước hồ bình lặng, chẳng nổi sóng, giống như một tấm gương, núi Ngọc Long phản chiếu trong hồ, giống như soi gương, rành rẽ, rõ ràng, chiếu kiến đầy! Tâm chúng ta vốn thanh tịnh, vốn bình đẳng, vốn giác ngộ, lại thừa cùng chư vị, vốn là từ bi, chưa hề bị dao động, chẳng bị nhuốm bẩn, đó là chân tâm của chúng ta, đó là Phật đạo! Vì sao hiện thời chúng ta lâm vào nông nổi này? Trong kinh, đức Phật thường bảo: “*Do chẳng tuân thủ tự tánh*”. Khi nào chẳng tuân thủ tự tánh? Ngay trong hiện tiền, hiện tiền quý vị có vọng niệm, vọng niệm là vọng tưởng. Quý vị có phân biệt, có chấp trước, có phiền não, có tập khí, những thứ ấy thấy đều là không tuân thủ tự tánh mà biến hiện. Trong tự tánh vốn chẳng có những thứ ấy!

Đức Phật nhọc nhằn dạy dỗ chúng ta, dạy gì vậy? Dạy chúng ta quay đầu, đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói, nói quá hay, đơn giản, rõ ràng, người tu hành thành Phật như thế nào? Mấu chốt quan trọng nhất chính là lấy cái tâm chẳng sanh diệt để tu nhân thì sẽ thành công. Vì sao phàm phu tu hành chẳng thể thành tựu? Họ dùng cái tâm sanh diệt làm cái gốc để tu nhân. Vì thế, tu vô lượng kiếp vẫn chẳng thể thành tựu. Lời này đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Điều này cũng là nói rõ: Quý vị tu hành mà chẳng buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vậy thì vô lượng kiếp, ba đại A Tăng Kỳ kiếp, quý vị vẫn chẳng

thê thành tựu. Nếu quý vị dùng cái tâm chẳng sanh diệt làm nhân, tức là cái nhân để tu hành, quý vị sẽ thành tựu Vô Thượng Bồ Đề ngay trong đời này. Trong Lăng Nghiêm Chánh Mạch, Giao Quang đại sư đã nêu ra điều này: Tu hành theo kinh Lăng Nghiêm thì quan trọng nhất là “*bỏ Thức dùng Căn*”! Thức là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là Thức. Căn là gì? Tánh nơi Căn. Đối với sáu căn, nơi Nhãn Căn thì là tánh Thấy của Nhãn Căn, tánh Nghe nơi Nhĩ Căn, tánh Ngửi nơi Ty Căn, tánh Nếm trong Thiệt Căn. Tánh chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nhưng Thức thì có. Vì thế, hiện thời, những kẻ tu hành bình phàm dùng gì để thấy? Dùng Nhãn Thức để thấy, dùng Nhĩ Thức để nghe, dùng Ty Thức để ngửi, dùng Thiệt Thức để nếm. Trong ấy còn có phân biệt, chấp trước. Nếu đổi ngược lại, chúng ta dùng Tánh bên trong Căn, dùng Tánh sẽ toàn là chiêu kiến. Dùng Tánh để thấy, tức là dùng tánh Thấy để thấy, dùng tánh Nghe để nghe, dùng tánh Ngửi để ngửi, dùng Thiệt Tánh để nếm, người ấy bèn thành Phật.

Quý vị thấy chỗ sai biệt giữa chúng sanh và Phật, kinh Lăng Nghiêm đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Quý vị có thể buông tâm ý thức xuống. Tâm là vọng tưởng, Ý là chấp trước, Thức là phân biệt, hãy buông tâm ý thức xuống, đừng dùng tâm ý thức, tức là chẳng dùng vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chỉ cần buông xuống những thứ ấy, sáu căn của quý vị sẽ sử dụng Tánh, tức là tánh Thấy, tánh Nghe, tánh Ngửi, tánh Nếm, đều là tánh, chẳng phải là Thức. Cảnh giới bên ngoài biến đổi, thật sự là hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, mắt quý vị thấy sắc bên ngoài, đó là gì? Sắc Tánh, chẳng phải Sắc Trần. Nhãn Thức thấy Sắc Trần, còn tánh Thấy sẽ thấy Sắc Tánh. Hễ thấy Sắc Tánh, nghe Thanh Tánh, thì gọi là “*minh tâm kiến tánh*”. Tông Môn nói hay lắm: “*Kiến tánh thành Phật*”. Đức Phật dạy mọi người, nói thật ra, chẳng giấu giếm mảy may, cổ nhân nói là “*hòa bàn thác xuất*” (和盤托出, giải bày trọn hết), chẳng giấu giếm tí ti nào, toàn bộ đều trao cho quý vị. Quý vị có muốn tiếp nhận hay không? Quý vị có thấu hiểu hay không? Quý vị thật sự nghe hiểu, lãnh hội, ý niệm vừa chuyển, phàm phu bèn thành Phật. Vì thế, phàm hay thánh xác thực là trong vòng một niệm. Chẳng chuyển được, tức là tập khí quá nặng, phiền não quá sâu!

Nhưng đối với những giáo huấn ấy, chúng ta nghe, đọc, giống như một tia chớp, tuy rất ngắn ngủi, tạm bợ, một niệm ấy chính là tánh quang. Tánh quang chợt hiện, giống như tia chớp. Khó có lắm! Trước nay chưa hề lóe tia chớp, nay đã lóe một lần. Hy vọng từ rày trở đi, số lần chớp lóe sẽ nhiều, dần dần dày đặc, từ tia chớp lóe biến thành thường quang, quý vị bèn thành tựu. Như thế nào thì mới có thể giúp chính mình tăng tấn, từ tia chớp lóe tăng cao hơn thành thường quang? Kiên trì chí hạnh, điều này rất trọng yếu. Lại thưa cùng chư vị rõ ràng

hơn một chút. Kiên trì khô hạnh, kiên trì trì giới. Quý vị chẳng thực hiện từ chỗ này, sự kiên trì của quý vị sẽ là hữu danh vô thực. Thực hiện từ chỗ nào? Nay tôi khuyên các đồng học hãy thực hiện từ Đệ Tử Quy, thực hiện bằng Cảm Ứng Thiên, thực hiện bằng Thập Thiện Nghiệp, đó là cơ sở của ba nhà Nho, Thích, Đạo. Quý vị chẳng thực hiện từ nơi ấy, sẽ chẳng làm được! Phải thực hiện từ chỗ dễ dàng nhất, chớ nên [thực hiện từ chỗ] rất khó, hãy từ dễ đến khó, từ cạn đến sâu, tuần tự tiến dần dần, sẽ thành công.

Vì thế, nói chung phải biết căn cội của Nho, Thích, Đạo. Ba thứ ấy chính là căn cội của Nho, Thích, Đạo, chính mình nhất định phải làm cho tốt. Quý vị dạy người khác, có những người vừa nghe nói bèn rất hoan hỷ, nghe một, hai tháng, bèn ngã lòng, một năm, hai năm, họ sẽ chẳng đến nữa. Cổ nhân gọi cách học theo kiểu ấy là: “*Học Phật nhất niên, Phật tại nhân tiền. Học Phật nhị niên, Phật tại thiên biên. Học Phật tam niên, Phật hóa vân yên*” (Học Phật một năm, Phật ở trước mắt. Học Phật hai năm, Phật ở trên trời. Học Phật ba năm, Phật hóa thành mây, khói), [lòng hăng hái] chẳng còn nữa, đã biến thành iu xiu. Trong xã hội hiện thời, hiện tượng này hết sức phổ biến, là hiện tượng thường thấy! Làm như thế nào? Hãy hồi quang phản chiếu! Tổ tiên đã dạy chúng ta: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Có điều gì chẳng làm được, hãy xét lại chính mình). Vì sao có những người vừa nghe bèn chạy mất? Vừa mới nghe mấy hôm, hoan hỷ khôn cùng, bị cảm động mắt đẫm lệ, dần dần trốn mất. Đây là vì bản thân ta chẳng làm được!

Vì sao thời cổ vua Nghiêu, vua Thuấn dạy người khác, suốt đời người ta chẳng chạy trốn? Hằng ngày đều đi theo, hằng ngày chẳng bỏ! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy học, các đệ tử thường tùy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, suốt đời chẳng lìa bỏ, đều chẳng bỏ đi. Do nguyên nhân nào? Chính mình đã làm được! Vì thế, giáo học trong hiện thời, trước hết, chính quý vị phải thừa nhận, bản tánh của chúng sanh vốn lành, hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh. Đầu tiên, quý vị phải thừa nhận điều này. Quý vị cũng chớ nên nói: “Họ chẳng có thiện căn, chẳng có phước báo, nghe vài ngày rồi không đến nữa, chẳng có thiện căn”. Sai mất rồi, suốt đời quý vị sẽ chẳng thành công. Làm sao quý vị có thể trách móc kẻ khác cho được? Quý vị phải nghĩ chính mình tu không đủ tốt đẹp, chính mình giảng chẳng đủ hay; do đó, người ta bỏ đi mất!

Một bộ kinh, cùng là một bộ kinh, chẳng hạn như bộ kinh A Di Đà, giảng một lần đương nhiên mới mẻ, hai lần, ba lần thì vẫn còn được, chứ mười lần hay tám lần sẽ nghe chẳng vô, vì sao? Ta đã nghe rồi, ta nghe đã rành quá rồi, chẳng cần nghe nữa. Vì sao khi Phật, Bồ Tát giảng, chúng sanh chẳng chạy mất? Nguyên nhân nào? Quý vị phải

biết, Phật, Bồ Tát giảng kinh mỗi lần đều khác nhau, luôn có điều đáng để nghe. Quý vị giảng kinh mỗi lần đều giống hệt như nhau, nghe một lần xong có còn muốn nghe lần thứ hai hay không? Vì sao các Ngài giảng mỗi lần khác nhau? Công phu tu hành tăng tấn mỗi ngày, phiền não mỗi ngày nhẹ hơn, trí huệ mỗi ngày tăng trưởng, cho nên các Ngài giảng khác hẳn, tức là mỗi lần đều có cái đáng để nghe, đều có thể thu hút người khác, cho nên thành công. Vì thế, quý vị phải quay lại xét mình, chớ nên chê trách kẻ khác chẳng có thiện căn, chẳng có phước báo, [nếu chê trách] thì đã hoàn toàn sai mất rồi. Chính mình sai lầm, chẳng biết lỗi lầm ở đâu, chỉ biết trách móc kẻ khác!

Đức Phật nói rất hay, “*chẳng thể tự độ, làm sao có thể độ người khác?*” Quý vị muốn dạy kẻ khác, trước hết phải dạy chính mình cho tốt đẹp. Vì thế, làm thầy khó lắm! Vì sao thầy thời cổ được người ta tôn trọng dường ấy? Đạo lý ở chỗ này. Thầy là người tu hành, tu gì? Sửa đổi lầm lỗi nơi tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của chính mình, hằng ngày đều sửa đổi, hằng ngày đều sửa lỗi. Vì thế, họ giảng một bộ kinh mà luôn luôn mới mẻ, có thể sâu, có thể cạn, có thể giảng dài, có thể giảng ngắn, chẳng có thứ gì không đặc sắc, không tinh vi. Đạo lý ở chỗ này! Bản thân quý vị chẳng thật sự tu hành, [nói đến] tu hành thì chẳng có gì khác: Đoạn phiền não, chẳng cần cầu tăng trưởng trí huệ. Hễ phiền não đã đoạn, trí huệ sẽ tự nhiên khai, đạo lý ở ngay chỗ này! Vì thế, Phật pháp đúng là kẻ đã hiểu sẽ thấy chẳng khó, kẻ thấy khó khăn tức là chẳng hiểu! Quý vị cảm thấy rất khó, tức là quý vị chẳng hiểu. Khi quý vị đã hiểu, sẽ chẳng khó!

Chúng ta phải sửa đổi tập khí trong cuộc sống hằng ngày, đối với tập khí trong công việc, tập khí trong cách đối người tiếp vật, nhất định phải sửa đổi. Cư xử với người khác, nhất định phải biết hằng thuận chúng sanh, giống như Phật, Bồ Tát hằng thuận lục đạo chúng sanh. Trong lục đạo càng xuống thấp hơn, càng khó tùy thuận. Khó làm mà có thể làm, khó nhẫn mà có thể nhẫn. Tùy thuận những đường cao hơn [tam đồ], sẽ dễ dàng hơn. Vì sao? Họ thiện nhiều, ác ít. Tùy thuận những đường dưới, do ác nhiều, thiện ít, chẳng tùy thuận thì làm sao được? Quý vị chẳng tùy thuận, đúng là họ sẽ lắc đầu bỏ đi. Do đó, tùy thuận là đức hạnh; do tùy thuận, người thế gian sẽ nói là “xuôi lọt”. Chớ nên áp đặt tiêu chuẩn của chính mình làm tiêu chuẩn [chung cho mọi người]. Nhất định phải theo tiêu chuẩn của chúng sanh, lấy tiêu chuẩn của họ làm tiêu chuẩn, họ sẽ dễ dàng tiếp nhận, tiếp nhận ta làm bằng hữu, làm bạn bè thuận thảo. Bản thân quý vị hành xử chánh đáng, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều có thể tương ứng Tánh Đức. Lâu ngày chầy tháng, sẽ tự nhiên cảm hóa kẻ khác, họ sẽ giác ngộ. Đã giác ngộ, sẽ tự nhiên quay đầu, chẳng có ai không quay đầu! Họ còn chưa quay đầu, phải biết là ta làm chẳng đủ, ta cảm chẳng sâu, [khiến

cho] họ còn chưa thấu hiểu, vẫn chưa tỉnh ngộ. Ta phải tiếp tục nỗ lực. Sửa hằng ngày, luôn luôn sửa đổi vì chính mình mà cũng vì chúng sanh.

Nói thật ra, Bồ Tát phát tâm vì chính mình thì ít, mà vì chúng sanh thì nhiều, dũng mãnh tinh tấn như vậy. Nếu chúng ta chẳng khéo sửa đổi, chúng sanh thêm một ngày mê hoặc, thêm một ngày tạo nghiệp, chịu khổ thêm một ngày, sao Bồ Tát nhẫn tâm? Thấy chúng sanh nhiều ngàn ấy đang đọa trong tam đồ, thọ khổ báo, làm thế nào để cứu họ? Chỉ có chính mình nêu gương tốt hòng cảm hóa họ. Trừ cách ấy ra, chẳng có biện pháp thứ hai! Giảng thì họ chẳng nghe, nhất định phải nêu gương. Có lúc chúng tôi cũng từ những tay linh môi (medium) biết đôi chút tin tức, nghe họ nói Quán Thế Âm Bồ Tát thường đi vào ngục quỷ, địa ngục đạo. Chúng tôi nghe xong, hoan hỷ, tin tưởng, chẳng hoài nghi. Ngài vào đó để làm gì? Nêu gương tu hành tốt đẹp. Ngài hiện thân quý trong quý đạo, trong địa ngục bèn hiện thân địa ngục, trong súc sanh bèn hiện thân súc sanh thì mới có thể giáo hóa họ. Do đó, nhất định phải hiện thân đồng loại, ngôn ngữ giống hệt, quý vị mới có thể giúp họ, mới có thể giúp họ dần dần tăng tấn, chuyện này chẳng thể vội vàng được. Tăng cao tới cảnh giới trong kinh Lăng Nghiêm, hoặc cảnh giới trong kinh Hoa Nghiêm, sẽ chẳng phải là nhân thiên, còn cao hơn nhân thiên nữa!

Do vậy, đối với loại đại kinh, đại luận như vậy, Thanh Lương đại sư đã nói rất hay. Trong mười loại đương cơ của Hoa Nghiêm, có một loại là phàm phu. Phàm phu như thế nào? Đại tâm phàm phu. “*Đại tâm*” là gì? Thấy kẻ khác chịu khổ, trong tâm rất khổ sở, bèn nghĩ phải giúp đỡ họ. Tuy chính mình tâm có thừa mà sức chẳng đủ, cái tâm thật sự có thừa, người ấy chính là đại tâm phàm phu! Người ấy có thể nghe, có thể thấu hiểu, có thể tiếp nhận, “*tiếp nhận*” là y giáo phụng hành. Chí nguyện vĩnh viễn chẳng thay đổi, bất luận là thuận cảnh, tôi thường nói: Đối với thuận cảnh chẳng tham luyến, đối với nghịch cảnh chẳng sân khê, suốt đời tùy duyên, chẳng phan duyên. Tùy duyên, sẽ chẳng có nơi nào không tốt, chẳng có chuyện gì không tốt, chẳng có kẻ nào không tốt, tùy duyên đấy! Vì sao? Người ấy chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, cho nên người ấy có thể làm được! Vì sao chúng ta ở trong hoàn cảnh, nhất là hoàn cảnh nhân sự, cứ phải kén cá chọn canh? Đấy đều là phân biệt, đều là chấp trước. Tập khí ấy đã dưỡng thành từ vô lượng kiếp lâu xa, cho nên bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào, nó sẽ tự nhiên dấy lên hiện hành, khiến cho chính mình chẳng có cách nào không chế. Đấy gọi là tập khí phiền não.

Làm như thế nào? Chẳng có cách nào khác, hễ nhận biết bèn sửa. Giác là sửa, thường xuyên giác ngộ, luôn luôn giác ngộ, giác ngộ mỗi ngày. Cổ đại đức vận dụng Công Quả Cách, quý vị ngắm xem có hợp lý hay không? Liên Trì đại sư còn viết sách về Công Quả Cách, hiện

thời, trong toàn tập (tức Liên Trì Đại Sư Toàn Tập) có [tác phẩm ấy], có tựa đề là Tự Tri Lục. Ngài chẳng gọi là Công Quá Cách, mà gọi là Tự Tri Lục. Mỗi ngày Ngài dùng mấy điều ấy để phản tỉnh, cũng có đến mấy chục điều. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, trong một ngày có thiện và có ác, thiện và ác đều phải ghi lại, so sánh, ngày hôm nay ta thiện nhiều hay ác nhiều? Dùng phương pháp này để kiên trì chí hạnh. Phương pháp tuy vụng về, nhưng rất hữu hiệu, đặc biệt là đối với người mới học, đặc biệt là đối với người hiện thời.

Bởi lẽ, muốn thật sự học tập pháp thế gian và xuất thế gian mà có thành tựu, chớ nên chân chừ, cầu thả, [chân chừ, cầu thả] sẽ chẳng thể thành tựu. Phải nghiêm túc, kiên trì! Phương hướng, mục tiêu chớ nên sai chệch mảy may, chính mình chánh đáng, kẻ khác tự nhiên sẽ chánh theo. Thậm chí chẳng cần phải nghĩ đến người khác, hễ thấy người khác có lỗi, ngay lập tức kiểm điểm chính mình: Ta có lỗi làm hay không? Hễ có bèn sửa đổi; nếu không càng thêm cố gắng. Hạnh của ta chánh đáng, sẽ ảnh hưởng người khác. Hạnh của ta chẳng chánh đáng, cũng sẽ ảnh hưởng người khác, người khác cũng chẳng chánh đáng. Vì thế, vua Thang có một câu danh ngôn: *“Thiên hạ hữu tội, tội tại trẫm cung”* (Thiên hạ có tội, tội bởi nơi trẫm). Ngạn ngữ có câu: *“Thượng lương bất chánh, hạ lương oai”* (Kèo trên chẳng ngay, kèo dưới lệch). Vì sao dân chúng phạm tội? Vì sao bất thiện? [Nguyên nhân là do] bản thân nhà vua có vấn đề! Cổ thánh tiên vương có khác gì Phật, Bồ Tát? Há chẳng phải là như Quán Âm Bồ Tát đã dạy: *“Đáng nên dùng thân quốc vương đặc độ, liền hiện thân quốc vương hòng thuyết pháp”*. Có đúng như thế hay không? Đúng vậy! Đáng nên dùng thân tể quan đặc độ, liền hiện thân tể quan để thuyết pháp. Nay chúng ta gọi *“tể quan”* (宰官) là người lãnh đạo các cấp trong chánh phủ như tỉnh trưởng, thị trưởng, huyện trưởng, trấn trưởng, khu trưởng, lý trưởng đều là tể quan. Nếu quý vị hành xử chánh đáng, dân chúng sẽ chánh đáng. Quý vị hành xử chẳng chánh đáng, dân chúng sẽ đi theo đường tà, đấy là đạo lý nhất định.

Chúng ta bất luận là thân phận gì, bất luận cương vị gì, thấy đều là hành Bồ Tát đạo, thấy đều hành Phật đạo. Trong nhà quý vị là gia trưởng, nhà quý vị tăng trưởng điều chánh, sẽ chẳng có người nào trong nhà quý vị bất chánh. Hễ có người nhà bất chánh, tức là ta làm gia trưởng chưa tốt. Chủ nhân của công ty, hãng xưởng, hoặc cửa hiệu là người lãnh đạo; nếu ông ta chánh đáng, tất cả công nhân viên chức đều chánh đáng. Bản thân ông ta bất chánh, đương nhiên là công nhân, viên chức đều tà. Chánh là gì? Tam giáo Nho, Thích, Đạo đều là Chánh, đều có cái đáng để chọn lấy. Nho gia coi trọng sự tướng, nói đến luân lý, thiên trọng luân lý. Đạo giáo thiên trọng đạo đức. Phật pháp giảng Trung Đạo, Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Nếu chúng ta hiểu rõ những

đạo lý ấy, nghiêm túc nỗ lực kiên trì chí nguyện của chính mình: “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”, đây là đại nguyện từ xưa tới nay của mười phương thế giới tất cả chư Phật, Bồ Tát. Sau khi nguyện đã viên thành, nhất định dùng sự hành trì của chính mình để giúp đỡ, phổ độ chúng sanh chẳng bỏ Phật đạo. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập bài kệ này tới đây!

Tập 1553

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiêu đoạn thứ ba trong đoạn lớn thứ sáu của phần Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ mười bảy:

(Kinh) Kiến trước giáp trụ, đương nguyện chúng sanh, thường phục thiện铠, thú vô sư pháp.

(經) 見著甲冑。當願眾生。常服善鎧。趣無師法。

(Kinh: Thấy mặc giáp trụ, nguyện cho chúng sanh, thường khoác giáp lành, đạt pháp không thầy).

Ở đây, Thanh Lương đại sư có chú thích đôi chút:

(Sớ) Thế chi giáp trụ, tùy sư lữ, tấn nhẫn giáp trụ, thú vô sư.

(疏) 世之甲冑，隨於師旅，進忍甲冑，趣於無師。

(Sớ: Giáp trụ trong cõi đời, thuận theo biên chế của quân đội⁴. Giáp trụ Tinh Tấn và Nhẫn Nhục [giúp hành giả] hướng đến pháp không có thầy).

Lời chú giải tuy chẳng nhiều, đại ý nhằm bảo chúng ta: Khi đang khát thực, hoặc đang đi đường xa, trông thấy những binh lính võ trang đeo giáp trụ. “*Giáp*” (甲) là áo giáp để bảo vệ thân thể, để hộ thân, đó gọi là Giáp. Trước kia, thứ này có thể chống đỡ đao, cung tên, [nói chung là “phòng ngự”] đao tiễn. “*Trụ*” (冑) loại mũ che đầu nhằm bảo vệ đầu, giống như loại nón sắt trong hiện thời. Trong lúc giao tranh, nó sẽ bảo vệ đầu khỏi bị thương. [Điều này] dẫn phát đại nguyện, vì trong

⁴ Sư lữ (師旅) là quy chế tổ chức quân đội thời cổ, Sư là một đoàn quân gồm hai ngàn năm trăm người, còn Lữ là năm trăm người. Về sau, từ ngữ Sư Lữ được dùng để phiếm chỉ quân đội. Từ ngữ này khác với danh từ quân sự hiện thời. Theo quy chế hiện thời, một sư đoàn (師團, division) là từ mười ngàn đến hai mươi lăm ngàn người, còn lữ đoàn (旅團, brigade) là từ ba ngàn đến năm ngàn người.

kinh Phật có nói đến tinh tấn, có câu “*bị giáp tinh tấn*” (mặc giáp tinh tấn). Đây là tỷ dụ, mặc giáp tinh tấn [có ý nghĩa như thế đó]. Vì thế, “*thường phục thiện khải*” (thường mặc áo giáp tốt lành), “*khải*” (鎧) có chút khác biệt với “*trụ*” trong câu trước. “*Trụ*” quá nửa là làm bằng da thuộc, loại da thuộc dày cộp; còn *Khải* quá nửa là do những mảnh sắt ghép lại, có tác dụng bảo vệ thân thể mạnh mẽ hơn. Nó làm bằng từng miếng sắt ghép lại mà. Đương nhiên là “*khải*” khá nặng, nặng hơn *Trụ* khá nhiều. Có thể nói *Trụ* cũng khá nặng, nhưng *Khải* nặng hơn vì *Khải* do các miếng sắt ghép lại. “*Bị giáp tinh tấn*” (Mặc giáp tinh tấn): Vào lúc chiến tranh thuở trước, binh lính mặc khôi giáp (“*Trụ*” là “*khôi*” (盔, cái mũ bịt đầu), Giáp là áo giáp sắt khoác trên thân) để xung phong, hãm trận. Chiến tranh hiện thời tuy khác xưa kia, nhưng xung phong, hãm trận nói chung là phải có trang thiết bị phòng ngự tốt đẹp. Chư vị đều biết, xung phong, hãm trận hiện thời dùng chiến xa, tức xe tăng. Xe tăng [giống như] mặc giáp, người ẩn trong xe ấy. Xe được phủ giáp rất dày, có thể ngăn ngừa những thứ đạn pháo thông thường, đạn pháo chẳng có cách nào xuyên qua. Dùng chiến xa để xung phong; vì thế, ý nghĩa chẳng khác thời cổ. Trong Phật pháp, đã dùng điều này để tỷ dụ tinh tấn. Dũng mãnh tinh tấn giống như quân lính xung phong, hãm trận trong chiến tranh, dùng chuyện này để tỷ dụ sự vô úy, tức là chẳng sợ hãi, dũng mãnh, tinh tấn chẳng e sợ, mang ý nghĩa này; dẫn phát đại nguyện “*thường phục thiện khải*” (thường khoác áo giáp tốt lành). Nói chung, chiến tranh chẳng phải là chuyện tốt đẹp; ở đây, Phật pháp nhằm nói đến Tinh Tấn Ba La Mật. Vì thế, phải nói tới “*bị giáp tinh tấn*” (mặc giáp tinh tấn), cái áo giáp ấy nhất định là “*thiện khải*” (áo giáp tốt lành).

“*Thú vô sư pháp*” (Hướng đến pháp không có thầy): “*Thú*” (趣) là hướng đến, là mục tiêu. Mục tiêu ở chỗ nào? Mục tiêu là “*vô sư pháp*”. “*Vô sư pháp*” là Phật pháp, là thành Phật. Thành Phật sẽ đạt được trí huệ là Vô Sư Trí. Vì sao? Vô lượng trí huệ vốn trọn đủ trong tự tánh, chẳng do học từ bên ngoài. Phải hiểu rõ đạo lý và sự thật này; sau đấy, quý vị mới có thể thật sự dũng mãnh, tinh tấn, đột phá khá nhiều chướng ngại. Các chướng ngại ấy, nói chung, không gì chẳng phải là nghiệp chướng. Nói “*nghiệp chướng*” là đã bao gồm toàn bộ. Dũng mãnh tinh tấn thì mới có thể đột phá nghiệp chướng. Trong giáo pháp Đại Thừa, nói chi tiết thì Phiền Não Chướng gồm có ba loại lớn: Kiến Tư phiền não là loại thứ nhất, Trần Sa phiền não là loại thứ hai, Vô Minh phiền não là loại thứ ba. Ba cửa ải ấy, đột phá mỗi cửa ải đều khá khó khăn, do nguyên nhân nào? Tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay! Vì thế, phải có tinh thần đại vô úy, mặc giáp tinh tấn, thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật, điều gì cũng đều có thể chịu đựng. Trong chú giải, Thanh Lương đại sư đã nói đến Tấn và Nhẫn, tức là đối với

Nhẫn Nhục Ba La Mật và Tinh Tấn Ba La Mật, đều cần phải có quyết tâm, nghị lực.

Loại quyết tâm, nghị lực ấy do đâu mà có? Do từ tín tâm mà ra. Quý vị thấy trong Phật môn, bất luận là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, bất luận là Hiền Giáo hay Mật Giáo, đều nói đến Ngũ Căn, Ngũ Lực. Ngũ Căn và Ngũ Lực có danh tướng giống nhau, thứ nhất là Tín, thứ hai là Tinh Tấn, [kể theo thứ tự sẽ là] Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Tín tâm do đâu mà có? Cội nguồn của tín tâm chẳng ngoài hai loại lớn, một loại là thiện căn. Tuy học Phật, đọc kinh chẳng nhiều, nhưng vừa được tiếp xúc, người ấy bèn có thể tin tưởng, chẳng hoài nghi, lại còn có thể y giáo phụng hành. Đây là gì? Đây là thiện căn sâu dày. Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, chắc chắn chẳng phải là đời này mới học Phật, mà là do từ nhiều kiếp lâu xa trong đời quá khứ, người ấy đã đời đời kiếp kiếp đều học Phật. Đương nhiên là công phu của người ấy chưa đạt tới tiêu chuẩn vãng sanh. Nếu đạt tới tiêu chuẩn vãng sanh và chứng quả, người ấy đã là thánh nhân, chẳng ở trong nhân gian. Nhưng do thiện căn sâu dày, trong quá khứ đã có cơ sở ấy, cho nên đời này vừa được tiếp xúc bèn chẳng hoài nghi. Người ấy dễ dạy, khéo học! Gặp duyên, thường là trong đời này người ấy chắc chắn có thành tựu. Đây là hạng người thiện căn sâu dày!

Loại người thứ hai là do có một khoảng thời gian nghe kinh, nghe pháp huân tập mà thành. Huân tập là duyên, đương nhiên vẫn là có thiện căn. Nếu là kẻ chẳng có thiện căn, tuy tiếp xúc Phật pháp vài chục năm, kẻ ấy chẳng thể tin tưởng, tuy rất ưa thích học tập, nhưng coi Phật pháp như một môn học vấn đề nghiên cứu. Quá nửa là hạng người nào? Thật sự là học giả, chuyên gia. Trong quá khứ, tôi ở Đài Loan, khi mới học Phật, tôi quen biết rất nhiều vị giáo sư đại học nổi tiếng, họ thấy tôi học Phật bèn cùng tôi đàm luận Phật pháp, trích dẫn kinh điển, chỗ nào cũng đều hợp lý. Họ có tin [Phật pháp] hay không? Chẳng tin! Họ hâm mộ những đạo lý được nói rất thấu triệt trong kinh Phật. Họ dạy học, trong nghiên cứu học vấn họ thường xuyên trích dẫn [kinh Phật], nhưng suốt đời chẳng gia nhập Phật môn. Tuy vậy, chúng tôi tin tưởng họ đã gieo thiện căn, đây là điều khẳng định. Tuy đời này chẳng gia nhập Phật môn, chẳng quy y, nhưng đã gieo thiện căn. Thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng thuộc hạng người này, nhưng đến lúc về già, thầy Phương quy y, tức là nửa năm trước khi mất, thầy mới quy y, chẳng dễ dàng, rất khó có! Thầy quy y pháp sư Quảng Khâm, nửa năm sau, thầy qua đời. Khi đó, thầy đã bị bệnh ung thư, lúc ấy mới quy y. Vì thế, [nhập Phật môn] khá khó khăn!

Khá nhiều người, thậm chí các vị tổ sư đại đức xuất gia, như chúng ta biết các vị Liên Trì đại sư, Ngẫu Ích đại sư, Ấn Quang đại sư [đều là] thưở trẻ học Nho, báng Phật, các Ngài đều đã từng làm, trong

truyện ký đã chép rất rõ ràng. Về sau, tiếp xúc Phật pháp, sám hối, nghiêm nhiên xuất gia, trở thành bậc tổ sư trong Phật môn. Các Ngài đây lòng tin là do được tiếp xúc Phật pháp. Chẳng tiếp xúc thì không biết, cho nên bài xích; vì học Nho, bèn dùng Nho để bài bác Phật. Sau khi được tiếp xúc mới hiểu rõ, mới giác ngộ, đây là một loại sanh khởi lòng tin. Ở đây, chúng ta biết, nói theo giáo pháp Đại Thừa, sẽ là có Quyền và Thật. Thật là gì? Phàm phu thật sự chẳng biết, thật sự chẳng hiểu, sau khi đã tiếp xúc, đã hiểu rõ, tín tâm mới sanh khởi.

Còn có một loại nữa là quyền xảo thị hiện; đó gọi là “*đại quyền thị hiện*”. Như hạng người nào? Chúng ta nói đến các vị đại sư Liên Trì, Ngẫu Ích, Ấn Quang, những vị ấy đều là Bồ Tát tái lai, đại quyền thị hiện. Sự thị hiện ấy hay lắm! Chư vị thấy đó, quý vị chẳng tin tưởng, bài xích Phật giáo, chê Phật giáo là mê tín, ta cũng nói nó là mê tín, cũng bài xích Phật giáo, đến cuối cùng tiếp xúc, ta tin tưởng. Không chỉ là tin tưởng mà còn xuất gia, nêu gương cho những phần tử trí thức (hiện thời gọi là “*thành phần trí thức*”, thời cổ thì nói là “*giai cấp sĩ phu*”). Những người ấy có Sở Tri Chương nặng nề! Tuy đọc sách, hiểu lý, nhưng như thế nào? Đọc sách Nho gia, thành kiến rất sâu. Những trường hợp tiêu biểu trong lịch sử như Hàn Dũ, Châu Hy (Châu Tử) đều thuộc loại này, đều đọc kinh Phật, nhưng bài xích Phật pháp, luôn coi Nho là chánh tông, coi Phật và Đạo thuộc loại bàng môn tả đạo, chẳng phải là chánh tông, luôn dùng loại tâm thái ấy để phê phán, đó là hạng phàm phu thật sự. Chúng ta biết quá nửa những vị quay lại học Phật, xuất gia, trở thành bậc tổ sư đại đức trong Phật môn đều là bậc đại quyền thị hiện. Vì thế, đối với tín tâm, chẳng dễ dàng kiến lập!

Kinh Kim Cang đã nói hay lắm: “*Tín tâm thanh tịnh, sẽ sanh ra Thật Tướng*”. Quý vị chẳng hoài nghi, chẳng có thành kiến đối với Phật pháp, sẽ sanh ra trí huệ. Vì thế, nhân nhục và tinh tấn đều phải cấy vào trí huệ, trí huệ phải nảy sanh từ tín tâm. Kinh Hoa Nghiêm và Đại Trí Độ Luận (chúng ta nói là “*đại kinh, đại luận*”) đều bảo: “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức). Tín là cội nguồn để nhập đạo, vô lượng vô biên công đức đều sanh từ tín tâm. Quý vị chẳng có tín tâm, dẫu có phước, chỉ biết hưởng phước, chẳng biết gieo phước lần nữa. Vì sao? Do chẳng có tín tâm, chẳng có trí huệ, quý vị chẳng nhận biết phước điền là gì. Giống như nông phu, nông phu có kinh nghiệm sẽ biết loại đất đai nào phì nhiêu, thích hợp trồng loại thực vật gì để có thể thu hoạch rất tốt đẹp. Đây là người thông hiểu, có trí huệ, có kinh nghiệm. Chẳng hiểu cách trồng trọt, chẳng biết cuộc đất nào là đất tốt, đem lương thực gieo trồng nơi đất cát, nó sẽ chẳng thể sanh trưởng, đây là hoàn toàn sai lầm!

Vì thế, người có phước báo trong đời này là do phước đã gieo trong đời quá khứ, đời này nếu chẳng có trí huệ, quý vị sẽ hưởng phước,

chẳng biết tu phước lần nữa, Phật pháp gọi đó là “*si phước*”. Chẳng biết gieo phước, phước đã gieo đều là giả, đều chẳng thật, đều chẳng phải là phước điền thật sự, mà là tương tự phước điền, là giả phước điền. Có nghĩa là cứ ngỡ chính mình tu phước, nào ngờ làm chuyện sai trái! Vì người ấy có thiện tâm, chẳng thể nói người ấy có tội, chỉ có thể nói người ấy phạm lỗi, lầm lỗi. Do thiện tâm làm chuyện sai trái, quả báo đương nhiên chẳng tốt đẹp, đây là đạo lý nhất định. Vì thế, Phật pháp đến cuối cùng sẽ hướng đến trí huệ viên mãn rốt ráo, tức là Vô Sư Trí, [do tu] vô sư pháp [sẽ đạt được] Vô Sư Trí.

Vô Sư Trí vẫn phải bắt nguồn từ thầy! Chúng ta nhìn vào Tông Môn, Giáo Hạ, có ai mà chẳng có thầy? Mọi người đều biết Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng, vị này xác thực là thông minh tuyệt đỉnh, chưa hề đi học, chẳng biết chữ. Ngài cũng có thầy, Hoàng Mai Ngũ Tổ là thầy của Ngài. Ngài đại triệt đại ngộ trong hội của thầy; sau khi đã đại ngộ, bèn tiên hướng Vô Sư Trí, vô sư pháp. Đây là một tấm gương tốt nhất. Giáo Hạ cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, Giáo Hạ luôn có sư thừa, [tức là] Tông Môn lẫn Giáo Hạ đều có sư thừa. Nếu Giáo Hạ đạt tới đại khai viên giải, khi ấy, Vô Sư Trí hiện tiền. Cái được gọi là Vô Sư Trí, nói thật ra, chính là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh hiện tiền. Vì sao hiện tiền? Đã đột phá chướng ngại. Đột phá tầng chướng ngại thứ nhất thì vẫn chưa được, vẫn phải dựa vào thầy. Tầng chướng ngại thứ nhất là Kiến Tu phiền não, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói đến điều này, các đồng học phải nên hiểu rất rành rẽ. Đột phá tầng chướng ngại ấy, sẽ chứng quả A La Hán. Đó là Tiểu Thừa. Trong giáo pháp Đại Thừa, sẽ là hàng Bồ Tát từ Thất Tín trở xuống. Nay chúng ta nói đến mười địa vị Tín, từ Sơ Tín cho đến Thất Tín bèn đột phá tầng chướng ngại thứ nhất. Từ Thất Tín trở lên, bốn địa vị Thất Tín, Bát Tín, Cửu Tín, Thập Tín sẽ đột phá tầng chướng ngại thứ hai. Chướng ngại thứ hai chính là Trần Sa phiền não. Đạt đến Thập Tín, tức Đệ Thập Tín, mười tín tâm viên mãn, lại đột phá chướng ngại cuối cùng là Vô Minh phiền não.

Kinh Hoa Nghiêm không dùng những danh tướng này, mà dùng những từ ngữ dường như dễ hiểu đối với chúng ta, trên thực tế, cũng chẳng dễ dàng! Các danh từ gì vậy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chấp trước là Kiến Tu phiền não. Quý vị hãy ngẫm xem, Sơ Tín, Nhị Tín, Tam Tín, Tứ Tín, Ngũ Tín, Lục Tín là sáu địa vị, đến Thất Tín bèn đột phá, chẳng dễ dàng! Địa vị Sơ Tín đột phá cái thứ nhất là Kiến Hoặc (Kiến phiền não). Năm địa vị từ đây trở đi sẽ đột phá Tư Hoặc, tức là những tư tưởng sai lầm, rất khó đột phá. Từ vô thi kiếp đến nay, chúng ta đọa lạc trong lục đạo luân hồi, chư vị phải ghi nhớ, lục đạo luân hồi đầy nhé! Hễ luân hồi, phiền phức to lớn, thời gian luân hồi quá dài, vô lượng kiếp, sẽ đắm nhiễm quá nhiều những tập khí phiền não

trong lục đạo, rất nghiêm trọng. Vì thế, đột phá khó khăn như thế đó!

Nay chúng ta dùng Tấn và Nhẫn làm giáp trụ, trước hết, phải đột phá điều gì? Kiến phiền não (Kiến Hoặc). Kiến Hoặc tuy nhiều, đức Phật dạy học có phương tiện thiện xảo, đã quy nạp Kiến phiền não thành năm loại lớn, tức Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến, và Tà Kiến, chia thành năm loại lớn ấy. Loại đầu tiên trong năm loại lớn là [kiến chấp về] thân thể. Quý vị nói xem có kẻ nào trong lục đạo chúng sanh chẳng chấp trước thân là ta? Sai mất rồi! Nếu nay chúng ta bảo kẻ khác “kiến giải ấy là sai lầm”, người ta sẽ nói: “Đầu óc người nhất định có vấn đề! Thân chẳng phải là ta thì ai là ta?” Luôn chấp trước thân là ta: “Lẽ nào thân chẳng phải là ta?” Do sự chấp trước ấy, chẳng thoát khỏi luân hồi, phiền phức to đùng. Quý vị có tâm thân này, thân có sanh tử, sau khi cái thân đã chết, lại vội vã tìm một cái thân khác, luôn cho rằng: “Cái thân mới là ta. Chẳng có thân, sẽ không có ta!” Nếu đức Phật chẳng dạy rõ cùng chúng ta, làm sao chúng ta biết quan niệm ấy là sai lầm?

Khi nào quý vị thật sự giác ngộ, chẳng còn có loại kiến giải ấy nữa, thân có phải là ta hay không? Thân chẳng phải là ta, thân là gì? Thân là cái ta sở hữu, chẳng phải là ta! Giống như quần áo, quần áo chẳng phải là ta, mọi người biết chuyện này rất rõ ràng. Quần áo là thứ ta sở hữu, quần áo của ta. Nhà cửa là thứ ta sở hữu, đây là nhà của ta, nhà cửa của ta, chẳng phải là ta, mà là thứ sở hữu bởi ta.

Vì thế, Ta (ngã) và cái của Ta (ngã sở) phải phân định rõ ràng. Những thứ là sở hữu của ta có thể bị hư hoại, có nghĩa là chúng có sanh, diệt, chúng là vô thường. Ngã là bất sanh bất diệt, Ngã là thường trụ, chẳng biết điều này. Vì thế, nhà Phật nói đến Đại Niết Bàn, trong phần trước, chúng tôi có nhắc tới niềm vui Đại Niết Bàn. Niềm vui Đại Niết Bàn bao gồm những gì? Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Niết Bàn có bốn loại đức. Đây là thật, chẳng giả. Bốn thứ ấy đều là bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi. Đây là thật. Vì thế, Ngã là bất sanh, bất diệt.

Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói “*phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra), đây chính là cái Ta (Ngã) thật sự. Trước khi được cha mẹ sanh ra, đương nhiên chẳng phải là cái thân này, “*diện mạo vốn sẵn có*” mới là chính quý vị. Do vậy, thân chẳng phải là [Ngã, bởi lẽ], thân có sanh tử, Ngã chẳng có sanh tử. Ngã là gì? Vì thế, lại có kẻ nầy sanh hiểu lầm, ngỡ là gì? Người Hoa nói là “*linh hồn*”, linh hồn có thể đi đầu thai, nó lại tìm một cái thân khác. Do đó, linh hồn vĩnh viễn tồn tại, cái luân hồi trong lục đạo chính là nó. Thân lãnh thọ trong lục đạo toàn là giả, luôn có sanh diệt. Dầu quý vị sanh lên Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, vẫn là có sanh diệt. Bất luận thân gì, thân A Tu La, thân La Sát, thân yêu ma quỷ quái, thân súc sanh, thân ngựa quỷ, hay thân địa ngục, thủy đều

có sanh diệt. Có sanh diệt là có sanh tử, chẳng phải là thật!

Đức Phật dạy chúng ta, chúng ta phải nhận biết cái thật, phải khéo dùng nó làm cái gốc để tu nhân thì mới có thể minh tâm kiến tánh, mới có thể kiến tánh thành Phật. Thân là giả, là thân sanh diệt, thứ này chẳng thể thành tựu. Có người ngỡ nó là linh hồn, chấp trước linh hồn so với chấp trước cái thân là Ngã thì khá hơn, nâng cao hơn một bậc, cao minh hơn, nhưng linh hồn có phải là chính mình hay không? Chẳng phải! [Bởi lẽ], linh hồn cũng có sanh diệt. Sự sanh diệt ấy chẳng dễ hiểu cho lắm, nó sanh từ nơi đâu? Vọng tưởng. Do vọng tưởng chẳng dễ đoạn, đến khi nào sẽ đoạn được vọng tưởng? [Đạt tới] Phật pháp giới trong mười pháp giới thì mới có thể đoạn được! Do linh hồn là một món vọng tưởng, chỉ cần có vọng tưởng thì nó (linh hồn) bèn tồn tại.

Vì vậy, một người bất luận rơi vào trong đường nào, hễ ở trong mười pháp giới, bất luận quý vị thuộc đường nào hay pháp giới nào, [đều là] chẳng đoạn vọng tưởng. Hễ đoạn vọng tưởng, mười pháp giới sẽ chẳng còn nữa, đến nơi đâu? Đến Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới sẽ tìm được Ngã, cái Ngã ấy là gì vậy? Pháp Tánh, Pháp Thân; vì thế cũng gọi là Pháp Tánh Thân. Đó là Chân Ngã, bất sanh bất diệt. Nơi quý vị ở sẽ được gọi là Pháp Tánh Độ. Nó là thật. Pháp Tánh Thân là chân thân, Pháp Tánh Độ là chân độ (cõi nước chân thật). Vì sao? Nó chẳng biến đổi. Mười pháp giới đều chẳng thật. Lục đạo lại càng chẳng cần phải nói nữa! Kiến giải sai lầm mà! Cần phải cậy vào sự giáo huấn của Phật, Bồ Tát, chúng ta mới hiểu rõ, mới buông xuống những thứ ấy, chẳng còn chấp trước tâm thân này là ta. Có cần phải yêu thương, bảo vệ, chăm nom tâm thân này hay không? Phải! Cần chăm sóc nó, nhưng chớ nên chấp trước nó là chính mình. Vì sao phải chăm sóc nó? Mượn cái giả để tu cái thật. Nay chúng ta chẳng có thân thể này, dùng thứ gì để tu? Thân là giả, mượn cái thân giả này để tu cái thân Pháp Tánh chân thật. Đó là đúng.

Trong giáo pháp Đại Thừa, chuyện này được giảng cặn kẽ nhất, tỉ mỉ nhất trong kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm. Năm 1977, tôi giảng bộ kinh này ở Hương Cảng, giảng suốt bốn tháng. Tôi nhớ là trong bốn tháng ấy, dường như giảng còn chưa được một nửa. Hai tháng đầu, mỗi ngày giảng một giờ, vì có phiên dịch, dịch sang tiếng Quảng Đông. Vì thế, hai giờ trên thực tế là một giờ. Hai tháng sau, các đồng tu rất khá, tôi giảng kinh họ đều có thể nghe hiểu; vì thế, hai tháng sau, chẳng cần dùng phiên dịch nữa. Mỗi ngày giảng hai tiếng đồng hồ. Thật vậy! Mọi người nghe giảng rất hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Do chẳng đủ thời gian, bộ kinh ấy chẳng giảng xong. Dường như là hơn một phần ba, giảng đến quyển thứ tư. Kinh Lăng Nghiêm có tất cả mười quyển.

Khiến cho chúng ta thật sự hiểu rõ chân và giả, điều quan trọng

nhất trong tu hành là phải nhận thức rõ ràng thứ gì là thật, thứ gì là giả. Theo Phật pháp, cái gì vĩnh hằng bất biến thì là Thật. Giả là gì? Giả thì có biến hóa. Phàm những gì có biến hóa đều là vô thường. “Thật” thì vĩnh hằng, là thường, chân thường! Đức Phật dạy chúng ta, phải đổ công dốc sức nơi chân thường; những gì là vô thường thì đều buông xuống, vứt bỏ. Lục đạo là vô thường, tam giới là vô thường, y báo và chánh báo cũng đều chẳng thật, quý vị chấp trước, há chẳng phải lầm lỗi ư? Kiến Tư phiền não là chấp trước, kinh Hoa Nghiêm [gọi Kiến Tư phiền não] là chấp trước, Trần Sa phiền não là phân biệt. Quý vị chấp trước và phân biệt thì sai mất rồi! Cái có thật chính là Nhất Chân pháp giới, Pháp Tánh Thân và Pháp Tánh Độ. Pháp Tánh Độ được gọi là Nhất Chân pháp giới. Pháp Tánh Thân được gọi là Pháp Thân. Nó vĩnh hằng, chẳng có sanh diệt. Ở trong cảnh giới ấy, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Không chỉ là chẳng có phân biệt và chấp trước, mà vọng tưởng cũng chẳng có. Vọng tưởng là gì? Tôi nói rất thông tục, dễ hiểu; tôi thường nói *“khởi tâm động niệm là vọng tưởng”*. Nếu đoạn trừ vọng tưởng, chẳng khởi tâm, không động niệm, thật sự chẳng dễ làm được! Sau khi đã khởi tâm động niệm, sẽ sanh khởi phân biệt. Sau khi đã có phân biệt thì mới có chấp trước.

Tôi nghĩ đạo lý và sự thật này chẳng khó hiểu đối với các đồng tu. Bởi lẽ, nó sanh xuất như thế đó, theo thứ tự ấy, chúng ta muốn đoạn trừ nó, nhất định phải lật ngược lại. Giống như mặc quần áo, quý vị mặc lớp thứ nhất là áo lót sát mình, rồi đến áo ngắn ra ngoài áo lót, rồi mặc áo dài, [áo dài] lại ở bên ngoài lớp áo trong. Quý vị mặc y phục theo cách ấy. Vậy thì cởi ra, nhất định là cởi áo dài bên ngoài trước, rồi cởi áo ngắn, cuối cùng mới là áo lót sát mình. Vì thế, chúng ta đoạn từ chỗ nào? Từ cái ở ngoài cùng là chấp trước, trước hết thực hiện từ chỗ này. Biết hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều là giả, kinh Bát Nhã đã nói rất hay: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”, “hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*. Có thể dùng nó, chớ nên chấp trước nó. Quý vị dùng nó thì chẳng sai, nhưng chấp trước nó thì sai mất rồi! Chớ nên chấp trước! Quý vị có thể dùng nó, chớ nên phân biệt, vì sao? Nó chẳng thật, nó sanh từ vọng tưởng. Vì thế, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường bảo: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Tâm tưởng là vọng tưởng.

Vì thế, trước hết chúng ta phải tin, tuy chúng ta vẫn chưa có trí huệ ấy, nhưng chúng ta tin tưởng những gì đức Phật đã dạy chúng ta chắc chắn chẳng thể sai, chắc chắn là chân thật. Chúng ta sanh khởi tín tâm từ chỗ này. Sau khi đã sanh khởi tín tâm, bèn học buông xuống, học từng ly từng tí một! Ví như trong quá khứ đã chấp trước nghiêm trọng, đây là sai lầm. Đã nhiều năm ngàn ấy, chúng ta đối với hết thấy người, sự, vật, lòng chấp trước dần dần mỏng bớt, đây là hiện tượng tốt

đẹp. Đó gọi là “*có công phu*”, buông xuống dần dần! Nhưng chúng ta buông xuống vẫn chẳng đủ. Vì sao? Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Thủ Kiến, Kiến Thủ Kiến hãy còn, vẫn chưa đoạn hết. Nếu có thể thật sự đoạn sạch năm thứ kiến giải sai lầm ấy, chúc mừng quý vị, quý vị là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín theo kinh Hoa Nghiêm, là thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân. Chuyển phàm nhập thánh, ngay trong đời này, chúng ta là thánh nhân bậc cao, [điều này] chẳng dễ dàng! Xác thực là rất khó có! Chuyển thành thánh nhân cấp bậc thấp nhất, tức là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín thì sẽ có thể làm được.

Tại Trung Hoa, trải các đời, những vị cao tăng đại đức, trưởng giả, cư sĩ đạt tới cảnh giới này rất nhiều. Từ địa vị Sơ Tín tiến cao hơn, tiến lên Nhị Tín, Tam Tín, Tứ Tín, Ngũ Tín, Lục Tín vẫn có. Trước kia, thầy Lý đã nói với chúng tôi, thầy nói gì vậy? Nói đến chuyện phiên dịch kinh điển. Trước kia, những vị đại đức tham gia phiên dịch kinh điển, trong số đó, có chẳng ít vị từ Lục Tín trở xuống, tức là những địa vị giống như trong Tiểu Thừa. Các vị Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả tham gia phiên dịch kinh. Vì thế, những kinh điển do họ dịch sai lầm rất ít. Nếu ngay cả địa vị Sơ Quả chẳng có, mà nếu quý vị dịch kinh điển, đó là quý vị dùng ý nghĩ của chính mình để phiên dịch, sẽ chẳng tránh khỏi làm lỗi. Vì thế, kinh điển được phiên dịch hay và có lý đường ấy! Hàng tại gia cư sĩ đều đã khế nhập cảnh giới của Phật, những người dự vào địa vị Sơ Tín sẽ nhập cảnh giới của Phật chút phần. Quý vị nói xem, như thế nào thì sẽ có thể đạt được? Chẳng có gì khác, hãy buông xuống! Chúng tôi thường nói buông xuống từ chỗ nào? Đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật, nói chung, vạn sự vạn pháp quy nạp lại, sẽ chẳng ngoài ba loại lớn là người, sự, vật. Phải thấy thấu suốt ba loại lớn ấy. “*Thấy thấu suốt*” tức là biết nó là pháp sanh diệt, là pháp hữu vi, chẳng thật!

Vì lẽ đó, trước hết, phải thấy thấu suốt; sau khi đã thấy thấu suốt, bèn dần dần buông xuống, sẽ chẳng khó! Nếu quý vị tưởng những thứ ấy đều là thật, buông xuống sẽ khó khăn. Quý vị biết những thứ ấy chẳng thật, sẽ chẳng khó buông xuống! Nhất định là tu trong cảnh giới; hễ lìa khỏi cảnh giới, sẽ chẳng có chỗ nào để tu! Cảnh giới hiện tiền, chúng tôi thường nói, hễ là thuận cảnh, quý vị sanh tham ái, phải buông xuống điều này. Đối với nghịch cảnh, quý vị sanh sân khuê. Phải buông xuống sân khuê! Quý vị rèn luyện từ chỗ này. Luyện đến mức sáu căn trong cảnh giới sáu trần chẳng sanh phiền não. Phiền não là chấp trước; chẳng chấp trước lấy đâu ra phiền não? Chấp trước nghiêm trọng sẽ sanh ra phiền não. Những phiền não do phân biệt sẽ rất nhẹ, hễ là phiền não do chấp trước sẽ nặng nề. Hãy tu tập từ chỗ này, đó là “*thường phục thiện khải, thú vô sự pháp*” (thường mặc áo giáp tốt lành, hướng theo pháp vô sự). Vô sự pháp chính là Vô Thượng Bồ Đề. Do vậy, quý

vị chớ nên không biết phương hướng và mục tiêu của Tinh Tấn và Nhân Nhục. Chúng ta học bài kệ này tới đây.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem tiếp bài kệ thứ mười tám:

(Kinh) Kiến vô khả trượng, đương nguyện chúng sanh, vĩnh ly nhất thiết, bất thiện chi nghiệp.

(經) 見無鎧仗。當願眾生。永離一切。不善之業。

(Kinh: Thấy không giáp, trượng, nguyện cho chúng sanh, mãi là hết thấy các nghiệp chẳng lành).

Bài kệ này, nhất định cũng là trông thấy quân nhân hoặc binh sĩ chẳng có vũ trang. Bài kệ trước là trông thấy binh lính mặc áo giáp, nay chúng ta nói là “đeo những trang bị nặng”, ở đây là trông thấy binh lính chẳng mặc khôi giáp, dẫn phát đại nguyện của Bồ Tát, “đương nguyện chúng sanh, vĩnh ly nhất thiết, bất thiện chi nghiệp” (nguyện cho chúng sanh vĩnh viễn lìa khỏi hết thấy các nghiệp chẳng lành), nguyện này hay lắm! Chúng ta thấy hai câu kinh văn này bèn liên tưởng đến giáo huấn của đức Thế Tôn trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng dài, trong đó có một đoạn khai thị hết sức hay khéo, tức là đức Thế Tôn gọi long vương. Long vương Sa Kiệt La (Sāgara)⁵ là bậc đương cơ của kinh Thập Thiện

⁵ Đây là một trong tám vị long vương thường được nhắc đến trong kinh điển Đại Thừa, nhất là các kinh thuộc Mật giáo. Tám đại long vương là: 1. Nan Đà (Ānanda), dịch là Hoan Hỷ, là anh của long vương Bạt Nan Đà. Khi Phật Thích Ca giảng sanh, vị này cùng với long vương Bạt Nan Đà phun nước tắm Phật. 2. Bạt Nan Đà (Upananda), dịch là Hiền Hỷ, em trai của long vương Nan Đà, từng phát thệ vĩnh viễn hộ trì Phật pháp sau khi Phật Thích Ca diệt độ. 3. Sa Già La (còn phiên âm là Sa Kiệt La, Sa Yết La, Sāgara) dịch là Hải long vương. Vị này được xếp vào một trong hai mươi vị chư thiên trong mạn-đà-la của Mật Tông. Trong kinh Pháp Hoa, phẩm Đề Bà Đạt Đa đã chép cô con gái thứ ba của vị long vương này mới tám tuổi do tinh tấn tu tập kinh Pháp Hoa đã thị hiện thành Phật trong thế giới Vô Cấu ở phương Nam cõi Sa Bà. 4. Hòa Tu Cát (Vāsuki), dịch là Bảo Xung hoặc Cứu Đầu long vương, thủ hộ núi Tu Di, thích ăn thịt rồng con. 5. Đức Xoa Ca (Taksaka), dịch là Đa Thiệt long vương (vua rồng nhiều lưỡi), hoặc Thị Độc vì vị này giận dữ nhìn ai, kẻ đó sẽ tắt thở mà chết. 6. A Na Bà Đạt Đa (Anavatapta), dịch là Vô Nhiệt Nào, hoặc còn dịch là A Nậu Đạt long vương, cai quản ao A Nậu Đạt trên núi Hy Mã Lạp Nhã. Ao ấy được coi là cội nguồn của bốn biển. 7. Ma Na Tư (Manasvin), dịch là Đại Thân, hoặc Đại Lực long vương. Khi A Tu La dùng nước biển vây hãm thành Hỷ Kiến, long vương này đã dùng thân mình quạt nước biển trở ngược về biển. 8. Ưu Bát La (Utapalaka), dịch là Thanh Liên Hoa, hoặc Thanh Liên long vương, sống trong ao hoa sen xanh.

Nghiệp Đạo. Chúng ta thường nói Sa Kiệt La là “*khô hải*”, biển khô vô biên, quay đầu là bờ. Long vương là người thay mặt cho hết thầy các chúng sanh. Vì sao dùng long vương? Trong súc sanh đạo, rồng và rắn giỏi biến hóa; vì thế, đức Phật dùng ý nghĩa này, các loài ấy đều nhằm biểu thị pháp. Đặc biệt là chúng sanh trong lục đạo, khởi tâm động niệm đâu chỉ là biến hóa muôn ngàn, không chỉ chừng đó! Tập tánh vô thường giống như rồng, rắn giỏi biến hóa, chẳng có tánh chất cố định. Nay chúng ta thường [dùng từ ngữ này để] hình dung kẻ tâm bộp chộp, xáo động, chuyện gì cũng đều chẳng thể thành tựu.

Nếu muốn thành tựu pháp thế gian và xuất thế gian, đều cần đến định lực. Chuyện nhỏ thì tiểu định có thể thành tựu, chuyện lớn thì phải là đại định mới có thể thành tựu. Đối với sự thành tựu của hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian, chúng ta tu hành đều chẳng ra ngoài lệ ấy. Quý vị thành tựu to cỡ nào, chắc chắn sẽ tỷ lệ thuận với công phu định lực của quý vị, chẳng sai tí nào! Chúng ta thấy pháp thế gian, Thiền Định trong pháp thế gian có tám cấp bậc, nhà Phật thường nói là Tứ Thiền Bát Định. Tứ Thiền thuộc trong Bát Định, vì sao còn nói riêng Tứ Thiền? Vì Tứ Thiền thuộc về Sắc Giới Thiên, từ Sắc Giới Thiên lại lên cao hơn thì là Vô Sắc Giới Thiên, Vô Sắc Giới Thiên cũng có bốn đẳng cấp, công phu định lực [trong mỗi cấp] cạn hay sâu khác nhau. Vì thế, nói gộp chung Sắc Giới và Vô Sắc Giới, [thành ra] có tám cấp bậc Thiền Định. Quý vị thấy do công phu định lực cạn hay sâu, sẽ có thành tựu khác nhau. Sơ Thiền là Phạm Thiên, trong ấy có Đại Phạm thiên vương. Đến Đệ Nhị Thiên, sẽ tăng cao hơn. Tam Thiền là Tịnh Thiên, Tứ Thiền là Phước Thiên, phước báo lớn nhất. Lại lên cao hơn nữa thì là Vô Sắc Giới, vì chư thiên trong cõi ấy chẳng có thân thể, đã thật sự lìa khỏi xác thân. Lão Tử đã nói: “*Ngô hữu đại hoạn, vị ngô hữu thân*” (Ta có mối lo âu lớn, chính là vì ta có thân), Ngài chẳng cần đến thân nữa! Do đó, chúng ta thường gọi Vô Sắc Giới là “*linh giới*” (spiritual world), chỉ có thân thức tồn tại. Quý vị thấy thân thức vẫn có sanh diệt y như cũ. Nó có sanh ra và đọa lạc; do vậy, chẳng thật! “Thật” là gì? “Thật” là Pháp Tánh Thân, đó là thật, bất sanh, bất diệt.

Vì thế, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo dùng long vương để biểu thị pháp, biểu thị tâm thức của đại chúng bất định. Nói với long vương nhằm nói với mọi người, long vương đại diện chúng ta. Đức Phật nói: “*Này long vương! Bồ Tát có một pháp có thể đoạn hết thầy các nỗi khổ trong thế gian*”. Câu này quá quan trọng! “*Hết thầy thế gian*” bao gồm mười pháp giới, hết thầy thế gian đấy nhé! Phật pháp giới và Bồ Tát pháp giới trong mười pháp giới có nỗi khổ gì? Nỗi khổ chẳng thấy tự tánh, chẳng minh tâm kiên tánh, chẳng đoạn vô minh. Tuy đã đoạn phân biệt, chấp trước, cũng có nghĩa là đã đoạn Kiến Tư và Trần Sa, chẳng phá vô minh. Vì thế, vẫn có khổ! “*Có thể đoạn hết thầy các nỗi*

khô trong thế gian”, câu này quá quan trọng. Chúng ta nghe câu này, đồng tai lên. Đây là pháp gì vậy? Đức Phật bảo: “*Tâm lành, suy nghĩ lành, hành vi lành*”. Thiện kiêu ấy chính là Thập Thiện Nghiệp Đạo.

Khởi tâm động niệm chẳng lìa Thập Thiện. “*Phân biệt, chấp trước*”: Phân biệt, chấp trước là tư duy, tư tưởng, chẳng lìa khởi Thập Thiện. Ngôn ngữ và tạo tác cũng chẳng lìa Thập Thiện. Đây là có thể lìa hết thấy các nỗi khổ thế gian, quý vị nói xem có trọng yếu lắm không? Đức Phật nói rõ ràng đường ấy, minh bạch đường ấy. Vì thế, Thập Thiện Nghiệp Đạo chính là phương tiện khởi đầu trong vô lượng pháp môn do đức Phật đã mở ra cho hết thấy chúng sanh. Nói theo kiểu hiện thời, đây là tài liệu dạy học cơ bản, là môn học chung. Bất luận quý vị học pháp môn nào, theo tông phái nào, người Hoa thường nói là Hiền Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, Đại Thừa, Tiểu Thừa, thấy đều lấy Thập Thiện Nghiệp Đạo làm cơ sở. Đây là môn học thứ nhất để tiến nhập Phật môn; vì thế, tôi gọi pháp này là “*căn bản của Phật pháp*”.

Mấy ngàn năm qua tại Trung Hoa, người Hoa tiếp nhận sự giáo dục, nói chung chẳng ngoài ba nhà Nho, Thích, Đạo. Ba nhà đều có sách giáo khoa nhập môn, cũng được gọi là “*phương tiện tối sơ*”. Chúng ta thực hiện từ chỗ nào? Học từ nơi đâu? Đều có phương tiện tối sơ: Đối với Nho gia thì Đệ Tử Quy, nhà Phật là Thập Thiện Nghiệp, Đạo gia là Cảm Ứng Thiên. Chớ nên không biết điều này. Xác thực là vào thời cổ, bất luận quý vị biết chữ hay không, dẫu không biết chữ, họ vẫn hiểu. Vì sao? Cha mẹ dạy họ, nêu gương cho họ nhìn vào. Đại chúng trong xã hội dạy họ. Trong tư duy, trong ngôn hạnh của mỗi cá nhân, không ai chẳng lấy những điều đó làm tiêu chuẩn để làm người. Quý vị thấy khi mở khóa giảng lần đầu về Đệ Tử Quy tại Úc do giáo viên Thái Lễ Húc chủ giảng, có dịch sang tiếng Anh, người Úc đến nghe cũng chẳng ít. Nghe xong đều tán thán. Chúng tôi hỏi họ: “Nghe xong cảm thấy như thế nào?” Gần như ai nấy đều nói theo kiểu này: “Làm người thì phải nên như vậy”. Người ngoại quốc trước nay chưa hề tiếp xúc văn hóa Trung Hoa, nghe khóa diễn giảng ấy xong, đều tán thán, hoan hỷ.

Vì thế, họ hết sức hoan nghênh chúng ta di dân đến nước họ, rất hy vọng có thể giới thiệu cho họ những giáo huấn của thánh hiền Trung Hoa. Vì thế, chúng tôi dịch Đệ Tử Quy sang tiếng Anh. Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo cũng sẽ được phiên dịch. Lại còn Cảm Ứng Thiên hoặc Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn của Đạo gia đều phải phiên dịch. Cảm Ứng Thiên cũng có hơn một ngàn chữ, Âm Chất Văn chỉ có hơn bảy trăm chữ, có tánh chất giống nhau, đều nhằm nói về nghiệp nhân quả báo: “*Thiện có thiện quả, ác có ác báo*”. Dưới mỗi câu, mỗi điều mục [trong các bản chú giải của hai tác phẩm ấy], cổ đại đức đều

thu thập những chứng cứ quả báo điển hình xưa nay! Đây chẳng phải là ngụ ngôn, mà xác thực là có người thật, có việc thật. Vì thế, chúng ta muốn nói đến giáo dục nhân quả, thì trước mắt đã có khá nhiều chuyện quả báo phát sanh, nhật báo lẫn tạp chí đều có đăng tải, người hữu tâm hãy nên sưu tập để học tập, dùng [những chuyện ấy] như một tài liệu tham khảo có sức giới thiệu, người thật, chuyện thật mà! Có thể nhắc nhở người hiện thời cảnh giác, tăng trưởng tín tâm cho họ.

Trong kinh, đức Phật đã nói hết sức hay, hy vọng chúng ta có thể “*vĩnh ly chư ác*” (vĩnh viễn xa lìa các điều ác), chẳng để cho mảy may bất thiện xen tạp! Chúng ta khởi tâm động niệm chẳng có mảy may bất thiện xen tạp. Tư duy, cách nghĩ và cách nhìn của chúng ta đối với hết thầy người, sự, vật đều chẳng xen tạp mảy may bất thiện nào! Ngôn ngữ và hành vi của chúng ta cũng chẳng có mảy may bất thiện xen tạp. Quý vị thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, tâm thiện, tư tưởng thiện, ngôn hạnh thiện, có cơ sở ấy thì mới có thể nhập Phật môn. Quý vị thấy kinh luận nhà Phật, bất luận là kinh Đại Thừa hay kinh Tiểu Thừa, hễ mở ra, sẽ đều thấy Phật, Bồ Tát nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Quý vị phải biết thiện ở đây có tiêu chuẩn, tiêu chuẩn là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì thế, các đồng học học Phật tại gia chẳng thể không tu Thập Thiện. Không tu Thập Thiện, sẽ chẳng phải là đệ tử đức Phật. Từ cơ sở Thập Thiện thì mới có thể kiến lập Tam Quy, Ngũ Giới. Quý vị thấy rất nhiều đồng học thọ Tam Quy, cũng có vị thọ Ngũ Giới. Nếu chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo, [vậy thì] Tam Quy, Ngũ Giới của quý vị sẽ là giả trá, chẳng thật, hữu danh vô thực, phải hiểu điều này! Nếu là các đồng học xuất gia, quý vị nhất định phải có cơ sở Thập Thiện Nghiệp Đạo, có cơ sở Tam Quy, Ngũ Giới. Nếu tiến thêm bước nữa, có cơ sở Sa Di Luật Nghi, quý vị mới thật sự nhập Phật môn. Đây là Phật môn trên hình thức. Quý vị tiến nhập Phật môn, có thể tu học Phật pháp, bất luận tu pháp môn nào, quý vị cũng đều có thể thành tựu, vì sao? Quý vị có cơ sở!

Nếu chẳng có cơ sở ấy, dẫu quý vị tinh tấn, dẫu vận dụng công sức, tu suốt một đời, thường là chẳng thể thành tựu, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh. Thật đấy! Trong quá khứ, thầy Lý thường cảnh tỉnh chúng tôi, số lượng liên hữu tại Đài Trung Liên Xã rất đông, nhưng người thật sự vãng sanh, trong một vạn người niệm Phật, thầy không nói đến người bên ngoài, chỉ nói các liên hữu tại Đài Trung, trong một vạn người, chỉ có hai, ba người là thật sự có thể vãng sanh, chẳng phải là ai nấy niệm Phật đều có thể vãng sanh! Vì sao tỷ lệ ít như vậy? Do chẳng thực hành Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới! Đó là đạo tràng cư sĩ, yêu cầu là Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới. Chẳng có Tam Quy, Ngũ Giới, mà thật sự thi hành Thập Thiện Nghiệp Đạo thì niệm Phật cũng có thể vãng sanh. Vì sao? Giống như trong kinh Di Đà,

[chúng ta] thường đọc thấy [từ ngữ] “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Trong “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” có quý vị, bao gồm quý vị trong ấy. [Từ ngữ ấy] cũng bao gồm tất cả những người thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo. Do đó, người ấy có thể vãng sanh. Nói cách khác, chẳng có Thập Thiện Nghiệp Đạo, sẽ chẳng thể trông cậy được!

Trong xã hội hiện thời, vì sao Thập Thiện Nghiệp Đạo đối với các đồng học khó khăn dường ấy? Vì sao chẳng làm được? Chúng ta phải tìm ra nguyên nhân! Nguyên nhân và căn bản là dạy học thì phải là được dạy từ bé, người ấy sẽ có căn cội. Từ nhỏ, chúng ta chẳng được ai dạy, cha mẹ đã sơ sót chẳng dạy chúng ta, thầy cũng không dạy chúng ta. Do đó, chúng ta hằng ngày bị xã hội nhuộm bản. Đến khi tuổi đã lớn, những tập khí xấu ác đã trở thành hết sức nghiêm trọng, rất khó sửa đổi. Khi ấy, quý vị muốn học Thập Thiện Nghiệp, đương nhiên là khó khăn, đạo lý ở chỗ này. Người thời cổ học dễ dàng vì từ bé họ đã tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền. Vì thế, đối với họ, Nho và Đạo giáo chẳng khó. Hiện thời khó khăn dường ấy, chúng ta phải tìm cho ra nhân tố gây ra khó khăn. Vì lẽ ấy, trong mấy năm qua, chúng tôi mới đặc biệt đề xướng học tập Đệ Tử Quy, đạo lý ở chỗ này. Học tập Đệ Tử Quy khiến cho chúng ta vun quén căn cội vững vàng. Có cơ sở Đệ Tử Quy tức là có cơ sở Nho gia; sau đấy học Đạo, học Phật, sẽ chẳng khó! Đệ Tử Quy chỉ nói một trăm mười ba sự, bất luận như thế nào, chúng ta đều phải thi hành một trăm mười ba sự ấy! Văn tự chẳng nhiều lắm, tổng cộng chỉ có một ngàn lẻ tám mươi chữ, cứ ba chữ là một câu, tổng cộng là ba trăm sáu mươi câu. Khi biên chép lại được gieo vãi, quý vị đọc rất thuận miệng!

Hôm trước, có mấy vị đồng tu đến gặp tôi, họ phổ nhạc Đệ Tử Quy thành lời ca, có thể xướng tụng, để cho trẻ nhỏ hát lên, càng dễ ghi nhớ. Họ thu âm cho tôi nghe, tôi nghe hai lần, khá lắm, rất hoan hỷ! Hy vọng trong tương lai tiên bộ hơn, làm thành VCD để có thể chiếu lên màn hình, chẳng cần phải thấy người, chỉ nổi chữ lên. Hiện thời, họ chỉ có CD, chỉ có nghe tiếng. Nếu có thể ghép chữ vào, sẽ là lý tưởng nhất. Có thể lưu hành rộng khắp, so với chi phí in sách còn thấp hơn, [có thể] lưu thông với số lượng lớn. Có cơ sở như vậy, bắt đầu từ nơi đó, đối với cơ sở của tam giáo, quý vị đều có căn cội, bất luận là học pháp thế gian, hay học Phật pháp, sẽ đều có thể thành tựu! Trong kinh, đức Phật đã nói rất hay, Thập Thiện Nghiệp Đạo là pháp nhân thiên, Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề đều dựa vào điều này làm căn bản, đều nương vào Thập Thiện làm cơ sở, quý vị thấy [Thập Thiện] trọng yếu dường ấy! Vì thế, xác thực là có thể “*vĩnh ly nhất thiết, bất thiện chi nghiệp*” (vĩnh viễn xa lìa hết thảy các nghiệp chẳng lành).

“*Làm người thì phải nên như thế*”, người Úc nói như thế đó.

Không chỉ là phải nên làm người như thế, nếu có thể tăng tấn hơn thì sẽ sanh lên trời. Sanh lên trời cũng cậy vào pháp môn này. Nương theo pháp môn này để tu học, chắc chắn sẽ chẳng đọa trong ba ác đạo. Vì sao chẳng làm? Một trăm mười ba chuyện trong ấy đều là thiện hạnh. Trong ấy, đã dạy chúng ta: “*Ác phải lìa, thiện phải tu*”. Trái nghịch với Thập Thiện là Thập Ác. Nếu quý vị chẳng tu Thập Thiện, chắc chắn sẽ rơi vào Thập Ác. Nếu quý vị nói “ta không cần Thập Thiện, ta cũng chẳng cần Thập Ác”, nói dễ nghe lắm, làm chẳng được! [Nếu] quý vị chẳng phải là thiện, chắc chắn sẽ là ác, quý vị chẳng thể đứng ở giữa. Người có thể đứng ở giữa chính là thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân. “*Chẳng vướng vào hai bên, Trung Đạo chẳng còn*”, thánh nhân đây nhé! Vì thế, nói thì nghe hay lắm, [có làm nổi hay không], quý vị hãy suy nghĩ cẩn thận về tư tưởng và ngôn hạnh của chính mình. Chúng tôi nói đến đây, suy nghĩ thì thấy vẫn là như cổ đại đức dùng phương pháp Công Quá Cách có hiệu nghiệm. Nghiệp chướng và tập khí của chúng ta nặng nề, biết là bất thiện mà chẳng thể sửa, có thể dùng Công Quá Cách thử xem. Đây là yêu cầu nghiêm ngặt đối với chính mình, xem chính mình có thể sửa ác làm lành hay không? Sau đây mới nâng cao, chuyển mê thành ngộ; đây đều là quá trình học tập.

Thật sự giác ngộ, thật sự buông xuống; sau đây, lại nâng cao hơn một tầng nữa, chuyển phàm thành thánh. Đại thánh khó khăn, tiểu thánh thì có thể làm được. Tiểu thánh là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín theo kinh Hoa Nghiêm. Nỗ lực tinh tấn đi theo phương hướng và mục tiêu này, như trong phần trước đã nói là “*mặc giáp tinh tấn*”, dũng mãnh tinh tấn, phương hướng và mục tiêu là chánh xác. Tuy còn chưa chứng đắc, nói theo hàng Tiểu Thừa sẽ là Sơ Quả Hương, [tức là] vẫn chưa chứng đắc Sơ Quả, nhưng phương hướng và mục tiêu chánh xác, chẳng sai lầm, người ấy tiến hướng mục tiêu Sơ Quả. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, [người ấy] vẫn chưa phải là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, mà là Sơ Tín Hương, [tức là] noi theo phương hướng và mục tiêu Sơ Tín, chẳng sai!

Nếu có thể đem công đức tu hành của chính mình hồi hướng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, thừa cùng chư vị, khẳng định là sẽ vãng sanh. Quý vị tuy chẳng phải là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” như kinh đã nói, xác thực là quý vị thuộc về giai đoạn dự bị của thiện nam tử, thiện nữ nhân. Giống như chúng ta đi học, quý vị chẳng phải là học trò chánh thức, mà là học trò dự bị, rất nhanh chóng sẽ vào học [chánh thức]. Đây chính là “*đời nghiệp vãng sanh*” như Tịnh Tông đã nói. Vì thế, phải biết thời thời khắc khắc cảnh giác, nhắc nhở chính mình lìa hết thấy ác, tu hết thấy thiện. Người thật sự tu hành sẽ là niệm nào cũng đều chẳng quên sự cảnh giác ấy!

Người xuất gia ăn cơm thì cũng phải phát nguyện. Trước khi ăn,

sẽ cúng dường, cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng, cúng dường hết thầy chúng sanh. Quý vị thấy đó, luôn có nguyện. Bung bát cơm lên, trước kia, người xuất gia dùng bát. Miếng cơm thứ nhất cũng có lời nguyện lìa hết thầy ác. Miếng cơm thứ hai [nguyện] tu hết thầy thiện. Miếng cơm thứ ba, [nguyện] độ hết thầy chúng sanh. Quý vị thấy trước khi ăn bèn có lời nguyện cúng dường. Trong khi ăn cơm, cũng chẳng quên đoạn ác, tu thiện, độ chúng sanh. Niệm nào cũng đều chẳng quên, thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình; do vậy, họ có thể giữ cho chính mình luôn tinh tấn chánh đáng, chẳng dễ dàng thoái chuyển. Chẳng nghĩ cơm và thức ăn ngon hay dở, chẳng có ý niệm ấy. Hễ có ý niệm ấy, sẽ dấy lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ dễ dàng thoái chuyển. Vì sao? Dễ nảy sanh tham, sân, si. Hễ hợp khẩu vị, sẽ tham cầu hưởng thụ, dấy lòng tham ái. Cơm và thức ăn khó nuốt, trong lòng bực bội, sanh khởi tâm oán hận!

Chúng tôi nghĩ tới một công án trong truyện ký của đại sư An Thế Cao. Người hiện thời gọi “*công án*” (公案) là “*cố sự*” (故事, câu chuyện), tức là chuyện thật, chẳng phải là hư cấu, chẳng phải là chuyện ngụ ngôn. Đại sư là một vị đại đức dịch kinh nổi tiếng tại Trung Hoa vào thuở khởi đầu của Phật giáo [tại Trung Hoa]. Ngài dịch hay lắm, người Hoa hết sức ưa thích. Ngài sử dụng lối dịch ý, chẳng phải là trực dịch (直譯, dịch sát theo mặt chữ), giống như đại sư Cưu Ma La Thập về sau, [do vậy, người Hoa] hết sức thích đọc những bản dịch của Ngài. Hiện thời, bản được lưu thông phổ biến nhất là kinh Bát Đại Nhân Giác, kinh văn chẳng dài. Đó là cương lĩnh của Phật pháp do Ngài phiên dịch. Sau khi Ngài phiên dịch kinh được một khoảng thời gian, Ngài đến Giang Nam để lo liệu chuyện riêng. Chuyện riêng gì vậy? Một bạn học trong đời quá khứ. Trong đời quá khứ, Ngài cũng là người xuất gia. Tuyệt đối chẳng phải là một, hai đời trong quá khứ, đại khái là một khoảng thời gian rất lâu. Vị đồng học ấy thông hiểu kinh điển, thích bố thí, thông hiểu Phật pháp, chẳng phải là không thông thạo, mà là một vị pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, lại còn ưa thích bố thí. Cái nhân ấy tốt đẹp, nhưng ông ta chẳng đoạn tập khí phiền não!

Ở Ấn Độ vào thời cổ, các vị xuất gia hằng ngày đều khát thực bên ngoài. Khát thực mà xin nhằm cơm và đồ ăn chẳng dễ nuốt, trong tâm ông ta khó chịu, cảm thấy chính mình giảng kinh, thuyết pháp, ưa thích bố thí, lẽ ra phải được cúng dường tốt đẹp. Vì sao được cúng dường dở ẹt như thế này? Trong tâm có chút khó chịu. Do có một tí tạo nghiệp bất thiện như vậy, đọa lạc trong súc sanh đạo. Vì ông ta giảng kinh, lại ưa thích bố thí, tức là vừa có huệ, vừa có phước, cho nên làm long vương. Ở nơi đâu? Hồ Bà Dương, tức hồ Bà Dương dưới chân Lu Sơn ở Giang Tây. Ông ta làm long vương ở đó, nay chúng ta thường nói là “*thành thần*”. Vị long vương ấy hết sức linh nghiệm. Vì thế,

người chung quanh trong vòng một ngàn dặm, chẳng có ai không đến chỗ thần cúng bái. Hương đèn nhộn nhịp, có cầu ắt ứng, phước báo rất lớn! Do đời quá khứ ưa chuộng bố thí, cho nên [long vương có] phước báo rất to, tín đồ rất đông, cúng dường rất nhiều. Vì ông ta hiểu kinh, giảng kinh, cho nên linh nghiệm dị thường! Quý vị đến lễ bái, cầu xin ông ta, quý vị đi [thuyền] trong hồ hay trong Trường Giang, nhất định là sóng êm, gió lặng, bình an, thật sự có linh nghiệm. Chư vị phải hiểu ông ta có một tí nghiệp bất thiện, nay chúng ta đơn giản là chẳng thể cảm nhận được! Quý vị thấy đó, [ông ta] do một niệm sai lầm mà đọa súc sanh đạo.

Ngài An Thế Cao là bạn học của ông ta, biết thọ mạng của người bạn học làm long vương đã tới. Thần vẫn có thọ mạng! Thọ mạng đã tới, ông ta lại phải đi đâu thai, phải luân hồi, cho nên Sư đến độ, đến giúp đỡ ông ta. Sư đến hồ Bà Dương. Khi đó, cái hồ ấy được gọi là hồ Cung Đình (鄴亭), không phải là Động Đình (洞庭). Động Đình ở Hồ Nam. Chúng ta nói về hồ Cung Đình, nay là hồ Bà Dương (鄴陽) [ở Giang Tây], Sư đến đó. Đến đây, vị thần ấy rất linh nghiệm, buổi tối báo mộng cho người giữ miếu. Long vương bảo người đó: “Ngày mai sẽ có người đến nơi đây, là bạn học của ta trong quá khứ. Ông ấy là một vị cao tăng, phải tiếp đãi chu đáo”. Vì thế, ngài An Thế Cao đến ngôi miếu thờ thần ấy, người trong miếu biết trước, nồng nhiệt tiếp đón Sư. Ngài An Thế Cao cũng tự nói với mọi người ý định của chính mình, hoàn toàn tương ứng với lời long vương báo mộng. Sư vào điện thờ thần, thuyết pháp cho thần nghe. Lại còn bảo thần: “Ông hãy hiện thân cho mọi người thấy”. Thần ngượng ngùng, nói: “Thân tướng của ta rất khó coi”. Ngài An Thế Cao vẫn ép ông ta xuất hiện gặp gỡ mọi người hòng nói rõ ràng, rành mạch câu chuyện này, [để ai nấy được] biết quả báo chẳng thể nghĩ bàn!

An Thế Cao khuyên dạy ông ta tu phước thì mới có thể thoát lìa súc sanh đạo. Loài rồng cũng rất vất vả, tạo nghiệp cũng rất nặng. Lòng sân khúe rất nặng, kẻ nào không đến thờ cúng ông ta, ông ta trừng phạt kẻ đó, khiến kẻ đó chịu khổ đôi chút. Đây đều là nghiệp bất thiện, tập khí vẫn còn! Vì thế, Sư bèn bảo ông ta bỏ ra những thứ đã được cúng dường để ngài An Thế Cao đến vùng Nam Xương hiện thời của tỉnh Giang Tây tạo dựng một ngôi chùa thờ Phật. Vì thế, ngôi chùa đầu tiên ở Giang Nam là do long vương cúng dường, [xây chùa] nhằm cầu phước cho ông ta. Sau khi ông ta bỏ ra, mọi người thấy đó là một con rắn, rắn to đùng, là một con mãng xà to rất dài, mắt ứa lệ, gập đầu, [tức là] gập đầu với ngài An Thế Cao. Mọi người xem xong, ông ta lại rút vào trong khám thờ thần. [Mọi người] mới hiểu đây là vị thần họ thờ cúng hằng ngày đã hiện thân. Ngài An Thế Cao cầm món tiền do ông ta quyên tặng, lại ngồi thuyền từ Cống Giang đến Nam Xương, vì ông ta

dụng chùa. Khi ở trên thuyền, mọi người thấy có một người mặc quần áo trắng đứng tại đầu thuyền, đối trước ngài An Thế Cao lạy ba lạy, sau đấy chẳng còn nữa. Ngài An Thế Cao bảo mọi người: “Người vừa mới đến lạy tôi như mọi người đều trông thấy chính là long vương. Ông ta đã lìa thoát súc sanh đạo, sanh lên Đạo Lợi Thiên”.

Đây là nói một người xuất gia, giảng kinh, thuyết pháp, hiểu kinh, chuộng thí, do một niệm sân khuê, khi đi khát thực trong tâm có chút bực bội mà đọa trong quỷ thần đạo. Chư vị phải hiểu, thọ mạng trong quỷ thần đạo rất dài, chẳng phải là một trăm năm, hai trăm năm như trong nhân gian đã nói, mà là trăm ngàn năm. Chúng tôi nghĩ, khi họ là đồng học, có thể nhằm thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật. [Chuyện này] hết sức đáng cho chúng ta cảnh giác. Nay chúng ta đối với chỗ ở, cái ăn, cái mặc, hết thấy những thứ được thọ dụng mà nếu có điều gì chẳng vừa ý, quý vị hãy suy ngẫm, hãy so sánh giữa năng lực của chính mình và năng lực của long vương hồ Cung Đình, trí huệ và phước báo của quý vị có được như ông ta hay chẳng? Ông ta còn đọa trong súc sanh đạo, vậy thì quý vị sẽ đọa vào chỗ nào? Khó nói lắm! Do đó, cổ nhân bảo: “*Địa ngục môn tiền tăng đạo đa*” (Trước cửa địa ngục, tăng nhân và đạo sĩ đông đảo). Lời ấy nói chẳng sai tí nào! Chúng ta đọc những giáo huấn của cổ nhân, những công án, phải đặc biệt chú ý, thời thời khắc khắc cảnh giác chính mình, vĩnh viễn lìa hết thấy các nghiệp bất thiện. A! Hôm nay chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 1554

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiểu đoạn thứ ba trong đoạn lớn thứ sáu của phân Kế Tụng, xem từ bài kệ thứ mười chín.

(Kinh) Kiến luận nghị nhân, đương nguyện chúng sanh, w chư đệ luận, tất năng tồi phục.

(經)見論議人。當願眾生。於諸異論。悉能摧伏。

(Kinh: Thấy người nghị luận, nguyện cho chúng sanh, với các đệ luận, thấy đều dẹp tan).

Bài kệ này nói đến những người đang tranh luận, bàn định. Trên đường đi cũng thường có thể gặp phải. Hiện thời, không nói là “*luận nghị nhân*”, hiện thời gọi là học giả, chuyên gia. Họ có những lời lẽ phát biểu chánh thức hoặc không chánh thức đối với xã hội và học thuật, đương nhiên cũng bao gồm tôn giáo, hiện thời còn nói đến khoa học, các thứ nghị luận cũng nhằm nêu ra cách nhìn và cách nghĩ của họ. Phạm là những điều được phát biểu chẳng ngoài mục đích khiến cho

người khác tán đồng kiến giải, tán đồng cách nói của họ. Từ xưa tới nay, ở Trung Hoa và ngoại quốc, những kẻ như vậy rất nhiều!

Chúng ta nhìn vào khoa học và triết học hiện đại, sẽ thấy những luận văn phát biểu nhằm giải thích các hiện tượng tự nhiên trong hiện tiền, nói rất hợp lý. Hơn nữa, còn có nhiều người đoạt giải thưởng Nặc Bối Nhĩ (Nobel), quý vị có thể nói họ vô lý ư? Ví như các đại khoa học gia gần đây, trong ba, bốn trăm năm gần đây nhất, khoa học kỹ thuật của phương Tây phát triển rất mau chóng. Trong Vật Lý Học, xu thế hiện thời là đi theo hai cực đoan. Một cực đoan là vô cùng to, nhằm giải thích khởi nguyên của vũ trụ. Đa số các nhà khoa học tin vào lý luận “sự bùng nổ to lớn” (Big Bang), vì hiện thời họ phát hiện vũ trụ vẫn không ngừng phình to. Đây là hiện tượng bùng nổ. Do vậy, có rất nhiều người tin theo.

Một phương hướng khác là Lượng Tử Lực Học, nói đến vật chất cơ bản hợp thành vật chất. Từ rất sớm, mọi người đã nghiên cứu thấy phân tử (molecule). Sau đấy, phân tử lại có thể phân tích, bèn thấy nguyên tử. Chử nguyên tử (atom) trong văn tự ngoại quốc có ý nghĩa “chẳng thể chia nhỏ hơn”, vì nó rất nhỏ, nhỏ đến nỗi [thoạt đầu các nhà khoa học tưởng là nó] chẳng thể chia nhỏ hơn nữa. Trong Phật pháp có [khái niệm tương tự], Phật pháp chẳng gọi là “nguyên tử” hay “điện tử” mà gọi là “vi trần”. Vi trần cũng chia thành rất nhiều đẳng cấp. Vi trần rất nhỏ, xưa kia chẳng có kính hiển vi, chẳng có các máy móc, ai có thể trông thấy? Đức Phật nói A La Hán có thể trông thấy, Thiên Nhân của A La Hán có thể thấy vi trần. Nhưng vi trần hoàn toàn chẳng phải là nhỏ nhất, nó còn có thể chia nhỏ, chia nhỏ hơn thành Sắc Tụ Cực Vi. Sắc Tụ Cực Vi còn có thể chia nhỏ hơn thành Cực Vi Chi Vi, đức Phật nói Cực Vi Chi Vi (Lân Hư Trần) chẳng thể chia nhỏ hơn nữa. Nếu chia ra sẽ chẳng còn! Nguyên tử có phải là Cực Vi Chi Vi hay không? Nay ta biết là không phải; thuở ấy, ngỡ nó là vật chất nhỏ nhất. Nay chúng ta biết, nguyên tử là do hạt nhân nguyên tử (atomic nucleus) và các điện tử (electron) hợp thành. Nó còn có thể chia nhỏ hơn, chia thành điện tử, lap tử (particle), còn có thể chia tách. Trong lap tử, lại phát hiện có trung tử (neutron), có chất tử (proton), càng chia càng nhỏ hơn, còn có thể chia nhỏ hơn. Nay đã phân tích đến hạt khoa-khắc (quartz, hạt vi lượng). Hạt vi lượng còn có thể chia nhỏ hơn nữa hay không? Nói theo lý luận, vẫn có thể chia nhỏ hơn. Do vậy có thể biết, mãi cho đến hiện thời, vẫn chưa phát hiện Cực Vi Chi Vi như trong Phật pháp đã nói. Đức Phật bảo ai có thể trông thấy Cực Vi Chi Vi? Bát Địa Bồ Tát.

Bất quá khoa học hiện tại, nói thật ra cũng rất lỗi lạc. Khoa học cận đại, đại khái là trong năm, sáu năm gần đây, một bài luận văn phát biểu của ngành vật lý vũ trụ Hoa Kỳ đã bảo vật chất do đâu mà có?

Thật sự là từ trong Vô sanh ra Hữu, Hữu lại trở về Vô. Vật chất là một hiện tượng dao động, nói theo danh từ của họ, sẽ là như từ ngữ Trường do Ái Nhân Tư Thản (Albert Einstein) đã nói. Trường (Field) là gì? Năng lượng! Năng lượng dưới trạng thái thừa thốt thì gọi là Trường? Vật chất là gì? Vật chất là hiện tượng năng lượng tập trung. Nơi có năng lượng tập trung, sẽ biến thành vật chất. Cách nói ấy rất gần với cách nói trong Phật pháp.

Quý vị xem Tâm Kinh, mọi người thường niệm [kinh này], Tâm Kinh nói: “*Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Sắc là vật chất, Không là Vô, vật chất do đâu mà có? Đúng là “*Vô trung sanh Hữu*” (từ trong Không sanh ra Có). Pháp Tướng Duy Thức Tông còn nói cặn kẽ hơn, trong vũ trụ chẳng có vật chất. Không chỉ là chẳng có vật chất, mà tinh thần cũng chẳng có. Kinh Bát Nhã nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, Tướng là gì? Tướng là vật chất, tinh thần cũng là một loại hiện tượng (現相, tướng biến hiện). Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng thật. Nói theo Pháp Tướng Duy Thức, vật chất là Tướng Phần của A Lại Da, tinh thần là Kiến Phần của A Lại Da. Kiến Phần và Tướng Phần có cùng một nguồn. Tinh thần và vật chất do đâu mà có? Do Tự Chứng Phần biến hiện. Tự Chứng Phần là gì? Pháp Tánh, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói là “*tâm tánh*”. Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm nói y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Tánh là chân tâm, thức là vọng tâm. Chân tâm có thể hiện, vọng tâm có thể biến. Chúng ta kết hợp với khoa học hiện đại để nói, trong hội Hoa Nghiêm, chúng tôi đã nói chuyện này mấy lần, cứ phải thường xuyên nhắc nhở là vì sao? Chúng ta mê quá dễ dàng, chẳng biết các hiện tượng là giả!

Bây giờ, chúng ta lại hỏi, không gian tức là hư không chính là gì? Nó tồn tại hay là hư vọng? Đây là một câu hỏi lớn. Nếu câu hỏi này được giải đáp, các vật chất được chứa đựng trong không gian sẽ chẳng còn là một vấn đề to lớn. Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay; trên thực tế, câu nói “*mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên*” (trong mộng rành rành bày sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang) của Vĩnh Gia đại sư vẫn là từ kinh Kim Cang mà ra. Câu kinh văn nào trong kinh Kim Cang vậy? Bốn câu kệ cuối cùng, “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). “*Hết thảy pháp hữu vi*” chính là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, như mộng! Vì thế, Vĩnh Gia đại sư nói: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú*”. “*Lục thú*” (六趣) là lục đạo. Lục đạo là một đại thiên thế giới, là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Nó là thật hay giả? Giáo pháp Đại Thừa dạy chúng ta: Chẳng thể nói là thật, mà cũng chẳng thể nói là giả. Vì sao? Nếu quý vị chẳng

giác ngộ, còn đang mê, những tướng ấy sẽ giống như thật. Giống như nằm mộng chẳng tỉnh. Khi đang nằm mộng, chẳng phải là quý vị coi cảnh mộng là thật hay sao? Sau khi tỉnh giấc, mới biết là giả!

Nay chúng tôi nói lời chân thật. Chẳng cần nói đến chúng sanh trong lục đạo, kể cả mười pháp giới, chúng sanh trong mười pháp giới thấy đều ở trong mộng! Khi nào sẽ tỉnh giấc? Khi tỉnh giấc, mười pháp giới chẳng có. Hư không trong mười pháp giới cũng chẳng có, thời gian và không gian đều chẳng có. Đó là chân tướng, hoàn toàn là sự thật. Khi nào quý vị mới tỉnh mộng? Tỉnh mộng thì danh từ nhà Phật gọi là “*đại triệt đại ngộ*”, “*minh tâm kiến tánh*”; nói theo Giáo Hạ sẽ là “*đại khai viên giải*”, trong Tịnh Độ Tông nói là “*Lý nhất tâm bất loạn*”. Danh từ khác nhau, đều là một cảnh giới. Thật sự vượt thoát mười pháp giới, cảnh giới thấy được khi đó sẽ gọi là Nhất Chân pháp giới. “*Nhất*” là nói đối ứng với mười, khi mê thì là mười pháp giới, lúc ngộ là Nhất Chân. “*Chân*” là nói đối ứng với vọng. Mười pháp giới là hư vọng, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Vì thế, không gian cũng chẳng thật, hư không chẳng thật!

Hiện thời, các nhà khoa học đã khẳng định những nghị luận này. Vì thế, chúng tôi tán thành khoa học, nó sẽ còn tiến bộ. Càng tiến bộ, sẽ giải thích rất nhiều điều Phật pháp đã dạy, hết sức tiếp cận. Do đó, khoa học cao sâu nhất trong hiện thời thấy đều nằm trong kinh Phật. Kinh Phật chẳng thua kém họ, còn nói thấu triệt hơn họ. Ví như họ nói đến hạt khoa-khắc trong hiện thời, đấy là cái nhỏ nhất; hoặc là Trường như Ái Nhân Tư Thản (Albert Einstein) đã nói đều gần như tiếp cận trừu tượng. Các nhà khoa học phát hiện không gian chẳng thật, thời gian chẳng thật; dưới một trạng huống nào đó, không gian và thời gian bằng zero. Đây là phát hiện gần đây nhất của các nhà khoa học. Chúng tôi tin rằng phát hiện ấy đương nhiên là theo lý luận, chẳng phải là [phát hiện nơi sự thật]. Chứ nếu là sự thật, nó sẽ giải quyết vấn đề; bởi lẽ, vấn đề cho đến hiện thời vẫn chẳng thể giải quyết.

Nếu không gian bằng zero, thừa cùng chư vị, sẽ chẳng có khoảng cách. Không gian là khoảng cách. Vì lẽ đó, thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay tại nơi đây. Nếu chẳng có thời gian, sẽ chẳng có quá khứ. Vị lai cũng chẳng có! Quá khứ và vị lai đều ở cùng một chỗ, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nhưng các nhà khoa học hiện thời tin tưởng thật sự sẽ có một ngày nào đó [đạt đến cảnh giới ấy]; nhưng hiện thời, họ chẳng biết đột phá không gian và thời gian bằng cách nào? Trong Phật pháp có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thế giới Cực Lạc ở nơi đâu? Ở ngay tại nơi đây! Quý vị xem lời khai thị của thiền sư Trung Phong trong Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, Ngài cũng nói rất rõ ràng: “*Thử phương tức Cực Lạc, Cực Lạc tức thử phương*” (Phương này là Cực Lạc, Cực Lạc là phương này). Đó là gì? Thời gian

và không gian đều chẳng có. Đây là chân tướng sự thật.

Kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, loại trí huệ ấy tức là quý vị thật sự thấy vũ trụ rõ ràng ngàn ấy, thấy rành rẽ ngàn ấy. [Thấu hiểu] Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới rành rẽ, rõ ràng, đây là trí huệ. Đức Phật nói mỗi cá nhân đều có loại trí huệ ấy. Đột phá vô lượng vô biên các chiều không gian, quý vị cũng có năng lực ấy. Vô lượng vô biên tướng hảo, trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy nói: “*Mười Liên Hoa Tạng thế giới vi trần tướng hảo*”, chẳng thể nghĩ bàn, đó là phước báo! Trong tự tánh thấy đều trọn đủ, chẳng khiếm khuyết tí nào. Vì sao nay chúng ta biến thành nông nổi này? Do mê mất tự tánh. Vì thế, học tập Phật pháp chẳng nhằm mục đích nào khác, [chỉ là] nhằm cầu phá mê khai ngộ, minh tâm kiến tánh, cầu điều này!

Trong Phật môn có luận nghị. Đại Tạng Kinh có Luận Tạng, Kinh, Luật, Luận. Quá nửa luận nghị cũng nhằm thảo luận những vấn đề này, danh từ Phật pháp là “*chư pháp Thật Tướng*”. Nói theo thuật ngữ khoa học hiện thời, sẽ là “*chân tướng của vũ trụ và nhân sinh*”. Ai thực hiện triệt để nhất? Phật pháp. Tôi vừa mới nói, dù cho các nhà khoa học trông thấy, tìm được cái nhỏ nhất trong hiện thời là hạt khoa-khắc (còn đọc là khoa-đặc, quartz), [hạt ấy] có thể chia nhỏ hơn nữa hay không? Rất nhiều khoa học gia nghĩ là có thể! Trong Phật pháp, Cực Vi Chi Vi là cái nhỏ nhất, trong phần trước của kinh Hoa Nghiêm chúng ta đã đọc rồi đó, các nhà khoa học hiện thời có nằm mộng cũng chẳng ngờ tới! Trong Cực Vi Chi Vi Trần có thế giới, thế giới trong ấy (trong một hạt vi trần) chẳng khác thế giới bên ngoài trong hiện thời. Do đó, chẳng có lớn, nhỏ!

Quý vị thật sự thấy Pháp Tánh, Pháp Tánh chẳng có lớn hay nhỏ. Trong Pháp Tánh chẳng có thứ gì đối lập. Xa gần là đối lập, trước sau là đối lập. Thời gian có trước sau, không gian có xa gần. Chẳng có đối lập, khoa học còn chưa phát hiện điều này! Trong ấy có thế giới, ai có thể vào? Trong phần trước, chúng ta đã đọc thấy Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào, Ngài có thể tiến nhập thế giới trong vi trần. Chúng ta hãy ngẫm xem, trong thế giới ấy lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận. Đây là Phật pháp được nói sâu xa! Lượng Tử Lực Học so với cách giảng sâu xa này của Phật pháp, sẽ là “*phù thủy tay mơ gặp đại phù thủy!*” Giáo pháp Đại Thừa nói Bát Địa Bồ Tát có thể thấy vi trần. Quý vị trông thấy thì quý vị mới có thể khế nhập. Quý vị thứ gì cũng đều chẳng thấy, làm sao có thể tiến nhập, khế nhập cho được? Thật vậy, khoa học có nằm mơ cũng chẳng nghĩ đến điều này!

Dẫn phát đại nguyện, “*u chư dị luận, tất năng tởi phục*” (đối với các dị luận, đều có thể dẹp tan, hàng phục). Tất nhiên người như vậy là bậc Bồ Tát. Nếu chẳng phải là Bồ Tát, đối với các chuyên gia, học giả,

họ có chứng cứ phong phú, họ có thể đưa những chứng cứ nghiên cứu khoa học, làm sao quý vị có thể bác bỏ [lập luận của họ] cho được? Làm sao có thể dẹp tan, hàng phục họ được? Những vị Bồ Tát trong Phật pháp đã dùng phương pháp gì để biết nhiều thứ dường ấy? Các Ngài dùng Thiên Định, chẳng dùng phương pháp khoa học. Phương pháp khoa học hoàn toàn dùng ngoại lực, các Ngài (các vị Bồ Tát) dùng nội tại, dùng nội công (công phu tu tập từ nội tâm). Đây là hai phương hướng, đường lối bất đồng. Đối với cách giải thích vạn vật trong vũ trụ, tuy ngày càng tiếp cận, một đằng nhờ vào ngoại lực, một đằng là nội công, khác nhau. Nhìn bằng nội công là thật, chẳng giả tí nào!

Nhưng khoa học nói đến bốn loại hiện tượng vật chất, rất gần với [cách nói] Tứ Đại trong nhà Phật. Khoa học gia nói đến bốn yếu tố vật chất cơ bản, họ nói “đất, nước, lửa, không khí”, nói theo kiểu ấy. Phật pháp nói bốn yếu tố cơ bản của vật chất là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, vẫn là Phật pháp nói hay hơn. Địa Đại biểu thị gì? Vật chất! Các nhà khoa học dùng đất để biểu thị vật chất. Thủy là điện Âm, hỏa là điện Dương; dầu [vật chất] nhỏ nhoi như nguyên tử, lap tử, khoa-khắc, đều mang điện, đều có hiện tượng này. Họ nói đến không khí. Nói “không khí” thì chẳng hay như Phật pháp nói Phong. Phong là động, chẳng phải là tĩnh lặng. Chỉ cần là vật chất, sẽ chẳng tĩnh lặng, chắc chắn là động!

Vì thế, các nhà khoa học bảo chúng ta: Thân thể loài người do các tế bào hợp thành. Thân thể con người có bao nhiêu tế bào? Tôi nhớ một báo cáo có nói là sáu mươi vạn ức hay một trăm vạn ức, tôi không nhớ rõ, đã xem từ lâu lắm rồi, chẳng nhớ rõ cho lắm. Có thể phân tích tế bào. Phân tích tế bào thành nguyên tử, nguyên tử biến thành điện tử, biến thành lap tử, cuối cùng biến thành cái nhỏ nhất là hạt khoa-khắc. Cứ phân tích từng tầng một, sẽ đạt đến vật chất nhỏ nhất. Vật chất nhỏ nhất có bốn loại hiện tượng. Nó xác thực là vật chất, Phật pháp dùng chữ Địa [để biểu thị vật chất]. Đúng là nó có độ âm, độ âm là điện Dương, tức Hỏa Đại. Nó có độ âm, độ âm là Thủy Đại. Nó là động, do động bèn gọi là Phong Đại. Vì thế, [nói đến] Phong Đại là nói nó động. Khoa học dùng các máy móc để quan sát những điều ấy cũng rất khó khăn. Trước kia, A La Hán dùng công phu định lực. Kinh Lăng Nghiêm nói Cửu Thứ Độ Định thì mới có thể phát hiện, mới trông thấy rõ ràng. Chúng ta phải biết [cảnh giới được thấy] trong Định là cảnh giới Hiện Lượng, thấy rõ ràng, chẳng thấy sai lầm. Khoa học dùng máy móc để quan sát, còn phải quan sát rất nhiều lần, lặp đi lặp lại rất nhiều lần thì mới có thể xác định.

Khoa học gia quan sát, biết những trạng huống đương nhiên, nhưng chẳng biết nguyên do. Những thứ ấy do đâu mà có? Vì sao có những thứ ấy? Càng lúc càng rắc rối. Đối với sự phát sanh và khởi nguyên, tức là sự khởi nguyên của vụ trụ, họ nói là sự bùng nổ. Phật

pháp chẳng nói vậy; do đâu mà có? “*Một niệm bất giác bèn có vô minh*”, kinh Phật nói theo kiểu này. Vì sao có hiện tượng nở phình? Hễ có nở phình thì đương nhiên là sẽ có co rút. Khoa học hiện thời gọi sự co rút là “*hố động*” (black hole); đó là sức mạnh rất lớn. Trong Phật pháp có điều này, hiện tượng nở phình xác thực là “*vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên tăng trưởng lục thô*”, đây là hiện tượng nở phình. Đạo gia nói “*Thái Cực sanh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, Bát Quái sanh vạn vật*”, quý vị thấy nó có phải là nở phình hay không? Phải! Là hiện tượng nở phình.

Nhưng chúng ta mong chúng đạo, chúng đạo là gì? Chúng đạo thì hãy “co rút”, [tức là] trở về tự tánh. Sau đây, quý vị sẽ thấy năng lực của tự tánh chẳng có cách nào hình dung. Trong tự tánh trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, đều nói với quý vị là “*vô lượng*”, [hay nói cụ thể hơn sẽ là] “*vô lượng, vô biên, vô tận*”. Năng lực to lớn ấy chẳng phải là Trường như Ái Nhân Tư Thẩn đã nói ư? Trong Trường, năng lượng tập trung, năng lượng tụ tập lớn nhất. Vì thế, Phật pháp dùng phương pháp Thiên Định, Thiên Định để thâm hồi cái tâm. Thông thường, mỗi người chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, mỗi ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, tâm rong ruổi theo bên ngoài. Lễ tiết trong Phật môn dùng chấp tay, chấp tay nhằm biểu thị điều gì? Biểu thị thâm hồi cái tâm. Mạnh Tử nói “*học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (đạo học vấn không có gì khác, cốt sao thâm hồi cái tâm đã buông lung mà thôi). Đây là “co rút”. Thông thường, cái tâm của quý vị luôn đặt ở bên ngoài, mắt chạy theo sắc, tai chạy theo tiếng, mũi chạy theo hương, lưỡi chạy theo vị, đều là chạy theo bên ngoài, đều là hiện tượng khuếch trương. Thực hiện học vấn là như thế nào? Thành đạo nghiệp bằng cách nào? Hãy thâm hồi lại! Quý vị thấy Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy chúng ta niệm Phật “*đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Quán Thế Âm Bồ Tát dạy chúng ta, “*phản văn văn tự tánh, tánh thành Vô Thượng đạo*” (xoay cái Nghe trở lại để nghe nơi tánh Nghe, tánh thành Vô Thượng đạo), tức là quý vị phải thâm hồi cái thấy nơi Mắt, thâm hồi Nhãn Thức, đối với tai nghe thì phải thâm hồi Nhĩ Thức, nhiếp trọn sáu căn!

Sau khi đã thâm hồi, chẳng dùng sáu thức, quý vị còn có thể thấy hay chẳng? Còn có thể nghe hay chẳng? Có thể chú, thấy càng thật hơn! Khi ấy chính là gì? Thấy bằng tánh Thấy. Chư vị phải hiểu, mắt có tánh Thấy và có Nhãn Thức. Nhãn Thức là hư vọng, tánh Thấy là thật. Tánh Thấy là tự tánh, là chân tánh. Vì thế, chư Phật, Bồ Tát đều dùng căn tánh của lục căn, chẳng dùng sáu thức. Nếu chúng ta hỏi, các Ngài có sáu thức hay không? Có! Khi nào dùng chúng? Ứng theo sự cảm của

hết thấy chúng sanh, khi hiện thân thuyết pháp thì dùng nó. Nếu chẳng dùng nó, sẽ chẳng có cách nào trao đổi với chúng sanh. Vì thế, Phật, Bồ Tát dùng tám thức để trao đổi với chúng sanh. Tám thức là công cụ để Phật, Bồ Tát độ chúng sanh, [tám thức] chẳng phải là chủ tể. Nay chúng ta điên đảo, kinh Lăng Nghiêm nói chúng ta “*điên đảo, làm loạn*”. Điên đảo ở chỗ nào? Chúng ta quên khuấy chân tâm, ngỡ sáu thức là chân tâm, sáu thức nắm quyền làm chủ, hồng ở chỗ này! Sáu thức của chư Phật, Bồ Tát giống như kẻ hầu trong nhà, chính mình làm chủ, chính mình là chủ nhân, chúng nó nghe theo sự sai khiến [của chân tâm], khác biệt to lớn! Nay chúng ta biến thành gì? Bản thân chúng ta là chủ nhân, lại làm nô tỳ, nô tỳ trở thành người nắm quyền, biến thành chủ nhân trong nhà; đây là điên đảo. Vì thế, khiến cho nhà ấy lộn xộn nháo nhào, trở thành mười pháp giới, trở thành lục đạo, trở thành tam đồ địa ngục. Chủ nhân rất đáng thương, ngay cả hỏi chuyện, chủ nhân cũng chẳng thể hỏi. Chủ và khách điên đảo mà!

Trong kinh, đức Phật nói “*điên đảo, làm loạn*”, có nghĩa là gì? Điên đảo ở chỗ nào? Thấy sắc mà chẳng dùng tánh Thấy, lại dùng Nhãn Thức. Đây là điên đảo. Nhãn Thức có phân biệt, có chấp trước; tánh Thấy chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Không chỉ là chẳng có phân biệt và chấp trước, lại còn chẳng có khởi tâm động niệm. Thức nhất định có khởi tâm động niệm! Chẳng khởi tâm, không động niệm, thức chẳng thể sanh khởi. Khởi tâm động niệm là vô minh, là bất giác. Hễ khởi tâm, hễ động niệm, tám thức sẽ theo đó mà sanh khởi toàn bộ. Cái tánh chẳng sanh diệt, tức tánh Thấy, bị quên sạch sành sanh, chẳng có ai biết, chính mình chẳng hiểu! Vì thế, kinh Lăng Nghiêm nói: Thật sự tu hành, mong thật sự thành tựu, thành Phật ngay trong một đời, quý vị phải dùng cái tâm chẳng sanh diệt làm cái gốc để tu nhân. Nhân chân thật, quả sẽ chân thật. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật dạy hàng Bồ Tát “*bỏ Thức dùng Căn*”, bỏ sáu thức Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, Mạt Na lần A Lại Da đều bỏ, chẳng dùng chúng, mà dùng căn tánh của sáu căn. Cũng có nghĩa là dạy chúng ta “*dùng tánh Thấy để thấy sắc tánh, dùng tánh Nghe để nghe thanh tánh*”. Đó gọi là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, quý vị mới thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Nếu quý vị dùng thức tâm, sẽ vĩnh viễn chẳng thấy chân tướng.

Các nhà khoa học rất thông minh, nhưng chẳng thể sánh bằng Phật, Bồ Tát! Vấn đề ở chỗ nào? Các nhà khoa học vẫn dùng thức tâm, có nghĩa là họ chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Họ phát hiện rất nhiều, đúng là đối với những điều bí mật sâu thẳm của vũ trụ, họ đã phát hiện, chúng ta nghe nói cũng hết sức kinh ngạc, nhưng họ biết là biết những điều đương nhiên, chứ không biết căn nguyên của chúng. Vì thế, đối với những thứ nghị luận ấy, chúng tôi nêu thí dụ như

thể, [chẳng hạn như] vật lý vũ trụ, lượng tử lực học, chúng tôi nêu lên những thí dụ như vậy. Ai có thể uốn nắn họ? Bồ Tát! Phật, Bồ Tát mới có năng lực [làm như vậy], những người ấy (những nhà khoa học) là những kẻ thông minh tuyệt đỉnh trong xã hội hiện tiền.

Đối với các chuyên gia, học giả thuộc những phương diện khác trong xã hội, như phương diện xã hội học, cho đến các phương diện chánh trị, tài chánh, kinh tế, trí huệ của họ do đâu mà có? Tích lũy từ kinh nghiệm và học hành rộng rãi, đọc sách nhiều, và học vấn, trí huệ được tích lũy rộng lớn từ nhiều thế hệ. Giống như kinh sách của Trung Hoa, sách sử, sách của chư tử chính là kết tinh của trí huệ và kinh nghiệm. Quý vị thường đọc những sách ấy, thông kim bác cổ (thông hiểu rộng rãi chuyện xưa lẫn chuyện nay), đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường. “*Vạn dặm đường*” là quan sát, nay chúng ta nói là đi du lịch, khảo sát, liễu giải trạng huống đương thời. Họ cũng có rất nhiều nghị luận, nghị luận về cách trị quốc, bình thiên hạ, có chuẩn xác hay không? Có thể là hữu dụng nơi cục bộ, chứ xét theo toàn thể, sẽ chẳng hoàn mỹ; bởi lẽ, nêu ra một điều, thiếu sót cả vạn! Từ chỗ này, chúng ta phải liễu giải, tri thức chẳng thể giải quyết vấn đề. Chúng ta thấy các sách vở về phương diện này rất nhiều, nhưng cả thế giới hiện thời có khá nhiều vấn đề hết sức khó giải quyết, họ có phát hiện hay không? Phát hiện chứ! Những vấn đề trong các tầng lớp xã hội họ đều nói tới, có phương pháp để giải quyết hay không? Chẳng có cách nào. Tri thức có thể phát hiện vấn đề. Trí huệ mới có thể giải quyết vấn đề.

Tôn giáo, [đặc biệt là] tôn giáo cao cấp, nói đến trí huệ, chẳng phải là tri thức. Trong Thiên Tông Trung Hoa, ai nấy đều biết Lục Tô Huệ Năng. Vị này là một nhân vật thần kỳ, chưa hề học hành, chẳng biết chữ, thế mà thứ gì cũng đều hiểu. Quý vị đến hỏi Ngài, Ngài luôn có thể giảng giải hợp lẽ đâu ra đấy, đó là gì? Trí huệ. Chưa từng đi học, không biết chữ, trí huệ từ đâu mà có? Trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh của quý vị; chỉ cần diệt trừ chướng ngại, trí huệ liền hiện tiền. Chướng ngại là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đây là đại chướng ngại. Đức Phật nói lời thật với chúng ta. Kinh Hoa Nghiêm có nói: “*Hết thấy chúng sanh*”, đây là nói mười pháp giới, kể cả súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, “*đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng và chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Câu này nói hay lắm, nói rõ ràng, thấu triệt ngàn ấy! Hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật, quý vị vốn sẵn có trí huệ viên mãn, còn phải học từ đâu nữa? Hiện thời, trí huệ của chúng ta chẳng thấu lộ, dường như chẳng có trí huệ, [là do] nó đã bị chướng ngại. Chướng ngại chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị chỉ cần buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; hễ buông xuống, quý vị bèn khôi phục.

Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói rất nhiều lần: Buông

xuống chấp trước là A La Hán, lục đạo chẳng còn nữa. Lục đạo do chấp trước mà có. Chỉ cần quý vị có chấp trước, sẽ có lục đạo. Bất luận quý vị tu pháp môn gì, quý vị chẳng lìa khỏi lục đạo. Các nhà khoa học có chấp trước. Hễ có phân biệt, quý vị chẳng lìa khỏi mười pháp giới. Nếu chẳng có phân biệt, người như vậy được gọi là Bồ Tát. Vì thế, Bồ Tát đã buông xuống phân biệt và chấp trước. A La Hán còn có phân biệt, nhưng đã buông xuống chấp trước. Đạt đến thành Phật, vọng tưởng cũng buông xuống, không chỉ là chẳng có phân biệt và chấp trước, mà vọng tưởng cũng chẳng có. Vọng tưởng là gì? Khởi tâm động niệm. Cũng có nghĩa là đức Phật có năng lực “mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước”. Nói cách khác, tám thức đều chẳng có.

Tám thức chẳng có, nó đẩy lên tác dụng như thế nào? Tác dụng của nó là Tánh Đức. Chỉ cần chẳng dùng tám thức, thấy đều buông xuống, Pháp Tướng Tông nói “*chuyển thức thành trí*”. Chuyển tám thức thành bốn trí, chuyển A Lại Da thành Đại Viên Kính Trí, chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ sáu là Ý Thức thành Diệu Quan Sát Trí, chuyển năm thức trước thành Thành Sở Tác Trí. Cách chuyển là như thế nào? Chỉ cần buông xuống tám thức, chẳng dùng tám thức, tức là dùng bốn trí. Khi quý vị dùng tám thức, sẽ chẳng có bốn trí. Bốn trí chẳng hiển lộ, đó là như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Câu nói này đã giảng rõ về thánh và phàm. Quý vị thấy rất đơn giản, nói rõ ràng, nói minh bạch như thế đó. Đức Phật hy vọng quý vị buông xuống tám thức, bỏ chúng đi, quý vị sẽ thành Phật. Phàm phu thành Phật ngay trong một niệm.

Lục Tổ Huệ Năng đại sư nửa đêm ở trong liêu phòng của Ngũ Tổ, nghe Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang. Tổ giảng đến câu: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” (Hãy nên chẳng trụ vào đâu mà sanh tâm), [ngài Huệ Năng] bèn hoát nhiên đại ngộ. Đây là gì? Thật sự ngay lập tức buông xuống tám thức, Tánh Đức hiện tiền. Tánh Đức hễ hiện tiền, sẽ là “*không gì chẳng biết, không gì chẳng thể*”. Tuy chẳng biết chữ nào, cũng chưa từng nghe kinh giáo, nhưng các vị lấy kinh Phật, bất luận kinh gì, đọc cho Ngài nghe, Ngài có thể giảng cho quý vị, tuyệt đối chẳng giảng sai. Ngài giảng chắc chắn chẳng khác chư Phật Như Lai giảng, đây là trí huệ. Trí huệ do đâu mà có? Chẳng phải do đọc sách nhiều. Đọc sách nhiều thì ngay cả Không lão phu tử cũng nói, đó là “*ký vấn chi học, bất túc dĩ vi nhân sư dã*” (cái học do hỏi han rồi ghi nhớ, chẳng đủ để làm thầy kẻ khác). Nho gia cũng không quý trọng nhớ rất nhiều, đọc rất nhiều, chẳng quý điều ấy, mà quý ở sự ngộ nhập. Quý vị có thể khế nhập cảnh giới, khế nhập bằng cách nào? Buông xuống.

Tôi học Phật, Chương Gia đại sư trong ngày đầu tiên tôi gặp mặt

Ngài, đã dạy tôi bí quyết này. Khi đó, tôi biết Phật pháp mới được một tháng, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi, bảo đây là triết học cao sâu, là môn triết học cao sâu nhất trên thế giới. Cụ bảo tôi: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi tin lời thầy, gặp Chương Gia đại sư, tôi liền thỉnh giáo lão nhân gia: “Trong Phật môn có phương pháp gì khiến cho chúng ta khế nhập rất nhanh chóng hay không?” Ngài liền dạy tôi: “*Có chứ! Thấy thấu suốt, buông xuống*”. “*Thấy thấu suốt*” là trí huệ, hiểu rõ; “*buông xuống*” là buông xuống chướng ngại. Trí huệ là cái quý vị tự mình vốn có, chẳng cần cầu từ bên ngoài. Cái quý vị cầu được từ bên ngoài là tri thức, chẳng phải là trí huệ. Tri thức và trí huệ là hai chuyện. Tri thức dầu phong phú đến mấy đi nữa, chẳng thể giải quyết vấn đề trong lục đạo, nhà Phật thường gọi chuyện này là “*sanh tử đại sự*”, tri thức chẳng thể giải quyết, phải dùng trí huệ.

Trí huệ thì sao? [Để đạt] trí huệ thì phải đoạn phiền não, tri thức chẳng cần đoạn phiền não, quý vị chẳng hiểu rõ! Nói cách khác, tri thức, dầu tri thức cao sâu cách mấy, do kẻ đó có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng đoạn. Phật pháp chú trọng đoạn trừ, “*đoạn*” là buông xuống. Do vậy, buông xuống Kiến Tư phiền não là buông xuống chấp trước. Chấp trước là Kiến Tư phiền não, [đoạn chấp trước sẽ] chứng quả A La Hán, lục đạo sẽ chẳng có, vượt thoát lục đạo. Tri thức chẳng thể vượt thoát lục đạo, trí huệ có thể vượt thoát lục đạo. Đây là buông xuống loại phiền não thứ nhất. Lại buông xuống loại thứ hai, loại thứ hai thường được giáo pháp Đại Thừa gọi là Trần Sa phiền não, tức là phân biệt. Trong hết thấy các pháp, ta chẳng phân biệt, tâm đã định, chẳng còn phân biệt nữa. Đoạn Trần Sa phiền não thì là Bồ Tát! Trong tứ thánh pháp giới, từ Thanh Văn tiến lên Duyên Giác, từ Duyên Giác tiến lên Bồ Tát, từ Bồ Tát tiến lên Phật, buông xuống phân biệt. Cuối cùng, buông xuống vô minh, vô minh là khởi tâm động niệm. Buông xuống khởi tâm động niệm, mười pháp giới bèn chẳng có, Nhất Chân pháp giới hiện tiền. Nhất Chân là Hoa Tạng được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Hoa Tạng hiện tiền, Cực Lạc hiện tiền, Cực Lạc và Hoa Tạng đều là Nhất Chân pháp giới.

Trí huệ có thể giải quyết vấn đề. Trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng đến từ bên ngoài. Vì thế, ngàn muôn phần chớ nên cầu pháp ngoài tâm! Cầu pháp ngoài tâm thì sai mất rồi. Chúng ta có cần kinh điển nữa hay không? Kinh Kim Cang nói “*pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (pháp còn nên xả, huống hồ phi pháp). Đức Phật nói những pháp ấy là pháp phương tiện, chẳng thật. Pháp chân thật sẽ chẳng thể diễn tả được! Vì sao? Ngài chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế, những môn Phật pháp ấy như tôi vừa mới nói, là do Phật, Bồ Tát ứng hóa trong mười pháp giới, ứng hóa trong lục đạo, các

Ngài dùng tám thức để giảng kinh, thuyết pháp cho mọi người, chúng ta đều hiểu. Nhưng quý vị phải biết, đây là công cụ, đây là phương tiện, chẳng phải là chân thật. Chân thật thì như thế nào? Những thứ ấy cũng chẳng cần, tức là đối với hết thảy các kinh giáo, cũng chẳng phân biệt, cũng chẳng chấp trước, cũng chẳng khởi tâm động niệm, sẽ thành công. Nếu quý vị còn chết cứng trong kinh giáo, kinh giáo sẽ biến thành một thứ học vắn thể gian, quý vị chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Chớ nên không biết, chớ nên học sai!

A! Đây là chúng ta nói đến những thứ nghị luận, trong giáo, ngoài giáo, nghị luận rất nhiều, phải dùng Định, Huệ để hàng phục chúng. A! Đã hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp bài kệ kế tiếp là bài thứ hai mươi:

(Kinh) Kiến chánh mạng nhân, đương nguyện chúng sanh, đắc thanh tịnh mạng, bất kiêu oai nghi.

(經)見正命人。當願眾生。得清淨命。不矯威儀。

(Kinh: Thấy người chánh mạng, nguyện cho chúng sanh, đắc thanh tịnh mạng, oai nghi chẳng dối).

Trong lời chú giải, Thanh Lương đại sư đã khai thị:

(Sớ) Năng ly ngũ tà, phương vi chánh mạng, vi nhất trá hiện kỳ đặc.

(疏)能離五邪，方為正命，謂一詐現奇特。

(Sớ: Có thể lìa năm thứ tà thì mới là chánh mạng, tức là: Một là dối trá hiện vẻ lạ lùng, đặc biệt).

Đây là loại thứ nhất. Loại thứ hai:

(Sớ) Tự thuyết công đức.

(疏)自說功德。

(Sớ: Tự nói công đức).

Thứ ba là...

(Sớ) Chiêm tướng cát hung.

(疏)占相吉凶。

(Sớ: Xem tướng lành, dữ).

Thứ tư là...

(Sớ) Cao thanh hiện oai, linh tha kính úy.

(疏)高聲現威，令他敬畏。

(Sớ: Lớn tiếng ra oai khiến cho kẻ khác kính sợ).

Thứ năm là...

(Sớ) Vị tha thuyết pháp. Hành thử ngũ sự, nhược vị lợi dưỡng, giai tà mạng dã.

(疏)為他說法，行此五事，若為利養，皆邪命也。

(Sớ: Vì người khác thuyết pháp. Làm năm chuyện ấy, nếu vì lợi dưỡng thì đều là tà mạng).

Câu này hết sức quan trọng, then chốt [để phân biệt] chánh và tà là ở chỗ này. Hễ là ích kỷ thì là tà mạng. Nếu chẳng phải là ích kỷ, mà nhằm lợi ích chúng sanh, sẽ chẳng phải là [tà mạng], đây là chánh mạng. Sai biệt ở chỗ này, chúng ta phải hiểu rõ ràng.

“Kiến chánh mạng nhân” (Thấy người chánh mạng), chúng tôi phải giải thích đôi chút những điều ngài Thanh Lương đã nói.

1) Thứ nhất là “trá hiện kỳ đặc” (dối hiện sự kỳ lạ, đặc biệt), chuyện này cũng rất giống “công năng đặc dị” được nói trong hiện thời: Hiện ra một loại cảnh giới khiến cho kẻ khác rất khó tin tưởng, trong Phật pháp nói là “thần thông”, hiện thần thông. Hiện thần thông nhằm cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, đây là tà mạng. Vì thế, trong kinh đức Phật đã dạy các đệ tử, có thể hiện thần thông hay không? Có thể, nhưng trong trường hợp thông thường thì chắc chắn là không được phép! Vì sao? Quỷ thần, yêu ma quỷ quái cũng có thể hiện thần thông. Nếu Phật môn thường dùng thần thông tiếp dẫn đại chúng, đại chúng sẽ chẳng có năng lực phân biệt gì là Phật, gì là ma. Vì thế, đức Phật chẳng cho phép đệ tử hiện thần thông, như thế thì ma sẽ chẳng có cơ hội thuận tiện. Ma chẳng thể thuyết pháp; do chẳng thể giảng kinh, thuyết pháp, chúng sẽ thị hiện những chuyện thần thông, khiến cho kẻ khác trông thấy đều hết sức kinh ngạc, hết sức tin phục, chúng ta phải biết điều này.

Khi nào thì khai duyên? Giống như giới luật có khai, giá, trì, phạm. Đối với quốc vương, đại thần, những người có sức ảnh hưởng cực lớn, có thể dùng phương pháp này. Hiện thần thông, quốc vương chẳng thể không tin tưởng, chẳng thể không phục, họ sẽ đến hộ trì Phật pháp, truyền bá Phật pháp ở nơi ấy, ở quốc gia ấy sẽ chẳng có chương ngại. Như vậy thì có thể [hiện thần thông]. Tức là vì chánh pháp tồn tại

lâu dài, nhằm lợi ích chúng sanh mà hiện thần thông thì được phép. Trong bộ Thần Tăng Truyện của Đại Tạng Kinh, chuyện lịch đại tổ sư đại đức đối với quốc vương, đại thần thị hiện thần thông rất nhiều, chúng ta phải hiểu điều này. Vì thế, chắc chắn là ngăn cấm [những chuyện hiện thần thông] vì tiếng tăm, lợi dưỡng của chính mình. Hễ [vì tiếng tăm, lợi dưỡng] thì sai mất rồi, đó là tà mạng.

2) Thứ hai là “*tự thuyết công đức*” (tự khoe công đức của chính mình). Điều này cũng không được phép, chắc chắn bị cấm ngặt. Trong Phật pháp, chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, vị nào cũng khiêm hư, có vị nào khoe khoang, ca ngợi chính mình, tự mình tán thán chính mình hay chẳng? Phàm là những kẻ tự tán thán chính mình, phê bình người khác; đây là tà mạng, chẳng phải là chánh mạng. Chánh mạng và tà mạng, nói theo kiểu hiện thời, [“chánh mạng”] là cuộc sống chánh đáng, [“tà mạng”] là cuộc sống không chánh đáng. “*Mạng*” ở đây là sống trên cõi đời. Chúng ta sống trên thế gian này, nếu tâm và hạnh đều chánh thì mới gọi là “*chánh mạng*”. Ở trong thế gian này, tâm lẫn hạnh đều bất chánh thì là tà mạng. Chư vị ngẫm xem, tà mạng thì khẳng định trong tương lai sẽ đọa trong tam đồ; chánh mạng mới có thể tăng tấn, siêu sanh, đây là điều khẳng định. Vì thế, chớ nên khoe khoang công đức của chính mình. Thông thường, tự nói công đức của chính mình là do mục đích nào? Cầu danh, cầu lợi. Cầu danh là mong được kẻ khác cung kính, tôn trọng. Cầu lợi là mong cầu kẻ khác cúng dường, mục đích ở chỗ này! Thậm chí còn nói rất trắng trợn: “Quý vị thấy kẻ nào đó cúng dường ta bao nhiêu, kẻ nọ lại là bao nhiêu”, có nghĩa là: “Người cúng dường quá ít, người phải làm sao cho bằng họ chớ!” Chẳng phải là ý nghĩa ấy đó sao? Chuyện này rất rõ rệt! Quý vị thấy ngôn ngữ và thái độ của kẻ đó đều là cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, sai mất rồi. Danh lợi thật sự hại chết người!

Vào thời nhà Minh, vị Tổ đời thứ tám của Tịnh Độ Tông là Liên Trì đại sư ở Hàng Châu. Trong Phật giáo sử Trung Hoa, luôn nói tới bốn vị cao tăng đại đức trung hưng Tịnh Độ, tức là bốn vị đại sư cuối đời Minh, gồm Liên Trì, Hám Sơn, Ngẫu Ích, và Tử Bách. Bốn vị ấy chính là bốn vị đại sư trung hưng Phật giáo. Ảnh hưởng của các Ngài là vào những năm đầu nhà Thanh. Nói thật ra, những năm đầu nhà Thanh là đời thịnh trị trong lịch sử Trung Hoa, xuất hiện mấy vị hoàng đế tốt. Khang Hy [làm vua] sáu mươi năm, Ung Chánh mười ba năm, Càn Long sáu mươi bốn năm, gộp chung lại gần như một trăm năm mười năm. Đời thịnh trị, Phật giáo hết sức hưng vượng, ảnh hưởng tới giới học thuật, ảnh hưởng tới chánh trị, và cũng ảnh hưởng tới kinh tế, ai nấy đều học tốt đẹp. Đời Minh, tiên sinh Viên Liễu Phàm tiếp nhận Công Quả Cách từ thiền sư Vân Cốc, đã thực hiện hết sức hữu hiệu. Vì thế, vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, đại khái là trong hai trăm năm,

Công Quá Cách được lưu hành [rất phổ biến], người đọc sách đều dùng phương pháp này để sửa đổi khuyết điểm của chính mình. Hằng ngày phản tỉnh, “ta hôm nay đã làm những chuyện gì tốt, những chuyện nào xấu”, đều ghi chép lại. Sau đấy, so sánh xem thiện sự nhiều hay ác sự nhiều? Nghiêm túc mong cầu giảm thiểu lỗi lầm của chính mình, mong tăng trưởng thiện tâm của chính mình, người đọc sách là như vậy đấy! Người đọc sách hằng ngày sửa lỗi, đổi mới, sẽ ảnh hưởng đến đại chúng trong xã hội đều biết kiểm điểm.

Phật môn cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, Phật môn cũng dùng Công Quá Cách. Quý vị thấy trong Liên Trì Đại Sư Toàn Tập có một thiên sách là Tự Tri Lục. Tự Tri Lục là Công Quá Cách của Liên Trì đại sư, thật sự làm! Vì vậy, trong Phật môn cũng có phong khí như vậy, rất có hiệu quả. Đặc biệt là trong đời Mật Pháp, tập khí phiền não của chúng sanh quá nặng. Do vậy, trong hiện thời, chúng tôi đề xướng ba bộ kinh cơ sở của ba nhà Nho, Thích, Đạo, dùng những thứ này làm tiêu chuẩn hồng sửa lỗi, đổi mới. [Cơ sở của] Nho gia là Đệ Tử Quy. Toàn văn Đệ Tử Quy gồm một ngàn lẻ tám mươi chữ, trong ấy tổng cộng nói đến một trăm mười ba chuyện. Học tập bằng cách nào? Hằng ngày dựa theo một trăm mười ba điều ấy để nghiêm túc phản tỉnh, ta có làm được điều thiện hay chẳng? Hôm nay ta có trót phạm điều bất thiện nào hay chẳng? Đây là Công Quá Cách. Ất phải chú trọng sao cho một trăm mười ba điều ấy thấy đều làm được, quý vị sẽ là thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Trong nhà Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chúng tôi cũng đã giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo rất chi tiết, phải nghiêm túc học tập. Tương phản với Thập Thiện là Thập Ác. Trong kinh, đức Phật đã nói hết sức rõ ràng, khai thị hết sức tuyệt diệu. Ngài dạy: “*Bồ Tát có một pháp, có thể lìa hết thảy các nỗi khổ thế gian*”. Câu này quan trọng lắm! “*Hết thảy thế gian*” là mười pháp giới, có phương pháp ấy để có thể lìa mười pháp giới. Pháp ấy là gì? Thứ nhất là thiện tâm, “*thường niệm thiện pháp*”, [đó là] tâm thiện. “*Tư duy thiện pháp*” là tư tưởng thiện. “*Quan sát thiện pháp*” là ngôn hạnh đều thiện, ba nghiệp thân, khẩu, ý thuần tịnh, thuần thiện. “*Chẳng để cho máy may bất thiện xen tạp*”. Quý vị thật sự có thể tu hành như vậy, sẽ có thể vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới.

Vì thế, đức Phật nói, pháp nhân thiên, Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, thảy đều lấy những điều này làm cơ sở, lấy những điều này làm căn bản. Từ căn bản ấy, quý vị mới thật sự có thể tu thành công Tam Quy, Ngũ Giới. Hiện thời, người thọ Tam Quy, Ngũ Giới đông đảo, người xuất gia thậm chí còn thọ tam đàn đại giới, nhưng như thế nào? Chẳng làm được! Hữu danh vô thực. Vì sao chẳng làm được? Do chẳng có cơ sở, có nghĩa là chẳng có cơ sở Đệ Tử Quy và Thập Thiện, cho nên quý vị chẳng làm được. Tu pháp môn

gì cũng đều chẳng thể thành tựu, thậm chí niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, quý vị nói xem có oan uổng hay chẳng? Chúng tôi cũng thật sự trông thấy các thói tệ trong hiện thời; vì thế, cực lực đề xướng, hãy nghiêm túc đồ công đốc sức nơi Đệ Tử Quy. Thành tựu Đệ Tử Quy rồi học Thập Thiện Nghiệp sẽ chẳng khó!

Căn bản của Đạo gia là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn. Nửa bộ trước của An Sĩ Toàn Thư chính là [chú giải của Âm Chất Văn]. Đây là giáo dục nhân quả, nội dung toàn là đoạn ác tu thiện. Mấy thứ ấy là căn bản của ba nhà, hãy học tập. Tu học chớ nên ham cao, chuộng xa, hãy làm từng bước theo thứ tự, từ cạn đến sâu, đây là chánh xác, quý vị mới có thể thật sự đạt được lợi ích. Chẳng học tốt đẹp ba thứ ấy, sẽ giống như cây không có rễ. Cái cây dẫu dễ coi cách mấy đi nữa, cắm xuống đó, chẳng có rễ, sẽ chết ngắc, vài hôm sau bèn héo khô, chẳng thể thành tựu. Chúng ta chớ nên không biết điều này. Nhất định phải nghiêm túc làm, thật thà học. Đối với người khác, phải luôn khiêm hư, trọn chẳng tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Công đức mà còn không tham cầu, làm sao có thể tham cầu phước đức cho được? Tiếng tăm, lợi dưỡng là phước đức. Phải học khiêm hư, phải học tôn trọng người khác, ẩn giấu điều ác, phô bày điều lành.

3) Thứ ba là “*chiêm tướng cát hung*” (xem tướng lành dữ), trong đây bao gồm xem tướng, đoán mạng, xem Phong Thủy trong hiện thời, đều được bao gồm trong ấy. Nói những chuyện cát hung họa phước cũng nhằm mục đích cầu cho người khác tôn kính, cũng nhằm cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, sai mất rồi! Người xuất gia thường là rảnh rỗi; do xem các sách vở ấy, cho nên cũng hiểu đôi chút, bèn xem tướng, đoán mạng, xem Phong Thủy. Đặc biệt là xem cho tín đồ, dùng phương thức này để mời chào tín đồ, sai lầm mất rồi! Người xuất gia thật sự có nên học những thứ ấy hay không? Chẳng thể! Trong kinh giáo, đức Phật đã cấm ngặt, làm những chuyện ấy để làm gì cơ chứ? Nếu quý vị thật sự hiểu Thật Tướng của các pháp, “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tướng*”, quý vị hiểu đạo lý này, sẽ tự nhiên buông xuống chuyện “*chiêm tướng cát hung*”. Có cần phải hỏi chuyện cát hung hay chẳng? Rất đơn giản, tâm quý vị thiện, chẳng có gì không tốt lành. Tâm quý vị bất thiện, chẳng có gì không hung hiểm, còn phải chiêm đoán chi nữa! Vì sao? Cảnh chuyên theo tâm mà!

Thế giới hiện thời loạn ngàn ấy, chúng sanh sống trong thế gian này khổ sở dường ấy, do nguyên nhân nào? Tâm bất thiện, tư tưởng bất thiện, lời nói và việc làm bất thiện chiêu cảm! Thiên tai, nhân họa là nghiệp cảm, chẳng phải là không có nguyên nhân. Nhân họa (tai họa do con người gây ra) là do bản thân chúng ta làm quấy, thiên tai vẫn do chính chúng ta sai trái. Xác thực là chẳng có nỗi tai hại nào không do

nghiệp cảm, chưa hề có, toàn là do nghiệp lực của chính mình cảm ứng. Người hiện thời không hiểu, không biết, chẳng hiểu đạo lý này, tưởng tai họa thiên nhiên và chúng ta chẳng có mối quan hệ nào, sai mất rồi! Thật sự có mối quan hệ với chúng ta! Khởi tâm động niệm của chúng ta sẽ biến đổi hoàn cảnh tự nhiên. Gần đây nhất, các đồng học ở Bắc Kinh gởi tặng mấy đĩa CD, tức bộ Sơn Tây Tiểu Viện và Vì Sao Chẳng Thể Ân Chúng Nó. Tổng cộng là mười mấy đĩa, hay lắm! Từ bộ đĩa ấy, quý vị có thể thấy nhân quả, thấy báo ứng, mới thật sự liễu giải thiện tâm, thiện hạnh có quả báo tốt lành, tâm hạnh bất thiện sẽ có tai nạn.

Vì thế, người thật sự học Phật thì xem tướng, đoán mạng, xem Phong Thủy đều có thể chẳng cần quan tâm! Có Phong Thủy hay chẳng? Có chứ! Phong Thủy là hoàn cảnh cư trụ của chúng ta. Hoàn cảnh cư trụ có thể biến hóa; vì thế, các nhà Phong Thủy cũng nói hai câu chân thật: “*Phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*” (Người có phước ở nơi cuộc đất có phước, cuộc đất có phước dành cho người có phước ở). Tâm hạnh của quý vị bất thiện, tìm thầy Phong Thủy kiếm được chỗ Phong Thủy tốt đẹp, quý vị đến đó ở, Phong Thủy sẽ biến thành xấu. Vì sao? Quý vị chẳng phải là kẻ có phước, không có phước báo, ở nơi đó, Phong Thủy sẽ biến thành xấu! Người thật sự có phước báo, thiện tâm, chỗ có Phong Thủy rất xấu, người ấy đến ở, Phong Thủy nơi ấy sẽ biến thành tốt đẹp. Do vậy có thể biết, Phong Thủy biến đổi theo lòng người. [Muốn cho] Phong Thủy của chúng ta tốt đẹp, chẳng có chi khác, hãy giữ tấm lòng tốt, nói lời tốt, làm chuyện tốt, làm người tốt, [sẽ là] không gì chẳng tốt lành, hung tai gì cũng đều chẳng có, tiêu tai miễn nạn. Do vậy, các đồng học học Phật, niệm Phật, nhất định phải hiểu đạo lý này, chớ nên làm chuyện mê tín.

4) Điều thứ tư là “*cao thanh hiện oai, linh tha kính úy*” (lớn tiếng ra oai, khiến cho kẻ khác kính sợ). [Nếu có ý nghĩ như trong] câu sau thì sai mất rồi, đây là cố ý, khiến cho đại chúng cảm thấy gì? Kẻ đó chẳng giống người khác, kẻ đó có đại oai đức! Màu mè làm bộ làm tịch, nhằm mục đích khiến cho người khác tôn trọng, khiến cho người khác sợ hãi kẻ ấy, sai mất rồi! Đây là tà mạng.

5) Điều cuối cùng là “*vị tha thuyết pháp*” (vì kẻ khác thuyết pháp). Thuyết pháp vốn là chuyện Bồ Tát phải nên làm. Đức Phật dạy hàng đệ tử xuất gia không sản xuất, sống nhờ khát thực, nhờ vào sự cúng dường của đồng học tại gia. Đồng học tại gia cúng dường quý vị là Tài Bố Thí, quý vị tiếp nhận sự cúng dường của họ, phải báo đền. Báo đền bằng gì? Pháp Bố Thí. Vì thế, khát thực trước kia, trai chủ cúng dường. Sau khi đã cúng dường, hề có những vấn đề nghi nan, có thể thưa hỏi pháp sư, xin pháp sư khai thị. Đây là hiện tượng rất phổ biến. Nếu trai chủ chẳng có thắc mắc, hoan hỷ đến cúng dường, người xuất gia phải chúc phước cho họ. Trong các tôn giáo bình phàm thì nói

là “kỳ đảo”, cầu phước cho họ, những điều ấy đều thuộc về Pháp Bồ Thí. Chẳng thể nói là khát thực, xin xong bèn bỏ đi! Đây là chẳng lễ độ, không thể được! Do vậy, vì người khác thuyết pháp là chuyện thường có, nhưng “vì người khác thuyết pháp” là lợi tha, giúp đỡ kẻ đó phá mê khai ngộ. Đó là tổng nguyên tắc, chẳng phải là cầu lợi dưỡng. Nếu thuyết pháp nhằm cầu lợi dưỡng, sẽ thuộc về tà mạng, sai lầm mất rồi, chẳng được phép! Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Trông thấy người chánh mạng, quý vị thấy nguyện của Bồ Tát là “*đương nguyện chúng sanh, đắc thanh tịnh mạng*” (nguyện cho chúng sanh được mạng thanh tịnh). Câu “*đắc thanh tịnh mạng*” nghĩa là năm loại thói tệ đều không có thì gọi là “*đắc thanh tịnh mạng*”. Câu cuối cùng nói “*bất kiếu oai nghi*” (oai nghi chẳng dối trá), chính là nói tới điều thứ nhất trong năm thứ tà mạng, tức “*trá hiện kỳ đặc*” (dối trá hiện về lạ lùng, đặc biệt). Dối trá hiện về lạ lùng, đặc biệt thì sẽ đánh mất oai nghi của chính mình, nay chúng ta nói là “*phong độ*”. Hoặc là chúng tôi lại nói thông tục hơn một chút, sẽ là “*thân phận*”. Quý vị đã đánh mất thân phận người xuất gia, cố ý phô diễn hiện tượng bất bình thường, hiện tượng lạ lùng, hòng chèo kéo người khác cúng dường. Bất luận dùng phương thức gì, cũng có nghĩa là bất luận quý vị dùng thủ đoạn như thế nào, mục đích của quý vị là cầu được kẻ khác tôn kính, cầu được kẻ khác cúng dường, sai mất rồi. Đây thuộc về tà mạng. Tuy đạt được lợi dưỡng, chứ vị hãy ngẫm xem, người ấy có thể thành tựu hay không? Chẳng thể!

Trong quá khứ, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã bảo tôi. Cụ có hai người bạn học, đều rất thông minh. Một vị học Mật, một vị tu Thiền. Mật giáo được truyền từ chỗ Cống Cát lão nhân (Gangkar). Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng là truyền nhân của Cống Cát lão nhân, [cụ Hoàng với vị đó] là sư huynh đệ. Vị kia học Thiền, theo học với lão hòa thượng Hư Vân, mà lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng là theo lão hòa thượng Hư Vân học Thiền. Vì thế, hai người bạn ấy đều là đồng học của cụ, rất nổi tiếng. Hai người ấy lúc già đều ở Mỹ, tôi đã gặp vị học Thiền vài lần, vị học Mật thì nghe nói, chưa từng gặp mặt. Cụ Hoàng chẳng qua lại với họ, cụ bảo tôi, hai người ấy hành tà mạng. Cụ chỉ điểm, tôi mới hiểu rõ, xác thực là tác phong của hai vị đại đức ấy chẳng lìa khỏi tiếng tăm, lợi dưỡng. Lại còn đối với năm loại tà mạng như đức Phật đã dạy ở đây, đúng là thấy đều có hết!

Vị tu Thiền trong số ấy, năm xưa ở Hương Cảng, sau đấy sang Mỹ. Hồi ở Mỹ, tôi có quen biết vị ấy. Đối xử với tôi cũng được lắm, rất khách sáo. Nghe nói các pháp sư gặp ông ta, ông ta sẽ luôn hung hăng phê bình, giáo huấn vị pháp sư ấy một trận. Nhằm mục đích gì? Khiến cho tín đồ trông thấy, [sẽ khen ngợi tám tác]: “Sư phụ của chúng ta lỗi lạc quá! Quý vị thấy những kẻ đó ở trước mặt sư phụ chúng ta đều

chẳng ngẩng đầu lên nói!” Đồ đệ tôn trọng, hiếu thuận với ông ta. Tôi giảng kinh ở các nơi tại Mỹ, ông ta đối với tôi coi như còn khách sáo một tí, chẳng giống như đối đãi các pháp sư khác, chẳng phê bình tôi! Tôi biết ông ta rất nóng tính, cá tánh rất mạnh, tôi nghe chuyện này đã lâu. Vì thế, ông ta mời tôi, tôi luôn chú tâm cẩn thận, tận hết sức nhún mình, tôn trọng lão nhân gia. Tuổi tác lớn hơn tôi, thời gian xuất gia lâu hơn tôi, hai vị hiện thời đều đã mất.

Sai mất rồi! Phật giáo ở Mỹ đang trong giai đoạn khởi đầu, nếu thật sự đi theo con đường chánh đáng, là chánh mạng, khẳng định sẽ có công hiến rất lớn đối với chuyện hoằng dương Phật giáo ở Mỹ. Chúng tôi ở nơi ấy chẳng có thâm giao, hơn nữa, họ tuổi tác lớn hơn tôi, [toàn là] lão pháp sư, lão cư sĩ, chúng tôi ở trước mặt họ là vãn bối, chẳng có chỗ nào nói leo được! Biết ông ta đi theo con đường chẳng đúng, chẳng dám phê bình, mà cũng chẳng dám nói. Vì sao? Đồ chúng của ông ta đông đảo. Nếu quý vị phê bình ông ta, đồ chúng của ông ta sẽ chướng ngại chúng tôi hoằng pháp!

Những điều thường thức về hoằng pháp, cư xử với người khác như vậy khi chúng tôi cầu học tại Đài Trung, thầy Lý đã từng dạy. Thầy dạy chúng tôi phải biết cư xử với người khác như thế nào, chúng tôi mới học được một chút quy củ. Vì thế, pháp duyên khá thù thắng, đạo lý cũng ở chỗ này. Suốt một đời thành khẩn, chẳng dám đặt mình cao hơn người khác. Vì thế, suốt đời chẳng có đạo tràng, mà cũng chẳng có đồ chúng. Học tập tự mình chăm sóc chính mình, thầy Lý dạy tôi điều này. Thầy Lý xác thực đã lấy thân làm gương, lão nhân gia đến chín mươi lăm tuổi vẫn là tự mình chăm sóc chính mình, đến hai năm cuối cùng mới tiếp nhận đồng học chăm sóc. Nếu thầy chẳng bị ngộ độc thức ăn, chúng tôi tin là thầy có thể sống hơn trăm tuổi. Vì sao? Thân thể khỏe mạnh. Vì thế, lúc tuổi già, tôi thường từ ngoại quốc trở về, nhất định sẽ đến thăm thầy. Mỗi lần, hầu như thầy đều căn dặn, dặn dò tôi, ăn thứ này thứ nọ phải cẩn thận, muôn ngàn phần đừng ra tiệm ăn thứ này thứ nọ, không sạch sẽ. Lúc về già, tuổi đã cao, sức đề kháng yếu, ăn uống, sinh hoạt phải đặc biệt cẩn thận. Cách làm ấy thật sự từ bi, chẳng cần kẻ khác quan tâm, chẳng cần người khác chăm sóc. Đây là từ bi.

Nếu quý vị muốn thân thể khỏe mạnh, điều thứ nhất là tâm phải thanh tịnh. Ngạn ngữ Trung Hoa đã nói rất hay: “*Ưu năng sử nhân lão*” (Ưu tư có thể khiến cho người ta già khọm). Quý vị có nhiều chuyện lo âu, sẽ dễ lão hóa. Tập niệm phiền não nhiều, sẽ dễ sanh bệnh. Chuyện chẳng cần thiết bèn chẳng cần nghĩ tới, người chẳng cần thiết bèn ít tiếp xúc. Cổ nhân nói hay lắm: “*Tri sự thiếu thời phiền não thiếu; thức nhân đa xử thị phi đa*” (Biết ít chuyện, ít điều phiền não; biết nhiều người, lắm nỗi thị phi). Quý vị giao tế rất rộng, người quen biết

rất nhiều, khẳng định là thị phi sẽ nhiều. Biết nhiều chuyện, phiền não nhất định sẽ nhiều. Vì thế, hơn bốn mươi năm qua, chúng tôi không xem TV, không đọc báo, không xem tạp chí, giảm bao nhiêu phiền não! Ở nhiều nơi, hề chúng tôi tiếp xúc người khác, họ thường hỏi tôi một câu: “Làm thế nào để giữ gìn sức khỏe?” Tôi bảo cho họ biết chuyện này: “Những chuyện rác rưởi trong thế gian, quý vị muốn biết để làm gì? Có thời gian thì đọc kinh, niệm Phật sẽ tốt hơn!”

Vì thế, cổ nhân thường nói “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, điều này là một môn đại học vấn đối với đạo dưỡng sanh. Thân thể quý vị khỏe mạnh, sống lâu, chẳng ngã bệnh. Vì sao? Quý vị chẳng có tạp niệm, chẳng vướng mắc, chẳng lo âu, chẳng có phiền não, thân thể quý vị tự nhiên sẽ khỏe mạnh. Đây là chánh mạng. Tuổi tác cao, nếu thân thể chẳng khỏe, rất khổ, chính mình vất vả mà cũng làm phiền người khác, vì người khác phải hầu hạ, phải chăm sóc quý vị. Tuổi tác cao, thân thể khỏe mạnh, chẳng cần người khác chăm sóc, tốt lắm! Quý vị phải biết, [muốn] lớn tuổi mà thân thể [vẫn] khỏe mạnh, quý vị chẳng thể không chú ý đối với chuyện sinh hoạt, ăn ở hằng ngày, tận hết sức giảm thiểu phiền não, giảm thiểu tạp niệm. Tâm địa càng thanh tịnh càng hay, càng bình thản càng tốt. Những chuyện vui sướng, thù tạc càng ít càng hay!

Nhất là trong xã hội hiện tiền, lời thầy Lý nói là thật, quyết định chẳng giả. Những thức ăn trong hàng quán có vệ sinh hay không? Trước kia, Hàn Quán Trưởng lúc còn sống đã từng mở tiệm ăn, mở tiệm thức ăn chay. Ở Đài Bắc, bà mở Thiên Duyệt Trai, không phải, mở Hương Tích Tiểu Quán, ở Cao Hùng mới mở Thiên Duyệt Trai, do pháp sư Sám Vân mở, bà ta làm Tổng Kinh Lý. Chúng tôi đến xem nhà bếp, rau có rửa hay không? Đảo qua nước một lượt, chứ thật sự chẳng rửa sạch sẽ, chẳng hề có! Đồ chay còn đỡ hơn một tí. Lúc chúng tôi đến Tiểu Quán dùng cơm, Quán Trưởng đặc biệt căn dặn, căn dặn nhà bếp rửa sạch thức ăn. Do vậy có thể biết, khách đến ăn thông thường, ai căn dặn? Vì thế, có người nói: “Quý vị đến nhà bếp xem, sẽ chẳng dám ăn!”

Hiện thời, có những nhà hàng cao cấp, tốt nhất là gì? Khách sạn lớn. Khách sạn cấp bốn sao, năm sao, những thứ trong nhà bếp của họ đều trong suốt, quý vị thấy họ làm thức ăn tại đó, sạch sẽ, nhưng giá tiền quá cao. Thông thường, chúng ta đến những tiệm nhỏ, ăn các món nhẹ rất thuận tiện, nhưng vào quán năm sao, chỉ sợ so với những tiệm ăn nhỏ phải đắt gấp mười lần, hai mươi lần. Vì sao? Họ xử lý thức ăn sạch sẽ. Khó lắm! Đúng là khó! Tuy họ xử lý thức ăn sạch sẽ, hiện thời chúng ta biết, đối với rau dưa, nông dân trồng rau dùng thuốc sát trùng rất mạnh. Có phải là họ đã xử lý sạch hay sao? Rất khó nói! Quý vị nói xem có đáng sợ lắm hay không? Hiện thời đúng là như kinh Vô Lượng

Thọ đã dạy: “*Ăn khổ, thực độc*” (Uống đắng, ăn độc). Lẽ nào người ta chẳng ngã bệnh cho được?

Vì thế, chúng tôi ở Úc, đất đai ở Úc rất rẻ. Gần đây, Tịnh Tông Học Viện mua một cuộc đất, tính ra là một ngàn mẫu Trung Hoa. Bao nhiêu tiền? Hơn tám mươi vạn Nhân Dân Tệ, một ngàn mẫu đất! Tôi nói với các đồng học, chúng ta lập một nông trường ở đó, trồng mấy loại rau dưa, nhưng chúng tôi không dùng phân hóa học, chẳng dùng thuốc trừ sâu, chúng tôi có kinh nghiệm này. Ở Úc, hiện thời chúng tôi có vườn rau, quy mô cũng rất lớn, có thể cung ứng cho ba trăm người ăn mỗi ngày. Trên thực tế, học viện của chúng tôi mỗi ngày có khoảng một trăm người ăn cơm. Vì thế, có thừa; hễ thừa ra bèn gửi biếu các đồng tu. Sạch sẽ, chẳng có tác dụng phụ. Đề xướng ăn chay, phải ăn cho sạch, ăn hợp vệ sinh. Đây là tự lợi, lợi tha, chính mình khỏe mạnh, sống lâu, chẳng cần người khác chăm sóc là lợi tha, khiến cho người khác trông thấy đều sanh tâm hoan hỷ.

Hình tượng là công cụ để độ chúng sanh. Hình tượng người học Phật không tốt, người khác trông thấy tình cảnh người học Phật như vậy, [sẽ nghĩ] “thôi đi, không học nữa!” Người học Phật bất luận tại gia hay xuất gia, hình tượng tốt đẹp, mọi người trong xã hội trông thấy sẽ rất tôn trọng, sanh tâm hoan hỷ, đều muốn học theo quý vị. Quý vị hãy suy nghĩ cẩn thận, trong ấy đúng là vô lượng công đức, chẳng cần nói, người ta tự nhiên dấy lòng hâm mộ, hướng về quý vị thỉnh giáo, quý vị dạy họ dễ dàng. Nói chung, phải nêu gương cho người khác nhìn vào, người ta mới có thể tin tưởng. Nếu quý vị chẳng nêu gương tốt, người ta chẳng trông thấy, sẽ rất khó sanh khởi tín tâm. Họ nhất định phải chính mắt trông thấy, sẽ tin tưởng. Vì thế, điều này rất quan trọng.

Tôi thường ra ngoại quốc thăm viếng, tham gia khá nhiều hội nghị quốc tế, những quan khách tham dự thấy dáng vẻ của tôi liền sanh tâm hoan hỷ, hỏi này hỏi nọ, chúng tôi có thể giới thiệu cho họ. Bất luận họ tin theo tôn giáo nào, bất luận họ có tin tôn giáo hay không, từ lứa tuổi trung niên trở lên, chẳng có ai không coi trọng thân thể khỏe mạnh. Vì thế, thân thể chúng ta chẳng khỏe mạnh thì làm sao được? Làm sao có thể hoằng pháp lợi sanh? Làm sao có thể khuyên dạy người khác? Nhất định phải làm từ chính mình. Nương theo giáo huấn của đức Phật để học tập, tu chỉnh hành vi của chính mình. Tu hành là uốn nắn hành vi sai lầm của chính mình, sửa đổi những chỗ sai lầm trong cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của chúng ta. Đó là tu hành. Chẳng sửa đổi, sẽ là tà mạng. Sau khi sửa đổi, chúng ta là chánh mạng, phải hiểu điều này. Chánh mạng là khỏe mạnh nhất, vui sướng nhất, hạnh phúc nhất. Vì thế, “*đắc thanh tịnh mạng, bất kiêu oai nghi*” (đạt được mạng thanh tịnh, oai nghi chẳng dối trá), luôn luôn khiêm hư, luôn luôn nhún mình, luôn tôn trọng người khác, đó là đúng.

Đề có phong độ rất tốt đẹp, hãy học từ nơi đâu? Học từ Đệ Tử Quy, xuất gia thì học từ Sa Di Luật Nghi. Sa Di có mười điều giới và hai mươi bốn món oai nghi. “*Oai nghi*” là những quy củ phải nên tuân thủ trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta đều có thể tuân thủ, đều có thể làm được. Thời thời khắc khắc lưu ý không đánh mất thân phận, chẳng mất oai nghi, thành tựu chính mình, lợi ích chúng sanh. Hiện thời, không chỉ là lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội rộng lớn, mà còn hóa giải xung đột, xúc tiến xã hội an định, hòa bình, làm từ chỗ này. Nếu tâm hạnh của chúng ta chẳng chánh, tư tưởng bất chánh, chỗ nào cũng vẫn chẳng lìa khỏi tiếng tăm, lợi dưỡng, nếp nghĩ của quý vị chắc chắn là tổn người, lợi mình. Trong sự tổn người, lợi mình, nếu chướng ngại Phật giáo, chướng ngại tu đạo, tội lỗi ấy sẽ rất nặng nề, quả báo là trong địa ngục A Tỳ. Phá hòa hợp Tăng, phá hoại hình tượng Phật giáo, quả báo chẳng thể nghĩ bàn, nỗi khổ ấy chẳng có cách nào hình dung, chúng ta chớ nên không biết. Chúng tôi giảng bài kệ này tới đây!

Tập 1555

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiểu đoạn thứ ba trong đoạn lớn thứ sáu của phần Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ hai mươi một:

(Kinh) Nhượng kiến u vương, đương nguyện chúng sanh, đắc vi pháp vương, hằng chuyển chánh pháp.

(經)若見於王。當願眾生。得為法王。恆轉正法。

(Kinh: Nếu trông thấy vua, nguyện cho chúng sanh, được làm pháp vương, luôn chuyển chánh pháp).

Đây là người xuất gia khát thực, trên đường gặp quốc vương, hiện thời, chúng ta gọi [quốc vương] là “*người lãnh đạo đất nước*”. [Chuyện này] dẫn phát đại nguyện của Bồ Tát, mong mỗi vị vua ấy có thể làm “*pháp vương*”. “*Pháp vương*” (法王) là Phật, [“*làm pháp vương*” là] giống như Phật, dùng chánh pháp giáo hóa chúng sanh. [Đi khát thực] ở ngoài, cũng có thể [gặp hạng người này]. Trước kia, quốc vương đi tuần; hiện thời, cơ hội [gặp gỡ] càng nhiều hơn, nhưng quý vị trông thấy xe của ông ta chạy qua, chẳng dễ gì gặp mặt ông ta được! Nhưng cũng có duyên phận đặc biệt, như trong hiện thời, do giao thông nhanh chóng và tiện lợi, thông tin phát triển, giữa mọi người với nhau giao tiếp mật thiết, giữa các quốc gia, giữa các dân tộc, cho đến giữa các tôn giáo, đều qua lại hết sức mật thiết. Trong những dịp gặp gỡ ấy, có rất nhiều trường hợp có thể thật sự gặp mặt. Giống như vậy, bất luận là người lãnh đạo quốc gia, người lãnh đạo dân tộc, người lãnh đạo tôn

giáo, cho đến người lãnh đạo trong giới xí nghiệp, hoặc giới công thương, đều có thể gọi là Vương. Họ có nhiều thuộc hạ, giống như các công ty đa quốc gia trong hiện thời, công nhân viên chức đến mấy vạn người, hoặc mấy chục vạn người, [người cầm đầu những công ty ấy] xác thực là vua! Hiện thời, xã hội động loạn, bất an. Nếu trông thấy [vua hoặc người lãnh đạo], đó là [những người] có sức ảnh hưởng lớn nhất, chúng ta có nghĩa vụ khuyến cáo họ.

Hiện thời, người trên cả cõi đời quan tâm nhất, mong muốn bức thiết là ổn định, chẳng mong động loạn. Những người lãnh đạo có thể làm được [điều ấy], nhưng trên thực tế, họ cũng hằng ngày cầu mong, dùng phương pháp gì để hóa giải xung đột. Nhất là những người lãnh đạo cao cấp, điều họ bận tâm nhất chính là nổi oán thán của người dân. Dân chúng có niềm oán hận, có điều bất bình, đây là cội nguồn của các nổi động loạn trong xã hội. Mọi người chỉ chú ý tới chuyện giàu nghèo chênh lệch, ai có thể khiến cho giàu nghèo đều nhau? Thừa cùng chur vị, chẳng [ai] làm được! Cổ thánh tiên vương cũng chẳng làm được, Thượng Đế cũng chẳng làm được. Quý vị thấy các tín đồ tôn giáo, tín đồ tôn giáo ngoại quốc đều là con cái của Thượng Đế, [thế mà] họ giàu nghèo vẫn chênh lệch, trí huệ cũng chẳng bình đẳng, năng lực cũng chẳng đều nhau! Vì thế, ngay cả Thượng Đế cũng chẳng làm được! Phật, Bồ Tát cũng chẳng làm được.

Làm thế nào để có thể khiến cho lòng người của đại chúng trong xã hội bình đẳng? Đối với chuyện này, xét theo năm ngàn năm lịch sử của Trung Hoa, quý vị thấy cổ thánh tiên vương dùng phương pháp gì? Giáo dục! Giáo dục luân lý, khiến cho mọi người liễu giải mối quan hệ giữa con người với nhau, điều này rất quan trọng! Cư xử tốt đẹp trong các mối quan hệ như thế nào? Khoa mục thứ hai là đạo đức. Đạo đức là biết thân phận, biết bổn phận của chính mình. Phải thực hiện tốt đẹp chuyện thuộc về bổn phận của chính mình, phải phối hợp mật thiết với đại chúng, sáng tạo một xã hội an định, hòa bình. Điều thứ ba rất trọng yếu, [tức là] giáo dục nhân quả. Vì sao có bất bình? Mỗi người tạo cái nhân khác nhau, làm sao đạt cái quả giống nhau cho được? Nhân do ai tạo? Do chính mình tạo! Tại Trung Hoa, Nho, Thích, Đạo đều nói đến nhân quả. Quý vị hãy chú tâm quan sát, đọc tụng bộ Nhị Thập Tứ Sứ, đó là một bộ hồ sơ nhân quả! Biết nhân quả, mới biết vì sao xã hội bất bình? Hiểu rõ đạo lý nhân quả, liễu giải chân tướng sự thật, tâm sẽ bình. Phú quý thì ở yên nơi phú quý, nghèo hèn an phận nghèo hèn, xã hội sẽ an định, “an” rất quan trọng! Kẻ phú quý chớ nên lấn hiếp kẻ nghèo hèn, đôi bên phải tôn trọng lẫn nhau. Kẻ nghèo hèn phải tôn trọng kẻ phú quý, kẻ phú quý cũng phải tôn trọng kẻ nghèo hèn, xã hội mới có thể hài hòa. Phải hỗ trợ, kẻ nghèo hèn giúp đỡ kẻ phú quý, kẻ phú quý cũng phải bố thí cho kẻ nghèo hèn. Như vậy thì mới có thể điều hòa.

Phải biết tu phước như thế nào, chớ nên tạo ra những nỗi oan nghiệt. Vì sao xã hội hiện thời biến thành tình cảnh này? Chẳng có luân lý, đạo đức! Người sống trong thế gian này, chẳng biết mối quan hệ giữa con người với nhau. Nói cách khác, chẳng có sự tôn nghiêm làm người! Chẳng có đạo đức, chẳng biết bổn phận phải nên trọn hết của chính mình! [Cứ tưởng] chẳng có nhân quả; vì thế, oán trời, hờn người: “Vì sao kẻ khác phú quý? Vì sao ta nghèo hèn?” Oán trời, hờn người đây! “Trời già cũng chẳng công bằng!” Vậy thì làm như thế nào? Làm cách mạng, tạo phản hòng chiếm đoạt sự phú quý của kẻ khác. Có làm được hay không? Chẳng làm được! Nếu chúng ta có thể đoạt được sự phú quý của người khác, sẽ có thể lật nhào định luật nhân quả, chẳng có nhân quả! Chúng ta học Phật đã nhiều năm ngàn ấy, đối với những sự lý này cũng có chút phân nhận biết, trong tâm hiểu rất rõ ràng! Nhất là trong kinh giáo, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Cầu phú quý được phú quý, cầu con cái được con cái, cầu sống lâu được sống lâu*”. “*Cầu con cái*” là cầu có con cái tốt lành. Từ An Sĩ Toàn Thư, quý vị đã đọc thấy ông Châu An Sĩ cầu con cái tốt lành bằng cách nào? “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”, há có lẽ nào chẳng cầu được?

Năm mươi năm trước, Chương Gia đại sư đã chọn cho tôi hạnh nghiệp này, hoàng pháp lợi sanh. Để chuyên môn theo đuổi hạnh nghiệp này, ắt phải từ bỏ công việc trong xã hội thì mới có thể chuyên tâm. Tôi liền thỉnh giáo đại sư: “Ngài chọn cho con hạnh nghiệp xuất gia, con sẽ đến đâu để xuất gia? Theo xuất gia với ai?” Lão nhân gia bảo tôi: “Không chỉ là chuyện này. Những chuyện lớn bé trong suốt đời này của anh, đừng nên cầu cạnh người khác. Cầu người ta, nếu họ chẳng đáp ứng, trong lòng anh sẽ khó chịu lắm!” Tôi thưa: “Đúng như thế ạ! Trong tâm con sẽ rất khó chịu, làm như thế nào đây?” [Đại sư dạy]: “Hãy cầu Phật. Chúng sanh có cảm, Phật sẽ ứng”. “Cầu” thì hoàn toàn chẳng phải là dùng cảm tình để cầu, chẳng phải vậy! Phải dùng lý trí, nghiêm túc học tập. Đây là thật sự cầu, đây là cảm ứng.

Thật sự học Phật thì thật sự học như thế nào? Thầy dạy tôi, dùng Ngũ Giới để nói; khi đó, tôi vừa mới học Phật, vẫn là kẻ tại gia trẻ tuổi, thầy bèn chỉ dạy: “*Ví như Ngũ Giới, anh có thể làm được một điều, một điều ấy chính là thật sự trì giới. Chẳng phải là thọ giới theo hình thức. Thọ giới theo hình thức thì Phật, Bồ Tát, hộ pháp, long thiên, quỷ thần chẳng thừa nhận. Anh thật sự làm được, y giáo phụng hành, các Ngài sẽ thừa nhận*”. Giới hạnh thuộc về giáo dục đạo đức. Chúng ta hiểu đạo lý này, thật sự làm, làm từng điều một. Hiện thời, tôi giới thiệu Đệ Tử Quy với các đồng học; đó là cơ sở của Nho gia, là cơ sở của đức hạnh. Đối với Cảm Ứng Thiên, Ấn Quang đại sư giới thiệu bộ Vựng Biên. Trong ấy, có rất nhiều câu chuyện, có lý luận, có sự thật, tác phẩm ấy thuộc loại giáo dục nhân quả, [hay nói chính xác hơn là] giáo dục đạo

đức và nhân quả, là căn cội của Đạo gia. Trong Phật môn thì là kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu muốn xuất gia, đối với Sa Di Luật Nghi, hãy làm được Sa Di Luật Nghi trước đã rồi mới xuất gia. Xuất gia [thì phải] thật sự làm được bốn thứ ấy, tức Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo và Sa Di Luật Nghi. Bốn thứ ấy quý vị thầy đều làm được, tự nhiên cảm ứng hiện tiền.

“*Cảm ứng hiện tiền*” [trong trường hợp của tôi] là chúng tôi có ý nghĩ xuất gia, có ý niệm ấy, Chương Gia đại sư bảo tôi: “Thầy sẽ đến tìm anh. Thầy tìm ta thì sẽ dễ dàng, chứ ta tìm thầy chẳng dễ!” Chương Gia đại sư dạy tôi cách ấy, thật sự là “*có cầu ắt ứng*”. Tôi thi hành bảy năm, duyên chín muồi, thật sự có vị sư phụ xuất gia đến tìm tôi, biết tôi có ý tưởng xuất gia. Vì thuở đó, tôi cũng chẳng có nhà, ở Đài Loan một mình, chẳng vướng mắc bất cứ điều gì! Thầy đến tìm tôi, tôi rất hoan hỷ, tôi thưa: “Con phải suy nghĩ đã!” Trong vòng hơn một tháng, thầy sai người đến tìm tôi chín lần. Tôi thấy tâm thầy rất chân thành, chẳng phải là hư ngụy, rất thích tôi xuất gia, dùng thân phận xuất gia để giúp đỡ đạo tràng ấy. Vì thế, tôi bèn đưa ra điều kiện của tôi, thầy đồng ý, tôi cũng hoan hỷ. Thầy không đồng ý thì thôi, tôi lại chờ cơ hội khác!

Điều kiện của tôi là gì? Tôi xuất gia phải học Giáo, vì trong tự viện hiện thời chẳng học Giáo. Tôi nói: “Con muốn học Giáo. Con xuất gia chẳng mong làm kinh sám Phật sự, chẳng muốn làm pháp hội. Thưa pháp sư, đạo tràng của quý Ngài có thể chấp thuận hay không? Có thể rộng dung cho điều kiện xuất gia này của con hay chẳng?” Điều kiện thứ ba là tôi đã theo thầy Lý nhiều năm, tiếp nhận giáo huấn của thầy. Sau khi xuất gia, mỗi tháng tôi sẽ tới Đài Trung ở lại một tuần, tiếp tục theo học với thầy. Từ Đài Bắc đến Đài Trung ngồi xe lửa, tôi chẳng có món chi phí ấy, thường trụ phải mua vé xe đi về cho tôi. Những điều kiện ấy thầy đều được đáp ứng, tôi cũng rất hoan hỷ. Do vị sư phụ ấy tìm tôi chín lần, ba điều kiện do tôi đưa ra, thầy đều đồng ý; cho nên tôi vừa xuất gia, bèn đến dạy tại Phật Học Viện. Pháp sư Bạch Thánh mở Tam Tạng Phật Học Viện, tôi dùng những kinh giáo đã học được ở Đài Trung để giảng dạy trong Phật Học Viện. Có thể nói là vừa xuất gia liền bắt đầu giảng kinh, giáo học, cho đến nay đã bốn mươi tám năm. Tôi học Phật bảy năm rồi mới xuất gia, đã có thể lên đài giảng kinh.

Vì thế, thật sự phát tâm học giảng kinh, theo kinh nghiệm của tôi qua nhiều năm như thế, tôi thấy trạng huống trong Phật môn là trước hết hãy học thành tựu rồi mới xuất gia, tốt lắm! Vì sao? Chẳng có chướng ngại. Nếu quý vị xuất gia rồi mới học, sẽ có chướng ngại. Thường trụ đông đảo, nhiều người lắm ý kiến, người đồng ý với quý vị, giúp đỡ quý vị cầu học chẳng nhiều! Nhưng quý vị xuất gia, họ luôn hy vọng quý vị sẽ giúp thường trụ làm việc, làm kinh sám Phật sự, làm pháp hội. Nói chung là muốn quý vị tham gia những việc ấy. Vì chúng

thường trụ trong tự, viện, am, đường hiện thời dựa vào những chuyện ấy để có thâm nhập, dùng món tiền thâm nhập ấy để duy trì thường trụ. Chẳng như xưa kia, thường trụ thuở trước (tức tự, viện, am, đường) có tài sản, có núi non, có ruộng nương để cho nông dân cấy rẽ⁶. Khi nông dân thâm hoạch, sẽ nộp tô cho thường trụ. Do vậy, thường trụ giống như địa chủ, họ (nông dân) phải nộp tô cho thường trụ. Do thường trụ có món thâm nhập ấy, kinh tế và điều kiện sinh hoạt của tự viện được bảo đảm, có nguồn thâm nhập mà! Vì thế, tự, viện, am, đường xưa kia chẳng dựa dẫm tín đồ. Nói cách khác, Phật sự siêu độ cho người khác rất ít, pháp hội cũng rất ít, một năm chỉ làm vài lần, chẳng phải là hằng ngày coi đó là nghề nghiệp, chức trách. Trong tự viện toàn là giảng kinh, niệm Phật, tham Thiền, thật sự là “*hữu tu, hữu học*”.

Hiện thời, chẳng có đạo tràng ấy, làm như thế nào? Bản thân chúng ta học trước, sau khi đã học khá rồi, lại cầu Phật, Bồ Tát, cầu cảm ứng. Xuất gia như vậy, cơ sở kinh giáo của quý vị đã được thành lập vững vàng. Đạo tràng xuất gia của quý vị hoan nghênh quý vị giảng kinh thì rất tốt! Đạo tràng xuất gia chẳng hoan nghênh, cũng có thể đến giảng tại các đạo tràng khác, hoặc cũng có thể đến dạy học tại Phật Học Viện. Ngoài phương pháp ấy ra, sẽ khó lắm. Điều này cho thấy “*trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Ta luôn cầu Phật, Bồ Tát, và thầy dạy dỗ. Xuất gia thì cầu Phật, Bồ Tát; thọ giới cũng cầu Phật, Bồ Tát. Vì thế, tôi xuất gia hai năm rồi mới thọ giới, vì sao? Trong giới đàn có người đến tìm tôi đi thọ giới. Tôi toàn là bị động, chẳng phải là chủ động. Vì khi đó, để thọ giới phải có lệ phí, món chi phí ấy tôi chẳng kiếm đâu ra được; nói theo phía người xuất gia chúng tôi, món tiền ấy khá lớn. Khi tôi xuất gia, có một vị thầy tại gia cũng là một vị Phật giáo đồ kiên thành, nghe nói bên Cơ Long mở giới đàn, liền hỏi tôi: “Thầy có đi thọ giới hay không?” Tôi nói: “Không! Tôi không ghi danh”. “Vì sao?” Tôi nói: “Không có tiền!” Thầy nghe nói vậy, bảo: “Chuyện ấy chẳng khó! Các đồng học và thầy giáo ở nơi đây rất đông, tôi liên lạc một chút, các đồng học sẽ lo giùm thầy món chi phí ấy”. Đây là nhân duyên chín muồi.

Hiện thời, chúng ta nói đến lãnh đạo, các ngành nghề trong xã hội đều có người lãnh đạo, hy vọng những người ấy đều có thể “*đắc vi pháp vương*” (được làm pháp vương). “*Pháp vương*” là như thế nào? Dùng Phật pháp giáo hóa công nhân, viên chức của quý vị. Mấy năm trước, cư sĩ Đan Tư Lý (Tan Sri)⁷ Lý Kim Hữu ở Cát Long Ba (Kuala

⁶ Cấy rẽ: Thuê ruộng để cày cấy. Khi thâm hoạch, tá điền sẽ nộp một phần hoa lợi cho chủ ruộng theo sự thỏa thuận từ trước.

⁷ Đan Tư Lý (Tan Sri) là một tước hiệu vinh dự của Mã Lai để gọi những người được tặng thưởng Darjah Yang Mulia Pangkuan Negara (Đệ Nhị Đẳng Hộ Quốc Hữu Công Huân Chương) và Panglima Setia Mahkota (Hoàng Triều Tinh Trung

Lumpur) mời tôi thực hiện hai lần hoạt động với quy mô lớn, giảng hai chuyên đề, thỉnh chúng một vạn năm, sáu ngàn người. Ông ta mở khách sạn, tôi đến ở trong khách sạn của ông ta, công nhân, viên chức rất đông. Ông ta triệu tập công nhân, viên chức, các cấp quản lý lẫn công nhân, viên chức thầy đều được triệu tập, hơn một trăm người để tôi khai thị cho họ. Tôi bảo họ: “Quý vị kinh doanh sự nghiệp to tát như thế, khách sạn là đạo tràng, ông chủ là pháp vương, công nhân, viên chức là Bồ Tát. Khách ở trong khách sạn của quý vị đều là chúng sanh. Quý vị hãy khéo độ họ, giúp đỡ họ đoạn ác, tu thiện, phá mê khai ngộ”. Họ nghe nói rất hoan hỷ, chẳng cần dùng thân phận xuất gia!

[Nói theo phương diện] nhỏ thì là gia đình. Quý vị đã học Phật, bản thân quý vị có thể làm pháp vương, nêu gương tốt nhất cho người nhà quý vị. Quý vị có thể thực hiện Tịnh Nghiệp Tam Phước, thực hiện Thập Thiện Nghiệp Đạo, thực hiện Lục Độ, Tứ Nhiếp, thực hiện mười nguyện Phổ Hiền, gia đình của quý vị chính là đạo tràng, người trong một nhà của quý vị đều đắc độ. Vì thế, nhỏ là gia đình, lớn là quốc gia. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rất nhiều, “*nhân vương hộ quốc*”, đó là chuyên nói với quốc vương, dùng gì để bình trị quốc gia? Dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo. Vì thế, nhân vương (仁王) là pháp vương, trên dưới thầy đều có thể y giáo phụng hành.

Từ lời đề tựa cho kinh Vô Lượng Thọ của lão cư sĩ Mai Quang Hy, lời tựa ấy rất dài; trong đó, có một đoạn ghi chép về những năm đầu triều Thanh. Những vị đế vương thuở ấy đều là đệ tử kiên thành của đức Phật. Thuận Trị, Khang Hy, Ung Chánh, Càn Long là những đệ tử Phật kiên thành. Họ là đế vương, đế vương thống trị quốc gia. Quốc gia chẳng phải là [chỉ có] một tôn giáo, quốc gia khi đó có tam giáo, tức Nho, Thích, Đạo, họ đều học hết thì mới có thể lãnh đạo. Chính họ học rất dụng công; vì thế, thường lễ thỉnh những bậc cao nhân trong tam giáo Nho, Thích, Đạo vào cung đình giảng kinh, giảng Nho học, giảng Đạo học, giảng Phật học. Đền cung đình giảng kinh thật sự là những vị cao nhân, chẳng phải là hạng tầm thường. Vì sao? Đế vương rất thông hiểu, chẳng phải là kẻ tay mơ, quý vị chẳng thể nói sai được, chẳng thể lừa gạt họ được. Họ để cho những người ấy giáo hóa văn võ bá quan, quyền thuộc trong hoàng cung và thân dân. Vì lẽ đó, trong thời đại ấy, quốc vận hưng thịnh, đúng là một đại quốc và cường quốc bậc nhất trên thế giới, quốc gia hết sức giàu mạnh. Ai nấy đều thiện lương, ai nấy đều tiếp nhận giáo hóa của Nho, Thích, Đạo. Đây là thông qua thí nghiệm đã chứng thực hiệu quả của giáo học Nho,

Huân Chương). Những huân chương này do hoàng gia Mã Lai ban tặng cho những người có thành tựu đóng góp lớn lao cho sự phát triển phồn vinh của đất nước.

Thích, Đạo có thể hóa giải hết thủy xung đột, có thể đạt đến an định, hài hòa. Đây là đã thật sự trải qua thí nghiệm.

Mãi cho đến sau thời Càn Long, [những vị vua như] Gia Khánh và Đạo Quang còn khá, bất quá con cháu đời sau chẳng nghiêm túc thực hiện giống như mấy đời hoàng đế trước đó! Vì thế, vận nước dần dần suy vi. Tới thời Hàm Phong, Từ Hy thái hậu xen vào chánh sự. Nói chung là những giáo huấn ấy bà ta chẳng nghe lọt tai cho lắm, cho nên đã phế trừ chế độ giảng kinh trong cung đình. Thay vào đó, Từ Hy mê tín, ưa thích cầu cơ, thích làm chuyện thần thông cảm ứng, sai mất rồi! Do vậy, nhà Thanh mất nước là do tà đạo, chẳng phải là chánh pháp. Chương Gia đại sư kể với tôi những chuyện này.

Vì tôi lúc trẻ, lúc còn rất bé, mười hai, mười ba tuổi, thuở đó, tôi ở Phước Kiến, người Phước Kiến thích cầu cơ. Khi bé, chúng tôi thường đến xem, tôi rất tin tưởng. Vì sao? Cơ bút do hai người nâng, hai người ấy là ai vậy? Đại khái toàn là tìm ngoài đường phố những người bán củi, gánh nước, kéo xe, họ chẳng biết chữ, là cu-li, tìm những người ấy. Mời họ rửa tay, rửa chân, rửa ráy sạch sẽ rồi đến nâng cơ bút. Chữ viết trên mâm cát rất đẹp đẽ, ngay ngắn, chẳng có chữ viết tháu, những đũa nhỏ như chúng tôi ở bên cạnh đều có thể đọc được. Đại khái là một tiếng đồng hồ có thể viết mấy chục chữ, được ghi chép lại. Tôi rất tin tưởng, tuyệt đối chẳng phải là giả vờ, vì hai người ấy đều không biết chữ, chẳng phải là kẻ thao túng bàn cầu cơ.

Khi tôi hai mươi mấy tuổi, thấy họ cầu cơ ở Đài Loan chẳng giống như tại Phước Kiến. Đài Loan có cơ đồng (乩童, người phò cơ) chuyên nghiệp, chẳng phải là ai cũng có thể vịn cơ bút, chẳng hề có, phải là kẻ chuyên nghiệp! Hơn nữa, khi cơ bút chuyển động, tốc độ rất nhanh, chữ viết rất xeo xọ, cầu thả. Tôi ở bên cạnh nhìn kỹ, nhìn suốt một, hai tiếng đồng hồ, chẳng nhận biết một chữ nào. Họ mỗi niệm đều viết ra chữ, mỗi giờ viết mấy ngàn chữ. Tôi thưa trình chuyện này với Chương Gia đại sư, thỉnh giáo lão nhân gia, chuyện này rốt cuộc là thật hay giả? Chương Gia đại sư mới kể cho tôi nghe chuyện trong cung đình nhà Thanh. Ngài nói cơ bút chẳng thật, đó là linh quý giả mạo Phật, Bồ Tát, giả mạo thần tiên, cũng là vì muốn làm một chút chuyện tốt, tu một chút công đức, quá nửa cũng đều là khuyên người làm lành. Chuyện nhỏ, chuyện rất gần, họ nói rất chuẩn xác, cho nên kẻ tin tưởng rất đông. Chuyện lớn, chuyện trong tương lai xa, họ sẽ nói nhăng nói cuội. Dầu sao sau khi họ đã nói, [có nói sai be bét], quý vị cũng đâu tìm được họ! Vì thế, thầy kể cho tôi biết những chuyện ấy, đệ tử Phật trong Phật môn chẳng cần làm những chuyện ấy, chẳng cần qua lại với quỷ thần! Đối với quỷ thần, hãy kính nhi viễn chi. Nói thật ra, chúng ta tu trì đắc lực đôi chút, quý thân sẽ tìm quý vị giúp đỡ họ. Nói cách khác, họ chẳng thể giúp chúng ta, nhưng chúng ta có thể giúp họ.

Học Phật đã nhiều năm ngàn ấy, bất luận các đồng học tại gia hay xuất gia, tôi nghĩ sẽ thường gặp chuyện sau đây, dầu chẳng phát sanh nơi bản thân ta, nhưng từ các đồng tham đạo hữu, quý vị có thể trông thấy. Đó là thật, chẳng giả. Bị quỷ thần dựa thân, cũng có khi là quỷ thần báo mộng, họ đến cầu xin quý vị, xin quý vị tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho họ, thật sự hữu dụng. Tin tức này do đâu mà có? Từ những người bị dựa, tức là có quỷ thần bám vào thân con người để yêu cầu siêu độ. Chúng ta giảng kinh mà hồi hướng, công đức cũng rất lớn. Niệm Phật, Tam Thời Hệ Niệm để làm Phật sự siêu độ. Có khi đã làm xong, họ lại dựa thân, chúng tôi hỏi họ: “Nhu thế nào? Chúng tôi tụng kinh cho quý vị, khuyên quý vị đến nghe kinh, quý vị có được lợi ích hay chẳng?” Họ cho chúng tôi biết, nói chung, họ được lợi ích một phần ba!

Được lợi ích một phần ba, đương nhiên là căn tánh của mỗi người khác nhau, quỷ thần cũng giống như vậy. Thật sự niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì có, chẳng phải là không có, [nhưng là] thiếu số! Còn đa số thì sao? Sanh thiên, thoát ly ác đạo được sanh lên trời. Chúng ta biết, họ sanh lên trời, quá nửa là trong Tứ Vương Thiên và Đạo Lợi Thiên. Có kẻ chuyển sanh vào nhân đạo, có kẻ chuyển đến súc sanh đạo. Chuyển vào súc sanh đạo nhiều lắm. Chư vị phải biết, từ địa ngục và ngạ quỷ chuyển vào súc sanh đạo chính là siêu sanh, chiếm tuyệt đại đa số. Còn có hai phần ba vẫn chẳng đắc độ, tuyệt đối chẳng phải là một lần sẽ độ rất nhiều người, chẳng thể nào! Chúng ta hiểu đạo lý này. Vì thế, chúng ta giảng kinh không gián đoạn, niệm Phật không gián đoạn, mỗi tháng chúng ta làm Tam Thời Hệ Niệm cũng chẳng gián đoạn, hằng ngày hồi hướng cho họ, mỗi tháng hồi hướng cho họ. Lần này họ chẳng được lợi ích thì lần tới hoặc lần sau nữa, họ sẽ được lợi ích. Vì thế, đây chính là chúng ta đã giúp đỡ những chúng sanh ấy. Công phu tu hành của chính mình đắc lực, chính mình có thể đạt thành tựu, và cũng giúp đỡ rất nhiều chúng sanh.

Do đó, hồi hướng hết sức quan trọng. Quý vị thấy điều cuối cùng trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát là “*phổ giai hồi hướng*”. Chúng ta phải có tâm lượng ấy, niệm nào cũng đều chẳng bỏ một chúng sanh nào! Nhất là oán thân trái chủ của chính mình, suốt một đời này, chúng ta chẳng kết oán với kẻ khác, nhưng đời trước, đời quá khứ, quý vị chẳng thể đoan quyết không kết oán với kẻ khác. Chẳng kết oán với kẻ khác, có kết oán với súc sanh hay không? Có giết hại chúng sanh hay chẳng? Có ăn thịt chúng sanh hay không? Quý vị ăn thịt chúng sanh, giết hại chúng sanh. Muỗi, kiến, ruồi nhặng, gián, quý vị có giết hại chúng nó hay chẳng? Chúng nó cũng là sanh mạng. Đừng nghĩ những động vật ấy nhỏ bé rồi mặc tình giết hại chúng nó, sai mất rồi, mỗi con vật ấy cũng là một mạng! Hễ giết một mạng, quý

vị thiếu nợ một mạng. Quý vị chiếm một chút tiện nghi của kẻ khác, cũng sẽ thiếu nợ họ. Thiếu mạng phải đền mạng, thiếu nợ phải đền tiền. Nhân quả thông ba đời, khi nhân duyên hội ngộ, quả báo vẫn phải tự chịu. Nếu hiểu đạo lý này, trong một đời này, bất luận chúng ta có thân phận là gì, xử sự, đãi người tiếp vật, chắc chắn chẳng dám hại người.

Chính mình có năng lực, có trí huệ, bèn toàn tâm toàn lực giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, đây mới là đúng. Những ai là chúng sanh khổ nạn? Những kẻ chẳng vượt thoát luân hồi, thấy đều là chúng sanh khổ nạn. Dầu hiện thời đại phú đại quý, sau khi đã hưởng xong phú quý, đời sau còn có thể lại được hưởng phú quý hay không? Chẳng dám chắc! Trong một vạn người, sau khi chết đi, đời sau còn được hưởng phước báo nhân thiên, sợ rằng chỉ được mấy người, chênh lệch rất xa! Vì sao? Đại đa số kẻ phú quý khi hưởng phước chẳng biết tu phước, phước do họ tu chẳng phải là phước điền thật sự! Đối với chuyện này, chư vị đọc kỹ Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ hiểu rõ. Mấy năm trước, Mã Lai đã làm hai đĩa phim dài hai tiếng đồng hồ. Đối với người thật sự tu hành, hãy coi Liễu Phàm Tứ Huấn như công khóa để thực hiện thì sẽ hết sức thuận tiện, vì thời gian chỉ có hai tiếng đồng hồ. Mỗi ngày dùng thời gian hai tiếng đồng hồ để xem một lần, quý vị có thể coi suốt cả năm chẳng gián đoạn. Coi đi coi lại ba trăm sáu mươi lần, căn cội giáo dục nhân quả sẽ sanh khởi trong tâm quý vị. Tôi tin là trong suốt đời này, quý vị xử sự, đãi người tiếp vật, khởi tâm động niệm, sẽ nghĩ đến nhân quả, sẽ hữu ích rất lớn cho sự tu hành của quý vị. Chớ nên sơ sót điều này!

Thuở tổ Ân Quang tại thế, Ngài suốt đời cực lực đề xướng; đó là trí huệ chân thật, Ngài thấy rõ trạng huống xã hội trong hiện tiền. Chúng tôi suy đoán, [do Tổ thấy rõ] “dùng Nho để dạy sẽ chẳng kịp, dùng Phật để dạy cũng chẳng kịp”, dùng phương pháp gì sẽ có thể hữu hiệu? Nhân quả. Ai nấy đều biết nhân quả báo ứng, quý vị khởi tâm động niệm nhất định sẽ thâm hiểm, nhất định sẽ nghĩ chẳng thể làm chuyện hại người, chẳng thể làm chuyện trái lương tâm, quý vị sẽ có tâm cảnh giác. Chẳng thể làm chuyện có lỗi với người khác, chẳng thể làm chuyện có lỗi với xã hội, có lỗi với nước nhà, thì chuyện có lỗi với thế giới sẽ càng chẳng thể làm nổi! Khởi tâm động niệm, lợi người là tự lợi thật sự. Người hiện thời khác hẳn, chẳng tin tưởng nhân quả, không biết luân lý đạo đức, khởi tâm động niệm đều là ích kỷ, khởi tâm động niệm đều là tổn người lợi mình. Cứ tưởng tổn người có thể lợi mình; trên thực tế, tổn người là hại chính mình. Do vậy, kẻ ấy suốt đời hứng chịu khổ nạn, [hứng chịu] rất nhiều nỗi vui đập, bản thân kẻ ấy cũng chẳng biết do nguyên nhân gì! Chỉ có người thông minh, trí huệ, có đại phước đức, đó là Vương! Những người ấy dễ hóa độ, quý vị vừa nói, kẻ ấy bèn hiểu rõ, sẽ hiểu rành rẽ. Bài kệ kế tiếp có mối quan hệ liên quan với bài kệ này, những ý chúng tôi chưa nói trọn hết, đến giờ sau, chúng

ta sẽ tiếp tục tìm hiểu sâu hơn.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ tiếp theo là bài kệ thứ hai mươi hai:

(Kinh) Nhược kiến vương tử, đương nguyện chúng sanh, tùng pháp hóa sanh, nhi vi Phật tử.

(經)若見王子。當願眾生。從法化生。而為佛子。

(Kinh: Nếu thấy vương tử, nguyện cho chúng sanh, từ pháp hóa sanh, để làm Phật tử).

Chúng ta đọc bài kệ này, cũng phải hiểu theo ý nghĩa mở rộng. “*Vương tử*” cũng có sức ảnh hưởng nhất định trong xã hội. Nếu họ có thể nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, ảnh hưởng sẽ càng lớn. Nay chúng ta là đệ tử Phật, Phật là pháp vương, Bồ Tát là pháp vương tử. Đã học Phật thì đều là học trò đức Phật, cách xưng hô tại Ấn Độ vào thời cổ là Bồ Tát. Bồ Tát có các cấp bậc giống như học hành trong nhà trường. Bồ Tát là học trò, đã tốt nghiệp thì là Phật.

Do Bồ Tát là học trò, có lớp Một, lớp Hai, có Tiểu Học, Trung Học, Đại Học khác nhau, nhưng đều là học trò. Nói theo Phật pháp, như kinh Hoa Nghiêm đã dạy, Thập Tín chính là mười lớp đầu tiên, giống như Tiểu Học. Cấp thứ hai là Thập Trụ, tức mười lớp thuộc cấp Hai, giống như Sơ Trung. Mười lớp thuộc cấp thứ ba là các vị Bồ Tát thuộc Thập Hạnh, giống như Cao Trung. Mười lớp thuộc cấp thứ tư [là Thập Hồi Hướng], giống như Đại Học. Mười lớp thuộc cấp thứ năm [là Thập Địa], giống như Cao Học. Do đó, Phật pháp nói Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, năm mươi địa vị, trên đó còn có Đẳng Giác, [gộp chung thành] năm mươi một tầng cấp. Nhưng thời gian tu học dài hay ngắn khác nhau, hoàn toàn cậy vào công phu của mỗi cá nhân. Có những người ngay trong một đời năm mươi một địa vị đều hoàn thành, giống như người ấy đã nắm được học vị Tiến Sĩ. Học vị cao nhất trong Phật pháp là Phật Đà, học vị thứ hai là Bồ Tát, học vị thấp nhất là A La Hán, đều là thật sự đạt được học vị. Tiểu Thừa có Tứ Quả và Tứ Hướng là tám đẳng cấp.

Nay chúng ta “*tùng pháp hóa sanh, nhi vi Phật tử*” (từ pháp hóa sanh, để làm Phật tử), nhất định phải nương theo giáo huấn của đức Phật để học tập. “*Từ pháp hóa sanh*”, ý nghĩa rất sâu. Thân thể của chúng ta do cha mẹ sanh ra chính là nhục thân, ân đức rất lớn! Sanh ra chúng ta, nuôi nấng, dạy dỗ chúng ta. Hiện thời, kẻ làm cha mẹ sanh và dưỡng thì được, còn “*giáo*” thì sơ sót. Chúng ta tiếp nhận giáo dục của đức Phật và giáo dục của bậc thánh hiền nhằm mục đích biến hóa khí

chất. Đây là như cổ thánh tiên hiền đã dạy: “*Đọc sách nhằm cầu biến hóa khí chất*”. Cũng có nghĩa là “*biến ác thành thiện, biến mê thành ngộ, biến phàm thành thánh*”. [Ở đây], Biến (變) là biến hóa, đó là gì? Pháp Thân huệ mạng. Phật pháp nói chúng ta có hai cái mạng: Thân mạng từ cha mẹ mà có, huệ mạng từ thầy mà có. Phật là thầy, chur vị nhất định phải hiểu rõ điều này!

Chúng ta gọi Thích Ca Mâu Ni Phật là gì? Bồn Sur, nam-mô Bồn Sur Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Nam-mô*” nghĩa là gì? Tôn kính. Chúng ta nói là “*tôn kính*”. Nếu dịch sang nghĩa tiếng Hán, sẽ là “*tôn kính vị thầy căn bản là Thích Ca Mâu Ni Phật*”. Phật là danh xưng học vị. Ngài đạt được học vị cao nhất, giống như hiện thời chúng ta nói Tiến Sĩ, đó là học vị cao nhất. Vì thế, dịch nghĩa ra, quý vị sẽ biết chẳng mê tín, Phật chẳng phải là thiên thần, Phật chẳng phải là quỷ thần, Phật chẳng phải là thần tiên! Phật là một bậc giác ngộ, hóa mê thành ngộ, hóa phàm thành thánh. Ngài là một vị thánh nhân giác ngộ. Chúng ta tuân theo giáo huấn của Ngài, nương theo giáo huấn của Ngài để hành, để chuyên biến khí chất của chúng ta. Đây là đệ tử Phật thật sự.

Nó có tiêu chuẩn, các đồng học chúng ta cùng nhau chọn lựa Tịnh Độ Tông. Điều quan trọng nhất trong Tịnh Độ Tông là tu tâm thanh tịnh. Tâm tịnh ắt cõi Phật tịnh. [Đã là] thanh tịnh, vậy thì quý vị hãy nghĩ, tương phản của thanh tịnh là ô nhiễm. Ô nhiễm là gì vậy? Phiền não là ô nhiễm, là ô nhiễm nghiêm trọng nhất. Vì thế, đức Phật đã ban cho chúng ta một tiêu chuẩn, [chính là] Thập Thiện Nghiệp Đạo! Kẻ mới học Phật phải đổ công dốc sức từ chỗ này. Điều đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là “*hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”, chúng ta vun quén căn cội từ chỗ này, nhập môn từ chỗ này! Nói thật thà, người hiện thời chẳng tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền, kể cả Phật pháp. Phật pháp là giáo huấn của thánh hiền, chẳng biết hiếu thuận, hiếu thuận là gì chẳng hiểu! Nhưng kẻ làm cha mẹ trong hiện tại, vì bản thân họ cũng chẳng tiếp nhận giáo dục của thánh hiền, họ cũng chẳng hiểu hiếu thuận là gì! Do vậy, họ sanh con đẻ cái, dạy dỗ con cái, chính bản thân họ cũng chẳng biết hiếu thuận là gì, làm sao con cái biết [hiếu thuận với cha mẹ] cho được?

Tôi nghe báo cáo của trung tâm văn hóa Lư Giang: Gần đây, có một đứa nhỏ, rất ương ngạnh mà cũng rất thông minh, rất khó dạy. Sau khi cả nhà nó học Đệ Tử Quy, cha mẹ nó biết hiếu thuận với cha mẹ của chính mình như thế nào? Sáng thăm, tối viếng, trước kia chẳng có, hiện thời đã biết. Sáng sớm và buổi tối đều phải hỏi han cha mẹ, áo mặc có đủ ấm hay không? Thường xuyên quan tâm, thức ăn có hợp khẩu vị hay chẳng? Chăm sóc rất chu đáo, đứa nhỏ trông thấy, tự động học theo. Học gì vậy? Chăm sóc cha mẹ của chính nó, đó là đúng.

Trông thấy cha mẹ hiếu thuận với ông bà, nó ở bên cạnh bèn học theo. Do đó, giáo dục là phải lấy thân làm gương. Bản thân quý vị chẳng hiếu thuận đối với cha mẹ của chính mình, con cháu nhìn vào, quý vị làm con chẳng hiếu thuận, đòi hỏi chúng nó hiếu thuận quý vị, có hợp lý hay chẳng? Từ bé, hằng ngày chúng nó đã thấy, cha mẹ là một tấm gương, là gương mẫu tốt đẹp cho chúng nó. Vì lẽ này, cha mẹ nếu mong con cái hiếu thuận với chính mình, phương pháp tốt nhất là quý vị phải hiếu thuận với cha mẹ của chính mình cho chúng nó trông thấy, tự nhiên chúng nó sẽ học theo. Quý vị phải tôn trọng thầy của chính mình, khiến cho con cái trông thấy, chúng nó sẽ học tôn sư trọng đạo. Phải nên như vậy, chúng tôi đã nhắc đến đạo lý này quá nhiều.

Tôn sư là tôn trọng “đạo”, thầy đại diện cho đạo thống, truyền thống. Do vậy, có thể biết, thầy làm khuôn phép, nêu gương cho đại chúng trong xã hội. Thầy sống cuộc đời kham khổ nhất, thời cổ thường nói là “*cùng tú tài*” (窮秀才, chàng tú tài nghèo kiệt xác), vì thầy chẳng theo đuổi sự nghiệp sản xuất, chỉ dạy học. Dạy học thì trường bồi của học trò biểu xén thầy đôi chút. Gia đình học trò giàu có sẽ biểu nhiều hơn, gặp dịp lễ Tết, sẽ tặng quà nhiều hơn để giúp đỡ thầy. [Nếu học trò] gia cảnh thanh bần [thì tặng thầy] rất ít. Thậm chí còn có gia đình hết sức nghèo khổ, ba bữa cơm còn chưa thể no đủ; khi ấy, thầy còn phải chăm sóc trò, còn phải giúp đỡ gia đình học trò. Do vậy, người làm thầy rất vất vả, nhưng khởi tâm động niệm, lời lẽ, cử chỉ đều nêu gương tốt cho xã hội. Luân lý, đạo đức và nhân quả đều là tấm gương tốt đẹp, thầy phải làm được.

Chúng ta hết sức hiểu rõ sự vất vả của thầy, thầy có quả báo tốt đẹp. Thường là quả báo chẳng thuộc trong một đời này, quả báo thuộc về đời sau, hoặc đời sau nữa. Do suốt đời tâm hạnh đoan chánh, niệm nào cũng đều vì thế hệ kế tiếp, nêu gương tốt nhất cho đại chúng trong xã hội và người đời sau, phước báo của thầy thuộc về đời sau. Tuy chính mình kham khổ, vẫn có thể giúp đỡ người khác, đây chính là bố thí. Vì thế, thầy có Tài Bố Thí, có Pháp Bố Thí, có Vô Úy Bố Thí. Nói cách khác, đời sau sẽ được đại phú quý. Chúng ta biết những người đại phú quý trong thế gian hiện thời, trong đời trước hoặc đời quá khứ quá nửa là gì? Quá nửa là những người thuộc loại tú tài nghèo kiệt xác, họ tu tập, tích lũy đức hạnh, tu ba loại bố thí, cho nên trong đời này được đại phú quý.

Chúng ta thấy rất rõ ràng, rất minh bạch, cho nên đối với người phú quý, có hâm mộ hay không? Chẳng hâm mộ! Đối với những vị thầy dạy học kham khổ ấy, có tôn kính hay chẳng? Hết sức tôn kính, tôn kính tự đáy lòng, họ là cội nguồn của sự an định trong xã hội. Do vậy, thời cổ, đế vương, đại thần, trưởng giả, chẳng có ai không tôn kính người đọc sách. Tuy họ rất thanh bần, nhưng hết sức thanh cao, thật sự

làm được “*u nhân vô tranh, u thế vô cầu*” (chẳng tranh với người khác, chẳng cầu nơi đời), cam tâm tình nguyện sống cuộc đời kham khổ. Họ đọc sách, dạy học đều vui sướng, vui thích ươm bồi anh tài cho thiên hạ. Đây là chuyện vui sướng lớn nhất trong đời người, họ có niềm vui riêng của họ. “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui ư?), đó là niềm vui của thánh hiền. Quan niệm về giá trị trong xã hội hiện thời đã chuyển biến! Trước kia, người đọc sách có địa vị cao nhất trong xã hội, được người khác tôn kính nhất. Cách xếp hạng trong xã hội là sĩ, nông, công, thương, “*sĩ*” (士) là người đọc sách, người đọc sách được xếp hàng đầu. Hiện thời, quan niệm về giá trị thay đổi, xã hội hiện tiền coi kẻ giàu có đứng đầu, [cho nên] công và thương xếp hàng đầu, người đọc sách nghèo túng, xếp hạng bét trong hiện thời. Đây là lý do vì sao xã hội động loạn, quý vị có tham cứu thấu triệt đạo lý này hay không? Hễ xã hội coi trọng luân lý và đạo đức, chắc chắn là cõi đời thái bình thịnh trị. Hễ xã hội phớt bỏ, chẳng cần đến, sơ sót luân lý và đạo đức, chẳng cần nữa, chắc chắn sẽ là đời loạn.

Nay chúng ta sống nhằm thời đại có quan niệm về giá trị điên đảo, có còn muốn đọc sách thánh hiền hay chẳng? Hiện thời, có khá nhiều người chủ gia đình nói đọc những sách ấy vô ích! Đọc những sách ấy, trong tương lai sẽ chẳng tìm được việc làm trong xã hội. Hiện thời, học những gì? Học công thương, học khoa học kỹ thuật. Đại khái, những môn học được học trò ưa thích nồng nhiệt nhất chính là computer, điện tử và cơ giới, đó là những môn “nóng” nhất. Vì sao? Kiếm việc rất thuận tiện, các công ty lớn đều cần những nhân tài ấy. Nhân tài về luân lý đạo đức vô dụng, những thứ ấy chẳng thể kiếm tiền. Đúng thế! Chẳng thể kiếm tiền, nhưng an định xã hội! Xã hội hiện nay động loạn, xung đột nhiều ngàn ấy, phải dựa vào đâu? Phải dựa vào những thứ này để hóa giải, phải dựa vào những thứ này để an định. Vì vậy, chỉ có thiếu số thật sự giác ngộ, xả thân vì người khác. Hiện nay, làm chuyện này rất vất vả, chẳng dễ dàng. Do đó, có những đồng học bảo tôi: “Chuyện tốt khó làm, người tốt khó làm”. Kẻ khác hiểu lầm quý vị, mọi người thấy quý vị đáng ghét! Quý vị làm người tốt, họ sẽ chẳng nói quý vị là người tốt, mà chê quý vị là đũa ngọc, ngu si, khờ khạo, chẳng biết kiếm tiền, “sao người chẳng biết hưởng thụ?” Quý vị thật sự muốn làm một chuyện tốt, chướng ngại quá nhiều, chẳng dễ cho quý vị làm. Quý vị làm chuyện xấu, người giúp đỡ quý vị khá nhiều! Quý vị chẳng tin ư? Tôi mở sòng bạc, sẽ có rất nhiều người đầu tư. Vì sao? Kiếm tiền được! Đó là hại người, khiến cho người ta tan nhà nát cửa, tiêu sạch tài sản. Vì thế, xã hội hiện thời là một xã hội điên đảo.

Chúng ta thật sự phát tâm làm, phải hiểu rõ quả báo trong tương lai chẳng thể nghĩ bàn. Hiện thời, có thể là quý vị phải trả giá bằng bao

nhiều sự hy sinh, phải trả giá biết là bao nhiêu, trong đời kế, hoặc đời sau nữa, sẽ được đền bồi gấp trăm lần, đền bồi gấp ngàn lần, phước đức chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, nay chúng ta chẳng được hưởng thụ chi hết, nay chúng ta làm gì vậy? Tài Bố Thí, Pháp Bố Thí, Vô Úy Bố Thí. Chỉ nguyện bố thí, chẳng mong được báo đền, chẳng có ý niệm “sẽ được báo đền”. Nhưng đối với chính mình, tuy rất kham khổ, hễ còn có thể sống được thì tốt lắm, đã đủ rồi! Ba bữa cơm có thể ăn no, quần áo có thể mặc ấm, có một căn nhà nhỏ để tránh gió, đụt mưa, đủ rồi! Nhu cầu sống của chúng ta trong thế gian đã được thỏa mãn, chẳng cần cầu chi nữa. Nay quý vị cho tôi một căn nhà to, tôi không cần. Vì sao? Mỗi ngày dọn dẹp rất vất vả, một người thì ở căn nhà to như vậy để làm chi? Một gian nhà là đủ rồi, dọn dẹp rất dễ dàng, sạch sẽ, ngăn nắp. Quý vị nói xem, quý vị vui sướng dường ấy, chẳng có phiền não, chẳng phải lo âu, chẳng có vương mắc, chẳng hề sợ hãi!

Do vậy, tâm phải tịnh, phải buông xuống ô nhiễm; hiện thời, ô nhiễm nghiêm trọng, ai nấy đều biết. Đầu tiên là ở nơi đâu? Buông xuống ô nhiễm trong cuộc sống. Mặc quần áo thì vẫn là mặc vải bông giữ ấm là được rồi! Quý vị mặc những thứ vải nylon, the lượt, những thứ sợi tổng hợp, chẳng tốt cho thân thể, tổn hại sức khỏe. Đối với ăn uống thì hiện thời ăn thịt chắc chắn không tốt cho sức khỏe. Trừ phi quý vị sống tại nông thôn, chứ mua thịt tại siêu thị để ăn cũng không tốt cho sức khỏe. Trong đó, có rất nhiều vi sinh tố hóa học. Thậm chí ăn chay, rau dưa có thuốc trừ sâu, chứa thuốc trừ sâu rất nghiêm trọng. Cho đến trà, tôi đã đến thăm nông trường, đến thăm vườn trà, nhà sản xuất trồng trà cũng dùng thuốc trừ sâu, dùng phân hóa học. Vì thế, lá trà trông rất đẹp, rất dễ ưa, nhưng không bình thường!

Vì lẽ ấy, ba mươi năm trước, tiến sĩ Thang Ân Tử (Arnold Toynbee) đã nói: “*Nếu nhân loại thật sự biết giữ sức khỏe, biết phép vệ sinh, vẫn phải khôi phục phương pháp gieo trồng, làm ruộng trong quá khứ*”. Nó tự nhiên, khỏe mạnh. Súc vật nuôi trong nhà, nhất định phải thả ra ngoài, chớ nên nhốt chặt trong lồng. [Con vật] bị nhốt cứng ngắc trong lồng, chắc chắn chẳng khỏe mạnh. Lời ấy rất có lý. Người ngoại quốc thích ăn thịt bò, thịt dê. Dê và bò được nuôi tại mục trường. Quy mô của mục trường hết sức to lớn. [Làm như thế là] chánh xác, chúng chẳng bị nhốt chết cứng trong lồng. Chẳng phải do chính mình dùng phân hóa học cho chúng ăn, chúng nó tự kiếm mồi. Điều này cho thấy xác thực là có những người ngoại quốc ăn uống lành mạnh hơn chúng ta. Hiện thời, những thứ từ biển cũng chẳng thể ăn. Vì sao? Nước biển bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trước kia, thường nghĩ như thế nào? Hải sản, cá trong sông nói chung là đỡ hơn một chút. Hiện thời, chúng ta biết sông ngòi, biển cả bị ô nhiễm nghiêm trọng đều do con người gây ra, đều là tự mình hại mình! Từ những chỗ này, quý vị mới biết điều chỉnh

com áo, vệ sinh của chính mình như thế nào để bảo vệ tình trạng sinh lý của chính mình.

Lại nói đến sự ô nhiễm nơi tinh thần thì càng nghiêm trọng hơn. Hằng ngày chúng ta tiếp xúc, đại khái, hiện thời tiếp xúc nhiều nhất là nhật báo, tạp chí, và TV, còn có computer, đó là những thứ tiếp xúc nhiều nhất. Những thứ này gây hại rất lớn cho sức khỏe của con người. Nội dung trong ấy toàn là ô nhiễm tinh thần nghiêm trọng, hằng ngày quý vị tiếp xúc chúng, chẳng có lợi ích chi hết. Vì thế, sau khi tôi học Phật, hiểu những đạo lý này, tôi thiểu là tôi đã bốn mươi năm đoạn tuyệt quan hệ với những thứ ấy, không xem TV, không nghe radio, không xem nhật báo, không đọc tạp chí, đoạn tuyệt bốn mươi năm! Ngay cả điện thoại cũng rất ít. Đã thế, trong hiện thời, cell phone có hại rất lớn cho con người. Tôi đã thấy những quảng cáo có đưa ra một số cảnh cáo, rất có ý nghĩa. Chúng nói đến người sử dụng cell phone, hy vọng số lần sử dụng càng ít càng tốt. Thời gian [sử dụng] tốt nhất là đừng hơn một phút. Nói cách khác, hơn một phút, sẽ gây hại, tổn thương cho thân thể quý vị. Vì thế, phương tiện nhằm tạo thuận tiện cho quý vị, nhưng quý vị phải trả giá. Cái giá mà quý vị phải trả chẳng tỷ lệ thuận với sự thuận tiện do chúng đem đến. Nói cách khác, vì đòi chút thuận tiện, phải trả giá thê thảm, đau khổ, chẳng đáng!

Do vậy, đối với những chỗ này, đệ tử Phật hãy nên hằng ngày tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Giáo huấn của Phật, Bồ Tát ở trong kinh điển, chúng ta nhất định phải dành thời gian để đọc kinh sách cho nhiều, niệm Phật cho nhiều. Con đường chúng ta phải đi trong suốt một đời này là phải chuyên mê thành ngộ, chuyên phàm thành thánh, đó là chánh xác. Phải nâng cao trí huệ, nâng cao đạo đức, nâng cao linh tánh của chính mình trên một mức độ lớn, sẽ chẳng uổng công sống đời này trên thế gian này, phương hướng và mục tiêu chánh xác. Phải biết sống cuộc đời bình đạm, bình đạm là khỏe khoắn nhất, là hạnh phúc nhất, là mỹ mãn nhất. Các đồng học và bạn bè chí đồng đạo hợp vẫn là rất nhiều. Thật sự có thể thấy thấu suốt, có thể buông xuống, chúng ta có năm, sáu người, hoặc ba, bốn người, đều chẳng coi là ít, cùng nhau cộng tu, mọi người nương cậy đại chúng, khích lệ lẫn nhau. Không chỉ là mỗi cá nhân chúng ta thật sự nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, mà đoàn thể nhỏ của chúng ta cũng là gương tốt cho tất cả các đoàn thể. Vì sao? Đoàn thể này tu Lục Hòa Kính.

Ấn Quang đại sư dạy chúng ta, trong trạng huống xã hội hiện tiền, đạo tràng phải nhỏ. Ngài nói các đồng học cộng tu chẳng vượt quá hai mươi người. Quý vị hãy suy ngẫm, vì sao tổ sư phải nói lời ấy? Vì sao phải dạy chúng ta như vậy? Quý vị có hiểu rõ hay chẳng? Có hiểu thấu hay không? Do quan niệm về giá trị trong xã hội hiện thời biến đổi, phương thức sống thay đổi, chế độ thay đổi. Nếu đạo tràng quá đông

người, sẽ chẳng thể tu hành! Số người quá đông, chi phí quá lớn, ai có thể cung ứng cho quý vị? Cung ứng không nổi thì quý vị làm sao? Vậy thì chỉ có chính mình nghĩ ra phương pháp, quý vị nhất định sẽ nghĩ dùng cách nào? Theo phương thức xí nghiệp! Như vậy thì chẳng phải là lập đạo tràng, mà đáng gọi là “mở tiệm Phật”! Pháp hội, kinh sám Phật sự, làm đủ mọi hoạt động để chèo kéo tín chúng, quý vị còn có thời gian nào để tu hành nữa chứ? Tâm của quý vị loạn động, ô nhiễm, chẳng thanh tịnh.

Nếu đạo tràng của quý vị thật sự không vượt quá hai mươi người, trong xã hội hiện tiền, hãy còn có những vị nhân sĩ thiện tâm, họ vui lòng giúp đỡ quý vị. Quý vị có thể sống cuộc đời rất bình đạm, hai mươi người rất dễ duy trì. Có thể làm được điều gì? Làm đúng như pháp, tu hành như lý, như pháp. Chẳng hướng ra ngoài phan duyên, chẳng có kinh sám Phật sự, cũng chẳng có bất cứ pháp hội nào! Hai mươi người hằng ngày cùng nhau đọc sách, giảng học. Một người giảng, mười chín người nghe. Mỗi ngày mọi người thay phiên nhau giảng, thay phiên nhau giảng sẽ ép quý vị phải đọc sách. Một người học một bộ kinh, hoặc hai người học một bộ kinh. Hai mươi người, [giả sử là] hai người cùng học một bộ kinh, sẽ là mười bộ kinh. Mỗi người học có sự chuyên công riêng, tốt lắm! Hai mươi người ở cùng một chỗ, mỗi ngày các đồng học giảng cho nhau nghe, cùng nhau học tập. Tuy kinh tôi học chẳng giống như kinh của quý vị học, tôi giảng cho quý vị nghe, quý vị giảng cho tôi nghe, chúng ta đều có sự chuyên công, nhưng đối với những kinh luận khác cũng đều có kiến thức. Vì sao? Đã đều nghe rồi! Như thế thì mười năm, hai mươi năm chúng ta không ra khỏi cửa, sẽ biến thành chuyên gia, học giả, tự nhiên là toàn thể thế giới sẽ ưa thích, người muốn nghe kinh ấy, sẽ đều mời quý vị. Vì sao? Quý vị là chuyên gia!

Ví như tôi học kinh Di Đà, mười năm, hai mươi năm, tôi chuyên học bộ kinh A Di Đà, khẳng định trong tương lai, tôi sẽ biến thành A Di Đà Phật. Quý vị học kinh Vô Lượng Thọ, quý vị là Vô Lượng Thọ Phật. Quý vị học kinh Kim Cang, sẽ là Kim Cang Bồ Tát. Quý vị học kinh Địa Tạng, sẽ là Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị học phẩm Phổ Môn, quý vị sẽ là Quán Âm Bồ Tát, chuyên gia mà! Người nào đối với bộ kinh luận ấy đã dùng thời gian dài như thế, công phu to như thế? Trên thế giới này, hiện thời giao thông thuận tiện, người muốn nghe kinh này ở mỗi địa phương nhất định sẽ mời quý vị. Tâm nhất định phải định, nhất định là thứ gì cũng đều buông xuống, y giáo tu hành, đây mới là Phật tử thật sự. “*Thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”, chẳng thể học nhiều, cũng chớ nên học tập. Đồng học cùng nhau học tập, ví như tôi chuyên dụng công nơi kinh Di Đà, tôi cũng nghe quý vị giảng kinh, nghe những thứ ấy có thể giúp ích cho tôi, có thể là trong khi tôi học tập,

hoặc trong khi tôi giảng giải sẽ trích dẫn. Mỗi cá nhân đều có sự tu tập chủ yếu, có thể cùng nhau học tập, nghiên cứu, thảo luận, ai nấy đều tăng tấn.

Mỗi ngày niệm Phật, nếu chú trọng nghiên cứu giáo lý, chẳng thể niệm Phật ít hơn bốn tiếng đồng hồ. Hằng ngày lạy Phật, chẳng thể ít hơn một tiếng đồng hồ, lẽ nào chẳng vui sướng, lẽ nào chẳng thành tựu? Chẳng cần thiết treo chiêu bài Phật Học Viện chi đó, chẳng cần thiết! Một tinh xá nho nhỏ, một Niệm Phật Đường be bé, đồng học chẳng phân biệt tại gia hay xuất gia, đều được, hai mươi người. Xuất gia có thể ở trong đạo tràng, tại gia thì hy vọng họ đến dự lớp. Khi có lớp thì có thể đến, khi tan học có thể về nhà! Chuyên môn dụng công! Đây là Phật tử thật sự. Chúng ta thấy thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, từ kinh điển chúng ta thường thấy, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, những vị đồng học ấy đã theo sát Thích Ca Mâu Ni Phật mấy chục năm chẳng rời. Họ thật sự học đến nơi đến chốn, học giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, ba y một bát, ăn một bữa giữa trưa, nghỉ dưới cội cây, chẳng cần người khác chăm sóc. Đó là Tăng đoàn thuở ban đầu.

Vào đầu thời Dân Quốc, lão cư sĩ Giang Vị Nông, vị này là một vị đại đức tại gia rất có thành tựu, suốt đời chuyên đồ công đốc sức nơi kinh Kim Cang. Đối với bộ kinh ấy, cụ đã bỏ ra thời gian hơn hai mươi năm, viết ra bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, hiện thời là tác phẩm chú giải kinh Kim Cang có uy tín nhất. Còn có một vị là cư sĩ Châu Chi Am cũng giống như thế, trong một đời, cụ dùng thời gian hơn hai mươi năm chuyên đốc sức nơi Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ. Những chú giải Tâm Kinh của các bậc đại đức xuất gia lần tại gia từ xưa tới nay, cụ đều đọc qua, viết thành bộ Tâm Kinh Thuyên Chú, chính là bản tập hợp hoàn thiện những tác phẩm chú giải Tâm Kinh xưa nay, biến thành tác phẩm [chú giải Tâm Kinh] có thẩm quyền nhất. Đây là khuôn mẫu thành tựu do “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Nếu chúng ta muốn chính mình thành tựu, quý vị hãy dùng phương pháp này. Nếu quý vị tham nhiều, tham tạp, trong tâm còn có vọng niệm, sẽ chẳng thể thành công. Người thành công chắc chắn sẽ buông xuống vạn duyên, tâm địa thanh tịnh. Thanh tịnh sẽ tương ứng, tạp loạn thì chẳng tương ứng. Vì tiếng tăm, lợi dưỡng của chính mình thì sẽ không tương ứng. Vì tiếp nối huệ mạng của Phật, vì phổ độ chúng sanh, sẽ tương ứng. Hễ tương ứng bèn được Tam Bảo gia trì.

Vì thế, “*thời*” chẳng phân biệt xưa nay, “*địa*” (nơi chốn) chẳng phân biệt trong ngoài nước; chỉ cần có tâm, chẳng có ai không thể thành tựu. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “*Thiên hạ vô nan sự, chỉ phạ hữu tâm nhân*” (Trong thiên hạ chẳng có chuyện gì khó, chỉ sợ [thiếu] người có lòng). Thật sự phát tâm mong làm, từ đầu đến cuối chẳng thay đổi, chẳng có một ai không thành công. Ngay cả thành Phật làm Tổ mà

còn đều thực hiện được, những chuyện khác trong thế gian chỉ là “lông gà, vỏ tỏi” (vụn vặt, không đáng kể), là những việc nhỏ nhặt, há có chuyện gì chẳng làm được! Chuyện phàm thành thánh, phá mê khai ngộ, đây là đại sự bậc nhất. Kinh Pháp Hoa nói, [đức Phật vì] “*một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời*”, đức Thế Tôn là như thế đó. Nếu chúng ta phát tâm học đòi đức Thế Tôn thì cũng phải như vậy. Vì sao chẳng phát tâm? Vì sao không thật sự làm? Vì sao chẳng làm đệ tử Phật thật sự?

Hữu danh vô thực sẽ chẳng thể thành tựu. Tuy gieo thiện căn trong Phật môn, nhưng quý vị nhất định phải tiêu trừ nghiệp chướng của chính mình, nghiệp chướng tiêu trừ từ chỗ nào? Do nghiệp chướng, sẽ phải chịu rất nhiều khổ báo, chớ nên không biết điều này. Vì thế, quý vị học chẳng đúng lý, chẳng đúng pháp, sẽ tạo nghiệp gì? Phá hoại hình tượng Phật pháp, khiến cho đại chúng trong xã hội nảy sinh hiểu lầm: “Học Phật là như vậy thì chẳng cần học Phật. Thứ đó là mê tín, chẳng có ích gì cho xã hội”. Tạo thành nổi hiểu lầm ấy, do nổi hiểu lầm ấy, sẽ là tội rất nặng, sẽ mắc quả báo. Há có thể nói “chẳng tạo nghiệp nhân, sẽ chẳng có quả báo” ư? Chẳng có lẽ ấy! Nghiệp nhân nhất định có quả báo; vì thế, chẳng thể không biết điều này.

Do đó, người xuất gia là như thế, kẻ tại gia cũng chẳng phải là ngoại lệ. Hàng tại gia phải nêu gương tốt cho xã hội. Tôi kính khuyên mọi người, chúng ta nhất định phải thực hiện Thập Thiện Nghiệp, phải thực hiện Tam Quy, Ngũ Giới, phải thực hiện Đệ Tử Quy. Vẫn phải làm từ Đệ Tử Quy, sau đây thì Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện Nghiệp sẽ chẳng khó. Nếu chẳng làm được Đệ Tử Quy, ba thứ sau sẽ rất khó. Vì thế, chúng ta thấy các đồng học tại gia, chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp, chẳng làm được Tam Quy, Ngũ Giới, đây chẳng phải là đệ tử Phật thật sự. Hàng xuất gia chẳng làm được Sa Di Luật Nghi, sẽ chẳng phải là đệ tử xuất gia thật sự. Vì sao chẳng làm được? Chẳng có cơ sở Đệ Tử Quy, đây cũng là thiếu khuyết sự huấn luyện cơ bản. Chúng ta đã hiểu rõ, hiểu rành rẽ, đó gọi là “*mắt dê mới lo sửa chuồng, vẫn chưa muộn*”, vẫn còn kịp!

Thật sự có tâm, dũng mãnh tinh tấn, thì có thể viên mãn môn học Đệ Tử Quy này trong ba tháng, có thể thực hiện được. Căn tánh chậm lụt, tập khí phiền não nặng nề, tốn thời gian một năm cũng có thể thực hiện. Đã có cơ sở này, quý vị lại nghiêm túc nỗ lực học Thập Thiện Nghiệp, hy vọng cũng có thể dùng thời gian ba tháng hoặc nửa năm để thực hiện Thập Thiện Nghiệp, quý vị là Phật tử thật sự. Sau đây, bất luận quý vị tu pháp môn nào, bất luận quý vị học bộ kinh điển nào, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, mười năm, hai mươi năm, quý vị sẽ là đại đức, tức là bậc đại đức trong Phật môn. Bất luận tại gia hay xuất gia đều là đại đức. Tại gia thì như cụ Hạ Liên Cư, như cụ Mai

Quang Hy, như cụ Giang Vị Nông, thành tựu như thế đó. Xuất gia thì sẽ là tồ sư. Thật sự tự độ, độ tha, tiếp nối huệ mạng Phật, hồng pháp lợi sanh, là Phật tử thật sự. A! Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này.

Tập 1556

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, tiêu đoạn thứ ba trong đoạn lớn thứ sáu của phần Kế Tụng, xem từ bài kệ thứ hai mươi ba:

(Kinh) Nhược kiến trưởng giả, đương nguyện chúng sanh, thiện năng minh đoán, bất hành ác pháp.

(經)若見長者。當願眾生。善能明斷。不行惡法。

(Kinh: Nếu thấy trưởng giả, nguyện cho chúng sanh, khéo hay phán đoán, chẳng hành ác pháp).

Người được gọi là “trưởng giả” (長者) trong Phật môn là người có đức hạnh, có học vấn, có địa vị, có thân phận, có tài sản, được quốc vương, đại thần khen ngợi, nhân dân yêu mến, kính trọng, người như vậy được gọi là “trưởng giả”. Chúng ta thấy ý nghĩa được bao hàm trong danh từ này bèn liễu giải, trưởng giả chắc chắn sẽ ảnh hưởng một vùng. Ông ta là gương mẫu cho đại chúng trong xã hội. Những người này đa số có sự nghiệp thành tựu, tuổi tác đã cao, nay chúng ta nói là “đã về hưu, dưỡng lão”, được người khác tôn trọng. Đi khát thực, nếu trên đường gặp gỡ [bậc trưởng giả], hoặc nghe nói đến, đều có thể dẫn phát đại nguyện của Bồ Tát, “đương nguyện chúng sanh, thiện năng minh đoán, bất hành ác pháp” (nguyện cho chúng sanh khéo thông hiểu phán đoán, chẳng hành ác pháp), tức là nguyện cho hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới đều học tập bậc trưởng giả. Trưởng giả là bậc “thiện năng minh đoán, bất hành ác pháp” (khéo thông hiểu phán đoán, chẳng hành ác pháp).

Trong câu này, chữ quan trọng nhất là “thiện” (善), nêu rõ trí huệ chân thật, kinh nghiệm phong phú, và sự thông hiểu nhân tình của bậc trưởng giả. Điều này rất khó, chúng ta nói là “học vấn chân thật”. “Minh” (明) là hiểu rõ, “đoán” (斷) là phán đoán. Do vậy, đây chẳng phải là một kẻ tầm thường. Vì trong xã hội, hoàn cảnh nhân sự hết sức phức tạp, nhất là trong thời đại hiện tại. Vào thời cổ, chúng ta phải biết, kinh này do Thích Ca Mâu Ni Phật nói từ ba ngàn năm trước, thuở ấy, dân cư trên thế giới chẳng nhiều như vậy! Một đô thị mười vạn dân cư là đại đô thị, chẳng nhiều lắm, tức là chẳng có nhiều đại đô thị như vậy! Dân cư hiện thời đông đảo, khoa học kỹ thuật phát triển, xã hội ba ngàn

năm trước chẳng có [những chuyện ấy]. Hơn nữa, vào thời cổ, nhân dân trong thời đại ấy thuần phác, quen thói vâng giữ pháp tắc, từ bé họ đã học tập trong hoàn cảnh ấy, phổ biến là luôn có hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, trên cơ bản [ai nấy] đều có [những phẩm đức ấy]! Kính lão, tôn hiền; ai nấy xác thực có tâm biết hổ thẹn. Có tâm hổ thẹn, sẽ ngăn ngại “hành ác pháp, tạo ác nạn”. Cũng có nghĩa là vào thời cổ, quan niệm về giá trị nhân sinh chẳng giống hiện thời. Hiện thời, quan niệm về giá trị điên đảo.

Vào thời cổ, người trong thế gian được đại chúng trong xã hội tôn kính chẳng vì họ có địa vị, cũng chẳng vì của cải, thậm chí cũng chẳng vì họ tài hoa, mà là do đức hạnh. Trong quan niệm về giá trị, đức hạnh xếp hàng đầu. Vì thế, đối với sự, đối với người, họ có trí huệ, có thể biện định đúng, sai, thiện, ác, tà, chánh, lợi hại, họ có năng lực biện định ấy. Nhưng sự việc thì sống động, biến hóa muôn ngàn; cho nên sự phán đoán cũng biến hóa trong mỗi thời khắc. Ví như kẻ ác, đại chúng đều ghét bỏ hẳn, hẳn sửa lỗi, đổi mới, quay đầu là bờ, có những người vẫn còn có thành kiến, sai mất rồi! Trương giả có thể dẫn đầu, tôn trọng, tán thán kẻ đó, đúng là “*lãng tử hồi đầu kim bất hoán*” (lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi được). Tâm trương giả là tâm từ bi, giúp đỡ hết thảy mọi người trong thế gian chuyển ác làm lành.

Từ xưa tới nay, có người nào chẳng làm ác? Cổ thánh tiên hiền đã từng nói: “*Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá*” (Con người chẳng phải là thánh hiền, có ai không có lỗi). Khổng Tử được đời sau tôn là thánh nhân, Ngài chẳng dám xưng là “*thánh hiền*”, Ngài nói chính Ngài còn có làm lỗi. Đến khi về già, vẫn còn mong có thể sống thêm mấy năm để học tập kinh Dịch, hy vọng chính mình ít phạm làm lỗi trong xử sự, đãi người tiếp vật. Thánh nhân đã nêu gương cho chúng ta! Nghiêu, Thuấn là thánh nhân, nhưng chính mình chẳng dám xưng là thánh nhân, luôn tôn tiền nhân là thánh nhân, tức là [luôn nhận thấy bản thân] chắc chắn có lỗi lầm. Nói theo Đại Thừa Phật giáo, người đạt đến mức chẳng có làm lỗi chỉ có một người, tức là đã thành Phật. Thành Phật mới là thật sự chẳng có làm lỗi. Nói cách khác, Bồ Tát còn có làm lỗi, Thanh Văn, Duyên Giác càng chẳng cần phải nói nữa. Lục đạo phạm phu, Kiến Tư, Trần Sa, một phẩm vô minh chẳng phá, làm sao chẳng có làm lỗi cho nổi? Làm sao chẳng có ác hạnh? Chúng ta phải biết điều này. Vì thế, cổ thánh tiên hiền khuyên lơn, khích lệ chúng ta, “*quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên*” (phạm lỗi mà có thể sửa đổi, không chi tốt lành hơn). Vì thế, đối với sự phán đoán rành rẽ, chữ Thiện rất quan trọng.

“*Thiện*” là phương tiện thiện xảo, chúng ta thường nói là “*thông quyền đạt biến*”. “*Thông*” (通) là thông đạt quyền xảo biến hóa. Đối với thiện ác, Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói rất rõ ràng, có chân và giả.

Thiện có chân và giả, ác cũng có chân và giả. Thiện có lớn nhỏ, ác cũng có lớn nhỏ. Thiện có thiên lệch và viên mãn, ác cũng có thiên lệch và viên mãn. Nếu quý vị chẳng chú tâm thấu hiểu, làm sao có thể thông đạt cho được? Nếu quý vị chẳng thông đạt, làm sao có thể phán đoán rõ ràng? Do vậy, chữ Thiện hết sức quan trọng, là chữ then chốt ở đây. Nhà Phật nói sống động, nói sinh động, chẳng hạn như nhà Phật coi trọng giới luật. Trong mỗi điều giới đều có “*khai, giá, trì, phạm*”, quý vị phải hiểu rõ. Giới luật có khi khai duyên, khai giới chẳng phải là phạm giới. Nếu quý vị chấp trước “*kẻ ấy phạm giới, kẻ ấy có tội*”, quý vị đã sai mất rồi, chỉ sợ kẻ có tội chính là quý vị! Vì sao? Quý vị chẳng hiểu khai, giá, trì, phạm, nầy sanh hiểu lầm! Do hiểu lầm mà hủy báng Tam Bảo, kết tội có nhẹ hay nặng sai khác. Nếu quý vị hiểu lầm, ảnh hưởng chẳng lớn. Vì sao? Quý vị nói người xuất gia ấy phá giới, do người thân cận [của vị xuất gia ấy] chẳng nhiều, sẽ ảnh hưởng không lớn, tội ấy bèn nhỏ. Nếu quý vị thốt ra lời ấy, gây ảnh hưởng rất lớn, thời gian gây ảnh hưởng rất lâu, tội sẽ rất nặng.

Chúng tôi nêu lên một trường hợp, những trường hợp ấy đều là sự thật. Tôi có một người bạn, cũng là đồng hương. Lúc tuổi trẻ, trong thời gian Kháng Nhật, ông ta làm thuộc hạ của Đới Lạp⁸. Chư vị đều biết trong thời gian Kháng Chiến, Đới Lạp chuyên trách công tác đặc vụ, hiện thời nói là “*công tác ngầm*”. Chiến tranh chống Nhật, quá nửa là làm công tác tình báo. Vì thế, họ đều được phái đi thâm thập tin tức tình báo trong những khu vực bị người Nhật chiếm đóng. Họ có ba người bạn, đều là đồng sự, có một ngày bị đội hiến binh Nhật Bản phát hiện, hễ bị bắt sẽ bị xử tử! Xử tử thì còn tuyệt đối chẳng để cho quý vị chết an ổn được! Họ bỏ trốn, nơi ấy là Nam Kinh, Nam Kinh bị người Nhật chiếm đóng. Họ chạy đến Vũ Hoa Đài⁹ ở ngoài cửa Trung Hoa, nơi ấy có một ngôi chùa. Đội hiến binh của Nhật đã đuổi tới, đuổi tới tận đó, họ chạy vào chùa. Trong chùa đang làm pháp hội, họ cầu cứu lão hòa thượng, nói rõ tình hình. Lão hòa thượng rất thông minh, ngay lập tức cho họ xuống tóc, cạo trọc đầu, bảo họ mặc áo hải thanh, theo

⁸ Đới Lạp (1897-1946), vốn tên là Đới Xuân Phong, tự Vũ Nông, bí danh là Kim Thủy, đứng đầu cục tình báo của Trung Hoa Dân Quốc. Ông là người huyện Giang Sơn, tỉnh Chiết Giang. Ông tốt nghiệp trường sư phạm số 1 của tỉnh Chiết Giang, theo học trường quân sự Hoàng Phố vào khóa thứ sáu, chuyên đặc trách công tác đặc công và gián điệp, sáng lập Quốc Dân Chánh Phủ Quân Sự Ủy Viên Điều Tra Thống Kê Cục và Trung Mỹ Đặc Chung Kỹ Thuật Hợp Tác Sở. Ông mất vì tai nạn phi cơ vào năm 1946.

⁹ Vũ Hoa Đài là một thắng cảnh của Nam Kinh. Nơi này là ngọn núi nhỏ cao độ 60m tính từ mặt biển, nằm ở phía Nam của Trung Hoa thành Nam Kinh. Vào thời Lương Vũ Đế, pháp sư Vân Quang xây đài giảng kinh trên hòn núi nhỏ này. Do Sư thuyết pháp chí thành, trời tuôn mưa hoa, nên có tên là Vũ Hoa Đài. Vũ Hoa Đài đã được xếp vào trong Kim Lăng Thập Bát Cảnh (mười tám cảnh đẹp của Kim Lăng).

các pháp sư làm pháp hội. Khi pháp hội cử hành thì cho họ đứng lần vào trong đó. Đội hiến binh Nhật đến đó lục soát, chẳng tìm được, đành bỏ cuộc. Ba người bọn họ đều cảm kích ơn cứu mạng của lão hòa thượng.

Sau khi Kháng Chiến thắng lợi, họ vĩnh viễn nhớ mãi chuyện này. Trở lại Nam Kinh, lão hòa thượng vẫn còn sống, họ đến gặp lão hòa thượng, cảm tạ ơn cứu mạng lần đó. Do vậy, bày một bàn tiệc trong khách sạn Nam Kinh, mời lão hòa thượng dùng cơm. Lão hòa thượng cũng rất hoan hỷ, thấy những người trẻ tuổi ấy đã cống hiến tánh mạng cho quốc gia. Kết quả là khi dùng bữa, lúc đó, họ mới nghĩ: “Lão hòa thượng ăn chay, hôm nay chúng ta mời Ngài, bày biện toàn là những món gà, vịt, cá, thịt, khiến cho [lão hòa thượng] rất khó chịu đựng”. Kết quả, lão hòa thượng đến đó, ngồi xuống: “Không sao đâu! Mọi người ngồi xuống đi”. Thứ gì Ngài cũng đều ăn. Những người ấy bội phục lão hòa thượng nắm vóc sát đất, lão hòa thượng tùy duyên. Họ chẳng phải là ác ý, mà là thiện ý, cũng là do nhất thời sơ ý. Đây là gì? Đây là khai duyên, chẳng phải là phá giới, chẳng phải là phá trai. Lão hòa thượng hành xử như vậy, khi dùng cơm toàn là trò chuyện Phật pháp với họ, toàn là giáo huấn. Hành động ấy khiến cho họ bội phục, khiến họ cảm kích, sau đấy Ngài dạy bảo họ, họ mới nghe lọt tai được. Vì thế, người bạn của tôi nói: “Phật giáo thật là vĩ đại, thật sự rất tuyệt diệu”. Đây là *“thiện năng minh đoán”* (khéo có thể phán đoán rõ ràng).

Nếu lúc đó, lão hòa thượng trông thấy [cỗ bàn] liền nói “ta ăn chay, những thứ này không hợp lẽ”, lập tức rời khỏi, trong lòng những người ấy sẽ khó chịu lắm. Lão hòa thượng cũng bỏ sót cơ hội giáo hóa chúng sanh. Đây là *“thiện năng minh đoán”*, hết thấy đều nhằm lợi ích chúng sanh, chẳng phải vì chính mình. Vì lợi ích chúng sanh, thì quý vị phải nhận biết, phải nắm bắt cơ hội tạo lợi ích cho chúng sanh. Có cơ hội ấy thì thường là có rất nhiều chuyện khai duyên, chớ nên không biết điều này. Địa Tạng Bồ Tát đã nói rất hay: *“Ta chẳng vào địa ngục, ai vào địa ngục”*, vào địa ngục để làm gì? Độ chúng sanh, chẳng phải là Ngài vào địa ngục chịu tội.

Hủy báng Tam Bảo, phê bình đúng sai, đều thuộc về ác pháp. Do vậy, trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã dạy mọi người: *“Nếu ai thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian”*. Không chỉ là Lục Tổ nói như vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát dạy Thiện Tài, bảo Thiện Tài đi tham học, tham học năm mươi ba lần. Rời khỏi thầy, thầy là Văn Thù Bồ Tát, lia khỏi thầy đi tham học, thầy dạy bảo Thiện Tài: *“Chẳng thấy lỗi của thiện tri thức”*, đặc biệt nhắc nhở Ngài. Vì sao? Có lúc lỗi lầm của thiện tri thức là giả, chẳng thật. Giống như vị lão hòa thượng mà tôi vừa mới nhắc đến, người ta mời Sư ăn mặn, Sư cũng ăn luôn. Có phải là Sư phạm lỗi hay chẳng? Chẳng phải là Sư phạm lỗi, hãy hiểu là Sư

khai duyên, Sư nắm lấy cơ hội ấy để giáo hóa chúng sanh. Vì những người ấy rất khó tiếp xúc Phật pháp, chẳng có cơ hội, bình thường họ cũng chẳng tin tưởng. Đến chơi chùa miếu, tối đa là thắp một nén nhang, như thế là khá quá rồi! Chẳng biết gì về Phật pháp, căn bản là chẳng tiếp xúc kinh điển. Cơ hội tốt đẹp, phải nắm bắt! Nhất là dùng phương tiện thiện xảo như vậy khiến cho họ bội phục năm vóc sát đất, ác pháp ở chỗ nào? Nếu chúng ta nói lão hòa thượng làm quấy, chê trách Ngài, chính chúng ta đã sai lầm! Đối với mọi chuyện đều phải biết luận định sự ảnh hưởng.

Trong kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo đã nói rất nhiều, nói rất cặn kẽ, đây là một thí dụ rất hay. Hai vị pháp sư giảng kinh, nói chung là giảng rất khá, pháp duyên hết sức thù thắng, giống như nay chúng ta nói là “người quy y với họ rất đông, người cúng dường họ rất nhiều”, chúc lấy những kẻ khác cũng là người xuất gia đầy lòng ganh tỵ, họ liền bịa chuyện đặt điều, nói “hai vị pháp sư ấy chỉ biết giảng kinh, là phường phá giới, làm rất nhiều chuyện ác”, tuyên dương những chuyện đó trong thính chúng. Thính chúng nghe xong liền khởi tâm hoài nghi, chẳng có tâm tôn trọng pháp sư, cũng chẳng muốn đến nghe kinh. Về sau, thính chúng ngày càng ít. Nếu chúng ta hỏi, những pháp sư bịa chuyện đặt điều ấy có phạm lỗi hay không? Có phạm lỗi! Đức Phật dạy, họ đọa địa ngục, [tính theo] thời gian trong nhân gian là một ngàn tám trăm vạn năm. Phải biết thời gian trong nhân gian và thời gian trong ngạ quỷ, địa ngục khác nhau. Hiện thời mọi người đều biết “*thời sai*” (時差, chênh lệch thời gian), khác nhau!

Trong địa ngục, họ cảm nhận chẳng biết là bao nhiêu kiếp! Chúng ta thường nói: “Khi người đang đau khổ thì sống một ngày bằng một năm”. Khi một người đang đau khổ, sẽ cảm thấy thời gian đặc biệt dài. Người đang vui sướng, sẽ cảm nhận thời gian đặc biệt ngắn. Do đó, thời gian chẳng phải là pháp cố định. Trong kinh, đức Phật đã dạy, thời gian họ đọa địa ngục tính theo thời gian trong nhân gian là một ngàn tám trăm vạn (18.000.000) năm, đó là gì? Vì họ tạo ảnh hưởng rất lớn, gây ảnh hưởng khiến cho cơ hội nghe kinh của rất nhiều người bị đoạn mất, kết tội họ từ chỗ này. Họ có kết tội với pháp sư hay không? Phải xét xem, nếu vị pháp sư ấy bị kẻ khác hủy báng, Ngài chẳng tiếp nhận, nghe xong dường như chẳng phải là kẻ đó hủy báng ta, mà là kẻ khác bị hủy báng. Họ chỉ đích danh thì người trong thiên hạ trùng tên, trùng họ rất nhiều, làm sao biết hẳn chữ ta cho được? Nếu Ngài không tiếp nhận, tức là do Ngài không tiếp nhận, sẽ chẳng có tâm sân khúe, mà cũng chẳng có tâm báo thù. Coi như chẳng có chuyện ấy, chẳng liên quan đến pháp sư, sẽ chẳng kết tội với pháp sư. Kết tội ở chỗ nào? Kết tội với thính chúng! Trong đại chúng, quý vị đã tạo ảnh hưởng khiến cho bao nhiêu người chẳng còn nghe Phật pháp nữa, thời gian quý vị ảnh

hường dài bao lâu? Kết tội ở chỗ này.

Vì thế, trước kia, nói thật thà, tạo những tội nghiệp ấy dẫu nặng nề đến mấy, đều chẳng nặng bằng người hiện thời tạo tội. Vì sao? Trước kia, tạo tội rất nặng, quý vị nói là ảnh hưởng đến rất nhiều người, nghe kinh cũng bắt quá là mấy chục người, mấy trăm người mà thôi. Đạo tràng có đến mấy trăm người nghe kinh rất khó có. Thời gian ảnh hưởng cũng không thể rất dài, dài nhất thì cũng bắt quá mấy tháng, mấy năm, mọi người đều quên hết, đều phai nhạt. Xưa kia còn có trường hợp nghiêm trọng là nếu viết thành sách để hủy báng, viết thành văn tự. Nhưng vẫn nhẹ hơn hiện thời, vì số lần quý vị in sẽ chẳng nhiều, cho nên ảnh hưởng vẫn còn hữu hạn. Chuyện này so với ngôn ngữ sẽ có ảnh hưởng to hơn, vì quý vị viết thành văn tự. Ví như quý vị in hai trăm bản, ba trăm bản, chỉ cần sách của quý vị còn một quyển trên thế gian này, quý vị đọa địa ngục, chẳng rời khỏi địa ngục, ắt phải cho đến khi quyển sách ấy biến mất trên thế gian này.

Trước đây, số lượng ấn loát không nhiều. Xưa kia, toàn là dùng khắc ván để in, rất tốn công, chi phí cũng cao, chẳng dễ dàng. Quá nữa là gì? Chính mình biên chép. Biên chép thì hữu hạn, rất khó [biên chép] nhiều hơn một trăm bản. Nếu cách biệt chừng mười năm, hai mươi năm, rất dễ dàng là sẽ chẳng còn nữa, chẳng tạo ảnh hưởng to lớn. Nhưng hiện thời phiền phức lắm, hiện thời ngành ấn loát tiên bộ, phí tổn thấp. Nếu chúng ta tạo sách hủy báng Tam Bảo, nếu in ra mấy ngàn bản, [chẳng hạn] một ngàn bản, hai ngàn bản, [cho đến] mấy ngàn bản, rất phiền phức. Vì số lượng lớn như thế, chỉ cần còn có một bản tồn tại trong thế gian này, sẽ là gì? Đấy chính là chứng cứ tội lỗi của quý vị, quý vị sẽ đọa địa ngục, chẳng thoát ra được! Quý vị yêu cầu người khác tiêu hủy giùm quý vị, cầu bằng cách nào đây? Huống hồ hiện thời còn có băng âm, băng hình, CD, nếu quý vị làm rất nhiều để lưu thông, hủy báng, chuyện này sẽ phiền phức lắm!

Nếu vị pháp sư ấy có lòng oán hận quý vị, quý vị phá hoại thính chúng, phá hoại đạo tràng của ông ta, nếu ông ta ôm lòng oán hận, nổi oán hận ấy sẽ là oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng xong! Nếu đời này quý vị tu được phước báo, trong tương lai, khi đang hưởng phước, họ sẽ đến trả thù, cũng sẽ phá hoại sự nghiệp của quý vị, thậm chí phá hoại gia đình của quý vị. Quý vị cũng chẳng cam lòng, mỗi oan oan tương báo ấy mỗi đời một nghiêm trọng hơn! Khi nào quý vị mới có thể quay đầu? Quay đầu thì cần phải có hai bên. Có một bên quay đầu thôi, kể như hết chuyện, chẳng còn báo thù nữa, chịu đựng oan uổng chi nữa cũng coi như xong, mỗi nợ ấy mới thanh toán xong xuôi. Nếu cả hai phía đều chẳng chịu nín nhịn, Phật cũng chẳng thể giải quyết chuyện này, chẳng có cách nào điều đình với quý vị. Quý vị nói xem, phiền phức to cỡ nào?

Tội ấy, một đấng là tánh tội, trong kinh Phật đã nói rõ ràng. “*Tánh tội*” là gì? Trái nghịch tự tánh. Vì tự tánh của quý vị vốn lành. Quý vị thấy Tam Tự Kinh đã nói: “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (Con người thoát đầu tánh vốn lành). Tạo tác hết thấy các ác pháp đều là trái nghịch tự tánh. Quý vị thấy đó, trong kinh đức Phật đã nêu ra mười thí dụ. Thập Thiện là tự tánh, là cái mà quý vị vốn sẵn có. Thập Ác là trái nghịch tự tánh. Hễ trái nghịch tự tánh thì gọi là “*tánh tội*”, sẽ có tội. Khi quý vị tạo tác tội ấy, sẽ hứng chịu quả báo. Vì thế, ở đây nói, quả báo nặng nề như thế nào? Thời gian dài cỡ nào? Hoàn toàn tùy thuộc sức ảnh hưởng của quý vị, tức là sức ảnh hưởng của nghiệp Thập Ác [do quý vị đã tạo]. Phạm vi ảnh hưởng càng lớn, người bị ảnh hưởng càng đông, thời gian ảnh hưởng càng dài, tội của quý vị rất nặng, quý vị chịu khổ cũng lớn, thời gian quý vị chịu khổ cũng dài. Đạo lý là như thế đó! Phạm vi ảnh hưởng rất nhỏ, thời gian ảnh hưởng rất ngắn, thì thời gian chịu khổ của quý vị sẽ ngắn, chịu khổ cũng nhẹ! Đây chính là “*thiện năng minh đoán*” (khéo có thể phán đoán sáng suốt).

Ác là như thế, mà thiện cũng là như thế, chúng ta phải hiểu rõ ràng điều này! Thiện pháp là gì? Thiện pháp là tuyên dương Phật pháp, tuyên dương hết thấy các thiện pháp thế gian. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta, “*lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai*”, phải hiểu câu này. Như Lai là gì? Như Lai là Tánh Đức. Hễ tương ứng với Tánh Đức thì nhất định phải xưng tán (稱讚, ca ngợi). Thập Thiện tương ứng với Tánh Đức, phải xưng tán. Người này chẳng sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng nói lời thô ác, chẳng nói thêu dệt, chẳng tham, chẳng sân, chẳng si thì phải tán dương, thời thời khắc khắc phải biểu dương kẻ ấy, nhằm ảnh hưởng người khác. Người khác sau khi nghe thấy, [sẽ nghĩ] kẻ ấy là thiện nhân, nghe xong trong tâm rất hoan hỷ, cảm động, nhất định sẽ học tập theo kẻ ấy. Vì sao người ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác có thể tương ứng với Tánh Đức, có thể phát huy rạng rỡ Tánh Đức? Đây là chuyện tốt đẹp! Sau khi chúng ta đã thấy, chớ nên ganh tỵ, phải tán thán! Tán thán có ảnh hưởng to lớn, người bị ảnh hưởng rất nhiều, phước báo của quý vị sẽ to lớn, thời gian ảnh hưởng rất dài lâu, thời gian quý vị hưởng phước cũng sẽ rất dài lâu, đạo lý như thế đó!

Nay chúng ta thấy người khác làm lành, hãy toàn tâm toàn lực khuếch đại việc lành ấy. Tôi xem sáu đĩa CD của bộ Sơn Tây Tiểu Viện, cũng rất cảm động. Tôi cảm động sâu đậm hơn người khác, do đạo lý nào? Ba mươi năm trước, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh, thấy trong thư viện của pháp sư Sướng Hoài lưu trữ kinh luận và thiện thư của Hoàng Hóa Xã do Ấn Quang đại sư xuất bản, mới biết lão pháp sư suốt đời làm chuyện tốt đẹp ấy, Pháp Bồ Thí! Suốt đời làm một chuyện ấy, mười phương cúng dường thầy đều dùng để in kinh. Vì thế,

chính Ngài có Hoằng Hóa Xã ở chùa Báo Quốc tại Tô Châu. Tôi xem những sách ấy, phát hiện: Trong cả một đời, vị lão pháp sư ấy đã in Liễu Phàm Tứ Huán, in Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, in An Sĩ Toàn Thư với phân lượng lớn nhất. Từ trang bản quyền, tôi tính toán đại lược thì thấy số lượng bản in của ba loại sách ấy đại khái gần ba trăm vạn bản, tôi rất rúng động. Ba thứ ấy chẳng phải là kinh điển Phật giáo, vì sao in lắm như vậy? Hằng ngày, tôi ghim điều nghi vấn ấy trong lòng, vì sao Ngài làm kiểu ấy? Sau hai, ba tuần, tôi mới hiểu rõ một chút, lãnh hội tâm lòng từ bi cứu đời của lão pháp sư. Thế giới đã loạn, dùng Nho để dạy, hoặc dùng Phật pháp để dạy, sẽ chẳng kịp! Trong xã hội hiện thời, chẳng có ai tin tưởng Nho và Phật. Dùng biện pháp gì để giúp đỡ họ? Nhân quả! Ba thứ ấy đều là nhân quả. Nếu dùng nhân quả báo ứng để dạy dỗ, họ nghe xong sẽ có thể thật sự hiểu rõ, khởi tâm động niệm tự nhiên sẽ có thể kiểm chế chính mình. Vì sao? Làm ác sẽ mắc ác báo, làm lành sẽ có quả lành! Như thế thì mới giúp cho mọi người đoạn ác tu thiện, tránh dữ, hướng lành, tôi lãnh hội ý tưởng của lão pháp sư. Do vậy, thuở ấy, sau khi quay về Đài Loan, tôi cũng lưu thông [những tác phẩm ấy] với số lượng lớn. Ngay lập tức in năm vạn bộ. Ba loại sách ấy tính gộp chung là năm vạn bộ, lại còn bắt đầu đi giảng khắp nơi.

Tôi xem Sơn Tây Tiểu Viện, do nỗi cảm xúc về sự giáo dục nhân quả cứu đời của tổ Ấn Quang, tôi hiểu đạo lý sau đây: Sơn Tây Tiểu Viện chính là nhân quả báo ứng. Còn có bộ Vì Sao Chẳng Thể Ăn Chúng Nó hay lắm! Còn hay hơn ba thứ do pháp sư Ấn Quang đề xướng. Vì sao? Đây là chuyện trong hiện tiền. Liễu Phàm Tứ Huán là chuyện của người sống vào đời Minh, cách hiện thời năm trăm năm, chưa chắc người ta đã tin là thật! Chuyện trong Cảm Ứng Thiên càng xa hơn nữa; vì thế, nhân quả báo ứng trước mắt sẽ tốt hơn bất cứ thứ gì khác. Những người ấy đều còn sống, [tức là] bốn mươi người [được nhắc tới] trong bộ Sơn Tây Tiểu Viện nay đều còn sống, quý vị có thể đến đó phỏng vấn. Nhân quả sống sờ sờ bày ra trước mặt chúng ta, ta hãy coi nó như là tài liệu giảng dạy về giáo dục nhân quả do tổ Ấn Quang đề xướng. Đây là tài liệu giảng dạy tốt nhất trong hiện tiền, chắc chắn sẽ có ảnh hưởng vượt trội ba loại sách của tổ Ấn Quang. Vì thế, chúng ta phải dốc hết sức tuyên dương, dốc hết sức tán thán. Người biết đến càng đông càng hay, phước báo càng to. Thời gian lưu truyền càng dài, thời gian hưởng phước của quý vị cũng càng dài. Chư vị phải hiểu đạo lý như thế đó.

Vì thế, bậc trưởng giả thật sự sẽ có thể “*thiện năng minh đoán*”. Năm 1977, tôi giảng kinh ở Hương Cảng, trong thính chúng có không ít pháp sư, có đến mười mấy vị. Hiện thời, hai phần ba [các vị ấy] đã đều qua đời, đều đã vãng sanh; trong số đó, còn có những vị trẻ tuổi, bốn,

năm mươi tuổi đã ra đi. Tôi nhớ năm tôi đến nơi đây giảng kinh, dường như tôi bốn mươi chín tuổi, đã ba mươi năm rồi! Có một vị trưởng giả là pháp sư Thánh Nhất, Ngài cũng là thính chúng. Vị thính chúng này chẳng giống những vị thính chúng khác. Những vị pháp sư khác nghe kinh cũng rất tán thán, cũng rất hoan hỷ, nhưng pháp sư Thánh Nhất nghe xong bèn khuyên tín đồ của Ngài phải tới thư viện nghe giảng kinh. Khi đó, chúng tôi giảng tại Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán (thư viện Phật giáo Trung Hoa) trên phố Giới Hạn (Boundary Street). Chỉ có mình Ngài bảo tín đồ: “*Hễ có thời gian, nhất định phải đến nghe*”. Có đồng học kể cho tôi nghe, tôi biết chuyện rất cảm động! Bản thân pháp sư Thánh Nhất cũng là một pháp sư giảng kinh, đúng như cổ nhân đã nói: “*Nhược yếu Phật pháp hưng, duy hữu Tăng tán Tăng*” (Nếu muốn cho Phật pháp hưng thịnh, chỉ có Tăng khen ngợi Tăng). Tán thán mà có thể đổi trước tín đồ tán thán, sẽ có công đức lớn nhất! Khiến cho tín đồ của Ngài đến đạo tràng làm Ảnh Hưởng Chúng, đương nhiên là tôi cũng hết sức tôn kính pháp sư Thánh Nhất. Ngài mời tôi đến thăm đạo tràng của Ngài, giảng khai thị cho các học trò trong Thiên Đường của Ngài. Trong đời tôi, trông thấy một đạo tràng tu hành đúng pháp là chùa Bảo Lâm thời ấy, tức đạo tràng của pháp sư Thánh Nhất. Đó là đạo tràng Thiên Tông, hằng ngày vẫn có thời gian nhất định để tọa hương, tham Thiền. Năm ấy, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm tại nơi đây!

Thiện thì phải tán dương, ác đừng nên nhớ, chớ nên ghim trong lòng, đây là chánh xác. Thường xuyên ghi nhớ điều ác, sai mất rồi! Một kẻ thông minh, kẻ có trí huệ, quý vị hãy ngắm xem, làm sao có thể chịu dùng lương tâm xét theo bản tánh vốn lành của chính mình như thùng rác để chứa đựng tội ác của người khác cho được? Há chẳng phải là sai lầm đặc biệt to lớn ư? Người thông minh phải ghim thiện hạnh, thiện sự của người khác trong tâm của chính mình, khiến cho tâm tình của chính mình thuần tịnh, thuần thiện. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật đã dạy chúng ta rất hay. Chúng ta chẳng thể nhớ hết toàn bộ bản kinh, nhưng mấy câu sau đây nhất định phải ghi nhớ. Nhớ mấy câu ấy, tinh hoa của toàn thể bản kinh đều được bao gồm. Đây là đức Phật dạy long vương: “*Bồ Tát có một pháp có thể đoạn hết thảy nỗi khổ trong các ác đạo*”. Tuyệt vời thay, có thể đoạn hết thảy các nỗi khổ trong ác đạo. Pháp ấy chính là gì? “*Thường niệm thiện pháp*” (Thường nghĩ đến pháp lành). “*Thiện pháp*” là Thập Thiện Nghiệp, thiện tâm, tâm quý vị luôn là thiện. “*Tư duy thiện pháp*”, tư tưởng thiện. “*Quan sát thiện pháp*”, hành vi thiện. Đó gọi là “*thiện pháp niệm niệm tăng trưởng*”, “*chẳng dung mây may bất thiện xen tạp*”. Người ấy là ai? Người ấy chính là Bồ Tát!

Há có nên ghim điều bất thiện của kẻ khác trong tâm ta, ghim

trong tư tưởng của ta, ghim nơi miệng ta? Đây là sai lầm đặc biệt to tát! Dầu kẻ khác bắt hảo đến mấy đi nữa, chúng ta trọn chẳng quan tâm, nhìn mà chẳng thấy, nghe mà chẳng lọt tai, mà cũng chắc chắn là chẳng ghim trong lòng! Vì ghim trong lòng chính là đã xen tạp bất thiện, sai mất rồi, làm sao chúng ta có thể thành tựu trong một đời này cho được? Muốn thành tựu, nhất định phải y giáo phụng hành, chính mình phải “*thiện năng minh đoán, bất hành ác pháp*” (khéo có thể phán đoán sáng suốt, chẳng hành ác pháp). Có cơ sở như vậy, bất luận tu pháp nhân thiên trong thế gian, hay tu pháp tam thừa xuất thế gian, chẳng có ai không thành tựu; đây mới là một vị trưởng giả thật sự. Hy vọng các đồng học chúng ta phải ghi nhớ, phải có thể biện định, trong cuộc sống và công việc, xử sự, đãi người tiếp vật, phải tiếp nhận hết thấy các điều thiện, cự tuyệt hết thấy các điều ác của người khác. Hết thấy các điều ác chúng ta chớ nên ghim trong lòng, trong tâm nhất định phải ghim giữ hết thấy thiện pháp, đây là đúng. Nay thời gian đã hết rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp bài kệ cuối cùng trong tiểu đoạn này, bài kệ thứ hai mươi bốn:

(Kinh) Nhược kiến đại thần, đương nguyện chúng sanh, hằng thủ chánh niệm, tập hành chúng thiện.

(經)若見大臣。當願眾生。恆守正念。習行眾善。

(Kinh: Nếu thấy đại thần, nguyện cho chúng sanh, luôn giữ chánh niệm, tu tập các thiện).

Trong phần Chú Giải, Thanh Lương đại sư đã nói:

(Sớ) Thủ vương chánh pháp, thỉ viết đại thần.

(疏)守王正法，始曰大臣。

(Sớ: Giữ chánh pháp của vua thì mới gọi là “đại thần”).

Nói theo thuật ngữ hiện thời, “đại thần” (大臣) là người được phân công quản lý một phần sự vụ trong cả nước. Chẳng hạn như các Bộ Trưởng trong Quốc Vụ Viện¹⁰ đều là đại thần. Bộ Nội Chánh cai

¹⁰ Quốc Vụ Viện tương đương với Nội Các của chánh phủ, là cơ quan hành chánh tối cao. Theo quy chế của Trung Hoa Dân Quốc từ năm 1911, người đứng đầu Quốc Vụ Viện được gọi là Tổng Lý (tức Thủ Tướng). Các Bộ Trưởng trực thuộc quyền cai quản của Thủ Tướng. Về sau, tại Đài Loan, Quốc Vụ Viện bị thay thế bởi cơ cấu Hành Chánh Viện. Hành Chánh Viện Trưởng chính là Thủ Tướng,

quản việc nội chính, cai quản cả nước. Bộ Giáo Dục cai quản chuyên giáo dục, bộ Tài Chính quản lý tài chính, bộ Ngoại Giao trông việc ngoại giao. Quản lý tôn giáo trong cả nước tuy là cục tôn giáo, nhưng người ấy (cục trưởng cục tôn giáo) cũng là đại thần, vì sao? Ông ta quản trị cả nước. Điều quan trọng nhất của đại thần là “*thủ vương chánh pháp*” (giữ chánh pháp của vua). “*Vương*” là quốc gia, [“*vương chánh pháp*”] là hiến pháp của quốc gia. Hiến pháp là căn bản đại pháp, nhất định phải tuân thủ. Quốc gia có “*thiện chánh*” (善政, sự cai trị tốt lành), sẽ lợi ích nhân dân, lợi ích thế giới. Như trong hiện thời, người lãnh đạo đất nước Trung Hoa đã đề ra tổng phương hướng và tổng nguyên tắc “*xã hội hài hòa, thế giới hài hòa*”. Cục trưởng cục tôn giáo quốc gia là đại thần, tháng trước đã tổ chức luận đàn Phật Giáo Thế Giới tại Hàng Châu, đây là “*thiện chánh*”. Không chỉ là thúc đẩy tiến hành “*thiện chánh*” trong toàn quốc, mà còn ảnh hưởng cả thế giới. Kế đó, chúng tôi lại nghe nói nước nhà sắp chánh thức mở trường đại học Phật giáo, đều là chuyện tốt. Quốc gia thừa nhận năm tôn giáo. Tôn giáo được quốc gia thừa nhận thì nhất định là “*thiện giáo*”.

Trung Hoa từ xưa tới nay, ai nấy đều biết, đối với giáo dục tôn giáo, chúng ta có thể nói hoàng đế Ung Chánh là một tấm gương tốt nhất. Nay chúng ta nói “*đa nguyên văn hóa, tôn giáo một nhà*”, thì tổ của đa nguyên văn hóa phải là hoàng đế Ung Chánh. Thuở ấy, nhà vua đã nói “*tam giáo là một nhà*”, mà Trung Hoa từ hơn hai ngàn năm qua, một mực tiếp nhận sự giáo dục của tam giáo, tức Nho, Thích, Đạo. Hán Vũ Đế coi giáo dục Nho gia như nền giáo dục chánh quy của nước nhà để dạy dỗ nhân dân. Do vậy, học thuyết Khổng Mạnh ảnh hưởng Trung Hoa hai ngàn năm. Mãi cho đến hiện thời, tuy đã suy vi so với quá khứ, nhưng dường như trong mấy năm gần đây, lại có dấu hiệu hưng khởi. Đạo và Phật bổ trợ cho nền giáo học của Nho gia. Trọng điểm trong giáo học Nho gia là luân lý, đạo đức, và tài nghệ. Sự bổ sung quan trọng nhất của giáo dục Đạo gia là nhân quả. Sự bổ sung rõ rệt nhất của giáo dục nhà Phật là trí huệ!

Chư vị phải biết, Phật pháp theo đuổi trí huệ cao nhất, trí huệ rất ráo viên mãn nhất. Trong kinh Phật, có một thuật ngữ là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā-samyak-sambodhi). Từ ngữ này có thể dịch được, vì sao không dịch? Đó là do “*tôn trọng bất phân*” (vì tôn trọng nên không dịch ra). Tổng phương hướng, tổng mục tiêu của giáo dục nhà Phật, bất luận là Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiện giáo, Mật giáo, Tông Môn, hay Giáo Hạ, đều lấy điều này làm mục tiêu. Trong

nhưng quyền lực của Hành Chánh Viện tại Đài Loan chủ yếu là quản trị nội vụ và tài chính, các vấn đề quân sự và ngoại giao lại trực thuộc phủ Tổng Thống tuy Hành Chánh Viện vẫn có bộ Quốc Phòng và bộ Ngoại Giao.

nghĩa tiếng Hán, câu này có nghĩa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; do vậy, điều này là mục tiêu. Câu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có ba giai đoạn, tức là Chánh Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác và Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ba giai đoạn ấy. Đối với Chánh Giác, người đắc Chánh Giác được nhà Phật gọi là A La Hán. Người đắc Chánh Đẳng Chánh Giác được gọi là Bồ Tát. Lại cao hơn nữa là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chính là Phật, chúng ta phải biết điều này!

Tuy chúng ta mới học kinh Hoa Nghiêm đến phẩm mười một, nhưng chúng ta cũng đã học tập hơn ba ngàn giờ, ít nhiều thì cũng dần dần hiểu rõ đại ý, kinh Hoa Nghiêm là trí huệ! Kinh Hoa Nghiêm cho biết điều kiện của Chánh Giác là gì? Chính là buông xuống sự chấp trước của chúng ta đối với các pháp thế gian và xuất thế gian, hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật. Hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng ra ngoài ba loại lớn là người, sự, vật. Vĩnh viễn chẳng còn chấp trước nữa, người ấy là Chánh Giác. Nói cách khác, hễ còn có chấp trước, chẳng được coi là Chánh Giác. Có được coi là giác hay không? Giác chứ, nhưng chẳng thể coi là Chánh Giác. Đối với chiêu bài chữ Chánh của nhà Phật thì có điều kiện, tức là chẳng chấp trước hết thấy các pháp thì mới coi là Chánh Giác. Tuy giác, quý vị thấy các nhà khoa học hiện thời giác ngộ, các nhà triết học cũng giác, thật sự có trí huệ, rất nhiều nhà tôn giáo cũng giác! Nói theo Phật pháp, thì đối với Bà La Môn giáo, chuyện này được nói trong kinh điển, công phu Thiền Định của họ có thể đột phá các chiều không gian và thời gian, có thể đích thân trông thấy trạng huống luân hồi trong lục đạo, trên là đến hai mươi tám tầng trời, dưới là đến địa ngục A Tỳ, rành mạch, rõ ràng, giác đầy chứ! Nhưng họ chẳng buông xuống chấp trước; do đó, chẳng thể xưng là A La Hán.

Giác trong Phật pháp là phải đoạn phiền não, có nghĩa là giác vốn sẵn có trong tự tánh. Đức Phật dạy: *“Hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh”*. Phật Tánh là tự tánh. Trong tự tánh có trí huệ viên mãn, có đức năng viên mãn, có tướng hảo viên mãn, hết thấy trọn đủ. Vì sao quý vị đánh mất vô lượng vô biên đức tướng trong tự tánh, hiện thời biến thành nông nổi này? Vì quý vị đã dấy lên vô minh, Trần Sa, Kiến Tư phiền não, kinh Hoa Nghiêm nói là *“vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”*. Quý vị dấy lên những thứ ấy, vô lượng vô biên đức năng trong tự tánh bị mất đi. *“Mất đi”* chẳng phải là thật sự mất hẳn, nhà Phật nói là *“mê mất”*. Quý vị đã mê thì chẳng nhận biết, cho nên nói là *“mê mất”*. Khi nào thì quý vị mới có thể giác ngộ? Hễ quý vị buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ liền khôi phục. Trí huệ khôi phục, đức năng khôi phục, tướng hảo khôi phục; người thế gian chúng ta gọi tướng hảo là *“phước báo”*. Chúng sẽ khôi phục.

Do vậy, nhà Phật trừ khử những chướng ngại ấy, trừ khử tập khí phiền não, lấy đó làm mục tiêu. Tất cả công phu tu hành đều khẳng định ở chỗ này, trọn chẳng phải nói là quý vị đọc bao nhiêu sách, quý vị ghi nhớ bao nhiêu! Chẳng phải là những điều ấy, tuyệt đối chẳng phải là cái học ký vấn (記問, học do hỏi han, ghi nhớ), mà là hoàn toàn phải khôi phục Tánh Đức, chớ nên không biết chuyện này! Vì sao phàm phu chẳng thành Phật? Do chẳng buông xuống được! Vì sao Bồ Tát có thể thành Phật? Chẳng có chi khác, chính là do có thể buông xuống. Vì thế, buông xuống chấp trước bèn chứng A La Hán, tức Chánh Giác. Lại buông xuống phân biệt, sẽ là Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị là Bồ Tát. Lại buông xuống vọng tưởng, vọng tưởng là khởi tâm động niệm, buông xuống thứ này, quý vị là Phật. Đấy thật sự là Phật pháp thuần chân vô vọng, là Phật pháp viên mãn rốt ráo! Đức Phật bảo, đối với thế giới bên ngoài, nếu quý vị buông xuống chấp trước, sẽ thành Chánh Giác, chứng quả A La Hán, lục đạo luân hồi sẽ chẳng có, sẽ vượt thoát lục đạo. Buông xuống phân biệt, chứng Chánh Đẳng Chánh Giác, mười pháp giới sẽ chẳng có. Nếu đối với hết thảy các pháp chẳng khởi tâm, không động niệm, tức là buông xuống vọng tưởng, sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quý vị bèn trở về Nhất Chân pháp giới.

Trong kinh Hoa Nghiêm, người trở lại Nhất Chân pháp giới là ai? Phật, người ấy là Phật! Kinh Hoa Nghiêm nói Sơ Trụ Bồ Tát, Sơ Trụ Bồ Tát thành Phật, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, là chân Phật, chẳng phải là giả Phật. Ngài ứng hóa trong mười pháp giới. Chúng sanh có cảm, Ngài bèn ứng: Đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật. Đáng nên dùng thân Bồ Tát đắc độ, bèn hiện thân Bồ Tát. Đáng nên dùng thân Thanh Văn để đắc độ, bèn hiện thân Thanh Văn. Chẳng có thân tướng, có thể thuận theo cái tâm của chúng sanh để ứng với khả năng nhận biết của họ. Vì thế, Phật, Bồ Tát thị hiện hình tướng chẳng do ý nghĩ của Phật, Bồ Tát, mà là gì? Do tâm chúng sanh biến hiện, đúng như kinh Đại Thừa thường nói: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tướng”*. Tướng của Phật, Bồ Tát cũng sanh từ tâm tướng của chúng ta, hay khéo đến cùng cực! Chư vị phải biết Phật chẳng có tướng, Bồ Tát cũng chẳng có tướng, A La Hán cũng chẳng có tướng. Vì sao? Trong kinh Kim Cang đã có dạy: *“Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”*. Bốn tướng ấy đều đã phá, phá bằng cách nào? Buông xuống! Nay vì sao chúng ta chẳng thể phá được? Chúng ta chấp trước, có ngã tướng, có nhân tướng, có chúng sanh tướng, có thọ giả tướng, đây là lục đạo phàm phu. Nếu quý vị buông xuống những chấp trước ấy, sẽ là A La Hán. Nếu tiến cao hơn một bước, ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến chính là phân biệt. Buông xuống phân biệt thì là Bồ Tát. Chuyện này quan

trọng hơn bất cứ thứ gì khác. Chớ nên không hiểu rõ ràng, chớ nên không minh bạch.

Quý vị tu gì? Chính là tu những thứ ấy. Vì thế, tôi cảm kích thầy tôi. Ngày đầu tiên gặp mặt, thầy đã dạy tôi phương pháp tu hành: *“Thấy thấu suốt, buông xuống được”*. Buông xuống Kiến Tư phiền não, buông xuống chấp trước, sẽ thành Chánh Giác, chứng quả A La Hán. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, sẽ thành Phật. Phạm phu thành Phật ngay trong một niệm. Quý vị thật sự buông xuống ý niệm, sẽ ngay lập tức thành Phật, thật ư? Thật đấy! Quý vị có thấy hay chẳng? Huệ Năng đại sư như Đản Kinh đã ghi chép là một thí dụ tốt đẹp. Ngài gặp Ngũ Tổ [lúc Ngài mới] hai mươi bốn tuổi. Ngũ Tổ giảng kinh Kim Cang cho Huệ Năng nghe, đại khái là giảng được một phần ba, Tổ nói đến câu: *“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”* (Chớ nên trụ vào nơi đâu để sanh khởi cái tâm), ngài Huệ Năng đã triệt để buông xuống. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, vừa buông xuống liền thành Phật. Do vậy, Ngũ Tổ truyền y bát cho Ngài. Vì sao Ngũ Tổ không truyền y bát cho Thần Tú? Thần Tú chẳng buông xuống! Thần Tú vẫn là *“thân thị Bồ Đề thụ, tâm như minh kính đài, thời thời cần phát thức, vật sử nhạ trần ai”* (thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng, luôn luôn siêng quét dọn, chớ để bám bụi trần), chẳng buông xuống! Huệ Năng đại sư đã buông xuống. Nay chúng ta thật sự mong thành tựu, chẳng có gì khác! Nếu quý vị không chịu buông xuống, dầu quý vị tu hành ba trăm năm, vẫn là phạm phu! Dầu tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vẫn là phạm phu. Do đó, nếu muốn thật sự thành tựu, chẳng thể không buông xuống!

Đại thần có sức ảnh hưởng rất to. Ông ta muốn làm ác hay làm lành, đúng là dễ như lật bàn tay! Quý vị xem Liễu Phạm Tứ Huân, khi tiên sinh Liễu Phạm còn đang là Tú Tài, phát nguyện làm ba ngàn việc thiện, mười năm mới viên mãn! Sau đấy, ông ta làm Tri Huyện của huyện Bảo Trì, tức huyện trưởng như trong hiện thời, phát nguyện mong làm một vạn điều thiện, do một ý niệm bền viên mãn. Đây là gì? Ông ta có quyền. Việc thiện của ông ta là gì? Giảm tô! Nông dân huyện Bảo Trì phải nộp tô rất nặng. Ông cho giảm một nửa, nông dân trong cả huyện đều được lợi ích, đều có lợi, mà nông dân trong huyện không phải chỉ là một vạn người. Quý vị thấy do một mạng lệnh, một văn kiện mà một vạn điều thiện được viên mãn. Nếu ông ta chẳng làm Tri Huyện, có thể là một vạn thiện sự ông ta làm suốt đời không xong! Quý vị thấy, mở đầu là ba ngàn việc thiện, mười năm mới hoàn thành. Lần thứ hai, lại hứa nguyện, làm ba ngàn điều thiện để cầu công danh, cả nhà cùng nhau làm, bốn năm hoàn thành. Có lúc một ngày làm được mười mấy việc thiện. Chẳng có ngày nào không hành thiện sự! Vì thế, đại thần muốn làm thì quá đơn giản. Một chánh sách, một động tác của

ông ta là thiện, sẽ ảnh hưởng cả nước. Quý vị nói xem, chuyện này dễ dàng lắm hay không? Nếu tạo ác thì cũng là như thế, cũng to tát ngàn ấy. Một chánh sách bất thiện, người trong cả nước đều mắc hại, tội lỗi to lớn. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Trước kia, đối với người đọc sách, đường tiến thân duy nhất của người đọc sách là làm quan. Người thật sự có đức hạnh, làm quan nhằm mục đích nào? Tích đức tu thiện dễ dàng! Tại Trung Hoa, nhân vật điển hình được Ấn Quang đại sư luôn tán thán, tôn sùng là tiên sinh Phạm Trọng Yên. Ông ta là người đời Tống, làm đến Tể Tướng, làm nguyên soái, hằng ngày làm việc thiện, ảnh hưởng quá to lớn. Mãi cho đến hiện thời, gia đạo [họ Phạm] chẳng suy, đời đời đều có hiền nhân, tổ tông có đức. Đức là gì? Giáo hóa. Đối với giáo huấn của tổ tông, người đời sau đời đời kiếp kiếp đều có thể tuân thủ, hành theo. Từ chỗ này, chúng ta có thể lãnh hội giáo dục. Trong giáo dục, quan trọng nhất là gia giáo. Trong gia giáo, quan trọng nhất là thân giáo, [tức là] tự mình lấy thân làm gương, con cái của quý vị nhìn vào, đều học theo. Con cái làm giống như quý vị, thế hệ con cháu kế đó sẽ học theo, đời đời kiếp kiếp đều tuân theo, chẳng dám biến đổi. Vì thế, đây là một tấm gương tốt nhất cho hàng đại thân, niệm nào cũng vì nước nhà mà suy nghĩ, nghĩ đến nhân dân, chẳng có niệm nào vì chính mình!

Nói thật ra, Phạm Trọng Yên là người thiện căn sâu dày, nhà cửa chẳng giàu có, cũng rất nghèo nàn, là chàng tú tài nghèo kiệt xác! Thuở niên thiếu, ông gặp một thầy bói, mấy người [bạn học] cùng nhau kiếm một thầy bói để tiên đoán số mạng. Trọng Yên hỏi thầy bói: “Thầy hãy tính xem, trong tương lai, tôi có thể làm Tể Tướng hay không?” Thầy bói nghe xong cười rộ: “Khẩu khí của anh thật chẳng nhỏ!” Bị thầy tướng số cười, Trọng Yên lập tức sửa giọng, hỏi: “Vậy thì thầy tính giùm tôi, tôi có thể làm thầy thuốc hay không?” Thầy bói cảm thấy rất lạ lùng: “Sao anh lại từ Tể Tướng ngay lập tức rơi tuột xuống thành thầy lang, nghĩa là sao?” Ông ta bèn thưa: “Chỉ có Tể Tướng và thầy lang là có thể cứu người khác”. Thầy bói nghe xong, đáp: “Anh là một vị Tể Tướng thật sự”, bị cảm động hết sức. Do đó, có thể biết, [Phạm Trọng Yên] từ thuở bé đã khởi tâm động niệm lợi ích chúng sanh, chẳng vì chính mình. Về sau, ông ta thật sự làm Tể Tướng, là tấm gương cho những vị đại thân. Cứu quốc gia, cứu dân tộc, hiện thời nói “cứu toàn thể thế giới”, cần nhờ vào gì? Kinh tế, công thương nghiệp, khoa học kỹ thuật có được hay chẳng? Hiện thời, liều mạng phát triển theo các phương hướng ấy, khiến cho toàn cầu rối động, bất an. Đại thân có tầm nhìn xa, có trí huệ, sẽ thấy rõ ràng.

Ba mươi năm trước, tiến sĩ Thang Ân Tỷ (Toynbee) đã có nói, ông nói câu ấy chẳng bao lâu bèn qua đời. Khi đó, ông đã tám mươi lăm tuổi, hình như ông ta qua đời lúc tám mươi sáu tuổi. Ông nói

“khoa học kỹ thuật hiện thời đã đạt đến tột đỉnh”, chẳng biết ba mươi năm sau, khoa học kỹ thuật tăng tấn mạnh mẽ; nhưng ông đã nói một câu: “*Mỗi lần tiến bộ đều phải trả giá đau đớn, thâm trọng!*” Sáng hôm nay, có một đồng học kể với tôi, người phát minh cell phone (hiện thời mọi người đều dùng cell phone) đã nghiêm trọng cảnh cáo: Thường mang cell phone trên người, thường xuyên sử dụng nó, sẽ hết sức bất lợi cho sức khỏe. Thường xuyên dùng cell phone, năm năm thì toàn thể thần kinh sẽ bị tê liệt, lại còn dễ dẫn đến bệnh ung thư. Ông ta khuyên tốt nhất là đừng đeo trên người. Phụ nữ đừng trong bóp xách tay, nam giới thì tốt nhất là đặt trong túi đựng hồ sơ, đừng đeo trên người. Thứ này phát sóng rất mạnh, thường xuyên đeo trên người sẽ quá nhiều nội tạng của quý vị. Đã thế, tốt nhất là đừng sử dụng hơn một phút. Đúng là khi bắt đầu, quý vị mới sử dụng nó. Lâu hơn một phút, sẽ gây tổn thương cho tế bào nơi thân quý vị. Tôi cảm thấy đó là lương tâm của người sáng chế cell phone đã phát hiện!

Quý vị thấy, đó là khoa học tiến bộ, chúng ta nghĩ đến lời tiên sĩ Thang Ân Tử đã nói: “*Trả giá đau đớn, thâm trọng*”. Kẻ thường dùng cell phone đoán mạng! Lẽ ra quý vị vốn có thể sống đến chín mươi tuổi, có thể là sáu mươi tuổi quý vị đã xong đời, phải trả giá bằng ba mươi năm sanh mạng, cái được chẳng bù nổi cái mất! Bởi lẽ, đối với mỗi thứ được phát minh trong hiện thời, nhân loại đều phải trả giá bằng sự hy sinh đau đớn, thâm trọng. Giống như hiện thời công nghiệp phát triển, không khí bị ô nhiễm khiến cho con người chẳng trông thấy trời xanh, mây trắng. Hằng ngày sống trong bầu không khí ô nhiễm, thay đều bị giảm thiểu thọ mạng, đó là cội nguồn đem lại bệnh tật nghiêm trọng. Có thể giải quyết vấn đề này hay không? [Các thứ phát minh trong hiện thời] tạo ra vấn đề! Công thương nghiệp, khoa học kỹ thuật hằng ngày tạo ra vấn đề cho nhân loại. Tạo ra những vấn đề gì vậy? Tạo thành vấn đề thúc đẩy chuyện tận thế xảy đến nhanh hơn, những điều này toàn là do các nhà khoa học nói, do tiên sĩ Thang Ân Tử nói, nhân loại trên địa cầu sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn, phải trả bằng cái giá ấy! Vì thế, đấy chẳng phải là thiện, mà là ác. Người hiện thời coi ác là thiện, coi thiện là ác, điên đảo! Người có đại trí huệ mới có thể nhìn ra, mới có thể thấy rõ ràng, minh bạch! Thật sự thiện là gì? Giáo dục. Nội dung của giáo dục là gì? Luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ. Đây là chân thiện, đây là thuần thiện.

Người trong quá khứ làm như vậy, họ sống trong chân thiện và thuần thiện. Trong ấy có chân lạc, có sự hưởng thụ chân thật. Một người làm thì một người đạt được, hai người làm thì hai người đạt được. Người một nhà làm thì người một nhà đạt được. Người trong một nước làm được thì người trong một nước đạt được. Các đồng học mỗi ngày đến nghe kinh Hoa Nghiêm, vì sao phải đến nghe? Thiện pháp. Xác

thực là từng câu từng chữ của Hoa Nghiêm đều trọn đủ luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ. Có đồng học đã nói với tôi, nghe kinh hữu dụng lắm! Có thể dùng vào cuộc sống hằng ngày, có thể dùng trong công việc, rất có thọ dụng! Thật sự có thể thọ dụng, [tức là] quý vị chẳng uổng công nghe! Hằng ngày chúng ta học tập, tiên sinh Phương Đông Mỹ trước kia đã dạy tôi điều này: “*Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi đã đạt được, đầu một ngày cũng chẳng thể lơ lửng. Vì sao? Lạc thọ! Khổng Tử bảo: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Sự hỷ duyệt từ trong nội tâm tuôn ra, chẳng đến từ bên ngoài. Đây là Tánh Đức từ trong tự tánh tự nhiên lưu lộ. Đồng thời cũng có thể giúp đỡ người khác, tự hành vốn là hóa tha, tự hành và hóa tha là một, chẳng hai!

Thứ tốt đẹp như thế, nói thật thà, người thế gian chẳng nhận biết. Tôi thuở đầu cũng không nhận biết, thầy Phương nhận biết, thầy giới thiệu, tôi mới hiểu ra. Chương Gia đại sư đã nhận biết, mới dạy cho tôi phương pháp tu học, phương pháp khế nhập. Đây là thiện thư bậc nhất trong thiên hạ, là thiện pháp bậc nhất trong thiên hạ! Tại Trung Hoa, lịch đại đế vương tôn sùng, lịch đại đế vương hoàng dương; do đó, phước báo của họ to ngàn ấy, lâu dài ngàn ấy. Nếu đến đời hoàng đế nào phản đối, chẳng cần thứ này, chánh quyền của ông ta sẽ bị kết thúc. Nếu chư vị nhìn vào lịch sử, sẽ thấy các đế vương cuối mỗi triều đại, đều chẳng cần đến luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ, họ muốn làm chuyện gì? Theo chủ nghĩa hưởng lạc, hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức, vương triều của họ sẽ bị kẻ khác đoạt mất, thay thế. Lịch sử có thể làm chứng! Nói theo quy mô nhỏ hơn thì là trong một nhà. Gia đình quý vị hưng thịnh hay suy bại tùy thuộc người trong nhà quý vị đối với sự giáo dục này [như thế nào]. Có thể nói giáo dục truyền thống của Trung Hoa là luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ. Trí huệ là Phật giáo, nay chúng ta cũng có thể nói là tôn giáo, tôn giáo là giáo dục trí huệ. Trong ấy, đương nhiên là có luân lý, đạo đức, nhân quả được gộp vào đó. Hãy khéo học tập, y giáo phụng hành, gia hòa vạn sự hưng. Đại thần đề xướng sẽ tích tập vô lượng phước. Nếu đại thần chướng ngại, sẽ là vô lượng làm lỗi!

Chướng ngại giáo học, chướng ngại chánh pháp lưu thông, quả báo là gì? Trong giới kinh đã dạy rõ ràng. Trừ quả báo bất thiện ra, tức là ngoài quả báo trong tam đồ ra, sẽ là đời đời kiếp kiếp ngu si. Ngu si thì bất luận ở trong đường nào, sẽ đều phải chịu khổ, chịu nạn, chẳng có trí huệ! Chúng ta chớ nên không cảnh giác điều này! Trong phần trước, chúng tôi đã nêu ra chuyện được nói trong kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo: Chướng ngại hoàng pháp, phá hoại đạo tràng hoàng pháp, quả báo ở trong địa ngục. Sau khi lìa khỏi địa ngục, sẽ sanh vào ngạ quỷ đạo, sanh vào súc sanh đạo, rồi sanh vào nhân đạo,

thầy đều là ngu si, chẳng có trí huệ. Đây là gì? Dư báo. Dầu được tiếp xúc chánh pháp, người ấy chẳng có năng lực tiếp nhận. Quý vị nghĩ xem, phải huân tập thời gian dài lâu ngàn ấy, người ấy mới dần dần hiểu minh bạch, mới có thể hiểu nổi, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Khi quý vị tạo tác ác nghiệp thì rất đơn giản, rất dễ dàng, thực hiện dễ ợt! Quả báo hiện tiền sẽ kinh khủng lắm!

Do vậy, đối với nghiệp nhân quả báo thiện ác, nhất định phải hiểu rõ ràng, nhất định phải hiểu rành rẽ, quý vị sẽ có thể thực hiện rất nghiêm túc, rất nghiêm túc nỗ lực tu phước, quý vị tận tâm tận lực giới thiệu những thiện pháp ấy cho người khác. Thời đại hiện tại khó khăn hơn xưa kia. Tuy khó, chớ sợ! Chỉ cần người ta có thể nghe lọt tai, có thể tiếp nhận, bèn giới thiệu. Họ chẳng thể tiếp nhận, chớ nên miễn cưỡng. Nói chung, khiến cho kẻ khác sanh tâm hoan hỷ. Họ có thể tiếp nhận điều gì, quý vị sẽ giới thiệu điều ấy. [Điều gì] họ chẳng thể tiếp nhận, đừng nói với họ. Cư xử cùng hết thầy chúng sanh đều đại hoan hỷ. Tâm của chính mình ngày càng thanh tịnh, trí huệ ngày càng sáng suốt, sáng suốt đến mức có thể thấy thấu suốt đời trước, kiếp sau, lẽ nào quý vị chẳng vui sướng?

Nói thật ra, con người chớ nên có tâm tham. Người sống trong thế gian, nhu cầu trong một đời rất hữu hạn. Nhu cầu trong một ngày cũng rất hữu hạn, quý vị một ngày có thể ăn bao nhiêu? Quý vị có thể hưởng thụ bao nhiêu? Nói thật thà, về phương diện vật chất cũng bất quá ngày ăn ba bữa, đêm nằm [chiếm chỗ] sáu thước! Dầu giường to đến mấy đi nữa, cũng chẳng hơn sáu thước dài, hai thước rộng, quý vị còn có thể phóng to thân thể hơn nữa chẳng? Chẳng thể nào có chuyện đó! Vì thế, chỉ cần thật sự hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch, quý vị mới biết cuộc sống càng đơn giản càng khỏe mạnh, cuộc sống càng đơn giản càng sung sướng. Trong một đời người, thật sự đạt đến “chẳng có phiền não, chẳng có lo âu, chẳng có vương mắc, chẳng có sức ép”, quý vị nói xem, có vui sướng lắm hay không? Đừng thấy những kẻ phú quý [rồi ham chuộng], tuy họ phú quý, chẳng vui sướng. Phú quý mà chẳng vui sướng, chẳng bằng nghèo nàn mà sung sướng! Điều này rất hiện thực. Bần cùng mà sung sướng, thứ gì cũng đều chẳng có, suốt đời sống rất hạnh phúc, rất sung sướng, đây là rất mỹ mãn. Tuyệt đối chẳng phải là do có địa vị, quyền thế, của cải, chẳng liên quan đến những thứ đó!

Thật sự vui sướng là đọc sách. Đối với kẻ chẳng đọc sách, niềm vui do đọc sách thì họ có nằm mộng vẫn chẳng mơ được. Quý vị nói với họ kiểu nào đi nữa, họ vẫn nghe chẳng hiểu. Vì sao? Họ chưa từng đọc sách, chẳng biết đến niềm vui do đọc sách. Một khi đã nếm niềm vui đọc sách rồi, thứ gì cũng đều buông xuống. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, [ngôi vị] đế vương cũng chẳng màng. Ngài An Thế Cao làm hoàng đế nửa năm, chẳng muốn làm nữa, xuất gia. Vì sao? So với

sự vui sướng ấy, [xuất gia mới là] thật sự hưởng thụ. Thầy Phương nói “*sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”, chẳng phải là đế vương, chẳng phải là của cải, chẳng phải là quyền thế. Sự hưởng thụ cao nhất trong đời người là đọc sách, trí huệ. Nói rộng ra, sẽ là luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ. Đây là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người. Chẳng kể nhập cảnh giới thì sẽ không được!

Trong Luận Ngũ, phu tử đã nói hay lắm: “*Học rồi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Đây là tự mình hưởng thụ, tức là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người như Phương tiên sinh đã nói. “*Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?), sự hưởng thụ ấy khá lớn, ta cùng hưởng sự hưởng thụ cao nhất với các bạn bè chí đồng đạo hợp. Đương nhiên kẻ chí đồng đạo hợp chẳng nhiều! Chẳng nhiều, không sao hết! Ba người, năm người, mười người, tám người đủ rồi! Một người trong một đời gặp gỡ kẻ tri kỷ, cô nhân nói là quý vị đã chẳng sống uổng phí, sanh mạng của quý vị có giá trị, có ý nghĩa. Nếu suốt đời chẳng gặp tri kỷ nào, người ấy rất cô đơn, rất đáng thương, đây đều là lời thật.

Chúng ta hiểu đạo lý này, trông thấy đại thần, biết đại thần tu phước hết sức thuận tiện. Nay chúng ta tuy chẳng thuộc địa vị đại thần, nhưng trong hiện tại, khoa học kỹ thuật phát triển, thông tin phát triển, chúng ta tu phước, tu đại phước dễ hơn người xưa quá nhiều! Vì thế, tôi thường khuyên người khác, dạy họ, tốt nhất là làm đĩa CD. Giống như trong hiện thời, tôi thường khuyên lon người khác, Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Liễu Phạm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên, chúng ta có thể làm được hay không? Có thể! Chúng ta đọc tụng, làm thành CD, có âm thanh, chẳng cần phải có hình tượng con người, có chữ hiện lên màn hình, đây là “sách nói”, hướng dẫn người khác có niệm ấy, [đây là] chuyện tốt đẹp! Chuyện này phí tổn rất thấp, in một quyển sách phải tốn không ít tiền. Làm một đĩa CD rất rẻ! Ta có thể làm mười đĩa, làm một trăm đĩa, làm một ngàn đĩa để lưu thông khắp nơi tặng cho kẻ khác. Đây là “*tập hành chúng thiện*”, dễ dàng, vì sao chẳng làm?

Hiện thời, làm kiểu này thuận tiện nhất, vì người hiện thời chẳng thích đọc sách, mà thích xem TV. Xem người trong TV chẳng có ý nghĩa chi hết, không bằng xem văn tự. Có âm thanh, có văn tự, chính mình có thể đọc theo, người một nhà có thể đọc theo. Trong công ty, hãng xưởng, cửa hiệu của quý vị, công nhân viên chức của quý vị có thể đọc theo. Lúc làm việc chẳng thể đọc, chẳng hạn như lúc ăn cơm, trong nhà ăn có thể phát ra để đọc theo, lúc nghỉ ngơi có thể đọc theo. Buổi tối, khi về nhà, đừng xem TV, TV là ô nhiễm, hãy mở đĩa CD ấy để đọc, tăng tấn đức hạnh, tăng trưởng trí huệ của chính mình, hữu ích rất lớn trong việc tiêu trừ tập khí phiền não. Hãy suy ngẫm chuyện này,

đó có phải là “đại thân” đang thực hiện hay không? Đúng thế! Chúng ta cũng có thể làm. A! Nay đã hết thời gian rồi, hôm nay chúng tôi nói đến chỗ này!

Tập 1557

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ bảy trong phần Kê Tụng, [tức phần] “đáo thành khát thực thời nguyện” (到城乞食時願, nguyện khi đã đến thành thị, khát thực). Chúng ta xem bài kệ thứ nhất:

(Kinh) Nhược kiến thành quách, đương nguyện chúng sanh, đắc kiên cố thân, tâm vô sở khuất.

(經)若見城郭。當願眾生。得堅固身。心無所屈。

(Kinh: Nếu thấy thành quách, nguyện cho chúng sanh, được thân kiên cố, tâm chẳng khuất lấp).

Đây là đến chỗ khát thực. Đoạn lớn phía trước gồm hai mươi bốn nguyện, đều là từ trên đường trông thấy hết thấy người và sự việc mà dẫn phát đại nguyện. Đã đến đích, trong quá khứ, chúng ta đọc kinh đã thấy: Thông thường, người xuất gia lập đạo tràng ở ngoài thành. Thời đức Thế Tôn, chúng ta biết trong đạo tràng hoàn toàn chẳng có phòng ốc, chẳng hề có. Các Ngài đều ở dưới cội cây, thật sự là “giữa trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây”. Vì thế, chỗ nghỉ ngơi hằng ngày đều thay đổi! Đức Thế Tôn chẳng cho phép. Chẳng hạn như cội đại thụ này rất to, quý vị thấy bóng râm rất ưa thích, mỗi ngày đều đến nơi đây để tĩnh tọa, hoặc nghỉ ngơi. Đức Thế Tôn sợ quý vị nầy sanh lòng lưu luyến đối với nơi đây; vì thế, chỉ cho phép nghỉ lại một tối, đến hôm sau, ắt phải chọn nơi khác để nghỉ ngơi. Quý vị thấy trong thuở đó, đức Phật đã ngăn ngừa cho các đệ tử, sợ sẽ dẫn khởi phiền não nầy sanh. Ái dục là phiền não, ưa thích hoàn cảnh ấy chính là phiền não. Hết thấy đều phải dùng cái tâm bình đạm, tâm bình thường để cư xử. Sự thọ dụng trong tu học Phật pháp ở ngay trong cuộc sống hằng ngày; nếu chẳng đạt được sự thọ dụng trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta học Phật để làm gì cơ chứ? Học để sử dụng, chớ nên không biết đạo lý này!

Khát thực cũng không cho phép quý vị hằng ngày chỉ tới khát thực ở một nhà, chẳng được phép! Quy củ là chỉ có thể khát thực bảy nhà. Nếu một nhà cúng dường rất phong phú, quý vị đã đựng đầy bát rồi, chẳng cần đến nhà thứ hai. Nếu cảm thấy cơm chẳng đủ, quý vị có thể xin tại nhà thứ hai, nhà thứ ba. Tới khi quý vị nghĩ là đủ rồi, sẽ chẳng cần [đến xin những nhà sau đó nữa]. Nhưng nếu liên tục cả bảy nhà đều chẳng xin được, chẳng thể lại đến nhà thứ tám, hãy nhanh

chống quay về. Trở về thì có cái để ăn hay chẳng? Có chứ! Vì khát thực chẳng phải là một mình ta ăn. Sau khi đã xin được cơm, nhất định phải quay về đạo tràng; sau đấy, mỗi người đem cơm xin được trộn lẫn với nhau, lại chia ra. Do vậy, cơm ấy được gọi là “*ca-sa phạn*”. Ngạn ngữ Trung Hoa thường nói “*nhất bát thiên gia phạn*” (một bát cơm ngàn nhà), chẳng giả! Quý vị thấy các đệ tử thường tùy của đức Thế Tôn là một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, mỗi vị khát thực, chẳng phải là cơm ngàn nhà ư? Trộn lẫn lại rồi chia ra, xét theo bản thân quý vị cần nhiều hay ít mà chia, xác thực là “*một bát cơm ngàn nhà*”. Đây là thật sự đạt đến công bằng, chẳng có đôi xử trọng hậu hay bạc bẽo. Đối với Lục Hòa Kính như nhà Phật đã nói, đây mới là thật sự thực hiện Lợi Hòa Đồng Quân, ăn uống hoàn toàn như nhau! Chẳng phải là quý vị xin cơm từ nhà này đồ ăn ngon lành, nhà kia tệ hơn, [mà là] thấy đều trộn lẫn với nhau. Quý vị thấy cuộc sống của Tăng đoàn công bằng như thế đó!

Nơi Tăng đoàn tụ tập cách biệt thành thị hoặc hương trấn, [thành thị hoặc hương trấn] là chỗ khát thực, chẳng thể cách biệt quá xa. Theo kinh điển ghi chép, thông thường gần như là khoảng ba, bốn dặm. Ba, bốn dặm thời cổ chẳng hơn hai cây số trong hiện thời. Quý vị đi và về gần như là đi bốn cây số. Khoảng cách ấy chẳng thể coi là dài, sẽ không làm quý vị mất nhiều thời gian. Không giống đạo tràng của Phật giáo Trung Hoa! Đạo tràng của Phật giáo Trung Hoa chẳng cần khát thực. Đạo tràng [tại Trung Hoa] đều xây dựng theo kiểu cung điện, có phòng ốc, chẳng phải là qua đêm dưới cội cây. Đạo tràng như vậy thường kiến lập trong núi sâu, cách đô thị khá xa, [vì] họ chẳng cần khát thực.

Kinh tế của tự viện Trung Hoa dựa vào gì? Dựa vào sự bố thí của tín chúng. Bố thí không coi trọng tiền tài; trong quá khứ, người ta thí xả toàn là đất đai trong vùng núi, ruộng nương, bố thí cho tự viện. Vì thế, tự viện có ruộng, có núi. Ruộng và núi đều để cho nông dân cày cấy, ruộng của tự viện chẳng phải nạp tô cho chánh quyền. Cày cấy ruộng nương của tự viện thì khi thu hoạch phải chia một phần cho tự viện, cho thường trụ. Do đó, thu nhập kinh tế của tự viện khá ổn định, chẳng cần dựa vào sự quyên mộ hóa duyên tín chúng từng lúc, chẳng cần thiết! Cũng có những đạo tràng do quốc gia kiến lập, [chánh quyền] nhất định sẽ cắt ra một vùng đất hoặc núi rừng giao cho đạo tràng. Đây là thu nhập kinh tế của nhà chùa. Về sau, người xuất gia cũng tự mình cày cấy; chuyện này do Bách Trượng đại sư lão nhân gia đề xướng, gọi là “*nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực*” (một ngày không làm, suốt ngày đó chẳng ăn). Trồng lương thực, trồng hoa quả, trồng rau dưa, người xuất gia tự mình gieo trồng, nhưng đa số vẫn là thuê nông dân cày cấy. Đây là thu nhập kinh tế, chẳng giống như Ấn Độ vào thời cổ.

[Tăng đoàn ở] Ân Độ vào thời cổ nhất thực, [do đó, đạo tràng] chẳng thể cách biệt thôn trấn, thành thị quá xa!

Trước kia có thành, có quách¹¹, hiện thời chẳng có. Hiện thời, tôi nghe nói thành Tây An ở Trung Hoa vẫn còn, dường như tường thành ở các thành thị khác đều bị triệt hạ. Trước kia thì có, khi chúng tôi còn bé, ở quê nhà, thuở đó, thông thường là huyện thành đều có tường thành. Sau khi đã phá đi, có thể là trong thời chiến tranh chống Nhật, vì những tường thành chẳng chống nổi hỏa pháo hiện đại, nhằm giúp mọi người thuận tiện tản cư, tránh né chiến tranh mà có những nơi phá hủy các tường thành ấy, chuyện này rất đáng tiếc. “Thành quách” xưa kia là phòng lũy bảo vệ, nói theo ý nghĩa kiên cố của nó. Do vậy, [Bồ Tát] phát đại nguyện, “*đắc kiên cố thân, tâm vô sở khuất*” (được thân kiên cố, tâm chẳng khuất lấp).

Thân như thế nào mới là “*kiên cố thân*”? Chuyện này ắt cần phải xét theo giáo pháp Đại Thừa, chẳng phải là bảo quý vị hằng ngày rèn luyện thân thể, rèn luyện công phu, chẳng phải là ý nghĩa ấy. Trong Phật pháp, xác thực là “*đắc đạo*” thì tám thân sẽ kiên cố! Quý vị đọc kinh Vãng Sanh thấy nói: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ đạt được tám thân kiên cố thật sự, “*tử ma chân kim sắc thân*” (thân có màu như vàng tía được trau giồi sáng bóng), trọn đủ tướng hảo, chẳng phải [chỉ là] ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. Ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo là [thân tướng của đức Phật] trong thế giới Sa Bà, ở trên quả địa cầu này! Thân tướng trong thế giới Cực Lạc xác thực là “*thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo!*” Các đồng học học Phật phải biết, đây chính là mục tiêu tu học thật sự của chúng ta. Chớ nên tham luyến thế giới này. Hễ tham luyến thế gian này, sẽ chẳng đến thế giới Cực Lạc được! Nếu chẳng thể đến thế giới Cực Lạc, ở trong thế gian này, nói thật ra, vẫn là thân kiên cố. Thân kiên cố là như thế nào? Tôi nghĩ mấy bữa nay, các đồng học nghe cư sĩ Chung Mậu Sâm nói về chuyện luân hồi nhân quả ở phương Tây đã được họ (người Âu Tây) dùng phương pháp khoa học chứng minh. Quý vị nghe rồi [sẽ biết] ông ta kể không ít trường hợp, đều là chân thật!

Người ngoại quốc dùng phương pháp thôi miên để cho người ấy (người được thôi miên) trở lại đời quá khứ, tự thuật trạng huống sinh

¹¹ Quách (郭), còn gọi là “*thành tường*” (城墙), là lớp tường thành bọc ngoài lớp tường thành chính để tăng thêm tác dụng bảo vệ. Phía ngoài lớp Quách thường có hệ thống hào sâu để ngăn ngừa địch quân áp sát chân thành tấn công. Hệ thống hào nước sâu này được gọi là “*thành hào*” (城濠), hoặc “*hộ thành hà*” (護城河). Trên quách, thường có những chỗ xây lõm xuống gọi là “*đào khẩu*” (堞口) để cung thủ có chỗ bắn tên ra. Cứ cách một quãng lại có “*thành lâu*” (城樓), tức là tháp canh. Tháp canh ở bốn góc được gọi là “*giác lâu*” (角樓). Cửa thành ở mỗi mặt của Quách tương ứng với cửa thành tại lớp tường thành chính.

hoạt trong đời quá khứ của chính mình. Nghiễm nhiên là có người có thể nhớ hơn một ngàn năm, luân hồi trong lục đạo mấy chục lần, chẳng phải là một lần. Trong khi được thối miên, có lúc có các vị thần linh thừa cơ hội ấy để tiết lộ rất nhiều tin tức, quý vị đều đã nghe cả rồi! Trong các tin tức ấy, có mấy điều rất quan trọng. Tôi nghe bằng thâu âm, điều quan trọng nhất là cho người đời biết: Sanh mạng là vĩnh hằng, chẳng có sanh tử. [Đã là] vĩnh hằng, chẳng có sanh tử, thì phải là tám thân thật sự kiên cố. Thân thể này có sanh tử, chẳng phải là linh tánh của quý vị có sanh tử. Linh tánh chẳng có sanh tử, quý vị có thể hết sức yên lòng! Nhưng trong phương diện này, quý vị cũng phải nghĩ có chuyện rất phiền phức. Trong lục đạo, con người xả thân, thọ thân giống như chúng ta thay quần áo. Quý vị thấy hằng ngày tối thiểu phải thay quần áo một lần. Buổi tối đi ngủ bèn cởi ra, sáng hôm sau thức dậy phải thay đổi, lại mặc quần áo. Cởi ra giống như chết, nói theo phương diện quần áo thì giống như chết, sáng hôm sau lại mặc tức là lại sanh. Nếu đổi một bộ quần áo mới, cái cũ chết đi, cái mới lại sanh ra, là chuyện như thế đó. Thật sự hiểu rõ đạo lý này, sẽ chẳng có ý niệm tham sống sợ chết! Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng chuyện này rất cặn kẽ! Vua Ba Tư Nặc nghe xong, hiểu rõ, hết sức hoan hỷ, vì vua ngỡ là có sanh tử. Đức Phật dạy “*chẳng có sanh tử*”, thân có sanh tử, tánh chẳng có sanh tử.

Ngài dạy trong thân thể quý vị, sanh diệt và bất sanh diệt hòa hợp. Sanh diệt là gì? Thân thể. Bất sanh diệt là gì? Nay chúng ta nói là tinh thần của quý vị. Đức Phật đã dạy rất rõ ràng, bất sanh bất diệt là gì? Căn tánh trong lục căn. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý là lục căn. Căn tánh của lục căn bất sanh bất diệt, đây mới là chính mình thật sự. Giáo pháp Đại Thừa nói “*minh tâm kiến tánh*”, khẳng định tâm tánh là chính mình, nhục thân chẳng phải là chính mình, ý thức cũng chẳng phải là chính mình, mà là “*một bộ phận tinh thần*” như chúng ta nói trong hiện thời. Nhục thể đương nhiên chẳng phải là chính mình, mà là một bộ phận của tinh thần, tức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước cũng chẳng phải là chính mình. Nếu quý vị tìm được chính mình thật sự, khẳng định, nhận thức nó, sẽ được gọi là thánh nhân, chuyên phàm thành thánh. Ai có thể chứng đắc? A La Hán, Bồ Tát, Phật Đà, những vị ấy đã thật sự tìm được, đã tìm ra chân ngã, bất sanh bất diệt.

Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì vẫn có sanh diệt, chúng ta có thể lý giải điều này. Suốt ngày từ sáng đến tối, chúng ta đầy vọng tưởng, chẳng phải là chỉ nghĩ đến một chuyện, chẳng biết đã nghĩ tưởng bao nhiêu chuyện! Niệm trước đã diệt, niệm sau lại sanh, suy nghĩ loạn xạ. Do đó, ý niệm là có sanh diệt, chẳng phải là thường trụ. Nhưng căn tánh nơi sáu căn, mắt có thể thấy, tánh Thấy bất sanh bất diệt. Tai có thể nghe, tánh Nghe bất sanh bất diệt. Âm thanh có sanh diệt, sắc tướng

có sanh diệt; phân biệt, chấp trước có sanh diệt. Tánh Thấy, tánh Nghe, tánh Ngửi, tánh Nếm chẳng có sanh diệt. Chẳng có sanh diệt chính là “*thân kiên cố*”. Vì thế, đối với những tánh ấy, nói theo kiểu hiện thời, sẽ chẳng phải là vật chất, cũng chẳng phải là tinh thần. Vì sao? Người hiện thời nói đến tinh thần, nói thật ra, đó chính là Kiến Phần của tám thức như Pháp Tướng Tông đã nói. Kiến Phần là tinh thần, Tướng Phần là vật chất, những thứ này đều chẳng thật. Gì là thật? Cái chân thật là Tự Chứng Phần, đó là thật! Kiến Phần và Tướng Phần do đâu mà có? Đều do Tự Chứng Phần biến hiện; đấy mới là thật. Đấy mới là “*kim cương bất hoại thân*”, còn gọi là chân tâm, còn gọi là bản tánh.

Nhà Phật nói đến cái tâm thì tâm có chân và vọng khác nhau. Tám thức là vọng tâm, tự tánh là chân tâm. Nhưng trước khi thấy chân tâm, quý vị ở trong lục đạo luân hồi, trong lục đạo luân hồi thì có vọng tâm. Nếu chẳng có vọng tâm, sẽ chẳng có luân hồi. Nhưng vọng tâm chẳng phải là vật chất; do vậy, nó chẳng có sự sanh tử nơi nhục thân, chẳng có sự sanh tử ấy, chúng ta thường gọi nó là “*linh hồn*”. Nó có thể đi đầu thai, lại tìm một thân thể khác. Thần linh cũng đã tiết lộ, những kẻ đầu thai vào thế gian này, vì sao có thể đến đầu thai? Họ nói chẳng ngoài hai loại nguyên nhân, một loại là đến trả nợ, loại kia là “*đến làm phận sự*”. Họ nói là “*phận sự*”, có ý nghĩa như thế đó! [So với cách nói mơ hồ của thần linh], đức Phật nói rất rõ ràng! Phật pháp dạy người ta sanh vào thế gian này, luân hồi trong lục đạo, thật sự có hai loại:

1) Một loại là do nghiệp lực. Nghiệp lực chủ tế sự luân hồi. Nghiệp lực là gì? Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, vĩnh viễn làm những chuyện ấy, vĩnh viễn làm chẳng xong! Vì thế, Phật pháp nói ví von là “*sanh tử bì lao*” (生死疲勞, sanh tử nhọc nhằn, mệt mỏi), mệt chết luôn! Quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi thì sẽ là hiện tượng này.

2) Loại người thứ hai là gì? Chính là Phật, Bồ Tát thị hiện. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ ứng. Đó là “*thừa nguyện tái lai*” (乘願再來, nương theo nguyện mà trở lại), các Ngài chẳng do nghiệp lực. Các Ngài đến để làm gì? Các Ngài đến giúp đỡ chúng sanh khổ nạn. Thần linh thì nói là họ đến phục vụ, đến làm phận sự, chẳng phải là đến trả nợ. Vì thế, có hai loại người.

Chúng ta đến thế gian này, có sao mà đến? Chư vị nhất định phải hiểu, chúng ta do nghiệp lực mà đến. Hễ là phàm phu, [sẽ là] do nghiệp lực mà đến. Rất may mắn là đời này gặp gỡ Phật pháp; do gặp gỡ Phật pháp, hãy nên chuyên nghiệp lực thành nguyện lực. Tôi đã nói lời này mấy chục năm, chuyển bằng cách nào? Đời này chúng ta đã hiểu rõ, giác ngộ, nguyện lực của ta vượt trội nghiệp lực, sẽ chuyên biến. Thừa nguyện tái lai, chẳng cần nói đến chuyện ta đã sanh sang thế giới Cực Lạc rồi mới quay lại. Đó là thừa nguyện tái lai. Trong hiện thời là nâng

cao nguyện lực, khiến cho nguyện lực của chúng ta to hơn nghiệp lực, thân này sẽ chuyển, thật sự chuyển. Vì sao? Thân này có thọ lượng.

Quý vị thấy tiên sinh Liễu Phàm được Không tiên sinh đoán mạng, đoán chuẩn xác! Hiện thời, tôi nghe nói gần đây có phát hành một bộ đĩa CD, mỗi vị đồng học đều có thể thỉnh một bộ về nhà. Bộ phim ấy chỉ có hai đĩa, chính là giáo dục nhân quả. Tôi luôn hy vọng các đồng học sẽ lấy về, hằng ngày coi đó như công khóa để thực hiện, mỗi ngày nghe một lần. Quý vị nghe hai đĩa ấy hai tiếng đồng hồ, mỗi ngày thực hiện công khóa ấy hai tiếng đồng hồ, mỗi ngày đều chẳng gián đoạn. Nếu nghe hơn ba trăm lần, sẽ nảy sinh hiệu quả. Hiệu quả ấy có thể hữu ích cho quý vị, chuyển biến nghiệp lực của quý vị thành nguyện lực, quý vị sẽ sanh tử tự tại. Quý vị thấy thọ mạng của tiên sinh Liễu Phàm là năm mươi ba tuổi, suốt đời ông ta nghiêm túc nỗ lực đoạn ác tu thiện, thay đổi quan niệm của chính mình, nguyện lực to hơn nghiệp lực, ông ta sống đến bảy mươi bốn tuổi, sống lâu thêm hai mươi năm. Ông ta còn có thể sống lâu hơn nữa hay không? Có thể chứ! Nếu nguyện lực to hơn nữa. [Nguyện lực của] ông ta còn chưa đủ lớn, [nếu đủ lớn], sẽ chuyển được!

Khởi tâm động niệm chẳng vì chính mình, mà vì chúng sanh. Tiên sinh Liễu Phàm khởi tâm động niệm vì chính mình, vì chúng sanh, vẫn chẳng quên mất chính mình, [thế mà] đã chuyển. Chuyện này là một tấm gương rất hay cho chúng ta. Tôi đã thừa trình cùng các đồng học, giảng kinh trong nhiều năm qua, chẳng biết đã thừa trình bao nhiêu lần! Lúc tôi còn trẻ, có rất nhiều người đoán mạng cho tôi, ngay cả Cam Châu Hoạt Phật cũng nói tôi đoán mạng: Thọ mạng của tôi chỉ có bốn mươi lăm tuổi. Năm nay, tôi đã tám mươi tuổi, sống lâu hơn ba mươi lăm năm, vượt trời tiên sinh Liễu Phàm. Tiên sinh Liễu Phàm sống thêm hai mươi năm, tôi hơn cụ mười lăm năm, chuyển biến đấy! Trước khi tròn tám mươi tuổi, có lúc còn nghĩ ngợi vì chính mình, thỉnh thoảng còn nghĩ. Sau tám mươi tuổi, chẳng còn nghĩ đến chuyện của chính mình, niệm nào cũng [nghĩ tưởng] vì chúng sanh khổ nạn làm thêm một ít chuyện. Đây là như thần linh đã nói.

Do vậy, làm như thế nào để chuyển nghiệp lực của chính mình thành nguyện lực, phải hiểu đạo lý này! Nếu chẳng hiểu đạo lý này, quý vị đã phí công học Phật rồi! Quý vị có thể thật sự y giáo phụng hành, thật thà thực hiện, vun quén vững bền ba căn cội trong nền văn hóa truyền thống, tôi tin là từ ba năm đến năm năm, nguyện lực của quý vị sẽ vượt trời nghiệp lực. Vì sao chẳng làm? Ba căn cội ấy, căn cội nhà Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo, phải nghiêm túc học tập; căn cội của Nho là Đệ Tử Quy, căn cội của Đạo là Cấm Ứng Thiên. Cả ba căn cội ấy tiên sinh Liễu Phàm đều có, tuy có căn bản về Nho, chẳng chuyển được. Ông ta học Nho, là người tốt, tôi tin là những điều Đệ Tử

Quy đã dạy, chắc chắn ông ta đều làm được. Trước khi gặp thiền sư Vân Cốc, trong hai mươi năm, vận mạng hằng năm của ông ta đều hoàn toàn đúng như Khổng tiên sinh đã đoán định, chẳng biến hóa mảy may nào, chuẩn xác tốt bậc! Gặp gỡ thiền sư Vân Cốc, thiền sư Vân Cốc đã dạy ông ta căn cội của Phật và Đạo.

Đạo là gì? Công Quá Cách là Đạo. Những điều mục trong Công Quá Cách chính là [nội dung của] Cảm Ứng Thiên. Đối với Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới, Lục Độ, Tứ Nhiếp trong nhà Phật, tôi tin là thiền sư Vân Cốc chắc chắn truyền dạy ông ta những khoa mục cơ bản nhất ấy. Ông ta rất khó có, hết sức nghiêm túc, hết sức nỗ lực, ông ta làm được, vận mạng biến đổi toàn bộ! Trong mạng của ông ta chẳng có công danh. “*Chẳng có công danh*” tức là trong mạng chẳng có Cử Nhân, chẳng có Tiên Sĩ, bằng cấp của ông ta chỉ có thể đạt đến Tú Tài, đến Công Sanh, chẳng có Cử Nhân, chẳng có Tiên Sĩ. Nay chúng ta gọi “*công danh*” là “*học lịch*” (bằng cấp). Đến cuối cùng, ông ta thi đỗ Cử Nhân, cũng đỗ Tiên Sĩ. Trong mạng của ông ta vốn chẳng có những thứ ấy! Trong mạng chẳng có con cái; về sau, ông ta cầu con cái, thật sự sanh được một đứa con, đều là trong mạng chẳng có! Về sau, ông ta làm tri huyện Bảo Trì, trong mạng cũng chẳng có! Đó là một huyện lớn. Mạng của ông ta có thể làm Tri Huyện, nhưng thời gian cũng chẳng dài, chỉ có ba năm, lại còn là một huyện rất nhỏ, là một huyện rất nhỏ ở ven tỉnh Tứ Xuyên. Bảo Trì là một huyện lớn thuộc về kinh thành.

Đây là nguyện lực vượt trời nghiệp lực, đây mới thật sự là “*đắc kiên cố thân*” (đạt được thân kiên cố). Mạng của quý vị bất hảo, thường xuyên bị bệnh tật, khổ nạn vắn vít, nếu nguyện lực lớn hơn nghiệp lực, những thứ ấy thấy đều chẳng có. Quý vị có thể chẳng ngã bệnh, cần đến tâm thân khỏe mạnh, vì sao? Quý vị vì chúng sanh khổ nạn phục vụ. Để phục vụ, chẳng có thân thể sẽ không được. Thân thể là công cụ, đều đã sửa đổi.

Chúng ta thấy một cụ già, suốt đời phát nguyện, đúng là nguyện lực vượt trời nghiệp lực, là một khuôn mẫu rất tốt, tức là cư sĩ Hứa Triết ở Tân Gia Ba. Hình như mấy hôm nay bà ta sang Thượng Hải. Năm nay đã một trăm lẻ tám tuổi, vẫn phục vụ xã hội. Thân thể bà rất khỏe, hằng ngày ăn một bữa, cuộc sống hết sức đơn giản, tai mắt thông tỏ. Khi bà một trăm lẻ một tuổi, đã đến chỗ tôi xin quy y. Tôi truyền Tam Quy, Ngũ Giới cho bà cụ. Năm nay cụ đã một trăm lẻ tám tuổi. Hằng ngày, cụ phải chăm sóc hơn hai mươi nhà. Hơn hai mươi nhà ấy đều hết sức nghèo khổ, đều đã già, ông già, bà cả, chẳng có con cái chăm sóc, cuộc sống hết sức gian nan, bà cụ chăm sóc họ. Bà cụ đã một trăm lẻ tám tuổi, chiếu cố người già bảy, tám mươi tuổi, tai mắt thông tỏ, hành động nhanh nhẹn. Hằng ngày biếu gạo, biếu đồ ăn, biếu dầu cho hơn hai mươi nhà ấy.

Bà cụ đi khắp nơi tìm những đồng tham đạo hữu để quyên một ít tiền, bà cụ sẽ lo liệu. Tôi ở Tân Gia Ba, cũng thường giúp đỡ bà, bản thân bà không cần [tiêu xài gì], [sở dĩ bà quyên mộ tiền bạc là] để chăm sóc những người nghèo nàn đáng thương ấy. Bản thân bà chưa hề mua một bộ quần áo nào, từ đâu mà có quần áo để mặc? Lượm từ thùng rác! Người khác vứt đi, chẳng cần đến, bà nhặt về. Vừa vặn thì mặc, chẳng vừa thì sửa lại. Bản thân bà cũng sống cuộc đời nghèo hèn nhất. Bà bảo tôi: “Nếu tôi chẳng sống như vậy, ở chung với những người nghèo khổ ấy, [họ thấy tôi] là kẻ có tiền, có thế, là kẻ phú quý, sẽ tránh xa, chẳng dám tiếp cận”. Vì thế, muốn biến thành bạn bè, biến thành tri giao của họ, nhất định phải nghèo như họ, khổ như họ, họ sẽ rất hoan hỷ tiếp nhận. Đây là thật sự đại từ đại bi. Những gì bà ta đã học thấy đều thực hiện trong cuộc sống, [thực hiện] lâu dài chẳng suy giảm! Đây chính là tấm gương tốt đẹp, là khuôn mẫu tốt đẹp về “*đắc kiên cố thân, tâm vô sở khuất*” (được thân kiên cố, tâm chẳng khuất lấp).

Lại nghĩ những gì bà ta đã có thể làm, chúng ta có thể làm được hay không? Đương nhiên là có thể. Vì sao? Đó là nguyện lực, chẳng phải là nghiệp lực. Nghiệp lực của mỗi người chúng ta khác nhau. Trong đời quá khứ, quý vị tu phước, tích lũy công đức, đời này quý vị sanh trong thế gian này để hưởng phước. Phước báo của quý vị là do đã tu tập trong đời quá khứ. Đời này, trong thế gian này, hứng chịu rất nhiều khổ nạn, nghèo túng, trắc trở, là do đời quá khứ đã tạo nghiệp bất thiện, chẳng có cách nào sửa đổi điều ấy! Do vậy, gọi là “*ngiệp lực*”. Trong đời này, chúng ta học Phật đã hiểu rõ, biết số mạng là có, nhưng vận mạng chẳng phải là đã hình thành sẽ bất biến. Bởi lẽ, trong số mạng có định số và có biến số. Trước khi tiên sinh Liễu Phàm gặp gỡ thiền sư Vân Cốc, đó là định số, vì sao? Chính ông ta cũng chẳng tạo ác, nhưng cũng chẳng tu thiện, cho nên vận mạng mỗi năm được Không tiên sinh tiên đoán chuẩn xác dường ấy. Thiền sư Vân Cốc đã nói rất rõ ràng! Biến số là gì? Quý vị tạo ác, phước báo trong mạng quý vị bị hao tổn, bị biến hóa. Ví như Không tiên sinh đoán ông Liễu Phàm đậu hạng nhất, nhưng khi quý vị đi thi, đậu hạng ba, hoặc đậu hạng năm, thoái chuyên rồi, đó là gì? Quý vị đã tạo tác bất thiện. Nếu quý vị tạo điều thiện, tu thiện, trong mạng quý vị đáng lẽ đậu hạng ba, đột nhiên năm nay quý vị đỗ hạng nhất, đây là đã tiến cao hơn!

Do vậy, biến số là cộng, trừ, nhân, chia. Hằng ngày chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, thiện thì cộng, ác thì trừ, hằng ngày đều có cộng, trừ, nhân, chia! Nhưng mức độ cộng, trừ, nhân, chia chẳng lớn. Do vậy, tiên đoán vẫn rất chuẩn xác. Đại khái là chẳng sai lệch. Nếu là đại thiện hay đại ác, sẽ sai biệt rất lớn. Đại thiện bèn nhân lên, đại ác bèn chia ra, biến hóa hết sức to lớn. Ví như trong mạng quý vị đáng lẽ sống đến tám mươi tuổi, nhưng sáu mươi tuổi đã chết, thọ

mạng bị hụt mất hai mươi năm, khuyết giảm! Nếu quý vị tích lũy đại thiện, thọ mạng là tám mươi năm, quý vị có thể sống đến trăm tuổi, tức là cộng thêm hai mươi năm. Vì thế, từ trong khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác mà có cộng, trừ, nhân, chia. Thiện là gì? Ác là gì? Phàm những gì lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội thì là thiện. Lợi ích chính mình, tôn hại xã hội thì là ác. Do vậy, nhất định phải hiểu: Tồn người lợi mình, chắc chắn là ác; bỏ mình vì người chắc chắn là thiện. Đoạn ác hành thiện thì mới là thật sự đạt được thân kiên cố!

Vì chính mình, ví như trong mạng của quý vị, tức trong vận số của con người, các nhà tướng số đều biết cứ mỗi năm năm sẽ chuyển biến một lần, tức là mạng cứ năm năm chuyển biến một lần. Trong một đời này, quý vị có năm năm rất tốt đẹp, và có năm năm rất tồi tệ. Đây là cứ lấy mỗi năm năm trong suốt một đời quý vị để so sánh, nhất định là có [tình trạng như vậy]. Nhưng phước báo của mỗi cá nhân khác nhau, năm năm tốt nhất của Giáp có thể thua năm năm tốt nhất của Ất, Thậm chí năm năm kém cõi nhất của Ất vẫn còn tốt đẹp hơn năm năm tốt nhất của Giáp. Đây là vì trong đời quá khứ đã tu tập khác nhau. Người phương Đông nhấn mạnh chuyện này! Nay quý vị xem báo cáo của cư sĩ Chung Mậu Sâm, [sẽ thấy] người phương Tây cũng đã nêu ra [nhận định ấy]. Hơn nữa, còn từ thôi miên mà nhìn lại đời quá khứ, còn có kẻ đến từ súc sanh đạo, rất nhiều! Còn có kẻ đến từ ngoài hành tinh, tức thế tiên sanh, họ sống tại tinh cầu khác, sau khi đã chết từ bên đó, linh hồn của họ “bay” tới địa cầu, đến địa cầu lại tìm kiếm thân thể. Kiếm thân thể chính là đầu thai, đến chỗ này!

Do vậy có thể biết, linh tánh vĩnh viễn chẳng sanh diệt của chúng ta có không gian hoạt động rất lớn, không chỉ hạn cuộc nơi địa cầu, cũng chẳng hạn chế trong Thái Dương Hệ, cũng chẳng hạn chế trong thế giới Sa Bà. Thế giới Sa Bà có mười ức hệ Ngân Hà, đều là phạm vi sống của chúng ta. Nếu quý vị nói đến chuyện niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc; thế giới Cực Lạc là một đại thế giới khác, càng xa hơn! Vì thế, đức Phật đã dạy rất hay, hết thấy các cõi Phật trong khắp pháp giới hư không giới đều là chỗ để chúng ta xả thân, thọ thân. “Xả thân” là chúng ta lìa khỏi nơi đây; “thọ thân” là chúng ta đến chỗ kia, lại tìm một thân thể, linh tánh vĩnh viễn bất diệt. Vì thế, đã hiểu rõ, đã giác ngộ, phải làm một người tự do tự tại, Phật pháp nói là giải thoát. “Giải thoát” là gì? Giải thoát từ trong nghiệp lực, tự do tự tại là nguyện lực, [hay cũng có thể nói] “nguyện lực là tự do tự tại”. Thật sự mong phát khởi Tứ Hoằng Thệ Nguyện của chư Phật, Bồ Tát, “chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”. Nói theo kiểu hiện thời, “độ” (度) là giúp đỡ, hiệp trợ vô lượng vô biên chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới.

Chúng sanh khổ nạn nhiều lắm! Nói thật thà, không chỉ là thế giới này của chúng ta, mà thế giới nơi phương khác cũng thế, kẻ làm ác

nhiều, làm lành ít, quyết định là thiện ác hỗn tạp. Vì sao? Thế giới mới có thể tồn tại. Nếu trong thế giới này, chúng tôi nói là “*tinh cầu*” cho mọi người dễ hiểu, chúng sanh trong tinh cầu này hoàn toàn đều làm ác, chẳng làm lành, tinh cầu này sẽ bùng nổ, sẽ bị hủy diệt, chẳng thể duy trì, đạo lý ở chỗ này! Phạm là tinh cầu này còn có thể tồn tại, nhất định là thiện ác xen lẫn. Dẫu thiện ít, ác nhiều cũng chẳng sao, nó vẫn có thể tồn tại. Đến khi thiện quá ít so với ác, chắc chắn là nó sẽ bị hủy diệt, chúng ta gọi chuyện này là “*ngày tàn của thế giới*”. Lý và Sự đều phải hiểu rõ ràng, minh bạch. Trong phẩm Thế Giới Thành Trụ và Hoa Tạng Thế Giới thuộc phần đầu kinh Hoa Nghiêm đã nói rất cặn kẽ, nói rất nhiều. Có thế giới thuần thiện hay không? Có chứ! Nó vĩnh viễn tồn tại. Thế giới Cực Lạc vĩnh viễn tồn tại, thuần thiện, chẳng ác. Thế giới Hoa Tạng là thuần thiện, là cõi Thật Báo của Tỳ Lô Giá Na Phật, thuần thiện! Thế giới thuần thiện như thế giới Cực Lạc thì trong vũ trụ cũng chẳng ít. Khi nào chúng ta có thể đến chơi, đến thăm những thế giới ấy? Quý vị hội đủ điều kiện thì được, điều kiện là gì? Kiến tánh, [tức] minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh thì quý vị mới đắc đại tự tại. Minh tâm kiến tánh bằng cách nào?

Học Phật và Phật học là hai chuyện [khác nhau]. Cũng có đại học ở ngoại quốc đến tìm tôi, nhưng tôi không đi. Vì sao không đi? [Họ theo đuổi] Phật học, tức là coi Phật học như một thứ học vấn để nghiên cứu, chẳng nói đến chuyện y giáo tu hành. Quý vị thấy những người đó thường được gọi là Phật học gia, là tiến sĩ Phật học, hoặc chuyên gia Phật học, nói đến nổi hoa trời rơi lá tả, đạo lý rành rẽ, có nghe nói người nào trong số ấy khi lâm chung sẽ có thụy tướng hay chẳng? Chưa từng nghe! Học Phật là y giáo phụng hành, khi vãng sanh, tướng lành gì cũng đều có, thật sự thành tựu! Nói theo Lý, phạm phu thành Phật ngay trong một niệm, nơi Sự cũng là như thế, chỉ là quý vị chưa chuyển được ý niệm. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị vốn đã thành Phật. Quý vị thấy đơn giản lắm! Chẳng buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị là phạm phu, sẽ xả thân, thọ thân trong lục đạo, hoàn toàn do nghiệp lực chi phối quý vị. Nay chúng ta hy vọng nguyện lực sẽ lớn hơn nghiệp lực, vượt trội nghiệp lực trên một mức độ lớn. Trong một đời hiện tại này, hãy toàn tâm toàn lực giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, đời sau quyết định sanh về Tịnh Độ. Đây là học Phật, chẳng phải là Phật học. Đây là thật sự “*đắc kiên cố thân*”, thật sự “*tâm vô sở khuất*”. “*Tâm vô sở khuất*” chính là tâm tướng sự thành, mọi chuyện như ý. Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói bài kệ này tới đây!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem

tiếp bài kệ thứ hai:

(Kinh) Nhược kiến vương đô, đương nguyện chúng sanh, công đức cộng tu, tâm hằng hỷ lạc.

(經) 若見王都。當願眾生。功德共聚。心恆喜樂。

(Kinh: Nếu thấy kinh đô, nguyện cho chúng sanh, công đức cùng nhóm, tâm luôn hỷ lạc).

“Vương đô” (王都) là thành thị nơi quốc vương và chư hầu cư trụ. Trong phân trước là thành quách thông thường. Ở đây, kinh nói rõ là “vương đô”, tức là chỗ cư trụ của quốc vương hoặc chư hầu. Dẫn phát đại nguyện “đương nguyện chúng sanh, công đức cộng tu, tâm hằng hỷ lạc” (nguyện cho chúng sanh, công đức cùng nhóm, tâm luôn vui sướng). Vì đô thành, vào thời cổ gọi là “kinh sư” (京師) hoặc “kinh thành” (京城). “Kinh” (京) có nghĩa là “lớn”. Đô thị lớn, thành thị lớn được gọi là “kinh thành”. Tất nhiên là chỗ con người và văn hóa hội tụ, là chỗ tinh hoa của một quốc gia. Nó không chỉ là trung tâm chính trị, mà nhất định còn là trung tâm công thương, mậu dịch, nhất định là trung tâm học thuật. Từ xưa tới nay, Trung Hoa coi trọng học thuật nhất. Ngạn ngữ có câu “cầu tài ư thị”, “thị” (市) là chợ, là chỗ thị trường buôn bán. [Câu nói ấy có nghĩa là] nếu quý vị muốn cầu tiền tài, nhất định là phải cầu ở chỗ mà nay ta gọi là “đô thị công thương nghiệp”. “Cầu danh tại triều”, “triều” (朝) là vương đô. Đây là nói học thuật và đức hạnh của quý vị ở chỗ ấy mới có thể so sánh với người khác, mới vượt trội người khác được! Đây là nơi tập hợp nhân tài cả nước. Vì thế, dẫn phát “công đức cộng tu” (công đức cùng nhóm) trong lời đại nguyện.

Từ hai câu hoằng nguyện này, chúng ta biết điều trọng yếu nhất trong hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chính là đức hạnh, tức là giáo dục như văn hóa truyền thống của Trung Hoa đã nói. Vì thế, thủ đô được gọi là “kinh sư”, “sư” (師) có nghĩa là khuôn phép, học làm thầy người khác! Nơi chốn hoặc thành thị để vương cư trụ chính là khuôn mẫu, là gương mẫu cho tất cả các thành thị trong cả nước, nên gọi là “kinh sư”. Ở đây, nhân tài đông đảo, giáo dục tốt đẹp, dạy dỗ tốt lành! Đây chính là như trong năm ngàn năm qua, [đã có quan niệm] “kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên” (xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, dạy học làm đầu). Tôi thêm vào câu trên đây một câu nữa, câu ấy cũng do cổ nhân đã nói, từ hai câu, nay tôi nói thành ba câu: “Kiến quốc, quân dân, tu thân vi bản, giáo học vi tiên” (Xây dựng đất nước, cai trị nhân dân, tu thân làm gốc, dạy học làm đầu). Dạy học mà nếu chính mình chẳng tu thân, lấy gì để dạy? Tu thân là gì? Chính mình

làm được trước đã. Chẳng làm được, chẳng cần phải nói nữa. Nói ra, chẳng có ai tin tưởng! Vì thế, phải làm từ chính mình trước đã! Không Mạnh tự mình làm được, nói cho kẻ khác nghe, dạy người khác, người ta tin tưởng, bằng lòng tiếp nhận, bằng lòng học tập theo. Thích Ca Mâu Ni Phật tự mình làm được, cho nên mới có nhiều người học theo Ngài như vậy! Chính mình chẳng làm được, không được rồi! Lời nói và việc làm của quý vị chẳng giống Phật, nói một đấng, làm một nẻo, ai tin tưởng quý vị? Nói khó nghe một tí, ai tôn trọng quý vị? Ai coi trọng quý vị?

Vì thế, thầy luôn được gọi là “*phạm*” (範, khuôn phép). Tu tưởng, ngôn hạnh và cử chỉ của thầy là khuôn mẫu cho học trò. Không chỉ là khuôn mẫu cho học trò, mà còn là khuôn mẫu cho xã hội. Tuy thầy thanh bản, vì chẳng theo đuổi sự nghiệp sản xuất, quá nửa là lo dạy học. Dạy học chính là Pháp Bố Thí. Bản thân Thích Ca Mâu Ni Phật sau khi đã thành tựu đức hạnh và học vấn, những nhu cầu trong cuộc sống đều nhờ người khác cúng dường. Cúng dường chỉ mong vừa đủ, trọn chẳng cầu quá lố. Vì thế, đôi với nhu cầu trong cuộc sống, đức Phật đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch, thức ăn, quần áo, ngọa cụ (đệm ngủ phải trải đệm), thuốc men khi ngã bệnh, bốn thứ ấy được gọi là “*tứ sự cúng dường*”. Chẳng mong cầu xa hoa, có gì chẳng vừa ý? Ai chẳng hoan hỷ? Cuộc sống vật chất hết sức đơn giản, rất dễ thỏa mãn. Tâm Ngài định, Định sanh Huệ, do Định mới có thể khế nhập, chẳng có những nổi tư lự nào khác. Học vấn thế gian và xuất thế gian thầy đều là như vậy, chúng ta phải hiểu điều này!

Do vậy, đại chúng trong xã hội cúng dường Ngài, Ngài có công hiển gì cho xã hội? Công hiển rất to lớn! Kẻ bình phàm chẳng biết, nhưng đế vương biết. Kẻ bình phàm chẳng biết tôn kính, đế vương tôn kính, đế vương tôn Ngài làm thầy, gọi Ngài là “*quốc sư*”. Vì sao? Ngài là tấm gương cho nhân dân cả nước, ai nấy đều có thể học tập theo Ngài, [ngõ hầu] có đạo đức giống như Ngài. Nay chúng ta nói là “*học tập luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ*”, Ngài là tiêu chuẩn. Ở chỗ này, từ thời cổ đã có câu ngạn ngữ: “*Hiền nhân, quốc chi bảo*” (Hiền nhân là của báu của đất nước). Tuy cuộc sống vật chất của Ngài thanh bản, [nhưng Ngài là] quốc bảo! Quốc vương hy vọng xã hội an định, hy vọng thiên hạ thái bình, công tác ấy phải do ai thực hiện? Công tác ấy dành cho thầy. Đây mới thật sự thấu hiểu giáo huấn cổ xưa, “*kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (kiến thiết đất nước, cai trị nhân dân, giáo học làm đầu).

Tại Trung Hoa, mấy ngàn năm qua, có đế vương nào chẳng biết? Đế vương nào chẳng tuân hành? Nếu ông ta chẳng tuân theo, sẽ mất chánh quyền, sẽ bị kẻ khác thay thế. Quý vị thấy tại Trung Hoa, các hoàng đế cuối mỗi triều đại cũng hiểu rõ, nhưng họ chẳng tôn trọng, cứ

tùy thuận tập khí phiền não của chính mình, tham cầu hưởng thụ, chẳng tôn trọng luân lý, đạo đức. Kết quả là chánh quyền ấy bị người khác lật đổ, bị người khác thay thế. Nếu tôn trọng, chú vị phải hiệu, nhân dân chẳng muốn tạo phản. Tạo phản là chuyện rất khó. Tạo phản là do bị ép buộc bất đắc dĩ mới làm chuyện ấy! Tuy nhà vua chẳng tốt, chỉ cần miễn cưỡng có thể chịu đựng được, thì sẽ có thể duy trì an định. Đối với những người theo đuổi công việc dạy học, quý vị có thể tôn trọng họ ba phần, họ cũng rất hài lòng, xã hội bèn có thể an định, có thể hòa bình. Nếu quý vị có tám phần, chín phần tôn trọng học thuật, tôn trọng những người có học thức, thiên hạ sẽ đại trị, khăng định [là như thế]! Vì thế, cội nguồn bình trị hay loạn lạc ở ngay chỗ này, quý vị có coi trọng giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả hay không?

Biểu hiện rõ rệt nhất là tại thủ đô, tại kinh sư. “*Vương đô*” là kinh sư, ở đây, biểu hiện rõ rệt nhất: Nhà vua tôn sư trọng đạo! Trong cổ lễ Trung Hoa, do lãnh thổ rộng lớn, dân cư đông đúc, trong quá khứ là mấy ức, hiện thời là mười mấy ức. Trong khu vực châu Á, chẳng nước nào sánh bằng Trung Hoa; vì thế, từ xưa, Trung Hoa xưng là “*thiên triều*”. Tuy là nói tự tôn tự đại, nhưng nó có giáo học luân lý, đạo đức. Tuy là thiên triều, nhưng chẳng dám khinh thường những tiểu quốc láng giềng ở bốn phía. Những nước nhỏ láng giềng đến Trung Hoa triều cống, tức là triều cống hoàng đế, hoàng đế đối xử với họ lễ độ có thừa, chẳng lơ là, khinh mạn, toàn là đối xử theo đúng lễ giữa chủ và khách. Các nước nhỏ biểu một chút cống phẩm, hiện thời gọi cống phẩm (貢品) là lễ vật, nhưng đế vương Trung Hoa tỏ ra phong độ của đại quốc, lễ vật tặng lại nhất định phải ban tặng nhiều hơn đồ tiến cống. Cũng có nghĩa là quyết định chẳng thể chiếm đoạt chút tiện nghi của kẻ khác, phải đối đãi trọng hậu đối với tân khách. Đây là gì? Đây là thực hiện giáo dục luân lý, đạo đức. Vì thế, [kinh đô] chính là chỗ văn vật tụ hội.

Trong các huyện thị trên cả nước, thực hiện các biện pháp chánh trị đều học tập theo vương đô, phỏng theo phương thức thi hành chánh trị ở vương đô. Do vậy, tại vương đô có trường Thái Học (太學), tại các huyện thị có huyện học (縣學, trường huyện). Tiệc tùng chánh thức, chỗ ngồi trong yến tiệc có tôn ty. Đại khái là những ghế hàng đầu nhất định dành cho người đọc sách, dành cho thầy. Do đó, đối với địa vị trong xã hội xưa kia, người đọc sách rất nghèo, nhưng rất có địa vị trong xã hội, sĩ, nông, công, thương, “*sĩ*” (士) là người đọc sách. “*Học nhi ưu tắc sĩ*” (Học vấn ưu tú bèn làm quan). [Chữ Sĩ (仕, quan lại)] là chữ Sĩ (士) thêm chữ Nhân (人) vào bên cạnh, có nghĩa là “*tùng chánh*” (從政, ra làm quan). Cũng có nghĩa là những cán bộ trong chánh quyền của nước nhà được chọn lựa từ nơi đâu? Từ những ai học thuật, luân lý, đạo đức,

nhân quả, trí huệ đều trọn đủ, chọn lựa từ những người ấy, tuyển chọn, đề bạt nhân tài! Nhà trường là nơi để dạy dỗ bồi dưỡng cán bộ cho nước nhà, đó gọi là “học vấn ưu tú bèn được quốc gia chọn lựa, phân phối công việc cho quý vị”.

Nhưng trong thành tích chánh trị, Trung Hoa lại chẳng giống ngoại quốc. Quý vị làm quan ở địa phương này, điều quan trọng nhất nhà vua đòi hỏi quý vị là tuyển chọn, đề bạt nhân tài cho nước nhà. Do vậy, nhân tài tại Trung Hoa là tuyển cử. Sự tuyển cử ấy chẳng phải do dân chúng bỏ phiếu, chẳng phải vậy! Tất nhiên là do quan viên địa phương ngấm ngấm điều tra, chọn lựa phương thức ấy. “*Ngấm ngấm điều tra*” là vì những quan viên ấy dân chúng bình phàm hoàn toàn chẳng nhận biết, chẳng như hiện thời có báo chí, có TV, có thể trông thấy họ thường xuyên, trước kia chẳng có. Nếu họ mặc quan phục, quý vị sẽ biết người đó là quan. Nếu họ ăn mặc như bình dân, về căn bản là quý vị sẽ chẳng nhận biết. Vì thế, “*ngấm ngấm điều tra*” là mặc quần áo bình dân, đi xem xét, nghe ngóng các nơi. Tuyển chọn, đề bạt có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn gồm hai điều kiện, tức là hiếu và liêm. Nghe ngóng những thanh thiếu niên ở nơi ấy có hiếu thuận với cha mẹ hay không, đặc biệt rõ ràng là hiếu thuận đối với cha mẹ. Lại nghe ngóng coi kẻ đó có liêm khiết, trọn chẳng khinh thường, dễ dãi tiếp nhận đồ biếu tặng hoặc cúng dường của kẻ khác, chẳng tiếp nhận [cúng dường hay không]?

Đối với hai điều kiện ấy, điều kiện thứ nhất là kẻ đó có thể hiếu thuận với cha mẹ, sẽ có thể tận trung với nước nhà, sẽ có thể yêu thương, che chở nhân dân. Liêm khiết thì sẽ chẳng tham ô. Vì thế, điều kiện để quốc gia chọn lựa, đề bạt cán bộ là hai điều ấy. Hai điều kiện ấy chính là điều kiện cơ bản. Quý vị thấy từ xưa tới nay, từ đời Hán đã quy định cử Hiếu Liêm. Chế độ ấy từ đời Hán mãi cho đến đời Thanh vẫn tuân theo thể lệ ấy. Quan viên địa phương thường đi khắp nơi nghe ngóng, nơi đây có hiếu tử, biết liêm khiết, sẽ đề bạt lên chánh phủ, tâu lên hoàng thượng để đưa kẻ ấy về vương đô học hành trong trường Thái Học. Đây là vinh dự hết sức cao. Vì vào học trong trường Thái Học toàn là do nhà nước chi trả, trước kia nói là “*quan phí*” (官費), chính mình chẳng cần đóng tiền, quốc gia bồi dưỡng quý vị.

Trên thực tế, ở huyện, trong trường huyện đã là quan phí. Trường học ở huyện cũng là tuyển chọn [những sĩ tử] phù hợp hai điều kiện hiếu và liêm ấy. Trước hết là tuyển vào học tại trường huyện, có thành tích ưu tú, khác lạ tại trường huyện, sẽ cử đến học trường Thái Học ở kinh sư. Trong danh sách hạn định sĩ tử đi học, có thể là một huyện chỉ có thể cử một người, lại còn chẳng phải là hằng năm. [Nếu cử] hằng năm, Trung Hoa có đến mấy ngàn huyện, nhà trường (trường Thái Học) sẽ không thể chứa nổi! Do vậy, thông thường dường như là

ba năm, cứ ba năm có thể cử một người. Hằng năm, tại trường huyện đều mở khoa thi, người nào luôn đỗ đầu, điều quan trọng nhất trong khảo thí chính là phẩm đức và học thuật của quý vị đều xếp hàng đầu suốt ba năm, quý vị sẽ có thể được chọn vào trường Thái Học [là chỗ] nhân tài tụ tập.

Trong Phật pháp, chúng ta phải hiểu sách vở của chúng ta là kinh Phật, chẳng thể quên mất Phật pháp. Phật pháp chọn lựa nhân tài theo tiêu chuẩn nào? Trong giáo pháp Đại Thừa đã nói quá nhiều, “*phát Bồ Đề tâm*”, đây là tiêu chuẩn. Phát Bồ Đề tâm, nói thông thường là Tứ Hoàng Thệ Nguyện, thứ nhất là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”, đây là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Quý vị phải phát nguyện độ các chúng sanh khổ nạn. Nói theo kiểu hiện thời, “*độ*” chính là dạy học. Vì sao người ta có khổ? Khổ do mê mà có; mê hoặc, điên đảo, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều nghĩ sai, nhìn sai, nói sai, làm sai, chuốc lấy ác báo. Đây là nhân quả báo ứng! Phải giúp họ lìa khổ được vui bằng cách nào? Giúp họ giác ngộ, giác là cái nhân của lạc. Lạc là cái quả của giác. Giống như vậy, cái nhân của khổ là mê, quả của mê là khổ. Do lẽ này, đức Phật giúp chúng sanh lìa khổ được vui bằng phương pháp nào? Sử dụng giáo học. Giáo học được gọi là Pháp Bồ Thí.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói đến chuyện “*giáo lượng bố thí*” (較量布施, so lường sự bố thí), “*giáo*” (較) là so sánh. Kinh Kim Cang mọi người quen thuộc nhất, đọc phổ biến nhất, trong kinh đã nói [về chuyện giáo lượng công đức bố thí] rất nhiều! Bố thí bảy báu trọn khắp đại thiên thế giới, đây là nói tỷ dụ, chẳng tuyệt vời lắm ư? Đó là phước báo to cỡ nào! Bố thí bảy báu đầy ấp đại thiên thế giới chẳng sánh bằng người nói bốn câu kệ, công đức của Pháp Bồ Thí to lớn. Đây là đạo lý gì vậy? Bảy báu trọn khắp đại thiên thế giới là vật chất, vật chất có thể giải quyết những thiếu hụt nghèo túng trong cuộc sống vật chất của quý vị, có thể giúp đỡ về phương diện ấy, nhưng chẳng thể giúp quý vị liễn sanh tử, chẳng thể giúp quý vị thoát tam giới. Quý vị chỉ có thể hưởng thụ trong đời này, chẳng thể giúp cho đời sau được.

Vì thế, bố thí bảy báu trong đại thiên thế giới là có hạn lượng. Nhưng đối với bốn câu kệ trong kinh Phật, nếu người ấy thật sự nghe hiểu, nghe minh bạch, lập tức khai ngộ, công đức ấy quá to! Hễ khai ngộ thì sao? Người ấy không chỉ là vượt thoát lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới, những nỗi khổ trong lục đạo và mười pháp giới người ấy thảy đều vượt thoát. Có những trường hợp nào giống như vậy hay không? Trong kinh giáo, những trường hợp như vậy quá nhiều! Tại Trung Hoa, nổi tiếng nhất là chuyện Thiên Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư, rất nhiều người biết vị này. Tại Bắc Kinh, có một vị đồng tu trong

Phật môn là Cao cư sĩ, ông ta “*thuyết thư*”¹² hết sức hay, đã ghi âm thành bộ đĩa chuyên môn kể chuyện về Lục Tổ Huệ Năng. Đại khái là hai, ba tháng nữa, bộ băng ấy có thể hoàn thành. Trong tương lai, sau khi nhận được, ở đây có thể phát sóng, hãy nghe những câu chuyện về Huệ Năng đại sư.

Thật vậy, Ngũ Tổ đã vì Ngài nói bốn câu kệ, Ngài khai ngộ! Chuyện này chứng tỏ Pháp Bồ Thí, Pháp Cúng Đường vượt trời Tài Bồ Thí, Tài Cúng Đường chẳng thể sánh bằng, không thể sánh bằng được! Vì thế, chúng ta cũng biết, học Phật là tích lũy công đức. Phải chú ý điều này, công đức! Công đức chứ không phải là phước đức đâu nhé! Tu Tài Bồ Thí là phước đức. Công đức là gì? Công (功) là công phu. Công phu tăng tấn, tăng cao hơn thì quý vị sẽ đạt được. Ví như hiện thời mọi người học Đệ Tử Quy, trong Đệ Tử Quy có tất cả một trăm mười ba chuyện, quý vị thấy đều làm được, thực hiện được, đó là công đức của quý vị viên mãn, quý vị đã làm được! Nếu nói “ta chỉ làm được một nửa, còn một nửa chưa làm được”, vậy thì quý vị có được một nửa công đức, công đức của quý vị chẳng viên mãn. Đây là công đức.

Do vậy, công đức chẳng có cách nào cho người khác, mà cũng chẳng có cách nào tu thay cho người khác. Người nào tu, người nấy đắc, đây là công đức. Phước đức thì chính mình tu được nhiều, phước của ta có thể cho người khác chung hưởng, có thể chia sẻ cho người khác hưởng. Phước đức có thể thí, công đức chẳng thể! Nếu có thể thí công đức, chúng ta chẳng cần phải tu hành! Công đức của Thích Ca Mâu Ni Phật rất lớn, Ngài chia một tí cho chúng ta chẳng phải là đủ rồi hay sao? Bởi lẽ, công đức chẳng có cách nào [chia sẻ]. Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự chia sẻ phước đức cho chúng ta hưởng. Trong phần trước, chúng ta đã đọc về chuyện này. Ví như người xuất gia trong hiện thời,

¹² Thuyết Thư (說書), hay còn gọi là Bình Thư (評書) là một hình thức kể chuyện theo lối giảng diễn rất thịnh hành vào thời cổ. Riêng tại Quảng Đông, Hồ Bắc thì gọi là Giảng Cổ (kể chuyện xưa). Hình thức này được thành lập từ đời Tống. Các nhà “*thuyết thư*” chuyên nghiệp thường là những người có học thức, có tài ăn nói, kể lại các câu chuyện (thường là những câu chuyện lịch sử) rất sinh động, hùng hồn, khiến cho người nghe trầm trồ tán thưởng. Người kể chuyện thường mặc trường bào, ngồi trước một cái bàn nhỏ, tay cầm quạt phe phẩy. Họ liên tục xếp quạt, mở quạt theo từng diễn biến để tạo hiệu quả. Đôi khi họ còn dùng tinh mộc, tức là khối gỗ nhỏ để gõ xuống bàn tạo thành một tiếng “cách” rất lớn để gây chú ý. Họ luyện cách nói nhân nhá, biết ngừng đúng những chỗ cao trào, khiến cho người nghe thắc mắc, háo hức muốn nghe thêm. Đôi khi đến chỗ cao trào họ ngưng ngang tại đó, sẽ hẹn ngày hôm sau kể tiếp, khiến người nghe hôm sau lại mò đến nghe. Có nhiều chuyện ai cũng biết như Thủy Hử, nhưng với tài nghệ của người Thuyết Thư, thính giả nghe đi nghe lại chẳng chán. Bộ Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa và Thủy Hử đã được biên soạn dựa theo những câu chuyện lưu hành trong dân gian từ các nhà Thuyết Thư, tức là những giai thoại không được ghi chép trong chánh sử.

nói thật ra, người xuất gia bất luận đức hạnh hay bất cứ phương diện nào vẫn đều là chẳng đủ, nhưng họ tiếp nhận mười phương cúng dường. Vì sao người trong mười phương cúng dường? Người trong mười phương thấy quý vị là đệ tử đức Phật; cho nên tín đồ Phật giáo đều vui lòng cúng dường quý vị. Do phước đức của Thích Ca Mâu Ni Phật [mà được cúng dường như thế], chẳng phải là do chính mình có phước, mà là hưởng phước của đức Phật, chớ nên không biết điều này! Quý vị có biết thì mới sẽ cảm ân đức Phật, hãy nên nghiêm túc khéo y giáo tu hành, chẳng cô phụ Thích Ca Mâu Ni Phật. Chẳng cô phụ thì chính mình trong tương lai sẽ có thành tựu, thành tựu nơi đạo nghiệp, xứng đáng với các tín chúng đã cúng dường. Nếu chính mình chẳng thành tựu, lẽ nào chẳng có lỗi với họ? Trong tương lai, nếu chẳng như pháp, sẽ phải đọa lạc. Đọa lạc thì trong tương lai phải trả nợ. Phật môn có một câu nói cũ mèm: “*Kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn*” (Đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đên). Chính là bốn câu kệ: “*Thí chủ nhất lap mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao đới giác hoàn*” (Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, kiếp này chẳng liễu đạo, đeo lông, đội sừng đên). Nếu quý vị chẳng thể thành tựu, [chẳng] thành tựu tức là nếu quý vị chẳng thể thoát lìa lục đạo luân hồi, do hiện thời quý vị tiếp nhận những thứ cúng dường của mười phương cho nên sẽ bị mắc nợ, trong tương lai, quý vị sẽ phải trả nợ!

Xuất gia và tại gia chẳng khác nhau. Người tại gia tu hành có thể tiếp nhận sự cúng dường của người khác hay chẳng? Có thể! Nếu họ thật sự cúng dường quý vị, quý vị thật sự niệm Phật vãng sanh, họ cũng có phước. Vãng sanh là thành Phật, hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư đều là thành tựu viên mãn ngay trong một đời, chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng có duyên phận xuất gia, dùng thân phận tại gia bề quan tu hành, có thể tiếp nhận cúng dường hay không? Có thể! Có thí chủ bằng lòng giúp cho quý vị thành tựu, quý vị hãy khéo tu hành, thật sự thành tựu để báo đáp. Xưa nay, trong ngoài nước, những trường hợp như thế rất nhiều. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, cư sĩ Duy Ma là hàng tại gia. Thích Ca Mâu Ni Phật có một nhóm học trò, cư sĩ Duy Ma cũng có một nhóm học trò. Do vậy, nói tứ chúng đệ tử tại gia và xuất gia, đều có Tài Bố Thí, đều có Pháp Bố Thí, Phật pháp mới có thể hưng vượng, chúng sanh mới có thể đắc độ. “*Đắc độ*” thì chúng sanh mới có thể lìa khổ được vui, mới có thể phá mê khai ngộ, chớ nên không biết [điều này]!

Vậy thì đối với người xuất gia, nếu chúng ta hỏi, Thích Ca Mâu Ni Phật ba y một bát, trước kia người xuất gia chắc chắn chẳng thể cầm tiền bạc, họ dùng gì để bố thí? Họ dùng nội tài để bố thí. “*Nội tài*” (內財) là thân thể, giống như hiện thời nói là “*làm công quả*”. Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời “*làm công quả*”, Ngài vì hết thầy chúng sanh.

Nói theo cách hiện thời, [sẽ là] “mở lớp dạy học, chẳng thu học phí”. Dạy học có phải hao tổn thể lực hay không? Có phải vận dụng tinh thần hay không? Thể lực và tinh thần là nội tài. Trong Tài Bố Thí, công đức của Nội Tài Bố Thí còn thù thắng hơn Ngoại Tài Bố Thí. Ngoại tài thì sao? Vật ngoài thân dầu quý vị bố thí nhiều đến mấy đi nữa, vẫn chẳng bằng chính mình hao công tốn sức. Đây gọi là Nội Tài. Phước báo của Nội Tài vượt trội Ngoại Tài. Vì thế, những vị xuất gia cũng có Tài Bố Thí. Rời khỏi thân thể này, rời khỏi tinh thần và trí huệ, quý vị dùng gì để bố thí cơ chứ? Do đó, bố thí có phạm vi hết sức rộng!

Trong tứ chúng đệ tử thì có vị xuất gia, có vị là tại gia. Học trò nói đến cúng dường thì cũng có Tài Cúng Dường, và cũng có Pháp Cúng Dường. Sử dụng tài lực thì là Tài Cúng Dường, vật chất cũng là Tài Cúng Dường. Dùng thân thể, nay nói là “làm công quả”, đến phục vụ những việc nhọc nhằn thì là Nội Tài Cúng Dường. Giúp sức hoằng pháp, công tác hoằng pháp có rất nhiều chuyện vụn vặt, chư vị đều biết chuyện này, cũng thuộc về Pháp Cúng Dường, như trong hiện thời hết sức phổ biến. Trước kia, Pháp Cúng Dường là gì? Quý vị nghe buổi giảng này, nghe thật sự có tâm đắc, nghe hoan hỷ, quý vị đi khắp nơi nói với người khác. Đây là Pháp Cúng Dường. Hiện thời thì sao? Hiện thời chúng ta có băng thâu hình, băng thâu âm, có sách vở, tuy chính mình chẳng có tiền, chẳng sao cả! Có rất nhiều người đã làm rất nhiều [những loại băng và sách ấy], quý vị lấy nhiều một tí, đến khắp nơi chia cho những người quý vị quen biết. Người nào có thể tiếp nhận thì giới thiệu cho họ; đây là Pháp Cúng Dường.

Tuy quý vị chẳng có tiền, “tôi lấy mấy đĩa từ trong đạo tràng này”, quý vị cầm lấy để giới thiệu, dùng thân thể của chính mình. Vì thế, đây là quý vị đã Nội Tài Cúng Dường. Cầm những sách vở, đĩa CD giới thiệu cho thân bằng hảo hữu, đây là Pháp Cúng Dường. Chớ nên không hiểu! Sau khi đã hiểu, quý vị mới thật sự thực hiện. Phật pháp sống động, chẳng chết cứng! Đã học thì phải học thông đạt, thông suốt chẳng trở ngại. Đây là quý vị thật sự có ngộ xứ. Quý vị chẳng học những thứ chết cứng, chẳng chết cứng nơi văn tự! Ấn Quang đại sư đã làm mẫu, đã khai thị cho chúng ta, chúng ta phải chú tâm thấu hiểu. Suốt đời lão nhân gia do mối quan hệ ngôn ngữ, Ngài là người phương Bắc, giọng địa phương chẳng đời, người phía Nam nghe không hiểu Ngài nói gì. Vì thế, Ngài chẳng có cách nào giảng kinh. Nhưng Ngài có một phương pháp khác, Ngài dùng văn tự. Vì thế, suốt đời tổ Ấn Quang dùng văn tự hoằng pháp. Ấn Quang Đại Sư Văn Sao độ vô lượng chúng sanh!

Ngài đã vì chúng ta thị hiện, “*tu thân làm gốc, giáo học làm đầu*”. Quý vị thấy trước khi lão nhân gia bảy mươi tuổi, Ngài tu thân, chẳng hoằng pháp, mà cũng chẳng giảng, cũng chẳng viết lách. Bảy

mười tuổi, Tổ bị kẻ khác phát hiện. Thời đầu Dân Quốc, có mấy vị đại đức cư sĩ học Phật, là hàng tại gia, tức tại gia cư sĩ. Họ triều bái Phổ Đà sơn lễ Quán Âm Bồ Tát, gặp Tổ tại Tàng Kinh Lâu của Phổ Đà sơn, thấy vị pháp sư này cử chỉ bất phàm. Họ vừa gặp liền biết vị này có tu hành, rất có đạo hạnh. Hướng về Tổ thỉnh giáo, những lời của Tổ đã nói xác thực chấn động lòng người, khiến cho người ta nghe xong bội phục năm vóc sát đất! Sau khi những người ấy trở về Thượng Hải, đã giới thiệu Ngài với các bạn bè: “Phổ Đà sơn có một vị cao tăng, các vị có thể đến đó bái phỏng, có thắc mắc gì có thể đến đó hỏi Ngài”. Như vậy, dần dần người biết đến Ngài nhiều hơn.

Thuở ấy, dùng thư từ trao đổi, nói chung là giao thông chẳng thuận tiện, thư từ trao đổi là gửi thư qua lại, trả lời. Về sau, các bức thư trả lời được đăng lên báo hoặc tạp chí. Về sau, càng nhiều hơn, tập hợp lại, biến thành Văn Sao, dùng phương pháp này. Lão nhân gia tám mươi tuổi vãng sanh, thời gian hoằng pháp là mười năm. Mười năm ấy là mười năm trong tuổi già của Ngài. Lúc tuổi già, đạo nghiệp thật sự thành tựu. Đức hạnh và đạo nghiệp thuần thực. Vì vậy, văn tự do Ngài viết hay dường ấy, tinh vi, khéo léo dường ấy. Đây chính là vì Ngài ở Tàng Kinh Lâu ba mươi năm, quản lý Đại Tạng Kinh, đọc sách tại đó. Những thứ của ba nhà Nho, Thích, Đạo Ngài đều đọc, đọc suốt ba mươi năm. Văn Sao chính là báo cáo tâm đắc trong việc học Phật và đọc sách của Ngài. Quý vị thấy tác phẩm ấy hay khéo lắm!

Tôi theo thầy Lý học Phật, thầy Lý rất khiêm hư. Thầy nói: “Năng lực của tôi chỉ có thể dạy anh năm năm. Tôi ắt phải giới thiệu cho anh một vị thầy khác!” Ai vậy? Chính là thầy của Ngài, tức Ấn Quang đại sư. Tuy Ấn Quang đại sư đã khuất bóng, Văn Sao hãy còn. Thầy bảo tôi đọc Văn Sao, dạy tôi học theo Ấn Quang đại sư. Chánh xác! Ba mươi năm trước, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh, trông thấy hành động đặc biệt, lạ lùng của Ấn Quang đại sư, tức là Hoằng Hóa Xã. Về sau, Ngài suốt đời in sách. Tiền cúng dường của mười phương dùng để làm một chuyện, Ngài chẳng làm gì khác. Chuyện khác đã có kẻ khác làm, ấn tống kinh sách chẳng có ai làm, Ngài chuyên môn làm chuyện này. Nhưng trong những kinh luận và thiện thư đã ấn hành, số lượng lớn nhất là Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, và An Sĩ Toàn Thư. Tôi hết sức kinh ngạc, kinh điển nhà Phật hay như vậy, Ngài đều in với số lượng ít, ba thứ ấy lại được ấn tống với số lượng lớn.

Khi đó, từ trang bản quyền, tôi phỏng tính, đại khái là có ba trăm vạn bản. Con số này rất đáng kinh hãi! Vào thời đại ấy, kỹ thuật ấn loát vẫn chưa phát triển cho lắm, phí tổn rất cao, vì sao Ngài làm như vậy? Chẳng nghĩ ra! Vì sao chẳng dốc sức hoằng dương Phật pháp, mà làm chuyện này? Liễu Phàm Tứ Huấn có thể miễn cưỡng nói là Nho, Cảm

Ứng Thiên là Đạo, An Sĩ Toàn Thư là thể loại hỗn hợp Đạo và Nho. Vì sao Ngài làm chuyện này? Tôi suy nghĩ vài tuần mới bỗng dưng hiểu rõ: “Đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn!” Xã hội hiện thời rối loạn, Nho dẫu tốt đẹp, cứu không kịp. Phật dẫu tốt đẹp, cũng chẳng cứu kịp. Chỉ có làm bằng cách nào? Nhân quả. Nếu mọi người thật sự hiểu nhân quả, tin tưởng “*thiện có thiện quả, ác có ác báo*”, như vậy thì quý vị khỏi tâm động niệm sẽ thâm liễm đôi chút. Điều này sẽ hữu ích to lớn cho xã hội. Tôi mới hiểu rõ Ngài làm cách ấy nhằm cứu độ xã hội trong hiện thời.

Ngài là người thuộc thế kỷ trước, đầu thế kỷ, cách chúng ta hiện thời cũng gần một thế kỷ. Thế kỷ hiện thời so với thế kỷ trước, xã hội cũng không chỉ rối loạn hơn trước gấp trăm lần, chẳng phải là mười lần, mà là vượt hơn gấp trăm lần. Hiện thời, người ta khổ lắm! Dùng phương pháp gì để giúp đỡ? Ngoài nhân quả ra, chẳng có phương pháp thứ hai tốt đẹp nào! Vì thế, chúng tôi mới làm phim truyền hình Liễu Phàm Tứ Huân, cũng sắp ra mắt trong một thời gian ngắn nữa. Phim truyền hình nhằm tuyên truyền, tôi giới thiệu cùng chư vị hai đĩa, đây là phiên bản được quay sớm nhất do Mã Lai thực hiện. Đây là công khóa. Tuyên truyền cần thiết, công khóa càng quan trọng hơn! Do tuyên truyền nên mọi người đã biết, sau đây mới nghĩ phải học như thế nào? Hai đĩa phim ấy là tinh hoa, hai đĩa phim ấy quý vị hãy khéo học, nhằm sửa đổi vận mạng của quý vị, dụng ý ở chỗ này! Hiện thời, Sơn Tây Tiểu Viện và Vì Sao Chẳng Thể Ăn Chúng Nó là nhân quả trong hiện thời, những nhân vật [trong ấy] hãy còn đó, người lẫn sự việc đều là chuyện thành tựu trong hiện tại, còn có hiệu quả hơn những thứ do pháp sư Ấn Quang đề xướng! Vì thế, phải dốc sức đề xướng những thứ ấy, tuyên dương khắp thế giới hòng cứu vãn thế giới. A! Chúng tôi giảng bài kệ này đến đây.

Tập 1558

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ bảy trong phần Kệ Tụng, xin xem bài kệ thứ ba:

(Kinh) Kiến xử lâm tẩu, đương nguyện chúng sanh, ưng vị thiên nhân, chí sở tán ngưỡng.

(經) 見處林藪。當願眾生。應為天人。之所歎仰。

(Kinh: Thấy ở rừng rậm, nguyện cho chúng sanh, đáng được trời người, tán tán, ngưỡng mộ).

Trong bài kệ này, Thanh Lương đại sư đã giải thích rất đơn giản bằng một câu nói:

(Sớ) Lâm tẩu, tắc chúng đức du quy.

(疏)林藪，則眾德攸歸。

(Sớ: Rừng rậm chính là chỗ các đức hướng về).

Đây là khát thực tại thành thị, tại vương đô, hoặc tại vùng ngoại thành. “*Lâm tẩu*” (林藪) thuộc về ngoại thành, là chỗ có nhiều cây cối rậm rạp. Bồ Tát từ cảnh giới ấy, dẫn phát đại nguyện xúng tánh. Phật pháp nói “*vạn đức trang nghiêm*” chính là ý nghĩa này. Vì thế, người ấy (người khát thực) chẳng phải là đang đi đường, mà đã tới gần đô thành, tới gần vương đô, trông thấy [những cảnh vật] tại đó. Trong vương đô, chắc chắn có những chỗ chúng ta thường gọi là “*hoa viên*”, tức chỗ có nhiều cây cối, hoa cỏ. Quá nửa là chỗ để dạo chơi ngắm cảnh, giống như công viên trong đô thị hiện tại. Nó chẳng phải là vùng ngoại ô, chẳng phải là dã ngoại, nơi ấy mới dẫn khởi *vạn đức trang nghiêm*, vì đến tụ hội ở đây đều là những bậc đức hạnh cao hơn những nơi khác. Chẳng phải là nói những nơi khác không có cao nhân, tuy có, nhưng chẳng nhiều như ở nơi được gọi là “*kinh sư*” (京師), tức là nơi đế vương cư trú. Nơi ấy chính là nơi văn vật tụ họp. Vì thế, sẽ nghĩ chính mình phải nên dùng *vạn đức* để trang nghiêm chính mình. Do vậy, nguyện của người ấy là “*ung vi thiên nhân, chi sở tán ngưỡng*” (đáng được trời người, tán thán, ngưỡng mộ), “*thán*” (歎) là tán thán, “*ngưỡng*” (仰) là ngưỡng vọng.

Bài kệ này nếu nói theo truyền thống Trung Hoa sẽ là “*kiến hiện tư tề*” (見賢思齊, thấy người hiền mong được bằng). Ở đây, chúng ta thấy người ta có đạo đức, có học vấn, có sự tu luyện nhiều ngàn ấy, chính mình nhất định phải nghĩ: Chúng ta phải hướng theo họ học tập, mong bằng họ. Đương nhiên, người học Phật sẽ từ cảnh giới ấy lập tức nghĩ tới chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát; khẳng định là sẽ nghĩ tới chúng hội của Như Lai. Đây mới là “*vạn đức trang nghiêm*” danh xứng với thật! Vì lẽ này, học Phật thì đến đâu để học? Quý vị chẳng học theo Phật, sẽ đến nơi đâu để có thể thành tựu? Lũ bình phàm chúng ta cầu học sẽ đến nơi đâu? Nhất định là phải đến trường học, là chỗ thầy trò nhóm họp, là chỗ có hoàn cảnh học tập. Vì thế, họ dễ dàng thành tựu!

Phật môn có câu ngạn ngữ: “*Y chúng, kháo chúng*” (Nương tựa đại chúng, dựa vào đại chúng). Một người tu học, nếu chẳng có thông minh, trí huệ, nghị lực, chí hướng vượt trội kẻ khác, sẽ rất khó thành tựu. Do đó, khi xưa, tổ sư nhằm khích lệ người đời sau, giúp cho họ thành tựu đức hạnh và đạo nghiệp mới kiến lập từng lâm. Đối với từng lâm, khi xưa, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi, lão nhân gia đặc biệt coi trọng, và cũng đặc biệt nhấn mạnh, Ngài nói:

“Phật giáo Trung Hoa muốn hưng khởi, nhất định phải phục hưng chế độ tùng lâm”. Khi đó, tôi vừa mới vào Phật môn, chẳng biết “chế độ tùng lâm” là gì, nhưng nghe thầy nói vài lần, ấn tượng cũng rất sâu. Sau này, khi xuất gia bèn rất lưu ý, thầy đã nhắc đến vấn đề này, mới biết tùng lâm đạo tràng trên thực tế là đại học Phật giáo!

Chúng ta nhìn vào chế độ tùng lâm, [sẽ thấy] chủ tịch của tùng lâm là Hiệu Trưởng, cũng thường gọi là Trụ Trì hoặc Phương Trượng. Danh xưng rất nhiều, nói theo kiểu hiện thời, vị ấy là Hiệu Trưởng của tùng lâm, tùng lâm là đại học. Dưới đó, chia thành ba bộ phận, tức là xét theo cách tổ chức của nó, thứ nhất là Thủ Tọa (首座), tức Thủ Tọa hòa thượng. Vị Thủ Tọa quản trị giáo vụ. Quý vị thấy trong một ngôi trường, giáo học được xếp hàng đầu. Thủ Tọa hòa thượng không chỉ là một vị, chia tòa để giảng kinh. Nếu tùng lâm ấy đông người, hai, ba ngàn người ở, tức là học trò có đến hai, ba ngàn người, sẽ mở rất nhiều môn học, chẳng phải là một môn! Mỗi môn học đều phải thỉnh một vị thầy đến dạy, cho nên gọi là “*phân tòa giảng kinh*” (chia thành nhiều giảng tòa khác nhau để giảng kinh). “*Phân tòa*” (分座) nghĩa là phòng học khác nhau, hiện thời nói là “lớp học khác nhau”. Quý vị thích học pháp môn nào, bèn vào phòng học ấy để nghiêm túc học tập.

Chế độ Phật giáo chẳng có nhiều [quy định và cơ cấu phức tạp] như trường học trong hiện thời, cũng chẳng nghiêm ngặt như vậy, mà có tánh chất giống như các trường dành cho nghiên cứu sinh. Chẳng hạn như Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là một khoa mục, nhất định có một vị Thủ Tọa hòa thượng làm chủ giảng. Phạm là người học Hoa Nghiêm, sẽ học trong phòng học ấy, trước kia gọi là “*điện đường*” (殿堂), nay gọi là “*giáo thất*” (教室, phòng học). Học Pháp Hoa trong một phòng học khác, học kinh Vô Lượng Thọ lại là một phòng học khác nữa. Tùy thuộc quý vị có bao nhiêu học trò, học trò ưa thích khoa mục nào, tùng lâm sẽ thỉnh pháp sư đến giảng bộ kinh ấy. Có giảng tòa dài hạn, giảng tòa dài hạn là một bộ kinh được giảng viên mãi, môn học ấy kết thúc, học trò tốt nghiệp. Chỉ học một bộ kinh, cũng là “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”.

Dạy học trong tùng lâm hoàn toàn không coi trọng việc nghiên cứu, thảo luận kinh giáo, không coi trọng chuyện ấy, mà coi trọng ngộ tánh. Đây là thật sự học Phật, chẳng phải là Phật học, xác thực là mong giúp cho quý vị tăng tấn, khế nhập cảnh giới. Học Hoa Nghiêm phải khế nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, học Pháp Hoa phải khế nhập cảnh giới Pháp Hoa, học kinh Vô Lượng Thọ phải khế nhập cảnh giới Tịnh Độ, đây mới tính là thành tựu! Đương nhiên là căn tánh của học nhân khác nhau, khế nhập có cạn hay sâu khác nhau. Sâu thì xác thực là minh tâm kiến tánh, đây thật sự là đạt đến viên mãn! Tông Môn, Giáo Hạ khác nhau nơi hình thức, khác nhau về phương pháp, nhưng phương

hướng và mục tiêu hoàn toàn như nhau. Thiên Tông thì phải minh tâm kiến tánh, Giáo Hạ cũng phải [minh tâm kiến tánh], nhưng không gọi là minh tâm kiến tánh, mà gọi là “*đại khai viên giải*” (大開圓解).

Vì thế, trong việc dạy học, giảng kinh chính là dạy học, đối với học trò hoàn toàn chẳng có khảo thí, thành tích của học trò nhìn từ chỗ nào? Phức giảng (複講, giảng lặp lại). Đại khái học trò cũng chẳng đông. Từ xưa tới nay, Trung Hoa theo phương pháp dạy học này, chẳng thể nào một lớp có đến mấy chục học trò, chẳng có lẽ ấy! Trước kia, thầy Lý bảo chúng tôi, lớp học theo quy mô nhỏ, một vị thầy tối đa chỉ có thể dạy mười đũa học trò. Đối với mỗi trò, thầy sẽ có đủ tinh thần để dốc lòng chú ý. Nếu học trò quá đông, thầy chẳng có cách nào cả, sẽ chăm nom không xuể. Trong quá khứ, chúng tôi ở dưới tòa của thầy Lý ở Đài Trung, thầy mở lớp học kinh chỉ có đến hai mươi mấy học trò, nhưng phương pháp của thầy là cách dạy học trong trường tư thục, mỗi cá nhân cũng đều được chú ý. Nói thật ra, thầy dạy học chỉ dạy hai người. Hơn hai mươi người [cùng theo học], nhưng [mỗi bộ kinh] chỉ dạy hai người. Hai người ấy ngồi đối diện với thầy, tức là ngồi ở bàn đầu tiên, thầy dạy hai người đó. Các đồng học khác ngồi chung quanh, nói theo kiểu hiện thời sẽ là “*dự thính*”. Thầy chẳng hỏi, các vị chẳng thể lên tiếng, nhưng hai vị đồng học ấy có thể chủ động nêu câu hỏi với thầy, thỉnh giáo thầy, chúng tôi ở bên cạnh lắng nghe. Có khi thầy nghe xong, cười xòa, chẳng trả lời, mà hỏi: “Trong các bạn học, ai có thể giải đáp?” Như vậy thì quý vị mới có thể đứng lên. Thầy chẳng lên tiếng, các vị sẽ chẳng thể nói gì, cứ dưng tâm lắng nghe.

Hai vị đồng học ấy học một bộ kinh. Thầy dạy xong bộ kinh ấy, hai đồng học ấy lui xuống chỗ dự thính, lại có hai người khác [thế chỗ]. Thầy dựa theo thứ tự báo danh trước hay sau để sắp xếp. Người học kế đó nhất định là học một bộ kinh khác. Thầy giảng, người ấy nghe, nghiêm túc học tập. Học xong, trong vòng bốn hay năm ngày sau, người ấy phải phức giảng. Phức giảng gồm hai lượt giảng. Phức giảng lần đầu nói chung là bốn ngày sau khi đã học tập, quý vị phải soạn bài giảng. Khi phức giảng, cũng là các bạn học và thầy cùng nghe quý vị lên bục giảng lại, giúp quý vị sửa chữa sai lầm. Sau đấy, hôm sau lại lên giảng đài, giảng cho đại chúng. Thính chúng cỡ chừng hơn một trăm người. Tại Đài Trung Liên Xã, nữ chúng thì ở Đài Trung Liên Xã, nam chúng thì ở chùa Linh Sơn, chùa có giảng đường. Vì thế, mỗi tuần đều giảng kinh, do bọn học trò chúng tôi lên giảng, do thầy dạy dỗ, biện pháp như thế đấy!

Vì vậy, dầu là hơn hai mươi người, trên thực tế, thầy vẫn dạy rất dễ dàng, vì thầy chỉ dạy hai người. Vì sao dạy hai người? Giảng kinh thuở ấy, một người dùng tiếng Phổ Thông để nói, còn phải dịch sang tiếng Đài. Vì thế, có hai người, một người nói tiếng Phổ Thông, một

người nói tiếng Mân Nam. Giống như trên giảng đài có hai người, một người giảng, một người phiên dịch. Thật ra, họ dùng cùng một bài giảng, hai người cùng lên giảng đài biểu diễn. Phương pháp này tuy rất vụng về, đương nhiên là vẫn có phần nào đáng đáp của từng lâm, nhưng dễ dãi hơn quy củ trong từng lâm. Xét về mặt trình độ thì cũng hạ thấp hơn rất nhiều. Dầu sao là hàng tại gia, là những kẻ trẻ tuổi mới học, giống như học Tiểu Học trong Phật giáo, từng lâm là đại học Phật giáo, nhưng phải nên biết là phương thức gần như chẳng khác biệt cho mấy. Vì thế, một thầy chỉ hướng dẫn mười mấy học trò, thầy mới có tinh thần để có thể quan tâm trọn hết!

Lớp học của chúng tôi khi đó là lớp sơ học, chỉ cần giảng kinh tầm tàm, tức là nhắc lại lời thầy giảng, không cho phép quý vị phát huy ý kiến của chính mình, chẳng thể được! Hoàn toàn là phúc giảng những gì thầy đã dạy, vì bản thân chúng tôi chẳng khế nhập cảnh giới. Phúc giảng mà giảng trật, đó là vì thầy giảng trật, chẳng phải là chúng tôi nói trật, thầy phải thay chúng tôi gánh trách nhiệm. Chúng tôi học giảng kinh theo phương pháp ấy, đây là mở đầu. Học tập kinh giáo, Giáo Hạ, mọi người đều biết, mục tiêu là phải đại khai viên giải, chẳng nhằm chú trọng phúc giảng. Phúc giảng nhằm dẫn dắt quý vị thuở đầu. Sau khi đã đại khai viên giải, mở kinh văn ra, quý vị có thể hiểu ý nghĩa, còn cách giảng như thế nào chẳng nhất định, Phật chẳng có pháp nhất định để có thể nói! Cách giảng là nhất định phải quán cơ, Cơ (機) là gì? [Cơ là căn cơ của] thính chúng, cũng có nghĩa là [nhận biết] nhu cầu bức thiết của thính chúng trong hiện tiền, họ cần gì?

Nói theo nguyên tắc bình thường, thính chúng cần “*Tin, Giải, Hạnh, Chứng*”, quý vị phải giúp đỡ họ những điều này. Hễ còn có nghi hoặc, đối với pháp môn này hoặc kinh bản này, hay môn công khóa này, hễ còn có hoài nghi, quý vị phải giúp họ kiến lập tín tâm. Quý vị có phương hướng và mục tiêu giảng kinh, làm thế nào để giúp họ tin tưởng, đoạn nghi sanh tín. Sau khi đã tin lại nâng cao, phải giúp họ thâm nhập lý giải. Sau khi đã có thể lý giải, lại giúp họ làm thế nào để vận dụng những điều đã tin, đã hiểu vào trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đãi người tiếp vật. Học những thứ ấy hữu dụng, chẳng phải là vô dụng! Cuối cùng càng cao hơn, mục tiêu chung cực là khế nhập cảnh giới, đó là Chứng, tức là chứng quả. Áp dụng trong cuộc sống hằng ngày, đó là thực nghiệm. Vì vậy, học văn Phật pháp chẳng giả. Xưa kia, Phương tiên sinh giới thiệu cho tôi, cụ đã nói đây là học văn chân thật trác tuyệt. Nó chẳng phải là nói suông, chẳng phải là huyền học. Nó phải thông qua thực nghiệm. Hiện thời, cái thông qua thực nghiệm được gọi là khoa học. Vì thế, các lý luận Phật học nhất định phải được rèn luyện trong cuộc sống!

Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là năm mươi ba lần

tham học của Thiện Tài đồng tử. Năm mươi ba lần tham học chính là trải qua sự việc để rèn luyện cái tâm. Luyện gì vậy? Luyện sao cho sáu căn trong cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, không chấp trước, không sanh phiền não, chỉ sanh trí huệ. Đây là như Huệ Năng đại sư gặp Ngũ Tổ đã thưa: *“Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ”*. Ngài chỉ nói một câu như vậy, Ngũ Tổ biết ngay Ngài đã đạt đến mức độ nào, đã đạt đến mức “trải qua sự việc để rèn luyện cái tâm”, căn tánh quá nhạy bén. [Lục Tổ là] học trò sơ học mà ngay lập tức thuộc vào giai đoạn thứ tư (tức Chứng), Tín, Giải và Hạnh đều chẳng cần bàn tới! Ngài nói về chuyện *“trải qua sự việc để rèn luyện cái tâm”*; [đó chính là Chứng]. Vì thế, thông thường, chúng ta học Phật gồm có bốn giai đoạn (Tín, Giải, Hạnh, Chứng). Tông Hoa Nghiêm dùng bốn giai đoạn để phán định bộ đại kinh này!

Quý vị hãy ngẫm xem, Phật pháp có phải là khoa học hay không? Người hiện thời tin tưởng khoa học, chẳng tin Phật pháp, chẳng biết Phật pháp chính là khoa học, há chẳng nực cười ư? Vì sao chẳng tin tưởng? Hiểu lầm! Vì phàm nhân thường nói “Phật giáo là mê tín”. Do tôn giáo là mê tín, cho nên Phật giáo cũng là mê tín. Chụp cho cái mũ mê tín, chẳng dụng tâm quan sát, chẳng liễu giải, chẳng nhận thức Phật giáo. [Phật pháp là] khoa học thù thắng nhất, thế mà lại vứt bỏ, đó là môn khoa học có lợi ích nhất, trăm điều lợi, chẳng có hại điều nào! Khoa học Âu Tây trong hiện thời có thể nói là “lợi ít, hại nhiều!” Ba mươi năm trước, tiến sĩ Thang Ân Ty (A. Toynbee) đã nói, khi ấy, tôi cũng chưa được nghe nói, nay thấy trong sách của ông ta có viết, người này có tầm nhìn xa: *“Mỗi thứ phát minh khoa học cố nhiên đem lại những tiện lợi cho chúng ta, nhưng nhân loại phải trả giá đau đớn, thê thảm!”* Ông ta nói như vậy đấy! Quý vị suy ngẫm, [sẽ thấy] đúng thế! Chẳng sai tí nào!

Phát minh máy bay, tàu thủy, du hành thuận tiện. Xe hơi là công cụ giao thông hiện đại. Tôi nghĩ chúng ta đang phải trả giá gì vậy? Loại tình cảm sâu đậm giữa con người như xưa kia chẳng còn. Tình thân thiết giữa con người với nhau, tình cảm tôn trọng, yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, quan niệm hỗ trợ hợp tác như xưa kia chẳng có! Trước kia, chẳng có những thứ phát minh khoa học kỹ thuật ấy, lữ hành là gì? Lữ hành bèn cưỡi ngựa, hoặc ngồi xe ngựa, xe bò, một ngàn dặm đường gần như phải đi mất mười ngày. Bận bè lâu năm gặp gỡ, đi đường xa như thế, đi mất mười ngày mới đến, tình cảm khác hẳn! Hiện thời, một ngàn dặm đường, máy bay mất một giờ, ngồi xe thì sáu, bảy tiếng đồng hồ, loại nhiệt tình ấy chẳng có, cái giá phải trả nói thật ra là *“cái được chẳng bù đắp nổi cái mất”*. Vì thế, ông ta (tiến sĩ Thang Ân Ty) nói, đối với mỗi thứ phát minh thì mỗi lần đều phải trả giá rất lớn. Khoa học kỹ thuật phát triển đến mức tột cùng cũng là ngày tàn của

nhân loại. Vì sao? Quý vị đã phải trả giá hết sạch, trả hết ráo rồi. Trả hết ráo thì nhân loại bị hủy diệt, các tôn giáo thường nói là “*tận thế*”. Trả giá bằng sanh mạng, bằng toàn bộ sự sanh tồn của chúng ta, sẽ cùng chết ngum với khoa học kỹ thuật!

Nhưng khoa học của nhà Phật sanh từ trí huệ, nó là chánh diện, chẳng phải là phản diện! Vì sao khoa học kỹ thuật phát triển đến cuối cùng sẽ có hiện tượng bi thảm như vậy? Vì nó chẳng có lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cũng có nghĩa là nó chẳng lìa khỏi tập khí phiền não, chẳng lìa khỏi tham, sân, si, mạn, sự phát triển ấy sẽ có những thói tệ, sẽ có tác dụng phụ! Đối với Phật pháp, quý vị thấy kinh Kim Cang nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Kinh Hoa Nghiêm nói “*xả vọng tưởng, đoạn phân biệt, chấp trước*”. Trong ấy chẳng kèm theo phiền não, chẳng có tập khí, thuận chân vô vọng. Vì thế, quan sát cận kề trong ấy, [sẽ là] đầy đủ trí huệ viên mãn; luân lý, đạo đức viên mãn, trời, người tán thán, trời, người ngưỡng mộ, đạo lý ở chỗ này!

Chỗ Phật, Bồ Tát giảng kinh thường gọi là “*đạo tràng*”, chúng ta nói là “*noi chón*”. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, phần lớn chỗ giảng kinh là núi rừng, dưới cội cây, bên bờ sông, nay nói là “*dã ngoại*”, chẳng có bất cứ thiết bị gì. Ở nơi đó, có một tảng đá lớn, đức Phật trải lên đó một ít cỏ làm đệm, ngồi trên tảng đá ấy. Khi chẳng có tảng đá thì chỗ nào hơi cao hơn bèn trải cỏ làm tòa nơi đó, đức Phật ngồi tại đó. Các đồng học vây quanh bốn phía, nghe đức Phật giảng kinh, dạy học, chẳng có bất cứ thiết bị gì! Vì thế, khi giảng kinh thì chỗ giảng kinh được gọi là “*đạo tràng*”. Thỉnh chúng có lúc mấy trăm người, có khi mấy ngàn người, chẳng kể là đông! Nhưng quý vị phải biết, trời, rồng, quỷ, thần, nhân phi nhân v.v... số lượng chẳng biết là bao nhiêu. “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Đức Phật dùng một âm thanh để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo từng loài mà đều hiểu). Những loài ấy (các chúng sanh thuộc những chiều không gian khác nhau) trông thấy đạo tràng ấy, đạo tràng ấy là gì? Các phẩm đức đều hội tụ!

Đức Phật là bậc đại đức, mỗi vị thánh chúng của đức Phật cũng đều là bậc đại đức; vì thế, trời, người tán dương. Quý vị nói xem, ai nhìn thấy? Đức Phật trông thấy. Đức Phật là ngũ nhãn viên minh. Phật nhãn chẳng bị chướng ngại bởi các chiều không gian, Ngài đã đột phá toàn bộ. Mắt chúng ta rất tệ! Các nhà khoa học nói, để mắt thịt của con người có thể trông thấy, phải có ánh sáng thì mới có thể trông thấy. Không có ánh sáng, sẽ chẳng thấy. [Nếu như] ánh sáng của mặt trời, mặt trăng hay đèn đều chẳng có, quý vị sẽ không thấy gì hết. Vì thế, xòe tay ra, chẳng thấy năm ngón tay. Chúng ta có thể trông thấy là nhờ vào ánh sáng. Mắt có thể thấy ánh sáng hết sức hạn hẹp. Các nhà khoa

học bảo: Đối với ánh sáng, chẳng hạn như có một trăm loại ánh sáng khác nhau, nhục nhãn chỉ có thể thấy hai phần trăm! Nói cách khác, còn có chín mươi tám phần trăm chẳng trông thấy! Phật nhãn rất nhạy bén, Ngài có thể thấy một trăm phần trăm. Bồ Tát có thể thấy bảy mươi, hoặc tám mươi phần trăm. A La Hán cũng có thể thấy bốn mươi, năm mươi phần trăm, năng lực mạnh hơn chúng ta quá nhiều. Quý vị nói Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, A La Hán đều có thể trông thấy. Sơ Quả Tu Đà Hoàn có thể trông thấy ngọc quý, địa ngục, và chư thiên Dục Giới. Mọi người cùng nhau học tập, tin tức giảng kinh của đức Phật, tùy thuận Tánh Đức của Phật, Bồ Tát, trong khoảng sát-na sẽ trọn khắp pháp giới, quý vị biết thính chúng đông cỡ nào!

Phật, Bồ Tát chẳng trụ thế, A La Hán cũng chẳng trụ thế. Đây là gì? Đây là do chúng sanh bạc phước, thánh nhân không đến. Có phải là thánh nhân có ý nghĩ chẳng đến hay chẳng? Chẳng phải vậy! Ngài cũng chẳng có ý nghĩ sẽ đến. Nói cách khác, hễ chúng sanh có cảm thì Ngài sẽ ứng. Thiện dấy lên cảm ứng với thiện, ác cũng dấy cảm ứng với ác. Chúng ta thường nói, *“khí phận giống nhau, tự nhiên nảy sanh cảm ứng”*. Tâm hạnh của chư Phật, Bồ Tát thuần thiện. Vì thế, dân cư ở nơi đây có nhiều người thiện tâm, thiện hạnh, tự nhiên là Phật, Bồ Tát sẽ đến. Thiện tâm, thiện hạnh là cảm, tự nhiên sẽ ứng. Giống như trong thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, nước chẳng có tâm, chúng ta đối với nó bằng thiện niệm, phản ứng là hình mẫu kết tinh sẽ hết sức đẹp đẽ. Chúng ta dùng tâm bất thiện đối với nó, phản ứng của nó cũng rất khó coi. Đạo lý là như thế đó!

Đại đa số người trong thế gian hiện thời, chỉ sợ là đến chín mươi mấy phần trăm, ai mà chẳng có tâm tham? Ai chẳng có ngạo mạn? Ai không ngu si? Tâm là tham, sân, si, mạn, nghi. Ai chẳng tham tài? Ai chẳng tham sắc? Ai chẳng háo danh? Ai chẳng muốn quyền lực? Tranh danh đoạt lợi! Tham lam đã thành tập tánh, khởi tâm động niệm toàn là tổn người lợi mình. Những thứ này cũng cảm, cảm gì vậy? Cảm các loài yêu ma quỷ quái, la-sát, Tu La, cảm những thứ ấy mò đến. Đây là gì? Những thứ ấy đến giúp quý vị làm loạn! Vì thế, bản thân chúng ta sống trong thế gian này, vận mạng của chính mình là do nghiệp lực của chính mình chiêu cảm. Vậy thì nếu quý vị nói “tâm mọi người bất thiện, tâm ta thiện, ta ở chung với mọi người, cũng sẽ bị liên lụy hay sao?” Chẳng phải vậy! Kinh Lăng Nghiêm đã dạy rất rõ ràng, *“nghiệp lực có đồng phận vọng kiến, có biệt nghiệp vọng kiến”*, chúng ta thường nói là có cộng nghiệp và có bất cộng nghiệp.

Cộng nghiệp là gì? Mọi người đều có. Bất cộng nghiệp là cá nhân riêng có. Chúng ta đã sanh vào thế gian này, tức là có cộng nghiệp với thế gian này, nhưng những sự gặp gỡ trong suốt đời mỗi người sẽ khác nhau! Trong đời này, thật khó có là chúng ta gặp gỡ giáo huấn của

thánh hiền, gặp gỡ giáo huấn của Phật, Bồ Tát, y giáo phụng hành, vậy thì biệt nghiệp của chúng ta sẽ chẳng giống biệt nghiệp của những kẻ bình phàm. Rất rõ rệt, tâm kẻ khác bất thiện, tâm chúng ta là thiện. Kẻ khác suy nghĩ bất thiện, chúng ta suy nghĩ những điều thiện. Quyết định chẳng có ý niệm tôn thương, làm hại chúng sanh, đối với muỗi, kiến cũng chẳng nở lòng tôn thương. Bị người khác hủy báng, lăng nhục, chúng ta coi như chẳng có chuyện gì, quyết định chẳng sanh lòng nóng giận, quyết định chẳng có ý niệm trả đũa! Lại còn thương xót họ, thương xót họ vì lẽ gì? Tư tưởng, hành vi của họ có lỗi lầm, lỗi lầm gì vậy? Trái nghịch Tánh Đức của họ. Lỗi lầm ấy chẳng kết tội với người khác, mà là [kết tội] với chính bản thân họ, nhất định phải hiểu đạo lý này!

Vì bản tánh của mỗi người vốn lành, [những thứ như] tham, sân, si, mạn, bất thiện, thị phi, nhân ngã đều là bất thiện, [hay nói gọn là] tham, sân, si, mạn, trong tự tánh đều chẳng có! Chúng ta thường nói đến ích kỷ, thị phi, nhân ngã, ngũ dục, lục trần, trong tự tánh thấy đều chẳng có. Những thứ ấy hoàn toàn trái nghịch tự tánh. Hễ trái nghịch tự tánh, quý vị sẽ đọa lạc, từ Nhất Chân pháp giới đọa lạc vào mười pháp giới. Nếu quý vị chẳng thể giác ngộ tập khí ấy, chẳng thể sửa đổi nó, sẽ càng hãm sâu hơn, quý vị luân hồi trong ấy, mỗi lần càng sâu hơn, chẳng thể giảm bớt, mà sẽ càng sâu đậm hơn. Chuyện này rắc rối to lớn! Do vậy, [đối với kẻ] tâm hạnh bất thiện, người thật sự học Phật, tức người thật sự học Phật được thọ dụng, chắc chắn sẽ sanh khởi lòng thương xót. Bản thân chúng ta đức hạnh và trí huệ chẳng đủ, chẳng có cách nào giúp đỡ, đúng là lòng có thừa mà sức chẳng đủ!

Phật, Bồ Tát chẳng đến, “chẳng đến” nghĩa là sao? Chúng ta chẳng có duyên để cảm! Bản thân chúng ta cầu Phật, Bồ Tát có cảm ứng, hướng dẫn đại chúng cầu Phật, Bồ Tát chẳng được, để hướng dẫn đại chúng thì phải có đông người. Nếu ở nơi đây chúng ta có mấy trăm người, mấy ngàn người, đều có thể như pháp tu hành, sẽ có cảm ứng. Sự cảm ứng ấy có thể cảm Phật, Bồ Tát đến thế gian này dạy bảo chúng ta, đây là người ở nơi này đều có phước. Thật sự chí đồng đạo hợp quá khó khăn! Tôi học Phật năm mươi lăm năm, mong cầu một đạo tràng đúng pháp mà chẳng cầu được! Quý vị nói xem, một đạo tràng đúng pháp khó hay dễ? Nếu quý vị nói chẳng khó, thật sự chẳng khó! Bốn người cùng nhau tu hành, ai nấy đều tuân thủ Lục Hòa Kính, đây là đạo tràng đúng pháp! Nếu Hương Cảng có một đạo tràng như vậy, toàn thể người Hoa, toàn thể người tại Đông Nam Á đều có phước, tai nạn gì cũng đều chẳng có. Vì sao? Được chư Phật hộ niệm, được long thiên thiện thần che chở!

Nay quý vị hãy ngẫm xem, quý vị có thể tìm được bốn người hay chẳng? Cổ nhân Trung Hoa chẳng nói là bốn, mà nói là ba, “tam nhân

đồng tâm, kỳ lợi đoan kim” (ba người đồng lòng, sắc bén cắt vàng). Chẳng tìm thấy người đồng lòng! Hiện thời, chẳng cần nói là ba người, một mình quý vị phát tâm, quý vị có thể phát khởi cái tâm ấy hay không? Một chấp hoài nghi, một chấp thoái chuyển, một chấp tập khí hiện tiền, bản thân ta chẳng làm Lục Hòa Kính được! Đức Phật nói bốn người, bốn người thật sự thực hiện Lục Hòa Kính. Chư vị phải hiểu, nêu thật sự thực hiện Lục Hòa Kính, chúng tôi đã nghĩ, chắc chắn là Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Tam Quy, Ngũ Giới, giới Sa Di, giới Bồ Tát thấy đều làm được, làm được một trăm phần trăm! Khi ấy, Lục Hòa Kính sẽ hiện tiền. Vì thế, hiện thời chẳng tìm được bốn người! Mấy ai thực hiện Đệ Tử Quy? Mấy ai thực hiện Thập Thiện Nghiệp? Mấy ai thực hiện Tam Quy, Ngũ Giới? Mấy ai thực hiện Sa Di Luật Nghi, giới tỳ-kheo, giới Bồ Tát? Chẳng có! Một người cũng chẳng có! Chính mình cũng chẳng làm được! Nói cách khác, một đạo tràng đúng pháp chẳng có, làm sao Phật, Bồ Tát có thể đến cho được?

Chúng ta lại thường nghe nói, nhà Phật nói: “Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, nơi nào có lắm người khổ sở, các Ngài sẽ đến đó”. Chẳng sai! Xác thực là Phật, Bồ Tát chẳng bỏ chúng sanh, nhưng như thế nào? Các Ngài quyết định chẳng dùng thân phận Phật, Bồ Tát để đến. Nếu dùng thân phận Phật, Bồ Tát để xuất hiện, không chỉ là chẳng thể tiêu nghiệp chướng cho chúng sanh, ngược lại, còn đem lại tai nạn to hơn cho chúng sanh! Đây là đạo lý gì vậy? Quý vị phải hiểu rõ, tâm hạnh và luồng sống tư tưởng bất thiện của quý vị sẽ chiêu cảm khá nhiều yêu ma, quỷ quái. Phật, Bồ Tát đến nơi đây, thật sự đến, yêu ma, quỷ quái có thể lực rất lớn, chúng nó sẽ hủy báng Tam Bảo. Quý vị sẽ nghe lời chúng nó, tin là thật. Do vì quý vị chẳng có năng lực, chẳng có trí huệ phân biệt chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, chẳng có cách nào phân biệt, sẽ bị chúng nó xúi giục mà hủy báng, khinh nhục Tam Bảo, tội càng nặng hơn! Vì thế, Phật đến là từ bi, không đến cũng là từ bi, quyết định chẳng thể dùng thân phận Phật, Bồ Tát!

Vậy thì dùng thân phận gì? Chẳng nhất định, quyết định là [thuận theo từng] cá nhân. Bản thân quý vị có thiện tâm, có chân tâm, sẽ có cảm ứng. Đối với sự cảm ứng ấy, nếu tâm địa của quý vị rất thanh tịnh, rất điềm tĩnh, chẳng bộp chộp, xáo động, chúng ta nói là “rất bình lặng”, quý vị sẽ cảm thấy phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Phiền não mỗi năm một ít hơn, trí huệ mỗi năm một tăng thêm. Trong ấy, còn có Phật, Bồ Tát gia trì quý vị. Hoặc là hiển nhiên, hoặc ngầm ngầm, giúp đỡ, chiếu cố quý vị trong ấy. Đúng là “*trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Đó gọi là “*biệt nghiệp*”, tức là sự báo ứng cá biệt. Gặp những người chí đồng đạo hợp, tụ tập lại, khéo nghiêm túc học tập, nói theo hiện thời thì cũng là một đoàn thể khó có. Đoàn thể ấy có phải là Lục Hòa Kính hay chẳng? Vẫn chưa làm được! Hễ thực hiện Lục

Hòa Kính thì tốt quá rồi!

Lục Hòa Kính thật sự là phải có bốn vị đại đức thật sự phát tâm, bỏ mình vì người! Phải đạt tới chuẩn mực vô tướng như kinh Kim Cang đã dạy, thật sự làm được “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Khi ấy, ba căn cội như chúng ta đã nói là Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo và Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, cũng như Tam Quy, Ngũ Giới, Sa Di Luật Nghi đều làm được một trăm phần trăm! Từ chỗ này, quý vị mới hiểu, hai món quan trọng nhất trong Lục Hòa Kính là Kiến Hòa Đồng Giải và Giới Hòa Đồng Tu mới có thể làm được. Nếu quý vị vẫn còn chấp tướng, tức là quý vị còn chấp trước, còn có phân biệt, sẽ chẳng làm được! Đặc biệt là chấp trước! Phải thật sự buông xuống chấp trước, phiền não phân biệt nhẹ hơn thì mới có thể khế nhập cảnh giới này, mới có thể từ chỗ này dần dần tăng tấn, thật sự là “*vạn đức trang nghiêm*”. Do vậy có thể biết, cảnh giới hiện tiền thì phải hồi quang phản chiếu, phải biết phát tâm tăng tấn chính mình, đó là đúng. Chúng tôi nói bài kệ này tới đây!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ kế tiếp là bài thứ tư:

(Kinh) Nhập lý khát thực, đương nguyện chúng sanh, nhập thâm pháp giới, tâm vô chướng ngại.

(經)入里乞食。當願眾生。入深法界。心無障礙。

(Kinh: Vào xóm khát thực, nguyện cho chúng sanh, nhập pháp giới sâu, tâm không chướng ngại).

Đây là sau khi đã tiến vào thành thị. “*Lý*” (里) nói theo hiện thời là “*đường phố*”. Đến phố phường, cùng với bài kệ kế tiếp là đến “*môn hộ*” (門戶) của người ta. Tới chỗ ấy, đại nguyện xưng tánh của Bồ Tát sẽ tràn trề nẩy sanh, nguyện cho hết thảy chúng sanh “*nhập thâm pháp giới, tâm vô chướng ngại*” (nhập pháp giới sâu, tâm không chướng ngại). Trong kinh Phật thường nói, nhu cầu trong đời sống vật chất của đệ tử xuất gia nhà Phật trông cậy đại chúng cúng dường. Nhu cầu của họ rất hữu hạn, mỗi ngày là một bữa cơm, nhu cầu chẳng nhiều! Trai chủ (người bố thí) nếu gia cảnh giàu có đôi chút, cúng dường cho họ một bát cơm, nhu cầu trong một ngày của họ đã được thỏa mãn. Rốt cuộc, trong xã hội người giàu có ít ỏi, người nghèo khổ đông đảo, từ xưa đến nay gần như chẳng có ngoại lệ. Đô thành của đế vương cũng chẳng phải là ngoại lệ, nghèo giàu chẳng đều! Đây là do nguyên nhân nào? Nhà Phật nói là nghiệp lực, chúng ta chớ nên không biết điều này.

“*Khát thực*” nhằm duy trì thân mạng, “*khát pháp*” nhằm tăng

tân huệ mạng của chính mình. Tỳ-kheo (Bhikṣu) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán, ý nghĩa thứ nhất là Khất Sĩ. “*Khất*” (乞) là khát thực, người Hoa nói là “xin cơm, ăn xin”. Nhưng chữ tiếp theo hay lắm, người xin xỏ này chẳng phải là thường nhân, mà là Sĩ. Trong xã hội Trung Hoa vào thời cổ, Sĩ có thân phận và địa vị cao nhất, ông ta là người đọc sách, có học vấn, có đạo đức. Tuy có học vấn, có đạo đức, ông ta sống đời khất thực, xin đại chúng một bát cơm. Mỗi ngày xin một bát cơm, đối với đức Phật thì khất pháp, tức là mong tiếp nhận giáo huấn của Phật Đà. Người ấy có hai cái mạng, thân thể này là thân mạng. Ngoài thân mạng ra, quan trọng hơn là huệ mạng, tức “*Pháp Thân huệ mạng*”. Quý vị thấy từ khất thực để nuôi thân mạng, bèn nghĩ “*nhập thâm pháp giới, tâm vô chướng ngại*” (nhập pháp giới sâu, tâm không chướng ngại). Đây là Pháp Thân huệ mạng, quan trọng hơn thân mạng của chúng ta. [Bởi lẽ], thân mạng có sanh diệt, huệ mạng chẳng có sanh diệt.

Gần đây, có các đồng học nghe cư sĩ Chung Mậu Sâm báo cáo những nghiên cứu về sanh mạng luân hồi của các học giả phương Tây. Ông ta đọc chẳng ít, báo cáo với chúng ta. Tôi nghe một đoạn, nói đến nước Mỹ có một vị tiến sĩ là Ngụy Tư (Brian L. Weiss)¹³, trong bài báo cáo của ông ta có một câu chuyện như thế này: Ông ta vận dụng tâm lý trị liệu, giúp người khác điều trị những nghi nan tạp chứng, hiện thời hết sức phổ biến tại ngoại quốc. Án lệ (hồ sơ bệnh án) này là giúp người bệnh dưới tình trạng thôi miên sâu, sẽ kể ra những chuyện gặp gỡ trong kiếp trước hòng tìm ra nguyên nhân gây bệnh. Đồng thời, trong khi đó, sau khi họ ngưng đối thoại, đột nhiên có âm thanh. Âm thanh ấy chẳng thuộc vào nội dung trò chuyện của hai người bọn họ, theo phán đoán thì là thần linh nhờ cơ duyên này để truyền đạt tin tức cho nhân gian. Chuyện này phát sanh rất nhiều. Câu chuyện này rất có nghĩa, có thể ấn chứng cho những điều chúng tôi đã nói hôm nay.

Vị thần linh ấy cho chúng ta biết, sanh mạng chẳng có ngần hạn, con người quyết định chẳng chết. Mọi người nghe chuyện này cũng rất

¹³ Brian Leslie Weiss (sinh năm 1944) là nhà phân tâm học và thôi miên học người Mỹ. Ông là tác giả của nhiều đầu sách bán rất chạy (best seller) về đề tài tiền kiếp. Ông có nhiều báo cáo nghiên cứu về các đề tài tiền kiếp, tái sanh, đời tương lai cũng như sự tồn tại của linh hồn sau khi chết. Ông tốt nghiệp từ trường y khoa thuộc viện đại học Yale vào năm 1970. Làm bác sĩ nội trú tại Trung Tâm Y Tế của viện đại học Nữ Ước, rồi làm bác sĩ nội trú tại Yale. Ông trở thành trưởng khoa Phân Tâm Học của Mount Sinai Medical Center tại Miami, Florida. Ông nẩy sanh hứng thú nghiên cứu về tiền kiếp khi chữa trị cho một bệnh nhân được biết dưới bí danh là Catherine. Trong những lần thôi miên, bà này đã kể nhiều chuyện về kiếp trước. Kiểm chứng bằng cách đối chiếu với những hồ sơ cũ tại kho dữ liệu thành phố, dần dần ông bị thuyết phục vào sự tái sanh. Tác phẩm bán chạy nhất của ông là Only Love is Real.

an ủi, quý vị cứ tưởng con người sẽ chết đi. Con người không chết! Không chỉ là con người không chết, mà trên thực tế, cũng chẳng có sanh ra! Điều này rất gần với ý nghĩa trong giáo pháp Đại Thừa. Đức Phật nói “bất sanh bất diệt”; bất sanh bất diệt là nói đến Pháp Tánh. Nhưng vị thần linh ấy chẳng thuộc tầng bậc cao như đức Phật. Chúng ta quan sát kỹ lưỡng nội dung của những điều ông ta nói, [sẽ biết] ông ta chẳng thoát khỏi lục đạo. Không chỉ là chẳng thoát khỏi lục đạo, có thể là ông ta chỉ thuộc trong Dục Giới. Dục Giới cũng rất lớn. Dục Giới kể từ Tha Hóa Tự Tại Thiên trở xuống, có sáu tầng trời, có Tu La, loài người, dưới đó là súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, phạm vi rất lớn, tối thiểu cũng có mười mấy loại chiều không gian khác biệt. Các nhà khoa học hiện thời đã đề cập, thừa nhận: “*Trong vũ trụ, tối thiểu có mười một loại chiều không gian khác nhau tồn tại*”. Những chiều không gian khác nhau ấy, theo cách nhìn của Phật pháp, được gọi là Dục Giới Thiên. Dục Giới Thiên gồm sáu loại [chiều không gian] bất đồng, tức là sáu tầng trời của Dục Giới, cộng với nhân đạo, Tu La, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, sáu cộng với năm chẳng phải là mười một ư? Nói cách khác, hoàn toàn chưa đạt tới Sắc Giới và Vô Sắc Giới!

Sắc Giới có mười tám tầng trời, tức là mười tám chiều không gian khác nhau. Vô Sắc Giới có bốn tầng trời, lại là bốn chiều không gian khác nhau. Đây là cách nói của các nhà khoa học, chúng ta dùng Phật pháp để đối chứng, thì [khoa học chỉ biết đến] Dục Giới. Trong Dục Giới có mười một loại chiều không gian khác nhau, cũng rất đáng nể! Luân hồi trong ấy, tức là luân hồi trong Dục Giới chính là gì? Chúng ta thường nói là “*linh hồn*”. [Linh hồn] có sanh tử hay không? Chẳng có! Nhưng quý vị xem những tin tức ấy, sẽ biết những lời đức Phật dạy hoàn toàn chính xác. Vị thần linh ấy chỉ nói đến nhục thể bất đồng hoặc những không gian đã trải qua, vĩnh viễn chẳng có ngưng nghỉ. Đây là luân hồi! Thân có hư hoại, nhục thể hữu hoại, có sanh diệt, linh hồn nương gá vào thân thể này để sống một khoảng thời gian. Tới khi thân thể hư hoại, nó lại tìm một thân thể khác.

Khi linh hồn của một người rời khỏi, thân thể ấy sẽ chết. Thật ra, người ấy hoàn toàn chẳng chết, người ấy lại tìm một thân thể khác, thay đổi thân thể, [cho nên] cũng chẳng có sanh! Giống như chúng ta cởi rồi mặc quần áo. Quần áo đã rách rưới, cũ kỹ, không ưa thích nữa, thay một bộ khác, chính là như vậy. Nhưng câu sau đó quan trọng, “*vĩnh viễn chẳng có ngưng nghỉ*” tức là luân hồi không ngừng. Phật pháp nói là “*sanh tử bì lao*” (sống chết nhọc nhằn), chẳng có ngưng dứt, đây là chân tướng sự thật. Vì thế, quý vị hiểu ở đây có hai loại mạng. Nhục thể là thân mạng, chúng ta khát thực nhằm nuôi thân mạng. Hướng về Phật, Bồ Tát khát pháp, nhằm nâng cao linh tánh chân thật của chính mình. Đó là chính mình thật sự, nhưng đây vẫn chẳng phải là thuần

chân, chỉ là chân thật hơn thân thể này. Nó luân hồi trong lục đạo, chúng ta phải tăng tấn, tăng cao hơn, chớ nên đọa lạc. Thân mạng là giả, nâng cao linh tánh mới là thật. Đây là người thật sự thông minh, chẳng làm những thứ giả.

Thứ hai, vì sao phải luân hồi? Vì sao luân hồi trong lục đạo? Trước hết, chúng ta dùng cách nói của các nhà khoa học. Cách nói về luân hồi của các nhà khoa học chỉ giới hạn trong Dục Giới, chẳng nói đến Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Họ chẳng đạt đến cảnh giới ấy cũng là có đạo lý. Vì sao? [Để đạt đến] Sắc Giới và Vô Sắc Giới cần Thiên Định, cần công phu định lực. Các nhà khoa học chẳng có công phu định lực, chỉ dựa vào các máy móc khoa học để quan sát, chẳng hề có công phu định lực! Vì thế, tôi đa là họ chỉ có thể đạt tới tầng trời chót đỉnh của Dục Giới Thiên, tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Dục Giới có sáu tầng trời, chúng ta phải ghi nhớ: Từ nhân gian đi lên là Tứ Vương Thiên, lại lên cao hơn là Đao Lợi Thiên, người Hoa gọi [chúa cõi trời Đao Lợi] là Ngọc Hoàng đại đế, tức là Thượng Đế được nói đến trong rất nhiều tôn giáo. Nếu lên cao hơn nữa, cần phải có Thiên Định, chưa đắc Định, tiểu định chẳng phải là đại định, [sẽ là] Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, và Tha Hóa Tự Tại Thiên. Trong phạm vi luân hồi ấy đều có khổ lạc khác nhau, chưa đoạn dục, bất quá chỉ là càng lên cao, dục vọng càng thấp, càng nhẹ, người ấy càng tiến lên cao. Dục vọng càng nghiêm trọng, sẽ càng đọa lạc xuống dưới.

Vì sao con người đến nhân gian? Tiến sĩ Ngụy Tư (Brian L. Weiss) đã từ lời ký thác của thân linh, cho biết sở dĩ con người phải sanh vào trong nhân gian, dùng hình thức nhục thể để tồn tại, là vì phải làm việc, hoặc vì trả nợ. Ông ta nói nhiều ngàn ấy, nếu chúng ta hỏi đức Phật về vấn đề này: “Bạch Phật! Người thế gian đông đảo ngàn ấy, vì sao họ sanh vào nơi đây?” Đức Phật sẽ trả lời rất đơn giản, “*thù nghiệp*” (酬業, đền trả nghiệp). Đời người nhằm trả nghiệp, đền trả nghiệp báo của quý vị, còn ông ta (Brian L. Weiss) nói là “*trả nợ*”. Một loại người khác là “*làm việc*”, “*làm việc*” nói theo Phật pháp sẽ là “*độ sanh*”, tức Phật, Bồ Tát thừa nguyện tái lai. Chúng sanh có cảm, các Ngài sẽ đến. Các Ngài cũng đến thế gian này, chẳng phải là để trả nợ, các Ngài chẳng có nợ nần, đến để làm gì? Đến giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn; vì thế, gọi là “*thừa nguyện tái lai*”. Hai nguyên nhân ấy giống như đức Phật nói. Trả nợ thì có đền nợ mạng, có đền nợ tiền, còn có đền nợ nhân tình. Nợ quá nhiều!

Tiếp đó nói, trong một đời, mỗi cá nhân chỉ nhớ được những chuyện gặp gỡ trong một đời này, quên bằng những chuyện gặp gỡ trong đời trước. Đây là hiện tượng rất phổ biến. Người có thể nhớ đời trước tuy có, nhưng là thiểu số, rất ít. Trong kinh Phật cũng có nói, một người sanh ra mà có thể nhớ được chuyện đời trước là chuyện như thế

nào? Đoạt thai. Người ấy chẳng nhớ chuyện đời trước là vì ở trong thai mẹ mười tháng, kinh Phật hình dung người ấy ở trong tù ngục, nên gọi là “*thai ngục*” (胎獄). Mười tháng là thai ngục, sống một ngày bằng một năm. Mẹ uống một chén nước lạnh, con giống như đang ở trong địa ngục Hàn Băng, rét chết luôn! [Mẹ] uống một chén nước nóng, [con cảm thấy] giống như đang ở trong địa ngục Bát Nhiệt bị lửa thiêu đốt, khổ chẳng thể nói nổi! Do đau khổ quá lớn, quên sạch sành sanh những chuyện trước kia!

Có thể nhớ chuyện đời trước là chuyện như thế nào? Khi mẹ có mang là [mang thai] người khác, người ấy đến nhập thai, nhưng duyên của người ấy với bà mẹ ấy chẳng sâu. Người ấy cũng đến đời nọ, khiến cho mẹ chịu tội mười tháng. Người ấy cũng chẳng vui sướng gì, vừa sanh ra đã chết, ra đi. Một linh hồn khác nương vào thân thể ấy, nên liền sống lại, nhưng [linh hồn của] người sống đó chẳng phải là [linh hồn] của người trước đó (người đến đầu thai). Linh hồn ấy do chẳng phải chịu đựng mười tháng thai nghén, chuyện đời trước thầy đều biết, trong Phật pháp gọi là “*đoạt thai*” (奪胎). Đầu thai thông thường thì gọi là “*tọa thai*” (坐胎). Kẻ tọa thai sẽ chẳng nhớ [chuyện trong đời trước], còn người đoạt thai thì ghi nhớ. Vì vậy, trong thế gian này, xác thực là rất ít, rất ít người thật sự biết chuyện đời trước. Trong báo cáo của tiến sĩ Chung (Chung Mậu Sâm) cũng trích dẫn rất nhiều trường hợp, quá nửa là trẻ nhỏ [ghi nhớ chuyện đời trước]. Dựa theo những điều chúng nó nói để điều tra thì đều là thật, chẳng giả. Đây là các trường hợp đoạt thai!

Tiếp đó nói, trong một đời, mỗi cá nhân đều có tập khí bất hảo, những ham thích bất hảo, ví như tham lam, háo sắc v.v... Tập khí bất hảo quá nhiều! Thập Ác là tập khí bất hảo, sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói dối chiều (khuây động thị phi), ác khẩu (thích chửi mắng người khác), nói thêu dệt (hoa ngôn xảo ngữ gạt người), tham, sân, si, mạn, ích kỷ, tổn người lợi mình, đều là những tập khí bất hảo. Ất cần phải khắc phục những tập khí ấy trong đời này. Nói cách khác, người thật sự có phước báo, thật sự thông minh đến thế gian này, đời này sẽ làm gì? Làm chuyện này, đây là tu hành. Khắc phục những tập khí phiền não của chính mình, đoạn ác tu thiện. Khắc phục sát sanh, thật sự biến thành không sát sanh. Khắc phục trộm cắp, biến thành không trộm cắp. Khắc phục Thập Ác, biến thành Thập Thiện.

Những lời dạy của thánh nhân toàn là Tánh Đức, đều là những thứ vốn sẵn có trong tự tánh. Mê mất tự tánh, tùy thuận tập khí bất hảo trong đời đời kiếp kiếp, biến thành xấu xa. Tam Tự Kinh nói: “*Tánh tương cận, tập tương viễn, cấu bất giáo, tánh nữ thiên*” (Tánh gần giống như nhau, do huân tập mà khác xa nhau. Nếu chẳng dạy, tánh sẽ biến đổi), chính là [nói về] đạo lý này! Nếu quý vị chẳng sửa đổi những

tập khí ác ấy, họ nói, những tập khí ác ấy sẽ mang qua đời sau. Đã thế, trong đời sau sẽ càng nghiêm trọng hơn, phiền phức lắm! Nói cách khác, đời kế tiếp sẽ càng khó sống hơn đời này. Đây là nói về gì? Tánh tội, trái nghịch tự tánh; đó là lỗi lầm to lớn. Quý vị vốn là Phật, có sao quý vị trở thành tình trạng này?

Lại nói tới ngoại duyên, nợ nần cũng giống như vậy. Nợ nần có nợ mạng, có nợ tiền, có nợ nhân tình, cũng rất phức tạp! Đời trước chưa trả sạch hết nợ nần, đời này phải trả, khi trả, nhất định còn phải trả thêm tiền lời. Nói chung, còn phải trả nhiều hơn món nợ đã thiếu trong đời trước! Nếu đời này chẳng trả xong, nhất định phải mang sang đời vị lai. Đời sau sẽ phải trả, nhất định lại tăng nặng hơn đời này. Vì thế, chỉ có trả xong trong đời này, phải có quan niệm này. Quý vị phải biết, đời sau quý vị sẽ tự tại, sẽ giải thoát. Nợ mạng phải trả xong, nợ nhân tình cũng phải trả cho xong. Nhân tình rất khó xử, nếu quý vị có thể chịu đựng, đặc biệt là nghịch cảnh, ác duyên, cam tâm tình nguyện chịu đựng. Vì sao? Chúng ta phải nên trả nợ, chẳng có mấy may tâm oán hận, chẳng có tâm báo thù, sẽ trả xong xuôi. Nếu còn có lòng oán hận, còn báo thù, đời sau vẫn phải trả, chẳng hết, chẳng xong, chớ nên làm!

Tiếp nhận ân huệ của người khác, nhất định phải báo ân, niệm niệm chớ quên điều tốt đẹp của người khác. Người khác xử tệ với ta, phải quên sạch sành sanh! Bồ thí ân đức cho người khác, chẳng đòi hỏi người ta đền đáp. Mong được người ta đền đáp thì sao? Đời sau lại phải làm tới làm lui, chẳng hết, chẳng xong! Bồ thí cho người khác, chẳng mong được đền đáp, tốt lắm! Khi có lỗi với người khác, nhất định phải sám hối, nhất định phải sửa đổi! Chiếm tiện nghi của kẻ khác, phải biết là chẳng thể chiếm tiện nghi được, hễ chiếm đoạt sẽ đều là nợ nần! Nếu đời này đã giác ngộ, đã hiểu rõ, hãy nhanh chóng đền trả, chớ nên dính mắc mấy may! Nếu quý vị chiếm dụng tài vật của quốc gia, sẽ càng nghiêm trọng hơn, vì sao? Chủ nợ quá nhiều! Tài vật của quốc gia là do người dân đóng thuế. Nói cách khác, nếu quý vị chiếm tiện nghi từ những thứ ấy, quý vị sẽ mắc nợ dân chúng cả nước, chuyện này phiền phức lắm!

Những tài vật thuộc về thường trụ trong Phật môn càng chớ nên chiếm đoạt, vì sao? Trong kinh, đức Phật đã dạy rõ ràng, tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác thì Phật có thể cứu người ấy, chứ trộm cắp đồ vật của thường trụ, Phật chẳng thể cứu. Vì sao? Phật môn là đạo tràng mười phương, tài vật của nó không chỉ là sở hữu chung của những vị xuất gia trên địa cầu, mà là trọn khắp pháp giới hư không giới, do mười phương ba đời tất cả hết thảy những người xuất gia cùng sở hữu. Nói cách khác, chẳng biết rõ con số chủ nợ! Vì thế, Phật chẳng thể cứu. Nếu quý vị thật sự thông hiểu, minh bạch, sẽ trả ngay lập tức. Không chỉ là phải trả, mà còn có thể [đền trả] nhiều hơn một tí, tu phước báo nhiều hơn một

chút. Tu phước trong Phật môn dễ nhất, mà tạo tội cũng dễ nhất. Thật sự tu phước trong Phật môn thì là phước báo nhân thiên. Tạo một chút tội nghiệp trong Phật môn, sẽ là tam đồ địa ngục, nháy mắt quả báo sẽ hiện tiền! Con người thọ mạng rất ngắn ngủi, cần gì cứ phải làm chuyện này? Vì thế, thấy điều trả xong, hiện tiền sẽ yên tâm thoải mái, đời sau được đại tự tại, chẳng nợ nần chúng sanh.

Quyết định phải đoạn dứt ý niệm sát sanh, đoạn dứt hành vi sát sanh, cư xử hoan hỷ với hết thảy chúng sanh. Chớ nên nói “ta ghét cái này, ta thích cái kia”, chớ nên! Quý vị ưa thích, tức là có cái duyên ưa thích, đời sau còn phải trở lại. Quý vị chán ghét, đời sau kẻ ấy cũng chán ghét quý vị, tự làm tự chịu. Tuyệt đối chẳng phải là do Thượng Đế an bài, hay là vua Diêm La trừng phạt, chẳng phải vậy, tự làm tự chịu! Hiện thời, chúng ta cư xử với rất nhiều người, sự, vật trong xã hội, trong ấy có rất nhiều trường hợp rất hợp duyên. Đó là do thiện duyên trong quá khứ. Có rất nhiều khi chẳng hợp duyên, gặp mặt cũng chẳng mong gặp gỡ, đó là ác duyên trong đời quá khứ. Hiện thời, làm như thế nào? Hãy sửa đổi! Nhất định phải sửa! Chẳng sửa đổi thì sẽ ra sao? Chẳng sửa thì đến đời sau, vấn đề ấy sẽ càng nghiêm trọng hơn. Chớ nên tích lũy oán hận, nhất định phải hóa giải. Hóa giải chẳng từ nơi đối phương, mà từ chính mình. Sau khi chính mình đã hóa giải hết sạch, tuy đối phương có [oán hận], [nỗi oán hận] của người ấy cũng chẳng làm được gì. Giống như đánh nhau, người ta đâm tới, quý vị thu hồi nắm đấm của chính mình, nắm đấm của kẻ đó đánh vào khoảng không. Quyết định chớ nên oan oan tương báo. Có như vậy thì quý vị mới có cơ hội thoát ly luân hồi, chẳng còn làm chuyện ấy nữa. Chuyện ấy vất vả, vĩnh viễn chẳng ngưng ngớt, quý vị nói xem có nhọc nhằn lắm không!

Không chỉ là chúng ta có thể chẳng còn luân hồi nữa, mà chúng ta còn phải tăng tấn. Tăng tấn cao hơn, thù thắng nhất, ổn thỏa nhất, đáng tin cậy nhất, nhanh chóng nhất, thật sự là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phải biết sau khi quý vị đã thấy rõ ràng thế gian này, thần linh đã thấu lộ tin tức cho chúng ta về trạng huống luân hồi trong lục đạo. Vị ấy bảo quý vị hãy trả hết nợ trong đời này, chẳng nợ mạng, mà cũng chẳng thiếu nợ. Chuyện này nói thì dễ, thực hiện thì nói thật ra cũng chẳng phải là chuyện dễ! Nếu quý vị chẳng thể thông đạt Phật pháp, căn bản là quý vị chẳng làm được! Đã thông đạt Phật pháp thì được! Liễu Phàm Tứ Huán nói đến chuyện sửa lỗi, sám hối, sửa lỗi đổi mới. Sách ấy nói có ba loại sửa đổi, một là sửa nơi Sự, hai là sửa từ Lý, ba là sửa từ tâm. Có thể sửa đổi từ tâm, sẽ thật sự có thể hóa giải. Chẳng [sửa đổi] từ tâm hoặc từ Lý thì sẽ đều chẳng rốt ráo. Nói cách khác, chẳng rốt ráo thì sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì thế, Phật pháp nói đến tâm pháp, “*tâm tịnh, cõi nước tịnh; tâm bình, thiên hạ bình*”. Tựa

đề kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”.

Câu nói cuối cùng của thần linh rất hay, những gặp gỡ trong sanh mạng đời sau của quý vị hoàn toàn do chính quý vị tạo ra, gây tạo trong đời này. Đây chính là như trong Phật pháp thường nói: “*Muốn biết cái nhân trong kiếp trước, những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó. Muốn biết cái quả trong đời sau, những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy*”. Hễ khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác của chúng ta trong đời này chính là cái nhân cho đời sau. Đời sau nhất định có quả báo. Trong đời này, quý vị khởi tâm động niệm là thiện, ngôn ngữ và tạo tác là thiện, đời sau quý vị nhất định là đại thiện báo. Trong đời này, chúng ta xử sự, đãi người tiếp vật, khởi tâm động niệm bất thiện, ngôn ngữ, hành vi bất thiện, quả báo trong đời sau quý vị chắc chắn là trong ba ác đạo. Tự làm, tự chịu! Chớ nên không biết điều này!

Bồ Tát liễu giải rất rõ ràng, rất minh bạch; vì thế, khuyến khích chúng ta, mong mỗi chúng ta “*nhập thâm pháp giới*”. Khế nhập thâm pháp giới bằng cách nào? Kinh Đại Thừa. Kinh Đại Thừa rất nhiều, nhưng rốt ráo viên mãn thì không chi hơn Hoa Nghiêm. Có thể khế nhập Hoa Nghiêm bằng cách nào? Khế nhập như thế nào? Nay chúng ta còn chưa học xong; nói thật ra, kinh Hoa Nghiêm có ba mươi chín phẩm, chúng ta mới học được mười một phẩm, phía sau còn có mấy phẩm kinh văn rất dài. Kinh có tất cả chín mươi chín quyển, nay chúng ta đã đọc chưa đến hai mươi quyển. Cuối cùng, phẩm Nhập Pháp Giới chính là “*nhập thâm pháp giới*”. Nhập thâm pháp giới chính là phẩm Nhập Pháp Giới cuối kinh Hoa Nghiêm. Đó là pháp giới sâu, tức thế giới Hoa Tạng. Điều này thật sự chẳng dễ dàng!

Nhưng chúng ta quyết định chớ quên tổng cương lãnh tu hành trong giáo pháp Đại Thừa. Tổng cương lãnh là gì? “*Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”; đây là tổng cương lãnh, phải thường nghĩ đến. Chúng ta trong cuộc sống hàng ngày, đặc biệt là trong công việc, xử sự, đãi người tiếp vật, hễ một niệm chấp trước sanh khởi, hãy ngay lập tức hồi quang phản chiếu. Chỉ cầu chuyện làm được viên mãn, chớ nên thật sự chấp trước. Thật sự có chấp trước, sẽ hứng chịu thua thiệt to lớn. Chớ nên phân biệt, chớ nên khởi tâm động niệm, chúng tôi thường nhắc đến điều này! Những lời này đều dựa theo lời đức Phật đã dạy trong phẩm Xuất Hiện: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Từ câu giáo huấn này, chúng ta hiểu, đúng là như kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác đã dạy: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Quý vị hiện thời có phải là Phật hay không? Phải! Trong mắt Phật, chẳng giá tí nào, quý vị là Phật thật sự! Bất quá, vấn đề hiện thời của quý vị là ở chỗ nào? Vấn đề ở chỗ trong chân tâm của quý vị đầy khởi vô minh (vọng tưởng), phân biệt, chấp trước, chuyện này phiền

phức to lớn. Vọng tưởng là vô minh, vọng tưởng là gì? Tôi thường nói rất đơn giản, rất nông cạn, [vọng tưởng chính là] khởi tâm động niệm. Điều này rất khó, sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần, há có lẽ nào chẳng khởi tâm động niệm? Hễ khởi tâm động niệm, vô minh liền sanh. Từ vô minh, nhất định dấy lên phân biệt; từ phân biệt, nhất định dấy lên chấp trước. Đây là càng mê, càng sâu, càng tù hãm, càng khổ!

Vì thế, đối với ba tầng cấp tu học trong Phật pháp, chúng ta mới hiểu rõ. Chúng ta đoạn chấp trước, sẽ thành Chánh Giác. Vốn là Chánh Giác, Chánh Giác là A La Hán. Buông xuống phân biệt, chẳng còn nữa, sẽ là Bồ Tát, sẽ chứng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu thật sự có thể đạt đến “chẳng khởi tâm, không động niệm”, sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sẽ gọi là Phật Đà. Vì thế, quý vị là Phật, vốn là Phật, chỉ cần trong hết thấy các cảnh giới, chẳng khởi tâm, không động niệm, quý vị vốn là Phật. Khởi tâm động niệm, nhưng chẳng phân biệt, quý vị là Bồ Tát. Khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, chẳng chấp trước, vậy thì quý vị là A La Hán. Nếu chấp trước cũng chẳng buông xuống được, quý vị là lục đạo phàm phu. Quý vị giống như vị thần linh ấy. Thần linh cũng là lục đạo phàm phu, phải lưu chuyển trong lục đạo, vĩnh viễn không ngưng ngớt, khổ lắm! Kinh Phật gọi hiện tượng ấy là “*sanh tử bì lao*” (sông chết nhọc nhằn), chẳng ngưng nghỉ! Sau khi nhục thể hư hoại, quý vị vứt bỏ, bỏ đi, ngay lập tức lại tìm một nhục thể khác! Vì thế, bảo quý vị là “chẳng có chết, mà cũng chẳng có sanh”, bất sanh, bất diệt!

Vì thế, cái được thần linh nhắc đến chính là “*thần thức*” được nói trong kinh Phật. Thần thức là gì? Là tự tánh bị mê hoặc, điên đảo. Đã giác ngộ tự tánh, nhất định sẽ buông xuống chấp trước, thành A La Hán. Nếu tiến cao hơn một bậc, buông xuống phân biệt, thì là Bồ Tát. Nếu tiến cao hơn nữa, sẽ là Phật. Nay chúng ta được làm thân người, lần này đến nơi đây để mong làm chuyện này. Trừ chuyện này ra, quý vị phải hiểu toàn là chuyện luân hồi. Quý vị làm chuyện luân hồi, làm sao có thể vượt thoát luân hồi cho được? Chỉ có triệt để buông xuống chuyện luân hồi, quý vị mới có thể vượt thoát luân hồi, như vậy thì quý vị mới có thể nhập thâm pháp giới. Nhập thâm pháp giới như thế nào? Chính là phẩm cuối cùng, tức phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên. Chư vị phải biết, toàn văn phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên gồm bốn mươi quyển, những đồng học học kinh Hoa Nghiêm gọi phần ấy là Tứ Thập Hoa Nghiêm. Tứ Thập Hoa Nghiêm là một phẩm trong kinh Đại Hoa Nghiêm. Kinh văn của phẩm ấy dài nhất, trong ấy có năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài. Năm mươi ba lần tham học ấy chính là nhập pháp giới.

Trong quá khứ, ở nơi đây, khi đó còn chưa có đạo tràng này,

chúng tôi thuê gian phòng lớn của Nhai Phường Phước Lợi Hội ở phố Tiêm Sa Tró (Tsim Sha Tsui)¹⁴. Khi đó, mỗi tháng chúng tôi đến đây giảng năm ngày, giảng phẩm Nhập Pháp Giới. Chọn lọc để giảng, chẳng phải là giảng toàn bộ kinh văn. Đối với mỗi cuộc tham học trong năm mươi ba lần tham học, chọn ra một đoạn, tức đoạn hay khéo nhất để giới thiệu với chư vị. Nói đại ý, năm mươi ba lần tham học chính là cuộc sống hằng ngày. Trong xã hội, có rất nhiều nghề nghiệp, nam, nữ, già, trẻ, các nghề nghiệp, Phật, Bồ Tát chia những thứ ấy thành năm mươi ba loại, quý vị từ sáng đến tối đều có thể tiếp xúc. Vì thế, ở ngay trong cuộc sống hằng ngày của quý vị, chẳng hề lìa khỏi cuộc sống. Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị chuyển cảnh giới của chính mình như thế nào? Đúng như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Nếu có thể chuyển vật, ắt giống Như Lai*”. Bọn phàm phu chúng ta chẳng biết chuyển, chẳng biết chuyển thì sao? Quý vị sẽ bị cảnh giới xoay chuyển. Chẳng hạn như thấy một người quý vị ưa thích, hề trông thấy cũng rất hoan hỷ, sẽ cười, sẽ rất vui sướng, quý vị đã bị cảnh giới chuyển! Trông thấy một kẻ quý vị căm ghét, tức oán thân trái chủ hoặc oan gia đối đầu của quý vị, vừa trông thấy, tâm sân khuê liền sanh khởi, rất bức bối. Cái tâm của quý vị đã bị cảnh giới xoay chuyển. Quý vị cũng nhập pháp giới, nhưng nhập nhân pháp giới trong lục đạo! “*Thâm pháp giới*” là Phật pháp giới, quý vị chẳng nhập Phật pháp giới. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật đều có thể chuyển biến cảnh giới.

Chuyển bằng cách nào? Đối với thuận cảnh, thiện duyên (những cảnh giới ấy hết sức tốt đẹp, mối quan hệ nhân sự cũng hết sức tốt đẹp, toàn là thiện nhân), chẳng có tham luyến, hoàn toàn dùng trí huệ để đối đãi, chớ nên dùng cảm tình. Cảm tình là gì? Phân biệt, chấp trước là “*tình*”, được gọi là “*tình chấp*”. Dùng trí huệ, luôn hoan hỷ, luôn bình đẳng, xem như nhau. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, biết chân tướng sự thật này, những điều thần linh đã nói chính là chân tướng sự thật. Đối với nghịch cảnh, ác duyên, hoàn cảnh bất hảo, chẳng hạn như phong khí xã hội bất hảo, hoàn cảnh nhân sự bất hảo, làm gì cũng đều có chướng ngại, luôn có kẻ kiếm chuyện làm phiền, thậm chí hủy báng, hãm hại, ở trong hoàn cảnh ấy, chẳng sanh tâm sân khuê, tuyệt đối chẳng có sân khuê, chẳng báo thù, tâm địa vẫn bình thản.

Mấy năm trước, tôi rời khỏi Tân Gia Ba, di dân sang Úc, đi theo tôi có hơn hai mươi đồng học. Tôi viết hai câu: “*Xử nghịch cảnh, tùy ác duyên, vô sân khuê, nghiệp chướng tận tiêu*” (Ở trong nghịch cảnh, tùy thuận ác duyên, chẳng sân hận, nghiệp chướng tận hết). Trong

¹⁴ Tiêm Sa Tró (尖沙咀) còn gọi là Tiêm Sa Chủy (尖沙嘴) là một khu phố sầm uất ở phía Nam khu Cửu Long (Kowloon) của Hương Cảng, nhìn thẳng ra vịnh Victoria. Phần lớn các viện bảo tàng và các trung tâm thương mại, dịch vụ của Hương Cảng nằm ở khu này.

ngịch cảnh, trong ác duyên, không sanh lòng sân khuê, chẳng trả đũa, hoan hỷ, thuận chịu nghịch cảnh, nghiệp chướng sẽ tiêu. Câu thứ hai: “*Xử thuận cảnh, tùy thiện duyên*” (Ở trong thuận cảnh, tùy thuận thiện duyên), hết thấy tốt đẹp, bất cứ thứ gì cũng đều rất đẹp đẽ. “*Vô tham si, phước đức toàn hiện*” (Không tham si, phước đức hiện toàn vẹn). Trong thuận cảnh, chẳng tham ái, chẳng ngu si, cũng chớ nên chấp trước, hết thấy đều tùy thuận, phước báo hiện tiền. Đây là gì? Năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử dùng điều này. Do đó, bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, người ấy thấy đều được lợi ích, đạt được lợi ích gì vậy? Mà sạch tham, sân, si! Quý vị chẳng rèn luyện trong cảnh giới, làm sao quý vị biết đoạn trừ tham, sân, si? Tham, sân, si, mạn, nghi là gì? Là chấp trước, chấp trước nghiêm trọng. Ở đây, Ngài không chỉ đoạn trừ chấp trước, mà đồng thời cũng đoạn trừ phân biệt, cuối cùng nghiêm nhiên có thể đạt tới chẳng khởi tâm, không động niệm. Vì thế, tham học năm mươi ba lần viên mãn, Ngài bèn viên mãn thành Phật. Đây là “*nhập thâm pháp giới*”, Ngài đã nêu gương cho chúng ta thấy.

Vì thế, thuở ấy, thầy Phương giới thiệu Phật pháp cho tôi, đặc biệt giới thiệu kinh Hoa Nghiêm. Thầy nói đây là khái luận triết học trong kinh Phật, thầy coi kinh Phật như triết học, Hoa Nghiêm là triết học khái luận trong kinh Phật! Hay lắm! Có lý luận, thật sự là lý luận cao sâu, có phương pháp, phương pháp xảo diệu. Sau đó lại kèm theo biểu diễn, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài là biểu diễn, làm cho quý vị thấy. Thầy nói trong các sách triết học trên cả thế giới, chẳng tìm thấy sách nào hay như thế. Kinh có biểu diễn, làm cho quý vị thấy, đây mới là trí huệ chân chánh, trí huệ viên mãn. Một người có thể sống cuộc đời trí huệ, chẳng có gì bất lợi, đạt được đại tự tại! Vì thế, học Hoa Nghiêm, phải nhập cảnh giới Hoa Nghiêm, pháp giới Hoa Nghiêm chính là “*thâm pháp giới*”. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 1559

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ bảy trong phần Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ năm:

(Kinh) Đáo nhân môn hộ, đương nguyện chúng sanh, nhập u nhất thiết, Phật pháp chi môn.

(經)到人門戶。當願眾生。入於一切。佛法之門。

(Kinh: Đến cửa người ta, nguyện cho chúng sanh, vào trong hết thấy các môn Phật pháp).

Đây là khát thực. Nói thông thường, chúng ta đến cửa nhà trai chủ, phải nên hiểu những lễ tiết, quy củ! Người xuất gia là gương mẫu khuôn phép cho trời, người noi theo, nay chúng ta nói là “*học vi nhân sư, hành vi thế phạm*” (học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho cõi đời). Nhất cử nhất động đều phải nêu gương tốt đẹp cho đại chúng trong xã hội. Chẳng thể gõ cửa, gõ cửa rất vô lễ! Hiện thời chẳng giống xưa kia, hiện nay đến nhà người ta, thường là có chuông điện. Thích đáng nhất là liên lạc trước bằng điện thoại, nói rõ “khi nào tôi sẽ đến nhà quý vị thăm viếng”. Chủ nhân đã đồng ý, sẽ theo đúng giờ [đã ước hẹn] mà tới. Có khi phải xét tới thân phận và địa vị của chủ nhân, chúng ta đến thăm người ấy, có chuyện gì, cần bao nhiêu thời gian, đều phải ước định sẵn. Vì khách khứa mỗi ngày của người ấy không chỉ một mình chúng ta! Đặc biệt là những nhân vật chánh trị trong xã hội, cuộc sống hằng ngày của họ phải tiếp khách hết sức bận rộn, nhất định phải ước định thời gian vừa khéo. Chẳng hạn như nửa tiếng, một giờ, thậm chí ngắn ngủi mười lăm phút, nhất định phải không chệch thời gian cho khéo. Vì sao? Trước đó, người ấy có khách, mà sau đó, người ấy cũng có khách!

Đây là khát thực vào thời cổ, đương nhiên là chẳng như hiện thời, công việc bận rộn dường ấy. Đến cửa nhà người ta bèn rung tích trượng. Người xuất gia ra khỏi cửa đi khát thực đều cầm theo tích trượng. Trong phần trước, chúng ta đã đọc [điều này]; vì thế, rung tích trượng ngoài cửa. Tích trượng cũng chỉ có thể rung ba lượt, chẳng thể rung quá nhiều lần. [Rung tích trượng] ba lượt mà chẳng có ai mở cửa, họ ở bên trong chẳng nghe thấy, vậy thì sang nhà thứ hai. Những điều này đều thuộc về lễ tiết. Thông thường, quý vị rung ba lượt, họ nhất định sẽ mở cửa, biết là có người xuất gia đến khát thực, họ đã chuẩn bị sẵn sàng. “*Đáo nhân môn hộ*” (Đến cửa nhà người ta), trông thấy cánh cửa ấy. Loại cửa có hai cánh gọi là Môn (門), loại một cánh gọi là Hộ (戶). Thông thường, hễ nói đến Môn thì là Đại Môn (大門, cổng chánh), còn các cửa phòng khác thì đều coi là Hộ, đều chỉ có một cánh. Trông thấy Môn Hộ bèn dẫn phát đại nguyện, “*nhập ư nhất thiết, Phật pháp chi môn*” (vào trong hết thảy các môn Phật pháp).

Phật pháp gọi là “*pháp môn*”, Môn (門) có nghĩa là “*thông đạt*”. Do từ cửa nẻo này mà có thể thông đạt Phật pháp. Có bao nhiêu? Trong kinh giáo, đức Phật thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”, thật sự có con số ấy. Nói theo nghĩa rộng, [sẽ là] vô lượng pháp môn. Quý vị xem Tứ Hoàng Thệ Nguyện, sẽ đọc thấy câu: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”. Trong phẩm Nhập Pháp Giới của kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã nêu gương khế nhập Phật pháp như thế nào. Nhưng trong phẩm Ly Thế Gian, bộ kinh này có bốn đoạn lớn là Tín, Giải, Hạnh, Chứng; Hạnh chỉ có một phẩm kinh, nhưng phẩm kinh ấy

cũng rất dài, tức là phẩm Ly Thế Gian. Trong ấy đã nói hai ngàn pháp môn; đây là nói đại lược. [Kinh] Hoa Nghiêm [trong hiện thời] chính là lược bốn Hoa Nghiêm, bản dịch tiếng Hán của kinh này vẫn chưa phải là hạ bốn. Hạ bốn [trong nguyên văn tiếng Phạn] có mười vạn bài kệ, bản dịch tiếng Hán đại khái chỉ có khoảng hơn năm vạn bài kệ, tức là một nửa, [mới được] một nửa của hạ bốn!

Bộ kinh này quá to! Phạm là đối với những bộ kinh điển lớn, chúng ta đều có kiến thức thông thường này: Rất dễ bị thất lạc. Sau khi đã thất lạc, phần còn sót lại bị tàn khuyết, chẳng hoàn chỉnh. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm được truyền đến Trung Hoa chẳng phải là toàn bộ kinh văn, chỉ là một nửa của toàn văn mà thôi. Lại còn được truyền đến trong ba đợt thời gian khác nhau! Tuy là nửa bộ, đã có thể nhìn thấy rõ ràng giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm, hết sức khó có. Hiện thời, đại khái là bản dịch tiếng Hán của kinh này có phân lượng được bảo tồn nhiều nhất, nguyên bản bằng tiếng Phạn đã sớm thất truyền! Nghe nói bản tiếng Phạn của Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm hãy còn, được cất giữ ở nơi nào chúng ta không biết, chỉ biết bản dịch hoàn chỉnh nhất là bản bằng tiếng Hán.

Trong đại kinh, chúng ta biết những điều được nói trong kinh văn mang ý nghĩa biểu thị pháp nhiều lắm, cũng có nghĩa là chỗ nào cũng đều nhằm chỉ dạy, khái thị cho chúng ta! Chúng ta khát thực, đến cửa nhà người ta, phải suy nghĩ, thời thời khắc khắc, niệm nào cũng đều cảnh tỉnh: Trong một đời này của chúng ta, điều quan trọng nhất là “*nhập Phật môn*”. Nói cách khác, bất luận ở chỗ nào, chỉ cần trông thấy cửa, quý vị có thể nghĩ “*ta phải nhập Phật môn*”. Ý nghĩa trọng yếu nhất trong bài kệ này là ở chỗ này! Hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian vô lượng vô biên. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật nói mười pháp giới, chúng ta dùng ngay chuyện này làm tỷ dụ. Mười pháp giới là mười môn, chúng ta nhận biết rõ ràng môn nào mới là Phật môn. Nhập bằng cách nào? Nhập từ chỗ nào? Chớ nên không biết!

Nói thật ra, Phật ở chỗ nào? Phật là gì? Ai là Phật? Trước hết, quý vị phải hiểu rõ điều này! Phật là chính mình! Phật chẳng ở bên ngoài, Phật là chân tâm của chính mình, Phật là bản tánh của chính mình! Đã mê mất chân tâm, mê mất bản tánh, mới nảy sanh khá nhiều huyền môn hư vọng chẳng thật, chẳng phải là thật, mà là hư huyền! Nhưng nếu quý vị chẳng có năng lực phân biệt, những môn hư huyền ấy sẽ khiến cho quý vị bị mê mất. Môn ấy là gì vậy? Chín pháp giới! Ngoài Phật pháp giới là chín pháp giới. Nghiêm trọng nhất, hoàn toàn mê mất trong chín pháp giới, điên đảo một trăm tám mươi độ là lục đạo! Sáu môn thuộc về sáu pháp giới hoàn toàn sai lầm, có mấy ai biết? Có thể nói: Từ vô thủy kiếp tới nay, chúng ta đã vào sai cửa, mê đã lâu, mê quá sâu, chẳng quay đầu được, nghiêm trọng đến mức độ ấy!

Trước hết, chúng ta phải nhận biết chữ Phật. Phật là gì? Chữ Phật là do từ tiếng Phạn của Ấn Độ dịch ra. Văn tự thời cổ chẳng nhiều cho mấy, khi phiên dịch kinh Phật, [các nhà dịch kinh] bèn tạo ra một số chữ mới để phiên dịch thuận tiện. Trong chữ Phật (佛), chữ Phất (弗) không có chữ Nhân (人) bên cạnh là một chữ cổ, chữ này thì có, Trung Hoa có chữ này. Nhưng chữ Phật Đà Da (Buddhaya) trong tiếng Phạn chẳng tìm thấy chữ có ý nghĩa tương đồng tại Trung Hoa để phiên dịch. Vì thế, sử dụng cách phiên âm: Dùng âm đọc của chữ Phất cổ xưa trong tiếng Hán, thêm vào chữ Nhân, vì Phật là người. Chư vị phải biết, phải thấy rõ ràng điều này: Phất chẳng phải là thần, Phất là người. Người như thế nào? Người giác ngộ, người quay đầu, là người phản phác quy chân (反璞歸真, quay trở về cái chất phác chân thật). Do vậy, dùng lối phiên âm để dịch chữ này, kèm thêm chú giải, quý vị sẽ hiểu nó có nghĩa là gì!

“Phật” có hai ý nghĩa; [xét theo hai phương diện] Thể Dụng thì có Thể và Dụng. Thể là Trí, Dụng là Giác. [Sẽ có kẻ chất vấn]: “Chẳng phải là chúng ta dùng Trí và Giác [để dịch chữ Phật] là được rồi hay sao? Dùng hai chữ ấy để dịch nghĩa chữ Phật chẳng phải là ổn thỏa hay sao?” Vẫn chưa được! Vì sao không được? Đối với ý nghĩa Trí, chữ Trí của Trung Hoa vẫn chẳng thể bao hàm [ý nghĩa thật sự của chữ Phật trong tiếng Phạn], ý nghĩa Giác cũng chẳng có cách nào bao hàm! Trong Trí có ba ý nghĩa, trong Giác cũng có ba ý nghĩa, thật sự chẳng tìm được chữ Hán [tương ứng], chỉ đành phải dùng lối phiên âm. Trí có ba ý nghĩa là Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, và Nhất Thiết Chứng Trí, hết thảy chúng sanh đều vốn sẵn có [ba loại trí ấy]. Phải giải thích thêm về ba loại Trí ấy. Nhất Thiết Trí là gì? Biết cái Thể của hết thảy các pháp trong vũ trụ; nói theo Triết Học là “*bản thể*”. Biết điều ấy thì gọi là Nhất Thiết Trí. Thể là gì? Thể là Không, nhưng Không chẳng phải là Vô. Nếu chúng ta hiểu Không có nghĩa là “thứ gì cũng đều chẳng có”, sai mất rồi. Nó có! Đã có, vì sao nói nó là Không? Nó chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần, sáu căn của chúng ta đều chẳng thể duyên nổi. Mắt chẳng trông thấy, tai chẳng nghe thấy, mũi cũng chẳng ngửi thấy, lưỡi cũng chẳng nếm thấy, thân cũng chẳng có cách nào tiếp xúc, cho đến nghĩ ngợi cũng nghĩ chẳng ra. Sáu căn chẳng thể tiếp xúc, bèn bắt đắc dĩ bảo nó là Không. Tâm Kinh nói: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Không là nói đến Thể, Sắc là nói về hình tướng. Do vậy, Thể là Không. Phật pháp thường nói “*Tứ Đại giai Không, vạn pháp giai Không*” (Tứ Đại đều là Không, muôn pháp đều là Không), chính là nói theo Thể.

Ai nhận biết? Chúng ta có nhận biết hay không? Chẳng nhận biết! Vì sao nói là “*không nhận biết*”? Nếu đã nhận biết, quý vị còn chấp

trước hết thấy các pháp nữa hay chẳng? Muôn pháp đều Không, chắc chắn là quý vị sẽ không chấp trước! Quý vị cũng sẽ chẳng phân biệt, giải thoát từ trong hết thấy muôn pháp. Hễ giải thoát, sẽ tiến nhập Phật môn. Vì thế, hết thấy các hiện tượng là “*Tướng có, Thể không*”. Kinh Kim Cang đã dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bọt, bóng*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Lại nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Kinh Đại Bát Nhã dạy: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thấy các pháp chẳng sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Đây là gì? Đây là nghĩa Không của Phật, là trí, tức là trí huệ thật sự.

Ý nghĩa thứ hai là nói đến Giác. Giác cũng có ba loại: Tự Giác, Giác Tha, và Giác Hạnh Viên Mãn. Vì thế, ý nghĩa này rất nhiều. Chính mình giác ngộ, hiểu rõ, tức là đối với ba loại Trí của Phật quý vị đều hiểu rõ. Trong phần trước, chúng ta đã nói loại thứ nhất là Nhất Thiết Trí. Loại thứ hai là Đạo Chung Trí, Đạo (道) là đạo lý, Chung (種) là các thứ. Vạn sự vạn vật trong vũ trụ quá nhiều, đủ mọi thứ! “*Chung chung pháp*” là hết thấy các pháp. Lý, Sự và hiện tượng của hết thấy các pháp, quý vị đều hiểu rõ, đó là Đạo Chung Trí. Thứ ba là Nhất Thiết Chung Trí. Thể, Tướng, Dụng là một, chẳng hai, một tức là ba, ba tức là một, bất tức, bất ly (不即不離, chẳng phải chính là, chẳng lìa). Nhất Thiết Chung Trí nói về Dụng. Trong trí huệ có ba ý nghĩa, Thể, Tướng, Dụng, Nhất Thiết Trí là Thể, Đạo Chung Trí là hiện tượng, Nhất Thiết Chung Trí là ứng dụng.

Bản thân quý vị đã giác ngộ, là Tự Giác. Sau khi đã giác ngộ, quý vị phải giúp đỡ người khác, phải dạy bảo người khác, đó là Giác Tha. Cuối cùng là Giác Hạnh Viên Mãn. Tự Giác là A La Hán; Giác Tha là Bồ Tát; Giác Hạnh Viên Mãn chính là tự hành và hóa tha (化他, hóa độ người khác) viên mãn. Trong Tự Giác và Giác Tha, quý vị đoạn trừ tập khí vô thi vô minh. Trong phần trước đã nói rất rõ ràng, đoạn hết tập khí vô thi vô minh sẽ viên mãn. Giác Hạnh Viên Mãn chính là Phật viên mãn rốt ráo như trong giáo pháp Đại Thừa đã nói. Đây là ai? Chính mình! Do đó, đức Phật bảo: “*Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh*”. Phật Tánh là tự tánh. Phật Tánh là chân tâm, tức là chân tâm của chính mình, là diện mạo vốn sẵn có của chính mình. Khi nào quý vị có thể quay đầu, khi nào có thể kiến đạo? Hễ kiến đạo, sẽ chứng đạo. Ai đã chứng đạo? Trong kinh Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là Viên Giáo, địa vị Sơ Trụ đã chứng đạo. Điều này cho thấy địa vị Sơ Trụ đã nhập Phật môn. “*Một nhập, hết thấy nhập*”. Tuy là tám vạn bốn ngàn pháp môn, nhưng giống như gì? Giống như một căn nhà lớn, phía ngoài căn nhà ấy có tường vây quanh. Nơi tường vây có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Tùy tiện vào từ cửa nào cũng đều như nhau, chẳng có gì khác!

Chẳng tiên nhập, [sẽ cảm thấy] các pháp môn khác nhau. Đã tiên nhập, thấy đều giống hệt nhau! Vì thế, phải nhận thức rõ ràng chữ Phật này!

Hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới chẳng có chi khác, chỉ có một mục tiêu, một phương hướng: “*Nhập nhất thiết Phật pháp chi môn*” (Vào hết thấy các môn trong Phật pháp). Chớ nên không biết điều này! Nếu chẳng biết điều này, đáng thương quá, khổ lắm, sẽ làm gì? Luân hồi trong lục đạo! Luân hồi trong lục đạo vĩnh viễn chẳng ngưng ngớt, đời đời kiếp kiếp. Vì sao phải luân hồi trong lục đạo? Do tự tánh đã bị mê mất bèn biến hiện các huyền tướng. Giống như nằm mộng, tuy mộng chẳng phải là thật, nhưng nếu quý vị chẳng tỉnh giấc, ngỡ nó là thật, trong ấy sẽ có nỗi khổ thật sự. Nói cách khác, thật sự hứng chịu! Chớ nên không biết sự thật này! Sau khi đã mê mất tự tánh, quý vị thấy tự tánh, những điều được nói trong chữ Phật chính là hết thấy vạn sự vạn pháp trong vũ trụ [đều là] “*tướng có, Thể không*”. Thể đã là Không, đương nhiên là “*tướng có*” sẽ chẳng thật sự có! Vì thế, Tướng được gọi là Diệu Hữu. Vì sao nói là Diệu? Diệu là quý vị chẳng thể nói nó là có, mà cũng chẳng thể nói nó là không có!

Vì thế, đức Phật dùng mộng làm tỷ dụ, chúng ta lãnh hội dễ dàng. Mộng là Diệu Hữu. Trong khi quý vị đang nằm mộng, nó là thật sự có, chẳng thể nói là “*không có*”. Nhưng sau khi đã tỉnh giấc, mộng đi về đâu? Lại cũng chẳng thể tìm thấy! Nếu ở trong mộng mà quý vị lập tức giác ngộ, “*nay ta đang nằm mộng*”, tôi tin là quý vị rất sung sướng. Vì sao? Quý vị sẽ chẳng bị cảnh mộng trói buộc. Trong cảnh mộng, mơ thấy cạp sấp ăn thịt quý vị, quý vị sẽ rất khăng khái, vì sao? Đây là cảnh mộng, giả trá, chẳng thật! Ta cũng giống như đức Phật xả thân cho cạp ăn! Quý vị rất hoan hỷ, bỏ thí thân thể của chính mình cho cạp ăn, chẳng sợ hãi tí nào! Vì sao? Quý vị biết đây chẳng phải là thật! Vì sao trong mộng trông thấy cạp mà sợ đến nỗi toàn thân muốt mồ hôi lạnh, sợ đến nỗi tỉnh giấc? Quý vị chẳng biết đó là cảnh trong mộng, chẳng biết là giả, mà cũng chẳng biết chân tướng sự thật, ngỡ là thật. Cảnh giới ấy hiện tiền, tập khí phiền não dấy lên hiện hành, tham sống sợ chết, do ích kỷ mà sanh khởi những tập khí phiền não ấy! Vì sao Bồ Tát có thể làm được? Bồ Tát biết là đang ở trong mộng, “*mộng lý minh minh hữu lục thú*” (trong mộng rành rành phô sáu nẻo)! Không chỉ là lục đạo ở trong mộng, mà tứ thánh pháp giới cũng chẳng ở bên ngoài, cũng đang ở trong mộng!

Thật sự tỉnh giấc, không chỉ là chẳng có lục đạo, mà mười pháp giới cũng chẳng có. Khi ấy bèn nhập Phật môn. Phật môn là Nhất Chân pháp giới, Phật môn là thể giới Cực Lạc, Phật môn là báo độ của hết thấy chư Phật, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, là cõi Tịnh Độ chân thật do Báo Thân Phật hiện ra. Cõi Tịnh Độ mà A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát cư trụ trong ấy chẳng phải là thuần tịnh, được gọi

là cõi Phương Tiện Hữu Dư. Quý vị thấy đó là phương tiện quyền xảo, chẳng rớt ráo! Hữu dư, “*dur*” (餘) là gì? Còn sót lại tập khí phiền não chẳng đoạn. Đã đoạn phiền não, chẳng đoạn tập khí, chẳng kiến tánh. Phật giống như có ba cái cửa, tiền vào cửa lớn, trong ấy còn có hai cửa nữa, tức là có ba tầng cửa. A La Hán, Bích Chi Phật vào cửa thứ nhất, tức là vào đại môn, chưa vào tầng cửa thứ hai. Bồ Tát vào tầng cửa thứ hai, tầng cửa thứ ba sau đó chưa vào! Phá một phẩm vô minh, chứng một phân Pháp Thân, mới vào tầng cửa thứ ba. Tầng cửa thứ ba là Phật môn thật sự, vào trong ấy, sẽ thấy Phật. Thấy gì vậy? Thấy tự tánh, trong Thiền Tông nói là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Do đó, thấy Phật là kiến tánh. Kiến tánh là thấy chân tướng của vạn hữu trong vũ trụ. “*Chư pháp Thật Tướng*” như kinh Bát Nhã đã nói chính là tướng chân thật của hết thảy các pháp, quý vị thấy đều liễu giải. Đó là Kiến Tánh, đó là “*thấy Phật*”.

Trong Phật pháp chẳng có mê tín. Phật pháp là trí huệ chân thật. Thông thường, chúng ta thường đọc thấy từ ngữ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā-samyak-sambodhi) trong đại kinh. Đây cũng là tiếng Phạn. Câu tiếng Phạn ấy chẳng được dịch ra, chẳng phải là không thể phiên dịch! Có thể dịch! Vì sao có thể phiên dịch mà chẳng dịch? Do tôn trọng nên chẳng dịch. Đây là mục tiêu chung cực của sự tu học trong Phật môn. Phật pháp mong cầu gì? Chính là cầu điều này. Do vậy, chẳng dịch câu này mà phiên âm. Thật ra, có thể dịch ý nghĩa của nó, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, từ ngữ này thuộc loại “*do tôn trọng nên không dịch*”. [Điều này] có ý nghĩa khác với chữ Phật, chữ Phật do bao hàm nhiều nghĩa nên không phiên dịch. [Chữ Phật có] quá nhiều ý nghĩa, tại Trung Hoa chẳng tìm thấy từ vựng [tương ứng], chẳng tìm được, cho nên phải tạo ra một chữ mới. Trong Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác có ba ý nghĩa. Chánh Giác là nói về tầng cửa thứ nhất, tức cổng ngoài của Phật pháp. Chánh Đẳng Chánh Giác là tầng cửa thứ hai trong Phật pháp. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là tầng cửa thứ ba của Phật pháp, chẳng dễ dàng!

Vào cửa lớn, đoạn hết Kiến Tư phiền não, chúng ta thường nói là “*buông xuống*”. Tức là chẳng chấp trước, thật sự buông xuống hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vì sao không chấp trước? Hiểu “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”; vì thế, chẳng chấp trước sự tướng. Chẳng chấp trước ác, mà cũng chẳng chấp trước thiện. Chúng ta có còn phải đoạn ác tu thiện hay không? Phải! Vì sao vẫn phải? Còn có khá nhiều chúng sanh chưa giác ngộ, phải nêu gương cho họ thấy, đó là đại từ đại bi. Vì sao? Quý vị tạo ác, ắt đọa vào ác đạo. Quý vị tu thiện, sẽ đạt được phước báo nhân thiên. Nói cách khác, thấy đông đảo chúng sanh chẳng thoát khỏi tam giới, mê hoặc, điên đảo, ta ở nơi đây, phải nên biểu hiện dáng vẻ tốt đẹp, dẫn dắt mọi người lìa khổ được vui. “*Lìa*

khổ” là lia ba ác đạo, “*được vui*” là đạt được ba thiện đạo, được sanh trong đường trời người. Sự từ bi là biểu hiện, biểu hiện cho mọi người thấy, chẳng phải là thật. Tuy là biểu hiện, lũ phàm phu chúng ta chắc chắn chẳng nhìn ra, bọn phàm phu chúng ta luôn tưởng người ấy giống hệt như chúng ta. Bất quá thấy [người ấy] rất khó có, người ấy chẳng tạo ác, quý vị thấy người ấy toàn làm việc thiện. Đó là gì? Đó là đại từ đại bi.

Trong phần trước, chúng ta đã học về báo ân Phật, học trong phần “*kiến báo ân nhân*” (thấy người báo ân). Thanh Lương đại sư đã chú giải rất tỉ mỉ, nêu đại lược mười loại ân đức của Phật đối với chúng sanh. Thật vậy, chẳng giả, đây là ân đức vô tận. Ngài đã vì chúng ta thị hiện, giúp đỡ chúng ta tìm được Phật môn, giúp đỡ chúng ta tu học, giúp đỡ chúng ta trở về Phật môn. Trở về Phật môn chính là giúp chúng ta minh tâm kiến tánh; ân đức ấy quá lớn! Ngài vì chúng ta thị hiện đoạn ác, tu thiện; đây chính là dạy chúng ta trong lục đạo lia khổ được vui bằng cách nào. Đến nơi đâu để tìm ân đức ấy? Chớ nên không biết! Bất luận ở nơi đâu, hễ trông thấy cửa, hoặc chúng ta sắp vào cửa, hoặc sắp ra khỏi cửa, đều phải nghĩ đến. “*Vào cửa*” là chứng quả, chúng A La Hán, chúng Bồ Tát, chúng Phật quả. “*Ra khỏi cửa*” là hóa độ chúng sanh. Chúng sanh có cảm, Phật sẽ ứng. Từ sự tương này, quý vị thấy chính mình mỗi ngày vào cửa, ra khỏi cửa bao nhiêu lượt, quý vị có ý niệm ấy hay không? Vào cửa kiến tánh, ra khỏi cửa độ sanh. Ra khỏi cửa, nêu gương tốt nhất cho người thế gian.

Căn tánh của chúng sanh khác nhau, Phật, Bồ Tát thị hiện cũng khác biệt. Phật pháp sống động, linh hoạt, chẳng phải là đã hình thành bèn bất biến, mà là biến hóa muôn ngàn! Kẻ chẳng khế nhập, làm sao có thể biết nổi? Chúng ta chớ nên không biết. Trình độ của chúng sanh chẳng ngang nhau, tập nhiễm bất đồng! Bồ Tát thị hiện, giáo học, nhất định là “*ứng cơ thí giáo*” (應機施教, ban bố giáo pháp tương ứng với căn cơ). Trình độ nông cạn, dạy tiểu pháp. Trình độ cao, dạy đại pháp. Vì thế, đức Phật dạy chúng sanh có ba thừa, hoặc năm thừa. Năm thừa là người, trời, Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát. Do căn tánh bất đồng, cách dạy bất đồng, do có sự tập nhiễm bất đồng, bèn thị hiện bất đồng. Nói chung, người đã giác ngộ, tức là từ A La Hán trở lên, đến ứng hóa trong lục đạo, bất luận là ứng thân hay hóa thân, hành vi và ngôn hạnh chỉ nhằm một mục tiêu: Giúp cho chúng sanh giác ngộ. Nhưng phương pháp để giúp chúng sanh giác ngộ vô lượng vô biên, thường nói là “*tám vạn bốn ngàn pháp môn*”, thiên biến vạn hóa. Có phải là chúng sanh đều có thể giác ngộ hay chẳng? Không nhất định! Sử dụng hết tám vạn bốn ngàn phương pháp, chúng sanh vẫn chẳng giác ngộ! Có tình hình ấy hay chẳng? Có chứ! Quá nhiều! Vì sao? Tập khí phiền não quá nặng.

Vì sao đức Phật vẫn phải thị hiện như thế? Có dụng ý, tức là muốn giúp cho một chúng sanh giác ngộ quay đầu, chẳng phải là trong thời gian ngắn ngủi, chẳng phải là một, hai lần. Do vậy, Phật, Bồ Tát vì chúng sanh thị hiện, có thể sẽ làm hơn một ngàn lần, vạn lần, vô số lần, chúng sanh mới hoằng nhiên đại ngộ, mới giác ngộ. Đây là ân đức của Phật, Bồ Tát; đây là lòng từ bi của Phật, Bồ Tát, con người chẳng làm được! Không lão phu tử dạy học, “*cử nhất ngưng, nhi bất dĩ tam ngưng phản giả*” (nêu lên một góc mà chẳng suy ra ba góc kia), lão phu tử sẽ không dạy quý vị. Vì sao? Quý vị quá đần độn, chẳng dạy, quý vị dưng thính là được rồi! Phật, Bồ Tát chẳng vậy. Đừng nói là Phật, Bồ Tát dạy quý vị ba lần, quý vị chẳng khai ngộ, các Ngài có thể dạy ba mươi lần, có thể dạy ba trăm lần, có thể dạy ba ngàn lần, có thể dạy ba vạn lần. Bọn phàm nhân chúng ta nghe thấy, trông thấy, [sẽ cảm thấy] chẳng thể nghĩ bàn! “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”! Có phải là Phật, Bồ Tát đối với chúng ta như thế hay không? Đúng là như vậy. Đời này chúng ta chẳng thể tiếp nhận, không sao cả, sẽ còn có đời sau. Đời sau chẳng thể tiếp nhận, còn có đời sau nữa. Dẫu là trải qua vô lượng kiếp sau, đức Phật cũng chẳng buông bỏ quý vị, thường nhắc nhở quý vị. Đây chính là như chúng tôi thường nói “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Nếu chẳng phải huân tu lâu dài như vậy, làm sao quý vị có thể giác ngộ cho được?

Nay chúng ta học Phật, hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch, xác thực là thời thời khắc khắc Phật, Bồ Tát đều ở bên cạnh nhắc nhở chúng ta. Vì sao chúng ta chẳng giác ngộ? Vẫn là do thời gian chúng ta huân tập còn chưa đủ! Vì thế, tuy chúng ta biết tập khí phiền não chẳng phải là thứ tốt đẹp, chúng là giả, nhưng hiện thời vẫn không chịu buông xuống. Đạo lý ở chỗ này! Thật sự hiểu rõ ràng, thật sự minh bạch, há có lẽ nào chẳng buông xuống! Đó gọi là “*phóng hạ đồ đao, lập địa thành Phật*” (buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật), chuyển phàm nhập thánh ngay trong một niệm. [Trở ngại] là do niệm tâm ấy chẳng phát khởi được, khó khăn như vậy đó! Khi nghe nói thì dường như là đã giác ngộ, trong sát-na lại mê, lại khôi phục tình trạng như cũ, phàm phu gặp phiền phức ở chỗ này. Thánh nhân thế gian chẳng có lòng kiên nhẫn như vậy, họ sẽ chẳng nhẫn nại! Phật, Bồ Tát thì được, Phật, Bồ Tát vĩ đại, rất lỗi lạc! Chúng ta phải cảm ơn. Có lẽ sẽ có đồng tu muốn hỏi: “Phải làm như thế nào để chúng ta có thể [thành tựu] mau chóng hơn, tốt nhất là chẳng cần phải chờ đến đời kế hoặc đời sau, đời này chúng ta có thể tiến nhập hay không?” Nói theo lý luận thì có thể, khẳng định. Vậy thì phải làm như thế nào? Nói thật ra, quý vị thật sự nghe hiểu giáo huấn của Phật, đã nghe hiểu, Ngài có một câu nói là “*y giáo phụng hành*”, sẽ có thể tăng tấn rất nhanh chóng! Chúng ta cũng biết y giáo phụng hành, nhưng chẳng làm được, chẳng y giáo, mà cũng

chẳng phụng hành. Chúng ta vẫn nương theo tập khí phiền não của chính mình, vẫn phụng hành ý nghĩ của chính mình, [vậy là] chẳng có cách nào hết!

Quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta buông xuống chấp trước. Đó là buông xuống Kiến Tư phiền não, quý vị sẽ vào tầng cửa thứ nhất, trí huệ mở mang, đạt đến Chánh Giác, thế nhưng quý vị chẳng buông xuống chấp trước được! Điều đầu tiên trong chấp trước là gì? Ở đây, chúng tôi nói phương tiện, đó là “*thành kiến*”, tức là cách nhìn, cách nghĩ, kiến giải của ta. Điều này rất ư là thô, [thê mà] chẳng buông xuống được! Do vậy, nếu quý vị nói buông xuống từ chỗ nào ư? Buông từ ngay chỗ này! Chẳng thể buông xuống điều này, sẽ chẳng thể tùy duyên. Trong cuộc sống, trong tu học, quý vị sẽ chẳng được tự tại, chẳng đạt được pháp hỷ. Phu tử nói: “*Học rồi thường xuyên tập luyện, há chẳng vui ư?*” Quý vị chẳng đạt được! Quý vị có thể buông xuống điều ấy, sẽ đạt được pháp hỷ; chúng tôi thường nói: “*Trong thế gian này, người nào cũng là người tốt, chuyện nào cũng là chuyện tốt*”. Quý vị mới thật sự thấu hiểu hai câu nói ấy. Quý vị đã hiểu, sẽ đạt được pháp hỷ, cuộc sống hằng ngày của quý vị sẽ rất vui sướng. Quý vị chẳng chịu buông xuống, chẳng có cách nào hết!

Quý vị buông xuống càng nhiều, đó gọi là “*phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng*”. Chẳng chịu đoạn trừ tập khí phiền não, trí huệ vĩnh viễn chẳng thể hiện tiền, làm sao quý vị có thể nhập môn cho được? Lại nói cụ thể, quý vị thật sự mong nhập môn, lại chẳng thể khắc phục tập khí phiền não của chính mình. Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo, lại thêm Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, tôi thường nói ba bộ sách ấy là ba căn cội của Nho, Thích, Đạo. Quý vị nắm lấy ba căn cội ấy, dùng thời gian một năm để thực hiện chúng, trong đời này, quý vị mới có thể nhập môn hết thấy Phật pháp. Nếu chẳng có ba căn cội ấy, không chỉ là chẳng thể nhập môn, mà môn nào quý vị cũng chẳng hiểu, chẳng nhập bất cứ môn nào! Nay chúng ta nhìn vào bài kệ này, phải nên hiểu điều này, tuyệt đối chẳng phải là ý nghĩa “*nay chúng ta do khát thực bèn đến cửa nhà người ta*”. Tất cả hết thấy các môn đều có thể kích phát nguyện tâm của chính mình, từ chỗ này mà đạt được sự khái thị, chúng ta đã thật sự học Hoa Nghiêm. Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ kế tiếp là bài thứ sáu:

(Kinh) Nhập kỳ gia dĩ, đương nguyện chúng sanh, đắc nhập Phật Thừa, tam thế bình đẳng.

(經)入其家已。當願眾生。得入佛乘。三世平等。

(*Kinh: Đã vào nhà ấy, nguyện cho chúng sanh, được nhập Phật Thừa, ba đời bình đẳng*).

Trong phần chú giải, tuy Thanh Lương đại sư chẳng nói nhiều, nhưng đã nói rất rõ ràng.

(*Sớ*) Vị nhập, tắc chư gia sai biệt. Nhập dĩ, duy nhất vô đa, như nhập Phật Thừa, vô nhị tam dã.

(疏)未入，則諸家差別，入已，唯一無多，如入佛乘，無二三也。

(*Sớ: Chưa vào thì các nhà sai khác. Đã vào, chỉ là một, chẳng nhiều, như nhập Phật Thừa, chẳng có hai, ba*).

Đấy chính là như kinh Pháp Hoa đã dạy: “Duy hữu nhất Phật Thừa, vô nhị, diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết” (Chỉ có một Phật Thừa, không hai, cũng chẳng ba. Trừ Phật nói phương tiện). Do vậy có thể biết, hai thừa, ba thừa, năm thừa, cho đến tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, đều là đức Phật nói phương tiện. Thực tế là Nhất Thừa, Nhất Thừa là Phật Thừa, nhất Phật Thừa. “*Nhập kỳ gia dĩ*” (Đã vào nhà ấy): Trong bài kệ trước là ở ngoài cửa, bước vào cửa, còn bài kệ này là đã vào trong nhà người ta. Đấy là chúng ta đối với nhà của chính mình, nhà của người khác, đạo tràng cũng là nhà, vào vào ra ra. Hy vọng chúng ta trong hoàn cảnh ấy, cũng có thể phát khởi hồng nguyện (弘願, nguyện rộng sâu), phát đại Bồ Đề tâm, viên thành Phật đạo ngay trong đời này. Nay chúng ta mong thật sự phát tâm viên thành Phật đạo, chư Phật Như Lai, tổ sư đại đức đã truyền cho chúng ta một diệu pháp chính là “*niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ*”. Chỉ có một pháp này, chẳng còn pháp thứ hai, ôn hòa, thích đáng!

Nếu quý vị thật sự mong thành tựu, bí quyết là quý vị có thể buông xuống được. Đấy là bí quyết thật sự. Quý vị không buông xuống được, sẽ chẳng thể thành tựu. Quý vị buông xuống, chắc chắn thành tựu. Quý vị chẳng muốn buông xuống, có nghĩa là “ta chẳng muốn thành tựu”. Đúng như vậy đây! Buông xuống khởi đầu từ chỗ nào? Kinh Vô Lượng Thọ đã nói hay lắm, thực hiện buông xuống từ khẩu nghiệp. “*Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá*” (Khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi của người khác). Do vậy, Phật môn có phương tiện tối sơ là “*chỉ ngữ*” (止語), [tức là] không nói năng, trong mười hai thời, tức là suốt ngày từ sáng đến tối, Phật hiệu không gián đoạn. Chỉ cần vãng sanh là được nhập Phật Thừa. Dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng nhập Phật Thừa. Lại nói, dầu sanh vào

biên địa nghi thành của Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn là nhập Phật Thừa. Đúng như cổ đại đức đã nói: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ*” (Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ), “*khai ngộ*” ở đây là minh tâm kiến tánh. [Ở trong] nghi thành, tuy chẳng thấy Phật, chẳng phải là vĩnh viễn không thấy, [mà là] kẻ ấy lỡ làng thời gian, [thời gian] dài nhất là năm trăm năm trong thế gian này của chúng ta. Chúng ta cảm thấy thời gian năm trăm năm trong thế gian này rất dài, nhưng trong thế giới Cực Lạc, sẽ chẳng cảm thấy là dài. Thế giới Cực Lạc vô lượng thọ, cũng chỉ là chậm trễ một tí thời gian. Thời gian ở nơi ấy là năm trăm năm, nhất định sẽ đoạn nghi sanh tín. Đoạn hết mỗi nghi hoặc ấy, sẽ lập tức thấy Phật, thấy Phật trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư!

Có người thời gian ở trong nghi thành rất ngắn. Trong khoảng thời gian rất ngắn, người ấy đã hiểu rõ ràng, chẳng còn hoài nghi nữa. Có người thời gian dài hơn đôi chút, nhưng sẽ chẳng vượt quá năm trăm năm trong thế gian này, sẽ nhất định quay đầu. Giống như trong kinh, đức Phật đã nói, tuy A La Hán là Tiểu Thừa, có thể chuyển Tiểu thành Đại hay chẳng? Có thể! Phải tốn thời gian bao lâu? Hai vạn kiếp. Bích Chi Phật phải mất một vạn kiếp, đây là thời gian dài nhất. Mỗi vị A La Hán hoặc Bích Chi Phật có thiện căn khác nhau. Có vị một kiếp hoặc hai kiếp sẽ quay đầu, dài nhất chẳng hơn hai vạn kiếp. Do vậy, nhất định sẽ quay đầu.

Chúng ta nhất định phải khăng khăng một dạ nơi câu A Di Đà Phật. Những thứ khác trong thế gian này toàn là giả, chẳng thật, đừng nên ngỡ là thật, chớ nên chấp trước, thậm chí cũng chẳng cần phân biệt [những chuyện ấy]. Người khác lừa dối, gạt gẫm ta, hết thầy đều tùy thuận họ. Tốt nhất là học theo gương pháp sư Đạo An, Ngài đã ban cho tôi một sự khai thị rất lớn. Tôi đã thấy một chuyện nơi Ngài. Có một gã tín đồ gạt Ngài, thật sự lường gạt Ngài, chẳng giả. Ngài vẫn đưa cho! Lường gạt rất nhiều lần, Ngài biết hết, chẳng phải là không biết. Có một lần tôi đã chạm trán hắn. Tôi đến thăm lão nhân gia, gã cư sĩ ấy họ Tường, tôi chẳng nhớ tên là gì, gã ấy tôi cũng rất quen thuộc. Tôi đến chùa Tùng Sơn, chạm mặt hắn ta ngay tại cửa, hắn rời đi, tôi tiến vào, chúng tôi chào nhau. Tôi vào gặp lão hòa thượng. Lão hòa thượng hỏi tôi: “Cái gã Tường cư sĩ vừa mới đi ra, thầy có thấy hắn hay không?” Tôi thưa: “Thấy ạ! Ở cửa có chào hỏi nhau”. Ngài nói: “Hôm nay hắn lại đến lường gạt tôi!” Tôi nói: “Sao ạ? Ngài có cho hắn hay không?” “Cho chớ!” Tôi bội phục lão hòa thượng năm vóc sát đất!

Đó là gì? Chính là tự tại tùy duyên, thứ gì trong thế gian này cũng chẳng phải là của chính mình. Vì sao để cho hắn lừa? Giáo dục đấy! Trung Hoa có một câu ngôn ngữ: “*Phóng trường tuyến điều đại ngư*” (Thả dây dài câu cá to), Phật độ chúng sanh là “*tiên dĩ lợi dục*”

câu, hậu linh nhập Phật trí” (trước hết dùng lợi dục để lôi kéo, sau làm cho nhập Phật trí). Hẳn cùng lão hòa thượng kết giao, vẫn là có thiện căn, chỉ là mê hoặc, điên đảo, lường gạt lão hòa thượng, gạt tiền, chính mình cứ tưởng lão hòa thượng không biết. Nếu ngày nào đó, hẳn hiểu ra, lão hòa thượng vốn biết hết! Cái tâm hổ thẹn sẽ sanh khởi, mới biết lòng từ bi của lão hòa thượng, hẳn sẽ ngay lập tức tiến cao hơn. Vì thế, để giúp đỡ một chúng sanh, mỗi người dùng phương pháp khác nhau, cách của Ngài cũng là một phương pháp. Quý vị thấy phương pháp ấy của Ngài, chúng tôi đã gặp, đạt được lợi ích, cũng học theo lão hòa thượng. Nếu lại còn thâm nhập kinh tạng, liễu giải nhân quả ba đời, quý vị có còn chấp trước gì nữa hay chẳng? Có còn phân biệt gì nữa hay chẳng?

Sau khi chúng tôi hiểu rõ chuyện này, trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói rất nhiều lần: “Người sống trên đời, quý vị nói kẻ nào đó chiếm tiện nghi, kẻ nào đó thua thiệt, bị lừa gạt, chẳng có chuyện ấy đâu nhé! Nhân quả thông ba đời mà!” Hôm qua, tôi đã nhắc đến bác sĩ Ngụy Tư (Brian L. Weiss), ông ta là một người chuyên môn nghiên cứu tâm linh của nước Mỹ, và cũng là một bác sĩ, bác sĩ tâm lý. Ông ta dùng phương thức thôi miên để chữa trị bệnh nhân. Trong quá trình ấy, phát hiện có thần linh dựa vào người ấy, bệnh nhân bị thôi miên rất sâu. Ông ta dùng thuật thôi miên, [thần linh] bèn nhờ vào miệng của bệnh nhân để nói năng hòng tiết lộ tin tức. Tin tức ấy rất quý báu, trong đó có nói đến chuyện nợ nần. Vì sao con người đến thế gian này? Để trả nợ! Giữa con người với nhau luôn có nợ nần. Nếu chẳng có nợ nần, đâu đối diện vẫn không gặp gỡ! Phạm là kẻ quen biết, [đầu] cả đời gặp mặt một lần, chào hỏi một lần, đều là có nợ nần! Vì sao người ấy chẳng chào hỏi kẻ khác? Trong nợ nần có nợ mạng, thiếu mạng phải đền mạng, có nợ nần về tiền tài, thiếu nợ phải trả tiền, có món nợ nhân tình, rất phức tạp.

Gã đó gạt tiền lão hòa thượng, lão hòa thượng biết, vẫn đưa cho hắn. Nói theo nhân quả ba đời, lão hòa thượng do bị nguyện, hy vọng sau khi thành Phật, sẽ phổ độ chúng sanh giống như Phật. Những kẻ bất luận là đòi nợ, thiếu nợ, đòi mạng, đền mạng, đều là kẻ hữu duyên. Phật chẳng độ kẻ vô duyên, mà độ kẻ hữu duyên. Hễ có duyên, sẽ đều là hiện tượng người ấy sẽ đắc độ. Kẻ thiếu tiền thì trong tương lai nhất định sẽ đến cúng dường pháp sư, sẽ đến cúng dường Tam Bảo để trả nợ. Đạo lý như thế đó! Nếu kẻ ấy chẳng thiếu nợ, sẽ chẳng có hành vi ấy. Thiếu nhiều, sẽ trả nhiều, cúng dường nhiều. Thiếu ít, trả ít, cúng dường ít, là chuyện như vậy đó! Hễ nhân quả ba đời được vạch trần, tâm quý vị liền bình lặng. Tâm đã bình lặng, quý vị sẽ giống như lão pháp sư Đạo An. Vì sao? Cho gã đó nhiều hơn chút nữa! Đời sau, lúc quý vị hoàng pháp, gã đó sẽ làm hộ pháp cho quý vị, sẽ toàn tâm toàn

lực giúp đỡ quý vị, chuyện như thế đó! “*Muốn biết cái nhân đời trước, những gì hứng chịu trong đời này chính là nó*”. Chúng ta và hết thầy người, sự, vật, “*muốn biết cái quả trong đời sau, những gì đã làm trong đời này chính là nó*”.

Đời quá khứ chúng ta đã làm, quên bẵng mất rồi, chẳng biết, đã bị mê khi cách âm! Nay ta hiểu đạo lý này, đời này phải làm cho tốt đẹp. Kẻ khác có nhu cầu, bất luận dùng phương thức gì, ngay cả dùng cách lừa gạt, luôn hoan hỷ cho họ. Đời sau, khi trả lại, sẽ là hoan hỷ cứng dường, sẽ chẳng có mảy may miễn cưỡng nào! Đúng là “*một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng định trước*”. Quý vị mong vớt bỏ, cũng chẳng vớt được! Quý vị mong chiếm tiện nghi của kẻ khác, sẽ chiếm chẳng được! Giáo dục nhân quả hết sức trọng yếu. Quý vị đã hiểu rõ giáo dục nhân quả, sau đây mới thật sự liễu giải “*ba đời bình đẳng*”. Trong Phật pháp giới là bình đẳng, mà trong chín pháp giới vẫn là bình đẳng. Vì thế, chính mình khắc khổ, nhẫn nại, giúp đỡ người khác, chắc chắn sẽ có lợi! Trong đời này là gì? Tâm địa thanh tịnh, phải buông xuống ý niệm thí xả, đó gọi là “*tam luân thể không*”, chẳng chấp trước ta là người thí, mà cũng chẳng chấp trước kẻ khác là người được ta bố thí, và cũng chẳng chấp trước tướng của tài vật được thí xả trong ấy, hoàn toàn buông xuống. Trong tâm chỉ giữ [một niệm] A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật ra, trong tâm thứ gì cũng đều chẳng có, người ấy chắc chắn thành Phật, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa nở thấy Phật.

“*Nhập kỳ gia dĩ*” (Đã vào nhà ấy): Đây là đã nhập Phật môn. Nói thông thường thì nhập Phật môn là gì? Thọ Tam Quy, Ngũ Giới chính là “*nhập Phật môn*”. Nhưng quý vị phải thật sự thông hiểu Tam Quy, Ngũ Giới; phải là có thể thật sự thực hiện, quý vị mới thật sự nhập Phật môn. Nếu không, thọ Tam Quy, Ngũ Giới trên hình thức, thật ra, quý vị chẳng nhập môn. Tam Quy, Ngũ Giới giống như tấm vé vào cửa; quý vị mua tấm vé ấy, chẳng bước vào, rất đáng tiếc! Kẻ như vậy đông lắm! Tam Quy là gì? Chẳng biết, cứ thọ. Lão hòa thượng cũng trao điệp quy y, nhưng Tam Quy là gì chẳng biết. Tam Quy có nghĩa là “*giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm*”, đây là Tam Quy thật sự. Trong cuộc sống hàng ngày, trong công việc, đãi người tiếp vật, đều là niệm nào cũng “*giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm*”, quý vị đã thật sự quy y. Giác, Chánh, Tịnh là Tam Bảo, tức Phật, Pháp, Tăng. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm, đãi người tiếp vật vẫn là “*mê chứ chẳng giác, tà chứ chẳng chánh, nhiễm chứ chẳng tịnh*”, Tam Quy của quý vị là hữu danh vô thực, như tôi vừa mới nói tỷ dụ: Quý vị mua vé vào cửa mà chẳng bước vào!

Sau khi đã vào cửa, Ngũ Giới nhất định thanh tịnh, chẳng có gì không thanh tịnh. Vì trước khi vào cửa, quý vị đã là thiện nam tử, thiện

nữ nhân. Đó là gì? Quý vị đã làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo. Phải học Thập Thiện Nghiệp Đạo trước khi thọ Tam Quy, đó là cơ sở. Dựa vào gì để tiếp nhận Tam Quy? Dựa vào Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nay chúng ta chẳng cần nói đến hàng đệ tử tại gia, tứ chúng xuất gia có thể làm được Thập Thiện Nghiệp hay không? Nêu ra vấn đề này, đúng là có vấn đề! [Nếu như] chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp, [vậy thì] Tam Quy, Ngũ Giới chẳng cần phải nói nữa! Đều là ở ngoài cửa, chẳng nhập môn! Tam Quy, Ngũ Giới, thậm chí giới tỳ-kheo, giới Bồ Tát đều chẳng thật, hữu danh vô thực! Nguyên nhân ở chỗ nào? Chẳng học giáo dục cơ sở! Phật giáo Trung Hoa là Đại Thừa, Đại Thừa Phật giáo của Trung Hoa chẳng dựa vào Tiểu Thừa. Nguyên lai, học Phật thì phải là học Tiểu Thừa trước, sau đó học Đại Thừa. Đại Thừa Phật giáo của Trung Hoa chẳng học Tiểu Thừa, nhưng có cái để thay thế, thay thế bằng gì vậy? Nho và Đạo. Phải coi trọng điều này, căn cội của Nho là Đệ Tử Quy, căn cội của Đạo gia là Cảm Ứng Thiên.

Nói cách khác, chúng ta có làm được Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên hay không? Chẳng học! Vậy thì khó trách, do lẽ đó, quý vị chẳng làm được Thập Thiện Nghiệp Đạo. Nếu quý vị có Đệ Tử Quy, có Cảm Ứng Thiên thì đối với quý vị, Thập Thiện Nghiệp Đạo chẳng khó khăn tí nào! Chư vị phải ghi nhớ, ba tác phẩm nhỏ ấy chính là căn bản của Nho, Thích, Đạo, là khóa trình bắt buộc phải tu. Đệ Tử Quy của Nho gia, Cảm Ứng Thiên của Đạo gia, Thập Thiện Nghiệp của Phật gia, ba thứ ấy là căn bản. Có ba món căn bản ấy, Tam Quy, Ngũ Giới của quý vị sẽ được thực hiện, là thật, chẳng giả! Nếu quý vị xuất gia, chắc chắn là Sa Di Luật Nghi chẳng có vấn đề gì, thực hiện dễ dàng! Do đó, chư vị phải hiểu, giáo học của ba nhà, Không Tử, Lão Tử, Thích Ca Mâu Ni Phật, đều coi đức hạnh là bậc nhất. Giáo học cơ sở của cả ba nhà đều là căn bản của đức hạnh, kiến lập Phật pháp từ chỗ này thì mới có thể tăng tấn từng giai đoạn một, chớ nên không làm, chớ nên không hiểu!

Nếu chúng ta vứt bỏ ba thứ ấy, hâm mộ Đại Thừa, hâm mộ Hoa Nghiêm, tuy nghe Hoa Nghiêm, chẳng được lợi ích! Vì sao? Chẳng làm được! Quý vị thấy phẩm Tịnh Hạnh có tất cả một trăm bốn mươi một nguyện, hôm nay chúng ta học tới nguyện thứ một trăm lẻ bảy trong tổng số [tất cả các lời nguyện]. Trong đoạn này là bài kệ thứ sáu, nhưng nói theo toàn thể, thì là bài kệ thứ một trăm lẻ bảy. Một trăm bốn mươi một nguyện thầy đều làm được, đây là gì? Pháp Thân Bồ Tát. Lũ phàm phu chúng ta học Hoa Nghiêm, có thể học hay không? Có thể chứ. Trong mười loại đương cơ [như đã nói] trong phần trước, loại cuối cùng là phàm phu, tức đại tâm phàm phu, tức là phàm phu đã phát đại Bồ Đề tâm. Tuy chẳng thể thâm nhập giống như Pháp Thân Bồ Tát, nhưng người ấy cũng có thể làm được một trăm bốn mươi một nguyện này. Người ấy có thể làm đến mức độ nào? Tương tự! Thật sự có ý

niệm ấy, trong cuộc sống hằng ngày, trong tất cả hết thảy sự tướng, hết thảy người, sự, vật, hễ sáu căn tiếp xúc, đều có thể dẫn phát hoằng nguyện của người ấy. Người ấy có thể làm mấy phần, chẳng sao hết, người ấy có thể phát khởi, [đấy mới là điều quan trọng]! Nay chúng ta niệm như thế nào? Niệm suốt ngày từ sáng đến tối, tuy gặp [các tình huống] đều chẳng phát khởi [hoằng nguyện] được! Kinh là kinh, ta là ta, lúc niệm thì dường như có loại ấn tượng đó, nhưng sau khi niệm xong, chẳng hề có. Đấy chẳng phải là đương cơ của Hoa Nghiêm! Vì sao chẳng có? Tôi vừa mới nói đấy thôi, chúng ta chẳng học kỹ càng, chẳng học căn cội, chẳng học giáo dục cơ sở đàng hoàng; do vậy, làm thế nào cũng đều chẳng tăng tấn được! Tất cả hết thảy các kinh giáo Đại Thừa đều là tiên cao hơn, quý vị chẳng có cơ sở hạ tầng, nâng cao hơn bằng cách nào đây? Toàn bộ đều xôi hỏng bỏng không, chớ nên không biết đạo lý và chân tướng sự thật này!

Nếu chúng ta hỏi, chúng ta nhất tâm nhất ý chuyên tu Tịnh Độ, nghe kinh Hoa Nghiêm có trở ngại gì chẳng? Chẳng bị trở ngại! Kinh Hoa Nghiêm chính là thực hiện kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà, có lợi, chẳng có hại. Thực hiện kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà trong cuộc sống như thế nào? Thực hiện trong xử sự, đãi người tiếp vật như thế nào? Có thể học từ Hoa Nghiêm! Cổ đại đức nói Hoa Nghiêm là đại bản của kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là trung bản của kinh Hoa Nghiêm. Vì sao là trung bản? Vì kinh A Di Đà được xem như tiểu bản của kinh Hoa Nghiêm. Ba bộ kinh ấy là một bộ kinh, có nghĩa là nói giản lược, hay nói tỉ mỉ. Nói tỉ mỉ là Hoa Nghiêm, nói giản lược là kinh A Di Đà. Nói hay quá! Lịch đại tổ sư đều khẳng định, đều đồng ý với cách nói này. Do vậy có thể biết, chắc chắn là chẳng thể phé trừ Sự, vì Lý và Sự chẳng hai. Nếu phé trừ Sự thì Lý sẽ chẳng có! Lý nương vào Sự, Sự cũng phải nương vào Lý. Lý và Sự bất nhị, Tánh và Tướng như một.

Pháp môn Tịnh Tông, đây là nói về tất cả các môn, vô lượng pháp môn được quy nạp đến cuối cùng, sẽ thành ba môn. Ba môn ấy là ba môn Giác, Chánh, Tịnh, là Tam Bảo. Cuối cùng là ba môn ấy! Tiến nhập, ba sẽ biến thành một, ba môn chẳng còn nữa. Ba đã chẳng có, nói thật thà, một cũng chẳng có; sau khi đã tiến nhập, sẽ chẳng có. Chẳng tiến nhập, nhìn từ bên ngoài, sẽ có ba môn. Một chính là ba, ba chính là một, bất luận tiến vào từ môn nào! Tánh Tông và Thiền Tông là từ Giác Môn; đó gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Pháp Tướng, Bát Nhã thuộc về Giáo, những Giáo ấy tiến nhập từ Chánh Môn, tức là chánh tri chánh kiến, Phật tri Phật kiến. Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đều thuộc về Giáo, hễ đại khai viên giải sẽ tiến nhập. Hai tông phái Tịnh Độ Tông và Mật Tông tiến nhập bằng Tịnh Môn, tức là tâm thanh tịnh, nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm

bất loạn bèn nhập Phật Thừa, Sự nhất tâm bất loạn nhập Bồ Tát Thừa. Sự nhất tâm bất loạn là Bồ Tát, Lý nhất tâm bất loạn là thành Phật. Do đó, [chỉ là] các danh từ khác nhau, quý vị thấy mình tâm kiến tánh, đại khai viên giải, Lý nhất tâm bất loạn, tên gọi khác nhau, trên thực tế là cùng một chuyện, là “*đắc nhập Phật Thừa*”.

Tịnh Tông đã là từ cái tâm thanh tịnh [mà tiến nhập], vậy thì thử hỏi, tâm chúng ta có thanh tịnh hay không? Tâm có chấp trước thì chẳng thanh tịnh. Tâm có phân biệt, chẳng thanh tịnh! Chúng ta không nói đến khởi tâm động niệm, chỉ nói đến hai hiện tượng ấy (phân biệt và chấp trước). Tâm có nghi hoặc, chẳng thanh tịnh, hãy đoạn nghi sanh tín. Nhất định phải buông xuống phân biệt và chấp trước, quý vị mới đạt được cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh tương ứng với A Di Đà tương ứng với Tịnh Độ. Dùng tâm thanh tịnh để niệm Phật, kinh nói như thế này, mà cổ đại đức cũng nói giống như thế: “*Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. “*Tương ứng*” là gì? Hễ thanh tịnh sẽ tương ứng; chẳng thanh tịnh sẽ không tương ứng. Hãy nhớ: Nghi hoặc, phân biệt, chấp trước thì chẳng thanh tịnh. Tội thiếu là khi chúng ta đang niệm Phật, mỗi ngày quý vị bỏ ra một tiếng đồng hồ để niệm Phật, hoặc là dùng hai tiếng đồng hồ để niệm Phật, chẳng gián đoạn ngày nào, công phu đặc lực. Do vậy, tổ sư ấn định công khóa sáng tối, sáng tối đều chẳng gián đoạn. Khi niệm Phật thì nghi hoặc, phân biệt, chấp trước thấy đều buông xuống, nhất tâm xưng niệm, sẽ tương ứng. Công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn! Vì vậy, quý vị niệm một tiếng đồng hồ là tu tâm thanh tịnh một tiếng đồng hồ. Niệm hai tiếng đồng hồ là tu tâm thanh tịnh hai tiếng đồng hồ. Tâm thanh tịnh, tự nhiên là có giác và chánh trong ấy. Nó là một mà ba, tuy ba mà một.

Nếu chúng ta một mặt niệm Phật, [mặt khác] vẫn dấy vọng tưởng, chẳng thể nói là không có công đức, nhưng công đức rất bé! Ví như dùng tâm thanh tịnh để niệm thì công đức là một trăm phần trăm, nhưng trong đó xen tạp vọng tưởng, xen tạp phân biệt, công đức của quý vị chỉ được một phần ba. Tùy thuộc quý vị xen tạp bao nhiêu, xen tạp rất nhiều, có thể công đức chỉ là ba phần trăm hoặc năm phần trăm. Xen tạp càng ít, công đức càng to. Chẳng có xen tạp, công đức viên mãn, đạo lý là như thế đó. Chúng sanh đời Mạt Pháp dùng phương pháp này để nhập Phật Thừa là thuận tiện nhất. Trong một đời có năng lực, tâm chân thành, tâm từ bi giúp đỡ hết thấy chúng sanh, niệm niệm công đức viên mãn. Kinh Lăng Nghiêm nói “*phát ý viên thành*”, công đức viên mãn. [Có nghĩa là] ta phát tâm, nhưng ta chẳng có năng lực thực hiện, cái tâm ta là chân tâm, công đức sẽ viên mãn. Chúng ta xem tin tức trong hai ngày nay, động đất ở Ấn Nê (Indonesia) là một tai nạn lớn ngàn ấy, chúng ta thật sự phát tâm cầu nguyện cho họ, công đức sẽ

viên mãn. Tôi chẳng có sức giúp đỡ họ, nếu tôi có sức, nhất định sẽ giúp họ. Chẳng có sức, tôi có tấm lòng này, chớ nên không biết! Đều là trong cuộc sống hằng ngày, thấy, nghe đều vui vẻ giúp đỡ.

Từ Liễu Phàm Tứ Huấn, chúng ta thấy có một bà cụ hằng ngày làm rất nhiều bánh mạn đầu. Nay chúng ta gọi là “*mạn đầu*” (饅頭, mán thâu, bánh bao không nhân), trong sách vở chép là “*phấn đoàn*” (粉團) để thí xả cho người nghèo, chẳng mệt, chẳng chán! Gia cảnh của bà cụ rất khá, hằng ngày đều làm cả đồng để thí cho người nghèo, làm nhiều năm chẳng mệt! Bất luận ai đến xin, bà đều hoan hỷ, cung kính đưa cho. Cảm động một vị tiên nhân, vị tiên ấy còn đến khảo nghiệm bà cụ, xem bà cụ là thật tâm hay giả vờ. Mỗi ngày đều đến chỗ bà cụ xin xỏ. Khi người khác xin, chỉ một, hai cái là có thể ăn no rồi, vị tiên ấy luôn xin sáu, bảy cái, nhiều hơn người khác, nhiều gấp đôi, lại còn xin lâu ngày nữa, suốt ba năm! Khi cho bánh, bà cụ chưa hề tiếc rẻ, lại còn luôn hoan hỷ trao cho: “Không sao đâu! Cầm lấy đi mà!” Sau ba năm, vị tiên thấy bà cụ xác thực là thành ý, bèn bảo cụ: “Trong nhà bà có một cuộc đất Phong Thủy quý báu, sau khi chết, hãy chôn vào đó. Con cháu đời sau sẽ có đũa làm quan số lượng nhiều như một thung mề”. Chính cụ sanh lên trời, phước báo do chính mình sanh lên trời đem ban cho con cháu còn được nhiều ngàn ấy. Thành tâm tích đức tu phước. Để tu phước thì thí tài chẳng cần biết là nhiều hay ít, tâm chân thành hết sức đáng quý!

Còn có một câu chuyện nữa. Một cô gái nghèo túng, ở trong chùa lễ Phật, trên thân chỉ có hai đồng bèn cúng thí hai đồng. Lão hòa thượng hồi hướng cho cô. Về sau, đúng là do phước ấy khiến cho cô được tuyển làm phi tử của hoàng đế, làm quý nhân¹⁵. Cô lại đến dâng hương trong ngôi chùa ấy để hoàn nguyện, cúng dường ngàn lạng. Lão hòa thượng bảo đồ đệ của Ngài hồi hướng cho cô ta. Cô ta hết sức lấy làm lạ: “Thuở trẻ, tôi bố thí hai đồng, lão nhân gia hồi hướng cho tôi. Nay vì sao tôi bố thí nhiều ngàn ấy, Ngài chỉ sai đồ đệ hồi hướng cho tôi?” Lão hòa thượng hết sức chẳng khách sáo, bảo cô ta: “Trong quá khứ, bà bố thí hai đồng, tấm lòng bà chân thành, toàn bộ tài sản của bà chỉ có chừng ấy, bỏ ra hết. Nay bà phát tài, bố thí ngàn lạng tức là một

¹⁵ Chữ Quý Nhân ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa, một là người phú quý, hai là một cấp bậc trong các phi tần của hoàng đế. Theo quy chế từ thời Hán Vũ Đế, vợ vua được chia thành các cấp: Hoàng hậu, quý nhân, mỹ nhân, cung nhân, thái nữ (thê nữ). Trong các cấp bậc Mỹ Nhân, Cung Nhân còn chia thành nhiều cấp nhỏ hơn. Nhưng càng về sau, Quý Nhân càng thấp hơn hoàng hậu, tuy vẫn thuộc địa vị đứng đầu trong các phi tần. Chẳng hạn thời Ngụy Tấn cho đến đời Tống, sau hoàng hậu là quý phi, quý tần rồi mới đến quý nhân. Ba địa vị này được gọi chung là Tam Phu Nhân. Đến đời Thanh, quý nhân trở thành địa vị thứ sáu theo thứ tự: Hoàng hậu, hoàng quý phi, quý phi, phi, tần, quý nhân, thường tại, đáp ứng.

sợi lông của chín con trâu! Thái độ của bà chẳng thành khẩn như trước kia, đồ đệ của tôi hồi hướng cho bà là được rồi!” Chuyện này nói lên điều gì? Vật bô thí chẳng quan trọng là nhiều hay ít, quý ở cái tâm. Tâm chân thành, bô thí ít, công đức to tát. Tâm địa chẳng chân thành như vậy, dầu bô thí nhiều, công đức nhỏ nhoi, đạo lý ở chỗ này.

Đối với Liễu Phàm Tứ Huấn, Mã Lai đã làm hai đĩa phim, dài hai tiếng đồng hồ, làm khá lắm. Chúng ta hãy nên coi nó như công khóa để học tập. Tôi thường giới thiệu cùng mọi người thứ này, hy vọng quý vị có thể nghe ba trăm lần. Mỗi ngày quý vị nghe một lần coi như công khóa để học tập. Sau khi đã học ba trăm lần, quý vị biết tu phước, thật sự hiểu rõ đoạn ác tu thiện như thế nào, làm như thế nào để thành tựu công đức thù thắng của chính mình ngay trong một đời. Dùng công đức ấy để niệm Phật hồi hướng, há lẽ nào chẳng vãng sanh? Dầu quý vị chẳng buông xuống chấp trước, sẽ vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, có phần trong ba phẩm thượng, chẳng phải là bậc trung hoặc bậc hạ, mà thuộc vào bậc thượng. Đây là chuyện mỗi cá nhân chúng ta có thể làm được trong một đời này. Vì thế, muốn khai trí huệ, phải hiểu rõ chân tướng sự thật, nhân quả ba đời, chân tướng của pháp thế gian và xuất thế gian, dùng cái tâm chân thành để xử sự, đãi người tiếp vật. Làm chuyện tốt, đừng nghĩ “ta không có tiền sẽ chẳng thể làm”, một đồng cũng có thể làm! Một đồng, hai đồng, công đức viên mãn. Thành ý chẳng đủ thì bô thí ngàn vàng vẫn chỉ là công đức nửa vơi, chẳng viên mãn. Do vậy, thiện có mãn thiện (滿善, thiện viên mãn), bán thiện (半善, thiện không viên mãn), khác nhau! Có chân thiện và giả thiện, có trọn vẹn và thiên lệch, có lớn, có nhỏ. Tiên sinh Liễu Phàm đã nói tám loại [thiện], chớ nên không biết.

Hoa Nghiêm toàn là nói về cuộc sống hằng ngày. Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị nói xem, có thứ gì chẳng nhằm khơi gợi chúng ta? Phạm những thứ có thể khơi gợi, toàn là do Phật, Bồ Tát thị hiện, do Phật, Bồ Tát ứng hóa. Nếu không, làm sao quý vị có thể hoát nhiên khai ngộ cho nổi? “*Buông dao đồ tể xuống, ngay lập tức thành Phật*”. Dao đồ tể là gì vậy? Phải nên biết, dao đồ tể chính là tập khí phiền não, kinh Hoa Nghiêm gọi nó là “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Đây là dao đồ tể! Quý vị chẳng buông xuống, sẽ vĩnh viễn sanh tử luân hồi. Quý vị buông xuống, nhất tâm niệm Phật, sanh sang thế giới Cực Lạc, sẽ thành Phật. Chúng tôi học Phật cho tới hiện thời, trong mấy chục năm gần đây, thấy người niệm Phật, nghe kể người niệm Phật khi vãng sanh biết trước lúc mất, có vị đứng mất, có vị ngồi tịch, thật sự vãng sanh! Chẳng giả!

Mấy năm trước, tôi ở Tân Gia Ba, thấy lâm trưởng của Cư Sĩ Lâm là cư sĩ Trần Quang Biệt, cụ đã học Phật nhiều năm, nhưng chẳng hiểu Phật pháp. Chính mình là một ngân hàng gia tại Tân Gia Ba, là

một tay thương nghiệp cự phách, làm đồng sự trưởng (Chairman of the Board) của bao nhiêu công ty, chẳng có thời gian nghe kinh, mà cũng chẳng có thời gian niệm Phật. Đến lúc tuổi già, ngã bệnh. Do ngã bệnh nên chẳng thể đi làm, chẳng thể làm việc, hằng ngày nằm trên giường chẳng thể làm việc được! Vì thế, cụ bảo ông Lý Mộc Nguyên, Lý Mộc Nguyên trông coi Tổng Vụ của Cư Sĩ Lâm. Ông ta nói: “Pháp sư giảng kinh ở bên này, các vị đều có thâu thành CD, có thể đem CD cho tôi coi hay không?” Lý cư sĩ bèn đem mấy bộ kinh như kinh Vô Lượng Thọ, kinh Kim Cang, kinh Di Đà đến nhà ông ta.

Mỗi ngày, ông ta xem tám tiếng đồng hồ. TV đặt dựa vào chân giường, ông ta mở mắt ra là có thể xem. Mỗi ngày xem tám tiếng đồng hồ, suốt hai năm chẳng gián đoạn. Người nhà ông ta kể với chúng tôi như vậy. Ngoài việc nghe kinh ra, ông ta bèn niệm Phật, trong hai năm ấy được thọ dụng to lớn. Ông ta biết trước lúc mất, bảo Lý cư sĩ: “Tôi sắp đi rồi!” Lý cư sĩ nói với ông ta: “Không được! Về phương diện nhân sự, Cư Sĩ Lâm không ổn định. Chỉ cần ông còn sống, [Cư Sĩ Lâm] sẽ bình an vô sự, ông còn phải trông nom”. Ông Trần nói “được!” Lại đợi hai năm nữa, công khóa của ông ta là bốn năm. Ba ngày trước khi vãng sanh, [cho người] tìm tôi đến truyền quy y để thọ Tam Quy. [Ông ta đã] thọ Tam Quy trên giường bệnh, ba hôm sau vãng sanh. Ba tháng trước đó, ông ta đã viết sẵn thời hạn [vãng sanh] trên một tờ giấy, [viết] từ ba tháng trước “ngày hôm ấy sẽ vãng sanh”. Ông ta biết trước ba tháng! Về sau, thông qua linh môi (medium), [chúng tôi] được biết: “Ông ta thật sự vãng sanh, chẳng giả!” Buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật. Hôm nay chúng tôi nói tới chỗ này!

Tập 1560

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ bảy trong phần Kế Tụng, xem từ bài kệ thứ bảy:

(Kinh) Kiến bất xả nhân, đương nguyện chúng sanh, thường bất xả ly, thắng công đức pháp.

(經) 見不捨人。當願眾生。常不捨離。勝功德法。

(Kinh: Thấy người chẳng xả, nguyện cho chúng sanh, thường chẳng lìa bỏ, công đức thù thắng).

Đoạn này có tất cả tám bài kệ, từ bài thứ bảy cho đến bài thứ mười bốn là “*khất thực đắc phủ*” (乞食得否, có khất thực được hay không). Tức là quý vị đi khất thực, trai chủ có cúng dường hay chẳng? Quý vị có thể xin được thức ăn hay không? Chuyện này chẳng thể biết

chắc! Bài kệ đầu tiên là quý vị khát thực, người ta không chịu thí xả. Thông thường, chẳng chịu thí xả, họ sẽ không mở cửa. Quý vị khát thực ở cửa, trong phân trước, tôi đã thưa cùng quý vị, người xuất gia chẳng thể tùy tiện gõ cửa nhà người ta. Khi khát thực, chúng ta cầm theo tích trượng. Rung nhẹ tích trượng một lượt, tích trượng phát ra tiếng. Người bên trong cửa nghe thấy, nếu phát tâm cúng dường, họ sẽ mở cửa, đem món ăn đưa đến tận cửa. Hoặc là mở cửa, để cho quý vị tiến vào. Các thứ tình hình đều có, đều chẳng nhất định. Thông thường, kẻ chẳng xả sẽ không mở cửa, họ chẳng quan tâm. Trong phân trước, chúng tôi đã có nói về tích trượng, chỉ có thể rung ba lượt, ba lượt mà không có ai ra, chúng ta phải đổi sang nhà thứ hai. Chẳng thể khát thực ở nhà ấy, bèn đổi sang nhà khác. Đây là gặp kẻ không chịu xả, hôm nay chẳng thể cúng dường.

Chúng ta biết xã hội Ấn Độ vào thời cổ cũng chẳng khác xã hội Trung Hoa cho mấy. Ít kẻ giàu có, lắm người bần cùng! Vì thế, đức Phật cho phép hàng tỷ-kheo xuất gia khát thực có thể xin tới bảy nhà. Một bát cơm do bảy nhà cúng dường, mỗi nhà chỉ cúng dường một chút. Bảy nhà gộp lại thành một bát, đủ cho quý vị dùng một bữa. Khi đó, chỉ ăn một bữa trưa, một bữa cơm đủ rồi. Người xuất gia mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Do vậy, nói: “*Giữa trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây*”. Đức Thế Tôn đã nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Người xuất gia hành trì kiêu ấy cũng nhằm giáo hóa chúng sanh. Chúng ta biết vì sao chúng sanh đọa lạc trong luân hồi nhiều kiếp dài lâu, do nguyên nhân gì vậy? Tuy có rất nhiều nguyên nhân, nhưng quan trọng nhất là tham: Tham tài, tham sắc, tham danh, tham lợi. Tâm tham chẳng trừ, chẳng thoát khỏi cõi trần. “*Cõi trần*” tượng trưng cho lục đạo, đức Phật nói câu này trong kinh Lăng Nghiêm. Do đó, đức Phật làm rất triệt để, nêu gương cho tất cả những người xuất gia, giữa trưa ăn một bữa, tối nghỉ dưới cội cây, chẳng tham! Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, thầy đều buông xuống!

Đức Phật có sống vui sướng hay chẳng? Hết sức vui sướng! Niềm vui của Ngài là gì? Niềm vui là đạo! Nho gia nói Lạc là học, học cũng là đạo. Sách Luận Ngữ có câu: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?) Quý vị đem những điều đã học, “*tập*” (習) là thực hiện toàn bộ, ta thực hiện những gì đã học trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đãi người tiếp vật, hết sức vui sướng. Thuở đức Thế Tôn tại thế, chính Ngài đã thực hiện viên mãn. Nhóm học trò theo Ngài, trong các học trò có Thường Tùy Chúng, trong kinh chúng ta thường đọc thấy một ngàn hai trăm năm mươi lăm người; đây là Thường Tùy Chúng. Trong số ấy, có khá nhiều vị Bồ Tát, đại A La Hán. Ngoài những vị ấy ra, kinh điển thường tinh lược, không ghi chép những vị

học trò tại gia. Học trò tại gia chẳng theo đức Phật suốt năm, họ đến đến, đi đi.

Chúng ta ắt cần phải biết điều này, nhất là các đồng học xuất gia. Phật là gì? Các vị học Phật, Phật là gì? Bồ Tát là gì? Quý vị có trông thấy hay không? Chúng tôi đã gặp những người hỏi chúng tôi vấn đề này. Phật là thầy, Bồ Tát là học trò. Chuyện này đã chỉ rõ, Phật, Bồ Tát chẳng phải là thân, tiên, Phật, Bồ Tát là người. Danh xưng Phật và Bồ Tát là từ tiếng Phạn của Cổ Ấn Độ, là phiên âm tiếng Phạn. Phật Đà (Buddha) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác Giả, tức là một người có trí huệ, có giác ngộ, Ngài là thầy. Bồ Tát (Bodhisattva) là người cầu giác ngộ, cầu trí huệ, là học trò, vẫn chưa đạt đến viên mãn như đức Phật, người ấy còn đang cầu học. Nếu nói theo kiểu hiện thời, Phật là hạng người nào? Phật là Học Giả. Chữ Học (學) trong tiếng Hán còn có nghĩa là Giác (覺). Nhưng danh xưng “*học giả*” trong hiện thời có ý nghĩa khác với Phật, sai biệt quá to. Chúng ta có thể nói Phật là bậc học giả viên mãn rất ráo; nay chúng ta gọi học giả là “*chuyên gia*”. Trong Phật môn thì ngay cả A La Hán vẫn chẳng thể sánh bằng. A La Hán là mới giác ngộ, thấp hơn A La Hán thì vẫn chưa giác ngộ!

Chư vị đều biết một danh từ Phật học, đây là mục tiêu cao nhất trong sự cầu học của chúng ta, tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā-samyak-sambodhi). Câu này cũng là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. A La Hán là Chánh Giác (Sambodhi); học giả, chuyên gia trong thế gian hiện thời đều chẳng đạt đến tiêu chuẩn này! Vì sao? Tiêu chuẩn ấy chính là đoạn phiền não. Các học giả và chuyên gia trong hiện thời chẳng đoạn phiền não. Chẳng đoạn phiền não, sẽ chẳng phải là A La Hán. A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi. Vì sao có lục đạo luân hồi? Do quý vị có Kiến Tư phiền não. Kinh Hoa Nghiêm gọi Kiến Tư phiền não là chấp trước. Quý vị chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng buông xuống chấp trước! Nếu xác thực là chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, đã đều buông xuống, quý vị bèn chứng quả A La Hán. Chấp trước là phiền não, chấp trước là Kiến Tư. Nói đến Kiến Tư thì Kiến (見) là kiến giải, sai lầm, Tư (思) là tư tưởng, nghĩ sai, thấy trật, chẳng biết chân tướng sự thật. Như vậy thì mới tạo thành lục đạo luân hồi.

Nếu kiến giải và tư duy của quý vị chánh xác, sẽ chẳng có lục đạo luân hồi, quý vị vượt thoát lục đạo. A La Hán đã vượt thoát lục đạo. Đây là giai đoạn thứ nhất trong Phật pháp, giống như ba cấp học trong nhà trường. Quý vị đã tốt nghiệp cấp học thứ nhất, thì là A La Hán. Tốt nghiệp cấp học thứ hai, thì là Bồ Tát. Tốt nghiệp cấp học cuối cùng, sẽ là Phật Đà. Vì thế, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật Đà là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật được gọi là Học Giả, Bồ Tát và

A La Hán cũng đều gọi là học giả, cao hơn những bậc học giả trong thế gian rất nhiều. Học giả thế gian chẳng đoạn tập khí phiền não. Nói cách khác, họ chẳng thoát khỏi luân hồi, chẳng thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật! Bất quá, khoa học hiện thời kể ra cũng khá lắm, cũng rất khó có, nghiêm nhiên phát hiện thế gian này xác thực là tồn tại mười một loại chiều không gian bất đồng. Phát hiện ấy cũng rất lỗi lạc! Mười một chiều không gian bất đồng là gì? Nói theo Phật pháp, sẽ là Dục Giới, họ biết có chuyện này!

Đối với Dục Giới, quý vị thấy mười một loại không gian bất đồng. Từ nhân gian trở lên thì Dục Giới có sáu tầng trời; sáu tầng trời là sáu chiều không gian bất đồng. Trong đó còn có A Tu La, người, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục; do vậy, hợp thành mười một chiều không gian khác nhau. [Họ] còn chưa phát hiện Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Sắc Giới có mười tám tầng trời, tức là mười tám loại chiều không gian khác nhau. Vô Sắc Giới có bốn tầng trời. Tổng cộng là hai mươi tám tầng trời¹⁶. Hơn nữa, dưới đó là năm đường, [tính gộp lại là] ba mươi ba. Do vậy, trong lục đạo, có tổng cộng tối thiểu là ba mươi ba loại chiều không gian bất đồng. Nay họ đã biết mười một loại, rất khó có. Đột phá bằng cách nào? Làm thế nào để có thể qua lại với các chiều không gian khác nhau? Các nhà khoa học cũng đang mong cầu trong mộng寐, chẳng biết dùng phương pháp gì! Trong Phật pháp thì có, Phật pháp dùng phương pháp gì vậy? Thiên Định. Thiên Định có thể đột phá các chiều không gian và thời gian. Thiên Định càng sâu, phương diện đột phá càng rộng, thời gian đột phá càng dài. Vì thế, nhà Phật dùng công phu Thiên Định; trong các buổi giảng, chúng tôi cũng đã thừa trình chuyện này quá nhiều lần!

Ở đây, Bồ Tát trông thấy có hiện tượng như thế này: Kẻ đó chẳng thể xả. Chẳng thể xả thì đương nhiên là có rất nhiều nhân tố. Một loại là về căn bản, [kẻ ấy] chẳng có ý nguyện đó. Loại khác là muốn xả, nhưng chẳng có năng lực. Chính người ấy ăn chẳng đủ no, làm sao có cách nào để cúng dường quý vị? Do vậy, có đủ mọi nguyên nhân. Bất luận là loại nguyên nhân nào, chúng ta chẳng cần bận tâm, cũng chẳng cần phải tìm hiểu. Hễ thấy hiện tượng này, bèn nghĩ “*đương nguyện chúng sanh*”. Cảnh giới trong câu này sâu rộng vô lượng. “*Chúng sanh*” ở đây là hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. “*Thường bất xả ly, thắng công đức pháp*” (Thường chẳng lìa bỏ pháp công đức thù thắng), “*thắng*” (勝) là thù thắng. Chớ nên bỏ lìa điều này!

¹⁶ Do câu này dễ hiểu lầm, xin mạn phép chú thích như sau: Dục Giới có sáu tầng trời, Sắc Giới có mười tám tầng trời, Vô Sắc Giới có bốn tầng trời. Như vậy, tính chung cả tam giới sẽ là 6+18+4 thành hai mươi tám tầng trời.

Công đức thù thắng. Công đức thù thắng là gì? Đạo thành Phật, cũng chớ nên bỏ điều này!

Trong đạo thành Phật, phương pháp quá nhiều! Trong Tứ Hoàng Thệ Nguyên đã nói, “*pháp môn vô lượng thệ nguyên học*”, vô lượng pháp môn đều có thể thành Phật. Vì thế, kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Vì sao? Pháp môn nào cũng đều có thể thành Phật. Nói cách khác, vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, phương pháp khác nhau, đường nẻo khác nhau, nhưng phương hướng và mục tiêu nhất trí. Do đó, đều có thể thành tựu công đức thù thắng. Vì sao đức Phật mở ra lắm pháp môn ngàn ấy? Thừa cùng chư vị, đây chẳng phải là do đức Phật mở ra, mà là do Tánh Đức “*pháp nhĩ như thị*”, [nghĩa là] vốn sẵn là như vậy! Chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, nói với chúng ta [nhiều pháp môn ngàn ấy] là vì căn tánh của chúng sanh khác nhau. Đối với hết thảy chúng sanh, Phật, Bồ Tát ban bố giáo pháp tương ứng căn cơ, họ thành tựu dễ dàng! “*Cơ*” được thành tựu như thế nào? Chúng ta gọi Cơ là “*căn tánh*”. Thành tựu căn tánh bằng cách nào? Căn tánh liên quan đến đời quá khứ. Trước kia, quý vị đã từng học pháp môn này, trong A Lại Da đã chứa đựng chủng tử tập khí của pháp môn này, nay gặp lại, quý vị học rất dễ dàng, học rất nhanh chóng. Một pháp môn khác, trong đời quá khứ chưa hề tiếp xúc, nay quý vị học tập sẽ khá khó khăn, hết sức xa lạ. Vì thế, chẳng ăn khớp với nhau, có tình hình như thế đó!

Phật, Bồ Tát, A La Hán đều khéo quan sát căn cơ. Nói cách khác, tâm các Ngài định, có thể thấy nhân duyên trong đời quá khứ của quý vị. Trong kinh, đức Phật đã dạy, A La Hán có thể thấy năm trăm đời quá khứ, năm trăm đời vị lai. Đây là năng lực nhỏ nhất. Bồ Tát thấy nhiều hơn, ngàn đời, vạn đời, cho đến bao nhiêu kiếp số trong quá khứ của quý vị. Như Lai thấy rốt ráo viên mãn, vô lượng kiếp trong quá khứ, vô lượng kiếp trong vị lai, đức Phật vừa nhìn liền biết ngay. Vì thế, Ngài giáo hóa rất dễ dàng, vì biết căn cơ của quý vị, trong một khoảng thời gian rất ngắn, có thể giúp cho quý vị ngộ nhập. Nếu chúng ta hỏi, khi nào Phật sẽ đến giúp chúng ta? Vấn đề này chẳng phải là vấn đề nơi Phật, mà là vấn đề của chính mình! Khi nào chúng ta vui lòng tiếp nhận, khi ấy Phật liền đến. Hiện thời, ta rất vui lòng tiếp nhận, có sao Phật chẳng đến? Phải biết: Sự vui lòng của chúng ta chẳng thật, giả trá!

Hai ngày nay, có người tặng tôi mấy đĩa CD, tức là bộ Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký. Chúng ta rất quen thuộc thiên sách này; trong quá khứ, tôi cũng đã giảng hai lần. Nay họ quay thành phim nhiều tập, tất cả là tám đĩa. Tôi tin là rất nhiều đồng học đã xem bài văn Du Tịnh Ý rồi, đại khái là được in kèm vào sau quyển Liễu Phàm Tứ Huấn. Trạng huống hiện thời của chúng ta giống như tiên sinh Du Tịnh Ý, cứ ngỡ chính mình là thiện nhân, tự cho là mình đã làm rất nhiều

chuyện tốt đẹp, nào có biết [khi được] ông Táo phê bình, phân tích, [mới vỡ lẽ] chẳng có thứ gì nên hờn, khắp thân đầy tội nghiệp! Bởi lẽ, cái tâm của chúng ta là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm thì ngoại duyên quý vị đáng nên buông xuống; quý vị vẫn chưa buông xuống được. Đây là giả tâm, hư tình giả ý, tự mình cứ ngỡ là chân tâm! Vì thế, chúng ta chẳng khởi cảm ứng cùng Phật, Bồ Tát được! Hư tình giả ý sẽ khởi cảm ứng với hạng người nào? Với yêu ma quỷ quái. Vì những loài ấy đều là hư tình giả ý, sẽ đầy khởi cảm ứng với chúng nó. Sự cảm ứng ấy là dụ dỗ, mê hoặc. Tiếng tăm, lợi dưỡng dụ hoặc, ngũ dục lục trần dụ hoặc, tham, sân, si, mạn dụ dỗ, mê hoặc. Trong tương lai, những thứ dụ dỗ, mê hoặc ấy sẽ lôi quý vị vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hướng dẫn quý vị tiến vào tam đồ, là ác nhân duyên, chúng ta phải biết điều này!

Do vậy, Du Tịnh Ý Công Ngô Táo Thần Ký là một khảo thị rất tốt, là sự cảnh tỉnh to lớn cho chúng ta, chúng ta phải nên học tập. Chính mình phải nghiêm túc phản tỉnh, khắp thân đầy lầm lỗi, tất cả hết thấy những ý niệm bất thiện thấy đều có, làm sao quý vị có thể đầy lên cảm ứng với Phật, Bồ Tát cho được? Chúng tôi nêu một chuyện đơn giản nhất: Pháp căn bản để tu hành trong nhà Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Chư vị phải hiểu, Thập Thiện Nghiệp Đạo vẫn chưa nhập Phật môn, Thập Thiện Nghiệp Đạo là thiện pháp của nhân thiên. Nếu quý vị muốn thọ Tam Quy, Ngũ Giới, tiến nhập Phật môn, ắt cần phải có cơ sở ấy. Chẳng có cơ sở ấy, quý vị chẳng có tư cách nhập Phật môn.

Chúng ta hãy ngẫm xem, không sát sanh, có làm được điều này hay chẳng? Muỗi đốt chúng ta, đập bộp một phát cho nó chết tươi, đây là sát sanh. Khi đi lại chẳng cẩn thận, quý vị đạp chết bao nhiêu kiến và côn trùng nhỏ. Lại còn nơi ý niệm, khởi tâm động niệm cũng là đối đãi hết thấy chúng sanh bằng ác ý. Những điều ấy đều thuộc về sát nghiệp. Hễ còn oán hận kẻ khác, sai mắt rồi, đều thuộc loại sát nghiệp! Có trộm cắp hay chẳng? Khởi tâm động niệm mong chiếm đoạt chút tiện nghi nhỏ nhặt từ kẻ khác, đó là cái tâm trộm cắp, chẳng đoạn ý niệm ấy. Dẫu chẳng có chuyện dâm dục, nhưng khởi tâm động niệm, tâm dâm chẳng đoạn! Nói dối, nói đôi chiều, nói lời thô ác, nói thêu dệt, tham, sân, si, quý vị hãy ngẫm xem, có hay không? Có, có hết! Những thứ ấy đều có, sẽ chướng ngại quý vị cảm ứng với Phật, Bồ Tát, sẽ cắt đứt con đường thông với Phật, Bồ Tát, sẽ chuyên thành con đường thông sang yêu ma quỷ quái. Chúng ta chớ nên không biết điều này!

Vì thế, tôi thường nói, người Hoa từ xưa tới nay, tu hành trong ba nhà Nho, Thích, Đạo, kẻ thật sự có thành tựu là do đã vun quén căn cội vững chắc! Căn cội của nhà Phật là Thập Thiện Nghiệp Đạo, căn cội của Đạo giáo là Cảm Ứng Thiên, căn cội của Nho gia là Đệ Tử Quy. Làm được ba thứ ấy một trăm phần trăm, quý vị là “*thiện nam tử, thiện*

nữ nhân” như trong kinh đã nói, quý vị có tư cách học Phật. Có nghĩa là quý vị có tư cách thọ Tam Quy, Ngũ Giới, chư vị chớ nên không biết. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Thế Tôn đã nói Tịnh Nghiệp Tam Phước, đó là nguyên tắc chỉ đạo cao nhất dành cho các học trò, bất luận tại gia hay xuất gia. Thuở trước, tôi tiếp nhận lời phó chúc của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, thành lập Tịnh Tông Học Hội ở rất nhiều nơi. Danh xưng Tịnh Tông Học Hội là do thầy của cụ Hoàng là ngài Hạ Liên Cư đề xuất. Tuy do cụ Hạ đề xuất, nhưng hoàn toàn chẳng chánh thức thành lập tại Trung Hoa. Nghe nói hiện thời đã có, chứ thuở ấy không có. Sau khi cụ Hoàng gặp tôi, hy vọng tôi ở ngoại quốc, hễ đến chỗ nào giảng kinh, sẽ giúp cho nơi ấy thành lập một Tịnh Tông Học Hội, tôi cũng làm theo. Vì thế, hiện thời, ở các nơi trên thế giới, đại khái có một, hai trăm Tịnh Tông Học Hội. Nguyên tắc chỉ đạo tu học của Tịnh Tông Học Hội là nương theo Tịnh Nghiệp Tam Phước.

Điều đầu tiên trong Tịnh Nghiệp Tam Phước là *“hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng”*, thực hiện hai câu này như thế nào? Thừa cùng chư vị, hai câu ấy chính là Đệ Tử Quy của Nho gia. Thực hiện Đệ Tử Quy một trăm phần trăm, sẽ làm được hai câu ấy. *“Từ tâm chẳng giết”*, thực hiện câu này bằng cách nào? Dùng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia để thực hiện. Cảm Ứng Thiên của Đạo gia chính là giáo dục nhân quả. Câu sau đó là *“tu Thập Thiện Nghiệp”*, thực hiện kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo của Phật môn. Vì thế, bốn câu trong điều này được thực hiện bằng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp, chúng ta phải thực hiện được. Thật sự làm được điều này, mới tiến lên cao hơn là điều thứ hai. Điều thứ hai là đã nhập Phật môn. *“Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi”*, đây là Phật giáo, là giáo pháp Tiểu Thừa, sơ học! Đã có căn cơ Tiểu Thừa, lại tiến lên Đại Thừa. Điều thứ ba là *“phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tán hành giả”*. Các vị hãy ngắm xem, tổng nguyên tắc chỉ đạo [là như thế đó]. Cuối cùng, đức Phật nói, ba điều ấy chính là *“chánh nhân Tịnh nghiệp của ba đời chư Phật”*, *“ba đời”* là quá khứ, hiện tại, vị lai. Tất cả sự tu hành thành Phật đều chẳng thể lìa khỏi nguyên tắc này. Bởi lẽ, đây là tổng nguyên tắc chỉ đạo, chúng ta chẳng nghiêm túc nỗ lực học tập thì làm sao được?

Đây là gì? Chính là *“thắng công đức pháp”* trong hiện tiền! Nói theo Phật pháp thì trình độ của chúng ta trong hiện thời là học trò Tiểu Học trong Phật pháp. Học trò Tiểu Học ắt cần phải vun đắp kỹ càng cơ sở ấy. Có rất nhiều đồng học đến hỏi tôi *“học Giáo bằng cách nào?”* Tôi nói, trước hết hãy vun quén căn cội. Chẳng vun quén kỹ càng căn cội, Giáo sẽ là rỗng tuếch, quý vị chẳng có cách nào thực hiện. Quý vị học cả ba trăm năm cũng uổng công! Vì sao? Chẳng chế phục tập khí phiền não, Giáo biến thành nói suông, chẳng sanh khởi mối liên quan gì

với sự tăng tấn linh tánh và liễu sanh tử, thoát tam giới! Do vậy, trong Tứ Y Pháp, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Y liễu nghĩa, chẳng y bất liễu nghĩa*”. “*Liễu nghĩa*” là gì? Liễu nghĩa chẳng có tiêu chuẩn! Được thọ dụng ngay trong hiện tiền thì gọi là “*liễu nghĩa*”. Chẳng được thọ dụng trong hiện tiền thì gọi là “*bất liễu nghĩa*”. Hiện tiền, nếu chúng ta có thể thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp trong thời gian từ một năm đến hai năm, làm được một trăm phần trăm, liễu nghĩa đấy! Ta đã có cơ sở ấy, sau đó, bất luận tu học tông nào, phái nào, pháp môn nào, đều có thể thành tựu.

Cũng đừng quên lời khai thị của đức Phật trong kinh Đại Tập. Kinh Đại Tập chép, pháp vận của đức Thế Tôn có ba giai đoạn: Có thời kỳ Chánh Pháp, có thời kỳ Tượng Pháp, và có thời kỳ Mạt Pháp. Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Nói thật ra, chẳng phải là Phật pháp có ba thời kỳ, Phật pháp chẳng hề có. Do căn tánh của chúng sanh có hơn kém khác nhau, nên chia thành ba thời kỳ! Thời Chánh Pháp, lòng người thuần phác; cho nên trì giới có thể thành tựu, có thể chứng quả A La Hán. Nói đến thành tựu, hạn độ thấp nhất là nếu quý vị có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, mới coi như thành tựu. Chẳng thể liễu thoát sanh tử, chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, không xem là thành tựu. Học như thế nào mà quý vị chẳng lìa khỏi lục đạo, sai mất rồi! Vì thế, nhà Phật nói thành tựu hay không, điều thứ nhất là thoát ly lục đạo luân hồi; nếu lên cao hơn nữa, sẽ là thoát ly mười pháp giới. Thoát ly mười pháp giới là thật sự thành tựu. Thoát ly lục đạo sanh tử chính là thành tựu phương tiện, chẳng phải là thành tựu rốt ráo! Thành tựu rốt ráo thì nhất định phải thoát ly mười pháp giới.

Chúng ta hãy ngẫm xem, chúng ta tu hành có thể liễu thoát sanh tử hay chẳng? Có thể thoát ly lục đạo luân hồi hay chẳng? Lục đạo luân hồi là như thế nào, chúng ta có hiểu rõ hay chẳng? Cớ sao có lục đạo luân hồi? Làm thế nào thì mới có thể thoát ly rốt ráo? Quý vị thầy đều phải hiểu rành mạch, rõ ràng. Đây là trí huệ, đây là Phật pháp! Phật pháp là thật sự hiểu rõ, thật sự giác ngộ. Nếu ngay chuyện này mà chẳng hiểu rõ ràng, chẳng hiểu minh bạch, không được rồi! Chúng ta nhập Phật môn, theo một vị thầy, nếu thầy chẳng nói rõ ràng, nói minh bạch với chúng ta những điều này, giúp chúng ta thật sự giác ngộ, thật sự hiểu rõ, [vị thầy ấy] sẽ chẳng phải là một vị thầy tốt. Do đó, đây là đại học vấn thế gian và xuất thế gian, là trí huệ chân thật.

May là trong kinh đức Phật đã dạy rất rõ ràng: “*Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Đây là nói về trí huệ và năng lực. “*Đức*” là năng lực, vạn đức vạn năng, “*tướng*” là tướng hảo. Trí huệ, năng lực và tướng hảo, hết thầy chúng sanh và chư Phật Như Lai bình đẳng, đều có. Vì sao chúng ta đánh mất toàn bộ trí huệ,

năng lực, và tướng hảo, hiện thời biến thành nông nổi này? Đức Phật nói rất hay, một lời đã nói toạc ra: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc*”. Nói cách khác, vì quý vị có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, cho nên quý vị tuy có trí huệ, có năng lực, có tướng hảo, nhưng thấy đều chẳng đạt được, do bị vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chướng ngại. Giống hệt như vàng mặt trời nhằm ngày quang đãng, ánh sáng chiếu trọn khắp. Mấy hôm nay, Hương Cảng ngày nào cũng mưa, trời âm u, mây dày đặc che khuất mặt trời. Chẳng phải là không có [mặt trời], vì nó bị che khuất nên không thấy! Mây dày ví như vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; có những thứ ấy, sẽ hoàn toàn chẳng thấy trí huệ, đức năng và tướng hảo trong tự tánh. Tu hành là tu gì? Tu hành chẳng phải là tu trí huệ, đức năng, tướng hảo, chẳng phải vậy, chúng vốn sẵn có. Tu hành là trừ khử chướng ngại, đức năng trong tự tánh sẽ hoàn toàn thấu lộ. Vì thế, tu hành chẳng có chi khác, chính là phải buông xuống! Kinh Phật đã dạy xả ly, quý vị phải xả trừ những thứ ấy, phải lìa khỏi! Lìa khỏi gì vậy? Lìa khỏi phiền não, lìa khỏi tập khí, lìa khỏi chấp trước, lìa khỏi phân biệt, lìa khỏi vọng tưởng, vấn đề được giải quyết, quý vị vốn đã thành Phật. Quý vị chẳng chịu buông xuống, vậy là không có cách nào hết!

Vì thế, quý vị xem nguyện này, thấy “*người chẳng xả*”, tức người không chịu buông xuống, khiến cho chúng ta [dẫn khởi hồng nguyện] “*đừng buông xuống pháp công đức thù thắng*”. Chớ nên buông xuống pháp ấy. Đây là hết thấy phương pháp tu học trong Phật pháp, phải nắm thật chắc điều này! Trong lời nguyện tiếp theo, quý vị thấy “*kiến năng xả nhân*” là [trông thấy] người có thể bỏ, vậy thì quý vị thật sự phải buông xuống. Buông xuống những gì? Buông xuống tập khí phiền não, buông xuống nỗi khổ trong ba ác đạo, buông xuống lục đạo luân hồi, buông xuống mười pháp giới, đây là đúng! Đức Phật dạy chúng ta những phương pháp, nguyên lý, nguyên tắc, và tầng lớp tu học này, cảnh giới bất đồng, chúng ta phải học, chúng ta phải hiểu rõ. Tuy phải hiểu rõ, cũng đừng nên chấp trước, vì sao? Chấp trước thì sẽ chẳng thể tăng tấn. Đây là như trong kinh Kim Cang, đức Phật đã dạy: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp). “*Xả*” chẳng phải là thật sự vứt bỏ, chẳng cần! [Nếu hiểu là thật sự vứt bỏ] thì sai mất rồi!

Giống như chúng ta xây cao ốc. Tại Hương Cảng, các vị đều có thể trông thấy toàn là những tòa cao ốc, hoặc các tòa nhà lớn. Muốn xây cao ốc thì phải xây từ đâu? Xây nền móng. Sau khi đã xây móng chắc chắn, mới xây tầng thứ nhất. Xây tầng thứ nhất xong xuôi mới xây tầng thứ hai. Chuyện này giống như điều gì? Nền móng đã xây kỹ càng, chúng ta lại tiến cao hơn một tầng, [tức là] xây tầng thứ nhất. Có cần nền móng hay không? Vẫn xây cất trên nền móng. Nền móng còn đó,

chẳng vứt bỏ! Ta xây tầng thứ hai, quý vị phải bỏ tầng thứ nhất, buông xuống! Chẳng buông xuống tầng thứ nhất, quý vị sẽ chẳng thể xây tầng thứ hai. Nhưng xây tầng thứ hai, tầng thứ nhất có còn hay không? Vẫn còn, ở dưới. Đã hiểu ý nghĩa “buông xuống” hay chưa? Nói cách khác, không chấp trước! Nếu cơ sở của ta đã thành lập rất tốt, ta bèn chấp trước “như vậy là đủ rồi”, ta rất hoan hỷ, như vậy thì ý niệm xây tầng thứ nhất sẽ chẳng có! Có tồn tại hay không? Tồn tại! Trong tâm chẳng có ý niệm ấy, tăng tấn mãi! Ý nghĩa là như vậy đó. Đây gọi là “*thắng công đức pháp*”, từng tầng một không ngừng tiến cao hơn.

Kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta, địa vị Bồ Tát gồm có năm mươi một địa vị, tức Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, trên đó còn có Đẳng Giác, Diệu Giác, tổng cộng là năm mươi hai địa vị, giống như một tòa cao ốc có năm mươi hai tầng! Đạt tới đỉnh điểm, tức tầng thứ năm mươi hai, thử hỏi nền móng có tồn tại hay chẳng? Tồn tại chứ! Vậy thì nói xem, có vứt bỏ Thập Thiện Nghiệp Đạo hay không? Chẳng có! Thấy đều kiến lập trên cơ sở Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo đã nói về chuyện này rất rõ ràng: Pháp nhân thiên, Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, cho đến Vô Thượng Bồ Đề, đều lấy điều này làm cơ sở, đều lấy điều này làm căn bản. Chúng ta chẳng đổ công dốc sức nơi căn bản, chẳng thực hiện căn bản một trăm phần trăm, quý vị sẽ chẳng thể kiến lập Phật pháp. Cho đến pháp nhân thiên, quý vị cũng chẳng có, vì pháp nhân thiên cũng lấy điều ấy làm cơ sở. Chẳng có pháp nhân thiên, rắc rối to! Sau khi chết đi, sẽ là ngã quý, địa ngục, súc sanh, rơi vào ba ác đạo! Nếu quý vị mong đời sau lại được làm thân người, nhất định phải tu Thập Thiện Nghiệp. Thập Thiện Nghiệp là pháp nhân thiên. Vì thế, Phật pháp được kiến lập trên cơ sở làm người. Thập Thiện Nghiệp là làm người. Làm người chẳng nên hôn, làm sao quý vị có thể làm Phật cho nổi? Làm sao quý vị làm Bồ Tát cho được? Há có lẽ ấy!

Nay chúng ta học tập điều này, tôi đặc biệt nhấn mạnh căn cội của Nho, Thích, Đạo để giới thiệu Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp với mọi người. Công Quá Cách được nói trong Liễu Phàm Tứ Huân chính là Cảm Ứng Thiên. Quý vị phải biết, trong thời đại của tiên sinh Liễu Phàm, từ bé đã học Đệ Tử Quy. Vân Cốc đại sư rất từ bi, giới thiệu Cảm Ứng Thiên cho ông ta. [Tiên sinh Liễu Phàm] hằng ngày nương theo Công Quá Cách để sửa lỗi, đổi mới. Sau khi đã có cơ sở ấy, mới có thể học Thập Thiện Nghiệp. Về sau, ông ta cũng quy y Tam Bảo, cũng là đệ tử Tam Bảo! Vì thế, chúng ta học Phật, bất luận tu học tông phái nào, pháp môn nào, bất luận quý vị là Hiền Tông, Mật Tông, Tông Môn, Giáo Hạ, Đại Thừa, Tiểu Thừa, ba cơ sở ấy là căn cội, tức căn cội của Nho, Thích, Đạo.

Chúng ta học Phật, vì sao còn phải học Nho, học Đạo? Trong

kinh Phật Tạng, đức Phật đã dạy: “*Đệ tử Phật không trước học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa, chẳng phải là đệ tử Phật*”. Nói cách khác, đức Phật chẳng chấp thuận chúng ta vượt cấp, đức Phật dạy chúng ta lần lượt học tập theo thứ tự. Đại Thừa lấy Tiểu Thừa làm cơ sở, quý vị chẳng có Tiểu Thừa, học Đại Thừa sao được? Tịnh Độ là Đại Thừa, Đại Thừa được kiến lập trên cơ sở Tiểu Thừa. Tại Trung Hoa, kinh Tiểu Thừa đã được phiên dịch rất đầy đủ. Tứ A Hàm trong Đại Tạng Kinh là Tiểu Thừa. Nhưng Phật giáo Trung Hoa từ giữa đời Đường trở đi không học Tiểu Thừa nữa. Vì sao chẳng học Tiểu Thừa? Dùng Nho và Đạo để thay thế, càng thích hợp với khẩu vị của người Hoa. Từ [những lời dạy của] thiền sư Vân Cốc và Trung Phong đại sư, trong Liễu Phàm Tứ Huấn có trích dẫn, quý vị thấy rất rõ tam giáo, Phật pháp dùng Nho và Đạo làm cơ sở. Đây là vụn quên căn cội, sau đây lại thêm Thập Thiện Nghiệp. Ba căn cội Nho, Thích, Đạo đều vụn quên vũng vàng. Vì thế, trải các đời, bất luận tại gia hay xuất gia, tổ sư đại đức nhân tài luôn xuất hiện, vượt trời Ấn Độ, do nguyên nhân nào? Vụn quên căn cội sâu dày. Nay chúng ta mong thành tựu, không vụn quên căn cội ấy, sai mất rồi, lầm lỡ cả đời!

Căn cội ấy cần thời gian bao lâu [để vụn quên]? Vào thời xưa là năm năm. Nếu hiện thời chúng ta thật sự dũng mãnh, tinh tấn, một năm là được rồi! Trong một năm, thực hiện cả ba thứ ấy một trăm phần trăm. Một năm chẳng được thì hai năm, hai năm chẳng được thì ba năm. Nếu chẳng vụn quên căn cội ấy, chẳng cần học chi khác. Vì sao? Học những thứ khác vô dụng! Giống như đi học, ta học lớp Một không ra gì, chẳng cần học lớp Hai, lớp Ba nữa, chắc chắn là chẳng thể thành công. Nhất định phải đạt tiêu chuẩn của lớp Một, ta mới có thể vào lớp Hai. Đạt tiêu chuẩn lớp Hai, mới có thể vào lớp Ba. Học lớp Một không đạt, sẽ chẳng thể học lớp Hai, đạo lý này chẳng khó hiểu! Hy vọng các đồng học chúng ta, nếu căn cơ của chính mình chẳng vụn quên vũng vàng, hãy dùng thời gian một, hai năm để vụn quên căn cội. Nếu hỏi: “Chúng ta hy vọng cầu sanh Tịnh Độ, có cần phải niệm kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà hay không?” Có thể niệm, mỗi ngày niệm một biến, hai biến, nhưng ba thứ căn cội ấy hết sức trọng yếu, đối với kinh luận của Tịnh Tông, chúng ta đọc, không quên là được rồi, vụn quên căn cội là chuyện khẩn yếu! Sau khi quý vị đã vụn quên căn cội, đối với kinh luận Tịnh Độ, sẽ được thọ dụng. Sự thọ dụng ấy thường nói là “*quý vị có ngộ xứ, có pháp hy*”. A! Nay đã hết thời gian rồi, buổi học này chúng tôi nói tới đây!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem bài kế tiếp là bài kế thứ tám:

(Kinh) Kiến năng xả nhân, đương nguyện chúng sanh, vĩnh đắc xả ly, tam ác đạo khổ.

(經) 見能捨人。當願眾生。永得捨離。三惡道苦。

(Kinh: Thấy người xả được, nguyện cho chúng sanh, vĩnh viễn bỏ lìa khổ tam ác đạo).

Đây là trong lúc khát thực, trông thấy người có thể xả, hoan hỷ thí xả, Bồ Tát tự nhiên dẫn phát đại nguyện, “*đương nguyện chúng sanh, vĩnh đắc xả ly, tam ác đạo khổ*” (nguyện cho chúng sanh, vĩnh viễn lìa bỏ nỗi khổ trong ba đường ác). Tam ác đạo là quả báo, chỗ này chúng ta phải nên hiểu rõ, Nho, Thích, Đạo đều nói đến nhân quả, nói đến báo ứng, nhưng Đạo và Phật nói nhiều hơn, [tức là] nói nhiều hơn Nho gia. Phật nói thấu triệt nhất, chớ nên không biết điều này, chớ nên không nghiêm túc học tập. Khi quả báo hiện tiền, sẽ chẳng có cách nào hết, chẳng thoát lìa được, nhất định phải hứng chịu. Đức Phật dạy chúng ta xả ly ác đạo, tức là xả nơi cái nhân. Nghiệp nhân của tam ác đạo là gì? Chớ nên không biết điều này, nghiệp nhân là mười ác nghiệp. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã vì chúng ta giảng giải, chuyện thế gian (chúng ta chẳng bàn tới xuất thế gian) đâu là chuyện nhỏ nhất, ngàn ngữ có câu “*một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng được định sẵn*”. Nói cách khác, đều được định sẵn. Ai định sẵn cho quý vị? Cái nhân định sẵn cho quý vị. Quý vị có nghiệp nhân ấy, nay duyên đầy đủ, quả báo liền hiện tiền. Nho nói như vậy, mà Đạo cũng nói như vậy, Phật cũng nói như vậy! Các tôn giáo khác cũng nói như vậy. Chúng ta xem kinh Cổ Lan (Q’urān) của Y Tư Lan giáo (Islam, đạo Hồi), trong sáu tín điều cơ bản, có một điều là “*tin vào tiền định*”, “*tiền*” (前) là đời trước. Đời trước tạo nhân, đời này quý vị chẳng thể không chịu báo!

Hôm trước, tôi đã có đề cập, tức là một nhà khoa học của Mỹ, ông ta cũng là một tiến sĩ y khoa. Vì chữa bệnh cho kẻ khác, lâm vào cảnh bế tắc, chẳng tìm thấy nguyên nhân gây ra bệnh, không giải quyết được! Ông dùng thuật thôi miên để thí nghiệm, nghiêm nhiên thí nghiệm thành công. Trong khi thôi miên, cho bệnh nhân nói ra đời trước và đời trước đó nữa, tìm ngược về trước, đời đời kiếp kiếp, tìm ra nguyên nhân gây bệnh. Để chính người ấy nói ra, thâm âm lại. Chờ cho người ấy trở lại bình thường sau cơn thôi miên, sẽ mở cho người ấy nghe, người ấy tâm khai ý giải, bệnh được chữa khỏi rất dễ dàng! Phương pháp ấy đã được sử dụng ở Mỹ gần nửa thế kỷ, hiệu suất rất cao. Vì thế, hiện thời có rất nhiều bác sĩ dùng phương pháp này!

Trong số ấy, có mấy vị giáo sư rất nổi tiếng, trong đó có ông Ngụy Tư (Brian L. Weiss), người Mỹ. Có lần ông ta thôi miên một bệnh nhân rất sâu, khi chấm dứt đối thoại, đột nhiên người ấy nói năng. Âm thanh nói chuyện chẳng phải là của người ấy, giọng điệu cũng

chẳng phải là giọng điệu bình thường của người ấy, nội dung đàm thoại vượt ngoài kiến thức của người ấy, người ấy chẳng có trình độ cao như vậy. Kết quả, phát hiện người đang nói là thần linh. Thần linh dựa vào bệnh nhân ấy để truyền đạt, nay chúng ta nói là “tin tức từ một chiều không gian khác”. Họ thấy tin tức ấy rất thần kỳ, nhưng chúng ta thấy [vị thần linh ấy] là một vị trời thuộc Dục Giới, chẳng cao cho lắm, rất khó có! Dục Giới Thiên, rốt cuộc là Đạo Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên hay Đâu Suất Thiên, chẳng biết, nhưng chắc chắn là vị ấy thuộc thiên giới, từ Đạo Lợi trở lên!

Cho chúng ta biết tin gì vậy? Cho chúng ta biết: Sinh mạng chẳng có ngần hạn. Nói cách khác, con người chắc chắn chẳng chết, mà cũng chẳng có cái gọi là sinh. Nhà Phật nói là “*chẳng có sanh tử*”. Sinh tử là chuyện như thế nào? Người Hoa nói là “*linh hồn*”, nhà Phật gọi là “*thần thức*”, người ngoại quốc nói là “*linh thể*” (spirit). Thứ này bất sanh bất diệt. Nó đến đâu thai, bất quá là tìm một thân thể đó thôi. Ngày nào thân thể ấy hư hoại, nó lìa khỏi, lại tìm một thân thể khác. Vì thế, nói theo phía “*linh hồn*”, sẽ là chẳng có sanh tử. Hiện tượng sanh tử là gì? Là nhục thể. Nhục thể không quan trọng! Nhục thể không đáng kể. Nếu chuyện này được nói tại Trung Hoa hay tại Ấn Độ thì quá đời thường, chẳng hiếm hoi, lạ lùng tí nào, nhưng đối với người ngoại quốc thì rất hiếm lạ. Vì sao? Chưa hề có một trường hợp rõ rệt như vậy! Linh thể tìm thân thể, trụ trong không gian này một khoảng thời gian, sau đấy, nó lại tìm một thân thể khác. Đó chính là luân hồi. Chúng ta phải hiểu đạo lý là như vậy đó!

Trong lục đạo, khô lạc bất đồng. Tìm thân thể, chẳng phải là tùy tiện thuận theo ý nghĩ của quý vị để tìm đâu nhé! Quý vị chẳng được tự do dường ấy! Sức mạnh nào chủ tể việc tìm thân thể của quý vị? Nghiệp lực, thứ này quan trọng! Vì thế, vị thần linh ấy cũng tiết lộ đôi chút tin tức. Vì sao con người có thể dùng hình thức nhục thể để tồn tại trong thế gian này? Vị ấy nói chẳng ngoài hai nhân tố, một nhân tố là đến làm việc, nhân tố khác là đến trả nợ. Chuyện này nói theo Phật pháp lại là tương đồng! Phật pháp nói chúng sanh trong lục đạo có hai loại người: Một loại người là thừa nguyện tái lai nhằm độ sanh, loại khác là thọ báo, trả nghiệp. Nói theo danh từ nhà Phật là “*nhân sanh thù nghiệp*” (đời người đền trả nghiệp), “*thù*” (酬) là báo đáp, hoặc báo đền. Trong đời quá khứ, quý vị làm thiện nghiệp, quý vị đến hưởng phước. Trong đời quá khứ, quý vị tạo ác nghiệp, vậy thì nay quý vị đến chịu khổ. Do đó, đời này, quý vị hưởng phước hay chịu khổ là do nghiệp báo của quý vị. Chẳng phải do ông trời ban cho, cũng chẳng do Thượng Đế ban cho, cũng chẳng phải do Diêm Vương trao cho, mà là tự làm, tự chịu!

Vì thế, vị thần linh ấy nói hay lắm. Linh giới đã lộ ra tin tức ấy

hay lắm. Những gì chúng ta hứng chịu trong đời này là do đã gây tạo trong đời quá khứ. Những gì đã gây tạo trong đời này, đời sau phải hứng chịu quả báo. Linh giới hé lộ tin tức ấy tại ngoại quốc, truyền đến Trung Hoa thì chúng ta thấy đều hiểu rõ ràng, còn liễu giải sâu hơn họ, liễu giải nhiều hơn họ. Do vậy, có thể thấy chuyện này là thật, chẳng giả. Nếu quý vị liễu giải chân tướng sự thật này, quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác sẽ cẩn thận. Một ý niệm bất thiện, một ngôn hạnh bất thiện, sẽ chuốc lấy khổ báo trong đời sau. Một thiện niệm, một thiện hạnh sẽ chiêu cảm phước báo trong đời sau, khác hẳn!

Do vậy, bài kệ này dạy chúng ta, “*vĩnh đắc xả ly, tam ác đạo khổ*” (vĩnh viễn lìa bỏ nỗi khổ trong ba đường ác). Ba ác đạo do Thập Ác nghiệp chiêu cảm. Cũng là như trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đã nói đến Thập Ác, Bát Tà, còn có khá nhiều tập khí bất thiện. Có phải bỏ hay không? Phải bỏ. Nếu quý vị chẳng bỏ, không chỉ là nó sẽ chướng ngại quý vị khai ngộ, mà còn chướng ngại quý vị tu hành chứng quả, thậm chí chướng ngại quý vị đời sau chẳng được làm thân người. Quý vị nói xem chuyện này phiền phức quá! Đời sau chẳng được làm thân người, sẽ vào trong ba ác đạo! Ngạn ngữ có câu: “*Trước cửa địa ngục, Tăng, đạo đông*”. Chúng ta suy ngẫm, [sẽ thấy] lời ấy chẳng phải là vô lý! Vì sao Tăng, đạo đông? Tăng, đạo là người tu hành. Tăng, đạo tiếp nhận mười phương cúng dường. Phật môn có một câu nói: “*Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đèn*”. Lời này là lời thật, chẳng nói quá lớn! Nay chúng ta hưởng thụ mười phương cúng dường, nếu đạo nghiệp của chính mình chẳng thể thành tựu, đời sau, ngay cả thân người quý vị chẳng làm được! “*Mang lông, đội sừng*” là súc sanh, phải trả nợ! Hiện thời, hưởng thụ dễ dàng, trong tương lai trả nợ, sẽ khổ sở lắm đấy!

Tôi từ lúc trẻ, hai mươi sáu tuổi tiếp xúc Phật pháp, đã nghe bậc trưởng bối, tiền bối thường nhắc nhở, căn dặn, dặn dò như vậy. Vì thế, hoàng pháp nhiều năm ngàn ấy, mười phương cúng dường cũng rất nhiều, quý vị chẳng thể không tiếp nhận. Không tiếp nhận, sẽ có lỗi với người ta. Người ta đến cửa Tam Bảo gieo phước, quý vị chẳng cho họ gieo phước, như vậy là quá tàn nhẫn. Đã là gieo phước, hãy ngẫm xem ta có phải là phước điền hay không? Người ấy đến cúng dường ta, thật sự sẽ được phước ư? Phải tự xét lòng về chuyện này, phải phản tỉnh! Ta chẳng có phước ấy thì làm như thế nào? Tôi thấy Ấn Quang đại sư, phương pháp của Ngài rất hay. Thuở Ấn Quang đại sư tại thế, mười phương cúng dường rất nhiều, chính Ngài chẳng dùng một đồng nào, chẳng hề cải thiện cuộc sống, chẳng may một bộ quần áo mới, vẫn sống cuộc đời thanh bần theo đúng bốn phận. Ngài dùng món tiền do mười phương cúng dường để làm một chuyện là in kinh bố thí. Ngài dùng món thu nhập ấy để thành lập Hoàng Hóa Xã tại chùa Báo Quốc ở Tô

Châu. Hoàng Hóa Xã là Phật Kinh Lưu Thông Xứ, chuyên môn in kinh Phật và thiện thư. Ngoài kinh Phật ra, Ngài cũng in thiện thư, khuyến thiện, cúng dường mười phương!

Cách này hay lắm! Quý vị cúng dường tôi, tôi đều in thành sách để cúng dường mười phương! Muôn một trong tương lai, tôi chẳng thể đắc đạo, tôi phải trả nợ, sẽ có những người đó thay tôi trả nợ, tốt lắm! Tôi cảm thấy cách làm này của tổ Ấn Quang đã ban cho chúng tôi một khái thị rất lớn; vì thế, những món cúng dường tôi nhận được trong một đời này, thầy đều dùng để in sách. Trong mười mấy, hai mươi năm gần đây, vì chúng tôi sử dụng TV để dạy học; trong quá khứ, chúng tôi tặng băng thâu âm, băng thâu hình, hiện thời tặng CD gởi khắp thế giới. Nếu quý vị nói đến số lượng, chúng tôi chẳng tính đếm. Nếu cộng tất cả lại, tính theo từng thứ một, chắc chắn đã hơn ngàn vạn, chắc chắn không chỉ là một ngàn vạn, mà là mỗi thứ tính ra, không chỉ là một ngàn vạn. Chúng ta tặng Đại Tạng Kinh, đây là thứ lớn nhất, là thứ to nhất, chúng tôi cũng tặng Đại Tạng Kinh đã nhiều năm ngàn ấy, gần như là sáu ngàn năm trăm bộ, càng làm, [các ấn bản] càng đẹp đẽ. Vì thế, chẳng dám dùng bừa bãi tiền của thí chủ. Bản thân chúng ta chẳng dùng, hãy thay họ làm chuyện tốt. Sự nghiệp từ thiện cứu tế chúng ta cũng làm, nhưng chẳng phải là chủ yếu! Như mấy năm trước, trong nước bị tai nạn lớn, chúng tôi cũng quyên tặng một số tiền; khi các nơi trên thế giới gặp đại tai nạn, tìm đến chúng ta, chúng ta cũng làm. Lần này, Ấn Độ Nê Tây Á (Indonesia) bị tai nạn lớn, ngày hôm qua có đồng học đã cho biết: Đã tử vong hơn năm ngàn người. Tôi đã đến nơi ấy, rất thân thuộc, những chuyện như vậy chúng ta phải xòe tay giúp đỡ. Giúp đỡ hết thầy chúng sanh khổ nạn, phải sử dụng trong phương diện này. [Sử dụng tiền cúng dường cho] bản thân chúng ta thì chẳng được, sẽ phải lãnh trách nhiệm nhân quả!

Bỏ ba ác đạo là bỏ tham, sân, si. Trong kinh giáo, đức Phật thường dạy điều này, [Ngài thường dạy về] cái nhân của mười pháp giới. Các nhân duyên ấy đương nhiên hết sức phức tạp. Trong các nhân duyên phức tạp ấy, cái nhân thứ nhất là gì? Cái nhân trọng yếu nhất là gì? Đức Phật bảo, trong phần trước, chúng tôi đã từng đề cập, thành Phật thì cái nhân để thành Phật là tâm bình đẳng, Phật tâm bình đẳng. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đây chính là Phật tâm. Quý vị thật sự tu đạt được “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, sẽ vãng sanh thành Phật. [Hạnh của] Bồ Tát là Lục Ba La Mật, tức Lục Độ. Nghiệp nhân thứ nhất của Bồ Tát là chẳng bỏ Lục Độ. Nếu muốn thành Phật, chẳng thể bỏ bình đẳng, phải buông xuống bất bình đẳng, phải buông xuống không thanh tịnh, phải buông xuống mê hoặc, điên đảo; giác chứ không mê! Chẳng bỏ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, phải bỏ nhiễm ô, bất bình, mê hoặc, phải bỏ những thứ ấy. Bích Chi

Phật là mười hai nhân duyên, A La Hán là Tứ Đê. Thiên đạo là Thập Thiện Nghiệp, còn cộng thêm từ, bi, hỷ, xả, [tu các món ấy sẽ là] chư thiên. Nhân đạo là Ngũ Giới, súc sanh đạo là ngu si, ngạ quỷ đạo là tham lam, địa ngục đạo là sân khuê, quý vị hiểu rõ những điều này!

“*Vĩnh viễn lìa bỏ nỗi khổ trong ba đường ác*”, tham lam, ngu si, sân khuê nhất định phải trừ bỏ. Nói chung, trong kinh luận thường nói “*bỏ Thập Ác, tu Thập Thiện*”, như vậy thì mới có thể lìa nỗi khổ trong ba đường ác. Nếu quý vị không nghiêm túc đoạn Thập Ác, tu Thập Thiện, tu bất cứ pháp môn nào, quý vị vẫn tạo Thập Ác Nghiệp, quả báo vẫn là trong tam đồ. Đây gọi là “*trước cửa địa ngục, Tăng, đạo đông*”, nguyên nhân ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết.

Nói theo kinh giáo Đại Thừa, thiện là Tánh Đức, Thập Thiện vốn sẵn có trong tự tánh, có khó tu hay chẳng? Chẳng khó! Ngay cả Nho gia cũng biết. Quý vị thấy Tam Tự Kinh là sách dạy vỡ lòng cho trẻ nhỏ của Trung Hoa, Tam Tự Kinh được mở đầu bằng câu “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*”, chỉ rõ tánh con người vốn lành. Nói theo Phật pháp, “*thiện*” chính là Thập Thiện. Thập Thiện là bản tánh của quý vị, há khó khăn chi? Chẳng khó tí nào! Vì sao hiện thời quý vị biến thành tình trạng này? Do quý vị mê mất tự tánh, chẳng thấy tự tánh vốn lành, tập khí ác hiện tiền. Tiếp đó, Tam Tự Kinh nói “*tánh tương cận*”, [nghĩa là] hầu như là tánh của hết thảy chúng sanh như nhau, bình đẳng. “*Tập tương viễn*”, “*tập*” (習) là gì? Thói quen, tập khí. Vì sao biến thành như vậy? Tiếp đó, sách nêu rõ nguyên nhân: “*Câu bất giáo, tánh nãi thiên*” (Nếu chẳng dạy, tánh sẽ đổi dời), có nghĩa là giáo dục quan trọng lắm! Quý vị chẳng khéo dạy dỗ nó, nó sẽ nhiễm phải những tập khí bất lương, mê mất bản tánh, nhuốm phải những tập khí xấu xa! Tập khí xấu xa được gọi là “*tập tánh*” (習性). Tập tánh bất thiện, bản tánh thiện! Hiểu rõ đạo lý này, chúng ta sẽ có tín tâm đối với chuyện sửa lỗi tu thiện!

Đúng như trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói, hết thảy chúng sanh “*Bốn Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Bất giác là mê, bất thiện. Bốn Giác là thiện, Bốn Giác vốn có, bất giác vốn không! “*Vốn có*” thì chắc chắn có thể khôi phục, “*vốn không*” thì nhất định là có thể đoạn trừ. Từ chỗ này, chúng ta kiến lập tín tâm, tăng trưởng tín tâm. Há lẽ nào ác chẳng thể đoạn? Há lẽ nào thiện chẳng thể viên mãn? Điều mấu chốt ở đây là quý vị phải học, học với ai? Học theo Phật. Phật là vị thầy tốt nhất, là tâm gương tốt nhất trong thế gian. Chúng ta học Phật thì phải học theo Phật, Phật là Bản Sư của chúng ta. Đức Phật chẳng tại thế, di giáo của đức Phật còn đó. Vừa mới tiếp xúc, chúng ta xem di giáo không hiểu, chẳng biết nghĩa là gì? Di giáo hết sức phong phú, quý vị phải biết nhập môn từ chỗ nào, học tập như thế nào, điều này rất trọng yếu. Chuyện này ắt cần phải có thiện tri thức dìu dắt.

Những vị thiện tri thức là các vị tổ sư đại đức các đời, chúng ta dựa vào sự hướng dẫn của các Ngài. Các Ngài cũng chẳng còn tại thế, nhưng hãy còn có chú giải, chú giải sẽ hướng dẫn chúng ta.

Như nay chúng ta đang học Hoa Nghiêm, để học [kinh này], chúng ta dựa vào người nào hướng dẫn? Nay chúng ta chọn bộ sách Số Sao của Thanh Lương đại sư làm sách giáo khoa, Thanh Lương đại sư hướng dẫn chúng ta. Chúng ta còn nương theo bộ Hợp Luận của Lý trưởng giả, đúng là một Tăng, một tục. Lý trưởng giả là một vị tại gia cư sĩ. Hai vị đều là bậc đại đức của Hoa Nghiêm, chúng ta đọc chú giải của họ, chiếu theo sự chỉ dẫn của họ, lại còn chính mình có công phu tu hành, sẽ có thể khế nhập. Công phu là gì? Chẳng có gì khác! Công phu là buông xuống, ở đây nói công phu là “*xả ly*”. Quý vị bỏ được càng nhiều, trí huệ càng tăng trưởng. Tôi tin là rất nhiều vị đồng học biết chuyện này, trong Phật môn thường nói là “*phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng*”. Phiền não là mây mù, trí huệ là vàng thái dương. Mây mù ít hơn, ánh mặt trời bèn lộ ra nhiều hơn, đạo lý là như thế đó!

Kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta, chương ngại có ba thứ là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nay chúng ta chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, bỏ lìa chấp trước, trí huệ của quý vị sẽ thấu lộ một phần ba, một phần ba này sẽ rất hữu dụng. Một phần ba là gì? Là A La Hán, chẳng còn chấp trước. Không còn chấp trước thân này là ta nữa, cũng chẳng còn chấp trước vật ngoài thân là thứ của ta nữa, tâm khai ý giải. Khi ấy, thân nhẹ nhàng, thuật ngữ nhà Phật là “*tự tại, khinh an*”. Quý vị đạt được sự khinh an, tự tại, buông gánh nặng xuống. Lại buông xuống phân biệt, quý vị sẽ thành Bồ Tát. Lại buông xuống vọng tưởng, quý vị sẽ thành Phật. Buông xuống, ở đây nói là “*xả ly*”. Vì thế, buông xuống từ chỗ nào? Trước hết, buông xuống từ ba ác đạo; sau đây, ba thiện đạo cũng buông xuống. Buông xuống ba thiện đạo, sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi. [Buông xuống] ba thiện đạo là nói phước báo nhân thiên phải buông xuống!

Ai có thể buông xuống? Chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta ư? Lão nhân gia sanh trong nhà đế vương, cha của Ngài là quốc vương, Ngài là trưởng tử. Nếu Ngài không xuất gia, sẽ kế thừa vương vị. Đây là buông xuống phú quý nhân thiên, Ngài đã nêu gương cho chúng ta thấy. Có nghĩa là Ngài đã buông xuống lục đạo. Suốt đời, khởi tâm động niệm chẳng có một ác niệm, niệm niệm đều thanh tịnh, niệm nào cũng đều là thiện lương, thật sự thuần tịnh thuần thiện. Niệm nào cũng đều giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui, giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ. Tam đồ, lục đạo, mười pháp giới do đâu mà có? Do mê mà có, mê cạn hay sâu. Mê càng sâu, càng đọa lạc xuống dưới; mê càng cạn, càng siêu thoát lên cao hơn. Vì thế, tứ thánh pháp giới mê cạn, lục đạo mê nặng nề. Trong lục đạo, ba thiện đạo mê

nông cạn, ba ác đạo mê nặng nề. Đức Phật dạy chúng ta lìa khổ được vui. “Lìa khổ, được vui” là quả, đối với quả chẳng có cách nào [thay đổi], phải [sửa đổi] từ cái nhân. Nhân là phá mê khai ngộ. Chúng ta có thể trừ bỏ Thập Ác, sẽ vĩnh viễn lìa khỏi ba ác đạo. Thập Thiện cần thiết, nhưng đừng chấp trước, sẽ vượt thoát lục đạo luân hồi.

Từ A La Hán trở lên, trong sự cảm nhận của chúng ta, chính là đại thiện nhân, chẳng có ác niệm, chẳng có ác ngôn, càng chẳng có hành vi ác, thuần tịnh, thuần thiện, vượt thoát lục đạo. Người như vậy vẫn sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Bồ Tát vẫn sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Bọn lục đạo phàm phu chúng ta chẳng có năng lực vượt thoát lục đạo, cũng có nghĩa là chẳng đoạn hết Thập Ác. Đây là đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là khá lắm. Được oai thần từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng trọn vẹn ba món Bất Thoái. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của pháp môn này. Người ấy có thể đời nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn chứng ba món Bất Thoái. Trong hết thấy các kinh giáo do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm đều chẳng có điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là đặc thù. Vì lẽ này, mười phương chư Phật đều khuyên chúng ta tu pháp môn này.

Nhưng trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã giống như thọ ký cho chúng ta; đây là chỗ từ bi tột bậc của Như Lai. Kinh Đại Tập dạy: Chúng sanh đời Mạt Pháp chẳng có trí huệ, chẳng có năng lực tuyên chọn pháp môn, đức Phật đã chọn lựa giùm chúng ta. Đức Phật nói thời kỳ Chánh Pháp, giới luật thành tựu, trì giới có thể chứng quả A La Hán. Người trong thời kỳ Tượng Pháp, chẳng thuần hậu như thời Chánh Pháp, căn tánh đã suy kém, phải tu Định, [cho nên] Thiền Định thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, tâm người tán loạn, nay chúng ta nói là hời hợt, bộp chộp, chẳng Định được, làm như thế nào? Tịnh Độ thành tựu, khuyên quý vị tu pháp môn Niệm Phật, đời nghiệp vãng sanh. Đời nghiệp vãng sanh thì chư vị phải ghi nhớ, mang theo cụu nghiệp, chứ không mang theo tân nghiệp. Nghiệp đã tạo trước khi học Phật là cụu nghiệp. Sau khi đã học Phật, phải y giáo phụng hành, chẳng thể tái phạm lầm lỗi. Nếu tái phạm lầm lỗi, sẽ chẳng thể vãng sanh, [chỉ là] kết thiện duyên với A Di Đà Phật.

Vì thế, quý vị phải hiểu, phàm là người đời này niệm Phật vãng sanh, thiện căn của người ấy chẳng phải là gieo trong đời này, mà là thiện căn tích lũy trong đời đời kiếp kiếp, [nay] đã chín muồi trong đời này, đạo lý là như thế đó. Bản thân chúng ta hãy ngẫm xem, thiện căn, phước đức, nhân duyên trong đời quá khứ của chúng ta có thể chín

muôi trong đời này hay không? Chính mình biết, biết rất rõ ràng. Nếu cảm thấy còn kém một chút, kém một chút chẳng sao cả. Đời này nỗ lực, dũng mãnh tinh tấn để bỏ túc. Bỏ túc bằng cách nào? Thật sự buông xuống, đó là bỏ túc. Chư vị hãy nghĩ đến đồ đệ của lão hòa thượng Đệ Nhàn, Ngài có một người đồ đệ làm thợ vá nôi. Năm xưa, tôi nghe lão pháp sư Đàm Hư đã giảng. Tôi chưa từng gặp mặt lão nhân gia! Ba mươi năm trước, tôi giảng kinh ở Hương Cảng, địa điểm là Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán ở phố Giới Hạn (Boundary Street). Đạo tràng ấy do lão pháp sư Đàm Hư kiến lập. Khi tôi đến Hương Cảng, lão nhân gia đã vãng sanh, tôi nghe băng âm của Ngài. Ngài khai thị trong một kỳ Phật Thất, có nhắc đến chuyện này.

Lão hòa thượng Đệ Nhàn là thầy của Ngài (pháp sư Đàm Hư). Người thợ vá nôi ấy là sư huynh sư đệ của ngài Đàm Hư, chẳng biết chữ, đàn độn khôn sánh, tuổi tác lại cao! Hơn bốn mươi tuổi mới xuất gia, thứ gì cũng chẳng biết, thứ gì cũng chẳng học nổi, nhưng người ấy có mối quan hệ rất sâu với cụ Đệ Nhàn: Là người cùng một thôn trang, là bạn chơi đùa với nhau từ bé, chẳng thể bỏ mặc người bạn ấy được! Vì thế, sau khi tìm được Sư, [người ấy do] khổ sở chẳng thể nói nổi, bèn tha thiết cầu xin xuất gia. Cụ Đệ Nhàn chỉ nêu ra một điều kiện: “Nếu anh chấp nhận, tôi sẽ thọ nhận anh. Nếu anh không chấp nhận, chẳng có cách nào hết”. Vị ấy hỏi: “Điều kiện gì vậy?” “Anh phải nghe lời!” “Chẳng có vấn đề gì, tôi đã coi thầy là sư phụ, thầy nói gì tôi cũng đều nghe theo”. Cụ Đệ Nhàn cho vị ấy xuống tóc. Sau khi đã xuống tóc, chẳng cho vị ấy ở trong chùa, [bởi lẽ], ngũ đường công khóa trong chùa người ấy không biết. Khi đó, ở vùng nông thôn của thành phố Ninh Ba tỉnh Chiết Giang, Sư tìm một ngôi chùa nát, chẳng có ai ở, để cho vị ấy sống một mình tại đó. Ngài dạy vị ấy một câu “*nam-mô A Di Đà Phật*”, vị ấy có thể niệm câu này, thứ gì khác đều chẳng biết. Cụ Đệ Nhàn bảo vị ấy: “*Ông niệm hằng ngày, hễ niệm mệt bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoản rồi lại niệm tiếp, trong tương lai, chắc chắn có lợi ích*”.

Vị ấy thật sự nghe lời, tức là đối với một câu Phật hiệu, thật sự là niệm mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ đã khỏe khoản bèn niệm tiếp. Niệm ba năm, đứng vãng sanh, vị ấy biết trước lúc mất. Sau khi đã vãng sanh, người địa phương báo tin cho cụ Đệ Nhàn, vừa đi vừa về mất ba ngày, vị ấy đứng sững ba ngày, chờ pháp sư Đệ Nhàn lo liệu hậu sự cho mình. Cụ Đệ Nhàn thường tán thán, người ấy thành công, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh, chẳng ngã bệnh. Cụ Đệ Nhàn khen ngợi: “*Bậc phương trượng trụ trì trong các ngôi chùa bấu nơi các quả núi nổi danh, các bậc pháp sư nghiên cứu giáo pháp đều chẳng bằng ông ta*”. Thật vậy, chẳng giả! Ba năm công phu, một câu Phật hiệu, vị ấy cũng chưa hề nghe kinh, cũng chẳng hiểu Giáo, thứ gì cũng đều chẳng biết. Đây là tấm gương tốt nhất trong thời kỳ Mạt Pháp.

Hôm nay có một đồng học từ phương Bắc đến, lão pháp sư Đàm Hư kiến lập rất nhiều đạo tràng ở phương Bắc, chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân do Ngài dựng. Sau khi chùa Cực Lạc xây xong, Sư phát khởi tam đàn đại giới, khai giới, thỉnh cụ Đế Nhân làm Đắc Giới Hòa Thượng. Có một vị là pháp sư Tu Vô cũng chẳng biết chữ, trước khi xuất gia là thợ ngõa (thợ nề), làm lụng cực nhọc. Sau khi xuất gia, Sư ở trong chùa toàn làm việc nặng. Những chuyện kẻ khác chẳng muốn làm, Sư đều làm, cũng là suốt đời niệm một câu A Di Đà Phật. Lúc khai giới, Sư đến chùa Cực Lạc, xin được giao việc. Khi đó, pháp sư Định Tây làm đương gia sư, bèn hỏi: “Thầy có thể làm gì?” Sư thưa: “Tôi muốn chăm sóc bệnh nhân”. Được! Giao công việc ấy cho Sư. Vì khi đó, thời gian thọ giới là hai tháng, khó tránh sẽ có những người bị trúng gió, cảm mạo, Sư sẽ chăm sóc họ.

Chẳng được bao lâu, Sư liền thưa với pháp sư Đàm Hư và pháp sư Định Tây xin nghỉ. Cụ Đàm Hư có tu dưỡng, chứ pháp sư Định Tây không nhịn nổi, bèn chê trách Sư: “Ông phát tâm đến nơi đây phục vụ chăm sóc giới đàn. Giới tử của giới đàn này còn chưa báo danh, ông đã muốn bỏ đi, quá thiếu cái tâm thường hằng”. Quở trách Sư! Kết quả là pháp sư Tu Vô thưa: “Chẳng phải là tôi đi nơi khác mà là sắp về thế giới Cực Lạc, tôi sắp vãng sanh”. Hai vị pháp sư vừa nghe, chẳng phải tuyệt diệu lắm ư? Đại sự đây nhé! “Chùng nào?” “Chẳng quá mười ngày”. Xin thường trụ sắp sẵn cho Sư hai trăm cân củi đã chế để chuẩn bị hỏa táng. Hai vị pháp sư đều rất nghiêm túc, nói: “Được! Chúng tôi sẽ lo liệu cho thầy”. Đến hôm sau, pháp sư Tu Vô lại tới tìm họ, nói như thế nào? Pháp sư Tu Vô nói: “Ngày mai tôi sẽ ra đi”. Họ vội vã chuẩn bị cho Sư. Thật vậy, đến ngày hôm sau Sư ra đi.

Vì thế, ngàn muôn phần chúng ta đừng nên xem thường những vị xuất gia làm việc nặng, thậm chí cư sĩ. Họ chẳng biết chữ, thứ gì cũng chẳng biết, nhưng có thể do một câu Phật hiệu công phu đắc lực, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, nói đi là đi. Đây là chẳng phí công học Phật, thật sự thành tựu. Người ấy không chỉ là vĩnh viễn xả lìa ba ác đạo, mà còn vĩnh viễn lìa bỏ thế giới Sa Bà, đến thế giới Cực Lạc. Nói cách khác, lục đạo, tam đồ, mười pháp giới trong thế giới Sa Bà, người ấy thấy đều lìa bỏ. Đây là gì? Thật sự có thể xả, triệt để buông xuống. Nếu chúng ta hỏi vì sao người ấy có năng lực đó? Chúng ta phải học bằng cách nào? Rất đơn giản, chính là buông xuống. Chúng ta không bằng họ ở chỗ không buông xuống được. Khá nhiều đồng học trong đạo tràng chúng ta thường nêu ra, nay chúng ta chẳng thể đột phá cửa ải đầu tiên, cho nên chẳng đạt được lợi ích trong Phật pháp. Cửa ải đầu tiên là gì? Tôi thường nói mười sáu chữ, “*tự tư tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng phải buông xuống, ngũ dục lục trần phải buông xuống, tham, sân, si, mạn phải buông xuống*”, mười sáu chữ ấy!

Mười sáu chữ ấy, quý vị thấy đều buông xuống, sẽ chẳng có chướng ngại. Nói cách khác, sự thành tựu như người thợ vá nồi, như pháp sư Tu Vô, quý vị sẽ có thể đạt được! Họ chẳng có chi khác, buông xuống mười sáu chữ ấy! Vì thế, ba năm, năm năm bèn thành công. Vì sao chẳng buông xuống? Chẳng buông xuống, hâm mộ người khác vô dụng! Thật sự thành tựu, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thừa cùng chư vị, họ đời nghiệp vãng sanh, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tuyệt đối chẳng phải là bậc hạ. Vãng sanh mà biết trước lúc ra đi, nhìn thông thường thì rất có thể đều là bậc thượng, thuộc về ba phẩm thượng, tức thượng phẩm thượng sanh, thượng phẩm trung sanh, và thượng phẩm hạ sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Phải buông xuống, triệt để buông xuống, thế gian này là giả, chẳng thật! Nếu là thật, chẳng buông xuống thì cũng còn châm chước được, nhưng nó giả trá! “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng. Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, cần gì phải chấp trước? Chấp trước sẽ nẩy sanh chướng ngại nghiêm trọng đối với chính mình. Chướng ngại gì vậy? Đời này chẳng thể vãng sanh. Nếu đời này chẳng vãng sanh, chắc chắn sẽ luân hồi. Luân hồi thì hoàn toàn bị nghiệp lực làm chủ tể, rất đáng sợ! A! Nay đã hết thời gian rồi! Chúng tôi nói tới đây.

Tập 1561

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ bảy trong phần Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ chín:

(Kinh) Nhược kiến không bát, đương nguyện chúng sanh, kỳ tâm thanh tịnh, không vô phiền não.

(經)若見空鉢。當願眾生。其心清淨。空無煩惱。

(Kinh: Nếu thấy bát trống, nguyện cho chúng sanh, tâm họ thanh tịnh, chẳng có phiền não).

Khất thực không có ai cúng dường thì là “*không bát*” (空鉢, bát trống rỗng). Chuyện này cũng phải nên nói là cũng thường có, hoàn toàn chẳng có gì hiếm lạ. Có lúc cũng xin được đầy bát, có khi xin được đầy bát từ một nhà, có khi phải xin từ vài nhà. Chúng ta biết thưở ấy người xuất gia mỗi ngày chỉ ăn một bữa. Nếu bát trống rỗng, ngày hôm ấy chẳng có gì để ăn. Một ngày không ăn, có sanh phiền não hay chẳng? Chẳng sanh phiền não, nhìn vào lời nguyện của Bồ Tát sẽ biết. Huống hồ là ở trong một Tăng đoàn; [ở trong] Tăng đoàn thì đi khất thực [chỉ được] bát trống rỗng không sao cả. Trở về, người khác xin được nhiều sẽ chia cho quý vị. Nhưng chùa nhỏ, như tại Thái Lan,

Miền Điện, Tư Lý Lan Ca (Sri Lanka) trong hiện thời vẫn hành trì chế độ khát thực, người trong chùa nhỏ chẳng nhiều, quý vị đi khát thực, thật sự là hôm nay không xin được gì, xác thực là ngày hôm nay chẳng có gì ăn! Huống hồ Tiểu Thừa “*luận sự, chẳng luận tâm*”; do đó, họ nghiêm ngặt tuân giữ “*qua khỏi giữa trưa bèn không ăn*” nơi sự tướng. Người Hoa gọi là “*quá Ngọ*” (過午), trên thực tế họ là “*quá trung*” (過中), [tức là] qua khỏi giữa trưa, cũng là như chúng ta nói trong hiện thời là mười hai giờ. Sau mười hai giờ, chắc chắn chẳng ăn gì cả! Họ ăn vào lúc nào? Phải nên từ mười một giờ cho đến mười một giờ rưỡi, chắc chắn là chẳng thể ăn sau giữa trưa. Thời gian nhất định là [dựa theo] thời gian tại địa phương. Chư vị đều biết, mỗi địa phương có giờ giấc khác nhau. Nói cách khác, thời gian giữa trưa ở mỗi nơi đều khác nhau. [Xét theo kinh độ], địa cầu chia thành ba trăm sáu mươi độ, cứ mỗi độ sẽ chênh lệch bốn phút. Vì thế, giờ giấc sai khác nhau.

Từ chuyện này, chúng ta hiểu theo nghĩa mở rộng, sẽ là nghịch cảnh và thuận cảnh, bất luận vì chính mình, hay vì Phật pháp, hay là vì chúng sanh, phát tâm làm một chuyện tốt, chuyện tốt ấy gặp chướng duyên, chẳng làm thành công, [đấy chính là] “*nhược kiến không bát*” (nếu thấy bát trống rỗng). Thực hiện chuyện ấy rất thuận lợi, được rất nhiều người giúp sức, sẽ giống như “*mãn bát*” (滿鉢, bát đầy ắp). Chúng ta xem lời nguyện này, khi thấy bát trống rỗng, “*kỳ tâm thanh tịnh, không vô phiền não*” (cái tâm thanh tịnh, chẳng có phiền não). Điều này hết sức trọng yếu! Quý vị hãy ngẫm xem, nghịch cảnh có phải là cảnh giới ấy hay chẳng? Điều này giống như mấy hôm trước chúng ta đã thấy người ngoại quốc trong lúc sử dụng thôi miên ở mức độ sâu, đã gặp thần linh truyền đạt tin tức, truyền đạt rất nhiều tin tức! Nếu tập hợp lại, sẽ thành một quyển sách lớn. Tuyệt đối chẳng phải là do người ta bịa ra, chẳng phải là ngụy tạo, chuyện ấy là thật! Phạm mọi sự, chỉ cần vì chính mình thì sẽ chẳng thanh tịnh, sẽ có phiền não. Vì sao? Chắc chắn xen tạp lợi hại của cá nhân vào đó, [xen lẫn] sự yêu thích cá nhân vào đó. Nói chung, sẽ là như kinh Hoa Nghiêm đã dạy, xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, [dẫu là] chuyện tốt cũng chẳng thanh tịnh. Nếu quý vị có thể lìa hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, dẫu vì chính mình, tâm vẫn thanh tịnh. Chúng ta phải nhận biết rõ ràng, phải nắm vững điều này!

Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta cương lĩnh tu hành trọng yếu và mục tiêu trọng yếu, mục tiêu là thành Phật. Thành Phật là gì? Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là thành Phật. Vì sao sẽ thành Phật? Vì quý vị vốn đã thành Phật. Người thế gian thường nói “*phản phác quy chân*” (反璞歸真, trở về cái chất phác, chân thật), thành Phật là Chân! Nói cách khác, chẳng thành Phật thì là hư vọng. Từ hư vọng trở về chân thật thì gọi là “*thành Phật*”. Từ ô nhiễm trở về thanh

tịnh thì gọi là “*thành Phật*”. Thành Phật là chuyện đáng nên, vì đây là diện mạo vốn sẵn có của chính mình. Chỉ vì một niệm bất giác mà có vô minh, từ vô minh mới sanh khởi đủ mọi nỗi hư vọng, huyền hóa thành y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Những thứ ấy đều chẳng thật. Giống như người nằm mộng, thành Phật là gì? Từ trong mộng tỉnh giấc, tỉnh giấc bèn gọi là “*thành Phật*”. Khi đang nằm mộng bèn đọa trong mười pháp giới. Quý vị hãy nói xem, thành Phật có trọng yếu hay không? Đây là đã tìm được mục tiêu rõ ràng, xác đáng trong học tập. Chúng ta phải chuyển hư huyền trở về chân thật, chuyển hết thảy ác nghiệp trở về thuần thiện. Vì tự tánh chẳng có ác; do vậy, tự tánh là thuần thiện, đúng như Tam Tự Kinh đã nói “*tánh con người vốn lành*”: “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*”, trở về bốn thiện! Từ ô nhiễm trở về thanh tịnh, từ mê hoặc trở về Chánh Giác, đây đều gọi là “*thành Phật*”. Nếu quý vị không thành Phật, sẽ có phiền não, phải hứng chịu nỗi phiền não ấy, đời đời luân hồi điên đảo hứng chịu đủ mọi đường. Sau khi đã trở về, chẳng có phiền não. Kiến Tu phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não đều đoạn sạch, đây là “*thành Phật*”.

Vì thế, trong nghịch cảnh, người thật sự tu hành chẳng đánh mất cái tâm thanh tịnh. Cái gọi là “*ngịch cảnh*” có mối liên quan gì với chính mình? Nghịch cảnh do đâu mà có? Nếu quý vị chú tâm tư duy, quan sát, [sẽ thấy] chẳng ngoài hai phương diện:

1) Xét theo phương diện chính mình, sẽ là chẳng đoạn tập khí phiền não.

2) Xét theo ngoại duyên thì phước báo hay nghiệp chướng của chúng sanh, thứ nào hiện tiền? Nếu phước báo của chúng sanh hiện tiền, sẽ chẳng có chướng ngại, nhất định là rất thuận lợi, hoàn cảnh bên ngoài tốt đẹp. Nếu chúng sanh chẳng có phước, nghiệp chướng sẽ hiện tiền, quý vị mong thay họ làm một ít chuyện tốt, chướng ngại tăng tăng. Đây là nói về ngoại duyên.

Nói theo bản thân ta thì cũng là do tập khí phiền não của chính mình, quý vị có xen tạp những thứ ấy hay không? Chúng tôi thường nói đến bí quyết niệm Phật, công phu có thể đắc lực hay không là do “*không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*”. Quý vị dùng trường hợp [đi khất thực mà bát trống rỗng] này để phản tỉnh, chúng ta dùng thiện tâm, chẳng vì chính mình, mà vì Chánh Pháp tồn tại lâu dài, vì giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, đó là thuần chánh. Có lúc gặp phải chướng ngại, phải suy nghĩ xem chướng ngại có phải là ở ngay nơi chính mình hay chẳng. [Nếu như] chính mình có hoài nghi, có xen tạp, có gián đoạn, vậy thì quý vị chẳng thể trách móc [hoàn cảnh] bên ngoài được! Đương nhiên là đơn thuần [một phía] chẳng nhiều, tuyệt đại đa số là hai phương diện. [Đã là] cả hai phương diện thì phải nên trước hết hãy kiểm thảo chính mình, sau đây mới quan sát ngoại duyên, cái tâm

sẽ thanh tịnh.

Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng sanh, phải nhớ chẳng phải là một đời. Vì sao? Đời này duyên chẳng chín muồi, đâu chẳng phải là chuyện thuộc phía Phật, Bồ Tát, mà là ngoại duyên, [tức là] do chúng sanh nghiệp chướng nặng nề, phước báo chẳng thể hiện tiền, [đầu] Phật, Bồ Tát có đến, cũng chẳng có cách nào, họ chẳng tiếp nhận. Phật, Bồ Tát có sanh phiền não hay chẳng? Nếu Phật, Bồ Tát vừa sanh phiền não, sẽ ngay lập tức đọa lạc. Phật, Bồ Tát sẽ coi như chẳng có gì, chẳng sao hết, chẳng sanh phiền não, vĩnh viễn gìn giữ cái tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Bồ Tát phát tâm, tâm mới phát, công đức bèn viên mãn, còn sự việc có thể thành tựu hay không là do duyên có đầy đủ hay không? Vì thế, quý vị phải hiểu chư Phật, Bồ Tát, không chỉ là Pháp Thân Bồ Tát, mà ngay cả A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát, các Ngài tu hành, đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức có hiệu quả to hơn chúng ta. To ở chỗ nào? To ở chỗ các Ngài mức độ thấp nhất cũng là đã đoạn Kiến Tư phiền não, chuyện này chúng ta chẳng có cách nào sánh bằng! Chúng ta chẳng đoạn Kiến Tư phiền não!

Nói đến chỗ này, tôi phải lại nhắc nhở các đồng học: Học Phật và Phật học là hai chuyện, chẳng thể nói lẫn lộn được! Theo đuổi Phật học, sẽ chẳng phải là học Phật, học Phật chẳng phải là Phật học. Học Phật thì phải thật sự làm, tức là quyết định khôi phục tự tánh, đây là thật sự học Phật. Hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh, ta phải khôi phục Phật Tánh của ta. Nói theo Nho gia, ta phải khôi phục “*bổn thiện*” của chính mình. Khôi phục bổn thiện, ta sẽ chẳng có một ác niệm. Hễ có một ác niệm, sẽ bắt thiện. Ta qua lại với người khác, chẳng có một câu nào ác miệng. “*Ác miệng*” là gì? Nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, nói lời hung ác, chắc chắn là chẳng có! Quyết định chẳng có ác hạnh. “*Chẳng có ác hạnh*” là nhất định chẳng có giết, trộm, dâm, chẳng có! Nói cách khác, Thập Thiện trọn đủ. Chẳng cần phải học mà xử sự, đãi người tiếp vật, hết thấy động tác đều đúng lý, đúng pháp, có cần học Đệ Tử Quy hay không? Chẳng cần phải học, tự nhiên! Quý vị quan sát, [sẽ thấy] một chữ, một câu [trong Đệ Tử Quy] người ấy đều chẳng vi phạm. Chưa từng học mà thứ gì cũng đều đúng pháp!

Một thí dụ rõ rệt nhất vào thời cô là Huệ Năng đại sư của Thiền Tông. Ngài chưa từng đi học, chẳng hề học, làm tiêu phu dẫn củi. Ở Hoàng Mai sáu tháng, cũng chẳng có ai dạy Ngài. Ngũ Tổ sai Ngài giã gạo, bửa củi trong phòng xay xát, nay chúng ta nói là “*làm công quả*”, Tổ sai Ngài đến làm công quả trong nhà bếp. Ngài là tiêu phu dẫn củi, bán củi; đây là nghề của Ngài. Vì thế, [làm việc] trong nhà bếp. Thuở ấy, công việc chẻ củi để có củi đốt trong bếp được giao cho Ngài. [Lại còn] giã gạo, Ngài làm hai chuyện ấy. Ngài chưa từng học quy củ trong Phật môn, cả đời chưa từng học, [thế mà] thứ gì cũng đều hiểu, bất luận

trong trường hợp nào, Ngài cũng đều chẳng thất lễ, trọn đủ oai nghi. Đây là gì? Tâm chánh, hết thấy đều chánh; tâm tà, hết thấy đều tà. Nếu tâm tà, có học, cũng học chẳng giống. Đó là gì? Giở trò vờ vịt, chẳng thật. Người sáng suốt, người có đạo tâm vừa nhìn bèn thấy thấu suốt.

Do vậy, lão cư sĩ Hạ Liên Cư dạy chúng ta học Phật, cụ nói hai chữ “*thật làm*”. Bản thân tôi học Phật, mới vào Phật môn, thầy tôi là Chương Gia đại sư dạy tôi sáu chữ: “*Nhìn thấu suốt, buông xuống được*”, có cùng ý nghĩa với “*thật làm*” của cụ Hạ. “*Thật sự làm*” thì phải thấy thấu suốt, phải buông xuống. Thấy thấu suốt là gì? Liễu giải chân tướng của pháp thế gian, kinh Phật nói là “*chư pháp Thật Tướng*”, quý vị phải liễu giải. Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, sau khi quý vị đã liễu giải, quý vị mới có thể buông xuống. Không chỉ là tướng thế gian là hư vọng, mà Phật pháp cũng chẳng phải là ngoại lệ. Chấp trước Phật pháp cũng không được. Trong kinh Kim Cang Bát Nhã, đức Phật đã nói hay lắm: “*Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp*”. “*Pháp*” trong câu ấy chính là Phật pháp, có nên chấp trước Phật pháp hay chẳng? Chớ nên! Hễ chấp trước thì sai mất rồi. Vì đức Phật dạy chúng ta buông xuống chấp trước, tuyệt đối chẳng dạy chúng ta buông xuống đối tượng chấp trước.

Người thế gian chấp trước pháp thế gian, chấp trước tánh ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chấp trước những thứ ấy. Người học Phật thì chấp trước kinh điển và giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Sơ học thì phải chấp trước. Chẳng chấp trước, quý vị chẳng có cách nào tu hành, nhưng trong quá trình quý vị tu hành, thiện hữu nhất định sẽ dạy quý vị: “Sau khi đã đạt đến một giai đoạn nào đó, phải buông xuống”. Buông xuống có phải là quý vị chẳng cần tu học nữa hay không? Chẳng phải vậy, cần chứ! “*Buông xuống*” chẳng phải là buông xuống nơi Sự, mà là buông xuống nơi tâm! Trong tâm chẳng có chấp trước, sự vẫn là y hết, nhưng sự sự vô ngại. Tất cả hết thấy chướng ngại ở nơi tâm, chẳng ở nơi Sự. Tâm đã buông xuống, sẽ đắc đại tự tại nơi sự tướng, chớ nên không hiểu đạo lý này! Đối với chuyện tu hành của chúng ta, quý vị nói xem, có chướng ngại hay không? Chẳng có! Người thật sự tu hành, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, [đây là] cảnh giới của kinh Hoa Nghiêm. Vì thế, tôi thường nói, kinh dạy: “*Ngày nào cũng là ngày tốt, giờ nào cũng là giờ tốt*”, tôi ghép thêm hai câu: “*Người nào cũng là người tốt, chuyện nào cũng là chuyện tốt*”. Nếu quý vị hỏi lời ấy có ý nghĩa gì ư? Lời nói ấy có mâu thuẫn hay chẳng? Chẳng có mâu thuẫn! Nếu quý vị liễu giải Thật Tướng của hết thấy các pháp, quý vị sẽ biết là chẳng mâu thuẫn tí nào! Đối với Thật Tướng của các pháp, kinh Bát Nhã đã dạy: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Ngày chẳng thể được, giờ chẳng thể được, người chẳng thể được, sự chẳng thể được, vậy thì làm sao không tốt cho được? Nếu như

trong ấy có thứ nào để có thể được, phiền phức sẽ xảy ra, chắc chắn sẽ sanh phiền não, tâm quý vị còn có thể thanh tịnh được sao? Đây là gì? Đây là thấy thấu suốt!

Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư đã nói rất hay: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang*”. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Hai câu kệ đó nói càng hay hơn: “*Như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế*”. Hai câu này nói hay lắm. Các khoa học gia hiện nay đã phát hiện, hết thấy các pháp trong thế gian có tồn tại hay không? Chẳng tồn tại! Các tướng mà chúng ta trông thấy là tướng tương tục. Chứ còn chân tướng thì chẳng tiếp xúc được! Tốc độ sanh diệt của chân tướng quá nhanh, giống như tia chớp, [kinh nói là] “*như sương, cũng như chớp*”. “*Như sương*”: Giọt sương là tướng tương tục. Tướng tương tục giống như giọt sương, chân tướng giống như tia chớp, trong sát-na sẽ chẳng còn nữa! Đức Phật dùng chuyện này làm tỷ dụ. Có chân tướng hay không? Có chứ! Thời gian tồn tại đúng là một phần ức vạn giây, chúng ta không có cách nào tưởng tượng. Cho đến gần đây nhất, các khoa học gia mới phát hiện, vật chất là “*từ trong Không sanh ra Có*”, thời gian tồn tại hết sức ngắn ngủi, tạm bợ. Những gì chúng ta trông thấy chính là tướng tương tục do vật chất tụ tập lại. Kinh Phật dạy ngàn vạn phần xác đáng, làm sao quý vị có thể coi nó (tướng vật chất tụ tập ấy) là thật cho được? Từ cảnh giới, quý vị quan sát như thế nào? Quan sát cảnh giới bèn hiểu rõ, giác ngộ, sau đấy, hồi quang phản chiếu, quý vị có thể đạt được thứ gì vậy? Rất lỗi lạc, quý vị đạt được là Nhân Không, tức là “không có ngã tướng” như kinh Kim Cang đã nói. Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, quý vị đã khế nhập. Đây là cảnh giới gì vậy? Chánh Giác, tức là cảnh giới của A La Hán và Bích Chi Phật, vượt thoát lục đạo luân hồi.

Thông thường, nếu lục căn của chúng ta dấy khởi tác dụng, phải học theo Quán Thế Âm Bồ Tát. Công phu của Quán Thế Âm Bồ Tát được nói trong kinh Lăng Nghiêm: “*Phản văn văn tự tánh, tánh thành Vô Thượng đạo*” (Xoay cái Nghe để nghe nơi tự tánh, tánh thành Vô Thượng đạo). Quán Âm Bồ Tát dùng Nhĩ Căn Viên Thông. Lục căn là “*thông*”, [nghĩa là] “*một tức là sáu, sáu chính là một*”. Tại có thể “*phản văn*”, mắt có thể “*phản quán*”. “*Phản quán*” chẳng phải là mắt quý vị trông thấy thứ gì bèn quay đầu, chẳng phải là ý nghĩa ấy. Tại “*phản văn*” cũng chẳng phải là đem cái tánh Nghe từ bên ngoài quay về để nghe chính mình, chẳng phải là ý nghĩa ấy. Nếu quý vị hiểu như vậy, tức là đã hoàn toàn chấp tướng, sai mất rồi! Vì sao? Kẻ bình phàm sáu căn đối ứng sáu trần, đó là sai lầm! Công phu của Phật, Bồ Tát là sáu căn đối ứng với sáu tánh, tánh gì vậy? Pháp Tánh. Mở banh mắt

nhìn là Sắc Tánh, đồng tai nghe là Thanh Tánh. Đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sáu căn của các Ngài đều đối ứng với Tánh.

[Các căn của] bọn phàm phu chúng ta đối ứng với các trần: Nhãn Căn thấy Sắc Trần, tai nghe Thanh Trần, mũi ngửi là Hương Trần, cho đến cái được duyên bởi ý là Pháp Trần. Đó là sai lầm, tâm hoàn toàn bị ô nhiễm. Tâm đã bị ô nhiễm, bèn sanh phiền não, chẳng gọi là “*không vô phiền não*” (sạch trơn phiền não), mà là “*hữu sanh phiền não*”. Đây là cảnh giới của lục đạo phàm phu. Bản lãnh của Phật, Bồ Tát là sáu căn của các Ngài chẳng duyên theo sáu trần, mà là duyên theo sáu tánh. Mắt thì do tánh Thấy mà thấy Sắc Tánh, tai do tánh Nghe mà nghe Thanh Tánh, cho đến Ý Căn duyên Pháp Tánh. Đây là minh tâm kiến tánh. Hễ kiến tánh thì cao, kiến tánh là Chánh Đẳng Chánh Giác, còn phải thêm vào Vô Thượng. Kiến tánh là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đây là thật sự tu hành! “*Phàm phu thành Phật ngay trong một niệm*”, trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói [như vậy] rất nhiều. Chúng ta xem nhiều, đọc tụng nhiều, rất quen thuộc, tuy chưa hữu dụng đối với chính mình, nhưng nhất định phải thuận thực. Đã thấu suốt thuận thực, sẽ dần dần hữu dụng. Chẳng thuận thực, sẽ chẳng dùng được!

Nay chúng ta khởi tâm động niệm toàn là rơi vào huyễn tướng, thấy tướng, chẳng thấy tánh; đây là lục đạo phàm phu. Chúng ta chuyên bằng cách nào? Cảnh giới cao như vậy; vì thế, đây là [cảnh giới của] bậc thượng thượng căn. Do đó có thể biết, chúng ta chẳng phải bậc thượng thượng căn. Chẳng phải là bậc thượng thượng căn thì phải nghe theo giáo huấn của Phật, Bồ Tát, [tiến lên] dần dần. Vì sao? Đạo lý ấy chính là sự tu học của bậc nghiên cứu sinh trong Phật giáo, còn trình độ hiện thời của ta là trình độ Tiểu Học trong Phật giáo, ta tuân thủ phương pháp do đức Phật đã dạy cho bậc Tiểu Học. Tuy là Tiểu Học, lý luận và sự tương của nó trực tiếp thông đến viên mãn. Nếu chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, quý vị sẽ hoan hỷ tiếp nhận, nghiêm túc học tập. Nhưng phải hiểu, lục đạo chúng sanh đại khái đều như nhau, từ vô thi kiếp tới nay đã mê mất tự tánh. Do đã mê tánh, đã chuyển biến trí huệ và đức năng trong tự tánh thành vô lượng tập khí phiền não. Tập khí phiền não, đã mê thì là tập khí phiền não, giác thì là trí huệ và đức năng, chẳng có cách nào giác ngộ. Quý vị thấy, hễ khởi tâm động niệm, tập khí phiền não lập tức dậy theo. Chẳng phải là trí huệ và đức năng dậy theo, mà là tập khí phiền não dậy theo, tốc độ quá nhanh, chẳng thể tính toán bằng giây phút được! Đúng là một phần vạn giây, hoặc một phần mười vạn giây, hoặc một phần trăm vạn giây, phải dùng tốc độ ấy để tính toán. Vấn đề này nghiêm trọng lắm!

Vì thế, chúng ta đối với thầy, Thích Ca Mâu Ni Phật là thầy chúng ta, phải có lòng tin đối với thầy, quyết định chẳng hoài nghi.

Thầy dạy dỗ, hãy y giáo phụng hành. Nghiêm túc y giáo phụng hành, chúng ta mới có thể thành tựu. Đoạn trừ thì phải đoạn cho sạch lâu, phải đoạn triệt để. Đức Phật dạy chúng ta làm từ nơi đâu? Làm từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Người biết tu hành có thể lấy những sự tướng được nói trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo làm cương mục để chúng ta sửa đổi, phản tỉnh hằng ngày, giống như cổ nhân đã dùng Công Quá Cách. Quý vị hãy thử xem, dăm ba năm chắc chắn sẽ có hiệu quả. Đối với cương mục tỉ mỉ, có thể dùng bộ Sa Di Luật Nghi Tăng Chú¹⁷ để tham khảo, thật sự tu thì phải nương theo điều này để tu.

Tu sẽ khó khăn! Sửa chữa tật xấu, sửa đổi tập khí thật khó, có phương pháp nào thuận tiện hơn hay chẳng? Nhà Phật thường nói “*tối sơ phương tiện*”, giống như thoát đầu nhập môn, đối với tập khí của chúng ta, có cách nào [đối trị] hay không? Có chứ! Nay chúng tôi đề xướng Đệ Tử Quy của Nho gia, [đấy là] phương tiện tối sơ. Thái Thượng Cảm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn của Đạo gia, đều thuộc về “*tối sơ phương tiện*”. Người hiện thời phải nghiêm túc đổ công dốc sức từ ba năm đến năm năm nơi phương diện này. Chớ nên lìa bỏ kinh Phật, hằng ngày niệm một lượt để ôn tập, vận dụng công phu nơi đâu? Vận dụng công phu nơi cơ sở. Điều này chính là biện pháp [được sử dụng] trong trường tu thực trước kia. Hiện thời chẳng có trường tu thực, không chỉ là các vị chưa từng thấy, mà còn chưa nghe nói nữa kia, sơ sót quá nhiều. Sự dạy học trong trường tu thực là không giảng giải, chỉ dạy đọc, không hề giảng giải, mà dạy quý vị ghi nhớ!

Môn học trọng yếu nhất trong cách dạy học của trường tu thực là đức hạnh và ngôn ngữ, dạy hai thứ ấy. Khổng lão phu tử dạy học gồm có bốn khoa mục: Đức hạnh, ngôn ngữ, chánh sự và văn học. Chánh sự và văn học được dạy trong trường Thái Học. Vì thế, trường Tiểu Học, trường tu thực xưa kia thuộc về Tiểu Học, Tiểu Học không dạy chánh sự và văn học, chẳng nói đến những môn ấy. Trong Tiểu Học (tức là trong trường tu thực) dạy đức hạnh. Thầy là tấm gương cho học trò. Nói năng, cử chỉ [đều là gương mẫu]. Nói cách khác, thật sự thực hiện Đệ Tử Quy và Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Thực hành Đệ Tử Quy thì đương nhiên là chúng ta chẳng có nghi vấn, vì sao Thái Thượng Cảm Ứng Thiên cũng thi hành? Phải biết, tại Trung Hoa vào hai triều đại Minh và Thanh, người đọc sách đều thích dùng Công Quá Cách để tu tâm, Phật môn thường nói là “*đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức*”. Những điều mục trong Công Quá Cách xuất phát từ Cảm Ứng Thiên.

¹⁷ Tác phẩm này có tên gọi đầy đủ là Sa Di Luật Nghi Yếu Lược Tăng Chú của luật sư Hoảng Tán tại Đảnh Hồ Sơn chú giải cho phần Yếu Lược do tổ Vân Thê Liên Trì biên soạn.

Nếu chẳng phải là từ Cấm Ứng Thiên, thì sẽ là từ Âm Chất Văn. Nội dung của Âm Chất Văn và Cấm Ứng Thiên không sai khác cho mấy!

Trước kia, người đọc sách thích kết xã, [tức là kết] Văn Xương Xã. Văn Xương Xã chính là nương theo Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, hoặc nương theo Thái Thượng Cấm Ứng Thiên, dùng những thứ này để hằng ngày kiểm điểm công và lỗi của chính mình: Ngày hôm nay từ sáng đến tối, ta khởi tâm động niệm, đãi người tiếp vật, điều nào là đúng, điều nào là trật. Xác thực là rất thực tiễn, một ngày cũng chớ nên xem nhẹ, bỏ sót. Vì vậy, thành tựu đức hạnh. Đức hạnh thành tựu, trong tương lai có thể đạt được công danh hay không? Thừa cùng chư vị, đó là chuyện khác, nhưng trong quá khứ, tổ sư đại đức thường nói: “*Công danh, phú quý có mạng, luân lý, đạo đức là sự tu dưỡng cá nhân*”. Công danh và phú quý là số mạng. Chúng ta thấy tiên sinh Liễu Phàm, thấy tiên sinh Du Tịnh Ý, hai vị ấy tu dưỡng đạo đức, đến cuối cùng, công danh lẫn lợi lộc đều đạt được. Vận mạng đã chuyển biến. Đây là do nguyên nhân gì? Phật pháp đã dạy rất rõ ràng, nguyên nhân chính là bố thí.

Các vị hãy xem, sau khi họ đã thành tựu, bèn rộng tu bố thí. Phàm là những chuyện lợi ích cho người khác, lợi ích xã hội, sẽ hết sức nhiệt tâm thực hiện! Nói theo Phật pháp thì là “*pháp duyên*”, còn người thế gian thì nói là sau khi đã học thành công, sẽ có thể vượt trội người khác hay không, phải cậy vào duyên phận. Nhà Phật nói là “*dựa vào duyên phận*”. Nếu quý vị biết rộng kết thiện duyên, ngoại duyên sẽ trọn đủ. Quý vị thấy đức Phật dạy chúng ta: “*Thí tài được của cải; thí pháp được thông minh, trí huệ; thí vô úy sẽ được khỏe mạnh, sống lâu*”. Đây là hành Bồ Tát đạo. Nếu đức hạnh của chính mình thành tựu, chẳng thích kết duyên với người khác, bớt lo, bớt việc, ta tự mình thọ dụng là được rồi. Nói theo Phật pháp thì là “*đã biến thành Tiểu Thừa, chỉ mong tốt lành cho riêng mình, chẳng thể khiến cho thiên hạ cùng thiện*”, có thể làm chuyện “*tốt lành riêng mình*” [mà thôi]!

“*Tốt lành cho riêng mình*” cũng hoàn toàn chẳng phải là thật sự không thể giúp người khác! Đó là gì? Hữu duyên, chẳng phải là chủ động giúp đỡ người khác, [mà là] bị động! Người ta đến tìm người ấy, có lúc người ấy cự tuyệt, có khi chẳng cự tuyệt, chẳng phải là chủ động. Chủ động thì trông thấy người khác có khó khăn, có đau khổ, sẽ chủ động giúp đỡ, chẳng cần người ta tìm đến. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ nói Đại Thừa Bồ Tát làm “*bạn chẳng thỉnh*” của hết thấy chúng sanh. Họ chẳng thỉnh quý vị, quý vị cũng làm. Thậm chí khá nhiều chương ngại, khá nhiều khó khăn, người ấy luôn nghĩ trọn mọi phương pháp để vẫn làm, hạ người ấy là Bồ Tát. Bất luận người ấy làm như thế nào, chắc chắn chẳng đánh mất cái tâm thanh tịnh. Chẳng đánh mất cái tâm thanh tịnh, chắc chắn chẳng sanh phiền não. Quý vị bèn hiểu trong ấy,

người đó chẳng có chính mình. Chẳng có chính mình, chính mình chẳng có phiền não, người ấy cũng chẳng có chúng sanh. Vô ngã tướng, vô nhân tướng; do đó, người ấy đối với hết thảy chúng sanh cũng chẳng sanh phiền não. Chúng sanh làm thiện hay làm ác, người ấy đều thấy là không tịch, tức là “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Vì thế, người ấy chẳng sanh phiền não, chẳng sanh ô nhiễm, thành tựu viên mãn công đức trong nghịch cảnh. Chúng ta học bài kệ này tới đây.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ thứ mười tiếp theo:

(Kinh) Nhược kiến mãn bát, đương nguyện chúng sanh, cụ túc thành mãn, nhất thiết thiện pháp.

(經)若見滿鉢。當願眾生。具足成滿。一切善法。

(Kinh: Nếu thấy bát đầy, nguyện cho chúng sanh, đầy đủ viên thành hết thảy thiện pháp).

Khất thực xin được “*mãn bát*” (滿鉢, bát đầy ắp), những kẻ bình phàm sẽ sanh tâm hoan hỷ. Nhất là bát cơm ấy rất ngon miệng, rất hợp khẩu vị của chính mình, tự nhiên sẽ sanh tâm hoan hỷ. Nếu chẳng xin được, trong tâm đầy phiền não, hoặc là bát cơm xin được ấy rất khó nuốt, chẳng hợp với khẩu vị của chính mình, trong tâm sẽ khó chịu đôi chút. Đây là cái tâm thông thường. Phải biết tuy đây là chuyện rất nhỏ, lũ bình phàm chúng ta thường nói là “*vật vãnh, chẳng đáng kể*”, nhưng quả báo chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta phải luôn ghi nhớ tấm gương người bạn học của ngài An Thế Cao. Chuyện này được chép trong bộ Cao Tăng Truyện, trong phần truyện ký về ngài An Thế Cao. Một đồng tham đạo hữu của Ngài cũng rất dụng công. Truyện ký An Thế Cao chép người ấy thông hiểu kinh điển, ưa bố thí, học kinh giáo rất khá, thông đạt. Đã hiểu rõ, thông đạt, quý vị thấy người ấy rất khó có. Nhưng hằng ngày đi khất thực, hễ được đầy bát, ăn ngon, sẽ rất vui sướng. Nếu chẳng xin được, bát trống rỗng, hoặc trong bát chứa những món không hợp khẩu vị, trong tâm người ấy khó chịu. Do một tí tí phiền não dường ấy mà đọa trong súc sanh đạo, lũ bình phàm chúng ta nói là “*đọa trong thân đạo*”.

Vị thần ấy đến Trung Hoa. Long vương hồ Cung Đình là bạn đồng học trong đời quá khứ của ngài An Thế Cao. Vì thế, ngài An Thế Cao đã nói rõ vì sao người ấy bị đọa lạc trong thân đạo. Thân thể người ấy là măng xà, tức là một con rắn to, làm thân rắn. Khi làm long vương, miếu thờ long vương nhang đèn tấp nập, cả một ngàn dặm quanh vùng đều đến lễ bái, đều đến thắp hương cúng dường. Vì sao? Trong đời quá

khứ, [người ấy] thích bỏ thí, [cho nên đời này] phước báo to lớn. Người ấy thông hiểu kinh, cho nên [vị long vương ấy] có linh nghiệm. Do vậy có thể biết, chúng ta hiểu rõ, nguyên lai là khá nhiều vị thần linh trong thế gian toàn là bậc đại tu hành. Vì sao bị đọa lạc làm thần linh, chẳng thể thành chánh quả? Nguyên nhân là do chẳng đoạn tập khí phiền não, ta mới biết tập khí đáng sợ lắm! Nhất định phải dưỡng thành [tâm niệm] “bát rỗng chẳng sanh phiền não, chẳng oán hận, chớ nên trách móc người khác”. Ta hằng ngày hiểu kinh, chuộng thí, hôm nay đi khát thực, chẳng xin được bát cơm nào, trong tâm khó chịu đôi chút; do một tí khó chịu ấy, sẽ đọa lạc trong thần đạo, sẽ chướng ngại quý vị thành chánh quả. Quý vị nói xem, có đáng sợ lắm hay không? Nếu như oán hận nghiêm trọng, oán trời hờn người, còn chẳng sanh vào thần đạo được, thật sự đọa lạc trong quỷ đạo, đọa lạc trong địa ngục đạo. Tâm sân hận nặng nề bèn đọa vào địa ngục đạo. Do đó, học Phật chẳng dễ dàng!

Quán Đảnh đại sư, vị này là người sống vào thời Càn Long nhà Thanh, Ngài chú giải Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương. Trong quá khứ, chúng tôi học tập, giảng giải, đều dùng bản chú giải của Ngài. Cuối bản chú giải ấy, Ngài đã nói một trăm loại quả báo khác nhau do học Phật. Câu đầu tiên là người học Phật đọa vào địa ngục A Tỳ. Thuở ấy, tôi học tập môn công khóa ấy, thấy một trăm loại quả báo ấy, thứ nhất là đọa A Tỳ địa ngục, tôi nghi hoặc: “Người học Phật đâu chẳng học tốt đẹp, cũng chẳng đến nỗi đọa địa ngục chớ?” Tôi thỉnh giáo thầy về chuyện này. Thầy Lý nghe tôi nêu câu hỏi, bảo: “Câu hỏi ấy hay lắm, nhưng tôi không giảng riêng cho anh. Khi tôi giảng kinh, sẽ nói với mọi người”. Sau đây, chúng tôi mới thật sự hiểu rõ: Chính là vì người học Phật chẳng đoạn tâm sân hận. Nghiệp nhân đọa địa ngục đạo là sân khuê, chẳng phải là do học Phật. Khát thực chỉ được bát rỗng, tâm sân khuê sanh khởi, vẫn là đọa địa ngục. Nếu trách móc Phật, Bồ Tát chẳng gia trì, thần hộ pháp chẳng che chở quý vị, vậy là đọa A Tỳ địa ngục, càng phiền phức, phải hiểu điều này. Vì thế, thật sự học Phật chẳng có chi khác, nhất định phải biết đoạn phiền não thì mới là thật sự học Phật, phải đoạn tập khí.

Bát đầy đương nhiên là hoan hỷ, hoan hỷ cũng không được. Hoan hỷ là tâm tham. Vì thế, khi khát thực, bát luận xin được thực phẩm như thế nào, bát luận là bát trống rỗng hay bát đầy, phải sanh tâm bình đẳng, phải sanh tâm từ bi. Đại Bồ Đề tâm sanh từ nơi nào? Ở ngay chỗ này, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, phải dùng cái tâm như vậy để đi khát thực. Nay chúng ta không khát thực, phải dùng cái tâm ấy để xử sự, đãi người tiếp vật, “*cụ túc thành mãn, nhất thiết thiện pháp*” (tròn đầy thành tựu viên mãn hết thảy các pháp lành). “Thành” (成) là thành tựu, “mãn” (滿) là viên mãn. Vì thế, đầy bát là

năng lực của chính chúng ta. Nếu chính mình có tài lực, tài mới là “đầy bát”. Nếu chính mình có trí huệ, có năng lực, pháp đầy đủ, pháp sẽ “đầy bát”. Nếu chính mình có thể giúp người khác giải quyết khó khăn, đây là thí Vô Úy, quý vị sẽ đạt được quả báo là của cải, trí huệ, khỏe mạnh, sống lâu. Quý vị ba thứ đều thí, sẽ đạt được ba thứ quả báo. Dùng cái tâm thanh tịnh để thí, quả báo sẽ chẳng thể nghĩ bàn!

Trong thế gian, người khổ nạn hết sức nhiều, người bần cùng đông lắm, cái họ cần là áo cơm. Mà người thế gian kẻ phú quý cũng chẳng ít, cái họ cần là trí huệ. Chẳng có trí huệ, tuy phú quý, hưởng phước, nhưng chẳng biết tu phước, hưởng hết phước rồi, đời sau bần cùng. Kẻ ấy chẳng biết có đời sau; vì thế, hãy nên dùng đủ mọi phương tiện thiện xảo nhằm truyền đạt tin tức ấy cho kẻ đó: “Con người chắc chắn có đời sau”. Trung Hoa lẫn ngoại quốc đều có khá nhiều ghi chép, chẳng phải là bịa đặt, toàn là ghi chép những sự thật muôn ngàn phần xác đáng. Người xem nhiều, đọc nhiều, lại chú tâm tư duy, tìm bằng chứng từ những chuyện chính mình đã từng trải trong một đời này, cũng có thể chứng thực: “Xác thực là có đời trước!”

Ở nước ngoài, tôi đã đi qua rất nhiều nơi. Có những nơi xác thực là trong quá khứ chưa hề đi qua, nhưng đến nơi đó, cảm thấy hoàn cảnh ở chỗ ấy rất quen thuộc, chẳng xa lạ tí nào! Tôi cũng đã từng hỏi một số đồng học: “Các vị có cảm xúc ấy hay không?” Có chứ! Đã thế, tôi còn gặp một người còn cảm nhận rõ rệt hơn tôi! Trước kia, tôi ở Đạp Lạp Tư (Dallas), Hoa Kỳ; thuở ấy, hội trưởng hội Phật giáo là Thái cư sĩ. Ông kể cho tôi nghe một chuyện: Lần đầu tiên ông ta đến Mỹ, ở Cựu Kim Sơn (San Francisco), mấy người bạn dẫn ông đi chơi. Do lần đầu tiên đến Mỹ, nói chung là những chỗ nổi tiếng họ đều dẫn ông ta đến chơi. Khi trở về, bị lạc đường: Hễ ra lộn exit của xa lộ Mỹ sẽ rất phiền phức, bị lạc đường. Kết quả là chiếc xe ấy chạy vào một thị trấn nhỏ, bỗng dưng ông Thái cảm thấy tiểu trấn ấy rất thân thuộc, liền nói với những người bạn ngồi cùng xe: “Nơi này tôi rất quen thuộc, nhưng suốt đời này trước nay tôi chưa hề tới đây!” Ông ta bảo vị đồng tu lái xe: “Anh lái theo con đường nào để vào, trên con đường ấy sẽ có kiến trúc chi đó”. Kết quả là lái đến nơi ấy, quả nhiên là như thế!

Đã rất nhiều năm, ông ta chẳng có cách nào giải thích vấn đề ấy, vì sao có tình hình đó? Về sau, tôi giảng kinh tại Đạp Lạp Tư, ông ta gặp tôi. Tôi hỏi bọn họ: “Mọi người có kinh nghiệm ấy hay không?” Ông ta liền kể ra, tôi nói: “Chắc chắn là trong đời quá khứ, ông đã ở thôn nhỏ ấy một khoảng thời gian rất dài, nên mới có thể quen thuộc đường ấy”. Ông ta ngẫm nghĩ: “Có thể lắm chứ!” Có thể là thoát đầu, Cựu Kim Sơn có mỏ vàng, cũng rất có thể họ là công nhân khai thác vàng, đời này lại sanh trong nhân gian. Kinh doanh cũng khá lắm, có thành tựu kha khá, ở tại Mỹ, có duyên với nước Mỹ! Vì thế, tôi nói:

“Ông đến Mỹ chẳng phải là trong một đời này, trong đời quá khứ đã từng ở Mỹ”. Đây là một trường hợp đặc thù, nghiêm nhiên ngay cả các kiến trúc trên đường phố mà ông ta đều có thể nói được! Do vậy có thể biết, kinh nghiệm ấy của ông ta rất gần, có thể là ngay trong đời trước, chẳng phải là cách mấy đời. Đã cách mấy đời, sẽ không thể có ký ức tươi mới như vậy được!

Đối với những tình hình giống như vậy, bên ngoại quốc đã dùng đủ mọi phương pháp khoa học để làm thí nghiệm, ghi chép thành rất nhiều hồ sơ, chứng tỏ con người xác thực là có đời trước, có đời sau. Người Trung Hoa đã nói đến chuyện này quá nhiều. Trong chánh sử còn ghi chép rất nhiều! Thời đầu Dân Quốc, có những vị đại đức cư sĩ, hình như là ông Nhiếp Vân Đài đã trích lục từ Nhị Thập Tứ Sử biên soạn thành một quyển sách, [có tựa đề là] Lịch Sử Cảm Ứng Thống Ký, tức là những chuyện về đời trước và đời sau đã được ghi chép trong chánh sử. Có thể biết những chuyện ấy chẳng phải là hư cấu. Biết chuyện này, chúng ta hãy nên coi trọng chuyện tu tập cho đời sau. Không chỉ là một đời này, mà còn phải nghĩ đến đời kế, đời sau đó. Từ chỗ này, cũng chứng minh chuyện luân hồi như đã nói trong Bà La Môn giáo và Phật giáo. Hiện thời, ngay cả khá nhiều vị học giả phương Tây cũng đều khẳng định: Thật sự có chuyện này!

Luân hồi khổ sở, đúng thế! Phật pháp đã hình dung rất hay, “*sanh tử bì lao*” (sinh tử nhọc nhằn), đời này sang đời khác, vĩnh viễn chẳng ngưng ngớt! Đời nọ sang đời kia làm chuyện gì? Chẳng có chi khác, oan oan tương báo, càng báo càng tàn khốc. Chúng ta đã thấy sự tàn sát trong chiến tranh qua cuộc Đệ Nhị Thế Chiến, tàn sát với quy mô rộng lớn, tàn sát hết sức tàn nhẫn, do nguyên nhân gì vậy? Quả báo của sự sát sanh! Quý vị chẳng có nghiệp nhân ấy, sát nhân mà vương trông thấy quý vị cũng chẳng dấy lên ý niệm muốn hại quý vị. Vô duyên vô cớ bị kẻ khác giết chết; đã thế, phương pháp giết người hết sức tàn khốc, thấy đều là có tiền nhân hậu quả. Đúng như ông Khải Tây (Edgar Cayce) của Mỹ đã nói, ông ta nói: “Tất cả hết thấy mọi người trong thế gian này, những chuyện gặp gỡ trong một đời, chắc chắn chẳng có chuyện nào là đột nhiên (tức là chẳng có nhân)”. Ông ta nói chắc chắn chẳng có chuyện ấy. Bất luận chuyện lớn, việc bé, thuận cảnh hay nghịch cảnh, thấy đều liên quan với cái nhân trong đời trước. Đời trước quý vị đã tu cái nhân lành, trong đời này lại tu thiện duyên, đời này quý vị sẽ là “*cụ túc thành mãn, nhất thiết thiện pháp*” (trọn đủ thành tựu viên mãn hết thấy các pháp lành). Trong đời quá khứ đã gieo cái nhân bất thiện, đời này lại có cái duyên bất thiện, chắc chắn là sẽ có tai họa, chẳng có cách nào tránh né!

Giáo huấn của thánh hiền dạy điều gì? Giáo huấn của thánh hiền chẳng thể thay đổi nghiệp nhân của quý vị, nhưng có thể giúp đỡ quý vị

thay đổi nghiệp duyên trong hiện tiền. Vì thế, nhà Phật chẳng nói “*nhân sanh*”, mà nói là “*duyên sanh*”. Nhân chẳng gặp duyên, sẽ không dấy lên hiện hành. Có nghĩa là nó sẽ chẳng kết quả, mà cũng chẳng khởi tác dụng. Nếu nhân gặp duyên, quả báo sẽ hiện tiền. Vì lẽ đó, đức Phật dạy chúng ta: Nghiệp nhân đã tạo trong đời quá khứ chẳng thể đoạn được. Chỉ có trong đời này, chúng ta mong cầu thiện quả, vậy thì đời này, quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác điều gì cũng đều phải thiện. Thiện nhân trong đời quá khứ gặp được thiện duyên, thiện quả bèn hiện tiền. Đức Phật dạy chúng ta điều này. Thật vậy, chúng ta chú tâm suy nghĩ, như lý, như pháp. Đương nhiên là trong A Lại Da Thức của chúng ta, A Lại Da Thức giống như cái kho. Đức Phật đã nói rất hay, [trong cái kho ấy], chủng tử của mười pháp giới đều có, thứ gì cũng chẳng thiếu! Thật đấy! Chủng tử nào sẽ dấy lên hiện hành phải tùy thuộc nơi duyên, điều này rất quan trọng! Nếu chúng ta mong thành Phật trong đời này, vậy thì quý vị phải nghiêm túc nỗ lực thành tựu cái duyên thành Phật! Duyên thành Phật là như thế nào? Trong kinh giáo đã nói rất hay, “*niệm Phật thành Phật*”. Vì thế, quý vị thật sự mong thành Phật, hãy buông xuống vạn duyên, trong mười hai thời chấp trì danh hiệu A Di Đà Phật, khẳng định quý vị sẽ thành Phật ngay trong đời này. Vậy thì quý vị bèn hiểu công đức bậc nhất trong đời này là gì, mở Niệm Phật Đường là công đức bậc nhất! Lời dạy của Ấn Quang đại sư chắc chắn là chân thật, Niệm Phật Đường có bao nhiêu người tu? Chẳng cần nhiều! Hai mươi người, hai mươi người sẽ là hai mươi vị Phật, lỗi lạc thay! Nếu quý vị có thể thông hiểu, có thể hộ trì, hộ trì hai mươi người ấy vãng sanh, quý vị hãy nói xem: Chính quý vị có thể vãng sanh hay chẳng? Chắc chắn vãng sanh! Nếu quý vị muốn thành Bồ Tát, phải rộng hành Lục Độ. Lục Độ, Tứ Nhiếp là Bồ Tát.

Người niệm Phật phải trọn đủ đại Bồ Đề tâm, chớ nên hiểu lầm điều này, vì Tịnh Tông là Đại Thừa, chẳng phải là Tiểu Thừa. Nguyên thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện bảo quý vị niệm Phật, “*mười niệm ắt được sanh*”. Nguyên thứ mười chín là “*phát Bồ Đề tâm*”, kinh Vô Lượng Thọ đã dạy minh bạch: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. “*Nhất hướng chuyên niệm*” là nguyện thứ mười tám, “*phát Bồ Đề tâm*” là nguyện thứ mười chín. Quý vị chẳng phát đại Bồ Đề tâm, quý vị niệm câu Phật hiệu này suốt đời, chưa chắc đã có thể vãng sanh. Tuy có công phu, công phu niệm Phật đến nơi đến chốn, nhưng tâm chẳng tương ứng, tức là tâm nguyện chẳng tương ứng, sẽ có thể tạo thành chướng ngại. Có người niệm một câu Phật hiệu đến cùng, dường như cũng chưa hề làm chuyện gì lợi ích chúng sanh, vì sao người ấy có thể vãng sanh? Phải hiểu là duyên của người ấy chẳng đủ, nói theo chính mình thì là chẳng có cơ sở kinh giáo, cho nên chẳng thể làm chuyện hồng pháp lợi sanh, giảng kinh, thuyết pháp. Nói từ bề

ngoài, sẽ là người ấy chẳng có duyên phận ấy, chẳng có pháp duyên, mọi người hoàn toàn chẳng tôn trọng kẻ ấy, cũng chẳng nghe lời. Đây là không có pháp duyên.

Điều then chốt trong hoằng pháp là tôn sư trọng đạo. Họ chẳng tôn trọng quý vị, họ sẽ chẳng đạt được gì. Đây là như tổ Ấn Quang thường bảo: “*Một phần cung kính được một phần lợi ích, mười phần cung kính được mười phần lợi ích*”. Người ấy theo học với quý vị, suốt năm ở cùng một chỗ với quý vị, nhưng chẳng sanh tâm cung kính, lợi ích gì người ấy cũng đều chẳng đạt được! Hiện thời, chúng ta dùng Internet, dùng truyền hình vệ tinh, chẳng ở trước mặt, nhưng mỗi ngày học tập qua Internet, hoặc bằng vệ tinh, thật sự có tâm cung kính, sẽ đạt được lợi ích giống y hệt. Tâm cung kính được biểu lộ bằng gì? Biểu lộ thành quý vị trọng đạo! Quý vị trọng đạo, nhất định sẽ tôn sư; người tôn sư chắc chắn sẽ trọng đạo. Quý vị xem trọng chuyện này, sẽ rất nghiêm túc nỗ lực học tập. Chuyện là như vậy đó, chớ nên không biết chuyện này!

Vì vậy, đối nội, chúng ta có năng lực ấy, tức là có năng lực giáo học. Bên ngoài lại có duyên phận này, quý vị chẳng thể “tốt lành cho riêng mình”, nhất định phải khiến cho thiên hạ đều được thiện. Nếu bên ngoài chẳng có duyên, “có thể tốt lành cho riêng mình”; sau khi đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn thừa nguyện tái lai, vậy thì được, nói hợp lý! Nếu quý vị đã có năng lực ấy, lại có duyên phận này, quý vị vẫn mong “tốt lành cho riêng mình”, gạt các chúng sanh khổ nạn sang một bên, chính mình ra đi trước, người thế gian nói là “sao quý vị nhẫn tâm đến thế?” Sẽ chẳng nói cho suông tai được! Vì thế, đây là “*cụ túc thành mãn*” (trọn đủ thành tựu viên mãn), “*cụ túc*” (具足) là nói đến điều kiện của quý vị. Điều kiện trong và ngoài thầy đều trọn đủ, vậy thì quý vị hãy suy xét giúp cho Chánh Pháp tồn tại lâu dài, bồ thí Phật pháp cho chúng sanh, [đấy chính là] Pháp Bồ Thí.

[Đi kèm theo] Pháp Bồ Thí, lại có một nhóm các đồng học chí đồng đạo hợp hiệp trợ thực hiện Tài Bồ Thí, sẽ càng viên mãn. Dạy học từ xa, một mình tôi làm chẳng được. Vệ tinh, Internet đều cần đến tài lực; tôi chỉ có năng lực giới thiệu kinh giáo với mọi người. Trong ấy, quá nửa là báo cáo tâm đắc học tập của chính mình. Có nhiều người bỏ tiền, bỏ sức như vậy, khuếch đại và thúc đẩy rộng rãi hiệu quả giáo học. Nói cách khác, chúng ta càng cần phải làm chuyện này, chẳng thể lơ lửng một ngày nào! Vì thế, tiết Đoan Ngọ có người hỏi tôi: “Thưa pháp sư, hôm nay thầy có nghỉ hay không?” Tôi nói: “Chẳng có! Tết Nguyên Đán cũng không nghỉ, Ba Mươi tháng Chạp, mừng Một tháng Giêng, chúng tôi đều theo đúng thường lệ giảng kinh. Nếu chẳng giảng kinh, sẽ có lỗi đối với chúng sanh, có lỗi với Phật, Bồ Tát, có lỗi với các đồng học đã bỏ tiền bỏ sức nhiều ngàn ấy!”

Hiện thời, có lúc phải ngưng lại, ngưng vài ngày là do có nguyên nhân đặc thù. Hiện thời, các đồng học đều hiểu nguyên nhân này. Xã hội trên toàn thế giới rất loạn, người sống trên địa cầu sanh mạng và tài sản chẳng bảo đảm, đúng là sống trong lo âu, kinh sợ, quý vị nói xem, có khổ lắm hay không! Vì thế, người trên cả thế giới trong hiện thời, ai mà chẳng hy vọng an định, hòa bình, ai chẳng mong gia đình, đoàn thể, công ty, hãng xưởng, cửa hiệu, xã hội của chúng ta, ai nấy đều có thể cư xử hòa thuận, tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, như thế thì tốt lắm! Đúng là toàn thể loài người đang tha thiết mong cầu. Trên thế giới, thật sự có rất nhiều học giả, chuyên gia, chí sĩ, người có lòng nhân, đều dốc sức nơi công tác này. Có cơ duyên, họ tìm đến tôi, mong tôi dốc trọn một chút tâm lực giúp đỡ họ. Đây là vì toàn thể thế giới cầu nguyện hòa bình. Do vậy, vì chuyện này, tôi chẳng thể không ngưng bộ kinh này lại vài hôm; đây là đại sự. Chẳng phải vì chuyện này, sẽ chẳng biếng nhác ngưng giảng kinh, chớ vị phải hiểu điều này.

Trên cả thế giới trong hiện thời, hết thấy thiện pháp là gì? Giảng kinh, giáo học là hết thấy thiện pháp chân chánh, là hết thấy thiện pháp rốt ráo viên mãn. Chúng tôi tham gia những hội nghị hòa bình quốc tế chính là hết thấy các thiện pháp, nhưng chưa chắc đã có thể thực hiện, chưa chắc có thể thâm được hiệu quả thật sự. Vì sao vẫn tham dự? Hy vọng mọi người do một bầu nhiệt tâm, nguyện vọng, sẽ thật sự có thể thực hiện được! Phương pháp thực hiện mà chỉ dựa vào hội nghị sẽ vô dụng. Liên Hiệp Quốc đã mở hội nghị hơn ba mươi năm. Do vậy, muốn thật sự thực hiện xã hội hài hòa, thế giới hài hòa, ngoại trừ việc học tập biện pháp mở lớp dạy học của cô thánh tiên hiền, nói thật ra, chẳng tìm thấy biện pháp thứ hai! Nay chúng tôi sử dụng phương thức ấy ở đây, cũng mở lớp dạy học, lớp này là lớp học về Hoa Nghiêm. Trong đời này, chúng tôi cũng đã mở tới thiếu một, hai trăm khóa học. Chỗ chúng tôi dạy học cũng khoảng chừng một, hai trăm nơi, chẳng cố định, thường xuyên biến động, đúng là “nơi đâu có duyên bèn đến nơi đó”; chẳng phải là chúng tôi nghĩ đến chỗ nào bèn đến chỗ đó. Hễ duyên không đủ, chẳng có cách nào hết, phải là nhân duyên đầy đủ, chúng tôi chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước.

Vì lẽ này, có khá nhiều nơi trong nước mờ mịt, đều là hết sức thành khẩn, tôi cũng rất cảm kích. Có thể đi hay không? Duyên chẳng đầy đủ! Nếu quý vị hỏi vì sao duyên chẳng trọn đủ ư? Nay chúng tôi giảng kinh, duyên quan trọng nhất là một phòng thu hình, truyền bá trực tiếp ngay tại chỗ bằng Internet, toàn thể thế giới đều có thể thâm lấy để xem. Đó là duyên! Chẳng có những thiết bị ấy, tôi đến đó để giảng, chỉ có mấy vị đồng học hiện diện tại chỗ, chẳng có cách nào truyền bá những thứ chúng ta đang học đến toàn thể thế giới. Chớ vị phải hiểu điều này!

Các đồng tu ở ngoại quốc có điều kiện này. Còn có vài nơi ở nước Mỹ đến tìm tôi, họ nói: “Thưa pháp sư, chúng con sẽ xây phòng thâu hình cho thầy. Thầy có thể qua đó hay không?” Tôi nói: “Không cần xây dựng”. Họ hỏi vì sao? “Tôi chẳng thể ở quanh năm tại Mỹ. Nếu tôi suốt năm ở tại đó thì quý vị xây dựng [phòng thâu hình] sẽ hữu dụng. Tôi chẳng phải là ở đó suốt năm. Nếu mỗi năm tôi đến đó ở một, hai tuần, hoặc nửa tháng, những thời gian khác bỏ không, để trở ra đó, máy móc chẳng thể không sử dụng trong một thời gian dài. Không sử dụng trong một thời gian dài, chúng sẽ hư hoại. Vì thế, làm như vậy quá sức lãng phí! Nói cách khác, đâu sao là thấy hình ảnh trên TV mà thôi. Tôi giảng ở nơi đây, quý vị ở bên đó tiếp sóng để xem, sẽ giống y hệt, cần gì phải tốn kém tiền như thế để sắm sửa thiết bị, nhân lực lẫn vật lực đều phải lãng phí rất nhiều”. Do vậy, trong hiện thời, dùng thiết bị khoa học kỹ thuật cao cấp, chúng ta đã đột phá thời gian và không gian. Đây là một phương pháp rất tốt! Tuy cá nhân tôi không ở bên đó, nhưng mỗi ngày quý vị mở TV bèn gặp mặt hàng ngày, chẳng cần chấp trước bản thân tôi nhất định phải sang bên đó, đừng nên chấp trước chuyện này! Học Phật thì phải học sao cho tự tại, phải học sao cho thông dong, nhẹ nhàng, phải buông xuống phân biệt, chấp trước. Được như vậy, mọi người sẽ cùng trọn đủ thành tựu viên mãn hết thảy các pháp lành; đây là chuyện tốt đẹp!

Hoàn cảnh cư trú của Hương Cảng đúng là hết sức vất vả, nhưng trên thế giới, nó cũng là một đại đô thị. Vì thế, giảng ở nơi đây cũng rất thuận tiện. Ở nơi đây, chúng ta có mạng Internet phát hình đồng bộ. Thâu hình thì sau đó phải trải qua giai đoạn hậu chế tác. Hậu chế tác là đánh phụ đề (caption) vào. Sau khi đã đánh [phụ đề] xong, chúng ta phát sóng ngay bằng vệ tinh. Tiếp sóng vệ tinh hết sức thuận tiện, chỉ cần gắn ăng-ten là có thể nhận sóng, một ăng-ten cỡ nhỏ là đủ rồi. Hiện thời, có năm vệ tinh phủ trùm toàn cầu, chỗ nào cũng đều có thể xem được, giống như “mãn bát” đang nói ở đây. Trong thời đại hiện tại, dùng phương pháp này để truyền bá rộng rãi giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật trên khắp thế giới, chẳng cần đạo tràng!

Chúng ta phải nhớ đức Thế Tôn đã vì chúng ta thị hiện: Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, suốt đời chẳng có đạo tràng. Chẳng có đạo tràng, sẽ chẳng lo âu, chẳng vương mắc, chẳng có những chuyện phải quản lý sự vụ hàng ngày, chẳng hề có! Đạo tràng của lão nhân gia là núi rừng, hoặc dưới cội cây, thuận theo hoàn cảnh. Cố nhiên là có những quốc vương, đại thần có biệt thự, có đình viện, lễ thỉnh đức Thế Tôn dẫn học trò của Ngài đến dạy học tại đó. Đức Phật cũng rất từ bi, mượn sử dụng, mở khóa học tại đó, giảng một, hai bộ kinh, giảng viên mãn là ra đi. Vì thế, tôi thường nói đức Thế Tôn đề xướng “*chỉ cần quyền sử dụng, chẳng cần quyền sở hữu*”. Quyền sở hữu vẫn thuộc về hàng tại gia cư

sĩ. Họ quản lý, chăm sóc, có thể lễ thỉnh người xuất gia đến mở lớp dạy học. Chư vị phải ghi nhớ điều này, đức Thế Tôn suốt đời làm chuyện này, Ngài chẳng làm pháp hội, chẳng làm Phật sự siêu độ, chẳng có! Toàn là giảng kinh hơn ba trăm hội. Nay tôi sửa lại cho mọi người dễ hiểu, chẳng đến nỗi nầy sanh hiểu lầm, thì là Ngài mở hơn ba trăm khóa học, dạy học suốt bốn mươi chín năm. Phương pháp này sanh ra hiệu quả rất lớn!

Vì thế, Phật pháp muốn thường trụ trong thế gian phải cậy vào hai hạng người. Một loại là giáo viên, tức vị thầy lên lớp dạy học, chúng ta thường gọi vị ấy là “*pháp sư*”. Một loại người khác là hộ pháp, họ lo liệu trường học. Đạo tràng là trường học, họ quản lý trường học. Đạo tràng nhỏ của chúng ta cũng có một đồng sự hội, thành viên của đồng sự hội (board of directors) quản trị đạo tràng này. Nếu quý vị hỏi hai loại người ấy, loại nào công đức lớn hơn ư? Thừa cùng chư vị, người quản lý đạo tràng công đức to hơn, nhất định phải biết điều này. Cũng có nghĩa là giống như trong một ngôi trường, công đức lớn nhất là ai? Hiệu Trưởng. Ông ta quản lý trường học, lo liệu cho ngôi trường ấy, còn những vị thầy lên lớp giảng dạy là do ông ta mời đến. Giáo dục được tiến hành tốt đẹp tại nơi ấy, có thành tựu hay không là do ông ta, chẳng do các giáo viên. Quý vị thầy quốc gia khen thưởng, biểu dương, nhất định sẽ biểu dương Hiệu Trưởng, chẳng biểu dương một vị thầy nào đó, sẽ không như vậy. Phải biết điều này!

Vì vậy, người xuất gia cũng có hai loại người như vậy, một loại phụ trách dạy học, một loại đảm nhiệm chấp sự (執事, quản trị, lo liệu sự vụ). Trụ Trì trong một ngôi chùa, chúng ta gọi vị ấy là Đương Gia (當家), quản lý trường học. Vị ấy có thể mời thầy giảng kinh, thuyết pháp, thỉnh quý vị đến giảng một bộ kinh. Giảng bộ kinh ấy viên mãn, quý vị có thể rời khỏi. Ông ta lại mời một vị pháp sư thứ hai đến giảng một bộ kinh thứ hai, giáo viên có thể thay đổi hằng năm. Nếu vị thầy ấy giảng hay, sẽ hy vọng ông ta có thể ở thêm mấy năm cũng được. Điều đó tùy thuộc duyên phận. Do vậy, công đức viên mãn là vị chịu trách nhiệm quản lý ngôi trường, chúng ta phải hiểu điều này. Hiệu Trưởng và các vị chấp sự có thể không lên lớp, họ mời thầy đến dạy, dạy môn gì do họ quyết định. Vị thầy dạy học phải nghe theo họ, thay họ chấp hành, phải hiểu rành rẽ mối quan hệ này.

Do vậy, suốt đời Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Khá nhiều kinh điển, các vị thường niệm kinh Di Đà, [thầy kinh chép] Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên (Jetavane Anāthapindikassa Ārāma, cây của thái tử Kỳ Đà, vườn của ông Cấp Cô Độc). Thái Tử Kỳ Đà (Jetakumāra) và trưởng giả Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍada, tức Tu Đạt Đa - Sudatta) là chủ nhân đạo tràng. Đạo tràng ấy do họ thành lập, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy do họ mời đến, đạo tràng chẳng phải

là của Thích Ca Mâu Ni Phật, phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch! Sau khi đã hiểu rõ, làm một vị Phương Trưởng giáo hóa một phương, quý vị phải mời thầy giỏi. Nếu không, quý vị có lỗi với cư dân trong vùng, có lỗi với Thích Ca Mâu Ni Phật. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này.

Tập 1562

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ bảy trong phần Kệ Tụng, hôm nay xem từ bài kệ thứ mười một:

(Kinh) Nhược đắc cung kính, đương nguyện chúng sanh, cung kính tu hành, nhất thiết Phật pháp.

(經)若得恭敬。當願眾生。恭敬修行。一切佛法。

(Kinh: Nếu được cung kính, nguyện cho chúng sanh, cung kính tu hành hết thấy Phật pháp).

Đây là trong khi khát thực, gặp trai chủ dùng tâm thái kiền thành, cung kính cúng dường người xuất gia. Bài kệ tiếp theo [nói về kẻ] chẳng có tâm cung kính. Trong khi khát thực, sẽ thường gặp những tình hình ấy. Con người là phàm phu, đã là phàm phu, sẽ có tình tự. Khi tình tự tốt đẹp thì đối xử với người khác rất lễ độ. Lúc tình tự kém, thái độ cung kính sẽ nguội lạnh hẳn! Trung Hoa, ngoại quốc, xưa nay đều chẳng có ngoại lệ!

Chúng ta thấy Bồ Tát dẫn phát đại nguyện chẳng giống chúng ta, chúng ta phải nên học tập điều này. Ở đây là gặp người cung kính, “*đương nguyện chúng sanh*”, câu này bao hàm ý nghĩa sâu rộng vô tận. “*Chúng sanh*” ở đây là hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. Vì thế, Bồ Tát tu phước, bọn phàm phu chúng ta chẳng thể sánh bằng, so sánh thế nào đi nữa vẫn thua kém quá xa. Vì sao? Tâm lượng khác nhau. Phàm phu khởi tâm động niệm là vì lợi ích của chính mình, vì lợi ích người nhà của ta, trong xã hội hiện thời thì vì lợi ích đoàn thể của ta, vì lợi ích cho công ty của ta. Nếu [kẻ nào] lại có thể nghĩ lợi ích cho xã hội ở vùng ta đang ở thì rất ít. Có thể nghĩ đến quốc gia, nghĩ đến thế giới này, đã ít lại càng ít hơn! Như trong kinh Hoa Nghiêm đã nói, “*niệm nào cũng nghĩ tới vô lượng chúng sanh trong hết thấy các cõi Phật khắp pháp giới hư không giới, chẳng sót một ai*”, có thể nói là không có hạng người ấy! Học kinh Hoa Nghiêm suốt vài chục năm, tâm lượng chẳng thể mở rộng, chỉ có mở quyền kinh ra, đọc đoạn kinh văn này, tâm lượng giống như tia lửa xẹt từ đá [khi bị đập], như ánh chớp, trong sát-na, ý niệm ấy liền tiêu mất. Nói cách khác, làm

thể nào tâm lượng cũng chẳng mở rộng được! Công phu tu hành thật sự là ở chỗ này!

Phổ Hiền Bồ Tát đã quy nạp các hành môn được dạy trong kinh Hoa Nghiêm; hành môn chính là vô lượng pháp môn, giống như trong Tứ Hoảng Thệ Nguyên đã nói, “*pháp môn vô lượng thệ nguyên học*”. Ngài đã quy nạp vô lượng pháp môn thành mười môn cho dễ nói. Chúng ta thường nói “*mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát*”. Mười nguyện ấy chính là quy nạp của tất cả các hạnh môn trong kinh Hoa Nghiêm. Sau đây, quý vị mới biết mỗi nguyện triển khai ra, sẽ là vô lượng vô biên. Pháp môn xác thực sâu rộng vô tận, “*pháp*” (法) là phương pháp, “*môn*” (門) là cửa ngõ. Phương pháp và cửa ngõ quá ư là nhiều! Pháp môn tuy nhiều, phương hướng và mục tiêu nhất trí. Đây chính là như kinh Hoa Nghiêm thường nói: “*Một chính là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều chẳng hai*”, nói rõ cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn! Vô lượng là nhiều, “*nhiều*” là một mà có nhiều, “*một*” là tuy nhiều mà chỉ một. Do vậy, một và nhiều chẳng hai! Một phương hướng là đạo thành Phật; một mục tiêu là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phải luôn hiểu điều này! Nếu không, người ta hỏi quý vị “*học Phật thì cuối cùng là mong đạt được gì?*”, [quý vị sẽ chẳng trả lời được]. Đây chính là mục tiêu.

Học Phật đến cuối cùng là mong đạt được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiếng Phạn là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā-samyak-sambodhi). Câu này có nghĩa là gì? Nói theo kiểu hiện thời, sẽ là “*trí huệ viên mãn rốt ráo*”, có ý nghĩa ấy! Vì thế, chẳng phải là từ ngữ ấy không thể phiên dịch, mà là có thể phiên dịch. Có thể phiên dịch, nhưng không dịch. Trong thể lệ phiên dịch, điều này được gọi là “*do tôn trọng nên không phiên dịch*”. Có thể phiên dịch, vì đây chính là tổng mục tiêu của Phật giáo, chúng ta tôn trọng nó, mong cầu duy nhất trong việc học Phật là mong đạt tới mục đích này. Vì thế, tôn trọng nó, vẫn dùng cách phiên âm, chẳng dùng cách dịch ý.

Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy chúng ta, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (tức là trí huệ viên mãn rốt ráo) ai nấy đều có. Không chỉ là loài người có, mà súc sanh cũng có, ngạ quỷ cũng có, địa ngục cũng có. Hết thấy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới thủy đều có, lại còn bình đẳng, chẳng sai biệt. Chúng ta đọc kinh Đại Thừa, thường đọc thấy câu “*hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh*”, đây là [nói về] Phật tánh. Phật tánh là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nho gia tuy chẳng nói triệt để như vậy, nhưng cũng rất sát sao. Quý vị xem câu đầu tiên trong Tam Tự Kinh là “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành). Tánh con người vốn lành, Bản Thiện là Phật tánh. Cách nói khác nhau, ý nghĩa hết sức gần gũi. Nho gia cầu học, Phật và Đạo là cầu đạo; phải biết chính là cầu thứ này. Thứ này

vốn sẵn có, quý vị nói xem có thể cầu được hay không? Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã nói: “*Bốn Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Hai câu này rất quan trọng, đã đặt vững tín tâm tu học cho chúng ta, đặc biệt là kẻ mới học. Đã là vốn sẵn có, há có lẽ nào chẳng cầu được? Mê hoặc, bất giác, vô minh vốn chẳng có. Vốn chẳng có thì đương nhiên là có thể đoạn trừ. Tín tâm của chúng ta được kiến lập từ chỗ này!

Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã nói rất hay: “*Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Trí huệ là Vô Thượng Bồ Đề, “*đức*” là năng lực. Đức năng, “*tướng*” là tướng hảo, nay chúng ta nói là “*phước báo*”, thầy đều viên mãn, chẳng phân cao thấp, đều có! Vì sao nay thì Phật có, Bồ Tát có, A La Hán cũng có, nhưng lục đạo phàm phu chẳng có? Đây là do nguyên nhân nào? Phải ghi nhớ, đức Phật đã bằng một lời nói toạc nguyên nhân: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, mà chẳng thể chứng đắc*”. Câu này đã nói rất rõ ràng. Chúng ta vốn sẵn có mà nay vì sao chẳng đạt được? Vì quý vị có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Phải biết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều là giả, trong bản tánh chẳng có [những thứ ấy]; đây là [những thứ] bất thiện. Bản tánh vốn thiện, trong bản tánh chẳng có bất thiện. Chẳng có bất thiện, hiện thời rất bất hạnh là bất thiện đã dấy lên, nhưng quý vị phải biết sự bất thiện ấy và bản tánh chẳng liên quan gì với nhau! Từ tỷ dụ chúng ta sẽ hiểu rất dễ dàng: Bốn Thiện giống như vàng mặt trời, [hoặc nói cách khác], tự tánh giống như vàng mặt trời, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước giống như mây đen. Hôm nay, bầu trời Hương Cảng âm u, lại còn đổ mưa, mây phủ rất dày. Hôm nay từ sáng đến tối đều chẳng thấy mặt trời, có phải là chẳng có mặt trời hay chẳng? Có chứ! Nay chúng ta đều biết điều này. Chúng ta lại hỏi, mặt trời và mây phủ có quan hệ gì hay chẳng? Chẳng có quan hệ! Chắc chắn là các lớp mây chẳng che lấp mặt trời. Hôm nay, mây che khuất ánh sáng mặt trời là chuyện tạm thời!

Phàm và thánh giống như tình hình ấy. Phật, Bồ Tát giống như thái dương. Phàm phu giống như thái dương bị mây che khuất. Mây là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta biết, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều chẳng có. Đây là khi trời quang đãng, muôn dặm trời quang đãng, chẳng có một phiến mây nào. Chuyện này ví như Phật. Nếu có mây, nhưng rất ít, cũng chẳng che lấp mặt trời. Đó là Bồ Tát. Mây cũng chẳng ít, nhưng chẳng ngăn ngại ánh sáng mặt trời, chẳng trở ngại thái dương, đó là A La Hán. Giống như hôm nay trời âm u, hoàn toàn chẳng trông thấy mặt trời, lục đạo phàm phu đấy! Chư vị hiểu chuyện này dễ dàng, vậy thì tu hành là tu điều gì quý vị phải nên biết rõ: Xa lìa những thứ hư vọng thì là đúng. Nhà Phật nói “*lìa phiền não, đoạn phiền não, buông xuống phiền não*”, thầy đều có cùng một ý

nghĩa. Nói cách khác, quý vị có thể buông xuống hay không? Có thể buông xuống chấp trước, chúng ta chẳng còn chấp trước pháp thế gian và xuất thế gian, chúng quả A La Hán. Dầu còn chưa đoạn vọng tưởng, phân biệt, đã vượt thoát lục đạo luân hồi, đến nơi đâu? Tứ thánh pháp giới (Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật), đã đến các pháp giới ấy, chẳng ở trong pháp giới này. Nay chúng ta nói là “*các chiều không gian khác nhau*”. Nó (tứ thánh pháp giới) không thuộc trong lục đạo, hoàn cảnh sống ấy tốt đẹp hơn [hoàn cảnh sống của] chúng ta [trong hiện thời] quá nhiều, “*thiên đường*” như người thế gian đã nói chẳng thể sánh bằng! Nếu lại có thể cũng buông xuống phân biệt, chẳng phân biệt hết thấy các pháp, sẽ thành Bồ Tát. Chẳng có vọng tưởng mới là thành Phật. Công phu ở chỗ này.

Tu hành là tu ở nơi đâu? Tu trong cuộc sống hằng ngày, tu trong mặc quần áo, ăn cơm, tu trong đãi người tiếp vật. Đây là chân tu. Tu gì? Quý vị còn có chấp trước hay không? Còn có phân biệt hay không? Chẳng dễ dàng! Trong phần trước, chúng tôi đã nhắc tới câu chuyện về bạn đồng học của ngài An Thế Cao, rất đáng cho chúng ta tham khảo, phải nên thường xuyên cảnh tỉnh. Vì sao? Chúng ta chẳng làm được. Bạn đồng học của ngài An Thế Cao là bậc xuất gia, là bạn học khi nào? Theo chúng tôi suy nghĩ, ắt phải là thưở đức Phật tại thế. Nếu không, thì cũng là sau khi đức Phật đã diệt độ không lâu, vì ngài An Thế Cao đến Trung Hoa rất sớm, vào thời Hán! Theo truyện ký, Ngài hai lần trả nợ mạng tại Quảng Châu. Ngài đến Quảng Châu, bị kẻ khác ngộ sát, chính Ngài biết chuyện này, [bị ngộ sát] hai lần! Vì sao Ngài phải đến đó? Trong đời quá khứ, Ngài đã ngộ sát kẻ khác, lần này nhất định bị người ta ngộ sát. Nhân quả đáng sợ, nợ mạng phải đền mạng, mắc nợ phải trả nợ. Quý vị đã trả xong, thật vậy, quý vị mới có thể được tự tại, đạo nghiệp của quý vị mới chẳng bị chướng ngại. Nay tu đạo, làm thiện sự gặp khá nhiều chướng ngại, đọc truyện ký của bậc cổ đại đức bèn hoảng nhiên đại ngộ.

Mỗi người trong thế gian này xác thực là “*một hóp uồng, một miếng ăn, không gì chẳng phải là đã định trước*”. “*Định trước*” là cái nhân trong đời trước. Từng ly từng tý trong đời này đều liên quan đến cái nhân trong đời trước, chẳng có chuyện gì là ngoại lệ. Con người đến thế gian này để làm gì? Hiện thời, ngay cả người ngoại quốc cũng biết, chẳng phải là họ tự hiểu, mà là do thần linh truyền đạt tin tức cho họ. Con người đến thế gian để làm gì? Quý vị hãy xem tin tức do thần linh truyền đạt. Vị thần ấy nói có hai chuyện, một loại người đến thế gian này để làm việc, loại người kia là đền trả nợ! Nói theo Phật pháp thì cũng là hai loại người. Phật pháp nói người đời đến thế gian này để làm gì? Nhà Phật nói “*nhân sanh thù nghiệp*” (đời người để đền trả nghiệp). “*Nghiệp*” là nghiệp do quý vị đã tạo trong quá khứ, đời này phải hứng

chịu nghiệp báo. Nói cách khác, quý vị đền chịu báo. “*Chịu báo*” chính là đền trả nợ. Nói cặn kẽ hơn một chút, đức Phật nói có bốn loại: Báo ơn, báo oán, đòi nợ, trả nợ; những loại ấy đều là “*đền trả nghiệp*”. Trong quá khứ, người khác có ân với quý vị, đời này gặp gỡ bèn báo ân. Trường hợp khác là trong đời quá khứ có oán, có mối cừ hận với quý vị, đời này đến thế gian này để báo cừ. Loại thứ ba là đòi nợ, loại thứ tư là trả nợ. Nếu chẳng có bốn loại nghiệp nhân ấy, quý vị sẽ chẳng đến thế gian này! Đúng là “*oan có đầu, nợ có chủ*”, trốn chẳng khỏi! Con người sanh ra chớ nên làm chuyện này, làm chuyện này sẽ rất nhọc nhằn!

Loại thứ hai là “*thừa nguyện tái lai*”. Chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn ứng. Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian, các Ngài đến “*làm việc*” như thần linh đã nói. Các Ngài đến làm việc, làm chuyện này chuyện nợ, đến hiện thân thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh. Vì thế, người thế gian đông đảo như vậy, nhưng chẳng ngoài hai loại ấy!

Phải biết thần linh gởi gắm tin tức ấy, gần đây, người ngoại quốc đã thực hiện, tức là dùng phương pháp khoa học để tiếp xúc với thần linh thuộc những chiều không gian khác nhau, thu được các tin tức. Đức Phật đã nói lời này, nếu dựa theo cách nói của người ngoại quốc thì tối thiểu là từ hai ngàn năm trăm năm mươi năm trước! Tính theo sinh nhật của Thích Ca Mâu Ni Phật như cách người ngoại quốc đã nói, cho đến năm nay đã là hai ngàn năm trăm năm mươi năm, thời gian cách biệt lâu như thế, hơn hai ngàn năm, [đức Phật] đã nói ra chuyện ấy. Chúng ta có tin hay không? Chúng ta tiếp nhận, tin tưởng, chẳng hoài nghi. Trong đời này, chúng ta phải thực hiện theo cách nào? Người thật sự thông minh sẽ đoạn ác tu thiện. Ác là gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là ác.

Vì thế, người bạn đồng học của An Thế Cao, ngài An Thế Cao đã thành tựu, Ngài đúng là bậc “*cao tăng đắc đạo*” như người Hoa đã nói, có thành tựu. Người bạn đồng học ấy vốn là đồng tham đạo hữu đồng thời với Ngài, bị đọa vào thân đạo, làm long vương hồ Cung Đình. Vị long vương ấy mang thân rắn, người ở Giang Nam đều biết câu chuyện này. Nơi có miếu thờ long vương, người đời sau gọi thôn trang ấy là Xà Thôn, vị long vương ấy là một con rắn. Ở Trung Hoa, ngài An Thế Cao theo đuổi công tác phiên dịch kinh điển, sau khi đã làm một thời gian, bèn đến độ kẻ ấy. Thọ mạng của long vương đã tới rồi! Chúng ta hãy suy ngẫm về vị đồng học ấy. Ngài An Thế Cao tiết lộ tin tức: Vị đồng học ấy lúc còn sống hiểu kinh, chuộng thí, đối với kinh giáo rất thông đạt, chẳng phải là không thông hiểu, lại còn thích bố thí. Do vậy, làm long vương thì vị long vương ấy rất linh nghiệm. Vì sao linh nghiệm? Ông ta hiểu kinh, thông đạt giáo lý. Nhang đèn tấp nập, pháp duyên hết sức thù thắng. Ông ta thích bố thí, kết duyên thù thắng!

Quanh vùng suốt một ngàn dặm, mọi người đều đến tòa miếu ấy lễ bái, đến miếu long vương thấp nhang cầu long vương phù hộ. Ông ta cũng thật sự linh nghiệm, do đã tu trong quá khứ mà! Vì sao bị đọa vào thân đạo? Thuở đức Phật tại thế, người xuất gia khát thực, hằng ngày đi khát thực. Xin được một bát cơm, đồ ăn ngon lành ông ta sẽ hoan hỷ. Xin được một bát cơm dở, trong tâm ông ta chẳng vui vẻ, có chút tật xấu như vậy đó. Đây là gì? Phân biệt, chấp trước, chúng ta nói chuyện này rất nhẹ. Rất nhẹ, nhưng trở ngại quý vị khai ngộ, trở ngại quý vị chứng quả. Kê ra quả báo của ông ta còn khá, đọa trong thân đạo, tức là thân đạo trong đường súc sanh.

Nay chúng ta hãy suy ngẫm, phải thời thời khắc khắc đề cao cảnh giác trong cuộc sống hằng ngày. Chúng ta ăn cơm, đồ ăn trong bữa cơm ấy ngon lành, có rất hoan hỷ hay không? Ăn thực phẩm dở, trong lòng có rất khó chịu hay không? Vậy thì quý vị sẽ nghĩ, đức hạnh của chúng ta trong hiện thời có sánh bằng long vương hay không? Nếu chúng ta hiểu kinh, chuộng thí chẳng bằng long vương, khởi tâm động niệm của chúng ta trong hiện thời còn dữ dội hơn long vương, ông ta có thể vào trong súc sanh đạo làm long vương, chúng ta chỉ sợ ngay cả tư cách sanh vào súc sanh đạo cũng chẳng có! Quý vị hãy nghĩ xem, có đáng sợ lắm hay không? Đây là sự thật. Trong tâm còn có hoan hỷ, còn có chán ghét, phiền phức to lớn! Sau khi đã hiểu rõ, bất luận cảnh giới gì cũng đều là cảnh giới tốt đẹp. Vì sao? Đều là chỗ để tu hành rèn luyện công phu. Bữa ăn ấy rất ngon, chẳng có tâm tham, chẳng sanh tâm hoan hỷ. Bữa ăn ấy chẳng hợp khẩu vị, chẳng dấy lòng sân khuê, học điều gì trong ấy? Học chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, cảnh giới đều là cảnh giới tốt đẹp!

Vì thế, tôi thường khuyên khích các đồng tu, chúng ta phải ghi nhớ “*người nào cũng là người tốt, chuyện nào cũng đều là chuyện tốt*”, chúng ta mới có cuộc sống vượt trội, mới có khai ngộ trong Phật pháp, mới có chứng quả, niệm Phật mới có thể vãng sanh. Nếu phân biệt, chấp trước vẫn nghiêm trọng đường ấy, chắc chắn sẽ nẩy sanh chướng ngại. Vì thế, nhất định phải ghi nhớ, “*cảnh duyên không tốt xấu*”, Ngẫu Ích đại sư đã nói điều này. “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự. Nhất định phải hiểu hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất chẳng có tốt hay xấu, chẳng có thiện hay ác. Thị, phi, thiện, ác là từ trong tâm của chính mình sanh ra, từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước biến hiện. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đã chẳng có, lấy đâu ra tốt, xấu? Chẳng có! Hễ còn có cái này tốt, cái kia không tốt, quý vị còn có phân biệt. Thích cái này, chẳng thích cái kia, quý vị có chấp trước, vậy là chẳng được rồi. Có phân biệt, có chấp trước, đương nhiên là quý vị nhất định có vọng tưởng, ba thứ ấy thấy đều trọn đủ thì là lục đạo phàm phu, quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Hiện thời, nói chung là chúng ta phải hiểu rõ, hiểu minh bạch: Chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, sẽ thế thảm đường ấy, khổ sở lắm!

Trong lục đạo luân hồi, được làm thân người trong một đời này, còn có một chút phước báo thì chẳng dễ dàng, hết sức khó khăn, là do đã tu tập, tích lũy trong đời quá khứ. Nhưng thời gian quý vị hưởng thụ phước báo ấy rất ngắn, vài chục năm đã hưởng hết. Hưởng hết phước báo, nghiệp báo lại hiện tiền, làm như thế nào đây? Quý vị có biết là trong kinh đức Phật đã nói “*thân người khó được, Phật pháp khó nghe*”? Quý vị có thường ghi khắc câu nói ấy trong tâm hay không? Đây là sự cảnh giác cao độ. Nếu liễu giải chân tướng sự thật này, thân người khó được, hiện thời đã được [làm thân người], đời người ngắn ngủi, tạm bợ, nhất định phải nắm vững thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ này để nâng cao linh tánh của chính mình, đó là đúng. Tăng cao, tăng tới thiên đạo thì vẫn chưa được, [vì] chẳng thoát khỏi tam giới. Tăng tới A La Hán thì khá lắm, chẳng dễ gì làm được. Thật vậy, chẳng giả!

Chúng ta hết sức may mắn gặp gỡ pháp môn Tịnh Tông. Tịnh Tông là đời nghiệp vãng sanh. Chúng ta đoạn tập khí phiền não rất khó, chế phục thì được. Ví như trong cuộc sống hằng ngày, những gặp gỡ trong hết thấy hoàn cảnh người, sự, vật, trong tâm vừa mới sanh hoan hỷ; cỗ nhân nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Một niệm hoan hỷ ấy chính là bất giác, tâm bình đẳng là giác, quý vị ngay lập tức phải giác ngộ. Người tu Tịnh Độ giác ngộ điều gì? “*A Di Đà Phật*”. Xóa sạch ý niệm hoan hỷ, tham lam. Dùng một câu A Di Đà Phật để xóa sạch [những ý niệm ấy], một câu A Di Đà Phật là giác. Gặp nghịch cảnh, ác duyên, trong tâm chẳng vui vẻ, bèn “*A Di Đà Phật*”. Câu A Di Đà Phật này khiến cho chúng ta khôi phục bình thường. Bình thường là gì? Bình thường là xa lìa tham, sân, si. Hễ gặp cảnh giới, chúng nó lại hiện tiền. Đây là gì? Tập khí từ vô thủy kiếp đến nay, há có dễ dàng đoạn trừ như vậy ư?

Vì thế, [gặp] thuận cảnh, thiện duyên, sẽ dễ dàng khởi tâm tham. Trong nghịch cảnh, ác duyên, dễ dàng khởi tâm sân khuê, chắc chắn là ngu si sẽ liên đới dấy lên! Trong tham ái có si, trong sân khuê cũng có si. Tham, sân, si là Tam Độc phiền não; hằng ngày cứ khởi những thứ ấy thì làm sao được nữa? Những thứ ấy chướng ngại quý vị vãng sanh; do đó, phải luôn giác ngộ, phải giác ngộ bất cứ nơi đâu! Giác ngộ thì ý niệm vừa mới dấy lên, bèn ngay lập tức “*A Di Đà Phật*” để đè nén ý niệm ấy xuống. Đó là tu hành, đó là niệm Phật. Chúng ta niệm Phật chẳng phải là niệm cho đức Phật nghe, mà là dùng câu Phật hiệu ấy để khôi phục sự bình thường, cái tâm bình thường của chúng ta. Đó là biết dụng công, thật sự dụng công. Rèn luyện trong cuộc sống, luyện trong công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật. Nói cách khác, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, hết thấy sự, niệm nào cũng đừng quên rèn luyện

công phu. Công phu ấy là gì? Là chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, rèn luyện điều này, đó là thật sự tu hành! Có thể làm như vậy, đấy mới là “*cung kính*”. Điều thứ nhất trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát là “*lễ kính chư Phật*”, xếp điều này đầu tiên. Vì sao trong cuộc sống hiện thời, chúng ta chẳng dấy lên điều này được? Do phân biệt, chấp trước hết sức nghiêm trọng, ý niệm giác ngộ chẳng dấy lên được. Nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng ta chẳng cung kính.

Do đó, khi Ấn Quang đại sư còn tại thế, có chẳng ít người hướng về Ngài thỉnh giáo: “Có bí quyết học Phật gì khiến cho chúng con sớm thành tựu hơn hay không?” Tôi nghĩ mỗi đồng tu học Phật đều có ý niệm ấy, lúc tôi thoát đầu học Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ. Ngày đầu tiên gặp Chương Gia đại sư, tôi liền thỉnh giáo lão nhân gia về vấn đề này: “Chúng con biết Phật giáo tốt đẹp, có phương pháp gì khiến cho chúng con khế nhập mau hơn hay không?” Chương Gia đại sư dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Ấn Quang đại sư dạy người ta “*thành kính*”, “*một phần thành kính được một phần lợi ích; mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Nếu chúng ta hỏi, “*thành*” là gì? “*Kính*” là gì? Chữ Thành (誠) ở đây là chân thành, là chân tâm. Trong chân tâm chẳng có mảy may hư vọng thì là Thành. Vào những năm cuối đời Thanh, tiên sinh Tăng Quốc Phiên ai nấy đều biết, trong Bút Ký Đọc Sách, ông ta đã từng định nghĩa chữ Thành, Thành là gì? Ông ta giải thích chữ ấy như sau: “*Một niệm chẳng sanh thì gọi là Thành*”. Cách nói này chính xác. Quý vị khởi tâm động niệm, sẽ chẳng Thành. Chẳng khởi tâm động niệm thì là Thành. Vì thế, chân thành là cái Thể của tâm Bồ Đề, nó vốn là như vậy, tuyệt đối chẳng thể xen tạp một tạp niệm. Hễ khởi tâm động niệm, Thành bị mất đi! Tổ Ấn Quang đã nói hai chữ này có ý nghĩa rất sâu.

Thành là tâm. Thành tâm được biểu hiện ra ngoài bằng Kính, không gì chẳng kính! Quý vị thấy câu đầu tiên trong sách Lễ Ký của Nho gia: “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: “Không gì chẳng kính”). Trong Phật môn, quý vị xem nghi thức, bất luận là khóa tụng hằng ngày, hay khóa tụng sám hối, những thứ rất phổ biến như Đại Bi Sám, Lương Hoàng Bảo Sám, Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, quý vị thấy những bản sám văn ấy, chúng ta gọi chúng là “*sám nghi*”, hay “*nghi quy*”, câu đầu tiên là “*nhất thiết cung kính, nhất tâm quy mạng*” (hết thấy cung kính, một lòng quy mạng). Quý vị thấy những từ ngữ ấy, đó là lễ kính chư Phật. Chư Phật là hết thấy, đừng hiểu [“*nhất thiết*” chỉ là] là hết thấy những người đã thành Phật, [trong ấy, dĩ nhiên] bao gồm những vị ấy, nhưng còn bao gồm những người chưa thành Phật. Vì trong “*hết thấy*” bao gồm ba loại lớn, tức là quá khứ Phật, hiện tại Phật, và vị lai Phật; đấy là ba loại lớn. Vị lai Phật là ai? Hết thấy chúng sanh.

Hết thầy chúng sanh đều là vị lai Phật. Do đó, chúng ta giữ tâm lòng thành kính đối với các loại Phật ấy thì đối với người, đối với sự, đối với vật, đối với hết thầy chúng sanh, tuyệt đối chẳng khác nhau. Đây mới là “*cung kính tu hành hết thầy Phật pháp*”. Nay chúng ta rất cung kính Phật, nhưng chẳng cung kính người, càng chẳng cung kính chúng sanh. Đối với muỗ, kiến, gián, nhặng, quý vị còn có thể cung kính chúng nó hay không? Chúng nó cũng là vị lai Phật, quý vị chẳng cung kính chúng nó, mặc sức xua đuổi, mặc sức giết hại, sai mất rồi, hoàn toàn chẳng có tám chữ ấy (tức là tám chữ “*cung kính tu hành hết thầy Phật pháp*”)!

Người thế gian xác thực là chẳng có pháp duyên, chẳng gặp gỡ thiện hữu, chẳng gặp gỡ Phật pháp, chẳng gặp những kinh điển do đức Phật đã dạy, chẳng gặp thiện hữu giảng giải cho họ, [chẳng biết]: Những tiểu động vật ấy toàn bộ đều có linh tánh. Con người trong một đời này đã làm rất nhiều chuyện sai lầm; đời sau, nói không chừng sẽ đầu thai vào những loài đó. Muỗ, kiến, gián đều do con người làm; chư Phật, Bồ Tát cũng do con người làm, người học Phật biết [chuyện này]! Hiện thời, những người nghiên cứu luân hồi ở phương Tây ngày càng nhiều, cũng đều biết “*thân có sanh diệt, linh tánh chẳng sanh diệt*”. Người Hoa thường gọi [“linh tánh”] là “linh hồn”. Linh hồn chẳng có sanh diệt. Nó liả khỏi thân thể này, sẽ rất nhanh chóng tìm một thân thể khác. Vì thế, nói thật thà, con người có chết hay không? Chẳng có! Vĩnh viễn chẳng có chết. Có sanh hay không? Cũng chẳng có! Đúng là bất sanh bất diệt! Bất quá là thường xuyên thay đổi thân thể. Lại còn thay đổi rất nhanh chóng, giống như người sông trong thế gian này thường xuyên thay đổi quần áo. Chúng ta coi quần áo như thân thể, coi thân thể chúng ta như linh hồn. Mặc quần áo vào chính là mặc lấy thân thể, không chừng vào lúc nào đó, sẽ vứt bỏ thân thể để đổi lấy một thân thể khác. Do vậy, thân sanh diệt giống như chúng ta mặc quần áo vào, cởi quần áo ra, rất bình thường, chẳng có gì đáng sợ!

Linh tánh bất diệt; do vậy, người thông minh, người hiểu rõ, trong một đời chắc chắn sẽ nâng cao linh tánh của chính mình trên một mức độ rộng lớn. Tức là hy vọng chúng ta “thay quần áo” càng thay càng đẹp đẽ hơn, đừng để đến đời sau thay đổi thành “quần áo” súc sanh. Nhất là đừng nên đổi thành kiến, gián, muỗ, chó nên đổi thành những loài ấy. Đương nhiên, càng bất hảo hơn là ngựa quý, địa ngục, càng thua kém hơn! Mong tăng cao hơn, đừng đọa lạc thấp hơn, vậy thì phải làm như thế nào? Đoạn hết thầy ác, tu hết thầy thiện. Tiêu chuẩn của thiện và ác là gì? Các vị xem lời khai thị của thiền sư Vân Cốc trong Liễu Phàm Tứ Huân, sẽ biết tiêu chuẩn rất nhiều. Nói tóm lại, chuyện lợi ích chúng sanh là thiện, chuyện lợi ích chính mình là ác. Câu đầu tiên thì mọi người chẳng hoài nghi, [nghe nói] “*lợi ích chúng*

sanh là thiện”, sẽ đều gặt đầu. Nghe câu thứ hai “*lợi ích chính mình là ác*”, sẽ lắc đầu. Vì sao lợi ích chính mình là ác? Người thế gian luôn nói: “Chuyện lợi ích chính mình là đáng nên, làm sao là ác cho được?” Nói theo Phật pháp thì sẽ là ác, [bởi lẽ], lợi ích chính mình sẽ tăng trưởng Ngã Chấp, tức là chấp trước đối với cái Ngã. Ngã Chấp quá nghiêm trọng, chắc chắn chẳng thoát khỏi lục đạo.

Vì thế, quý vị thấy kinh Kim Cang đã nói, đây là tiêu chuẩn thấp nhất, “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, đạt được vô ngã, người ấy sẽ vượt thoát lục đạo. Vô ngã là gì? Quý vị phải hiểu, Ngã có giả ngã và chân ngã. Giả ngã là thân, kẻ bình phàm trong thế gian coi Ngã là thân, sai rồi! Chân ngã là gì? Chân ngã là linh tánh. Đây là chân ngã, chân ngã chẳng có sanh diệt. Cái giả, tức giả ngã (thân thể) có sanh diệt, linh tánh chẳng sanh diệt. Quý vị thật sự hiểu rõ đạo lý này, sẽ chẳng tham sống, sợ chết. Thật vậy, chẳng giả tí nào! Chẳng tham sống, chẳng sợ chết, biết chính mình vĩnh viễn tồn tại. Lục đạo luân hồi là thay đổi thân thể, nhưng thay đổi hết sức nhọc nhằn. Vì thế, đức Phật nói là “*sanh tử bì lao*” (sanh tử mệt nhọc), luân hồi không ngớt; đây là hiện tượng bất bình thường. Từ A La Hán trở lên mới coi như là thánh nhân. Nay đã hết thời gian rồi, hai bài kệ này chúng ta có thể gộp chung lại để nói. Chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp bài kệ thứ mười hai:

(Kinh) Bất đắc cung kính, đương nguyện chúng sanh, bất hành nhất thiết, bất thiện chi pháp.

(經)不得恭敬。當願眾生。不行一切。不善之法。

(Kinh: Chẳng được cung kính, nguyện cho chúng sanh, chẳng hành hết thảy các pháp bất thiện).

Các đồng học đều biết mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát là cương lĩnh tu hành của Hoa Nghiêm. Mười đại nguyện vương triển khai ra, sẽ là phẩm Tịnh Hạnh chúng ta đang học trong hiện thời. Phẩm Tịnh Hạnh có tất cả một trăm bốn mươi một nguyện. Quý vị thấy mười điều triển khai thành một trăm bốn mươi một. Một trăm bốn mươi một [nguyện ấy] là những điều mục chi tiết. Một người tu hành trong cuộc sống hằng ngày, những người quý vị được tiếp xúc, những sự được tiếp xúc, hoàn cảnh được tiếp xúc, chẳng có pháp nào không thể dẫn khởi vô tận bi nguyện của Bồ Tát, nhất định phải hiểu đạo lý này! Sau khi quý vị đã thật sự hiểu rõ, hiểu minh bạch, chư Phật, Bồ Tát ở chỗ nào? Phổ Hiền Bồ Tát ở chỗ nào? Văn Thù Bồ Tát ở chỗ nào?

Tỳ Lô Giá Na Phật ở chỗ nào? Nếu quý vị đã thật sự hiểu, sẽ là từ sáng đến tối, những cảnh giới mà sáu căn tiếp xúc không gì chẳng phải [là Phật pháp]! Danh hiệu Tỳ Lô Giá Na Phật (Vairocana, 毘盧遮那) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ (遍一切處, trọn khắp hết thảy mọi nơi). Các đồng học trong Phật môn, có lẽ quý vị đã từng nghe nhà Phật nói “*chẳng có một pháp nào không phải là Phật pháp*”. Phật pháp bao gồm hết thảy các pháp. Lời này nhằm nói với ai? Nói theo phía người tu hạnh Phổ Hiền, [sẽ là] “*chẳng có pháp nào không phải là Phật pháp*”. Nếu [là kẻ] không tu hành, nói với phàm phu, nói theo phương diện phàm phu, [sẽ là] “*chẳng có một pháp nào là Phật pháp*”. Phàm phu đã mê, cũng có nghĩa là tâm tánh đã bị che lấp bởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Do đã mê mất tự tánh, chẳng có một pháp nào là Phật pháp. [Đối với kẻ ấy], kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng phải là Phật pháp, thật đấy!

Quý vị thấy trong hiện thời có khá nhiều học giả, chuyên gia, họ có đọc kinh Phật hay không? Đọc chứ, cũng rất dụng công nghiên cứu, coi Phật pháp như Triết Học để nghiên cứu, coi như tác phẩm văn học để nghiên cứu, đấy chẳng phải là Phật pháp. Người tu hạnh Phổ Hiền, sẽ như chúng tôi đã nói trong phần trước: Ăn cơm, mặc quần áo đều là Phật pháp. Ăn cơm thì chính mình đề cao cảnh giác, đoạn tham, sân, si. Đoạn tham, sân, si là Phật pháp! Quý vị nắm được nguyên tắc này: “*Chẳng đoạn tham, sân, si, sẽ không phải là Phật pháp*”. Vì thế, pháp chẳng nhất định. Mặc quần áo, ăn cơm, đãi người tiếp vật, trong ấy quyết định chẳng có tham, sân, si, chẳng có pháp nào không phải là Phật pháp. Hễ kèm theo tham, sân, si, mạn, còn có ích kỷ, thị phi, nhân ngã, dẫu hằng ngày đọc kinh Hoa Nghiêm, vẫn chẳng phải là Phật pháp, hằng ngày lạy A Di Đà Phật, vẫn chẳng phải là Phật pháp, phải hiểu đạo lý này! Sau khi quý vị đã hiểu rõ, mới biết vì sao có người tu hành thành công, có người suốt đời lạy Phật mà chẳng thành công, vẫn là phàm phu tục tử y hệt như cũ, vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ, sai biệt ở chỗ này. Quý vị thấy đấy chẳng phải là chuyện gặp phải trong hằng ngày đó ư? Bất luận ở chỗ nào, hễ gặp người đối với quý vị rất cung kính, rất lễ độ, trong tâm quý vị bèn lập tức cảnh giác: “*Cung kính tu hành hết thảy Phật pháp*”. Gặp kẻ đối với quý vị hết sức vô phép, chẳng có tí xiu cung kính nào, bèn “*nguyện cho chúng sanh chẳng hành hết thảy các pháp bất thiện*”. Đây là từng ly từng tý trong cuộc sống hằng ngày, chỉ cần quý vị giác thì là Phật pháp, mê bèn chẳng phải là Phật pháp, nhất định phải hiểu rõ điều này, đặc biệt là các đồng học học Phật.

Hiện thời, trong xã hội, xác thực là chẳng liễu giải Phật pháp, hiểu làm rất nghiêm trọng. Hễ nói tới Phật pháp, bèn nghĩ đến tượng Phật bằng đất đắp, gỗ chạm, [chê bai là tôn thờ] ngẫu tượng, lạy lục

ngẫu tượng. Trông thấy các kinh sách Phật giáo, bèn [nhất loạt sỗ toẹt là] mê tín, bài xích, cự tuyệt. Họ chẳng biết trong ấy toàn là nói về những đạo lý to lớn để làm người, làm việc! Thử hỏi, bất luận là ai, quý vị có thích phát tài hay chẳng? Quý vị có thích thông minh, trí huệ hay chẳng? Quý vị có thích khỏe mạnh, sống lâu hay chẳng? Chẳng có ai không ưa thích, có muốn hay không? Chẳng có ai không muốn! Bất luận tin theo tôn giáo nào, thậm chí kẻ không tin tôn giáo, quý vị hỏi họ có muốn ba chuyện ấy hay không, đúng là mơ ước mong cầu. Quý vị có thể cầu được hay không? “*Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng*”. Phật pháp xác thực là rất hiện thực, phát tài như thế nào? Phát tài là quả báo, quả ắt có nhân. Quý vị tu nhân thì mới có thể đạt được quả báo, nhân và quả phải tương ứng. Trong kinh, đức Phật đã dạy về chuyện này rất nhiều. Trong Lục Ba La Mật của Bồ Tát, điều thứ nhất là Bồ Thí Ba La Mật đã trọn đủ ba thứ pháp ấy. Tài Bồ Thí là cái nhân. Khi người khác gặp khó khăn, khi họ cần thiết, chúng ta có năng lực về của cải, hãy bố thí cho họ, giúp đỡ họ, thành tựu họ. Đây là Tài Bồ Thí. Đây là thiện pháp, là Phật pháp. Chúng ta thấy khi người ta cần thiết, bản thân chúng ta có năng lực, [thế mà] chẳng chịu ban cho họ, một cái lông cũng chẳng chịu nhỏ, đây là bất thiện. Đức Phật nói quả báo của Tài Bồ Thí là được của cải. Nói cách khác, nếu quý vị thật sự tin tưởng, thật sự có thể làm được; sau đây, quý vị mới hiểu Phật chẳng gạt người, càng thí càng nhiều.

Năm xưa, kể ra, chuyện này cũng khoảng tám, chín năm trước, tôi giảng kinh tại Tân Gia Ba, ở tại Phật giáo Cư Sĩ Lâm. Cư Sĩ Lâm hàng năm ăn Tết, dường như là có một ngày hay ba ngày, tôi không nhớ rõ cho lắm, “*cúng trai*” (cúng dường cơm chay), tức là ai cũng đều có thể đến đó ăn cơm miễn phí. Năm 1999, tôi ăn Tết bên đó, khi ở nơi ấy (tôi đã qua đó từ năm 1998), tôi thấy [chuyện đãi cơm chay] rất hoan hỷ, đề nghị với thường trụ của họ: “Cúng dường cơm chay là chuyện tốt, miễn phí. Có thể là ba trăm sáu mươi ngày trong một năm hằng ngày đều cúng dường hay không?” Mọi người trong Cư Sĩ Lâm cũng hoan hỷ, tôi nói: “Chúng ta toàn tâm toàn lực làm tốt chuyện này”. Đầu tiên là mỗi ngày đại khái có sáu, bảy món ăn theo kiểu tự phục vụ (buffet), hằng ngày người đến ăn là hơn một ngàn người. Ngày nghỉ cuối tuần là hai, ba ngàn người. Sau khi chuyện này được tuyên bố, lâm hữu của Cư Sĩ Lâm rất đông, mỗi người đều biếu tặng, tặng dầu, tặng muối, tặng thức ăn, làm rất nhộn nhịp. Đại khái là cho đến cuối năm, từ năm 1999 cho đến cuối năm hết sức hưng vượng. Hằng ngày, đến bữa ăn có từ một ngàn năm trăm người trở lên. Những ngày nghỉ, hoặc Chủ Nhật, thứ Bảy, khi đông nhất có đến bốn ngàn người đến ăn. Vì thế, các tôn giáo khác cũng đến thăm, trông thấy chuyện này, [cảm thán]: “Các vị chi tiêu lớn quá, chuyện này tốn bao nhiêu tiền”.

Kể từ ngày phát tâm cúng dường cơm chay, liên tục không ít năm, hằng ngày đều làm như thế, Cư Sĩ Lâm chưa từng mua gạo, chẳng hề mua thức ăn, dầu muối cũng đều chưa hề mua! Các nơi gửi tặng ăn không hết! Những thứ ăn không hết lại chẳng thể lưu trữ, nhất là rau, hai, ba ngày sẽ bị hư nát. Vì thế, gạo, dầu, muối và rau dưa, hằng ngày đều dùng xe tải nhỏ chở đi kết duyên bên ngoài. Tân Gia Ba có mấy tôn giáo, họ đều mở cô nhi viện, viện dưỡng lão, bệnh viện, chúng tôi nhiều năm không ngừng cung cấp cho họ, chúng tôi có quá nhiều! Càng thí càng nhiều, chỉ sợ quý vị không làm. Đức Phật nói chẳng sai tí nào. Tài Bố Thí được của cải, Pháp Bố Thí được thông minh, trí huệ, Vô Úy Bố Thí được khỏe mạnh, sống lâu!

Ăn chay là Vô Úy Bố Thí, vì sao? Chẳng giết hại chúng sanh, chẳng kết oán cừu với chúng sanh nữa. Đây là Vô Úy Bố Thí. Phóng sanh trong Phật môn là Vô Úy Bố Thí. Khuyên kẻ khác ăn chay, khuyên người ta phóng sanh đều thuộc về Vô Úy Bố Thí. Còn như mùa Hè muỗi đốt thân quý vị, quý vị có muốn bố thí cho nó hay không? Nó cũng bắt quá muốn ăn một bữa mà thôi. Nó đói bụng, nếu quý vị khăng khái, hào phóng, sẽ hoan hỷ cúng dường nó một bữa ăn. Nó ăn no sẽ bỏ đi. Đây là Tài Bố Thí. Nó hút máu, cúng dường nó là Tài Bố Thí, lại là Vô Úy Bố Thí, vì sao? Quý vị chẳng giết hại nó, quả báo là khỏe mạnh, sống lâu. Quý vị nếu đập một phát cho nó chết tươi, sẽ phạm lầm lỗi. Nó đến đây kiếm một bữa ăn, mạng nó chẳng đáng chết. Nó chẳng đáng bị chết thì quý vị không chịu cúng dường cho nó, đuổi nó đi là được rồi, chẳng cần giết nó. Tất cả những tiểu động vật trong nhà, nếu quý vị có thể đối đãi bằng tâm yêu thương, chúng nó sẽ hết sức hợp tác với quý vị. Chúng tôi học Phật đã nhiều năm như thế, hết sức thân thiện đối với những tiểu động vật trong nhà. Đối với ruồi nhặng, muỗi, gián, kiến, chuột, đối xử hết sức thân thiện, đối xử hòa thuận, đối đãi bình đẳng. Chúng tôi trông thấy những tiểu động vật ấy, đều gọi chúng là Bồ Tát, “Bồ Tát kiến, Bồ Tát muỗi”, chúng tôi đều gọi chúng nó như vậy.

Khi chúng tôi tụng khóa tối, trong phòng rất nhiều muỗi, tôi thiếu là ba, bốn chục con, chẳng có cách nào đuổi ra ngoài được! Tôi chỉ đành hướng về chúng nó, yêu cầu: “Bồ Tát muỗi! Nay tôi tụng khóa tối, các vị có thể cùng tụng với tôi, chớ nên cắn tôi, chớ nên quấy nhiễu tôi!” Chúng thật sự ngoan ngoãn, đều đậu trên tường, tường vôi trắng. Chuyện này ở Lư Giang, tỉnh An Huy, khi tôi đến thăm bên đó, ban đêm tụng khóa tối trong phòng khách nhỏ, chúng nó đều đậu trên tường, bắt động. Tôi tụng khóa tối đại khái là hơn một tiếng đồng hồ mới xong, một con cũng chẳng động. Tôi ngủ trong căn phòng bên cạnh, khi ngủ, chúng cũng chẳng đến quấy nhiễu. Đến ngày hôm sau, sáng dậy, chúng nó vẫn đậu trên tường, chẳng qua là đã bay bớt một nửa, còn gần như là mười mấy, hai mươi con đậu phía trên, chẳng quấy nhiễu, rất nghe lời!

Năm xưa, cô Dương lúc mới học Phật chưa bao lâu, cô dạy đám trẻ, trong nhà cũng có muỗi. Cô nói với bọn muỗi: “Bồ Tát muỗi”, thương lượng với chúng: “Bọn trẻ làm khách trong nhà tôi, chớ nên đốt chúng nó. Nếu quý vị muốn đốt, hãy đốt tôi, có thể chích tôi, tôi bằng lòng cúng dường quý vị, nhưng có điều kiện, chẳng thể đốt trên mặt. Hễ đốt thì ngày mai tôi dạy học sẽ khó coi lắm. Có thể cho quý vị đốt cánh tay thì được”. Chúng đều rất nghe lời, hợp tác. Lại còn yêu cầu: “Tôi đã có thể cúng dường quý vị, quý vị chớ nên làm cho tôi vừa ngứa vừa đau. Vì thế, có thể đốt, nhưng nếu không đau, không ngứa thì có thể đốt được”. Lẽ nào chúng chẳng có linh tánh? Vì thế, nếu chúng ta tôn trọng chúng nó, nếu cung kính chúng nó, chúng nó cũng sẽ cung kính chúng ta, cũng chẳng quấy nhiễu chúng ta.

Còn kiến thì tôi ở Úc, phía sau sân lại dựng một dãy ký túc xá, mới dựng, tôi dọn đến đó ở. Có một sáng sớm thức dậy, trong phòng vệ sinh toàn là kiến, chẳng có cách nào. Chẳng thể bước vào; hễ vào, nhất định sẽ đạp chết chúng. Vì thế, tôi thương lượng với chúng nó, cũng chẳng hiểu chúng từ đâu đến, tôi bảo chúng: “Quý vị từ đâu vào thì vẫn nên theo đường đó trở ra”. Tôi nói: “Sáng sớm, tôi phải dùng phòng vệ sinh, xin quý vị thứ lỗi”. Chẳng thể vào phòng vệ sinh, tôi bèn ra ngoài tản bộ. Tôi tản bộ chừng nửa tiếng đồng hồ, quay về. Khi trở về, lại vào phòng vệ sinh, một con kiến cũng chẳng còn, đều đi hết rồi. Vì thế, động vật có linh tánh, chớ nên giết hại. Quý vị giết hại, sẽ kết oán cừu cùng chúng. Mỗi con vật cũng đều là một mạng, nó cũng hiểu. Còn có một đồng tu kể với tôi, trong Phật đường tại nhà họ cũng có kiến, họ học theo phương pháp của chúng tôi, bảo: “Bồ Tát kiến đừng nên quấy nhiễu!” Kiến thật sự bỏ đi. Nhưng trên bàn Phật còn có bốn con kiến bò tới, bò lui: “Đương nhiên là chúng con cũng chẳng thể giết chúng nó, chẳng thể tổn thương chúng nó, cứ nghĩ bốn con kiến ấy không nghe lời. Cớ sao những con khác bỏ đi rồi, các người vẫn chưa đi?” Buổi tối, nghiễm nhiên nằm mộng, kiến tới báo mộng: “Chẳng phải là bốn con kiến không đi! Bốn con ấy phụ trách tuần tra!” Khi ấy mới hiểu rõ, chúng nó vẫn là có tổ chức. Bốn con kiến ấy đến đó để coi còn có con kiến nào hay không. Nó có chung linh tánh như con người!

Vì thế, không chỉ là những động vật ấy có linh tánh, mà hoa cỏ, thảo mộc cây đều có linh tánh. Ngàn muôn phần đừng xem thường cây cỏ. Cây cỏ đều có thần. Thần thảo mộc giống như trẻ thơ, giống như trẻ con. Bởi có thần cây, thần hoa, thần thảo mộc chẳng giả tí nào, chúng ta phải dùng cái tâm yêu thương để đối đãi, phải dùng tâm cung kính để đối đãi. Trong tâm chúng ta hoan hỷ, trong cuộc sống hằng ngày xác thực là thường sanh tâm hoan hỷ. Khổng lão phu tử nói về niềm vui đọc sách: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui ư?) Nếu quý vị hiểu niềm vui học Phật,

[sẽ cảm nhận] còn vui sướng hơn đọc sách. Học Phật xác thực là tâm yêu thương trọn khắp pháp giới, thiện ý tràn đầy nhân gian, lẽ đâu chẳng vui sướng cho được? Vì thế, học Phật pháp thì phải thực hiện trong cuộc sống.

Chúng ta biết linh tánh của hết thảy chúng sanh đều là bất sanh bất diệt. Chúng ta nói “*linh tánh*”, “*linh hồn*”, hay “*thần thức*”, vẫn thuộc về cá thể, nhưng nói theo Hoa Nghiêm lại khác hẳn. Hoa Nghiêm nói vô lượng vô biên cá thể là một chỉnh thể. Chỉnh thể ấy là gì? Là Pháp Thân. Điều này rất khó hiểu; do đó, trong các buổi giảng, chúng tôi thường dùng tỷ dụ để nói. Chúng tôi sánh ví thân người như Pháp Thân, đó là một chỉnh thể. Những linh thể cá biệt là gì? Giống như các tế bào trên thân chúng ta. Các nhà khoa học cho biết trên thân thể con người có bao nhiêu tế bào? Tôi chẳng nhớ rõ cho lắm! Đã rất nhiều năm thấy một đoạn nói như thế, khoảng sáu mươi vạn ức. Tế bào trên thân thể con người là sáu mươi vạn ức, sáu mươi vạn ức [tế bào ấy] giống như những sanh mạng thể cá biệt hợp thành một thân thể. Vì thế, nhà Phật nói là Pháp Thân, Pháp Thân trọn khắp hết thảy mọi nơi.

Do vậy có thể biết, trong giáo pháp Đại Thừa, nói theo giáo pháp Nhất Thừa, toàn thể vũ trụ là một Pháp Thân. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Trong phần trước, chúng ta đã đọc điều này. Điều này xuất hiện rất nhiều lần trong kinh Hoa Nghiêm, không chỉ là một lần. “*Một tâm, một trí huệ; lực vô úy cũng thế*”. Nếu quý vị thật sự khẳng định, thừa nhận lời giáo huấn như vậy của đức Phật, sẽ biết vạn hữu trong vũ trụ và chính mình là một Thể, lẽ nào có thể chẳng yêu thương? Cái tâm thân ái tự nhiên sanh khởi, lẽ nào có thể chẳng kính trọng vạn sự vạn vật trong vũ trụ! Sống trong quan niệm ấy, cách suy nghĩ tốt đẹp dường ấy, chẳng có chuyện gì bất thiện!

Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo là bộ kinh nhập môn đầu tiên của Phật môn. Trong kinh ấy, đức Phật đã dạy chúng ta: Bồ Tát là một người học Phật, đây là tiếng Ấn Độ, có nghĩa là “người giác ngộ”. Người Hoa luôn chuộng đơn giản, tiếng Phạn là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva), người Hoa phiên dịch, dùng chữ Bồ trong Bồ Đề và chữ Tát trong Tát Đỏa, các âm cuối đều lược bớt, nên gọi là Bồ Tát. Bồ Đề (Bodhi) có nghĩa là “giác ngộ”, Tát Đỏa (sattva) nghĩa là “*chúng sanh*”. Vì thế, Bồ Đề Tát Đỏa nghĩa là “*chúng sanh giác ngộ*”. Chúng sanh giác ngộ là người học Phật. Đệ tử Phật đều được gọi là Bồ Tát. Đức Phật nói: “*Bồ Tát có một pháp có thể đoạn hết thảy các nỗi khổ trong thế gian*”, câu nói này tuyệt diệu quá! “*Hết thảy thế gian*” là mười pháp giới, tức là mười pháp giới trong hết thảy các cõi Phật khắp pháp giới hư không giới, phạm vi quá rộng lớn. Pháp ấy là pháp gì vậy? “*Thường niệm thiện pháp*” chính là thiện tâm. “*Tư duy thiện pháp*”

tức là tư tưởng thiện. “*Quan sát thiện pháp*” tức là hành vi thiện, lại còn khiến cho các thiện pháp ấy niệm niệm tăng trưởng, chẳng để cho mây may bất thiện xen tạp, quý vị có thể lia nổi khổ trong hết thấy ác đạo. Thiện là Tánh Đức, bản tánh vốn lành, Pháp Tánh vốn lành, Pháp Thân vốn lành, Tánh Đức vốn lành. Do đâu mà có bất thiện? Bất thiện sanh từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kinh Đại Thừa thường gọi vọng tưởng là vô minh phiền não. Vô minh là mê, nhìn sai chân tướng sự thật, nghĩ sai, chẳng biết chân tướng sự thật. Nhìn sai, nghĩ sai, quý vị nhất định sẽ nói sai, làm sai, trái nghịch Tánh Đức, trái nghịch thiện pháp.

Thập Thiện là Tánh Đức, vốn có sẵn trong tâm của chính quý vị. Bất thiện là Thập Ác, thân làm chuyện giết, trộm, dâm; đây là trái nghịch tự tánh. Trong tự tánh chẳng có giết, trộm, dâm. Khẩu nghiệp là nói dối, nói dối chiều, nói thô ác, nói thêu dệt, trong tự tánh chẳng có [những thứ ấy]. Đây là đã trái nghịch tự tánh. Trong tự tánh chẳng có tham, sân, si. Tất cả hết thấy bất thiện chẳng liên quan đến tự tánh. Chân tâm bản tánh của chính mình thuần tịnh, thuần thiện. Điều này chẳng hiếm hoi, lạ lùng, ai nấy đều có. Không chỉ là có, mà còn chẳng khác chư Phật, Bồ Tát. Vì sao hiện thời biến thành tình trạng như thế? Do đã mê mất tự tánh, mê mất chân tâm, hiện thời dùng gì? Vọng tâm. Chúng ta thường nói là “*hư tình giả ý*”. Nếu là kẻ chẳng giác ngộ, thấy đều sử dụng vọng tâm. Vọng tâm chẳng đáng tin cậy, lạnh nóng vô thường, biến đổi trong từng sát-na, chẳng giống chân tâm. Chân tâm vĩnh hằng bất biến, còn vọng tâm biến đổi trong từng sát-na.

Chúng sanh trong lục đạo toàn sử dụng vọng tâm. Vì thế, bậc thánh nhân liễu giải, chúng sanh từ vô thủy kiếp tới nay đã mê, mê mất, cái tâm họ sử dụng trong hiện thời toàn là vọng tâm, vậy thì làm như thế nào? Phải dạy dỗ. Do đó, giáo dục được hưng khởi từ chỗ này. Mục tiêu chung cực của giáo dục là khiến cho quý vị trở về bản thiện, buông xuống toàn bộ bất thiện, trở về bản thiện; đây là mục tiêu giáo dục của thánh hiền. Khôi phục bản thiện, bản thiện là vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo. Vì thế, chỉ cần hồi phục bản thiện, vấn đề gì cũng đều được giải quyết, toàn bộ tất cả hết thấy bất thiện sẽ đều chẳng thấy nữa!

Hiện thời, những sự kiện xung đột trong thế gian này quá nhiều. Vì vậy, gần như trong nửa thế kỷ nay, đúng là các chuyên gia, học giả, bậc chí sĩ, người có lòng nhân trên cả thế giới đều suy nghĩ làm thế nào để hóa giải xung đột. Xung đột đã đem lại khổ nạn quá nghiêm trọng cho chúng sanh. Xung đột là bất hòa, chẳng có tâm yêu thương, chỉ có oán hận, chuyện này phiền phức lắm. Tôi cũng bị trường học tìm đến, mời tham gia nghiên cứu, thảo luận với các giáo sư trong nhà trường. Chúng tôi dùng phương thức tọa đàm, [người tham dự] toàn là giáo sư

các trường, theo đuổi khóa trình ấy. Đại học Côn Sĩ Lan (Queensland) có học viện hòa bình. Các giáo sư thuộc học viện hòa bình mở hội nghị tọa đàm, trước tiên, tôi nghe họ báo cáo. Lần đầu tiên, khi họ mời tôi [tham dự], trường họ đã thành lập học viện ấy tám năm. Nhưng trong tám năm, thế giới mỗi năm một đọa lạc hơn, chẳng tăng tấn, tàn số xung đột mỗi năm tăng cao, đem lại tai hại mỗi lần một nghiêm trọng hơn, đúng là phiền phức. Do vậy, sau sự kiện Mười Một tháng Chín, hiệu trưởng tìm tôi, muốn tôi gặp gỡ mọi người, vì họ biết trong quá khứ tôi ở Tân Gia Ba đã đoàn kết chín tôn giáo. Xác thực là hiện thời Tân Gia Ba có mười tôn giáo, mười tôn giáo là anh chị em một nhà, hết sức hòa thuận. Mỗi lần tôi qua Tân Gia Ba, sẽ đều mời họ, chúng tôi tụ họp dùng cơm với nhau một bữa để kết nối tình cảm.

Sau khi nghe báo cáo, mới biết những phương pháp họ sử dụng trước nay quá nửa là dùng cách trấn áp, dùng vũ lực báo thù, các phương pháp ấy chẳng thể giải quyết vấn đề, hiệu quả hoàn toàn tương phản, kết oán cừ càng sâu hơn. Vì thế, mới phát hiện có những phần tử khủng bố lập tổ chức báo thù. Do vậy biết phương pháp ấy chẳng thể thực hiện suông sẻ được, hy vọng thật sự dùng phương pháp hòa bình để giải quyết. Phương pháp hòa bình đương nhiên là dùng đàm phán, hội nghị, họ có thể tiếp nhận hay không? Người ta bị thua thiệt, bị tai ương, họa hoạn, quý vị bồi thường bằng cách nào? Quý vị giết người ta, dùng phương pháp gì để bù đắp? Quá khó! Dùng phương pháp hòa bình.

Tôi tham dự buổi tọa đàm, nêu ý kiến: Trước hết, quý vị phải tìm ra căn nguyên xung đột, hóa giải từ căn bản thì mới có thể thu được hiệu quả. Căn nguyên ở chỗ nào? Bọn họ chẳng nghĩ đến điều này, căn nguyên ở trong gia đình. [Căn nguyên trong] gia đình là ở chỗ nào vậy? Gia đình từ vợ chồng. Vợ chồng xung đột, ly hôn. Vợ chồng ly hôn, gia đình vỡ nát. Chẳng có con cái thì còn đỡ; nếu có con cái, sẽ tạo nghiệp quá nặng. Trẻ nhỏ từ bé, tình yêu thương của cha mẹ ảnh hưởng tới nhân cách cả đời nó. Nếu cha mẹ ly dị, trẻ nhỏ sống trong hoàn cảnh chẳng có tình yêu thương của song thân, sẽ dưỡng thành một thứ tánh cách bất bình thường, tỷ lệ phạm tội nhiều nhất trong xã hội là chúng nó. Vì thế, tôi bảo mọi người, trong nhiều năm ngàn ấy, tôi đã đi qua rất nhiều nơi, chọn lựa nơi cư trú nào thỏa mãn hai điều kiện thì tôi sẽ chọn sống tại nơi ấy. Thứ nhất là nơi ấy có tỷ lệ ly hôn thấp, thứ hai là tỷ lệ thanh thiếu niên phạm tội thấp. Nếu nói là “chẳng có” thì gần như tìm không ra, chỉ có thể tìm nơi có tỷ lệ phạm tội thấp, tỷ lệ ly hôn thấp, xã hội sẽ còn có thể duy trì, tôi sẽ chọn lựa nơi ấy, khảo thị cho họ như vậy đấy!

Về sau, họ mời tôi tham dự các hội nghị hòa bình quốc tế, tôi tham gia năm lần, tham gia luận đàn hòa bình hai lần, tổng cộng đã

tham gia bảy lần. Hội nghị có thể giải quyết hay không? Chẳng thế. Liên Hiệp Quốc đã mở hội nghị hơn ba mươi năm, chẳng có hiệu quả. Vì thế, tôi đã nghĩ đến phương pháp do tổ tiên đã dạy. Trung Hoa là một nước lớn, dân cư đông đúc ngàn ấy, lãnh thổ to ngàn ấy, từ thời Tần - Hán thống nhất mãi cho đến hiện thời, quốc gia vẫn duy trì được cục diện thống nhất, chẳng chia năm xẻ bảy, điều này đã khiến cho khá nhiều học giả, chuyên gia ngoại quốc bội phục, tôn kính. Đây là do sức mạnh nào tạo thành? Dạy học. Vì thế, trong thiên Học Ký [của sách Lễ Ký] đã nói: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Xây dựng nước nhà, cai trị nhân dân, dạy học làm đầu). Nay trong các hội nghị quốc tế, tôi thêm vào một câu, [trở thành]: “*Kiến quốc quân dân, tu thân vi bản, giáo học vi tiên*” (Xây dựng nước nhà, cai trị nhân dân, tu thân làm gốc, dạy học làm đầu), mười hai chữ ấy sẽ thật sự có thể giải quyết vấn đề. Trung Hoa do dựa vào mười hai chữ ấy, khiến cho một quốc gia to như vậy, dân chúng phức tạp như thế, trong hai ngàn năm qua đã bình an vô sự, thật sự đạt được đoàn kết, hài hòa, kính trọng lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Có thể cổ động áp dụng phương pháp ấy trên toàn thế giới, có thể giúp cho thế giới hóa giải xung đột, xúc tiến an định, hòa bình. Nhưng chúng tôi nói lời ấy, xác thực là trong hội nghị, sự giảng diễn của chúng tôi rất được người khác tôn trọng, nhưng sau hội nghị, người ta hỏi tôi: “Thưa pháp sư! Lý tưởng của thầy rất hay, thực hiện bằng cách nào? Nếu chẳng thể thực hiện thì vẫn như không!” Do vậy, trong nhiều năm ngàn ấy, mọi người hầu như mất lòng tin đối với hòa bình, xác thực là có thể nói là hiện thời tín tâm đối với hòa bình đang gặp nguy cơ. Quý vị nói thì được, nhưng làm bằng cách nào? Biến thành một thứ khẩu hiệu rỗng tuếch!

Trong mười mấy năm gần đây, từ lúc ở nước Mỹ, tôi có ý niệm như vậy, muốn dùng một xã khu để thí nghiệm. Dầu sao ở ngoại quốc, văn hóa khác nhau, chẳng dễ kiến lập tín tâm, vì trước nay chưa hề có. Người ta hoài nghi quý vị, rốt cuộc là quý vị làm gì? Quý vị có mưu đồ gì? Có mục đích gì? Hết sức khó khăn! Tôi ở Mỹ cũng không bao lâu liền rời khỏi. Muốn làm tại Tân Gia Ba, nhưng duyên chẳng chín muồi. Khi đó, chúng tôi muốn thực hiện bằng phương thức Di Đà Thôn. Ý tưởng thành lập Di Đà Thôn đã có tại Mỹ. Chẳng mua được cuộc đất tại Tân Gia Ba! Chúng tôi cũng đã đi xem rất nhiều, giá tiền rất cao, nhưng vẫn có sức, thế mà mua không được! Vì thế đến Úc, đất đai ở Úc rẻ, nhưng duyên cũng chẳng chín muồi. Chúng tôi ở một thành phố nhỏ rất hẻo lánh, vì nơi ấy hoàn cảnh thanh tịnh, là nơi rất tốt để tu hành, đọc sách, đất rộng, người ít. Các đồng tu ở Hương Cảng có người đã đến thăm, đúng là hết sức hâm mộ, đất đai rất rẻ, chẳng sánh bằng Hương Cảng [về mức độ đất đỏ], cũng là duyên chẳng chín muồi.

Ví thế, năm trước, tôi trở về thăm quê nhà. Mấy chục năm chẳng

quay về thăm phụ lão huynh đệ tại quê nhà, trình bày lý tưởng của tôi, lãnh đạo địa phương nghe nói rất hoan nghênh. “*Làm ngay ở quê nhà*” được khuyến nhủ như thế đó, chúng tôi bắt đầu mong thực hiện ở đó, thật sự làm. Tháng Mười Một năm ngoái, chúng tôi mở lớp, mở khóa học để chiêu mộ một nhóm giáo viên, dạy hai tháng rồi mới phân phối những giáo viên ấy về nông thôn, hương thôn dạy dỗ. Chẳng ngờ trong hai tháng đã thấy hiệu quả rất tốt, tín tâm của chúng tôi sanh khởi. Vì thế, tôi rất muốn đem kinh nghiệm này giới thiệu với Liên Hiệp Quốc, giới thiệu với những khu vực và quốc gia trên thế giới, hãy mở lớp dạy học, lấy thân làm gương, “*dạy học làm đầu*”, xác thực là có thể đạt được nguyện vọng của mọi người: “Xã hội hài hòa, thế giới hài hòa, thật sự hóa giải xung đột”. Nói chung, chân thành, cung kính sẽ nắm vững sự việc ấy, vấn đề được giải quyết, có thể thực hiện nguyện vọng. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học hai bài kệ này tới đây!

Tập 1563

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ bảy trong phần Kế Tụng, xem từ bài kệ thứ mười ba:

(Kinh) Kiến tâm sĩ nhân, đương nguyện chúng sanh, cụ tâm sĩ hạnh, tàng hộ chư căn.

(經) 見慚恥人。當願眾生。具慚恥行。藏護諸根。

(Kinh: Thấy người hổ thẹn, nguyện cho chúng sanh, trọn hạnh hổ thẹn, che giữ các căn).

Đây cũng là chuyện sẽ gặp trong khi khát thực. Đối với những người này, từ bài kệ thứ bảy cho đến bài kệ thứ mười bốn, tổng cộng là tám bài kệ đều là nói đến người cúng dường. Tâm thái của người cúng dường khác nhau, căn tánh khác nhau, có thể nói là các loại, các hạng người nào cũng có. Khi khát thực mà gặp gỡ [những người ấy], sẽ dẫn phát đại nguyện xứng tánh của Bồ Tát. Gặp gì vậy? Gặp người có lòng hổ thẹn, biết xấu hổ, người như vậy rất khó có. Đây là người tốt. Vì thế, Bồ Tát phát nguyện [chính mình] cũng trọn đủ tâm hổ thẹn, cũng tức là trọn đủ hành vi biết nhục. “Hổ thẹn, biết nhục” sẽ có thể “*hộ chư căn*” (gìn giữ các căn). Hiện thời, xã hội động loạn, tại Trung Hoa, trình độ của học nhân trong ba nhà Nho, Thích, Đạo xác thực là “*đọa lạc ngàn trượng*” như cổ nhân đã nói! Người thật sự tu hành ít ỏi; chẳng phải là không có, mà là đại đa số đều chẳng đúng pháp. Có nghĩa là chẳng có kẻ thật sự y giáo phụng hành. Đây chính là điều mà hai bài kệ, tức bài kệ này và bài kệ kế tiếp muốn nói tới.

Trước hết, chúng tôi giải thích “*tàm quý*” là gì? Trong Bách Pháp Minh Môn Luận có nói hai mươi sáu loại phiền não: Sáu Căn Bản Phiền Não, tám Đại Tùy Phiền Não, hai Trung Tùy Phiền Não, còn có mười Tiểu Tùy Phiền Não. Nói thật ra, Tùy Phiền Não hết sức nghiêm trọng. Đối với hai mươi sáu món phiền não trong Bách Pháp, Du Già Sư Địa Luận đã nói rộng [các món phiền não], Thiên Thân Bồ Tát quy nạp sáu trăm sáu mươi pháp trong Du Già Sư Địa Luận thành một trăm pháp. Ngài đơn giản hóa vì đối với người sơ học, [nói theo kiểu ấy] sẽ tiện lợi khá nhiều! Người sơ học mà học nhiều quá, sẽ chẳng dễ dàng khế nhập được! Không chỉ là chẳng dễ khế nhập, mà ngay cả nhớ cũng chẳng nhớ nổi. Đã nhớ không nổi, làm sao quý vị có thể quán tưởng cho nổi? Trong cuộc sống hằng ngày, quá rắc rối, quý vị sẽ chẳng dấy khởi [quán tưởng] được. Vì thế, phải nắm lấy cương lĩnh của hành môn, càng đơn giản càng hay! Tàm và Quý là hai món thuộc Trung Tùy trong Tùy Phiền Não. Trung Tùy gồm có hai món, tức là Tàm và Quý. Tàm (慚) có nghĩa là gì? Chính là cái mà ta nay thường nói là ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chúng ta thường nói là có thẹn với lương tâm hay không? Đây là “*cụ túc tàm quý*” (trọn đủ lòng hổ thẹn). Quý (愧) là gì? “*Quý*” là dư luận, tức là sự phê bình từ dư luận bên ngoài. Người Hoa nói Tàm là “lương tâm”, tức là đối với chính mình. Quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, bèn tự hỏi chính mình: “Có xấu hổ đối với lương tâm của chính mình hay không?” Đương nhiên là bên trong chẳng trái nghịch lương tâm, bên ngoài sẽ tự nhiên chẳng bị dư luận phê bình, chỉ trích, sẽ chẳng có! Vì thế, vào thời cổ, hai điều này chính là thiện hạnh.

Vô Tàm, Vô Quý là phiền não. Đây là Trung Tùy Phiền Não. Chúng ta thường gọi Vô Tàm bằng một thuật ngữ là “*chẳng có lương tâm*”, Vô Quý là chẳng sợ người khác phê bình, chẳng quan tâm lời chỉ trích của kẻ khác, kẻ ấy vẫn cứ làm như thế! Do vậy có thể biết, hai chữ Tàm Quý, [tức là] trọn đủ lòng hổ thẹn đã uốn nắn, quy định hành vi của chính mình. Nhất định phải nghĩ bản thân chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng và tạo tác có đúng pháp hay không? Người Hoa phản tỉnh: [Chính mình] có xứng đáng với cha mẹ hay không? Có thể xứng đáng với tổ tiên hay không? Có xứng đáng với thiên lương của chính mình hay không? Đây là trọn đủ lòng thẹn. Có thể chẳng khiến cho kẻ khác phê bình, chỉ trích ta (chẳng đến nỗi bị dư luận chỉ trích) hay không? Đây là sức mạnh từ bên ngoài ràng buộc chính mình. Không Tử biên soạn kinh Xuân Thu, trong kinh Xuân Thu có những lời phê bình. Thiện thì khen ngợi, đối với ác thì những hành vi ác thầy đều viết ra. Viết ra những chuyện ấy để người đương thời và kẻ đời sau trông thấy những lời phê bình ấy, kẻ trọn đủ hổ thẹn sẽ chẳng dám làm chuyện sai quấy, xấu xa. Đó là kinh Xuân Thu dấy lên tác dụng. Xuân Thu là [bộ

sử ghi chép những sự kiện] khởi đầu của lịch sử Trung Hoa, dụng ý của nó là ở chỗ này. Nếu [là kẻ] chẳng biết thẹn, vô sỉ, đối với kẻ ấy, kinh Xuân Thu của Khổng Tử chẳng dấy lên tác dụng! Kẻ đó làm chuyện ác, chẳng màng người khác phê bình, chỉ quan tâm dục vọng tham lam của chính mình, chẳng nghĩ đến thứ gì là luân lý hay đạo đức chi cả! Về căn bản, kẻ đó chẳng quan tâm đến những thứ ấy; đây chính là “vô tâm, vô sỉ”.

Trong đoạn này, Thanh Lương có chú giải. Chúng ta xem lời chú giải của ngài Thanh Lương:

(Sớ) Tàng hộ chư căn giả, Du Già danh thiện thủ căn môn.

(疏)藏護諸根者，瑜伽名善守根門。

(Sớ): “Che giữ các căn”: Luận Du Già gọi [chuyện này] là “khéo giữ căn môn”.

“Du Già” là Du Già Sư Địa Luận. Du Già Sư Địa Luận nói là “*thiện thủ căn môn*”, còn ở đây [kinh Hoa Nghiêm] nói là “*tàng hộ chư căn*”.

(Sớ) Tịnh Danh vân.

(疏)淨名云。

(Sớ): Kinh Tịnh Danh nói).

Tịnh Danh là kinh Duy Ma Cát, kinh nói khá tỉ mỉ!

(Sớ) Sở kiến sắc dữ manh đẵng, nãi chí vân, tri chư pháp như huyễn tướng thị dã.

(疏)所見色與盲等，乃至云，知諸法如幻相是也。

(Sớ): “Trông thấy sắc giống như mù” v.v... cho đến nói “nghe, biết các pháp như huyễn tướng” thì chính là [“khéo giữ các căn”] vậy).

Nói kiểu này chúng ta vẫn rất khó hiểu, Thanh Lương đại sư biết rõ; vì thế, sau đó, Ngài lại viết lời chú giải. Chú giải của chú giải thì gọi là Sao. Trong phần Sao đã nói cặn kẽ. Chúng ta hãy xem lời Sao của Ngài:

(Sao) Du Già danh “thiện thủ căn môn” giả, tức đệ nhị thập tam luận.

(鈔)瑜伽名善守根門者，即第二十三論。

(Sao): Luận Du Già gọi là ‘khéo giữ căn môn’ tức là [như trong] quyển thứ hai mươi ba [trong bộ luận ấy]).

Du Già Sư Địa Luận gồm một trăm quyển, “*nhị thập tam*” tức là quyển thứ hai mươi ba. Trong quyển hai mươi ba, có một đoạn như thế này:

(Sao) Vân hà căn luật nghi?

(鈔)云何根律儀。

(Sao: Luật nghi căn bản là như thế nào?)

“*Căn*” (根) là căn bản, cũng là “*căn môn*” (根門) đang nói ở đây. “*Căn*” là gì? Sáu căn. Sáu căn thống nhiếp hết thấy thiện ác. Trong lời chú giải, đại sư đã giải thích:

(Sao) Vị như hữu nhất năng thiện an trụ, mật hộ căn môn, phòng thủ chánh niệm, nãi chí quảng thuyết. Vân hà danh vi “mật hộ căn môn”? Vị phòng thủ chánh niệm, thường ủy chánh niệm, nãi chí phòng hộ Ý Căn, cập chánh tu hành Ý Căn Luật Nghi đẳng.

(鈔)謂如有一能善安住，密護根門，防守正念，乃至廣說。云何名為密護根門？謂防守正念，常委正念，乃至防護意根，及正修行意根律儀等。

(Sao: Nghĩa là nếu như có người có thể khéo an trụ, gìn giữ căn môn nghiêm ngặt, canh giữ chánh niệm, cho đến nói rộng rãi [như những điều sau đó]. Thế nào là “gìn giữ căn môn nghiêm ngặt”? Chính là canh giữ chánh niệm, thường nương cậy chánh niệm, cho đến gìn giữ, hộ trì Ý Căn và tu hành các luật nghi để gìn giữ cho Ý Căn chánh đáng v.v...)

Đây là một đoạn. Chúng ta xem đoạn này, ý nghĩa cũng rất rõ rệt. Từ ngữ “*căn môn*” như trong luận Du Già đã nói chính là Ý Căn.

Xác thực là Giới Kinh thường dạy chúng ta, mà trong kinh luận cũng nói hết sức nhiều. Giới kinh bảo “*ước thân như thừng*” (ràng buộc cái thân như dây). Chúng ta ước thúc hành vi của chính mình (tức sự tạo tác nơi thân thể) giống như bị buộc dây vậy. Dây thừng gồm có mấy mối xoắn với nhau. Nếu quý vị chẳng thắt nút, khi thả lỏng, nó sẽ bung ra. Vì thế, nhất định phải tuân thủ. Đó là “*ràng buộc cái thân*”. “*Thủ khẩu như bình*” (Giữ miệng kín như cái bình). Chúng ta biết cái bình bụng to, miệng rất nhỏ, giống như con người vậy. Một người giống như cái bình, “*miệng*” là miệng bình, hãy khéo gìn giữ, chớ tạo khẩu nghiệp. “*Phòng ý như thành*” (Phòng thủ ý niệm giống như phòng thủ thành trì), “*ý*” là gì? Ý là ý niệm. Hãy phòng thủ ý niệm giống như ngăn giữ cửa thành. Giới kinh nói như thế đó! Thủ hộ ba nghiệp, Ý là căn cội. “*Căn môn*” chính là Ý Căn. Ý niệm tốt lành, lời

lẽ và hành vi của quý vị nhất định đều là thiện. Ý niệm bất thiện, thân và miệng mới tạo nghiệp. Nói chung, chẳng ngoài Thập Thiện. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật cũng dạy chúng ta như vậy. Lời lẽ tuy biến đổi đôi chút, nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng; nhưng đối với thứ tự ấy, kinh Vô Lượng Thọ đã xếp Khẩu vào hàng đầu: *“Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá. Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi. Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm”* (Khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng gièm chê lỗi lầm của người khác. Khéo giữ thân nghiệp, chẳng đánh mất luật nghi. Khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh chẳng nhiễm), có ý nghĩa hoàn toàn giống như những gì luận [Du Già Sư Địa] đã nói.

Đối với một người, con người chẳng thể không tu hành. Bởi lẽ, mọi người trông thấy người xuất gia hoặc đạo sĩ, [thường nghĩ] đó là người tu hành. Nói cách khác, [hễ trông thấy] kẻ chẳng xuất gia, chẳng tu đạo thì [đều cho rằng người ấy] chẳng phải là tu hành. Đây chính là vì chẳng hiểu ý nghĩa bao hàm trong hai chữ Tu Hành. Từ xưa tới nay, chỉ cần là người, sẽ không thể chẳng tu hành. Phải giải thích hai chữ *“tu hành”* như thế nào? *“Hành”* (行) là hành vi, tức là nói đến ba nghiệp thân, miệng, ý; nói đến ba chuyện ấy. *“Hành”* là hành vi. Hành vi nơi thân là động tác, nhất cử nhất động, nói theo Nho gia thì phải *“đúng lễ”*. Lễ quy định các hành động của chúng ta sao cho hợp lễ. Đối với ngôn ngữ, khởi tâm động niệm, các quy định, khuôn phép của lễ giống như giới luật trong nhà Phật. Lễ để làm gì? Tu thân. Tổng cương lãnh, tổng nguyên tắc [để tu thân] ở trong kinh điển.

Thời cổ, bất luận là ai, có đi học hay không, đều nghe biết đạo lý *“tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”*, tu thân được xếp đầu tiên! Sách Đại Học đã nói rất hay: *“Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân”* (Từ nhà vua cho đến dân thường), trên là từ đế vương cho đến dân chúng tầm thường, *“thứ nhân”* (庶人) là dân chúng bình phàm. *“Nhất thị giai dĩ tu thân vi bản”* (Nhất loạt lấy chuyện tu thân làm gốc). Quý vị nói xem, có cần phải tu hay không? Tu thân, *“thân”* bao gồm ngữ và ý. Nhất loạt lấy chuyện tu thân làm gốc, vậy thì có thể nào chẳng tu hành? Thân thể của chúng ta tạo tác, ngôn ngữ, khởi tâm động niệm, cách nghĩ, cách nhìn sai lầm; sửa đổi những thứ sai lầm ấy thì gọi là *“tu hành”*. Vì thế, đối với chuyện tu hành trong thời đại hiện tại, chẳng thể không bổ sung mấy chữ vì sợ mọi người hiểu lầm: [Tu hành là] *“tu chỉnh hành vi sai lầm”*, mọi người đều hiểu rõ. Cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta sai lầm, đây là hành vi nơi khởi tâm động niệm, là hành vi nơi kiến giải và tư duy, hành vi ấy sai lầm, phải tu chỉnh. Ngôn ngữ và hành vi sai lầm, những thứ nào sai lầm? Nói dối là sai lầm, nói đâm thọc là sai lầm, ăn nói rất thô lỗ là sai lầm, hoa ngôn xảo ngữ lừa gạt kẻ khác là sai lầm, phải sửa chữa! Sửa chữa là tu hành. Khởi tâm động niệm ích kỷ là sai lầm. Tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng là sai lầm. Sân khuyển, nổi cáu là sai

lầm. Chẳng có năng lực phân biệt đúng, sai, tà, chánh thì là sai lầm! Hễ có sai lầm, đều phải nên tu chỉnh, đây là tu hành.

Người biết tu hành bèn nắm lấy căn bản. Căn bản là khởi tâm động niệm. Niệm chánh, tâm chánh, tư duy chánh, hết thảy đều chánh. Ở đây nói là “*tàng hộ chư căn*” (che giữ các căn). “*Chư căn*” ở đây là lục căn; lục căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, nhưng “*thiện thủ căn môn*” như trong luận Du Già đã nói có cùng một ý nghĩa với những điều kinh này đã dạy. “*Căn môn*” được nói trong bộ Luận ấy cũng là sáu căn. Lời chú giải đã giảng giải khá cặn kẽ. Vì thế, chúng ta phải biết “*thiện hộ chư căn*” (khéo bảo vệ các căn) cậy vào đâu? Phải cậy vào lòng hổ thẹn, phải biết nhục!

Có một năm, tôi giảng kinh ở Hưu Sĩ Đồn (Houston), Hoa Kỳ, gặp giáo sư Thái, tức con trai của lão cư sĩ Thái Niệm Sanh. Thuở ấy, Thái lão cư sĩ cũng sống tại Đài Trung, chúng tôi thường gặp gỡ. Khi đó, con trai cụ du học tại Mỹ. Khi tôi giảng kinh tại Mỹ, anh ta đã dạy học tại Mỹ. Có một hôm, chúng tôi dùng cơm với nhau, anh ta bảo tôi: “Hiện thời, xã hội động loạn, bại hoại, nhân tố chung là do chẳng biết nhục”. Tôi nghe anh ta nói lời ấy, rất tán thành. Đúng thế! Chẳng biết nhục, chẳng biết thẹn vì sĩ nhục. Người đời thường nói chẳng cần mặt mũi là “*bất tri sĩ*”. Kẻ đó chuyện xấu gì cũng đều làm được, chẳng có lòng hổ thẹn. Vì vậy, thuở ấy, anh ta nói với tôi: “Chúng ta phải thành lập Tri Sĩ Học Xã. Chúng ta đề xướng phong trào này, hoàn toàn dùng sự biết sĩ nhục, biết hổ thẹn để cứu vãn lòng người”. Tôi nói: “Được lắm! Hoạt động này đáng tán thán, hãy nên phát huy rộng rãi”.

Chuyện này không chỉ là người Hoa, mà là người trên cả thế giới [đều như vậy], ai nấy đều có lương tâm. Quý vị xem Tam Tự Kinh mở đầu bằng câu: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*”, bản tánh vốn lành. Nói theo Phật pháp, bản tánh trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, thuần tịnh, thuần thiện. Trong bản tánh, chẳng có tất cả hết thảy những thứ bất thiện. Do đâu mà có bất thiện? Bất thiện là vì đã mê mất bản tánh. Mê mất bản tánh, nếu chúng ta hỏi có phải là chẳng biết nhục hay chẳng? Đúng thế! Ý nghĩa này rất sâu, rất rộng. Từ ý nghĩa sâu rộng này, [hãy nghĩ xem], người nào biết hổ thẹn? Người nào trọn đủ lòng hổ thẹn? Từ A La Hán trở lên, vượt thoát lục đạo luân hồi, nói thật đấy! Bất luận chúng ta tốt đẹp như thế nào đi nữa, quý vị vẫn ở trong lục đạo, lẽ nào có thể chẳng có lỗi với lương tâm của chính mình ư? Lẽ nào quý vị có thể chẳng có lỗi với bản tánh của chính mình? Bản tánh của quý vị vốn lành, có sao lại phải vào lục đạo để luân hồi? Vì thế, nói nghiêm ngặt, từ A La Hán trở lên mới coi như là trọn đủ hổ thẹn, thật sự biết nhục! Người đọa lạc trong lục đạo là đáng sĩ nhục, vì sao? Quý vị vốn đã thành Phật, có sao biến thành nông nổi này? Vốn trọn đủ lòng hổ thẹn, hổ thẹn là Tánh Đức, biết nhục là Tánh Đức.

Quý vị thấy trong Bát Đức của Trung Hoa, tức “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si”. Tám đức mục ấy là “nhân chi sơ, tánh bốn thiện”. Trong truyền thống Trung Hoa, tám đức mục ấy có hai cách nói. Tôi vừa mới nói theo cách thứ nhất. Sau đây, còn có một cách nói nữa là “trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình”. Hai cách nói! [So sánh giữa] hai cách nói ấy, có bốn chữ trùng lặp. Bỏ bốn chữ trùng lặp đi, sẽ là mười hai chữ, điều này rất viên mãn. Đối với mười hai chữ ấy, ở rất nhiều nơi, hiện thời, chúng tôi đều nói mười hai chữ. “Mười hai” cũng là viên mãn, một năm có mười hai tháng, một ngày có mười hai thời thân. Trung Hoa dùng con số mười hai. Tý, Sửu, Dần, Mão... là mười hai thời thân. Trong thân thể con người, có mười hai kinh mạch¹⁸ trọng yếu nhất. Vì thế, “mười hai” là một con số viên mãn. Chúng ta nói mười hai đức mục rất viên mãn, tức là “hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si, nhân, ái, hòa, bình”, hết sức viên mãn. Đây là Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh. Vì sao nay chẳng có? Chẳng có thì là điều si nhục! Có sao chẳng có? Đức Phật dạy: “Đã mê mất tự tánh”.

Người biết nhục, cổ nhân đã nói rất hay: “Tri si cận hồ dũng” (Biết nhục thì gần như là dũng cảm). Vì sao một người có thể dũng mãnh, tinh tấn, phát phần, gắng hết sức, sức mạnh ấy do đâu mà có? Sức mạnh ấy chẳng ngoài việc biết nhục. Sức mạnh ấy thúc đẩy kẻ đó, nói theo Phật pháp, sẽ là “động lực tinh tấn”. Thiện căn của Bồ Tát chỉ có một món là tinh tấn. Thiện căn thế gian có ba món, vô tham, vô sân, vô si là “ba thiện căn”. Căn cội của hết thảy các thiện pháp trong thế gian là không tham, không sân, không si. Sự tu hành trong Phật pháp đương nhiên là phải trọn đủ ba thiện căn thế gian. Chẳng có ba thiện căn thế gian, sẽ chẳng thể tu hành; nhất định phải trọn đủ những điều ấy! Trong ba thiện căn, còn có một thiện căn đặc thù: Tinh tấn chẳng lười nhác. Tinh tấn khiến cho một người từ Sơ Phát Tâm đạt tới địa vị Như Lai. Sau khi đã thành Phật, có nghỉ ngơi hay chẳng? Chẳng nghỉ ngơi, vẫn y như cũ, dũng mãnh tinh tấn ứng hóa trong mười pháp giới. Vì sao? Phổ độ chúng sanh. Cho đến khi ấy, quan niệm của người ấy lại khác hẳn: Trông thấy một chúng sanh còn chưa giác ngộ, còn chưa

¹⁸ Theo Trung Y, thân thể con người có mười hai đường kinh mạch chính (đúng ra là kinh mạch và lạc mạch). Mười hai đường ấy giống như mười hai “đại lộ” để khí huyết vận hành trong thân thể con người. Để dễ nhớ, có câu “thiệu” như sau: “Thủ tam âm, thủ tam dương, túc tam dương, túc tam âm” (Tay ba đường dương, tay ba đường âm, chân ba đường dương, chân ba đường âm). Nói cụ thể sẽ là Thủ Thái Âm Phế Kinh, Thủ Thiếu Âm Tâm Kinh, Thủ Quyết Âm Tâm Bao Kinh, Thủ Dương Minh Đại Trường Kinh, Thủ Thái Dương Tiểu Trường Kinh, Thủ Thiếu Dương Tam Tiêu Kinh, Túc Thái Âm Tỳ Kinh, Túc Thiếu Âm Thận Kinh, Túc Quyết Âm Can Kinh, Túc Dương Minh Vị Kinh, Túc Thái Dương Bàng Quang Kinh, Túc Thiếu Dương Đả Kinh.

thành Phật, bèn cảm thấy “đó là nỗi si nhục của ta”. Điều này cũng rất khó hiểu, đây là đạo lý gì vậy?

Người đã kiến tánh chẳng giống kẻ chưa kiến tánh! Kẻ chưa kiến tánh đang mê, chẳng biết chân tướng của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Do đó, tư duy của kẻ ấy hạn cuộc, chẳng viên mãn. Sau khi đã kiến tánh, biết chân tướng của vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Chân tướng là gì? Là một Thể. Kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chung Trí*”, “*mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Điều này chẳng dễ hiểu! Tôi thường nêu tỷ dụ. Chúng ta sánh ví toàn thể vũ trụ như thân người, mười pháp giới ví như các khí quan khác nhau của chúng ta. Hết thấy chúng sanh ví như những tế bào cấu tạo của các khí quan trên thân chúng ta. Bất cứ một tế bào nào trên thân chúng ta xuất hiện bệnh tật, chúng ta đều mong chữa lành. Nếu chẳng trị lành, lẽ nào ta chẳng có lỗi với nó? Từ tỷ dụ này, quý vị hãy chú tâm lãnh hội, sẽ hiểu cách quan sát của Phật, Bồ Tát chẳng giống chúng ta. Một chúng sanh chưa thành Phật, Tánh Đức chẳng viên mãn. Tánh Đức chẳng viên mãn là điều si nhục. Sau đây, quý vị mới hiểu vì sao chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát cảm ứng đạo giao cùng chúng sanh trong mười pháp giới. Chúng sanh có cảm, các Ngài bèn ứng, thật sự khiến cho chúng ta cảm thấy các Ngài chẳng nề hà vất vả, chẳng ngại nhọc nhằn, nơi nào có cầu, bèn ứng nơi ấy. Không chỉ là trên quả địa cầu này, mà là đối với vô lượng vô biên chúng sanh trong vô lượng vô biên thế giới giữa vũ trụ, hễ chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ có ứng.

Chẳng khó lãnh hội chuyện cảm ứng này! Chư vị đồng học có thể hơi khế nhập kinh giáo Đại Thừa đôi chút, chẳng cần nhiều; nếu chúng ta dùng tỷ lệ phần trăm để nói, quý vị thật sự có thể khế nhập một phần, hai phần, [tức là] một, hai phần trăm, quý vị sẽ có thể thấy rất rõ ràng! Thấy rõ ràng bằng cách nào? Quý vị có thể thấy chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trên thế gian, ngay trong lúc này, chỗ này, sẽ bị quý vị nhìn thấy, bị quý vị phát giác. Quý vị vẫn chẳng nhìn ra, nói cách khác, [chính là] ngay cả một phần, quý vị vẫn chẳng khế nhập! Hễ khế nhập một, hai phần thì sẽ nhìn ra. Ở chỗ nào? Đúng là không nơi nào, không lúc nào chẳng tồn tại! Chúng ta là những học nhân mới học Phật, là những học nhân mới phát tâm, cái tâm cảm ơn sẽ tràn trề nầy sanh, cái tâm biết nhục, cái tâm hổ thẹn đương nhiên cũng sanh khởi. Do vậy, mới thật sự hiểu ta phải nên y giáo tu hành, cảm kích ân đức của Phật, Bồ Tát, cảm kích ân đức của thầy, cảm kích ân đức của hết thấy thiện hữu. Đó gọi là “*trên đền bốn ân trọng, dưới cứu khổ tam đồ*”. Ai sai quý vị làm? Chẳng cần ai sai khiến. Ai đốc thúc quý vị? Chẳng cần ai đốc thúc! Quý vị sẽ tự động, tự phát đạt được pháp hỷ sung mãn. Nói theo kiểu của người bình phàm trong hiện thời, từ chỗ này, quý vị đạt được tin tức từ những chiều không gian khác nhau, đạt được khá nhiều

năng lượng. Đây là thuật ngữ nơi cửa miệng của những kẻ bình phẩm trong hiện thời. Nói theo thuật ngữ Phật pháp, [sẽ là] “*được chư Phật, Bồ Tát gia trì*”. Chúng ta nói là “*gia trì*”, còn người hiện thời nói là “*năng lượng, tin tức*”.

Do đó, nếu quý vị lãnh hội, sẽ hiểu rõ: Những gì khoa học, triết học và tôn giáo đã nói so với những gì đức Phật và các vị thánh hiền đã nói thì thuật ngữ hết sức bất đồng, nhưng cùng là một chuyện, có cùng một ý nghĩa. Đây là gì? Đây là thông, là xuyên suốt. Quý vị mới có thể lãnh hội câu nói trong Luận Ngữ: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ? Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui ư? Có bạn từ nơi xa đến, cũng chẳng vui ư?) Quý vị mới thật sự thấu hiểu! Chẳng khế nhập, sẽ chẳng thấu hiểu! Như thế nào thì chúng ta mới có thể khế nhập? Phiền não nhẹ nhàng. Tôi chẳng nói “*đoạn*”! Phiền não nhẹ nhàng, sẽ có thể khế nhập chút phần, tức một, hai phần. Nếu khế nhập năm, sáu phần thì phải đoạn một ít phiền não.

“*Đoạn*” ở đây có [hai loại là] chuyển biến và chế phục phiền não. Chế phục phiền não thì chúng ta có thể làm được, còn “*đoạn*” bằng cách chuyển biến, khó lắm! Đúng là chẳng dễ dàng! Nếu là chuyển, thừa cùng chư vị, vì sao tôi nói là “*chuyển*”? Phiền não và Bồ Đề là một Thể; khi mê thì gọi là “*phiền não*”, lúc ngộ thì gọi là Bồ Đề. Nếu quý vị nói “*đoạn phiền não*”, vậy thì Bồ Đề cũng đoạn, há có lẽ ấy! Do đó, chư vị phải hiểu, trong Phật môn thường nói “*đoạn phiền não*”, thật ra là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”. Chẳng có phiền não, thật sự đã đoạn phiền não, phiền não đã biến thành Bồ Đề. Vì thế, có lẽ chư vị cũng thường nghe trong Phật môn có nói “*phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng*” chính là đạo lý này. Đây là một đấng sáng, một đấng tối. Sáng tới, tối chẳng còn! Tối tới, sáng chẳng còn. Tiêu trừ và tăng trưởng lẫn nhau, có ý nghĩa như vậy đó. Vì sao? Thể của nó là tự tánh, tự tánh chẳng có sanh diệt, chỉ là mê hay ngộ khác nhau! Do vậy, phải hiểu thật sự là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*”.

Quý vị thấy trong giới kinh, chuyển xan tham (xan tham là phiền não) thành bố thí. Bố thí là Tánh Đức. Một người chẳng keo tham, sẽ hết sức khảng khái, hào phóng, vui thích bố thí. Chuyển ác nghiệp thành trì giới, chuyển sân khuê thành nhẫn nhục. Chúng ta dùng Lục Ba La Mật để nói, nói đến Lục Độ thì Lục Độ do đâu mà có? Do chuyển phiền não biến hiện ra. Vì thế, thông thường chúng ta nghe pháp sư giảng kinh, [thường nói] “*bố thí độ xan tham, trì giới độ ác nghiệp, nhẫn nhục độ sân khuê, tinh tấn độ giải đãi, Thiên Định độ tán loạn, Bát Nhã độ ngu si*”. Đây lại là nói quy nạp vô lượng vô biên phiền não thành sáu loại lớn, càng đơn giản. Bách Pháp Minh Môn có hai mươi sáu [món phiền não], ở đây chỉ có sáu món! Cương lãnh tu học của Bồ

Tát càng được đơn giản hóa hơn, chỉ có sáu điều. Quý vị chuyên chúng nó bằng cách nào? Hễ chuyên thì là giác, chẳng chuyên thì là mê.

Thời cổ, các bậc đại đức trong Tông Môn và Giáo Hạ thường nhắc nhở chúng ta: Tu hành thì quan trọng nhất là phải nâng cao giác tánh, thời thời khắc khắc đều có thể cảnh giác. Đó gọi là “*chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”, “*niệm*” là mê! Hễ tỉnh giác, mê chẳng còn nữa! Dùng phương pháp gì? Phương pháp rất nhiều, chính là tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, điều quan trọng nhất, quy nạp lại thành những điều trọng yếu nhất, thì là Giới, Định, Huệ. Trong Giới, Định, Huệ, quan trọng nhất là Định và Huệ. Giới là phương tiện nhằm dạy kẻ mới học. Kẻ mới học chẳng có Định, chẳng có Huệ, làm như thế nào? Dạy họ trì giới. Trì giới là gì? Trước hết, ước thúc người ấy, dùng giới luật ước thúc người ấy. Dần dần từ ước thúc, cái tâm người ấy đắc Định. Đó gọi là “*do Giới đắc Định, do Định khai Huệ*”. Do vậy có thể biết, trì giới nhằm mục đích đắc Định, phải hiểu điều này! Trì giới luật rất nghiêm mà chẳng đắc Định, giới ấy có hữu dụng hay chẳng? Vô dụng! Chẳng thể mình tâm kiến tánh, nhưng người trì giới luật rất nghiêm ngặt sẽ chẳng đọa vào ác đạo. Thật vậy, người ấy chẳng lìa khỏi Dục Giới; trong tam giới, chẳng lìa khỏi Dục Giới. Vì người ấy phải có Định thì mới có thể lên đến Sắc Giới. Do người ấy chẳng có Định, chẳng đến Sắc Giới được. Vì thế, quả báo do trì giới là trong trời, người, trong thiên giới thì chỉ giới hạn trong Dục Giới Thiên. Chớ vị chớ nên không biết điều này! Dầu trì giới luật tốt đẹp đến mấy đi nữa, chẳng thoát khỏi Dục Giới.

Nếu phá giới, chẳng trì giới, quả báo là trong tam đồ, đây thật sự là nổi si nhục to tát! Vì thế, người trọn đủ hổ thẹn, biết si nhục, tức người biết nhục, nay chúng ta nói người ấy chắc chắn chẳng tạo ác nghiệp. Vì sao? Tạo ác nghiệp, sẽ cảm thấy hổ thẹn. Thân người mà nêu đời sau sanh vào ba ác đạo, quý vị nói xem, có phải là si nhục hay không? Làm người thì nổi si nhục lớn nhất không gì hơn [chuyện này], chớ nên không biết! Đã biết, hành vi của người ấy nhất định đúng khuôn khổ, nói theo Nho gia là “*thủ lễ*” (守禮, giữ đúng lễ), học Phật thì nhất định sẽ trì giới, chẳng đọa vào ác đạo. Kẻ ấy vẫn chưa hiểu “không thoát khỏi ác đạo là đại si nhục”, vẫn chưa phát hiện điều này. Sau khi kẻ ấy đã phát hiện, nhất định sẽ nâng cao linh tánh của chính mình trên một mức độ rộng lớn ngay trong đời này, sẽ “*tàng hộ chư căn*” (che giữ các căn).

Nói theo Tịnh Độ, “*tàng hộ chư căn*” là “*niếp trọn sáu căn*” như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy, có cùng một ý nghĩa với “*niếp trọn sáu căn*”. Điều này dễ hiểu! Nêu đời này, người niệm Phật chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là nổi hổ thẹn thật sự, là nổi si nhục thật sự! Chúng ta chớ nên không biết, chớ nên không nhận

biết rõ ràng! Hy vọng sẽ có thành tựu ngay trong đời này, chắc chắn có thành tựu, có thành tựu thì quyết định có thể làm được hay không? Chỉ cần quý vị chịu làm, chẳng có một ai không làm được. Do đó, pháp môn này xác thực là “*vạn người tu, vạn người đến*” như Thiện Đạo đại sư đã nói. Tu học đúng lý, đúng pháp, chẳng có ai không thành tựu! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói bài kệ này đến đây!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem bài kệ kế tiếp, tức bài kệ thứ mười bốn:

(Kinh) Kiến vô tà mĩ, đương nguyện chúng sanh, xả ly vô tà, trụ đại từ đạo.

(經) 見無慚恥。當願眾生。捨離無慚。住大慈道。

(Kinh: Thấy chẳng hổ thẹn, nguyện cho chúng sanh, liả bỏ chẳng thẹn, trụ đạo đại từ).

Đây là tương phản với phần trước. Trai chủ cúng trai, hoặc là [người khát thực] thấy người nhà của kẻ ấy chẳng có tâm hổ thẹn, chẳng biết nhục. Trông thấy kẻ như vậy bèn dẫn phát đại nguyện, “*xả ly vô tà, trụ đại từ đạo*” (bỏ liả chẳng thẹn, trụ đạo đại từ). Trước khi giảng bài kệ này, trong phần sau của bài kệ trước, tức là trong lời Sao của Thanh Lương đại sư có một đoạn văn mà chúng tôi sẽ đọc ra đây, tức là phân trích dẫn từ kinh Tịnh Danh:

(Sao) Tịnh Danh vân, sở kiến sắc đẳng giả, tức Ca Diếp chương, linh Ca Diếp dĩ không tự tướng nhập u tự lạc. Sở kiến sắc dữ manh đẳng, sở văn thanh dữ hương đẳng, sở khứu hương dữ phong đẳng, sở thực vị bất phân biệt, thọ chư xúc như trí chứng, tri chư pháp như huyễn tướng, vô tự tánh, vô tha tánh, bản tự bất nhiên, kim tức vô diệt đẳng.

(鈔) 淨名云，所見色等者，即迦葉章，令迦葉以空聚想入於聚落。所見色與盲等，所聞聲與響等，所嗅香與風等，所食味不分別，受諸觸如智證，知諸法如幻相，無自性，無他性，本自不然，今則無滅等。

(Sao: “Kinh Tịnh Danh nói trông thấy sắc v.v...” chính là như trong chương Ca Diếp¹⁹, [ngài Duy Ma Cát] bảo ngài Ca Diếp vào tự

¹⁹ Chương Ca Diếp nói ở đây là một đoạn trong phẩm Đệ Tử của kinh Duy Ma Cát. Lúc bấy giờ, trưởng giả Duy Ma Cát thị hiện bị bệnh, đức Thế Tôn sai các đệ tử đến thăm bệnh. Các vị đại đệ tử đều từ chối với lý do không thể biện luận hơn

lạc hầy tưởng như vào trong xóm trống. Thấy sắc mà giống như mù, nghe tiếng mà như nghe tiếng vọng, ngửi hương giống như gió thoảng, nếm vị mà chẳng phân biệt, tiếp nhận các xúc như trí chứng, biết các pháp như huyền tướng, chẳng có tự tánh, chẳng có tha tánh, vốn chẳng phải là như thế, nay giống như chẳng diệt vậy).

Đến chỗ này là một đoạn, đây là trích dẫn lời giảng từ kinh Tịnh Danh. Tiếp đó, [giảng giải] về điều đã nói trong bộ kinh này (kinh Hoa Nghiêm).

(Sao) Thị cố, tàng hộ chư căn, tắc bất phạm trần cảnh, thành lục tự tại vương, khởi vi lục tặc sở kiếp đoạt da?

(鈔)是故藏護諸根，則不犯塵境，成六自在王，豈為六賊所劫奪耶。

(Sao: Vì thế, che giữ các căn thì sẽ chẳng phạm các trần cảnh, [sáu thức] trở thành sáu vị vua tự tại, há bị sáu tên giặc (sáu trần cảnh) cướp đoạt ư?)

Ý nghĩa chung là “sáu căn chẳng nhiễm trần cảnh, sáu căn đạt đến giải thoát từ ngay trong sáu trần”. Đó gọi là “*đạt được sáu món tự tại*”. Căn giải thoát từ nơi Sắc: Nhãn Căn giải thoát từ Sắc Trần, Nhĩ Căn giải thoát từ nơi Thanh Trần, Ty Căn giải thoát từ nơi Hương Trần, Thiệt Căn giải thoát từ nơi Vị Trần. Dùng ý nghĩa này!

Giải thoát bằng cách nào? Chẳng phân biệt, không chấp trước, sẽ giải thoát. Nếu quý vị phân biệt, chấp trước, sẽ sanh phiền não, ý thức của quý vị đã bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, vậy thì sẽ rất đau khổ. Nếu quý vị thấy thấu suốt “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng, hết thấy các pháp như mộng, huyền, bọt, bóng*”; do vậy, chỉ cần phân biệt, chấp trước dấy lên, quý vị hãy nghĩ đến tông cương lãnh của kinh Bát Nhã. Sau khi chúng tôi đọc sáu trăm quyển kinh Đại Bát Nhã đã tổng kết; lời tổng kết của tôi rất đơn giản: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Quý vị còn dấy lên phân biệt, chấp trước ư? Phân biệt, chấp trước cũng chẳng thể được, cũng là vô sở hữu, rốt ráo không, tâm quý vị mới định. Định sanh ra Huệ, đây mới thật sự là “*sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần*”. “*Tàng hộ chư căn*” (Che giữ các căn) là “*sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mấy trần*”. Đây là ý nghĩa của đoạn trước. Vì thế, Phật pháp thù thắng, đã dạy

trường giả Duy Ma Cật được. Chương Ca Diếp chính là đoạn kinh chép lời chối từ của ngài Đại Ca Diếp. Theo đó, ngài Ca Diếp vào xóm khát thực nơi người nghèo. Trường giả Duy Ma quả ngài Ca Diếp chẳng có tâm bình đẳng. Đồng thời dạy ngài Ca Diếp cách quán tưởng và ý nghĩa chân thật của việc khát thực.

chúng ta phương pháp xảo diệu nhất (đấy chính là “*phương tiện thiện xảo*” như nhà Phật đã nói), vấn đề là chúng ta phải có thể thật sự nhận biết, tức là quý vị phải nhận biết, phải hiểu rõ, nhất định phải thực hiện trong cuộc sống!

Tu hành quyết định chẳng lìa cảnh giới. Kinh Lăng Nghiêm đã nói hay lắm: Thành Phật cũng thế, đọa tam đồ cũng thế, thủy đều là do lục căn. Sử dụng lục căn chánh đáng, sẽ thành Phật, thành Bồ Tát. Chẳng dùng lục căn chánh đáng thì là mê; dùng chẳng chánh đáng, sẽ là tam đồ. Vì thế, nói chung, chẳng lìa khỏi lục căn. Chúng ta đã hiểu đạo lý này; do vậy, lục căn đối trước sáu cảnh, sẽ biết tu hành, quyết định chẳng mê, quyết định chẳng tà, quyết định chẳng nhiễm, quý vị đã nắm được tổng nguyên tắc tu hành. Tổng nguyên tắc là Tam Tự Quy, “*tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng*”. Phật là giác chứ không mê, Pháp là chánh chứ không tà, Tăng là tịnh chứ chẳng nhiễm. Do vậy, Tam Tự Quy là giác, chánh, tịnh. “*Phiên tà*” (翻邪, lật ngược tà), “*tà*” là tương phản với “*giác, chánh, tịnh*”. Tương phản của chúng sẽ là “*mê, tà, nhiễm*”. Chúng ta phải chuyển biến “*mê, tà, nhiễm*” thành “*giác, chánh, tịnh*”. Đó gọi là “*phiên tà*”, đảo ngược lại! Vào lúc nào? Ngay trong cuộc sống hằng ngày, ngay nơi khởi tâm động niệm khi sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, quý vị phải biết “*lật ngược*” lại! Khởi tâm động niệm là dấy lên những tâm gì? Dấy lên tâm tham ái, dấy lên tâm ích kỷ, dấy lên tâm tự lợi, đấy là mê, là tà, là nhiễm, tức là “*mê, tà, nhiễm*”. Dấy lên cái tâm ấy, quý vị lập tức nghĩ đến “*giác, chánh, tịnh*”. Chẳng dấy nổi “*giác, chánh, tịnh*” thì người niệm Phật có một phương pháp tốt đẹp: Lập tức đề khởi A Di Đà Phật.

A Di Đà Phật có nghĩa là gì? Phải hiểu điều này. Danh hiệu này là tiếng Phạn, xét theo ý nghĩa, A dịch sang tiếng Hán là Vô, Di Đà dịch sang tiếng Hán là Lượng. [A Di Đà là] Vô Lượng. “*Phật*” dịch sang tiếng Hán là Trí hoặc Giác. [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Trí, Vô Lượng Giác. Nam-mô có nghĩa là Quy Y. Ta phải quy y vô lượng trí huệ, vô lượng giác ngộ để chế phục vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị. Niệm lâu ngày, nó sẽ sanh ra sức mạnh. Chỉ cần ý niệm vừa mới dấy lên, thiện niệm là ba thiện đạo, ác niệm là ba ác đạo, bất luận thiện niệm hay ác niệm, thủy đều chế phục, quý vị sẽ lìa khỏi lục đạo, nhất tâm hướng tới thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Đấy là đường tắt để vượt thoát lục đạo luân hồi.

Nay chúng ta ở trong thế gian này, thứ nhất là chẳng tham luyện thân thể. Cội nguồn của tất cả hết thủy tội ác, kinh Bát Đại Nhân Giác đã nói rất hay, “*hình vi tội tấu*” (thân là rừng tội). Tất cả hết thủy những lỗi lầm đều là do tham luyện cái thân này mà ra! Quý vị hãy ngắm xem, có đúng hay chẳng? Tham tài là vì tấm thân này, tham sắc cũng là vì thân này, ăn ngon vì cái lưỡi, thích thoải mái một chút, đều

là vì cái thân này! Thân này là cội nguồn tạo tác hết thảy tội ác; do vậy, điều thứ nhất Phật pháp dạy quý vị là hãy phá Thân Kiến. Kinh Kim Cang lưu hành nhất, phổ biến nhất tại Trung Hoa, gần như là khoa mục bắt buộc phải học trong việc học Phật, có lý lắm! Vì sao? Phá những chấp trước này. Đức Phật dạy Bồ Tát, dạy người tu hành: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh [tướng], vô thọ giả tướng*”, trước hết là từ “*vô ngã tướng*”. Thực hiện vô ngã tướng từ chỗ nào? Chẳng ích kỷ, chẳng tự lợi, thực hiện từ chỗ này! Tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng học, hãy buông xuống ích kỷ. Đây là tu vô ngã tướng. Hãy buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục, lục trần, buông xuống tham, sân, si, mạn, chúng ta thực hiện từ chỗ này, [có như vậy thì] bốn câu ấy trong kinh Kim Cang mới có thể thực hiện. Đã thực hiện bốn câu ấy, thừa cùng chư vị, tối thiểu là quả Tu Đà Hoàn, là thánh nhân, siêu phàm nhập thánh. Nói theo kinh Hoa Nghiêm, sẽ là địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo; đó là bậc đương cơ của Hoa Nghiêm. Quý vị chẳng làm từ chỗ này, sẽ chẳng có cách nào cả!

Do đó, tôi thường nói, đức Phật dạy chúng ta, đối với những thứ ấy, hãy tùy duyên, đừng phan duyên. Nhất là đối với cuộc sống vật chất, phải hiểu đạo lý này, quý vị mới chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, quý vị sẽ có thể chuyển cảnh giới. Kinh Lăng Nghiêm đã nói hay lắm: “*Nếu có thể chuyển cảnh*”, kinh nói là “*chuyển vật*”, tôi thường nói là “*cảnh giới*”, “*ắt giống như Như Lai*”. “*Như Lai*” ở đây [phải hiểu là] hàng Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên đều gọi là Như Lai. Vì thế, [phải hiểu] Như Lai được nói trong kinh Hoa Nghiêm chính là “*bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều là Như Lai, đều là chân Phật, chẳng giả*”. Địa vị tương tự là tứ thánh pháp giới. [Các địa vị Pháp Thân đại sĩ trong] Nhất Chân pháp giới đều là địa vị Phần Chứng. Vì sao gọi là Phần Chứng? Vì các Ngài chẳng đoạn tập khí. Chúng tôi cũng đã thừa trình điều này bao nhiêu lần, tập khí có trở ngại Sự hay không? Chẳng trở ngại Sự! Đối với họ, sẽ cảm ứng đạo giao với hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới chẳng ngăn ngại tí nào! Đáng nên dùng thân Phật để độ, họ có thể thị hiện tám tướng thành đạo, hiện thân Phật để hóa độ chúng sanh. Sơ Trụ Bồ Tát, luận định về tác dụng và đức dụng, sẽ chẳng khác biệt vị Phật rốt ráo viên mãn. Khác biệt ở chỗ nào vậy? Ngài còn đeo theo tập khí, còn vị Phật rốt ráo viên mãn không đeo theo tập khí. Đạo lý này, trong phần trước, chúng tôi đã thừa trình cặn kẽ cùng quý vị. Vì thế, chúng ta phải biết thực hiện từ chỗ nào. Chỗ để thực hiện là trong cuộc sống vật chất, quyết định chẳng có mảy may tham luyến! Hễ có [thứ chi đó] thì được lắm, rất thuận tiện. Chẳng có thì cũng thế, bớt việc! Tâm thái như vậy, quý vị nói xem, quý vị vui sướng lắm chứ, tự tại lắm chứ! Quý vị chẳng bị những thứ hư huyền ấy vương bận để rồi sanh khởi phiền não.

[Nếu sanh khởi phiền não] thì sai mất rồi! Có hay không có, đều chẳng sao cả; sau đây, quý vị sẽ phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Trí huệ mới là trọng yếu.

Trí huệ đã hiện tiền, đối với người học Phật chúng ta, nhất là những ai nghiên cứu kinh giáo, những người giảng kinh, đương nhiên quan trọng nhất là kinh điển, có cần kinh điển hay chăng? Cần thiết hay không? Có thể không cần, [tức là trong trường hợp] trí huệ đã khai thì chẳng cần. Vì sao biết là có thể không cần? Quý vị hãy nghĩ xem, Đản Kinh đã chép Lục Tổ Huệ Năng đại sư có cần kinh điển hay không, quý vị sẽ hiểu ngay! Lại nói, Ngài không biết chữ, chưa từng đi học, Ngài cần kinh điển để làm gì? Ngài cần trí huệ, Ngài cần minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh thì sách vở chẳng cần thiết. Có sách vở [có thể sẽ] chẳng kiến tánh, chẳng minh tâm. Vì sao? Pháp Chấp. Chấp trước có hai loại là Ngã Chấp và Pháp Chấp. Vì thế, kinh Kim Cang dạy: “*Pháp còn nên bỏ, hướng hồ phi pháp*”, chớ nên chấp trước. Do vậy, kinh điển dùng để làm gì? Tiếp dẫn kẻ sơ cơ. Để tiếp dẫn kẻ sơ cơ, kinh điển hết sức hữu dụng! Giống như chúng ta là bọn học trò Tiểu Học, đối với Tiểu Học, sách giáo khoa có quan trọng hay không? Quan trọng! Dùng sách ấy để dạy chúng nó. Nếu chúng nó lên Trung Học, những thứ ấy còn hữu dụng hay không? Vô dụng! Chúng nó học Trung Học, những giáo khoa Tiểu Học đều chẳng cần nữa! Chúng ta chẳng bằng chúng nó (những đứa học trò ấy), chúng ta lên Trung Học, vẫn không chịu bỏ sách giáo khoa Tiểu Học. Lên Đại Học, sách giáo khoa Trung Học cũng chẳng chịu bỏ đi, vậy là hỏng bét! Trí huệ chẳng khai được! Ôm khư khư sách giáo khoa Tiểu Học, vĩnh viễn chẳng tăng tấn được. Khi ôm khư khư sách giáo khoa Tiểu Học, sẽ chẳng thể lên Trung Học. Ôm khư khư sách giáo khoa Trung Học, sẽ không lên được Đại Học. Nhất định phải hiểu đạo lý này!

“*Pháp còn nên bỏ, hướng hồ phi pháp*”, người khai ngộ bỏ sạch sành sanh, bèn khai ngộ. Quý vị thấy khi Huệ Năng đại sư khai ngộ, quý vị thấy lão nhân gia đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Thần Tú đại sư chẳng khai ngộ, Ngài ôm đồm rất nặng. Quý vị thấy, “*thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng, luôn luôn siêng lau dọn, chớ để nhuộm bụi trần*”. Quý vị nghĩ xem Ngài đã ôm đồm nhiều cỡ nào! Huệ Năng đại sư thông minh, vứt bỏ toàn bộ: “*Bồ Đề chẳng phải cây, gương sáng chẳng phải đài, vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”, sạch trơn như thế đó! Lãnh hội từ chỗ này thì quý vị sẽ thấu hiểu cảnh giới mê và ngộ! Chúng ta chẳng học gì khác, chúng ta phải học xả, học buông xuống. Lúc mới học, đúng là chúng tôi cũng tốn rất nhiều tâm tư sưu tập rất nhiều tài liệu, khá phong phú. Tôi xả bằng cách nào? Nay tôi thành lập Tịnh Tông Học Viện. Trong tự viện có Tàng Kinh Lâu, chúng ta gọi là Đồ Thư Quán (thu

viện), toàn bộ [những kinh sách đã sưu tập] đều đưa đến Đồ Thư Quán, đều tặng cho Tịnh Tông Học Viện để giúp kẻ sơ học. Phật pháp gọi chuyện này là Bồ Thí, phải bồ thí sạch sành sanh! Vì thế, phải nên biết những thứ ấy nhằm tiếp dẫn kẻ sơ học, hữu dụng đối với kẻ chưa khai ngộ. Nhưng khi đã khai ngộ, quý vị phải xả. Quý vị chẳng xả, sẽ không thể khai ngộ. Phải buông xuống Ngã Chấp, Pháp Chấp cũng phải buông xuống. Buông xuống Ngã Chấp mà chẳng thể buông xuống Pháp Chấp, [tức là] có Định mà chẳng có Huệ, Định sẽ chế phục phiền não, chẳng thể chuyển phiền não. Huệ có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề. Điều này quan trọng! Do vậy, Ngã và Pháp đều phải buông xuống!

Mở kinh sách ra xem, xem rất hoan hỷ, chớ nên chấp trước. Do chấp trước, sẽ chẳng thấy được hương vị. Nếu quý vị hoàn toàn chẳng chấp trước, mở kinh sách ra, trong ấy sẽ là niềm thú vị vô tận. Do vậy, tôi cũng thường thưa trình cùng mọi người, nói dài hay nói ngắn, nói sâu hay nói cạn, quý vị thật sự đắc tự tại. Vì sao có hiện tượng này? Đây là bản năng (năng lực sẵn có), tự tánh vốn tròn đủ. Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, vì sao nay chúng ta đều mất sạch? Đức Phật đã dạy rõ ràng, chính là vì quý vị có phân biệt, có chấp trước.

Trong phân biệt và chấp trước đều có hai loại lớn là Ngã và Pháp, hai loại ấy. Trong phân biệt có Ngã và Pháp, trong chấp trước cũng có Ngã và Pháp, phải biết toàn là hư vọng! Các thân tướng ứng hóa của chư Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới đều chẳng thật. “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, chẳng hề nói thân ứng hóa của Phật, Bồ Tát là ngoại lệ. Chẳng hề nói! Thấy đều là hư vọng, lẽ nào quý vị chấp trước cho được? Lẽ nào quý vị có thể phân biệt cho được? Nhất định phải hiểu đạo lý này! Buông xuống sẽ đắc đại tự tại. Có những thứ sách vở mà kẻ mới học Phật còn chưa dùng được, chúng tôi bèn tặng cho thư viện của trường học, hoặc là thư viện địa phương, chớ nên không xả! Khi xét theo bản thân, quý vị mong thật sự thành tựu, hãy thâm nhập một môn.

Lần này, trong tháng trước, tức là vào tháng Tư, sau khi tôi tham gia luận đàn Phật giáo thế giới ở Hàng Châu, đến thăm trung tâm văn hóa Lư Giang, đến Bắc Kinh thăm mấy người bạn cũ, họ mời tôi đến thăm Lê Giang ở Vân Nam. Tôi chưa từng đến đó, rất hâm mộ, bèn thuận tiện ghé thăm một phen. Sau khi quay về, thấy báo chí đăng tin nhà nước sẽ mở đại học Phật giáo, chuyện tốt! Hiện thời, có thể nói là trên cả thế giới đang thiếu những vị thầy thật sự tốt đẹp! Do đâu mà có những vị thầy tốt? Vẫn chẳng phải là do dạy dỗ mà ra ư? Người nào có thể thành tựu? Người có chí hướng, có nghị lực sẽ có thể thành tựu, có tín tâm, Phật pháp nói là Tín, Nguyện, Hạnh, tròn đủ ba điều kiện ấy thì sẽ có thể thành tựu. Pháp thế gian cũng chẳng ngoại lệ! Chính mình có

tín tâm đối với bản thân. Nếu người học Phật có lòng tin đối với Phật giáo, có lòng tin đối với kinh điển, chính mình phát khởi đại nguyện, nghiêm túc nỗ lực siêng học, chẳng có ai không thành công!

Cổ nhân thường nói “*thập niên hàn song*” (十年寒窗, mười năm học tập gian khổ). Nói cách khác, thời kỳ học tập chẳng thể ít hơn mười năm. Mười năm là như thế nào? Suốt mười năm, chuyên đổ công dốc sức nơi một bộ kinh, quý vị mới có thể thật sự trở thành chuyên gia, học giả. Đã thế, cổ đại đức thường nói: “*Một kinh thông, hết thầy các kinh đều thông*”. Nếu quý vị muốn thông hết thầy các kinh, mà nếu quý vị học hết thầy các kinh, sẽ vĩnh viễn chẳng thể thông! Vì sao? Tinh thần của quý vị tán loạn, đã học tạp, học quá nhiều, kết quả là thứ gì cũng đều chẳng hiểu! Mười năm chuyên đổ công dốc sức nơi một thứ, bèn thông suốt. Sau khi đã thông suốt thứ ấy, những thứ khác hễ vừa tiếp xúc bèn thông hiểu. Giống như Huệ Năng đại sư, Huệ Năng đại sư khai ngộ từ kinh Kim Cang. Ngài có thể giảng kinh Niết Bàn, giảng cho tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng nghe xong bèn khai ngộ, minh tâm kiến tánh. Ngài giảng kinh Pháp Hoa cho thiên sư Pháp Đạt, những kinh ấy Ngài đều chưa hề học. Phải biết thiên sư Pháp Đạt niệm kinh Pháp Hoa mười năm, Sư niệm hơn ba ngàn bộ! Kinh Pháp Hoa rất dài, bảy quyển mà! Tôi giả sử mỗi ngày Sư niệm một bộ, ba ngàn bộ là mười năm, chẳng khai ngộ! Lục Tổ giảng bộ kinh ấy cho Sư nghe, Sư khai ngộ. Quý vị thấy Tổ chưa từng học, có thể giảng được! Ngài cũng chẳng biết chữ, quý vị đọc cho Ngài nghe, sau khi quý vị đọc xong, Ngài giảng cho quý vị. Đây là gì? Một thông, hết thầy đều thông. Một kinh thông, hết thầy các kinh đều thông. Một pháp môn thông, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều thông, đây mới là gì? Đường tắt! Quý vị phải tin tưởng! Quý vị chẳng tin tưởng, còn mong muốn làm rất nhiều, vậy là chẳng có cách nào hết! Trong cách dạy học hiện thời, những kẻ có thể tiếp nhận [“một môn thông, hết thầy các môn đều thông”] thì đúng là có thiện căn. Chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức, họ sẽ không tin tưởng. Vì sao? Trong nền giáo dục hiện thời, học đồng thời rất nhiều môn đã thành thói quen. Những gì họ nghe, thấy, tiếp nhận đều là học theo kiểu ấy.

Chúng ta cảm thấy [bỏ ra] mười năm để làm như vậy, chuyện này lạ quá! Thời cổ là như vậy, nhưng hiện thời đã chẳng còn phương pháp dạy học như thời cổ, nay chúng tôi lại sử dụng. Người hiện thời cho nó là thứ cũ kỹ, thứ cũ mèm chẳng đáng tin cậy, phải nên vứt bỏ thứ cũ mèm! Chúng ta so sánh cẩn thận, [sẽ thấy] thứ cũ dùng tốt hơn thứ mới trong hiện tại. Bản thân tôi tu học là do học theo lối cũ mà thành. Thầy tôi dùng cách học theo lối cũ. Thầy Phương dạy tôi thâm nhập một môn, Chương Gia đại sư lần thầy Lý đều dạy tôi thâm nhập một môn; do đó, tôi tin tưởng.

Hiện thời, tôi hy vọng có thể thay cho ba nhà Nho, Thích, Đạo bồi dưỡng mấy vị thầy tốt. Tôi hy vọng bồi dưỡng cho Nho gia ba mươi người, Phật gia mười người, Đạo gia mười người, tôi đến cúng dường. Thật sự chịu học, mười năm học một thứ, chớ nên học nhiều. Suốt mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi một thứ! Học Nho thì mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi Luận Ngữ. Sau mười năm, người ấy trở thành chuyên gia. Học sách Mạnh Tử thì mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi sách Mạnh Tử. Học Châu Lễ thì mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi Châu Lễ. Chỉ học một thứ thì mới có thành tựu. Học Phật cũng như thế, mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi kinh Di Đà, người ấy sẽ biến thành A Di Đà Phật. Mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi phẩm Phổ Môn, người ấy là Quán Thế Âm Bồ Tát. Mười năm chuyên đồ công đốc sức nơi kinh Địa Tạng, người ấy là Địa Tạng Vương Bồ Tát. Chớ nên học nhiều! Đối với phương pháp ấy, hơn bốn mươi năm trước, đáng ra có thể nói là bốn mươi lăm năm trước, tôi dạy học ở Phật Quang Sơn, đã bàn cùng pháp sư Tinh Vân cách nghĩ này vài lần. Pháp sư Tinh Vân nghe nói cũng rất hoan hỷ, Sư nói: “Chẳng thể thực hiện”. Tôi hỏi “vì sao?” [Sư nói]: “Chẳng giống như trường học!” Sư mở Đông Phương Phật Học Viện tại đó. Khi ấy, Sư mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ. Tôi đưa ra phương pháp ấy, Sư bảo: “Chẳng giống như trường học”. Tôi thưa: “Không giống như trường học, nhưng thật sự có thọ dụng”. Kết quả là Sư chẳng đồng ý áp dụng. Chẳng chấp nhận, tôi bèn rời đi. Vì thế, tôi ở học viện của Sư chỉ mười tháng bèn rời đi.

Tôi theo thầy Phương, theo Chương Gia đại sư, theo thầy Lý, tôi theo Chương Gia đại sư ba năm, theo thầy Lý mười năm, thâm nhập một môn, tôi hiểu đạo lý này. Hơn nữa, chính tôi có kinh nghiệm đích thân, liễu giải thật sâu sự tốt đẹp của phương pháp này. Đối với tôi, thầy Lý vẫn mở rộng cửa phương tiện, vì sao? Trong mười năm, tôi học năm bộ kinh, chẳng phải là một bộ. Tôi học năm bộ! Vì thuở ấy, chúng tôi tuổi trẻ, vô tri, chẳng nhận thức đầy đủ về truyền thống Trung Hoa. Một môn sẽ chẳng thỏa dạ, về sau khế nhập mới biết [thâm nhập một môn] là chánh xác! Nếu thuở ấy, tôi thật sự nghe lời, tức là học một môn, thành tựu của tôi trong hiện thời sẽ vượt trội hiện tại không chỉ là mười lần! Tuổi trẻ vô tri, thầy cũng tùy duyên, cũng chẳng miễn cưỡng! Tuy là ước thúc, nhưng chẳng ước thúc nghiêm ngặt dường ấy. Nghiêm ngặt thì sao? Sợ tôi chạy mất, sợ tôi chẳng làm. Vì thế, đây là chuyện bất đắc dĩ. Đây là sự đích thân từng trải của chính tôi!

Tôi ở Đài Trung mười năm, rất nhiều đồng học đều biết, quý vị nghe [danh xưng] của năm bộ kinh ấy, [sẽ thấy] rất đơn giản. Tôi học bộ thứ nhất là kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, bộ thứ hai là học Phật Thuyết A Di Đà Kinh, bộ thứ ba là Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm,

bộ thứ tư là kinh Kim Cang, bộ thứ năm là kinh Lăng Nghiêm, mười năm! Năm thứ ấy, trong các Phật học viện thông thường, đại khái là [học] một năm. Chẳng cần đến một năm, một học kỳ là dạy xong, khóa học đã xong! Đối với những kinh be bé ấy, tôi bỏ ra công phu mười năm. Tôi biết điều tốt đẹp này; vì thế, tôi yêu cầu các đồng học: Đừng thấy kinh Di Đà phân lượng quá ít, nội dung trong kinh ấy chẳng khác Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Do lẽ ấy, vào đời Thanh trước kia, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói kinh Vô Lượng Thọ chính là trung bản Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là tiểu bản Hoa Nghiêm, văn tự có rộng rãi hay đại lược bất đồng, nghĩa lý chẳng khác biệt. Tôi tin tưởng lời ông ta. Quý vị xem bộ Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư. Sau đây còn có Diễn Nghĩa, toàn là dùng Hoa Nghiêm để giảng kinh A Di Đà. Khi tôi giảng lần đầu là dùng bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư. Mỗi lần giảng một tiếng rưỡi. Tôi giảng thành ba trăm ba mươi sáu quyển băng [thâu âm]. Nếu giảng mỗi ngày thì gần như là suốt năm giảng một bộ kinh Di Đà. Tôi giảng khi đó là lần đầu. Nếu lần thứ hai, lần thứ ba, lần thứ tư, càng giảng càng thâm nhập, càng giảng càng rộng, nghĩa lý sẽ giảng suốt đời chẳng xong. Như thế ấy mới là thật sự có ý vị, lẽ nào quý vị có thể coi nhẹ cho được!

Nay chúng ta đọc hai bài kệ này, đối với “hỗ thẹn biết nhục” và “chẳng hổ thẹn không biết nhục”, chúng ta có cảm xúc rất sâu. Chúng ta học Phật, đức Phật dạy: *“Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”*. Chúng ta đều đã gặp gỡ duyên này, được làm thân người, nghe Phật pháp. Đời này chẳng thể thành tựu, quý vị nói xem có hổ thẹn hay không? Quý vị nói xem có sĩ nhục hay không? Nếu chúng ta thật sự mong thành tựu, đương nhiên một nhân tố quan trọng nhất trong sự thành tựu, tức là một thành phần quan trọng trong việc *“được làm thân người, nghe Phật pháp”* là gì? Thiện hữu, tức thiện tri thức. Kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung vừa mở đầu liền nói *“minh sư thọ giới”*, *“giới”* (戒) ở đây là giáo giới (教誡, răn dạy). Chẳng có vị thầy thật sự cao minh chỉ dạy quý vị, dẫn quý vị được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, cũng chẳng vào được cửa. Thật vậy! Quá ư là nhiều [trường hợp như vậy], từ xưa đến nay! Nhưng *“minh sư”* chẳng phải là [một vị thầy có] danh tiếng to lớn. *“Minh”* ở đây là chữ Minh (明) trong *“quang minh”* (光明). Nói cách khác, vị thầy này thật sự có đức hạnh, có học vấn, có tu trì, là một vị thầy tốt!

Vào thời cổ, đương nhiên là vị thầy tốt nhất, vị ấy đã khai ngộ; nhưng trong xã hội hiện thời, chẳng tìm thấy người khai ngộ. Vì thế, thầy Lý bảo tôi: *“Bất đắc dĩ, tìm người kém hơn”*. Chẳng tìm thấy vị thầy tốt bậc nhất, chúng ta hạ xuống bậc hai, bậc thứ hai là gì? Có tu, có học. *“Học”* là thông đạt kinh giáo, *“tu”* là bản thân vị ấy có thể thật sự y giáo phụng hành, hạng này cũng rất khó có! Nếu chẳng có thì sao?

Nếu chẳng có bèn tìm hạng thứ ba, hạng thứ ba là gì? Vị ấy thật sự thông đạt giáo lý, nhưng chính vị ấy trọn chẳng làm được. Chư vị phải hiểu, “*trọn chẳng làm được*” không phải là nói vị ấy hoàn toàn chẳng làm được, mà là vị ấy chỉ có thể làm được hai, ba phần mười, chẳng phải là hoàn toàn không làm được! Hạng thứ hai là vị ấy có thể làm được bảy, tám phần mười, chẳng dễ dàng. Bậc nhất là làm được một trăm phần trăm. Vị ấy đã chứng đắc, đã khai ngộ. Một trăm phần trăm là khai ngộ, [đó là hạng nhất]; [làm được] bảy, tám phần mười là chưa khai ngộ [thì là hạng hai]. Hạng thứ ba có nghĩa là vị ấy đã thông đạt, vị ấy chỉ có thể làm được mười phần trăm, hai mươi phần trăm.

Thiên Thai đại sư (tức là Trí Giả đại sư) nói hay lắm. Trí Giả đại sư nói “*có thể nói, lại có thể hành*”, nói thật ra là hạng hai, “*là của báu của đất nước*”. Đã đạt tới cấp quốc bảo, tức là vị ấy có thể làm được bảy, tám phần mười, quốc bảo đấy nhé! “*Có thể nói, chẳng thể làm*”, đương nhiên là vị ấy có hành. [Nếu] vị ấy chẳng hành, sẽ nói sai. Vị ấy có thể hành, mà cũng có thể nói khá lắm, nhưng vị ấy chỉ làm được mười phần trăm, hai mươi phần trăm, “*thầy của đất nước*”. Trí Giả đại sư tán thán [như vậy đó]. Vị ấy có thể làm được một, hai, ba phần mười, có thể làm như vậy thì có thể gọi là Quốc Sư. Có thể làm được bảy, tám phần mười, sẽ là quốc bảo. Nói cách khác, tối thiểu là chúng ta phải có thể làm được hai mươi, ba mươi phần trăm, tối thiểu là làm đến mức độ này, y giáo phụng hành. Chẳng có cách nào đoạn Pháp Chấp, tối thiểu là phải nhứt bót Ngã Chấp. Phải không ngừng nhứt bót, mỗi năm một coi nhứt hơn, hiệu quả là trí huệ. Quý vị càng nhứt bót, trí huệ càng hiện tiền. Trí huệ nhìn từ chỗ nào? Kinh giáo. Từ từng câu, từng chữ, quý vị có thể thấy rất nhiều ý nghĩa, mỗi năm một thấy sâu hơn, mỗi năm một thấy rộng hơn! Hơn nữa, đối với người, đối với sự, khi trí huệ hiện tiền, sẽ khác hẳn. Trí huệ hiện tiền thì đối với hết thấy người và sự, người ấy chẳng dấy lên chấp trước, chẳng dấy lên phân biệt, xác thực là người ấy có thể trừ bỏ, giải quyết khá nhiều nghi nan tạp chúng, xác thực là có năng lực chỉ ra đời sống hạnh phúc mỹ mãn cho đại chúng trong xã hội. Vì thế, Trí Giả đại sư gọi vị ấy là quốc sư chẳng phải là vô lý! Bản thân vị ấy đã nỗ lực tinh tấn hướng theo phương hướng và mục tiêu ấy, nhưng mức độ tinh tấn chẳng đủ, chẳng phải là vị ấy không làm, vị ấy nghiêm túc làm!

Do vậy, nếu chúng ta có hoàn cảnh rất tốt đẹp, nhà Phật thường nói là “*pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*” (bánh xe pháp chưa chuyển, phải lo cái ăn trước), có nghĩa là “*thân an thì đạo mới hưng thịnh*”. Quý vị chẳng lo âu, chẳng vương mắc về cuộc sống vật chất, thì mới có thể chuyên tâm nơi đạo nghiệp! Nếu mỗi ngày ba bữa cơm ăn chẳng đủ no, vương mắc rất nhiều chuyện, quý vị sẽ chẳng có cách nào học đạo, chẳng có cách nào tu học. Ở đây là cần phải có một vị hộ pháp

tốt đẹp. Nếu hộ pháp thật sự hiểu biết, nay chúng ta nói là “hy sinh dâng hiến”, sẽ đến giúp đỡ quý vị. Hộ pháp thật sự là người thông hiểu, chứ kẻ hộ pháp lơ mơ sẽ chẳng đáng trông cậy! Vì tình tự của kẻ ấy sẽ biến hóa, hôm nay cảm thấy rất ưa thích quý vị bèn hộ trì. Được vài ngày, tâm biến đổi, kẻ ấy chẳng chịu hộ trì quý vị, đây là chuyện rất phiền phức. Vì thế, xưa kia, người thật sự hộ trì là Phật, Bồ Tát, thật sự là bậc tái lai. Quý vị có chỗ không đúng pháp nhỏ nhỏ, họ có thể dung thứ, giúp đỡ, dần dần uốn nắn quý vị, sẽ chẳng vứt bỏ quý vị. Đây chẳng phải là kẻ bình phàm!

Đặc biệt là đối với những kẻ chẳng đúng pháp, chẳng có tâm hộ thẹn, làm thế nào để giúp kẻ ấy sửa đổi tập khí phiền não? Hộ thẹn, biết nhục là Tánh Đức vốn sẵn có trong tự tánh. Nói cách khác, làm thế nào để giúp kẻ đó khôi phục Tánh Đức? Chuyện này cần phải có lòng tin. Vì sao? Mã Minh Bồ Tát nói hay lắm: “*Bốn Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Cũng tức là không hộ, không thẹn, chẳng biết sỉ nhục vốn chẳng có, ích kỷ vốn chẳng có, tham, sân, si, mạn vốn chẳng có. Vốn chẳng có thì có thể đoạn, vốn có thì có thể khôi phục. Người hộ pháp, người tu hành, phải nhận biết điều này, có sự nhận biết kiên định, giúp đỡ chính mình, giúp đỡ người khác khôi phục Tánh Đức. Nay chúng ta thật sự thấy người hiểu hạnh, người thật sự có đức hạnh, người thật sự sám hối sửa lỗi, chúng tôi xem phim Du Tịnh Ý Công Ngô Táo Thần Ký, hôm nay tôi xem đến đĩa Thiên Hạ Phụ Mẫu, khi xem bèn cảm động tuôn lệ. Phàm là những chuyện trông thấy sẽ cảm động ứa lệ, sẽ rất dễ dàng lôi kéo kẻ chẳng biết hổ thẹn quay về. Rất dễ khiến cho kẻ chẳng biết sỉ nhục trở về tự tánh. Kéo lại không được thì sao? Hãy xem nhiều chuyện cũ, xem những tiết mục như vậy cho nhiều. Do xem nhiều, kẻ ấy sẽ dần dần bị cảm động. Kẻ đó thấy rất nhiều người khác cảm động, kẻ ấy cũng sẽ ngượng ngùng. Nếu thâm nhập, chuyên tâm xem, tự nhiên là kẻ ấy sẽ bị cảm động!

Do vậy, để giúp đỡ người khác thì phải có lòng kiên nhẫn. Giáo hóa người khác là giúp đỡ người khác. Để thật sự giúp đỡ thì phải có lòng kiên nhẫn, trọn chẳng vứt bỏ, phải học theo Phật, Bồ Tát: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. “*Không bỏ*” là gì? Hữu duyên. Khi hữu duyên, chắc chắn chẳng bỏ! Vô duyên là gì? Vô duyên là những kẻ ấy chẳng đến, vậy là quý vị chẳng có cách nào cả! Chỉ cần chịu đến, chịu tiếp nhận, hữu ý hay vô tình, chúng ta sẽ tăng trưởng tín tâm, tăng trưởng nguyện tâm của kẻ ấy. [Vận dụng] trọn vẹn hết thấy các phương tiện thiện xảo để giúp người ấy quay đầu. Ở đây, phương pháp quan trọng nhất là lấy thân làm gương. Bản thân quý vị chẳng làm được, người khác sẽ chẳng tin tưởng, chính mình nhất định phải làm được. Bảo người khác buông xuống, trước hết, tôi phải buông xuống cho quý vị thấy. Họ đã thấy, họ sẽ dần dần hiểu rõ, biết làm như vậy là đúng. A!

Nay đã hết thời gian rồi, hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 1564

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ bảy trong phần Kế Tụng, xem từ bài kệ thứ mười lăm:

(Kinh) Nhược đắc mỹ thực, đương nguyện chúng sanh, mãn túc kỳ nguyện, tâm vô tiện dục.

(經)若得美食。當願眾生。滿足其願。心無羨欲。

(Kinh: Nếu được món ngon, nguyện cho chúng sanh, thỏa mãn ý nguyện, tâm chẳng ham muốn).

Đây là khi khát thực, được cúng dường [món ăn] rất hợp với khẩu vị của chính mình. Mở rộng ý nghĩa này, có thể nói là chúng ta trong thuận cảnh, thiện duyên, gặp chuyện đẹp lòng thỏa nguyện, sẽ đều dẫn phát đại nguyện này. Đại nguyện này là mong chúng ta hãy trừ khử tham ái. Trong thuận cảnh, quan trọng nhất là chẳng sanh lòng tham luyến. Đây là tu hành chân thật. Trong nghịch cảnh, chẳng sanh sân khúe. Nói chung, trong bất cứ cảnh giới nào, cũng đều phải gìn giữ tâm địa thanh tịnh chẳng nhiễm trước, điều này quan trọng nhất. Vì thế, dẫn khởi đại nguyện “mãn túc kỳ nguyện” (thỏa mãn ý nguyện). “Mãn túc” (滿足) là gì? Tâm chẳng ham mộ, chẳng có dục vọng. Đây thật sự là “mãn túc”, không lúc nào, không chỗ nào, không chuyện nào chẳng “mãn túc”. Trong kinh điển Phật pháp thường nói “tri túc thường lạc” (biết đủ, thường an vui).

Đời người, thậm chí đối với hết thảy chúng sanh, nay chúng ta ngày càng hiểu rõ, ngày càng thông tỏ, sanh mạng là vĩnh hằng, xác thực là chẳng có sanh tử. Sanh tử chỉ bất quá là thay đổi thân thể. Thân thể này đã sử dụng lâu ngày, chẳng còn sử dụng tốt đẹp nữa, đổi cái khác! Thay đổi thành thân thể nào? Lại chẳng có cách nào tùy ý thay đổi, ta mong đổi thành gì liền đổi thành thứ đó, chẳng làm được điều này. Muốn đổi thành thân gì bèn đổi thành thân đó thì là hạng người nào? Chính là bậc thừa nguyện tái lai, vị ấy cũng chẳng có ý niệm. Nếu còn có ý niệm mong như thế này, như thế nọ, sẽ là phạm phu. Phạm phu xả thân, thọ thân trong lục đạo. “Xả thân” là chẳng cần thân thể này nữa! Lại đổi thành một thân thể khác, sức mạnh nào làm chúa tể? Đức Phật dạy là nghiệp lực, chúng ta chớ nên không cảnh giác, chớ nên không hiểu rõ chuyện này, nghiệp lực làm chúa tể. Đến thế gian này để làm gì? Đức Phật đã nói rất hay, đây là nghiệp báo, quý vị đến thế gian này để hứng chịu quả báo.

Nghiệp có ba loại là thiện nghiệp, ác nghiệp, và vô ký nghiệp (nghiệp không thiện không ác). Thiện nghiệp là gì? Trong Phật pháp có tiêu chuẩn tốt nhất, đó là tiêu chuẩn thông thường, mà cũng là tổng tiêu chuẩn, tức Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thoạt nhìn, dường như là rất đơn giản. Nếu muốn nói cặn kẽ với quý vị, Thập Thiện là gì? Một bộ Đại Tạng Kinh nhằm giảng điều này. Nói ít hơn một chút thì bộ kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm cũng nhằm giảng điều này, nói bất tận, mười điều ấy. Mười điều là cương lĩnh, nghĩa lý trong mỗi điều đều chẳng có cùng tận! Người căn cơ nông cạn, lý giải cũng nông cạn. Những điều quý vị đã lý giải, quý vị thấy đều làm được thì gọi là viên mãn, viên mãn ở mức độ nông cạn. Sau khi đã viên mãn nông cạn, tự nhiên sẽ tăng tấn lên một tầng cấp cao hơn, đó lại là viên mãn. Rồi cuộc tăng lên bao nhiêu tầng cấp? Tầng cấp cũng chẳng có hạn chế. Năm mươi hai cấp bậc như kinh Hoa Nghiêm đã nói chính là năm mươi hai tầng cấp, mỗi tầng cấp có nghĩa lý sâu rộng khác nhau. Vì thế, chúng ta thực hiện từ chỗ nào? Thực hiện từ trình độ của chính mình trong hiện tiền: “Ta có thể liễu giải bao nhiêu, ta làm bấy nhiêu”, vậy là tốt!

Không sát sanh. Phạm những gì có sanh mạng đều phải tôn trọng. Phải biết tôn trọng sanh mạng, kính yêu sanh mạng. Chớ nên mặc tình giẫm đạp sanh mạng, giết hại sanh mạng. [Nếu giết chết, tổn hại sanh mạng] thì sai mất rồi! Chúng ta lý giải đến tầng cấp này, sẽ thật sự có thể làm được. Chúng ta tôn trọng hết thấy chúng sanh, giống như kẻ khác tôn trọng ta. Chúng ta thích người khác tôn trọng chúng ta, chúng ta phải tôn trọng người khác! Tầng cấp này cao hơn những kẻ bình phạm một chút, kẻ bình phạm chỉ biết tôn trọng con người, chẳng biết tôn trọng súc sanh, càng chẳng biết tôn trọng hoa cỏ, cây cối. Vì thế, trong hiện thời, tầng cấp của chúng ta phải cao hơn những kẻ đó, vì chúng ta biết tôn trọng cây cối, hoa cỏ, và hết thấy động vật. Dầu là động vật nhỏ nhít, muỗi, kiến, cho đến vi khuẩn, đều là những sinh vật mà nhục nhãn chẳng trông thấy, chúng ta biết tôn trọng chúng nó, chớ nên sát hại! Cây cối, hoa cỏ, thực vật cũng có sanh mạng, cũng phải tôn trọng chúng. Chúng ta có nhu cầu ăn uống, chúng nó hiến dâng, cúng dường. Phải hiểu điều này! Chúng ta phải yêu thương, che chở chúng nó. Như rau, dưa, hoa, quả, thóc gạo, các thứ lương thực, chúng ta chẳng thể không dùng chúng nó. Phải biết là chúng nó đã cúng dường chúng ta, chúng ta có báo đáp chúng nó hay chẳng? Đây là một vấn đề, những kẻ bình phạm thường sơ sót về phương diện này. Báo đáp chúng nó bằng cách nào? Chúng nó cúng dường sanh mạng cho chúng ta, chúng ta phải hồi hướng công đức tu hành của chính mình cho chúng nó. Chúng nó có thể hưởng công đức ấy hay không? Chúng nó thật sự có thể hưởng được. Khi chúng ta chẳng dùng đến chúng nó, [chẳng hạn như] những thứ chưa dùng đến trong vườn rau, phải yêu thương, che

chờ, tôn trọng chúng nó. Hiện thời, chúng ta học Phật đã nhiều năm ngàn ấy, dần dần cũng hiểu rõ, cũng thấu hiểu chân tướng sự thật này. Vì thế, chúng ta có thể làm được điều này.

Bản thân chúng tôi có vườn rau, chúng tôi chăm sóc nó cẩn thận, chăm sóc kỹ lưỡng. Trong vườn rau, ngày đêm phát ra tiếng niệm Phật hiệu không ngừng. Chúng tôi dùng máy niệm Phật để niệm Phật không gián đoạn. Tất cả cây cối, hoa cỏ, ngay cả rau dưa trong vườn rau cũng thảy đều niệm Phật, Phật hiệu không gián đoạn. Chúng ta cùng nhau tu hành, thân thể khỏe mạnh, đạo nghiệp thành tựu, hóa độ hết thảy chúng sanh cần phải có công cụ này. Công cụ này có một phần công đức. Nó từng cúng dường chúng ta một bữa cơm, cúng dường ta một miếng ăn. Đó gọi là “*chịu ân người khác bằng giọt nước, thường nghĩ báo đáp như suối trào*”. Đối với một hạt gạo, có nghĩ phải báo đáp hay chăng? Đối với một lá rau, có nghĩ báo đáp hay không? Nếu chúng ta chẳng khéo nghiêm túc tu hành, há có thể nào xứng đáng với sự cúng dường của chúng nó? Quý vị có thể lý giải đạo lý này hay không? Quý vị có hiểu hay không? Nếu tư tưởng và hành vi của chúng ta trái nghịch Tánh Đức, sẽ có lỗi với một hạt gạo, có lỗi với một lá rau, có lỗi với một giọt nước, thật đấy! Quý vị sẽ biết chúng ta khát thực bèn tự nhiên sanh khởi tâm cảm ơn đối với trai chủ cúng dường.

Nếu chúng ta hỏi, hiện thời, chúng ta không khát thực, hằng ngày ngồi vào bàn ăn dùng cơm. Cơm và thức ăn ấy có phải do trai chủ cúng dường hay không? Phải! Ai là trai chủ? Trai chủ có thể là một đồng lớn! Trong đạo tràng này, chủ nhân của đạo tràng là trai chủ. Tất cả những vị chấp sự (những người giữ chức trách quản trị) trong đạo tràng là trai chủ. Những người nấu cơm, nấu thức ăn trong nhà bếp thảy đều là trai chủ. Chẳng có họ, quý vị chẳng có [cái để ăn]. [Kẻ] mua gạo, mua thức ăn cũng đều là trai chủ. Người gieo trồng lương thực, gieo trồng rau cũng đều là trai chủ. Quý vị cứ thông thả suy nghĩ, sẽ biết một bát cơm có bao nhiêu trai chủ! Trong Phật pháp, trong “*thượng báo tứ trọng ân*” có một điều là ân chúng sanh. Đây là nói về người. Còn nói về vật thì như tôi vừa mới nói, một hạt gạo, một giọt nước, một lá rau, nó sanh trưởng, phụng hiến cúng dường, thảy đều là trai chủ.

Chúng ta đã chịu ân huệ của thiên nhiên, chịu ân huệ của hết thảy trai chủ. Chẳng biết khéo tu hành, báo đáp bằng cách nào? Hiện thời có mấy ai có thể nghĩ đến? Ngay cả nghĩ mà còn chẳng nghĩ, nói gì đến báo ân? Trong phần trước, chúng tôi đã nói điều này rất nhiều: Để báo ân thì phải biết ân. Có biết ân thì mới có thể báo ân. Quý vị chẳng biết ân, ý niệm báo ân sẽ chẳng sanh khởi, chỉ có tri ân thì mới biết báo ân. Tri ân là giải môn, giải ngộ, báo ân là chứng ngộ, đều là Tánh Đức. Tri ân là một phần trí huệ Bát Nhã trong Tánh Đức, báo ân là đức hạnh. Nếu nay chúng ta hỏi, vì sao ta có thể biết báo ân? Do đức Phật dạy.

Chẳng có giáo huấn của Phật, Bồ Tát, tuy chuyện này hằng ngày ở ngay trước mắt, hằng ngày ở bên thân, có ngày nào quý vị chẳng ăn cơm? Có ngày nào chẳng uống nước? Nhưng xác thực là chẳng nghĩ ân đức nhiều ngàn ấy. Sau đây, quý vị bèn hiểu, hiểu gì vậy? Ân cha mẹ và ân thầy. Cha mẹ sanh ra thân ta, thầy dạy dỗ ta, ta mới thật sự liễu giải chân tướng sự thật, phải làm một người tri ân báo ân!

Người mà có thể sống tương ứng với Tánh Đức, sẽ là thật sự hạnh phúc, thật sự mỹ mãn, thật sự vui sướng, cũng chẳng vui sao? Sự vui sướng từ đâu mà có, quý vị bèn hiểu rõ. Niềm vui ấy từ trong tự tánh, từ trong tâm tánh lưu xuất, chẳng đến từ bên ngoài. Sự vui sướng thường lưu xuất từ tự tánh, quý vị còn có phiền não hay không? Quý vị còn có ưu lự hay không? Chẳng có. Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này, quý vị sẽ còn có dục vọng hay chẳng? Quý vị có còn hâm mộ kẻ khác hay chẳng? Thầy đều chẳng có! Người thế gian, có kẻ địa vị rất cao, có kẻ giàu sụ, chúng ta chẳng có chi hết, có lúc gặp gỡ nhau, tôi sẽ nói: “Quý vị có của cải ức vạn, tôi cũng có”, [người ta sẽ hỏi] “thầy có gì vậy?” “Tôi có niềm vui sướng. Tuy quý vị có của cải ức vạn, quý vị chẳng có vui sướng, còn tôi thì có niềm vui sướng”. Người ấy hỏi: “Vì sao?” “Quý vị có ưu lự, có phiền não, có vương mắc, có áp lực, đúng không?” Đúng! Người ấy đều có. “Tôi chẳng có ưu lự, chẳng có phiền não, chẳng có vương mắc, chẳng có áp lực; do vậy, tôi sống hạnh phúc và vui sướng hơn quý vị”. Kẻ ấy nghe nói cũng gật đầu, cũng rất hâm mộ.

Những thứ tiếng tăm, lợi dưỡng ấy chẳng thật, giả trá. Ở trong thế gian này, quý vị có thể đạt được [những thứ ấy], đương nhiên cũng là duyên phận. Đời quá khứ, quý vị tu nhân, hiện tiền hiện thành quả báo. Đó là lẽ đương nhiên. Nhưng người giác ngộ và kẻ chẳng giác ngộ khác nhau. Kẻ chẳng giác ngộ sẽ sanh khởi phiền não trong ấy, như tôi vừa mới nói, kẻ ấy có ưu lự, có phiền não, có vương mắc, có áp lực. Nếu đã giác ngộ, tuy có mà như không, người ấy sẽ hết sức vui sướng. Công danh, phú quý, của cải ức vạn chẳng ghim trong lòng, tâm như thế nào? Vĩnh viễn gìn giữ sự rộng rang, linh thông. Đó là của cải thật sự! Đối với những phước báo do người ấy đã tu trong đời trước, người ấy sẽ chẳng tự mình thọ dụng. Người thế gian có phước báo, tự mình hưởng thụ, họ sẽ có khổ. Người giác ngộ có năng lực, có trí huệ, có của cải, ban cho hết thầy chúng sanh hưởng thụ. Chính mình có hưởng thụ hay không? Chính mình chẳng hưởng thụ, cao minh nhất, viên mãn nhất!

Thật sự có người như thế hay chẳng? Những gương như vậy trong Phật môn rất nhiều! Thích Ca Mâu Ni Phật là tấm gương đầu tiên. Ngài đã vứt bỏ ngôi vua, vứt bỏ vinh hoa phú quý, từ bỏ vợ con để làm công việc mà Ngài cho là viên mãn nhất. Công việc viên mãn nhất là gì

vậy? Giác ngộ chúng sanh. Ngài biết chỉ có giác ngộ thì mới đạt được hạnh phúc thật sự. Chẳng giác ngộ, quý vị đạt được địa vị quốc vương hoàn toàn chẳng hạnh phúc. Đạt được của cải cũng chẳng hạnh phúc, thật sự giác ngộ mới là hạnh phúc. Nhưng hết thấy chúng sanh vốn sẵn có giác tánh. Quý vị thấy Mã Minh Bồ Tát đã nói rất hay: “*Bốn Giác vốn có, bất giác vốn không*”. Do vậy, hết thấy lục đạo chúng sanh sống trong bất giác, bị mê hoặc, chuyện này vốn là không! Vì thế, trong kinh, đức Phật thường cảm thán: “Chúng sanh oan uổng hứng chịu luân hồi trong sáu đường!” Có sao oan uổng hứng chịu? Vốn chẳng có lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi là gì? Là gặp ác mộng.

Chư vị hãy ngẫm xem, chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, đều biết mộng là giả, chẳng thật, nhưng khi nằm mộng, có mấy ai biết mộng là giả? Biết mộng là giả thì sẽ rất vui sướng, sẽ rất hạnh phúc, giống như Bát Nhã Tâm Kinh đã nói: “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn đều không, độ hết thấy khổ ách*”. Tất cả hết thấy khổ nạn trong mộng đều chẳng có, đều đã giải thoát. Chẳng biết chính mình đang nằm mộng, ngỡ là thật, nặng lòng hứng chịu sợ hãi, kinh hoàng vô lượng, vẫn thật sự là có hứng chịu. Hết tỉnh giấc, khắp thân đầm mồ hôi, khi ấy mới biết vốn là một giấc mộng, may thay chỉ là mộng! Đức Phật thấy lục đạo chúng sanh nay đang ở trong mộng; vì thế, những vị tái lai là những người tinh táo, đến làm gì? Đến giúp những người trong mộng tỉnh giấc. Chúng ta gọi những vị ấy là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát là những bậc giác ngộ, lục đạo chúng sanh là kẻ trong mộng. Chứng Đạo Ca có nói: “*Trong mộng rành rành phở sáu nẻo*”, luân hồi trong lục đạo, “*giác rồi ba cõi rộng toang hoang*”. Hai câu ấy nói rõ sự minh giác đáng quý dường ấy. Giác thì mới có chân lạc. Trong giác tâm chẳng có dục vọng, trong giác tâm chẳng có ham mê; đây mới là “*mãn túc kỳ nguyện*” (thỏa mãn nguyện ấy), cũng là như trong kinh thường nói, “*tri túc thường lạc*”.

Người chỉ cần giác ngộ, không chỉ là sẽ biết cảm ơn cha mẹ, cảm ơn thầy (Phật là thầy), cảm ơn quốc chúa, cảm ơn chúng sanh. [Từ ngữ] “*chúng sanh*” có phạm vi bao quát quá lớn, bao gồm cả trời và đất. Trời có ân bao trùm, đất có ân chuyên chở. Vạn sự vạn vật giữa trời đất có thứ gì chẳng có ân đối với ta? Một người sống trong sự cảm ơn, trong cảnh giới báo ân, các khoa học gia nói là “*các chiều không gian khác nhau*”, Phật pháp nói là “*pháp giới*”, quý vị mới thật sự thấu hiểu hạnh phúc là gì, viên mãn là gì! Từ những chỗ này, chúng ta lại mở rộng. Không chỉ là ẩm thực, quan trọng hơn nữa là pháp thực. Người khát thực đều biết hướng về trai chủ để xin cơm, hướng về Phật, Bồ Tát để xin pháp. Khát thực để nuôi sắc thân, khát pháp để nuôi huệ mạng. So sánh giữa hai thân ấy, thân nào trọng yếu? Pháp Thân trọng yếu hơn sắc thân! Vì sao? Sắc thân có sanh, có diệt, Pháp Thân bất sanh, bất

diệt, phải hiểu điều này! Pháp Thân ở nơi đâu? Pháp Thân và sắc thân là một Thể, vấn đề là quý vị chẳng nhận biết. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói rất thấu triệt, dùng một phần văn tự rất lớn để dạy rõ Pháp Thân là toàn thể vũ trụ.

Pháp Tánh là căn tánh của sáu căn, từ trong căn tánh mà chỉ ra. Chúng ta còn có thể lãnh hội Pháp Tánh, nhưng nếu nói “*hết thấy vạn vật đều là Pháp Tánh*”, chúng ta chẳng thể lãnh hội điều này, chẳng có cách nào lý giải. Đây mới là nói rõ ràng, mới là nói chân thật! Pháp Tánh ở nơi đâu? Pháp Tánh là pháp tướng, pháp tướng là do Pháp Tánh biến hiện. Cổ nhân dùng tỷ dụ để nói, vàng và đồ vật. Vàng ở nơi đâu? Đồ vật là vàng, vàng là đồ vật. Vàng ví như Pháp Tánh, đồ vật giống như pháp tướng. Tánh và tướng có cùng một Thể. Tánh có thể hiện, có thể biến; Tướng là cái được hiện, được biến bởi Tánh. Vì thế, Tánh và Tướng bất nhị, Lý và Sự như một. Quý vị có thể thật sự hiểu, có thể thật sự khế nhập thì mới là thật sự giác ngộ. Do vậy bèn nói “dùng phương pháp gì để giác ngộ?” Chúng ta nhìn từ một trăm bốn mươi một nguyện ở đây, [nếu như] quý vị thật sự có thể nhìn ra môn đạo (cửa ngõ, đường lối), sẽ hiểu tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn vốn là như thế, quý vị sẽ ngộ nhập!

Nói chung, sáu căn đối ứng cảnh giới sáu trần, trong ấy có hai chữ, một là mê, hai là ngộ. Ngộ là thánh nhân; mê là phàm phu. Phàm phu là gì? Thánh nhân là gì? Nói thật ra, chỉ có mê và ngộ sai khác. Ngoài mê và ngộ ra, chẳng có một pháp để có thể được! Chúng ta học Phật, hướng theo phương hướng này, hướng theo mục tiêu này để học tập, đại đạo chẳng xa, ở ngay trước mắt. Cổ nhân nói là “*trực hạ thừa đương*” (thẳng thừng gánh vác, ngay lập tức đảm nhiệm); đây là khế nhập, đó gọi là “*tu hành chứng quả*”. Hiện thời, nếu chúng ta hỏi, vì sao chúng ta khó khăn như vậy, học đã nhiều năm ngàn ấy, [có sao] vẫn y như cũ chẳng nhập môn được? Đừng nói là “nhập”, [ngay cả] “môn” cũng chẳng tìm được! Đây là do nguyên nhân nào? Từ đầu đến cuối là do mê nơi sắc tướng. Chư Phật, Bồ Tát, hết thấy kinh luận dạy chúng ta buông xuống, nhưng từ đầu đến cuối chúng ta chẳng buông xuống. Vì thế, chẳng thể khế nhập, nào có biết: Hễ buông xuống là được! Tự tánh vốn trọn đủ vô lượng trí huệ, đức tướng, quý vị chịu buông xuống, [trí huệ và đức tướng] sẽ hiện tiền, sẽ khởi tác dụng. Tác dụng ấy hiện tiền, được gọi là “*tâm khai ý giải*”, Tông Môn nói là “*minh tâm kiến tánh*”, Giáo Hạ nói là “*đại khai viên giải*”. Vì thế, tôi vĩnh viễn cảm ơn thầy tôi. Tôi học Phật, đúng là ngày đầu tiên thầy đã dạy tôi bí quyết học Phật, “*nhìn thấu, buông xuống*”, nói trọn hết! Phật pháp ở nơi đâu? Bốn chữ ấy là toàn thể của Phật pháp. Quý vị đạt được bốn chữ ấy, đối với ngàn kinh vạn luận, sẽ hoàn toàn cởi gỡ mắc mứu, chẳng có mây may chướng ngại! Hiện thời, bọn phàm phu trong lục

đạo chúng ta xác thực là tâm có muôn mối mắc mứu, chẳng tháo gỡ được. Vì sao chẳng tháo gỡ được? Do không buông xuống!

Trong Phật môn, ta cũng thường nghe nói “*lợi căn, thiện căn sâu dày*”. Lợi căn là gì? Thiện căn sâu dày là gì? Nói thật thà, người buông xuống chính là thiện căn sâu dày, là lợi căn. Chúng ta đọc Lục Tổ Đàn Kinh, [thấy ngài] Thần Tú không buông xuống được, Ngài vẫn nói: “*Thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng*”. Chẳng buông xuống cái thân, chẳng buông xuống cái tâm, chẳng buông xuống cảnh giới được. Cội Bồ Đề, đài gương sáng là cảnh giới, chẳng buông xuống, sống rất khô! “*Luôn luôn siêng lau dọn, đừng để nhuốm bụi trần*”, rất khô! Quý vị hằng ngày phải chùi sạch cái gương ấy. Nói cách khác, trong tâm Ngài có vướng mắc, có ưu lự, có phiền não. Trong tâm Huệ Năng đại sư sạch lầu lầu, chẳng có thân, mà cũng chẳng có cội, chẳng có tâm, mà cũng chẳng có đài, Ngài chẳng cần lau chùi! Quý vị hãy suy ngẫm cảnh giới của hai vị ấy!

Buông xuống thì công đức viên mãn. Chẳng thể buông xuống, trần lao vô tận. Nếu chúng ta thật sự tham cứu thấu triệt ý nghĩa này, quý vị có muốn buông xuống hay không? Quý vị thật sự buông xuống, quả thật buông xuống, mới tham thấu. Hễ còn có một chuyện chẳng buông xuống được, sẽ chẳng thấu triệt. Quý vị học Phật nhiều năm ngàn ấy là học gì? Học nơi thấy nghe (kiến thức), chẳng hề khế nhập, học được một sô tri kiến! Cổ nhân nói hay lắm, “*mao bì chi kiến*” (thấy ngoài lông, da, thấy biết hơi hột bề ngoài). Một phân, một hào chẳng xuyên thấu, vậy thì làm sao được nữa! Đây là chẳng được thọ dụng! Sau khi đã thật sự khế nhập, quý vị mới là thật sự liễu giải vạn sự vạn pháp trong vũ trụ là chuyện như thế nào! Quý vị mới thật sự hiểu rõ, mới minh bạch, kinh Bát Nhã gọi điều này là “*Thật Tướng của các pháp*”, quý vị đã thấy rõ ràng, thấy minh bạch tướng chân thật của chư pháp (hết thấy các pháp), đó gọi là “*thấy thấu suốt*”. Sau khi đã thấy thấu suốt, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ chẳng dậy lên. Đây gọi là “*buông xuống*”.

Huệ Năng đại sư là một tấm gương rất hay. Ngài đã buông xuống. Sau khi đã buông xuống, trí huệ và đức tướng hiện ra. Những kẻ bình phàm như chúng ta, tiếp xúc Ngài, tôn trọng, lễ kính Ngài, hết sức hâm mộ. Làm thế nào mà Ngài có trí huệ to lớn dường ấy? Thật sự đáng gọi là “*không gì chẳng biết, không gì chẳng thể*”. Đến cuối cùng, Ngài bèn biểu hiện, ngay cả sanh tử đều biết rõ ràng! Huệ Năng đại sư bảo cho mọi người biết [thời điểm Ngài sẽ] vãng sanh trước đó cả năm. Ngài sai người về quê hương dựng tháp, để làm gì? Sau khi chết, có thể đặt linh cốt của Ngài trong tháp. Lo liệu hậu sự trước cả năm! Chúng ta phải biết, vì sao Ngài chẳng trụ thế thêm mấy năm nữa? Vì sao phải ra đi sớm? Duyên đã hết rồi! Chư Phật, Bồ Tát đến ứng hóa trong thế gian

này là duyên. Duyên chính là “*chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ ứng*”. Thích Ca Mâu Ni Phật đến bằng ứng thân, Huệ Năng đại sư cũng là đến bằng ứng thân. Một vị là ứng thân tại Ấn Độ vào thời cổ, một vị là ứng thân tại Trung Hoa, đều nhằm giáo huấn chúng ta.

Trước hết, Ngài dạy chúng ta. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật có thể bỏ điều khó bỏ, có thể hành điều khó hành. “*Khó bỏ*” là có thể bỏ vinh hoa, phú quý. Đây là thứ những kẻ bình phàm cực lực theo đuổi. Ngài đều hiện thành, có thể buông xuống. “*Có thể hành chuyện khó hành*” chính là Ngài giáo hóa chúng sanh, có thể suốt đời nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, ba y một bát, có thể sống suốt đời [như vậy], hạnh khó hành mà có thể hành! Giáo hóa chúng sanh đúng là dạy bảo không phân biệt; hiện thời nói là “*văn hóa đa nguyên*”, chẳng phân biệt là ai, chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt sắc dân, chẳng phân biệt tôn giáo, người đến chẳng cự tuyệt, người đi chẳng giữ lại! Chỉ cần quý vị chịu đến, Ngài sẽ hết sức nhiệt tâm giúp đỡ quý vị, luôn hy vọng quý vị cũng có thể khai ngộ, cũng có thể đạt tới cảnh giới giống hệt như Ngài.

Nêu chúng ta hỏi, thuở đức Thế Tôn tại thế, trong các đệ tử, có vị nào có cảnh giới giống như Ngài hay chẳng? Quý vị nói xem, có hay không? Có chứ! Xác thực là có, đấy chẳng phải là có hai vị Phật hoặc nhiều vị Phật xuất thế ư? Chẳng phải vậy, thầy vẫn là một. Học trò đã đạt tới cảnh giới của thầy, có cần phải tôn sư trọng đạo hay không? Phải! Vĩnh viễn chẳng thể quên ơn thầy. Đây là đã nêu gương rất tốt. Thậm chí, nói theo bọn phàm phu chúng ta, đức hạnh, học vấn, năng lực và phước báo của quý vị vượt trội thầy. Tại Trung Hoa, có những trường hợp như vậy. Học trò đỗ Trạng Nguyên, làm đến Tể Tướng, thầy vẫn là chàng Tú Tài nghèo kiết xác. Nhưng thầy đã dạy quý vị từ thuở bé, thầy đã xây dựng cơ sở học thuật cho quý vị, có cần phải tôn trọng thầy hay không? Cần chứ! Gặp thầy vẫn phải mời thầy ngồi ghế trên, điều này nhằm giáo hóa chúng sanh đừng quên cội gốc. Vì thế, nếu quý vị chú tâm quan sát, [sẽ thấy] Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã vì chúng ta thị hiện đủ mọi lẽ, “*mãn túc kỳ nguyện, tâm vô tiện dục*” (thỏa mãn nguyện ấy, tâm chẳng ham mê, ham muốn). Làm cho chúng ta thấy, ngay trong thuận cảnh! Nay đã hết thời gian rồi.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ thứ mười sáu tiếp theo:

(Kinh) Đắc bất mỹ thực, đương nguyện chúng sanh, mạc bất hoạch đắc, chư tam-muội vị.

(經)得不美食。當願眾生。莫不獲得。諸三昧味。

(Kinh: Được đồ ăn dở, nguyện cho chúng sanh, chẳng ai không được các vị tam-muội).

Từ rất nhiều nguyện chúng ta thấy, có khá nhiều chỗ đều là một đàng là chánh diện, đàng kia là phản diện. Bài kệ trước nói đến thức ăn ngon, tức là những thứ chính mình rất thích ăn. Trong bài kệ này, “*bất mỹ thực*” nghĩa là những thứ chính mình chẳng thích ăn. Trong khi khát thực, sẽ thường xuyên gặp phải [tình cảnh này]. Tôi tin là được đồ ăn ngon chỉ sợ là thiếu số, đồ ăn dở nhất định là đa số. Đây đều là cảnh giới tu hành. Từ vô thủy kiếp tới nay, hết thấy chúng sanh nếu chẳng mài giũa tập khí phiền não trong cảnh giới, lẽ nào có thể thành tựu cho được? Vì thế, người thật sự tu hành đối với hết thấy các cảnh giới, chẳng có cảnh giới nào không phải là cảnh giới tốt đẹp. Chúng tôi thường đề cập: “*Người nào cũng đều là người tốt; chuyện nào cũng đều là chuyện tốt*”. Người thật sự hiểu lời này chẳng nhiều! Người thật sự hiểu thì sẽ biết tu hành, công phu nhất định là tăng tấn hằng ngày. Vì sao? Hằng ngày đều mài luyện, mài cho sạch làu những tập khí và phiền não, nhất là tập khí. Xác thực là chẳng có phiền não, chẳng hề so đo nữa, nhưng trong tâm còn có lúc sanh khởi đôi chút, tuy thời gian rất ngắn, còn có một tí hoan hỷ, có một chút chán ghét, hết sức nhỏ nhiệm, nhưng phải hiểu là một chút nhỏ nhiệm ấy đối với người tu hành thì sẽ vẫn y như cũ tạo thành chướng ngại hết sức nghiêm trọng.

Người bạn học của ngài An Thế Cao đọa lạc trong thần đạo, [là vì] khi khát thực, [nếu] xin phải những thứ khó nuốt, trong tâm khó chịu đôi chút, thời gian [sanh lòng khó chịu ấy] luôn rất ngắn ngủi. Rốt cuộc vị ấy hiểu kinh, chuộng thí, hằng ngày ở bên thân Phật nghe kinh, học giáo, nhưng chẳng thông đạt lý ấy, đó là tập khí. Quý vị nói xem, người ấy được thức ăn ngon thì có tâm tham hay không? Chẳng có! Được thức ăn dở, có oán hận hay không? Cũng chẳng có! Nhưng đối với đồ ăn ngon thì nói chung là có một tí ưa thích hương vị, xin được thức ăn khó nuốt thì nói chung cảm thấy khó chịu đôi chút. Do “*đôi chút*” ấy mà đọa vào thần đạo, làm thân súc sanh, tức thân rắn. Quý vị nói xem, có đáng sợ lắm hay không?

Bạn học [của vị thần ấy] là ngài An Thế Cao đã chứng quả. Vì sao biết là chứng quả? Từ truyện ký, chúng ta thấy Ngài xác thực có thần thông. Ngài đến Trung Hoa, ở Quảng Châu, đền nợ mạng hai lần, Sư biết mà! Khi Sư đến Trung Hoa lần thứ ba, dùng thân phận pháp sư để phiên dịch kinh điển. Sư đến chỗ người bạn của Ngài, người bạn ấy làm long vương tại Trung Hoa. Thọ mạng của thần dài hơn con người, nói chung là đến mấy trăm năm, thọ mạng của long vương đã hết rồi. Quý vị thấy Sư hiểu rõ, muốn giúp đỡ, muốn cứu ông ta. Nếu Sư không cứu, vị thần ấy sau khi chết, do tạo nghiệp rất nặng, tâm sân khuể nặng

nê. [Người ta] đến lễ bái, cúng dường, thân bèn hoan hỷ, phù hộ. Quý vị chẳng lễ bái, chẳng cúng dường thân, ông ta sẽ chán ghét, không chỉ là chẳng phù hộ quý vị, mà có lúc còn kiếm chuyện làm khó dễ quý vị đôi chút. Tập khí của quý thân mà! Đây toàn là thị hiện cho chúng ta thấy. Vì thế, đối với quý thân có cần phải cung kính hay không? Phải chú! Nhưng kính nhi viễn chi! “*Viễn*” có nghĩa là gì? Chớ nên học theo kẻ ấy, chớ nên nghe theo sự chỉ huy của kẻ ấy, có ý nghĩa như thế đó, phải cung kính, phải cúng dường. Tốt nhất là quý vị còn phải giảng kinh, thuyết pháp, siêu độ kẻ ấy, giúp kẻ ấy rời lìa ác đạo. Do đó, ngài An Thế Cao đến nơi đó độ ông ta. Từ chỗ này, chúng tỏ ngài An Thế Cao là bậc đã chứng quả, thật sự là Bồ Tát, nhưng Bồ Tát thuộc đẳng cấp nào chúng ta không biết. Chúng ta chỉ biết theo ghi chép trong kinh điển, hề có Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm có năng lực này. Tha Tâm và Túc Mạng nói chung là Bồ Tát thuộc địa vị Nhị Tín hoặc Tam Tín, thuộc các địa vị này. Thất Tín tương đương A La Hán, sẽ có Lưu Tận Thông. Tam Quả có Thần Túc Thông, Tứ Quả có Lưu Tận Thông. Ngài An Thế Cao đã thị hiện sáu món [thần thông] đều trọn đủ. Sáu món trọn đủ thì theo kinh Hoa Nghiêm, tối thiểu là từ địa vị Thất Tín trở lên, chẳng phải là phàm nhân.

Đây là giúp cho một bạn đồng học cũ đọa trong ác đạo. Nhưng giúp đỡ bạn học cũ, người ấy tuy chết đi chẳng đọa trong ba ác đạo, sanh về Đạo Lợi Thiên vẫn chẳng rớt ráo! Sanh về Đạo Lợi Thiên có phải là do công đức của ngài An Thế Cao đây ư? Chẳng phải! Ngài An Thế Cao khai thị, hướng dẫn, người ấy giác ngộ, sám hối, biết chính mình khi làm long vương đã tạo chẳng ít tội nghiệp! Phải như thế nào thì mới có thể siêu độ? Tu phước. Cũng là do mười phương cúng dường ông ta rất nhiều. Vị long vương ấy rất linh nghiệm, linh nghiệm là gì? Trong quá khứ, ông ta đã học kinh giáo rất nhiều, hiểu kinh. Vì thế, ông ta linh thiêng. Ông ta lại thích bố thí, phước báo rất lớn. Vì thế, ngài An Thế Cao bảo ông ta: “Ông hãy đem những tài vật ấy dâng hiến, tôi thay ông dựng một ngôi chùa thờ Phật”. Đây là phước báo. Dựng chùa, hoàng pháp lợi sanh; vì thế, ngôi chùa đầu tiên ở Giang Nam là do dùng tiền của long vương để xây dựng, ngài An Thế Cao dựng thay cho ông ta. Quý vị thấy vẫn là chính mình tu phước. Nếu chính mình chẳng chịu tu, người khác chẳng có cách nào cả! Bởi lẽ, người khác chỉ có thể làm Tăng Thượng Duyên cho quý vị. Quý vị chẳng biết thực hiện bằng cách nào, người khác dạy quý vị, vẫn là quý vị “*tự làm, tự chịu*”. Chúng ta phải ghi nhớ đạo lý này!

Vậy thì quý vị sẽ hiểu, trong đời này, điều gì quan trọng nhất? Tu phước và tu huệ quan trọng nhất, nhưng tu phước lẫn tu huệ đều phải có giới làm cơ sở. Nếu chẳng có cơ sở là giới, chỉ có huệ, sẽ chẳng

có vấn đề gì, nhưng huệ nhất định sanh từ giới. Quý vị thấy “do giới đắc Định, do Định khai Huệ”. Do đó, chẳng có giới, chắc chắn là quý vị chẳng có định, nhưng như thế nào? Có phước. Do phước thì chỉ có thể sanh thiên, lại còn nói thật thà, chỉ có thể sanh vào Dục Giới Thiên! Dục Giới có sáu tầng trời; hoàn toàn dựa vào phước thì tối đa chỉ có thể đến Đạo Lợi Thiên. Vì sao? Từ Dạ Ma Thiên trở lên đều phải có một chút công phu tu hành. Công phu ấy là công phu định huệ, [tuy] Định và Huệ rất cạn. Hoàn toàn chẳng có Định Huệ thì tối đa là đến Đạo Lợi Thiên. Ngài An Thế Cao nói người bạn làm long vương của Ngài sanh về Đạo Lợi Thiên.

Phước huệ song tu, tu huệ quan trọng hơn tu phước. Vì sao? Huệ có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, chứ phước không được. Lục Tổ đại sư nói “*chuyện này phước chẳng thể cứu*”. “*Chuyện này*” chính là đại sự sanh tử luân hồi trong lục đạo. Do phước, sẽ chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, huệ thì có thể thoát khỏi, phải hiểu điều này. Căn bản của nó là giới luật, giới luật là căn bản. Nếu chẳng có giới luật, [chỉ] có phước thì sẽ đọa trong ba ác đạo. Quý vị nghĩ xem, người bạn học ấy của Sư, mỗi ngày khát thực thường xin phải những thứ khó nuốt, trong tâm còn một tí khó chịu, đấy là phạm giới. Dầu là trì giới, giới ấy bất tịnh, trong giới ấy đã xen tạp, chẳng thuần. Vì thế, ông ta chẳng đắc Định, chẳng khai Huệ. Vì sao phải giữ giới? Giữ nghiêm giới luật, chẳng thể có một tí bực bội, chẳng vừa ý. Hễ có một tí tẹo như vậy, sẽ chuốc lấy quả báo như thế đó. Nhưng đối với chuyện này, tập khí phiền não hết sức khó đoạn, làm như thế nào? Phải mài giũa trong cảnh giới. Trong đời này, tôi học Phật mười năm chẳng thể đoạn. Hai mươi năm? Hai mươi năm chẳng thể đoạn! Ba mươi năm, khẳng định là mỗi năm một nhẹ hơn. Đến khi nào, đối với thuận cảnh lẫn nghịch cảnh mà thật sự là ý niệm tham ái hay ý niệm sân khuê đều chẳng có, mới thật sự đạt đến bình đẳng, bình đẳng là định. Chỉ cần Định vừa mới hiện tiền, thừa cùng chư vị, trí huệ liền hiện tiền. Quý vị là tiểu định, tiểu trí huệ hiện tiền; đại định, đại trí huệ hiện tiền. Định là gì vậy? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng sanh tập khí phiền não, đấy thật sự là Định. Hễ còn có tập khí phiền não, sẽ chẳng đắc định. Trong kinh giáo đã dạy điều này rất nhiều, chớ nên không biết!

Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phải học chuyển cảnh giới, chuyển nhanh chóng. Bậc đại đức trong Tông Môn thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Hễ giác ngộ bèn chuyển! Ý niệm vừa mới dậy lên, trong sát-na, tức là trong sát-na thứ hai chẳng có ý niệm ấy, chuyển ngay, như vậy thì hữu dụng. Ở đây nhằm dạy chúng ta chuyển, hai câu kệ đó nhằm dạy chúng ta chuyển: “*Đương nguyện chúng sanh, mạc bất hoạch đắc, chư tam-muội vị*” (Nguyện cho chúng sanh, không ai chẳng được các vị tam-muội), đừng nên nghĩ tới những món đồ ăn ấy,

mà hãy nghĩ tới gì? Nghĩ đến tam-muội, tam-muội là pháp vị. Tuy mùi vị của thức ăn chẳng ngon lành, pháp vị tốt đẹp. Quý vị thấy đó, ngay lập tức chuyển biến!

Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ. Quý vị thấy đó, chữ Tam [trong tiếng Phạn] có nghĩa là Chánh. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (Anuttarā-samyak-sambodhi): Tam là Chánh, Bồ Đề là Giác, [Tam Bồ Đề (Sambodhi) là] Chánh Giác. Tam Miệu (Samyak): Tam là Chánh, Miệu là Đẳng, [Tam Miệu Tam Bồ Đề là] Chánh Đẳng Chánh Giác. Tam-muội, Muội được dịch là Thọ. “*Chư tam-muội*”: Chuyện chánh thọ quá ư là nhiều! Chánh Thọ (正受) tức là sự hưởng thụ bình thường. Trong sự hưởng thụ bình thường, chẳng có phân biệt và chấp trước; đó là bình thường. Hễ có phân biệt, chấp trước, sẽ chẳng bình thường. Có ưa thích, có chán ghét, thì sẽ chẳng bình thường. Đó là gì? Sanh ra phiền não. Vì thế, được thức ăn ngon, hay được thức ăn dở tệ, đây là cảnh giới bên ngoài. Trong cảnh giới ấy, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng hề có! Phân biệt, chấp trước là tâm niệm của chúng ta. Trông thấy cảnh giới ấy, sẽ dẫn phát [tâm niệm của chúng ta] sanh khởi. Trên thực tế, chúng chẳng có, là bình đẳng. Vì vậy, Ngẫu Ích đại sư nói hay lắm: “*Cảnh duyên không tốt, xấu*”. “*Cảnh*” là cảnh giới bên ngoài, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự. “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất. Quý vị xin một chén cơm, đó là hoàn cảnh vật chất, có tốt xấu hay không? Chẳng có! Tốt hay xấu là do tâm dấy lên!

Vì sao Phật, Bồ Tát có được một bát cơm, các Ngài chẳng khởi tâm động niệm? Các Ngài sanh tâm thanh tịnh, chúng ta phải học điều này từ đức Phật. Tâm thanh tịnh là tam-muội. Sáu căn của chúng ta đối ứng sáu trần, sanh khởi cái tâm chẳng phải là tâm thanh tịnh. Vì sao? Trong ấy có tình chấp. “*Tình*” (情) là thất tình, tức mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn. “*Chấp*” (執) là chấp trước. Nảy sanh tình chấp thì là phàm phu. Phàm là tình chấp, chư vị phải biết đây là cái gốc, là nhân tố của sanh tử luân hồi. Quý vị còn có tình chấp, làm sao có thể vượt thoát luân hồi cho nổi?

Hiện thời, chúng ta thấy rất nhiều nghiên cứu khoa học của ngoại quốc, nghiên cứu về tâm linh. Những báo cáo ấy hiện thời hết sức nhiều, xác thực đã chứng tỏ con người có sanh tử luân hồi, có đời trước. Đã có đời trước, đương nhiên là có đời sau, tức là có đời kế tiếp; nói chung, chẳng lìa khỏi lục đạo. Do nguyên nhân nào? Chẳng đoạn tình chấp. Họ nghiên cứu rất nhiều, chẳng hiểu đạo lý này, đó gọi là “biết chuyện đương nhiên, nhưng chẳng biết nguyên do”. Luân hồi đã được chứng minh. Vì sao có luân hồi? Luân hồi rốt cuộc là do nguyên nhân nào? Có cách nào giải thoát hay chẳng? Chẳng muốn luân hồi nữa thì có cách nào hay không? Chẳng biết, mà cũng chưa có ai nghĩ đến.

Chuyện này giống hệt như Bà La Môn giáo thời cổ. Chư vị phải biết trạng huống luân hồi trong lục đạo đã được Bà La Môn nói ra trước nhất. Vì sao Bà La Môn biết? Họ tu Định, trong kinh Phật nói là Tứ Thiên Bát Định, Bà La Môn thật sự có thể đạt tới Tứ Thiên Bát Định. Khi đạt đến Tứ Thiên Bát Định, sẽ hiểu rành rẽ trạng huống trong lục đạo. Vì sao? Họ đã đột phá các chiều không gian, đích thân trông thấy, đích thân tiếp xúc, nhưng rốt cuộc vì sao [mà có trạng huống ấy], họ chẳng biết! Họ chẳng biết chuyện ngoài lục đạo, chỉ biết chuyện trong lục đạo. Trên thực tế, lục đạo là tam thiên đại thiên thế giới. Chẳng thể nói là họ không có công phu, năng lực đó khiến cho kẻ khác kinh hãi, nay chúng ta nói là “công năng đặc dị”, vẫn chưa phát hiện người nào có năng lực to lớn như thế!

Hiểu rõ lục đạo như [nhìn vào] lòng bàn tay, nhưng chẳng biết do đâu mà có [lục đạo]. Đến khi Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện mới giải quyết rành rẽ nghi vấn này, lục đạo vì sao mà có, phải nên vượt thoát như thế nào! Do vậy, sau khi đức Phật xuất thế, do nương theo phương pháp do đức Phật chỉ dạy để học tập, nhiều người vượt thoát lục đạo. Tiểu Thừa là A La Hán, Đại Thừa là Bồ Tát, quá ư là nhiều, đó gọi là “*căn cơ chín muồi*”. Vì sao đức Phật xuất hiện tại Ấn Độ, mà chẳng xuất hiện tại Trung Hoa? Xuất hiện tại Trung Hoa sẽ vô dụng, vì trình độ người Hoa chưa đạt tới cảnh giới ấy, Ấn Độ đã đạt tới. Người Ấn Độ có thể đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, và Vô Sắc Giới Thiên, người Hoa chỉ thuộc trong nhân đạo. Chẳng có cách nào đến Đao Lợi Thiên, chẳng có cách nào đến được. Do lẽ này, đặc biệt là đối với nhân đạo, đối với ngạ quỷ và địa ngục đạo, đều là khái niệm mơ hồ, chẳng hiểu rõ ràng như Ấn Độ! Do căn cơ nơi ấy đã chín muồi, đức Phật vừa nói, họ hiểu ngay, dạy họ đột phá bằng cách nào, họ sẽ thật sự làm được. Vì thế nói là “*căn cơ chín muồi*”, “*chín muồi*” là gì? Liễu sanh tử, thoát tam giới, chính là cơ duyên vượt thoát lục đạo luân hồi đã chín muồi. Đây gọi là “*chúng sanh căn cơ chín muồi*”.

Xác thực là có hạng người mang căn tánh Đại Thừa tại Trung Hoa, họ có thể tiếp nhận giáo huấn Đại Thừa. Giáo pháp Đại Thừa cao minh hơn giáo pháp Tiểu Thừa. Tiểu Thừa lấy [giải thoát khỏi] luân hồi trong lục đạo làm mục tiêu, Đại Thừa lấy mười pháp giới, tức là lấy vượt thoát mười pháp giới làm mục tiêu, chẳng giống nhau! Trong Đại Thừa, vượt thoát mười pháp giới nhiều nhất là pháp môn Tịnh Độ. Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm, đức Phật nói rất rõ ràng: Trong chín ngàn năm ấy, có thể giúp mọi người vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, chỉ có Tịnh Độ là thuận tiện nhất. Có phải là Tịnh Độ có “*chư tam-muội vị*” hay không? Có chứ! Tam-muội là gì? Niệm Phật tam-muội. Không chỉ là nói đến Niệm Phật tam-muội, sau đó còn có một câu nữa, “*Niệm Phật tam-muội là vua trong các tam-muội*”, phải

ghi nhớ câu này! Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, cuộc sống hằng ngày sẽ rất dễ lo liệu. Gặp chuyện hài lòng vừa ý, “A Di Đà Phật”, [tức là] dùng câu A Di Đà Phật để đánh tan ý niệm ưa thích ấy. Vì sao? Đó là tình, tức tình chấp, chính là căn cội của luân hồi. Gặp chuyện chẳng ưa thích, [hãy niệm] A Di Đà Phật để xóa sạch ý niệm chẳng ưa thích ấy. Suốt ngày từ sáng đến tối gìn giữ câu A Di Đà Phật này, quý vị có thể vắng sanh Tịnh Độ.

Nhưng nhất định phải hiểu, đời này từ đầu đến cuối, nhất định là hãy coi thế gian trong hiện tiền đúng là quán trọ. Đối với những thứ trong thế gian này, chúng ta có thể hưởng thụ, có thể thọ dụng, [nhưng chúng] chẳng phải là của ta. Thứ gì cũng đều chẳng phải là của ta, chẳng mang theo được gì, thứ gì cũng đều chẳng đạt được. Giống như quý vị ở trong quán trọ, đối với những thứ gia cụ trong lữ quán cũng như vậy, quý vị có thể thọ dụng tại đó: Quý vị cũng có thể ngồi trên sofa, có thể uống nước trà, còn có người chăm sóc quý vị. Giường mền quý vị có thể ngủ trên đó, chẳng có thứ gì là của chính mình! Quý vị có thể sử dụng tâm thái ấy đối với vạn sự vạn vật trong thế gian hiện tiền này, quý vị sẽ giải thoát, thật sự nếm được tam-muội vị.

Hết thầy người, sự, vật, chẳng có thứ gì không phải là A Di Đà Phật, một câu A Di Đà Phật thầy đều san bằng. Câu A Di Đà Phật ấy chính là Niệm Phật tam-muội. Vì thế, niệm Phật phải đắc tam-muội thì mới có thọ dụng. Chẳng đắc tam-muội, sẽ chẳng có thọ dụng. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, gặp thuận cảnh vẫn hoan hỷ, vẫn tham luyện. Gặp nghịch cảnh, vẫn bực bội, vẫn nóng giận. Niệm Phật kiểu ấy, đời sau vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Sai mất rồi! Nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu rành rẽ chân tướng sự thật này. Vì thế, niệm Phật thành Phật thì là “*biết niệm*”. Biết niệm, câu A Di Đà Phật sẽ là Chánh Thọ của ta, tức sự hưởng thụ bình thường! Trong ấy, chẳng có thất tình, ngũ dục, chẳng có tình chấp thì mới là Chánh Thọ. Đạt được điều này, trong pháp môn Niệm Phật gọi là “*công phu thành phiến*”. Chẳng phải là cảnh giới ấy, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần vẫn khởi tâm động niệm, quý vị chẳng đắc công phu thành phiến! Người đắc công phu thành phiến sẽ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, năm chắc vắng sanh.

Do vậy, các đồng học! Nếu quý vị thật sự mong vắng sanh, thật sự mong thành tựu trong đời này, thành tựu ấy là thành tựu chẳng thể nghĩ bàn, quý vị chẳng thể không buông xuống! Nhất là trong xã hội hiện thời, kể từ khi có lịch sử tới nay, chưa từng hỗn loạn như vậy. Sống trong xã hội này, xác thực là quý vị phải ý thức sanh mạng [tồn tại] trong hơi thở, đừng nghĩ là còn có thể sống bao nhiêu năm! Nghĩ kiểu đó, quý vị đã sai mất rồi! Ta sống một ngày là có được thọ mạng một ngày; ngày mai lại sống một ngày, lại có được thọ mạng một ngày

nữa. Quý vị phải thường quán như thế. Được thọ mạng để làm gì? Tích lũy công đức, chuyện này là thật, vì sao? Có thể mang theo được, đoạn ác tu thiện là đúng. Đoạn ác, hết thấy ác niệm, ác hạnh đều buông xuống, đối với chuyện lợi ích hết thấy chúng sanh, nhất là làm nhiều chuyện nhằm giúp đỡ chúng sanh giác ngộ. Đây là chuyện tốt, đây là công đức, mang theo được! Tuy chúng ta chẳng cần phước báo nhân thiên, nhưng do loại công đức ấy, khi vãng sanh, nó sẽ giúp cho quý vị tăng cao phẩm vị vãng sanh. Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng có ba bậc, chín phẩm, giúp đỡ quý vị tăng cao phẩm vị. Làm chuyện này là đúng, làm những chuyện khác thì sai mất rồi. Vì thế, người hiểu rõ sẽ toàn tâm toàn lực, chẳng làm chuyện khác, mà chuyên môn làm chuyện này.

Đối với chính mình thì tu tâm thanh tịnh, tức là phải đắc Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là tâm thanh tịnh. Niệm Phật tam-muội có cạn hay sâu khác nhau. Do vậy, nói theo Tịnh Độ thì “công phu thành phiền” là cạn, Sự nhất tâm bất loạn là bậc trung. Lý nhất tâm bất loạn là sâu nhất. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả báo khác nhau. Sự nhất tâm bất loạn sanh về cõi Phương Tiện Hữu Dư, Lý nhất tâm bất loạn sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, khác nhau! Cao thì nói thật ra, chúng ta chẳng làm được, thật sự chẳng làm được, chẳng phải là giả vờ làm không được, nhưng pháp môn Tịnh Độ thù thắng khôn sánh, vì sao? Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, bốn cõi ở cùng một chỗ. Vì thế, hễ sanh về một, sẽ sanh về tất cả. Chúng ta sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, hễ sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quý vị sẽ cùng Bồ Tát trong cõi Phương Tiện, Bồ Tát trong cõi Thật Báo, và chư Phật trong cõi Tịch Quang hằng ngày ở cùng một nơi, giống như nói “*hễ sanh về một cõi, đều sanh về hết thấy*”. Các thế giới phương khác chẳng có chuyện này! Như thế giới Sa Bà của chúng ta, đây là báo độ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Có bốn cõi hay không? Có chứ, nhưng bốn cõi không ở cùng một nơi, tức là chẳng cùng thuộc vào một chiều không gian. Giống như TV, chẳng phải là có một băng tần, mà là có các băng tần khác nhau. Do vậy, chúng ta thấy trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư toàn là phàm nhân, chẳng thấy thánh nhân. Nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới tuy có ba bậc, bốn cõi, các “băng tần” đều giống nhau, chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật đã bảo chúng ta, chẳng phải là một vị Phật, mà mười phương hết thấy chư Phật đều dạy chúng ta, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Di Đà đều nói rất rõ ràng! Thế giới Tây Phương thù thắng là do thù thắng ở chỗ này. Chúng ta chẳng so đo phẩm vị vãng sanh cao thấp, cũng chẳng so đo sanh vào cõi nào, chẳng cần thiết, hễ sanh về một bên sanh vào hết thấy. Như vậy thì chúng ta rất dễ buông xuống phân biệt, chấp trước, chẳng còn phân biệt, chẳng còn chấp trước nữa.

Chỉ cần có thể vãng sanh thì sẽ thành Phật ngay trong một đời. Do đó, cổ đức đã gọi pháp môn này [đúng như] trước đây, thầy Lý luôn nhắc nhở chúng tôi là “*pháp môn thành tựu ngay trong một đời*”. “*Thành tựu*” ở đây là “*làm Phật*”. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, lợi ích lớn nhất là vô lượng thọ. Thông thường, kinh Đại Thừa thường nói Bồ Tát tu hành thành Phật phải mất thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Thọ mạng của quý vị là vô lượng thọ, ba đại A-tăng-kỳ kiếp đối với quý vị, thời gian quá ngắn. Nếu như [sánh ví “vô lượng thọ” với tuổi thọ của chúng ta trong thế giới Sa Bà này để nói] thì [vô lượng thọ giống như] là bảy, tám chục năm, để tu hành thành Phật phải mất bao nhiêu thời gian? Ba tháng! Ba tháng quá dễ dàng. Quý vị đến thế giới Tây Phương là vô lượng thọ, ba đại A-tăng-kỳ kiếp giống như ba tháng, quý vị nói xem, quý vị tự tại cõi nào!

Nếu sơ sển, bỏ mất cơ duyên này, chẳng biết lần sau gặp gỡ là đến kiếp nào. Vì thế nói là “*Phật pháp khó nghe*”, nhất là pháp môn Tịnh Độ, khó nhất trong những điều khó. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói chuyện này rất nhiều, bao nhiêu Bồ Tát mong nghe pháp môn này mà chẳng có cơ hội ấy. Nay cơ hội này của chúng ta dường như rất dễ dàng, nếu sau khi quý vị đã thật sự khế nhập kinh giáo rất sâu, mới biết quá u khó khăn. Vì thế, cư sĩ Bàn Tế Thanh đã nói, trong đời này, chúng ta gặp gỡ pháp môn này chính là một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Bài kệ Khai Kinh nói là “*trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”, nay chúng ta đã gặp. Bài kệ Khai Kinh chính là nói đến kinh Hoa Nghiêm, pháp môn Tịnh Tông ở ngay trong phần cuối của kinh Hoa Nghiêm, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Bài Kệ Khai Kinh nói pháp môn Tịnh Độ trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ. Chúng ta gặp pháp môn này, bị thua thiệt là không chịu buông xuống, vậy là trong đời này đã ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ pháp môn này, làm lần đặc biệt to tát. Vì sao chẳng buông xuống? Vì sao không bỏ sạch sành sanh? Bỏ sạch sành sanh, quý vị sẽ đạt được viên mãn.

Do vậy, thuật ngữ sau đây của nhà Phật chính là trí huệ ở bậc cao, trí huệ cực cao, thuật ngữ ấy chính là “*xả đắc*”. Quý vị thấy đó, xả là nhân, đắc là quả. Hết thấy đều xả, sẽ đắc gì? Đắc trí huệ viên mãn và đức tướng viên mãn trong tự tánh. “*Xả*” là bỏ sạch vọng, “*đắc*” là khôi phục chân. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói rất hay, sau khi quý vị bỏ sạch, sẽ trở về chỗ không có gì để đạt được! Vì sao chẳng có gì để đạt được? Thấy đều là những thứ vốn sẵn có trong tự tánh, ngoài tự tánh thì thứ gì cũng chẳng có. Vì thế, khi chúng nhập “*không có gì để đạt được*”, sẽ chẳng có pháp ngoài tâm để đạt được. Pháp ngoài tâm toàn là hư vọng, tự tánh trọn đủ trí huệ và đức năng hoàn toàn hiện tiền.

Vì thế, hãy tính toán kỹ càng chuyện này, hãy suy nghĩ, chúng ta

vẫn nên sớm có ngày minh tâm kiến tánh, hay là sống hồ đồ cả một đời? Nếu mong minh tâm kiến tánh sớm hơn một ngày, hãy sớm xả trừ một ngày, xả trừ sạch sành sanh. Khi ấy, trí huệ vẫn chưa khai, có một diệu pháp để có thể đột phá cửa trí huệ, phương pháp gì vậy? Kiên thành cung kính lễ Phật. Quý vị xem bộ Ảnh Trần Hồi Ưc Lục là tự truyện của lão pháp sư Đàm Hư, do Ngài đích thân kể lại, do chính Ngài nói, pháp sư Đại Quang ghi lại. Năm xưa, tôi giảng kinh tại Hương Cảng, những vị pháp sư ấy đều là bạn bè lâu năm của tôi. Mỗi lần tôi đến Hương Cảng, sư Đại Quang đều mời tôi dùng cơm. Sư lớn tuổi hơn tôi, lớn hơn khoảng sáu, bảy tuổi. Hiện thời, Sư đã mất rồi, lúc mất cũng phải là đã tám mươi tuổi. Khá nhiều vị lão pháp sư đều là bạn bè lâu năm.

Trong Ảnh Trần Hồi Ưc Lục có chép một câu chuyện, đây là chuyện thật, do lão hòa thượng Đệ Nhân đã kể. Ai đã từng đọc quyển sách ấy, hẳn tôi nhắc đến sẽ biết ngay, chuyện vị pháp sư phơi nén. Nhất thời, tôi chẳng nhớ đến tên tuổi [vị sư ấy], Sư phơi nén. Vì sao gọi là “phơi nén”? Mùa Hè, trời rất nóng, nắng rất gắt, vị pháp sư này rất thật thà, các pháp sư khác bèn trêu ghẹo, nói với Sư, Sư làm vị thầy trông coi hương đăng, “nén sẽ nổi mốc, hãy khuân ra ngoài phơi phóng”. Sư thật sự nghe theo, khuân hết nén ra ngoài. A! Giữa trưa dọn nén ra phơi nắng. Đến chiều, nén chảy tan hết. Sư thấy tình hình ấy, biết làm thế nào đây? Khi tụng kinh buổi tối phải thắp nén, Sư cầm những thứ ấy lên khóa lễ buổi tối. Lão hòa thượng trông thấy, [hỏi]: “Sao lại có chuyện thế này?” Vì thế, mới biết là người khác nói đùa với Sư.

Lão hòa thượng nghĩ người này thật thà như thế, ngay cả kiến thức thông thường như vậy cũng chẳng có, bèn bảo người đó: “Được rồi, thầy không cần làm hương đăng nữa”, bảo vị ấy làm gì? “Thầy hãy đến chùa A Dục Vương”. Trong chùa A Dục Vương có thờ xá-lợi của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lão hòa thượng bảo Sư: “Thầy hãy đến lạy xá lợi, mỗi ngày lễ ba ngàn lạy. Vì thế, người ấy làm theo, thật thà, biết nghe lời. Lão hòa thượng bảo vị ấy lạy, vị ấy thật thà lạy. Ba năm sau, vị ấy khai ngộ, tuy chẳng biết chữ. Ba năm sau, Sư có thể làm kệ, có thể làm thơ, có thể giảng kinh. Vì thế, cung kính lạy Phật chính là lạy ra trí huệ. Quý vị thấy vị ấy thật sự buông xuống. Nói cách khác, chướng ngại của vị ấy đã chẳng còn, hãy còn có đôi chút sẽ chưa thể đột phá. Mỗi ngày lễ ba ngàn lạy, ba năm đã đột phá, thật vậy, chẳng giả. Về sau, vị ấy trở thành pháp sư giảng kinh. Trí huệ Bát Nhã trong tự tánh hiện tiền, hết thầy các kinh giáo đều chẳng có chướng ngại. Mở kinh giáo ra, từng câu từng chữ đều bao hàm vô lượng nghĩa, vị ấy chưa từng học kinh giáo, mà cũng chưa từng học văn học. Trong Phật pháp, gọi là “*công án*”, nói thông thường theo kiểu của chúng ta sẽ là “*cổ sự*” (câu chuyện), chúng ta thấy nghe những câu chuyện chân thật

ấy, sẽ đều có thể giúp chúng ta giác ngộ.

Chúng ta hãy suy ngẫm, so với vị Sư ấy, chúng ta ưu việt hơn vị ấy chỗ nào? Chỗ nào chẳng bằng vị ấy? Hãy nghĩ ngợi cho nhiều, thấy người hiền mong được bằng! Những người ấy chẳng có chi khác, họ đạt được “tam-muội vị”. Nếu nói theo cách thông thường hiện thời, tam-muội vị chính là định huệ vị. Họ đã đắc Định Huệ, Định Huệ chắc chắn nói theo giới luật. Lão hòa thượng dạy vị ấy mỗi ngày lễ ba ngàn lạy là giới luật, Sư thật sự nghe lời, thực hiện hằng ngày, coi đó là công khóa. Sư cũng chẳng có khóa sáng, khóa tối chi cả, hằng ngày cứ lễ ba ngàn lạy. Lúc tôi mới học Phật, còn là cư sĩ tại gia, xin thôi việc, theo pháp sư Sám Vân sống trong lều tranh. Pháp sư Sám Vân dạy tôi, công khóa sáng tối hằng ngày của chúng ta là Tam Quy, bèn niệm Tam Quy, công khóa của chính mình là lễ Phật. Khi ấy, pháp sư Sám Vân quy định tôi mỗi ngày lễ tám trăm lạy vì còn có công việc, những chuyện lật vật trong thường trụ đều do tôi làm. Tôi đã lạy nửa năm, trong năm tháng rưỡi đã lạy mười mấy vạn lạy. Vị sư phôi nên mỗi ngày lễ ba ngàn lạy, chẳng có vấn đề, có thể lạy được. Khi ấy, tôi ở trên núi, pháp sư Đạt Tông mỗi ngày lễ một ngàn hai trăm lạy, tâm Sư bèn định, định sanh huệ, huệ chính là tam-muội, Sư thật sự đạt được. A! Chúng ta học bài kệ này đến đây.

Tập 1565

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ bảy trong phần Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ mười bảy:

(Kinh) Đắc nhu nhuễn thực, đương nguyện chúng sanh, đại bi sở huân, tâm ý nhu nhuyễn.

(經)得柔軟食。當願眾生。大悲所熏。心意柔軟。

(Kinh: Được món ăn mềm, nguyện cho chúng sanh, đại bi hun đúc, tâm ý mềm mỏng).

Hai bài kệ mười bảy và mười tám cũng đều là nói đến thức ăn xin được khi khát thực. Hai bài kệ trong phần trước nói đến đồ ăn ngon và đồ ăn dở. Đồ ăn ngon và đồ ăn “nhu nhuyễn” có gì sai khác? Có thể nói đều là do sự ưa chuộng của mọi người. Nhu nhuyễn và thô tháp có thể nói là phẩm chất của thức ăn có tinh tế hay không? Nhìn từ chỗ này! Do đó, nó cũng có những sai khác. Thô tháp thì khá khó ăn, tại nông thôn thường gọi là “thô lương” (粗糧). Nói thật ra, đối với người đã quen sống tại đô thị, thỉnh thoảng ăn thô lương thì cũng có phong vị đặc biệt, nhưng chẳng thể ăn trong một thời gian dài. Ăn lâu ngày, sẽ

chẳng dễ tiêu hóa. Do phương Nam và phương Bắc khác nhau, tức là mỗi nơi khác nhau; do đó, nói “*những thứ sản xuất ở nơi nào, sẽ nhằm nuôi người sống nơi đó*”. Họ đã sống từ bé ở nơi ấy, cuộc sống đã quen thuộc, quen với thức ăn tại địa phương, những thức ăn ấy [đôi với họ] là bổ dưỡng nhất. Nếu đổi sang nơi khác, sẽ không quen nước, quen cái! Chúng ta thường nghe người bình phàm nói kiểu này: “*Chẳng hợp thủy thổ*”, có nghĩa là người ấy chẳng quen với các món ăn sản xuất tại nơi đó. Phương Nam và phương Bắc cách biệt rất lớn. Khi phương Đông và phương Tây cách xa nhau thì cũng có sai biệt, ắt cần phải biết những điều này. Ăn những thứ khác nhau, nhiệt độ cũng khác nhau, thời gian chênh lệch cũng khác nhau, thời gian làm việc và nghỉ ngơi cũng chẳng giống nhau. Chẳng rời khỏi quả địa cầu này, [thế mà] ở những chỗ khác nhau trên địa cầu còn có sự biến hóa khác biệt to lớn ngàn ấy!

Chúng ta vừa thấy chữ “*nhu nhuyễn*” (柔軟) bèn hiểu là món ăn ấy tinh tế, rất dễ tiêu hóa, và cũng rất bổ dưỡng. Bồ Tát có được món ăn ấy, bèn dẫn phát đại nguyện: “*Dương nguyện chúng sanh, đại bi sở huân, tâm ý nhu nhuyễn*” (Nguyện cho chúng sanh, đại bi hun đúc, tâm ý mềm mỏng). Nguyện này đều là tự nhiên sanh khởi; bởi lẽ, khi Căn tiếp xúc Trần, bi nguyện xứng tánh sẽ có thể sanh khởi. Chúng ta xem một trăm bốn mươi một nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh, nếu trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta không cần suy tư, trăn trở, tức là không cần “*tác ý*”, tự nhiên là trong cuộc sống từ sáng đến tối, đối với những món ăn trong ba bữa cơm, đối với những thức ăn quý vị rất ưa thích hoặc không ưa thích, đều có thể tự nhiên sanh khởi nguyện vọng giống như Bồ Tát, vậy thì chúc mừng quý vị, công phu của quý vị đã đắc lực! Nói “*công phu đắc lực*” [tức là] quý vị có năng lực (chúng ta nói theo kiểu hiện thời) không chế tình tự của quý vị. Đây chính là “*đại bi sở huân*” trong nguyện này!

Chư vị phải biết, nhà Phật nói “*từ bi*”, người thế gian nói “*ái tâm*”. Truyền thống Trung Hoa nói là “*nhân ái*”, người phương Tây nói là “*ái tâm*” (lòng yêu thương), ý nghĩa đều rất gần gũi, nhưng từ bi, nhân ái, và ái tâm vẫn có một chút sai biệt. Cảnh giới của từ bi cao hơn, cao ở chỗ nào? Kể từ tình yêu thương cho đến lòng nhân ái của người thế gian, đều là vẫn y như cũ chẳng lìa khỏi tình chấp, trong từ bi chẳng có tình chấp. Tình (情) là gì? Thất tình. “*Chấp*” (執) là chấp trước. Chấp trước là Kiến Tư phiền não. Tình tự rất phức tạp, cổ đại đức quy nạp nó thành bảy loại lớn, tức là “*mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, dục*”. Bảy chữ ấy gọi là “*thất tình*”. Người Hoa nói là “*thất tình, ngũ dục*”. Chữ cuối trong thất tình là Dục (欲), tức ngũ dục. Trong ngũ dục, bao gồm tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đấy là ngũ dục. Vì thế, người thế gian yêu ghét đều chẳng có cách nào lìa khỏi thất tình, ngũ dục, nhưng từ bi là buông xuống thất tình, ngũ dục. Thông thường, để

giới thiệu với mọi người, tôi chỉ dùng những câu chữ đơn giản nhất, họ lý giải rất dễ dàng! Từ bi là Ái trong lý tánh, hoặc [nói cách khác] là yêu thương theo lý trí. Người thế gian nói đến Ái, trong ấy có cảm tình, khác hẳn! Còn như đại bi, [hoặc nói đầy đủ là] “đại từ đại bi”, chính là yêu thương vô điều kiện, chẳng kèm thêm bất cứ điều kiện nào. Nói theo Phật pháp, sẽ là “*xứng tánh ái*” (lòng yêu thương tương ứng với tánh). Đây là Tánh Đức. Hết thầy chúng sanh đều có Phật Tánh; do vậy, từ bi là Tánh Đức. Quý vị thấy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, “*đắc nhu nhuyễn thực*” (được cơm mềm mại), có thể hiểu theo nghĩa mở rộng là trong một ngày, hề gặp thuận cảnh, thiện duyên, [những tình huống] đó đều là “*thông*”, tức là có thể thông suốt. Trong thuận cảnh, thiện duyên, những kẻ bình phàm thường sanh khởi tâm yêu mến, trong lòng yêu mến ấy có tâm tham, tham là phiền não. Vì thế, nhà Phật không nói là Ái, mà nói là “*từ bi*”. Trong từ bi chẳng có phiền não, chẳng có tình chấp.

“*Tâm ý nhu nhuyễn*”, phải hiểu đạo lý này, chúng ta mới thật sự biết dưỡng sanh. Rất khó có, trong những năm qua, tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã làm thí nghiệm với nước, chứng tỏ vạn vật trong trời đất này sanh biến hóa thuận theo tâm niệm của chúng ta. Chúng ta biết nước là khoáng vật, thực phẩm đặt trong bát cơm của quý vị cũng có thể nói là “*khoáng vật*”, tức là ăn thịt thì nay nó cũng biến thành một loại khoáng vật. Nó có thể chuyển biến thuận theo tâm niệm của chúng ta. Chúng ta dùng ái tâm đối đãi nó, nó sẽ phản ứng hết sức đẹp đẽ. Chúng ta dùng tâm sân hận, tâm ghét bỏ, tâm chẳng vui thích đối với nó, đúng là sắc, hương, vị của nó đều giảm đi, thấp hẳn xuống. Nếu chúng ta dùng tâm từ bi, tâm yêu thương đối với nó, sắc, hương, vị đều tăng cao, đều tốt hơn. Từ thức ăn của chính mình, chúng ta có thể làm thí nghiệm ấy. Vì thế, tiến sĩ Giang Bồn Thắng bảo tôi, ông ta nói tín đồ tin tưởng tôn giáo trước khi dùng cơm phải cầu nguyện, phải chúc nguyện. Ông ta nói hết sức có lý, vì sao? Chúng ta đã đem năng lượng của thức ăn [nâng cao], ăn uống nhằm bổ sung năng lượng, [cầu nguyện nhằm] nâng cao năng lượng. Người Hoa nói là “*sắc, hương, vị*”, tăng cao sắc, hương, vị! Tăng lên bao nhiêu? Mỗi người mỗi khác! Ai này đều có ý niệm, ý niệm có mạnh hay yếu khác nhau. Ý niệm rất mạnh, sẽ tăng lên rất cao. Ý niệm rất bình thường cũng có thể tăng lên, nhưng tăng lên với biên độ không lớn!

Do vậy có thể biết, một người thật sự tu hành, niệm nào cũng đều đối đãi hết thầy vạn vật, hết thầy người, sự, vật bằng tâm yêu thương chân thành. Do đó, nếu người ấy cầu phước giống như chúng ta, sẽ có sức mạnh to hơn chúng ta. Do nguyên nhân nào? Tâm lượng của người ấy to lớn, tâm từ bi to lớn. Tâm lượng của chúng ta chẳng to như người ấy, khởi tâm động niệm chỉ nghĩ đến chính mình, chẳng nghĩ đến người

khác. Nếu khởi tâm động niệm có thể nghĩ đến hết thấy chúng sanh, niệm nào cũng đều giúp đỡ hết thấy chúng sanh, niệm nào cũng đều giác ngộ hết thấy chúng sanh, khởi tâm động niệm của người ấy chẳng giống chúng ta. Phải hiểu đạo lý này. Tụng kinh có công đức khác nhau, niệm Phật có công đức khác hẳn, chúc phước có sức mạnh khác hẳn, hồi hướng lợi ích chúng sanh cũng có sức mạnh khác hẳn, phải cậy vào gì? Công phu tu dưỡng cơ bản trong lúc bình thường khác nhau, bất đồng ở chỗ này! Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật, chính mình chẳng thể không nghiêm túc nỗ lực. Hễ có lợi ích cho hết thấy chúng sanh thì sẽ thật sự lợi ích chính mình. Chỉ biết tự lợi, chẳng biết lợi ích chúng sanh, sai mất rồi, chính mình đạt được lợi ích cũng rất hữu hạn. Trong giáo pháp Đại Thừa thường dạy chúng ta, “*tự tha bất nhị*”; do đó, lợi người mới là thật sự lợi mình! Nhất là khi người khác gặp khó khăn, lúc người khác gặp tai nạn, khi người khác bị đau khổ, bức thiết cần được kẻ khác giúp đỡ, chúng ta trông thấy, nghe thấy, xác thực là người đã tu hành nhiều năm trong Phật pháp (có một khoảng thời gian [tu hành]), đã huân tập trong một khoảng thời gian như vậy, người ấy trông thấy, nghe thấy, tâm từ bi của người ấy sẽ có thể bị xúc động, sẽ tự nhiên chìa tay giúp đỡ người khác!

Giúp đỡ người khác, chớ nên mong mỗi kẻ khác biết tới, mà cũng chẳng mong được đền đáp. Điều này thuộc về Tánh Đức. Nếu giúp đỡ người khác mà hy vọng có kẻ sẽ biểu dương ta, hy vọng được đền đáp; nói thật ra, biểu dương cũng là đền đáp! Người khác khen ngợi quý vị cũng là đền đáp. Đây là phước đức, chẳng tương ứng với Tánh Đức, phải biết điều này. Tánh Đức không tiếng, không mùi, là tự nhiên. Kinh Phật nói là “*pháp nhĩ như thị*” (法爾如是, pháp vốn là như vậy). Tương ứng viên mãn, về căn bản là chẳng có khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Hễ lực căn tiếp xúc, sẽ thực hiện rất viên mãn, tâm ý vĩnh viễn gìn giữ sự nhu nhuyễn. Tương phản với nhu nhuyễn là ương ngạnh. Kinh Địa Tạng thường nói: “*Chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề ương ngạnh, khó giáo hóa*”. Vì sao? Thành kiến rất sâu, phiền não rất nặng, chẳng biết “nhu nhuyễn là Tánh Đức, ương ngạnh là phiền não”. Do mê mất tự tánh, đã biến sự nhu nhuyễn trong tự tánh thành ương ngạnh. Ương ngạnh và nhu nhuyễn (mềm mỏng) là một Thể. Người giác ngộ thì ương ngạnh liền biến thành mềm mỏng. Kẻ mê hoặc thì nhu nhuyễn biến thành ương ngạnh. Do vậy, chúng là một, chẳng hai! Liễu giải chân tướng sự thật này, sẽ đều hiểu rõ, đều buông xuống, bèn gọi là Trung Đạo, tức là nhập pháp môn Bất Nhị. Ý nghĩa này khá sâu, quý vị phải chú tâm lãnh hội.

Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta chỉ cần gặp thuận cảnh, gặp thiện duyên, phải nên dây khởi ý nguyện này, thời thời khắc khắc đừng quên bằng tâm từ bi. Đương nhiên, tốt nhất là đại từ, đại bi, hy

vọng hết thấy chúng sanh tiêu tai, miễn nạn. Hiện thời, trong thế gian này, chư vị phải thường chú tâm lắng lòng quan sát. Cách quan sát như thế nào? Quan sát bằng cách so sánh, sẽ dễ dàng giác ngộ. Ở ngay Hương Cảng này, so sánh giữa mười năm trước và mười năm sau của hiện thời, so sánh giữa hai mươi năm trước và hiện thời, so sánh giữa ba mươi năm trước và hiện tại. Người Hoa nói ba mươi năm là một đời. Do đó, cách viết chữ Thế (卅) [trong tiếng Hán] là ba chữ Thập (+), [hàm nghĩa] ba mươi năm là một đời! Lần đầu tiên tôi đến giảng kinh tại Hương Cảng là năm 1977. Năm nay vừa vặn ba mươi năm, là một đời rồi! Nghĩ lại lúc vừa đến Hương Cảng, hoàn toàn khác hẳn hiện tại! Thuở ấy, Hương Cảng đã là một đại đô thị, tức là một đô thị lớn của châu Á, là hải cảng tự do, nhưng lòng người nồng hậu hơn hiện thời quá nhiều! Cư dân cũng chẳng đông đúc như hiện thời. Thuở ấy, tôi đến Hương Cảng, cao ốc cao nhất ở Hương Cảng là năm mươi tầng, dường như [cao ốc ấy] ở Tiêm Sa Tró (Tsim Sha Tsui)²⁰, tôi nhớ nơi tầng cao nhất, cửa sổ tròn xoay. Còn nhà ở bình thường thì tôi đã thấy [những tòa nhà] mười mấy tầng, hai mươi tầng. Đây là những tòa nhà thông thường, chứ [cao ốc] ba, bốn mươi tầng không nhiều lắm, chẳng giống như hiện thời. Thuở ấy, thật sự còn có thể thấy non xanh, nước biếc, hình như còn chưa có công trình lấp biển. Khoảng cách giữa Hương Cảng và Cửu Long còn khá xa. Thuở ấy, còn dùng tàu thủy vượt biển, chẳng có đường hầm dưới đáy biển, mà cũng chẳng có xe điện ngầm!

Do vậy, so sánh, chúng ta sẽ hiểu cổ nhân nói “*thời đời ngày một tệ*”, dấu khoa học kỹ thuật hiện thời tiến bộ hơn xưa kia rất nhiều! Quý vị thấy xưa kia chẳng có điện thoại cầm tay (cell phone). Khi đó, tôi không có cell phone, chi phí điện thoại quốc tế cũng rất cao, người bình phàm chẳng thể sử dụng. Lúc ấy, điện báo (điện tín) vẫn còn lưu hành. Điện tín thời đó giống như tin nhắn ngắn (text message, short message service - SMS) trong hiện thời, đúng là rất thuận tiện, rẻ hơn điện thoại. Nghĩ lại cuộc sống thời đó, tình người thuở đó nồng đượm, hiện thời chẳng có, thua kém rất ư là xa! Quý vị hỏi do nguyên nhân nào ư? Nguyên nhân nói chung chẳng ngoài giáo dục. Trong giáo dục thì đặc biệt là giáo dục xã hội, [tức là nền giáo dục giữa] gia đình, nhà trường và xã hội, giáo dục nhân quả thuở ấy vẫn còn rất rõ rệt, chứ hiện thời chẳng có, mơ hồ!

Khi ấy, có TV, tôi nhớ TV thời ấy dường như TV đen trắng thì nhiều; về sau mới có TV màu, đã là một thứ xa xỉ phẩm, chẳng phải là

²⁰ Tiêm Sa Tró là một vùng thị tứ nằm ở phía Nam lãnh thổ Cửu Long của Hương Cảng. Đây là một doi đất từ bán đảo Cửu Long đâm ra vịnh Victoria. Đây là một khu vực buôn bán rất thịnh vượng, thu hút du khách rất lớn của Hương Cảng.

nhà nào cũng đều có. Đó là chuyện của ba mươi năm trước. Ba mươi năm đã trôi qua, các đồng học và đạo hữu chúng ta gần như đã khuất núi hai phần ba. Đương nhiên là trong ấy bao gồm những người di dân sang ngoại quốc, số ấy cũng chẳng ít. Trước khi [Hương Cảng] được trả lại [cho Trung Quốc], không ít người đã di dân sang ngoại quốc. Lúc đó, tôi khuyên họ đừng nên rời khỏi Hương Cảng, họ chẳng nghe theo. Kết quả là sau khi di dân, ở ngoại quốc, chúng tôi cũng thường gặp gỡ, họ đều cảm thán nói: “Tôi chẳng nghe lời thầy!” Nói thật ra, cuộc sống ở nước ngoài chẳng thể tốt đẹp hơn sống tại Hương Cảng, thật đấy. Chúng tôi có kinh nghiệm là vì đã ở ngoại quốc một thời gian dài, đi khắp nơi, cho nên liễu giải nhiều điều. Sai biệt lớn nhất là sai biệt văn hóa. Bởi lẽ, nếu sang một quốc gia khác tức là đã thay đổi hoàn toàn thành một hoàn cảnh văn hóa bất đồng, sẽ tương đối khó thể thích ứng được! Quý vị là người Hương Cảng, sanh trưởng tại cuộc đất này, thân thích bằng hữu đều ở bên này, đi sang ngoại quốc sẽ chẳng có, hoàn toàn trật vuột!

Người sống trong thế gian này rốt cuộc là vì lẽ gì? Đây là đại phương hướng, đại mục tiêu, nói chung là phải chánh xác, nhất là học Phật. Kẻ chẳng học Phật, sẽ không có cái tâm cảnh giác này; kẻ học Phật phải nên có. Nếu phương hướng và mục tiêu của chúng ta trong suốt một đời này là vĩnh hằng, bất biến, chắc chắn sẽ có thành tựu. Bất quá, trong quá khứ, xác thực là tuy chúng tôi cũng đã học Phật mười mấy năm, nói thật ra, vẫn chẳng đủ, chẳng thể nói là “không có giác ngộ”, [tuy có, nhưng là] tiểu giác ngộ, chẳng thấu triệt, chúng tôi thường nói là “*công phu không đủ, trí huệ cũng không đủ, đức hạnh cũng không đủ*”. Còn may là nghiên cứu giáo pháp, đọc kinh, từ đầu đến cuối dạy học chẳng gián đoạn, chỉ cần là chẳng gián đoạn thì nói chung sẽ có tiến bộ. Dầu tiến bộ chậm chạp, nhưng do có thời gian tích lũy dài như thế, dần dần tự nhiên cũng đáng kể. Từ thuở ấy cho đến hiện thời, chúng tôi lại tích lũy ba mươi năm, ba mươi năm ấy hết sức đáng quý. Cầu học, tu đạo, càng đến lúc tuổi già, tiến bộ càng nhanh chóng. Đây là do tích lũy, kinh nghiệm phong phú; đó là tu học chẳng ngừng. Nhà Phật dạy chúng ta không ngừng buông xuống, buông xuống tập khí vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, phiền não, trí huệ sẽ dần dần mở mang, đối với hết thầy người, sự, vật càng ngày càng hiểu rõ, càng ngày càng minh bạch, càng nhìn càng biết rành rẽ. Chúng tôi xác thực là kẻ căn tánh trung hạ, chẳng phải là bậc thượng thượng căn. Bậc thượng thượng căn tiếp xúc không lâu, sẽ có thể triệt để buông xuống. Tuy thầy đã dạy cho tôi cương lĩnh tu học, tôi là căn tánh tiêm tu, chẳng phải là đốn căn, cứ thuận theo thời gian bèn có tiến bộ. Nay mới hiểu rõ, hiểu minh bạch, “*triệt để buông xuống chính là lợi ích lớn nhất*”.

Tâm đại từ bi vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh của hết thảy chúng sanh. “*Tâm ý nhu nhuyễn*” cũng là Tánh Đức, cũng là thứ vốn sẵn có trong tâm tánh của chính mình, chẳng đến từ bên ngoài! Vì thế, nói chung, quý vị chỉ cần buông xuống tập khí phiền não. Phật pháp ở chỗ nào? Phật pháp sẽ tự nhiên hiện tiền. Trước kia, thầy thỉnh thoảng cũng nhắc đến, nhưng chúng tôi chẳng chú ý, chẳng thể thấu hiểu! Đến khi chính mình đã từng bước tiến lên, khế nhập cảnh giới kha khá, mới hoảng nhiên đại ngộ, mới hiểu minh bạch, mới thấu hiểu những điều thầy đã nhắc nhở, chỉ dạy trước kia, mới có thể lãnh hội sự thị hiện của các bậc đại đức xưa kia, mới có thể hiểu biết. Khi ấy, pháp hỷ hiện tiền, mới hiểu câu nói “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi thường xuyên tập luyện cũng chẳng vui sao?) trong sách Luận Ngũ. Nói theo Phật pháp, sẽ là “*pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ*”.

Nhìn ra xã hội và toàn thể thế giới trong hiện thời, xác thực là giống như “*tận thế*” như các tôn giáo phương Tây đã nói. “*Tận thế*” là tai nạn, khẳng định là có tai nạn. Có phải là sẽ thật sự tận thế hay không? Nếu nói theo Phật pháp thì sẽ chẳng hoàn toàn đúng như vậy! Vì sao? Đức Thế Tôn đã nói, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm. Có tận thế thì cũng phải sau một vạn hai ngàn năm, cũng chẳng thể thuộc trong một vạn hai ngàn năm này. Chư vị đều biết pháp vận của Phật bao gồm Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mạt Pháp. Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Chánh Pháp và Tượng Pháp đã qua, nay đang là thời Mạt Pháp. Theo cách nói của người phương Tây, Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho đến nay là hai ngàn năm trăm năm, còn như theo cổ nhân Trung Hoa ghi chép, [cho đến năm nay] đức Phật đã diệt độ ba ngàn lẻ ba mươi bốn năm, sai khác hơn năm trăm năm. Rốt cuộc, cách tính nào là thật, cách nào là giả, chúng ta chẳng cần bàn tới! Tồi thiếu Thích Ca Mâu Ni Phật đã cách biệt chúng ta cũng là chuyện từ hai ngàn năm trăm năm trước. Nếu tuân theo cách tính của Trung Hoa, thời đại hiện tại của chúng ta nhằm lúc mở đầu một ngàn năm thứ hai trong thời Mạt Pháp. Nếu theo cách nói của người phương Tây, nay chúng ta vẫn còn đang thuộc năm trăm năm đầu tiên của thời kỳ Mạt Pháp, Mạt Pháp dài một vạn năm. Năm nay mới là năm trăm năm; do đó, bất luận nói theo kiểu nào, trong Phật pháp chẳng nói đến “*tận thế*”.

Nhưng pháp vận trong thời kỳ Mạt Pháp có hưng và suy. Năm xưa, Chương Gia đại sư đã dạy tôi chuyện này. Vì chúng tôi cảm thấy pháp vận của Phật pháp suy vi đến tột cùng, đại sư đã khuyên lơn, khích lệ chúng tôi đừng nên nguội lạnh cõi lòng: “*Phật pháp sẽ còn có lúc hưng vượng. Thời kỳ Mạt Pháp có lúc hưng, lúc suy*”. Chúng tôi tin tưởng lời thầy. Vì thế, chỉ cần chính mình nghiêm túc, nỗ lực. Thấy

Phật pháp suy vi, chúng ta càng phải nên nghiêm túc nỗ lực. Vì sao? Có một loại cảm giác sứ mạng, cảm giác trách nhiệm. Tôi cũng thường khuyến khích các đồng học, [cũng như] khích lệ chính mình, cầu người khác chẳng bằng cầu nơi chính mình! Cầu người khác khó khăn! Cố nhân thường nói: *“Chuyện khó khăn trong thiên hạ, cầu cạnh người khác sẽ khó khăn, lên trời khó khăn”*. Đúng quá! Vì thế, từ xưa tới nay, những bậc thánh nhân, đại đức từ thời cổ đã dạy mọi người: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ”* (Có chuyện gì chẳng làm được, hãy xét lại mình). Đây là dạy quý vị đừng cầu cạnh người khác, hãy cầu chính mình, đúng như Phật pháp đã dạy. Phật pháp gọi là Nội Học. Sự thành tựu của Quán Thế Âm là *“phản văn văn tự tánh, tánh thành Vô Thượng đạo”* (xoay cái Nghe lại để nghe nơi tánh Nghe, tánh trở thành Vô Thượng đạo). Quay lại cầu chính mình, cầu chính mình thì mới có thể thành tựu. Cầu người khác là trật rồi, hãy cầu chính mình. Chính mình thật sự được gọi là *“đắc đạo”*, đắc đạo là gì? Hoàn toàn thực hiện những gì chính mình đã tin, đã hiểu trong cuộc sống của chính mình; đây là *“đắc đạo”*, đây là *“thật sự tu hành”*. Mọi người đều biết nhà Phật coi trọng thực tiễn, hoàn toàn chẳng chú trọng giải thuyết. Quý vị thấy ngài Thanh Lương phán định Hoa Nghiêm gồm có bốn phần là Tín, Giải, Hạnh, Chứng, trọng điểm ở hai phần sau (Hạnh và Chứng). Quý vị đã tin tưởng, đã lý giải thì phải thực hiện nó, thực hiện chính là *“chứng đạo”*. Quý vị có thể làm được một phần, sẽ đắc một phần. Quý vị có thể làm được hai phần, sẽ đắc hai phần!

Đương nhiên, phẩm Tịnh Hạnh là công khóa tu hành của bậc đại Bồ Tát. Nếu chúng tôi dùng nhà trường để tỷ dụ, [phẩm kinh này] tôi hiểu là chương trình học của Đại Học. Trước môn học của Đại Học còn có chương trình Trung Học và chương trình Tiểu Học. Nay chúng ta đọc một trăm bốn mươi một nguyện này, có thể làm được hay không? Ngẫu nhiên ghi nhớ mấy điều, lại còn chẳng làm triệt để, đây là do nguyên nhân gì? Chẳng vun đắp cơ sở tốt đẹp! Do đó, nếu muốn thật sự khế nhập cảnh giới này, chư vị hãy ngẫm xem, có phải là trước hết phải thi hành từ Đệ Tử Quy, thi hành từ Thập Thiện Nghiệp Đạo hay không? Chẳng sai! Khẳng định là theo thứ tự như vậy! Trước kia, chúng ta chẳng học thì làm như thế nào đây? Học bỏ sung, ngay lập tức bỏ sung. Quý vị phải hiểu căn cội rất quan trọng. Đó là cơ sở của phẩm Tịnh Hạnh.

Tôi lại nói rõ ràng hơn một chút. Cơ sở của phẩm Tịnh Hạnh là giới Bồ Tát, là giới tỳ-kheo, là giới sa-di, mà cơ sở của giới sa-di lại là Tam Quy Ngũ Giới. Cơ sở của Tam Quy Ngũ Giới lại là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Cơ sở của Thập Thiện Nghiệp Đạo là Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên. Do đó, pháp sư Ấn Quang, vị này là tổ sư, suốt đời đề xướng Cảm Ứng Thiên chẳng tiếc sức thừa! Vì sao Ngài chẳng đề

xương Đệ Tử Quy? Vì sao Tổ đề xướng Cảm Ứng Thiên, đề xướng An Sĩ Toàn Thư, đề xướng Liễu Phàm Tứ Huán? Vì sao? Quý vị hãy suy ngẫm thời đại của lão nhân gia: Trước thời Kháng Chiến, nhằm thời đầu Dân Quốc. Vào thời đó, có thể nói là trẻ nhỏ trong gia đình đều có gia giáo rất tốt đẹp. Gia giáo là Đệ Tử Quy, chẳng thiếu môn học này. Ngài đặc biệt nhấn mạnh giáo dục nhân quả, vì sao? Đây là do văn hóa phương Tây tấn công, văn minh vật chất tiên nhập [Trung Hoa], khẳng định sẽ khiến cho người Hoa tăng trưởng tham, sân, si, mạn, luân lý đạo đức dần dần bị nhạt nhòa, mất đi. Vì thế, lão nhân gia đặc biệt đề xướng giáo dục nhân quả, bảo mọi người “*thiện có thiện quả, ác có ác báo*”. Đúng là độc tron nổi khổ tâm, đây là đại từ đại bi. Nay chúng ta thấy quá rõ ràng, quá minh bạch!

Vì sao những người ấy tham lam chằng chán, khởi tâm động niệm không gì chẳng là tổn người lợi mình? Chuyện này nghiêm trọng lắm! Nếu quý vị hiểu sẽ có báo ứng trong ấy, quý vị sẽ chẳng dám làm! Nếu quý vị biết: “*Một hớp uống, một miếng ăn, không gì chẳng định trước*”, quý vị cũng sẽ chẳng làm. Cầu có phương pháp, có đạo lý, đúng lý, đúng pháp để cầu, sẽ chẳng có gì không đạt được! Nhà Phật nói hay lắm: “*Trong cửa nhà Phật, có câu ắt ứng*”. Quý vị phải đúng lý, đúng pháp mà cầu. Nếu quý vị trái nghịch đạo lý ấy, trái nghịch phương pháp chánh đáng, dùng thủ đoạn chằng chánh đáng để giành được, đại khái là điều quý vị mong cầu còn chưa đạt được, họa hại đã đưa tới. Nhỏ thì là thân bại, danh liệt; lớn thì là thân chết, nhà tan! Chúng ta hãy lắng lòng xem xét chuyện này, hãy quan sát cẩn thận từ nhật báo, tạp chí, tin tức hoặc radio, gần như mỗi ngày đều có, nhân quả báo ứng ở ngay trước mắt, có sao quý vị chẳng thấy? Có sao quý vị chẳng cảnh giác? Đây là gì? Đọc sách về giáo dục nhân quả quá ít! Nếu đọc nhiều, chắc chắn là quý vị sẽ phản tỉnh. Đây là lòng đại từ đại bi của tổ sư, chúng ta phải hiểu rõ, hiểu minh bạch, phải nghiêm túc học tập cách nào để tiêu tai miễn nạn, tự cầu nhiều phước trong xã hội hiện tiền này! Nay đã hết thời gian rồi, hãy nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp bài kệ kế tiếp bài thứ mười tám:

(Kinh) Đắc thô sấp thực, đương nguyện chúng sanh, tâm vô nhiễm trước, tuyệt thế tham ái.

(經)得粗澀食。當願眾生。心無染著。絕世貪愛。

(Kinh: Được món thô tháp, nguyện cho chúng sanh, tâm chẳng nhiễm đắm, dứt hết tham ái).

Bài kệ này có thể mở rộng ý nghĩa thành nghịch cảnh, ác duyên. Vì thế, đúng là phải học theo Bồ Tát. Bồ Tát là bậc giác ngộ, thật sự quá khó có. Vì sao? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, Ngài đều có thể quay đầu, đều có thể xoay chuyển cảnh giới, giống như trong kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Nếu có thể chuyển cảnh giới, sẽ giống Như Lai*”. Chúng ta phải nên học theo bản lãnh ấy. Đã học được bản lãnh ấy, sẽ là như trong Phật pháp thường nói: “*Giờ nào cũng là giờ tốt, ngày nào cũng là ngày tốt*”. Chẳng giả tí nào! Năm xưa, tôi cũng nói tiếp thêm hai câu: “*Người nào cũng là người tốt, chuyện nào cũng là chuyện tốt*”. Quý vị nói cuộc sống ấy hạnh phúc lắm, mỹ mãn lắm! Hóa giải đối địch từ trong nội tâm.

Chúng ta thấy cổ nhân thường nói “*nhân giả vô địch*”, [nghĩa là] người nhân từ chẳng có địch thủ. Vì sao chẳng có địch thủ? Chẳng phải là nói bên ngoài không có, mà là trong nội tâm của người ấy chẳng có địch thủ, nội tâm chỉ có từ bi, chẳng có đối lập. Do vì trong xã hội hiện thời, xung đột rất phổ biến, thậm chí còn nói đến phân tử khủng bố, giải quyết vấn đề này như thế nào? Hãy nên hóa giải từ trong nội tâm của chính mình. Hóa giải sự đối lập giữa ta và hết thảy mọi người, đối lập giữa ta và hết thảy các sự, đối lập giữa ta và hết thảy vạn vật. Có đối lập thì có mâu thuẫn, có xung đột. Vì thế, chẳng thể [hóa giải] ở ngoài, mà là trong nội tâm của chính mình. Nếu ta đã hóa giải ở nơi đây, [những xung đột] từ bên ngoài cũng tự nhiên tiêu mất. Đó gọi là “*một bàn tay chẳng vỗ ra tiếng*”. Nhất định phải có ứng. [Bàn tay] bên này của chính mình chẳng có, bàn tay kia sẽ chẳng vỗ ra tiếng được! Đạo lý này của cổ đại đức rất sâu, chúng ta phải lãnh hội, phải học tập từ chỗ này!

Vì thế, thành Phật, quý vị thấy như trong Phật pháp đã nói, như thế nào thì mới thành Phật? Trong ý nghĩa của chữ Phật, có ý nghĩa Giác, có ý nghĩa Trí. Trong giác có ba loại là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Tự giác là A La Hán, giác tha là Bồ Tát, giác hạnh viên mãn bèn thành Phật. Vậy thì chúng ta phải nghĩ xem, Thích Ca Mâu Ni Phật giác tha có viên mãn hay không? Có một năm, tôi giảng kinh tại Cát Long Ba (Kuala Lumpur) ở Mã Lai, có một vị pháp sư Tiểu Thừa người Thái Lan đến gặp tôi, nêu ra một câu hỏi về vấn đề này: “Đức Phật nói giác hạnh viên mãn thì mới có thể thành Phật, tức là tự giác và giác tha viên mãn mới có thể thành Phật, tôi còn chưa giác ngộ, làm sao Thích Ca Mâu Ni Phật có thể thành Phật cho được?” Vị pháp sư ấy tâm tánh bộc trực, trong lòng rất bất bình: “Thích Ca Mâu Ni Phật giác tha, [thế mà] tôi vẫn chẳng được Ngài giác ngộ!” Ý Sư cho rằng: “Nói ‘tự giác’ thì cũng còn chấp nhận được, chứ giác tha Ngài vẫn chưa thực hiện viên mãn. Còn chúng sanh nhiều ngàn ấy chưa thành Phật, làm sao Ngài có thể thành Phật cho được?” Nếu có ý nghĩ như vậy thì đã sai

mất rồi!

Giác hạnh viên mãn phải hiểu theo cách nào? Chính là tự giác và giác tha đã viên mãn; trong ấy, khó hiểu nhất là giác tha được viên mãn bằng cách nào? Chẳng biết giác tha chính là tự giác. Trong tâm ta còn có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, đây là phàm phu. Tứ Tướng đều chẳng có, [đó là] tự giác. Giác tha là tự giác được nâng cao hơn, nâng cao tới cảnh giới nào? Nâng cao tới mức như phần sau kinh Kim Cang đã nói: Ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến cũng buông xuống. Trước tiên là buông xuống Tứ Tướng, cuối cùng là buông xuống Tứ Kiến. Chẳng có Tứ Kiến, sẽ thành Phật. Có thể thấy, thành Phật độ chúng sanh chẳng phải là độ chúng sanh bên ngoài. Tứ Hoàng Thệ Nguyên nói đến cuối cùng, “*tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ, tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn, tự tánh pháp môn thệ nguyện học, tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành*” thì mới có thể thành Phật. Đây là nói rành mạch, rõ ràng, chúng ta chớ nên hiểu lầm ý nghĩa. Hiểu lầm ý nghĩa, [sẽ chấp] có ngã tướng, Thích Ca Mâu Ni Phật là nhân tướng, [tức là] có tướng của Thích Ca Mâu Ni Phật, có đông đảo chúng sanh tức là chúng sanh tướng, có thọ giả tướng thời gian dài hay ngắn, quý vị thấy đều chấp Tứ Tướng, làm sao có thể đắc độ cho được?

Thật sự thành Phật, làm Tô, trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đã nói hay lắm. Quý vị thấy khi Ngũ Tổ tiễn Ngài về phương Nam lánh nạn. Ngũ Tổ đưa tiễn Ngài, Huệ Năng đại sư đã thưa cùng thầy hai câu, Đàn Kinh có ghi chép: “*Khi chưa ngộ thì thầy độ, sau khi đã ngộ thì tự độ*”. Hai câu ấy nói hay quá, thầy giúp đỡ quý vị là giúp quý vị khai ngộ. Sau khi đã khai ngộ bèn tự độ, người khác độ ở chỗ nào? Quý vị còn có tự và tha, sẽ là hạng phàm phu chánh cống, chẳng giác ngộ. Sau khi đã giác ngộ, sẽ chẳng có tự và tha. Có tự và tha tức là quý vị chẳng đoạn Tứ Tướng! Kinh Kim Cang đã dạy rõ ràng: “*Nếu Bồ Tát có ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, sẽ chẳng phải là Bồ Tát*”, kẻ ấy chẳng phải là Bồ Tát. Nói cách khác, Bồ Tát chẳng có Tứ Tướng!

Vì sao Bồ Tát chẳng có Tứ Tướng? Địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm đã phá Tứ Tướng, [thuộc về] Đại Thừa Viên Giác; do vậy, Ngài là thánh nhân. Tuy vậy, vẫn chẳng có năng lực vượt thoát tam giới, vì sao? Ngài chưa đoạn Kiến Tư phiền não, nhưng chắc chắn chẳng đọa tam đồ. Công phu đoạn chúng của Ngài và Tu Đà Hoàn bằng nhau, [Tu Đà Hoàn là] Tiểu Thừa Sơ Quả. Trước kia, chúng tôi học Phật, một là do chúng tôi trẻ tuổi, hai là do thầy cũng không nói rõ ràng với chúng tôi, chúng tôi không hiểu, cứ tưởng phá Tứ Tướng thì là Pháp Thân Bồ Tát. Chẳng ngờ hàng Bồ Tát phá Tứ Tướng thuộc địa vị Sơ Tín, chẳng ngờ tới! Trong bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ

Giang Vị Nông đã nói rõ ràng, chúng tôi mới hiểu chuyện này!

Trong Kiến Tư phiền não, đã đoạn Kiến phiền não, [tức là] đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, đã phá Tứ Tướng. Trong Kiến Hoặc, các thứ Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến, những thứ ấy đều chẳng có. Chẳng đoạn Tư Hoặc. Đối với Tư Hoặc, chẳng đoạn tham, sân, si, mạn, không thoát khỏi tam giới, nhưng chắc chắn chẳng đọa tam đồ. Khi đó gọi là Vị Bất Thoái. Chứng đến địa vị ấy, sẽ chẳng còn đọa xuống phàm phu, tuyệt đối sẽ chẳng còn thoái chuyển vào tam đồ. Do vậy, sẽ qua lại bảy lần trong cõi trời và nhân gian ([đây là] nói khi đức Phật chẳng xuất thế) bèn đoạn Tư Hoặc. Khi chẳng có Phật xuất thế bèn gọi là Độc Giác, khi có Phật xuất thế thì gọi là Thanh Văn, nhưng quả vị đều gọi là A La Hán. Độc Giác càng thông minh hơn, đó là bậc Bích Chi Phật.

Sau khi chúng ta đã hiểu rõ, bèn biết cách tu như thế nào, đoạn Hoặc, chứng Chân. Vì thế, ở trong hoàn cảnh ấy, trong thuận cảnh, đoạn tham ái; trong nghịch cảnh, đoạn sân khuê. Do vậy, thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên toàn là đạo tràng tu hành của Bồ Tát, đó gọi là “*học xứ*” của Bồ Tát. Có chỗ nào chẳng phải là học xứ của Bồ Tát? Bất cứ nơi đâu đều mài giữa quý vị. Nếu tập khí phiền não của quý vị thấy đều bị mài sạch, quý vị sẽ thoát ra, sẽ thoát ly tam giới. Do vậy, nhất định phải hiểu điều này: Trong thuận cảnh, quý vị dấy lòng tham ái, phải mài sạch tham ái bằng cách nào, [ngõ hầu] trong thuận cảnh chẳng sanh tham ái. Trong nghịch cảnh sanh sân khuê, nổi nóng, quý vị làm thế nào để mài sạch những thứ phiền não ấy trong nghịch cảnh. Vì lẽ này, có cần nghịch cảnh hay không? Cần chứ! Khi không cần, sẽ vĩnh viễn chẳng thể mài sạch hết! Nhất là hiện thời, chúng tôi có đọc một số báo cáo y học, đối chiếu với Phật pháp. Trước kia, chúng tôi chỉ nghe nói kẻ tức giận chính là dần dần tự sát, đã từng nghe nói kiểu ấy. Nay xem rất nhiều báo cáo y học, [mới biết chuyện này] là thật, chẳng giả! Sân khuê tổn thương thân thể nhiều nhất. Phật môn nói là “*một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng mở*”.

Trong quá khứ, khi tôi cầu học ở Đài Trung, thầy đã giảng về mức lợi hại của sân khuê. Thầy bảo, mẹ cho trẻ nhỏ bú sữa, sau khi nổi giận dùng ngón bèn cho trẻ bú, chẳng đầy vài hôm sau, đứa trẻ chết mất, chẳng biết do nguyên nhân gì. Về sau, lại nuôi con thơ, hai, ba lần mang thai đều là như vậy, đều chẳng biết. Sau khi nổi nóng, toàn thân đều biến thành độc tố, trẻ nhỏ bú sữa bị trúng độc, kẻ làm mẹ đâu có biết! Sau này, tôi đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, trong Văn Sao có ghi chép [chuyện này], tôi tin tưởng lời thầy, [những điều ấy] đều đã được nói trong Văn Sao, liền bảo những bà mẹ có con nhỏ, sau khi đã nổi nóng, tối thiểu là phải sau một tiếng đồng hồ, tâm đã bình lặng, một, hai giờ sau mới có thể cho con bú sữa.

Nếu chúng ta nghe cư sĩ Hứa Triết nói, tôi nghĩ bà Hứa Triết năm nay đã một trăm lẻ sáu tuổi. Vài hôm trước tôi mới biết (hai hôm gần đây bà qua thăm Thượng Hải), bà đã một trăm lẻ tám tuổi! Bà quy y lúc một trăm lẻ một tuổi, thời gian trôi qua thật mau, chớp mắt đã tám năm rồi. Bà bảo tôi, con người sau khi nổi nóng một trận, để khôi phục bình thường, cần đến ba ngày, ba ngày mới có thể khôi phục bình thường. Nổi nóng trong thời gian bao lâu? Năm phút! Năm phút mà phải mất ba ngày thì mới có thể khôi phục; vì thế, nổi nóng tổn thương thân thể nhất. Theo báo cáo của một bác sĩ, ông ta nói có một người bị ung thư, bảo người ấy phải thường gìn giữ tâm tình vui sướng, chớ nên có một tí phiền não nào, phải thoải mái. Như vậy thì ông ta sẽ có thể không chế toàn thể căn bệnh ung thư. Suốt mười năm, hai mươi năm, [ông ta] chưa hề vi phạm, thân thể đã rất bình thường. Đến khi về hưu, đại khái là tiền lương hưu thiếu một chút, ông ta rất bực bội, rất cáu kỉnh, vừa nổi nóng một phen, hai tháng sau bèn qua đời, căn bệnh cũ lại phát ra. Những trường hợp như vậy nhiều lắm!

Vì thế, chúng ta nhìn vào thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, quý vị thấy trong thí nghiệm với nước, quý vị dùng tâm oán hận đối đãi nó, “tao chán ghét mày, tao hận mày”, vẫn chưa phải là rất cáu kỉnh, làm thí nghiệm, xem kết tinh của nước dưới kính hiển vi. Ông ta chụp ảnh cho quý vị thấy, [kết tinh của nước] rất khó coi, rất xấu xí. Thay đổi ý niệm, “ta ưa thích ngươi, ta yêu ngươi”, kết tinh của nước hết sức đẹp đẽ. Chúng ta biết thân thể loài người chúng ta bảy mươi lăm phần trăm là nước, nếu quý vị dùng tâm yêu thương, dùng tâm từ bi để dưỡng sanh, thân thể quý vị sẽ khỏe mạnh, bệnh tật gì cũng đều chẳng có, quý vị cũng chẳng bị lây nhiễm bệnh tật. Vì sao? Quý vị có năng lực đề kháng, thứ gì đề kháng? Tâm yêu thương, tâm từ bi.

Vì thế, năm xưa, chúng tôi học Phật bèn biết: Tâm thanh tịnh là bí quyết dưỡng sanh, tâm từ bi có thể giải độc, chẳng cần dùng thuốc men gì để giải độc, tâm từ bi có thể giải độc. Vì sao thân thể Phật, Bồ Tát tốt đẹp dường ấy, chẳng dễ bị lão hóa? Chẳng có gì khác, thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn, đạo lý là như thế đó! Chúng ta ắt cần phải học điều này, đây là quý vị học Phật đạt được lợi ích ngay trong hiện tiền, lợi ích ấy có thể tự hành, hóa tha. Tự hành là chính mình đạt được lợi ích. Hóa tha là người khác và quý vị ở cùng một chỗ, họ trông thấy thân thể và dung mạo của quý vị rạng rỡ, họ sẽ khâm phục, tự nhiên sẽ hướng về quý vị thỉnh giáo. Tôi tham dự rất nhiều hội nghị quốc tế, gần như mỗi lần đều gặp chuyện này, không chỉ là một người hỏi tôi: “Thưa pháp sư, thầy bảo dưỡng thân thể như thế nào?” Chúng tôi liền giảng Phật pháp cho kẻ ấy: “Tâm thanh tịnh, tâm từ bi, tâm yêu thương, quyết định chớ nên có tâm oán hận. Ăn uống, sinh hoạt, cuộc sống hằng ngày có quy tắc”. Họ biết chúng tôi ăn chay, ăn ít.

Lại bảo họ, thức ăn chính là nguồn bổ sung năng lượng cho thân thể này!

Đối với chuyện tiêu hao thể lực và tiêu hao năng lượng, trong quá khứ, tôi đã từng thảo luận với thầy Lý về vấn đề này. Tôi trình lên thầy: “Con nhận thấy tiêu hao thể lực thì chín mươi phần trăm trở lên là bị tiêu hao bởi vọng niệm, chứ lao tâm lẫn lao lực đều [tiêu hao năng lượng] rất hữu hạn”. Đây là vì tôi ở Đài Trung suốt mười năm, quan sát thầy Lý, [nhận thấy] lượng công việc của lão nhân gia gấp năm lần kẻ bình phàm chúng ta, có nghĩa là thầy làm việc của năm người, rất vất vả. Thông thường, ai muốn gặp thầy, phải hẹn trước một tuần, chứ tùy tiện hẹn gặp, thầy chẳng có thời gian. Thời gian của thầy thầy đều sắp xếp kín mít rồi! Nhất định là phải hẹn trước một tuần, thầy sẽ sắp xếp thời gian cho quý vị. Quý vị biết thầy bận bịu công việc [như thế đó], nhưng thầy ăn rất ít, mỗi ngày ăn một bữa, mỗi bữa ăn một chén cơm nhỏ. Thầy là người Sơn Đông, thích ăn thực phẩm làm bằng bột mì: Một chén mì nhỏ, hoặc một cái mạn đầu là được rồi. Thuở ấy, tôi học theo thầy, nhưng trước đó, tôi đã có cơ sở. Tôi học Phật, hai mươi sáu tuổi học Phật, nửa năm sau vào lúc hai mươi sáu tuổi, tôi bắt đầu luyện tập không ăn bữa tối. Buổi tối chẳng ăn gì, chỉ ăn bữa sáng và bữa trưa, đã ngưng ăn tối. Vì thế, đến Đài Trung, gần như tôi đã trải qua bốn, năm năm, tập thành thói quen, bỏ bữa sáng sẽ chẳng khó. Do vậy, ăn một bữa.

Khi đó trẻ tuổi, ăn một bữa, thông thường là giống như một chén cơm tôi ăn trong hiện thời, [khi đó], mỗi bữa cơm tôi ăn ba chén. Thuở ấy, ăn bữa sáng gần như cũng là ba chén cháo, buổi trưa cũng ba chén, buổi tối cũng là ba chén. [Sau khi] đã thôi ăn sáng và ăn tối, một bữa ăn giữa trưa là ba chén. Vì thế, bình thường! Thầy Lý ăn cơm, tôi ăn ba chén, thầy ăn một chén. Tôi phải ăn hai cái mạn đầu, thầy một cái đã đủ rồi, chẳng có cách nào sánh bằng thầy! Vì thế, tôi suy nghĩ rất lâu, phát hiện đúng là phải nên như vậy. Tiêu hao thể lực thì quý vị nhất định phải bổ sung. Quý vị chẳng bổ sung, thể lực sẽ chẳng đủ dùng. Do đó, tôi cũng ăn một bữa, nhưng ăn nhiều hơn thầy, mỗi bữa thầy ăn ít hơn tôi, khối lượng công việc của thầy nhiều hơn tôi. Vì thế, tôi thưa rõ cùng lão nhân gia, tôi nói: “Phải là như vậy, tiêu hao năng lượng chắc chắn là do tiêu hao nơi vọng niệm, chứ tiêu hao vì lao tâm hay lao lực sẽ chẳng nhiều”. Thầy đồng ý với cách nhìn ấy của tôi, chẳng sai! Chẳng sai tí nào cả!

Vì vậy, chúng ta nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, đoàn thể của Ngài ăn một bữa giữa trưa. Lại thấy kinh nói A La Hán bảy ngày ăn một bữa, Bích Chi Phật nửa tháng ăn một bữa. Do vậy có thể biết, tâm địa càng thanh tịnh, vọng niệm càng ít, tiêu hao năng lượng sẽ ít đi, đương nhiên là chẳng cần phải bổ sung

nhiều đường ấy. Chúng ta biết A La Hán đã đoạn Kiến Tư phiền não, Bích Chi Phật đã đoạn tập khí Kiến Tư phiền não. Quý vị thấy người đã đoạn Kiến Tư phiền não, mỗi tuần ăn một bữa là đủ rồi. Đã đoạn tập khí Kiến Tư phiền não, nửa tháng ăn một bữa là đủ. Từ chỗ này, chúng ta có được kết luận này.

Vì lẽ ấy, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị rất nhiều, sẽ chẳng thể học đòi mỗi ngày ăn một bữa. Vì sao? Thân thể quý vị chịu không nổi! Quý vị tiêu hao nhiều ngàn ấy, chẳng bỏ sung đầy đủ, sẽ ngã bệnh! Thật sự mong học [theo lối ăn một bữa mỗi ngày] thì phải đoạn trừ phiền não, trong thuận cảnh chẳng có tham ái, trong nghịch cảnh chẳng có sân khuê, thật sự khiến cho cái tâm trở về thanh tịnh, bình đẳng, trở về từ bi, tự nhiên chẳng cần [ăn nhiều như thế nữa]. Có sao biết là không cần? Quý vị chẳng cảm thấy đói, sẽ chẳng cần ăn. Nếu cảm thấy đói thì cần [ăn uống]. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta, hãy tùy duyên, đừng phan duyên. Phan duyên là có tâm học theo kiểu ấy, miễn cưỡng học theo, chớ nên! Phải tùy duyên. Quý vị thấy lão hòa thượng Đệ Nhàn dạy người thợ vá nồi, tùy duyên, chẳng có một tí hạn chế nào! Sư dạy người ấy niệm A Di Đà Phật, niệm mệt mỗi bèn nghỉ ngơi. Nghỉ khỏe khoản xong bèn niệm tiếp. Quý vị thấy phương pháp ấy tự tại lắm! Nói cách khác, đến khi quý vị tâm địa thanh tịnh vẫn tùy duyên. Hễ đói, quý vị sẽ ăn đôi chút. Không đói bèn chẳng ăn. Đó là tùy duyên, đó là chẳng miễn cưỡng. Do đó, chắc chắn là tâm địa thanh tịnh thì quý vị mới có năng lượng, bảo trì năng lượng, thân thể khỏe mạnh, tinh thần sung mãn. Vậy thì quý vị bèn hiểu, phân biệt, chấp trước, thất tình, ngũ dục, những thứ ấy tiêu hao năng lượng. Người có thất tình, ngũ dục mà chẳng thể khống chế, tự nhiên sẽ cần tiêu hao năng lượng to lớn, mỗi ngày ăn ba bữa rồi còn phải ăn điếm tâm, buổi tối còn phải ăn khuya. Do nguyên nhân nào? Lượng tiêu hao to lớn, [nếu] chẳng bỏ sung, người ấy sẽ chịu không nổi! Tâm địa càng thanh tịnh, lượng tiêu hao càng ít, càng giảm bớt việc!

Vì vậy, nguyện này cũng rất hay, “*tâm chẳng nhiễm trước, đoạn tuyệt sự tham ái trong thế gian*”. Nhiễm trước, tham ái sẽ tiêu hao năng lượng to lớn nơi thân thể. “*Nhiễm*” (染) là nhiễm ô. Nhiễm ô nghiêm trọng nhất là nhiễm ô nơi tinh thần. “*Trước*” (著) là chấp trước. Vì thế, phải buông xuống chấp trước, phải cự tuyệt nhiễm ô. Hiện thời, ở bên ngoài, nhiễm ô nghiêm trọng nhất, nói thông thường, nói theo phía đại đa số mọi người, chính là nhiễm ô bởi TV. Văn nghệ trong hiện thời toàn là nhiễm ô. Phim ảnh, ca múa, Internet, phàm là hết thấy những món giải trí, quý vị chú tâm lắng lòng quan sát, [sẽ thấy] chẳng có thứ gì không phải là nhiễm ô nghiêm trọng! Nếu nói những món giải trí ấy khiến cho chúng ta rất vui sướng, sự vui sướng ấy giống như hít thuốc phiện, chơi morphine! Vui sướng theo kiểu như vậy, quý vị phải trả giá

cỡ nào? Đến cuối cùng, dâng luôn cái mạng, chớ nên không biết điều này!

Từ xưa tới nay, các tiết mục văn nghệ giải trí truyền thống của Trung Hoa đều biết tuân thủ một nguyên tắc chỉ đạo tối cao của Không lão phu tử là “*tu vô tà*” (思無邪, không suy nghĩ tà vạy). Do đó, nội dung biểu diễn nói chung chẳng tách lìa luân lý, đạo đức, “*thiện có thiện quả, ác có ác báo*”, đây là giáo dục. Vì thế, từ giải trí trước kia, quý vị có thể tiếp nhận giáo dục, biết lý luận và phương pháp làm người, làm việc. Sự giáo dục ấy đã sử dụng phương pháp văn nghệ để biểu hiện. Hiện thời, chẳng phải vậy! Trong hiện thời, chẳng có giáo dục trong ấy. Nếu nói đến giáo dục thì hoàn toàn là phản diện. Nói chung, nội dung của nó chẳng rời khỏi giết, trộm, dâm, dối, tình dục, bạo lực. Nói chung là chẳng lìa khỏi những thứ ấy! Hằng ngày xem những thứ ấy cho nhiều, người ta làm sao có thể khỏe mạnh cho nổi? Làm sao vui sướng cho nổi? Vì thế, khi chúng tôi còn trẻ, thầy đã khuyên dạy chúng tôi nhất định phải bỏ những thứ ấy. Do đó, tôi thiếu là hơn bốn mươi năm, tôi giảng kinh, dạy học bốn mươi tám năm, mấy năm đầu mới học Phật có lúc còn xem, xem tin tức, xem gì vậy? Tôi chọn mấy tiết mục, phim khoa học kỹ thuật, xem những thứ động vật kỳ lạ, xem những thứ ấy, chẳng xem người ta biểu diễn. Về sau, hoàn toàn đoạn tuyệt. Hoàn toàn đoạn tuyệt tôi thiếu là bốn mươi lăm năm, cho nên chẳng bị ô nhiễm bởi những thứ ấy. Không chỉ là TV không xem, radio không nghe, mà nhật báo, tạp chí cũng không xem, dùng thời gian ấy để đọc kinh, đọc những trước tác của cổ nhân, đối với sự khỏe mạnh nơi thân tâm của chính mình hữu ích rất lớn!

Chúng ta chẳng xung đột với người thế gian, những thứ người thế gian tham ái chúng ta chẳng cần. Chúng ta cần những thứ người thế gian chẳng cần. Chẳng có xung đột! Vì thế, chúng ta chung sống rất tốt đẹp. Thời gian lâu dài, những kẻ thường xuyên lui tới sẽ dần dần giác ngộ. Họ nhìn vào cuộc sống của chúng ta, thấy dường như rất kham khổ: “Cớ sao chẳng ăn thịt? Hơn nữa, những thứ rau xanh đều chẳng phải là thứ ngon lành”. Cũng chẳng thỏa mãn khẩu vị của họ! Chúng ta nghiêm nhiên có thể dựa vào những thứ ấy qua ngày, nhưng thân thể của chúng ta mạnh khỏe hơn họ, cuộc sống của chúng ta vui sướng, hạnh phúc hơn họ. Vì thế, từ những chỗ này, cũng có thể khiến cho rất nhiều người giác ngộ. Lúc trẻ chẳng nhận biết, đến nay đã ngoài bảy mươi tuổi thì biết. Chúng tôi đứng cùng một chỗ với những người từ bảy mươi tuổi trở lên, họ thua tôi quá nhiều. Họ chú trọng dinh dưỡng, thấy tôi dinh dưỡng kém cỏi, chẳng đủ chất dinh dưỡng, kết quả là thân thể chúng tôi khỏe mạnh hơn họ!

Những điều này đều do từ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền mà có. Để biến đổi vận mạng của chính mình, phải sửa đổi từ khởi tâm

động niệm, sửa đổi từ ngôn ngữ, tạo tác, phải sửa đổi từ trong hoàn cảnh sống, quý vị mới có thể thật sự sửa được. Nhất là từ tuổi trung niên trở đi, phải có sự cảnh giác cao độ! Người đến tuổi trung niên là đã đạt tới đỉnh điểm; càng về sau, sẽ càng suy dần. Đỉnh điểm phải là năm mươi tuổi. Sau năm mươi tuổi, đúng là mỗi năm một kém hơn, quý vị phải cảnh giác, phải nắm lấy cơ hội sửa đổi phương thức sống, tận hết sức buông xuống tập khí phiền não, quý vị mới có thể đạt được một tuổi già thật sự hạnh phúc, khỏe mạnh.

Nhất là trong thời đại hiện tại, đâu quý vị có con cái, con cái bắt hiếu nhiều lắm, con cái hiếu thuận chẳng nhiều, nếu quý vị hỏi do nguyên nhân nào u? Quan sát từ góc độ Phật pháp, quý vị rất dễ thấu hiểu nguyên nhân! “*Tiên thiên*” (先天), đây là nói về nhân quả, [“*tiên thiên*” là] cái nhân trong đời quá khứ. Đức Phật nói quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa người trong một nhà, đức Phật đã nói rất hay, [không ngoài] báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Nói cách khác, bình thường, quý vị đối đãi với người khác là ân huệ nhiều, hay là xử sự tùy tiện nhiều, chẳng biết bố thí ân đức, quý vị há có con cháu báo ân được sao? Nếu quý vị đối xử khắc bạc với người khác, đãi người tiếp vật mà chính mình kiêu căng, ngã mạn, khi con cái của quý vị sanh ra, sẽ là báo oán. Khăng khái, hào phóng, hoan hỷ tài bố thí, tương lai sẽ có kẻ trả nợ. Nếu keo kiệt, thấy người khác gặp khó khăn chẳng chịu giúp đỡ, con cháu sẽ là kẻ đến đòi nợ. Đòi nợ thì là những đứa con khiến cho gia đình suy bại. Trong xã hội hiện thời, chúng ta lắng lòng quan sát, [sẽ thấy] những kẻ trẻ tuổi đến thế gian để đòi nợ nhiều, báo oán nhiều, chứ báo ân hoặc trả nợ rất ít. Đây là gì? Đây là nhân, tức cái nhân đã gieo trong đời quá khứ. “*Hậu thiên*” (後天) là trong đời này, con cái của quý vị sau khi sanh ra, quý vị có dạy dỗ nó đàng hoàng hay không, quý vị dạy nó như thế nào. Đây là duyên! Đây là đứa con đến báo oán, đòi nợ, nhưng nếu như hậu thiên được dạy dỗ tốt đẹp, dạy nó biết ân, nó sẽ biết báo ân, chẳng báo oán, nó sẽ phụng dưỡng cha mẹ. Vì thế, giáo dục hậu thiên quan trọng lắm!

Đối với chuyện ân oán này, ngoại trừ sự giáo dục của thánh hiền, chẳng có cách nào hóa giải. Giáo huấn thánh hiền dạy con người giác ngộ. Đòi quá khứ đã qua, chớ nên có oán hận nữa. Nếu từ đầu đến cuối chẳng thể buông xuống nỗi oán hận ấy, quả báo sẽ là đời đời kiếp kiếp chẳng hết, chẳng xong, đôi bên đều đau khổ, chẳng phải là một phía, mà là đôi bên đều khổ, sao cứ phải như vậy? Đã giác ngộ, hãy buông xuống. Ân lẫn oán thấy đều buông xuống, đôi bên đối đãi với nhau bằng lòng chân thành, dùng tâm yêu thương để đối đãi, đôi bên cùng tốt đẹp. Tôn trọng lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác. Đây sẽ là mỹ mãn lắm!

Chúng ta hãy ngắm xem, cái nhân trong quá khứ chẳng tốt, giáo

dục trong hiện tại lại chẳng tốt đẹp, vậy thì khó trách được. Do đó, có khá nhiều gia đình con cái chẳng dễ dạy, tôi gặp khá nhiều kẻ làm thầy kêu ca học trò khó dạy. Tôi đã biết, tôi nói toạc nhân và duyên với mọi người, họ cũng gật đầu, vậy thì làm như thế nào đây? Nhẫn nại! Phải có lòng nhẫn nại rất lớn, phải thực hiện từ chính mình. Chính mình đã chánh đáng, trẻ nhỏ không nói gì được nữa. Thầy chánh đáng, học trò cũng chẳng nói gì được! Chính mình phải làm khuôn phép, gương mẫu cho lũ trẻ tuổi. Giáo dục trong hiện thời, quan trọng nhất là giáo dục bằng sự cảm hóa, chớ nên xử phạt. Phải dùng sự cảm hóa, phải dùng đức hạnh của chính mình để làm gương cho kẻ khác, phải tốn thời gian lâu dài. Tôi học hành trong nhà trường, thầy chủ nhiệm huấn đạo trong trường cũng là thầy dạy ở lớp tôi, đã đề xướng giáo dục “*thâm hóa*” trong nhà trường, rất hữu lý! “*Hóa*” (化) là cảm hóa, [“*thâm hóa*” là] cảm hóa rất sâu. Bản thân thầy chẳng nêu gương tốt, làm sao có thể khiến cho học trò khâm phục, tôn trọng cho được?

Tôi đến Đài Loan lúc hai mươi mấy tuổi, theo học Triết Học với tiên sinh Phương Đông Mỹ. Cuộc sống của chúng tôi hết sức gian khổ, một thân trợ trợ tại Đài Loan, chẳng có ai thân thích, dựa vào công việc của chính mình chỉ có thể sống qua ngày, chẳng có năng lực đi học, rất muốn học, mong có thể dự thính lớp của thầy. Nhưng thầy Phương bảo tôi, thầy nói: “*Trường học trong hiện tại, thầy chẳng ra thầy, trò chẳng ra trò, anh đến trường học nghe giảng, sẽ thất vọng rất lớn*”. Thầy nói lời chân thật, nhưng khi ấy, chúng tôi rất khó lý giải, tưởng thầy nói lời ấy để cự tuyệt: “*Chẳng thể đến nhà trường nghe giảng*”. Tôi cứ nghĩ thầy cự tuyệt, nào ngờ rất khó có, thầy muốn tôi mỗi Chủ Nhật đến nhà thầy, thầy sẽ dạy tôi. Vì thế, tôi theo học với thầy tại chiếc bàn tròn nhỏ trong phòng khách nhỏ nhà thầy, một thầy, một trò, mỗi tuần học hai tiếng đồng hồ. Học như vậy đó! Về sau, tôi cũng vào đại học để giảng diễn hoặc giảng dạy, mới phát hiện [những điều thầy đã nói] là thật, chẳng giả. Thuở ấy, quý vị thấy tôi học Phật năm mươi lăm năm. Năm mươi lăm năm trước, nửa thế kỷ trước mà trường học đã là như vậy, hiện thời lại hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, đúng là khó thể tưởng tượng được! Vì vậy, nếu chính mình chẳng nghiêm túc nỗ lực, trước hết là cứu chính mình rồi sẽ độ người khác. Chính mình cứu chính mình chẳng được, sẽ chẳng có năng lực ảnh hưởng người khác, chẳng có năng lực cảm hóa người khác. A! Chúng tôi giảng bài kệ này đến đây!

Tập 1566

Chư vị pháp sư, chư vị đồng tu, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ bảy trong phần Kệ Tụng,

xem từ bài kệ thứ mười chín:

(Kinh) Nhược phạn thực thời, đương nguyện chúng sanh, Thiên duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn.

(經)若飯食時。當願眾生。禪悅為食。法喜充滿。

(Kinh: Nếu khi ăn cơm, nguyện cho chúng sanh, ăn món Thiên duyệt, pháp hỷ ngập tràn).

Đây là lúc thọ trai sau khi khát thực trở về, cũng chính là Quá Đường (過堂)²¹ trong tập tục Trung Hoa, tức là mọi người cùng nhau dùng cơm. Khát thực cũng giống như thế! Sau khi khát thực trở về, phải cùng ăn với nhau, hoàn toàn chẳng phải là khát thực xong bèn tùy tiện ở chỗ nào cũng ăn được! Làm như thế sẽ đánh mất oai nghi. Ngôn hạnh và cử chỉ của đệ tử Phật không gì chẳng nhằm nêu gương mẫu tốt đẹp cho đại chúng trong xã hội, cũng như chúng ta thường nói là “*có quy củ*”, dạy đại chúng trong xã hội nhất định phải tuân theo pháp tắc, phải tuân thủ quy củ. Chúng ta thường nói “*quy củ*” là pháp lệnh, quy định của quốc gia, là phong tục tập quán trong xã hội, thầy đều phải tuân thủ. Ngạn ngữ Trung Hoa thường nói “*nhà có gia quy, nước có*

²¹ Chữ Quá Đường có ý nghĩa gốc là “vào nha môn chịu sự thẩm vấn”. Nhà Thiên dùng từ ngữ này vào việc thọ trai với dụng ý mỗi miếng ăn, mỗi hớp uống đều phải chú tâm, quán tưởng nghiêm mật giống như đang bị quan trên thẩm vấn, luôn phải chú tâm, gìn giữ oai nghi, câu thúc ý niệm, suy nghĩ chánh đáng. Chế độ tụng lâm tại Trung Hoa quy định Quá Đường là một công khóa trong Ngũ Đường Công Khóa (khóa tụng kinh sáng, thọ trai sáng, thọ trai trưa, tụng niệm khóa tối, và Mông Sơn). Bữa ăn tối rất đạm bạc, thường gọi là Dược Thạch, không sử dụng nghi thức Quá Đường. Trước khi thọ trai, vị Tăng sĩ hoặc cư sĩ trực nhật sẽ gõ một chiếc mõ lớn có hình cá chép to (thường gọi là Bang) treo ngoài hành lang của trai đường, đồng thời gõ Vân Bản (một phiến kim loại có hình đám mây cách điệu). Tăng chúng nghe tiếng Bang và tiếng Vân Bản bèn theo đúng thứ tự của chức vị trong tự viện mà tiến nhập Trai Đường. Vị Trụ Trì sẽ ngồi ở bàn chính giữa Trai Đường. Sau đó, theo hiệu lệnh của vị duy-na hoặc chấp sự trong trai đường, mọi người xướng tụng kệ chú cúng dường Tam Bảo, quán tưởng năm điều (tồn tâm ngũ quán), sau đó im lặng dùng bữa. Các vị trực nhật sẽ đi từng bàn phân phối thức ăn. Nếu muốn ăn thêm, bèn đẩy bát ra phía trước, người trực nhật sẽ lấy thêm thức ăn. Khi ăn phải đoan chánh, ngồi thẳng lưng nhàn nhã ăn, không cúi gằm đầu, hay tư thế ngả ngón, bươi quậy thức ăn trong chén, không được trò chuyện. Khi ăn xong, đại chúng cùng nhau tụng kệ Kết Trai rồi mới rời đi. Theo truyền thống, trong Trai Đường thường thờ tượng Giám Trai Bồ Tát, tức là một vị Khẩn Na La Vương, tóc đỏ, thân vàng. Đôi khi nhà chùa tạc tượng Ngài có đầu ngựa, sừng dài, ăn mặc theo lối võ sĩ. Theo truyền thuyết, vị này từng thị hiện làm người chuyên nhóm lửa trong nhà bếp chùa Thiếu Lâm. Khi quân giặc xâm lấn chùa Thiếu Lâm, vị này cầm thanh củi dài ba thước đang cháy bùng bùng tấn công chúng, khiến bọn giặc bỏ chạy tán loạn. Do đó, đời sau thờ Ngài như một vị hộ pháp của sơn môn.

quốc pháp". Sách Lễ Ký dạy mọi người "*nhập môn nhi vấn hý*", tức là đến nhà người ta, trước hết phải hỏi trong nhà có chuyện gì kiêng kỵ, chuyện này mỗi nhà khác nhau. Vì thế, chớ nên ăn nói sai lầm. Đây là quy củ vào thời cổ. Hiện thời, những quy củ này chẳng còn nữa. Lễ cũng chẳng có, quy cũ cũng chẳng có; do đó, gọi là "*đời loạn*".

Rất nhiều đồng học cảm thán con cái khó dạy, do nguyên nhân nào? Chẳng có quy củ, dạy bằng cách nào đây? Trong trường, thầy bảo học trò khó dạy, [đó là vì] nhà trường cũng chẳng có quy củ. Tuy ấn định một số quy củ, mọi người đều chẳng tuân thủ. Phật môn trong hiện thời cũng chẳng phải là ngoại lệ. Nói thật ra, quy củ trong Phật môn hết sức nghiêm ngặt; hiện thời, cũng chẳng có ai tuân thủ! Thế gian đã loạn, trong Phật môn cũng loạn, chúng ta ắt phải biết hiện tượng ấy. Vậy thì làm như thế nào? Họ loạn, ta chẳng loạn; họ chẳng tuân thủ quy củ, ta phải giữ quy củ. Giữ quy củ thì tâm mới an. Ngạn ngữ có câu "*tâm an lý đắc*", [nghĩa là] đã hiểu rõ đạo lý bèn an tâm, chính mình thực hiện [vâng giữ quy củ] cho chính mình. Điều quan trọng nhất chính là "*mục tiêu suốt đời của mỗi người sống trong thế gian là phải tăng tấn chính mình*"!

Hôm qua, các đồng tu của chúng ta cộng tu trong nội bộ, chúng tôi đã trích dẫn pháp thế gian và Phật pháp, những người thật sự có trí huệ, có kiến thức, có đạo hạnh đều bảo chúng ta: "*Con người chẳng có sanh tử*". Thật đấy, chẳng giả! Con người bất quá là mượn nhục thể này trong một khoảng thời gian và không gian. Thời gian và không gian ấy đều rất ngắn ngủi, tạm bợ, sống hết một đời này mà thôi! Còn như vì sao phải đến (phải sanh vào cõi này)? Đức Phật đã nói rất hay, sanh trong thế gian này là do hai loại nguyên nhân.

1) Một loại nguyên nhân là do nghiệp lực của chúng sanh trong lục đạo chiêu cảm. Do nghiệp lực mà đến thọ sanh. Trong đời quá khứ, quý vị tạo thiện nghiệp, quý vị đến hưởng phước, đời này quý vị sẽ sống rất sung sướng. Nếu trong đời quá khứ đã tạo nhiều ác nghiệp, vậy thì quý vị đến chịu khổ trong đời này. Do vậy, cùng là người như nhau, nhưng trong đời này, [mỗi người] gặp gỡ những cảnh ngộ khác nhau! Phú quý, nghèo hèn, cát hung, họa phước khác nhau, đây là do nghiệp lực.

2) Loại thứ hai là chúng sanh có cảm, vị ấy bèn đến ứng hóa, đây là Phật, Bồ Tát. Các Ngài đến để làm gì? Các Ngài đến giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, chẳng phải là nghiệp lực, cũng chẳng xả thân, thọ thân, [thời gian] sống trong thế gian lâu hay mau cũng khác nhau. Đó là gì? Duyên. Nói cách khác, do sức cảm của chúng sanh. Sức cảm mạnh mẽ thì Ngài sẽ đến; khi sức cảm mỏng manh, yếu ớt, Ngài sẽ ra đi. Ngài chẳng phải do nghiệp lực, mà là nguyện lực. Quý vị thấy mỗi người tu hành từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, hằng ngày đều phát

nguyên: “*Chúng sanh vô biên thế nguyên độ*”. Hằng ngày đều phát nguyện. Do đó, chúng sanh có cảm, các Ngài đương nhiên phải tới.

Trừ hai nguyên nhân ấy ra, chẳng có loại thứ ba, chúng ta phải biết điều này. Vì thế, xả thân, thọ thân trong lục đạo.

Thân có sanh tử, linh tánh chẳng có sanh tử, phải hiểu điều này. Linh tánh mới là chính mình thật sự. Vì thế, đức Phật nói hết thấy chúng sanh, đều ở trong lục đạo hay tam đồ, đều là bất sanh bất diệt. Vì vậy, “*bất sanh bất diệt*” là nói đến linh tánh, còn “*sanh diệt*” là nói về thân thể, nói đến sắc thân, nhất định phải hiểu điều này. Vì lẽ đó, sắc thân chẳng đáng lưu luyến, chúng sanh tạo nghiệp là vì lẽ nào? Đều là do sắc thân gây tạo, đời đời kiếp kiếp, chẳng có đời nào không tạo nghiệp. Nói theo phía người tu hành, đời đời kiếp kiếp đều đang tu hành, tu ở chỗ nào? Ở chỗ lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, không lúc nào, không chỗ nào chẳng đang tu hành. Quý vị thấy một trăm bốn mươi một nguyện này, đây là khi ăn cơm. Các vị tổ sư đại đức thường nói: “Ăn cơm, bưng bát cơm lên, quý vị có biết ăn hay không?” Quý vị nói: “Có ai mà chẳng biết ăn?” Ý nghĩa chẳng phải ở chỗ đó. Biết ăn thì ăn cơm cũng là tu hành. Ăn cơm cũng là đang dụng công, công phu chẳng bị gián đoạn. Đó là biết ăn. Chẳng biết ăn, trong khi ăn, bèn dấy lên tham, sân, si, mạn, dấy động thất tình, ngũ dục, đây là tạo nghiệp! Tâm luân hồi chắc chắn sẽ tạo nghiệp luân hồi. Nếu là tâm Bồ Đề thì chắc chắn là tu hành. Có thể thấy, về mặt Sự thì chẳng khác gì nhau. Đây gọi là Sự Sự vô ngại; vấn đề là quý vị có biết [tu hành] hay không?

Ăn cơm thì tu hành bằng cách nào? Quý vị hãy nhìn vào lúc [cử hành nghi thức] Quá Đường trong Phật môn. Vị thầy duy-na niệm “*thực tôn ngũ quán*”, tức là trong khi ăn cơm bèn có năm vấn đề quý vị phải suy tưởng:

1) Thứ nhất là “*ké công đa thiếu, lượng bi lai xư*” (xét chính mình có công đức nhiều hay ít, hãy suy lường những vật thực ấy do đâu mà có), “*ké*” (計) là quý vị hãy suy nghĩ. Quý vị có bao nhiêu công đức, hãy nghĩ xem chính mình có bao nhiêu công đức. Hãy nghĩ xem bữa cơm này do đâu mà có? Trong phần trước, chúng tôi cũng đã nói, khi [giảng về phần] khát thực cũng đã đề cập. Khát thực là quý vị xin được bát cơm này, có được bát cơm này chẳng dễ dàng! Bao nhiêu người đã nhọc nhằn cúng dường, qua bữa ăn này, chúng ta mới có thể hưởng thụ bát cơm này. Khi ăn cơm, có suy ngẫm [điều ấy] hay chẳng? Thường nghĩ như vậy, sẽ biết báo ân chúng sanh. Để báo ân thì nhất định phải tri ân; chẳng biết ân, cái tâm báo ân làm sao có thể sanh khởi cho được? Nếu có thể thường quán như vậy, đối với tất cả hết thấy chúng sanh, quý vị nhất định sẽ tôn kính, nhất định sẽ có tâm yêu thương, khi hết thấy chúng sanh cần giúp đỡ, quý vị nhất định sẽ toàn tâm toàn lực xòe tay giúp đỡ. Vì sao? Đôi bên có ân với nhau!

Đôi với bát cơm ấy, nói gần gũi thì người nấu cơm có ân. Nếu là trong tự viện, am, đường, người cộng tu đông đảo, người nấu cơm trong bếp không chỉ là một người. Có người thái rau, có kẻ xào rau; bếp lò xưa kia phải nhóm lửa, có người chuyên trách đốt lửa, chẳng phải là một người! Chẳng có những người ấy chung sức hợp tác, cơm và thức ăn lấy đâu ra? Những người làm việc trong nhà bếp thấy đều có ân đức! Nếu nghĩ xa hơn, gạo do đâu mà có? Thức ăn do đâu mà có? Dầu từ đâu mà có? Muối từ đâu mà có? Càng suy, sẽ càng rộng! Nông dân cày ruộng, nông dân gặt lúa, nông dân giã gạo, nông dân trồng rau. Quý vị hãy ngẫm xem, còn có kẻ chuyên chở, quý vị sẽ biết là có bao nhiêu người đã phục vụ cho quý vị, lẽ nào chẳng có ân đức ư? Thiếu một mắt xích, sẽ chẳng có cơm và đồ ăn! Sau đây, quý vị mới nghĩ con người sống trong thế gian, xác thực là như Phật pháp đã nói: “Nương vào đại chúng, dựa vào đại chúng”. Chúng ta sanh tồn, ăn uống, sinh hoạt hằng ngày đều phải nương cậy quảng đại quần chúng, ai nấy đều vì ta, ta có vì mọi người hay chẳng? Có nghĩ đến vấn đề này hay không? Quý vị có nghĩ đến những điều này, sẽ biết ân. Sau đây, quý vị mới biết: Ta trong cương vị của chính mình, phải biết thực hiện tốt công việc thuộc về cương vị của chính mình hòng báo đáp họ. Đó gọi là báo ân.

Đệ tử của đức Phật đã xuất gia, chẳng theo đuổi sự nghiệp sản xuất. Trong xã hội, kẻ làm những nghề chẳng trực tiếp sản xuất cũng rất nhiều; trong xã hội chẳng thể thiếu khuyết những nghề nghiệp ấy. Nghề nghiệp của đệ tử Phật là gì, quý vị phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch, chính là dạy học. Học Phật, Phật là Thích Ca Mâu Ni, quý vị phải ngẫm xem thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, suốt đời Ngài làm gì? Dạy học, [nói chi tiết hơn sẽ là] cầu học và dạy học. Mười chín tuổi, Ngài lìa bỏ gia đình, vứt bỏ hết thầy để cầu học. Ba mươi tuổi thành đạo, chúng ta nói là “tốt nghiệp”. Từ mười chín tuổi đến ba mươi tuổi, người Hoa tính cả đầu lẫn đuôi là mười hai năm. Trong mười hai năm ấy, Ngài tầm sư phỏng đạo, đạo nghiệp thành tựu. Sau khi đã thành tựu, suốt một đời từ ba mươi tuổi cho đến bảy mươi chín tuổi, lão nhân gia bảy mươi chín tuổi viên tịch, bốn mươi chín năm theo đuổi công tác dạy học, công tác giáo dục. Giáo dục có trọng yếu hay không? Trọng yếu!

Do vì thầy chẳng theo đuổi sự nghiệp sản xuất, học trò phải chiếu cố cuộc sống của thầy, chắc chắn là có nghĩa vụ phải chiếu cố. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta điều này: Nhục thân của chúng ta do cha mẹ mà có, cho nên phải hiếu thuận đối với cha mẹ. Cha mẹ nuôi nấng chúng ta; khi cha mẹ đã già, chúng ta phải chăm sóc, phải báo đáp cha mẹ. Ngoài thân mạng ra, chúng ta còn có huệ mạng; trí huệ, kiến thức thông thường và năng lực của chúng ta do đâu mà có? Từ thầy mà đạt được! Vì thế, đối với thầy, phải hiếu thuận, phải chăm sóc thầy.

Thầy chăm sóc cả nhà chúng ta, cả nhà chúng ta phải chăm sóc thầy. Vì sao? Đôi bên có ân đức với nhau! Vì thế, trước khi có thành tựu, hãy nghiêm túc học tập, đó là đúng. Sau khi đã học thành công, bèn giáo hóa chúng sanh. Trước hết, phải nghĩ đến điều này!

2) Điều thứ hai là phải nghĩ đến đức hạnh của chính mình. Ta có bao nhiêu đức hạnh để tiếp nhận cúng dường? Có thể nghĩ đến chỗ này, tâm khiêm hư cung kính của ta sẽ tự nhiên sanh khởi. Đức Thế Tôn đã nêu gương tốt nhất cho chúng ta: Đức Thế Tôn thật sự là bậc đại đức, đại năng, nhưng hằng ngày, Ngài tiếp nhận tín đồ tại gia cúng dường một bát cơm mà thôi, chẳng tiếp nhận nhiều. Nay chúng ta ngoài tiếp nhận tứ sự cúng dường của tín đồ ra, tức y phục, đồ trải nằm, thuốc men, hiện thời còn có nhà cửa, còn có tài vật. Đức Phật chắc chắn chẳng cho phép những thứ ấy, phải hiểu điều này. Đức Phật chẳng cho phép thì làm như thế nào? Chúng ta tiếp nhận rồi dùng nó để làm Phật sự thì là chánh xác, chớ nên để chính mình hưởng thụ. Tự mình hưởng thụ là phạm lỗi lầm, quý vị sẽ có lỗi với Thích Ca Mâu Ni Phật, có lỗi với lịch đại tổ sư đại đức, có lỗi với Phật giáo, mà cũng có lỗi với chúng sanh!

“*Phật sự*” là gì? Phật sự trong hiện thời chẳng ngoài hai chuyện, một là hoằng pháp lợi sanh, hai là bồi dưỡng nhân tài kế thừa sự nghiệp hoằng pháp. Hai chuyện này là đại sự! Đức Phật thường nói “*đại sự nhân duyên*”. Cơ sở của hai chuyện này là một chuyện quan trọng nhất, đó là gì? Chính mình trong đời này xác thực có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi. Chúng ta tu Tịnh Tông, thù thắng hơn đôi chút, chướng ngại ít hơn một chút, đối nghiệp vãng sanh. Ngẫu Ích đại sư đã nói hết sức hay: Có thể hạ hạ phẩm vãng sanh, sẽ xứng đáng với Thích Ca Mâu Ni Phật, xứng đáng với cha mẹ, xứng đáng với tổ tông, xứng đáng với trai chủ. Trai chủ đến cúng dường nhằm tu phước, quý vị thật sự vãng sanh, hồi hướng phước báo ấy cho họ, họ sẽ thật sự có thể tu phước được.

Thử hỏi bản thân chúng ta trong đời này có nắm chắc vãng sanh hay không? Trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói về vấn đề này quá nhiều! Người nào sẽ nắm chắc vãng sanh? Thân, tâm, thế giới, hết thầy buông xuống, chẳng lưu luyến thứ gì trong thế gian này, nhất tâm hướng Phật, [người như vậy] chắc chắn sẽ được vãng sanh. Đối với những điều kinh Vô Lượng Thọ đã dạy, chúng ta phải đọc tụng, phải lý giải, phải y giáo phụng hành. Chính mình đã nắm chắc chuyện này, sau đấy, quý vị mới làm chuyện hoằng pháp lợi sanh, lại làm chuyện bồi dưỡng nhân tài. Đó là chuyện đáng nên làm, sau khi đã tự độ sẽ độ người khác. Chính mình chẳng đắc độ, vậy thì là gì? Giảng kinh, thuyết pháp nhằm luyện tập. Luyện tập thì trong quá khứ thầy dạy chúng tôi, chỉ cho phép [giảng diễn] trong nhà, chẳng thể ra ngoài, [chỉ cho phép]

luyện tập ở nhà! Thầy tôi là cư sĩ tại gia, là hàng tại gia, có hai đạo tràng, một là Từ Quang Đồ Thư Quán, hai là Đài Trung Liên Xã; khi ấy, tôi ở Từ Quang Đồ Thư Quán. Chẳng cho phép ra ngoài giảng kinh, chẳng thể!

Học đến mức cũng gần như có thể ra ngoài giảng kinh, thầy hạn chế, chẳng hơn bốn mươi tuổi sẽ không được. Tuổi quá trẻ, sức dụ dỗ, mê hoặc từ bên ngoài quá to, sợ quý vị chẳng chống nổi sự dụ dỗ, mê hoặc. Hễ tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, quý vị sẽ ngã lòng. Tình hình này từ xưa đến nay luôn có; do vậy, chúng ta phải hiểu: Trước kia là hoàn cảnh gì, hiện thời là hoàn cảnh gì. Tôi theo học với thầy từ năm mười năm trước; năm mươi năm sau, sức dụ dỗ, mê hoặc trong xã hội hiện thời so với sức dụ dỗ, mê hoặc trong xã hội thuở ấy thì tối thiểu phải là tăng trưởng gấp mười lần. Hiện thời, người từ bốn mươi tuổi trở lên đi ra ngoài [giảng kinh] được chưa? Rất dễ bị mê hoặc, vậy thì làm như thế nào? Lại phải nâng cao hơn, năm mươi tuổi, ước chừng như vậy đó.

Chúng ta hãy nghĩ tới quốc sư Ngô Đạt đời Đường. Quốc sư mấy tuổi đã giảng kinh? Truyện ký ghi chép Ngài đi giảng kinh lúc mười bốn tuổi, [còn là] sa-di. Sa-di giảng kinh cho hàng tỳ-kheo nghe. Ngài thông minh tuyệt đỉnh; đây là quốc sư của cả một thời đại, chúng ta nói là “*thiên tài nhi đồng*” của Phật pháp, cũng là thật sự có phước báo. Quý vị thấy Huệ Năng đại sư hai mươi bốn tuổi khai ngộ, còn phải tới ẩn nấu trong đội thợ săn, ẩn nấu mười lăm năm mới ra. Vì thế, khi Huệ Năng đại sư ra giảng kinh, Ngài đã bốn mươi tuổi. Đó là bậc đại triết đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Quý vị thấy các Ngài đã thị hiện như thế ấy, chúng ta chớ nên không biết. Chẳng cần nói là thời cổ, xã hội trong một trăm năm trước thuần phác hơn xã hội hiện thời rất nhiều, tôi thường cảm thán, chuyện này các vị đồng tu đã lâu đều rất quen thuộc. Ba mươi năm trước, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng, người Hương Cảng thuở ấy ăn ở nông hậu hơn hiện thời nhiều lắm, thuần phác hơn quá nhiều!

Do vậy, chúng ta suy gẫm quá khứ, rồi chú tâm quan sát hiện thời, trong tâm của chính mình phải hiểu rõ: Bên trong là tập khí tham, sân, si rất nghiêm trọng, sức dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài mạnh mẽ dường ấy. Chính mình phải ước thúc chính mình, ta không chống nổi sự dụ dỗ, sẽ chẳng ra ngoài, đó là đúng. Lục căn ở trong cảnh giới lục trần mà như như bất động thì được, vậy thì phải nên làm công tác hoàng pháp lợi sanh. Chỗ nào mời cũng đều có thể đến đó, nêu gương tốt nhất cho người ta. Tấm gương tốt nhất là gì vậy? Chắc chắn là chẳng có tiếng tăm, lợi dưỡng. Giảng kinh, thuyết pháp thì phải luôn tôn trọng, phải cung kính người khác, thông thường là chẳng thu nhận kẻ quy y, không tiếp nhận cúng dường. Tín đồ yêu cầu truyền trao Tam Quy, bèn

thỉnh vị trụ trì hoặc phương trượng của đạo tràng, thỉnh vị ấy chủ trì lễ Tam Quy, pháp sư giảng kinh chẳng làm chuyện này.

Tất cả những món cúng dường đều phải đem cúng dường cho thường trụ, chẳng lấy một xu nào. Thường trụ cúng dường pháp sư tối đa là chi phí đi lại. Đối với chi phí đi lại, thông thường là chúng ta đều chẳng nhận tiền tài. Ngồi xe thì quý vị mua vé khứ hồi, ngồi thuyền thì mua vé thuyền đi và về, thế là được rồi! Như vậy thì quý vị mới có thể nêu gương tốt cho người khác, pháp duyên của quý vị sẽ rất thù thắng, mỗi nơi đều rất vui thích mời quý vị. Nếu quý vị đi khắp nơi truyền quy y, ở khắp nơi đều tiếp nhận cúng dường, những đạo tràng đã mời quý vị lần sau chẳng dám mời quý vị nữa. Vì sao? Mời quý vị thì tín đồ của tôi bị quý vị kéo đi hết, tiền cúng dường bị quý vị ôm đi rồi, chẳng thỉnh quý vị nữa! Phải hiểu đạo lý! Ở chỗ nào cũng đều nêu gương tốt đẹp. Hãy ngắm xem Thích Ca Mâu Ni Phật làm như thế nào, ta cũng sẽ học đòi làm giống như Ngài!

Thuở đức Thế Tôn tại thế cũng là khắp nơi đều có người mời Ngài đến giảng kinh, dấu chân Ngài in khắp năm xứ Ấn Độ. Vì thời đức Phật, giao thông toàn là đi bộ. Vì thế, tiếp nhận những món cúng dường là thức ăn, quần áo, đồ trải nằm, và thuốc men khi bệnh tật. Trừ những món này ra, nhất loạt chẳng có gì hết. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải hiểu minh bạch, phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, y giáo phụng hành. Hiện thời, tuy tiếp nhận cúng dường nhiều hơn, nhất định phải thường nghĩ chúng ta có đức hạnh này hay không, có thể gánh nổi hay chẳng? “*Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, đời này chẳng liễu đạo, mang lông đội sừng đèn!*”, phải luôn nhớ nhé!

3) Thứ ba là “*phòng tâm ly quá, tham đặng vi tông*” (chú trọng ngăn ngừa cái tâm dừng phạm lỗi, tham lam v.v...) Khi khát thực, nay chúng ta không khát thực, mỗi ngày tiếp nhận cúng dường, khi dùng cơm, chớ nên tăng trưởng tâm tham, thích ăn món này, ưa ăn món nọ, chớ nên! Nay chúng ta dùng cơm cũng phải làm gì? Phải tưởng như do khát thực [mà có chén cơm ấy], ba bữa cơm mỗi ngày đều phải tưởng như khát thực. Khát thực là người ta cho gì ăn nấy, chẳng chọn lựa. Từ trong ấy, sẽ sanh tâm thanh tịnh, sanh tâm bình đẳng, sanh tâm cảm ân thì là đúng.

4) Điều thứ tư, tức là nói quý vị phải nên tiếp nhận [như thế nào]. Vì sao? Đây là chuyện chánh đáng, đây là lương dược (良藥, thuốc thang tốt lành). Bản thân chúng ta tu học cần thân thể này, chúng ta dùng nó để làm Phật sự. Chư vị phải nhớ, Phật sự, trong kinh Phật thường nhắc đến “*Phật sự*”, chẳng phải là làm kinh sám, chẳng phải là làm pháp hội. Hiện thời, hễ nói đến Phật sự, [bèn hiểu là] làm kinh sám, làm pháp hội. Thuở đức Phật tại thế, Phật sự là giảng kinh, là dạy học, Ngài chẳng làm chuyện gì khác! Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế,

chẳng hề có chuyện làm kinh sám siêu độ, chẳng có! Vì sao? Ngạ quỷ đạo cần siêu độ, đức Phật sẽ hiện thân ngạ quỷ vào trong đường ấy để giáo hóa, đáng nên dùng thân gì để độ họ, bèn hiện thân ấy. Hiện thân người trong nhân đạo, nhằm độ con người. Chẳng thể dùng thân người để độ quỷ. Muốn độ súc sanh, nhất định hiện thân súc sanh, sống cùng với súc sanh. Chư Phật, Bồ Tát thấy đều là như vậy. Con người cũng chẳng thể độ súc sanh, hiện thân người thì chắc chắn là để độ con người. Chớ nên không hiểu rõ chuyện này. Vì thế, Phật sự là tự mình học tập, đây là Phật sự. Chính mình học tập là tự giác, dạy học là giác tha.

Nói thật ra, Phật giáo cùng giáo dục trong nhà trường hiện thời hoàn toàn giống nhau! Cả một đời, những gì đức Thế Tôn đã làm trong suốt bốn mươi chín năm là dạy học, giảng kinh hơn ba trăm hội. Nay chúng ta nói là “tổ chức các hoạt động”. Tổ chức hoạt động dạy học, “*hội*” như đã nói chính là tổ chức hoạt động. Suốt đời, Ngài đã làm hơn ba trăm lần; trong bốn mươi chín năm, Ngài đã làm hơn ba trăm lần, mỗi năm làm rất nhiều lần. Quy mô các hoạt động ấy có lớn hay nhỏ, thời gian có dài hay ngắn chẳng nhất định. Nay từ Đại Tạng Kinh, chúng ta thấy các hoạt động lớn thời gian rất dài, cũng chẳng nhất định là ở một nơi nào. Quý vị thấy như kinh Hoa Nghiêm chẳng hạn, kinh Hoa Nghiêm là “*bảy xứ, chín hội*”, nơi chốn khác nhau, ở bảy nơi, thay đổi bảy nơi, thực hiện chín lần, kết hợp lại. Đây là một đơn vị lớn. Một đơn vị lớn như vậy chia thành nhiều đoạn nhỏ ngắn ấy, tức là ba mươi chín phẩm. Nếu nói theo phương diện nhỏ hơn, mỗi phẩm chính là một hội!

Như kinh Đại Bảo Tích, chư vị biết kinh Đại Bảo Tích có tất cả bốn mươi chín bộ kinh. Quý vị bèn biết là trong một đơn vị ấy, có tới thiếu bốn mươi chín lần giảng tòa, cũng chẳng phải là ở một chỗ, cũng chẳng phải là đồng thời. Trong kinh Đại Tập có mười bảy bộ kinh, quý vị biết đó là mười bảy hội, mười bảy lần, thời gian và địa điểm cũng bất đồng. Đó là một đơn vị lớn. Đơn vị nhỏ thì như trong A Hàm, có một hội, tổ chức một lần, [trong thời gian] một ngày, hoặc càng nhỏ hơn nữa, nửa ngày. Chúng ta phải biết điều này. Đức Phật mở lớp dạy học là vì người, vì sự, vì thời mà ấn định, hoàn toàn chẳng cố định. Giống như trong hiện thời, các đồng tu từ các nơi bên ngoài tìm đến, hẳn có những vấn đề chẳng thể giải quyết, chúng ta đặc biệt mở lớp cho họ, giảng cho họ một buổi trong hai tiếng đồng hồ, giúp họ giải quyết vấn đề. Vì sao? Vì vấn đề của họ có tánh chất chung, còn có khá nhiều người cũng có vấn đề tương tự. Đây là lý do phải mở lớp, quý vị bèn hiểu nguyên nhân. Đức Phật từ bi, dạy dỗ chẳng phân biệt, bất luận vấn đề nghi nan gì quý vị xin Ngài dạy cho, Ngài sẽ đều giảng giải cho quý vị. Lại còn giảng giải công khai, có rất nhiều người nghe, vì trong thế

gian này, quý vị có vấn đề ấy thì người khác cũng có.

Bởi lẽ đó, chúng ta coi chuyện này là chuyện chánh yếu, vì sự cầu học của chính mình, vì chính mình trong tương lai sẽ giáo hóa chúng sanh, phải nên tiếp nhận một bát cơm này. Quý vị chẳng có thân thể, sẽ chẳng thể thành tựu “tự hành, hóa độ người khác” được! Chúng ta vì muốn thành tựu đạo nghiệp của chính mình, muốn giáo hóa chúng sanh; do vậy, phải nên tiếp nhận sự cúng dường này. Khi ăn cơm, phải nghĩ đến điều này. Từ bài kệ này, chúng ta mở rộng ý nghĩa, hiện thời, nhất định phải hiểu: Phạm là tiếp nhận cúng dường, đều phải nên nghĩ tưởng: “Ta có nên tiếp nhận sự cúng dường này hay chẳng? Ta có hội đủ điều kiện để tiếp nhận sự cúng dường này hay chẳng?” Nhất định phải suy nghĩ! Đồ cúng dường ấy rất khó tiêu hóa, chúng ta nói là “*tiêu thụ*”. Rất khó tiêu thụ! Thật sự nhằm thành tựu đạo nghiệp của chính mình, vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì hồng pháp lợi sanh, sẽ chẳng có vấn đề, nhất định phải tiếp nhận món [cúng dường] ấy!

“*Thành tựu đạo nghiệp*”, phải ghi nhớ câu này. Trong đạo nghiệp, chẳng có ích kỷ, chẳng có tiếng tăm, lợi dưỡng, chẳng có ngũ dục, lục trần, chẳng có tham, sân, si, mạn. Đây là đạo. Hễ xen tạp những thứ ấy, những quan niệm ấy nói theo Phật pháp, sẽ là tâm luân hồi. Phạm là tâm luân hồi làm chủ, bất luận làm sự nghiệp gì, đều gọi là “*ngiệp luân hồi*”. Ta hằng ngày đọc kinh, hằng ngày niệm Phật, hằng ngày giáo hóa chúng sanh, vì người khác diễn nói, nhưng mục đích của ta là ích kỷ, vì cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, ta chẳng đoạn tham, sân, si, mạn; đây vẫn là tâm luân hồi. Thực hiện sự nghiệp Phật giáo, giáo hóa chúng sanh, khá lắm, rất tốt, cũng là tự hành, hóa độ người khác, nhưng trong ấy vẫn là thật sự có người tiếp nhận sự giáo hóa, vậy thì người ấy thật sự đắc độ, nhưng chính mình chẳng đắc độ. Chính mình nghiệp chướng tập khí rất nặng, chính mình vẫn y như cũ tạo nghiệp luân hồi, có thể thoát lìa lục đạo hay chẳng? Chẳng thể! Có thể vãng sanh hay không? Cũng chẳng thể! Quả báo của những nghiệp ta đã gây tạo ở chỗ nào? Quả báo là phước báo trong đời sau!

Do vậy, trong thế gian này, quý vị nhìn vào Phật giáo sử Trung Hoa, hãy xem Cao Tăng Truyện, xem Cư Sĩ Truyện, xem các điều được ghi chép trong những bộ sơn chí, [sẽ thấy] có rất nhiều đế vương, quan chức quý nhân hiển đạt đời trước đều là người tu hành. Vì sao họ chẳng lìa khỏi lục đạo? Vì sao chẳng vãng sanh? Đời trước đã tu tập rất khá, [thế mà] vẫn luân hồi trong lục đạo, hưởng phước trong lục đạo. Chúng ta thấy những quan chức, quý nhân hiển đạt trong thế gian, có địa vị xã hội rất cao, có của cải rất lớn, tu từ nơi đâu? Toàn là do đời trước đã tu trong Phật môn. Nhưng hiện thời trong số những người tu hành, xác thực là có những kẻ tu hành hoàn toàn chẳng nhằm mục đích mong thoát ly lục đạo luân hồi, cũng chẳng thật sự mong vãng sanh

Tây Phương Cực Lạc thế giới. Họ mong đời sau làm quan to, giàu sụ, có thể đạt được hay không? Có thể đạt được, nhưng đạt được lợi ích quá ư nhỏ bé!

Quý vị làm quan to, giàu sụ, có thể tiếp tục tu nữa hay không? Nếu chẳng thể tu tiếp, phước của quý vị hưởng xong sẽ chẳng còn! Thử hỏi, quý vị làm quan, phát tài, có tạo nghiệp hay không? Hễ nghĩ đến chỗ này, sẽ đáng sợ lắm. Hưởng hết phước báo rồi, nghiệp lực lại hiện tiền, đời thứ ba thì sao? Đời thứ ba bèn đọa trong tam đồ. Trong kinh, đức Phật đã dạy điều này rất rõ ràng. Phật môn gọi là “tam thế oán”. Đời này, quý vị xuất gia tu hành rất khá, nhưng chẳng đoạn tập khí phiền não, chẳng đoạn lòng ích kỷ, vẫn hăm mộ tiếng tăm, lợi dưỡng, hy vọng đời sau có thể đạt được. Đời sau sẽ đạt được, [hóa ra] tu hành suốt cả đời này nhằm [đổi lấy] phú quý trong đời sau!

Kẻ phú quý tạo nghiệp dễ hơn kẻ bần cùng. Quý vị xem Liễu Phàm Tứ Huân, [sẽ thấy] tiên sinh Viên Liễu Phàm làm tri huyện Bảo Trì. Ông ta làm quan, Bảo Trì là một huyện lớn, làm thiện, tạo ác đều dễ dàng. Ông ta tạo điều thiện. Ông ta có quyền bèn giảm miễn tiền địa tô của nông dân trong cả huyện. Ông ta nói địa tô quá cao, do quốc gia thu thuế rất nhiều, bèn giảm nhẹ tiền thuế. Quý vị thấy nông dân cả huyện thấy đều được phước, ông ta dễ dàng làm như vậy, chuyện này đúng là “vạn dân chịu ân huệ”, dễ dàng! Nếu ông ta tạo tác tội nghiệp, cũng rất dễ dàng. Ông ta nói “tiền thuế quá nhẹ, hãy tăng thêm một chút”. Hễ tăng thêm một chút, ngàn vạn nông dân sẽ bị tăng thêm gánh nặng! Làm thiện hay tạo ác đều dễ dàng. Vì vậy, xưa kia, Chương Gia đại sư bảo tôi: “*Nếu anh làm quan, một chánh sách sai lầm sẽ gây hại cho bao nhiêu người, tăng thêm gánh nặng cho bao nhiêu người. Nhân quả ấy phải gánh, chớ nên không biết điều này! Do đó, hưởng xong phước, nghiệp báo sẽ hiện tiền, đến đời thứ ba, nhất định đọa trong tam đồ, chẳng được làm thân người. Vì thế, gọi là “tam thế oán”, [nghĩa là] đời thứ nhất tu phước, đời thứ nhì hưởng phước, đời thứ ba đọa lạc, sai lầm mất rồi!*”

Khi Bồ Tát ăn cơm, quý vị thấy Ngài phát nguyện, “*Thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn*” (niềm vui Thiền Định làm thức ăn, niềm vui nơi pháp tràn ngập). Nói cách khác, khi Ngài xin được bát cơm, chẳng nghĩ cơm ấy là thơm ngon, hay là không ngon, là nhu nhuyễn hay thô tháp. Ngài chẳng có ý niệm ấy. khi ăn chỉ biết cho khỏi đói, chỉ biết là ta hấp thụ món dưỡng chất này để thân thể được khỏe mạnh, khéo tu tập. Ngài chỉ nghĩ tưởng điều này; do vậy, ý niệm vừa chuyển, sẽ giống như một người thật sự đặc đạo. Thật sự đặc đạo, chẳng cần ăn uống, đến khi nào? Đối với Sắc Giới thì Dục Giới có ăn uống. Dục Giới có sáu tầng trời, càng lên cao hơn, [ngũ dục] càng mỏng; Sắc Giới Thiên chẳng có ăn uống, ngũ dục, lục trần đều đoạn hết. Sắc Giới

chẳng cần ăn uống, chẳng cần ngủ nghỉ; tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ đều chẳng có. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ tiếp theo:

(Kinh) Nhược thọ vị thời, đương nguyện chúng sanh, đắc Phật thượng vị, cam lộ mãn túc.

(經)若受味時。當願眾生。得佛上味。甘露滿足。

(Kinh: Nếu khi nếm vị, nguyện cho chúng sanh, được thượng vị của Phật, cam lộ trọn đủ).

Chúng ta là phàm phu, chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Bồ Tát tuy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều đã đoạn, tập khí vẫn chưa đoạn. Vì thế, đôi khi còn có sự nhận biết vị, đây là tập khí. Đúng như trong thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, chúng ta biết nước là khoáng vật, chắc chắn là nó chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quyết định chẳng có. Vì sao nó có thể dấy lên phản ứng đối với ý niệm thiện hay ác của con người? Từ chỗ này, chúng ta có thể dần dần lãnh hội “thọ vị thời” (khi cảm nhận vị). Phản ứng của nó là thấy, nghe, hay, biết. Sự “thấy, nghe, hay, biết” ấy hoàn toàn chẳng giống sự thấy, nghe, hay, biết của chúng ta. Chúng ta là phiền não thô nặng, còn nó (nước) là tập khí. Nếu chẳng có tập khí, làm sao nó có thể có phản ứng như vậy cho được?

Từ chỗ này, chúng ta mới thật sự hiểu điều kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí*”. “*Tình*” (情) là hữu tình chúng sanh, tức động vật, “*vô tình*” là thực vật và khoáng vật, cùng viên thành Chủng Trí. Vì sao? Cùng chung một Pháp Thân, cùng một Pháp Tánh, mà Pháp Tánh vốn trọn đủ “thấy, nghe, hay, biết, trí huệ, đức tướng”. Chẳng có sanh diệt, chẳng có đến, đi; chẳng có một, khác! Trung Quán dùng Bát Bất (八不) để hình dung nó (Pháp Tánh). Chỉ cần có sắc tướng, sẽ là cùng một Pháp Tánh. Đã là Tánh, chắc chắn có trọn đủ Tánh Đức. “Thấy, nghe, hay, biết, sắc, thanh, hương, vị” là Tánh Đức. Chẳng cảm nó, nó chẳng dấy lên hiện hành. Có cảm, nó sẽ khởi tác dụng, cảm ứng đạo giao. Chuyện là như thế đó. Ngay cả đối với những khoáng vật, chúng ta khởi tâm động niệm đều là có cảm. Há lẽ nào chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân đại sĩ chẳng cảm ứng? Phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta dùng tâm thanh tịnh, tâm chân thành, sẽ khởi cảm ứng. Ngược lại, giống như thí nghiệm với nước, chúng ta dùng tâm hạnh bất

thiện, phản ứng [kết tinh của nước] sẽ rất xấu xí. Xấu xí là gì? Xấu xí là cảnh giới ma, tốt đẹp là cảnh giới Phật. Vì thế, thiện tâm, thiện nguyện bèn cảm Phật, ác niệm sẽ cảm ma. Ma chắc chắn sẽ vùi dập quý vị, chớ nên không biết điều này. Vùi dập quý vị là gì vậy? Sanh phiền não, tham, sân, si, mạn, giống như trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã nói, hết thấy các ý niệm bất thiện, ý niệm tà mê, ý niệm tổn hại chúng sanh, ý niệm kiêu căng, ngã mạn, những ý niệm ấy đều sanh khởi. Đàn Kinh đã nêu ra rất nhiều ví dụ. Đứng là trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, quý vị thấy [lỗi lầm của] người khác, hãy quay lại nhìn chính mình, chính mình có [những lỗi lầm ấy] hay không? Có chứ, thật sự có!

Phàm là có những ý niệm ấy dấy lên, quý vị nhất định phải cảnh giác, những ý niệm ấy là gì? Những ý niệm ấy là tâm luân hồi. Ở trong luân hồi để làm gì? Chúng ta tu học Phật pháp đã nhiều năm ngàn ấy, đã hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch: Ở trong luân hồi để báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ. Chúng ta hãy ngẫm xem, trong đời này, chúng ta đối xử với hết thấy chúng sanh là ân nhiều hay oán nhiều? Là hoàn trả nhiều hay thâm oán nhiều? Thâm oán nhiều sẽ phải trả nợ, oán hận nhiều thì quý vị phải hứng chịu người khác đòi mạng, khá nhiều hãm hại chướng ngại, khiến cho quý vị trong một đời này chuyện gì cũng chẳng vừa ý, chướng duyên lắm nổi! Kẻ ấy gặp gỡ những quả báo đó, quý vị hãy nghĩ xem, đau khổ quá! Liễu giải chân tướng sự thật, phải từ nội tâm của chính mình mà phản tỉnh, sửa lỗi đổi mới.

Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký hiện thời đã được quay thành phim nhiều tập, chẳng dài, hình như chỉ có tám tiếng đồng hồ, hy vọng mọi người sẽ nghiêm túc xem. Đó là một người đọc sách, tập khí rất sâu, rất nặng, chính mình chẳng biết, vẫn tưởng chính mình rất chánh trực, quang minh lỗi lạc, chẳng làm chuyện thiếu suy xét. Táo thần nói toạc từng chuyện ra, ông ta (Du Tịnh Ý) mới thật sự giác ngộ: Nguyên lai khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đúng hệt như kinh Địa Tạng đã dạy: “*Không gì chẳng phải là tội, không gì chẳng phải là nghiệp*”. Vì thế, suốt đời lặn đạn, nhà tan, người mất. Ông ta còn đôi chút thiện tâm, còn biết cảm thấy hổ thẹn. Vì thế, mới cảm thiện thân. Táo thần là thiện thần, đến chỉ điểm, hóa độ, dạy ông ta phải thật sự phản tỉnh, thật sự sửa lỗi, đổi mới, vì những thứ ông ta đã gặp phải đều là nghiệp báo, chẳng thể oán trời hờn người!

Ông ta tiếp nhận lời khuyên cáo của Táo thần, hằng ngày phản tỉnh, hằng ngày sửa đổi. Cái tâm sửa đổi của ông ta vượt trời Viên Liễu Phàm. Ông ta đạt được quả báo cũng vượt trời tiên sinh Liễu Phàm. Bộ Tứ Huấn của tiên sinh Liễu Phàm được lưu truyền; ông ta (Du Tịnh Ý) cũng có viết, nhưng chẳng được lưu truyền. Hiện thời, được lưu truyền là một bài văn chương do đồng hương của ông ta là La tiên sinh ghi chép, giống như truyện ký, ông La viết một bài về kinh nghiệm sửa lỗi

đôi mới của ông Du, cũng viết rất hay. Ông Du sống cùng thời với tiên sinh Liễu Phàm, tiên sinh Liễu Phàm nhỏ hơn ông ta mười tuổi, nhưng tiên sinh Liễu Phàm cũng kéo dài tuổi thọ. Ông Viên mất lúc bảy mươi bốn tuổi. Khi tiên sinh Liễu Phàm đã mất, ông Du Tịnh Ý còn sống trên thế gian. Khi mất, Du Tịnh Ý đã tám mươi tám tuổi. Do đó, thọ mạng của ông ta kéo dài hơn tiên sinh Liễu Phàm. Đúng là “*làm thiện có thiện báo, làm ác có ác báo, nhân quả báo ứng chẳng sai suýt mảy may!*” Những điều này đều thuộc về giáo dục nhân quả, chớ nên không biết, chớ nên không nghiêm túc học tập.

Vì thế, khi tiếp nhận mùi vị, còn có tập khí tiếp nhận mùi vị này, sẽ dẫn phát hoằng nguyện của Bồ Tát, “*đắc Phật thượng vị, cam lộ mãn túc*” (được vị thượng diệu của Phật, cam lộ trọn đủ). Vị của Phật là khi đạt đến rốt ráo viên mãn, nếu chúng ta hỏi “*thượng vị*” là gì ư? “*Cam lộ*” (Amṛta) là tử dụ, cam lộ là gì? Nhân gian chẳng có, tôi nói một câu cho mọi người dễ hiểu đôi chút, [cam lộ] là thức uống ngon nhất của chư thiên, ở trên trời, chứ trong cõi phàm chẳng có, giống như “*nước tám công đức*” (bát công đức thủy) trong thế giới Cực Lạc. Nhưng nước tám công đức trong cõi Tây Phương Cực Lạc thế giới vượt trội cam lộ. Chúng ta có thể nói nước tám công đức trong ao bảy báu nơi thế giới Cực Lạc là “*Phật thượng vị*”. Đối với chữ Phật ở đây, chúng ta lý giải là Phần Chứng Túc Phật, [tức là những vị đã] phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân trở lên. Nhưng trong thế giới Tây Phương thì thù thắng, vì sao? Hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư bèn đạt được Phật thượng vị. Nếu tu những pháp môn khác, nhất định phải đạt đến trình độ nào? Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, mới là “*đắc Phật thượng vị, cam lộ mãn túc*”. Trong kinh Hoa Nghiêm, [người như vậy] được gọi là Pháp Thân Bồ Tát, không thuộc trong mười pháp giới, trong mười pháp giới chẳng có, [các Ngài thuộc vào] Nhất Chân pháp giới. Vì thế, chỉ có thế giới Cực Lạc hoặc thế giới Hoa Tạng là có thượng vị.

Vì vậy, cảnh giới trong bài kệ này cao hơn bài kệ trước. Bài kệ trước chỉ là “*Thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn*”. Đề đề cho chúng ta tham khảo, tham khảo thì chúng ta phải nghĩ tới. Đã nghĩ tới bèn sanh tâm hổ thẹn. Vì trong kinh, đức Phật nhắc đến tài, sắc, danh vọng, ăn uống, nghỉ ngơi; đây là ngũ dục, tức năm thứ dục vọng. Trong Phật pháp cũng có Ngũ Cái²². Cái (蓋) có nghĩa là gì? Che đây Tánh Đức của chúng ta, [khiến cho] Tánh Đức chẳng thể hiện tiền. Chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, vẫn có thể bỏ năm thứ ấy. Người đã thoát

²² Ngũ Cái (Pañca Nivāraṇa), còn gọi là Ngũ Chướng, hoặc Ngũ Thoái Pháp, bao gồm tham dục, sân khuê, thù miên (ngũ nghệ), trạo hối (thấp thỏm, bộp chộp), và hoài nghi.

lục đạo, đương nhiên là chẳng có [những thứ ấy]. Chúng chẳng thật, là giả. Trong Sắc Giới Thiên chẳng có [ngũ dục]. Nói cách khác, quý vị đạt đến Sơ Thiên, tu Thiên Định đạt được Sơ Thiên, sẽ chẳng có những thứ ấy, chẳng cần ăn uống, mà cũng chẳng cần ngủ nghỉ!

Ngủ nghỉ là hôn trầm; do đó, chư vị phải hiểu, thở tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật quy định người xuất gia ngủ bốn tiếng đồng hồ, trung dạ là thời gian để ngủ. Trung dạ là khi nào? Từ mười giờ tối cho đến hai giờ sáng. Đó là trung dạ. Từ sáu giờ chiều đến mười giờ tối là sơ dạ phần, từ mười giờ tối đến hai giờ sáng là trung dạ phần, từ hai giờ sáng đến sáu giờ sáng là hậu dạ phần. Đức Phật dạy mọi người phải dụng công tu đạo, phải mền tiếc thời gian. Vì thế, đức Phật dạy mọi người đi ngủ vào mười giờ, hai giờ sáng phải thức dậy. Hiện tại là thời kỳ Mạt Pháp, thể lực của chúng sanh thua sút cổ nhân quá nhiều. Thật vậy. Vì sao? Hiện thời, thế giới này ô nhiễm hết sức nghiêm trọng, tạo thành sự tổn thương rất lớn cho thân thể, thể lực chẳng bằng cổ nhân. Vì thế, tổ sư đại đức dạy chúng ta kéo dài thời gian ngủ ra.

Trong tự miếu, thông thường, thời gian ngủ nghỉ đại khái là từ chín giờ tối cho đến ba giờ sáng bèn thức dậy, đây là năm mươi năm trước. Khi đó, tôi vừa mới xuất gia, thời gian nghỉ ngơi trong tự miếu của chúng tôi là chín giờ tối bèn ngủ, ba giờ sáng thức dậy, rửa ráy. Ba giờ rưỡi bèn tụng khóa sáng. Khóa sáng đại khái là một tiếng rưỡi. Tụng xong khóa sáng thì là bữa sáng. Ăn sáng xong bèn quét dọn, dọn dẹp vệ sinh. Chúng ta hãy suy ngẫm về nếp sinh hoạt trong cuộc sống hằng ngày hiện thời, năm mươi năm trước và năm mươi năm sau, hoàn cảnh này sanh biến hóa rất lớn, thường nói là “*văn minh vật chất tiến bộ*”. Nhưng sự tiến bộ ấy như tiến sĩ Thang Ân Tử đã nói, mỗi lần văn minh vật chất tiến bộ, nhân loại phải trả giá đau đớn, thâm trọng, đúng là chẳng sai tí nào! Người có học vấn, có trí huệ trong thế gian sẽ thấy rất rõ ràng.

Vì thế, hiện thời thật sự nói đến tu hành, nói đến thành tựu, vì sao thời cổ, tổ sư đại đức dựng đạo tràng, nhất định phải tạo dựng A Lan Nhã? A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, có nghĩa là “nơi thanh tịnh”. Tạo dựng đạo tràng, “*thanh tịnh*” là cách ly xã hội, chẳng bị ô nhiễm bởi xã hội. Vì thế, trước kia tự miếu đều dựng trong núi sâu, chẳng có phương tiện giao thông. Theo đường dưới chân núi đi lên tự viện, khoảng cách ấy cũng phải đi mất một ngày, hoặc đi cả bảy, tám tiếng đồng hồ mới đến nơi. Vì thế nói “*vô sự bất đặng Tam Bảo điện*” (không có chuyện gì, chẳng lên điện Tam Bảo). Ai muốn hứng chịu nổi vất vả ấy? Huống chi dưới chân núi còn cách biệt đô thị hoặc thôn trấn một khoảng xa. Vì sao phải dựng ở những nơi ấy? Hiếm dấu chân người lui tới, kẻ bình phàm sẽ không mò tới, quý vị mới thanh tịnh.

Nhưng hiện thời phiền phức! Hiện tại, đường núi đã mở thành

quốc lộ, xe hơi có thể lên xuống. Phiền toái to lớn! Du khách đến viếng nhiều, hằng ngày tiếp đãi du khách, há có thời gian để tu hành? Chắc chắn là tâm tình của quý vị bị các du khách nhiễu loạn, chẳng đạt được tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là Thiên. Từ trong tâm thanh tịnh, sanh ra sự hỷ duyệt thì gọi là “*Thiên duyệt*”. Vì thế, người đắc Thiên Định mới thật sự là “*pháp hỷ sung mãn*”. Người ấy chẳng cần ăn uống, dùng thứ gì để nuôi thân thể? Pháp hỷ! Đây mới là “*đắc Phật thượng vị, cam lộ mãn túc*”. Hai câu này rất gần nhau, nói theo thuật ngữ Phật pháp, sẽ là Tương Tự Túc. Thật sự đắc Phật thượng vị, cam lộ mãn túc, thì phải vượt thoát lục đạo luân hồi, ai có thể đạt được? A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, các vị ấy đạt được! Chư vị hãy ngắm xem, Sơ Thiên đã chẳng cần ăn uống! A La Hán còn phải ăn ư? A Na Hàm còn phải ăn ư? A Na Hàm là Tam Quả, các Ngài ở nơi đâu? Ở trong Tứ Thiên Thiên, tức Ngũ Bất Hoàn Thiên trong Tứ Thiên, đương nhiên là chẳng cần.

Vì sao A La Hán ở trong nhân gian cần ăn uống? Các Ngài có thân thể. Các Ngài có cái thân xác thịt. Chư vị phải hiểu, chư thiên chẳng phải là nhục thân, nhưng nhục thân của chư thiên trong Dục Giới Thiên cũng chẳng giống như chúng ta. Quý vị thấy nhục thân của chúng ta quá thô, chẳng thể biến hóa, từ trong kinh giáo, chư vị đã đọc thấy điều này rất nhiều. Kinh điển Đạo gia cũng nói rất nhiều. Chư thiên Dục Giới từ Tứ Vương Thiên trở lên, có Ngũ Thông. Quý có Ngũ Thông; do vậy, thân quý cũng chẳng giống chúng ta. Họ có thể biến hóa. Trong Ngũ Thông có Thần Túc Thông. Thần Túc Thông là biến hóa. Họ có thể biến, giống như bảy mươi hai phép biến hóa của Tôn Ngô Không trong Tây Du Ký. Nói thật ra, bảy mươi hai phép biến hóa đem so với Dục Giới Thiên thì quá kém cỏi! Chư thiên Dục Giới không chỉ là bảy mươi hai phép biến hóa, đó là do tiểu thuyết gia viết ra. Vì lẽ đó, thân họ khác thân chúng ta.

Sự biến hóa ấy, nếu dùng nhãn quan khoa học trong hiện thời để nói, sẽ là sự chuyển biến giữa năng lượng và vật chất. Chư thiên Dục Giới biết cách chuyển biến như thế nào. Họ có thể biến thân thể thành năng lượng, thân chẳng còn nữa! Cũng có thể khôi phục năng lượng thành cái thân này, năng lượng trở lại làm vật chất y như cũ, thân thể này bèn hiện ra. Khi vật chất giải phóng thành năng lượng, sẽ chẳng thấy thân thể này nữa. Hơn nữa, họ có thể biến, cũng chính là biến thành thân tướng bất đồng. Thân thể loài người chẳng có cách nào biến hóa, biến kiểu nào cũng đều chẳng thể biến ra tướng thứ hai. Từ Tứ Vương Thiên trở lên thì có thể biến. Vì thế, chúng ta hiểu lý này. Từ kinh Phật, chúng ta đã thấy tin tức về sự biến hóa ấy. Sự biến hóa ấy vẫn thuộc về Thiên Định. Tuy chư thiên trong Dục Giới chẳng đắc Sơ Thiên, nhưng họ có công phu tu hành, chúng ta kém xa họ, tâm họ thanh tịnh.

Do vậy có thể biết, điều quan trọng nhất trong tu hành là gì? Là tâm thanh tịnh, đây là quan trọng nhất. Vì thế, kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “*Tín tâm thanh tịnh, bèn sanh Thật Tướng*”. Chúng ta biết Thật Tướng sanh từ đại định. Tín tâm thanh tịnh là đại định. Thật Tướng Bát Nhã là bản thể, lý thể của tự tánh, nó khởi tác dụng là từ bi. Đó gọi là “*đại từ, đại bi*”. Từ chỗ này, chúng ta bèn hiểu, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta phải nên học như thế nào? Học thanh tịnh, học chân thành, học từ bi, học bình đẳng, quý vị thật sự nắm được cương mục của sự tu học Phật pháp. Trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người tiếp vật phải biết buông xuống. Điều thứ nhất trong Lục Ba La Mật của Bồ Tát là Bồ Thí, bồ thí là buông xuống.

Phàm phu tu hành công phu chẳng đắc lực, do nguyên nhân nào? Không chịu buông xuống, nguyên nhân thật sự ở ngay chỗ này. Vì sao nó là một nhân tố quan trọng như thế? Trong tự tánh, thứ gì cũng đều chẳng có, Huệ Năng đại sư đã nói rất thấu triệt, “*vốn chẳng có một vật*”. Do đó, nếu quý vị chẳng buông xuống, chướng ngại tự tánh, Tánh Đức của quý vị chẳng thể hiện tiền. Trong Tánh Đức có vô lượng trí huệ, trí huệ chẳng thể hiện tiền, có vô lượng đức năng, đức năng chẳng thể hiện tiền, có vô lượng tướng hảo, tướng hảo chẳng thể hiện tiền. Nguyên nhân là gì? Chẳng buông xuống! Huệ Năng đại sư đã nói, “*vốn chẳng có một vật*”, kinh Kim Cang dạy: “*Phàm những gì có tướng, đều là hư vọng*”. Quý vị ngẫm xem có tương ứng với “*vốn chẳng có một vật*” hay không? Kinh Đại Bát Nhã đã tổng kết: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Hết thấy các pháp bao gồm thân thể của chúng ta; do đó, chấp trước thân thể là sai lầm. Chúng ta ngẫm xem, có chúng sanh nào trong lục đạo chẳng chấp trước thân thể? Chấp trước nghiêm trọng nhất là [chấp trước] thân thể. Vì thế, chấp trước tạo thành cái nhân cơ bản của sự luân hồi.

Vì sao quý vị luân hồi? Là do quý vị chấp trước cái thân này là chính mình, đó gọi là Ngã Chấp. Sau khi đã phá trừ Ngã Chấp, chẳng có luân hồi nữa. Vì sao chúng ta chấp trước thân thể này nghiêm trọng như vậy? Chẳng liễu giải chân tướng sự thật, tưởng nó là có thật, tưởng hết thấy hoàn cảnh trong cuộc sống này là có thật, chẳng biết chúng là giả. Vĩnh Gia đại sư nói hay lắm, đó là mộng cảnh! Chúng ta không biết đây là đang nằm mộng, giống như đang nằm mộng, ngỡ mộng cảnh là chân thật. Lục đạo phàm phu cũng giống như thế, tưởng cảnh giới trước mắt đều là chân thật, nầy sanh chấp trước kiên cố. Kiến giải sai lầm ấy tạo thành sự luân hồi bao kiếp dài lâu! Thời gian ấy chẳng thể dùng ngày, tháng, năm để tính toán, mà là dùng kiếp số để tính toán. Quá khứ vô lượng kiếp, vị lai vô lượng kiếp, khi nào quý vị sẽ có thể vượt thoát luân hồi? Quý vị ắt phải thật sự thấy thấu suốt chân tướng sự thật này! Thấy thấu suốt là thật sự liễu giải minh bạch, thật sự thấy thấu

suốt.

Phải như thế nào thì mới có thể thật sự lý giải? Thấy thấu suốt là lý giải, điều này cần đến trí huệ. Khi trí huệ chẳng khai thì cần đến thường thức, thường thức do đâu mà có? Cội nguồn duy nhất là đọc sách thánh hiền. Từ sách thánh hiền, sẽ hấp thụ thường thức và tri thức phong phú, hấp thụ giáo huấn, y giáo tu hành, sẽ có thể đạt được trí huệ. Y giáo tu hành, nói chung, chẳng ngoài buông xuống, vị đường chủ Niệm Phật Đường thường dạy người khác: “*Buông xuống thân, tâm, thế giới, dấy khởi chánh niệm*”. Chánh niệm là niệm Phật. Chỉ cần có thể buông xuống hết thân, tâm, thế giới, quý vị sẽ đạt được cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là Thiên Định. Thiên Định hiện tiền, trí huệ, đức tướng vốn sẵn có trong tự tánh bèn thấu lộ. Tùy thuộc công phu định lực của quý vị cạn hay sâu, tiểu định thấu lộ ít, thâm định thấu lộ nhiều. Sau khi đã thấu lộ, pháp hỷ sung mãn! Do đó, pháp hỷ là Tánh Đức, “*thượng vị*” là Tánh Đức, vốn sẵn có trong tự tánh. Phải ghi nhớ điều này, chẳng có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chắc chắn chẳng có những thứ ấy.

Vọng tưởng là vô minh, vô minh là mê, mê mất tự tánh. Quý vị thấy đó, hễ chân tánh của mình bị mê, đức Phật liền đặt cho nó một cái tên, đổi tên, gọi là A Lại Da. A Lại Da là tự tánh dưới trạng hưởng mê. Nói cách khác, A Lại Da dưới trạng hưởng giác ngộ sẽ gọi là Pháp Tánh, hoặc gọi là Phật Tánh. Pháp Tướng Tông nói A Lại Da là “*chân vọng hòa hợp*”. Hễ giác nó thì là chân, còn mê nó thì là vọng. Vì thế, đã giác, chẳng gọi là A Lại Da, Pháp Tướng Tông gọi nó là Tứ Trí Bồ Đề, chữ Trí (智) trong từ ngữ trí huệ. Tướng Tông tu hành, chuyển tám thức thành bốn trí, đây là sự tu hành của Pháp Tướng Tông. Trong Chuyển thì có nhân và quả, phải chuyển từ nơi nhân, chẳng có cách nào chuyển nơi quả! Thức thứ sáu và thứ bảy là nhân, năm thức trước và thức thứ tám là quả. Vì thế, chuyển từ chỗ nào? Chuyển nơi thức thứ bảy và thức thứ sáu. Thức thứ bảy chấp trước, thức thứ sáu phân biệt.

Chuyển bằng cách nào? Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần chẳng còn chấp trước nữa! Thứ gì ta cũng đều chẳng chấp trước, ngay cả thân thể cũng chẳng chấp trước. Chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí. Không chấp trước, sẽ bình đẳng; hễ chấp trước bèn bất bình đẳng. Lại chuyển thức thứ sáu, thức thứ sáu là phân biệt, hết thấy đều chẳng còn phân biệt nữa. Chẳng phân biệt, sẽ chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quan Sát Trí. Diệu Quan Sát là gì? Tánh Thấy thấy sắc tánh, [đó là] diệu quan sát. Tánh Nghe nghe thanh tánh, tánh Ngửi ngửi hương tánh, chẳng phải là sáu thức đối ứng lục trần, mà là căn tánh của sáu căn đối ứng với trần tánh của lục trần bên ngoài. Đây là gì? Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Hai thức ấy vừa chuyển, A Lại Da tự nhiên chuyển thành Đại Viên Kính Trí, chuyển thành gì? Chuyển

thành Phật Tánh, là trí huệ vốn trọn đủ trong tự tánh. Trí huệ ấy chẳng thể nghĩ bàn!

Chuyên năm thức trước, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, được chuyển thành Thành Sở Tác Trí. Thành Sở Tác Trí là hóa độ chúng sanh; chúng sanh có cảm, người ấy sẽ dùng Ứng Thân. Ứng Thân nhất định có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân; đó là năm thức trước, thành tựu sự nghiệp độ chúng sanh. Vì thế, thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, nói theo Pháp Tướng, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân của Ngài chính là Thành Sở Tác Trí. Chuyên tám thức thành bốn trí, Ngài thật sự chuyển được. Tướng Tông dạy chúng ta, chúng ta luyện tập bằng cách nào? Trong hết thấy các cảnh giới, nay chúng ta chẳng làm được “không phân biệt”, không chấp trước cũng chẳng làm được, làm như thế nào đây? Tận hết sức giảm nhẹ phân biệt, chấp trước. Tận hết sức làm nhạt chúng nó, sẽ có tiến bộ. Vì thế, đối với buông xuống, trước kia, Chương Gia đại sư dạy tôi: “*Phải buông xuống hằng năm, phải buông xuống hằng tháng, phải buông xuống hằng ngày, buông xuống phân biệt, chấp trước*”. Đây là nói tổng quát. Nếu nói tách ra, sẽ là buông xuống ích kỷ, buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục, lục trần, buông xuống tham, sân, si, mạn.

Pháp thế gian và Phật pháp, thứ gì cũng đều buông xuống, quý vị sẽ thành tựu. Vì sao phải buông xuống Phật pháp? Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp*”. Chư vị phải biết, chẳng có Phật pháp, vốn chẳng có Phật pháp! Phật pháp là giả thiết (giả lập ra). Vì quý vị mê, nhằm giúp đỡ quý vị phá mê, khai ngộ, cho nên kiến lập Phật pháp. Khi quý vị đã khai ngộ, Phật pháp sẽ chẳng có. Khi nào Phật pháp chẳng có, quý vị mới là thật sự khai ngộ. Đây là gì? Pháp để chữa bệnh, đã lành bệnh rồi, chẳng cần thuốc nữa. Đã lành bệnh mà vẫn uống thuốc, quý vị lại bị bệnh, chẳng thể lành mạnh được. Đây là: “*Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp*”. Khi chúng ta bị bệnh, khi mê thì chẳng thể không cần Phật pháp, Phật pháp là pháp bảo. Ngày nào giác ngộ, đã đại triệt đại ngộ, nếu vẫn nắm chặt Phật pháp thì lại hồng bát, đây là lại bị bệnh mất rồi! Đến khi nào buông bỏ Phật pháp? Đại triệt đại ngộ, Tông Môn thường nói là “*hoát nhiên đại ngộ*”. Hễ lúc nào ngộ thì Phật pháp cũng phải xả!

Xả, thừa cùng chư vị, xả trong tâm, nơi sự tướng có xả hay không? Chẳng xả! Vì sao? Nơi sự tướng phải làm cho khá nhiều kẻ chưa giác ngộ nhìn vào. Đây là Pháp Bảo, Phật Bảo, Tăng Bảo, Tam Bảo trọn đủ, độ lục đạo chúng sanh. Đó gọi là đại từ đại bi! Trong tâm chẳng vướng mắc dấu vết gì, đó gọi là “*tướng có, tánh không, sự có, lý không*”; đó là người khai ngộ. “*Tướng có, sự có*” là chúng sanh có cảm, Bò Tát có ứng. Khi ấy, thân thể chẳng phải là thân nghiệp báo, mà là Ứng Hóa Thân. Chư vị ngẫm xem, khi chẳng khai ngộ thì là nghiệp báo,

khi đã khai ngộ thì là ứng hóa, chúng ta thường nói là “*thân thừa nguyện tái lai*”. Có cần phải đến thế giới Cực Lạc, đến thế giới Hoa Tạng, đến các cõi Phật rồi trở về ứng hóa hay chẳng? Chẳng cần! Giống hết như Phật, Bồ Tát ứng hóa trong các cõi Phật nơi các thế giới phương khác. Các Ngài muốn tới chỗ này, phải tìm một thân, nay quý vị đã giác ngộ, cái thân đã hiện ra này vẫn còn, bèn dùng thân này, chẳng cần thay đổi. Vì thế, hễ chuyển biến, sẽ là từ nghiệp lực chuyển biến thành nguyện lực, thân nghiệp báo chuyển biến thành thân ứng hóa, quý vị sẽ đắc đại tự tại.

Khi ấy, cái thân ứng hóa này, trên hình thức giống như mọi người, trên thực tế là khác nhau. Trên thực tế là “*Thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn*”, người ấy có cần ăn uống nữa chẳng? Cần chứ! Làm cho người khác thấy. Nếu người ấy không ăn, người ta sẽ nói “người ấy là thánh nhân, người ấy là thần, chúng ta chẳng có cách nào học theo người ấy được”, chẳng học được! Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật hằng ngày cũng đều đi khát thực. Bảo rõ ràng cùng mọi người: Phật là một người tu hành thành tựu. “*Ngài có thể hành, có thể thành tựu, ta cũng có thể thành tựu*”. Quý vị thấy tín tâm của đại chúng được tăng trưởng, khơi gợi nguyện tâm của đại chúng. Chuyện này sẽ tiếp dẫn rất nhiều chúng sanh căn cơ chín muồi, tiếp dẫn những căn cơ đã chín muồi! Người thiện căn chín muồi, trong một đời gặp gỡ Phật, Bồ Tát thị hiện, nhất định đắc độ. Nói theo Tịnh Tông chúng ta, ắt sanh về Tịnh Độ. Sanh về Tịnh Độ, sẽ thành Phật quả viên mãn. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tập bài kệ này tới đây!

Tập 1567

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ đoạn thứ bảy trong phần Kệ Tụng. Đoạn thứ bảy có tổng cộng hai mươi hai bài kệ; hôm nay chúng ta xem hai bài cuối cùng, xem từ bài thứ hai mươi một:

(Kinh) Phạn thực dĩ ngật, đương nguyện chúng sanh, sở tác giai biện, cụ chư Phật pháp.

(經) 飯食已訖。當願眾生。所作皆辦。具諸佛法。

(Kinh: Ăn cơm đã xong, nguyện cho chúng sanh, việc làm đều xong, đủ các Phật pháp).

Từ bài kệ thứ mười lăm cho đến bài kệ này đều là “*khất thực, dùng cơm*”. Dùng cơm trong tự viện, am đường hiện thời hãy còn có nghi thức Quá Đường (過堂). Dùng cơm theo nghi thức Quá Đường thì trước hết vị duy-na sẽ nhắc nhở mọi người “*thực tồn ngũ quán*” (食存

五觀, khi ăn, trong tâm quán tưởng năm điều), và cũng nhắc nhở chúng ta khi thọ thực phải biết tam đức lục vị. “Tam đức, lục vị” đều là nói theo phương diện ẩm thực, có thể nói là đã bao hàm tất cả chuyện ăn uống trong ấy. Đức thứ nhất trong Tam Đức là quý vị ăn món gì mềm mại, nay chúng ta nói là “*dễ tiêu hóa*”, đây là đức thứ nhất. Đức thứ hai là “*sạch sẽ*”, nói theo hiện thời là “*vệ sinh*”. Đức thứ ba là “*như pháp*”. Luôn chiếu theo những quy củ do đức Phật đã dạy để làm, chẳng trái nghịch giáo huấn của đức Phật; đây là “*như pháp*”.

“*Lục vị*”: Người Hoa nói là “*ngũ vị*”, tức chua, ngọt, đắng, cay, mặn, đây là ngũ vị. Còn có một vị là nhạt; trong thực phẩm, chẳng có các thành phần này. Vì thế, nói gộp chung lại thành lục vị. Lục vị hòa hợp, ngon lành khôn xiết. Do vậy, nêm nếm là một môn học vấn rất lớn. Vì thế, chỗ đáng quý của những đầu bếp nổi tiếng là gì? Đáng quý ở chỗ họ có kinh nghiệm nêm nếm hết sức phong phú. Trong nhà bếp, những món gia vị thủy đều có, người Hoa nói tách ra thành bảy chuyện [phải lo toan hằng ngày] là “*củi, gạo, dầu, muối, tương, dấm, trà*”, những món ấy thủy đều có. Vấn đề là quý vị có thể nêm nếm [khéo léo] hay không. Nêm nếm không khéo, cũng rất khó nuốt; nếu nêm nếm khéo thì mùi vị sẽ hết sức ngon lành.

Chúng ta biết phương diện ẩm thực là một thứ ham muốn to lớn của con người. Các vị thánh nhân xưa, nay, trong, ngoài nước cũng đều nói như vậy. Trong các dục vọng của người thế gian, dục vọng lớn nhất là hai chuyện, thứ nhất là ăn uống, thứ hai là sắc, tức nam sắc, nữ sắc. Đây là dục vọng to lớn của con người. Nếu nghiên cứu kỹ về phương diện ẩm thực này thì trong Phật pháp sẽ có thể tiếp dẫn chúng sanh. Trong quá khứ, tôi ở Úc, tôi hết sức bội phục sứ quán ngoại giao Trung Quốc tại Úc. Đúng là có trí huệ, sứ quán mời một đầu bếp nổi tiếng, chúng tôi dùng cơm tại sứ quán, họ hoàn toàn nấu món chay, khiến cho quý vị dùng cơm một lần, sẽ suốt đời chẳng thể quên, vậy là đã thành công. “*Người nọ nấu thức ăn ngon lắm*”, chẳng có ai không khen ngợi. Đại sứ từng nói với tôi: “Trong ngoại giao, chuyện ẩm thực hết sức quan trọng. Họ ăn một lần, hai lần, vẫn muốn quay lại, sẽ thường tìm đến, tình bằng hữu sẽ kết chặt, làm chuyện gì cũng thực hiện dễ dàng!”

Để tiếp dẫn đại chúng, trong Phật môn cũng rất coi trọng chuyện này. Đương nhiên là thuở đức Thế Tôn tại thế, người xuất gia đều đi khát thực. Khát thực là tu hành, bất luận [thí chủ] cho món gì, khi chúng ta niệm chú Cúng Dường, vẫn là “*tam đức lục vị, cúng Phật cấp Tăng, pháp giới hữu tình, phổ đồng cúng dường*” (ba đức, sáu vị, cúng Phật và Tăng, pháp giới hữu tình, cúng dường trọn khắp). Mỗi lần dùng cơm, đều phải niệm điều này. Sáng sớm thường là dùng cháo: “*Chúc hữu thập lợi, nhiều ích hành nhân*” (Cháo có mười điều lợi, hữu ích cho người tu hành). Những điều ấy đều là đại nguyện của đức Phổ Hiền,

niệm niệm chẳng quên. Ăn cơm cũng là tu hành. Đương nhiên, người xuất gia tu hành chớ nên tham đắm lục vị, đừng nên tham đắm! Nhưng quý vị phải hiểu: Chuyện này là một loại phương thức nhằm tiếp dẫn chúng sanh. Đây là như trong kinh đức Phật đã dạy: “*Tiên dĩ dục câu khiên, hậu linh nhập Phật trí*” (Trước là dùng dục để lôi kéo, sau là khiến cho [người được lôi kéo ấy sẽ] nhập Phật trí). Trước hết, quý vị có phương pháp khiến cho họ rất hoan hỷ tiên nhập Phật môn; sau đấy, mới lại dần dần dạy họ, lại giúp họ khai ngộ. Vì thế, âm thực là một phương pháp rất tốt.

Khi tôi mới học Phật, đến chùa miếu, [tức là đến] mấy ngôi chùa tại thành phố Đài Bắc, có lúc cũng đến ăn cơm ở chùa, cảm thấy những món ăn của họ rất ngon lành, khéo léo. Về sau, xuất gia, dần dần thân cận lão hòa thượng, thường có cơ hội cùng dùng cơm với các vị lão hòa thượng, chẳng ăn cùng đại chúng. Thức ăn trong tiểu trai đường của lão hòa thượng hết sức ngon lành, khéo léo. Có người kể với tôi, những vị đầu bếp chính trong nhà bếp toàn là hạng nổi tiếng, đãi ngộ đều rất cao, chẳng khác sự đãi ngộ trong khách sạn cho mấy. Vì sao? Sau này tôi mới vỡ lẽ, [làm như vậy] nhằm tiếp dẫn giới thượng lưu trong xã hội! Trong xã hội này, giới thượng lưu là những bậc trưởng giả có địa vị, có thân phận, có tài sản. Có cần phải độ họ hay không? Có phải giúp đỡ họ hay không? Đương nhiên là phải, nhưng cuộc sống của họ chẳng phải là cuộc sống của giới bình dân. Nếu họ đến chùa miếu mà chẳng tiếp đãi rất trọng hậu, họ sẽ chẳng có hứng thú. Vì thế, đây là một loại phương tiện thiện xảo nhằm phổ độ chúng sanh, chẳng phải là vị lão hòa thượng trong chùa miếu tham cầu những thứ hưởng thụ ấy, chẳng phải vậy!

Trong tâm mục của Phật, Bồ Tát, đại chúng trong xã hội, trong quá khứ là từ đế vương cho đến thứ dân, đều được nhất loạt hóa độ bình đẳng. Hóa độ bình đẳng là nguyên tắc, là tâm thái, nhưng trên sự tương thì có sai biệt. Đó gọi là “*phương tiện*”. Do đó, “*phương tiện có nhiều môn, về nguồn chẳng hai đường*”. Chúng ta phải hiểu điều này. Nếu quý vị chẳng hiểu, sẽ chẳng có cách nào hộ trì một đạo tràng, mà cũng chẳng có cách nào hộ trì chánh pháp. Bởi lẽ, người hộ trì chánh pháp hết sức quan trọng, các vị ấy (các vị lão hòa thượng) hiểu đạo lý này, ba hạng người thượng, trung, hạ thấy đều đắc độ, tiên nhập Phật môn chẳng có ai không hoan hỷ. Âm thực là một chuyện rất lớn.

Để tiếp dẫn chúng sanh, chúng ta thường nói “hình tướng hết sức quan trọng”. [Có hình tướng tốt đẹp], người thế gian sẽ vui lòng tiếp xúc chúng ta. Quý vị thấy những kẻ được gọi là “người phú quý”, họ có tướng phú quý! Tướng cố nhiên là bẩm sanh, đối với túc mạng, sự tu dưỡng và cuộc sống của người ấy, đều có mối liên quan mật thiết. Tướng mạo đoan trang, trang nghiêm, thân thể khỏe mạnh, trong Phật

pháp, điều này được gọi là “*như pháp*”. Quý vị thầy Thích Ca Mâu Ni Phật có ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo, hình tướng [tốt đẹp] sẽ tiếp dẫn khá nhiều chúng sanh. Từ kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy vì sao tôn giả A Nan xuất gia? Trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã từng hỏi ngài A Nan: “Vì sao ông phát tâm xuất gia?” Tôn giả rất thẳng thắn thưa bày, Ngài thấy tướng hảo của Thích Ca Mâu Ni Phật, tự nhủ: “Những tướng hảo ấy tuyệt đối chẳng phải là do cha mẹ sanh ra liền có tướng tốt đẹp dường ấy, nhất định là do có tu trì thì mới đạt được tướng tốt đẹp ngần ấy!” Nói cách khác, Ngài do hâm mộ tướng hảo của Thích Ca Mâu Ni Phật mà xuất gia.

Do vậy có thể biết, tướng hảo có thể tiếp dẫn rất nhiều chúng sanh, khiến cho những người chưa tiếp xúc Phật pháp, vừa mới tiếp xúc Phật pháp trông thấy tướng hảo của quý vị, sẽ sanh lòng ngưỡng mộ, sanh lòng hoan hỷ. Do đó, sẽ tiếp dẫn họ nhập Phật môn. Nếu người tu hành là một gã vêu vao, gầy đét đên đẹt, chẳng có một tí phước tướng nào, người ta trông thấy sẽ hoảng sợ, chạy mất! “Chớ nên học theo vị Phật này, học Phật sẽ biến thành dáng vẻ ấy”. Do vậy, quý vị thầy chư Phật, Bồ Tát, nay chúng ta trông thấy tượng vẽ, tượng đắp, đều là phước tướng. Quý vị lại nhìn các vị tổ sư đại đức, tướng mạo đều hết sức đoan trang. Nhà Phật nói là “*trang nghiêm*”, khiến cho người khác trông thấy, sẽ sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm tôn trọng; chuyện này sẽ có thể tiếp dẫn rất nhiều đại chúng. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, Bồ Tát tu hành công đức viên mãn, muốn ứng hóa trong thế gian này để giáo hóa chúng sanh, bèn đặc biệt dùng một khoảng thời gian dài, kinh nói là một trăm kiếp, chúng ta chớ nên chấp trước [từ ngữ] “*một trăm kiếp*”, có thể nói là một khoảng thời gian khá dài, chuyên tu tướng hảo, [tức là] tu phước! Chẳng có phước, sẽ không thể độ chúng sanh, vì sao? Chúng sanh chẳng muốn tiếp cận quý vị! Tuy quý vị có huệ, tuy có năng lực, nhưng quý vị chẳng có phước báo. Do đó, phước rất trọng yếu, chẳng tu thì làm sao được?

Đức Phật thị hiện những điều này cho bọn phàm phu chúng ta trong lục đạo trông thấy, nhằm dạy bọn phàm phu trong lục đạo học Phật thì phải là phước huệ song tu. Quý vị thấy đó, đặt phước ra trước, huệ xếp thứ hai, điều này có nghĩa là gì? Phật pháp xác thực là coi trọng huệ, hoàn toàn chẳng phải là coi trọng phước! Coi trọng huệ, chẳng coi trọng phước, tức là quý vị chính mình tu hành thành tựu; còn coi trọng phước, xếp huệ thành hạng nhì, đây là Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh. Bản thân quý vị chẳng tiếp xúc đại chúng, có thể gạt phước báo qua một bên, chẳng quan tâm tới nó, chuyên tu Định và Huệ. Nếu quý vị là vị chủ trì một đạo tràng, hoằng pháp lợi sanh, trong đạo tràng ấy, từ Trụ Trì, Đương Gia, cho đến tất cả các nhân viên công tác cấp dưới, trong từng lâm xưa kia gọi là “*một trăm lẻ tám đan*”, tức là các vị chấp

sự, nhân viên công tác, ai nấy đều có phước báo, đạo tràng của quý vị chắc chắn sẽ hưng vượng, khẳng định là như thế!

Nếu quý vị hiểu đạo lý này, tôi cũng đã từng dạy chẳng ít đồng tu. Họ làm việc trong ngành công thương nghiệp, chính mình có công ty, là ông chủ, đôi khi thường nói “lãnh đạo viên chức, công nhân chẳng dễ dàng. Làm thế nào để chọn lựa công nhân, viên chức?” Tôi bèn dạy họ một phương pháp, tôi nói: - Khi quý vị gặp gỡ công nhân, viên chức, hãy chú tâm quan sát [xem xét] kẻ ấy có phước báo hay không, từ tướng mạo có thể nhìn ra. Người được quý vị sử dụng đều có phước tướng, khẳng định là sự nghiệp của quý vị rất thuận lợi. Nếu quý vị dùng kẻ chẳng có một tí phước báo nào, quý vị sẽ rất vất vả, dẫu bản thân quý vị có phước báo, cấp dưới của quý vị chẳng có phước. Vì thế, có lúc tại Đài Loan đang bầu cử, có những đồng học đến hỏi tôi, họ nói: “Thưa pháp sư, thầy thấy chúng con nên bỏ phiếu cho ai?” Cá nhân tôi rất công bằng, trợn chẳng nói “kẻ này tốt, kẻ kia không tốt”, tôi bảo người ấy: “Ông hãy nên quan sát kỹ lưỡng mấy người ứng cử, ai có phước báo thì ông bỏ phiếu cho người ấy. Người có phước báo đắc cử, mọi người sẽ được hưởng phước của người ấy. Nếu quý vị bầu cho kẻ chẳng có phước, mọi người sẽ phải chịu tội vì kẻ ấy”. Tôi chỉ dạy người ấy nguyên tắc này: Quý vị phải tự mình quan sát, như thế thì sẽ rất tốt đẹp!

Trong pháp thế gian, phước được xếp hàng đầu, nhưng muốn đạt tới địa vị thuộc tầng lớp lãnh đạo trong thế gian thì [phải là] phước huệ song tu. Chẳng có trí huệ, quý vị sẽ chẳng thể lãnh đạo kẻ khác! Do đó, phải có phước, phải có huệ. Tu phước không dễ dàng! Kẻ chẳng có phước báo, dẫu có cơ hội tu phước, kẻ ấy đều chẳng thể tu. Chúng ta thấy trường hợp này rất ư là nhiều! Vì thế, chúng tôi cũng thường cảm khái: “Cơ duyên ở ngay trước mặt, [nhưng do] chẳng có phước báo, nên chẳng biết tu phước. Kẻ biết tu phước lại buồn vì chẳng có cơ hội!” Chỉ là trong cuộc sống hằng ngày, tu một chút tiểu phước, chứ đại phước báo thì chẳng có cơ hội. Do vậy, hiện thời nghĩ đến chuyện ăn uống trong Phật môn, có tất cả sáu bài kệ; nay chúng ta nói đến chuyện dùng cơm xong, [thường gọi là] “kết trai” (結齋): “Phạn thực dĩ ngật, đương nguyện chúng sanh, sở tác giai biện, cụ chư Phật pháp” (Ăn cơm đã xong, nguyện cho chúng sanh, việc làm đều xong, đủ các Phật pháp).

Trong kinh giáo, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta, ẩm thực nhất định phải [chú trọng] vệ sinh, nhất định phải đơn giản. Vì thế, Phật môn đi khất thực. Về sau, trong Phật giáo Trung Hoa, cũng có một món ăn do khá nhiều món nấu chung lại, được gọi là “đại oa thái” (大鍋菜), còn trong Phật môn thì gọi là La Hán Trai (羅漢齋). La Hán Trai tức là “đại oa thái”. Đại oa thái có món nấu rất khéo, đúng là tam đức lục vị.

Năm xưa, tại Hương Cảng có một nơi là Trạm Sơn Tự, có lẽ rất nhiều đồng học đều biết [ngôi chùa ấy]. Mỗi lần đến Hương Cảng, tôi nhất định đến chỗ họ dùng cơm. Trên thực tế, cơm chỉ ăn một chén, còn đồ ăn thì tôi thiếu phải ăn hai, ba chén! Đó là La Hán Trai. Họ nấu món La Hán Trai rất khéo, khiến cho quý vị ăn một chén xong, vẫn muốn ăn chén thứ hai. Ăn xong chén thứ hai, còn muốn ăn chén thứ ba! Quý vị đã ăn no; do vậy, ăn một chút cơm thôi. Các vị lão hòa thượng tại Trạm Sơn Tự [thuở ấy] hiện thời cũng đều đã mất.

Chúng ta nghĩ đến chuyện ẩm thực và sinh hoạt trong Phật môn, bữa sáng quá nửa là ăn cháo. Đức Phật dạy cháo có mười điều lợi ích, phải biết nấu mới được. Nấu nướng là đại học vấn. Tứ chúng đồng tu trong Phật môn đều do mộ đạo mà đến, nhưng thân thể khỏe mạnh vẫn là chuyện quan trọng nhất. Nhà Phật thường nói “*pháp luân chưa chuyển, thực luân đã chuyển trước*”; để hoằng pháp lợi sanh, nhất định phải có thân thể rất khỏe mạnh. Ẩm thực là một biện pháp điều dưỡng thân thể quan trọng nhất. Vì thế, Phật môn nói điều dưỡng ẩm thực là một thứ đại công đức. Quý vị nuôi dưỡng sắc thân của người ta tốt đẹp trước đã; sau đây, người ta mới có thể hành đạo. Chẳng có thể lực, tu hành bằng cách nào? Vì thế, đối với cháo, cũng có phương pháp nấu cháo. Đức Phật đã dạy lợi ích của cháo như sau:

1) Điều thứ nhất là “*tư trợ*” (資助, nuôi dưỡng, giúp đỡ). Nói theo kiểu hiện thời, sẽ là [tư trợ] khí sắc của chúng ta.

2) Thứ hai là tư trợ thể lực.

3) Thứ ba là khỏe mạnh, sống lâu.

4) Thứ tư là an lạc.

5) Thứ năm là nhẹ nhàng, khoan khoái. Bất luận là xét theo phong độ, nói theo Phật pháp là “*oai nghi*”, dáng vẻ lẫn thái độ thanh tú.

6) Đã thế, lại còn có thể đem lại biện tài cho quý vị.

7) Dễ tiêu hóa.

8) Thứ tám là nó có thể trừ phong.

9) Nó có thể tiêu trừ nổi đói khát.

10) Có thể tiêu hóa trực khí. Cháo giúp quý vị hóa giải trực khí trong thân thể, nó cũng có thể giúp quý vị bài trừ [trực khí]. Do vậy, cháo có rất nhiều ưu điểm.

Người xuất gia ngã bệnh thì trị liệu bằng cách nào? Chính là đoạn thực (斷食, nhịn ăn), dùng phương pháp đoạn thực để trị liệu. Nay chúng ta xem Sơn Tây Tiểu Viện sẽ hiểu ngay: Khi ngã bệnh, hoàn toàn chẳng cầu lành bệnh, mà là niệm nào cũng đều cầu vãng sanh, thân tâm thanh tịnh, buông xuống muôn duyên, nhất tâm niệm Phật. Ẩm thực thì chỉ dùng một ít chất lỏng. Ăn một bữa, hai bữa, hay ba bữa đều chẳng quan trọng. Khi ngã bệnh, lão hòa thượng dạy chúng tôi ăn ít,

ăn thành nhiều bữa, đừng nên ăn quá nhiều. Hãy ăn một chút, giữ sao cho chẳng đói, chẳng no, phải hiểu đạo lý này! Đây chính là đường lối để thật sự khỏe mạnh, chớ nên ăn quá no. Ngay như khi dùng cơm trưa, ăn trưa thì phải ăn cho no, ăn trưa thì cũng chỉ nên ăn [no bụng] bảy, tám phần là tốt nhất, đừng nên ăn quá no. Ăn quá no, ruột và dạ dày của quý vị tổn hao năng lượng để tiêu hóa quá lớn, cũng có nghĩa là tăng thêm lượng công việc cho chúng nó. Có khi chúng nó (ruột và dạ dày) chịu không nổi thì sẽ ngã bệnh, phải nghĩ đến điều này. Chẳng thể ép buộc mỗi khí quan trong thân thể quá tải, đây là đường lối để dưỡng sanh. Do đó, ăn uống chớ nên quá no, phải giữ sao cho chẳng đói, chẳng no. Trong Phật pháp thường nói, kẻ ăn quá no sẽ hôn trầm; nếu đói bụng, kẻ ấy sẽ chẳng ổn định. Nói theo danh từ trong Phật pháp, sẽ là “*điều cử*” (掉舉, trạo cử, lao chao, xáo động); “*điều cử*” tức là thân tâm bất an. Hai tình huống ấy đều trở ngại cho việc dụng công, bất luận tu pháp môn gì sẽ đều nảy sanh chướng ngại. Do đó, đối với ẩm thực, phải nên chú trọng sao cho “chẳng đói, chẳng no”. Khéo điều hòa ẩm thực thì cũng là hiểu cách dưỡng sanh, quý vị sẽ biết điều dưỡng như thế nào, sẽ hữu ích rất lớn cho đạo nghiệp của chính mình.

Sau khi chúng ta đã hiểu rõ những đạo lý này, sẽ hiểu ý nghĩa lời đại nguyện này của hàng Bồ Tát sau khi ăn cơm xong, “*đương nguyện chúng sanh, sở tác giai biện*”. “*Sở tác*” ở đây có tự lợi và lợi tha. Nhất định phải nắm được tổng nguyên tắc của tự lợi. Tổng nguyên tắc là một câu: “*Nhất định phải biết nâng cao linh tánh của chính mình, hằng ngày phải nâng cao hơn*”. Ngày nào chẳng thể tăng tấn, chuyện này giống như thuyền đi ngược dòng, không tiến ắt lùi. Ngày nào quý vị chẳng có tiến bộ thì ngày ấy sẽ thụt lùi, chuyện này là khẳng định. Vì vậy, đức Phật dạy hàng Bồ Tát dũng mãnh, tinh tấn, đạo lý ở chỗ này! Nâng cao linh tánh được thực hiện từ chỗ nào? Từ chỗ “*phiền não nhẹ bớt, trí huệ sẽ tăng trưởng*”. Nói thật ra, “*linh tánh*” chính là trí huệ. Trí huệ là linh tánh chân thật. Trí huệ có thể đem theo, phiền não có thể đem theo. Có thể mang theo trí huệ, trí huệ sẽ giúp quý vị tăng tấn, phiền não giúp quý vị đọa lạc. Thăng trầm trong mười pháp giới chính là do nguyên lý này!

Chúng ta phải làm như thế nào thì mới thật sự khiến cho “*phiền não nhẹ bớt, trí huệ tăng trưởng*”? Đó là thật sự tu hành, là công phu thật sự. Nay chúng ta hỏi, làm như thế nào thì mới có thể thực hiện được? Chương Gia đại sư dạy tôi buông xuống, quý vị có hiểu lời ấy hay chẳng? Trong Tông Môn, lời ấy có ý nghĩa càng sâu hơn, “*hội ma?*” (會麼, hiểu không) có ý nghĩa sâu xa, “*hội*” là gì? “*Hội*” là buông xuống. Thật sự thấu hiểu “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, cũng như trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói: “*Vọng tướng, phân biệt, chấp trước, tuyệt đối phải buông xuống*”. Trong cuộc

sống của người tu hành, hãy ghi nhớ cương lĩnh do Phổ Hiền Bồ Tát đã chỉ dạy: “*Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, chúng tôi thường nói điều này là “*tùy duyên, chẳng phan duyên*”. Trong tâm quý vị chẳng sanh phiền não, tức là chẳng dây lên phân biệt, chấp trước, vọng niệm, khó lắm! Tạm thời, chúng ta không bàn đến khởi tâm động niệm, trước hết, hãy nói đến phân biệt và chấp trước; trong cuộc sống hằng ngày, hãy tùy thuận, chỉ cần thấy nó chẳng gây trở ngại to lớn, hết thấy quý vị đều phải nên buông xuống, rèn luyện đấy nhé! Thứ gì cũng đều phải buông xuống. Vì thế, tôi nói: “*Ai nấy đều là người tốt, chuyện nào cũng đều là chuyện tốt*”. Vì sao? Những người và việc ấy đều giúp chúng ta buông xuống!

Chúng ta rèn luyện công phu ở chỗ nào? Trước hết, đối với những thứ chúng ta ưa thích, chẳng hạn như quần áo, thức ăn, hoặc sách vở của những người thích đọc sách như chúng tôi, những món quý vị yêu mến, người khác trông thấy bèn lấy đi, chúng ta luyện tập công phu từ ngay chỗ này, đó là tu hành. Quý vị còn nên sanh phiền não hay không? Quý vị sanh phiền não bèn cảnh giác công phu [của chính mình] chẳng đủ. Những thứ ấy là vật ngoài thân, sanh ra chẳng mang theo đến, chết cũng chẳng đem theo được, ghim giữ những chuyện ấy trong tâm, sai mất rồi! Bất cứ ham mê gì cũng đều phải buông xả, vì sao? Đó là cái nhân luân hồi; nếu chẳng bỏ những thứ ấy, quý vị sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi! Do vậy, phải buông xuống thất tình, ngũ dục, chúng tôi thường nói là “*ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”, phải luyện tập trong thuận cảnh, càng phải luyện tập trong nghịch cảnh. Luyện đến mức thật sự chẳng có phân biệt, chấp trước. Chỉ cần hết thấy đều chẳng chấp trước, thứ gì cũng đều là tốt đẹp, đều có thể tùy thuận chúng sanh, chúng ta niệm Phật sẽ nắm chắc vãng sanh. [Nếu] cứ nhất định phải là như thế này, phải là như thế nọ, đấy là chấp trước, [dùng] tâm thái ấy để niệm Phật thì sẽ chẳng nắm chắc vãng sanh!

Đại sự là phải quyết định vãng sanh ngay trong một đời này. Chúng ta biết: Chúng ta chẳng thể vãng sanh thì là kết pháp duyên với thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật, đời sau có thể được làm thân người hay không, có thể lại gặp gỡ Phật pháp hay không; đó là một ẩn số. Dẫu làm chuyện tốt nhiều cách mấy, chẳng nhất định sẽ có thể được làm thân người; chư vị chớ nên không biết điều này. Trong phần trước, chúng tôi đã nhắc đến câu chuyện người bạn học của ngài An Thế Cao, đây là tấm gương soi cho chúng ta. [Vị đồng học ấy là] một vị xuất gia thông hiểu kinh điển, thích bố thí, nói theo cách hiện thời sẽ là “một vị pháp sư tốt lành”, vừa thông đạt kinh giáo, lại vừa ưa thích bố thí. Nhưng hằng ngày đi khát thực bên ngoài, hễ xin phải đồ ăn chẳng dễ nuốt, trong tâm Sư có chút khổ sở. Sư có khuyết điểm nhỏ nhất như thế,

hiện thời ta thấy chuyện này vất vả, chẳng đáng kể. Sư chẳng ngờ nó chướng ngại Sư khai ngộ, chướng ngại Sư tu hành. Vì thế, đời kế tiếp là [hưởng thụ] phước báo. Thông đạt kinh điển, chuộng bố thí, đó là phước báo, đọa làm long vương trong thân đạo!

Vì thế, quý vị hiền, kẻ có phước báo, kẻ hưởng phước trong lục đạo là người có phước báo, đời trước đều là người tu hành, nhưng chẳng đoạn tập khí phiền não, tu hành suốt một đời để đời lấy phước báo trong đời sau! Hưởng phước sẽ mê hoặc; do đó, long vương suốt một đời tạo rất nhiều nghiệp. Người ta cung kính, cúng dường ông ta, ông ta sẽ phù hộ họ. Kẻ chẳng cúng dường ông ta, ông ta bực bội, bèn chinh người ta. Vì thế, chính ông ta hiểu rất rõ, sau khi long vương xả thọ, sau khi đã chết, sẽ đọa địa ngục! Ngài An Thế Cao là một vị cao tăng đắc đạo đã cứu ông ta, khiến cho ông ta quyên tặng toàn bộ tài sản, xả tài tu phước, kiến lập đạo tràng. Làm như vậy, ông ta vẫn rơi vào thân đạo (thiên thân), sanh lên Đạo Lợi Thiên. Điều này thường là vì chẳng có trí huệ, chẳng có công phu định lực; do chẳng có trí huệ, hoàn toàn cậy vào tu phước. Nhưng tu phước thì quý vị phải biết, xây dựng một ngôi chùa miếu, ngôi tự viện ấy dành cho hàng xuất gia lẫn tại gia thật sự tu hành, thật sự có kẻ tu hành thành tựu thì mới là phước báo. Nếu quý vị dựng đạo tràng, người trong đạo tràng ấy đều là kẻ tạo oan nghiệt, chẳng có ai thật sự tu hành; như vậy là quý vị chẳng tu phước được, mà còn giúp đỡ kẻ khác tạo nghiệp! Không chỉ là chẳng có phước, mà quý vị còn tạo tội thêm một bậc, quý vị đọa lạc càng khổ sở hơn!

Vì thế, tu phước phải quan sát cẩn thận, giống như gieo trồng. Đất đai ở chỗ này có màu mỡ hay không, có thể trồng những thứ gì, quý vị nhất định phải nghiên cứu trước. Nếu chỗ này là đất nhiều cát, không thể trồng lương thực, quý vị gieo hạt giống lương thực xuống sẽ chẳng có thu hoạch. Do đó, quý vị phải nhận biết phước điền, phước điền là gì? Quý vị nhận sai phước điền, sẽ chẳng thể gieo phước được! Vì vậy, tôi thường nói, *“bản thân người gieo phước và tu phước phải có phước báo”*, vì sao? Người ấy mới thật sự tìm được phước điền. Lúc tôi mới học Phật chẳng có trí huệ ấy, chẳng biết phước điền thật sự là gì. Vì thế, thầy dạy tôi, quyết định là phước điền, lớn hay nhỏ khác nhau, phóng sanh là phước điền, trì trai và phóng sanh là phước điền, bố thí thuốc men là phước điền, in tặng kinh sách là phước điền; trong ấy chắc chắn chẳng có lỗi lầm!

Về sau, chúng tôi thấy Ấn Quang đại sư suốt đời tiếp nhận cúng dường, tức là tứ chúng đệ tử cúng dường, số lượng ấy rất nhiều, nhưng Ngài chẳng tự mình hưởng thụ, mà dùng toàn bộ để ấn tống kinh sách. Ngài lập Hoàng Hóa Xã, tức là một cơ sở lưu thông kinh Phật. Tất cả hết thảy các món tiền cúng dường đều làm tiền trang trải cho Hoàng

Hóa Xã để ấn tống kinh, luận, thiện thư. Vào thời đó, đây là một biện pháp rất hay, xác thực đã tiếp dẫn khá nhiều phần tử trí thức tiến nhập Phật môn học Phật, thành tựu cũng khá đáng kể! Trong quá khứ, thầy Lý Bình Nam ở Đài Trung là một người trong số đó (những người được tổ Ấn Quang tiếp độ), lão nhân gia (tổ Ấn Quang) chỉ dùng văn tự để độ chúng sanh. Hiện thời, văn tự tốt đẹp, nhưng hiện nay người xem văn tự càng ngày càng ít, trình độ [thông hiểu] Quốc Văn cũng thua kém trước kia rất xa. Hiện thời, [để hưởng pháp], quan trọng nhất là TV và đĩa DVD giảng kinh.

Người hiện thời chẳng có cách nào đọc kinh sách, nay chúng ta có thể sử dụng phương pháp TV, tức là sách nói, vừa có văn tự vừa có âm thanh. Đây là một phương pháp hay, phương pháp này gần như tương đương với Hoàng Hóa Xã khi Ấn Quang đại sư lão nhân gia còn tại thế. Chúng ta đọc kinh văn, kinh văn thì dùng cách ghép chữ vào màn hình. Từ hình ảnh trên TV, quý vị có thể trông thấy văn tự để đọc theo, như vậy thì người xem sẽ đỡ tốn công. Kẻ không biết chữ cũng chẳng cần phải tra tự điển, họ sẽ rất hoan hỷ. Nếu là người một nhà thì người một nhà có thể cùng nhau đọc, quý vị thấy đây chẳng phải là “*sở tác giai biện, cụ chư Phật pháp*” (việc làm đều thực hiện xong, trọn đủ các Phật pháp) ư? Bản thân chúng ta niệm bản kinh này rất thuần thực, miệng niệm rất rõ ràng, chẳng đọc sai chữ, chẳng đọc sót chữ, có thể thường xuyên sử dụng phương pháp này.

Tôi cũng thường suy nghĩ, khi nào chúng ta sẽ có thể có một bộ Đại Tạng Kinh như thế, tức là Đại Tạng Kinh dưới dạng DVD? Hiện thời thì có, tức là có đĩa Đại Tạng Kinh; tuy có đĩa DVD, nhưng chẳng có ai đọc, chẳng có âm thanh. Nếu lại có âm thanh thì giá trị càng cao! Nếu rất nhiều người đồng tâm hiệp lực thực hiện, mỗi người đọc một bộ kinh. Kinh nhỏ thì niệm hai, ba bộ. Gộp chung lại, trong tương lai, sẽ tạo thành một bộ Tam Tạng hữu thanh. Đại Tạng Kinh có tiếng sẽ chẳng khác gì Hoàng Hóa Xã của tổ Ấn Quang, [sẽ là] Hoàng Hóa Xã hiện đại, vô lượng vô biên công đức! Có mấy đồng học có thể nghĩ đến [điều này]? Ai sẽ có thể thật sự thực hiện theo phương hướng này? Chẳng cần giảng kinh, giảng kinh thì sợ trí huệ của chính mình chưa đủ mức sẽ giảng sai, ta bèn niệm kinh, đề xướng đọc tụng. Thậm chí đối với Tứ Khố Toàn Thư, tập hợp đại chúng thì sẽ dễ thực hiện, làm một bộ Tứ Khố Toàn Thư theo dạng sách nói, từ TV có thể trông thấy văn tự, nghe âm thanh. Tôi tin là sau này chắc chắn sẽ có người làm như vậy, lợi dụng khoa học kỹ thuật hiện đại để làm một bộ sách như vậy.

Hôm trước, có người hỏi tôi, nói là có những nghề nghiệp không thỏa đáng cho lắm, [những nghề ấy] gây nên oan nghiệt, phải nên làm những nghề gì? Mở tiệm sách cũng là nghề rất tốt, có tiệm bán sách nói, chuyên môn kinh doanh sách nói, công đức vô lượng! Trong ấy chẳng

có lỗi lầm, quý vị có thể mời người khác đọc tụng, đọc một bộ sách mất bao nhiêu tiền, quý vị làm thành một bộ đĩa DVD. Nếu quý vị muốn phổ độ chúng sanh, quý vị là có thể làm theo kiểu “*sở hữu bản quyền, hoan nghênh lưu thông*”, công đức ấy vô lượng. Biện pháp tốt đẹp, đây là nghề nghiệp mới xuất hiện trong thời đại này. chúng tôi chúc phước cho những đồng tu nào có thể nghĩ đến, hướng theo mục tiêu ấy “*sở tác giai biện, cụ chư Phật pháp*”. A! Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp bài kệ cuối cùng trong đoạn này, tức bài thứ hai mươi hai.

(Kinh) Nhược thuyết pháp thời, đương nguyện chúng sanh, đắc vô tận biện, quảng tuyên pháp yếu.

(經)若說法時。當願眾生。得無盡辯。廣宣法要。

(Kinh: Nếu lúc thuyết pháp, nguyện cho chúng sanh, biện tài vô tận, rộng tuyên pháp yếu).

Đối với bài kệ này, Thanh Lương đại sư đã chỉ bày đơn giản:

(Sớ) Hậu nhất thực ngật thuyết pháp, diệc vị báo thí chủ chi ân dã.

(疏)後一食訖說法，亦為報施主之恩也。

(Sớ: Sau khi đã dùng bữa xong bèn thuyết pháp cũng nhằm để báo ơn thí chủ).

Điều này rất quan trọng, chúng ta phải ghi nhớ. Trong xã hội Trung Hoa hiện thời, đã không còn khát thực, nhưng chúng ta phải hiểu tinh thần của bài kệ này theo nghĩa rộng, tức là hãy tiếp nhận hết thủy sự cúng dường của trai chủ, đều phải thành khẩn thuyết pháp, chúc nguyện cho người bố thí. Trong các tôn giáo thông thường, chuyện này được gọi “*kỳ đảo*” (祈禱, cầu nguyện), đây là báo ân. Trai chủ dùng tài thí, đệ tử Phật phải nên có pháp thí đối với trai chủ, dùng pháp thí để đền đáp, đó là đúng! Do vậy, trong quá khứ, đi khát thực, chẳng hề có chuyện tiếp nhận cúng dường xong bèn bỏ đi; chẳng có đạo lý ấy! Nhất định là có thuyết pháp. Từ kinh Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật vào đại thành Xá Vệ khát thực, sau khi tiếp nhận sự cúng dường của trai chủ, Ngài chẳng thuyết pháp mà ngay lập tức quay về. Vì thế, những vị trai chủ ấy cũng đi theo đức Phật. Đức Phật chẳng thuyết pháp [trong lúc này], Ngài nhất định sẽ thuyết pháp [sau đó]. Đức Phật quay về, chúng ta cùng theo Ngài trở về để nghe Ngài thuyết pháp, [đó là] phát khởi của kinh Lăng Nghiêm. Từ chuyện này, chúng

ta bèn liễu giải. Do vậy có thể biết, [hiểu theo] ý nghĩa mở rộng, hễ tiếp nhận cúng dường thì đều phải biết thuyết pháp, để thuyết pháp thì phải biết ứng cơ (應機, ứng hợp căn cơ).

Khi chúng tôi học kinh giáo, thầy đã dạy chúng tôi: Phật pháp cũng ắt cần phải chú trọng hiện đại hóa. Nếu quý vị không biết hiện đại hóa, sẽ chẳng thể độ chúng sanh trong hiện đại. Đây là khi tôi vừa mới xuất gia, đã học những điều này từ chỗ thầy Lý, biết đến [khái niệm] bản thổ hóa và hiện đại hóa. Tôi lại suy tưởng khi Phật pháp từ Ấn Độ truyền sang Trung Hoa, những vị cao tăng đại đức thuở ấy đã hiểu rõ [chuyện này]. Vì thế, chúng ta thấy các vị Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, đó là những vị [tăng sĩ] tiếp nhận sự lễ thỉnh của Minh Đế đời Hán mà đến Trung Hoa sớm nhất. Sau khi đã tới Trung Hoa, [các Ngài] mặc quần áo của người Hoa, ở trong cung điện theo kiểu người Hoa, tập quen với cách sống, cách ăn uống theo kiểu Trung Hoa; [đấy là] bản thổ hóa. Vì thế, [Phật pháp] mới được người Hoa yêu mến, hoan nghênh. Sau đó, dựng đạo tràng, cất tinh xá, hoàn toàn là Trung Hoa hóa, cho đến về sau, tạc tượng, tạo tượng Phật, tạo tượng Bồ Tát cũng đều có vẻ mặt của người Hoa, đúng là tương ứng với phẩm Phổ Môn đã nói “*đáng nên dùng thân gì để hóa độ được, bèn hiện thân ấy*”. Chúng ta phải nên lãnh hội giáo huấn này. Phật pháp chẳng phải là đã hình thành thì bất biến. Nguyên lý và nguyên tắc quyết định bất biến, nhưng phương pháp và cách thức thiên biến vạn hóa, quý vị mới có thể thích ứng với chúng sanh trong thời đại và nơi chốn hiện thời, họ mới có thể hoan nghênh quý vị.

Do vậy, giảng kinh thì chẳng thể không hiểu đạo lý này. Quý vị tham khảo chú giải của cổ nhân, có hiểu đạo lý này thì quý vị mới có thể khai trí huệ. Mở tác phẩm chú sớ của kinh bản ra, cùng là một bản kinh như nhau, nhưng quý vị thấy người đời Hán chú giải bèn nói theo kiểu nào, người đời Đường chú giải sẽ chẳng giống người đời Hán. Nếu giống như nhau thì không cần chú giải lần nữa! Quý vị mới hiểu [chú giải] thời Hán thích hợp với xã hội đời Hán, thích hợp với cách đời nhân xử thế thời đó. Đời Đường [tình thế xã hội, quan hệ nhân sự] đã khác, phải giảng lại một lần nữa. Đời Tống lại khác nữa! Nguyên, Minh, Thanh, mỗi triều đại đều có cách nói theo triều đại ấy, tuy vẫn là cùng một bộ kinh! Những bản chú sớ ấy đều được lưu truyền cho hậu thế, chúng ta chú tâm tham khảo bèn thấu hiểu, sau đây sẽ suy ra những điều mới, biết đối với xã hội hiện đại thì phải nói theo cách nào, quý vị sẽ bèn hiểu rõ.

Trong khi dạy học, tôi thường dùng tỷ dụ: Kinh Phật giống như một cội cây lâu đời ngàn năm, cây có tuổi thọ là ba ngàn năm, nó vẫn sống. Mỗi năm nó đều nảy nhánh mới, mỗi năm đều đơm bông mới, mỗi năm trở quả mới. Vẫn là một cội cây, năm nay chẳng giống năm

ngoái. Chúng tôi nghĩ năm sau đương nhiên sẽ chẳng giống năm nay, sống động, chẳng phải là chết cứng. Cái cây ấy là căn bản, giống như kinh giáo và kinh điển. Kinh điển vĩnh viễn bất biến, còn giảng theo kiểu nào, vận dụng theo kiểu nào thì có thể biến đổi. Nói cách khác, nguyên lý và nguyên tắc bất biến, còn hình thức và phương pháp thì có thể biến thông. Đúng như trong kinh giáo, Phật, Bồ Tát đã dạy, “*đáng nên dùng thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy*”. Đây là nói “hình thức có thể biến đổi”, đáng nên dùng hình thức gì bèn dùng hình thức ấy.

Vào thời cổ, kiến trúc của tự viện am đường thuở đó theo hình thức cung điện, giống như hoàng cung, còn trong thời đại hiện tại đã là dân chủ, chẳng có hoàng cung. Chúng ta xây cất đạo tràng trong hiện thời, chẳng cần xây dựng theo hình thức cung điện, [nếu cứ giữ nguyên hình thức cung điện], đó là gì? Quý vị chẳng biến đổi! Những tự viện đã có từ trước được bảo tồn, đó là cổ tích, có thể dùng làm nơi du lịch văn cảnh cho đại chúng, hoặc đề khảo cổ, như vậy thì được, chúng có giá trị lịch sử. Vì thế, phải nên bảo tồn, phải nên trùng tu. Trùng tu thì nhất định phải căn cứ theo dáng vẻ vốn có, như người Nhật đối với phương diện này đã làm rất khá. Kiến trúc của tự viện am đường Nhật Bản quá nửa là theo lối kiến trúc đời Đường. Chúng ta có thể suy ra, vào đời Đường, Nhật Bản và Cao Ly đã phái rất nhiều sinh viên đến Trung Hoa du học. Sau khi quay về, họ đã hoàn toàn xây cất [tự viện] phỏng theo các kiến trúc của Trung Hoa. Vì thế, lối kiến trúc của Trung Hoa được truyền đến Nhật Bản. Nay chúng ta thấy các kiến trúc của Nhật Bản là kiến trúc thời Hán, thời Đường, khác hẳn phong cách thời Minh và Thanh. Họ biết bảo tồn, nguyên lai là hình dạng như thế nào, dấu sửa chữa vẫn giữ nguyên dáng vẻ ấy, vốn dùng chất liệu gì, cho tới hiện thời, vẫn chọn lựa chất liệu ấy, chẳng thay đổi! Vì thế, chúng ta đến thăm chùa chiền Nhật Bản, sẽ giống như quay lại thời đại Hán - Đường. Thậm chí trang phục họ mặc cũng chẳng biến đổi. Nhưng để tiếp dẫn người thuộc thời đại hiện tại, sẽ chẳng dùng hình thức ấy nữa, mà dùng hình thức như thế nào? Dùng phương thức kiến trúc hiện đại hóa của các trường học để xây cất, chẳng cần dùng hình thức cung điện. Ở một khu vực nào đó, nhất định sẽ dùng phong cách kiến trúc thuộc địa phương ấy, người địa phương sẽ hoan hỷ.

Thậm chí đối với tượng Phật, năm xưa, khi tôi sống ở Mỹ, tôi thường nói với các đồng tu Phật môn bên đó: “Phật giáo chưa đến nước Mỹ”. Họ hỏi: “Vì sao? Chúng ta chẳng dựng chùa chiền ở đây hay sao?” Tôi nói: “Quý vị xem đi, trong chùa chiền thờ tượng Phật, có gương mặt của tượng Phật nào giống người Mỹ hay không?” Mọi người mới hoảng nhiên đại ngộ chuyện này! [Gương mặt của tượng Phật, tượng Bồ Tát] chẳng phải là người Hoa thì là người Nhật, trong các [tự viện] Tiểu Thừa thì là người Thái, chẳng phải là gương mặt của

người Mỹ. Vậy là không được rồi, người địa phương sẽ không tiến nhập Phật môn. Họ vừa thấy gương mặt của tượng Phật chẳng phải là gương mặt của họ, [sẽ nghĩ] chẳng phải là văn hóa của họ. Hình thức kiến trúc hoàn toàn dùng hình thức theo kiểu cung điện Trung Hoa, khiến cho người ta trông thấy [bèn nghĩ] đây là văn hóa ngoại quốc. Đây là chẳng biết hiện đại hóa và bản thổ hóa như nhà Phật đã nói. Do những vị cao tăng đại đức Ấn Độ thuở ấy thông hiểu, đến Trung Hoa, các Ngài ngay lập tức Trung Hoa hóa, tức là bản thổ hóa, tức là hiện đại hóa ngay trong thuở ấy, [Phật giáo] hết sức được người Hoa nhiệt liệt hoan nghênh, đạo lý ở ngay chỗ này!

“*Thuyết pháp*” thì đương nhiên là phương thức biểu đạt ngôn từ cũng phải hiện đại hóa. Đối với giảng diễn, hiện thời, thông thường giảng diễn quá nửa là đứng [diễn thuyết], chúng ta có thể chọn phương thức ngồi, ngồi cũng tỏ lộ sự đản chánh, trang nghiêm. Vì “*thuyết pháp*” trong Phật pháp, chúng ta nói tổng hợp lại thì chẳng ngoài luân lý, đạo đức, nhân quả, và trí huệ. Vì thế, dùng phương thức đản chánh, trang nghiêm để biểu hiện, người hiện đại có thể tiếp nhận. Dùng giảng đường theo phương thức hiện đại, mọi người càng hoan hỷ, phá trừ sự hiểu lầm của xã hội “Phật pháp là mê tín”. Khi giảng kinh, trong quá khứ, tôi còn nghĩ đến một phương pháp, trước kia tôi đã có nói rồi: Trong giảng đường chẳng thờ tượng Phật, trống rỗng, chẳng nhiễm mấy trần. Tới khi giảng kinh, dùng máy chiếu ảnh rọi tượng Phật lên màn ảnh. Phía sau bục giảng là một màn ảnh lớn, giống như một tấm bảng đen lớn, giảng kinh nào bèn chiếu hình tượng của vị Phật, Bồ Tát [chủ trì bộ kinh ấy]. Giảng kinh xong, chúng ta tắt nguồn điện, sẽ chẳng còn nữa. Khi giảng kinh thì Phật, Bồ Tát bèn hiện tiền, nay chúng ta đã làm được!

Tại Trung Hoa có nhiều đạo tràng cổ, tạc tượng hết sức trang nghiêm, [chúng ta chụp hình] làm thành những tấm phim, hiện thời còn có thể tiến bộ hơn, làm thành đĩa DVD. Giảng kinh Hoa Nghiêm thì phía sau là Hoa Nghiêm Tam Thánh, tức Tỳ Lô Giá Na Phật, Văn Thù Bồ Tát, và Phổ Hiền Bồ Tát, những hình tượng ấy sẽ hiện tiền. Xong buổi giảng ấy, giống như lên lớp, xong buổi học bèn tắt nguồn điện, [hình tượng] Phật chẳng còn nữa, [hình ảnh] Phật, Bồ Tát đều chẳng có, khiến cho khi quý vị chẳng phải là hoạt động giảng kinh, sẽ chẳng thấy Phật, Bồ Tát ở nơi ấy. Giảng kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát xuất hiện; giảng kinh Di Đà, A Di Đà Phật xuất hiện; giảng kinh Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát xuất hiện; giảng kinh Bát Nhã, Văn Thù Bồ Tát xuất hiện, chuyện này có ý vị lắm! Vì thế, giảng đường rộng tuếch, chẳng nhiễm mấy trần. Đối với chuyện này, trong tương lai, nếu có cơ duyên, chúng ta vẫn phải dẫn đầu tiến hành, đây là tương ứng với sự biểu thị pháp của đức Phật. Làm rất sống động, làm sao khiến cho kẻ

khác hoan hỷ, cũng sẽ có thể khơi gợi, phát khởi rất lớn đối với họ.

Đương nhiên là đạo tràng có thể lưu thông kinh sách, có thể lưu thông CD/DVD, có sách nói, tượng Phật, toàn bộ tượng Phật đều làm thành CD/DVD, chúng ta nói đến toàn thể tượng Phật. [Tượng Phật] trong các đại đạo tràng, đặc biệt có tánh chất lịch sử, thậm chí có thể sưu tập [hình tượng Phật] trên toàn thế giới, trong tương lai dùng để đáp ứng nhu cầu của đạo tràng trong thời đại mới. Đạo tràng có cần phải dùng tượng vẽ, tượng đắp hay không? Điều chẳng cần thiết, nhưng khi có một hoạt động Phật giáo lớn, toàn bộ Phật, Bồ Tát đều xuất hiện trong giảng đường ấy. Vì thế, cách này là thuận theo thời đại, thích ứng thời đại, *“hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”*.

Đại nguyện của Bồ Tát là nguyện cho hết thảy chúng sanh *“đắc vô ngại biện tài, quảng tuyên pháp yếu”* (đắc biện tài vô ngại, rộng tuyên nói pháp yếu). Nói thật ra, hai câu này chính là mục đích thuyết pháp. Đây là pháp bố thí; mục đích của pháp bố thí nhất định là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Mê là mê mất tự tánh, ngộ là giác ngộ tự tánh. Khi mê bèn sanh phiền não; khi mê, Nhất Chân pháp giới bị vạn vẹo biến thành lục đạo tam đồ. Khi giác ngộ, lục đạo tam đồ lại phục hồi thành Nhất Chân pháp giới. Do vậy, trong kinh luận cũng thường dùng tỷ dụ này: Lục đạo và mười pháp giới giống như cảnh giới trong mộng. Quý vị thầy kinh Kim Cang đã nói rất hay: *“Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng”*. Pháp hữu vi là gì? Mười pháp giới, lục đạo đều là pháp hữu vi. Nay chúng ta nói *“hữu vi”* là “có sanh, có diệt”, pháp vô vi là “bất sanh, bất diệt”, nhà Phật gọi nó là Nhất Chân pháp giới, chẳng có biến đổi hình dáng, nhất chân mà!

Do đâu mà có Nhất Chân pháp giới? Nhất tâm hiện! Vì thế, nói tóm lại, đức Phật đã nói toạc bằng một câu: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Khi trong tâm quý vị chẳng có gì hết, đó gọi là Nhất Chân. Vì thế, Nhất trong Nhất Chân của Phật pháp chẳng phải là một con số, chẳng phải là một trong “một, hai”, bất đắc dĩ nói là Nhất, chứ nhất trong *“nhất nhị”* chính là có phân biệt, có chấp trước; đó là trong mười pháp giới, trong lục đạo. Điều gì mới gọi là Nhất? Nhất là như thế nào? Kinh Hoa Nghiêm nói: *“Chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước”*, khi ấy gọi là Nhất. Khởi tâm động niệm sẽ chẳng có Nhất, Nhất đã biến thành Nhị mất rồi!

Cách nói này của đức Phật khá gần với cách nói của Đạo gia Trung Hoa. Quý vị thầy Đạo gia nói đến Thái Cực, Thái Cực rất giống với *“không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước”* như Phật pháp đã nói. Đây là Thái Cực. Hễ động, sẽ biến thành Âm, Dương; [tức là] hễ động liền biến thành hai. Do vậy, Thái Cực sanh Lưỡng Nghi. Khi đã mê thì là Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sanh Tứ Tượng, Tứ Tượng sanh Bát Quái, càng lúc càng phức tạp. Vì thế, y báo

và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới sanh từ tâm tưởng, tâm tưởng đã đoạn thì sẽ là Nhất Chân pháp giới. Đây là bất đắc dĩ đặt cho nó một danh xưng; nói thật ra, trong ấy, ngay cả danh tướng cũng chẳng có! Quý vị chẳng khởi tâm động niệm, lấy đâu ra danh? Lấy đâu ra tướng? Vì thế, Lão Tử nói: “*Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo*” (Cái danh mà có thể gọi ra thì chẳng phải là danh thường hằng; cái đạo mà có thể diễn tả được thì chẳng phải là đạo thường hằng), Ngài đã nêu ra ý nghĩa này! Lão Tử và Thích Ca Mâu Ni Phật gần như sống cùng một thời đại, một vị ở phương Đông, một vị ở Ấn Độ, chẳng hề gặp gỡ, chẳng trao đổi tin tức, nhưng sự quan sát và giảng giải về vũ trụ và nhân sinh hết sức tương cận, cổ nhân nói là “*anh hùng sở kiến đại lược tương đồng*” (nói chung, bậc anh hùng có cách nhìn giống nhau), thật sự có trí huệ.

Vì thế, hết thấy chúng sanh, tức là chúng ta nói về lục đạo, nỗi khổ luân hồi trong lục đạo do đâu mà có? Do mê mất tự tánh mà có. Làm thế nào để thoát ly sự khổ nạn ấy? Chỉ có giác ngộ. Hễ giác, sẽ chẳng có [nỗi khổ luân hồi trong lục đạo]; vì nó chẳng thật, mà là huyền tướng. Nhà Phật nói là Diệu Hữu, “*Diệu Hữu phi hữu, Chân Không bất không*” (Diệu Hữu chẳng phải là Có, Chân Không chẳng phải là Không). Vì sao Chân Không bất không? Chân Không có thể biến thành Diệu Hữu; do đó, nó chẳng phải là Không. Vì sao Diệu Hữu bất hữu? Nó là “*Tướng có, Tánh không, Sự có, Lý không*”; xác thực là giống như cảnh giới trong mộng. Quý vị hãy ngẫm xem, Hữu trong cảnh mộng được Phật pháp gọi là Diệu Hữu; [bởi lẽ], tuy có mà chẳng phải là có. Ngay khi chúng ta tỉnh giấc, cảnh giới trong mộng bèn chẳng có. Tuy chẳng có, quý vị vẫn có thể nằm mộng, đây chính là “*Chân Không bất không*”. Quý vị hãy từ những tỷ dụ này mà tư duy, quan sát, đối với những đạo lý được nói trong Phật pháp, sẽ dần dần có thể hiểu ít phần.

Nếu giùi mài chẳng bỏ nơi chút phần, nghiêm túc nỗ lực, y giáo tu hành, chút phần ấy sẽ dần dần tăng trưởng. Vì thế, “*tích tập tiểu ngộ thành đại ngộ, tích tập đại ngộ thành triệt ngộ*”. Đạt đến triệt ngộ, không chỉ là vượt thoát luân hồi, mà luân hồi chẳng có, lục đạo chẳng có, mười pháp giới cũng chẳng có. Do đó, giáo học của Phật pháp là trí huệ chân thật. Trí huệ chân thật do đâu mà có? Là cái vốn sẵn có trong tự tánh của hết thấy chúng sanh, chẳng đến từ bên ngoài. Vốn sẵn có thì quý vị phải nên có lòng tin để khôi phục. Do mê hoặc mà sanh khởi phiền não, đức Phật bảo “*mê và phiền não vốn là không*”, trong tự tánh chẳng có những thứ ấy. Biết chúng nó là chẳng có, [tức là] trong tự tánh chẳng có [những thứ ấy], chúng ta bèn có tín tâm “những thứ ấy có thể đoạn được”, sẽ thật sự có thể đoạn được! Chư Phật đã đoạn, các Ngài đã thành Phật. Bồ Tát đã đoạn, cho nên các Ngài có thể thành Bồ

Tát. Chúng ta chỉ cần có thể đoạn là được rồi, kinh Hoa Nghiêm đã ban cho chúng ta lòng tin khôn sánh!

Chúng ta sắp giảng xong phẩm kinh này rất nhanh, phẩm kế tiếp là phẩm Hiền Thủ. Chư vị sẽ thấy, phẩm Hiền Thủ nhằm khiến cho hàng Bồ Tát tu hành đạt được thành tựu. [Nói theo] danh từ Phật pháp [thì thành tựu] là Quả Đức, tu nhân chúng quả. Phẩm kế tiếp sẽ nêu rõ Quả Đức, tức là [quả vị] Thập Tín Bồ Tát. Một trăm bốn mươi một nguyện được nói trong phẩm kinh này (phẩm Tịnh Hạnh) là nói về diệu hạnh; nói theo kinh Hoa Nghiêm là “*viên hạnh*”, tu hành viên mãn, nêu ra một trăm bốn mươi một thí dụ. Ví như hiện thời chúng tôi đề xướng mọi người hãy học tập Đệ Tử Quy, trong Đệ Tử Quy có tất cả một trăm mười ba chuyện, ở đây [phẩm Tịnh Hạnh] nêu ra một trăm bốn mươi một chuyện, toàn là cuộc sống hằng ngày từ sáng sớm thức dậy cho đến tối đi ngủ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, chẳng có điều gì không thể khơi gợi chính mình hãy trở về tự tánh.

Vì vậy, câu đầu tiên trong bài kệ tụng này là sự tướng, đều là từ sự tiếp xúc trong cuộc sống hằng ngày, câu thứ hai là khơi gợi, phát khởi, hai câu cuối là trở về Tánh Đức. Như vậy thì Bồ Tát minh tâm kiến tánh như thế nào? Vốn là dùng phương pháp này để tu. Những sự việc này rất bình thường, rất phổ thông, Bồ Tát gặp gỡ chúng hằng ngày, nhưng chúng ta vẫn chẳng phải là hằng ngày đều gặp gỡ! Khi Ngài gặp được chúng, sẽ có thể đưa chúng trở về tự tánh; khi chúng ta gặp gỡ chúng, sẽ đưa về chỗ nào? Trở về phiền não, sai lầm ở chỗ này! Chúng ta gặp chuyện thuận lòng sẽ tham ái, dấy lòng tham ái. Từ tham ái lại càng nghiêm trọng hơn là mong muốn có được nó; đó gọi là “ái, thủ, hữu”. Chẳng hợp ý mình bèn bài xích, cự tuyệt, trừ bỏ nó, nảy sanh phiền não. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, bèn sanh ra tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, sanh ra những thứ ấy, hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức. Khởi tâm động niệm phiền não làm chủ; do đó, đời đời kiếp kiếp luân hồi trong lục đạo, thoát nổi lên, thoát chìm đắm. Sanh trong ba thiện đạo giống như ngóc đầu lên, con người loi ngoi trong biển khổ, vươn cổ hít lấy một ngụm không khí trong sạch; đọa trong tam đồ giống như lại chìm xuống, ở trong biển khổ. Đức Phật đã dạy rất rõ ràng: Cơ hội để chúng ta có thể được làm thân người hoặc trời rất ít, thời gian rất ngắn ngủi, chắc chắn là thời gian ở trong ba đường dưới (ba đường ác), tức là trong ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh sẽ lâu dài, khổ nạn nhiều!

Chúng ta học Phật đã nhiều năm như thế, cẩn thận suy tưởng lời dạy này của đức Phật, [sẽ cảm thấy] đúng là hữu lý. Vì sao? Nghiệp nhân của những chuyện này là thiện hay ác. Chúng ta hãy ngẫm xem, suốt một ngày từ lúc sáng sớm thức dậy cho đến tối đi ngủ, hãy nghiêm túc phản tỉnh, [xét xem] khởi tâm động niệm của chúng ta trong suốt

một ngày là thiện niệm nhiều hay ác niệm nhiều? Ngôn ngữ và tạo tác là thiện hạnh nhiều hay ác hạnh nhiều? Chỉ cần tự mình suy ngẫm, tự mình sẽ hiểu rõ. Nếu thiện hạnh nhiều, đời sau quý vị còn có thể được làm thân trời người. Nếu ác niệm nhiều, hành vi ác nhiều, chắc chắn là vào trong tam đồ. Khởi tâm động niệm, đãi người tiếp vật, tâm tham nặng nề là ngã quý đạo. Tâm sân khuê nặng nề, [hễ có điều gì] chẳng vừa ý mình bèn khó chịu, bực tức, sẽ là địa ngục đạo. Ngu si, chẳng có năng lực phân biệt chân, vọng, chẳng có năng lực phân biệt tà, chánh, đúng, sai, thường là điên đảo, tức điên đảo thị phi, điên đảo tà chánh, sẽ là súc sanh đạo. Chúng ta thường nói Si là hồ đồ. Hồ đồ là kẻ ngu si, chẳng hiểu rõ. Đây là cương lĩnh trọng yếu nhất trong cuộc sống hằng ngày, ở đây nói là “*pháp yếu*” (法要), tức là điều trọng yếu nhất trong Phật pháp. Hãy thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình. Chúng ta có còn làm chuyện này nữa hay chẳng? Làm chứ! Vẫn cứ làm đúng như vậy, chẳng sai! Tuy hằng ngày niệm kinh, hằng ngày lạy Phật, hằng ngày niệm Phật, nhưng khởi tâm động niệm vẫn là tham, sân, si, chẳng chuyên tham, sân, si thành Giới, Định, Huệ, chẳng hề có. Hằng ngày đối với “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*” chẳng làm được, chẳng làm được một điều nào. “*Thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*” cũng không làm được. Tôi đã nói mười câu này rất nhiều lần, hễ làm được một câu thì cả mười câu đều làm được, đúng như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Một chính là nhiều, nhiều chính là một*”. Quý vị nói “tôi chỉ làm được một điều trong ấy, những điều khác chẳng làm được”; đó là giả trá, quý vị một điều cũng chẳng làm được!

Quý vị hỏi người thật sự niệm Phật có làm được hay không ư? Họ thật sự làm được. Vì thế, họ niệm Phật có cảm ứng. Đó gọi là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Kẻ miệng niệm Di Đà, tâm chẳng chân thành, chẳng cung kính, tâm chẳng thanh tịnh, tâm bất bình đẳng, trong tâm ngu si, chẳng có trí huệ, tâm chẳng từ bi, niệm Phật kiểu đó chẳng tương ứng! Kẻ ấy chẳng thấy thấu suốt, chẳng buông xuống, mà cũng chẳng tự tại, cũng chẳng biết tùy duyên; vì thế, chỉ có một điều là niệm Phật, những thứ khác chẳng có. Đó chẳng phải là niệm Phật, [bởi lẽ], miệng có, tâm không! Thật sự niệm Phật, chín điều trên đây nhất định sẽ trọn đủ viên mãn. Người ấy niệm Phật hiệu sẽ có công phụ, sẽ có năng lượng, sẽ khởi cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật, giống như gọi điện tín hay gọi điện thoại thông suốt. Nếu thiếu một điều sẽ là chẳng thông, thiếu hai điều lại càng đưng nhiên chẳng thông! Hoàn toàn chẳng có, làm sao thông cho được? Đây là như khi xưa thầy Lý thường bảo: “*Một vạn người niệm Phật, thật sự vãng sanh chỉ có đôi ba người*”, quý vị bèn hiểu đạo lý ở chỗ nào! Chẳng dễ dàng! Nếu chẳng buông tập khí phiền não xuống,

chắc chắn sẽ bị chướng ngại!

Khi tôi mới xuất gia, trụ tại chùa Lâm Tế. Chùa Lâm Tế có một hội niệm Phật đã thành lập rất lâu. Khi tôi xuất gia, hội ấy đã có; họ [niệm Phật] mỗi Chủ Nhật một lần. Quá nửa [hội viên] là người Phước Châu; trong ngôi chùa ấy, quá nửa người xuất gia là người Phước Châu, vì thế, những đồng hương đạo hữu hội niệm Phật ấy mỗi Chủ Nhật tụ họp tại đó, dùng cơm trưa trong chùa. Buổi sáng niệm Phật hai cây hương, buổi chiều cũng niệm hai cây hương. Vị duy-na lãnh chúng niệm Phật đánh pháp khí rất khéo, tức cư sĩ Lâm Đạo Khê. Hình như thuở đó ông ta làm Trương Lý²³ của một ngân hàng nào đó tại Đài Loan, địa vị cũng rất cao, là một người tu hành đã lâu. Trong pháp hội, ông ta luôn là duy-na, vì hội niệm Phật toàn là kẻ tại gia, các pháp sư không tham dự, chỉ chăm sóc bọn họ. Vì thế, bọn họ tự làm duy-na. Khi ông Lâm Đạo Khê vãng sanh, nghiệp chướng hiện tiền, lúc bệnh nặng bèn sợ chết, các đồng tu đến giúp ông ta trợ niệm thì ông ta cự tuyệt, chẳng chịu niệm Phật.

Khi đó, tôi có một vị lão đồng tham, khi tại gia thì là bạn bè lâu năm, tức pháp sư Minh Diễm. Sư là người Phước Châu. Sư trông thấy tình hình ấy bèn nói với tôi, Sư nói vì sao có hiện tượng ấy? Vị làm duy-na lãnh đạo hội niệm Phật nhiều năm ngàn ấy, nghiêm nhiên khi lâm chung chẳng niệm Phật, ai niệm Phật ông ta bèn chửi người đó, nghiệp chướng hiện tiền đấy! Quý vị lại suy ngẫm mà xem, đôi với mười câu gồm hai mươi chữ như tôi đã nói, ông ta chỉ có niệm Phật, chín điều kia đều chẳng có. Tham luyện tiếng tăm và lợi dưỡng thế gian, hưởng thụ ngũ dục lục trần, miệng nói rất thích vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi A Di Đà Phật thật sự đến bèn sợ hết hồn, ngay lập tức chuồn mất. Từ chỗ này, quý vị có thể suy đoán những ai không thể vãng sanh là do nguyên nhân nào? Quá nửa là hạng người như vậy, chính họ có biết hay không? Chính họ chẳng biết, tập khí mà! Chính mình không biết là [bản thân] ngu si. Đến hơi thở cuối cùng, khi ấy vẫn là mê hoặc, điên đảo, tập khí phiền não hiện tiền, nghiệp chướng hiện tiền, rất đáng tiếc!

Khi đó, chúng tôi trông thấy tình hình này, tôi và thầy Minh Diễm, lúc đó, thầy Pháp Dung hãy còn. Chúng tôi (tôi và thầy Minh Diễm) ở cùng một chỗ, còn thầy Pháp Dung không trụ tại đạo tràng của chúng tôi, dường như Ngài ở bên chùa Nghi Lan. Chúng tôi cũng thường xuyên gặp gỡ, là huynh đệ cùng thọ giới. Thường dùng chuyện này để cảnh giác chính mình, sau đây mới nghĩ đến lời khai thị của Chương

²³ Trương Lý (襄理) là chức vụ phụ tá Kinh Lý (经理, giám đốc điều hành của một xí nghiệp). Tùy theo cơ cấu của xí nghiệp, vị này có thể là Phó Kinh Lý. Chức vụ này thường được áp dụng cho ngành tài chính, ngân hàng, tức là nhân viên phụ tá cao cấp nhất của Kinh Lý, dưới chức vụ Phó Kinh Lý.

Gia đại sư, đúng là pháp yếu: “*Thấy thấu suốt, buông xuống*”. Hễ chẳng thấy thấu suốt, sẽ chẳng buông xuống. Con người tham sống sợ chết, hết thấy chúng sanh đều chẳng thể tránh né chuyện này, nhưng khi đó tôi liễu giải Phật pháp quá ít, những vị đó học Phật lâu hơn tôi. Tuy chúng tôi xuất gia, họ thông hiểu Phật pháp hơn tôi nhiều lắm! Chẳng biết Thật Tướng của các pháp! Do đó, quý vị nói xem chuyện này quan trọng cỡ nào!

Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp cho hết thấy chúng sanh, mục tiêu chung cực là dạy mọi người giác ngộ “*Thật Tướng của các pháp*”. Thật Tướng của các pháp chẳng cần nói rất sâu. Nói nông cạn, dễ hiểu nhất, sẽ là bảo cho quý vị biết một sự thật: “*Chẳng có sanh tử, mà cũng chẳng có luân hồi*”. Chuyện này lạ lùng, chẳng có luân hồi thì là chuyện gì? Chỉ là “*xả thân, thọ thân*” thì gọi là luân hồi. Quý vị liễu giải chân tướng sự thật này. Luân hồi là như thế nào? Giống như mỗi ngày, mỗi ngày giống như một đời, đến ngày mai lại là một đời [khác so với ngày hôm nay]. Quý vị nhìn từ chỗ này, sẽ thấu hiểu chân tướng của luân hồi. Sáng sớm thức dậy giống như chúng ta sanh ra. Buổi tối đi ngủ giống như chúng ta chết đi. Vì thế, trong quá khứ, tôi giảng kinh cũng đã nói: “*Chúng ta mỗi ngày đều là chết nhẹ một lần, ngày hôm sau lại sanh ra*”. Trên thực tế, luân hồi trong lục đạo là tình hình như vậy đó. Thân thể này của chúng ta chết đi, thân thể có sanh diệt, linh tánh chẳng có sanh diệt.

Tôi sánh ví thân thể này như mặc quần áo. Quý vị thấy đó, sáng sớm thức dậy mặc quần áo vào, giống như lại có một thân thể. Buổi tối đi ngủ, thay quần áo ra, thân thể chẳng cần nữa, đã chết, quý vị hãy thấu hiểu từ chỗ này. Sau đây là như thế nào? Quý vị đối với sanh tử sẽ không sợ hãi, chẳng kinh hoảng, sẽ chẳng tham sống sợ chết. Chẳng sợ hãi tử vong thì chắc chắn sẽ chẳng đọa trong tam ác đạo. Phạm là kẻ tham sống sợ chết, nhất định sẽ đọa trong tam ác đạo. Đây là dạy mọi người một cách giác ngộ để khỏi đọa ác đạo. Đây là đối với hết thấy chúng sanh, bất luận họ tin Phật hay không, chỉ cần họ tin tưởng nhân quả, đều có thể nói rõ ràng với họ. Vậy là quý vị xả thân, muốn có thân thể tốt đẹp, [vậy thì phải là] thiện nghiệp, thiện tâm, làm việc thiện. Nếu cái tâm bất thiện, hạnh bất thiện, quý vị “*thay quần áo*” càng thay càng khó coi, càng thay càng bản thủ. Vì lẽ này, đoạn ác tu thiện quan trọng dường ấy! A! Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tập bài kệ này tới đây.

Tập 1568

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ tám trong phần Kệ Tụng

là các nguyện khi trở về tắm rửa. Chúng ta xem từ bài kệ thứ nhất.

(Kinh) Tùng xá xuất thời, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập Phật trí, vĩnh xuất tam giới.

(經) 從舍出時。當願眾生。深入佛智。永出三界。

(Kinh: Khi ra khỏi nhà, nguyện cho chúng sanh, thâm nhập Phật trí, mãi lìa ba cõi).

Đây là khát thực, rời khỏi nhà trai chủ, sau khi khát thực xong, quay về. Tôi nghĩ kinh Kim Cang được mọi người đọc nhiều nhất, và cũng đều có thể ghi nhớ khá rành rẽ. Quý vị thấy mở đầu kinh Kim Cang là Thích Ca Mâu Ni Phật đến đại thành Xá Vệ khát thực, sau khi quay về, dùng cơm xong bèn rửa chân. Vì tập tục của người Ấn Độ là mọi người đều chẳng mang giày, đều đi chân trần; vì thế, chúng ta thấy tượng Phật đều được tạc chẳng mang giày, mãi cho đến hiện thời, người Ấn Độ vẫn như vậy. Hàng xuất gia Tiểu Thừa cũng thường đi dép lê, vì họ ở vùng nhiệt đới, cho nên ăn mặc và sinh hoạt đều rất đơn giản. Hàng ngày nhất định phải gột rửa thân thể, thường nói là “*xung lương*” (沖涼, xối mát), nhằm rửa sạch thân thể. Họ cũng chẳng có mùa Đông, chỉ có một mùa Hạ, chúng ta đều phải nên biết điều thường thức này.

Vì thế, rời khỏi nhà trai chủ, nay chúng ta có thể hiểu theo nghĩa rộng, chỉ cần chúng ta từ trong nhà ra khỏi cửa, đi qua chỗ khác, ra khỏi cửa, Bồ Tát bèn phát nguyện này. Một trăm bốn mươi một nguyện chính là nêu đại lược vài thí dụ trong cuộc sống hằng ngày, quý vị sẽ hiểu những vị tu hành, nay chúng ta đều gọi họ là Bồ Tát, xác thực là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều chẳng phí uổng một phút nào, đều có thể dẫn phát đại nguyện xứng tánh. Do đó, các Ngài có thể thành tựu, có thể giữ vững, có thể chẳng thoái chuyển, chẳng phải là không có nguyên nhân! Phẩm kinh này đặc biệt nói về hạnh, hạnh ấy chính là Hoa Nghiêm, Hoa Nghiêm là Viên Giác Nhất Thừa, đó gọi là “*tu viên hạnh*”, “*viên*” (圓) là viên mãn, chẳng có khiếm khuyết. Tức là sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chắc chắn chẳng có chuyện nào luống uổng, mắt thấy cũng vậy, mà tai nghe cũng vậy, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân tiếp xúc, đều chẳng luống uổng, niệm nào cũng đều có thể dẫn phát trí huệ và đức năng từ trong Tánh Đức, tức tự tánh. Đây mới gọi là “*tu viên hạnh*”.

Đương nhiên là nói theo phía chúng ta, bọn chúng ta tập khí phiền não quá nặng nề, rất muốn tu, nhưng chẳng thể nhớ nổi, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài chắc chắn sẽ tùy thuận tập khí phiền não, chẳng nghĩ đến Tam Bảo và chúng sanh. Chúng ta luôn thấy những vị Bồ Tát ấy khởi tâm động niệm xác thực chẳng lìa khỏi Tam

Bảo. Tam Bảo là “*giác, chánh, tịnh*”, chẳng lìa khỏi! Chẳng lìa khỏi hết thấy chúng sanh, niệm nào cũng đều nghĩ đến hết thấy chúng sanh, [mong] giác ngộ hết thấy chúng sanh, thành tựu hết thấy chúng sanh. Đương nhiên là chúng ta muốn giác ngộ hết thấy chúng sanh thì trước hết phải tự giác, tự giác rồi sau đó mới có thể giác tha. Nếu muốn thành tựu chúng sanh thì trước hết phải thành tựu chính mình. Sau khi chính mình đã thành tựu thì mới có thể thành tựu hết thấy chúng sanh. Đây là tông nguyên tắc, quý vị nhất định phải lý giải!

Đây là những chuyện vụn vặt, thường gặp trong cuộc sống hằng ngày. Ở đây, nêu ra những thí dụ, một trăm bốn mươi một nguyện chính là những thí dụ. Bất luận trong hoàn cảnh nào, quý vị thấy tiếp theo đây có tất cả năm bài kệ. “*Tùng xá xuất*” (從舍出, từ nhà đi ra), từ nơi phòng ốc đang cư trú, bất luận là phòng ốc nào, khi quý vị rời khỏi; trong phần trước là khi đi khát thực, lại bước vào nhà của người ta, quý vị thấy [các vị Bồ Tát] đã phát nguyện gì? Hiện thời, nói chung là chúng ta phải làm việc, hoặc là quý vị ra phố mua thứ này thứ nọ, quý vị bước vào tiệm buôn, đó là tiền nhập. Quý vị mua thứ này thứ nọ xong xuôi, rời khỏi, lìa khỏi chỗ ấy, [đấy chính là] “*tùng xá xuất thời*” (khi rời khỏi nhà). Vậy thì quý vị phải hiểu, học Phật thì phải nắm được cương lĩnh và nguyên tắc, chẳng phải là ngây ngốc. Ở đây là tịnh hạnh, chẳng phải là giới luật, [những lời phát nguyện đều] nhằm nhắc nhở quý vị. Quý vị thấy các Ngài đã phát nguyện như thế nào, quý vị có thể phát ra lời nguyện của chính mình, nhưng nói chung, chắc chắn chẳng lìa Tam Bảo, chắc chắn chẳng lìa lợi ích chúng sanh. Nguyện nào cũng đều chánh đáng, nguyện nào cũng đều chân thật, nguyện nào cũng đều viên mãn. Hễ biết đạo lý này thì sẽ học tập dễ dàng!

Vì thế, phải thông thuộc kinh này; có cần phải học thuộc lòng, chiếu theo những điều này hay chẳng? Chẳng cần, hãy linh động! Phải nên biết thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài dạy hàng xuất gia cũng chỉ là nêu thí dụ, đều là sống động, hoạt bát. Thời gian đã cách biệt ba ngàn năm, kinh này được nói từ ba ngàn năm trước, [hiện thời là] ba ngàn năm sau, nơi chốn thuở đó là Ấn Độ, còn chúng ta hiện thời là Hương Cảng. Trước kia, xác thực là khoảng cách này quá xa, từ Ấn Độ đến Trung Hoa là một lộ trình rất dài, hết sức vất vả, phải đi mất mấy tháng. Hiện thời, do giao thông thuận tiện, thông tin phát triển, địa cầu đúng là đã biến thành thôn địa cầu, Ấn Độ cách nơi này của chúng ta chẳng xa! Sáng sớm sang bên đó, buổi tối có thể trở về, giao thông nhanh chóng và tiện lợi. Thuở đó, Bồ Tát phát nguyện, chúng ta liễu giải tâm nguyện ấy rộng lớn vô biên, lợi ích hết thấy chúng sanh trong trọn khắp pháp giới hư không giới. Nỗi khổ nạn của chúng sanh hiện thời chẳng kém thuở ấy, có thể nói là chỉ hơn chứ không kém, cuộc sống vật chất thuận tiện rất nhiều, nhưng cuộc sống tinh thần suy bại hơn so với xưa kia

trên một mức độ lớn.

Hiện thời, xác thực là chúng ta phải nêu tấm gương tốt nhất cho đại chúng trong xã hội, phải có đại nguyện này. Nếu thời thời khắc khắc có thể dậy khởi, khi rời khỏi nhà cửa, bèn “*đương nguyện chúng sanh, thâm nhập Phật trí, vĩnh xuất tam giới*” (nguyện cho chúng sanh, thâm nhập Phật trí, mãi lìa ba cõi); đi ra như vậy đấy. Làm thế nào thì mới có thể xuất tam giới? Chẳng có Phật trí, quý vị chẳng ra khỏi tam giới. Ở đây, Phật trí được nói theo nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp. Vậy thì quý vị phải hiểu theo nghĩa rộng: “*Hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật*”. Phật trí là gì? Phật trí là tự tánh của quý vị, là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong chân tâm của quý vị. Ai nấy đều có trí huệ ấy, đức Phật nói chúng ta hoàn toàn chẳng đánh mất [trí huệ ấy]. Vì loại trí huệ ấy bất sanh, bất diệt, chẳng phải là pháp sanh diệt, chẳng đến, chẳng đi, trọn khắp pháp giới hư không giới, không lúc nào chẳng tồn tại, không nơi đâu chẳng hiện diện. Vì sao hiện thời lại đánh mất trí huệ ấy? Vậy thì quý vị phải nhớ kinh thường nói: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc*”. Trí huệ, đức năng và tướng hảo viên mãn trong tự tánh của chúng ta chẳng khiếm khuyết mảy may, đều là chẳng thể nghĩ bàn! Trí chẳng thể nghĩ bàn, đức chẳng thể nghĩ bàn, năng (năng lực) chẳng thể nghĩ bàn, tướng hảo chẳng thể nghĩ bàn. Đây mới là thật sự viên mãn rốt ráo, chúng sanh và Phật bình đẳng, tánh và tướng như nhau.

Nay đức Phật dạy chúng ta, hiện thời chúng ta đã hiểu rõ, thật sự tin tưởng chúng ta có [trí huệ, đức năng, tướng hảo]. Phật có, tôi cũng có, quý vị cũng có, người khác cũng có, mọi người đều có! Phải làm như thế nào để trừ khử chướng ngại hồng đức năng trong tự tánh của chúng ta có thể viên mãn hiển hiện? Đức Phật dạy chướng ngại có ba tầng. Chúng ta buông xuống chấp trước, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng chấp trước, tầng chướng ngại thứ nhất đã bị trừ khử, trí huệ và đức năng của chúng ta chắc chắn sẽ có thể hiển lộ một phần. Hiển lộ chẳng nhiều cho mấy. Đó gọi là Nhập, chẳng phải là “*thâm nhập*”, vì còn có hai tầng chướng ngại chưa trừ khử. Nay mới trừ khử một tầng, sẽ nhập Phật trí. Phật trí là gì? Chánh Giác, chỉ cần trừ khử chấp trước. Hãy ghi nhớ, mỗi ngày phải nói bao nhiêu lần vẫn chẳng coi là nhiều! Vì sao? Chẳng trừ khử! Quý vị vẫn sử dụng nó, chẳng trừ bỏ chấp trước, sẽ không lìa khỏi lục đạo luân hồi, phiền não sẽ khá lớn! Trừ khử chấp trước, sẽ chẳng có luân hồi, tâm quý vị được gọi là Chánh Giác.

Quý vị hãy xem A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề; đấy là Tánh Đức, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thứ nhất là Chánh Giác, chẳng có lục đạo. Sau đấy lại thâm nhập, phân biệt cũng chẳng có, chẳng còn phân biệt hết thấy các

pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị thành Bồ Tát. Đây là nhập đã sâu, nhưng vẫn chưa đủ sâu, ba tầng chướng ngại hãy còn một tầng. Tầng ấy chính là vọng tưởng, là vô minh. Phá vọng tưởng vô minh bèn thấy Pháp Thân; đây mới gọi là “*thâm nhập*”. Thấy Pháp Thân, thấy Pháp Tánh, Thiên Tông Trung Hoa nói là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, vĩnh viễn thoát khỏi tam giới. Nói thật ra, đối với chuyện vĩnh viễn thoát khỏi tam giới thì A La Hán đã vĩnh viễn thoát khỏi tam giới. Hễ nhập Phật trí, sẽ vĩnh viễn thoát khỏi tam giới, thâm nhập [Phật trí] thì chẳng cần phải nói nữa!

Nay chúng ta đọc phẩm kinh này, phẩm kinh này là Chánh Đẳng Chánh Giác, vẫn chưa phải là Vô Thượng. Nói cách khác, ba tầng chướng ngại đã trừ khử hai tầng. Đây là cảnh giới của Bồ Tát. Có cần phải học những thứ này hay không? Chẳng cần phải học! Tự nhiên! Cũng có nghĩa là chúng ta chẳng trừ chướng ngại, có mong học cũng học chẳng nổi. Chướng ngại quả thật diệt trừ, nó sẽ là như vậy. Trong cuộc sống hằng ngày, sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần, sẽ là như vậy, tự nhiên; đây là Chánh Đẳng Chánh Giác. Chúng ta biết những chân tướng sự thật này, mới biết chúng ta thật sự chẳng sánh bằng hàng Bồ Tát. Hàng Bồ Tát khởi tâm động niệm, thấy sắc, nghe tiếng, xác thực là vô lượng công đức, trong mỗi niệm đều là viên mãn vô lượng công đức. Chúng ta đã đọc, đã nghe lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật, đã hiểu rõ, đã liễu giải, thật sự dụng công thì phải đoạn phiền não.

Học tập thì phải nắm được cương lĩnh, đó gọi là “*học sống động, vận dụng sống động*”. Điều quan trọng nhất là hiện thời phải đào thải tập khí chấp trước của chính mình. Sau khi đã đoạn trừ tập khí chấp trước, quý vị lại tiến thêm bước nữa là đào thải tập khí phân biệt. Chuyện này phải thật sự làm, ngay trong cuộc sống hằng ngày, mặc quần áo, ăn cơm, xử sự, đãi người tiếp vật hãy tùy duyên, thứ gì cũng đều tốt đẹp. Chuyện thuộc về đoàn thể, đại chúng, chỉ cần chiếu cố sẽ đều là công đức viên mãn. Nói chung, phải biết thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, đây là “*thâm nhập Phật trí*” nói đại lược. Thật sự thâm nhập thì là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nói theo nghĩa rộng thì hàng Pháp Thân Bồ Tát đều đã chứng đắc, trong Hoa Nghiêm là từ Sơ Trụ trở lên. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chỉ có tập khí vọng tưởng dày hay mỏng khác nhau. Trừ điều ấy ra, trí huệ, đức năng và tướng hảo của các Ngài chẳng khác biệt!

Bồ Tát tu hành, tức là chúng ta nói đến sự tu hành của những vị Pháp Thân Bồ Tát, chư vị phải biết: “*Chẳng khởi tâm động niệm*”. Các Ngài hễ chúng sẽ vĩnh viễn chúng, chẳng bị thoái chuyển. Thoái chuyển thì là Quyền Giáo; ở đây là Thật Giáo, chân thật, chẳng hư dối,

chẳng thoái chuyển. Tu hành hoàn toàn là ứng hóa, tức là cảm ứng và ứng hóa trọn khắp pháp giới hư không giới; chúng sanh có cảm, Phật liền hiện thân. Không chỉ là hiện ba mươi hai ứng thân! Ba mươi hai ứng thân là nói đại lược, [thật sự] là vô lượng vô biên thân. Giúp chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh tăng tấn, giúp chúng sanh gieo thiện căn, quyết định là như chúng ta đã nói trong hiện thời “chẳng luống uổng một phút, một giây nào!” Chẳng hề có, mỗi phút, mỗi giây đều chẳng luống uổng.

Nếu nói sự thật với quý vị, thật ra chẳng phải là một phút, một giây, mà còn vi tế hơn nữa! Giống như các nhà khoa học hiện đại nói về vật chất, các khoa học gia nay đã biết vật chất là từ trong Không mà sanh ra Có. Vật chất là sắc pháp, nay chúng ta gọi sắc là “vật chất”. Do vật chất mà kết hợp thành vũ trụ, mới kết hợp thành tinh cầu, kết hợp thành muôn sự muôn vật. Nhà Phật nói “*y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới*”, đầy đủ là hiện tượng, hiện tượng chẳng rời khỏi vật chất. Vật chất cũng chẳng có sanh diệt, chỉ có biến hóa, chứ chẳng có sanh diệt, nó dựa vào đâu để biến hóa? Đức Phật dạy, “*sanh từ tâm tưởng*”. Vậy thì quý vị hãy khéo suy gẫm, từ sáng đến tối quý vị nghĩ tưởng những gì? Quý vị chẳng có cách nào hiểu rõ, vì sao? Từng niệm tiếp nối nhau, niệm trước diệt, niệm sau liền sanh, sanh diệt bất trụ! “*Bất trụ*” là không ngừng nghỉ, đây là chân tướng sự thật; vì thế, nhà Phật nói là “*vạn pháp vô thường*”. “*Thường*” là bất biến, “*vô thường*” là biến. Biến đổi quá nhanh, tốc độ ấy nói theo thuật ngữ khoa học trong hiện thời sẽ là một phần ức vạn giây, chẳng phải là một phút hay một giây. Thời gian một phút, một giây quá dài, [mà là] một phần ức vạn giây!

Tôi tin các nhà khoa học đã từ Toán Học mà suy diễn ra, chứ hiện thời vẫn chẳng có cách nào chứng minh. Theo lý luận thì có, hễ có Lý, đương nhiên là có Sự. Vì xét theo Sự, tốc độ ấy quá nhanh, chẳng có cách nào trông thấy. Những hiện tượng mà chúng ta trông thấy thấy đều là tướng liên tục, tức là tướng liên tục sanh diệt trong từng sát-na, cũng có thể nói là “*tướng liên tục của vạn pháp là vô thường*”. Vì thế, chẳng trông thấy chân tướng. Nói theo Phật pháp, Bát Địa Bồ Tát mới thấy chân tướng. Do vậy, có thể biết, công phu định lực này sâu xa, Thất Địa Bồ Tát vẫn chưa được! Điều này cũng có nghĩa là tập khí vọng tưởng vẫn dấy lên tác dụng, nhưng loại tác dụng ấy quá vi tế. Dầu đức Phật dạy như vậy, chúng ta cũng chẳng có cách nào lý giải, lắng nghe mà thôi! Đó gọi là “*ngĩ không thông, đương nhiên là chẳng thể thấu hiểu được*”.

Nay chúng ta có thể lãnh hội đôi chút, [tức là đối với] phân biệt và chấp trước có thể lãnh hội đôi chút, nhưng cảnh giới vọng tưởng vô minh thật sự là chẳng có cách nào lãnh hội được, hoàn toàn phải cậy

vào công phu thật sự. Công phu thật sự là Thiên Định, cũng có nghĩa là quý vị phải tĩnh; chẳng thể tĩnh thì không có cách nào hết. Tĩnh là định, công phu định lực càng sâu, quý vị mới có thể tiếp xúc Thật Tướng của các pháp. Nói thật ra, trong Thật Tướng của các pháp cũng có cạn hay sâu khác biệt. Vì thế, đây là Thiên Định rất sâu, chẳng phải là Thiên Định tầm thường; A La Hán, Bích Chi Phật về căn bản là chẳng thể sánh bằng, [do công phu sâu xa ấy] mới thấy chân tướng. [Những địa vị] như A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát, cho đến địa vị Thập Trụ, địa vị Thập Hạnh, địa vị Thập Hồi Hướng, tức là các địa vị thuộc Tam Hiền, công phu định lực vẫn chưa đủ. Từ đẳng địa trở lên mới thấy chân tướng sự thật.

Pháp Tướng Tông nói đến ba tế tướng của A Lại Da: Nghiệp Tướng, Kiến Tướng (Chuyên Tướng), và Cảnh Giới Tướng. Nay chúng ta gọi Kiến Tướng là “*tinh thân*”, Cảnh Giới Tướng là vật chất, Chuyên Tướng là biến hóa. Đó là gì? Hiện tượng tinh thân có thể biến thành vật chất bằng cách nào, hiện tượng vật chất lại có thể biến thành tinh thân bằng cách nào? Khoa học hiện đại nói Năng (năng lượng) và Chất có thể chuyển biến, [tức là] năng lượng biến thành vật chất, vật chất biến thành năng lượng. Các nhà khoa học cận đại đã đặt cho hiện tượng này một cái tên là Trường. Năng lượng chẳng hình thành vật chất, chẳng biến thành vật chất, thì gọi là Trường. Nói cách khác, giống như Kiến Phần, khi biến thành vật chất, chỗ nào năng lượng tập trung sẽ biến thành vật chất; đấy là tập trung. Năng lượng tụ hay tán được gọi là Chuyên Tướng; hình thành vật chất thì là Cảnh Giới Tướng. Nói theo giáo pháp Đại Thừa, Bát Địa Bồ Tát mới trông thấy ba tế tướng của A Lại Da; Thiên Định sâu như thế đó thì mới thật sự liễu giải.

Để vĩnh viễn thoát khỏi tam giới thì thoát bằng cách nào? Hễ giác sẽ thoát, chẳng giác bèn mê. Mê là “*đọa trong tam giới*”, giác là “*xuất tam giới*”; [thật ra] tam giới chẳng có xuất hay nhập! Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật thường dạy: “*Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân*”. Đã là một, lấy đâu ra xuất và nhập? Vì thế, chúng ta bèn vỡ lẽ, nói “*xuất*” hay “*nhập*” là giác hay mê! Mê thì có vô lượng vô biên tầng lớp sâu hay cạn, mà tầng lớp giác cạn hay sâu cũng là vô lượng vô biên. Do đó, mê thì quý vị mê đến mức độ nào? Giác thì giác đến mức độ nào? Chúng ta lãnh hội từ chỗ này. Vì thế, thâm nhập Phật trí trọng yếu lắm! Bí quyết để thâm nhập Phật trí, nói thật thà, chẳng phải là học kinh giáo! Nếu quý vị chẳng khéo học kinh giáo, sẽ biến thành Sở Tri Chương; vì thế, phải khéo học. Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta học kinh giáo, dạy chúng ta nghe giảng kinh, phải dùng tâm thái như thế nào? Là tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên. Nói cách khác, buông xuống ngôn thuyết, buông xuống danh tự, buông xuống tâm duyên. “*Tâm duyên*” là quý vị suy

nghĩ câu nói này có nghĩa là gì, chớ nên suy tưởng. Hễ quý vị khởi tâm động niệm sẽ mê, sẽ biến thành Sở Tri Chương; đây gọi là “*nói mà chẳng nói, không nói mà nói; nghe mà chẳng nghe, chẳng nghe mà nghe*”, như vậy thì mới có thể khê nhập.

“*Lìa hết thấy tướng chính là hết thấy các pháp*”, kinh Bát Nhã đã nói rất nhiều, chớ nên chấp trước. Hễ chấp liền mê, do mê bèn nhập tam giới; hễ giác bèn thoát khỏi tam giới. Thật ra, tam giới cũng chẳng có, xuất nhập cũng chẳng có, nhưng khi quý vị mê thì dường như thật sự có, giống như nằm mộng; ở trong mộng, quý vị chẳng biết chính mình đang nằm mộng. Quý vị hãy ngẫm xem, đó có phải là thật sự có hay không? Gặp chuyện vui bèn thật sự hoan hỷ, gặp tai nạn bèn thật sự sợ hãi, đây là mê! Nay chúng ta đang mê trong lục đạo. Tam giới lục đạo, cho đến mười pháp giới, đúng là như trong mộng. Ngài Vĩnh Gia nói hay lắm: “*Trong mộng rành rành phô sáu nẻo, tỉnh rồi ba cõi rộng toang hoang*”, mộng là mê.

Toàn thể Phật pháp nói ra chỉ là giác và mê. Chúng sanh đã giác bèn thành Phật, mê thì là chúng sanh. Nhận thức điều này là Thi Giác. Quý vị đối với các chân tướng sự thật do đức Phật đã dạy, quý vị chẳng hoài nghi, mà khẳng định, nhận biết nó, hiểu rõ nó. Từ đây trở đi bèn nỗ lực diệt trừ chương ngại của chính mình. Chương ngại có ba loại lớn, ngàn kinh vạn luận đều dạy chúng ta phương pháp trừ chương ngại. Phẩm Tịnh Hạnh cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, đều nhằm dạy chúng ta phương pháp trừ chương ngại, chúng ta phải biết dùng, phải khéo học và biết vận dụng. Ở chỗ nào? Ngay trong cuộc sống, quyết định chẳng lìa khỏi cuộc sống, chẳng lìa khỏi công việc, chẳng lìa xử sự, đãi người tiếp vật, học không chấp trước, học chẳng phân biệt, cuối cùng là phải học không khởi tâm, chẳng động niệm. Đây là “*thâm nhập Phật trí*”.

Tôi vừa mới nói “chẳng chấp trước”, đó là nhập môn, nhập ở mức độ nông cạn. “Chẳng phân biệt” là nhập sâu hơn một chút. Đạt đến “chẳng khởi tâm, không động niệm” thì mới thật sự là “*thâm nhập*”. Khi ấy, mười pháp giới chẳng có, nay chúng ta nói là quý vị đã đột phá khá nhiều tầng lớp trong các chiều không gian bất đồng. Thật sự có thể đột phá, không gian sống của quý vị sẽ to hơn kẻ bình phàm khá nhiều. Ví như kẻ bình phàm sanh trưởng tại Hương Cảng, suốt một đời này còn chưa rời khỏi Hương Cảng, chẳng biết thế giới to lớn. Điều này khá giống bọn phàm phu trong lục đạo, có kẻ đã từng rời khỏi [Hương Cảng], đã từng đến những chỗ như Trung Hoa đại lục, Nhật Bản, Phi Luật Tân, Việt Nam, kiến thức và tâm lượng của kẻ ấy sẽ vượt trội kẻ chưa từng ra khỏi cửa rất nhiều. Đây là giác. Cách nhìn, cách nghĩ, và cách làm của kẻ ấy đối với hết thấy sự vật đương nhiên là khác hẳn kẻ chưa từng ra khỏi cửa, làm sao có thể giống nhau cho được? Nếu lại có một người Hương Cảng đã từng du lịch vòng quanh thế giới, kiến thức

và tâm lượng của người ấy phải lớn hơn kẻ đã từng du lịch Đông Á nhiều lắm. Lại có một người không chỉ là đã đi khắp toàn thể thế giới, mà còn từng đi khắp Thái Dương Hệ, hoặc là hệ Ngân Hà, tâm lượng của kẻ ấy lại bất đồng. Đến tốt cùng, sẽ là người đã từng du hành khắp pháp giới hư không giới. Tỷ dụ này chẳng khó hiểu đối với chư vị!

Phật, Pháp Thân Bồ Tát, chính là người du hành khắp pháp giới hư không giới. Bồ Tát trong mười pháp giới giống như người đã từng du hành trong hệ Ngân Hà. Ngoài hệ Ngân Hà của chúng ta, còn có rất nhiều hệ Ngân Hà mà người ấy chưa hề đi qua. A La Hán tựa tựa như người từng du hành Thái Dương Hệ, cao minh hơn chúng ta nhiều lắm. Người thế gian chúng ta dấu trí huệ to cách mấy, dấu tâm lượng to cách mấy, niệm nào cũng nghĩ đến chúng sanh trong toàn thể thế giới, nhưng chỉ có thể bao dung địa cầu này, vẫn chẳng bao quát những tinh cầu khác ngoài địa cầu, đây là giống như loài người. Hiện thời, chúng ta dùng phương pháp gì để du hành? Chư vị nhất định sẽ nghĩ hiện thời có xe lửa, có tàu thủy, có máy bay, những thứ ấy đều do con người chế tạo, dấu trong tương lai phát minh đĩa bay có tốc độ càng nhanh hơn, nhưng dựa vào những công cụ giao thông ấy, quý vị chẳng có cách nào đột phá thời gian và không gian, chẳng thể đột phá các chiều không gian. Vì thế, những thứ ấy không được, những thứ ấy có chừng hạn, đến khi đó mới biết khoa học hữu hạn. Hiện thời, các nhà khoa học cũng biết khoa học xác thực là có cực hạn, đã đạt tới cực hạn nhất định sẽ chẳng có cách nào đột phá.

Nhưng đức Phật và các tôn giáo đã dùng một phương pháp cao minh hơn khoa học, dùng gì vậy? Dùng Thiên Định. Khi đã nhập Thiên Định rất sâu, các chiều không gian chẳng còn nữa, người du hành chẳng cần đến thân thể này. Thân thể vẫn ngồi ở đây như như bất động, linh tánh của người ấy ra đi. Hơn nữa, năng lực của linh tánh rất mạnh, không chỉ là đi được, mà còn có thể phân thân. “*Phân thân*” là đồng thời có thể du hành rất nhiều chiều không gian khác nhau, há cần đến công cụ nào! Các nhà khoa học hiện thời đã nói, chúng ta có thể tin tưởng, họ vừa nói tôi hiểu ngay, họ nói không gian chẳng có thật. Dưới một điều kiện nào đó, nó sẽ bằng zero, khoảng cách chẳng còn nữa. Thời gian cũng giống như thế, dưới một điều kiện nào đó, thời gian cũng bằng zero. Thời gian bằng zero, [vậy thì] trước sau chẳng có, xưa nay chẳng có. Trong kinh Đại Thừa đã nói “*cắt đứt mười đời xưa nay*”, các khoa học gia nói về cảnh giới ấy.

Nhà Phật dùng phương pháp gì? Nhà Phật dùng tọa Thiền. Trong phương pháp Thiên Định, trong Thiên Định rất sâu, thời gian lẫn không gian đều bằng zero, tận hư không trọn khắp pháp giới thấy đều ở trước mắt, chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai. Quá khứ lẫn vị lai đều ở ngay trước mắt, cõi này và phương khác cũng đều ở ngay trước mắt. Vì thế,

quý vị nói xem, có phương pháp nào để chu du trọn khắp pháp giới hư không giới, lại còn có thể du hành trọn khắp quá khứ, du hành trọn khắp vị lai hay không? Có chứ! Thâm nhập Phật trí, đây mới là vĩnh viễn thoát khỏi. Vĩnh viễn thoát khỏi sẽ là hễ chúng bèn vĩnh viễn chúng đắc, có ý nghĩa này!

Chúng ta lại xem bài kệ tiếp theo, bài kệ thứ hai:

(Kinh) *Nhược nhập thủy thời, đương nguyện chúng sanh, nhập Nhất Thiết Trí, tri tam thế đẳng.*

(經) 若入水時。當願眾生。入一切智。知三世等。

(Kinh: *Nếu lúc vào nước, nguyện cho chúng sanh, nhập Nhất Thiết Trí, biết ba thời đều bình đẳng.*)

“*Nhập thủy*”: Mỗi ngày, chúng ta sống ở phương Nam sẽ biết. Nếu quý vị sang Tân Gia Ba, Mã Lai, Ấn Nê (Indonesia), vĩ độ của những nơi ấy chẳng sai khác Ấn Độ cho mấy, một năm chỉ có một mùa là mùa Hè. Do vậy, quý vị hãy ngắm xem, không mang giày, chân trần ra cửa, khi trở về đều phải rửa chân; trên thân toát mồ hôi, nhất định phải xối mát. Sống ở những vùng ấy, trời Hè nóng bức, một ngày tắm dấm ba lần là chuyện rất bình thường. Rửa chân thì ra cửa trở về phải rửa chân. “*Nhược nhập thủy thời, đương nguyện chúng sanh, nhập Nhất Thiết Trí, tri tam thế đẳng*” (Nếu lúc vào nước, nguyện cho chúng sanh, nhập Nhất Thiết Trí, biết ba thời bình đẳng); quý vị thấy ba đời bình đẳng. “*Tam thế*” là nói tới thời gian, “*tam giới*” là nói tới không gian.

Nhất Thiết Trí là trí huệ gì vậy? Biết hết thấy các pháp là Không. Kinh Bát Nhã dạy: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Trí huệ ấy được gọi là Nhất Thiết Trí vì biết ba đời bình đẳng. Ba đời đã bình đẳng, mười phương cũng bình đẳng, chẳng có thứ gì bất bình đẳng. Pháp giới bình đẳng được gọi là Nhất Chân pháp giới. Pháp giới vốn là Nhất Chân, vì sao biến thành có mười pháp giới? Vì sao biến thành có lục đạo, tam đồ? Đó là cảnh giới trong mộng; đó là mê mà bất giác, sanh từ vọng tưởng. Đây chính là như trong kinh đức Phật thường bảo: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. [Đó là] nói về mười pháp giới. Chẳng có tâm tưởng, mười pháp giới sẽ chẳng có. Mười pháp giới chẳng có thì là cảnh giới gì? Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới, có mười pháp giới hay không? Có chứ! Tướng của mười pháp giới là huyền tướng. Cái “*Có*” của mười pháp giới chính là Diệu Hữu, còn cái Không của Nhất Chân pháp giới là Chân Không. Chân Không chẳng ngăn ngại Diệu Hữu, Diệu Hữu chẳng hề chướng ngại Chân Không. Kinh Lăng Nghiêm đã nói hay lắm! Kinh Hoa Nghiêm nói Tứ Vô Ngại, tức “*Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô*

ngại, Sự Sự vô ngại”; bốn món vô ngại. Đây là Nhất Chân pháp giới. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới chỗ này.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta hãy xem kinh văn, bài kệ thứ ba tiếp theo:

(Kinh) Tẩy dục thân thể, đương nguyện chúng sanh, thân tâm vô cấu, nội ngoại quang khiết.

(經)洗浴身體。當願眾生。身心無垢。內外光潔。

(Kinh: Tắm rửa thân thể, nguyện cho chúng sanh, thân tâm vô cấu, trong ngoài sáng sạch).

Đây là khi tắm rửa, nhất là sống tại đô thị, xác thực là văn minh vật chất tại nơi đại đô hội đã đem lại khá nhiều thuận tiện cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta, nhưng đại đa số mọi người đều xem thường chuyện chúng ta đã phải trả giá cỡ nào. Rất ít người nghĩ đến vấn đề này! Vào thập niên bảy mươi, tiến sĩ Thang Ân Tử (A. Toynbee) và ông Trì Điền Đại Tác (Ikeda Daisaku) đã bàn về vấn đề này; nay chúng ta nói là “khoa học kỹ thuật đổi mới mỗi tháng, mỗi ngày”, họ thấy như vậy rất đau lòng: Mỗi lần tiến bộ, nhân loại đều phải trả giá thâm, đau đớn. Phải hiểu lời ấy như thế nào? Văn minh vật chất đã đem lại sự tham lam không ngừng hạn cho con người. Đây là năng lượng tinh thần bị tiêu hao, rất ít ai nghĩ tới! Hiện thời, sóng điện từ (electromagnetic wave) phát ra từ TV, computer, từ những máy cell phone thông tin, đều gây tổn hại hết sức nghiêm trọng cho thân tâm của con người. Khá nhiều căn bệnh kỳ quái của cư dân tại đô thị do đâu mà có? Bệnh tật tăng cao hơn, tỷ lệ tử vong tăng cao, thọ mạng giảm tụt, đây có phải là đã trả giá đau đớn, thâm trọng hay chăng? Lại còn luân lý đạo đức đọa lạc! Luân lý đạo đức là điều bảo đảm để duy trì sự an toàn trong xã hội; luân lý đạo đức lại là nhân tố quan trọng để tăng cao năng lượng nhân sinh. Quý vị nói xem, sự tổn thất ấy có phải là trả giá đau đớn, thâm trọng như tiến sĩ Thang Ân Tử đã nói hay không? Chẳng có ai biết!

Tuần trước, tôi thấy một bản tin, đại khái là hạ tải (download) từ computer, bản tin ấy chẳng dài, dường như chỉ là một trang giấy. Người phát minh cell phone đã đưa ra lời cảnh cáo người sử dụng cell phone trên khắp thế giới, chỉ rõ năng lượng của sóng điện từ quá mạnh, thường xuyên sử dụng cell phone sẽ gây tổn hại nghiêm trọng cho sức khỏe của con người. Vì thế, ông ta đề nghị: Trong tình hình bất đắc dĩ người dùng cell phone mới sử dụng nó, đừng nên dùng thường xuyên. Thời gian sử dụng tốt nhất là đừng hơn một phút. Nhất là khi mở cell

phone thì đừng để trên người. Quý vị bỏ nó vào túi, đặt trong túi quần hay túi áo, hoặc là giắt trên thắt lưng, đều gây tổn hại rất nghiêm trọng cho nội tạng, dễ dẫn đến ung thư. Vì vậy, ông ta đề nghị bỏ nó trong bóp, hoặc bỏ trong túi đựng hồ sơ, đừng đeo sát trên thân thể. Tôi nghĩ đây là lời nói xuất phát từ lương tâm, là lời khuyên đầy lương tâm. Nếu ông ta chẳng nói ra, sẽ chẳng an tâm. Vì thế, khoa học kỹ thuật có phải là chuyện tốt đẹp hay không? Chưa chắc đã là chuyện tốt, tuy lúc sử dụng thì rất thuận tiện, quý vị sẽ phải trả giá chẳng biết thế thảm nặng nề đến cỡ nào!

Sống tại đô thị, gần như tắm rửa mỗi ngày là chuyện chẳng thể thiếu. Đô thị [hiện thời được] hiện đại hóa, nhưng vào thời xã hội nông nghiệp trước kia, sử dụng nước chẳng thuận tiện như vậy. Mãi cho đến thời kỳ Kháng Chiến, vùng nội lục (nội địa) Trung Hoa, chẳng phải là các đô thị duyên hải, trong khá nhiều thành thị không có nước máy. Trong thời Kháng Chiến, tôi sống ở Kiến Âu và Kiến Dương thuộc vùng Mân Bắc của tỉnh Phước Kiến, cũng coi như là thành phố lớn, là huyện bậc một. Họ dùng nước giếng, dùng nước gánh, có người chuyên môn gánh nước đem bán. Củi đốt thì có người chuyên bán củi, tiêu phu lên núi dẫn củi đem bán trong thành, có tiêu phu, có kẻ gánh nước đem bán, há thuận tiện như [hiện thời] ư? Tắm rửa hằng ngày có được hay chẳng? Chẳng có! Chưa hề thấy! [Làm như thế] quá lãng phí, quá xa xỉ! Dầu tắm rửa, nước luôn dùng rất hạn chế, há có nhiều như thế ư? Há có thuận tiện như thế ư?

Vì thế, suy ra, cuộc sống xưa kia, mỗi tuần tắm một lần coi như là khá lắm rồi, chẳng thể có chuyện tắm rửa hằng ngày, kẻ phú quý cũng chẳng làm được. Mừng Một, ngày Rằm tắm gọi là chuyện rất bình thường, đều rất khó có! Mỗi tháng tắm hai lần! Bởi lẽ, chúng ta biết đồng bào Tây Tạng ở trên cao nguyên, nghe nói cả đời họ chỉ tắm ba lần: Khi sanh ra tắm một lần, khi kết hôn tắm một lần, và đến khi chết thì tắm một lần. Vì thế, trên thực tế, chính mình chỉ tắm có một lần; lúc sanh ra và lúc tử vong đều do người khác tắm giùm. Cả đời chỉ tắm có ba lần! Nhưng người thuở đó, thân thể khỏe mạnh, sống lâu, hiện thời đâm ra chẳng bằng xưa kia. Vì sao? Họ sống tương ứng với thiên nhiên; đây là khỏe mạnh nhất!

Hễ văn minh vật chất phát triển, cuộc sống của chúng ta hoàn toàn trái nghịch thiên nhiên. Nói cách khác, lối sống hết sức chẳng lành mạnh. Trong phép dưỡng sinh của con người thì tâm phải tĩnh, thân phải động. Thân bất động, bệnh tật sẽ nảy sanh. Nếu tâm động, bệnh tật cũng đều phát sanh. Tâm chớ nên động! Trong thế giới văn minh vật chất này, tâm cứ khăng khăng phải động, cái thân đáng phải nên động thì lại khăng khăng bất động, họ làm sao chẳng ngã bệnh cho được? Vì thế, phải dưỡng cho cái tâm tĩnh. Tâm là chủ của thân! Chỉ cần tâm địa

thanh tịnh, đã đạt được khỏe mạnh, sống lâu quá nửa rồi. Vận động trong Phật pháp là kinh hành, mọi người bình thường đều có thể thấy thói quen này: Sau khi ăn cơm bèn niệm Phật, nhiều Phật. Nhiều Phật là kinh hành. Chúng ta thường nói là “*phạn hậu bách bộ*” (ăn xong bèn tản bộ). Tĩnh tọa, lạy Phật, tĩnh tọa nhằm định tâm, toàn thể ngũ tạng lục phủ trong thân thể có thời gian hòa hoãn, nghỉ ngơi. Lạy Phật là vận động, đồng thời lại nhiếp tâm. Tâm là tĩnh, thân là động, phù hợp sự vận hành trong thiên nhiên. Do đó, thân tâm khỏe mạnh, phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng.

Nay chúng ta sống trong đô thị, tắm rửa nhiều lần vì thuận tiện. Xưa kia, lúc tôi còn rất trẻ, ở tại Đài Loan, đã có một khoảng thời gian chừng hơn một năm, chưa đến hai năm, ở tại núi Dương Minh thuộc Đài Bắc. Trên quả núi ấy có suối nước nóng rất tốt, trong buồng tắm là suối nước nóng. Suối nước nóng là nước luôn chảy, lưu động; vì thế, tắm rửa hết sức thuận tiện. Trong khoảng thời gian ấy, mỗi ngày tắm ba lần, thuận tiện lắm! Sáng sớm khi thức dậy, trước hết bèn tắm rửa, tắm trong suối nước nóng. Giữa trưa, dùng cơm, nghỉ ngơi, sau khi thức giấc cũng đến ngâm trong suối nước nóng một phen. Buổi tối sau khi dùng cơm chiều xong, là lúc tan sở, trước khi đi ngủ, nhất định phải tắm một lượt, thuận tiện mà! Đó là gì? Đó là suối nước nóng, nước luôn lưu động. Vì thế, thói quen trong cuộc sống thường là có mối quan hệ rất lớn đối với hoàn cảnh sống. Chẳng có sự thuận tiện như vậy thì cũng chẳng nghĩ đến, chẳng đòi hỏi!

Do vậy, trong khi đang tắm, quý vị thấy Bồ Tát phát nguyện, “*đương nguyện chúng sanh, thân tâm vô cấu, nội ngoại quang khiết*” (nguyện cho chúng sanh, thân tâm không nhơ, trong ngoài sáng sạch). Tắm rửa nhằm gột rửa thân thể sạch sẽ, có nghĩ tưởng “nếu thân sạch thì tâm càng phải sạch hơn” hay chẳng? Kẻ bình phàm chúng ta chỉ chú trọng bề ngoài, mà sơ sót giữ cho tâm lý lành mạnh, chỉ chú trọng vệ sinh thân thể, chẳng chú trọng vệ sinh tâm lý. Tôi nghĩ đây là chứng bệnh chung của tuyệt đại đa số mọi người trên toàn thể thế giới này. Nay chúng ta đọc đoạn kinh văn này, hy vọng từ rày trở đi, trong khi đang tắm gội, hãy luôn luôn có thể nhắc nhở chính mình, hoặc là dán bài kệ này trong phòng tắm, khi quý vị tắm rửa, sẽ ngay lập tức trông thấy: “*Thân tâm vô cấu, nội ngoại quang khiết*”.

Phải gột rửa cái tâm như thế nào? Đây là sám hối như cổ thánh tiên hiền, Phật, Bồ Tát đã dạy chúng ta: Sám trừ nghiệp tập, tức ác nghiệp và tập khí. Cổ thánh tiên hiền dạy mọi người hãy thường nên phản tỉnh, suy xét lỗi lầm: Hằng ngày phản tỉnh cho nhiều, suy nghĩ lỗi lầm của chính mình. Vì sao? Biết lỗi lầm thì quý vị mới có thể sửa lỗi. Vì sao người ta không thể sửa lỗi? Chẳng biết lỗi lầm của chính mình; vì thế, suốt một đời chẳng thể sửa đổi được. Tập khí ấy sẽ mang sang

đời sau, chắc chắn là đời sau sẽ càng nghiêm trọng hơn đời này, phiền phức lắm! Nếu tập khí từ mấy đời tích lũy lại, sẽ chẳng dễ sửa đổi được. Đến cuối cùng, nhất định sẽ liên lụy khiến quý vị đọa tam đồ. Bởi lẽ đó, ngàn vạn phần đừng nên coi nhẹ những tập khí ác vi tế. Chúng ta nói là lỗi làm vật vãnh, lỗi làm vật vãnh mà không sửa đổi, tích lũy dần dần sẽ biến thành lỗi lớn. Như vậy thì rất phiền phức, sửa đổi lỗi làm từ chỗ nhỏ nhất thì sẽ dễ dàng.

Nếu quý vị hỏi sửa bằng cách nào ư? Hiện thời, mọi người học tập Đệ Tử Quy chính là khởi đầu tốt nhất. Trước hết, hãy đổ công dốc sức từ trong ấy. Có thể làm được điều này, lại học cao hơn một mức nữa, tức là học Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Chúng ta đều biết vào cuối đời Minh, đầu đời Thanh, khá nhiều kẻ tại gia đọc sách và hàng xuất gia, tức bốn chúng đệ tử, khá nhiều người phụng hành Công Quá Cách. Trong Liên Trì Đại Sư Toàn Tập cũng có [Công Quá Cách], đây là khóa trình để lão nhân gia sửa lỗi, đổi mới hằng ngày khi Ngài còn tại thế. Ngài không gọi là Công Quá Cách, mà gọi là Tự Tri Lục. Hằng ngày phản tỉnh dựa theo những điều khoản ấy: “Điều bất thiện, hôm nay ta có phạm hay không; điều thiện, hôm nay ta có làm hay không?” Dùng phương pháp này để kiểm điểm chính mình, xác thực là phương pháp tốt đẹp để đoạn ác tu thiện. Tiên sinh Viên Liễu Phàm sử dụng Công Quá Cách. Các hạng mục của Công Quá Cách chính là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên do thiên sư Vân Cốc truyền dạy cho ông ta.

Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký, hiện thời phiên bản phim truyền hình nhiều tập đã ra đời, tổng cộng chỉ có tám giờ, chẳng dài, rất cảm động mọi người. Năm xưa, ông ta cùng các bạn kết Văn Xương Xã nhằm đề xướng giáo huấn của Văn Xương Đế Quân. Nội dung của Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn và Cảm Ứng Thiên giống nhau, phân lượng ít hơn Cảm Ứng Thiên đôi chút, nội dung đại khái như nhau, đều nhằm khuyên mọi người tin sâu nhân quả, đoạn ác, tu thiện. Về sau, phần tài liệu dạy dỗ này được cư sĩ Châu An Sĩ biên soạn thành một quyển sách, đặt tên là An Sĩ Toàn Thư. Tác phẩm này được Án Quang đại sư thuở sinh tiền hết sức tán thán, lưu thông với số lượng lớn. Vì thế, rất dễ kiếm được. Quý vị bèn hiểu cổ nhân dùng phương pháp gì để giúp chính mình. Du Tịnh Ý sử dụng Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, xác thực là dững mãnh, tinh tấn, hằng ngày phản tỉnh, luôn luôn phản tỉnh, chỗ nào cũng phản tỉnh. Ông ta còn làm triệt đề, còn nghiêm túc hơn tiên sinh Liễu Phàm, quả báo cũng vượt trội tiên sinh Liễu Phàm. Đúng là chẳng giả tí nào, thiện có thiện báo, ác có ác báo, xác thực chẳng phải là không báo, mà là chưa đến thời điểm!

Thời điểm do ai định? Nghiệp lực quyết định. Quý vị phải biết nhân quả thông ba đời! Có kẻ tâm hạnh bất thiện, nhưng phước báo rất lớn, thậm chí thọ mạng cũng rất dài, đây là do nguyên nhân gì? Trong

đời quá khứ, kẻ ấy đã tu tập tích lũy điều thiện to lớn; đời này tâm hạnh bất thiện, thiện báo đã bị khuyết hụt, tức là đã bị chiết giảm, nhưng còn được đại phú quý dường ấy, thọ mạng còn dài như vậy. Quý vị bèn biết nếu như tâm hạnh của kẻ ấy tốt lành, phước báo của kẻ đó sẽ tuyệt diệu lắm! Chính kẻ ấy chẳng biết điều này. Có người suốt cả đời đều làm lành, [thế mà] lâm vào cảnh đường cùng, gieo neo, sống cuộc đời rất vất vả, đây là chuyện như thế nào? Trong đời quá khứ đã tạo tác bất thiện, nhưng vì đời này đã tu thiện tích đức, người ấy đã cải thiện. Nếu không, người ấy còn phải hứng chịu khổ nạn gấp mấy lần hiện tiền. Nếu ai có thể thấy được nhân quả ba đời, cái tâm sẽ bình lặng!

Hiện thời, tôi thấy tình thế này đã dần dần phát triển rất tốt đẹp, tức là các liệu pháp tinh thần (cách chữa trị về mặt tinh thần) của phương Tây trong hiện đại. Do có rất nhiều bệnh tật mà y học hiện đại chẳng có cách nào giải quyết, tại Trung Hoa cũng dần dần [cũng có những chứng bệnh ấy] nhiều hơn. Vì thế, trong tương lai, những bác sĩ tâm lý sẽ rất phổ biến. Những bác sĩ tâm lý ấy dùng phương pháp thôi miên khiến cho [bệnh nhân] trở về đời quá khứ, trở về đời quá khứ của quá khứ. Có kẻ nghiêm nhiên có thể trở lại hai, ba chục đời trước, tính ra là thời gian một, hai ngàn năm. Triều đại bất đồng, quốc gia, khu vực bất đồng, những chuyện đã phát sanh trong đời quá khứ, thường là nghiệp nhân và khởi nhân gây nên những nghi nan tạp chứng trong đời này. Các bác sĩ đã tìm ra những nguyên nhân ấy, sau đây mới chữa trị hữu hiệu, sẽ thường thu được hiệu quả trị liệu rất tốt đẹp; hiện thời [cách chữa trị liệu này] rất phổ biến tại phương Tây. Các thuyết minh [về vấn đề này] trong phương diện thông tin, sách vở, thậm chí băng thu hình DVD cũng rất phổ biến, giải quyết rất nhiều vấn đề.

Tuy hiện thời mọi người cho rằng chuyện này chẳng phù hợp khoa học, coi những thứ này là huyền học, chẳng phù hợp khoa học, nhưng nó có hiệu quả thực tế! Xã hội cũng ngày càng coi trọng, hiện thời cũng dần dần nhìn ra khoa học có cực hạn, chẳng có cách nào đột phá cực hạn, bèn quay về tìm kiếm những phương pháp cổ xưa. Trước kia, chẳng tin có luân hồi, chẳng tin có đời sau; hiện thời, người tin tưởng ngày càng nhiều, chúng ta thường nói là sự thật thắng hùng biện! Không cần biện luận, không cần thăm dò, tìm tòi, sự thật này bày ra ngay trước mặt quý vị. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, tự mình có thể làm thí nghiệm, bác sĩ tâm lý thôi miên quý vị, thôi miên ở một mức độ sâu, cạnh đó đặt một máy thu âm, những câu hỏi và lời đáp của quý vị đều thu lại toàn bộ, đến khi quý vị tỉnh táo bèn mở cho quý vị nghe, chính quý vị nói ra, chẳng thể không tin. Xem người khác vận dụng thuật thôi miên, chính mình đích thân thể nghiệm!

Khá nhiều bác sĩ tâm lý vốn chẳng tin có đời sau, chẳng tin luân hồi, chẳng tin quả báo, kết quả là do thí nghiệm nhiều lần, thí nghiệm

mấy chục lần, thí nghiệm mấy trăm lần, chẳng thể không tin tưởng. Từ truyện ký của bác sĩ Ngụy Tư (Brian L. Weiss) của nước Mỹ, chúng ta thấy ông ta kể chính mình đã dùng phương pháp ấy, tức là dùng phương pháp thôi miên để tìm nguyên nhân gây bệnh. Thực hiện một khoảng thời gian khá dài, khá nhiều bệnh án được ông ta ghi chép hoàn chỉnh, nhưng chẳng dám xuất bản, vì sao? Sợ người ta sẽ phê phán ông ta là “phản khoa học”, chẳng có căn cứ khoa học. Những thứ ghi chép được xếp xó bốn năm, sau đây mới lấy hết dũng khí, tự vấn lương tâm của chính mình, đây là chuyện thật mà phát biểu ra. Kết quả là sau khi phát biểu, chẳng ngờ không có ai phê bình ông ta; ngược lại, có rất nhiều bác sĩ tâm lý đều có kinh nghiệm này. Ông ta vừa kể ra, mọi người cùng kể ra, đâm ra khiến cho mọi người tăng trưởng tín tâm đối với phương pháp trị liệu này, và cũng nghiên cứu hết sức nghiêm túc, lưu truyền hết sức rộng rãi, hết sức nhanh chóng, ảnh hưởng to lớn khắp cả thế giới.

Ông ta thường nói, trong khi thôi miên, đối với người bị thôi miên, khi [những người ấy] còn đang bị thôi miên, còn chưa tỉnh lại, trong khi đàm thoại bị gián đoạn, thường có thần linh, ông ta nói đó là thần linh thuộc chiều không gian bất đồng, dựa vào người bị thôi miên để hé lộ rất nhiều tin tức. [Những tin tức ấy] cũng đều được ghi chép, dùng máy thu âm để ghi lại. Âm thanh trò chuyện chẳng phải là âm thanh của người ấy, giọng điệu chẳng phải là giọng điệu của người ấy. Nội dung là trí huệ cao độ, quyết chẳng phải là kẻ đó có thể thốt ra. Chờ cho đến sau khi người bị thôi miên tỉnh lại, hỏi họ, họ không biết, thân thể họ bị người khác mượn sử dụng, người Hoa nói là “*linh quỷ dựa thân*”, còn họ gọi là “*thần linh dựa thân*”: Lộ ra tin tức rất tương ứng những điều đã nói trong tôn giáo, khá nhiều điều cũng tương ứng với Phật pháp.

Tại phương Tây, kể từ khi khoa học phát triển, niềm tin tôn giáo của đại chúng ngày càng nhạt mỏng, thậm chí có những kẻ vứt bỏ toàn bộ, chẳng còn tin tưởng tôn giáo nữa. [Do vậy] có không ít giáo đường bị đóng cửa. Đây là hiện tượng chúng ta thường trông thấy tại phương Tây. Thôi miên cung cấp tin tức cho đại chúng trong xã hội, có thể từ chỗ này mà quay đầu suy nghĩ lại, [sẽ nhận thấy] những điều tôn giáo đã nói là có căn cứ, chẳng phải là mê tín. Kẻ nào có tín ngưỡng tôn giáo, kẻ nào tin tưởng nhân quả, chắc chắn là đối với khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác của người ấy sẽ có một sức mạnh tự nhiên ràng buộc; vì người ấy biết thiện tâm, thiện hạnh sẽ có thiện báo, ác niệm, ác hạnh chắc chắn là có ác báo. Tồn thương, làm hại người khác chính là tổn thương, làm hại chính mình!

Trong kinh giáo, đức Phật đã nói những chuyện ấy mười phần thấu triệt. Thích Ca Mâu Ni Phật nói: Có năm người tu hành chẳng có

đức hạnh, tà tri, tà kiến, tham, sân, si, mạn, nhưng hình tượng như vậy thì sẽ chẳng thể ảnh hưởng tín đồ, không có ai cúng dường. Vì thế, mọi người thương lượng, phải bày ra một hình tượng, trước mặt mọi người thì phải có oai nghi, độc sức hợp tác. Quả nhiên hương đèn thịnh vượng, người quy y cũng đông đảo, kẻ đến lễ bái họ cũng đông đúc, cúng dường cũng nhiều. Trong số đó, có một vị nữ thí chủ bị cảm động bởi hình tượng của họ, dùng tâm chân thành để cúng dường họ, nhưng năm người ấy chẳng sửa đổi tập khí. Vị nữ thí chủ cúng dường ấy sau khi đã chết bèn sanh lên trời. Cô ta do tâm chân thành cúng dường mà được phước. Năm kẻ kia giả vờ, chẳng có Thật Đức, chuyên môn thực hiện công phu bề ngoài, đọa vào địa ngục trải qua một thời gian rất dài. Đọa địa ngục là cái tội của kẻ ấy; sau khi đã thọ tội xong, vẫn phải trả nợ. Chẳng phải là nói quý vị có thể gạt gẫm thì sẽ có thể tiêu thụ, chẳng thể nào! Sau khi đã thọ xong, vẫn phải trả nợ.

Đức Phật đã nói với một vị quốc vương, Ngài nói thưở ấy, vào kiếp số lâu xa về trước, vị nữ thí chủ chuẩn bị trai soạn cúng dường vào thưở đó chính là vương phi của quốc vương trong hiện tại, là phi tử của vị quốc vương ấy. Năm người xuất gia tu hành [hiện nay chính là] là phu khiêng kiệu cho vương phi, năm người ấy! Hoàng đế nghe vậy hết sức kinh ngạc. Họ đến trả nợ, hiện thời đầu thai làm phu khiêng kiệu, đây là thứ chuyên dụng của vương phi. Đúng như trong kinh đức Phật thường nói, nghiệp nhân quả báo tơ hào chẳng sai! Nghiệp do quý vị đã tạo sẽ chẳng tiêu mất, khi nhân duyên tụ hội, vẫn phải tự hứng chịu quả báo. Do vậy có thể biết, tu hành thì phải tu tâm, nhất định phải dựa vào giáo huấn của đức Phật Đà, dựa vào giáo huấn của thánh hiền.

Hiện thời, toàn thể thế gian hỗn loạn dường ấy, trong lịch sử toàn thế giới chưa hề có, vì sao loạn như thế? Có chẳng ít người hỏi tôi, tôi nói: - Tôi nghĩ đại khái là do thể hệ của chúng ta hầu như đều sơ sót giáo dục. Giáo dục gì vậy? Giáo dục luân lý. Luân lý là nói đến các mối quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ giữa con người và thiên nhiên. Do chẳng biết, nên ai nấy đều biến thành ích kỷ, khởi tâm động niệm chưa hề suy nghĩ vì người khác, ngay cả suy nghĩ cho cha mẹ cũng rất ít, đương nhiên là họ sẽ chẳng vì bạn bè mà suy nghĩ, cũng chẳng vì đại chúng trong xã hội mà suy nghĩ. Sơ sót giáo dục đạo đức mà! Giáo dục đạo đức là giữa con người với nhau phải biết cư xử như thế nào? Tiêu chuẩn để cư xử là đạo đức, còn quan hệ là luân lý. Chẳng tin tưởng nhân quả báo ứng, sẽ chẳng có giáo dục nhân quả, chẳng có giáo dục trí huệ! Thừa cùng chư vị, trong hết thảy các tôn giáo đều có bốn loại giáo dục. Trong bất cứ một tôn giáo nào, đều có luân lý, có đạo đức, có nhân quả, có trí huệ. [Hiện thời, giáo dục luân lý, giáo dục nhân quả, giáo dục đạo đức đều bị sơ sót]; do vậy, xã hội mới biến thành rối loạn dường ấy. Nói cách khác, sau khi đã thiếu sót sự giáo

dục ấy, tâm người ta bị ô nhiễm nghiêm trọng tột cùng!

Quý vị quan sát tỉ mỉ, sẽ rất dễ dàng nhìn ra, nhìn từ chỗ nào? Quan sát trọn khắp, đối với những kẻ tâm ý hời hợt, bộp chộp, quý vị biết tập khí phiền não nội tại (phiền não trong nội tâm) của kẻ ấy nghiêm trọng dường ấy, [cái tâm] chẳng thể định được! Đi học, nghe thầy giảng bài, thông thường sinh viên đại học chỉ có thể nghe lọt tai mười lăm phút. Quá mười lăm phút, cái tâm sẽ rong ruổi. Vì thế, hiện thời, đạo tràng này mỗi ngày giảng kinh hai tiếng đồng hồ, do chỗ chúng tôi ở cách học hội hơi xa [nên không thể giảng nhiều]. Nếu tôi có thể ở tại học hội, thời gian của tôi sẽ nhiều hơn, tránh phải đi tới đi lui, mỗi ngày sẽ giảng tối thiểu bốn tiếng đồng hồ. Các đồng học nghe kinh nghiêm nhiên có thể ngồi ở đây suốt bốn tiếng đồng hồ, chẳng dễ dàng! Trong các đại học trên khắp thế giới trong hiện thời, chẳng tìm thấy, há có trường nào [mà học sinh] ở trong phòng học nghe giảng suốt bốn tiếng đồng hồ? Chẳng có, làm sao có chuyện ấy được!

Từ chỗ này, chúng ta có thể thấy rất rõ ràng, tập khí phiền não trong nội tâm nặng lắm, dầu dùng các phương pháp tôn giáo đều chẳng có cách nào vãn hồi, nhà Phật nói là nghiệp chướng quá nặng! Nhưng kẻ có thiện căn cũng chẳng phải là không có, hễ gặp duyên, họ sẽ thật sự có thể học theo, họ sẽ thật sự chịu buông xuống, [tức là] buông xuống tập khí phiền não, nghiêm túc học tập thánh giáo. Hạng người ấy đã ít ỏi, càng ngày càng ít. Nếu chúng ta nhận biết, phải nghiêm túc bồi dưỡng, giúp đỡ họ, làm Tăng Thượng Duyên cho họ, thành tựu họ. Điểm này hết sức quan trọng! Vì chúng sanh khổ nạn bồi dưỡng một vị thầy tốt, những người ấy có thể cứu người, giống như bậc tái lai như trong nhà Phật đã nói, chỉ cần chúng ta lưu ý thì cũng có thể phát hiện. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!

Tập 1569

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ tám trong phần Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ tư.

(Kinh) Thịnh thử viêm độc, đương nguyện chúng sanh, xả ly chúng não, nhất thiết giai tận.

(經) 盛暑炎毒。當願眾生。捨離眾惱。一切皆盡。

(Kinh: Nắng gắt, nóng độc, nguyện cho chúng sanh, bỏ lìa các não, hết thấy đều tận).

Đây là lúc khí trời oi bức vào mùa Hạ, Bồ Tát cảm phát đại nguyện, “*đương nguyện chúng sanh, xả ly chúng não, nhất thiết giai*

tận” (nguyện cho chúng sanh, bỏ lìa các phiền não, hết thấy đều tận). “*Nã*” (惱) là phiền não; vì sao phải bỏ sạch phiền não? Vì trong tự tánh chẳng có phiền não. Phiền não do đâu mà có? Sau khi đã mê tự tánh. Nói cách khác, Tánh Đức thuần tịnh thuần thiện biến hiện thành phiền não; hễ giác ngộ, nó sẽ lại khôi phục. Chúng tôi dùng thí nghiệm của tiên sĩ Giang Bồn Thắng để mọi người có thể lý giải chuyện này. “*Thuần tịnh thuần thiện*”: Thiện ở đây chẳng phải là thiện trong “thiện - ác”. Thiện trong “thiện - ác” là tương đối, chẳng phải là thanh tịnh thật sự. Bất quá là sự cấu nhiễm của nó (thiện) tương ứng với Tánh Đức, chẳng trái nghịch Tánh Đức, còn ác thì hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức.

Trái nghịch có mức độ sai khác. Chúng ta nói 0 độ (không độ) là thuần tịnh, thuần thiện. Một độ, hai độ là có sai lệch, nhưng mức độ sai lệch chẳng lớn. Đến tám độ, chín độ, mười độ, vẫn chưa coi là to lớn. Nếu sai lệch đến bốn mươi độ, bốn mươi lăm độ, đấy là rất lớn. Một trăm tám mươi độ là hoàn toàn điên đảo. Giả sử chúng ta nói đến mười pháp giới, quý vị dùng tỷ dụ này [để so sánh] xác thực là chẳng khó lãnh hội! Trái nghịch Tánh Đức một trăm tám mươi độ thì Phật pháp nói đó là tội nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, và địa ngục A Tỳ, khi ấy, cảnh giới được biến hiện là địa ngục A Tỳ; đấy là [sai lệch] một trăm tám mươi độ. [Sai lệch] một trăm sáu mươi độ sẽ là cảnh giới giống như địa ngục. Quý vị cứ suy dần dần lên cao hơn, sẽ liễu giải trạng huống này. Trong tự tánh chẳng có điều này! “*Nhất thiết giai tận*” (Hết thấy đều tận): Hoàn toàn khôi phục Tánh Đức, đấy chính là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Trụ trong Hoa Nghiêm.

Trong mười Tín vị (các địa vị thuộc về Thập Tín Bồ Tát), nói thật ra, rất tuyệt diệu. Hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín thật sự xả ly phiền não, đã thật sự xả ly, [nhưng là] xả ly ít phần. Phải biết điều này: Cái được xả ly chỉ là tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, tương đương với Sơ Quả của Tiểu Thừa, còn theo kinh Hoa Nghiêm trong Đại Thừa thì là Bồ Tát thuộc hạng địa vị Sơ Tín. Đây là đã thật sự xả ly phiền não. Nói cách khác, từ lục đạo phàm phu cho đến Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên, và Vô Sắc Giới Thiên, chẳng xả ly! “*Chẳng xả ly*” có nghĩa là họ có năng lực không chế phiền não, tức là đối với hai đường trời người, họ sẽ có thể không chế được, chứ đối với A Tu La đạo, ngạ quỷ, địa ngục, và súc sanh thì chẳng thể không chế. Sự trái nghịch ấy quá to lớn! Đạt đến một nửa, chín mươi độ là một nửa, một nửa thì giống như là nhân đạo. Bảy mươi, tám mươi độ thì là thiên đạo.

Chúng tôi vừa mới nói đến sự xả ly của Tu Đà Hoàn. Nếu dùng cái hình tròn này để xem, [sẽ thấy] xả ly phiền não bèn dần dần tiếp cận tự tánh. Ở chỗ này, có mười địa vị, nếu chúng ta dùng hình vẽ để xét

xem, [sẽ thấy] bắt đầu từ bốn mươi lăm độ, đã thật sự xả ly phiền não mãi cho đến khi bằng zero, sẽ là mười đoạn, mỗi đoạn là bốn độ rưỡi, dần dần tiến cao hơn. Phạm phu xả phiền não thì cũng có thể xả, nhưng chẳng phải là thật sự xả; hề gặp duyên, các phiền não lại phát tác. Một người rất có tu dưỡng, mấy chục năm đều chẳng nổi giận; sự tu dưỡng ấy khá lắm, nhưng dưới một tình huống nào đó, người ấy sẽ phát tác. Đây là gì? Đây là xả, nhưng chẳng ly! Trong Phật pháp, trạng huống ấy được gọi là “*phục phiền não*” (伏煩惱, chế ngự phiền não), thông tình đạt lý, người ấy thông hiểu. Qua lại với người khác nói chung là phải học nhẫn nại, nhẫn nại thì sẽ có thể không chế tình tự của chính mình. Tuy chẳng buông xuống thất tình ngũ dục, nhưng ở trong hoàn cảnh thất tình ngũ dục, sẽ có thể đứng mức bèn dừng; đây là nhân đạo. Nho gia nói đến Lễ, Lễ có chừng mực, chớ nên bất cập, mà cũng chớ nên thái quá, tức là nó có tiêu chuẩn.

Chúng ta biết loài người có tiêu chuẩn của loài người, Dục Giới Thiên có tiêu chuẩn của Dục Giới Thiên. Do Dục Giới Thiên có sáu tầng, cho nên có sáu loại tiêu chuẩn khác nhau; càng lên cao hơn, [dục vọng sẽ] càng mỏng. Đến Sắc Giới Thiên, dục hoàn toàn bị chế phục, có thể nói là hoàn toàn chẳng khởi tác dụng. Điều gì chế phục [dục vọng]? Định Huệ. Người ấy có công phu định lực, có trí huệ; vì thế, chế phục [dục vọng, phiền não]. Các món Định ấy mãi cho đến Sắc Giới, cho đến Vô Sắc Giới, trong Phật pháp gọi chúng là Bát Định, tức Thiên Định thế gian. Giáo pháp Đại Thừa bảo Bát Định chẳng phải là Định thật sự. Vì sao? Các món Định ấy có thể mất đi, bị thoái chuyển, bị mất đi. Nếu đạt tới Bất Thoái Chuyển, sẽ chẳng bị mất; Định như vậy mới đáng kể, chẳng thuộc vào lục đạo, mà là vượt thoát lục đạo. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật có nói A La Hán chứng đắc Cửu Thứ Độ Định. Trong pháp thế gian có Tứ Thiên Bát Định, nếu lên cao hơn một tầng, sẽ là Độ Cửu Định. Độ Cửu Định đã vượt thoát lục đạo, chẳng bị thoái chuyển, chứ Bát Định chẳng đáng trông cậy, vì sẽ đều có thể lui sụt. Quý vị thấy chuyện này khó khăn lắm! Một kẻ đọa lạc trong lục đạo luân hồi mà mong vượt thoát, nói thật ra, đọa lạc dễ dàng, vượt thoát quá khó. Sắc Giới đọa lạc xuống Dục Giới dễ dàng, Dục Giới Thiên đọa lạc vào nhân đạo, đọa lạc vào thân đạo, Tu La đạo, hay La-sát đạo dễ dàng, tiến lên cao sẽ khó khăn. Đây là đạo lý nhất định, ai nấy đều lãnh hội dễ dàng! Biết những chân tướng sự thật ấy, mới biết đời nghiệp vãng sanh đáng quý!

Đời nghiệp vãng sanh thì chúng ta cũng phải buông xuống phiền não, buông xuống tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Nếu quý vị chẳng buông xuống những thứ ấy, chúng nó sẽ chướng ngại quý vị vãng sanh! “*Đời nghiệp*” là gì? Nếu quý vị nghe hiểu lời tôi vừa mới nói thì quý vị sẽ minh bạch. Nay chúng ta buông xuống là không chế, há có phải là

thật sự buông xuống! Giống như người tu Định, tu đến Đệ Bát Định thì vẫn là tạm thời không chế; vì sao? Người ấy có thể bị thoái chuyển, chẳng phải là thật sự đắc định. Nay chúng ta không chế tình tự và tập khí phiền não cũng giống như thế. Chúng ta dùng sức mạnh gì để không chế? Tín, Nguyện, Hạnh, chẳng phải là Định lực. Chúng ta tin tưởng sâu đậm, chẳng hoài nghi mảy may.

Chẳng đoạn nổi phiền não! Chỉ có thể chế phục, chẳng thể đoạn. Đoạn phiền não cần đến đại định, cần đến trí huệ chân thật; chúng ta chẳng có cách nào làm được chuyện này. Quý vị thấy Tu Đà Hoàn đã chẳng dễ dàng, ngay cả địa vị này chúng ta đều chẳng làm được. Tu Đà Hoàn có thể đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc; tuy chẳng lìa khỏi lục đạo, không gian sống của Ngài là cõi trời hoặc nhân gian. Bảy lần qua lại, Ngài sẽ thành tựu, có thể đoạn hết tám mươi một phẩm Tư Hoặc, vượt thoát lục đạo luân hồi. Bảy lần qua lại cõi trời và nhân gian, quý vị thấy khó khăn lắm chứ, há chúng ta có năng lực ấy? Vì thế, tự mình mỗi ngày đều phải nghiêm túc phản tỉnh, kiểm thảo: “Thấy sắc nghe tiếng có còn động tâm hay chẳng? Có còn phân biệt, chấp trước hay không?” Tôi nói “*động tâm*” tức là quý vị có dấy lên thất tình ngũ dục hay không? Còn có những ý niệm ấy dấy lên, mất đi, quý vị biết là đoạn phiền não khó khăn lắm, chẳng dễ dàng như thế đó! Tập khí phiền não dấy động chính là cái nhân luân hồi, lục đạo luân hồi sanh từ chỗ này. Sáu căn thật sự tiếp xúc cảnh giới sáu trần, ý niệm thất tình ngũ dục chẳng nẩy sanh, đây là A La Hán. Như vậy thì mới có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, [bởi lẽ], đã đoạn cái nhân luân hồi!

Nay chúng ta gặp gỡ pháp môn này, đây là điều may mắn khôn sánh, phải nghiêm túc, phải có sự cảnh giác cao độ, chế phục tập khí phiền não, chẳng để cho chúng nó phát tác. Nếu quý vị hỏi tôi, dùng phương pháp nào là tốt nhất ư? Dùng cách quán tưởng nỗi khổ luân hồi, quán tưởng nỗi khổ trong địa ngục. Địa Ngục Biến Tướng Đồ được vẽ khá lắm, nay đã làm thành đĩa CD/DVD, đã có mấy loại ngôn ngữ phát âm. Tập khí phiền não nặng nề, đĩa CD/DVD ấy đại khái dài một tiếng đồng hồ, người tập khí phiền não nặng nề phải nên làm như thế nào? Mỗi tối xem một lượt, nhằm mục đích gì? Mục đích là khiến cho quý vị thời thời khắc khắc có thể nghĩ đến nỗi khổ trong địa ngục, quý vị có sợ hãi hay không? Nếu quý vị sợ nỗi khổ trong địa ngục thì trong cuộc sống hằng ngày, khi ý niệm thất tình ngũ dục dấy lên, lập tức biết địa ngục là khổ, cái tâm của quý vị liền trong mát. Phương pháp này có thể giúp quý vị không chế, chế phục tập khí phiền não, hãy khéo dấy khởi một câu Phật hiệu. Những lời chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã nói câu nào cũng đều là chân thật. Nếu chúng ta chẳng thể vãng sanh trong đời này, quý vị hãy tự ngẫm xem, đời sau quý vị sẽ đến nơi đâu? Cơ hội đọa địa ngục tối thiểu là bảy, tám mươi phần trăm, cơ hội trong đời

sau được sanh vào loài người chỉ sợ là mười hoặc hai mươi phần trăm, đều chẳng đáng trông cậy! Quý vị hãy nghĩ xem, chuyện này nghiêm trọng dường ấy! Bao nhiêu vị Bồ Tát mong nghe pháp môn này; pháp môn này là gì? Thành tựu trong một đời! Pháp môn Tịnh Độ là pháp môn thành tựu trong một đời, hiếm có, khó gặp! Họ chẳng gặp gỡ, vậy là không có cách chi hết! Nay chúng ta gặp gỡ, đã gặp mà chẳng biết khéo nắm vững, khiến cho pháp môn này bị phí uông trong đời này, quý vị nói xem, tội nghiệp của quý vị nặng lắm đấy!

Như thế nào thì mới chắc chắn vãng sanh ngay trong một đời này? Trong các buổi giảng, chúng tôi nói mỗi ngày, khuyên hằng ngày, câu khẩu đầu thiền của vị đường chủ Niệm Phật Đường là “*buông xuống thân, tâm, thế giới*”. Đây là tông cương lãnh. Thế nhưng chẳng cần bận lòng vì thân, tâm, thế giới trong hiện tại, hãy nhất tâm niệm Phật, chẳng có một ai không thành tựu. Vì thế, quý vị thấy người thật sự niệm Phật, tuyệt đại đa số là họ chuyện gì cũng chẳng quản, chuyện gì cũng đều chẳng hỏi tới, chuyện gì cũng đều chẳng chấp trước, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Thừa cùng chư vị, đây là bậc thượng thượng căn trong Tịnh Tông, mà cũng là người có phước báo thượng thượng! Vì sao nói người ấy có phước báo? Người ấy chẳng phải lo lắng về cuộc sống, có người cúng dường; đây là đại phước báo. Cuộc sống không nhất định phải rất tốt, mỗi ngày có thể ăn no, mặc ấm, chẳng đến nỗi bị đói khát, chẳng đến nỗi bị rét buốt, đây là đại phước báo! Người ấy có thể chuyện gì cũng đều chẳng hỏi đến, chuyện gì cũng đều buông xuống. Người có phước báo ấy có thể nắm vững cơ duyên này, ai này đều vãng sanh.

Như chúng ta, chúng ta hãy suy ngẫm chính mình chẳng có phước báo ấy! Chúng ta hằng ngày còn phải đi làm, chỉ đành huấn luyện trong công việc, huấn luyện trong cuộc sống. Huấn luyện chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, huấn luyện không dấy lên tham, sân, si, mạn, không dấy lên thất tình ngũ dục, chỉ đành dùng phương pháp này. Dùng đến mức công phu đặc lực, cũng phải mất một khoảng thời gian đáng kể để huấn luyện, chứ thời gian ngắn ngủi sẽ không được. Do đó, đây cũng chẳng phải là một chuyện dễ dàng! Vì sao? Thọ mạng của mỗi người khác nhau! Bao nhiêu người tu hành, công phu còn chưa đủ mức, thọ mạng đã đến rồi, vậy là chẳng có cách nào cả, theo nghiệp lưu chuyển, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, biến sự tu hành suốt một đời này thành phước đức!

Phước đức có thể đem theo, đời sau bất luận sanh trong đường nào, sanh trong loài người, hay trong súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo, cũng đều còn có phước báo. [Cậy vào] phước báo sẽ chẳng thể liễu sanh tử, [cậy vào] phước báo chẳng thể vãng sanh. Chư vị phải biết điều này: Vãng sanh phải cậy vào công đức, chứ phước đức không được. Trong

Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói hay lắm: “*Chuyện này phước chẳng thể cứu*”. “*Chuyện này*” chính là “*liễu sanh tử, thoát luân hồi*”, phước chẳng thể cứu! Ngoài địa ngục đao ra, năm đường khác đều có phước. Trong thiên đạo, người có phước báo khá nhiều, quá nhiều. Phước báo trong nhân gian chẳng nhiều. Quý và súc sanh thì phước báo càng ít hơn loài người! Đây là đạo lý nhất định. Trong địa ngục đao chẳng hưởng phước, chỉ có chịu tội, chẳng hề hưởng phước. Chúng ta chớ nên không hiểu rõ những chân tướng sự thật này, sau đây mới biết: Chúng ta mong vãng sanh, nhất định phải thường nghĩ đến nỗi khổ trong địa ngục.

Quý vị thấy pháp sư Oánh Kha đời Tống, ba ngày ba đêm dưng mãnh tinh tân, niệm cảm A Di Đà Phật hiện đến. Quý vị phải hiểu, trong ba ngày ba đêm ấy, trong tâm Sư chỉ có Phật, đúng là “*thân, tâm, thế giới, hết thầy buông xuống*”, cảm ứng bèn hiện tiền! Vị này thật sự vãng sanh, chẳng giả. Chúng ta có thể phát khởi cái tâm dưng mãnh ấy hay chẳng? Ba ngày ba đêm chẳng ngủ, niệm Phật không ngớt. Đây là có thể phát ra cái tâm dưng mãnh. Suốt ba ngày ba đêm có thể buông xuống hết thầy thân, tâm, thế giới, cái tâm ấy chẳng dễ dàng! Quý vị hãy niệm ba ngày ba đêm thử xem A Di Đà Phật có đến hay chẳng? Nói thật thà, quý vị niệm ba mươi ngày ba mươi đêm, A Di Đà Phật cũng chẳng đến, do nguyên nhân gì vậy? Chẳng hề buông xuống thân, tâm, thế giới! Sau đây, quý vị mới biết pháp sư Oánh Kha đáng quý ở chỗ nào, quý vị liền hiểu rõ. Điều đáng quý là đã buông xuống được!

Chúng ta rất phiền toái, cái này cũng mong muốn, cái kia cũng mong muốn, cái này cũng chẳng thể bỏ được, cái kia cũng chẳng buông nổi. Đến cuối cùng, nhất định là vẫn phải tiếp tục luân hồi trong lục đạo, cơ duyên của thế giới Cực Lạc trôi qua trước mặt quý vị mà chẳng nắm lấy! Giống như đón xe về thế giới Cực Lạc, quý vị cứ đứng bên cạnh, chẳng chịu lên xe. Vì sao không chịu lên xe? Chẳng bỏ được nhà cửa ở nơi đây, cho nên không chịu đi! Xe lái đi rồi, lại đợi đến lần sau, e rằng suốt đời này chẳng gặp được cơ hội ấy nữa đâu! Do đó, chúng ta đừng nên không coi trọng xả ly phiền não. Đó gọi là tu hành thật sự, chẳng phải là làm theo hình thức. Hình thức sẽ vô dụng, phải tu hành chân thật!

Chúng ta có thể mở rộng ý nghĩa “*thịnh thử viêm độc*” (nắng gắt, nóng độc) thành hết thầy nghịch cảnh, không thuận tâm, chẳng như ý, hoặc là hết thầy những giai đoạn gian nan, khốn khổ, đều [cảm nhận chúng là] tương tự với điều này (“*thịnh thử viêm độc*”), đều phải nên cảnh giác. Phải buông xuống, chẳng có gì không buông xuống được. Vì sao? Giả trá, chẳng thật! “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn có thể bỏ, huống hồ phi pháp). Đức Phật dạy các đệ tử, Phật pháp được gọi là Pháp Bảo, Pháp Bảo mà còn phải buông xuống. Vì sao? Pháp sanh từ nhân duyên. Hễ là do nhân duyên sanh, sẽ chẳng thật.

Phàm những thứ do nhân duyên sanh đều là pháp sanh diệt. Quý vị có thể sử dụng nó, chớ nên chiếm hữu nó. Nó có thể giúp đỡ quý vị, thành tựu quý vị. Nếu quý vị muốn không chế, chiếm hữu nó, quý vị đã sai mất rồi, sẽ ngay lập tức đọa lạc. Đây là đức Thế Tôn đã nói đến chỗ tốt cùng. Phật pháp mà còn là như thế, huống hồ pháp thế gian? Quý vị hãy ngẫm xem, thứ gì là của quý vị? Thứ gì quý vị có thể vĩnh viễn gìn giữ? Kể cả thân thể đi nữa!

Thân thể chẳng thể giữ gìn được! Kể trẻ tuổi chẳng cảm nhận, chứ người từ năm, sáu chục tuổi trở lên, sẽ dần dần giác ngộ. Đạt đến mức giác ngộ rõ rệt là từ bảy mươi tuổi trở lên, nhân sanh thất thập cổ lai hy! Lúc bảy mươi tuổi, quý vị lại suy nghĩ, những người thuộc lứa tuổi xấp xỉ quý vị, những thân thích, bằng hữu, bạn học, đồng nghiệp kém quý vị một, hai tuổi, còn có mấy người đang sống? Khi ấy, quý vị chỉ suy tưởng, sẽ dấy lên nỗi cảm thương, sáu, bảy phần mười [những người xấp xỉ tuổi mình] đều chẳng còn nữa! Tháng Tư năm nay, tôi tham gia Luận Đàn Phật Giáo Thế Giới tại Hàng Châu, sau khi luận đàn kết thúc, tiện dịp đến chỗ từng đi học thuở bé tại Nam Kinh, tìm những bạn học cùng lớp thuở ấy. Bạn học cùng lớp thuở ấy hơn một trăm người, bốn lớp cùng cấp gần hai trăm người. Trở về kêu gọi, chỉ có mười người [tham dự], đại khái còn có mười mấy người chẳng sống tại Nam Kinh mà sống ở nơi khác. Lẽ nào [chuyện này] chẳng khiến mọi người cảm thương ư?

Tính ra, tôi đã rời khỏi nhà trường sáu mươi hai năm, người Hoa nói là “*một giáp*”. Do điều này, thật sự thấu hiểu thế gian vô thường; đến tuổi ấy, quý vị mới sẽ cảm thương. Nhưng nói theo ngôn ngữ, chuyện phiền toái nhất lúc tuổi tác đã cao là “lo được, lo mất”. Tuổi đã già, thể lực đã suy, cuộc sống mai sau phải dựa vào ai? Vì thế, ý niệm “được, mất” của người già rất nặng, đây là quan niệm sai lầm. Hãy nghĩ đến những người đã khuất, những bạn học, bạn bè, thân bằng hảo hữu đã khuất núi trước lúc bảy mươi tuổi, quý vị hãy nghĩ xem, họ mang theo được gì? Thứ gì cũng đều chẳng mang theo được! Mong rằng quý vị hãy giác ngộ trong cảnh giới này! Nguyên lai là một món cũng chẳng đem theo được, có sao không buông xuống?

Buông xuống thì quan trọng nhất là buông xuống trong tâm. Trong tâm chớ nên có những thứ ấy, trong tâm có gì? Trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật là đủ rồi, những thứ khác đều chẳng cần! Giống như vị đồ đệ làm thợ vá nồi của lão hòa thượng Đệ Nhàn, chỉ một câu “*nam-mô A Di Đà Phật*” sáu chữ, những thứ chi khác đều chẳng có, người ta [niệm Phật] ba năm bèn đứng vững vãng sanh. Lão hòa thượng Đệ Nhàn tôn kính Sư, tán thán Sư khôn sánh, Sư đã thành công. Sư không biết chữ, chưa từng đi học, kỹ thuật lẫn năng lực đều chẳng có, chỉ học vá nồi, vá chén, cuộc sống khốn khổ nhất. Do suy ngẫm đời người quá

khổ, vì vậy, đây lòng thoát khổ thiết tha, [lại tự biết] chính mình năng lực gì cũng đều chẳng có, là người khổ sở cùng cực! Chẳng ngờ Sư gặp được cái duyên này, bèn có thành tựu cực đại; tức là Sư đã nắm thật chặt cái duyên ấy, chẳng lơ lửng một khắc nào. Lão hòa thượng dạy Sư một phương pháp đơn giản, [Sư bèn] y giáo phụng hành, ba năm giống hết như một ngày. Niệm đã một bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoắn rồi lại niệm tiếp, chẳng phân biệt ngày hay đêm, suốt ngày từ sáng đến tối là một câu Phật hiệu.

Thời kỳ Mạt Pháp, trong thế gian động loạn hiện thời, đây là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, thật sự là “lìa khổ, được vui”. “Lìa khổ, được vui” là quả báo, cái nhân là phá mê khai ngộ. Quý vị hãy ngẫm xem, người thợ vá nồi có phải là phá mê khai ngộ hay không? Đúng thế! Mê là gì? Mê là ngũ dục lục trần, Sư thấy đều buông xuống, thứ gì cũng đều chẳng nghĩ tới. Ngộ là gì? Một câu A Di Đà Phật có thể vãng sanh. Khi đó, Sư chẳng biết vãng sanh, lão hòa thượng Đế Nhân chẳng nói với Sư, chỉ bảo Sư [hãy gắng công niệm Phật], trong tương lai chắc chắn có lợi ích. Sư là người thật thà, tin tưởng lời thầy, nhưng chẳng biết lợi ích chi hết. Thật sự niệm đến mức công phu thành phiến, tức là niệm đến mức chẳng có vọng tưởng, bèn cảm ứng. “Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”, Sư biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh, đứng vãng sanh. Chuyện này chẳng có chi khác, ở đây nói là “xả ly chúng nã, nhất thiết giai tận” (bỏ lìa các phiến nã, hết thầy đều tận), Sư đã làm được. Bài kệ kệ tiếp:

(Kinh) Thử thoái lương sơ, đương nguyện chúng sanh, chứng Vô Thượng pháp, cứu cánh thanh lương.

(經) 暑退涼初。當願眾生。證無上法。究竟清涼。

(Kinh: Hết nóng, chớm mát, nguyện cho chúng sanh, chứng pháp Vô Thượng, rốt ráo thanh lương).

Khí nóng đã tiêu mất, tiết trời hơi mát mẻ hơn một chút. Tuy đức Phật ở chỗ thuộc vùng nhiệt đới, chẳng có bốn mùa, nhưng tuy là nhiệt đới, mỗi năm cũng có một tuần nóng nhất, và cũng có một tuần mát mẻ nhất. Tương đối mát mẻ thì đại khái cũng là hai mươi một, hai mươi hai độ. Khi nắng gắt, có thể gần như có lúc ba mươi bốn, ba mươi lăm độ. Thông thường là trên dưới ba mươi độ! Nhằm lúc trời đổ mưa (mùa mưa), so ra mát mẻ hơn một chút, nhưng vẫn là hơn hai mươi độ, chẳng thể nào dưới hai mươi độ. Dẫn phát đại nguyện, “đương nguyện chúng sanh, chứng Vô Thượng pháp, cứu cánh thanh lương” (nguyện cho chúng sanh, chứng pháp Vô Thượng, rốt ráo thanh lương). “Thanh lương” ở đây hẳn đạt được sẽ là vĩnh viễn, chẳng biến mất, là thanh lương rốt ráo.

Nay bày ra trước mặt chúng ta, kinh Hoa Nghiêm dạy chúng ta, có thể nói Hoa Nghiêm toàn là trí huệ. Trí huệ viên mãn rốt ráo vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng đến từ bên ngoài. Vì thế, nó là bình đẳng, hết thấy chúng sanh thấy đều có; chỉ là hiện thời quý vị đã mê mất. Hiện thời quý vị vô duyên vô cố sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên chẳng thể chứng đắc. Vạy vẹo Nhất Chân pháp giới, biến nó thành lục đạo tam đồ, chịu tội trong ấy. Phải hiểu rõ, phải minh bạch lý, sự, và cảnh giới ấy. “*Vô Thượng pháp*” là Phật Quả rốt ráo, chẳng phải là Phật trong mười pháp giới. Phật trong mười pháp giới chẳng thể nói là Vô Thượng, chỉ có thể nói là Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng thể gọi là Vô Thượng. Thoát ly mười pháp giới, trở về tự tánh, Thiên Tông nói là “*minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Đó là pháp Vô Thượng, đó là rốt ráo thanh lương.

Hiện thời, ở đây chúng ta đang nói về các vị Bồ Tát thuộc mười Tín vị. Viên mãn tâm Thập Tín sẽ thoát khỏi mười pháp giới, chứng nhập Nhất Chân pháp giới, đây chính là pháp Vô Thượng. Chúng ta cũng học tập kinh này một khoảng thời gian khá dài, đại khái đã hiểu phần nào về trạng huống, nhưng ngẫm ra, đúng là khó hành. Cảnh giới của chúng ta trong hiện thời là gì? “*Biết dễ, hành khó*”, [tức là] nghe kinh dễ dàng, muốn làm thì đúng là chẳng dễ dàng. Vấn đề ở chỗ nào? Tập khí phiền não quá nặng! Biết là phải nên quay đầu, nhưng quay về chẳng được! May mắn gặp gỡ pháp môn này, kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng cũng nêu ra pháp môn này. Pháp môn này được gọi là “*phổ độ chúng sanh, thích hợp khắp ba căn, thâm nhiếp toàn bộ lợi căn lẫn độn căn*”, chỉ cần quý vị gặp gỡ! Mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh viên mãn. Quý vị thấy cảnh giới thù thắng như thế, trang nghiêm đường ấy, là đại pháp hội mà thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng sánh bằng.

Vì thế, vào năm thầy Lý vãng sanh, tôi buông kinh Hoa Nghiêm xuống. Tốc độ giảng khi đó nhanh hơn hiện thời, gần như là đã giảng được khoảng một nửa. Vì sau khi thầy đã vãng sanh, chúng tôi mới lại đem kinh Vô Lượng Thọ ra. Kinh Vô Lượng Thọ chính là Trung Bản Hoa Nghiêm, suốt đời này tôi giảng Trung Bản Hoa Nghiêm là được rồi, chẳng cần giảng Đại Hoa Nghiêm. Đại Hoa Nghiêm là do quán trưởng Hàn Anh vài hôm trước khi bà ta vãng sanh đã thỉnh cầu lần nữa, tôi nhận lời. Bà ta cũng là một bầu bi tâm, hy vọng lưu lại bằng thân hình để cho người đời sau tham khảo, cũng là một phen hảo ý. Vì thế, chúng tôi giảng kinh này, từng chữ, từng câu đều chỉ quy Tịnh Độ. Nay đã hết thời gian rồi, hãy nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem đoạn lớn thứ chín tiếp theo. Đoạn thứ chín có tất cả mười bài kệ. [Phần này được ngài Thanh Lương giảng là] “*tập tụng toàn lễ thời hữu thập nguyện*” (習誦旋禮時有十願, khi học tập, tụng đọc, kinh hành, lễ bái, có mười nguyện). “*Tập*” (習) là học tập. Trong Phật pháp, quan trọng nhất là phải nghiêm túc học tập; vì thế, xếp Tập đầu tiên. “*Tụng*” (誦) là đọc tụng. Quý vị thấy câu đầu tiên trong bộ Luận Ngữ của Nho gia là “*học nhi thời tập chi*” (học rồi thường xuyên luyện tập), đã học rồi quý vị phải làm được! Trong Phật pháp, Tập được xếp hàng đầu, Tụng là học, được xếp vào thứ hai. Đây là đặc biệt nhấn mạnh thật sự tu, thật sự làm. Đây là điều đầu tiên, đọc tụng vẫn phải xếp sau đó. Đọc tụng là thường xuyên ôn tập, đúng là “*ôn cố nhi tri tân*” (ôn lại cái cũ để biết cái mới), chớ nên tác ý, chớ nên dụng tâm học tập, chẳng cần! Chỉ là niệm hằng ngày, làm mỗi ngày, sẽ tự có ngộ xứ. Khai ngộ là từ chỗ này mà có, tâm càng thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. “*Học tập*” là từ ngay trong cuộc sống hằng ngày mà học tập giáo huấn của Phật, Bồ Tát, hằng ngày đọc tụng. “*Toàn*” (旋) là đi giáp vòng, tức là “*kinh hành*” (經行) như chúng ta thường nói, chúng ta gọi là “*nhiều Phật*” hoặc “*kinh hành*”. “*Lễ*” (禮) là lễ bái. Vì thế, bốn chữ này bao gồm bốn ý nghĩa, quan trọng nhất là phải thực hiện trong cuộc sống, trong công việc, trong xử sự, đãi người tiếp vật. Chúng ta xem kinh văn:

(Kinh) Phúng tụng kinh thời, đương nguyện chúng sanh, thuận Phật sở thuyết, tổng trì bất vong.

(經)諷誦經時。當願眾生。順佛所說。總持不忘。

(Kinh: Khi phúng tụng kinh, nguyện cho chúng sanh, vâng lời Phật dạy, tổng trì chẳng quên).

Bài kệ này có ý nghĩa hay lắm. Phúng tụng (諷誦) là lẫm tụng (朗誦), tức là đọc ra tiếng, tức là khi tụng kinh. Thông thường, trong công khóa sáng tối, chúng ta đều phải đọc tụng kinh văn. Đối trước kinh bản thì là Đọc (讀), chẳng cần kinh bản thì là Tụng (誦). Tụng là đọc thuộc lòng. Quý vị có thể ghi nhớ, có thể nhớ nằm lòng, chẳng cần dùng kinh bản thì là Tụng. Nhất định phải hiểu ý nghĩa của khóa tụng sáng tối, đây là tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, niệm niệm chẳng quên. Dầu đã thuộc nhuyễn như, sáng tối vẫn phải “*phúng tụng*”. Trong Phật đường có thờ phụng hình tượng Phật, Bồ Tát, giống như Phật, Bồ Tát đang ở trước mặt, hãy dùng cái tâm chân thành, cung kính như thế để tiếp nhận giáo huấn của Phật, Bồ Tát. Quý vị thấy mỗi bộ kinh, đến cuối cùng đều là câu “*tín thọ phụng hành, tác lễ nhi khứ*” (tin, nhận, vâng làm, làm lễ lui ra); câu này hết sức quan trọng. Sau khi nghe

giáo huấn của Phật, Bồ Tát, có thật sự tin tưởng hay chẳng? Có thật sự tiếp nhận hay chẳng? Tin tưởng chân thành chẳng nghi ngờ, chẳng hoài nghi mảy may, y giáo phụng hành, chính là “*thuận Phật sở thuyết*” như đang được nói ở đây, tức là y giáo phụng hành. Tùy thuận lời đức Phật đã dạy thì phải làm được, biến những điều đức Phật đã nói thành kiến giải và tư duy của bản thân chúng ta, biến thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Đây gọi là “*học Phật*”.

“*Tổng trì bát vong*”: “*Tổng trì*” (總持) là nắm được cương lĩnh và nguyên tắc trong giáo huấn của đức Phật. Chi tiết thì quá nhiều, quan trọng nhất là nắm được cương lĩnh, quyết định chẳng trái nghịch. Cương lĩnh của Giải môn là đối với chân tướng của muôn sự muôn vật trong vũ trụ, kinh Bát Nhã đã nói rất hay: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Đây là tổng cương lĩnh, quý vị phải nắm vững. Trong cuộc sống hằng ngày, gặp lúc tập khí phiền não dấy lên hiện hành, quý vị có thể nghiền ngẫm hai câu này một phen, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, quý vị sẽ có thể buông xuống, chẳng còn chấp trước, chẳng còn phiền não nữa. Vì sao? Chúng chẳng thật! Nói cách khác, nó giúp quý vị thấy thấu suốt: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”, còn có thể chẳng buông xuống ư?

Phương hướng, mục tiêu chỉ đạo sự tu hành của chúng ta là “*giác, chánh, tịnh*”, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm. Đây là Tam Quy. Niệm nào cũng đều chuyển mê thành giác, chuyển tà thành chánh, chuyển nhiễm thành tịnh. “*Giác, chánh, tịnh*” viên mãn thì là Vô Thượng Bồ Đề, là Phật quả rốt ráo. Đã giác ngộ, biết chuyển, đang chuyển, nhưng còn chưa đạt tới viên mãn rốt ráo, người ấy là Bồ Tát. Từ sơ phát tâm đến Đẳng Giác, năm mươi một tầng cấp đều gọi là Bồ Tát. Nếu vẫn là “*mê, tà, nhiễm*”, tuy thọ Tam Quy Ngũ Giới, cho đến đã xuất gia, đã thọ tam đàn đại giới, hằng ngày trên hình thức đều làm được, trong thực tế là ích kỷ, thị phi, nhân ngã, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn thấy đều chẳng buông xuống; đây là giả trá, chẳng thật! Mười sáu chữ ấy là cái tâm luân hồi. Tâm luân hồi học Phật thì cũng là nghiệp luân hồi, vẫn chẳng thoát khỏi luân hồi. Ở chỗ này phải chú ý, nếu muốn thoát luân hồi, phải dấy lên tâm Bồ Đề, phải buông xuống cái tâm luân hồi. Tâm luân hồi là tham, sân, si, mạn. Chẳng buông xuống những thứ ấy, sẽ không thoát khỏi luân hồi. Để thành tựu trong một đời, chắc chắn là phải cậy vào sáu chữ hồng danh, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian thấy đều phải xả ly, nhất tâm nhất ý chuyên niệm Di Đà, chuyên tu Tịnh Độ, tổng trì chẳng quên, chẳng có ai không thành tựu!

Thời kỳ Mật Pháp, trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã nói rất rõ ràng. Đức Phật dạy pháp vận của Ngài có ba giai đoạn: Chánh Pháp, Tượng Pháp, và Mật Pháp. Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu; Tượng

Pháp, Thiên Định thành tựu; Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu. Nay chúng ta đang sống trong thời đại Mạt Pháp, Chánh Pháp của đức Thế Tôn là một ngàn năm. Thời đại Chánh Pháp thì trì giới, giới luật thanh tịnh sẽ có thể chứng quả, có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Nói đến thành tựu, nếu chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng coi là thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp là một ngàn năm thứ hai, căn tánh của chúng sanh chẳng sánh bằng người thuở trước. Nói thật ra là như ngạn ngữ nói: “*Đời sau chẳng bằng đời trước*”. Lời này là thật, chẳng giả tí nào! Phong khí cõi đời ngày một đi xuống. Phật pháp truyền sang Trung Hoa nhằm thời đại Tượng Pháp, [tức là] nhằm thời Minh Đế nhà Hán của Trung Hoa. Vào năm Vĩnh Bình thứ mười đời [Hán] Minh Đế, tức năm sáu mươi bảy Công Nguyên, Phật pháp chánh thức truyền đến Trung Hoa, do đế vương, đại thần cung kính lễ thỉnh, nghênh thỉnh, truyền vào Trung Hoa đã hai ngàn năm. Do nhằm thời kỳ Tượng Pháp, Thiên trong Phật giáo Trung Hoa là điểm đặc sắc, vì là Tượng Pháp, đây chính là như kinh Đại Tập đã dạy, Thiên phong ở Trung Hoa phát triển đến mức đấng phong tạo cực. Mạt Pháp là một vạn năm, căn tánh con người càng kém cõi. Đây là nói trong ba thời kỳ, thời Mạt Pháp thì Tịnh Độ thành tựu.

Trong kinh Bát Nhã cũng có cách nói “*năm lần năm trăm năm*”, năm lần năm trăm năm là hai ngàn năm trăm năm. [Những điều ấy] đều trở thành hiện thực. Những lời ấy nếu nói theo cách hiện thời, sẽ là lời tiên đoán của Thích Ca Mâu Ni Phật, đều đã trở thành hiện thực. Theo cách nói “*năm lần năm trăm năm*”, năm trăm năm đầu tiên chính là năm trăm năm sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, là thời giải thoát kiên cố. Năm trăm năm thứ hai là Thiên Định kiên cố. Năm trăm năm thứ ba là đa văn kiên cố. Quý vị thấy khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa, nhằm thời đại Tùy - Đường, các vị cao tăng đại đức mỗi vị lập tông, lập phái. Vì thế, Phật pháp diễn biến thành mười tông phái, Tiểu Thừa gồm hai tông, Đại Thừa là tám tông, đa văn kiên cố đấy nhé! Phong khí nghiên cứu kinh giáo hết sức lưu hành, chú sớ phong phú.

Trong Phật pháp, tạo luận thì luận là do các vị Bồ Tát, tổ sư đại đức soạn ra, tác phẩm của các Ngài được gọi là luận. Luận chia thành hai loại lớn:

1) Một loại là thích kinh luận (釋經論) nhằm giải thích kinh. Như bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao của Thanh Lương đại sư là thích kinh luận, nương theo từng câu trong kinh văn để giải thích. Hoa Nghiêm Kinh Hợp Luận của Lý trưởng giả vẫn coi như là thích kinh luận, tuy chẳng phải là giải thích từng câu một, nhưng giải thích từng đoạn thì vẫn thuộc loại thích kinh luận.

2) Một loại khác là tông kinh luận (宗經論), hoàn toàn lia khỏi kinh văn, thảo luận những ý nghĩa chánh yếu của kinh điển thì gọi là

tông kinh luận. Chẳng hạn như Du Già Sư Địa Luận thuộc loại tông kinh luận, Đại Thừa Khởi Tín Luận thuộc loại tông kinh luận. Nó chẳng giảng giải một bộ kinh nào. Kinh Đại Bát Nhã có Đại Trí Độ Luận, Đại Trí Độ Luận nhằm giải thích kinh Đại Bát Nhã, thuộc loại thích kinh luận. Chú sớ của tổ sư đại đức được chia thành hai loại lớn ấy. Đa văn kiên cố là năm trăm năm thứ ba.

Năm trăm năm thứ tư, người nghiên cứu chẳng nhiều, chú trọng điều gì? Chú trọng cất chùa, [đó là thời kỳ] tháp miếu kiên cố. Nay chúng ta nói là chú trọng thiết lập “phần cứng”, tháp miếu kiên cố mà! Năm trăm năm thứ năm là nói đến chúng ta trong hiện tại, hiện thời là năm trăm năm thứ năm, được gọi là “đấu tranh kiên cố”. Quý vị thấy đức Phật đã nói về hai ngàn năm trăm năm như thế đó, tức là nói sau khi lão nhân gia diệt độ, cứ năm trăm năm là một giai đoạn, Ngài nói đến năm lần năm trăm năm. Nhìn theo năm lần năm trăm năm, vẫn là mỗi thế hệ sau đều chẳng bằng thế hệ trước.

Trong hai giai đoạn đầu tiên là giải thoát kiên cố và Thiên Định kiên cố, chú trọng thật sự hành; về sau, dần dần sơ sót chuyện thật sự hành. Đa văn kiên cố là coi Phật pháp như một môn học vấn, tức là cái được gọi là “*Phật học*” trong hiện thời. Thật sự hành là học Phật, phải thật sự đoạn phiền não, phải thật sự trừ tập khí, phải thật sự minh tâm kiến tánh, những điều này đều thuộc loại thật sự hành. Coi Phật giáo như học vấn để nghiên cứu, hằng ngày nghiên cứu, thảo luận, giảng giải, nói đến nổi hoa trời rơi tán loạn, hoàn toàn chẳng liên quan gì đến cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người tiếp vật của chính mình! Nói một đấng, làm một nẻo, kẻ thành tựu hiếm hoi lắm! Giống như trong quá khứ, lão pháp sư Đàm Hư thường nói, vào thời đại của Ngài, người tham Thiên trong Phật môn đắc Thiên Định thì Ngài đã từng thấy, hoặc nghe nói cũng chẳng ít, nhưng chẳng có ai khai ngộ. Bậc minh tâm kiến tánh chưa thấy một ai, mà cũng chưa hề nghe nói đến! Nghiên cứu kinh giáo, đại khai viên giải chưa hề nghe nói có ai! Người tiểu ngộ chẳng ít, đại ngộ chẳng nhiều, triệt ngộ cũng chẳng có một ai! Tông Môn, Giáo Hạ thua kém xưa kia. Thời đại Tùy - Đường, người khai ngộ trong Tông Môn chẳng ít, người đại khai viên giải trong Giáo Hạ chẳng ít; về sau thì mỗi đời sau lại kém hơn đời trước!

Dựng chùa, vào thời đại Lương Vũ Đế, ông ta là một vị hộ pháp tốt trong Phật môn, đã vì Phật giáo mà tạo dựng bốn trăm tám mươi đạo tràng, đều có quy mô đáng kể, chiếu cố mười mấy vạn đệ tử xuất gia trong Phật môn. [Nhà vua] tu phước rất lớn, chẳng khai ngộ, đây là điển hình của tháp tự kiên cố. Ngay trong thời ấy, Đạt Ma tổ sư đến Trung Hoa, cũng từng gặp Lương Vũ Đế, nhưng chẳng hợp ý cho lắm, chẳng có duyên! Lương Vũ Đế nghe nói có một vị cao tăng đại đức từ Ấn Độ đến, nhà vua là một đệ tử Phật kiên thành, lẽ nào chẳng cung

kính nghênh tiếp, đãi đằng? Trong khi tiếp đãi, Lương Vũ Đế bèn khoe chính mình đã làm rất nhiều chuyện tốt đẹp trong Phật môn, hỏi Đạt Ma tổ sư: “Những gì ta đã làm trong suốt một đời có công đức to lớn hay chẳng?” Hoặc là công đức to cỡ nào? Nhà vua hướng về Đạt Ma tổ sư thỉnh giáo. Đạt Ma tổ sư chẳng vọng ngữ, thật thà bảo nhà vua, “*hoàn toàn chẳng có công đức*”. Sau khi đã thốt ra câu ấy, đúng là đã tổn thương tấm lòng của Lương Vũ Đế, suốt đời đã vì Phật môn làm nhiều chuyện ngàn ấy, trọn chẳng có công đức! Tâm nhà vua khó chịu, bởi lẽ, ăn nói chẳng hợp ý. Đạt Ma tổ sư cũng thấy Lương Vũ Đế chẳng có duyên, liền rời đi, đến nhìn vách (diện bích) tại chùa Thiếu Lâm ở Tung Sơn, tức là ngôi tu hành ở đó. Đời suốt chín năm, cũng là thời gian rất dài, mới có Huệ Khả xuất hiện, vị này là tổ sư đời thứ hai của Thiên Tông.

Lương Vũ Đế đã làm nhiều chuyện ngàn ấy, rốt cuộc là gì? Chúng ta phải biết điều này, đó là phước đức, chẳng phải là công đức. Phải phân định rõ ràng phước đức và công đức; những gì nhà vua đã tu là phước báo đời đời kiếp kiếp trong tương lai, đúng như chúng ta thường nói là “*phước báo bất tận*”. Phước báo quá to, nhưng chẳng phải là công đức. Vì thế, trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói rất hay: “*Chuyện này phước chẳng thể cứu*”. Phước đức dẫu to đến mấy đi nữa, chẳng thể liễu sanh tử, chẳng thể thoát tam giới. Nói cách khác, phước báo dẫu lớn cách mấy, vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Phước báo quá lớn, trong nhân gian chẳng có phước báo lớn dường ấy, vậy là quý vị sanh lên trời. Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, ngũ dục chẳng đoạn, sẽ sanh vào Dục Giới Thiên, Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, trên đó còn có Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, toàn là Dục Giới Thiên. Quý vị đến những chỗ ấy để hưởng phước. Hưởng hết phước trời thì còn có phước thừa, do phước thừa bèn trở lại nhân gian để hưởng. Phước báo mà! Chẳng thể liễu sanh tử.

Muôn liễu sanh tử, thoát tam giới, thì phải là công đức. “*Công*” (功) là công phu, quý vị thật sự đổ công dốc sức, quý vị sẽ có thu hoạch, đó là “*đức*” (德). Chẳng hạn như trì giới có công, [tức là] công phu trì giới, do vì trì giới, nghiêm trì cấm giới thì tâm quý vị thanh tịnh, đấy là đức. Tâm thanh tịnh do đâu mà có? Nghiêm trì giới luật, do đó nói: “*Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ*”. Trì giới có thể đắc Định, Giới là công, Định là đức. Tu Định có thể khai Huệ. Định là công, Huệ là đức. Huệ có thể phá tập khí vô minh, Huệ là công, phá tập khí vô minh là đức; đấy là công đức. Do vậy, công đức và phước đức khác nhau, nhất định phải hiểu rõ ràng, phải hiểu minh bạch. Ngàn muôn phần chớ nên coi tu một chút cúng dường trong chùa miếu là công đức; [nếu hiểu như vậy] thì sai mất rồi, nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu

minh bạch điều này.

Có cần phải tu phước đức hay không? Phước đức cũng phải tu. Quý vị thấy trong kinh luận, đức Phật thường dạy “*phước huệ song tu*”, thậm chí còn đặt tu phước trước tu huệ. Điều này hữu lý. Nếu quý vị chẳng có phước báo, mong tu Huệ sẽ hết sức khó khăn, vì sao? Nếu quý vị ba bữa cơm đều ăn chẳng no, còn nói gì đến chuyện tu hành nữa? Vì thế, nhà Phật mới nói: “*Pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*” (Pháp luân chưa chuyển, đã phải lo cái ăn trước). Nếu quý vị muốn học Phật, trì giới cũng thế, tụng kinh cũng thế, tham Thiền cũng thế, niệm Phật cũng thế; trước hết phải ăn no. Ăn chẳng no, chuyện gì cũng đều chẳng thể làm thành công! Do vậy, đức Phật trọn chẳng phản đối tu phước. Tu phước thì phải ghi nhớ, quyết chí nên tham luyện phước báo. Hễ tham luyện phước báo là hồng, sẽ đọa lạc, sẽ chẳng khai trí huệ. Vì thế, chúng ta cũng thấy tu hành chẳng hoàn toàn như pháp, đó là gì? Chẳng hiểu giáo lý. Trì giới rất nghiêm, giới luật rất thanh tịnh, rất nghiêm ngặt, nhưng cái tâm phân biệt, chấp trước rất nặng, tự cho mình là đúng, thấy người khác phá giới bèn khinh mạn, coi thường kẻ khác, đó là sai mất rồi! Dầu giới luật nghiêm ngặt cách mấy, kẻ ấy chẳng đạt được tâm thanh tịnh. Tu giới kiểu ấy có công hay không? Chẳng có công. “Chẳng có công” thì tính là gì? Tính là phước. Người ấy trì giới là phước đức, chẳng phải là công đức. Trì giới phải đạt được cái tâm thanh tịnh, trì giới như vậy mới là công đức. Các đồng tu học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, đều chớ nên không biết. Hãy ghi nhớ một câu trong Đàn Kinh: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Dầu trì giới luật tốt đẹp cách mấy, kẻ khác phá giới cũng thế, mà phạm giới cũng thế, trọn chẳng ghim trong lòng. Đây là đúng, đây là công đức.

Vì thế phải hiểu, đức Phật dạy trì giới là dạy bản thân ta trì giới, chẳng nhằm dạy ai khác. Người khác cũng là hàng xuất gia, ta chẳng cần biết người khác là xuất gia hay tại gia, ta học Phật, Phật dạy ta, Phật chẳng dạy người khác. Đây là biết cách học Phật! Ngay cả Đệ Tử Quy cũng nói: “*Phàm là người, đều phải yêu*”. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta: “*Phàm là người, đều phải kính*”. Câu này do đâu mà có? Nói thật ra, nguyện thứ nhất trong mười đại nguyện vương là “*lễ kính chư Phật*”; trong “*chư Phật*” có vị lai Phật, vị lai Phật là hết thảy chúng sanh. Thử hỏi kẻ phá giới có phải là chúng sanh hay không? Kẻ phạm giới có phải là chúng sanh hay không? Phải! Họ là chúng sanh, họ là vị lai Phật. Kẻ phạm giới trong hiện tại, tương lai đương nhiên là phải đọa trong tam đồ, chịu quả báo, nhưng kẻ ấy có Phật Tánh, kẻ ấy vốn là Phật. Do đó, phàm là người thì đều phải lễ kính.

Kinh Hoa Nghiêm nói càng viên mãn hơn: “*Tình và vô tình, cùng viên thành Chủng Trí*”, tức là trong tâm mục của người thật sự tu hành, không chỉ hữu tình chúng sanh là Phật, Bồ Tát, hãy nên bình

đẳng lễ kính, mà hoa cỏ cây cối cũng là Phật, Bồ Tát. Cho đến núi, sông, đại địa, bụi, cát, hòn đá đều có Pháp Tánh. Pháp Tánh và Phật Tánh là một tánh, vậy thì lễ nào chẳng phải là Phật, Bồ Tát? Đây là “*tình và vô tình, cùng viên thành Chứng Trí*”. Vì thế, người thật sự tu hành xác thực sống trong Pháp Tánh, sống trong pháp giới, vĩnh viễn là lễ kính, tán thán, cúng dường, cảm ơn. Đây là người thật sự tu hành. Thấy cái này hoan hỷ, thấy cái kia đáng ghét, đó chẳng phải là người tu hành, mà là kẻ vẫn luân hồi trong lục đạo. Trước kia, chúng ta không hiểu đạo lý này, nay đã hiểu rõ; sau khi đã hiểu rõ, trong cuộc sống, công việc, đãi người tiếp vật, có sửa đổi quan niệm của chúng ta hay không? Nếu chẳng sửa đổi, như vậy là “*bất thuận Phật thuyết*”, thật sự sửa đổi thì mới là “*thuận Phật sở thuyết*”.

Quý vị thấy đức Phật dạy chúng ta lễ kính chư Phật, tức là dùng cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để tôn trọng, cung kính hết thảy mọi người. Đức Phật dạy chúng ta xưng tán Như Lai, phàm trông thấy hết thảy thiện hạnh của chúng sanh phù hợp Tánh Đức, phải nên tán thán. Ta đối đãi với kẻ khác bình đẳng, kẻ khác đối xử với ta bất bình đẳng, ta khen ngợi kẻ ấy. Kẻ ấy hủy báng ta, ta tôn trọng kẻ ấy. Kẻ ấy khinh khi, phụ bạc ta, thậm chí hãm hại ta, nhưng nếu kẻ ấy làm một thiện sự tương ứng với Tánh Đức (đấy là oan gia đối đầu trong thế gian), có cần phải tán thán kẻ ấy hay không? Phải! Còn lỗi lầm của kẻ ấy thì sao? Trọn chẳng nhắc tới lỗi lầm. Không chỉ là miệng chẳng nhắc tới, trong tâm cũng chẳng có ấn tượng ấy! Vì sao? Chẳng thấy lỗi thế gian chính là “*thuận Phật sở thuyết*”.

Mười đại nguyện vương là pháp môn tổng trì, Thập Thiện Nghiệp Đạo là pháp môn tổng trì, Tịnh Nghiệp Tam Phước là pháp môn tổng trì. Kinh luận Tịnh Tông gồm năm kinh một luận, trong quá khứ, khi giảng Đại Thế Chí Viên Thông Chương, tôi cũng đã nói rất rõ ràng. Đại Thế Chí Viên Thông Chương tổng cộng chỉ có hai trăm bốn mươi chữ, còn ngắn hơn Tâm Kinh. Bát Nhã Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ, Đại Thế Chí Viên Thông Chương hai trăm bốn mươi chữ. Đây là pháp môn tổng trì của Tịnh Tông, là Tâm Kinh của Tịnh Tông. Nếu có thể suốt đời thọ trì, sẽ nhất định vãng sanh; nhưng thường là các đồng tu Tịnh Độ thọ trì kinh Di Đà nhiều nhất, cũng hết sức tốt. Nếu căn tánh thật sự rất độn, niệm kinh Di Đà [mà còn cảm thấy] quá dài, chẳng thể thọ trì, [vậy thì] Đại Thế Chí Viên Thông Chương là tốt nhất, Ấn Quang đại sư đề xướng [kinh này]. Theo truyền thuyết, Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Chúng ta chú tâm quan sát hành trạng suốt một đời tổ Ấn Quang, đúng là Ngài đã hành xử y như Đại Thế Chí Bồ Tát: “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhờ vào phương tiện mà tự được tâm khai*”, rất giống sự mô tả chân xác sự tu hành trong suốt một đời của tổ Ấn Quang. Đây là Ngài đã vì

chúng ta thị hiện “*tổng trì bất vong*” trong thời kỳ Mật Pháp. Ngài dạy chúng ta một phương pháp rất phù hợp với thời đại này, khế cơ, đạo tràng có quy mô nhỏ, đồng học chẳng hơn hai mươi người, đúng là khó có!

Trong dĩ vãng, tôi luôn mong một tiểu Phật đường gồm hai mươi người cộng tu. Đương nhiên là những người vào Niệm Phật Đường giống như bé quan, còn có những người hộ trì, những người chăm sóc. Phật pháp và pháp thể gian không sai khác cho lắm, giống như trong nhà trường, có giáo viên, còn có chức viên (職員, những người có chức trách). Người tu hành gồm hai mươi người, người chiếu cố đại khái cũng cần từ mười mấy đến hai mươi người, hộ trì đạo tràng, chiếu cố cuộc sống hằng ngày của mọi người, tôi có cách nghĩ như thế đó. Nhưng về sau nghĩ đến thầy Lý, lão nhân gia thuở sinh tiền cũng thường căn dặn chúng tôi: “*Người trong Niệm Phật Đường chẳng thể nhiều! Hễ có nhiều người thì vị Chủ Thất Hòa Thượng chẳng thể chiếu cố nổi. Niệm Phật quanh năm, nhất là đồng tu trong Tinh Tấn Niệm Phật Đường chẳng thể vượt quá mười người*”. Lão nhân gia dạy chúng tôi điều này, hễ vượt quá mười người, quý vị sẽ chẳng có cách nào chuyên chú tinh thần. Bởi lẽ, vị đường chủ Niệm Phật Đường thật sự chịu trách nhiệm, hiểu rõ tình huống của mỗi cá nhân niệm Phật như lòng bàn tay, vị ấy đều biết. Giống như dạy học vậy, theo quy cách lớp học nhỏ, một vị thầy hướng dẫn mười học trò, thầy có thể hoàn toàn chiếu cố. Hiện thời, mỗi lớp học có năm, sáu chục học trò, thầy làm sao có thể chuyên chú quan tâm cho nổi? Chẳng thể nào! Vì thế, tôi nghĩ tổ Ấn Quang nói hai mươi người, có thể là bao gồm nhân viên công tác trong đạo tràng, thấy đều tính gộp vào đó vẫn không vượt quá hai mươi người. Do vậy, đạo tràng theo quy mô nhỏ sẽ duy trì dễ dàng.

Hiện thời, chúng ta làm theo giáo huấn của Ấn Quang đại sư, cũng là “*thuận Phật sở thuyết, tổng trì bất vong*”, trở thành một đạo tràng điển hình khuôn mẫu. Giống như đạo tràng của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát thuở trước, đạo tràng của Ngài gồm mười hai người; mười hai người đều vãng sanh, đó gọi là một đạo tràng chân thật. Mười hai người đều vãng sanh, đáng gọi là đại đạo tràng, thành tựu viên mãn. Nếu người trong đạo tràng rất đông, chẳng có một ai vãng sanh, đạo tràng ấy thất bại, chẳng thành công! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi nói tới đây.

Tập 1570

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem từ bài kệ thứ hai trong đoạn thứ chín của phần Kệ Tụng:

(Kinh) Nhược đắc kiến Phật, đương nguyện chúng sanh, đắc vô ngại nhãn, kiến nhất thiết Phật.

(經)若得見佛。當願眾生。得無礙眼。見一切佛。

(Kinh: Nếu được thấy Phật, nguyện cho chúng sanh, được mắt vô ngại, thấy hết thấy Phật).

“*Kiến Phật*”: Trong nhà của đại đa số các đồng học học Phật chúng ta đều có thờ tượng Phật, sáng tối tụng niệm, lễ bái. Đúc Phật chẳng trụ thế, tượng Phật tượng trưng cho Phật, thấy tượng Phật như thấy Ngài. Có những người chẳng liễu giải, bảo chúng ta mê tín, thờ lạy ngẫu tượng. Họ chẳng biết ý nghĩa thật sự của việc thờ tượng Phật và lạy tượng Phật trong Phật môn; nếu gặp phải tình hình ấy, chúng ta nhất định phải giải thích cho họ. Tạc tượng, bất luận là tượng đất nặn, gỗ khắc, hoặc là đúc bằng kim loại, cho đến tranh vẽ, xưa nay, trong ngoài nước, cho đến trước khi có văn tự, những người thuộc cổ đại, chúng ta thường nói là “*người nguyên thủy*”, đối với các tảng đá, hoặc trong thạch động, trong hang động, vì xưa kia họ sống trong huyết động, trên các nham thạch trong huyết động cũng có những điêu khắc. Điêu khắc thường thấy nhất là hình ảnh con người. Quý vị có thể nói đây là mê tín hay sao? Nếu nói đây là mê tín, trong xã hội hiện đại, hình ảnh con người quá nhiều, chúng ta đi đường, trông thấy trong quảng cáo có bao nhiêu hình người; đó chẳng phải là mê tín ư? Phải hiểu điều này, phải hiểu rõ điều này!

Thờ phụng tượng Phật có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất là ý nghĩa kỷ niệm. Thầy chúng ta dấu thời gian cách biệt đã rất lâu, chúng ta niệm niệm chẳng quên. Mấy ngàn năm, chúng ta nói đến tổ sư, luôn chẳng quên ân đức của các Ngài, có lẽ nào chẳng tôn trọng vị thầy hiện tiền? Vì thế, thờ phụng hình tượng thầy là tôn sư trọng đạo, là niệm nào cũng đều chẳng quên giáo huấn của thầy. Trông thấy hình tượng của thầy bèn nhớ đến giáo huấn của thầy, có thể coi chuyện này là mê tín ư? Trong gia đình, cha mẹ còn sống, nhưng ông bà, ông bà cố, ông bà sơ đã khuất, khá nhiều người trong gia đình cũng thờ ảnh chụp của người đời trước, đây là mê tín ư? Vì sao phải thờ những thứ ấy? Đó gọi là uống nước nhớ nguồn! Tâm thân này của chúng ta do đâu mà có? Từ cha mẹ mà ra, thân cha mẹ từ ông bà mà ra. Đây là lý do vì sao người Hoa thờ cúng tổ tiên. Tổ tiên mấy ngàn năm căn bản là chẳng nhận biết, cũng chẳng biết các cụ hình dạng ra sao, bắt đắc dĩ thờ bái vị các cụ, đây cũng là mê tín ư? Đối với viễn tổ mà luôn tôn trọng, hoài niệm như vậy, đối với cha mẹ, ông bà trước mắt, lẽ đâu chẳng hiểu thuận? Vì thế,

đây là giáo dục luân lý, “*thận chung truy viễn*”²⁴. Đây là giáo dục truy viễn, quý vị thầy ân tình nồng hậu đường ấy!

[Do nghĩ là] “mê tín, thờ ngẫu tượng”, bèn phủ định. Sau khi đã phủ định, mới đem lại sự động loạn trong xã hội hiện thời, đem lại sự ích kỷ cực đoan trong xã hội hiện tiền, đó gọi là “*bản vị chủ nghĩa*”, [tức là] chỉ có chính mình, cha mẹ đều chẳng màng đến! Chúng ta lắng lòng suy nghĩ xem chúng ta hiếu dưỡng cha mẹ là tốt, hay bất hiếu với cha mẹ là tốt? Đời này chúng ta chẳng cần cha mẹ, bất hiếu với cha mẹ, vậy thì con cái của quý vị cũng sẽ chẳng hiếu thuận với quý vị; đó là gì? Đây là đạo lý thiên kinh địa nghĩa, người trên làm, kẻ dưới bắt chước theo, chúng nó học theo từ nhỏ. Vì thế cổ nhân dạy về hiếu vào lúc nào? Ngay từ lúc đứa trẻ vừa mới sanh ra. Dạy như thế nào? Quý vị đối với cha mẹ tận hiếu, con cái trông thấy, trong tương lai, chúng nó trưởng thành sẽ tận hiếu đối với cha mẹ của chính mình, coi chuyện này là đạo lý đương nhiên. Quý vị bất hiếu với cha mẹ, bất kính sư trưởng, mà muốn cho con thơ, con cái của quý vị hiếu thuận với cha mẹ, tôn kính sư trưởng, há có lẽ ấy? Vì thế, đây là giáo dục.

Phật là đại thánh nhân. “*Thánh nhân là gì?*” cho đến “*Phật là gì?*” đều chẳng hiểu rõ ràng! Người học Phật mà chẳng hiểu rõ Phật! Phật (Buddha) là tiếng Ấn Độ, tức là tiếng Phạn của cổ Ấn Độ, dịch sang tiếng Hán theo lối phiên âm, vì sao? Tại Trung Hoa, chẳng tìm thấy chữ sát sao để phiên dịch ý nghĩa, cho nên đành phải dịch theo lối phiên âm, sau đây mới chú giải thêm. Chú giải ý nghĩa gì vậy? Ý nghĩa trí huệ, ý nghĩa giác ngộ. Trong chữ Hán, Trí lẫn Giác đều có, vì sao chẳng dịch thành Trí Giác? Chúng ta dùng hai chữ ấy cũng chẳng thể được ư? Vẫn không được! Trí và Giác ở đây chẳng phải là trí và giác trong khái niệm thông thường của chúng ta. Đây là chuyện bất đắc dĩ. Trong Trí bao hàm ba thứ ý nghĩa, tức Nhất Thiết Trí, Đạo Chung Trí và Nhất Thiết Chung Trí. Chữ Trí của Trung Hoa chẳng có ý nghĩa này. Trong Giác cũng có ba ý nghĩa, tự giác, giác tha, và giác hạnh viên mãn. Do vậy chữ [Phật] này được gọi là “*hàm đa nghĩa bất phiên*” (do bao hàm nhiều ý nghĩa nên không dịch). Nó có rất nhiều ý nghĩa, chỉ có cách dùng kiểu dịch theo lối phiên âm. Nói tóm lại, dùng cách nói dễ dàng nhất, thông tục nhất, [Phật] là người minh bạch, đối với sự lý và nhân quả của vũ trụ và nhân sinh, chẳng có điều gì không hiểu rõ, chẳng có điều gì không thông đạt, người như vậy được gọi là Phật.

²⁴ Thận chung truy viễn (慎終追遠) là một thành ngữ xuất phát từ một câu nói của Tăng Tử được chép trong thiên Học Nhi của bộ Luận Ngữ, có ý nghĩa là khi cha mẹ đã khuất, con cái sẽ chôn cất, ma chay cẩn thận, cung kính. Đây là “*thận chung*”. Đối với ân của tổ tiên, ông bà, cha mẹ, con cháu luôn tưởng nhớ, sống sao cho xứng đáng với họ. Đây là “*truy viễn*”.

Ở Trung Hoa, “*thánh*” có ý nghĩa này. Thánh nhân là người minh bạch, là người thông đạt hết thầy vũ trụ và nhân sinh, đây là thầy của chúng ta. Tại Trung Hoa, nhân vật đại biểu là Khổng Tử, [Ngài thường được gọi là] Khổng thánh nhân. Tại cổ Ấn Độ, Thích Ca Mâu Ni Phật là đại biểu, thật sự là một vị thầy, cả đời dạy học suốt bốn mươi chín năm, trước nay chẳng hề gián đoạn. Khổng lão phu tử lão nhân gia sau khi đã học thành công, nói thật ra là muốn ra làm quan, hòng có thể đem sở học của chính mình cống hiến nhân dân, vì nhân dân phục vụ. Suốt đời, Ngài hâm mộ Châu Công nhất. Nếu khi ấy, những vị quốc quân (vua nước Lỗ và vua các nước chư hầu khác) chịu dùng Khổng Tử, tin tưởng Khổng Tử là Châu Công thứ hai, [Ngài sẽ] nghiêm túc gánh vác trách nhiệm, cúc cung tận tụy. Không có ai dùng Ngài, người khác nghe ý kiến của Ngài đều gặt gù, khá lắm, hay lắm, lý tưởng tuyệt lắm, chẳng dễ gì làm được! Chẳng có ai dùng Ngài, Ngài mới trở về nhà dạy học. Chu du các nước mười mấy năm, khi quay về, tuổi tác cũng đã cao. Sáu mươi tám tuổi quay về, bảy mươi ba tuổi lão nhân gia qua đời. Do vậy, trở về nhà dạy học chỉ có năm năm.

Nếu Khổng Tử có thể nhìn thấu suốt, thấy rõ ràng như Thích Ca Mâu Ni Phật, [Khổng Tử sẽ] chẳng mong làm chánh trị. Thích Ca Mâu Ni Phật là vương tử, nếu Ngài không xuất gia, sẽ kế thừa ngôi vua của cha. Người ta nhìn thấu triệt, thấy minh bạch. Chuyện có ý nghĩa nhất trong đời người là học vấn thành tựu, trí huệ thành tựu, triệt để thông đạt hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, đây là có ý nghĩa, có giá trị! Sau khi đã hiểu rõ, phải giúp đỡ những người còn chưa hiểu rõ, phải giúp đỡ họ. Các vị thánh nhân trong ngoài nước xưa nay, chẳng có vị nào không theo đuổi công tác giáo học. Quý vị nói xem, thế gian này nghề nghiệp nhiều dường ấy, [cớ sao] các Ngài chọn dạy học; nhưng theo đuổi phương thức dạy học, nói theo kiểu hiện thời, sẽ là “*giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên*”. Khổng Tử thực hiện giáo dục bằng cách mở một trường học, trường học ở một chỗ. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy học, dạy suốt đời, chẳng có trường học, giảng đường lưu động. Hôm nay giảng nơi đây, ngày mai lại đổi chỗ, ngày một lại chẳng biết đến giảng ở chỗ nào! Thường xuyên đổi chỗ, chẳng ở một nơi nào! Cũng chẳng có phòng học cố định. Dưới cội cây trong núi, rừng đều là phòng học của Ngài, hai bờ sông Hằng cũng là phòng học của Ngài, người ở chỗ nào thì phòng học ở chỗ đó. Vì thế, Ngài thuộc loại giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên.

Từ những ghi chép trong kinh điển, chúng ta biết dấu chân của đức Thế Tôn trọn khắp Ngũ Ấn Độ. Thuở đó là đi bộ. Đã thế, chúng ta biết người Ấn Độ không đi giày, đi chân trần. Khéo sao Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự là bậc đại triệt đại ngộ, giáo hóa chúng sanh chẳng phân biệt sắc tộc, chẳng phân biệt quốc gia, mà cũng chẳng phân chia tôn

giáo. Người tiếp nhận giáo dục có trình độ cao thấp bất đồng, có người trí huệ rất cao, nói theo kiểu hiện thời là “*chuyên gia, học giả*”, có người là kẻ bình dân mù chữ. Vì thế, trong xã hội, trên là từ đế vương, dưới cho tới thứ dân, các ngành nghề, Ngài thấy đều có thể mở lớp dạy học, giáo hóa hết thầy chúng sanh. Ngài chẳng biên soạn sách giáo khoa, cũng chẳng biên soạn đại cương giáo học, hằng ngày cùng các đồng học đàm thoại, giải đáp những câu hỏi do các đồng học nêu ra, về sau được ghi chép lại thành kinh điển. Ghi chép là sau khi đức Phật khuất bóng mới ghi chép lại, chứ thuở ấy (thuở Phật tại thế) chẳng có. Vì thế, Ngài đến nơi nào đó dạy học xác thực là hoan hỷ, rất vui sướng, vì sao? Đi xa mà chẳng có hành lý, gánh nặng gì cũng đều chẳng có! Bất luận đi đến nơi đâu, đều là “*ba y, một bát*”, những thứ khác đều chẳng có. Quý vị thấy đơn giản lắm, vui sướng lắm, áp lực lẫn gánh nặng gì cũng đều chẳng có.

Kinh Kim Cang nói đức Phật có ngũ nhãn, [tức là] có Nhục Nhãn, Thiên Nhãn, Huệ Nhãn, Pháp Nhãn, và Phật Nhãn, ngũ nhãn viên minh. Những điều này đều nhằm tán thán trí huệ của lão nhân gia. Nhục Nhãn, giống như phàm phu chúng ta có Nhục Nhãn. Thiên Nhãn khác hẳn, Thiên Nhãn có thể thấy quá khứ, vị lai. Nói theo kiểu hiện thời, Ngài có năng lực đột phá các chiều không gian, có thể thấy những không gian mà lũ bình phàm chúng ta chẳng thấy. Chuyện này thuộc về Thiên Nhãn. Nhưng Huệ Nhãn lại khác với Thiên Nhãn, đức Phật dạy chúng ta, chư thiên có Thiên Nhãn, chẳng có Huệ Nhãn, vì sao? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng buông xuống; do vậy, chẳng có Huệ Nhãn. Trong ba loại phiền não ấy, buông xuống một thứ trong ba thứ, chẳng có chấp trước, sẽ lại có thêm một loại mắt, [tức là] có Huệ Nhãn. A La Hán, Bích Chi Phật có Huệ Nhãn, trí huệ ấy vốn sẵn trọn đủ trong tự tánh. Chỉ cần quý vị buông xuống chấp trước đối với hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa, quý vị sẽ đắc Huệ Nhãn. Quý vị mới dần dần thấy chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, vừa mới trông thấy, vẫn chưa phải là thật sự hiểu rõ. Tuy đã thấy, chẳng rõ ràng cho lắm!

Nếu lại còn buông xuống phân biệt đối với hết thầy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn phân biệt, vậy là quý vị đắc Pháp Nhãn. Pháp Nhãn rõ ràng hơn Huệ Nhãn khá nhiều. Điều này chẳng dễ hiểu cho lắm, chúng tôi dùng tỷ dụ. Người cao tuổi mắt hoa, mắt già bị hoa, có trông thấy mọi vật hay không? Thấy chứ, nhưng mơ hồ, chẳng rõ ràng cho lắm. Đây là Huệ Nhãn. Đeo kiếng bèn thấy rất rõ ràng, đó là Pháp Nhãn. Từ tỷ dụ này, quý vị có thể lãnh hội đôi chút, Pháp Nhãn trông thấy rõ ràng. Nhưng những chuyện, những hiện tượng trong khắp pháp giới hư không giới, rốt ráo từ đâu mà có? Phát sanh như thế nào? Vì sao mà có? [Để thấu hiểu] những đạo lý to lớn ấy, vẫn phải tăng tấn,

vọng tướng cũng phải đoạn trừ. Đã đoạn trừ vọng tướng, Phật Nhân bèn hiện tiền, tức là minh tâm kiến tánh. Khi kiến tánh, quý vị sẽ triệt để hiểu rõ tánh, tướng, sự lý, nhân quả của muôn sự muôn vật trong vũ trụ. Đây là Phật Nhân, tức “*vô ngại nhĩn*”, chẳng có chướng ngại.

“*Vô ngại nhĩn*” là vô ngại huệ, trí huệ rốt ráo viên mãn hiện tiền, khi ấy sẽ thấy cảnh giới gì? Thấy hết thấy Phật. “*Thấy hết thấy Phật*” có nghĩa là gì? Thật sự hiểu rõ toàn thể vũ trụ là một Thể, nhất thiết trí, nhất thiết giác. Vậy thì nếu chúng ta hỏi: Chúng sanh khổ nạn đang mê muội trong tam đồ lục đạo có phải là Nhất Thiết Trí hay không? Đúng vậy! Lời này phải hiểu như thế nào? Chúng ta vẫn dùng tỷ dụ của tổ sư đại đức từ xưa để nói. Cổ đức dùng vàng và đồ vật để tỷ dụ. “*Dùng vàng làm các món vật, món nào cũng đều là vàng*”. Vàng và đồ vật là một, không hai. Chúng ta sánh ví vàng như Pháp Tánh. Pháp Tánh là Trí. Sánh ví đồ vật như pháp tướng; đây là các hiện tượng, vạn sự, vạn tướng trong vũ trụ. Người giác ngộ sẽ biết, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là “*tâm hiện, thức biến*”, thuần chân vô vọng! Kẻ mê chẳng biết, chẳng biết tất cả hết thấy hiện tượng đều là tâm tánh, không biết! Do vậy, ở đây là vấn đề giác và mê. Khi mê thì gọi là chúng sanh, khi giác gọi là Phật. Thật ra, Phật và chúng sanh là một, không hai.

Quý vị đã giác, tánh và tướng chẳng hai; hễ mê thì vẫn là tánh và tướng chẳng hai. Tuyệt đối chẳng phải là nói tánh và tướng sẽ biến đổi theo sự mê hay ngộ của quý vị, chẳng phải vậy, nó chưa hề biến đổi theo quý vị. Cái biến đổi theo quý vị, sẽ chẳng phải là chân tánh; đó là thứ gì vậy? Đó là vọng tướng, chư vị phải biết điều này. Trong A Lại Da, theo như kinh điển Pháp Tướng Tông đã nói, chúng tử đã in dấu trong A Lại Da dấy lên phản ứng. Trong chân tánh có [vọng tướng] hay không? Trong chân tánh chẳng có! Trong chân tánh chẳng có thiện, mà cũng chẳng có ác, chẳng có chân, mà cũng chẳng có vọng. Nhà Phật gọi điều này là pháp môn Bất Nhị. Nhị là gì? Đối lập. Trong chân tánh chẳng có đối lập; hễ thứ gì đối lập thì chẳng thật!

Do vậy có thể biết, trong các buổi giảng, chúng tôi thường dẫn dụng thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng, thí nghiệm cho thấy nước có thấy, nghe, hay, biết, nó có thể phản ứng với sắc, thanh, hương, vị. Trong ấy, sự “thấy, nghe, hay, biết” là có, nhưng trong “thấy, nghe, hay, biết” có đối lập hay không? Chẳng có! Phải biết điều này, tuyệt đối chẳng có! Vì sao chúng ta dùng thiện niệm đối với nó, nó sẽ phản ứng bằng mô thức kết tinh rất đẹp. Đối với nó bằng ác niệm, nó sẽ phản ứng bằng mô thức kết tinh rất xấu xí. Đây là chuyện như thế nào? Đây là chúng tử tập khí chứa đựng trong A Lại Da dấy lên hiện hành, do gặp duyên bèn dấy lên hiện hành. Gặp thiện duyên bèn dấy lên hiện hành thiện; gặp ác duyên bèn dấy lên hiện hành ác. Trong Pháp Tánh

thì sao? Trong Pháp Tánh chẳng có thiện hay ác, phải hiểu đạo lý này! Đạo lý này quá sâu!

Cho nên, từ thí nghiệm với nước trong khoa học, có thể nói rõ các hiện tượng trong lục đạo và mười pháp giới, chúng ta nói là “có nhân, có quả”. Thiện nhân có thiện quả, ác nhân có ác báo; đây là lục đạo, là mười pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới chẳng có, vì sao chẳng có? Trong Nhất Chân pháp giới chẳng có ý niệm! Chúng ta có thiện niệm và ác niệm, trong Nhất Chân pháp giới chẳng có thiện niệm, mà cũng chẳng có ác niệm. Vì sao biết? Chẳng khởi tâm, không động niệm, thì là đoạn vọng tưởng. Vọng tưởng là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là vô minh. Chúng ta dùng một thiện niệm, hay dùng một ác niệm, chẳng phải là khởi tâm động niệm hay sao? Không chỉ là khởi tâm động niệm, mà trong ấy còn có phân biệt, chấp trước. Vì thế, nó biến hiện, chúng ta ý thức rất rõ ràng đó là chúng tử được in dấu trong A Lại Da, chẳng phải là chân tánh. Nếu quý vị muốn kiến tánh, thấy chân tánh, đối với vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị ắt cần phải thấy đều đoạn trừ, sau đây sẽ thấy gì? Thấy hết thấy chúng sanh đều thành Phật, hoặc là như trong kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác đã nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật*”, thật đấy, chẳng giả!

Vì sao chư Phật Như Lai chân thành lễ kính hết thấy chúng sanh như vậy? Lễ kính hết thấy chúng sanh chính là lễ kính chân tánh của chính mình, lễ kính Tánh Đức của chính mình, người khác và chính mình có mối quan hệ mật thiết như thế đó. Núi, sông, đại địa, cây cối, hoa, cỏ, cùng chung một Pháp Thân, đều là tâm hiện thức biến; lia khỏi tâm thức thì chẳng có một pháp nào để có thể được. Đây gọi là “*thấy hết thấy Phật*”. Đạt đến cảnh giới ấy, quý vị mới thật sự hiểu rõ một câu ngôn ngữ của cô đại đức: “*Thiên hạ vốn vô sự, kẻ ngu tự lo sầu*”. Khế nhập cảnh giới ấy, mới thật sự hiểu rõ câu này. Chẳng khế nhập cảnh giới ấy, nghe câu này chẳng hiểu. Máy chữ ấy đều nhận biết, nói thì cũng nghe rất rõ ràng, dường như đã hiểu, thật ra hoàn toàn không hiểu. Vì sao không hiểu? Chẳng phải là cảnh giới của quý vị! Đây là cảnh giới của chư Phật Như Lai, quý vị làm sao hiểu nổi? Nếu quý vị đã hiểu, đã nhập cảnh giới này, quý vị đã thành Phật; sau đây, quý vị mới thấy hết thấy chúng sanh chẳng khác chư Phật Như Lai.

Nhất định phải diệt trừ chướng ngại, hết thấy chúng sanh thấy đều là vô ngại nhãn, đều là ngũ nhãn viên minh. Lũ phàm phu chúng ta có nghiệp chướng, chẳng có Thiên Nhãn. Do có chấp trước, [cho nên] chẳng có Huệ Nhãn. Do có phân biệt, chẳng có Pháp Nhãn. Do khởi tâm động niệm, chẳng có Phật Nhãn. Hiện thời, chỉ còn lại Nhục Nhãn, đã nhìn sai khá nhiều chuyện. Nhìn sai người, bị thua thiệt, bị lừa gạt. Nhìn sai việc, cũng phạm phải làm lỗi. Có thể nói là trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, những chuyện này thường xuyên tồn tại, chỉ

cần quý vị lưu ý là có thể hoàn toàn trông thấy. Sau khi quý vị đã thấy, quý vị có còn động tâm hay không? Phàm phu chẳng có ai không động tâm, bị thua thiệt, bị lừa gạt rất oan uổng. Đây là quý vị khởi tâm động niệm. Một chuyện làm rất viên mãn, rất thành công, quý vị rất hưng phấn, rất vui sướng; nói cách khác, phản ứng của quý vị là thất tình ngũ dục.

Chuyện này khác với Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát ứng hóa trong lục đạo, ứng hóa trong tam đồ, thấy chúng sanh trong lục đạo tạo ác, hành thiện, tạo ác nhiều, hành thiện ít, Phật, Bồ Tát có động tâm hay không? Chẳng có! Tâm của Phật, Bồ Tát giống như một mặt gương, soi rành mạch, rõ ràng, phân minh. Hiện tượng ấy là chuyện như thế nào? “*Phàm những gì có hình tướng, đều là hư vọng*”. Duyên tụ bèn có, duyên tán thì không! Nghiêm túc tỉ mỉ quan sát, thừa cùng chư vị, nhân duyên cũng chẳng phải là thật. Chuyện này càng nói càng sâu. Quý vị hãy ngẫm xem trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Lại nghĩ đến lời đức Thế Tôn đã nói trong kinh Lăng Nghiêm, Ngài nói đến Thật Tướng của các pháp, chẳng phải là nhân duyên, chẳng phải là tự nhiên, chẳng phải là hòa hợp, chẳng phải là bất hòa hợp. Do vậy, chẳng có khởi tâm động niệm. Cũng chính vì “chẳng khởi tâm, không động niệm” nên mới nhìn thấy rõ ràng như thế. Đây gọi là Phật Nhãn, cao minh hơn Bồ Tát nhiều lắm. Bồ Tát biết lẽ đương nhiên, nhưng chẳng biết nguyên nhân. Đạt đến địa vị Phật thì mới là viên mãn rốt ráo!

Nay chúng ta là phàm phu chánh công mê chứ chẳng giác, chính mình phải thừa nhận, từ vô lượng kiếp đến nay đã sanh tử luân hồi trong lục đạo, chẳng có cách nào thoát lià. Câu nói “*con người đáng quý ở chỗ tự biết mình*” chính là cách ngôn của bậc cổ thánh, điều đáng quý, chuyện khó thể làm được là “nhận biết chính mình”. Trong trạng huống hiện thời của chúng ta, nay đã tiếp nhận giáo huấn của đức Phật, đây là duyên; chính mình có thể tin, có thể giải, đó là thiện căn, [tức là] thiện căn từ đời quá khứ. Đúng là giống như trong thí nghiệm với nước, Phật, Bồ Tát thị hiện, dùng một thiện niệm đối với các Ngài, các Ngài sẽ phản ứng rất tốt đẹp. Nay chúng ta tiếp nhận giáo huấn từ kinh giáo của Phật, Bồ Tát, bèn dấy lên phản ứng, dấy lên ý nguyện rất muốn y giáo phụng hành, rất mong thành tựu ngay trong một đời này. Đây là trong A Lại Da từ đời quá khứ đã có chủng tử tập khí này, giống như nước phản ứng bằng mô thức kết tinh rất đẹp đẽ, gặp gỡ thiện duyên mà! Gặp một ác duyên, [chẳng hạn như] giết, trộm, dâm, dối, trong tâm chúng ta cũng bị nó (ác duyên ấy) lay động, cũng sẽ thuận theo nó làm chuyện xấu xa, đây là như thường nói: “*Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen*”. Chư Phật, Bồ Tát dấy khởi cảm ứng đạo giao cùng chúng sanh trong mười pháp giới, vì sao? Có thể từ chỗ này mà thấu hiểu. Đây

chính là giáo dục, giúp cho một cá nhân quay đầu là bờ.

Thiện chúng tử được huân tu từ vô lượng kiếp đến nay trong A Lại Da Thức; đây là nhân. Phật, Bồ Tát trông thấy kẻ đó có cái nhân ấy, cái nhân ấy là cảm, Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ, thúc đẩy kẻ ấy; đó là duyên. Do vậy, giáo huấn của Phật, Bồ Tát là duyên. Gặp gỡ duyên ấy, thiện căn của kẻ đó dấy lên hiện hành, sẽ có thể nâng cao cảnh giới của chính mình. Nói cách khác, nay chúng ta thuộc địa vị phàm phu, chuyện quan trọng nhất là làm thế nào để nâng cao chính mình, những chuyện khác là chuyện nhỏ nhặt, chẳng đáng nhắc tới. Chúng ta toàn là giả, quý vị làm những chuyện ấy để làm gì? Tăng tấn cảnh giới của chính mình, đây là chuyện to lớn.

Hôm qua, có một đồng tu tại Thâm Quyển vãng sanh, vãng sanh vào lúc hơn bốn giờ chiều. Trước khi vãng sanh, ông ta nói muốn đến Hương Cảng gặp tôi. Chiều hôm qua, khi chúng tôi bắt đầu giảng kinh thì ông ta ra đi, biết trước lúc mất, hết sức khó có. Đây là có thiện căn, thiện căn đã chín muồi. Năm xưa, nghe tôi giảng kinh, nghe tôi nhắc đến những người niệm Phật trong Vãng Sanh Truyện, đại khái là từ ba năm đến năm năm bèn thành công, bèn ra đi, biết trước lúc mất, qua đời. Dầu còn có thọ mạng, chẳng cần đến. Người đã thành công mà không ra đi thì chỉ có một điều kiện: Người ấy còn có duyên với thế gian này, vẫn chưa thể ra đi. Đây là gì? Phải mang thêm mấy người theo đi, phải giúp đỡ mấy người ấy vãng sanh. Trừ chuyện này ra, chẳng có chuyện thứ hai nào khác! Nếu chẳng có duyên với thế gian này, chẳng có ai nghe theo vị ấy, chẳng có ai tiếp nhận giáo huấn của vị ấy, vị ấy bèn ra đi. Vị đồng tu này chỉ ba mươi tám tuổi, biết trước lúc mất; ông ta tu thành công như thế nào? Cư sĩ Hương Tiêu Ly làm hộ pháp cho ông ta, ông ta muốn bẻ quan ba năm. Cư sĩ Hương Tiêu Ly hộ trì ông ta. Suốt ba năm niệm một câu Nam-mô A Di Đà Phật, đúng là “*niệm mệt mới bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe khoẻ rồi bèn niệm tiếp*”, chẳng có ý niệm chi khác. Suốt ba năm chẳng nói một câu nào, điều này rất trọng yếu, bí quyết thành công ở ngay chỗ này. Đây là gì? Buông xuống muôn duyên, đặc Niệm Phật tam-muội.

[Ông ta] ra đi hôm qua, còn kém hai tháng mới tròn ba năm, hai năm mười tháng đã thành công. Quý vị thấy đó, vãng sanh dễ dàng như thế đó, tức là đơn giản như thế đó! Vấn đề là quý vị có chịu thật sự hành hay không? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, thừa cùng chư vị, chính là “*đắc vô ngại nhân*”, thấy hết thấy chúng sanh trong trọn khắp pháp giới hư không giới chẳng có một ai không phải là Phật, hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật. Những gì kinh Hoa Nghiêm đã dạy, người ấy đều thấy. A! Nay đã hết thời gian rồi, bài kệ này nói tới đây.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ thứ ba tiếp theo:

(Kinh) Để quán Phật thời, đương nguyện chúng sanh, giai như Phổ Hiền, đoan chánh nghiêm hảo.

(經)諦觀佛時。當願眾生。皆如普賢。端正嚴好。

(Kinh: Lúc quán kỹ Phật, nguyện cho chúng sanh, đều như Phổ Hiền, đoan chánh, nghiêm hảo).

“Để quán” (諦觀) nói theo kiểu hiện thời là chú tâm nhìn, nhìn cẩn thận, nhìn cung kính, thật thà mà nhìn; đó gọi là Để Quán, tức nhìn Phật. Vào thời cổ, tạc tượng Phật bèn chú trọng sự biểu thị pháp. Trong kinh Phật, có một bộ kinh mang tựa đề là Tạo Tượng Lượng Độ Kinh (造像量度經). Đức Phật dạy tạo hình tượng thì phải tạo theo cách nào, tỷ lệ giữa các bộ vị trên thân tượng phải tương xứng, cũng chính là như kinh thường nói “*ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo*”. Nếu có thể nêu bày ra, nhìn cẩn thận, sẽ đều có thể thấy được ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Mỗi tướng hảo đều biểu thị phước báo nơi trí huệ, đương nhiên là trí huệ và phước báo là quả, quả thì ắt phải có nhân. Khiến cho chúng ta trông thấy quả, bèn nghĩ đến Phật, Bồ Tát thuở tại thế đã tu nhân như thế nào thì mới có thể thành tựu tướng hảo thù thắng dường ấy, đã ban cho bọn hậu học chúng ta một sự khơi gợi, dấy khởi rất lớn, có ý nghĩa giáo dục rất trọng yếu. Đây là ý nghĩa thứ hai của việc thờ phụng tượng Phật, “*kiến hiền tư tề*” (見賢思齊, thấy người hiền, mong được bằng).

Trong phân trước, ý nghĩa thứ nhất [của việc thờ phụng tượng Phật] là ý nghĩa báo ân. Đó gọi là “*báo bản phản thi*” (報本反始, báo đáp cội nguồn, truy ngược về sự khởi đầu), chúng ta phải kỷ niệm thầy. Ý nghĩa thứ hai là thấy hình tượng của thầy, sẽ học tập thầy, bắt chước thầy. Đây chẳng phải là lay lục ngẫu tượng, chẳng phải là mê tín, đây là giáo dục. Chư vị suy ngẫm [sẽ thấy] hai loại giáo dục này trọng yếu dường ấy, có nhiều ý nghĩa ngàn ấy, làm sao có thể nói nó là mê tín cho được? Sự hiểu lầm ấy đúng là hiểu lầm đến nỗi phải kêu rầm trời. Lấy ngay quốc gia, xã hội trong hiện thời [để bàn thảo], chúng ta đến bất cứ một quốc gia nào, những nơi chốn công cộng, nhất là cơ quan của chánh phủ, quý vị sẽ đều trông thấy họ treo hình ảnh Tổng Thống, Phó Tổng Thống, quốc kỳ, quốc huy. Chúng ta phải hỏi, đây có phải là mê tín hay không? Đây có phải là lay ngẫu tượng hay không? Vì sao chúng ta tạo tượng Phật lại biến thành ngẫu tượng, còn những tượng do quý vị đắp, tạc đều chẳng gọi là ngẫu tượng, đều chẳng thể gọi là mê tín?

Tượng Phật có ý nghĩa càng sâu, càng rộng hơn những hình

tượng ấy. Ba mươi hai tướng [hiểu theo ý nghĩa] đơn giản nhất, rõ rệt nhất, chính là ba mươi hai loại thiện nhân và thiện quả. Hễ trông thấy, [những tướng ấy] nhắc nhở quý vị phải tu thiện nhân thì mới có thể đắc thiện quả. Thiện phải là chân thiện, sau đây mới kèm thêm các món hảo, được gọi là “*tướng hảo*”, [thành ra] ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo. Tướng hảo thật sự của đức Phật chúng ta tạo không nổi, giống như trong kinh Hoa Nghiêm nói đến Tỳ Lô Giá Na Phật, đây là Báo Thân Phật: “*Thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo*”. Chỉ nói đơn độc về tướng hảo, chúng ta đã chẳng thể lãnh hội được! Chúng ta chỉ có thể trông thấy “*cành thô, lá to*”, chứ những tướng hảo cực kỳ vi tế, chúng ta chẳng có cách nào cảm nhận được. Đây là lý do vì sao bảo quý vị hãy “*đế quán*”, trong “*đế quán*” còn có ý nghĩa này.

Điều trọng yếu nhất trong đế quán là quán tướng, nghĩ đến trí huệ, đạo đức, từ bi, công đức của đức Phật, vô tư, vô ngã, thanh tịnh, bình đẳng. Giáo hóa chúng sanh, đáng nên dùng thân gì để dạy, Ngài bèn hiện thân ấy. Tùy theo trình độ và căn tánh của chúng sanh mà ứng cơ thí giáo (ban bố giáo pháp tương ứng với căn cơ), chẳng có pháp nhất định; cho nên mới có thể phổ độ chúng sanh. Nếu có pháp nhất định, sẽ chẳng thể phổ độ, vì sao? Pháp nhất định thì quý vị chỉ có thể thích hợp với [những đối tượng phù hợp] tiêu chuẩn giáo học của quý vị. Chẳng thích hợp thì sẽ chẳng có cách nào hết! Đức Phật chẳng có tiêu chuẩn dạy học, chẳng có pháp nhất định; vì thế, đối với mỗi chúng sanh trong mười pháp giới, Ngài đều có thể dạy, chẳng bỏ sót một ai, đúng như trong Phật môn đã nói: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Đây mới là bình đẳng từ bi thật sự. Kẻ chẳng có thiện căn, đức Phật giúp đỡ người ấy gieo thiện căn. Người đã có thiện căn, đức Phật giúp người ấy tăng trưởng. Người thiện căn chín muồi, đức Phật giúp người ấy thành tựu. Từ đầu tới cuối kinh Hoa Nghiêm, ý nghĩa này hết sức rõ rệt, từ trong mỗi dòng chữ, quý vị đều có thể lãnh hội tinh thần giáo hóa chúng sanh của đức Phật khi Ngài tại thế.

Khi “*đế quán*” Phật, dẫn phát đại nguyện là nguyện cho hết thảy chúng sanh, “*giai như Phổ Hiền, đoan chánh nghiêm hảo*” (đều như Phổ Hiền, đoan chánh, trang nghiêm, tốt đẹp). “*Nghiêm*” (嚴) là trang nghiêm, nay chúng ta nói là “*đẹp đẽ*”, chẳng có mây may khuyết hãm. Vì sao phải nêu ra Phổ Hiền? Quán Âm Bồ Tát chẳng phải là rất tốt ư? Văn Thù Bồ Tát chẳng phải là tốt lắm ư? Vì sao chỉ nêu một mình Phổ Hiền? Nếu nói đến “*đoan chánh nghiêm hảo*” thì có thể nói là tất cả các vị Bồ Tát thầy đều trọn đủ đoan chánh nghiêm hảo. Vậy thì nêu lên Phổ Hiền nhằm biểu thị ý nghĩa gì? Phổ Hiền biểu thị thật sự hành! Giáo pháp Đại Thừa của đức Thế Tôn được truyền đến Trung Hoa, điểm chủ yếu nhất trong giáo pháp Đại Thừa là bốn pháp môn, nói theo cách hiện thời là “*bốn môn công khóa*” do bốn vị Bồ Tát làm đại biểu,

phải nên biết điều này.

Vị thứ nhất là Địa Tạng Bồ Tát, biểu thị hiệu thân, tôn sư (hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính thầy), dạy học phải bắt đầu từ chỗ này. Vì thế, danh hiệu của Ngài là Địa Tạng. Địa (Kṣiti, 地) là gì? Đại địa. Tạng (Garbha, 藏) là bảo tạng (寶藏, kho báu). Quý vị thấy loài người chúng ta sống trong thế gian này, con người sống trong thế gian thì cuộc sống dựa vào gì? Dựa vào đại địa, dựa vào bảo tạng trong đại địa chúng ta mới có thể sanh tồn. Ngũ cốc, các loại lương thực mà chúng ta ăn đều sanh trưởng trên đất, đây là Bảo. Những thứ chúng ta mặc, sử dụng đều sanh ra từ đất. Ngoài thực vật còn có khoáng vật; dưới đại địa có vô lượng khoáng vật, cung cấp những nhu cầu sử dụng thường nhật cho chúng ta. Vì thế, dùng [thánh hiệu] Địa Tạng.

Áp dụng ngược lại tỷ dụ này vào chúng ta, Địa là tâm địa. Đức Phật nói chân tâm của chúng ta vốn trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Vô lượng trí huệ giống như quặng mỏ, trong đại địa chứa đựng khá nhiều thứ kim loại quý trọng. Vô lượng đức năng giống như sự vận hành của đại địa, vô lượng tướng hảo giống như núi, sông, cây cối, hoa cỏ, ngũ cốc, các loại lương thực. Đó là tướng hảo. Do vậy, danh từ Địa Tạng là biểu thị pháp. Nếu chúng ta biết khai thác, gạn lọc kho báu trong tâm địa, sẽ thọ dụng bất tận! Trí huệ, đức năng và tướng hảo của quý vị chẳng hai, chẳng khác chư Phật Như Lai, quý vị có cần phải kinh doanh nữa hay chẳng? Chẳng cần! Người thế gian đạt được phú quý chẳng dễ dàng, các vị hãy ngâm xem, kinh Hoa Nghiêm nói đến sự phú quý của Tỳ Lô Giá Na Phật, kinh Vô Lượng Thọ nói đến sự phú quý của A Di Đà Phật, có cần phải kinh doanh hay không? Chẳng cần, tự nhiên! Quý vị thấy một tòa cao ốc này cần bao nhiêu người thiết kế, các thứ vật liệu, các loại nhân công, thiếu một thứ đều không được. Cung điện bảy báu trong thế giới Cực Lạc và thế giới Hoa Tạng chẳng có ai thiết kế, mà cũng chẳng có người lo liệu xây dựng, [toàn là] tự nhiên!

Đối với chuyện ăn uống hằng ngày, ba bữa cơm của chúng ta cần rất nhiều người làm lụng trong bếp. Quý vị thấy thế giới Cực Lạc, quý vị muốn ăn cơm, ý niệm vừa mới chớm, cơm và thức ăn đã bày sẵn trên bàn, thức ăn trăm vị! Món ăn trăm vị: Xưa kia hoàng đế ăn uống, thức ăn trong mỗi bữa cơm đều là một trăm món đồ ăn. Điền cô “*bách vị ẩm thực*” do đây mà có. Bất luận hoàng đế ăn hay không, đương nhiên mỗi bữa ăn nhất định là một trăm món thức ăn. Do vậy, ngự trù đương nhiên là những đầu bếp nổi tiếng, một trăm món đồ ăn lại còn chẳng thể mỗi ngày đều giống nhau. Mỗi ngày đều như nhau thì không được, người ta trông thấy chán ngán, phải thường xuyên thay đổi. Trong thế giới Cực Lạc, nếu quý vị muốn dùng bữa, có thể một trăm món là tối thiểu. Đây là thế giới Cực Lạc, trong kinh Vãng Sanh có nói vấn đề này.

Nhưng lại suy nghĩ, đã đến thế giới Cực Lạc, tức là không còn trong mười pháp giới, chẳng cần dùng [ấm thực] nữa! Khi chẳng dùng nữa, nó sẽ chẳng có. Vì thế, cũng chẳng cần dọn dẹp, cũng chẳng phải rửa chén, rửa đĩa, chẳng cần! Tự nhiên chẳng có. Nghĩ đến áo được áo, nghĩ đến ăn bèn có ăn, đúng là thuận theo lòng muốn, thật sự là “*tâm tương sự thành*”. Vì sao? Tánh Đức khởi tác dụng, đó là “*đắc đại tự tại!*”

Quý vị ở trong nhà cửa, nhà cửa trang nghiêm, tinh xảo, đẹp đẽ, đáng gọi là cung điện. Quý vị thích ở trên mặt đất, nhà quý vị sẽ ở trên mặt đất. Quý vị thích ở trên không trung, nhà ở liền thăng lên không trung. Mong nó thăng lên cao hơn, nó sẽ cao hơn, ổn định, chẳng lay động chút nào, chẳng chấn động mây may nào! Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, những thứ ấy hoàn toàn thuộc về quả báo, đều thuộc về Tánh Đức. Dùng phương pháp gì? Giống như ngũ cốc, các loại lương thực trên đại địa đều phải gieo trồng thì mới có thu hoạch, phải khai thác những quặng mỏ vàng, bạc, đồng, sắt dưới đất, đã khai thác rồi còn phải nung luyện. Nếu không, quý vị chẳng thể sử dụng được. Trong tự tánh của chúng ta có vô lượng của báu, tức là trí huệ, đức năng, và tướng hảo, dùng phương pháp gì để khai thác? Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta “*hiếu thân, tôn sư*”. Do vậy, kinh Địa Tạng là Hiếu Kinh của Phật môn. [Hiếu thân, tôn sư] là hai công cụ trọng yếu để khai thác Tánh Đức mà ai nấy đều có, bản thân quý vị phải biết dùng thì mới có thể khai thác kho báu trong tự tánh.

Quý vị xem kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Phật giảng cho phu nhân Vy Đề Hy nghe. Nói thật ra, phu nhân Vy Đề Hy cũng là Bồ Tát tái lai, dùng thân phận hoàng hậu để hóa độ chúng sanh. Bà hỏi thay cho chúng ta, đức Phật giải đáp cho bà ta, chính là nói với mọi người. Đây là một hỏi, một đáp. Học Phật thì bắt đầu học từ chỗ nào? “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”, học từ chỗ này. Chư vị hãy ngẫm xem, bốn câu ấy có phải là Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên Kinh hay không? Do vậy, trong giáo pháp Đại Thừa, đây là một môn học đầu tiên, là môn công khóa tu học thứ nhất, hiếu thân tôn sư. Nếu chẳng có môn học này, quý vị học những thứ khác sẽ hoàn toàn xôi hỏng bỏng không, giống như xây nhà, đây là tầng thứ nhất.

Hiếu thân tôn sư lại tiến cao hơn, sẽ do Quán Thế Âm Bồ Tát làm đại biểu. Ngài đại biểu điều gì? Đại từ, đại bi, giáo dục từ bi, tức là khuếch trương hiếu thân tôn sư, nói thật ra là hai chữ Hiếu Kính. Hiếu kính được mở rộng, hiếu kính hết thầy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới. Đây là môn học thứ hai. Bồ Tát Giới Kinh bảo, “*hết thầy người nam là cha ta, hết thầy người nữ là mẹ ta*”. Lại nói “*hết thầy chúng sanh đều là vị lai Phật*”. Đối với Phật phải kính, đối với

cha mẹ phải hiếu. Quán Âm Bồ Tát làm được, mở rộng lòng hiếu kính đến hết thầy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, giáo dục lòng yêu thương: “*Ai tâm khắp pháp giới, thiện ý ngật Sa Bà*”, Quán Thế Âm Bồ Tát làm đại biểu. Sau đây, quý vị mới hiếu Quán Thế Âm đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, dùng gì để cứu khổ cứu nạn? Dùng đại hiếu, dùng đại kính, hiếu kính sẽ có thể cứu khổ cứu nạn. Hiện thời, thế giới này có quá nhiều tai nạn, lắm xung đột, làm thế nào để hóa giải xung đột? Làm thế nào để khôi phục hòa bình trong thế giới này? Quán Âm Bồ Tát thật sự hữu hiệu. Ai nấy có thể hiếu thảo với cha mẹ, phát huy rạng rỡ lòng hiếu thảo với cha mẹ, ai nấy có thể kính trọng thầy, phát huy rạng rỡ lòng kính yêu, sẽ chẳng có xung đột, chẳng có tai nạn, xã hội an định, thế giới sẽ hòa bình. Chẳng có ai biết. Vì thế, trông thấy hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, lập tức phải nghĩ đến hiếu thân tôn sư, trông thấy hình tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ nghĩ đối với hết thầy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới đều phải nên hiếu, phải nên kính.

Môn học thứ ba do Văn Thù làm đại biểu. Văn Thù đại biểu trí huệ, đại biểu lý trí. Vì sao? Nếu có cảm tình xen vào thì hiếu kính sẽ chẳng viên mãn. Cảm tình sẽ nảy sanh lệch lạc, nảy sanh lòng yêu thương thiên vị, sẽ chẳng đạt được công bằng. Do vậy, phải nên làm như thế nào? Phải nên có lý trí, phải dùng trí huệ, đừng nên dùng cảm tình, phải dùng sự thanh tịnh, đừng dùng sự nhiễm ô, phải dùng lòng bình đẳng, đừng nên dùng tâm cao hạ. Đây là điều được biểu thị bởi Văn Thù Bồ Tát, như vậy thì sẽ giống như Phật.

Thứ tư là Phổ Hiền. Phổ Hiền đại biểu gì? Phổ Hiền đại biểu thực tiễn, tức là thực hiện. Thực hiện hiếu kính, từ bi, trí huệ trong cuộc sống của chính mình, thực hiện trong khởi tâm động niệm, trong cuộc sống hằng ngày, trong công việc, trong cách đối người tiếp vật của chính mình. Phổ Hiền là thực hiện, nay chúng ta nói là “*thật sự làm*”. Ngài điều gì cũng đều làm được. Do vậy, quý vị nên hiểu rõ ý nghĩa của “*đế quán Phật thời*” (khi quán Phật cận kề): Đối với giáo huấn của Phật Đà, chúng ta phải thực hiện một trăm phần trăm giống như Phổ Hiền Bồ Tát. Chư vị phải biết, trong kinh Hoa Nghiêm này, Hoa Nghiêm Tam Thánh gồm một vị Phật, hai vị Bồ Tát, nhằm thể hiện sự biểu thị pháp trong môn học này. Phật là Tỳ Lô Giá Na, Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ, có nghĩa là “*không lúc nào chẳng tồn tại, không nơi đâu chẳng tồn tại*”, đây là gì? Pháp Tánh! Do vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật gọi Ngài (Tỳ Lô Giá Na) là Pháp Thân Phật. Có hình tướng hay không? Chẳng có hình tướng, Pháp Thân Phật chẳng có hình tướng, trọn khắp hết thầy mọi nơi. Khoa học gia hiện thời nói về năng lượng, danh từ khoa học là Trường, năng lượng và trường chẳng có hình tướng.

Ngoài ra, hai vị Bồ Tát thì một là Văn Thù, hai là Phổ Hiền. Văn Thù biểu thị trí huệ, Phổ Hiền biểu thị thực tiễn. “*Phổ*” (普, Samanta) có ý nghĩa tương ứng với Tỳ Lô Giá Na. “*Phổ*” là phổ biến, cũng là “*không đâu chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại*”. Trong phẩm tiếp theo, chúng tôi sẽ nói đến Hiền (賢, Bhadra). Phẩm kế tiếp là phẩm Hiền Thủ (賢首), sẽ giải thích tỉ mỉ chữ Hiền. Tự tánh vốn sẵn đủ hiền đức. Chính mình phải làm đến mức như Phổ Hiền, sau đấy mới nhìn lại, sẽ thấy hết thấy chúng sanh không ai chẳng phải là Phổ Hiền, nó chứa đựng ý nghĩa sâu xa ngàn ấy! Vì thế, thấy Phổ Hiền Bồ Tát, chúng ta sanh tâm hổ thẹn, vì sao? Ngài làm được, vì sao chúng ta chẳng làm được? Hãy nên nỗ lực gắng công đuổi kịp. Hiện thời, hãy từ chỗ cơ sở nhất, Đệ Tử Quy chẳng làm được, đấy là điều cơ sở nhất. Đối diện Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát đối với giáo huấn của chư Phật, đã thực hiện viên mãn từng ly từng tý. Bất luận là bộ kinh, luật, luận nào, Ngài đều làm được toàn bộ.

Đối với giáo huấn của Phật, Phổ Hiền là thật sự học, chân thật học tập, chẳng có câu nào nói suông! Thực hiện viên mãn Đệ Tử Quy, thực hiện viên mãn Thập Thiện Nghiệp Đạo, thực hiện viên mãn Tam Quy, Ngũ Giới, thực hiện viên mãn lục độ, vạn hạnh, chẳng có gì Ngài không thực hiện viên mãn, làm được một trăm phần trăm. Đấy gọi là Phổ Hiền. Người thế gian chẳng thể sánh bằng Ngài. Người thế gian [biến giáo huấn của đức Phật thành] học vắn, suốt đời trước tác khá nhiều, nhưng hoàn toàn chẳng làm được. Học rất nhiều, lý giải rất nhiều, vì người khác diễn nói cũng rất nhiều, chính mình chẳng làm được! Do vậy, Thiên Thai đại sư đã nói, theo truyền thuyết, ngài Trí Giả (Thiên Thai đại sư) là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai. Người Nhật Bản hết sức sùng bái Ngài, người Đại Hàn cũng thế. Khi tôi sang thăm Nhật Bản, [có nói với họ, theo] truyền thuyết, Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật tái lai, Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai. Họ nói họ biết, họ cũng có truyền thuyết ấy, là truyền thuyết từ xưa, từ Trung Hoa truyền sang Nhật Bản, truyền sang Hàn quốc.

Do vậy, vì sao chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh có thể sanh ra hiệu quả to lớn ngàn ấy? Một mực ảnh hưởng cho đến hiện thời, ảnh hưởng đến toàn thể thế giới. Chẳng có gì khác, các Ngài thấy đều làm được rồi mới nói, mới dạy kẻ khác. Các Ngài thật sự nêu gương tốt, nêu tấm gương tốt nhất. Vì thế, kẻ khác chẳng thể không khâm phục các Ngài, chẳng thể không bị ảnh hưởng, đạo lý ở chỗ này. Đấy là thánh nhân. Phàm những gì các Ngài đã nói, các Ngài đều có thể làm được, đấy là hiền nhân, kém hơn một bậc! Vì sao kém một bậc? Thánh nhân thì rất nhiều vị làm được nhưng không nói, các vị ấy viên mãn; hiền nhân thì nói xong các vị ấy có thể thật sự thực hiện, có thể làm được, chẳng nói thì không tính. Nếu nói mà làm chẳng được, đấy là phàm

nhân, chẳng phải là thánh hiền. “*Nói được mà chẳng làm được*” chẳng phải là không làm; nói rồi cũng làm, nhưng chẳng làm viên mãn! Chẳng hạn như nói “*hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si*”, người đọc sách xưa kia có làm hay không? Làm chứ! Nếu chúng ta coi một trăm phần là trọn vẹn thì những người ấy tối đa chỉ có thể làm nổi mười phần, hai mươi phần, chẳng đạt chuẩn để được coi là hiền nhân, đạo lý ở chỗ này! Vì sao phàm phu học theo thánh hiền mà chẳng học thành công? Chẳng có cách nào thực hiện một trăm phần trăm! Vì sao chẳng thể thực hiện? Chẳng buông xuống tập khí phiền não được, nguyên nhân thật sự là ở chỗ này. Do vậy, quý vị chẳng thành thánh, mà cũng chẳng thành hiền.

Trong Phật pháp, thánh là Phật, hiền là Bồ Tát, quý vị thấy chúng ta ở đây nói tới các địa vị thuộc về Thập Tín. Hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín ắt phải buông xuống tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thuộc tam giới thì mới làm được một chút, thật sự hành mà! Nhập cảnh giới Phật là học trò lớp Một Tiểu Học, vào học, thật sự nhập học để học tập. Trong tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, điều đầu tiên là Thân Kiến, nói thật ra là như kinh Kim Cang đã dạy: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Vị ấy làm được, đương nhiên là làm chẳng viên mãn, có thể làm được ba phần, hoặc có thể làm đến năm phần bèn nhập môn. Lũ bình phàm chúng ta chẳng làm được, một phần cũng chẳng làm được! Sau đây, Nhị Tín, Tam Tín, đại khái là vị ấy đã làm viên mãn, môn học ấy bèn viên mãn!

Sau khi đã viên mãn, lại đoạn Tư Hoặc. Tư Hoặc là gì? Tham, sân, si, mạn, nghi, cũng là dần dần đoạn từng phần. Đạt đến địa vị Thất Tín sẽ đoạn sạch, tức là đã đoạn Kiến Tư phiền não trong lục đạo. Kiến Tư phiền não là cái nhân luân hồi trong lục đạo. Vì thế, Bồ Tát đạt đến địa vị Thất Tín bèn vượt thoát lục đạo, chẳng ở trong lục đạo. Chẳng ở trong lục đạo thì đến nơi đâu? Trong Bồ Tát pháp giới thuộc tứ thánh pháp giới, Ngài ở nơi đó lại đoạn Trần Sa phiền não. Trần Sa phiền não đoạn hết thì là Phật trong mười pháp giới, tông Thiên Thai gọi [vị Phật này] là địa vị Tương Tự Phật. Phật đoạn gì? Phật đoạn phàm vô minh cuối cùng. Phá trừ phàm vô minh cuối cùng ấy, Ngài lia khỏi mười pháp giới, đến thế giới Hoa Tạng. Thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới; khi ấy, Ngài và Tỳ Lô Giá Na Phật dung nhập một Thể.

Chúng ta chớ nên không hiểu rõ những giáo huấn này. Chẳng hiểu rõ, quý vị sẽ chẳng biết thực hiện từ nơi đâu, chẳng biết học bằng cách nào! Sau khi đã hiểu rõ mới minh bạch, rành rẽ, biết đi theo đường lối nào. Hiện thời, chúng ta đã bắt đầu đi hay chưa? Bắt đầu rồi, đi rất chậm rãi. Đi theo phương hướng và mục tiêu này; chẳng sai! Có đi lên đường [cao tốc] hay chưa? Chưa lên được! Giống như chúng ta lái xe trên đường cao tốc, hiện thời chúng ta đang ở trên con đường dẫn vào

đường cao tốc (ramp), chưa vào đến đường cao tốc. Đường dẫn sẽ dẫn dắt quý vị vào con đường cao tốc, nay chúng ta đang lái trên đường dẫn. Khi nào sẽ lái xe trên đường cao tốc? Lái xe trên đường cao tốc là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, thật sự đoạn Kiến Hoặc, thật sự buông xuống.

Thật sự buông xuống là chánh tri chánh kiến, khi ấy còn chưa nói đến Tri. Đây là chánh kiến, tức là kiến giải chẳng có sai lầm. Phải đoạn hết Tư Hoặc mới là chánh tri; đây chính là chánh tri chánh kiến. Đạt đến địa vị Thất Tín chính là chánh tri chánh kiến; nhưng Sơ Tín là chánh kiến, đạt đến Thất Tín sẽ là chánh tri, phải hiểu điều này! Vì thế, A La Hán được gọi là Chánh Giác; lại tiến cao hơn, Bồ Tát là Chánh Đăng Chánh Giác, đạt tới mục đích sẽ là Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác. Chúng tôi dùng đường cao tốc để tỷ dụ cho chư vị dễ hiểu. Từ chỗ nào đi lên đường cao tốc? Nay chúng ta còn chưa tìm được, vẫn là đang tìm con đường dẫn (ramp) ở chỗ nào. Hễ tìm được đường dẫn, sẽ bảo đảm có thể lên được [đường cao tốc]. Khi nào sẽ lên? Đã đoạn Kiến Hoặc, chẳng còn chấp trước thân này là ta. Giải thích cận kề sẽ thuộc trong phần sau, tức là trong phẩm Hiền Thủ chúng ta sẽ đọc thấy.

Do đó, kinh này càng đọc càng có ý vị, từng câu từng chữ đều liên quan hết sức to lớn với chúng ta. Một bộ kinh Hoa Nghiêm giảng gì vậy? Nói về bản thân chúng ta, chẳng phải là ai khác, chẳng phải là chuyện ngoài thân, mà là đại sự thiết thân. Sau đây, mới hiểu chúng ta đã sai lầm ở chỗ nào, nhất định phải tu chính những lỗi lầm ấy thì mới có thể không ngừng nâng cao linh tánh của chính mình. Tăng tấn cao hơn, nguyên lý và nguyên tắc để tăng tấn chẳng có gì khác, tức là phiền não nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Trí huệ tăng trưởng là tăng tấn, buông xuống phiền não thì quý vị sẽ có thể tăng tấn cao hơn. Chẳng buông xuống phiền não, sẽ chẳng có cách nào tăng tấn cao hơn. Buông xuống là công phu thật sự. Thấy thấu suốt là học vấn thật sự. Thấy thấu suốt sẽ tăng tấn; đã tăng tấn, vẫn phải buông xuống. Quý vị chẳng buông xuống hết sạch! Hãy buông xuống toàn bộ, ngay cả “buông xuống” cũng buông xuống luôn. Đây là Phật quả viên mãn, là Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác. Bản thân quý vị có biết hay không? Biết chứ, biết đường lối, từ Sơ Phát Tâm cho đến Vô Thượng Chánh Đăng Chánh Giác, ở trên con đường ấy. Tiến lên mỗi bước đều hiểu rành rẽ, rõ ràng, chẳng cần phải hỏi ai khác! Quý vị hỏi người khác, người ta chẳng đạt tới cảnh giới của quý vị, họ làm sao biết nổi!

Hỏi ai? Đọc kinh. Đương nhiên thuận tiện nhất, đơn giản nhất là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Kinh Hoa Nghiêm nói về đường lối thành Phật. Từ Sơ Tín, nay chúng ta là hội thứ hai, hội thứ hai là hội Thập Tín, hội thứ ba là hội Thập Trụ, hội thứ tư là Thập Hạnh, hội thứ năm là Thập Hồi Hướng, hội thứ sáu là Thập Địa, sau

đây là Đẳng Giác và Diệu Giác, kinh Hoa Nghiêm nói về đường lối thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm dạy “*phản bốn, quy chân*” (trở về cội gốc, quay về sự chân thật), đúng là phá mê khai ngộ, chuyển mê thành giác, chuyển tà thành chánh, chuyển nhiễm thành tịnh, thấy đều ở trong Hoa Nghiêm.

Vậy thì nếu quý vị hỏi, có một phương pháp đơn giản hay không? Rất nhiều người nêu lên câu hỏi này, lúc tôi mới học Phật đã nêu ra vấn đề này với Chương Gia đại sư: “Có một phương pháp nào khiến cho con tiến nhập rất nhanh chóng hay không?” Lão nhân gia dạy tôi cũng đúng là đơn giản, dễ hiểu: “*Thấy thấu suốt, buông xuống, anh sẽ khéo nhập*”. Thực hiện từ chỗ nào? Điều này rất quan trọng, thầy dạy tôi bố thí. Vì thế, trong sáu môn Công Khóa của Bồ Tát, đứng đầu trong Lục Ba La Mật là Bồ Thí, năm món sau đó vẫn là Bồ Thí! Trong Bồ Thí có Tài Bồ Thí, Pháp Bồ Thí và Vô Úy Bồ Thí. Trì Giới Ba La Mật và Nhẫn Nhục Ba La Mật thuộc về Vô Úy Bồ Thí. Tinh Tấn, Thiên Định, và Bát Nhã thuộc Pháp Bồ Thí. [Do đó, Chương Gia đại sư] đáp bằng một câu “*bố thí*” bền viên mãn. Quý vị chẳng buông xuống, sẽ không được! Phổ Hiền Bồ Tát thị hiện triệt để buông xuống, chẳng có gì không buông xuống; do vậy, Ngài thị hiện thứ gì cũng đều viên mãn, chẳng có thứ gì không viên mãn, đây là Phổ Hiền. A! Nay đã hết thời gian rồi!

Tập 1571

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ chín trong phần Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ tư:

(Kinh) Kiến Phật tháp thời, đương nguyện chúng sanh, tôn trọng như tháp, thọ thiên nhân cúng.

(經)見佛塔時。當願眾生。尊重如塔。受天人供。

(Kinh: Khi thấy Phật tháp, nguyện cho chúng sanh, tôn trọng như tháp, được trời, người cúng).

“Tháp” (塔) là một kiến trúc cao, rõ rệt. Vào thời cổ, quá nửa là dùng để cất giữ xá-lợi; sau này, tháp cũng trở thành một biểu tượng trong Phật môn. Tại Trung Hoa, hai ngàn năm qua, đại đa số chùa Phật đều có tháp, có những tòa tháp được xây cất rất cao, rất lớn, hình thành một thứ giống như trong hiện tại được gọi là “*địa tiêu*” (地標, đặc điểm tiêu biểu của một vùng). Tháp đặt tại đó, có một loại tác dụng dường như để trấn tà, tránh tà. Từ xưa đến nay, người phương Đông chú trọng Phong Thủy. Trong Phong Thủy, tháp cũng dấy lên tác dụng nhất định.

Chỗ có tháp thì nhất định có chùa Phật, tự viện am đường nhất định có người tu hành. Do vậy, Bồ Tát trông thấy tháp Phật, tự nhiên sẽ xưng tán, phát ra đại nguyện “*đương nguyện chúng sanh, tôn trọng như tháp, thọ thiên nhân cúng*” (nguyện cho chúng sanh, tôn trọng như tháp, nhận trời, người cúng), “*cúng*” (供) là cúng dường, [“*thọ thiên nhân cúng*” là] tiếp nhận sự cúng dường của trời, người. Chúng ta phải hiểu ý nghĩa biểu thị pháp trong kinh giáo. Trong bài kệ này, quan trọng nhất là hai chữ “*tôn trọng*” (尊重). Đặc biệt là trong xã hội hiện tiền, điều thiếu sót phổ biến là “*tự tôn, tự trọng*”. Tự tôn tự trọng chắc chắn chẳng phải là tự đại cuồng vọng, chẳng phải vậy! “*Tôn*” (尊) là tôn nghiêm, “*trọng*” (重) là trọng hậu. Người Hoa thường nói là “*trung hậu, lão thành*”; đây cũng là Tánh Đức, tương ứng với tự tánh. Tự tánh vốn là tôn trọng.

Con người phải như thế nào thì mới là tự tôn? Người đã tự tôn rồi sau đó sẽ được kẻ khác tôn trọng. Chính mình chẳng biết tôn trọng chính mình, ai sẽ tôn trọng quý vị? Vậy thì chúng ta phải nói: Như thế nào mới là tôn trọng chính mình? Trong kinh giáo, đức Phật đã dạy chúng ta, hết thấy chúng sanh (ở đây là nói đến hữu tình chúng sanh) đều có Phật Tánh, hễ có Phật Tánh thì sẽ đều làm Phật. Nói theo pháp thế gian, con người tánh vốn lành, “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành). Do vậy, chúng ta thấu hiểu như thế nào là tự tôn tự trọng: Trong cuộc sống hằng ngày, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác có tương ứng với bản thiện hay không? Tương ứng với bản thiện thì là tự tôn tự trọng. Ta tôn trọng Tánh Đức của ta, ta tôn trọng bản thiện của ta, người như vậy sẽ chẳng có ác niệm. Trong Phật pháp, ta tôn trọng Phật Tánh của ta, ta tôn trọng Tánh Đức của ta, nói theo tông cương lãnh sẽ là đại Bồ Đề tâm, nói theo cái nhân thì là Bồ Đề tâm, nói theo cái quả sẽ là đại Niết Bàn.

Đối với Bồ Đề tâm, trong các buổi giảng, chúng tôi đã nói rất rõ ràng: “*Thể của Bồ Đề tâm là chân thành*”. Hai chữ Chân Thành rất khó hiểu. Nói thật ra, để hiểu thì chẳng dễ hiểu, đương nhiên là rất khó giảng giải. Do rất khó giảng giải, tự nhiên sẽ là rất khó hiểu. Đây là một cảnh giới mà người đã thật sự giác ngộ, thật sự thông đạt sẽ hiểu rõ; bởi lẽ, nó là Thể. Cổ nhân chú giải [từ ngữ này đã] chú giải rất hay, nhưng nghĩa lý ấy quá sâu, xác thực là chẳng dễ dàng lãnh hội. Chân là gì? Là khởi hết thấy hư vọng là Chân. Chân là chẳng giả. Thành sẽ chẳng hư vọng. Hư tình giả ý tương phản với Thành. Phản diện của Thành là hư tình giả ý; phản diện của hư tình giả ý là chân thành. [Đối với người] đã từng học Phật Học, hơi khế nhập Phật pháp đôi chút, khi diễn tả [ý nghĩa của Chân Thành] thì khá dễ dàng. Nếu quý vị sử dụng tám thức và năm mươi một Tâm Sở thì chẳng phải là chân thành, chẳng có Bồ Đề tâm. Nếu quý vị có thể buông bỏ tám thức và năm mươi một Tâm

Sở, chẳng sử dụng chúng, đây là chân thành, Tánh Đức liền hiện tiền. Vì sao? Tám thức và năm mươi một Tâm Sở là vọng tâm. Vọng tâm chướng ngại chân tâm. Chân thành là chân tâm, là tự tánh, bản tánh, Chân Như của chúng ta.

“*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, khi nào kiến tánh? Buông xuống tám thức và năm mươi một Tâm Sở, chẳng sử dụng chúng. Những thứ ấy đem lại phiền phức. Tám thức là gì? Tôi nghĩ các đồng tu thông thường đều có thể tiếp nhận điều này. Thức thứ tám được gọi là A Lại Da, thức thứ bảy là Mạt Na, thức thứ sáu là Ý Thức. Những thức trước đó là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỵ Thức, Thiệt Thức, và Thân Thức, [tương ứng với] mắt, tai, mũi lưỡi, và thân, đây gọi là “*tiền ngũ thức*”, gộp chung lại [với ba thức đã nêu trong đoạn trước] sẽ thành tám món, trong Duy Thức gọi là Tám Tâm Vương. Đây chẳng phải là chân tâm, mà là vọng tâm. Dịch theo ý nghĩa thì A Lại Da là Tạng Thức, Tạng (藏) là “*bao hàm*”. Nói theo kiểu hiện thời, [A Lại Da Thức] giống như cái kho, hoặc phòng hồ sơ. Quý vị thấy đó, chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, đều có một ấn tượng. Ấn tượng ấy được chứa đựng trong A Lại Da Thức; vì thế, A Lại Da Thức giống như cái kho. Chúng ta mới gặp một người lần đầu, gặp mặt người ấy bèn có ấn tượng, lần thứ hai gặp mặt, vẫn nhận biết người ấy. Vì sao nhận biết? Vì trong A Lại Da Thức của quý vị đã cất giữ hồ sơ trong đó, nay lại trông thấy, lập tức lôi hồ sơ ấy ra, vừa đối chiếu bèn thấy chẳng sai, đúng là người ấy, nhận biết như thế đó!

Trong A Lại Da Thức chứa đựng vô lượng vô biên hồ sơ; vì sao có nhiều đến thế? Đòi đòi kiếp kiếp, [tức là] đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay, thấy đều tàng trữ trong ấy, chẳng sót một điều gì. Hễ gặp duyên, nó liền dấy lên hiện hành, liền khởi tác dụng; đây là chủng tử. Trong A Lại Da Thức chứa đựng chủng tử; vì thế, A Lại Da còn gọi là Chủng Tử Thức. Thức thứ bảy tức Mạt Na là chấp trước, thức thứ sáu tức Ý Thức là phân biệt, năm thức trước khởi tác dụng, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng. Năm thức trước, mắt chỉ là trông thấy, chỉ thấy sắc, có phân biệt hay không? Chẳng có, mà cũng chẳng có chấp trước, chư vị phải hiểu điều này! A Lại Da cũng chẳng có phân biệt, mà cũng chẳng có chấp trước, nó chỉ cất chứa ấn tượng. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, cho đến ý, lại còn có ý thức. Ý thức là niệm, dấy lên một niệm cũng giữ lại ấn tượng. Vì thế, trong cái kho A Lại Da này có quá nhiều chủng tử. Đức Phật dạy chúng ta, đối với mỗi chúng sanh, chủng tử của mười pháp giới thấy đều có. Trong A Lại Da Thức của chính quý vị có chủng tử Phật, có chủng tử Bồ Tát, có chủng tử của Thanh Văn và Duyên Giác, có chủng tử của chư thiên. Có [chủng tử của] người, Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chủng tử gì cũng đều có.

Chủng tử dấy lên hiện hành cần đến duyên, chủng tử là nhân.

Nhân duyên đầy đủ mới sanh ra quả. Ví như trong đời này, chúng ta được làm thân người, sanh đến thế giới này. Đến như thế nào? Chính là vì trong A Lại Da có chủng tử người. Chủng tử người là gì? Trong đời quá khứ, đã từng tu Ngũ Giới, Thập Thiện, tu khá lắm. Ngũ Giới và Thập Thiện là chủng tử của loài người. Nếu là Thượng Phẩm Thập Thiện, còn thêm Tứ Vô Lượng Tâm, tức là từ, bi, hỷ, xả; đây là chủng tử của thiên đạo. Nói thật thà, chủng tử cũng là bình đẳng, hết thấy chúng sanh thấy đều có, còn như quý vị vào đường nào là do gặp duyên [của đường đó], cũng có nghĩa là chủng tử gặp được những điều kiện khiến cho nó có thể đơm bông kết quả. Ví như chủng tử (hạt giống) của thực vật, thực vật muốn có thể khai hoa kết quả thì nhất định phải có đất tốt, hết sức thích ứng với nó. Đã có loại đất ấy, lại còn có nước, có phân bón, có ánh sáng mặt trời, có không khí, những thứ ấy đều trọn đủ, nó sẽ tăng trưởng rất tốt đẹp.

Do vậy, đức Phật bảo chúng ta, đây là nói đại lược, chẳng thể nói cặn kẽ. Nói cặn kẽ thì nhân duyên là vô lượng. Quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn:

1) Thân nhân duyên (親因緣): Thân nhân duyên chính là những chủng tử nghiệp tập được chứa đựng trong A Lại Da Thức.

2) Sở duyên duyên (所緣緣): Cái duyên này cũng trọn đủ. Sở duyên duyên chính là bản thân chủng tử đã có trọn đủ quả báo.

3) Vô gián duyên (無間緣): Năng lượng ấy hoặc năng lực ấy sẽ vĩnh viễn chẳng tiêu mất.

Như vậy là đối với bốn loại duyên của chủng tử, chính bản thân chủng tử đã hội đủ ba điều kiện ấy, nó đều có trọn đủ. Như thế nào thì nó mới có thể dấy lên hiện hành? Cần đến tăng thượng duyên!

4) Tăng thượng duyên (增上緣) là hoàn cảnh bên ngoài. Ví như quý vị có chủng tử trong nhân đạo, xác thực là đã trọn đủ điều kiện ấy, nhưng điều đầu tiên là quý vị phải có cha mẹ. Cha mẹ là tăng thượng duyên của quý vị. Linh tánh của quý vị gặp được cái duyên là cha mẹ, nó sẽ vào trong thai. Ở trong thai là duyên. Ở trong thai hấp thụ dưỡng chất, dần dần từng bước trưởng thành, mười tháng bèn lọt lòng. Sau khi đã sanh ra, cha mẹ chăm sóc, nuôi nấng quý vị. Những điều này đều là duyên, chẳng thể gián đoạn giữa chừng. Hễ gián đoạn giữa chừng, quý vị sẽ chẳng sống nổi! Cha mẹ có tâm yêu thương, hy vọng quý vị khôn lớn, kết hợp với cái duyên của chính quý vị, quý vị bèn được làm người, từ từ trưởng thành.

Phật pháp đã nói những đạo lý và chân tướng sự thật này rất thấu triệt. Thuở ấy, chẳng có khoa học kỹ thuật gì, mà cũng chẳng có những phát minh máy móc! Quý vị thấy trong kinh điển, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói loài người mang thai, cứ bảy ngày biến hóa một lần. Những lời Ngài dạy xác thực đã vượt trội y học hiện đại. Vì sao đức Phật có

thể nói rõ ràng ngàn ấy? Thiên Nhân của đức Phật đã trông thấy rất rõ ràng: Thai nhi ở trong thai mẹ, biến hóa từng ngày như thế nào, Ngài đều trông thấy rất rõ rệt. Đức Phật có thể thấy thấu suốt. Hiện thời, [các nhà khoa học, bác sĩ] cần phải dựa vào máy móc, đức Phật chẳng cần. Do vậy, nói đến khoa học, vì sao năng lực của đức Phật vượt trội khoa học? Đức Phật nói điều này chẳng phải là sở trường chuyên biệt của Ngài, [mà là] trong tự tánh của hết thảy chúng sanh vốn sẵn có loại năng lực ấy. Vốn sẵn đầy đủ, quý vị chẳng làm cho nó khôi phục, tức là quý vị chẳng tôn trọng chính mình. Vốn sẵn đầy đủ, có sao hiện thời chẳng có? Đức Phật đã nói rất rõ ràng: Vì quý vị dấy lên chướng ngại khiến cho trí huệ và đức năng vốn sẵn có bị chướng ngại. Dấy lên chướng ngại gì vậy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Vì thế, năng lực của quý vị bị mất đi.

Các nhà khoa học hiện thời phát hiện đủ thứ; nói thật ra, những gì họ biết về chân tướng của vũ trụ chỉ là một, hai phần trăm mà thôi, cũng là rất khá rồi. Đối với chân tướng sự thật, toàn là đang sờ sẫm, suy đoán chân tướng, ai cũng đều chẳng có năng lực trông thấy. Vì sao? Họ có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước, vậy là khó lắm! Vì sao chư Phật, Bồ Tát có thể trông thấy? Các Ngài chẳng cần phải nghiên cứu, vì đã đích thân trông thấy, tức là khứ sạch, buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì mới là tôn trọng chính mình. Hằng ngày quý vị vẫn còn khởi tâm động niệm, có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, [tức là] chẳng biết tôn trọng chính mình! Chúng ta đòi đòi kiếp kiếp luân hồi trong lục đạo là do chẳng biết tôn trọng Tánh Đức, chẳng biết tôn trọng tự tánh. Biến trí huệ thành phiền não, biến quả đức đại Niết Bàn thành sanh tử, quý vị nói xem có oan uổng hay không?

Trong giáo pháp Đại Thừa, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy chúng ta, khi nào quý vị có thể khẳng định, thật sự nhận biết “*sanh tử là Niết Bàn, phiền não là Bồ Đề*”. Chúng tôi càng nói điều này càng mơ hồ. Bồ Đề là đại giác, “*không gì chẳng biết, không gì chẳng thể*”, đó là tướng của Tánh Đức, hiện tướng của Tánh Đức. Khi mê, nó liền biến thành phiền não, khi đã ngộ thì là Bồ Đề. Niết Bàn là cái quả của Tánh Đức. Phật pháp chẳng lìa nhân quả. Cái quả ấy, ngộ thì là đại Niết Bàn, mê là sanh tử, nó là một, chẳng hai. Giống như nay chúng ta nói, nếu quý vị thật sự tôn trọng Tánh Đức của chính mình, quý vị là Phật, là Pháp Thân Bồ Tát. Quý vị chẳng tôn trọng Tánh Đức của chính mình, quý vị là lục đạo phàm phu. Đạo lý là như thế đó.

Vì thế, “*tôn trọng như tháp*”, tháp là cao, rõ rệt, [hay nói gọn là] “*cao hiển*”. Trời, người kính ngưỡng; trời, người tự nhiên sẽ cúng dường. Chúng ta rất dễ dàng lãnh hội điều này. Trong thế gian này, người thật sự có công hiến đối với xã hội, đối với đại chúng, sẽ luôn

được đại chúng yêu mến, đại chúng tôn trọng, đồng thời cũng sẽ có rất nhiều đại chúng cúng dường, chính là do đạo lý này. Nếu quý vị thật sự tôn trọng Tánh Đức, tuyệt diệu chi hơn? Chúng ta mê mất đã lâu, đã mê mất Tánh Đức rất lâu, khởi tâm động niệm giống như kinh Địa Tạng đã dạy: “*Không gì chẳng phải là tội, không gì chẳng phải là nghiệp*”. Ngôn ngữ và tạo tác đều là tự lợi. Hễ tự lợi (mưu lợi cho chính mình), chắc chắn sẽ tổn hại kẻ khác! Quý vị đừng cho rằng: “Ta ích kỷ, nhưng ta chẳng tổn hại người khác”, sai mất rồi! Ích kỷ sẽ tổn hại người khác! Đặc biệt là học Phật, người học Phật mà ích kỷ, “ta chẳng tổn hại người khác”, chính quý vị hoàn toàn chẳng biết chính mình đã tổn hại người khác to lớn! Ta tổn hại người khác ở chỗ nào? Sự ích kỷ của quý vị đã phá hoại hình tượng Phật giáo, khiến cho khá nhiều người trông thấy [bèn nghĩ], “học Phật là như thế đó, chẳng thể học Phật được!” Tội này nặng lắm mà chính quý vị chẳng biết!

Trong một gia đình, nếu chính quý vị chẳng biết tôn trọng chính mình, người khác trông thấy hành vi của quý vị chẳng thích đáng, sẽ chửi bới cha mẹ, chửi bới tổ tiên của quý vị, có đúng như vậy hay chẳng? Vậy thì quý vị hãy nghĩ xem, chúng ta là đệ tử đức Phật, ở khắp mọi nơi đều phải làm rạng danh đức Phật, phải giữ mặt mũi cho Phật, Bồ Tát, vậy thì ta phải làm cho tốt. Làm như thế nào? Y giáo phụng hành, đây là tôn trọng chính mình, tôn trọng giáo huấn của Phật, Bồ Tát, ta là học trò ngoan của Phật, khiến cho đại chúng trong xã hội nhìn vào, [sẽ cảm nhận] “học trò của đức Phật khác hẳn, học trò đức Phật thật sự đáng cho người khác tôn trọng”. Vậy là đức Phật được rạng rỡ nở mặt. Tôi nghĩ đạo lý này chẳng khó hiểu, hơi lảng lờ chú tâm suy nghĩ, quý vị sẽ đều có thể hiểu rõ!

Phật là tâm gì, ta là cái tâm gì? Tâm niệm của Phật là niệm nào cũng đều nghĩ đến chúng sanh khổ nạn, những chúng sanh nào khổ nạn? Mười pháp giới khổ sở, lục đạo khổ sở, tam đồ càng khổ hơn. Chính mình chẳng biết, Phật, Bồ Tát thấy rất rõ ràng. Chư Phật, Bồ Tát niệm nào cũng đều giúp đỡ hết thảy chúng sanh lìa khổ được vui. Niềm vui ấy là niềm vui gì vậy? Niềm vui Niết Bàn; tôi vừa mới nói niềm vui Niết Bàn là quả. Như thế nào thì mới có thể đạt được niềm vui Niết Bàn? Phải phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là nhân; đã có nhân thì sẽ có quả. Nay chúng ta là cái tâm gì? Tâm luân hồi. Những gì là tâm luân hồi? Tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến. Chúng ta tự hỏi chính mình, có tâm tham hay chẳng? Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, quý vị có tham hay không? Lúc quý vị chẳng đạt được, có sân khuể hay không? Quý vị có biết tham, sân là sai lầm hay không? Chẳng biết tham, sân là sai lầm; đây là ngu si. Phật, Bồ Tát rất miêng, buốt lòng chỉ dạy quý vị, quý vị hoài nghi, chẳng tin tưởng. Thật sự đến cứu quý vị, vì quý vị đẹp khổ, ban vui, quý vị hoài nghi, chẳng tin tưởng, chẳng tiếp nhận. Khởi

tâm động niệm toàn là trái nghịch Tánh Đức, sai lầm đặc biệt to lớn! Đây là tâm luân hồi, tâm luân hồi đang làm chủ tể của quý vị. Do vậy, quý vị khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác toàn là nghiệp luân hồi. Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, tâm Bồ Đề tạo nghiệp Bồ Đề.

Chính mình luôn cảm thấy bản thân còn khá lắm, luôn thấy khuyết điểm và lỗi lầm của người khác, trước nay chưa hề thấy lỗi lầm của chính mình. Đây là gì? Chẳng biết tôn trọng Tánh Đức của chính mình, chẳng biết tôn trọng linh tánh chính mình. Đây là sự thua thiệt to lớn, vô lượng kiếp đọa lạc trong lục đạo luân hồi! Nếu quý vị liễu giải sự thật này, Phật, Bồ Tát sẽ hỏi quý vị một câu: “Chẳng phải là quý vị có lỗi với chính mình hay chẳng? Chẳng phải là quý vị đã có lỗi với tự tánh của chính mình ư? Chẳng phải là quý vị đã có lỗi với bản thiện của chính mình ư?” Trong kinh điển, đức Phật đã nói những lời ấy quá nhiều! Bồ Đề tâm khởi tác dụng, ở đây chúng ta thấy, từ trong phẩm kinh này, chúng ta thấy một trăm bốn mươi một nguyện của Bồ Tát. Chỉ cần quý vị có Bồ Đề tâm, khẳng định quý vị khởi tâm động niệm chắc chắn sẽ tương ứng với phẩm Tịnh Hạnh. Phẩm Tịnh Hạnh chỉ nêu những thí dụ tiêu biểu mà thôi. Từ sáng đến tối, quý vị khởi tâm động niệm, không chỉ là một trăm bốn mươi một lần, mỗi niệm đều tương ứng với Tánh Đức. Đây mới là tôn trọng chính mình, mới là thật sự tự tôn tự trọng.

Do vậy có thể biết, trong tiêu chuẩn của Phật pháp, hạn định thấp nhất của tự tôn tự trọng là Bồ Đề tâm. “Chẳng phát Bồ Đề tâm” thì chẳng thể coi là “thật sự tự tôn tự trọng”, tiêu chuẩn này cao lắm! Tiêu chuẩn này giống như mục đích hy vọng đạt tới khi chúng ta đi xa. Tuy chưa đạt tới đích đến, nay chúng ta mong đến nơi đó, chúng ta phải chọn lựa phương tiện giao thông nào? Đi theo phương hướng nào? Đây là gì? Nhà Phật gọi đó là “*tu hành*”, quý vị chọn lựa pháp môn nào? Pháp môn nhiều lắm, tám vạn bốn ngàn. Tại Trung Hoa, để học Phật thì pháp môn có mười tông, trong mỗi tông còn có phái. Kinh luận được sưu tập trong Đại Tạng Kinh có hơn sáu ngàn bộ. Nương theo một bộ kinh [để học tập, tu hành] đều được, giống như chúng ta mong đạt tới đích đến, phải tìm kiếm một công cụ, ngòi xe hay ngòi thuyền? Xe có rất nhiều chiếc, chúng ta chọn một cỗ xe; giống như từ trong Đại Tạng Kinh, chọn ra một bộ kinh, chọn lựa một pháp môn.

Sau khi đã chọn lựa mục tiêu chánh xác, phương hướng chánh xác, phải buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, sẽ đạt tới đích đến, [tức là] đạt tới quả đức Đại Niết Bàn. Chúng ta chọn lựa phương hướng, chọn lựa mục tiêu, chọn lựa công cụ, đây cũng là tự tôn tự trọng. Nhưng sự tự tôn tự trọng này chẳng phải là thật. Thật và giả nói như thế nào? Thật là vĩnh viễn bất biến, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, đây là thật. Chúng ta chọn lựa

một pháp chẳng đáng trông cậy, nói không chừng, sau khi tu tập một khoảng thời gian, sẽ không ưa thích pháp môn ấy, [sẽ so đo] còn có những pháp hay hơn pháp ấy. Người đó muốn thay đổi công cụ, xe lửa không bằng xe hơi, [cho rằng cần phải] thay đổi công cụ; hễ thay đổi thì sẽ thoái chuyển, thậm chí chôn vùi tín tâm, dường như là tu hành đã rất lâu mà chẳng có hiệu quả, nghi tình ngày càng nặng thêm, hễ hoài nghi, có thể thành tựu hay không? Hễ hoài nghi, sẽ ngay lập tức thoái đạo, bỏ sạch công lao trước kia!

Nhà Phật thường nói đến Tam Chuyển Pháp Luân, đây là nói đến ba loại phương thức giáo học:

1) Nói theo phía người thượng căn, tức là người thật sự thông minh, có trí huệ, thường nói là “*nhắc đôi chút là đủ rồi*”, dễ dạy! Hễ điếm đến bèn chẳng có vấn đề gì, người ấy tự mình lên đường, tin tưởng, chiếu theo lời chỉ dạy của quý vị để thâm nhập một môn, huân tu lâu dài, người ấy thành công, thành công rất dễ dàng! Loại thứ hai là kẻ trung căn, kẻ trung căn chẳng có trí huệ như vậy.

2) Hạng trung căn nghi lự nhiều, vọng tưởng, phân biệt nhiều, chúng ta thường nói là “*nghiệp chướng nặng nề*”. Quý vị điếm đến không được! Kẻ ấy chưa chắc đã làm. Ất phải rất miệng buốt lòng khuyên bảo, khuyên lơn kẻ ấy, dùng sự chân thành để cảm động kẻ ấy. Kẻ ấy sẽ cảm thấy: Nếu ta chẳng nghiêm túc tu tập, ta có lỗi với thầy. Nếu ta chẳng nghiêm túc học đàng hoàng, ta có lỗi với cha mẹ. Đây là hạng trung căn, cho nên phải khuyên dạy.

3) Hạ căn khó lắm, quý vị khuyên họ, họ cũng chẳng thể tiếp nhận, hạng này khó độ nhất! Ất phải khiến cho họ tự trông thấy, thấy rõ “*tạo ác nghiệp sẽ bị ác báo*”, họ bèn tỉnh giác: “*Chuyện này chớ nên làm. Hễ làm sẽ có kết quả như vậy. Làm việc thiện có thiện quả*”. Họ ắt phải đích thân trông thấy nhân quả báo ứng thì mới tin tưởng. Niệm Phật nhất định phải là tự mình trông thấy, người niệm Phật ấy thật sự vắng sanh, kẻ đó mới có thể tự phấn chấn: “*Người ấy làm được, ta phải nên làm thử xem, ta cũng đáng nên làm được*”. Đây là phường hạ căn.

Vì thế, đối với ba loại căn tánh này, đức Phật bèn có ba cách nói khác nhau. Đối với kẻ hạ căn bèn Tác Chứng Chuyển (作證轉), [tức là] hiện thân thuyết pháp để chứng minh. Đức Phật nói với các đệ tử: “*Ta dạy quý vị buông xuống chấp trước, đối với pháp thế gian và xuất thế gian, hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật, chớ nên chấp trước nữa, quý vị thấy ta đã buông xuống*”. Đức Phật thật sự buông xuống, buông xuống ích kỷ, buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục, lục trần, buông xuống tham, sân, si, mạn, lão nhân gia nêu gương cho chúng ta thấy. Kẻ hạ căn trông thấy hình tượng đức Phật, nhìn vào cuộc đời đức Phật, sẽ bị đức Phật cảm vơi. Đức Phật dạy chúng ta từ bỏ tham, sân, si, Ngài đã làm được, chẳng có tâm hâm mộ vinh hoa phú

quý thế gian, mà cũng chẳng dấy niệm [nghĩ tới]. Cuộc sống giàu có, địa vị cao trời, ngay cả đế vương Ngài cũng chẳng màng, thật sự buông xuống rất triệt để. Tu hành trong một số tôn giáo có thể sanh lên trời, nhưng cõi trời Ngài cũng chẳng cần, nêu gương cho mọi người thấy. Sau khi đức Phật diệt độ, càng tuyệt diệu là các đệ tử đức Phật cũng làm giống như đức Phật, khiến cho mọi người tâm phục, khẩu phục, thật sự làm được!

Sự thị hiện cuối cùng là chẳng ngã bệnh, tự tại rời khỏi thế gian này. Chúng ta thấy Vãng Sanh Truyện chép [các vị tu Tịnh Độ thành tựu] đứng mất, ngồi mất, chẳng sanh bệnh, biết trước lúc mất, biết ngày nào sẽ ra đi, tuyên bố cùng mọi người, đến khi đó, thật sự ra đi. Đây đều là Tác Chứng Chuyên đề độ kẻ hạ căn. Kẻ hạ căn trông thấy tình hình ấy, họ sẽ tỉnh ngộ. Kẻ hạ căn trông thấy những gương ấy, vẫn chẳng giác ngộ; đây là do cái duyên chưa chín muồi! Duyên chưa chín muồi thì trong Phật môn thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ không có duyên*”. Phương tiện của đức Phật chỉ có ngàn ấy, thì thối hết sạch rồi mà quý vị vẫn chẳng tin tưởng, vẫn chẳng thể cảm động, vậy thì chờ đến đời sau, kiếp sau, chứ đời này chẳng được! Nhưng quý vị đã thấy những chuyện ấy, đã gieo thiện căn trong A Lại Da. Quý vị trông thấy, nghe thấy, tiếp xúc, đức Phật hiện thân thuyết pháp, làm ra những dáng vẻ ấy, cho đến đối với các đệ tử nhà Phật đã làm ra hình tượng ấy cho quý vị trông thấy, [thế mà] quý vị vẫn chẳng thể đắc độ, vẫn chẳng động tâm, khi ấy, chính mình phải nên biết [bản thân] nghiệp chướng nặng nề dường ấy! Đời này chẳng thể đắc độ, chắc chắn là phải tiếp tục luân hồi trong lục đạo. Tiếp tục luân hồi trong lục đạo, quý vị sẽ biết tam đồ khổ sở, đặc biệt là nỗi khổ trong địa ngục.

Đời Tống, pháp sư Oánh Kha thị hiện vãng sanh. Đây là một vị xuất gia phá giới, chẳng giữ Thanh Quy. Ngài đã vì chúng ta thị hiện, tức là Ngài sợ nỗi khổ trong địa ngục, [nhận biết] chính mình nghiệp chướng tập khí nặng nề ngàn ấy, hằng ngày làm chuyện sai quấy. Ngài hỏi đồng tham đạo hữu: “Kẻ giống như tôi chắc chắn đọa địa ngục, các vị có phương pháp gì để cứu tôi?” Các vị đồng học vẫn khá lắm, cho Sư một quyển Vãng Sanh Truyện, bảo Sư hãy tự xem. Sau khi xem xong, Sư hết sức cảm động, đóng chặt cửa niệm Phật. Kinh Di Đà nói “*nhược nhất nhật*” cho đến “*nhược thất nhật*”, Sư chẳng ngủ nghê, chẳng ăn thứ gì, không uống nước, tức là cứ một mạch [mà niệm], [chỉ có] một ý niệm cầu A Di Đà Phật. Đó gọi là “*hễ thành bèn linh*”, người chân thành đến tột bậc, suốt ba ngày ba đêm niệm A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật hiện thân, bảo Sư: “Ông hãy còn có mười năm tuổi thọ, chờ đến lúc ông mạng chung, ta sẽ lại đến tiếp dẫn ông, ông hãy khéo niệm mười năm”. Oánh Kha thưa: “Không được ạ! Con căn tánh kém hèn quá nặng, chẳng chống đỡ nổi dụ dỗ, mê hoặc. Trong mười

năm ấy, con sẽ phạm rất nhiều tội lỗi, con chẳng cần thọ mạng, nay con đi theo Ngài”. A Di Đà Phật nghe nói cũng đồng ý, bảo Sư: “Được! Ba ngày sau ta sẽ đến đón ông”. Thật vậy! Ba ngày sau, Phật đón Sư vãng sanh.

Những trường hợp như vậy là gì? Toàn là Phật, Bồ Tát thị hiện Tác Chứng Chuyển cho chúng ta, nhằm chứng minh. Sự chứng minh ấy triều đại nào cũng đều có, hiện thời cũng có. Chúng ta nghe, thấy, nếu có cái tâm cảnh giác cao độ, như vậy là quý vị sẽ còn được cứu. Nếu nghe xong mà trơ trơ chai lỳ, quý vị biết là quý vị hết cách cứu. A! Nhất định phải hiểu ý nghĩa của hai chữ Tôn Trọng này, nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp bài kệ thứ năm tiếp theo:

(Kinh) Kính tâm quán tháp, đương nguyện chúng sanh, chư thiên cập nhân, sở cộng chiêm ngưỡng.

(經) 敬心觀塔。當願眾生。諸天及人。所共瞻仰。

(Kinh: Tâm kính nhìn tháp, nguyện cho chúng sanh, chư thiên và người, cùng nhau chiêm ngưỡng).

“Tháp” là chỗ cất giữ xá-lợi sau khi đức Phật diệt độ; do đó, thấy tháp giống như thấy Phật. Bất luận trong tháp ấy có xá-lợi của đức Phật hay không, trong ấy, chắc chắn có tượng Phật, chắc chắn có kinh điển, lại còn có tăng sĩ giữ tháp. Vì thế, tuyệt đại đa số là Tam Bảo đầy đủ. “Kính tâm quán tháp”: Dùng cái tâm chân thành, cung kính để quán tháp, tự nhiên sẽ nghĩ đến Tam Bảo trọn đủ, Phật, Pháp, Tăng. Vì thế, dẫn phát đại nguyện là “chư thiên cập nhân, sở cộng chiêm ngưỡng” (chư thiên và người, cùng nhau chiêm ngưỡng). Tam Bảo là khuôn mẫu tiêu biểu cho trời người, lẽ nào chẳng chiêm ngưỡng? Mỗi khi gặp gỡ, trông thấy, đều phải nên nghĩ tưởng: Từ tháp, quý vị sẽ nghĩ “kiến lập Phật pháp, giữ cho chánh pháp trụ thế lâu dài, nối tiếp huệ mạng của Phật, phổ độ chúng sanh”, ý niệm ấy sẽ tự nhiên sanh khởi. Nếu trong tháp ấy chẳng có Tam Bảo, cũng chẳng có tượng Phật, mà cũng chẳng có kinh điển, mà cũng chẳng có người xuất gia, chúng ta trông thấy hình trạng của cái tháp ấy, cũng tự nhiên nghĩ tháp trước đây có đủ Tam Bảo, vì sao hiện thời Tam Bảo chẳng trụ thế? Vậy là chúng ta phải tự mình phát tâm, phát tâm nối tiếp huệ mạng của Phật, phát tâm phổ độ chúng sanh, nguyện ấy bền vững tánh, tương ứng với tự tánh.

Cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta, “hành hữu bất đắc, phản cầu

chư kỳ” (có chuyện gì chẳng làm được, hãy xét lại chính mình). Chúng ta mong cầu chánh pháp tồn tại lâu dài, chẳng thể hy vọng người khác [sẽ thực hiện]. Hy vọng người khác nhất định sẽ bị thất vọng, nhất định phải hiểu đạo lý này! Vậy thì cầu ai? Nhất định phải cầu chính mình. Cổ nhân đã nói, người sống trên cõi đời có hai điều khó khăn to lớn: [Một là] lên trời khó lắm, [hai là] cầu cạnh người khác sẽ khó khăn. Cầu người khác chẳng bằng cầu chính mình. Chính mình thật sự phát tâm, đúng lý đúng pháp tu hành, chánh pháp sẽ trụ thế. Muốn cho chánh pháp trụ thế lâu dài, vậy thì quý vị phải khéo dạy người khác, đời đời tương truyền, vậy thì [chánh pháp] sẽ tồn tại lâu dài. Đời đời có người kế thừa, chẳng nên để pháp bị gián đoạn nơi ta. Về phía chúng tôi, chư vị đều biết, thầy của tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam, Ngài là học trò của pháp sư Ấn Quang. Suốt đời Ngài dựng liên xã, lập Từ Quang Đồ Thư Quán, và Bồ Đề Y Viện tại Đài Loan, thành khẩn lãnh chúng niệm Phật suốt ba mươi tám năm. Chúng tôi đích thân trông thấy chuyện này. Tôi đắc pháp từ Ngài; vì thế, chi phái này là đích truyền của Ấn Quang đại sư. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thường xuyên ôn tập giáo huấn của tổ sư, tức là bộ Văn Sao của Ấn Quang đại sư, thời thời khắc khắc nhắc nhở chính mình, tự hành, hóa độ người khác. Đến thế hệ của tôi, tôi vẫn muốn tìm truyền nhân. Nếu chẳng có truyền nhân, tức là có lỗi với thầy. Do vậy, để chánh pháp trụ thế thì phải cầu chính mình thực hiện. Để chánh pháp trụ thế lâu dài thì nhất định phải có học trò, thật sự có học trò có thể gánh vác, y giáo phụng hành, đời đời tương truyền thì mới có thể trụ thế lâu dài!

Đương nhiên là truyền nhân càng nhiều càng tốt. Năm xưa, tôi gặp mặt lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ lần đầu tại Bắc Kinh. Tôi đến gặp cụ, tôi đến Bắc Kinh liên lạc với cụ, còn chưa đến thăm nhà cụ, cụ đã đến khách sạn gặp tôi trước. Thuở ấy, hoàng dương bản hội tập của kinh Vô Lượng Thọ tại hải ngoại chỉ có mình tôi; trong nước, hoàng dương bản ấy cũng chỉ có mình cụ. Chúng tôi gặp nhau, hoan hỷ vô lượng. Gặp mặt ngày đầu tiên, cụ liền giao cho tôi một nhiệm vụ, hy vọng tôi ở hải ngoại, bất luận đi đến nơi đâu, cũng đều phải lập Tịnh Tông Học Hội. Cụ bảo tôi, Tịnh Tông Học Hội là nguyện vọng của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Hạ lão cư sĩ đề ra kiến nghị ấy, còn chưa thực hiện thì lão nhân gia đã vãng sanh. Do vậy, cụ Hoàng phó thác niềm hy vọng ấy nơi bản thân tôi.

Tôi rời khỏi Bắc Kinh đến Ôn Ca Hoa (Vancouver) giảng kinh, thật sự thành lập Gia Nã Đại Tịnh Tông Học Hội đầu tiên ngay tại Ôn Ca Hoa. Từ Ôn Ca Hoa trở lại Cự Kim Sơn (San Francisco), giảng kinh tại Cự Kim Sơn, thành lập Mỹ Quốc Tịnh Tông Học Hội; hiện thời, hội trưởng là cư sĩ Dương Nhất Hoa cũng điều hành khá lắm. Kế tiếp, cũng thành lập một Tịnh Tông Học Hội tại Lạc Sam Cơ (Los

Angeles). Mấy năm ở Mỹ, tổng cộng đã thành lập mười mấy hội tại Mỹ và Gia Nã Đại. Sau khi tôi rời đi, nghe nói gần như có khoảng ba mươi hội. Hễ đến một địa phương, đều thành lập Tịnh Tông Học Hội. Năm ngoái, chúng tôi đến Ba Lê, thành lập Pháp Quốc Tịnh Tông Học Hội. Sang thăm Luân Đôn, thành lập Luân Đôn Tịnh Tông Học Hội trong năm nay. Đây đều là những tượng trưng cho chánh pháp trong Tịnh Tông thường trụ thế gian.

Thường trụ thì phải có người. Đây là hình tượng, hình tượng đã có, còn người, tức người thật sự tu Tịnh Độ, thật sự thị hiện thụy tướng vãng sanh ngay trong đời này, người như vậy phải nhiều! Bất luận là thân phận tại gia hay xuất gia, nam chúng hay nữ chúng đều như nhau, đều là những bậc thánh nhân phi phạm. Chỉ cần có thể thật sự vãng sanh thì là thánh nhân, chẳng giả tí nào! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư vị đều biết là “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này). Dầu là người hạ hạ phẩm vãng sanh, hễ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, được oai thần từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì, đối với kinh luận của Tịnh Tông, quý vị đều quen thuộc [những chuyện này]. Thế giới ấy rất đặc biệt, chẳng giống các sát độ (cõi nước) của chư Phật: Đối với bốn cõi của chư Phật, trong thế giới Cực Lạc, hễ sanh về một cõi là sanh về hết thảy. Chẳng như trong cõi này, tức là trong báo độ của Thích Ca Mâu Ni Phật, bốn cõi chẳng ở cùng một chỗ, mà là bốn chiều không gian khác nhau, đây kia chẳng tiếp xúc lẫn nhau. Nhưng bốn cõi trong Tây Phương Cực Lạc thế giới ở cùng một chỗ, chẳng có giới hạn các chiều không gian khác nhau. Do đó, tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị có thể trông thấy A Di Đà Phật, có thể trông thấy hết thảy chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới, có thể hằng ngày thân cận Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, mười phương chư đại Bồ Tát. Hoàn cảnh học tập ấy quá tốt đẹp.

Hằng ngày ở chung với các vị ấy, cho nên công phu của quý vị chỉ có tiến, chẳng lùi. Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới viên chứng ba thứ Bất Thoái? Đạo lý ở chỗ này! Những gì sáu căn của quý vị tiếp xúc toàn là chánh pháp. Dầu trong A Lại Da Thức còn có những chủng tử của lục đạo tam đồ, do chúng chẳng có duyên, chẳng có duyên thì sẽ vĩnh viễn chẳng dậy lên hiện hành. Nhưng những chủng tử nghiệp tập ấy trong A Lại Da có tác dụng, có tác dụng gì vậy? Chúng sanh trong đường nào có cảm, quý vị có thể hiện thân giống như họ trong đường ấy. Vì sao quý vị có thể hiện? A Lại Da Thức có chủng tử, cho nên chủng tử ấy dậy lên hiện hành, chẳng phải là nghiệp báo, mà là Bồ Tát nương theo nguyện trở lại (thừa nguyện tái lai). Do đó, Ngài tự tại, chứ [sanh vào đường nào mà do] nghiệp báo [chi phối] thì sẽ chẳng tự tại. Đây là đạt được sự ứng hóa đại tự tại trong mười pháp giới, là thân nguyện lực, chẳng phải là thân nghiệp lực.

Nhìn thấy tháp, chớ nên không nghĩ đến những chuyện này. Do vậy, người khéo học, người biết cách học, thấy sắc, nghe tiếng bèn khởi chánh niệm, họ chẳng khởi lên tà niệm. Dầu là thấy chuyện chẳng đúng pháp, họ cũng có thể chuyển nó thành chánh niệm. Đây là như kinh Lăng Nghiêm đã dạy: “*Nếu có thể chuyển vật, ắt giống Như Lai*”. Kinh Hoa Nghiêm nói là Như Lai, vĩnh viễn chẳng bị cảnh giới xoay chuyển. Quý vị có thể chuyển biến cảnh giới, chẳng bị cảnh giới xoay chuyển. Không chỉ là bản thân quý vị có phước, mà còn có bao nhiêu chúng sanh khổ nạn cũng được hưởng ké. Hưởng ké gì vậy? Rất nhiều tai nạn được ngấm ngầm hóa giải, do nguyên nhân nào? Do công đức tu hành. Tập khí của con người rất nặng, chẳng bị cảm động, chứ thiên, địa, quỷ thần, núi sông, cõi đất đều cảm động. Núi, sông, cõi đất cảm động, từ thí nghiệm với nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng người Nhật, chúng ta có thể thấy, mà cũng có thể lãnh hội lời dạy của đức Thế Tôn trong kinh Hoa Nghiêm: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chứng Trí*” (Hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chứng Trí). Chúng ta đã thấu hiểu!

Những cảnh giới này đều là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, rất khó hiểu, rất khó diễn tả. Vì thế, có những thành tựu khoa học, chúng ta cũng có thể mượn dùng, tuy chẳng giống khít khao với Phật pháp, nhưng đã khá gần rồi. Từ các loại thí nghiệm, chúng ta có thể suy đoán. Bất luận ở nơi đâu, hễ quý vị thấy nó (tháp nhà Phật), bèn dấy lên chánh niệm “chánh pháp trụ thế lâu dài”. Ngược lại, phải đòi hỏi chính mình, chánh pháp ở nơi đâu? Ở ngay trong tâm hạnh của chính mình. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Thế Tôn thường căn dặn điều này, tất cả học trò của đức Phật đều phải nên ghi nhớ, y giáo tu hành. Kinh Kim Cang đã dạy: “*Thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói*”. Những thứ quý vị đã học, phải có thể lý giải; sau khi đã lý giải, phải tiếp nhận toàn bộ. “*Tiếp nhận*” chính là y giáo phụng hành.

Học tập có thứ tự, vì sao hiện thời học tập gặp khó khăn ngàn ấy? Vì sao chẳng trông thấy thành quả? Đó là do chúng ta đã sơ sót thứ tự, học tập theo kiểu nhảy cóc, cho nên chẳng trông thấy thành tích. Giống hệt như đi học, chưa hề học Tiểu Học, chưa hề học Trung Học, mà kẻ ấy muốn vào học Đại Học. Học nhiều năm cách mấy đi nữa, vẫn chẳng có cách nào. Rất dụng công, rất nỗ lực, nhưng mỗi lần thi cử đều chẳng đậu, đến cuối cùng, ngay cả tín tâm của chính mình cũng bị mất luôn! Học Phật trong hiện thời, rất nhiều người phạm sai lầm này! Phải nên làm như thế nào? Phải nên từ nhỏ [đến lớn], từ cạn đến sâu, từ dễ đến khó, quý vị phải dựa theo thứ tự này. Vì thế, trong kinh Phật Tạng có một câu rất hay do chính Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy: “*Không trước là học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa, sẽ chẳng phải là đệ tử của Phật*”. Ba câu ấy nhằm bảo chúng ta, học tập phải theo thứ tự, phải có thứ tự, tuần tự tiến dần thì sẽ dễ dàng.

Tiểu Thừa nông cạn, Tiểu Thừa học dễ dàng. Phật pháp truyền sang Trung Hoa, chẳng trái nghịch giáo huấn của đức Phật. Kinh Tiểu Thừa được phiên dịch [sang tiếng Hán] rất hoàn chỉnh. Hiện thời, A Hàm Bộ trong Đại Tạng Kinh chính là kinh Tiểu Thừa. Đối chiếu kinh, luật, luận Tiểu Thừa [trong Đại Tạng Kinh tiếng Hán] với Đại Tạng Kinh bằng tiếng Ba Lợi (Pāli) theo Nam Truyền hiện thời, gần như là toàn bộ đều được phiên dịch [sang tiếng Hán]. Tạng Kinh bằng tiếng Ba Lợi so với kinh luận [A Hàm] đã được phiên dịch tại Trung Hoa, tôi nghe nói đại khái chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ, gần như có tổng cộng cũng gần ba ngàn bộ. Chỉ nhiều hơn năm mươi mấy bộ, quý vị có thể suy ra mà biết, phiên dịch khá hoàn chỉnh.

Vì sao người Hoa không học Tiểu Thừa? Không học Tiểu Thừa là từ giữa đời Đường trở đi bèn chẳng học Tiểu Thừa. Phật pháp cuối đời Tùy đầu đời Đường vốn có hai tông phái Tiểu Thừa là Thành Thật Tông và Câu Xá Tông. Hiện thời chẳng có ai biết hai tông phái ấy, không có ai học. Kinh điển còn đó, chẳng có người học. Đây là do nguyên nhân nào? Người Hoa học Phật, bắt luận tại gia hay xuất gia, đều có cơ sở của Nho. Từ nhỏ đã tiếp nhận giáo huấn, luân lý, đạo đức của Nho gia; và cũng tiếp nhận giáo huấn của Đạo gia. Đạo gia chủ yếu là giáo dục nhân quả. Vì thế, tôi thường nói: Căn cội của Nho gia là Đệ Tử Quy, căn cội của Đạo gia là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, căn cội của Phật gia là Thập Thiện Nghiệp Đạo. Do vậy, người Hoa đã có cơ sở Nho và Đạo thay thế Tiểu Thừa, cho nên có thể trực tiếp tiến nhập Đại Thừa, chẳng khó khăn tí nào. Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện, đối với hàng xuất gia thì giới Sa Di, giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát đều có thể thật sự làm được. Trái các đời, những người tu hành thành tựu trong tứ chúng đều có, thành tựu vượt trời Ấn Độ.

Nhưng trong hai trăm năm gần đây nhất, Phật pháp suy vi. Vì sao suy? Nho cũng suy, Đạo cũng suy. Nhà Mãn Thanh vào những năm cuối hủ bại, văn hóa phương Tây tiến nhập [Trung Hoa], người Hoa thấy người phương Tây nước giàu, quân mạnh, đối với văn hóa truyền thống của chính mình gần như chôn vùi tín tâm. Trong suốt một trăm năm, hứng chịu những điều đúng là sỉ nhục đặc biệt to lớn. Sau khi nước Tân Trung Hoa được thành lập, người Hoa lại ngẩng đầu lên, nhưng như thế nào? Vứt bỏ văn hóa truyền thống. Hậu di chứng của hiện tượng này khó thể tưởng tượng nổi. Mong cho xã hội bình trị, an định lâu dài, đó là một vấn đề to lớn. Trung Hoa đã duy trì xã hội, duy trì quốc gia suốt năm ngàn năm chẳng suy đồi là nhờ vào luân lý và đạo đức. Sau này, Phật giáo truyền đến, [nước Trung Hoa] được tăng thêm sinh lực. Trong suốt hai ngàn năm qua, người Hoa đã tiếp nhận giáo dục gì? Nho, Thích, Đạo; nếu quý vị đọc bài Thượng Dụ của hoàng đế Ung Chánh, sẽ hiểu rõ. Văn hóa truyền thống diệt vong, còn đáng sợ

hơn vong quốc! Nói thật ra, vong quốc chẳng đáng sợ, văn hóa tồn tại thì chắc chắn sẽ có ngày [đất nước] phục hưng. Nhưng sau khi văn hóa bị mất đi, sẽ vĩnh viễn chẳng thể phục hưng. Giống như bốn nước có nền văn minh cổ to lớn trên thế giới thì ba nước đã chẳng còn, hiện thời, Trung Hoa chao đảo, sắp sụp đổ. Hiện thời, nếu chẳng giác ngộ, nếu chẳng cấp tốc nỗ lực khôi phục, chẳng cần nhiều [thời gian], sau ba mươi năm nữa, sẽ chẳng thể hưng khởi được, nước có nền văn minh cổ thứ tư trong lịch sử sẽ bị tiêu mất. Hễ nó tiêu mất, khổ nạn trên thế gian sẽ nhiều hơn nữa!

Người sống trên thế gian này chẳng có mấy may ý nghĩa. “*Chẳng có mấy may ý nghĩa*” tức là chỉ có tạo tội nghiệp thì nhiều, chứ kẻ có thiện hạnh, thiện niệm quá hiếm hoi! Ý nghĩa và giá trị của đời người là nâng cao linh tánh của chính mình. Để nâng cao linh tánh, nhất định phải cậy vào giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ; bốn thứ ấy đều chẳng có. Trí huệ nói theo người phương Đông chẳng giống như người phương Tây. Trí huệ như người phương Tây đã nói chẳng lìa khỏi tâm ý thức, nó là phân biệt, chấp trước, chẳng lìa khỏi. Dùng phân biệt, dùng chấp trước để thăm dò vũ trụ. Hiện thời, nói đến vật lý vũ trụ, nói đến Lượng Tử Lực Học, nói rất nhiều, giải thích khởi nguyên của vũ trụ, thậm chí giải thích nguồn gốc sanh mạng, dùng phương pháp này. Người phương Đông không như vậy! Người phương Đông dùng Thiên Định, Thiên Định rất sâu để đột phá các chiều không gian; đây là trí huệ. Vì thế, trí huệ từ Thiên Định mà đạt được, tiểu định khai tiêu trí huệ, đại định khai đại trí huệ. Những điều đức Phật dạy trong kinh điển chính là đại trí huệ.

Khoa học gia hiện thời nói đến vật lý vũ trụ, Lượng Tử Lực Học, trong kinh Phật có [những điều ấy] hay không? Có chứ! Nói còn thấu triệt hơn họ. Ngay trong kinh này, chúng ta đã đọc thấy trong những phần trước về thế giới quan vi mô: Đức Phật nói trong vi trần có thế giới. Hiện thời, họ (các nhà khoa học) vẫn chưa nói đến thế giới quan vi mô, chưa bàn tới vấn đề này, chỉ nói vi trần là loại vật chất rất nhỏ. Các nhà khoa học hiện thời nói đến khoa-khắc (quark, hạt vi lượng), nguyên tử, điện tử, hạch tử (nucleus), lạp tử (particles). Trong Phật pháp thì dùng chữ “*vi trần*”. Vi trần chia rất nhiều đẳng cấp, loại nhỏ nhất được gọi là Cực Vi Chi Vi, tức là chẳng thể chia nhỏ hơn nữa. Trong Cực Vi Chi Vi có thế giới, vi trần chẳng phình to, thế giới cũng chẳng rút nhỏ, trong vi trần nghiêm nhiên có thế giới! Ai có thể vào? Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào thế giới trong vi trần. Thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong những vi trần ấy lại có thế giới, trùng trùng vô tận. Trong khoa học, chẳng có cách nói này, “*chẳng có gì lớn mà lọt ra ngoài, chẳng có gì nhỏ mà không ở trong*”. Đã thế, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh còn nói “*lớn, nhỏ chẳng hai*”, đây mới là thật

sự khế nhập. Chẳng có lớn, nhỏ, chẳng có trước, sau, chẳng có gần, xa, chẳng có đôi lập, đây chính là tứ vô ngại pháp giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm, [tức là] lý vô ngại, sự vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Đức Phật dựa vào đâu để nói những điều này? Dựa vào gì để có thể nói ra đại đạo lý sâu xa dường ấy? Thấy từ trong Thiên Định, chẳng phải là tư duy, tưởng tượng, chẳng cần phải suy xét, chẳng cần phải nghiên cứu. Suy xét hay nghiên cứu toàn là thức thứ sáu tức Ý Thức [khởi tác dụng]. Do vậy, Ngài là Tánh Đức trực giác.

Trong Thiên Định rất sâu, lục căn dấy lên tác dụng, tự nhiên, quý vị chẳng có gì không thông đạt, chẳng có gì không hiểu rõ. Tam Bảo: Tam Bảo là Tánh Đức của chúng ta, tức Giác, Chánh, Tịnh. Giác là Phật Bảo, Chánh là Pháp Bảo, thanh tịnh là Tăng Bảo, chẳng phải là nói đến bên ngoài. Nhưng sau đó mới hiểu trong và ngoài chẳng có giới hạn, trong và ngoài là một, tự và tha chẳng hai. Đại vũ trụ và tiểu vũ trụ là một chỉnh thể, là một Thể. Đây là nói “*mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thể*”, trong phần trước, chúng ta đã từng đọc rồi đó. Lẽ nào chẳng thể khiến cho kẻ khác kính ngưỡng? Chúng ta lại xem bài kệ kế tiếp, tức bài thứ sáu:

(Kinh) Đánh lễ u tháp, đương nguyện chúng sanh, nhất thiết thiên nhân, vô năng kiến đỉnh.

(經)頂禮於塔。當願眾生。一切天人。無能見頂。

(Kinh: Đánh lễ nơi tháp, nguyện cho chúng sanh, hết thấy trời người, chẳng thể thấy đỉnh).

Tháp rất cao, quý vị phải lên hư không thì mới có thể thấy đỉnh tháp. Khi quý vị ở phía dưới, sẽ chẳng thấy đỉnh. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, có những tòa cao ốc hình dạng giống như cái tháp, tại Hương Cảng chỗ nào cũng có thể trông thấy. Chúng được tạo hình xác thực là giống như một tòa tháp, là cao ốc mấy chục tầng. Tuy chẳng phải là tháp, nó có hình dáng giống tháp. Sau khi trông thấy, chúng ta cũng sẽ dẫn phát đại nguyện ấy. “*Đánh lễ u tháp*” (Đánh lễ nơi tháp). Đây cũng là một môn công khóa tu hành trong Phật môn, lay xá-lợi của Phật. Trong tám vạn bốn ngàn hạnh môn, có một hạnh môn như thế.

Lay Phật, thông thường là mỗi ngày ba ngàn lay. Trong Ảnh Trần Hồi Ưc Lục có ghi chép một câu chuyện như thế, nhà Phật gọi là “*công án*” (公案), tức là ghi chép, tường thuật chuyện này. Tôi không nhớ nổi tên vị pháp sư ấy, tức là vị pháp sư phôi nển. Đây là vị sư làm hương đăng trong chùa, chuyên môn coi sóc nhang và nển. Khóa lễ sáng tối, cúng Ngọ, khi đốt nển, thấp nhang, Sư trông coi chuyện này.

Mùa Hè trời rất nóng, mọi người trong chùa miếu phơi quần áo, hong mền, còn có người đem phơi kinh sách. Có người nói đùa với thầy hương đăng, vì thầy ấy thật thà: “Thầy hương đăng ơi! Thầy phải đem nển ra phơi. Nếu không, nển sẽ nổi mốc”. Quý vị thấy người thật thà chẳng có kiến thức thông thường, nghe lời, dọn hết nển ra phơi. Phơi nắng suốt hai tiếng đồng hồ, toàn bộ nển bị cháy tan hết. Khóa lễ tối, khi thấp nển, thấp đèn, sáp đã cháy tan hết rồi, mọi người thấy vậy đều chê cười. Thầy Duy Na trình lên Phương Trượng: “Người này chẳng dùng được, sao lại có thể làm ra chuyện ngu xuẩn dường ấy?” Phương Trượng là vị có đạo hạnh, cảm thấy người này rất khó có, có thể thành tựu người ấy, bèn dạy Sư chẳng cần phải làm hương đăng nữa, đưa Sư đến chùa A Dục Vương, chỗ ấy có tháp thờ xá-lợi Thích Ca Mâu Ni Phật: “Hãy lay tháp, mỗi ngày lễ ba ngàn lay!” Sư thật sự nghe lời, lay hết ba năm, Sư bèn khai ngộ. Sư không biết chữ, mà có thể làm thơ, có thể soạn kệ, học thứ gì học rất mau chóng. Về sau, nghiêm nhiên trở thành vị pháp sư giảng kinh, thuyết pháp; trí huệ đã mở mang!

Ba năm “*đánh lễ nơi tháp*”, lay xá-lợi của Thích Ca Mâu Ni Phật, nghiệp chướng tiêu trừ. Do vậy, chư vị phải biết, cách để tiêu nghiệp chướng tốt nhất là lay Phật, tâm chân thành, tâm cung kính, chẳng có một vọng niệm. Khi lay Phật bèn tưởng Phật, hoặc là tưởng tướng hảo của Phật, hoặc là tưởng giáo huấn của Phật. Chẳng cần tưởng quá nhiều, càng đơn giản càng hay. Như chúng ta nghiệp chướng nặng nề, căn tánh lại chẳng tốt, hằng ngày chúng ta lay Phật, chỉ tưởng Phật dạy chúng ta Thập Thiện Nghiệp Đạo, chỉ tưởng Phật dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là được rồi, đã đủ rồi. Trong cuộc sống, xử sự, đãi người tiếp vật, niệm nào cũng đều chẳng trái nghịch Thập Thiện, chắc chắn chẳng tạo mười ác nghiệp, niệm nào cũng đều tu Thập Thiện. Trong công khóa thường ngày, lay Phật thì niệm A Di Đà Phật, cứ một tiếng Phật hiệu là một lay. Khi chẳng lay Phật thì A Di Đà Phật chẳng rời khỏi miệng. Nếu công phu thật sự đặc lực, phải thật sự không nói năng, đây là một phương pháp hết sức có hiệu quả.

Gần đây nhất, tại núi Đông Thiên Mục, còn có những đạo tràng khác, người thật sự có thành tựu đều là đặc lực nhờ “*chỉ ngữ*” (止語), tức là không nói năng, không trò chuyện với bất cứ ai, ở ngay trong Niệm Phật Đường. Ở trong Niệm Phật Đường, lay Phật, kinh hành, chỉ tĩnh, đối với hoạt động và bảo dưỡng của thân thể của quý vị, thầy đều quan tâm đến. Quý vị ngồi đã mệt, tức là ngồi niệm Phật, ngồi đã mệt rồi thì đứng lên lễ Phật. Lễ Phật là vận động, vẫn là đang niệm Phật. Lay đã mệt bèn kinh hành, nhiễu Phật, đó là tản bộ, vẫn đang niệm Phật, Phật hiệu chẳng gián đoạn giữa chừng. Khi nghỉ ngơi thì hãy đi ngủ cho sâu, lúc thức dậy, tinh thần no đủ, công khóa chẳng gián đoạn. Giống như lão hòa thượng Đệ Nhàn đã dạy, hễ mệt mỏi bèn nghỉ ngơi,

ngủ ngơi đã khỏe khoản bèn niệm tiếp. Ba năm hoặc năm năm, công phu thành phiền, vãng sanh sẽ nắm chắc. Trong công phu thành phiền, cũng có ba bậc, chín phẩm. Công phu tốt đẹp, tức là ba phẩm thượng của công phu thành phiền, sẽ tự tại vãng sanh. Chẳng cần chờ đến hết thọ mạng, có thể ra đi trước, thật sự biết trước lúc mất. Đó gọi là “*sanh tử tự tại*”, ta muốn ra đi khi nào, bèn ra đi ngay khi ấy. Trong quá khứ đã có, trong hiện tại cũng có [những vị thành tựu như vậy], trong đời này, tôi đã thấy mười mấy người!

Chuyện này bày ra trước mặt, nếu quý vị chẳng tin tưởng, tức là chẳng có duyên với Phật, đời này chắc chắn chẳng thể thành tựu, vẫn phải luân hồi trong lục đạo, lại đợi đến đời sau, hoặc chờ đời sau nữa, khi gặp duyên, sẽ tiếp tục tu tập. Nhưng hễ luân hồi, sẽ đáng thương lắm! Trước kia, thầy Lý thường bảo chúng tôi: “*Đời này chẳng thể thành tựu, chắc chắn chẳng tránh khỏi luân hồi nhiều kiếp dài lâu*”. Đời sau còn được làm thân người, lại học Phật, quý vị há có vận may như thế ư? Chuyện này trong ức ức vạn người, khó có được một! Chớ nên không biết những chân tướng sự thật này, điều khẩn yếu là phải nắm chắc hiện thực, nhưng hiện thời Tăng Thượng Duyên rất khó, quý vị đến đạo tràng nào để có thể thật sự thành tựu quý vị? Khiến cho quý vị buông xuống vạn duyên, thứ gì cũng chẳng bận lòng, ba bữa ăn mỗi ngày có người cung cấp, lúc mệt mỏi thì có chỗ nghỉ ngơi. Quý vị có thể chẳng bận lòng tí nào, nhất tâm nhất ý niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; chẳng tìm thấy đạo tràng ấy!

Hiện thời, tại Trung Hoa, ai nấy đều biết, tôi biết được hai nơi, một là Bách Quốc Hưng Long Tự tại Trường Xuân ở phương Bắc, tức là đạo tràng của pháp sư Thường Huệ, phía Nam thì là Đông Thiên Mục Sơn, tức đạo tràng của cư sĩ Tề Tố Bình. Hai đạo tràng ấy thành tựu người [đến tu]. Nếu quý vị thật sự nhất tâm niệm Phật cầu vãng sanh, họ sẽ hết sức hoan nghênh, sẽ toàn tâm toàn lực chiếu cố, thành tựu quý vị. Những đạo tràng khác đương nhiên cũng có, nhưng tôi không hiểu rõ cho mấy. Từng nghe nói hình như Ngũ Đài Sơn cũng có đạo tràng, quy mô chẳng to lớn dường ấy. Chỗ khác đương nhiên là cũng có. Nơi nào có thể thành tựu người khác buông xuống vạn duyên để vãng sanh, phước báo của vị công đức chủ to lắm! Giống như Đại Từ Bồ Tát đã nói, quý vị có thể thành tựu hai người vãng sanh, phước báo của quý vị sẽ vượt trội phước báo do chính quý vị tu suốt một đời!

Ta thành tựu rất nhiều người vãng sanh, bản thân ta có thể vãng sanh hay không? Quý vị phải ghi nhớ điều này, Lục Tổ đại sư đã nói trong Đàn Kinh: “*Chuyện này phước chẳng thể cứu*”. Quý vị phải biết thuở Lương Vũ Đế sinh tiền, nhà vua gần như đã cúng dường mười mấy vạn người xuất gia, dựng chùa miếu, đạo tràng bốn trăm tám mươi ngôi vào thời Nam Triều. Vì thế, Đạt Ma Tổ Sư đến nơi, vua khoe

khoang với Tô, [hỏi]: “Công đức của ta có lớn hay không?” Đạt Ma Tô Sư nói: “*Hoàn toàn chẳng có công đức*”. Những việc nhà vua đã làm là gì? Phước đức. Lục Tổ nói: “*Chuyện này phước chẳng thể cứu*”, quý vị phải hiểu rõ điểm này. Đại Từ Bồ Tát nói là phước báo; nếu quý vị chẳng nhận lãnh phước báo ấy, quý vị chăm sóc, cúng dường đại chúng, bản thân quý vị có thể buông xuống hết thảy, Phật hiệu cũng chẳng gián đoạn, vậy thì quý vị thật sự là Phật, Bồ Tát tái lai, vậy thì chắc chắn được vãng sanh. Quý vị chẳng phải là phàm phu, vì sao? Quý vị đã liả bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước!

Vì thế, vào thời cổ xưa kia, người phụ trách và chấp sự trong đạo tràng đều là Phật, Bồ Tát hóa thân đến, chẳng phải là phàm nhân. Phàm nhân làm việc này như Lương Vũ Đế chỉ có thể tu phước mà chẳng thể vãng sanh, đời sau có phước báo to lớn, [do đã] làm nhiều chuyện tốt đẹp như thế, chúng ta chớ nên không biết điều này. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học bài kệ này tới đây.

Tập 1572

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn thứ chín trong phần Kệ Tụng, xem từ bài kệ thứ bảy:

(Kinh) Hữu nhiều u tháp, đương nguyện chúng sanh, sở hành vô nghịch, thành Nhất Thiết Trí.

(經)右繞於塔。當願眾生。所行無逆。成一切智。

(Kinh: Hữu nhiều nơi tháp, nguyện cho chúng sanh, việc làm chẳng trái, thành Nhất Thiết Trí).

Đây là nhiều tháp. Thông thường, trông thấy bảo tháp, đệ tử Phật môn sẽ đều lễ bái. “*Hữu nhiều*” (右繞, nhiều theo chiều phải) là thuận theo chiều kim đồng hồ, thông thường đều là nhiều ba vòng. Nếu quý vị có thời gian, nhiều bảy vòng, nhiều hai mươi một vòng, nhiều một trăm lẻ tám vòng đều được, tối thiểu là nhiều ba vòng. “*Hữu*” biểu thị “*thuận*”, trong ấy có ý nghĩa biểu thị pháp. Cổ Ấn Độ và người Hoa, [nói chung là] người phương Đông, đều coi bên phải là Thuận. Thuận là tùy thuận Tánh Đức. Do vậy, khi nhiều tháp, dẫn phát đại nguyện của Bồ Tát, “*sở hành vô nghịch, thành Nhất Thiết Trí*”, hai câu này có ý nghĩa rất sâu. “*Sở hành*” bao gồm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác. Khởi tâm động niệm là ý nghiệp, ngôn ngữ là khẩu nghiệp, tạo tác là thân nghiệp. “*Vô nghịch*” là ba nghiệp thanh tịnh, đều có thể tùy thuận Tánh Đức. Ba nghiệp thanh tịnh viên mãn, chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức Phật quả viên mãn rốt ráo. Do vậy có thể

biết, hai câu này có ý nghĩa rất sâu!

“*Nhất Thiết Trí*” được nói ở đây là theo nghĩa rộng, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, biển Chánh Biến Tri của Như Lai. Tuy ở đây chỉ có tám chữ, đã nêu bày cho chúng ta mục tiêu chung cực của việc học Phật, chính là phải thành tựu trí huệ viên mãn. Trí huệ viên mãn chẳng phải do từ bên ngoài mà có, các đồng học ắt cần phải biết điều này. Trong giáo pháp Đại Thừa đã nói rất nhiều, nhưng cứ ắt phải nhắc đi nhắc lại không ngừng. Vì sao? Chúng sanh hết sức dễ quên, nói xong, nghe rồi liền quên tuốt. Nghe suốt mười lần, nghe một trăm lần, ngàn lần, vạn lần, quý vị vẫn chẳng thể thực hiện. Chẳng thể thực hiện vậy thì vẫn phải nói. Do vậy có thể biết, chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp phải luân hồi trong lục đạo, chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, trong giáo pháp Đại Thừa thường nói: “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Bất luận căn tánh như thế nào, Phật, Bồ Tát chưa hề bỏ sót. Nói cách khác, thời thời khắc khắc giúp đỡ quý vị, giúp đỡ quý vị chưa hề gián đoạn. Sau đây, quý vị mới biết Phật, Bồ Tát có ân đức to lớn đối với chúng sanh, vượt trội cha mẹ quá nhiều. Chúng sanh chẳng biết, [tức là] chẳng biết ân, chẳng biết báo ân, nhưng Phật, Bồ Tát chẳng trách móc chúng sanh, vẫn chẳng buông bỏ, không ngừng giáo hóa quý vị.

Trước khi quý vị giác ngộ, Phật, Bồ Tát giáo hóa, chúng ta thường nói là “*âm thâm gia trì*”, nhưng người sáng mắt sẽ thấy rất rõ rệt, phàm phu chẳng nhìn ra. Vì thế, phàm phu chẳng biết cảm ơn, chẳng biết báo ân. Người hiểu rõ thì đến khi nào sẽ thấu hiểu? Khi đã giác ngộ. Khi nào sẽ giác ngộ? Theo tiêu chuẩn của kinh Hoa Nghiêm thì là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín, còn theo giáo pháp Tiểu Thừa sẽ là Sơ Quả Tu Đà Hoàn đã giác ngộ. Giác ngộ như thế nào? Quý vị buông xuống phiền não bèn giác ngộ. Nếu chẳng thể buông xuống tập khí phiền não, sẽ giống như chúng ta trong hiện thời, tuy đời đời kiếp kiếp tiếp nhận sự giáo hóa ngấm ngấm của chư Phật, Bồ Tát, vẫn chẳng giác ngộ y như cũ. Nếu hỏi vì sao chẳng giác ngộ ư? Tập khí quá nặng, đó là tập khí ác huân nhiễm từ vô lượng kiếp tới nay. Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói với các đồng học, [những tập khí phiền não] chính là ích kỷ, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, đây là nêu đại lược mấy loại tập khí ác. Nếu quý vị chẳng thể buông xuống mấy thứ ấy, quý vị sẽ chẳng có cách nào thấu hiểu!

Gia trì rõ rệt thì có sự tướng, có thuyết pháp. Như thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, lúc Ngài còn trụ thế, hành nghị cả đời của lão nhân gia là nêu gương cho chúng ta, học Phật thì phải nên học theo gương Ngài. Trước hết, quý vị thấy Ngài đã thị hiện, vinh hoa, phú quý, tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian thấy đều buông xuống. Ngài là vương tử mà xuất gia, chẳng muốn làm quốc vương. Quý vị nói xem có bao

nhiều kẻ muốn tranh giành ngôi vua? Ngài đã đạt được mà buông bỏ, điều này có ý nghĩa giáo dục hết sức sâu nặng. Chúng ta sẽ giảng xong phẩm kinh này rất mau, phẩm tiếp theo sẽ nói tỉ mỉ, vì sao từ bỏ ngôi vua? Vì sao phải từ bỏ vinh hoa, phú quý? Những thứ tâm lý và hành vi mong cầu, dục vọng ấy đều thuộc loại nghiệp luân hồi. Luân hồi khổ sở, quý vị không biết. Người sống trong thế gian, hiện thời nói đến ý nghĩa và giá trị của đời người, chúng ở đâu? Chư Phật, Bồ Tát, cổ thánh tiên hiền đã rất miêng buốt lòng khuyên bảo, chỉ dạy chúng ta, ý nghĩa của đời người là gì? Giá trị của đời người là gì? Toàn bộ người thế gian đều sai lầm, ý nghĩa và giá trị thật sự chính là không ngừng nâng cao linh tánh của chính mình, như vậy thì quý vị mới chẳng uổng công sanh trong thế gian này! Chớ nên ở trong thế gian này [mà không nâng cao linh tánh của chính mình], thời gian một đời chẳng dài, mấy chục mùa nóng lạnh, nếu những gì quý vị đã làm hoàn toàn trái đạo, đều trái nghịch tự tánh, quý vị sẽ bị phiền phức to lớn! Dầu đời này quý vị đạt được vinh hoa, phú quý, đời sau quý vị sẽ càng đọa lạc hơn!

Đức Phật đã nói về sanh tử luân hồi rất nhiều, Nho và Đạo cũng nói rất nhiều. Hiện thời, người phương Tây cũng nói chẳng ít, thật đấy, chẳng giả! Do vậy, đức Phật không dạy chúng ta chi khác, mà dạy chúng ta không ngừng nâng cao [linh tánh của chính mình]. Trong giáo pháp Đại Thừa đã nói, có sanh tử hay không? Chẳng có! Có đến đi hay chẳng? Cũng chẳng có! Bất cứ người nào, bất cứ chúng sanh nào, xét theo Nhất Thừa Giáo, tức là Phật pháp được nói đến chỗ tốt cùng thì “mê, sanh tử, Niết Bàn, phiền não, Bồ Đề” đều chẳng thể được. Nói lời thật với chúng ta, Phật là vô lượng thọ, có ai mà chẳng phải là vô lượng thọ? Thật sự vô lượng, chẳng phải là giả vô lượng. Ở trong lục đạo, quý vị đã xả thân, thọ thân từ vô lượng kiếp đến nay, vẫn chẳng phải là quý vị đó ư? Quý vị há có sanh tử? Chỉ là ở trong lục đạo, không ngừng thay đổi thân thể, đấy là thật. Đấy là nói với quý vị: Thân thể có sanh tử, có sanh diệt, chứ linh tánh bất sanh bất diệt.

Do vậy, chúng tôi thường xuyên dùng tỷ dụ để nói. Chúng ta sánh ví linh tánh như thân thể trong hiện tại, sánh ví quần áo như thân thể của chúng ta, coi thân thể như linh tánh. Quý vị thấy hằng ngày khi quý vị đi ngủ thì cởi quần áo, cởi quần áo là chẳng cần thân thể nữa. Sáng hôm sau, thức dậy, lại thay một bộ quần áo mới, lại mặc quần áo. Mặc quần áo vào, tức là quý vị lại được một thân thể khác. Sau khi đã cởi ra, chẳng cần nữa, thân thể này đã sử dụng mấy chục năm, sử dụng không tốt cho lắm, không cần nữa, thay cái khác. Đấy là chân tướng sự thật. Quý vị liễu giải chân tướng sự thật này, sẽ không tham sống sợ chết, biết là chẳng có tử, chẳng có sanh tử, chỉ là thay đổi thân thể. Đương nhiên, đức Phật hy vọng chúng ta ngay trong một đời này, tối thiểu quý vị phải thay đổi thành thân thể A La Hán, đấy là đúng. A La

Hán không ở trong lục đạo, đã vượt thoát lục đạo luân hồi. Đương nhiên, hy vọng nhất [là chúng ta] có thể đổi lấy thân thể Phật, đời này là phàm phu, đời sau làm Phật, có thể hay không? Có thể chứ! Đổi lấy thân thể Phật, quý vị đắc đại tự tại, viên mãn rốt ráo, chẳng phải là không làm được!

Trong một đời này, chúng tôi thấy thành Phật ngay trong một đời, tối thiểu đã trông thấy có mười mấy người, thật đấy, chẳng giả đâu! Dùng phương pháp gì để thành Phật? Niệm Phật vãng sanh, chư vị phải biết: Sanh về thế giới Cực Lạc, cho dù là hạ hạ phẩm vãng sanh, đều thành Phật. Đây gọi là “*sở hành vô nghịch*”, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới liền “*thành Nhất Thiết Trí*”. Đây là một pháp môn đặc biệt trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, cổ đức bảo: “*Đây là đạo để hành để thành Phật*”. Những pháp môn khác rất nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, những pháp đó đều là đạo khó hành, khó ở chỗ nào? Phải đoạn phiền não, chuyện này chẳng dễ dàng.

Trong các buổi giảng, chúng tôi đã thưa trình cùng quý vị: “Phật, Bồ Tát, La Hán chẳng phải là thần, chẳng phải là tiên nhân. Các Ngài là người, là bậc giác ngộ”. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo chúng ta: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, có nghĩa là hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật. Hiện thời vẫn là Phật, chỉ là một vị Phật hồ đồ, Phật mê hoặc, điên đảo, bị những gì mê hoặc? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ba loại phiền não to lớn ấy. Thông thường, giáo pháp Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa gọi vọng tưởng là vô minh phiền não. [Nói cách khác], vọng tưởng là vô minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tu phiền não. Kinh Hoa Nghiêm nói là “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”, trong giáo pháp Đại Thừa và Tiểu Thừa thì thường nói là “Vô Minh, Trần Sa, Kiến Tu”. Nếu chúng ta chẳng còn chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, thật sự buông xuống chấp trước, sẽ là A La Hán, sẽ thoát tam giới, sẽ thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nói cách khác, hễ quý vị còn có chấp trước, dầu chỉ có mấy may chấp trước, quý vị sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo. Nghiệp nhân của lục đạo luân hồi là chấp trước. Quý vị chấp trước là trái nghịch tự tánh; trong tự tánh chẳng có chấp trước, trong tự tánh chẳng có phân biệt, trong tự tánh chẳng có vọng tưởng. “*Sở hành vô nghịch*” là chẳng có những thứ ấy.

Nay chúng ta có thể chẳng chấp trước, sẽ thành A La Hán, sẽ vượt thoát lục đạo. Chẳng có phân biệt, quý vị là Bồ Tát. Chẳng có vọng tưởng, quý vị bèn thành Phật, bèn vượt thoát mười pháp giới. Vượt thoát mười pháp giới sẽ đến nơi đâu? Thế giới Hoa Tạng. Thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới. Thế giới Cực Lạc chính là điểm trung tâm của thế giới Hoa Tạng. Nếu chúng ta tỷ dụ thì Hoa Tạng giống như khu vực Cửu Long này, thế giới Cực Lạc chính là đường

Thái Tử (Prince Edward Road) trong khu Cửu Long, là một đường phố náo nhiệt nhất, là đường phố sầm uất nhất. Hoa Tạng và Cực Lạc là một, không hai. Sinh vào Cực Lạc là sinh trong Hoa Tạng, sinh về Hoa Tạng nhất định sẽ đến Cực Lạc, vì sao? Văn Thù, Phổ Hiền mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị sinh vào Hoa Tạng, nhất định gặp gỡ Văn Thù và Phổ Hiền, hai Ngài sẽ dẫn quý vị đi. Đây gọi là đạo thành Phật, là “*sở hành vô nghịch*”.

Vì thế, chúng ta nhất định phải biết Tánh Đức của chính mình. Tánh ấy chính là bốn tánh, tự tánh. Trong tự tánh vốn có đức năng, thuần thiện, thuần tịnh, “*Tịnh*” là nói đến cái Thể của nó, “*thiện*” là nói đến tướng của nó. Hiện tướng được sanh khởi bởi tự tánh là thuần thiện. Thể của nó là thuần tịnh, vĩnh hằng bất biến. Nay chúng ta đã mê tự tánh, mê mất tự tánh. Tự tánh của chúng ta là thuần tịnh thể, thuần thiện tướng, có bị mất đi hay không? Chẳng có! Phải biết điều này, chắc chắn sẽ không bị mất đi. Nếu nó có thể bị mất, tức là có biến đổi, như vậy sẽ chẳng gọi là tự tánh, chẳng phải là thuần chân, thuần thiện, thuần tịnh, chẳng phải là ý nghĩa này. Vĩnh viễn chẳng bị mất đi, chỉ là sau khi đã mê, phiền não và tập khí che lấp cái Thể và cái Tướng của tánh, giống như khí trời tại Hương Cảng ngày hôm nay, trời âm u, còn có chút mưa, mây phủ rất dày, che lấp ánh mặt trời. Chúng ta hỏi hôm nay có mặt trời hay không? Có chứ! Mặt trời bị những tầng mây che phủ! Những tầng mây có thật sự ngăn che mặt trời hay chẳng? Chẳng có! Tầng mây há có thể che khuất mặt trời! Mặt trời lớn hơn địa cầu mấy trăm vạn lần, các tầng mây làm sao có thể che khuất nó được? Tầng mây che lấp con mắt của chúng ta, hoàn toàn chẳng che khuất mặt trời. Từ thí dụ này, quý vị hãy chú tâm lãnh hội.

Do vậy, mê là chính mình mê, tự tánh chẳng có mê, mà cũng chẳng có ngộ, chẳng có mê hay ngộ. Chúng ta chỉ cần tiêu trừ những tầng mây, mặt trời sẽ lại hiện tiền. Vì thế, đức Phật bảo chúng ta, chúng ta làm thế nào để trừ khử tầng mây che lấp tự tánh, trí huệ trong tự tánh, tức trí huệ Bát Nhã sẽ hiện tiền, đức năng trong tự tánh sẽ hiện tiền. Đức năng là tác dụng của tám thức và sáu căn. Quý vị thấy Tướng Tông có nói “*chuyển tám thức thành bốn trí*” thì là giác ngộ. Hễ giác ngộ bèn chuyển, tám thức là mê, bốn trí là giác ngộ. Khi đó, mắt quý vị sẽ trông thấy chẳng chướng ngại.

Hiện thời, những gì mắt của chúng ta có thể trông thấy hết sức nhỏ hẹp. Nếu nói theo tỷ lệ phần trăm, mắt chúng ta hiện thời có thể trông thấy đại khái chỉ có hai phần trăm. Nói cách khác, còn có đến chín mươi tám phần trăm không thấy! Đây là gì? Mê! Nay vì quý vị có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ba tầng chướng ngại, quý vị chẳng thấy chân tướng của vũ trụ. Nếu có thể buông xuống chấp trước, tầng chướng ngại thứ nhất đã bị trừ khử, đức Phật dạy chúng ta mắt của A

La Hán, thông thường A La Hán có thể thấy một tiểu thiên thế giới. Một tiểu thiên thế giới là đã tuyệt diệu quá rồi. Nay chúng ta gọi một “*thế giới*” [trong kinh Phật] là một hệ Ngân Hà. Một tiểu thiên thế giới là một ngàn hệ Ngân Hà. Chẳng cần dùng viễn vọng kính mà thấy cảnh tượng trong một ngàn hệ Ngân Hà giống như ở ngay trước mắt, có thể thấy rõ ràng như vậy. Năng lực nghe cũng giống như thế, chẳng cần phải dùng bất cứ máy móc nào, chẳng cần chúng giúp đỡ, đó là năng lực của quý vị. Đó là bốn năng (năng lực sẵn có); chỉ cần trừ khử chướng ngại, quý vị sẽ khôi phục [bốn năng ấy]. Các nhà khoa học trong hiện thời cũng thừa nhận, các nhà khoa học nói gì? Trong vũ trụ xác thực là có các chiều không gian khác nhau. Thế giới của chúng ta là không gian ba chiều, có không gian bốn chiều, cho đến không gian vô lượng vô biên chiều! Các chiều không gian được tạo thành như thế nào? Do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tạo thành, phải biết không gian chẳng có các chiều. Đó là sự thật!

Nếu quý vị lại buông xuống phân biệt, vậy thì quý vị thuộc địa vị Bồ Tát, cao hơn A La Hán, lại nâng cao hơn. Vậy thì những gì quý vị trông thấy, chúng tôi nêu một thí dụ, khả năng thấy của quý vị lại khuếch đại. Quý vị có thể khuếch đại đến một đại thiên thế giới. Một đại thiên thế giới là mười ức hệ Ngân Hà. Đây là hàng Bồ Tát thông thường. Đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Bồ Tát có năm mươi một đẳng cấp. Bồ Tát trông thấy một đại thiên thế giới là địa vị gì? Theo kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát thuộc địa vị Bát Tín hoặc Cửu Tín sẽ trông thấy. Khi đạt đến địa vị Thập Tín, Ngài chẳng phải là thấy một đại thiên thế giới, mà có thể thấy một trăm đại thiên thế giới, một ngàn đại thiên thế giới, một vạn đại thiên thế giới, tới cuối cùng, quý vị có thể thấy trọn khắp pháp giới hư không giới. Đây là bốn năng của chính mình, trí huệ, đức năng, tướng hảo của quý vị vốn là như vậy. Tướng hảo chẳng phải chỉ là ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. Đây là đức Phật nói phương tiện. Từ kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy đó, “*thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo*”. Hết thấy chúng sanh vốn là tình trạng như thế, có sao nay lại đáng thương ngàn ấy? “*Trái nghịch tự tánh*” tức là sở hành của chúng ta trái nghịch. Sở hành trái nghịch thì chẳng thành Nhất Thiết Trí, mà thành gì? Thành lục đạo, tam đồ. Khởi tâm động niệm toàn là ích kỷ, chẳng giống Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát khởi tâm động niệm là cứu khổ, cứu nạn. Nơi nào có tai nạn, các Ngài sẽ đến nơi ấy. Phật, Bồ Tát chưa hề nói “lánh nạn”.

Chư vị biết đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát là “*địa ngục chẳng trống, thế không thành Phật*”. Ngài đến nơi đâu để độ chúng sanh? Trong pháp giới, chúng sanh khổ sở nhất là trong địa ngục. Ngài vào địa ngục độ chúng sanh. Những vị Bồ Tát khác vì sao không vào? Thừa cùng chư vị, chỉ cần vào địa ngục độ chúng sanh thì đều gọi là Địa

Tạng Bồ Tát! Địa Tạng Bồ Tát chẳng phải là một vị, quá nhiều! Vì thế, phải biết [danh hiệu của] Phật, Bồ Tát, La Hán đều là thông hiệu (通號, danh hiệu chung), chẳng phải là danh hiệu chuyên biệt của một vị, mà là thông hiệu. Giống như chúng ta học hành trong nhà trường, học các khoa hệ khác nhau. Giáo hóa chúng sanh trong địa ngục, quan trọng nhất là dạy gì? Khóa trình cơ bản. Vì sao? Họ ngay cả khóa trình cơ bản cũng trái nghịch. Khóa trình cơ bản là “hiếu thân, tôn sư” (hiếu thảo với cha mẹ, tôn kính thầy). Quý vị thấy học hành tại Trung Hoa xưa kia, tài liệu dạy vỡ lòng cho trẻ là Tam Tự Kinh, câu đầu tiên là “nhân chi sơ, tánh bản thiện; tánh tương cận, tập tương viễn; cấu bất giáo, tánh nãi thiên; giáo chi đạo, quý dĩ chuyên” (con người thoát đầu tánh vốn lành. Tánh thì gần giống như nhau, do huân tập mà thành khác xa nhau. Nếu chẳng được dạy dỗ, tánh sẽ thay đổi. Đường lối để dạy dỗ, cốt yếu là chuyên tinh). Vừa mở đầu đã nói đến sự giáo dục. Dạy gì vậy? Dạy luân lý, mở đầu luân lý là “phụ tử hữu thân”, “quân thân hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín” (cha con có tình thân, vua tôi có nghĩa, vợ chồng có trách nhiệm khác biệt, lớn nhỏ có tôn ty trật tự, bạn bè có chữ tín). Giáo dục trong thời đại thượng cổ là dạy những điều ấy!

Vì thế, “cha từ, con hiếu” là cội gốc giáo dục. Cha mẹ dạy con cái phải tôn sư trọng đạo. Thầy dạy trò phải hiếu thuận cha mẹ, ân đức của hai đấng to như nhau. Suốt một giải Giang Nam của Trung Hoa, quý vị thấy họ thờ bài vị tổ tiên, hiện thời ít lắm, trước kia thì nhà nào cũng đều có. Nhà nào chẳng thờ bài vị tổ tiên, coi sao được? Đó chẳng phải là người! Trên bài vị tổ tiên viết gì vậy? “Thiên địa quân thân sư” (Trời, đất, vua, cha mẹ, thầy), thờ bài vị ấy. Vì thế, thầy cũng được thờ trên đó. Trời đất thì trời che phủ ta, đất chuyên chở ta, “quân” (君) trước kia là đế vương, tức là người lãnh đạo quốc gia, họ bảo vệ chúng ta. Tiếp đó là cha mẹ, tức Thân (親), rồi đến Thầy. Những điều này đều thuộc về Tánh Đức.

Giáo dục hưng khởi; vì thế, giáo dục tại Trung Hoa từ xưa tới nay, cả năm ngàn năm đều là một tư tưởng như thế, đều là một tông chỉ như vậy, tức là tình thân ái giữa cha và con. Trong mục đích giáo dục, mục đích đầu tiên là làm thế nào để có thể vĩnh viễn gìn giữ bất biến tình thân ái giữa cha và con trong suốt một đời, mục đích giáo dục đã đạt được. Mục tiêu thứ hai là phải phát huy rạng rỡ tình thân ái ấy. Từ tình yêu thương cha mẹ, mở rộng thành yêu thương anh em, yêu thương gia tộc của quý vị, yêu thương xã hội, yêu thương quốc gia, yêu nhân loại, yêu chúng sanh, khuếch đại từng tầng một. Đây là quan niệm giáo dục của Trung Hoa suốt mấy ngàn năm, quý vị phải thấu hiểu. Nói theo kiểu hiện thời, giáo dục của Trung Hoa, giáo dục của thánh hiền là giáo dục yêu thương. Quý vị yêu thương con người, làm sao có thể hại

con người cho được? Quý vị thấy trong Đệ Tử Quy “*phàm là người đều phải yêu thương*”. Phàm là người, chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt sắc tộc, chẳng phân biệt tôn giáo, người và người đối đãi bình đẳng, chung sống hòa thuận. “*Hòa thuận*”: Trong Thuận còn có ý nghĩa tương thân tương ái. Vì thế, chẳng nói là hòa bình, mà là hòa thuận. Hòa là hài hòa! Đây là quan niệm cơ bản trong giáo dục Trung Hoa, hoàn toàn là “*sở hành vô nghịch*”.

Ngày nay, xã hội hiện thời có thể nói là “*sở hành đều nghịch*”, hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức. Do vậy, mới bày ra một bầu hỗn loạn, hỗn loạn đến mức chướng khí mịt mù. Tôi ở Hương Cảng một khoảng thời gian, dẫu vào ngày nắng ráo, chẳng thấy trời xanh, mây trắng; ngẩng đầu nhìn lên không trung, thấy một bầu hỗn độn, ô trược. Trong tháng Tư, tôi tham gia hội nghị ở Hàng Châu. Sau khi tham dự xong, tôi đến Bắc Kinh. Từ Bắc Kinh đến Vân Nam, từ Vân Nam trở lại Hương Cảng. Ngồi trên máy bay, thấy phía dưới là một bầu hỗn độn, ô trược, là một khoảng mù mịt, cho thấy không khí đã bị ô nhiễm nghiêm trọng ngàn ấy. Khi tôi bay ở vùng Thái Bình Dương, khu vực Úc Châu khác hẳn. Ở trên không của Thái Bình Dương, quý vị nhìn xuống dưới, có thể thấy nước biển sạch sẽ. Trên không trung của Úc có thể thấy mặt đất rành rành. Ở trên không trung của Trung Hoa, trên không phận của cả vùng này, thấy một bầu mù mịt. Vì sao thành ra tình trạng này? Từ đầu năm đến cuối năm, xác thực là rất khó có mấy ngày trông thấy trời xanh, buổi tối có thể thấy các ngôi sao. Chuyện này chắc chắn chẳng thể nói là hiện tượng tự nhiên. Hiện tượng tự nhiên có mối quan hệ mật thiết với lòng người, Phật pháp nói là “*cảm ứng*”. Tâm hạnh thiện, núi, sông, đại địa, hết thảy chúng sanh, chẳng có gì bất thiện. Tâm hạnh bất thiện, sẽ chẳng có gì là thiện.

Chuyện này trong kinh giáo đã nói rất nhiều: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tướng*”! Hiện thời, cư dân trong khu vực này, hết thảy các chúng sanh ấy, tâm họ tưởng điều gì? Toàn là tưởng tham, sân, si, mạn, nghi; quý vị nói xem, còn làm sao được nữa! Đây là trái nghịch tự tánh một trăm tám mươi độ. Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng: Tham lam là nạ quý, sân khuê là địa ngục, ngu si là súc sanh. Do vậy, trong nạ quý đạo, trời đất vĩnh viễn tối tăm, sương khói mịt mờ, chẳng thấy mặt trời, mặt trăng, mà cũng chẳng thấy tinh tú, giống như ngày âm u vậy. Đây là khí hậu trong đường nạ quý, do điều gì tạo thành? Tham lam. Địa ngục đạo hết sức khổ sở, có thể địa ngục là một bầu biển lửa, trong tám địa ngục lạnh cũng là một bầu biển lửa. Đó là do điều gì biến ra? Cái tâm sân khuê biến ra. Sân khuê là lửa, tham dục là nước, ngu si là gió, đây là nguồn cội của Tam Tai. Thủy tai, hỏa tai, núi lửa bùng nổ đều thuộc về hỏa tai, gió lốc, bão tố làm sao có thể nói là chẳng có mối quan hệ với lòng người?

Giáo huấn của thánh hiền, giáo huấn của Phật, Bồ Tát chẳng có gì khác, [chỉ nhằm] khiến cho chúng ta trở về tự tánh. Do đó, các Ngài dạy chúng ta phải xa lìa ngũ dục, lục trần, những thứ ấy chắc chắn đừng nên tham luyến, hễ quý vị có những thứ ấy thì sai mất rồi. Quý vị phải học theo Phật, Bồ Tát; Phật, Bồ Tát liễu giải chân tướng sự thật, trong tự tánh chẳng có những thứ ấy. Những thứ có trong tự tánh là trí huệ, đức năng, vô lượng tướng hảo; người hiện thời nói là “*chân, thiện, mỹ, huệ*”; đây là Tánh Đức. Người thế gian chỉ biết những danh từ và danh tướng ấy, [tức danh từ] “*chân, thiện, mỹ, huệ*”. Trên thực tế, “*chân, thiện, mỹ, huệ*” họ chẳng thấy một chữ nào! Không chỉ là chẳng trông thấy, [mà còn] chẳng có cách nào lãnh hội; do đó, hữu danh vô thực. Nhưng đối với người tu hành, hữu danh hữu thực, quý vị chỉ cần buông xuống những thứ trái nghịch tự tánh. Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta: “*Bổn Giác vốn có, bất giác vốn không*”. [Nói cách khác], bản thiện vốn có, bất thiện vốn không. Vốn là không, đương nhiên là có thể đoạn trừ, chỉ cần quý vị chịu buông xuống là đoạn được. Vốn có, đương nhiên là có thể khôi phục, nhất định có thể khôi phục thuần tịnh thuần thiện. Quý vị phải thật sự làm, nói thật ra, hoàn toàn chẳng khó!

Đức Phật dạy hết thầy chúng sanh, xét theo phương thức, Ngài có ba loại [phương thức dạy dỗ] lớn:

1) Thứ nhất là nêu chỉ, đây là nói với hạng thượng căn. Chỉ cần đề ra, chỉ bày, họ liền hiểu rõ. Đó gọi là “*nghe một biết mười, nghe một ngộ cả ngàn*”. Đây là bậc thượng căn.

2) Kẻ trung căn, sau khi đã nêu bày, còn phải khuyên dạy.

3) Kẻ hạ căn thì nhất định phải nêu gương cho họ thấy, khiến cho họ thật sự trông thấy, họ mới tin tưởng!

Chiều hôm nay, Tề cư sĩ đến đây, ở trong đạo tràng của chúng ta. Tôi nghe nói bà ta từ Cao Hùng đến. Bốn mươi năm trước, tôi ở Phật Quang Sơn tại Cao Hùng. Thuở đó, Phật Quang Sơn vừa mới khai sơn, pháp sư Tinh Vân mở Phật học viện, mời tôi đến dạy. Tôi ở đó mười tháng. Có một buổi tối, có một công nhân. Phật Quang Sơn từ đầu năm đến cuối năm đều có công trình [kiến thiết], vì thế, công nhân của họ là công nhân dài hạn. Có một vị công nhân là người làng Tướng Quân ở Đài Nam, mười mấy đồng học chúng tôi, buổi tối, dưới ánh trăng, thảo luận về bài học tại đó. Người ấy đến chỗ chúng tôi, cũng là đến nghe. Nghe một lúc, người ấy bảo chúng tôi, khuyên chúng tôi hãy niệm Phật cầu vãng sanh. Ông nói [vãng sanh] là thật, chẳng giả tí nào! Tôi nói: “Sao ông biết là thật?” Ông ta kể: Năm ngoái, [tức là] năm ngoái của khi đó, đồng hương với bọn họ (tức là [những người sống trong] làng Tướng Quân) có một bà cụ niệm Phật ba năm, đứng vãng sanh, [ông ta] đích thân trông thấy, [bà cụ] chẳng ngã bệnh!

Ông ta nói bà cụ ấy là người rất tốt, là hảo nhân, hết sức từ bi.

Trong quá khứ, bất luận là Phật cũng lay, mà thần cũng lay, cụ cũng chẳng hiểu, đúng là đến lẽ bái khắp nơi. Ba năm trước đây, cụ cưới dâu. Con dâu học Phật, liền khuyên cụ chớ nên đi ra ngoài lay lục, chẳng cần phải lễ bái lung tung, trong nhà lập Phật đường, chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên lay A Di Đà Phật. Bà cụ ấy thiện căn rất sâu dày, nghe theo lời khuyên nhủ của con dâu. Từ đấy trở đi, chẳng đi ra ngoài lay lục lung tung nữa, ở nhà niệm Phật, niệm đã ba năm. Con trai và con dâu rất hiếu thuận; hôm bà cụ vãng sanh, cụ bảo con trai và con dâu, bà cụ chẳng nói mình sắp vãng sanh. Khi ăn cơm tối, bà cụ bảo: “Các con ăn trước đi, không cần chờ mẹ. Mẹ đi tắm, cứ ăn trước đi”. Con trai và con dâu vẫn chờ bà cụ, đợi rất lâu, chẳng thấy bà cụ ra. Vào trong phòng xem, bà cụ thật sự đã tắm rửa xong, thay quần áo, gọi thì không có ai trả lời. Đi đến gian thờ Phật nhỏ của bà cụ, [họ trông thấy] bà cụ mặc áo hải thanh, đứng trước tượng Phật, tay cầm xâu chuỗi, gọi thì bà cụ cũng không trả lời. Đến trước mặt nhìn kỹ, cụ đã qua đời, đứng mất. Hàng xóm đều trông thấy, thật đấy, chẳng giả tí nào, ba năm đấy nhé!

Bà cụ cũng rất thông minh, chẳng nói cụ sắp vãng sanh để tránh người trong nhà trở ngại cụ. Cụ đi rồi, đến khi người nhà biết, cụ đã mất rồi. Chuyện này rất nhiều người ở phía Nam đều biết. Dường như là mười một, mười hai năm trước, thuở ấy tôi giảng diễn một lần tại đại học Trung Sơn ở phía Nam Đài Loan, nhắc đến chuyện này. Thính chúng giơ tay, nói họ biết, họ bảo họ biết chuyện này, chẳng giả! Điều kiện để vãng sanh là gì? Chẳng có gì khác, phải buông xuống! Vì thế, vị đường chủ Niệm Phật Đường thường nói, buông xuống thân, tâm, thế giới, một câu Phật hiệu đã đủ rồi!

Vì thế, tối hôm ấy, tôi có ấn tượng rất sâu. Vị công nhân ấy đã kể cho chúng tôi nghe sự từng trải của bà cụ niệm Phật vãng sanh, khuyên chúng tôi nhất định phải nghiêm túc niệm Phật, chẳng giả tí nào! Đây mới là tùy thuận Tánh Đức một trăm phần trăm, thật sự thành Nhất Thiết Trí, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật. Trong thời kỳ Mật Pháp, trừ pháp môn này ra, đối với các pháp môn khác mà mong thành tựu trong một đời, đúng là hết sức khó khăn, ngay cả chúng A La Hán cũng chẳng dễ dàng, huống hồ thành Phật. Chỉ riêng có pháp môn Tịnh Độ này là có thể thành tựu. A! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút.

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ tiếp theo đó, tức bài kệ thứ tám:

(Kinh) Nhiễm tháp tam táp, đương nguyện chúng sanh, cần cầu Phật đạo, tâm vô giải hiết.

(經)繞塔三匝。當願眾生。勤求佛道。心無懈歇。

(*Kinh: Nhiều tháp ba vòng, nguyện cho chúng sanh, siêng cầu Phật đạo, tâm chẳng biếng trễ.*)

Bài kệ này dạy chúng ta, học Phật phải biết tinh tấn. Phật pháp nói về thiện căn, thiện căn trong pháp thế gian có ba loại là vô tham, vô sân, vô si, [ba loại ấy] có thể sanh ra hết thảy các thiện pháp thế gian. Vì thế, chúng được gọi là ba thiện căn. Tương phản với ba thiện căn là tham, sân, si, được gọi là Tam Độc. Tam Độc phiền não cũng là hết thảy tất cả ác pháp, pháp bất thiện trong thế gian đều sanh từ ba món ấy, chúng ta nhất định phải biết điều này. Muốn thành tựu hết thảy thiện pháp thế gian, vậy thì quyết định phải nhớ: Quyết định phải đoạn tham, sân, si. Thật sự đoạn trừ tham, sân, si, sẽ là Tứ Quả La Hán. Trong hội Hoa Nghiêm, quả vị Bồ Tát là Thất Tín vị Bồ Tát, đoạn trừ tham, sân, si, người ấy sẽ thành Chánh Giác. Đối với Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, người ấy đã đắc Chánh Giác. Trong toàn thể giáo pháp Đại Thừa, vị ấy đã thành tựu giai đoạn thứ nhất, giống như chúng ta đi học, đây là học vị, học vị thứ nhất tức Học Sĩ (Cử Nhân) người ấy đã đạt được. A La Hán là danh từ dùng trong Phật môn, nếu dùng quy chế trong trường học hiện thời để sánh ví, [A La Hán] là Học Sĩ. Bồ Tát là Thạc Sĩ, Phật Đà là Tiến Sĩ. Học vị cao nhất được gọi là Phật Đà, chớ nên không biết điều này. Do vậy, trong Phật môn, Phật, Bồ Tát, La Hán đều là danh xưng học vị.

Quý vị có thể buông xuống chấp trước, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng còn chấp trước nữa, quý vị đã đạt được học vị thứ nhất, đã nắm được Chánh Giác. Lại tiến cao hơn, không chỉ là chẳng chấp trước, mà tâm phân biệt cũng chẳng có, sẽ là Bồ Tát. Bồ Tát được gọi là Chánh Đẳng Chánh Giác. Đẳng (等) là bằng với Phật. “*Bằng với Phật*” thì đương nhiên vẫn chưa phải là một vị Phật thật sự, “*bằng với Phật*” mà! Học vị cao nhất là Phật Đà, Phật Đà là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, chẳng còn gì cao hơn nữa, địa vị này đã đạt tới tột đỉnh. “*Nhiều tháp ba vòng*” cũng có ý nghĩa này. Vì sao nhiều ba vòng? Thứ nhất là đoạn Kiến Tư, thứ nhì đoạn Trần Sa, thứ ba đoạn vô minh. Đây là sự biểu thị pháp. Nói theo sự chứng quả, vòng thứ nhất là chúng A La Hán, vòng thứ hai là chúng Bồ Tát, vòng thứ ba là chúng Phật quả. Ý nghĩa biểu thị pháp rất nhiều, chúng ta suy ngẫm, sẽ có thể thấu hiểu. Vì thế, dẫn phát đại nguyện “*đương nguyện chúng sanh, cần cầu Phật đạo, tâm vô giải hiết*” (nguyện cho chúng sanh, siêng cầu Phật đạo, tâm chẳng biếng trễ). “*Giải*” (懈) là giải đãi, “*hiết*” (歇) là nghỉ ngơi. Giải đãi bèn biếng nhác, tán loạn. Nghỉ ngơi chắc chắn sẽ thoái chuyển.

Tu hành và cầu học đều là cùng một đạo lý. Cổ nhân ví von “*nư thuyền đi ngược nước, không tiến ắt lùi*”, vì sao? Từ vô lượng kiếp đến nay, tâm tánh của phàm phu luôn bị tập khí phiền não huân tập. Như vậy thì quý vị sẽ hiểu: Tập khí phiền não đã huân tập trong thời gian bao lâu? Vô lượng kiếp ở trong lục đạo. Trong lục đạo có thiện và ác, chúng ta có thể thấu hiểu, chắc chắn là thiện ít, ác nhiều. Do vậy, đức Phật nói căn bản phiền não có hai mươi sáu thứ, tức là hai mươi sáu loại lớn. Ngài bảo Thiện Tâm Sở chỉ có mười một loại, Phiền Não Tâm Sở gồm hai mươi sáu món; đây là nói về vọng tâm của chúng ta, cũng là nói về thức tâm, tức tám thức, [gọi chung là] thức tâm. Đối với Phiền Não Tâm Sở trong thức tâm, so sánh giữa bất thiện Tâm Sở và thiện Tâm Sở thì [bất thiện Tâm Sở] nhiều hơn gấp đôi, hai mươi sáu món! Đó là lý do vì sao con người học theo cái xấu rất dễ dàng, học cái tốt rất khó? Chẳng phải là quý vị đã hiểu rõ đạo lý này ư? Chúng tử tập khí trong A Lại Da Thức, bất thiện nhiều, thiện ít, thiện Tâm Sở và bất thiện Tâm Sở chẳng cân xứng. Đức Phật phân loại như thế, Tâm Sở thiện và ác khác nhau, số mục khác nhau, mà trên thực tế nay chúng ta có thể hiểu thấu. Nói theo tập khí, phải biết là có thể nói như thế này: Tập khí bất thiện chiếm đến tám chín phần mười, tập khí thiện chỉ có một, hai phần mười. Do vậy, học theo cái tốt rất khó, còn học theo cái xấu rất dễ dàng.

Tại Trung Hoa, trong quá khứ, tinh thần của nền giáo dục xa xưa xác thực là luôn ngăn ngừa, chấm dứt ngay từ lúc mới manh nha; vì thế, dạy học hết sức nghiêm ngặt, chỉ sợ trẻ nhỏ học theo cái xấu xa. Do đó, rất nghiêm ngặt. Vua Khang Hy dạy con cái của chính mình: “*Trước khi tròn hai mươi tuổi, thì từ lần ca phú đều chẳng cần học, hãy chú trọng kinh sử tử thư*”, Vì sao? Sợ học theo thói xấu. Trong tác phẩm văn học, vào thời cổ, cũng luôn có nguyên tắc, đó là “*tu vô tà*” (không nghĩ tà vậy), luôn giữ vững nguyên tắc này, nhưng mức độ cởi mở rất lớn, còn kinh sách hết sức nghiêm ngặt, cẩn trọng. Vì thế, trước khi đầy hai mươi tuổi, chánh yếu là học kinh điển, [thường nói là] “*kinh học*”. Sử học là hấp thụ giáo huấn, lịch sử là kết tinh từ kinh nghiệm của nhân loại. Xét xem những nhân vật xưa nay thành công, họ đã dựa vào gì để thành công? Thất bại thì do nguyên nhân nào mà thất bại? Sự thành bại của cá nhân, quốc gia, xã hội hưng suy, lịch sử là một tấm gương soi. Dùng hai thứ ấy (kinh điển và sử sách) làm môn tu học chánh yếu. Khang Hy là một người rất thông minh, xác thực là siêng năng lo việc triều chánh, yêu dân, quản giáo con cái hết sức nghiêm ngặt. Trong cung đình, thường xuyên không ngừng mời chuyên gia, học giả đến giảng dạy, lên lớp trong cung đình.

Năm ngàn năm qua, Trung Hoa yên ổn hòa bình, là vì lẽ nào? Chính là “*kiến quốc, quân dân, tu thân vi bản, giáo học vi tiên*” (xây

dựng đất nước, cai trị nhân dân, tu thân làm gốc, giáo học làm đầu), đó là ba câu thuộc về nguyên tắc chỉ đạo. Giáo dục truyền thống suốt năm ngàn năm của Trung Hoa chẳng lìa khỏi nguyên tắc này, vĩnh viễn tuân theo nguyên tắc này. Cho đến thời Dân Quốc, nguyên tắc ấy mới bị vứt bỏ, học theo người phương Tây, vứt bỏ những thứ của tổ tiên chính mình. Trong một trăm năm nay, nhân dân Trung Hoa chịu đủ mọi khổ nạn, nổi khổ nạn ấy do đâu mà có, chúng ta phải biết. Chính là do đã vứt bỏ giáo huấn của tổ tiên mà gặp phải tai nạn to lớn như thế. Giáo huấn của tổ tiên là giáo dục yêu thương. Yêu thương thì sẽ chẳng hại người, yêu thương thì sẽ tôn kính con người, yêu thương thì nhất định có thể chăm sóc người khác, có thể giúp đỡ người khác, có thể xả thân vì người khác, chẳng phải là tổn người lợi mình. Tổn người lợi mình là trái nghịch Tánh Đức. Dẫu chính mình chịu khổ mắc nạn, vẫn chẳng thể tổn người lợi mình. Trong ấy có giáo dục nhân quả. Đã thông hiểu giáo dục nhân quả, chính mình chịu khổ chịu nạn, họ chẳng oán trời hờn người, khi ấy sẽ làm như thế nào? Cổ thánh tiên hiền đã dạy chúng ta: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Có chuyện gì chẳng làm được, hãy xét lại mình). Tức là khi chúng ta gặp chuyện chẳng vừa ý, chính mình phải nên khéo phản tỉnh, kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới, cầu sám hối, tiêu nghiệp chướng. Như vậy thì mới có thể chuyển biến vận mạng của chính mình, chẳng hề oán trời hờn người.

Chư vị xem Liễu Phàm Tứ Huấn sẽ hiểu rõ, xem thứ mới được ra mắt gần đây nhất là Du Tịnh Ý Ngộ Táo Thần Ký, hai thứ ấy là tài liệu giáo dục điển hình về sửa đổi vận mạng. Quý vị phải xem hai thứ ấy cho nhiều để biết sửa đổi vận mạng của chính mình bằng cách nào? Sửa đổi vận mạng tối thượng thừa là thành Phật, thành Bồ Tát ngay trong đời này; đây là tối thượng thừa. Trong phần trước, tôi đã nhắc tới bà cụ ở làng Tướng Quân vào hơn bốn mươi năm trước, niệm Phật ba năm, đứng vãng sanh. Đây là thành tựu thượng thừa. Nếu quý vị hỏi do nguyên nhân gì ư? Chẳng có gì khác, buông xuống được! Chẳng lưu luyến mây may, vậy là quý vị tăng cao từng tầng một. Hễ có mây may chẳng buông xuống được, sẽ là chướng ngại nghiêm trọng.

Hôm trước, tại Thâm Quyển có Hoàng cư sĩ, ba mươi tám tuổi vãng sanh, cũng là niệm Phật hai năm mười tháng. Hôm qua, tôi mới thấy phần tài liệu này. Ông ta nghe nói tai nạn nghiêm trọng, tức là thế gian này bị tai nạn nghiêm trọng, chính mình cũng cảm nhận rất sâu đậm, chẳng muốn hứng chịu tai nạn ấy, mong trước khi tai nạn xảy đến bèn vãng sanh, ông ta thật sự làm được. Ông ta phát ra nguyện ấy, nêu gương cho mọi người, niệm Phật ba năm thật sự có thể vãng sanh. Chuyện này khó có, ông ta đã làm gương. Ông ta chỉ niệm hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng mới đủ ba năm, đã biết trước lúc mất. Tôi xem tài liệu về ông ta: Trong hai năm ấy, ông ta bé quan, chỉ ngữ,

tức là không nói năng, hết thấy đều buông xuống. Mỗi ngày nghe kinh sáu giờ, niệm Phật mười một tiếng đồng hồ, chưa hề gián đoạn. Bỏ luôn ăn cơm tối, tâm địa thanh tịnh. Ông ta đã nêu gương, làm theo hình thức ấy, chẳng có một ai không vãng sanh! Trong tâm khởi tâm động niệm bèn chỉ tướng A Di Đà Phật, chỉ niệm A Di Đà Phật, chỉ lạy A Di Đà Phật, một bộ kinh Vô Lượng Thọ, một câu Nam-mô A Di Đà Phật, ông ta thành tựu.

Tôi xem tài liệu này rất cảm động, [gương sáng] ở ngay trước mắt, là chuyện hôm trước. Trước khi vãng sanh, ông ta nói với các đồng học bên đó, muốn sang Hương Cảng gặp tôi. Chúng tôi giảng kinh thì bốn giờ rưỡi bắt đầu, có khi trễ hơn một chút, đại khái là bốn giờ ba mươi lăm phút, ông ta ra đi lúc bốn giờ năm mươi phút, thật sự ra đi. Khi hỏa táng, có xá-lợi, có hoa xá-lợi. Tôi dẫn dò các đồng tu bên đó hãy thu thập, thờ phụng cẩn thận. Đây là tấm gương cho người niệm Phật chúng ta, đây là thành tựu thật sự. Ông ta tốn thời gian hai năm mười tháng, “*cần cầu Phật đạo, tâm vô giải hiết*” (siêng cầu Phật đạo, tâm chẳng biếng trễ), ông ta đã làm được tám chữ ấy, tịnh nghiệp bèn viên mãn.

Phàm là người niệm Phật nhiều năm mà ngay cả tin tức cũng chẳng có, do nguyên nhân nào? Giải đãi, lười nhác, tán loạn, hằng ngày niệm Phật như có, như không. Hằng ngày nghe kinh cũng giống như thế. Tập khí phiền não chẳng đoạn, nghe kinh suốt đời, vẫn mê hoặc, điên đảo, thậm chí giảng kinh suốt đời, đến khi lâm chung vẫn tay chân cuống quýt, đây là do nguyên nhân gì? Chẳng buông xuống. Chuyện mắc mứu trong dạ quá nhiều, những chuyện mắc mứu trong lòng chẳng có gì là thật, toàn là giả. Biết giảng kinh Bát Nhã, thật ra chẳng hiểu! “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, kẻ ấy biết niệm, biết giảng, nhưng chẳng làm được! Kẻ ấy vẫn coi tất cả hết thấy các pháp trong thế gian, vẫn coi thân thể này là thật, làm thế nào đây? Chúng ta đành phải nói, “tập khí nghiệp chướng quá nặng!” Đời này chẳng thể thành tựu, chắc chắn sẽ luân hồi, luân hồi hết sức đáng sợ, hết sức kinh hoàng!

Nếu chúng ta chẳng dấy khởi cái tâm cảnh giác, năm trước, chúng tôi có biên tập một bộ sách, tức là từ trong Đại Tạng Kinh, [đối với những đoạn] đức Phật giảng về địa ngục, hoặc nói liên quan đến địa ngục, chúng tôi trích lục toàn bộ, sao chép, biên tập thành một quyển sách, tổng cộng thu thập từ hai mươi lăm bộ kinh luận. Tôi đặt tựa đề cho bộ sách ấy là Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu. Nếu tâm cảnh giác chẳng dấy lên nổi, đọc kỹ bộ sách này, quý vị thấy đức Phật giảng về tình hình trong địa ngục còn hay hơn bộ Ngọc Lịch Bảo Sao.

Ngọc Lịch Bảo Sao²⁵ là sách của Đạo giáo, lưu thông rất rộng, trong ấy nói về quả báo rất nhiều, vẫn chẳng nhiều như đức Phật. Kinh Phật nói tỉ mỉ hơn sách ấy rất nhiều. [Trong Ngọc Lịch Bảo Sao] nghiệp nhân [được nhắc đến] ít hơn, tạo nghiệp nhân gì sẽ mắc phải quả báo gì, sách ấy chẳng nói rõ ràng cho mấy; nhưng Chư Kinh Phật Thuyết Địa Ngục Tập Yếu nói tỉ mỉ. Nếu quý vị thật sự thường đọc, thường kiểm điểm, thường xuyên phản tỉnh, quý vị sẽ thật sự cảm nhận địa ngục rất kinh hãi, quá đáng sợ!

Đời Tống, pháp sư Oánh Kha có thể vãng sanh chẳng do gì khác! Sư biết địa ngục khổ sở, vì sao Sư có thể dũng mãnh tinh tấn? Sư sợ đọa địa ngục. Do vậy, sách này có thể cảnh giác chính mình, có thể nhắc nhở chính mình, chẳng dám giải đãi. Đọc xong, hãy suy ngẫm về chính mình cho kỹ, chính mình thông thường khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chẳng phải là quý vị luôn tạo nghiệp nhân địa ngục đó chẳng? Đức Phật dạy chúng ta học tập, trong mấy năm nay, chúng tôi đặc biệt đề xướng Đệ Tử Quy, có làm được hay không? Tôi thường nói đến ba căn cội của Nho, Thích, Đạo: Đệ Tử Quy của Nho gia, Cảm Ứng Thiên của Đạo giáo, Thập Thiện Nghiệp của Phật pháp. Đây là ba căn cội của Nho Thích Đạo, quý vị có thể khéo tu ba căn cội ấy, làm được một trăm phần trăm, chắc chắn quý vị sẽ chẳng đọa vào ba ác đạo. Chẳng thể vãng sanh thì đời sau chẳng mất thân người, tu đàng hoàng còn có thể sanh lên trời, chớ nên không biết điều này, chớ nên không cảnh giác! Hễ đánh mất thân người, vạn kiếp chẳng có lại được. Lời cô đại đức đã nói chẳng phải là lừa người, câu nào cũng là lời chân thật. Chỉ có kẻ thật sự thấu hiểu, trông thấy, đọc đến, sẽ cảm động. Đúng là đau đớn tuôn lệ, vì sao chính mình đọa lạc đến nông nỗi này? Trong chớp mắt, sẽ vào tam đồ. Vì sao trong mấy năm nay, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh Đệ Tử Quy là khóa trình căn bản của tam giáo? Chỉ nhằm một mục đích, hy vọng quý vị sẽ chẳng đọa vào ba ác đạo, hy vọng quý vị đời sau giữ được thân trời, người. Trong đời này chẳng thể tăng tấn thì đời sau còn cơ hội tăng tấn. Nếu đời sau chẳng được làm thân người, phiền phức sẽ to lớn, nhất định sẽ đọa lạc. Vào ba ác đạo dễ dàng, thoát ra khó lắm!

Trong mấy năm nay, chúng tôi tiếp xúc không ít linh môi (spiritual medium). Do có những linh quý, thần linh dựa vào thân người,

²⁵ Tương truyền, Ngọc Lịch Bảo Sao (玉曆寶鈔) là do vào đời Tống, đạo nhân Đàm Si được các vị thần tiên truyền thụ sách này. Thiện thư này được lưu hành rất rộng, và tăng bổ dưới đời Thanh. Sách dạy về những sự báo ứng trong địa ngục, nhân quả báo ứng. Theo khảo chứng của Lý Tông Mẫn, đạo nhân Đàm Si là người nước Liêu, biên tập sách này vào năm Thái Bình thứ mười (1030) đời Liêu Thánh Tôn, truyền cho đệ tử là đạo nhân Vật Mê khắc in vào năm Thiệu Thánh thứ năm (1098) đời Tống Triết Tông.

tiết lộ đôi chút tin tức cho chúng tôi. Tại Trung Hoa và ngoại quốc tôi đều gặp được. Những tin tức hé lộ, do những người khác nhau, ở các khu vực khác nhau, những linh môi ấy chẳng quen biết nhau, nhưng những trạng huống nói ra đại để là tương đồng, họ đều nói đến nỗi khổ trong địa ngục, nỗi khổ trong ngạ quỷ đạo. Hiện thời, nỗi khổ trong quỷ đạo đã gần như liên quan với nỗi khổ trong địa ngục; cũng có nghĩa là quỷ đạo khổ sở hơn trước kia quá nhiều. Sau khi chúng tôi nghe những tin tức ấy, có thể tin tưởng, có thể tiếp nhận, là do nguyên nhân nào? Người hiện thời tâm tham nặng nề hơn xưa kia, người hiện thời do tham lam gây tạo ác nghiệp cũng nặng nề hơn người xưa kia. Do vậy, chúng ta trông thấy cái nhân, có thể nghĩ đến quả báo. Con người chẳng thể không tu thiện nhân, tâm địa phải thiện, ngôn ngữ phải thiện, hành vi phải thiện; không chỉ là phải thiện, còn phải chủ động giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Có cơ duyên, phải biết tu phước, phải biết tiếc phước, quý vị mới có thể có phước báo. Phước chí tâm linh, điều này thường nói là “*quý vị mới có thể khai khiêu*”, có đôi chút thông minh, trí huệ, có thể tiếp nhận giáo hóa của Phật, Bồ Tát, thánh hiền. Khi quý vị tiếp nhận, quý vị có thể nghe hiểu, có ý niệm y giáo phụng hành, vậy là quý vị có phước.

Đức Phật dạy chúng ta thuần chân, vô vọng, đạo là gì? Đạo là tự tánh. Trong giáo pháp Đại Thừa, thường nói đến Pháp Tánh; đây là Phật đạo. Không chỉ riêng mục tiêu học tập của Thiên Tông là “*minh tâm kiến tánh*”, Giáo Hạ cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, nhưng danh tự khác nhau. Giáo Hạ gọi là “*đại khai viên giải*”; đại khai viên giải chính là minh tâm kiến tánh. Một đàng là từ trong Định mà đạt được, một đàng là thông qua giáo học, thấy thấu suốt, buông xuống thì mới đạt được. Nếu chỉ có giáo học, chính mình chẳng thể thấy thấu suốt, buông xuống, vậy thì quý vị phải biết: Sở học của quý vị là Phật học, chẳng phải là học Phật! Quý vị chẳng thể lãnh hội nghĩa thú thật sự của Phật pháp! Vì thế, giáo học Phật giáo và giáo học thế gian khác nhau. Trong giáo học thế gian, Khổng Tử cũng dạy người ta buông xuống, nhưng Ngài không triệt để! Ngài có dục vọng hay không? Có chứ! Hạ thấp dục vọng, đức hạnh tự nhiên tăng lên, Ngài chẳng đoạn dục! Phật pháp thì không chỉ là hạ thấp dục vọng, mà còn phải đoạn hết dục vọng. Vậy là đã tăng tấn trên một mức độ to lớn, bất đồng ở chỗ này!

Nho gia dạy mọi người hãy vì đại chúng phục vụ, vì xã hội phục vụ, trong ấy, chẳng lìa khỏi chính mình, đồng thời cũng chăm sóc chính mình. Nhiều phần là vì người khác, ít phần vì chính mình, đây là thánh hiền. Phật pháp chẳng vì chính mình, một trăm phần trăm xả mình vì người, người bình phàm rất khó làm được chuyện này! Do vậy, đức Phật dạy chúng ta những phương pháp, cái sẽ đạt được là viên mãn, tức là Tánh Đức viên mãn. Tánh Đức viên mãn là trí huệ viên mãn, năng

lực viên mãn. Đức năng là năng lực, viên mãn tốt đẹp, tướng hảo tốt đẹp, quý vị chẳng có may mắn khiếm khuyết. Vì sao người thế gian chẳng cầu? Chẳng phải là không cầu, nói theo thuật ngữ Phật pháp, sẽ là “*tập khí nghiệp chướng gây chướng ngại Tánh Đức*”. Dầu tiếp xúc Phật pháp, vì tập khí nghiệp chướng nặng nề, kẻ ấy tán thán, ưa thích Phật pháp, nhưng chẳng làm được! Kẻ ấy chẳng thể thực hiện giáo huấn của đức Phật. Dầu có thể làm thì làm ít phần. Nói đi, nói lại, vẫn chẳng buông xuống được cái dây da thối của chính mình, đối với hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự trong thế gian, vẫn lưu luyến y như cũ, chẳng chịu buông xuống. Đây là cái gốc bệnh. Muốn đối trị cái gốc bệnh ấy, phải dừng mãnh tinh tấn, hạ quyết tâm, thầy đều trừ bỏ!

Thầy đều buông xả hết, vậy thì sau đây ta muốn sử dụng phải làm như thế nào? Thuở tôi còn trẻ học Phật, thầy dạy tôi buông xuống, tôi có thể lãnh hội đạo lý ấy, thật sự buông xuống. Tôi còn có một vị thầy về pháp thế gian trong thời kỳ Kháng Chiến là tiên sinh Châu Bang Đạo, rất nhiều người biết cụ. Lúc tuổi già, cụ cũng học Phật, ở tại Đài Trung, chúng tôi thường cùng nhau nghe thầy Lý giảng kinh, cụ cũng tôn thầy Lý làm thầy. Thuở ấy, tôi sông rất vất vả, rất nhọc nhằn, vất vả được ít tiền, mua một bộ Đại Tạng Kinh và một bộ Nhị Thập Ngũ Sử. Tôi quyên tặng toàn bộ, vì thầy mở thư viện, hai bộ sách ấy lớn nhất, những thứ chính mình thường thích đọc đều quyên tặng toàn bộ. Thầy Châu bảo tôi: “Nay anh đang học Phật, kinh điển rất hữu dụng đối với anh, sao mà ngay cả kinh điển cũng quyên tặng hết?” Lúc đó, tôi còn trẻ, cũng rất liêu lĩnh, nói một câu, nói xong, tôi cũng rất hối hận, biết mình đã nói sai rồi! Tôi nói gì vậy? Tôi nói: “Thưa thầy! Con quyên tặng những thứ này, đại khái là trong tương lai, con muốn sách gì, nhất định sẽ có cảm ứng. Con muốn sách gì, nhất định nó sẽ đưa đến”. Thầy Châu nghe nói, nhìn tôi, chẳng nói một câu nào!

Nhưng lời ấy là thật, về sau, học kinh giáo, muốn tham khảo tài liệu nào đều có thể đạt được! Ngay cả thầy Lý cũng cảm thấy rất lạ lùng, vì thầy nhắc đến kinh sách nào, những bản chú sớ từ thời cổ, hề thầy nhắc đến, trong tay tôi thầy đều có. Thầy bảo: “Lạ thật! Sao anh có thể có lắm thứ ngàn ấy?” Thật vậy! Sau khi quý vị đều xả hết sạch, nhà Phật nói “*tâm tướng sự thành, có cầu ắt ứng*”. Chương Gia đại sư dạy tôi điều này, đúng lý, đúng pháp để cầu, vì đạo nghiệp của chính mình, vì hoằng pháp lợi sanh, chẳng có gì không cảm ứng. Trong khi quý vị mong cầu mà chẳng có cảm ứng, nhất định là quý vị có nghiệp chướng, vậy thì hãy tự mình phản tỉnh, tìm ra nghiệp chướng, sau đây, sám trừ nghiệp chướng, cảm ứng sẽ hiện tiền. Những điều này đều do thầy dạy, tôi áp dụng suốt năm mươi lăm năm, quả nhiên hữu hiệu. Vì thế, đối với giáo huấn của đức Phật, tôi có thể phụng hành một trăm phần trăm. Khi cần đến, thật sự là nó sẽ đưa tới, khi tôi chẳng cần, tôi bèn buông

xả.

Trong những năm qua, tôi đã sưu tập không ít sách, hiện thời, toàn bộ đều tặng cho Tịnh Tông Học Viện. Tịnh Tông Học Viện có Đồ Thư Quán, phòng đọc sách, tôi quyên tặng toàn bộ để cho những người trẻ tuổi thuộc thế hệ sau tham khảo. Nội dung rất phong phú, những bộ lớn thì có Tứ Khố Toàn Thư và Tứ Khố Hội Yếu. Đại Tạng Kinh tôi sưu tập đến mười loại phiên bản khác nhau. Do vậy, học Phật thật sự mà muốn dụng công, thật sự mong học giáo, Tịnh Tông Học Viện là nơi chốn học tập lý tưởng. Vì học viện chẳng có kinh sám, Phật sự, chẳng có pháp hội, thuần túy lấy chuyện đọc sách, giáo học làm mục tiêu. Do vậy, đối với giới học thuật và chánh phủ Úc, khi chúng tôi đăng ký, họ vẫn coi chúng ta là một đoàn thể tôn giáo. Nhìn vào những năm qua, trông thấy sự thật này, họ nói: “Bọn họ chẳng phải là tôn giáo, bọn họ là một đơn vị học thuật”. Do đó, hiện thời ở Úc chúng tôi thuộc về đơn vị học thuật, chẳng phải là một đoàn thể tôn giáo, chính là do sự thật tạo thành!

Thuở ấy, chúng tôi đến đăng ký, mặc loại y phục này, người ta thấy là tôn giáo. Làm nhiều năm như vậy, “họ chẳng phải là tôn giáo, hoàn toàn khác với các tự viện. Họ học hành, họ dạy học, họ dạy người khác”. Vì thế, chúng tôi qua lại, cũng có mối quan hệ hết sức chặt chẽ với trường đại học. Do đó, nhà trường chủ động tặng học vị. Tôi đã quá lớn tuổi, họ tôn trọng tôi, mời tôi làm giáo sư danh dự của nhà trường. Giáo sư danh dự có thể chẳng lên lớp. [Danh hiệu] giáo sư danh dự tặng cho ai? Cho những vị giáo sư già trưởng thượng, đã về hưu, nhà trường ban tặng giáo sư danh dự nhằm tôn trọng họ. Tôi cũng được đãi ngộ như thế nhằm khẳng định sự cống hiến đối với giáo dục. Vì vậy, có khi tôi tham gia hội nghị tọa đàm trong nhà trường, tham gia những hội ấy, cùng họ nghiên cứu, thảo luận. Đa số là họ đề ra một số câu hỏi, tôi giúp họ giải đáp.

Họ cũng đều liễu giải công việc của cả một đời tôi, tôi suốt đời dạy học. Ngoài dạy học ra, tự mình đọc sách. Mãi cho đến hiện thời, tôi chẳng có chùa miếu, chỉ là khi xuất gia bèn ở trong chùa miếu hai năm. Sau này ở Từ Quang Đồ Thư Quán tại Đài Trung do thầy Lý mở, tôi ở đó mười năm. Chính mình suốt đời chẳng có đạo tràng, nơi nào mời tôi giảng kinh, bèn đến nơi đó. Giảng xong lại ra đi. Pháp duyên khá lắm, khắp nơi đều có người mời, cũng đi khắp thế giới. Dụng học viện tại Úc Châu cũng là vì các đồng học chữ Ngộ (các pháp sư có pháp danh bắt đầu bằng chữ Ngộ). Sau khi chúng tôi rời khỏi Đài Loan, chẳng có đạo tràng cố định, mọi người đều cảm thấy rất bất tiện, rất đau khổ. Do vậy, mới kiến lập học viện này, để họ lúc tuổi già có chỗ an thân lập mạng, có chỗ để thật sự dụng công học tập. Ngoại duyên thầy đều có đầy đủ, chỉ cần họ có thể làm được tám chữ này, “*cần cầu Phật đạo,*

tâm vô giải hiết”, chẳng có ai không thành tựu. A! Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới đây!

Tập 1573

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn lớn thứ chín trong phần Kế Tụng, xem từ bài thứ chín:

(Kinh) Tán Phật công đức, đương nguyện chúng sanh, chúng đức tất cụ, xưng tán vô tận.

(經)讚佛功德。當願眾生。眾德悉具。稱歎無盡。

(Kinh: Khen công đức Phật, nguyện cho chúng sanh, các đức đều đủ, khen ngợi vô tận).

Đệ tử đức Phật trông thấy tháp miếu, thấy hình tượng của Phật, Bồ Tát bèn lễ bái, xưng tán, cúng dường. Đây là do trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát đã dạy chúng ta, [hay nói cách khác, đây chính] là ba câu đầu trong mười đại nguyện vương. “*Lễ kính chư Phật*”: Chúng ta phải lạy, lễ bái. “*Xưng tán Như Lai*”: Khen ngợi Như Lai thì chủ yếu là ca ngợi công đức của Phật. Sau đây là “*quảng tu cúng dường*”. Câu thứ tư thuộc về cá nhân, “*sám hối nghiệp chướng*”, tuy là tự hành, mà cũng là hóa độ người khác.

Phật pháp là sư đạo. Có thể nói chỗ bất đồng lớn nhất giữa Phật giáo và các tôn giáo lớn khác là [Phật giáo] không lôi kéo tín đồ. Chẳng như các tôn giáo khác, họ dùng đủ mọi phương pháp và thủ đoạn, thường nói là “*thu hút tín đồ*”, chúng ta thường nói là “*chèo kéo tín đồ*”. Trong Phật môn chẳng có [chuyện chèo kéo tín đồ], đây là một điều kỳ hựu rất lớn trong Phật môn, nhưng trong thời Mạt Pháp hiện tại, cũng có hiện tượng này. Nói thật ra, hiện tượng ấy, nếu đức Phật còn tại thế, trông thấy, sẽ rơi nước mắt, sẽ rất đau lòng. Giáo huấn của thánh nhân và thánh hiền thế gian và xuất thế gian đều hết sức khiêm hư. Đạo đức của Nho gia được thực hiện bằng lễ giáo và lễ nhạc. Tinh thần của lễ là “*tự ty, tôn nhân*” (hạ thấp mình, đề cao người khác). Dùng rất nhiều phương pháp và thủ đoạn để thu hút tín đồ, đây là chẳng khiêm tốn, nhún nhường. Nhất là [rêu rao] “*đạo của ta tốt đẹp, lại còn cao hơn đạo của người*”, làm sao có thể thốt ra lời ấy cho được? Người đức hạnh càng cao, càng khiêm tốn, nhún nhường. Các vị thầy Thích Ca Mâu Ni Phật có mấy may tâm ngạo mạn hay chẳng? Có mấy may nào ca ngợi chính mình, chê trách hạ thấp kẻ khác hay không? Chẳng có! Cuối kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử đã nêu gương rất hay. Năm mươi ba vị thiện tri thức, ai nấy

đều hết sức khách sáo, hết sức khiêm hư: “Ta hiểu rất ít, chẳng biết nhiều, chẳng như các vị thiện tri thức khác. Người đến tham học ở chỗ ta, những gì ta đã học đã tu đều nói hết với người rồi, hãy lại tiến cao hơn”. Ngài giới thiệu với quý vị: “Người đến nơi nào đó, tham phỏng vị đại thiện tri thức nào đó”. Chẳng có vị nào là “*tự tán, hủy tha*” (tự ca ngợi mình, hủy báng kẻ khác). Chẳng hề có! Tự tán hủy tha là một trọng giới trong giới Bồ Tát.

Nếu chúng ta hỏi, Phật, Bồ Tát đại đức đại năng, từ bi giáo hóa đường ấy, làm thế nào để khiến cho người khác biết đến? Biết gì vậy? Biết để chính mình đến học. Bởi lẽ, để học, chư vị phải biết là cần phải đến [chỗ thầy hay thiện tri thức] để cầu học. Cổ nhân đã nói rất hay: “*Chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*” (Chỉ nghe nói trò đến học, chưa nghe chuyện thầy đến dạy). Quý vị tìm đến, đến chỗ thầy để học, điều này biểu thị sự kiên thành, cung kính của chính mình. Đối với đạo học, dùng phương pháp gì thì quý vị mới có thể đạt được? Không gì chẳng phải là hai chữ “*thành kính*”. Bên trong quý vị có lòng chân thành, bên ngoài có cung kính. Ấn Quang đại sư đã nói rất hay: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính sẽ được mười phần lợi ích*”. Do đó, thầy luôn khiêm hư, làm sao dám làm thầy của kẻ khác? Chẳng dám! Quý vị đến học thì tôi hoan nghênh, chúng ta đều là đồng học. Hoan nghênh quý vị tụ họp, chúng ta chí đồng đạo họp, cùng nhau học tập. [Coi nhau là] bạn học, chẳng dám tự coi mình là thầy.

Tôi theo thầy Lý mười năm. Thầy Lý lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi, xét theo pháp thế gian, thầy thuộc vai vế ông nội tôi, [thế mà] thầy luôn hết sức khiêm hư, trọn chẳng nói “ta dạy người”. Thầy nói như thế nào? “*Tôi chỉ có thể giúp đỡ anh năm năm*”, chẳng nói “*tôi có thể dạy anh năm năm*”, khiêm hư, khách sáo! Đây là gì? Đây thật sự là đức hạnh, nêu gương cho chúng ta, khiến cho những kẻ trẻ tuổi chúng ta trong tương lai dầu đã học thành công, chớ nên kiêu căng, ngã mạn, chớ nên tự cho mình là đúng, ở đâu cũng phải khiêm hư. Nhất định phải biết cao nhân trong thiên hạ rất nhiều, làm sao có thể khinh mạn cho được? Đối với một người chẳng có học thuật, chớ nên khinh mạn. Quý vị thấy Lục Tổ đã nói trong Đàn Kinh, Ngài đã nói với Trương Biệt Giá²⁶ rất hay: “*Chớ nên khinh mạn kẻ sơ học, chớ nên khinh mạn kẻ chưa từng học hành, thông thường là kẻ hạ hạ mà có trí thượng thượng*”. Đó gọi là “*ngu giả thiên lự, tất hữu nhất đắc; trí giả thiên lự,*

²⁶ Biệt Giá (別駕) là một chức quan, còn gọi là Biệt Giá Tùng Sự, hoặc Biệt Giá Tùng Sự Sứ, là chức quan phụ tá của châu thú sử (người đứng đầu một châu). Chức quan này xử lý những sự vụ trong một châu hay phủ. Đến đời Tùy, do bỏ quận, chỉ giữ lại châu, chức quan này được gọi là Trưởng Sử. Đến đời Đường, chức Quận Thừa đổi thành Biệt Giá. Trải qua nhiều lần canh cải, có lúc phế hẳn, về sau, người ta vẫn quen gọi chức vụ Thông Phán là Biệt Giá.

tất hữu nhất thất” (kẻ ngu suy nghĩ ngàn cách, ắt có một cách dùng được; người trí suy nghĩ ngàn cách, ắt có một cách sai sót). Quý vị hiểu rõ đạo lý này, sẽ chẳng dám khinh mạn phùng sơ học.

Đấy đều là Phật, Bồ Tát, cổ thánh tiên hiền hiện thân nhằm thuyết pháp, nêu gương cho chúng ta, nếu chúng ta có thể thấu hiểu, phải biết học tập. Quý vị học biết khiêm hư, học biết cung kính, trong đời này sẽ được lợi ích quá nhiều. Các vị thiện tri thức thật sự chịu dạy dỗ quý vị. Vì sao? Trong Phật môn gọi [người như vậy là] “*pháp khí*”, cũng là nói người ấy hội đủ điều kiện để có thể tiếp nhận đạo học ấy. Điều kiện quan trọng nhất để tiếp nhận đạo học là khiêm hư, hiếu học. Đó gọi là “*tôn sư, trọng đạo*”. Chúng ta phải tôn trọng thầy, thầy đối xử với trò rất khách sáo; chớ nên vì thầy rất khách sáo, chúng ta liền coi thầy là “lớp đàn anh của ta”, coi thầy như bạn, chuyện này chớ nên! Học trò nhất định phải cung kính thầy, thầy nhất định phải thân thiện, yêu thương trò, chẳng dám xưng là thầy. Chúng ta thấy những vị đại đức thời cô, thầy viết thư cho trò, cuối thư chẳng ghi là thầy, chỗ ký tên đề là Hữu Sanh (友生), Hữu (友) là bằng hữu (朋友, bạn bè). Chính thầy chẳng xưng là thầy, mà xưng là Hữu Sanh, quý vị bèn hiểu Hữu Sanh chính là thầy. Do vậy, thầy coi học trò như bạn bè, nhưng học trò nhất định phải coi thầy giống như cha mẹ. Đấy là đạo đức.

Nếu chúng ta hỏi: “Phật pháp đã là chớ nên tán thán, chớ nên tuyên dương, chẳng thể chèo kéo tín đồ, trong kinh lại nói ‘*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*’, dùng phương pháp gì để tiếp dẫn họ?” Quý vị bèn hiểu, “*tán Phật công đức*”. Do vậy, trong khóa tụng sáng tối, trong nghi thức của pháp hội, luôn có Hương Tán, luôn có tán Phật, tán Pháp, tán Tăng. Phải biết những thứ ấy chẳng phải là xướng cho Phật nghe, mà là xướng cho ai nghe? Xướng cho kẻ chưa học Phật nghe. Họ nghe xong, [tự nhủ]: “Tam Bảo vốn có công đức thù thắng như vậy, chúng ta phải nên đến xem xét, phải đến học tập”, tìm đến như thế đó. Vì thế, chúng ta dùng gì để chiêu sinh, thay thầy, thay Phật, thay Bồ Tát tiếp dẫn đại chúng? Dùng sự hành trì của chúng ta, điều này quan trọng, đấy là chiêu bài chữ vàng của Tam Bảo. Người xuất gia phải [hành xử] cho giống người xuất gia, kẻ tại gia phải giống như đệ tử tại gia. Hàng xuất gia có thể thực hiện Sa Di Luật Nghi, thực hiện giới tỳ-kheo, giới Bồ Tát, quý vị đến nơi đâu mà kẻ khác chẳng tôn kính quý vị? Vừa trông thấy, [họ sẽ nói] “đấy là đệ tử Phật môn, là người tốt, là người cực tốt”. Họ khen ngợi như thế đó, Phật, Bồ Tát sẽ rạng mày nở mặt. Nếu hàng xuất gia chúng ta tu tập chẳng ra gì, đi ra ngoài, [thiên hạ xàm xì] “ngươi coi cái đứa xuất gia này”, khiến cho người ta phê bình, khiến cho người ta hủy báng. Họ không chỉ hủy báng một mình quý vị, mà ngay cả Phật, Bồ Tát cũng đều bị họ hủy báng! Đấy là vì quý vị chẳng làm đúng pháp. “*Đúng pháp*” là gì? Y giáo phụng hành sẽ là “*đúng*

pháp”.

Chúng ta chớ nên không biết tác dụng của Kinh Luật Luận Tam Tạng. Cổ đại đức đã nói rất rõ ràng, Thiên là Phật tâm. Quý vị phải hiểu Thiên là gì. Chẳng phải là ngồi xếp bằng ngó vách thì gọi là Thiên đâu nhé! Kinh Kim Cang đã nói rất rõ ràng. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo tôn giả Tu Bồ Đề: “*Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”, hai câu ấy chính là Thiên. Ý nghĩa của hai câu kinh văn ấy chẳng khó hiểu. “*Chẳng chấp lấy tướng*” là ngoài chẳng chấp tướng, “*như như bất động*” là trong chẳng động tâm. Ngoài thì sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, chẳng bị cảnh giới bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc. Đó gọi là “*ngoài chẳng chấp tướng*”. Trong tâm chẳng dấy lên tham, sân, si, mạn thì “*trong chẳng động tâm*”. Bất luận là thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, hay ác duyên, đều có thể gìn giữ “*như như bất động*”, hết thấy đều chẳng nhiễm đắm, đó gọi là Thiên. Vì vậy, Thiên là Phật tâm, Giáo là ngôn ngữ của Phật, giới luật là hành vi của Phật. Quý vị thấy đó, kinh điển Tam Tạng có mối quan hệ gì với chúng ta, chẳng phải là quý vị đã hiểu rõ rồi ư? So với học thuật thế gian, mối quan hệ càng mật thiết hơn. Tác dụng của khá nhiều môn học thuật trong thế gian đối với chúng ta chẳng thể coi là quá lớn, nhưng Phật pháp thì khác. Phật pháp là cuộc sống hằng ngày của chúng ta, có mối quan hệ rất mật thiết đối với chúng ta. Từ khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều làm gương tốt nhất cho chúng ta. Những thứ này đều là công đức của Phật.

“*Tán Phật công đức*” thì trong kinh luận có quá nhiều. Trong Đại Tạng Kinh còn có những tác phẩm chuyên biên soạn thành ca khúc có thể diễn xướng, số lượng không ít. Tôi chỉ lật ra xem lướt qua, đại khái cũng có hai, ba ngàn bài, trước kia là có thể hát xướng. Hiện thời, thuận theo sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, có thể đem những tác phẩm tán thán công đức của Phật, dùng ca múa, dùng tuồng hát, hoặc những phương thức văn nghệ để biểu diễn tán thán Phật. Tôi biết là có người đang làm [chuyện này], tôi chưa từng xem; đấy là như pháp. Có thể biên soạn thành phim truyền hình cũng là như pháp. Trong Đại Tạng Kinh có một quyển kịch bản, do cổ nhân biên soạn. Đó là [kịch bản] của Bình Kịch (Kinh Kịch)²⁷, sách có tên gọi là Quy Nguyên Kính (歸元鏡). Tôi đã đọc, không chỉ là đã đọc, tôi còn lưu thông vài lần, ấn

²⁷ Bình Kịch còn gọi là Quốc Kịch hoặc Kinh Kịch là một loại hát tuồng, gần giống như hát bội của Việt Nam. Loại tuồng này phát xuất từ Bắc Kinh (thời đầu Dân Quốc, Bắc Kinh được gọi là Bắc Bình, nên Kinh Kịch được gọi là Bình Kịch). Thể loại này dung hợp hai lối hát tuồng trước đó là Hán Kịch và Huy Kịch, đồng thời du nhập nhiều lối hát truyền thống của phương Nam như Côn Khúc, Bang Tử, Tàn Xoang v.v...

hành đại khái vài ngàn bản. Trong ấy là chuyện của ba vị (đều thuộc Tịnh Độ Tông), thứ nhất là chuyện của Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư, [cổ nhân] dùng phương pháp Bình Kịch để đưa lên sân khấu. Thứ hai là chuyện của Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư, thứ ba là chuyện của Liên Trì đại sư. Đây là hành trạng của ba vị tổ sư đại đức trong Tịnh Độ Tông được đưa lên sân khấu biểu diễn. Do vậy, hiện thời đối với hành trạng của Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức, có thể sử dụng phương thức ấy, tức là sử dụng phim truyền hình để diễn xuất, khẳng định là hiệu quả tiếp dẫn đại chúng còn hữu hiệu hơn giảng kinh.

Từ thời đại này trở về sau, những người chịu nghe giảng ngày càng ít ỏi. Chúng ta đã có thể thấy công phu định lực của người hiện thời thua kém người thuộc ba mươi năm trước rất xa. Những người trẻ tuổi thuộc ba mươi năm trước, chúng tôi nói đến bọn học trò, nghe giảng một hai tiếng đồng hồ chẳng có vấn đề gì! Hiện thời, ở ngoại quốc, tôi thấy trong rất nhiều trường đại học, sinh viên kiên nhẫn nghe giảng chỉ được mười lăm phút. Trường học mời tôi đến giảng diễn, khi tôi đến trường, giáo sư nơi ấy bảo tôi: “Thưa pháp sư! Thầy giảng diễn tốt nhất là đừng quá mười lăm phút”. Tôi hỏi: “Vì sao?” Học trò chẳng kiên nhẫn. Tôi vào một phòng học, quan sát thấy đúng là như vậy. Do vậy, tôi rất cảm thán, những sinh viên đại học trẻ tuổi ấy chẳng sánh bằng các đồng tu học Phật chúng ta. Các đồng tu học Phật chúng ta, quý vị thấy tôi thường giảng kinh liên tục, giảng bốn tiếng đồng hồ, mọi người đều rất hoan hỷ lắng nghe, chẳng có ai liếc đồng hồ tây, cũng chẳng có ai bỏ đi giữa chừng. Nếu lên dạy suốt bốn tiếng đồng hồ tại đại học, trong giảng đường của quý vị sẽ chẳng có sinh viên nào, người ta bỏ đi hết! Điều này có nghĩa là sinh viên đại học ba mươi năm trước, đối với một buổi học dài năm mươi phút, họ có thể thật sự ngồi suốt buổi. Hiện thời, những vị giáo sư lên lớp tại nhà trường dạy theo cách nào? Tôi đến xem mới biết, giảng giải mười lăm phút; sau đấy, nêu câu hỏi, giải đáp vấn đề, rồi nói chuyện phiếm, kể chuyện. Thời gian xen kẽ như vậy, còn phải [pha trò hay nói sao cho] phù hợp sự hứng thú của học trò. Làm thầy rất khó, chẳng dễ dàng!

Từ chỗ này đã khiến tôi nghĩ đến mấy năm trước đài TV Phương Hoàng mời tôi giảng diễn một lần tại Bắc Kinh. Hình như hiện diện tại đó có hơn bốn trăm sinh viên, còn có mấy vị giáo sư đến từ bốn ngôi trường [đại học]. Buổi giảng diễn của tôi khoảng hai tiếng đồng hồ, nghiêm nhiên là trật tự hết sức tốt đẹp, chẳng có ai bỏ đi. Sau khi chúng tôi giảng xong, đồng sự trưởng của họ là tiên sinh Lưu Trường Lạc bảo tôi: “Pháp sư! Buổi giảng hôm nay của thầy rất thành công. Trong quá khứ chưa hề có hiện tượng này, thỉnh chúng giữ trật tự tốt đẹp như vậy”. Đường như chúng tôi cũng là sau khi giảng một tiếng rưỡi, dành nửa giờ cho thỉnh chúng nêu câu hỏi, giải đáp ngay tại chỗ. Hiện thời, hiện

tượng này quá khó thấy trong nhà trường!

Hiện thời dùng phương pháp gì? Phương pháp phim truyền hình. Chẳng có ai không xem phim truyền hình. Phim truyền hình đã là cuộc sống tinh thần của người hiện thời, chẳng thể khuyết thiếu. Nói chung, mỗi ngày phải xem mấy tiếng. Nhất là phim nhiều tập, đến lúc đó (lúc TV chiếu phim), chuyện gì họ cũng bỏ đó, nhất định phải xem. Vì vậy, trong Phật môn nếu có thiên tài nghệ thuật như vậy, hãy dùng phương pháp ấy để biểu đạt những kinh điển này. Phim truyền hình cũng chớ nên quá dài, hiện thời thông thường là chiếu nửa tiếng đồng hồ, mỗi ngày nửa tiếng đồng hồ. Đương nhiên là số tập chớ nên quá nhiều, thông thường là từ mười mấy tập cho đến ba mươi tập, sẽ được hoan nghênh nhất. Quá dài, người ra nghe chán ngấy, sau đó không muốn tiếp tục nghe nữa. Vì thế, nhất định phải hiểu tâm lý của quần chúng.

Hôm nay, chúng ta đọc đến bài kệ tụng này, tán thán công đức của Phật với dụng ý thay Phật chiêu sinh, giúp Phật, Bồ Tát tiếp dẫn tín chúng, dụng ý ở chỗ này. Do đó, tán Phật phải trang nghiêm, phải đoan trang. Kệ tán Phật là nói tổng quát, tất cả hết thầy phạm bái²⁸ đều thuộc loại kệ tán Phật. Khi niệm thì phải tròn vành rõ chữ, người ta mới nghe hiểu, mới có thể bị cảm động. Chính mình dùng tâm chân thành, xuất phát từ sự chân thành trong nội tâm, thì mới có thể cảm động người khác. Nếu chẳng có sự thành kính trong ấy, sẽ chẳng thể cảm động người khác. Vì thế, từ phạm bái cũng có thể nhìn ra công phu tu hành của người ấy. Công phu sâu, [khi nghe người ấy tán tụng] sẽ thật sự khác hẳn. Trong Phật môn hiện thời, như trong khóa tụng sáng tối,

²⁸ Phạm Bái (梵唄) là một loại xướng tụng đặc thù trong Phật giáo Bắc Truyền nhằm diễn xướng kinh văn với mục đích tạo sự trang nghiêm, đầy khởi cảm giác trân trọng nơi thính chúng. Theo kinh A Hàm, Phạm Bái phải hội đủ năm đặc tánh:

- 1) Âm thanh chánh đáng (không ủy mị, rên xiết, uốn éo)
- 2) Âm điệu hòa nhã
- 3) Phát âm rõ ràng
- 4) Âm lượng sâu lắng, sung mãn
- 5) Vang vọng khắp xa gần.

Phạm là thanh tịnh, do vậy, Phạm Bái có thể hiểu đơn giản là xướng tụng trang nghiêm thanh tịnh. Khi truyền sang Trung Hoa, chư tổ đã kết hợp truyền thống xướng tụng của Ấn Độ với cách phát âm đặc thù của Trung Hoa để tạo thành Phạm Bái, đặc biệt kết hợp với các nhạc khí chủ yếu là chuông, mõ, trống, tang, thanh la, chập chĩa v.v... Đôi khi còn thêm dàn nhạc bát âm gồm sáo, đàn, kèn tũa na, vãn la, sênh v.v... như trong dàn nhạc Phạm Âm tại Ngũ Đài Sơn. Các bài tán thường là những bài thơ, kệ cô đọng những ý nghĩa trong kinh. Đối với mỗi loại bài tán lại có cách chuyển giọng, phách nhịp riêng. Tại Đài Loan có hai thể loại Phạm Bái là Cổ Sơn Điệu và Hải Triều Âm. Cổ Sơn Điệu tán tụng với tốc độ nhanh, âm thanh gần như dính vào nhau, không trang trọng như Hải Triều Âm. Hải Triều Âm thường là tán chậm, ngân nga, sâu lắng, có tác dụng nhiếp hóa mạnh mẽ hơn Cổ Sơn Điệu.

chúng ta nghe bài Hương Tán trước mỗi khóa tụng, chú tâm lắng nghe, chẳng nghe được một chữ nào! Chỉ có thể nói là thương thức vận điệu của họ, rốt cuộc họ xướng những gì? Không biết! Tán Phật kiểu đó đã đánh mất ý nghĩa rồi! Chuyện này đúng là giống như chi đối trước Phật, Bồ Tát [mà xướng niệm cho Phật, Bồ Tát nghe], chứ chẳng phải là dành cho đại chúng. Nhưng Phật môn từ xưa tới nay, phạm bái là dành cho đại chúng, chẳng phải là để Phật, Bồ Tát thương thức. Chúng ta phải hiểu đạo lý này!

Niệm kinh cũng là tán Phật. Vì thế, tán Phật bao hàm ý nghĩa hết sức rộng rãi. Ví như chúng ta niệm khóa sáng, niệm kinh Vô Lượng Thọ một lượt, bên ngoài có người nghe, họ thật sự có thể nghe rõ ràng từng câu từng chữ thì sẽ được thọ dụng. Nếu chúng ta niệm chẳng nhịp nhàng, phát âm không rõ ràng, người bên ngoài rất muốn nghe, nhưng chẳng nghe được quý vị niệm những gì, hiệu quả đã bị mất đi. Vì thế, niệm tụng ra tiếng là tự lợi, lợi tha; chẳng niệm ra tiếng là tự lợi. Khi niệm ra tiếng, nhất định là lợi tha. Trong Tha (người khác) còn bao gồm thiên, long, quỷ thần. Do vậy, chúng ta cung kính, phát âm rõ ràng, tốc độ không mau, không chậm, long thiên quỷ thần hoan hỷ; đây là thật sự cúng dường. Chư vị hãy ngẫm xem, Lục Tổ Huệ Năng đại sư thuở ấy bán củi, nghe một cư sĩ niệm kinh Kim Cang trong phòng, Ngài ở ngoài cửa sổ nghe tiếng, nghe rồi cũng rất cảm động. Sau khi vị cư sĩ đã niệm xong, Huệ Năng đại sư bèn thưa hỏi ông ta: “Ông niệm kinh gì vậy? Kinh này do đâu mà có, sao mà hay đến thế?” Nếu người ấy niệm kinh phát âm chẳng rõ ràng, hàm hồ, mờ昧, người bên ngoài sẽ chẳng nghe được. Quý vị thấy ông ta niệm bộ kinh Kim Cang đã độ Huệ Năng đại sư. Đây là cái duyên thứ nhất với Phật môn của Ngài; chuyện này được ghi chép trong Đàn Kinh. Quý vị bèn hiểu đọc tụng trọng yếu lắm! Lục Tổ thật sự nghe hiểu, thật sự hiểu rõ ý nghĩa trong kinh, tuy Ngài chẳng biết chữ mà Ngài có thể nghe hiểu! Chúng ta chớ nên không hiểu những đạo lý này, chớ nên không nghiêm túc học tập.

Giảng diễn, nhất là giảng kinh, tốc độ chẳng thể mau. Nhưng hiện thời, mọi người làm gì cũng đều muốn đuổi kịp thời gian, luôn muốn mau chóng, chê tốc độ giảng kinh của chúng tôi quá chậm, nhưng nghe thành thói quen, người ấy sẽ hiểu. Nếu chúng tôi giảng kinh giống như đọc tin tức, như vậy thì sẽ đuổi kịp thời gian, nhưng không đạt được lợi ích. Vì sao? Niệm theo kiểu hơi hợt, bộp chộp ấy, cái tâm của người niệm hơi hợt, bộp chộp, tâm người nghe cũng hơi hợt, bộp chộp. Tâm địa của người niệm thanh tịnh, tâm là định thì cũng khiến cho tâm người nghe định lại, khiến cho tình hình hơi hợt, bộp chộp nơi tâm buông xuống. Mấy phút cũng thế, mà mấy chục phút cũng vậy, người ấy được thọ dụng, chớ nên không biết điều này! Đây không chỉ là tán thán công đức của Phật, mà trong khi ấy, người xưng

tán, người đọc tụng và người nghe cũng được công đức.

Do đó, dẫn phát đại nguyện, “*chúng đức tất cụ, xưng tán vô tận*” (các đức đều đủ, khen ngợi vô tận). Tám chữ ấy thoát nhìn dường như rất đơn giản; trên thực tế, sâu rộng vô tận. Tổ sư đại đức bảo chúng ta, trong chú giải kinh Hoa Nghiêm của Thanh Lương đại sư, Ngài thường nói: Mỗi chữ mỗi câu trong kinh Hoa Nghiêm đều chứa đựng vô lượng nghĩa. Nếu giải thích tỉ mỉ từng chữ, từng câu, nói suốt một kiếp vẫn nói chẳng xong, huống hồ một phẩm kinh này? Huống hồ cả bộ kinh này? Vì sao? Đúng như ở đây đã nói “*chúng đức tất cụ*” (các đức đều đủ), từng câu, từng chữ đều chứa vô lượng nghĩa. Vì sao? Vô lượng Tánh Đức đều bao hàm trong ấy, làm sao quý vị có thể nói trọn hết cho nổi? Trong phần trước của kinh này, chúng ta đã đọc thấy, “*một tức là vô lượng, vô lượng tức là một*”, “*một chính là nhiều, nhiều chính là một*”, một và nhiều chẳng hai. Những phần kinh văn ấy chúng ta đều đọc rất thuộc, là thật, chẳng giả. Vì thế, từ xưa, các vị tổ sư đại đức dạy mọi người học một bộ kinh, chẳng dạy quý vị học rất nhiều, hãy thâm nhập một môn, huân tu lâu dài.

Bộ kinh này phải học đến khi nào thì mới được coi là tốt nghiệp? Khai ngộ, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, quý vị sẽ tốt nghiệp. Khi ấy là cảnh giới gì? Quý vị học một bộ kinh, đã thông bộ kinh ấy, triệt để thông suốt, tất cả hết thấy các kinh sẽ hoàn toàn thông suốt. Chưa học mà vẫn thông suốt toàn bộ, triển hiện ngay trước mặt quý vị, quý vị chẳng có may mắn chướng ngại nào! Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông. Vì sao? Vì quý vị đã kiến tánh, minh tâm kiến tánh, hết thấy các kinh giáo đều từ trong chân tâm, từ trong tự tánh mà lưu lộ. Do vậy, sự kiến tánh của quý vị và sự kiến tánh của Phật là một, chẳng hai. Huống chi trong kinh, đức Thế Tôn đã nói rõ ràng như thế này: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, đây chẳng phải là “*chúng đức tất cụ*” (các đức đều đầy đủ) ư? Quý vị có trí huệ của mười phương hết thấy chư Phật Như Lai; hết thấy đức năng và tướng hảo của chư Phật, quý vị thấy đều trọn đủ. Đây là gì? Đây là Tánh Đức. Chẳng phải là “*học một thứ, sẽ hiểu một thứ. Thứ nào chẳng học sẽ không hiểu*”. Đó là phàm phu, là cái học bề ngoài, vô dụng!

Quý vị phải thâm nhập; trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói lời này rất nhiều: “*Thâm giải nghĩa thú*” (Hiểu sâu xa nghĩa thú). Đây là sự yêu cầu và chỉ đạo của đức Phật, quý vị đã học thì phải thấu hiểu sâu xa nghĩa thú. Nếu quý vị có thể hiểu được câu nói này, y giáo phụng hành, quý vị sẽ nảy sanh hứng thú đối với một bộ kinh. Vì sao? Càng đọc càng có ý vị, mỗi lần đọc càng thâm nhập. Thâm nhập đến cuối cùng là tự tánh, tự nhiên sẽ kiến tánh, Giáo Hạ nói là “*đại khai viên giải*”, Tông Môn nói là “*minh tâm kiến tánh*”, đều là cùng một cảnh giới. Vì thế, từ kinh giáo có thể minh tâm kiến tánh. Thiên Tông

dùng tham cứu hòng đạt tới minh tâm kiến tánh, đó là gì? Bậc thượng thượng căn. Chẳng phải là thượng thượng căn, tham Thiền sẽ vô dụng, chẳng khai ngộ được. Do vậy, tám vạn bốn ngàn pháp môn của đức Phật là để tiếp dẫn chúng sanh có trình độ khác nhau. Cổ nhân nói rất hay: “*Nhân quý tự tri chi minh*” (Con người quý ở chỗ tự hiểu rõ chính mình). Điều này thật sự đáng quý, chính mình hiểu căn tánh của chính mình. Ta chẳng phải là bậc thượng thượng thừa, ta bèn chẳng học Thiền. Vì sao? Học thứ ấy, sẽ chẳng đạt được lợi ích trong đời này. Căn tánh trung hạ thì học Giáo.

Khi tôi mới học Phật, thầy bảo tôi, cũng nhằm cảnh tỉnh tôi. Lúc mới học, nói chung là rất hâm mộ Thiền. Tôi đọc Đàn Kinh, đọc kinh Kim Cang, đọc ngữ lục của tổ sư, dường như hiểu mà chẳng phải là hiểu. Thầy cảnh cáo tôi: “*Chớ nên xem, chớ nên học! Đây là một bước lên trời, anh có năng lực ấy hay không? Một bước lên được trời thì tốt, anh đã thành công. Lên chẳng được, anh sẽ từ đó rớt xuống, tan thân nát xương!*” Đối với học Giáo, thầy bảo tôi, học Giáo là trèo cầu thang. Giống như tòa cao ốc một trăm tầng, quý vị từng bước một trèo lên cao, thời gian tuy dài, quý vị thật sự có thể trèo đến nơi. Thiền Tông chẳng cần trèo cầu thang, một trăm tầng lầu liền từ tầng trệt nhảy vọt lên, thật sự có bản lãnh, chẳng phải là ai cũng có thể làm được! Chẳng giống nhau, phương pháp khác hẳn! Vì thế, thầy khuyên tôi nhập môn từ kinh giáo. Kinh giáo từ cạn đến sâu, từ bộ kinh nhỏ rồi học đến bộ lớn. Vì thế, bộ kinh tôi học đầu tiên là A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh, [kinh ấy] không nhiều lắm, chỉ có năm sáu trang. Đó là kinh Tiểu Thừa, xác thực là “*trước học Tiểu Thừa, sau học Đại Thừa*”. Đại khái tôi học gần mười bộ, đều chẳng dài. Hình như bộ dài nhất chỉ có chừng hơn hai ngàn chữ, ngắn thì ba bốn trăm chữ cho đến sáu bảy trăm chữ. Cầu học và cầu đạo đều phải biết [tuân theo] thứ tự, tuân tự tiến lên, chẳng thể nhảy cóc!

Còn có một pháp môn đặc biệt, trong Phật pháp là Tịnh Tông và Mật Tông. Phương pháp của họ khá đặc biệt; nhưng hai tông phái này đều nhằm tu tâm thanh tịnh, có khó dễ khác nhau. Tịnh Độ là dị hành đạo (đạo dễ hành), Mật tuy cũng tu tâm thanh tịnh, nhưng khó hơn Tịnh Độ rất nhiều, phải biết điều này. Dị hành đạo của Tịnh Tông là xa lìa hết thảy chướng ngại; nếu xa lìa, sẽ dễ đạt được cái tâm thanh tịnh hơn. Quý vị thấy Tịnh Tông đặc biệt nhấn mạnh, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nhắc nhở các đồng học, phải buông xuống ích kỷ, phải buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, phải buông xuống ngũ dục lục trần, phải buông xuống tham, sân, si, mạn, chẳng tiếp cận tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần. Đạo tràng tu học thời cổ đều ở trong núi thẳm, là chỗ không có dấu vết con người, giống như là cách ly thế tục vậy. Phụ cận của đạo tràng thuở ấy, trong vòng ba dặm đường chẳng có thôn

trang, hoàn cảnh thanh tịnh, tĩnh lặng, khiến cho quý vị biết viễn ly. Lại còn phải tuân thủ lời dạy của đức Phật: “*Lấy khổ làm thầy, dùng giới làm thầy*”, trì giới niệm Phật, chẳng có một ai không thành tựu.

Hiện thời, người niệm Phật thì đông, người thành tựu ít ỏi. Quý vị hãy chú tâm quan sát, vì sao họ chẳng thể thành tựu? Tuy niệm Phật, chẳng trì giới. Tuy niệm Phật, chẳng thể chịu khổ, họ lưu luyện pháp thế gian. Đây chẳng phải là do pháp chẳng linh, mà là do chính người ấy học chẳng đúng pháp. Tu học đúng pháp, pháp môn này do chính Thiện Đạo đại sư nói ra. Ngài Thiện Đạo là người đời Đường, là vị tổ sư thứ hai của Tịnh Tông, tức Nhị Tổ. Lão nhân gia nói, pháp môn này được gọi là “*vạn người tu, vạn người đến [Cực Lạc]*”, đúng là như vậy đấy! Nhưng trong hiện thời, sợ người ta hiểu lầm, trước đó, nhất định phải thêm vào một câu, thành ra: “*Đúng lý, đúng pháp tu hành, vạn người tu, vạn người về*”. Quý vị trái nghịch lý luận của Tịnh Tông, trái nghịch phương pháp của Tịnh Tông, đời này quý vị sẽ rất khó thành tựu. Lý luận và phương pháp đều ở trong kinh Vô Lượng Thọ và trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, quý vị chỉ cần nương theo những đạo lý và phương pháp ấy trong kinh điển để tu, chẳng có một ai không thành tựu!

Do đó, đọc kinh phải thấu đạt nghĩa lý, “*thấu*” (透) là hiểu rõ, triệt để hiểu rõ. Sau đây mới biết phải nên học như thế nào? Tuy hiểu được một tí ngoài rìa, chẳng thấu triệt, quý vị buông xuống sẽ rất khó khăn. Muốn cho tập khí phiền não của quý vị thấy đều trừ sạch, khó khăn lắm! Quý vị thật sự hiểu, thật sự liễu giải, sẽ buông xuống tập khí phiền não rất dễ dàng! Vì sao? Trong dục vọng của chính quý vị có những thứ mong cầu, nào ngờ thế giới Cực Lạc thù thắng hơn những thứ ấy quá nhiều, lại còn rất dễ cầu được. Quý vị mong cầu thọ mạng, sống lâu, hễ vãng sanh thế giới Cực Lạc, sẽ là vô lượng thọ. Ở trong thế giới này, chắc chắn quý vị chẳng đạt được [điều mong cầu ấy]! Quý vị mong muốn tướng hảo, mong thân thể khỏe mạnh, thân người trong thế giới Cực Lạc sắc vàng ròng màu tía đã giội mài. Đối với tướng mạo của mỗi người, tôi thường nói không chỉ là “ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo”, mà là giống như Phật, thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo.

Kinh Hoa Nghiêm có nói đặc mười thứ đại tự tại, thứ nhất là thọ mạng, trí huệ, của cải, vì sao? Đây là điều cần thiết để độ chúng sanh. Bồ thí cho chúng sanh thì Tài Bồ Thí là phương pháp tốt nhất để tiếp dẫn chúng sanh. Trong tự tánh của chư Phật, Bồ Tát có vô tận tài bảo. Thuyết pháp thì giống như là nói đến vô tận pháp môn, vĩnh viễn chẳng thể nói hết được. Có năng lực thì thân tướng này có thể thị hiện thuận theo lòng yêu thích của chúng sanh. Đáng nên dùng thân nào để đặc độ, bèn hiện thân ấy, [đó là] thân tự tại. Phải mất thời gian bao lâu quý vị

mới có thể đạt đến? Kinh Di Đà nói là từ một ngày cho đến bảy ngày. Quý vị thấy thuận tiện lắm thay! Nhưng nhìn vào hơn hai ngàn năm lịch sử, [sẽ thấy là] từ ba năm cho đến năm năm, chắc chắn sẽ đạt được. Từ ba năm đến năm năm mà quý vị vẫn chẳng đạt được, [là vì] quý vị [tu tập] chẳng đúng lý, chẳng đúng pháp. Nếu quý vị đúng lý, đúng pháp, chắc chắn sẽ đạt được, chớ nên không hiểu [điều này]. Sau khi đã hiểu, bèn sanh tâm đại hoan hỷ, thân, tâm, thế giới hết thảy đều buông xuống, quý vị đắc đại viên mãn. Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem tiếp bài kệ cuối cùng trong đoạn thứ chín.

(Kinh) Tán Phật tướng hảo, đương nguyện chúng sanh, thành tựu Phật thân, chứng vô tướng pháp.

(經)讚佛相好。當願眾生。成就佛身。證無相法。

(Kinh: Khen tướng hảo Phật, nguyện cho chúng sanh, thành tựu thân Phật, chứng pháp vô tướng).

Bài kệ trước nhằm tán thán công đức của Phật, bài kệ này tán thán tướng hảo của Phật. Đại khái, kệ tán Phật chia thành hai loại lớn: Một loại là tán thán công đức của Phật, loại kia là tán thán tướng hảo của Phật. Giống như chúng ta thường niệm kệ tán Phật để tán thán A Di Đà Phật, đây là tán tướng hảo. Quý vị thấy trong bài kệ ấy có câu “*tướng hảo quang minh vô đẳng luân*”, đây là tán tướng hảo của Phật. Tán thán tướng hảo của Phật, xét theo việc tiếp dẫn đại chúng để nói thì sẽ có hiệu quả rất tốt, bất quá, mọi người trong hiện thời có một chướng ngại rất lớn, chướng ngại ấy chính là hiểu lầm đối với Phật pháp! Hễ nhắc đến Phật pháp, mọi người đều nói đó là tôn giáo. Hễ nói tới tôn giáo, thì sẽ cho là mê tín, nói nó chẳng phải là thật, tôi đa thì bất quá là một loại hành vi để khuyến thiện mà thôi. Họ chẳng cho rằng đây là sự thật; đó là một sự sai lầm rất lớn.

Đối với chuyện báo ứng và thiên địa quỷ thần, quý vị đến mỗi xó xỉnh trên khắp thế giới, đều có thể tìm được sự thật, đều có thể tìm được chứng cứ. Vì sao những người ấy chẳng tin tưởng? Tôi nghĩ chuyện này liên quan đến Tâm Lý Học. Liên quan như thế nào? Nếu người ấy tin tưởng, sẽ cảm thấy những lợi ích và sự sung sướng đạt được trong hiện tại bị mất đi. Hằng ngày phải sát sanh, mỗi ngày muốn ăn thịt, nếu nói những hành vi ấy trong tương lai sẽ đều có quả báo, vậy thì làm như thế nào đây? Từ nay trở đi sẽ ăn gì? Vẫn là không tin thì hay hơn! Tâm lý quấy rối. Vào thời cổ, xã hội coi trọng, chánh phủ đề xướng, quý vị thấy hễ có tai nạn, tai nạn trọng đại, khi người ta bị

thương vong quá nhiều (kể cả súc sanh), đế vương nhất định sẽ thịnh hòa thượng, đạo sĩ đến làm pháp hội siêu độ. Đây là giáo dục nhân quả, hoàng đế dẫn đầu, nhà vua đến thắp hương, làm công đức chủ.

Trong dân gian Trung Hoa, loại siêu độ này sanh ra ảnh hưởng to lớn như thế đó. Khi tôi mới học Phật, đối với vấn đề này có rất nhiều nghi hoặc. Trong Phật môn vốn chẳng có [siêu độ], đức Phật chỉ dạy mỗi người chúng ta phải tự mình phản tỉnh, sám hối, sửa lỗi, đổi mới, chẳng hề nói phải cùng nhau làm hoạt động gì đó để siêu độ, chẳng có chuyện này. Chuyện này được xướng suất tại Trung Hoa. Do tôi lúc còn trẻ có một khoảng thời gian theo lão pháp sư Đạo An, lão nhân gia mở một khóa Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa tại Đài Bắc Trung Hoa Phật Giáo Hội, mời tôi làm tổng chủ giảng. Do đó, chúng tôi hợp tác suốt bốn năm, thực hiện giảng tòa ấy bốn năm. Về sau, tôi rời đi, lão nhân gia cũng vãng sanh. Tôi đã từng thỉnh giáo lão nhân gia về vấn đề này, tôi thưa: “Vì sao nầy sanh chuyện siêu độ?” Ngài bảo tôi: “Chuyện này đại khái bắt nguồn từ thời Đường Minh Hoàng. Vì sao? Thuở ấy, An Lộc Sơn làm phản, cũng giống như nói là đảo chánh, quy mô rất lớn. May mắn là Quách Tử Nghi dẹp yên cơn biến loạn ấy. Tại mỗi chiến trường, quân dân tử thương đều hết sức nhiều. Do vậy, sau khi đã bình định, tại mỗi chiến trường chủ yếu, Đường Minh Hoàng đều dựng một ngôi chùa, làm đại hội siêu độ, giống như hiện thời chúng ta nói là ‘hội truy điệu’, quốc gia đứng ra tổ chức, mời những vị cao tăng đại đức [tụng niệm]”.

[Nhà vua] dẫn đầu như thế, về sau, đại khái là trong dân gian, hễ người già qua đời, [dân chúng] cũng đến chùa miếu thỉnh pháp sư tới làm pháp hội siêu độ cho họ. Trước kia, bắt quá là mỗi năm hai, ba lượt, Thanh Minh, Trung Nguyên (Vu Lan), hoặc ngày giỗ [mới làm pháp hội siêu độ], đều là rất ít, chẳng như hiện thời mỗi ngày đều làm, [trước kia] chẳng hề có. Hơn nữa, chùa miếu xưa kia ở trong núi thẳm, nói thật thà thì lên núi cũng khá bất tiện, cũng chẳng có đông người tham gia như vậy. Vì vậy, quốc gia chỉ ở tại những chỗ đại chiến trường có quy mô lớn [dựng chùa, làm pháp hội siêu độ], số người [tham dự] bèn nhiều. Những ngôi chùa ấy đều gọi là Khai Nguyên Tự. Do vậy, tại Đại Lục, chùa Khai Nguyên rất nhiều. Chùa Khai Nguyên là do Đường Minh Hoàng truy điệu quân dân và chúng sanh tử vong trong loạn An Sử²⁹ mà làm pháp hội siêu độ. Lão pháp sư nói có thể là bắt đầu từ thuở

²⁹ Cuộc biến loạn này do An Lộc Sơn và Sử Tư Minh cầm đầu nên Sử Trung Hoa thường gọi là Loạn An Sử. An Lộc Sơn là người Đột Quyết, được phong làm Tiết Độ Sứ cả ba trấn, oai quyền rất lớn. Sử Tư Minh cũng là người Đột Quyết, bạn thân của An Lộc Sơn từ nhỏ. Chính Sử Tư Minh đã khuyên An Lộc Sơn làm phản khi nhà Đường suy yếu do Đường Minh Hoàng đắm chìm trong tử sắc, say mê Dương Quý Phi, bỏ mặc triều chánh.

ấy, chúng tôi ngẫm nghĩ thấy hữu lý. Như vậy là tại Trung Hoa, từ xưa tới nay, những vị đế vương, những người lãnh đạo quốc gia, trong dân gian hễ có thiên tai, nhân họa, thương vong trọng đại, quốc gia sẽ đều cử hành siêu độ, hiện thời gọi là “truy điệu”, nhất định thỉnh hòa thượng, đạo sĩ đến tụng kinh, bái sám. Đây là nhân quả.

Loại pháp hội siêu độ này, nhìn theo nhân quan hiện thời, sẽ là hóa giải oán hận. Giết người, họ (nạn nhân) sẽ báo thù. Nay chúng ta tìm những trường hợp điển hình tại ngoại quốc, người Hoa luôn thấy [những bằng chứng] sáng vằng vặc tại ngoại quốc. Chúng tôi trông thấy nhân quả báo ứng tại ngoại quốc đều là chân thật, chẳng phải là hư cấu. Quý vị thấy tiến sĩ Chung Mậu Sâm đã nói với quý vị về những bằng chứng luân hồi cụ thể ở phương Tây. Ông ta nêu ra rất nhiều trường hợp, những trường hợp ấy đều được truyền bá phổ biến trên nhật báo, tạp chí của phương Tây, thậm chí trên Internet. Lúc tuổi trẻ sát hại người khác, đến khi chính mình đã già, kẻ [bị sát hại] ấy đầu thai vào nhà đó, làm cháu của gã đó, thuộc hàng cháu nội. Trông thấy nhau, đứa trẻ bèn sanh tâm nóng giận, dường như gặp mặt thù nhân, mắt đỏ sòng sọc, biểu lộ loại hiện tượng ấy. Về sau, qua thời miên ở mức độ sâu, trong thời miên, nó nói ra, nguyên lai cụ già thuộc vai vế ông nội nó lúc còn trẻ đã giết hại nó. Nay nó lại đầu thai, mới hiểu vì sao có hiện tượng ấy.

Cổ nhân rất hiểu chuyện này, hiểu hết sức sâu đậm. Do đó, chú trọng giáo dục luân lý, đạo đức. Giáo dục luân lý, đạo đức chủ yếu là giữa con người với nhau. Dẫu trong đời quá khứ, bất luận oán hận như thế nào, lỡ tay sát hại cũng thế, mà cố ý giết cũng thế, do sân hận mà giết cũng thế, đều coi như xong. Quá khứ là chuyện đã qua, đừng nên oan oan tương báo nữa, hy vọng mọi người có thể hóa giải nỗi oán hận ấy, từ nay trở đi tôn trọng lẫn nhau, cư xử hòa thuận, hỗ trợ hợp tác, đôi bên đều hạnh phúc. Oan oan tương báo thì hôm nay quý vị báo thù kẻ khác, đời sau, kẻ ấy lại báo thù quý vị, báo tới, báo lui chẳng hết, chẳng xong, đôi bên đều thống khổ, cần gì phải vậy? Có gì mà chẳng thể hóa giải? Vì thế, siêu độ là hóa giải oán đối. Xác thực là tuyệt đại đa số được sự gia trì của Phật đạo, trong ấy, thuyết pháp là khuyên nhủ, hướng dẫn, họ đã tiếp nhận, oán hận đã tiêu, chẳng còn báo thù nữa. [Đó là] chuyện tốt, chẳng phải là chuyện xấu.

Đồng thời, một tác dụng khác nữa là làm cho người hiện thời nhìn vào. Người hiện thời ở trong thế gian này, oán gia đối đầu cũng rất nhiều. Oán gia đối đầu thì có khi là kết oán trong hiện tiền, cũng có khi do những hiềm khích trong nhiều đời, nhiều kiếp. Trông thấy pháp hội này, nghe những lời khuyên cáo từ kinh văn, cũng dấy lên tác dụng. Người nào đó có hiềm khích với ta, coi như xong, chẳng còn so đo nữa. Vì thế, hữu ý hay vô tình, cũng hóa giải những sự đối lập, hiểu lầm, oán

hận trong hiện thực. Hiện thời bảo đó là mê tín, coi chuyện này là giả, chẳng chân thật, muốn xóa bỏ chuyện này. Tốt thôi! Oan oan tương báo vĩnh viễn tồn tại, chẳng thể hóa giải, cừ hận càng chất chứa càng sâu, nhất định sẽ dây dưa đến đời kế, đời sau, phiền phức sẽ to lớn. Do vậy, chúng ta ngắm xem, các đế vương thời cổ có thể truyền ngôi mười mấy đời, hai mươi mấy đời, an hưởng nước nhà mấy trăm năm, họ có đạo lý của họ. Đạo lý lớn nhất là hóa giải oán thân trái chủ, quá khứ, hiện tại, cho đến vị lai, vĩnh viễn chẳng ngừng đề xướng giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả.

Nếu thật sự hiểu chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, mấy hôm nay, nước Mỹ có nhà khoa học tên là Hoắc Kim (Stephen Hawking), đây cũng là một nhân vật truyền kỳ, đến thăm Trung Hoa và Hương Cảng. Có đồng tu cắt vài bài báo đưa cho tôi xem. Tôi xem xong mới biết, ông ta là người theo vô thần luận, tin tưởng khoa học, chẳng tin luân hồi, chẳng tin báo ứng. Đây là lẽ đương nhiên. Ông ta nói về khoa học, nói về nguồn gốc của vũ trụ, khởi nguồn của sanh mạng, hoàn toàn dùng tiến hóa luận để nói, nói tới thuyết vũ trụ bùng nổ (Big Bang). Nhưng chúng ta biết, các nhà khoa học một ngàn năm qua, đời nào cũng đều có trường hợp khoa học gia phát hiện một số định luật, thông thường là vài chục năm sau, khoa học gia thuộc thế hệ sau sẽ bác bỏ lý luận ấy. Ông Hoắc Kim phát hiện tương đối luận của Ái Nhân Tư Thân (Albert Einstein) chẳng hoàn mỹ, có khiếm khuyết, bèn bổ sung nó. Trong tương lai, lại trải qua một vài năm, có thể là lại có một nhà khoa học khác bác bỏ lý luận của ông ta (Hoắc Kim). Đây là hiện tượng bình thường. Nói theo Phật pháp, chẳng rời khỏi tâm ý thức, sẽ vĩnh viễn chẳng thấy chân tướng của vũ trụ, đều là suy đoán, rờ rẫm! Những điều được nói trong kinh điển của tôn giáo, đặc biệt là những điều được nói trong Bà La Môn giáo của Ấn Độ và Phật giáo đều nói rất hay. Những nhà khoa học ấy chẳng học kinh Phật, chẳng đọc Hoa Nghiêm. Nói thật ra, cũng chẳng có cách nào dịch Hoa Nghiêm sang tiếng ngoại quốc, quá khó; bởi lẽ, từng chữ, từng câu đều chứa đựng vô lượng nghĩa, dịch bằng cách nào đây? Quý vị chẳng khế nhập, sẽ chẳng thể dịch nổi. Quý vị chẳng hiểu, làm sao có thể dịch ra được? Chỉ dịch văn tự bề ngoài, sẽ hoàn toàn là sai lầm, ý ở ngoài lời mà!

Vì sao những bậc đại thánh triết trong tôn giáo biết? Đức Phật nói, Ngài dùng Hiện Lượng để hiểu rõ. Các nhà khoa học thì sao? Các nhà khoa học chỉ dùng Tỷ Lượng, tức là dùng suy đoán, chính họ chưa trông thấy, nhưng cách phổ biến nhất trong suy đoán là dùng Toán Học. Hễ là suy đoán, sẽ còn có thể nảy sanh sai lầm, Hiện Lượng thì chẳng thế! Quý vị thấy từ xưa tới nay, những tiên đoán, dự đoán thì nhiều, Hiện Lượng thì ít. Trước kia, tôi đã đem vấn đề này hỏi thầy Lý, vì từ xưa tới nay, phương Đông và phương Tây đều có những tiên đoán, tôi

hỏi thầy có thể tin tưởng những thứ ấy hay không? Thầy bảo tôi: “Có thể tham khảo, chớ nên hoàn toàn tin theo. Vì sao? Rất khó đạt đến chuẩn xác”. Thầy nói những thứ thật sự chuẩn xác là do người có công phu định lực từ trong Định có thể đột phá các chiều thời gian và không gian, những điều họ trông thấy đích thị là thật, chẳng giả. Nhưng những người có công phu định lực ấy, dầu có trông thấy, họ cũng chẳng nói. Vì sao? Chẳng bằng lòng tiết lộ thiên cơ. Dầu có nói ra, [từ ngữ] cũng hết sức hàm súc, giống như suy đoán câu đố, quý vị chẳng dễ gì đoán được chuẩn xác. Đương nhiên tốt nhất là chính quý vị tu Định, tu tâm thanh tịnh, quý vị mới có năng lực đột phá.

Sự thì thiên biến vạn hóa. Tiên đoán sẵn thì như tiên sinh Viên Liễu Phàm đã được Khổng tiên sinh đoán sẵn số mạng. Đó là gì? Đó là định số. Mỗi người đều có định số, định số do đâu mà có? Từ Mãn Nghiệp do quý vị đã tạo trong đời quá khứ. Nghiệp có hai loại lớn:

1) Loại thứ nhất là Dẫn Nghiệp (引業), tức là cái dẫn dắt [thần thức của người đã chết] đi vào một đường nào đó. Nghiệp lực ấy được gọi là Dẫn Nghiệp, tức là lục đạo. Vì sao quý vị có thể sanh lên trời? Vì sao có thể sanh vào nhân gian? Vì sao sẽ biến thành súc sanh? Vì sao sẽ biến thành ngạ quỷ? Dẫn nghiệp dẫn dắt quý vị vào đó.

2) Loại thứ hai là ví như chúng ta được làm thân người, tướng mạo của mỗi cá nhân khác nhau, trí huệ khác nhau, gặp gỡ khác nhau, nghèo, giàu, sang, hèn khác nhau, thọ mạng dài hay ngắn khác nhau. Đây là chuyện gì? Mãn Nghiệp. Thế nên còn có một loại nghiệp được gọi là Mãn Nghiệp (滿業), chữ Mãn trong viên mãn. Đây là thiện hay ác đã tạo trong đời quá khứ, [Mãn Nghiệp là loại] nghiệp lực ấy.

Lũ bình phàm chúng ta cũng chẳng hiểu những chuyện này, luôn mộng mị mong cầu, cầu của cải, cầu thông minh, trí huệ, cầu khỏe mạnh, sống lâu. Đây là những điều phổ biến chẳng có ai không mong cầu. Đức Phật nói, có kẻ đạt được, có kẻ chẳng đạt được; đạt được là do trong quá khứ đã tu cái nhân ấy. [Đạt được] của cải là do Tài Bồ Thí, [đạt được] thông minh và trí huệ là do Pháp Bồ Thí, [đạt được] khỏe mạnh, sống lâu là do Vô Úy Bồ Thí. Quý vị tu ba loại nhân ấy, chắc chắn sẽ đạt được ba loại quả báo. Chương Gia đại sư dạy tôi điều này. Lúc tôi còn trẻ, các thầy tướng số đoán mạng đều nói mạng tôi rất mỏng, chẳng có của cải, [tức là] trong mạng chẳng có của cải, lại còn đoản mạng. Đối với ba thứ ấy, tôi còn có một chút trí huệ, đại khái là trong đời quá khứ chỉ tu Pháp Bồ Thí, chẳng tu Tài Bồ Thí, chẳng tu Vô Úy Bồ Thí. Do vậy chỉ có một loại trong ba loại quả báo, hai thứ kia đều thiếu khuyết. Chương Gia đại sư dạy tôi phải tu Tài Bồ Thí. Đối với Vô Úy Bồ Thí thì ăn chay là Vô Úy Bồ Thí, chẳng kết oán cừu với chúng sanh nữa. Vì thế, tôi quen biết Chương Gia đại sư sáu tháng, tôi bèn ăn chay trường, tôi tin tưởng lời thầy. Chính mình nhọc nhằn cỡ

nào, vẫn học đòi Tài Bố Thí. Chẳng có tiền, nhưng một, hai đồng vẫn có, có thể xả. Người khác phóng sanh, chúng ta tán trợ; người khác in kinh, chúng ta cũng tán trợ. In kinh thuộc về Pháp Bố Thí. Còn có bố thí thuốc men ở bệnh viện, cứ mỗi hai, ba tháng bèn làm, bỏ ra mười đồng, hai chục đồng vẫn được.

Càng thí càng nhiều, thật sự có quả báo, tôi toàn là nghe lời thầy dạy bảo mà học theo. Theo số mạng, tuổi thọ của tôi chỉ là bốn mươi lăm năm, năm nay tôi đã tám mươi tuổi. Đây là quả báo của Vô Úy Bố Thí. Trong mạng chẳng có của cải, quý vị thấy hiện thời chúng tôi làm rất nhiều việc, những món tiền cần dùng đều hết sức đáng kể, nhưng tự nhiên đưa đến. Đây là gì? Đây là quả báo của Tài Bố Thí trong đời này. Pháp Bố Thí thì quá nhiều. Hằng ngày cùng với mọi người học tập Phật pháp, đây là Pháp Bố Thí. Suốt bốn mươi tám năm chẳng hề gián đoạn, mỗi ngày đều làm, tăng trưởng trí huệ. Vì thế, quý vị phải tin tưởng lời đức Phật dạy, phải thật sự làm, toàn thể vận mạng sẽ chuyển biến. Tiên sinh Liễu Phàm, tiên sinh Du Tịnh Ý chẳng chuyển biến mau chóng như tôi, cũng chẳng có hiệu quả chuyển biến to lớn như tôi. Kể từ sau khi tôi đã hiểu, bèn toàn tâm toàn lực, chẳng có mảy may nghi hoặc, chẳng nghi ngại, cứ liều mạng mà làm.

Xả đắc, quan trọng nhất là ý nghĩa thứ hai: Sau khi ta đã đạt được, vẫn phải xả. Khi đã đạt được, chớ nên tham cầu. Khi tham cầu, phước báo của quý vị chỉ đạt đến đó mà thôi. Ta đã đạt được rồi bèn thí xả. Ý nghĩa thứ nhất vốn là “sau khi đã xả bèn có đắc”; ý nghĩa thứ hai, “đã đạt được, vẫn phải xả”. Càng xả càng nhiều, càng xả càng sung sướng; do vậy, pháp duyên của tôi tốt đẹp. Quý vị thấy mười năm trước, khi tôi đến Tân Gia Ba giảng kinh, [đúng ra là từ] mười mấy năm trước, đến [Tân Gia Ba] vào năm đó, cũng đi từ Hương Cảng. [Lúc đó, tôi đang] giảng kinh tại Hương Cảng, có ba vị đạo hữu từ Tân Gia Ba đến đạo tràng nghe giảng, nghe rất hoan hỷ, nhất định mời tôi sang [Tân Gia Ba]. Khi đó, tôi chưa từng đến Tân Gia Ba. Tôi nói: “Được, tôi đi cùng ba người quý vị”. Do vậy bèn kết duyên với Tân Gia Ba, dần dần quen thuộc với những quốc gia tại vùng biển Nam. Pháp sư Diễn Bồi ở Tân Gia Ba, Ngài với tôi cũng là bạn bè cũ, thấy tôi đến đó, Ngài hết sức hoan hỷ, ra phi trường đón tôi. Khi tôi rời khỏi, Ngài đưa tiền, mời tôi ăn cơm, có đặt một câu hỏi như thế này. Ngài nói: “Pháp sư Tịnh Không ơi! Pháp duyên của thầy tốt đẹp như vậy, thầy kết bằng cách nào? Có thể dạy tôi hay không?” Tôi thưa: “Rất đơn giản”. Tôi nói: “Chuyện kết pháp duyên này là do lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy tôi”.

Thuở ấy, chúng tôi cầu học tại Đài Trung, thầy rất trịnh trọng, lại còn rất nhiều lượt dạy chúng tôi: “*Nhất định phải kết pháp duyên*”. Thầy bảo: “*Nếu các trò không kết pháp duyên, trong tương lai, các trò giảng kinh đâu hay cách mấy đi nữa, chẳng có ai nghe! Người có pháp*

duyên, dù giảng kinh không hay, sẽ có nhiều người đến nghe”. Khi đó, thầy lấy ngay trường hợp điển hình trong các bạn học của chúng tôi. Thầy bảo: “*Các trò thấy cư sĩ Lâm Khán Trị chỉ học hết Tiểu Học, học hai bộ kinh, giảng cũng xoàng xoàng thôi, thỉnh chúng đông đảo. Những bạn học khác có trình độ cao hơn bà ta, giảng hay hơn bà ta, thỉnh chúng chẳng nhiều bằng bà ta, chưa được một nửa!*” Đây là thí dụ rõ rệt, pháp duyên đầy mà! Kết [pháp duyên] như thế nào? Thầy dạy chúng tôi, mỗi tuần thầy giảng kinh một lần tại Từ Quang Đồ Thư Quán: “*Các trò tươi cười chào đón người ta, ra tận cửa tiếp đón, đó là kết pháp duyên*”. Như thế thì cũng chẳng cần phải tốn tiền, do tiếp đãi, hướng dẫn người ta, dẫn họ vào chỗ ngồi là được rồi. Thầy còn bảo chúng tôi, các trò cũng có thể mua một chút đồ để kết duyên, mua cho họ ăn. Mua gì? “*Mua đậu phộng, hoặc kẹo, mua một bao, mỗi người một viên, các trò sẽ kết pháp duyên rất nhiều*”. Chuyện này chẳng tốn tới mấy đồng, thật sự có thể làm, mỗi tuần một lần. Chúng tôi học hiểu từ chỗ này, luôn luôn chiếu cố những thỉnh chúng đến nghe kinh, nhiệt tâm chiếu cố, thành khẩn tiếp đãi, pháp duyên bèn thù thắng.

Về sau, tôi giảng kinh ở bên ngoài, từ năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu in tặng kinh sách. Tuy số lượng không nhiều lắm, thuở ấy gần như đều là một ngàn quyển, loại sách khổ nhỏ, tặng cho mọi người ở khắp nơi. Sau khi tôi đến Hương Cảng giảng kinh, mới biết pháp sư Ấn Quang suốt đời chuyên môn in kinh, tôi bèn học theo. Vì thế, về sau, tôi kết duyên, chẳng dùng những vật phẩm khác, thầy đều là kinh sách, kinh luận, thiện thư, tôi làm kiểu này. Số lượng in ngày càng nhiều, đúng là ngay cả nằm mộng vẫn chẳng mơ tới. Chỉ riêng Đại Tạng Kinh, chúng tôi đã in hơn sáu ngàn năm trăm bộ, [thật sự là] chuyện chẳng dám tưởng tượng. Những thứ khác quá nhiều, chẳng có cách nào thống kê. Gởi tặng toàn thế giới, chỗ nào cần đều tặng. Họ chẳng cần, chúng tôi biết họ là đơn vị Phật giáo, cũng tặng. Vì thế, kết duyên với toàn thế giới, bất luận đến nơi đâu, đều có rất nhiều người nhiệt liệt tiếp đãi. Vì thế, kết duyên khẩn yếu lắm!

Tướng hảo là phương cách bậc nhất để kết duyên của đức Phật. Quý vị thấy trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Bồ Tát muốn phát tâm dùng thân phận Phật để giáo hóa chúng sanh, bèn đặc biệt dùng thời gian một trăm kiếp để tu phước. Quý vị mới biết phước trọng yếu cỡ nào! Phước huệ song tu: Bồ Tát trước hết là tu huệ, huệ đã thành công, [nhưng nếu] chẳng có phước báo, sẽ chẳng thể tiếp dẫn chúng sanh. Đặc biệt tu phước, suốt một trăm kiếp tu tướng hảo, tức ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo. Vì thế, quý vị hãy nhìn vào sự biểu thị pháp trong Phật môn của chúng ta, tạc tượng nhằm biểu thị pháp. Tượng Phật, Bồ Tát đều hết sức viên mãn, người khác trông thấy đều sanh tâm hoan hỷ. Tượng mạo của La Hán chẳng sánh bằng Bồ Tát, vì

sao? La Hán có huệ, chẳng tu phước; do vậy, tướng mạo của Ngài rất kỳ quái. Nhưng quý vị lắng lòng nhìn ngắm, [sẽ cảm nhận] các Ngài rất từ bi, chẳng hung ác. Tướng mạo tuy chẳng dễ coi, nhưng Ngài chẳng hung ác, chẳng phải là tướng hung tợn. Do vậy, tướng mạo hết sức trọng yếu. Tôi thường nói, ngôn ngữ đã nói rất hay: “*Tướng chuyển theo tâm*”. Về sau, chúng tôi hiểu rõ: Không chỉ là tướng chuyển theo tâm, mà thể chất cũng chuyển theo tâm. Thân thể của quý vị do cái tâm thanh tịnh, tướng mạo sẽ thanh tịnh. Tâm từ bi, tướng mạo bèn từ bi. Do vậy, công phu tu hành của quý vị, công đức quý vị đã tích lũy tu tập, ở chỗ nào? Hoàn toàn ở nơi tướng mạo, hoàn toàn ở trên thân thể quý vị. Chuyện này chẳng thể lừa gạt kẻ khác, nhất định phải chú ý, tướng hảo tiếp dẫn rất nhiều chúng sanh.

Trong những năm qua, tôi nhận lời của các trường, mấy đại học tại Úc mời tôi đại diện cho nhà trường, đại diện cho Úc Châu tham gia các hoạt động hòa bình quốc tế, phương diện tiếp xúc rất rộng, cũng quen biết nhiều người. Những vị học giả, chuyên gia đều rất chịu khó trò chuyện với tôi. Trong khi trò chuyện, chắc chắn không thể thiếu [câu hỏi]: “Thưa pháp sư, thầy bảo dưỡng thân thể như thế nào?” Chắc chắn phải hỏi lời này. Ngay cả sang Nhật Bản, chúng tôi đến thăm tiến sĩ Giang Bồn Thắng, tham quan thí nghiệm với nước của ông ta, câu đầu tiên cũng là hỏi chuyện này. Do vậy có thể biết, có thể nói là từ độ tuổi trung niên trở lên, chẳng có ai không quan tâm thân thể của chính mình. Thân thể khỏe mạnh là phước báo bậc nhất. Thân thể chẳng khỏe mạnh, có tiền thì có tác dụng gì chứ? Tiền đều đem chữa bệnh, chuyện này rất oan uổng! Kể từ sau khi tôi học Phật, tôi chẳng chịu đem tiền đi chữa bệnh. Do vậy, tôi bèn định ra thời hạn nhất định để bố thí thuốc men.

Tôi ở Úc, sống tại Đờ Văn Ba (Toowoomba), Đờ Văn Ba có nhà thương công lập, hằng năm tôi tặng họ mười hai vạn đồng, mỗi tháng một vạn để giúp tiền thuốc thang cho người nghèo khổ. Trước kia ở Đài Loan, đầu tiên ít ỏi, tôi nhất định dành ra một phần tặng bệnh viện, bố thí thuốc men. Do đó, tôi thường nói với người khác, tôi chẳng thể mắc bệnh. Vì sao? Tôi mắc bệnh sẽ chẳng có tiền chữa trị, tiền chữa trị của tôi đã bố thí hết rồi. Người già phải giữ lại một món tiền để làm tiền thuốc thang, chữa trị lúc tuổi xế chiều. Đó là gì? Họ chuẩn bị ngã bệnh. Họ nghĩ khi tuổi già nhất định sẽ sanh bệnh, nhất định phải dùng đến món tiền ấy, vậy thì làm sao chẳng sanh bệnh cho được? Kể từ sau khi tôi học Phật, chẳng có ý niệm sanh bệnh, tiền thuốc men thấy đều xả hết. Hễ ngã bệnh bèn niệm Phật cầu vãng sanh, rất tự tại. Do đó, quý vị thật sự vâng theo giáo huấn của Phật, Bồ Tát tu ba loại bố thí này, quý vị sẽ đạt được quả báo.

Tôi tham gia các hoạt động bên ngoài, tuổi tác đã cao như vậy,

đứng cùng một chỗ với người khác, gần như chẳng có ai bằng tuổi tôi, họ đều nhỏ hơn tôi, ít thì nhỏ hơn ba, bốn tuổi, nhiều thì nhỏ hơn mười mấy, hai mươi tuổi. Đặc biệt là những người nhỏ hơn tôi trong khoảng mười tuổi, tướng mạo và thân thể của họ chẳng bằng tôi. Họ hỏi tôi bảo dưỡng như thế nào? [Tôi trả lời] “*niệm Phật, tu tâm thanh tịnh, ăn chay trường*”. Họ nghe nói rất hâm mộ, đều cho rằng “*ăn chay chẳng đủ dinh dưỡng*”. Tôi nói tôi đã ăn chay năm mươi lăm năm, lại còn ăn rất ít, tuyệt đối chẳng ăn vật, quý vị nói ăn chay thiếu dinh dưỡng ư? Đáng vẻ của tôi như thế này! Quan trọng nhất là tâm địa phải thanh tịnh, phải buông xuống phiền não, phải buông xuống ưu lự, phải buông xuống vương mắc, thân tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não. Nếu quý vị thật sự tu “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”, tướng mạo của quý vị sẽ chẳng xấu đi, tướng sẽ biến đổi. Tướng chuyển theo tâm, nhất định phải tin tưởng.

Do đó, từ tán thán tướng hảo của Phật sanh ra đại nguyện, “*đương nguyện chúng sanh, thành tựu Phật thân*” (nguyện cho chúng sanh thành tựu thân Phật). Quý vị thấy chúng ta học Phật, tấm gương của chúng ta là Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì thế, tôi hết sức cảm kích vị thầy vỡ lòng của tôi, Chương Gia đại sư là thầy dạy vỡ lòng cho tôi. Những quyển sách thầy dạy tôi xem đầu tiên là Thích Ca Phương Chí và Thích Ca Phổ, tức là xem truyện ký về Thích Ca Mâu Ni Phật. Học Phật thì phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, đây là điển hình, là tấm gương cho chúng ta. Học theo trí huệ, đạo đức của lão nhân gia, học theo hành trạng, đại nguyện, sự hành trì trong cuộc sống của lão nhân gia, như vậy thì sẽ chẳng sai! [Học tập] kinh Hoa Nghiêm đến phẩm này, từ kinh văn chúng ta thấy, chắc chắn chẳng cầu phước báo nhân thiên, quyết định chẳng mong cầu của cải, ngôi vua, vợ con. Vì sao? Trong phần sau, đức Phật đã nói rất rõ ràng, đây là cái nhân luân hồi. Trong tâm mục của quý vị còn có những thứ ấy không buông xuống được, quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Chúng ta hãy nghĩ kinh thường nói, “*được làm thân người, nghe Phật pháp, cơ duyên ấy trăm ngàn vạn kiếp khó gặp!*” Cư sĩ Bàn Tế Thanh nói: “*Một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay*”. Nay chúng ta được gặp gỡ, đã gặp gỡ thì phải nhận biết, cơ duyên này quá khó có, nhất định phải nắm lấy, ta thành tựu trong một đời này.

Mục tiêu ở chỗ nào? Mục tiêu là “*thành tựu Phật thân*”. Vì thế, không chỉ là chúng ta buông xuống toàn bộ các thứ trong thế gian, tôi thường nói với chư vị, tôi nói lời chân thật. Đại Phạm thiên vương nhường ngôi cho tôi, tôi sẽ chẳng cần ngôi vị của ông ta. Ma Hê Thủ La thiên vương nhường ngôi cho tôi, tôi cũng chẳng thấy là hiếm lạ (chẳng ham). Vì sao? Chẳng thoát khỏi lục đạo. Ma Hê Thủ La thiên vương là chúa của tam thiên đại thiên thế giới, Đại Phạm thiên vương

là chúa của tiểu thiên thế giới, phước báo nhân thiên đạt đến tột đỉnh, chẳng thoát khỏi lục đạo, phải biết điều này. Lục đạo lắm nỗi nhọc nhằn, vẫn muốn sanh trong đó nữa ư? Quý vị nghĩ tới chỗ này, sẽ tự nhiên có thể triệt để buông xuống. Niềm lạc thú trong đời người, niềm lạc thú ở ngay trong dạy học, “*học bất quyện, giáo bất yếm*” (học chẳng mệt, dạy chẳng chán). Cả đời Khổng phu tử đã làm được, nhưng học không mệt thì Ngài [thực hiện] suốt đời, dạy không mệt thì Ngài chỉ có thời gian năm năm vào lúc tuổi già. Nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật thật sự thể nghiệm, suốt đời hiếu học, suốt đời dạy học, suốt bốn mươi chín năm từ lúc ba mươi tuổi [thành đạo] cho đến khi bảy mươi chín tuổi viên tịch, suốt đời dạy học, vui sướng trong ấy. Quý vị hãy ngẫm xem, giúp đỡ bao nhiêu người giác ngộ, phá mê khai ngộ? Chỉ có phá mê khai ngộ thì mới có thể thật sự lia khổ được vui, quý vị nói xem chuyện này có nhiều ý nghĩa lắm! Người sống trong một đời để làm chuyện này, có nhiều giá trị, có nhiều ý nghĩa, trong các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng tìm thấy pháp thứ hai có thể sánh bằng.

Suốt đời phát nguyện làm giáo viên, tôi ngay cả hiệu trưởng cũng chẳng làm! Vì sao? Hiệu trưởng phải quản trị các sự vụ hành chánh, chuyện ấy rất phiền toái, làm giáo viên tốt hơn, thông dong, vui sướng. Thầy tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ suốt đời làm giáo viên. Tôi còn có một người bạn thân, đã qua đời mười mấy năm trước, là bạn học; là giáo sư của chương trình Tiên Sĩ khoa Lịch Sử đại học Đài Loan, tức tiên sinh Phó Lạc Thành. Ông ta suốt đời làm giáo viên; khi về già, chỉ có một lần, thưở ấy hình như là đại học Thành Công thành lập tại Đài Nam, mời mọc ông ta làm viện trưởng viện Văn Học. Làm hết một học kỳ, ông ta từ chức. Trở lại Đài Bắc, khi chúng tôi cùng nhau dùng bữa và tán gẫu, [ông ta thốt lên], “thật sự chẳng phải là chuyện dễ con người làm được”. Do vậy, ông ta trở lại dạy học ở đại học Đài Loan. Bởi lẽ, một người suốt đời dạy học, quý vị bảo người ấy làm bất cứ chuyện gì, người ấy đều ngại phiền, thật đấy, chẳng giả tí nào! Niềm vui do đọc sách là vô cùng, kẻ không đọc sách sẽ vĩnh viễn chẳng thể tưởng tượng được, quý vị chẳng có cách nào tưởng tượng. Niềm vui sướng do đọc sách dạy học là niềm vui của thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân. Luận Ngữ vừa mở đầu bèn nói rõ chuyện này: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường xuyên tập luyện, cũng chẳng vui sao?), [đó là] niềm vui do đọc sách. “*Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?), [đó là] niềm vui do dạy học. “*Nhân bất tri nhi bất uân, bất diệc quân tử hồ?*” (Người khác chẳng biết đến, mà chẳng oán hận, cũng chẳng phải là bậc quân tử ư?), đấy là chính mình đọc sách đã thông suốt. Không có ai đến học với quý vị, vẫn vui vẻ, chẳng có gì không vui. Nếu nhằm lúc có rất nhiều người đến học, đấy chính là “*kết*

duyên” như nhà Phật đã nói, rộng kết pháp duyên. Người tới học nhiều, sẽ hóa độ chúng sanh nhiều hơn, pháp duyên thù thắng!

Hiện thời, phương thức kết duyên nhất định phải dùng khoa học kỹ thuật cao. Chúng ta đã dùng vệ tinh, dùng Internet, hiện nay dùng đĩa DVD, băng thâu âm, băng thâu hình, tái bản để lưu thông. Chẳng làm chuyện gì khác, chuyên môn làm chuyện này. Trên cả thế giới, chúng ta còn có bạn bè, chúng ta còn có bằng hữu, bằng hữu chính là Tịnh Tông Học Hội. Mỗi Tịnh Tông Học Hội đều độc lập, ở đây chúng ta chẳng có mối quan hệ lệ thuộc, đều là bạn bè, đều là bình đẳng. Có chuyện gì bèn giúp đỡ, chiếu cố lẫn nhau, niềm vui hòa quyện. Năm ngoái tôi sang Pháp, Pháp Quốc Tịnh Tông Học Hội được thành lập. Năm ngoái tôi cũng sang Anh quốc, trong hai tháng gần đây nhất, tin tức truyền đến cho biết nước Anh cũng sắp thành lập một Tịnh Tông Học Hội. Tôi nói được lắm, nhất định tôi sẽ đến thăm. Vì thế, Tịnh Tông Học Hội là “*có bạn bè từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao*”! Một đoạn gồm ba câu này của sách Luận Ngữ có thể nói là đã nêu rõ hạnh phúc và trí huệ của các bậc đại thánh đại hiền thế gian và xuất thế gian, lại còn nói hết sức viên mãn.

Niềm vui ấy sẽ chẳng tiêu mất, sẽ chẳng lui sụt. Đây mới là niềm vui thật sự. Trong pháp thế gian, đức Phật đã dạy, lạc là Hoại Khổ. Trong thế gian chẳng có chân lạc. Tam giới đều khổ, có Khổ Khổ, có Hoại Khổ, và có Hành Khổ. Thật sự lìa khỏi ba nỗi khổ ấy, sẽ đạt được niềm vui vĩnh hằng. Đó là học, ham học, hoan hỷ dạy người khác; đây là vĩnh hằng, quý vị có thể thật sự làm chuyện này, lại còn có thể thật sự đem theo. Trí huệ có thể mang theo, công đức có thể mang theo, chẳng giống pháp thế gian. Do vậy, trong một đời này, chúng ta niệm Phật, vãng sanh, thành Phật, thành tựu thân Phật, “*chứng vô tướng Pháp*”. “*Vô tướng*” là chẳng chấp tướng, còn có ý nghĩa sâu hơn nữa. Nay thì đã hết thời gian rồi, trong buổi học kế tiếp, chúng tôi sẽ bổ sung.

Tập 1574

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, bài kệ cuối cùng trong đoạn lớn thứ chín:

(Kinh) Tán Phật tướng hảo, đương nguyện chúng sanh, thành tựu Phật thân, chứng vô tướng pháp.

(經)讚佛相好。當願眾生。成就佛身。證無相法。

(Kinh: Khen tướng hảo Phật, nguyện cho chúng sanh, thành tựu thân Phật, chứng pháp vô tướng).

Bài kệ này có ý nghĩa rất sâu, rất rộng. Trong phần trước, tuy đã nói qua, nhưng chưa trao đổi về “*chúng vô tướng pháp*”, chúng ta lợi dụng thời gian này để bổ sung. Các đồng học học Phật nhất định phải biết: “Chúng ta học Phật để làm gì? Đức Phật dạy chúng ta những gì? Ngài dạy bằng cách nào? Chúng ta phải biết học theo cách như thế nào?” Ất phải hiểu rõ ràng những khái niệm cơ bản này! Mục đích học Phật, nói đơn giản sẽ là dạy chúng ta làm một người thông hiểu trong thế gian này. Nói cách khác, chẳng thể sống hồ đồ suốt cả một đời, nhất định phải làm một người thông hiểu. Làm người thông hiểu cũng chẳng phải là dễ làm. Người thông hiểu sẽ thật sự hạnh phúc, vui sướng, nhưng xác thực là chẳng dễ dàng.

Hiểu rõ những gì? Hiểu rõ Thật Tướng của các pháp, điều này khó lắm! Thật Tướng của các pháp là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Đức Phật bảo chúng ta, quý vị vốn hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, hề hiểu rõ thì là Phật. Đức Phật hiểu rõ, hết thảy chúng sanh và Phật cũng hiểu rõ như nhau. Vì sao hiện thời biến thành nông nổi này? Chúng ta đã mê mất cái Minh trong sự hiểu minh bạch về chân tướng sự thật, nay chúng ta biến thành tình trạng gì? Biến thành vô minh. Minh bị mê mất bèn biến thành vô minh. Vô minh là hiện thời chẳng biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh là gì! Do sự không biết ấy, chúng ta tư duy, hành động đều bị mất phương hướng và mục tiêu, thuận theo tập khí phiền não của chính mình. Kết quả của chuyện tùy thuận tập khí phiền não là luân hồi trong lục đạo. Lục đạo luân hồi vốn chẳng có, hiện thời, nó có hay không? Hiện thời vẫn chẳng có. Chẳng có mà quý vị ngỡ là có; do đó, những lời này rất khó nói. Mê là gì? Mê giống như nằm mộng. Tôi nói với quý vị mộng là giả, mộng chẳng thật, trong mộng chẳng có. Nhưng khi một người đang nằm mộng, chẳng biết chính mình đang nằm mộng, người ấy cứ coi cảnh trong mộng là thật. Khi nào người ấy nằm mộng mà biết chính mình đang nằm mộng, sẽ gọi là giác ngộ.

Trong bốn mươi chín năm dạy học, đức Phật thường sử dụng tỷ dụ. Đối với người căn tánh trung hạ, cách này sẽ khiến cho họ từ tỷ dụ mà lãnh ngộ, là một phương pháp dạy học rất tốt. Tỷ dụ được dùng nhiều nhất là mộng. Kinh Kim Cang nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Hết thảy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Tuy nói bốn thứ tỷ dụ, mộng là chánh yếu, huyễn, bọt, bóng là phụ trợ. Chủ yếu nhất là nói đến mộng. Hết thảy các pháp hữu vi tức là toàn thể vũ trụ, các đồng học đã học Duy Thức đều biết Di Lặc Bồ Tát đã quy nạp hết thảy vạn sự, vạn pháp trong vũ trụ và nhân sinh thành sáu trăm sáu mươi pháp, dễ dạy! Thiên Thân Bồ Tát từ bi, nhận biết sáu trăm sáu mươi pháp đối với kẻ sơ học vẫn rất phức tạp, quá nhiều. Do đó, Ngài lại quy nạp sáu trăm sáu mươi pháp thành một trăm

điều, gọi là Bách Pháp. Chư vị phải biết, Bách Pháp là tổng cương lĩnh của hết thảy các pháp. Triển khai ra, sẽ là sáu trăm sáu mươi pháp như trong Du Già Sư Địa Luận. Lại triển khai ra, sẽ là hết thảy các pháp.

Bách Pháp, trong một trăm điều ấy, chín mươi bốn điều là hữu vi, tức chín mươi bốn điều là pháp hữu vi, pháp vô vi chỉ có sáu điều. Trong sáu điều³⁰ ấy, trên thực tế, chỉ có một điều là vô vi thật sự, tức điều cuối cùng, được gọi là Chân Như Vô Vi. Chân Như là gì? Pháp Tánh, Pháp Thân. Những món khác là gì? Những món khác là Tương Tự Vô Vi, do chúng chẳng thể quy nạp vào hữu vi. Hữu vi có nghĩa là gì? Có sanh có diệt thì thuộc về hữu vi; vô vi là bất sanh bất diệt. Đối với hư không, chúng ta chẳng thấy hư không sanh, mà cũng chẳng thấy hư không diệt. Do đó, hư không cũng được xếp vào pháp vô vi, nhưng nó là Tương Tự Vô Vi, chẳng phải là vô vi thật sự. Hư không có sanh diệt hay chẳng? Có chứ! Lũ phàm phu chúng ta chẳng biết, phàm phu vĩnh viễn chẳng trông thấy, chẳng thấy hư không sanh diệt. Hiện thời nói tới sự sanh diệt của thời gian và không gian, phàm phu chẳng thấy. Giáo pháp Đại Thừa nói ai có thể thấy? Đức Phật nói là Bát Địa Bồ Tát. Địa vị này cao lắm, Bát Địa Bồ Tát trông thấy. Nói cách khác, trong sáu pháp vô vi, Bát Địa Bồ Tát mới thật sự biết vô vi chân thật chỉ có một, tức là Chân Như vô vi, những thứ khác chẳng phải là vô vi thật sự.

Hiện tượng sanh diệt của hư không hiện thời có tồn tại hay không? Tồn tại! Chỉ vì tâm của chúng ta quá thô, chẳng có cách nào cảm nhận. Hư không là một loại tương tượng tục sanh diệt. Các nhà khoa học hiện thời, chúng ta cũng chẳng thể không bội phục họ, họ đã phát hiện. Chuyện gần đây nhất, họ đã phát hiện không gian và thời gian chẳng thật, họ nói dưới một điều kiện nào đó, chúng sẽ chẳng có. Không gian cũng chẳng có. Hễ không gian chẳng có, xa gần sẽ chẳng có. Thời gian chẳng có, trước sau sẽ chẳng có. Họ đưa ra một tin tức như thế, nhưng dùng phương pháp gì? Họ chẳng có biện pháp nào. Đối với cách nói này, chúng ta nghe rồi trong tâm hiểu rõ: Trong Thiền Định rất sâu, sẽ có thể đột phá các chiều thời gian và không gian. Sau khi đã đột phá, quý vị có thể thấy nó sanh diệt, thấy nó tiếp nối. Vì sự tiếp nối của nó chẳng có biến hóa, cho nên nó chẳng được xếp vào pháp hữu vi. Pháp hữu vi là sanh diệt liên tục thì mới có biến hóa, niệm trước và niệm sau khác nhau, sự sanh diệt ấy rất dễ lãnh hội. Còn như hư không sanh diệt vì nó chẳng có biến hóa, chúng ta chẳng thể cảm nhận, ngỡ nó là thật, là vĩnh hằng.

Kinh Phật nói “*sanh diệt trong từng sát-na*”, đó là hình dung. Trên thực tế, sát-na là một phần sáu mươi của một cái khảy ngón tay.

³⁰ Sáu pháp vô vi là hư không vô vi, trạch diệt vô vi, phi trạch diệt vô vi, bất động diệt vô vi, thọ tướng diệt vô vi và Chân Như vô vi.

Thông thường khảy ngón tay, chúng ta khảy rất mau, đại khái là một giây có thể khảy bốn lần. Kinh Nhân Vương bảo một cái khảy ngón tay là sáu mươi sát-na, một sát-na là chín trăm lần sanh diệt. Chúng ta dùng bốn lần khảy ngón tay để tính toán, bốn nhân sáu mươi lại nhân với chín trăm, trong một giây sanh diệt bao nhiêu lần? Vừa đúng hai lần mười vạn tám ngàn lượt, cũng là hai mươi một vạn sáu ngàn (216.000) lần. Trong một giây là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Tướng sanh diệt của nó chẳng biến hóa, làm sao quý vị biết nó là giả cho được? Trong [khi giảng giải] kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi đã bàn vấn đề này vài lần. Trong kinh nghiệm học tập của tôi, tôi cảm thấy trong kinh Nhân Vương, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Vì sao? Vì nói chân thật thì khoa học hiện thời đã phát hiện vận tốc ánh sáng hoặc vận tốc của sóng điện từ đã vượt xa cách nói của Thích Ca Mâu Ni Phật. Do vậy, ta biết đức Thế Tôn đã nói phương tiện. Nếu nói chân thật, sẽ là một phần ức vạn của một giây, lấy đâu ra hai mươi một vạn sáu ngàn lần. Đúng là chẳng có cách nào nhìn ra!

Quý vị liễu giải chân tướng sự thật này, mới biết “*vô tướng pháp*” là gì? Chính là như kinh Kim Cang đã nói “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, [hoặc như] kinh Đại Bát Nhã nói là “*hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”, kể cả thân thể hiện tiền của chúng ta. Đây là gì? Đây mới là Thật Tướng của các pháp. Nếu quý vị thật sự triệt để hiểu rõ điều này, còn có gì mà quý vị không buông xuống được? Sở dĩ người ta không buông xuống được là do chẳng liễu giải chân tướng sự thật. Liễu giải chân tướng sự thật, hết thấy đều buông xuống. Buông xuống gì vậy? Buông xuống chướng ngại, buông xuống phiền não, buông xuống tập khí của quý vị, vậy thì chúc mừng quý vị, “*thành tựu Phật thân*”, thật vậy ư? Thật đấy! Vì quý vị vốn sẵn thành Phật. Trong các kinh Hoa Nghiêm và Viên Giác, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật*”. Quý vị chẳng thể thành Phật là vì không buông xuống được! Người niệm Phật vãng sanh, nếu chẳng đem tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế giới này, thường nói là “*thân, tâm, thế giới*” hết thấy đều buông xuống, quý vị sẽ chẳng thể vãng sanh. Sau khi đã có thể buông xuống những thứ ấy, quý vị sẽ tùy ý vãng sanh bất cứ lúc nào, quý vị thích đi lúc nào, bèn đi lúc đó, chẳng có mảy may chướng ngại gì! Thấy đều buông xuống, sẽ là “*một niệm tương ứng một niệm Phật*”, tương ứng với gì vậy? Tương ứng pháp vô tướng.

Đối với chuyện học Phật, năm xưa, khi tôi mới tiếp xúc [Phật pháp], thầy tôi là Chương Gia đại sư hết sức yêu thương, che chở tôi. Tôi có rất nhiều nghi vấn, hướng về lão nhân gia thỉnh giáo, Ngài đều rất từ bi, rất kiên nhẫn giải thích cho tôi. Ngài dạy chúng tôi buông

xuống. Khi chúng tôi tiếp nhận, chỉ hiểu mơ hồ ý nghĩa bao hàm [trong lời dạy ấy], “phải buông xuống”, chẳng biết sự sâu rộng vô tận trong việc buông xuống. Cho đến nay, học Phật đã năm mươi lăm năm, càng học càng cảm thấy sâu, sâu thì sâu không đáy, rộng thì rộng chẳng có ngần mé. Buông xuống quả địa cầu này, buông xuống cái thân này của ta, tam thiên thế giới có buông xuống hay không? Lục đạo mười pháp giới có buông xuống hay không? Đến cuối cùng, vô lượng vô biên hàng sa côi Phật quý vị có buông xuống hay không? Thầy đều phải buông xuống. Tới cuối cùng, ngay cả thời gian và không gian cũng đều phải buông xuống. Vì thế, đập nát hư không, hư không chẳng thật!

Do vậy, tôi nói, từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, tu gì vậy? Chính là buông xuống mà thôi. Buông xuống, buông xuống, lại buông xuống, buông xuống thêm nữa! Bồ Tát tu học sáu điều kiện, điều đầu tiên là Bồ Thí. Bồ Thí chẳng phải là buông xuống ư? Triệt để buông xuống. Cái buông xuống cuối cùng là vô minh, buông xuống sạch sành sanh tập khí vô minh, sẽ là Phật Thân viên mãn rốt ráo. Cái thân ấy có tướng hay không? Chẳng có tướng! Cái thân ấy là toàn thể vũ trụ. Trong Phật pháp chẳng gọi là vũ trụ, mà gọi là pháp giới, toàn thể trọn khắp pháp giới hư không giới. Đức Phật dạy chúng ta trở về điểm này, đây mới là viên mãn rốt ráo.

Quý vị thấy từ kinh Hoa Nghiêm chúng ta học tập Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín, nay chúng ta đang học về Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín. Phẩm kinh này là phương pháp tu hành của Thập Tín Bồ Tát, hoặc nói là “khoa mục tu hành” của các Ngài, phá vô minh, chứng Pháp Thân, đây là nói đến cuối cùng, nhưng chẳng đoạn tập khí vô minh. Thật sự đoạn tập khí vô minh, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần xác thực sẽ chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước? Khởi đầu từ Sơ Trụ, Thập Tín Bồ Tát chỉ cần buông xuống vô minh, tức là buông xuống khởi tâm động niệm, Ngài liền thoát ly mười pháp giới. Từ đây trở đi là Nhất Chân pháp giới, thông thường là trong thế giới Hoa Tạng, còn người niệm Phật ở trong thế giới Cực Lạc. Cực Lạc và Hoa Tạng là một, không hai, tổ sư đại đức đã nói rõ ràng cùng chúng ta: “*Cực Lạc chính là Hoa Tạng, Hoa Tạng chính là Cực Lạc*”, tuy là hai mà chẳng phải là hai!

Sau khi quý vị đã vượt thoát mười pháp giới, vào trong pháp giới bình đẳng, Nhất Chân là pháp giới bình đẳng. Trong bình đẳng còn có bốn mươi một tầng cấp, đây chẳng phải là bất bình đẳng ư? Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới bình đẳng, trong ấy còn có ba bậc chín phẩm, đây chẳng phải là bất bình đẳng ư? Phải biết điều này, chỉ có Hoa Nghiêm mới có thể giải quyết vấn đề này. Đó gọi là “*Hàng Bồ chẳng trở ngại Viên Dung, Viên Dung chẳng trở ngại Hàng Bồ. Hàng Bồ và Viên Dung là một, không hai*”. Chúng ta nghe những lời

này [cảm thấy] khó hiểu. Hàng Bồ (行布) là thứ tự, có bốn mươi hai địa vị. Viên Dung (圓融) là chẳng có thứ tự. Nói theo hiện tượng thì thật sự chẳng có thứ tự; nhưng nói theo tập khí, thật sự có dày hay mỏng khác biệt. Trong phần trước, chúng tôi đã nói chuyện này rất nhiều, đây là cương lĩnh hết sức quan trọng, ắt cần phải nắm vững!

Đoạn tập khí chỉ đành dựa vào thời gian, dựa vào sự tự nhiên đoạn trừ của nó, quý vị chẳng có phương cách nào để sử dụng. Chư Phật Như Lai cũng chẳng có cách nào! Nhất định phải dựa vào thời gian. Thời gian dài bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Quý vị chẳng thể rút ngắn nó, mà cũng chẳng có cách nào kéo dài nó. Phải tốn thời gian dài như vậy, cho đến khi ấy, [tập khí] sẽ tự nhiên chẳng có. Nhưng nó chẳng trở ngại quý vị giáo hóa hết thấy chúng sanh, [chẳng trở ngại] hiện thân thuyết pháp trong mười pháp giới, chẳng ngăn ngại tí nào! Như trong phẩm Phổ Môn đã nói, đáng nên dùng thân gì để đắc độ, quý vị bèn hiện thân ấy, chẳng trở ngại tí nào, rốt ráo viên mãn Phật quả. Đẳng Giác Bồ Tát đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài bèn hiện thân Phật. Sơ Trụ Bồ Tát và các Ngài cũng chẳng khác gì, đáng nên dùng thân Phật để đắc độ, Ngài bèn hiện thân đồng dạng; đây là bình đẳng. Sơ Trụ Bồ Tát còn tập khí vô minh rất nặng. Đẳng Giác Bồ Tát có đôi chút, gần như không có. Phật quả rốt ráo hoàn toàn chẳng có. Nó (tập khí vô minh) chẳng chướng ngại sự, chẳng như Kiến Tư phiền não và Trần Sa phiền não chướng ngại sự, chúng nó (Kiến Tư và Trần Sa) có thể phát tác, có thể dấy lên tác dụng. Tập khí vô minh phiền não chẳng trở ngại Sự. Chúng ta chớ nên không hiểu minh bạch, chẳng hiểu rõ ràng chuyện này!

Tu hành, nói thật ra, pháp tu của Bồ Tát thuộc địa vị sâu cũng là pháp tu của Thập Tín. Những hạnh tu tập của Thập Tín Bồ Tát từ Sơ Tín đến Đệ Thập Tín xuyên suốt năm mươi một địa vị, hoàn toàn quán thông năm mươi một địa vị. Tôi nghĩ điều này chẳng khó hiểu đối với chúng ta. Ví như hiện thời chúng ta học Đệ Tử Quy, trong Đệ Tử Quy có tất cả một trăm mười ba điều, cũng có nghĩa là một trăm mười ba pháp. Kẻ mới học bèn học pháp này, mãi cho đến khi kẻ ấy già chết, vẫn chẳng thể trái nghịch, vẫn chẳng thể tách lìa. Gia giáo đấy nhé! Thứ này vốn là gia giáo, do cha mẹ dạy. Mai sau, kẻ ấy vào Tiểu Học, học Trung Học, lên Đại Học, học nghiên cứu sinh, bước chân vào xã hội, bất luận theo đuổi nghề nghiệp gì, bất luận đạt tới địa vị như thế nào, đạt tới địa vị người lãnh đạo nước nhà, hiện thời nói là Tổng Thống, Chủ tịch, nói theo trước kia là đế vương, vẫn phải tuân thủ! Chẳng thể nói đó là thứ để dạy cho trẻ nhỏ, con nít, nay chúng ta chẳng cần học, há có đạo lý ấy! Dạy trẻ nhỏ phải hiếu thuận cha mẹ, tôn kính sư trưởng, đến khi quý vị làm Tổng Thống, làm đế vương, quý vị có thể bất hiếu cha mẹ, bất kính sư trưởng ư? Há có đạo lý ấy! Từ thí dụ này,

quý vị có thể biết, những gì Thập Tín Bồ Tát đã học, toàn bộ năm mươi một địa vị Bồ Tát từ đầu đến đuôi đều chẳng lìa pháp này. Sau đây quý vị mới suy ngẫm tầm trọng yếu của môn này!

Đối với pháp cơ sở, chúng ta phải đặc biệt coi trọng. Pháp cơ bản để tất cả hết thầy Bồ Tát, chư Phật Như Lai tu hành là Thập Thiện Nghiệp. Hết thầy các pháp đều là Thập Thiện triển khai, quy nạp lại thì là Thập Thiện. Lại quy nạp Thập Thiện thì thân, khẩu, ý, tức thân ba điều, ngữ bốn điều, ý ba điều. Thân ngữ ý đây là pháp cơ bản. Đức Phật căn dặn chúng ta, phải trước là học Tiểu Thừa, sau đây học Đại Thừa. Nay chúng ta không dùng Tiểu Thừa, mà dùng Đệ Tử Quy. Chúng ta dùng Cảm Ứng Thiên, dùng Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, dùng Liễu Phàm Tứ Huân. Trước kia, thầy Lý dạy chúng tôi, thầy dùng Ngũ Chủng Di Quy càng chi tiết hơn. Đây là pháp cơ bản. Tại Trung Hoa, pháp cơ bản của ba nhà Nho, Thích, Đạo, cơ bản của Phật pháp là Thập Thiện Nghiệp. Gần như là trong pháp cơ bản, toàn bộ đều thông với nhau, cơ sở đều giống hệt. Pháp cơ bản trong Phật pháp, tức hành pháp, sau khi đã triển khai, sẽ là giới luật. Ất cần phải tuân thủ giới luật và oai nghi, trải các đời, tổ sư đều dạy chúng ta như vậy. Tướng hảo của Phật, Bồ Tát, nói chung, chẳng lìa khỏi trì giới. Theo đạo lý thì chúng ta có thể lãnh hội được: *“Tâm thiện, tướng sẽ thiện. Tâm thanh tịnh, thân thể sẽ thanh tịnh”*. Thân tâm thanh tịnh lẽ nào chẳng mạnh khỏe? Làm sao ngã bệnh cho nổi! Chúng ta hiểu rõ đạo lý này!

Nay chúng ta học tập, giới luật có quan trọng hay không? Quy củ có quan trọng hay không? Đã thông đạt thì tự nhiên sẽ tuân thủ, khác hẳn. Chẳng thông đạt, chúng ta phải cưỡng bách chính mình tuân thủ. Sau khi đã dưỡng thành thói quen thì sẽ thông đạt. Do đó, bậc thượng thượng căn tự nhiên tuân thủ, thích tuân thủ. Vì sao? Tánh Đức đây mà! Sau khi quý vị đã khai ngộ, tư tưởng và hành vi của quý vị sẽ tự nhiên là như vậy, chẳng thể trái nghịch, dầu chẳng học cũng chẳng thể trái nghịch, tự nhiên sẽ tương ứng. Khi chưa khai ngộ, vì có tập khí phiền não che lấp Tánh Đức của quý vị, Tánh Đức chẳng thể hiện tiền. Do đó, phải miễn cưỡng, tức là phải khắc phục tập khí của chính mình, phải làm cho Tánh Đức lộ ra. Làm thành thói quen, thói quen trở thành tự nhiên, tập khí phiền não sẽ dần dần phai nhạt. Sau khi đã trừ bỏ chướng ngại, Tánh Đức bèn hiển hiện, thấu lộ. Từ miễn cưỡng đến tự nhiên, từ khắc chế đến sanh lòng hoan hỷ; đây là công phu, là nâng cao linh tánh. Giảng nói Hoa Nghiêm rất tường tận thì phải tốn thời gian rất dài, đối với sự tu học của chúng ta, bất luận là Giải hay Hạnh, xác thực đều hữu ích rất lớn.

Có đồng học rất quan tâm, nghe nói tôi lúc về già muốn dạy mấy học trò. Học trò đông, sức tôi không thể chăm lo nổi. Vì thế, tôi suy nghĩ rất nhiều năm, [học trò] chẳng thể hơn mười người! Dạy gì? Các

đồng học phải nên biết. Thuở ấy, Không phu tử dạy học gồm bốn khoa, khoa thứ nhất là đức hạnh, khoa thứ hai là ngôn ngữ, khoa thứ ba là chánh sự, khoa thứ tư là văn học; đây là pháp thế gian. Nhưng Phật pháp dùng pháp thế gian làm cơ sở, chúng ta chẳng thể không tu hai điều trước trong pháp thế gian. Hai điều trước là Tiểu Thừa, tức đức hạnh và ngôn ngữ. Người thuở trước từ lúc lọt lòng đã học, cha mẹ, người bề trên dạy dỗ, ai nấy đều có trách nhiệm dạy bảo. Dạy bằng cách nào? Nêu gương cho trẻ thấy. Tuy đứa trẻ chưa thể nói năng, cũng chưa thể đi lại, là một đứa bé con, nhưng nó có thể nhìn, có thể nghe. Nhà Phật nói những gì nó thấy hay nghe đều in dấu trong A Lại Da Thức. Đó gọi là “*thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (hình thành từ nhỏ sẽ giống như bẩm sinh, do thói quen mà thành tự nhiên). Do vậy, trẻ hai, ba tuổi đã rất hiểu chuyện, có năng lực phân biệt là đúng hay sai, nó có năng lực phân biệt. Nói cách khác, ngôn hạnh và cử chỉ của cha mẹ đều phải là những giáo huấn chánh xác cho trẻ nhỏ. Nó đã có tiêu chuẩn, trong tương lai nhìn thấy những gì trái nghịch tiêu chuẩn ấy, nó bèn biết đó là sai lầm!

Chúng ta học Phật, nếu tôi phải dạy mười đồng học học Phật, tôi sẽ dạy họ những gì? Cận đại, có thể nói là cận đại, còn chưa đầy một trăm năm, Hoàng Nhất đại sư lão nhân gia đã đề ra một phương pháp, tôi nghĩ rất hữu lý. Lão nhân gia lúc tại thế, đối với những người đã hưởng một nền giáo dục cao cấp, do bản thân và đức hạnh tu dưỡng của Hoàng Nhất đại sư, Ngài được đại chúng trong xã hội ngưỡng mộ, tôn kính. Về sau, Ngài xuất gia, có rất nhiều phân tử tri thức học thức rất cao thân cận Ngài. Ngài dạy họ học kinh Hoa Nghiêm. Học kinh Hoa Nghiêm từ chỗ nào? Học từ Hoa Nghiêm Sớ Sao, có lý lắm! Vì thế, nếu quý vị hỏi tôi, trong tương lai tôi phải hướng dẫn mười học trò học Phật pháp, sẽ học gì? Học Hoa Nghiêm, một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông. Nếu nói đến Tịnh Độ Tông thì Hoa Nghiêm là Đại Bản của kinh Vô Lượng Thọ. Học Hoa Nghiêm, quý vị giảng kinh Vô Lượng Thọ giống như ăn kem, thoải mái, thích thú. Vì thế, chúng ta là những người học tập Tịnh Độ Tông là đã học các kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, [bởi lẽ] ba thứ ấy là cùng một bộ kinh, nội dung, nghĩa lý, và cảnh giới chẳng có mấy may sai biệt, nói theo phân lượng thì có lớn, có nhỏ. Cũng có thể nói, một đảng là nói về cương lĩnh. Kinh Di Đà là tổng cương lĩnh. Kinh Vô Lượng Thọ là cương yếu, kinh Hoa Nghiêm là chi tiết, một mà ba, tuy ba mà một.

Nhưng cơ sở của đức hạnh và ngôn ngữ là giới luật, giới căn bản của giới luật là Sa Di Luật Nghi. Bất luận tại gia hay xuất gia, nếu quý vị học Hoa Nghiêm, đều phải học Sa Di Luật Nghi. Nếu muốn học Sa Di Luật Nghi tốt đẹp thì Đệ Tử Quy là cơ sở, còn Cảm Ứng Thiên và Âm Chất Văn giúp quý vị tiêu nghiệp chướng. Từ vô thi kiếp cho đến

đời này, tập khí nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, dùng những điều mục này để sám hối. Tôi cũng đã từng giới thiệu các điều mục ấy. Thời Minh - Thanh, những người thật sự dụng công học tập trong hàng xuất gia lẫn tại gia đều dùng cương mục ấy làm Công Quá Cách, nghiêm túc phản tỉnh, kiểm điểm, sửa lỗi đổi mới, rất có hiệu quả. Đó là thật sự trì giới, chuyện này chẳng thể giả dối được! Đã có cơ sở ấy, nếu học tập Thập Thiện Nghiệp Đạo, học tập Sa Di Luật Nghi, sẽ thực hiện dễ dàng, xác thực là quý vị có thể thực hiện. Có thể thực hiện ở chỗ này, sẽ là một vị Bồ Tát thật sự trong hiện đại, chẳng phải là Tiểu Thừa, mà là một vị Bồ Tát thật sự phát tâm Đại Thừa, nói theo pháp thế gian thì quý vị là thánh hiền thật sự. Chúng ta chẳng sống ủng đời này, đã sống đời này có nhiều ý nghĩa, sống cuộc đời muôn màu muôn vẻ, phong phú đường ấy. Sau khi chính mình đã học thành công, sẽ giúp đỡ người khác.

Do đó, nếu tôi có mười đạo hữu chí đồng đạo hợp như thế, mười năm sau học thành công, chúng tôi sẽ mở lớp dạy học. Hiện thời, muốn mở Phật Học Viện không khó, nhưng không có thầy. Thầy như thế nào mới có thể dạy học trò thành tài được? Vị thầy Bồ Tát. Tôi tìm mười người, thật sự là Bồ Tát, đạt tiêu chuẩn cơ sở, tức là buông xuống ích kỷ, buông xuống tiếng tăm, lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục lục trần, buông xuống tham, sân, si, mạn. Đây là tiêu chuẩn mà tôi đã nói nhiều năm qua. Quý vị học Bồ Tát, chứng quả Bồ Tát, giáo hóa chúng sanh. Nếu chẳng do phương pháp này thì Phật giáo suy vi, quý vị chẳng có cách nào cứu được! Nếu quý vị muốn cứu, trừ phương pháp này ra, mọi người hãy nghĩ xem, còn có phương pháp nào tốt đẹp hơn hay không? Buông xuống muôn duyên, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đó là chuyện của cá nhân quý vị, chẳng thể hưng khởi giáo pháp. Muốn giữ cho chánh pháp của Phật giáo tồn tại dài lâu [trên thế gian], mà quý vị vãng sanh thì vô dụng [đối với chuyện hưng khởi giáo pháp], đó là thành tựu của cá nhân quý vị, thừa nguyện tái lai thì vẫn phải hưng khởi giáo pháp.

Đối với chuyện hưng khởi giáo pháp, nhất định phải hiểu, thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật sáng lập Phật giáo tại Lộc dã Uyển, một thầy và năm trò. Chư vị biết năm vị tỷ-kheo khởi sự từ chỗ ấy. Nay chúng ta lại phục hưng Phật giáo, chẳng thể vượt quá mười người, vì sao? Vượt quá mười người, chiếu cố không xuê, chuyện này trước kia thầy Lý đã bảo tôi nhiều lần, tôi có sự cảm nhận rất sâu. Mười người xác thực là chiếu cố không xuê, lúc năm, sáu chục tuổi thì còn có thể, từ tám mươi trở đi, chiếu cố mười người, chẳng dám tưởng tượng! Những người trạc tuổi tôi, có thể chiếu cố hai, ba người là khá lắm rồi, vì sao tôi còn phải nói chiếu cố mười người? Khéo sao hiện thời kinh Hoa Nghiêm đã giảng hơn ba ngàn giờ, lưu lại những đĩa DVD, băng

thâu hình, các đồng học có thể mỗi người tự mình đối trước màn hình mà học tập. Có thắc mắc thì hằng ngày nghiên cứu và thảo luận hai tiếng đồng hồ, đỡ mất công! Nếu chẳng có nhiều thứ như vậy, tôi chẳng dám giảng kinh Hoa Nghiêm! Đây là sự thuận tiện do khoa học kỹ thuật cao cấp mang lại. Mỗi ngày cùng mười người nghiên cứu, thảo luận hai tiếng đồng hồ, thể lực và tinh lực của tôi còn kham nổi. Đã thông đạt Hoa Nghiêm, hết thấy các kinh sẽ đều thông đạt. Sau đây, hy vọng các đồng học ai nấy đều chuyên đồ công đốc sức nơi một bộ kinh, chớ nên quá nhiều! Điều này cũng do tổ sư đại đức dạy chúng ta.

Phật pháp quý tinh, chẳng quý nhiều, phải tinh thông, vì sao? Một bộ kinh đã thông, “*thông*” là có thể thông hết thấy các kinh. [Học tập] hết thấy các kinh sẽ chẳng có cách nào tinh thông một bộ kinh, [nhưng học tập chuyên ròng] một bộ kinh sẽ có thể thông hết thấy các kinh, huống hồ là [chuyên ròng đồ công đốc sức nơi] Hoa Nghiêm! Trong hai ngàn năm qua, đối với kinh Hoa Nghiêm, chẳng phân biệt tông phái, tổ sư đại đức mỗi tông phái đều khẳng định Hoa Nghiêm là kinh điển căn bản của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thuở đầu, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật Học Khái Luận cho tôi, cụ nói kinh Hoa Nghiêm là Phật Học Khái Luận. Toàn bộ Phật pháp và cương lĩnh của Thích Ca Mâu Ni Phật đều ở trong bộ kinh này, cũng có nghĩa là mọi thứ của mười tông phái Đại Tiểu Thừa đều ở trong ấy. Vì thế, cụ cũng hết sức ưa thích bộ kinh này, lúc già, cụ dạy chương trình Tiến Sĩ tại đại học Phụ Nhân, liền mở lớp Triết Học Hoa Nghiêm. Thông đạt hết thấy các kinh nhà Phật, lại thừa cùng chư vị, không chỉ là thông hiểu nhà Phật, mà còn thông suốt tất cả các tôn giáo trong thế gian. Giáo tướng có sai biệt, nhưng nguyên lý và nguyên tắc cao nhất chẳng sai biệt. Thật sự đồ công đốc sức ở nơi đây, lợi ích sẽ vô biên.

Pháp vô tướng, trong tôn giáo sẽ là cảm thông trực tiếp chân thân. Mỗi tôn giáo đều thừa nhận trong vũ trụ có một vị chân thân, là tạo vật chủ (Tạo Hóa). Chân thân chẳng có hình tướng, vô tướng. Những vị ấy là Chân Thân, Phật pháp chẳng dùng danh từ Chân Thân, trong Phật pháp dùng Pháp Tánh, chẳng có tướng; nhưng nó có thể hiện tướng, tướng đã hiện được gọi là Pháp Tướng. Tướng tức vô tướng, vô tướng tức tướng. Trong các tôn giáo khác, vẫn chẳng nghe nói theo kiểu ấy, nhưng trong giáo pháp Đại Thừa thì nói [theo kiểu ấy] rất nhiều. Tựa đề kinh Hoa Nghiêm có chữ Đại Phương Quảng, Đại là Pháp Tánh, Phương Quảng là Pháp Tướng. Pháp Tánh là Thể, Phương là Tướng, Quảng là Dụng. Thể, Tướng, Dụng, tuy một mà ba, tuy ba mà một. Thể là Không, Tướng là Hữu, Dụng là Trung. Tông Thiên Thai nói Tam Đế, Tam Quán, tức Không, Hữu, Trung. Tuy có cách nói ấy, nhưng là nói phương tiện, quý vị chớ nên chấp trước, mà cũng chớ nên phân biệt. Nếu rơi vào phân biệt, rơi vào chấp trước, sẽ biến thành pháp thế gian,

chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp có thuyết, có hành, nhưng chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đó gọi là “*liạ hết thấy tướng, tức hết thấy pháp*”. Đây là Phật pháp. Phải nắm được đại nguyên lý, nguyên tắc và tổng cương lĩnh này, chúng ta học tập mới có thể đạt tiến bộ. À! Bây giờ đã hết thời gian rồi, chúng ta học bài kệ này tới đây!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem đoạn kệ tụng cuối cùng, tức đoạn thứ mười, “*ngủ寐 an tức thời nguyện*” (寤寐安息時願, nguyện khi ngủ nghỉ, nghỉ ngơi). Đoạn này tổng cộng chỉ có ba nguyện, nói về lúc đi ngủ. Đúng là từ sáng đến tối, phương diện nào cũng đều xét tới. Chúng ta xem bài kệ thứ nhất.

(Kinh) *Nhược tẩy túc thời, đương nguyện chúng sanh, cụ thân túc lực, sở hành vô ngại.*

(經) 若洗足時。當願眾生。具神足力。所行無礙。

(Kinh: *Như lúc rửa chân, nguyện cho chúng sanh, đủ sức thân túc, việc làm vô ngại.*)

Trước khi ngủ, nhất định phải rửa chân. Chúng ta biết người Ấn Độ không mang giày, sau khi ra ngoài trở về, phải rửa chân, trước khi vào phòng đều phải rửa chân, rửa sạch rồi mới có thể bước vào. Tôi chưa đến Ấn Độ, nhưng tôi ở Mã Lai, ở Tân Gia Ba có đến miếu thờ của Ấn Độ. Đến thăm đền Ấn Độ, cũng đều phải cởi giày. Vì hiện thời cởi giày, chân quý vị sạch sẽ, cho nên chẳng cần phải rửa chân. Nhưng người Ấn Độ vẫn là rửa ráy sạch sẽ bên cạnh [đền thờ] rồi mới bước vào. Đối với bọn khách như chúng ta, họ không yêu cầu rửa chân, cởi giày là đã hợp lễ tiết rồi. Do vậy, cũng là rất đúng pháp.

“*Tẩy túc thời*” (Khi rửa chân) dẫn phát đại nguyện, “*cụ thân túc lực, sở hành vô ngại*” (đủ sức thân túc, việc làm vô ngại). “*Thần túc*” là một trong sáu loại thần thông. Trong giáo pháp Tiểu Thừa thường nói, Sơ Quả Tu Đà Hoàn đắc hai thứ thần thông là Thiên Nhãn và Thiên Nhĩ, có hai loại ấy. Trong kinh giáo thông thường, đức Phật dạy chúng ta: Thần thông là năng lực sẵn có, hết thấy chúng sanh ai nấy đều trọn đủ. Vì sao quý vị bị mất đi? Vẫn là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tập khí phiền não nặng hơn, năng lực ấy hoàn toàn bị mất đi, khôi phục bằng cách nào? Quý vị có thể buông xuống tập khí phiền não, năng lực ấy sẽ tự nhiên khôi phục.

Chúng ta biết, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều tu Định, Định là tâm thanh tịnh. Then chốt tu hành trong nhà Phật ở ngay tại Thiên Định. Trong các buổi giảng, chúng tôi cũng đã nhiều lần thừa trình cùng mọi người, tuyệt đối chẳng phải là nói người tu Thiên mới

chú trọng Thiên Định, [nếu hiểu như vậy], quý vị đã làm mất rồi! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn trong nhà Phật, “*pháp*” (法) là phương pháp (方法), “*môn*” là môn kính (門徑, đường ngõ). Môn kính tuy bất đồng, thấy đều là tu Thiên Định, chư vị nhất định phải biết điều này. Nếu hành giả chẳng tu Thiên Định, sẽ chẳng phải là Phật pháp. Phương pháp tu Thiên Định rất nhiều, chúng ta niệm A Di Đà Phật là tu Thiên Định, chúng ta dùng phương pháp này để tu Định.

Nhất định phải hiểu ý nghĩa của Định, “*ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*”, tức là như kinh Kim Cang đã nói: “*Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động*”, đó là Thiên Định. “*Chẳng chấp lấy tướng*” là Thiên, “*như như bất động*” là Định. Trong Đàn Kinh, nói theo ngôn ngữ thông thường, càng dễ hiểu hơn: “*Ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*”. Chúng ta dùng phương pháp gì? Dùng một câu Phật hiệu, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần mới có phân biệt. “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, một câu A Di Đà xóa sạch ý niệm phân biệt. Vĩnh viễn gìn giữ [ý niệm] A Di Đà Phật, quý vị sẽ là “*ngoài chẳng chấp tướng, trong chẳng động tâm*”, tức là vọng tướng, phân biệt, chấp trước của quý vị thấy đều bị giã xuống. Tuy chẳng đoạn, một câu Phật hiệu đặc lực, hữu dụng, có thể không chế nó, đây là đúng. Không chế được thì gọi là chế phục phiền não, chẳng phải là đoạn, mà là chế phục phiền não. Chế phục đến một mức độ kha khá, quý vị chẳng cần chế phục, phiền não vẫn chẳng dậy lên hiện hành; đó gọi là công phu đặc lực. Công phu đặc lực, năng lực bền khôi phục, Thiên Nhân và Thiên Nhĩ đều khôi phục.

Do đó, tuy là quả Tu Đà Hoàn, năng lực Thiên Nhân và Thiên Nhĩ của mỗi cá nhân lớn nhỏ khác nhau. Vì sao? Công phu định lực sâu hay cạn khác nhau, cũng là do mức độ thanh tịnh của cái tâm khác nhau. Tâm thanh tịnh ở mức độ cạn thì năng lực của thần thông tương đối nhỏ. Tâm thanh tịnh có công phu sâu, năng lực của người ấy sẽ khá mạnh. Đây là kiến thức thông thường, chúng ta đều dễ dàng lý giải. Mỗi vị Tu Đà Hoàn đều đắc Thiên Nhân, Thiên Nhĩ, nhưng mỗi người mỗi khác. Khi các Ngài khởi tác dụng, vẫn phải nhập Định; chẳng nhập Định thì vẫn chẳng thể khởi tác dụng. Các vị xem kinh Địa Tạng, cô Quang Mục muốn biết mẹ cô ta (mẹ đã qua đời) ở trong đường nào, [muốn biết] trạng huống hiện thời. Cô ta cúng dường một vị La Hán, La Hán nhập Định để quan sát. Khi xuất Định mới bảo cô ta: “Mẹ cô hiện thời rất khổ sở”, Ngài bèn hỏi cô ta: “Khi còn sống, mẹ cô đã tạo nghiệp gì? Vì sao chịu khổ báo ấy?” A La Hán vẫn phải nhập Định. Bồ Tát có định lực sâu xa, chẳng cần nhập Định, chẳng cần làm như vậy. Vì sao? Ngài vốn ở ngay trong Định, thấy sắc nghe tiếng mà vẫn ở trong Định. Điều này cao hơn Tu Đà Hoàn quá nhiều, định lực sâu mà!

Tứ Quả La Hán vẫn phải nhập Định, năng lực mới có thể hiện

tiền. Quý vị có thể suy ra Tam Quả, Nhị Quả và Sơ Quả đều phải nhập Định, năng lực mới có thể hiện tiền. Do vậy, Sơ Quả có hai loại thần thông là Thiên Nhân và Thiên Nhĩ. Nhị Quả, [tức là] đạt đến quả thứ hai, lại có hai thứ [thần thông] là Tha Tâm và Túc Mạng. Túc Mạng là biết quá khứ và vị lai của chính mình, đều biết, nhưng năng lực hoàn toàn chẳng lớn. Tứ Quả La Hán biết năm trăm đời quá khứ, năm trăm đời vị lai, chúng ta nghĩ là rất tuyệt diệu, có thể biết năm trăm đời. Chúng ta thấy ở ngoại quốc, họ dùng thôi miên, tôi thấy đã có một bản báo cáo, [theo đó], dưới sự thôi miên ở mức độ sâu, người được thôi miên có thể thấy tám mươi mấy đời trong quá khứ. Tám mươi mấy đời đã là hai, ba ngàn năm. Từng đời một, thấy tám mươi mấy đời trong quá khứ, chuyện này rất đặc thù, rất hiếm thấy. Người ấy nói về trạng huống của thời đại ấy, người ấy làm thân gì, ở chỗ nào, sống cuộc đời như thế nào, đều có thể nói ra. A La Hán thấy năm trăm đời, nếu nói theo địa cầu, chỉ sợ là nhân loại còn thuộc thời đại nguyên thủy, [A La Hán] đều có thể biết; cũng có thể biết năm trăm đời quá khứ và vị lai. A La Hán [là như thế đấy].

Tam Quả, Nhị Quả, và Sơ Quả thì sao? Sơ Quả không biết, chỉ có Thiên Nhân và Thiên Nhĩ. Nhị Quả thì biết, Nhị Quả có Túc Mạng Thông và Tha Tâm Thông. Tha Tâm Thông là người khác khởi tâm động niệm, Ngài đều biết. Tha Tâm Thông thì Nhị Quả Tư Đà Hàm có năng lực này. Đương nhiên, năng lực Thiên Nhân và Thiên Nhĩ của Ngài phải lớn hơn Sơ Quả. Đạt đến Tam Quả, lại tăng thêm một thứ là Thần Túc Thông, đúng là “*sở hành vô ngại*”. Người có Thần Túc Thông có thể biến hóa. Chúng ta xem tiểu thuyết, bảy mươi hai phép biến hóa của Tôn Ngộ Không thuộc loại Thần Túc vì có thể biến hóa. Nhưng nếu so sánh giữa Tôn Ngộ Không và Tam Quả A Na Hàm, [Tôn Ngộ Không] sẽ kém rất xa, khoảng cách to lớn. Tôn Ngộ Không chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa, thánh nhân Tam Quả không chỉ là bảy mươi hai, mà vượt trội quá nhiều! Các Ngài có thể phi hành, biến hóa. Ngài đến chỗ nào đó, chẳng cần công cụ giao thông. Tứ Quả A La Hán đặc loại cuối cùng là Lục Tận Thông. Lục Tận Thông là đoạn Kiến Tư phiền não, đã đoạn sạch, chúng chẳng còn dấy lên nữa, nhưng tập khí Kiến Tư phiền não vẫn chẳng đoạn. A La Hán là như vậy đấy. Sức thần túc của Bồ Tát đương nhiên vượt trội hơn A La Hán nhiều lắm, chúng ta biết điều này!

Người có Thần Túc Thông thật sự đắc tự tại, đắc giải thoát, đã được tự tại. Từ truyện ký, chúng ta thấy, đây là truyền thuyết. Đạt Ma tổ sư qua đời tại Trung Hoa, tức là thị hiện nhập Bát Niết Bàn. Học trò của Ngài đương nhiên là Huệ Khả đại sư, còn có tứ chúng đồng tu, lo liệu hậu sự cho Tổ. Dường như là nửa năm sau đó, trong nửa năm sau ấy, có một người cũng là đệ tử Phật môn, từ Tây Vực trở lại Trường An.

[Tây Vực] là Tân Cương hiện thời. Khi đó, toàn là đi bộ. Người đó đến Trường An bèn nói, năm đó, tháng đó, ông ta ghi nhớ rất rõ ràng, ngay cả ngày cũng nhớ kỹ, đã thấy Đạt Ma tổ sư tại Tây Vực. Ông ta nói rất lạ lùng, Ngài chỉ đi một chiếc giày cỏ, chân kia chẳng đi giày, chỉ có một chân mang giày cỏ. Sau khi tin tức này được truyền tới [Trường An, xét ra], ngày mà người ấy nói đúng là ngày Đạt Ma tổ sư nhập diệt tại Trung Hoa, làm sao có thể thấy Đạt Ma tổ sư tại Tây Vực cho được? Do vậy mọi người liền mở quan tài ra xem. Mở quan tài ra, chẳng có ai, chỉ còn sót lại một chiếc giày cỏ, chứng tỏ lời ông ta nói hoàn toàn chính xác. Đây là gì? Thần Túc Thông. Ngài nhập diệt là thị hiện, khi Ngài mất thì thân thể cũng đi luôn.

Do vậy có thể biết, vì sao thân thể có thể đi luôn? Thân thể là giả tướng. Nay chúng ta nói, vật chất là năng lượng biến hiện. Ngài đi bằng cách nào? Khoa học hiện thời có thể hiểu, chính là chuyển biến thân thể vật chất thành năng lượng. Ngài ra đi, quý vị cũng chẳng thấy Ngài. Khi tới nơi khác, Ngài có thể khôi phục năng lượng thành thân thể, biến hóa mà! Trong bút ký và tiểu thuyết của Trung Hoa có ghi chép rất nhiều chuyện này, ngay cả trong Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký cũng có. Có những nông phu ở làng quê, khi cày cấy ngoài đồng, thấy có một tia sáng chớp lờ, giống như tia chớp rơi xuống mặt đất, hết sức kinh ngạc. Đến đó nhìn, chỉ thấy một con thỏ trắng nhỏ, xem kỹ nó, bỗng dưng chẳng có nữa. Đây là gì? Toàn là do sức thần túc biến hiện. Người ấy có thể biến thành người, biến thành động vật, thậm chí còn có thể biến thành thực vật, biến thành một gốc cây, biến thành hoa, có thể tùy ý biến hóa.

Chúng ta bèn hiểu, như phẩm Phổ Môn đã nói, đáng nên hiện thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, ý nghĩa hiện thân hết sức rộng! Ba mươi hai ứng thân đều là nói hiện thân người; ngoài thân người ra, còn hiện thân súc sanh, hiện thân quý thần, hiện thân cây cối, hoa cỏ, hiện thân núi, sông, đại địa. Ngài hiện thân, mục đích đều là để dìu dắt người hữu duyên, khiến cho người ấy ở trong hoàn cảnh đó sẽ hoá nhiên khai ngộ, tạo linh cảm, ban sự khai thị, [khiến cho người ấy sẽ] hoá nhiên khai ngộ. Vì vậy, chư Phật, Bồ Tát không chỉ hiện thân hữu tình, mà còn hiện thân khí thế gian, không chỗ nào chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện thân. Biết căn tánh của chúng sanh, vì sao? Biết những gì quý vị đã tu đã học trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, phải nên dùng phương pháp gì để giúp đỡ quý vị tăng tấn, giúp quý vị khai ngộ, giúp quý vị chứng quả. Nói cách khác, nếu quý vị chẳng có căn cơ ấy, Ngài hiện thân vô dụng, chẳng thể nảy sanh tác dụng khơi gợi cho quý vị! Đây là nói về chúng sanh căn cơ chín muồi, quý vị có duyên với họ.

Quý vị hiểu đạo lý này, trước kia, thầy Lý thường dạy chúng tôi

rộng kết pháp duyên, trọng yếu lắm! Lợi ích của kết pháp duyên là gì? Nếu người ta đắc độ trước, sẽ đến giúp đỡ mình. Nếu mình đắc độ trước, mình có thể giúp đỡ người ta. Có duyên mà! Lại còn giúp đỡ chắc chắn không chỉ một lần. Quý vị thấy đó, giúp đỡ quý vị tăng tấn, giống như đi học, từ lớp Một lên lớp Hai, từ lớp Hai lên lớp Ba. không ngừng giúp đỡ quý vị tăng tấn. Đến lúc quý vị khai ngộ, [họ] sẽ ở bên cạnh, khi quý vị sắp ngộ mà chưa ngộ được, khi ấy [họ sẽ giúp cho quý vị] tăng tấn, quý vị sẽ đại triệt đại ngộ. Khi gần mập mé chúng quả, nhất định sẽ đến giúp đỡ quý vị. Thậm chí chúng ta nói niệm Phật vãng sanh, chắc chắn [chư Phật, Bồ Tát, thiện tri thức hữu duyên] sẽ đến giúp đỡ, không nhất định dùng thân gì. Do vậy mới biết tầm quan trọng của việc rộng kết pháp duyên. Ngàn muôn phần đừng nên kết ác duyên. Hễ kết ác duyên, cho đến lúc ấy, họ sẽ tới gây chướng ngại cho quý vị. Chẳng đến giúp đỡ quý vị, mà là đến gây chướng ngại. Vì thế, trong quá trình tu học, duyên gây chướng ngại cho chúng ta đặc biệt nhiều, do nguyên nhân nào? Chẳng kết duyên tốt với kẻ khác. Những duyên đã kết đều là duyên bất thiện, sai mất rồi!

Thầy dạy tôi, thường bảo chúng tôi, phải hóa giải ác duyên, chuyển ác thành thiện. Phải hóa giải oán gia, chuyển oán thành thân. Chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh. Đối với chính mình là như thế, mà đối với hết thảy chúng sanh cũng là như thế, chỉ cần người ấy chịu tiếp nhận, chẳng có gì không giúp đỡ, niệm nào cũng đều có lòng giúp đỡ người khác, thành tựu người khác, như vậy thì mới có thể rộng kết pháp duyên. Nếu cá nhân có yêu ghét, khó lắm, quý vị kết duyên rất nhỏ hẹp. Kẻ ưa thích, ta sẽ kết duyên với kẻ ấy, kẻ đáng ghét, ta sẽ chẳng kết duyên với họ. Vũ trụ to lớn, không chuyện kỳ lạ gì chẳng có! Đừng nên xem thường kẻ ta chán ghét, hiện thời kẻ ấy làm chuyện gì cũng đều chẳng đúng pháp, biết đâu ngày nào đó, người ấy khai ngộ trước chúng ta, họ thành Phật sớm hơn ta, điều này quá khó nói.

Chúng ta thấy tấm gương của vua A Xà Thế trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đó là một điều cảnh giác rất lớn. Người này đại nghịch bất đạo, tạo Ngũ Nghịch Thập Ác, đáng đọa địa ngục A Tỳ, trước khi sắp chết bèn sám hối, cầu vãng sanh, thật sự vãng sanh! Trong kinh, đức Thế Tôn đã bảo chúng ta, phàm vị của ông ta là thượng phẩm trung sanh, chúng ta làm sao có thể ngờ được! Vì Quán kinh nói rất rõ ràng, hạ hạ phẩm vãng sanh đều là kẻ tạo tác tội nghiệp. Chiếu theo tiêu chuẩn trong kinh ấy để nói, vua A Xà Thế nhất định là hạ hạ phẩm vãng sanh, làm sao có thể là thượng phẩm trung sanh? Súc sám hối chẳng thể nghĩ bàn! Tâm chí thành sám hối, vĩnh viễn chẳng tái phạm, ngay lập tức sẽ tăng tấn. [Chuyện này] cũng cảnh giác chúng ta, chớ nên khinh mạn kẻ tạo ác! Làm sao chúng ta biết người ấy trong

tương lai trước khi lâm chung gặp gỡ thiện tri thức, thấy đều khai phát những thiện căn do người ấy đã tích lũy tu tập trong đời quá khứ, ngay lập tức sẽ vượt thoát. Vua A Xà Thế thuở trẻ mê quyền uy, địa vị, chẳng thân cận thiện tri thức, mà thân cận ác tri thức. Đó gọi là “*gần son thì đỏ, gần mực thì đen*”, [nhà vua] mới tạo tác vô lượng tội nghiệp. Rốt cuộc do đời quá khứ có thiện căn, cho nên lâm chung biết chính mình sai trái, tâm chân thành sám hối; cảm được Phật, Bồ Tát giúp đỡ, chỉ dạy, nhắc nhở, cho nên [nhà vua] đầy đủ tín nguyện, nhất tâm niệm Phật, thành thử nhà vua có thể đáp đền như nguyện!

Không chỉ là chẳng dám khinh rẻ kẻ ác, mà súc sanh cũng chẳng dám khi dễ. Vài ngày trước, trong khi vấn đáp, chúng tôi đã gặp một câu hỏi, nhà người ấy có một con chuột vãng sanh. Người ấy hỏi: “Con chuột chẳng niệm Phật, vì sao vãng sanh?” Quý vị chẳng hiểu ngôn ngữ của chuột, quý vị nghe nó đang kêu, [thật ra] nó đang niệm Phật, quý vị nghe không hiểu. Trong chùa chiền có rất nhiều súc sanh, [chẳng hạn như] chuột, gián, thằn lằn, còn có rắn, thường là khi tụng niệm khóa sáng, khóa tối, chúng nó cũng đến. Chúng đi đến, ngoan ngoãn bất động tại đó, giống như ở đó mà xem, trên thực tế là đến tham gia.

Pháp sư Đế Nhân đã kể cho chúng ta biết gương vãng sanh của một con gà trống. Năm xưa, Ngài làm Phương Trượng chùa Đầu Đà ở Chiết Giang, là một ngôi chùa nhỏ. Trong chùa có nuôi một con gà trống. Khi đó là những năm đầu thời Dân Quốc, cuộc sống cũng rất khổ sở. Trong tự miếu chẳng có đồng hồ, sáng sớm mỗi ngày gà trống báo sáng, trời hừng sáng nó đã gáy, đánh thức mọi người tụng khóa sáng. Khóa sáng, khóa tối, gà trống đều tham gia, theo sau đại chúng niệm Phật. Sư kê có một hôm, sau khi khóa sáng đã xong, thông thường là con gà trống cũng bỏ đi. Hôm ấy, con gà trống không đi. Thầy Hương Đăng thu dọn sạch sẽ xong bèn đuổi nó đi: “Mọi người đi cả rồi, ngươi còn không đi?” Nó không đi, đứng ngay trước tượng Phật, đứng ở chỗ đó, kêu ba tiếng rồi chết, đã vãng sanh. Khi ấy, cụ Đế Nhân là Phương Trượng của nhà chùa, y theo quy củ dành cho người xuất gia, đem con gà trống ấy chôn ở sau núi, gà trống vãng sanh đấy nhé! Chôn không bao lâu, nơi ngôi mộ nhỏ của nó mọc lên một đóa sen. Đào lên xem, hoa sen mọc từ miệng con gà trống, chẳng thể là giả được! Cụ Đế Nhân thường dùng chuyện này để khích lệ người niệm Phật. Súc sanh mà còn có thể vãng sanh, niệm Phật vãng sanh đấy nhé! Có thụy tướng tốt đẹp như thế, thị hiện cho chúng ta thấy, làm sao có thể khinh rẻ súc sanh cho được?

Hết thấy chúng sanh đều có linh tánh, không chỉ là động vật, ngay cả thực vật. Nay chúng ta đều biết, cây cối hoa cỏ đều có thần linh nương gá. Chẳng phải là cây cối thành thần, chẳng phải vậy, mà là thần linh dựa vào cây cối. Kinh Phật đã nói rất rõ ràng, họ coi đó là nhà, ở

tại nơi đó. Đối với thân thể của chúng ta, tức cái thân xác thịt, linh tánh ở trong thân thể, ở trong nhục thân. Có những linh tánh trụ nơi cây cối hoa cỏ, coi cái thân đó là thân của họ, cho nên họ trở thành thân cây hoặc thân hoa. Cây càng lớn, mấy trăm năm, mấy ngàn năm, sự cảm ứng sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Họ cũng có thể biến hóa, thân cây có thể biến hóa, có thể biến thành hình người, biến thành ông già, biến thành bà cụ, biến thành trẻ nít, chúng ta chẳng biết. Những thứ giống như vậy đều thuộc về Thần Túc Thông.

Do đó, mỗi khi rửa chân, đều nghĩ đến nguyện vọng này. Do thói quen của người Ấn Độ là một ngày tuyệt đối không chỉ rửa chân một lần, mà sẽ rửa vài lần, ra ngoài trở về sẽ rửa. Do vậy, nhà cửa họ giữ rất sạch sẽ. Đi ra ngoài, bên ngoài dơ bẩn, có bụi bặm, trở về nhất định phải rửa chân trước. Tổng cương lãnh tu học có nói: “*Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*”, khi họ rửa chân bèn nghĩ tới thần túc. “*Cụ thân túc lực*” (Đủ sức thần túc), hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng; mà lực thông là năng lực vốn sẵn có của chính mình. Vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta che lấp năng lực ấy, năng lực ấy chẳng thể hiện tiền. Mỗi ngày đều nghĩ đến nó, đây là tu hành. Mỗi ngày nghĩ tới trí huệ và đức tướng của chính mình, quý vị sẽ chẳng có những vọng tưởng khác, những thứ khác đều buông xuống. Quý vị nói xem, có thể khôi phục hay không?

A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát tu hành thành tựu bằng cách nào, chúng ta phải nên hiểu rõ. Vì sao nay chúng ta chẳng thể thành tựu? Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ loạn xạ, hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức. Do cái tâm luân hồi, những gì quý vị nghĩ và làm toàn là nghiệp luân hồi, chẳng tương ứng với Tánh Đức, mà tương ứng với phiền não! Vì thế, chính chúng ta chẳng thể không lắng lòng, mỗi tối đều phải phản tỉnh, đều phải kiểm điểm, đều phải sám hối. Chúng ta khởi tâm động niệm có phải là ích kỷ hay không? Có phải là [tham cầu] tiếng tăm, lợi dưỡng hay không? Có phải là [muốn hưởng thụ] ngũ dục lục trần hay không? Có phải là mười ác, tám tà hay không? Mỗi ngày còn có những ý niệm ấy, chẳng buông xuống những ý niệm ấy, quý vị nghĩ xem, công phu của chúng ta làm sao đắc lực cho nổi? Hằng ngày chúng ta tụng kinh, lạy Phật, phát nguyện mà không chống nổi mười ác, tám tà. Vì sao? Thời gian chúng ta rơi vào mười ác, tám tà thì nhiều, sức của chúng nó mạnh mẽ, sức tu hành mỗi ngày của ta rất ít ỏi, yếu ớt! Tu kiểu gì mà chúng tử thiện trong A Lại Da Thức suốt đời này chẳng thể dấy lên hiện hành, chẳng thể khởi tác dụng, do nguyên nhân nào? Chẳng đoạn, chẳng kháng cự tập khí phiền não. Khi nào những thiện niệm và thiện hạnh của ta có thể bài trừ, kháng cự mười ác, tám tà, công phu mới có thể đắc lực. Đã thế, công phu nhất định phải vượt trội mười ác, tám tà thì mới thật sự đắc lực, niệm Phật

mới nắm chắc vãng sanh.

Điều then chốt nhất trong tu hành là ắt cần phải khắc phục hoàn cảnh nhân sự trong cuộc sống hằng ngày. Đối với hết thầy người, hết thầy sự, chớ nên có ác niệm nữa, chớ nên suy nghĩ tà vạy. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ đều đúng pháp. Nói theo Phật pháp thì “*pháp*” là giới luật. Giới luật cơ bản trong các giới luật là Sa Di Luật Nghi, cơ bản hơn nữa là Thập Thiện Nghiệp Đạo, trước hết là học từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo triển khai sẽ là Đệ Tử Quy, là Cảm Ứng Thiên. Do đó, Thập Thiện Nghiệp Đạo là cương lĩnh của Đệ Tử Quy và Cảm Ứng Thiên, vì nó chỉ có mười điều, triển khai ra sẽ là Đệ Tử Quy, là Cảm Ứng Thiên. Quý vị không thực hiện từ chỗ này thì làm bằng cách nào đây? Công phu làm sao có thể đắc lực cho được? Công phu chẳng thể đắc lực thì làm sao năng lực sẵn có của chúng ta thấu lộ cho nổi? Năng lực sẵn có là Lục Thông, phải nên biết như vậy.

Do vậy, hiện thời sở hành của chúng ta chẳng phải là vô ngại, mà là có ngăn ngại! Chỗ nào cũng đều gặp chướng ngại, có thể nào chẳng sám hối ư? Có thể nào chẳng hổ thẹn ư? Vì sao người khác chẳng có chướng ngại, ta có chướng ngại? Giáo huấn của cổ đức đã dạy rất hay: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỷ*” (Có chuyện gì chẳng làm được, phải xét lại mình). Phải nhớ kỹ mấy câu này. Hễ gặp phải chướng ngại, đừng nên trách móc người khác, đừng nên trách móc cảnh giới bên ngoài, hãy quay lại phản tỉnh, chắc chắn là chính mình có nghiệp chướng. Tiêu trừ nghiệp chướng, bên trong đã tiêu trừ nghiệp chướng, chướng ngại bên ngoài sẽ tự nhiên hóa giải! Nếu chính mình chẳng thừa nhận có làm lỗi, làm lỗi toàn là kẻ khác, nghiệp chướng của quý vị sẽ tăng trưởng mỗi ngày, tích lũy mỗi ngày, chẳng có ngày hóa giải, điều này rất đáng sợ. Bản thân chúng ta có cảnh giác hay không? Điều cảnh giác cơ bản là: “Nếu chẳng có nghiệp chướng, quý vị sẽ chẳng đến thế giới Sa Bà này”. Cũng có nghĩa là: Người chẳng có nghiệp chướng, sẽ chẳng vào trong lục đạo. Lục đạo thì dù ở trên cõi trời vẫn có nghiệp chướng; người chẳng có nghiệp chướng sẽ vượt thoát lục đạo. Người ở trong lục đạo nhất định là chắc chắn mê hoặc, điên đảo, bất giác mà! Nếu quý vị thật sự đã giác, đã giác thì lẽ nào quý vị ở trong lục đạo cho được? Chánh giác là A La Hán, thật sự giác ngộ, Ngài đã vượt thoát lục đạo.

Do vậy có thể biết, người tu hành nhất định phải nhớ kỹ lời Lục Tổ đã nói: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”, chỉ thấy lỗi của chính mình. Vì sao chính mình rơi vào tình cảnh này? Bên ngoài, bất luận là thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, không gì chẳng nhằm nhắc nhở chính mình, cảnh giác chính mình, khiến cho chính mình ở trong cảnh giới bèn sanh tâm hổ thẹn thật sự. Thật sự biết sám hối, đây là như trong kinh Lăng Nghiêm, đức

Thê Tôn đã nói: “*Nếu có thể chuyển vật, sẽ giống Như Lai*”. Chuyển như thế nào? Chuyển mê thành ngộ. Chúng ta luôn một mực mê trong cảnh giới, đối với thuận cảnh thiện duyên thì sanh lòng tham ái, đối với nghịch cảnh và ác duyên thì sanh sân khuê. Cũng có nghĩa là sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, sẽ sanh ra gì? Sanh phiền não, tăng trưởng tập khí ác! Làm theo kiểu đó, ngày nào quý vị mới có thể liễu sanh tử, mới có thể lìa khỏi tam giới? Nếu không sửa đổi, chúng ta hãy tự mình ngắm xem, Phật, Bồ Tát thường nói, trong lục đạo thì tam đồ là quê nhà của quý vị, ba thiện đạo là chỗ đến du lịch, quý vị đi nghỉ phép, đến chơi, ba thiện đạo là như vậy đấy. Điều này có nghĩa là thời gian quý vị ở trong thiện đạo quá ngắn, thời gian trong ba ác đạo quá dài!

Quý vị chẳng biết nổi khổ trong ba ác đạo, chẳng có tâm xuất ly. Vì thế, quý vị mới giải đãi, lười nhác, tán loạn, chẳng thể phấn chấn tinh thần, vĩnh viễn đọa lạc. Người thương xót quý vị, người giúp đỡ quý vị, giúp đỡ quý vị chẳng được! Chẳng phải là không từ bi, chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, hễ có thể giúp liền giúp, lẽ đâu chẳng giúp đỡ? Chẳng giúp thì các Ngài sẽ chẳng có lòng từ bi. Vì sao chẳng giúp đỡ? Vì bản thân quý vị chẳng yêu thương chính mình! Tôi thường nói: Con người phải tự yêu thương chính mình trước, sau đây người khác mới yêu thương, bảo vệ quý vị. Chính mình chẳng yêu thương mình, người khác bó tay đối với quý vị, muốn giúp cũng chẳng giúp nổi! Thật đấy! Thật sự muốn giúp đỡ quý vị, nhưng quý vị bài xích, hoài nghi, luôn dùng cái tâm bất thiện để đối đãi kẻ khác, luôn dùng cái tâm hoài nghi đối đãi người ta, sai mất rồi! Người khác là kẻ ác, chẳng có thiện ý đối với ta, thậm chí hãm hại ta, ta không hoài nghi, ta chẳng có ác ý, chẳng có ý niệm sân khuê, ác niệm và ác hạnh của kẻ ấy đến chỗ ta liền chuyển biến thành thiện hạnh, thiện ý. Đây là “*hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng*” như trong giáo pháp Đại Thừa đã dạy. Tôi đã nhắc đến đạo lý này rất nhiều, “*oán đối*” (怨懟) là đôi bên đối lập thì mới có thể tạo thành ác nghiệp. Bên quý vị là ác ý, bên tôi là thiện ý, thiện và ác chẳng chống đối nhau! Vì thế, hóa giải oán kết chẳng phải là từ đối phương, mà từ chính bản thân mình! Ở đây ta hóa giải, nơi kia chẳng còn nữa. Nói theo phía chúng ta, oán gia đối đầu đều là người hữu duyên với ta, công đức của ta mỗi ngày tu tập, tích lũy đều có thể hồi hướng cho họ, có thể siêu độ, giúp đỡ họ tăng tấn; họ cũng hết sức vui thích, vốn là những kẻ tìm đến gây phiền phức, nay họ đến hộ pháp, lẽ nào chẳng tốt đẹp? Vì thế, nhất định phải biết hóa giải, y giáo phụng hành, chẳng có gì là bất lợi.

Do vậy, tôi đọc đến bài kệ này, cảm khái rất sâu, đặc biệt là câu cuối cùng, “*sở hành vô ngại*”. Tôi tin tưởng, bất luận là Phật giáo hay tất cả hết thấy các tôn giáo, cho đến hết thấy chúng sanh, có ai chẳng

mong suốt đời sở hành vô ngại? Sở hành vô ngại thì nói cách khác, sẽ là đại tự tại, phải cậy vào đức hạnh, phải cậy vào giáo huấn của thánh hiền. Chúng ta có duyên tiếp xúc, nhất định phải trọn đủ Tín, Giải, Hạnh, Chứng, đây mới là thật sự tiếp nhận. Chẳng có Tín, Giải, Hạnh, Chứng, tuy gặp giáo huấn của thánh hiền mà chẳng tiếp nhận, để luống qua, rất đáng tiếc! Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới chỗ này.

Tập 1575

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin hãy xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, đoạn Kệ Tụng cuối cùng. Xem từ bài thứ hai trong đoạn thứ mười:

(Kinh) Dĩ thời tâm tức, đương nguyện chúng sanh, thân đắc an ổn, tâm vô động loạn.

(經)以時寢息。當願眾生。身得安隱。心無動亂。

(Kinh: Ngủ nghỉ đúng thời, nguyện cho chúng sanh, thân được an ổn, tâm chẳng động loạn).

Đây là nói tới lúc ngủ nghỉ. Một người thân tâm khỏe mạnh, tâm là chúa tể, tâm phải chân thành, phải thanh tịnh. “*Thân*” là nói tới nhục thể. Đối với hai phương diện thân và tâm, tâm phải tĩnh, thân phải động. Thân là một thứ vật chất, cũng giống như một cỗ máy. Hễ là vật chất, chúng ta biết chúng đều cần phải bảo dưỡng. Nếu khéo bảo dưỡng, thời gian sử dụng của nó sẽ dài. Lũ bình phàm chúng ta thường nói đến “*thọ mạng thông thường*” (tuổi thọ bình quân); nếu chẳng khéo bảo dưỡng, mặc tình hủy phá, thọ mạng của nó sẽ bị rút ngắn. Xác thực là mỗi người đều có thọ mạng thông thường. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Người trong thế giới Sa Bà, thọ mạng dài nhất là tám vạn bốn ngàn năm, đó là khi dài nhất. Sau [khi tuổi thọ đã đạt tới] tám vạn bốn ngàn năm, cứ mỗi trăm năm bèn giảm một tuổi, giảm cho đến [khi chỉ còn] mười tuổi. Mười tuổi là lúc thọ mạng của con người ngắn nhất. Từ mười tuổi, cứ sau mỗi trăm năm, lại tăng thêm một tuổi. Lại tăng thêm như vậy cho đến tám vạn bốn ngàn tuổi. Phật pháp gọi [chu kỳ] một tăng một giảm như vậy là một tiểu kiếp. Nói tới đơn vị thời gian to lớn, nhà Phật dùng Kiếp (Kalpa) để nói. Kiếp có đại kiếp, trung kiếp, và tiểu kiếp. [Chu kỳ] một tăng một giảm như vậy là một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Trong kinh đức Phật thường nhắc tới điều này.

Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện trong thế gian này, danh xưng của kiếp này là Hiền Kiếp (Bhadrakalpa). Vì sao gọi là Hiền Kiếp? Chư Phật giáng sanh trong kiếp này rất nhiều, thường nói là “*một ngàn vị*

Phật xuất thế”, nên gọi là Hiền Kiếp. Hiền Kiếp là nói tới đại kiếp. Trong tiểu kiếp này, Thích Ca Mâu Ni Phật ứng hóa nhằm lúc giảm kiếp, tức là thọ mạng một mực giảm xuống, đang trong lúc giảm, chẳng phải là lúc đang tăng. Thời đức Phật, thọ mạng của loài người là một trăm năm, tức thọ mạng thông thường là một trăm năm, cũng có người sống lâu hơn, cũng có kẻ chẳng đạt đến độ tuổi ấy. Sống lâu hơn là gì? Đó là do tu được. Chưa đến [trăm tuổi đã chết] là do chính người ấy chẳng biết bảo dưỡng, hoặc là tạo tác ác nghiệp [khiến cho thọ mạng bị] chiết khấu.

Từ thời đức Phật cho đến hiện tại, theo cách ghi chép của Trung Hoa, năm nay dường như là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ ba ngàn lẻ ba mươi ba năm. Nói cách khác, trong ba ngàn năm, cứ mỗi trăm năm bèn giảm bớt [một tuổi], tức là giảm đi ba mươi tuổi, thọ mạng bình quân trong hiện thời phải là bảy mươi tuổi. Cổ nhân nói “*nhân sanh thất thập cổ lai hy*” (người bảy mươi tuổi xưa nay hiếm). Chúng ta nhìn vào lịch sử Trung Hoa, đúng là từ xưa tới nay, người có thể sống đến bảy mươi tuổi xác thực chẳng phải là đa số. Sống lâu hơn bảy mươi tuổi, đó là quý vị rất biết cách bảo dưỡng. “*Cổ máy*” này lẽ ra phải bị đào thải vào lúc bảy mươi tuổi, quý vị vẫn có thể tiếp tục sử dụng một thời gian! Thậm chí, hiện thời còn có người sống đến một trăm tuổi. Một trăm tuổi tức là quý vị sử dụng [thân thể] nhiều hơn ba mươi năm. Nếu vượt quá một trăm tuổi, vậy là quý vị có thể dùng thêm bốn mươi năm, năm mươi năm, rất khó có! Đây nhất định là người rất khéo bảo dưỡng. Bảo dưỡng tâm thân như thế nào? Ở Bắc Kinh có thầy lang họ Lưu, ông ta có hai bài giảng diễn hết sức hữu ích về đạo dưỡng thân, giảng hết sức hay! Hôm nay, khéo sao chúng ta nói đến “*dĩ thời tâm tức*” (ngủ nghỉ đúng thời), khiến cho chúng tôi nghĩ tới thuở đức Thế Tôn tại thế, Tăng đoàn làm việc và nghỉ ngơi có thời gian nhất định, xác thực là hoàn toàn tương đồng với nguyên tắc và nguyên lý do thầy lang họ Lưu đã nói.

Cổ Ấn Độ chia một ngày đêm thành sáu thời thân (時辰), kinh thường nói là “*lục thời*”. “*Lục thời*” là một ngày đêm. Cổ nhân Trung Hoa chia một ngày đêm thành mười hai thời thân, dùng Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi để phân định mười hai thời thân. Người phương Tây chia một ngày đêm thành hai mươi bốn thời thân; do vậy, người Hoa gọi [giờ của phương Tây] là “*tiểu thời*” (小時), vì nó nhỏ hơn thời thân của Trung Hoa. Một thời thân của Trung Hoa là hai tiếng đồng hồ, nhưng “*thời*” của Ấn Độ còn to hơn Trung Hoa, hai thời thân của Trung Hoa là một thời của Ấn Độ. Ban ngày gồm ba thời thân, gọi là sơ nhật phần (nhật là mặt trời), trung nhật phần, hậu nhật phần. Ban ngày được chia theo cách như thế, ban đêm cũng vậy, sơ dạ phần, trung dạ phần, và hậu dạ phần.

Đức Phật quy định thời gian làm lụng và nghỉ ngơi cho các đệ tử: Đêm đi ngủ vào lúc trung dạ. Quý vị hiểu một “*thời*” [của Ấn Độ] là bốn tiếng đồng hồ hiện thời. “*Trung dạ*” là khi nào? Từ mười giờ tối cho đến hai giờ sáng, đây là Trung Dạ. Nói cách khác, mười giờ [tối] đi ngủ, hai giờ [sáng] sẽ thức dậy. Trước đây, tâm địa người ta thanh tịnh, phiền não nhẹ nhàng, mỗi ngày ngủ bốn tiếng đồng hồ là đủ rồi. Người hiện thời chẳng được! Người hiện thời phiền não nặng nề, bốn tiếng đồng hồ thì sợ rằng họ chẳng thể khôi phục thể lực nổi! Phải biết điều này! Trạng huống thân thể của mỗi người khác nhau; do đó, chính mình phải biết điều chỉnh, cân nhắc thời gian làm việc và nghỉ ngơi.

Năm xưa, trước khi tôi xuất gia, ở trong lều tranh tại Bộ Lý của Đài Loan với pháp sư Sám Vân, sống tại đó năm tháng rưỡi. Lều tranh rất nhỏ, chỉ có năm gian nhỏ, diện tích chẳng lớn, hết sức sơ sài, thật sự là lều tranh. Phía trên lợp cỏ tranh, tường dùng cột tre đóng ken lại, phía ngoài trát một lớp xi-măng, hết sức sơ sài. Có tất cả năm gian, gian giữa dùng làm Phật đường. Phật đường còn chưa to bằng cái phòng thâu hình này. Quý vị biết là các căn phòng đều nhỏ hơn Phật đường đôi chút. Chỉ có năm người ở, ba vị pháp sư, mỗi người ở một gian, tôi và lão cư sĩ Châu Kính Trụ hai người tại gia ở trong một gian.

Thời gian làm việc và nghỉ ngơi trong lều tranh: Do lều tranh chẳng có đèn điện, ở trên núi nước và điện đều chẳng có. Về sau, [nghĩ lại] thì kể ra [hoàn cảnh khi đó] còn khá lắm. Khi tôi lên núi thì tính ra vẫn còn khá lắm, trên núi có nước suối. Chúng tôi dùng thân tre, đục thủng các mấu tre giữa các lóng, nối từng ống lại với nhau, trực tiếp dẫn nước từ chỗ suối trên núi. Do vậy, chúng tôi có nước suối, chẳng cần phải gánh nước, có thể dẫn nước về dùng. Nhưng không có đèn, vì thế, tối đen, thời gian đi ngủ là tám giờ tối. Buổi tối tụng khóa tôi chỉ thấp một cây nến, nến nhỏ nhỏ. Tám giờ [tối] đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Thức dậy vào lúc hai giờ sáng, sau khi rửa mặt, chúng tôi liền tụng khóa sáng. Pháp sư Sám Vân chẳng quy định công khóa chung cho khóa sáng. Khóa sáng ai nấy tự tụng niệm. Vì không có đèn, cho nên khóa sáng mọi người đều lạy Phật. Khi đó, tôi lạy ba trăm lạy, thời gian đại khái hơn một tiếng đồng hồ. Sau khi lễ Phật xong, tôi ở trên núi chăm sóc những vị lão nhân ấy, phải chuẩn bị bữa sáng.

Do vậy, chúng tôi tụng kinh, đọc tụng đều vào ban ngày. Ban ngày mới có ánh sáng mặt trời, đây là tận lực tiết kiệm. Khóa tôi cũng là lễ Phật ba trăm lạy, giữa trưa sau khi dùng bữa, lễ hai trăm lạy. Mỗi ngày lễ tám trăm lạy. Trên núi cũng chẳng có đường, cho nên người đến rất ít, xác thực là một hoàn cảnh thật sự thanh tịnh, yên tĩnh. Sống tại đó nửa năm, thân tâm thanh tịnh. Pháp sư Sám Vân đã dưỡng thành thói quen này, xác thực là “ngủ sớm, dậy sớm”. Đức Phật quy định chúng ta ngủ từ mười giờ tối đến hai giờ sáng; hiện thời, thể lực của

chúng ta chẳng bằng người thuở ấy, phước báo cũng chẳng đủ. Nói thật thà, trí huệ cũng chẳng đủ. Vì thế, thời gian nghỉ ngơi của chúng ta vẫn là sáu tiếng đồng hồ, từ tám giờ tối đến hai giờ sáng, ngủ trước [thời gian do đức Phật chế định] hai tiếng đồng hồ, tuyệt đối hữu ích cho sức khỏe thân thể.

Thầy lang họ Lưu đề nghị: Cổ nhân Trung Hoa, chỉ cần quý vị thấy một người già hơn trăm tuổi, bất luận người ấy dùng phương pháp bảo dưỡng sức khỏe nào, chắc chắn đều có một hạng mục chung, tức là phải ngủ sớm, dậy sớm. Ông ta nói rất hữu lý, con người cần dương khí, tức là cần mặt trời, ánh sáng mặt trời. Chín giờ tối mặt trời đi ngủ, quý vị cũng nên ngủ nghỉ. Ba giờ sáng thái dương thức dậy, quý vị cũng phải nên dậy. Giấc ngủ của quý vị có thể dựa theo mặt trời, tuyệt đối là khỏe mạnh. Do vậy, tôi nghĩ đến đạo lý ấy, tôi nghĩ tới lúc ở với pháp sư Sám Vân tại lều tranh. Pháp sư Sám Vân hiện thời còn tại thế, lúc trẻ, thân thể Ngài hoàn toàn chẳng khỏe mạnh. Ngài sống lâu như thế, [Ngài lớn tuổi] hơn tôi một giáp. Năm nay Ngài đã chín mươi hai tuổi rồi. Đây là chuyện những kẻ bình phàm như chúng ta chẳng thể dự đoán là Ngài có thể sống thọ như vậy. Tôi nghĩ nhân tố đầu tiên của trường thọ chắc là do suốt đời Ngài giữ [thói quen] ngủ sớm, dậy sớm. Tám giờ tối đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Đây là những vị trường thọ có một quy củ chung về ngủ nghỉ, tuyệt đối là “*ngủ sớm, dậy sớm*”.

Người có thể sống theo [sự vận hành của] mặt trời thì mới có tinh thần, mới có thể lực. Bởi lẽ, sáng sớm thức dậy, tinh thần no đủ, nhẹ nhàng, thoải mái, khoan khoái. Quý vị có đủ thời gian. Tất cả mọi chuyện được lo liệu vào sáng sớm, tốt lắm. Có những người có thói quen làm việc vào buổi tối, đến nửa đêm chẳng ngủ. Chuyện này gây hại hết sức to lớn cho thân thể. Vì sao? Dương khí của quý vị bị tiêu hao hết sạch. Cho nên đến sáng sớm hôm sau, chẳng bò dậy nổi. Cả người vô lực, tứ chi cứng ngắc; đây là do dương khí của quý vị đã bị tiêu hao, quý vị chẳng khéo bổ sung. Ông Lưu nhắc đến câu nói truyền thống của Trung Hoa: “*Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàng*”, [có nghĩa là] Xuân và Hạ phải tận hết sức hấp thu dương khí, mùa Thu quý vị mới có thể thu liễm, mùa Đông mới có thể tàng trữ, cho đến lúc Xuân về, dương khí của quý vị mới no đủ. Nếu thấy điều tiêu hao hết sạch, mùa Đông quý vị tàng trữ gì đây? Do đó, thân thể quý vị không tốt, thân thể lắm bệnh, nguyên nhân ở chỗ này! Nếu có thể sống theo [sự vận hành của] mặt trời, quý vị sẽ giảm thiểu rất nhiều tật bệnh, tinh thần no đủ, thể lực mạnh mẽ.

Về chuyện dưỡng thân, ông ta nói cái làm tổn thương thân thể nhất, tổn thương nghiêm trọng nhất chính là nóng giận. Do đó, chúng ta hiểu: Đối với kẻ hay cáu giận, chớ nên so đo với kẻ đó. Vì sao? Thân thể của kẻ đó chắc chắn có bệnh, thân thể kẻ đó chẳng tốt, nói chung

phải nhường nhịn kẻ đó đôi chút. Tâm lý kẻ đó bực bội, xáo động, chẳng bình thường. Vì thế, tâm bình khí hòa cũng là một điều kiện dưỡng thân hết sức trọng yếu, quý vị hãy vĩnh viễn gìn giữ tâm bình khí hòa, vĩnh viễn gìn giữ sự vui sướng. Nho và Phật đều nói theo kiểu này, nhà Phật thường nói “*pháp hỷ sung mãn, thường sanh tâm hoan hỷ*”. Những điều ấy đều là đạo dưỡng thân.

Cư xử với người khác như thế nào cho được hòa hợp? Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức thường dạy chúng ta “*chẳng thấy lỗi thế gian*”, quý vị mới có thể vĩnh viễn gìn giữ tâm tình vui sướng. Phải như thế nào thì mới thật sự chẳng thấy lỗi thế gian? Bốn câu kinh Kim Cang: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng*”, không có ngã tướng, quý vị chẳng có tâm ngạo mạn; chẳng có nhân tướng, nhân tướng (tướng người khác) đều chẳng có, lấy đâu ra khuyết điểm? Người khác có lỗi gì? Phải thấu hiểu lý: “*Vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Vì thế, người tu hành Phật pháp thông hiểu, biết những đạo lý ấy, cư xử với bất cứ ai [đều là] tùy duyên, chẳng phan duyên, chẳng có được, mất, chẳng có ưa, ghét. Quý vị ưa thích cái này, chán ghét cái kia, sẽ có phiền não. Nhất định phải biết, trong tự tánh chẳng có phiền não. Do vậy, quý vị nầy sanh phiền não là bất bình thường, đã trái nghịch tự tánh, chẳng thuận theo tự tánh. Quý vị có thể tùy thuận tự tánh, nói theo phía chính mình là “*tùy thuận tự tánh*”, nói theo phía hoàn cảnh là “*tùy thuận tự nhiên*”, chắc chắn người ấy sẽ khỏe mạnh.

Vì thế, ngủ nghỉ đúng giờ, làm lụng cũng có thời gian nhất định, xử sự, đãi người tiếp vật đúng thời tiết nhân duyên, đây là quy luật trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, chớ nên không chú trọng. Cuộc sống có quy luật là đường lối để khỏe mạnh, chúng ta chẳng thể không coi trọng! Do vậy, lúc ngủ nghỉ sẽ dẫn phát đại nguyện Bồ Tát: “*Đương nguyện chúng sanh, thân đắc an ổn, tâm vô động loạn*” (Nguyện cho chúng sanh, thân được an ổn, tâm chẳng động loạn). Thân lẫn tâm đều an, trong tâm phải buông xuống muôn duyên. Tiêu hao thể lực, tiêu hao năng lượng, phần lớn (“phần lớn” thì phải là chín mươi mấy phần trăm, thật sự là một phần lớn) tiêu hao bởi vọng tưởng. Vì thế, vào thời cổ, thuở đức Thế Tôn tại thế, mỗi ngày ăn một bữa là đủ rồi, vì sao? Tâm địa thanh tịnh, năng lượng tiêu hao ít. Do đó, bổ sung đồ ăn hằng ngày chính là bổ sung năng lượng, Ngài chẳng cần rất nhiều, đã đủ rồi!

Công phu định lực của A La Hán sâu xa, năng lượng bị tiêu hao càng ít. Chúng ta đọc kinh thấy nói A La Hán bảy ngày ăn một bữa. Ngài đi hóa duyên bên ngoài, mỗi tuần đi một lần, [tức là đi] khát thực. Công phu định lực của Bích Chi Phật càng sâu hơn, tập khí phiền não đều đã đoạn, Bích Chi Phật mỗi nửa tháng ăn một lần là đủ. Phật, Bồ Tát không nhất định, vì sao? Các Ngài giáo hóa chúng sanh, các Ngài

thị hiện. Các Ngài chẳng có phiền não, chẳng có tập khí, chẳng giống chúng sanh mang thân nghiệp báo, các Ngài thừa nguyện tái lai (乘願再來, nương theo nguyện trở lại), do nguyện lực ứng hóa; vì thế, thân các Ngài tự tại. Các Ngài mừng, giận, buồn, vui đều là biểu diễn, toàn là phương tiện thiện xảo để hóa độ chúng sanh, chúng ta phải biết điều này. Chẳng thể nhất loạt luận định giống như bọn người thế gian và lục đạo phàm phu chúng ta được! “*Thân được an ổn*”!

Trước kia, người tu hành thời gian nằm xuống ngủ chẳng nhiều, rất ít. Ngủ nghỉ thông thường là tĩnh tọa, nay chúng ta nói là “*bất đảo đơn*” (不倒單, chẳng nằm xuống giường ngủ), tức là thân thể chẳng nằm xuống. Nhưng đối với kẻ phàm phu bình phàm sơ học, đức Phật hoàn toàn chẳng yêu cầu nghiêm ngặt, chỉ yêu cầu ngủ thì nằm nghiêng bên hông phải. Đức Phật yêu cầu đệ tử làm chuyện này. Chớ nên tham ngủ, phải hiểu điều này! Ngủ nghề là một trong Ngũ Cái (五蓋, năm thứ che lấp tâm tánh). Ngũ dục là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghề. Ngủ nghỉ để toàn bộ thân thể được nghỉ ngơi, khôi phục năng lượng, ngày hôm sau mới có tinh thần, có thể lực để làm việc. Bộ máy này sử dụng một thời gian, nhất định phải để cho nó nghỉ ngơi đàng hoàng, cho nó bảo dưỡng. Nhưng thời gian nghỉ ngơi chớ nên quá dài, quá dài sẽ nảy sanh tác dụng phụ. Nó (thân thể) có cùng một đạo lý với máy móc trong hiện thời: Máy móc cần thời gian nghỉ ngơi và bảo dưỡng thích đáng, nhưng chẳng cần nghỉ suốt năm. [Nghỉ suốt năm], nó sẽ han rỉ, hư hoại. Do vậy, quý vị nhất định phải hiểu đạo dưỡng thân, biết cách ngủ nghỉ, làm việc, ăn uống, sinh hoạt.

Đương nhiên, quan trọng nhất vẫn là “*tâm chẳng động loạn*”. Câu này hết sức quan trọng, thân thể khỏe mạnh, tâm là chúa tể. “*Động loạn*” là phiền não, ưu lự, vướng mắc. Nếu có nhiều những thứ ấy, dầu thân thể bảo dưỡng cách nào đi nữa, hiệu quả khỏe mạnh sẽ đều bị giảm bớt! Do vậy, nói thật ra, tu hành thì điều đầu tiên là tu tâm. Đối với cái tâm, đức Phật dạy chúng ta tiêu chuẩn tu hành là Bồ Đề tâm, hãy phát Bồ Đề tâm! Chúng ta chẳng phát Bồ Đề tâm được, biết là chẳng phát được, thì trước hết hãy học tập. “*Học tập*” là thực hành công phu tu tâm. Cái tâm của chúng ta nương vào Thập Thiện Nghiệp làm tiêu chuẩn là được rồi. Ý nghiệp trong Thập Thiện Nghiệp chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Tham, sân, si, mạn, nghi là phiền não, tức căn bản phiền não. Chỉ cần có những thứ ấy, tâm quý vị sẽ ngày đêm động loạn chẳng ngớt, đã ngủ còn gặp ác mộng! Tu bằng cách nào? Buông xuống! Chẳng có gì khác! Buông xuống ưu lự, buông xuống vướng mắc, buông xuống phiền não, buông xuống tập khí, y giáo tu hành! Chúng ta học Phật, Phật là gương mẫu của chúng ta. Quý vị thấy đó, đức Phật có gì chẳng buông xuống? Ngay cả thân thể, Ngài cũng buông xuống. Buông xuống cái thân như thế nào? Vô ngã tướng, vô

nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, quý vị thấy có phải là buông xuống hay chẳng? Vị đường chủ Niệm Phật Đường thường nhắc nhở các đồng học: “*Buông xuống thân, tâm, thế giới, chớ nên có mảy may tham luyến. Hễ quý vị có tham luyến, niệm Phật sẽ chẳng thể vắng sanh, quý vị vẫn chưa buông xuống!*”

Chuyện cư sĩ Hoàng Trung Xương vắng sanh đã truyền khắp Nam Dương. Sáng sớm hôm nay, các đồng tu ở Tân Gia Ba và Indonesia gọi điện thoại, sau khi họ nghe tin đã tán thán, hâm mộ, hỏi có thể lưu thông tài liệu ấy hay không? Họ muốn lưu thông với một số lượng lớn. Tốt lắm! Sẽ khiến cho rất nhiều người cảm động; đây là độ người khác. Khi Hoàng Trung Xương còn sống, ông ta chẳng giảng kinh, thuyết pháp cho người khác, chẳng khuyên người khác niệm Phật. Ông ta tự tại biết trước lúc mất, tự tại vắng sanh như thế đó, trong khoảng thời gian hai năm mười tháng, ông ta đã thành công. Quý vị xem bài văn phát nguyện của ông ta, sẽ thấy ông ta sám hối hằng ngày. Phần tài liệu này rất nhiều, vẫn chưa được chỉnh lý, chỉ sợ tôi thiếu phải mất thời gian nửa năm để chỉnh lý; trong tương lai, có thể ấn hành. Hằng ngày sám hối, ông ta đều viết vào một mảnh giấy nhỏ, giống như [phương pháp] Công Quá Cách của cổ nhân: Mỗi ngày đều phản tỉnh, mỗi ngày đều kiểm điểm, sửa lỗi đổi mới, sám trừ nghiệp chướng! Nhất tâm nhất ý chỉ cầu vắng sanh Tịnh Độ, chẳng có ý niệm nào khác! Điều này chỉ rõ vì sao trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện có nhiều người niệm Phật vắng sanh như vậy trong thời gian từ ba năm tới năm năm đều thành công, đạt được thành tựu. Chúng ta nhìn ra đạo lý ấy, đây là một điển hình, một tấm gương.

Đời người là một giấc mộng, thế giới hư huyền, chẳng chân thật, [thế mà] quý vị tham luyến, sai mất rồi! Quý vị ngỡ nó là thật, cũng trật rồi! Trong các buổi giảng, chúng tôi thường xuyên khuyên nhủ các đồng học: Quý vị có phước báo, hễ có phước báo bèn có thọ dụng. Chẳng có phước báo, nghèo túng, trầy trật, áo cơm chẳng đủ, người ấy còn nghĩ gì được nữa? Dầu có phước báo, người ấy phải giác ngộ, chớ nên có mảy may tâm tham luyến, chớ nên có mảy may tâm lưu luyến. Quý vị có ý niệm [tham luyến] ấy, ý niệm ấy chính là tâm luân hồi, vậy thì những gì quý vị đã làm, đã tạo, đều là nghiệp luân hồi, niệm Phật chẳng thể vắng sanh! Chư vị phải hiểu, niệm Phật là giáo pháp Đại Thừa, là pháp xuất thế gian. Tu Đại Thừa, tu pháp xuất thế gian mà lưu luyến thế gian này, tức là tự mình mâu thuẫn. Vì sao quý vị chẳng thể vắng sanh? Vì sao quý vị chẳng có cảm ứng? Do đây sẽ biết ngay, chẳng cần phải hỏi người khác nữa, [mà chính mình] tự hiểu rõ ràng, rành rẽ. Trong thường nhật, khởi tâm động niệm, quý vị có cái duyên ấy, có duyên với chúng sanh, thì sẽ giống như Phật, Bồ Tát, khởi tâm động niệm đều mong độ chúng sanh, chớ nên quên “*chúng sanh vô*

biên thế nguyện độ”. Dùng phương pháp gì để độ? Phiền não vô tận thế nguyện đoạn. Ta đoạn phiền não chính là độ chúng sanh. “*Học pháp môn, thành Phật đạo*” đều là độ chúng sanh, vì độ chúng sanh. Nay ta làm như vậy, chúng sanh đều trông thấy, đều bị cảm động. Cư sĩ Hoàng Trung Xương vãng sanh đã cảm động bao nhiêu người, bao nhiêu người do vậy mà thật sự tin tưởng, học tập theo ông ta, thật sự làm. Đó là ông ta đã độ họ.

Nếu chẳng phải là buông xuống muôn duyên, thân tâm sẽ chẳng an, vì sao? Quý vị có vướng mắc, có ưu lự, chúng sẽ đem lại cho quý vị khá nhiều phiền não, tâm quý vị làm sao có thể thanh tịnh cho nổi? Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, tâm thanh tịnh cảm ứng đạo giao với Phật, Bồ Tát. Chân thành và thanh tịnh thì mới có cảm ứng. Vì sao người khác có thể làm được, ta chẳng làm được. Vì sao? Quý vị có thể thường suy nghĩ [điều ấy], sẽ có thể sanh khởi lòng hổ thẹn, phát tâm sám hối, sẽ có thể thành tựu trong một đời!

Do vậy học Phật mà nếu chẳng thể thông đạt kinh giáo, đặc biệt là trong thời đại hiện tại, chúng tôi thường nói là so sánh trình độ Quốc Văn [của người hiện thời] với người trong nửa thế kỷ trước, đúng là đọa lạc ngàn trượng! Kinh Phật dùng Biến Thể Văn (變體文) để viết. Biến Thể là gì? Biến là chữ Biến trong Biến Hóa (變化), [Biến Thể Văn] chính là văn Bạch Thoại trong thời ấy. Kinh này được phiên dịch vào đời Đường, so sánh với văn chương của bát đại gia³¹ thời Đường - Tống, sẽ thấy [văn từ, cú pháp của kinh Hoa Nghiêm] đơn giản hơn rất nhiều. Vì sao dùng thể loại văn chương [Biến Thể Văn] để phiên dịch [kinh điển]? Tuyên truyền thuận tiện. Nói chung là mong sao những [bản kinh luận đã] dịch sẽ có thể khiến cho mọi người đều xem hiểu rất dễ dàng thì họ mới có thể đạt được lợi ích, phiên dịch [như vậy] mới là tốt lành! Nhưng dầu đơn giản như vậy, nó vẫn thuộc loại Văn Ngôn, người hiện thời cảm lấy kinh bôn [xem đọc, vẫn] cảm thấy rất khó khăn!

Lại nói về hiện thời, đang có phong trào sử dụng chữ Giản Thể, thêm một tầng khó khăn nữa! Đọc sách cổ, đọc kinh Phật, đọc kinh Đạo giáo, đọc kinh điển của tam giáo Nho, Thích, Đạo, tốt nhất vẫn là [sử dụng những bản in theo lối] Chánh Thể Văn. Tôi không gọi [lối viết ấy] là Phồn Thể, vì trong thư pháp Trung Hoa chẳng hề có Phồn Thể! Vào thuở sớm nhất [trong lịch sử] Trung Hoa, có Giáp Cốt Văn, Chung

³¹ Bát Đại Gia thời Đường - Tống là những văn hào lừng danh về tản văn thời Đường - Tống, tức là Hàn Dũ (nổi tiếng với Hàn Xương Lê Văn Tập), Liễu Tông Nguyên, Âu Dương Tu, Tô Tuân, Tô Thức (Tô Đông Pha), Tô Triệt, Vương An Thạch, và Tăng Củng. Trong số đó, chỉ có Hàn Dũ và Liễu Tông Nguyên là người đời Đường, những người còn lại đều sống vào đời Tống. Đặc biệt là Tô Tuân và hai con là Tô Thức và Tô Triệt đều nổi tiếng văn chương. Cô em gái là Tô Tiểu Muội cũng rất nổi tiếng vì văn tài mẫn tiệp.

Đỉnh Văn, Đại Triện, Tiểu Triện, Lệ Thư, Thảo Thư, Hành Thư, và Chánh Khải (Khải Thư)³². Những chữ chúng ta dùng trong hiện thời là lối chữ Chánh Khải. Chánh Khải chính là Chánh Thể, hoặc Khải Thể (viết theo lối chữ Khải). Đây là danh từ thuật ngữ đã được sử dụng từ thời cổ. Chữ Giản Thể vốn có, đã có từ thời cổ. Chữ Giản Thể nhằm tạo thuận tiện cho chính quý vị, giống như ghi sổ sách trong nhà, nếu chẳng phải là văn thư chánh thức thì có thể sử dụng [Giản Thể]. Văn thư chánh thức chẳng thể dùng Giản Thể, vì sao? [Viết văn thư bằng] Giản Thể thì chẳng cung kính. Người Hoa chú trọng biểu lộ ý niệm kính trọng, đối với người khác cũng phải tôn kính. Vì thế, chữ viết phải trang trọng, tề chỉnh, chẳng thể viết nguệch ngoạc, nguệch ngoạc là chẳng cung kính. Lối chữ Thảo Thư là nghệ thuật, cũng được sử dụng trong trường hợp nhất định, nhưng chẳng sử dụng trong văn thư chánh

³² Đây là những lối viết chữ Hán qua các thời đại. Sớm nhất là Giáp Cốt Văn (甲骨文) tức những văn tự được khắc trên những mảnh xương thú hoặc mai rùa. Đa số được phát hiện từ di chỉ Ân Khư ở Hà Nam, là những văn tự từ đời Thương, còn thể hiện rõ nét chữ tượng hình. Nội dung Giáp Cốt Văn đa số nói về thiên văn, địa lý, khí tượng... nên còn gọi là Chiêm Bốc Văn Tự (văn tự để bói toán).

Chung Đỉnh Văn (鐘鼎文) còn gọi là Kim Văn hoặc Minh Văn, là chữ viết được khắc trên các vật dụng bằng đồng, xuất phát từ đời Thương, thịnh hành nhất dưới đời Châu, ghi chép những sự kiện liên quan đến tầng lớp quý tộc đương thời, như cúng tế, chinh phạt, sắc phong, săn bắn... Chữ Chung Đỉnh Văn đã cách điệu nhiều hơn Giáp Cốt Văn và đã có diện mạo gần giống chữ Triện về sau.

Đại Triện (大篆) là lối chữ bắt đầu được sử dụng vào đời Tây Châu, tương truyền là do Thái Sử Trửu (sử quan thời Châu Tuyên Vương) sáng chế. Hiểu theo nghĩa rộng, Đại Triện là tất cả các lối chữ trước khi Tiểu Triện được sáng tạo, như những chữ Khoa Đầu (chữ trông giống nòng nọc), Điều Trùng Thư (chữ viết giống như vết chân chim hoặc con giun) v.v... Hiểu đơn giản, Đại Triện là lối chữ Chung Đỉnh đã cải biến, phức tạp hơn.

Tiểu Triện (小篆) còn gọi là Tần Triện, là lối chữ được quy định dưới thời Tần Thủy Hoàng nhằm thống nhất chữ viết, và đơn giản hóa lối viết Đại Triện, tương truyền là do thừa tướng Lý Tư sáng chế. Tiểu Triện chủ yếu dùng trong kinh sách, các bài khắc trên chuông, đỉnh, văn bia, còn Lệ Thư dùng trong các mệnh lệnh ban bố, hoặc ghi chép thông thường. Chữ Tiểu Triện qua sự biến đổi của nhiều thế hệ nay thường dùng để khắc ấn.

Lệ Thư (隸書) được phát sinh từ Tiểu Triện dùng trong sự vụ thường ngày vì chữ Triện khó thể viết nhanh. Lệ Thư có lối viết vuông vắn gần như Tiểu Triện, nhưng mềm mại hơn. Lệ Thư thịnh hành nhất vào đời Hán.

Lối viết chữ chân phương, đủ nét, ngay ngắn, được gọi là Khải Thư (楷書), mềm mại, trang nhã, hài hòa, cân đối, dễ đọc, biểu lộ sự trang trọng. Hành Thư (行書) gần giống như Khải Thư, nhưng có thể bớt nét, viết tháu hơn cho tiện ghi chép nhanh chóng, hay dùng trong những văn bản không chính thức.

Chữ Thảo phóng khoáng, đơn giản hóa, nhiều khi một chữ viết theo lối Khải phải nhiều nét, nhưng viết bằng chữ Thảo thì chỉ cần một nét. Chữ Thảo dùng trong tốc ký, hoặc thư pháp.

thức. Trước kia, quan phủ ban hành cáo thị, tức những bản cáo thị bố cáo với nhân dân, đều sử dụng lối chữ Khải chân phương ngay ngắn, chỉnh tề để viết, vì sao? Tôn kính nhân dân. Không chỉ chẳng thể dùng Thảo Thư, [ngay cả] Hành Thư cũng chẳng thể dùng. Trong thư tín thông thường, nói chung, Hành Thư sử dụng [khi viết thư] cho những người ngang hàng, hoặc đối với người có vai vế thấp hơn. Nếu viết cho bậc trưởng bối, phải dùng Khải Thư, chẳng thể dùng Hành Thư. Đối với những người cùng vai vế mà có địa vị cao, hoặc người [mà chính mình] đặc biệt tôn trọng, thảy đều dùng Khải Thư.

Hiện thời như chúng tôi thấy, đích xác là rất khiến cho người khác đau lòng. Quý vị thấy mỗi thứ Sáu chúng tôi giải đáp thắc mắc, các đồng học nêu câu hỏi bèn viết ra, dùng bút nguyên tử (bút Bic) để viết, viết rất nguệch ngoạc, nhưng chúng tôi biết, người hiện thời là như vậy đấy, chúng tôi cung kính giải đáp. Nếu là xưa kia, viết tùy tiện kiểu đó, thầy sẽ chẳng trả lời! Vì sao không trả lời? [Người hỏi] chẳng có tâm cung kính! Không phải là cung kính đối với thầy, mà là đối với kính ý câu học của chính quý vị! Tôn kính sự truyền thụ! Ta tôn trọng chuyện này thì sẽ cung kính, coi trọng, vậy thì sẽ cung kính học. Đây gọi là “*một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Quý vị viết chữ nguệch ngoạc như vậy, tùy tiện như vậy, chẳng có một tí cung kính nào. Thầy dạy quý vị, quý vị cũng chẳng nghe lọt tai, đạo lý như thế đó! Chắc chắn không phải là thầy ngạo mạn. Thầy dạy học phải nhìn người, họ (người học) có tôn trọng chính họ hay chẳng? Người kính trọng chính mình thì sẽ kính trọng người khác. Kính trọng người khác thì sẽ kính trọng chính mình. Dạy quý vị bao nhiêu? Dạy quý vị như thế nào? Đều tùy thuộc trạng huống thực tế và biểu hiện của đối phương.

Tôi đã nói, trong hiện thời, tôi có nguyện vọng, nguyện vọng này có thể thực hiện hay không còn tùy thuộc phước báo. Tôi hy vọng trong tương lai sẽ dạy mười học trò, ngay lập tức có người đến ghi danh, tôi có thể thu nhận hay không? Chẳng thể được! Vì sao? Tôi muốn dạy học trò, ghi danh chẳng phải là ghi danh với tôi, mà phải thông qua khảo thí. Vì sao? Quý vị mới xứng đáng với người trong thiên hạ. Nếu không, sẽ có lỗi với người ta, cần phải qua khảo thí. Lư Giang tuyển lựa ba mươi vị thầy làm “hạt giống” [để dạy Đệ Tử Quy], cũng phải học mười năm, chọn lựa theo quy chế ghi danh. Có khoảng hơn bốn trăm người ghi danh, chỉ nhận ba mươi người! Vòng sơ tuyển khoảng chừng năm, sáu chục người [được chọn], sau đấy trực tiếp gặp mặt khảo nghiệm. Trực tiếp khảo nghiệm lại loại bớt, cuối cùng chỉ nhận ba mươi người. Đây chẳng phải là tùy tiện. Tôi chẳng thể tự mình làm chủ, phải xem duyên phận. Trường học do người khác lập ra, chẳng phải do tôi mở. Vì thế, học sinh do bọn họ đưa lại, nói chung là đều chọn lựa kỹ

càng, có đức hạnh thật sự, có thành tựu thật sự trong dạy dỗ. Nếu quý vị chẳng có thành tựu, người [được chọn] sẽ quá đông. Quý vị phải có thành tích dạy học và thành tích hoằng pháp được mọi người tán thán. Chúng tôi giúp quý vị “*đầu sào trăm thước, tiến thêm bước nữa*”. Vì thế, nếu quý vị chẳng có cơ sở, sẽ chẳng có cách nào! Tuổi tác tôi cũng đã cao, chẳng phải là trẻ trung, tôi còn có thể dạy dỗ mấy năm nữa? Chư vị nhất định phải liễu giải điều này! Nay đã hết thời gian rồi!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin xem bài kệ cuối cùng, tức bài kệ một trăm bốn mươi một:

(Kinh) Thùy miên thỉ ngủ, đương nguyện chúng sanh, nhất thiết trí giác, châu cố thập phương.

(經)睡眠始寤。當願眾生。一切智覺。周顧十方。

(Kinh: Ngủ nghỉ vừa thức, nguyện cho chúng sanh, hết thấy trí giác, nhìn khắp mười phương).

Thanh Lương đại sư có chú giải câu “*nhất thiết trí giác*” này, chúng tôi đọc một lượt.

(Sớ) Nhất thiết trí giác giả, phi duy tam thế tề minh, ức diệt thập phương động hiểu. Nhất nhật thỉ chung ký nhĩ, dư thời loại nhiên.

(疏)一切智覺者，非唯三世齊明，抑亦十方洞曉，一日始終既爾，餘時類然。

(Sớ: Hết thấy trí giác chẳng phải chỉ là ba đời đều hiểu rõ, mà còn là mười phương đều hiểu rành mạch. Một ngày từ đầu đến cuối đã là như thế, mà các thời khác cũng đều giống như vậy).

Tuy chú giải không nhiều, nhưng nói rất rõ ràng. Bồ Tát tại gia nhiều, xuất gia Bồ Tát chẳng nhiều bằng tại gia. Vì thế, trong một trăm bốn mươi một nguyện, câu đầu tiên trong nguyện thứ nhất là “*Bồ Tát tại gia*”. Chúng ta đã học điều này. “*Tri gia tánh Không, miễn kỳ bức bách*” (Biết nhà tánh Không, tránh khỏi bức bách). Một mực nói đến những điều chi ly trong cuộc sống thường ngày. Do vậy, sau khi ngủ nghe thức dậy, ngày hôm sau, Bồ Tát phát nguyện, “*nhất thiết trí giác, châu cố thập phương*”, có nghĩa là trí giác trọn khắp pháp giới hư không giới. Thanh Lương đại sư nói rất hay, “*phi duy tam thế tề minh*” (không chỉ là ba đời đều hiểu rõ), “*tam thế*” là quá khứ, hiện tại và vị lai. Chư vị hãy ngắm xem, nếu chẳng phải là “*cụ thân túc lực, sở hành*

vô ngại” (đủ sức thần túc, sở hành vô ngại), trong phần trên chúng ta đã học câu này rồi, “*thân đắc an ổn, tâm vô động loạn*” (thân được yên ổn, tâm chẳng động loạn), làm sao mà có thể đạt được năng lực như vậy? Do vậy có thể biết, đây là Bồ Tát thật sự, chẳng giả! Vì thế, ba đời đều hiểu rõ, mười phương đều biết rành rành. Chúng ta thường nói là “*hoành biến thập phương, thụ cùng tam tế*” (theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc tốt cùng ba đời). Trí giác của Ngài đều có thể thông đạt rành rẽ, hiểu thấu suốt; một ngày là như vậy, mà mỗi ngày cũng đều là như vậy.

Chúng ta biết con người chẳng có sanh tử; đương nhiên là Bồ Tát càng chẳng có sanh tử. Chúng ta học Phật thì đây là điều đầu tiên phải giác ngộ, chánh tri chánh kiến đây nhé! Sanh tử là chuyện như thế nào? Xả thân, thọ thân giống như thay một bộ quần áo, linh tánh bất diệt. Bồ Tát thuộc địa vị giác ngộ, phàm phu thuộc địa vị mê muội, tuy mê và giác khác nhau, linh tánh bất biến. Do đó, Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh, giúp gì vậy? Không gì chẳng nhằm giúp họ chuyển mê thành ngộ. Đây là công việc, là sự nghiệp của Phật, Bồ Tát, từ ngữ đơn giản được sử dụng trong nhà Phật là “*Phật sự*”. Nhưng hiện thời chữ “*Phật sự*” đã bị mọi người hiểu sai ý nghĩa. [Đối với người hiện thời], “*Phật sự*” là gì? Vì người chết làm [pháp hội] siêu độ thì gọi là Phật sự, thật ra chẳng phải vậy! Hai chữ “*Phật sự*” phát xuất từ kinh điển, có nghĩa gốc là giúp chúng sanh giác ngộ, giúp chúng sanh quay đầu. Đó gọi là “*chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển ác thành thiện*”; đây là Phật sự.

Quý vị thấy đó, có vị Phật, Bồ Tát nào chẳng dạy chúng sanh, nhà Phật nói là “*giáo hóa*”. “*Giáo*” là sự, là phương pháp, còn *Hóa* là mục tiêu. Sau khi được dạy dỗ, họ sẽ chuyển biến, dấy lên sự biến hóa. Dấy lên sự biến hóa là thành tích thấy được. Bồ Tát tự mình ứng hóa trong mười pháp giới, giáo hóa chúng sanh, đào thải tập khí vô minh của họ. Tập khí vô minh phải để cho thời gian đào thải, nhưng thời gian ấy cũng chẳng thể lường qua, cũng chẳng thể nói là ngồi đó chờ đợi, dần dần vô minh sẽ tiêu mất, chẳng phải vậy! Trong phần trước đã nói, vô minh hoàn toàn chẳng trở ngại sự, trọn chẳng ngăn ngại các Ngài thị hiện trong mười pháp giới. Chúng sanh có cảm, các Ngài bèn có ứng. Vô minh chẳng ngăn ngại cảm ứng. Do vậy, các Ngài hiện thân thuyết pháp đại tự tại! Sự đại tự tại này sẽ còn được nhắc đến trong phẩm kế tiếp.

Do vậy có thể biết, chúng ta học Phật thì mục tiêu là gì? Chư vị phải hiểu, chỉ có một mục tiêu. Trong kinh điển thường nói mục tiêu này là “*thành Phật*”, ta sẽ chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, một mục tiêu như thế đó. Mục tiêu này mới là chánh xác, chắc chắn chẳng cầu phước báo nhân thiên. Nếu trong tâm còn mong muốn phước báo nhân thiên,

quý vị sẽ chẳng đạt được mục tiêu ấy. Vì sao? Quý vị còn phải tiếp tục luân hồi không ngừng trong lục đạo, chẳng lìa khỏi lục đạo. Chẳng lìa khỏi lục đạo, quý vị hãy nghĩ kỹ đi, đời sau còn có thể được làm thân trời người hay chẳng? Luân hồi trong lục đạo là do nghiệp lực dẫn dắt, hoàn toàn chẳng có ai khác hạn chế quý vị, mà là do nghiệp lực lôi dẫn. Quý vị có nghiệp lực trời người hay chẳng? Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, đời sau muốn được làm thân người thì đệ tử Phật là Trung Phẩm Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới, như vậy thì quý vị có thể được làm thân người. Chẳng phải là đệ tử Phật, vẫn là Trung Phẩm Thập Thiện, lại còn phải [trộn vện] luân thường, đạo đức, thì mới có thể được làm thân người. Luân thường đạo đức ở chỗ nào? Đơn giản nhất, mà cũng cụ thể nhất là Đệ Tử Quy. Chớ nên coi rẻ Đệ Tử Quy. [Đã có] Đệ Tử Quy, cộng thêm Thập Thiện Nghiệp Đạo, đời sau quý vị chẳng mất thân người. Quý vị tham luyến thế gian này, bèn tu pháp này. Đây là nhân. Quý vị tu cái nhân này, sẽ đạt được quả báo này!

Nếu muốn sanh lên trời thì phải đạt tới Thượng Phẩm Thập Thiện. Cũng có nghĩa là chúng ta dùng Thập Thiện Nghiệp Đạo, dùng điểm số đạt được trong học tập Thập Thiện Nghiệp Đạo để nói thì chín mươi điểm trở lên là thượng phẩm, bảy mươi điểm trở lên là trung phẩm, chẳng đến bảy mươi điểm thì là hạ phẩm. Hạ phẩm ở nơi đâu? Tu La, La Sát, ma vương. Ma vương có phước báo; nếu không, ông ta sẽ chẳng thành ma vương. Thậm chí ma con, ma cháu đều có chút điều thiện. Vì sao họ bị đọa lạc? Tâm hạnh bất chánh, tức là trong ấy xen tạp nghiệp bất thiện, tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, xen lẫn những thứ ấy. Mỗi người đắc quả báo khác nhau, chớ nên không biết điều này.

Trong tất cả hết thảy các pháp, chân thật nhất, thù thắng nhất là Tịnh Độ. Trong đại kinh (kinh Vô Lượng Thọ), đức Phật bảo: Bao nhiêu Bồ Tát mong cầu pháp môn này mà chẳng thể được, chẳng có cái duyên này! Điều này thường được diễn tả là “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Kẻ ấy từ vô thủy kiếp đến nay chẳng có duyên với Tịnh Độ. Nay chúng ta lợi dụng phương pháp khoa học hiện đại, truyền hình vệ tinh, mạng Internet để tuyên dương pháp môn Tịnh Độ. Hiện thời, cư dân trên quả địa cầu này, những nơi khác chẳng tính, loài người gần bảy mươi ức, có được một nửa số người ấy trong một đời được nghe một tiếng A Di Đà Phật, trông thấy tượng A Di Đà Phật một lần hay không? Chẳng có! “*Chẳng có*” tức là không có duyên với Tịnh Độ. Những người ấy trông thấy tượng những vị Phật khác, tượng Thích Ca Mâu Ni Phật, hình tượng Bồ Tát, nhưng chẳng hề nghe danh hiệu Tây Phương Tam Thánh, người chẳng biết thế giới Cực Lạc quá đông!

Chúng tôi có ý nghĩ, có nguyện vọng muốn tặng Đại Tạng Kinh cho mỗi khu vực, mỗi quốc gia trên cả thế giới; đây là ước nguyện của chúng tôi. Thật sự có duyên, đã liên lạc được, họ cũng hoan hỷ muốn

có [Đại Tạng Kinh], mới chỉ hơn hai mươi quốc gia, còn chưa đến ba mươi nước. Vì có rất nhiều quốc gia chẳng có Phật giáo, khá nhiều tiểu quốc như tại Phi Châu, hoặc những đảo quốc trong Thái Bình Dương, rất nhiều tiểu quốc chẳng có Phật giáo. Chúng ta nhấn tin cho họ, kinh văn hiện thời của chúng ta phiên bản bằng tiếng Hán, họ xem cũng không hiểu, họ cũng chẳng có cách nào tìm người phiên dịch. Do vậy, quý vị bèn hiểu: Được làm thân người rất khó! Được làm thân người lại có thể nghe Phật pháp, càng khó khăn hơn nữa. Nghe Phật pháp mà có thể gặp pháp môn Tịnh Độ, loại trừ từng tầng một, đến cuối cùng, chẳng còn lại mấy! Quý vị mới hiểu pháp môn này đáng quý, chẳng dễ gặp được! [Những ai] gặp pháp môn này đều là do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tích lũy thiện căn và phước đức, đời này quý vị lại được gặp gỡ. Gặp gỡ tức là quý vị có cơ hội vãng sanh, vấn đề là quý vị có thể nắm lấy, nắm chắc cơ hội này hay không!

Hai ngày trước, còn có đồng tu kể với tôi, họ đã thật sự thọ dụng lời dạy của Ấn Quang đại sư, tức là [lời dạy về] đạo tràng nhỏ. Đồng tu của họ có mấy người? Đại khái khoảng mười người, Ấn Quang đại sư quy định hai mươi người, họ [chỉ có] mười người. Ở trong núi, cũng là dựng mấy căn nhà, dựng nhà rất vững chãi, cũng ở tại Úc, ở trên núi, chẳng có dấu chân người bèn mảng, ở nơi không có ai đến. Niệm Phật tu hành ở nơi đó. Mười người sống tại đó, ai nấy tự động chẳng nói chuyện, cũng chẳng có ai nhắc “*chỉ ngữ*” (止語, đừng nói), chẳng có người nào nói chuyện, hết sức an tĩnh. Phước báo ấy lớn lắm, mỗi ngày nghe kinh bốn tiếng đồng hồ, nghe từ đĩa DVD. Tôi đề nghị với họ, [nghe giảng] một bộ kinh là đủ rồi, chớ nên xen tạp. Nghe kinh Vô Lượng Thọ, nghe xong một lượt, lại nghe từ đầu, cái tâm của quý vị chắc chắn sẽ định. Niệm một câu Phật hiệu đến cùng, trong mười hai thời, có thể gìn giữ chẳng gián đoạn, có thể giữ sao cho chẳng có vọng tưởng. Ý niệm vừa mới dấy lên bèn A Di Đà Phật, đập tan vọng tưởng ấy. Bất luận vọng tưởng là thiện hay bất thiện, đều chẳng quan tâm tới nó. Chỉ cần có ý niệm dấy lên bèn “*A Di Đà Phật*”, ý niệm lập tức quy vào A Di Đà Phật. Tu hành ở nơi ấy, mười người tu, mười người vãng sanh. Đến thế giới Cực Lạc, bèn trở thành mười vị Bồ Tát, công đức vòi vọi thay!

Do vậy, nói đến chỗ này, chư vị phải hiểu, chính mình có phước báo này; đây là phước báo chân chánh. Có thể điều gì cũng đều buông xuống, cuộc sống có người cúng dường, chính mình chẳng cần bận lòng, suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, đại phước báo đấy nhé! Người thế gian chẳng mấy ai có phước báo ấy, công đức của người hộ pháp chẳng thể nghĩ bàn! Đạo tràng ấy là tư nhân, [chủ nhân của đạo tràng ấy] cũng là đệ tử Phật môn, chính người ấy có công việc. Mua cuộc đất ấy, đất cũng không nhỏ. Tính theo cách tính toán của Trung

Hoa thì khoảng chừng gần một ngàn mẫu. Chính mình dựng một Niệm Phật Đường tại đó, có thể cúng dường hai mươi người, tự mình phát tâm! Quý vị có thể thành tựu nhiều người vãng sanh như vậy, đến khi quý vị lâm chung, chỉ cần quý vị thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, tôi tin là quý vị sẽ được Phật, Bồ Tát gia trì, Phật, Bồ Tát sẽ giúp đỡ quý vị. Bài tế văn của Đại Từ Bồ Tát chính là thư bảo đảm. Người ấy thật sự biết tu phước, vì hoàn cảnh người ấy khá lắm, cúng dường tiền sinh hoạt cho hai mươi người chẳng có vấn đề gì. Người ấy cũng chẳng hóa duyên, một mình làm công đức chủ, mời hai người ở trên núi chuyên lo liệu bếp núc, nấu cơm, cúng dường người niệm Phật. Nếu phát nguyện giống như ông Hoàng Trung Xương, sám hối như vậy, tôi tin tưởng là ba năm chắc chắn thành tựu. Vì hoàn cảnh tu học của ông Hoàng Trung Xương so ra chẳng bằng nơi đó. Nơi đó mới là chỗ thật sự thanh nhàn, u tĩnh, chẳng có dấu chân người, chẳng có ai đến đó.

Gần đây nhất, các đồng học ở Úc Châu Học Viện gọi điện thoại cho tôi, bảo họ cũng mua hai cuộc đất ở trong núi, diện tích cũng rất lớn, tính theo kiểu Trung Hoa thì cũng cỡ hơn một ngàn mẫu. Họ bảo tôi, họ chuẩn bị dùng lều kiểu Mông Cổ tại đó. Cách này cũng rất đặc biệt, càng thuận tiện hơn dựng nhà. Tôi trước hết bảo họ, họ hỏi tôi nên dựng bao nhiêu lều. Tôi nói: Trước hết, quý vị hãy thử xem, trước hết làm hai mươi cái [lều] là được rồi. Đại khái, một cái lều Mông Cổ có thể ở được bốn người. Bốn người là một Chúng. Tôi nói chúng ta có thể mua trước hai mươi cái lều Mông Cổ, dựng ở đó mười cái. Khéo gìn giữ, lều Mông Cổ có thể sử dụng khoảng năm năm, sử dụng năm năm chẳng có vấn đề gì! Nghiêm túc niệm Phật, năm năm sẽ vãng sanh, thành tựu rồi! Vì thế, tại cuộc đất ấy, chúng ta chỉ cần dựng một Phật đường, cất một nhà bếp và nhà ăn, rất thuận tiện, chẳng cần xây cất liêu phòng, liêu phòng đều ở trong lều Mông Cổ. Nghe nói hiện thời lều Mông Cổ cũng được nghiên cứu rất khá, trong lều Mông Cổ còn có thiết bị vệ sinh, chuyện này rất khó có! Thật sự có đại phước báo! Tôi nói học viện cũng khá lắm, học viện làm công đức chủ, người thật sự niệm Phật đều có thể tiếp nhận. Bất quá, việc cư trú tại Úc bị hạn chế rất nghiêm ngặt. Thông thường, những du khách nhập cảnh, cục Di Dân chỉ cho ở ba tháng, hết ba tháng nhất định phải ra khỏi nước, rất khó xin ở dài hạn tại đó. Đương nhiên là đối với các đồng tu được cư trú vĩnh viễn tại đó, chuyện này rất thuận tiện. Đây là tôi tiện dịp nhắc đến với quý vị, hoàng dương và hộ trì phải phối hợp mật thiết, vô lượng công đức! Đặc biệt là trong thời đại này.

Bồ Tát, nhìn từ bài kệ này, bài kệ này là tổng kết, kết luận rất hay! Niệm nào cũng đều chẳng quên chúng sanh, niệm nào cũng đều chẳng quên nâng cao linh tánh của chính mình. Mỗi ngày đều phản tỉnh, đều kiểm điểm, đều sửa lỗi, đều sám hối, quý vị mới chẳng ngừng tiến

cao hơn. Thành tích là gì? Phiền não mỗi ngày một nhẹ hơn, trí huệ mỗi ngày một tăng trưởng, tự hành, hóa độ người khác. Tự hành là hóa độ người khác, hóa độ người khác nhất định là tự hành. Chúng là một, không hai. Ở trong núi thẳm, chính mình tu hành niệm Phật, hóa độ người khác bằng cách nào? Rất nhiều chúng sanh mà nhục nhãn của quý vị chẳng trông thấy, họ trông thấy quý vị, quý vị chẳng thấy họ. Quý vị tu hành đúng pháp, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, đều có thể tùy thuận giáo huấn của đức Phật. Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, hết thảy các chúng sanh thuộc những chiều không gian bất đồng tiếp nhận giáo huấn, sự hành xử của quý vị là khuôn mẫu cho họ. Vì thế, bản thân quý vị là cá nhân tu hành, chẳng biết chẳng hay sẽ ảnh hưởng rất nhiều chúng sanh, làm sao nói chẳng phải là hóa độ người khác cho được?

Đối với mỗi người chúng ta, Nho gia nói là “*thận độc*” (慎獨), tức là ở một mình vẫn phải rất thận trọng, đều phải rất như pháp, đều chớ nên tùy tiện! Vì sao? Có quỷ thần. Người Hoa thường nói “*cử đầu tam xích hữu thần minh*” (trên đầu ba thước có thần minh), đừng tưởng là chẳng có ai thấy. Con người chẳng thấy, quỷ thần trông thấy, người xung quanh chẳng nhiều, chứ quỷ thần đông lắm. Do vậy, khởi tâm động niệm, nhất cử nhất động, đều giữ đúng quy củ, chẳng trái phạm giới luật, nhất định phải biết điều này. Giới là Phật thân, Luật là hành vi của Phật, Thiên là Phật tâm, Giáo là ngôn ngữ của Phật. Như vậy thì mới thật sự là niệm niệm tiếp nối. Cổ đức bảo: “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Chính mình đạt được cảm ứng, cũng ảnh hưởng đến khá nhiều chúng sanh chung quanh. Đây mới là “*nhất thiết trí giác, châu cổ thập phương*” (hết thảy trí giác, nhìn khắp mười phương). Trong thập phương có ba đời, tức quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây là “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Do đó, nếu quý vị làm được câu này, ba câu sau nhất định phải chú tâm cẩn thận nỗ lực thực hiện, đoạn phiền não, học pháp môn.

Nay chúng ta học pháp môn, pháp môn chỉ có một. Tổ sư đại đức cũng thường dạy chúng ta điều này, “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”. Vì thế, học Giáo, học Pháp, quý tinh, chẳng quý nhiều. Kinh luận nhà Phật rất nhiều, quý vị chỉ cần học một môn, phải tinh ròng. Tinh ròng thì sẽ có thể thông, “*thông*” là xuyên suốt. Một kinh đã thông, sẽ có thể xuyên suốt hết thảy các kinh. Cổ đại đức thường nói: “*Một kinh thông, hết thảy các kinh đều thông*”. [Suy rộng ra], một pháp môn đã thông, hết thảy các pháp môn đều thông. Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức vì dạy học cho tiện, thường đề cao một môn; thật ra, các Ngài thứ gì cũng đều thông, chẳng có gì không thông! Tôn giả Ca Diếp đề cao Thiên, Ngài chẳng thông Giáo ư? Ngài chẳng trì giới ư? Thứ gì cũng đều thông, chẳng có môn gì không thông. Vì phải tiếp dẫn loại căn tánh ấy,

cho nên Ngài dùng phương pháp ấy để đề cao. Ngài A Nan đề cao Giáo, đa văn bậc nhất, chẳng lẽ Ngài không hiểu Thiên, không hiểu Mật? Đều thông suốt! Chẳng có gì không thông suốt. Nếu quý vị không thông, sẽ là một kẻ tàn phế. Tàn phế như thế nào? Quý vị chẳng hoàn toàn. Tôi vừa mới nói đây thôi, Giới là Phật thân, tôn giả Ca Diếp chẳng trì giới ư? Luật là Phật hạnh, Thiên là Phật tâm, Giáo là Phật ngôn, bốn món đều đầy đủ; đây là một người tốt, người khỏe mạnh. Nếu chỉ có ba điều, thiếu một, tàn phế rồi. Có một điều, thiếu ba điều kia, còn nói gì được nữa, há có đạo lý ấy! Do vậy, chư vị nhất định phải hiểu, đã đạt được một môn, môn nào cũng sẽ đều đạt được.

Chúng ta sơ học thì chọn lấy một kinh, giới luật nhất định phải vâng giữ. Vì sao? Quý vị chẳng có giới, sẽ chẳng thể tiêu nghiệp chướng được! Tập khí của quý vị chẳng sửa đổi được, tâm quý vị chẳng định nổi. Do Giới đắc Định. Do vậy, ở trên núi niệm Phật thì chiêu theo quy định về thời gian làm tụng và nghỉ ngơi trên núi để làm. Đó gọi là trì giới. “*Chỉ ngữ*” đề tu tâm thanh tịnh, đây chính là Thiên. Hằng ngày còn có mấy giờ nghe kinh, đây là Giáo. Một câu Di Đà, chuyên cầu Tịnh Độ, “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”.

Do vậy, bất cứ một môn nào trong Phật pháp cũng đều là quán thông hết thấy các pháp môn. Sợ nhất là gì? Sợ nhất là quý vị học quá tạp, học quá nhiều. Đó là thứ gì cũng đều chẳng thông! Thứ gì cũng đều chẳng thông tức là toàn bộ đều chẳng thông, đây là học sai mất rồi! Một vị thầy thật sự tốt đẹp chắc chắn sẽ chẳng dạy quý vị như vậy. Thầy giỏi, căn cơ của quý vị tốt đẹp cỡ nào đi nữa, vẫn đều dạy quý vị thâm nhập một môn. Căn cơ của quý vị tốt đẹp, sẽ ngộ rất mau, quý vị tốn rất ít thời gian để thông đạt. Căn cơ kém hơn một chút, cần thời gian dài. Nhưng chẳng thể tu tập nhiều [thứ cùng một lúc], chớ nên xen tạp. Hễ nhiều và tạp thì sẽ loạn, thứ gì quý vị cũng đều chẳng thể đạt được. Trước kia, nói đến phương pháp này, nhiều người tin tưởng; hiện thời, giới thiệu với người ta phương pháp này, chẳng có ai tin tưởng! Vì sao? Phong khí trong toàn thể xã hội đã thay đổi, biến đổi. Người hiện thời tôn sùng khoa học kỹ thuật; trên thực tế, khoa học kỹ thuật cũng nhấn mạnh “*thâm nhập một môn*”, nhưng khi mới học thì những môn học cơ sở rất nhiều. Tuy là thâm nhập một môn, họ chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế, nói thế nào đi nữa, vẫn là pháp thế gian, chớ nên không biết điều này! Pháp thế gian chẳng thể quán thông hết thấy các pháp. Họ học một môn, môn ấy là sở trường của họ, những môn khác thì “*khác nghề như cách núi*”! Đạo lý ở chỗ này.

Sau câu này, Thanh Lương đại sư đã chú giải bằng một câu “*nhất nhật thi chung ký nhĩ*” (một ngày từ đầu đến cuối đã là như thế), chúng ta phải đặc biệt lưu ý. “*Một ngày*” chính là từ sáng đến tối. Quý

vị thấy một trăm bốn mươi một nguyện đều nói về khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác trong một ngày, cũng chính là đối với cuộc sống, công việc, hết thảy nhân sự gặp gỡ trong suốt một ngày, quý vị đã dùng cái tâm gì vậy? Từ một trăm bốn mươi một nguyện, ta thấy được dụng tâm của Bồ Tát, chúng ta có dụng tâm giống như vậy hay chẳng? Nếu chúng ta chẳng dụng tâm giống như vậy, sẽ chẳng phải là học Hoa Nghiêm, chẳng phải là học Đại Thừa. Học Đại Thừa, học Hoa Nghiêm, nhất định phải dụng tâm giống như thế.

Hiện thời, Phật pháp đã suy, chúng ta hết sức đau lòng. Phật pháp đã suy mà chẳng có đại sư xuất hiện! Bất luận tông phái nào, đều chẳng có được một vị giống như những vị tổ sư đại đức thời cổ. Người học Phật chẳng có gương mẫu, chẳng có khuôn phép, chẳng biết bắt đầu học từ nơi đâu! Thầy của tôi hiểu hết sức rõ ràng, rất yêu thương, che chở bọn học trò chúng tôi, đặc biệt giới thiệu một tấm gương, tức Ấn Quang đại sư, Ngài sống gần thời chúng ta. Nhưng Ngài cũng đã vãng sanh, chẳng còn tại thế, thân cận Ngài bằng cách nào? Ấn Quang Đại Sư Văn Sao vẫn còn trên đời, quý vị hãy thường xuyên đọc, y giáo phụng hành, quý vị sẽ là học trò của tổ Ấn Quang. Nhất tâm chuyên tu Tịnh Tông, tuyệt đối chẳng sai lầm. Nương tựa vào một người thật sự đáng nương tựa. Nay chúng ta học kinh Hoa Nghiêm, chúng ta nương cậy ai? Nay chúng ta học Hoa Nghiêm cậy vào [tác phẩm chú giải của] hai vị, tức là Sớ Sao của Thanh Lương đại sư và bộ Hợp Luận của Lý trưởng giả. Chúng ta chọn khóa bản (sách giáo khoa để học tập) là Sớ Luận Toàn Yếu. Bộ Toàn Yếu do thiên sư Đạo Bái, tức phương trượng chùa Dũng Tuyên ở Cổ Sơn, Phước Châu, biên tập trong niên hiệu Càn Long. Đây là một vị hết sức khó có, cũng là một vị đại đức rất lỗi lạc. Ngài đã gộp chung Sớ Sao và Hợp Luận, chúng tôi chọn bản này [để giảng giải]. Những phần rườm rà Ngài đều lược bớt, thuận tiện cho kẻ sơ học.

Học tập thì quan trọng nhất là như cổ đại đức đã nói, “*tùy văn nhập quán*” (隨文入觀, thuận theo kinh văn mà quán tưởng), chúng ta mới thật sự có thọ dụng, tức là nếu nhập cảnh giới của Ngài, sẽ được thọ dụng thật sự. Chẳng nhập cảnh giới của Ngài, phải nỗ lực. Chẳng nhập cảnh giới của Ngài thì hiện thời quý vị nghe giảng, đọc tụng, hoặc học tập, chỉ kết pháp duyên với Hoa Nghiêm mà thôi. Vì sao? Quý vị chẳng được thọ dụng trong hiện tiền. Nếu đã được thọ dụng, xác thực là tư tưởng biến đổi, kiến giải biến đổi, cuộc sống biến đổi, thái độ xử sự, đãi người tiếp vật của chúng ta thay đều biến đổi, đây là được thọ dụng! Đây là gì? Đây gọi là “*biến hóa khí chất*”, sau khi đã học, sẽ thật sự nảy sanh biến hóa.

Từ chỗ này, quý vị bèn liễu giải, phẩm kinh Tịnh Hạnh này chú trọng nơi hạnh, tức hạnh thanh tịnh. Nếu quý vị có thể thực hiện trọn

hết một trăm bốn mươi một nguyện này, thấy đều làm được, quý vị sẽ giống như một vị Bồ Tát. Nay quý vị học theo Ngài, nhưng khi học, quý vị vẫn chẳng làm được, làm chẳng giống, do nguyên nhân nào vậy? Quý vị chẳng có nền tảng giới luật, quý vị bèn biết tầm trọng yếu [của giới luật]. Đối với mức độ thấp nhất thì Bồ Tát Giới, Sa Di Luật Nghi, Tỳ Kheo Giới, tôi không nói tới, [tôi chỉ nói] Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện Nghiệp Đạo, lại còn thêm Đệ Tử Quy của Nho gia, Cấm Ứng Thiên, hoặc là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn của Đạo gia. Quý vị đã có cơ sở này, lại học một trăm bốn mươi một nguyện, sẽ có đôi chút tương tự. Mỗi nguyện đều có thể thực hiện, sẽ thật sự giống như một vị Bồ Tát. Quả thật là như thế, quý vị trên là cảm ứng đạo giao cùng chư Phật, Bồ Tát, dưới thì cũng khởi tác dụng cảm ứng đạo giao cùng hết thầy trời, người, thiện thần.

Tôi vừa mới nói, tự hành chính là hóa độ kẻ khác. Hóa độ kẻ khác thật sự cậy vào tự hành. Kinh chẳng phải là đề giảng suông, nó chẳng phải là huyền học. Kinh Hoa Nghiêm đặc biệt đề cao Phổ Hiền là trưởng tử, coi ngài Văn Thù là thứ nam, tức lão nhị. Văn Thù biểu thị trí huệ, Phổ Hiền biểu thị Hạnh, ta biết điều quan trọng nhất trong bộ kinh này là phải thực hiện nơi Hạnh, Giải đứng hàng thứ hai. Đương nhiên là Giải và Hạnh quyết định tương ứng; quý vị chẳng giải, làm sao có thể hành cho được? Nhưng có rất nhiều kẻ đã giải, nhưng chẳng hành được. Do vậy, đặc biệt nhấn mạnh “đã giải rồi thì phải hành!” Giải một phần, hành một phần. Giải hai phần bèn hành hai phần. Quý vị đọc kinh sách hằng ngày, [sẽ cảm nhận] mỗi lần mỗi khác, như vậy thì mới có pháp hỷ sung mãn! Mỗi lần mỗi khác, có nghĩa là quý vị mỗi ngày đều dấy lên sự biến hóa, nói theo cách bình phàm hiện thời thì là mỗi ngày quý vị đều có tiến bộ, lẽ đâu chẳng hoan hỷ cho được? Mỗi ngày đều có ngộ xứ, giống như mỗi ngày đều có thấu hoạch, phát hiện những thứ mới mẻ. Sau đây, quý vị mới thật sự thấu hiểu, thật sự khởi tâm cung kính vô thượng đối với Phật, đối với Pháp. Vì sao? Mới liễu giải nguyên lai từng câu từng chữ đúng là chứa đựng vô lượng nghĩa! Mỗi ngày thấy nhiều hơn một chút, mỗi năm nhiều hơn; do đó, tâm hoan hỷ chẳng thoái chuyển, vĩnh viễn tăng cao hơn!

Nói theo kiểu thông thường hiện thời, tâm hoan hỷ chính là bí quyết bậc nhất để dưỡng thân. Cổ nhân thường nói, “*nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng*” (người gặp chuyện vui tinh thần sáng khoái). Quý vị hoan hỷ, tinh thần tốt đẹp, rất sung sướng, thân tâm khỏe mạnh. Dầu là một thân thể, quý vị chẳng biết, chẳng chiếu theo một nguyên tắc lãnh mạnh để bảo dưỡng, nhưng tâm quý vị lãnh mạnh thì cũng được. Đây là điều khó có nhất. Thường sanh tâm hoan hỷ, chẳng có tham, sân, si. Tham, sân, si được gọi là Tam Độc phiền não. Tham, sân, si, mạn, nghi, quý vị thấy đều đoạn trừ, chẳng tham luyến thuận cảnh, thiện duyên,

chẳng sân khêu vì nghịch cảnh, ác duyên, pháp thế gian và xuất thế gian đều hiểu rõ ràng, phân minh. Trong phần trước đã nói “*nhất thiết trí giác*”, [tức là] chẳng ngu si, chẳng hoài nghi, chẳng kiêu căng, ngã mạn, quý vị tự tại lắm, lẽ nào thân tâm của quý vị chẳng khỏe mạnh? Chỉ trong giáo pháp Đại Thừa mới có điều này. Chẳng đạt đến cảnh giới này, phải chú ý giữ gìn thân tâm lành mạnh, đến lúc đó là đã vượt trời, hoàn toàn khác hẳn. A! Ngày mai có thể viên mãn phẩm này, phần sau còn có một ít văn Trường Hàng. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!

Tập 1576

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Xin hãy xem phẩm Tịnh Hạnh thứ mười một, xem đoạn lớn cuối cùng của cả phẩm, đoạn thứ ba này [được phán định là] Kết Thán Nhân Sở Thành Ích (結歎因所成益, tổng kết tán thán những điều lợi ích được tạo thành bởi cái nhân). Đây là đề mục của khoa này. Chúng ta đọc kinh văn một lượt.

(Kinh) Phật Tử! Nhược chư Bồ Tát như thị dụng tâm, tắc hoạch nhất thiết thắng diệu công đức, nhất thiết thế gian chư thiên, ma, Phạm, sa-môn, Bà-la-môn, Càn-thát-bà, A-tu-la đấng, cập dĩ nhất thiết Thanh Văn, Duyên Giác, sở bất năng động.

(經)佛子。若諸菩薩如是用心。則獲一切勝妙功德。一切世間諸天魔梵沙門婆羅門乾闥婆阿修羅等。及以一切聲聞緣覺。所不能動。

(Kinh: Nay Phật Tử! Nếu các vị Bồ Tát dụng tâm như thế, sẽ đạt được hết thảy công đức thù thắng, nhiệm mầu, hết thảy chư thiên, ma, Phạm, sa-môn, Bà-la-môn, Càn-thát-bà, A-tu-la v.v... cùng với hết thảy Thanh Văn, Duyên Giác đều chẳng thể lay động).

Trong phần tổng kết, chúng ta học tập phải đặc biệt chú trọng câu đầu tiên “*như thị dụng tâm*” (dụng tâm như thế). Bồ Tát được nói đến ở đây không phải là hạng Bồ Tát bình phàm, mà là Bồ Tát gì vậy? Phật, Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm. Tiêu chuẩn của Phật, Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm ở ngay trong phẩm kinh này, các đồng học học Phật chúng ta ắt phải ghi nhớ, phải dụng tâm giống như các vị Bồ Tát. Bản thân chúng ta phải nghiêm túc khéo phản tỉnh, trong cuộc sống hằng ngày, công việc, xử sự, đãi người tiếp vật, có thật sự thực hiện Bồ Tát hạnh hay không? Vào những năm đầu thời Dân Quốc, Thái Hư đại sư, tôi nghĩ khá nhiều người đã được nghe đức hiệu của lão nhân gia, pháp

sư Ấn Thuận ở Đài Loan là học trò của Ngài. Pháp sư Ấn Thuận cũng đã vãng sanh, [ngài Ấn Thuận] mất vào lúc một trăm tuổi, hết sức khó có. Thuở tại thế, vào lúc tuổi già, Thái Hư đại sư đặc biệt đề xướng Bồ Tát Học Xứ. Ở Đài Loan, khi hai mươi mấy tuổi, tôi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, nghe danh từ Bồ Tát Học Xứ như vậy bèn rất hoan hỷ, nhưng rốt cuộc Bồ Tát Học Xứ là gì? Đến khi đọc kinh Hoa Nghiêm, giảng kinh Hoa Nghiêm, mới biết nội dung của Bồ Tát Học Xứ.

Bồ Tát Học Xứ là học gì vậy? Có thể nói cốt lõi của nó chính là một trăm bốn mươi một nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh. Có thể nói một trăm bốn mươi một nguyện ấy chính là một câu nói trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã bảo: “*Nhược năng chuyển vật, tức đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển vật, sẽ giống như Như Lai). Quý vị thấy các vị Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm, sáu căn của các Ngài tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, dấu vi tế cách mấy đi nữa (nay trong giới học thuật nói là “*vĩ mô, vi mô*”). Vĩ mô (macroscopic scale) là lớn vô hạn, còn vi mô (microscopic scale) là nhỏ vô hạn), lục căn của Bồ Tát tiếp xúc [những cảnh giới ấy], không có gì chẳng trở về Tánh Đức. Trở về bằng cách nào? Phẩm kinh này là sách giáo khoa tốt nhất, [do học kinh này], chúng ta mới hiểu: Thấy đều trở về Tánh Đức. Thật sự có thể làm được, xác thực là bậc thầy khuôn mẫu cho trời người. Đức hạnh của quý vị không chỉ là kiêu mẫu, gương mẫu tốt nhất cho người thế gian trong nhân gian, mà còn là tấm gương tốt đẹp cho chư thiên, thánh chúng.

Hôm nay, chúng ta tổng kết: “*Bồ Tát như thị dụng tâm*” (Bồ Tát dụng tâm như thế), nêu rõ tu nhân nhất định có quả báo, “*tất hoạch nhất thiết thắng diệu công đức*” (sẽ đạt được hết thảy công đức thù thắng, nhiệm mầu). Đây là quả báo. “*Thắng*” (勝) là thù thắng, “*diệu*” (妙) là vi diệu. “*Nhất thiết*” (一切) là đông nhiều. Vì sao? Niệm nào cũng đều trở về tự tánh, niệm nào Tánh Đức cũng đều lưu lộ. Đây là Pháp Thân Bồ Tát. Chúng ta biết Pháp Thân Bồ Tát là Phần Chứng Tứ Phật; do đó, phía sau nói “*nhất thiết thế gian chư thiên*” (hết thảy chư thiên trong thế gian), cho đến “*Thanh Văn, Duyên Giác*”, “*sở bất năng động*” (chẳng thể lay động). “*Bất năng động*”: Quý vị thấy Định Huệ của bậc Bồ Tát trong hội Hoa Nghiêm chắc chắn chẳng bị ảnh hưởng bởi hết thảy thế gian, chư thiên, cho đến Thanh Văn, Duyên Giác. Bất luận thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên, hễ tiếp xúc, sẽ đều quy vào Tánh Đức, Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Hai câu sau trong mỗi nguyện đều là [Tánh Đức lưu lộ]. “*Thắng diệu công đức*”: Trong phẩm Tịnh Hạnh chỉ nói một câu, nói tổng quát mơ hồ một câu. Hết thảy công đức thắng diệu là gì? Phẩm kinh kế tiếp là phẩm Hiền Thủ, phẩm Hiền Thủ chỉ chuyên nói về công đức thắng diệu. Nói cách khác, phẩm Tịnh Hạnh là tu nhân, phẩm Hiền Thủ là quả báo. Quý vị tu cái nhân làm sao không có quả báo cho được?

Sợ nhất là bản thân chúng ta do mê hoặc mà đi sai đường! Trong Phật môn, đọc tụng Hoa Nghiêm, học tập Hoa Nghiêm mà quý vị đi vào tà đạo, điều này đáng sợ nhất! Thời Thích Ca Mâu Ni Phật đã có tình hình này, lại còn rất nhiều, đến thời đại Mật Pháp chẳng cần phải nói nữa. Kẻ khác đi theo đường tà, chẳng ăn nhằm gì đến ta, sợ nhất là chính mình đi theo đường tà mà bản thân không biết, đây mới là thật đáng thương! Tự mình cứ ngỡ học Phật rất đúng pháp, đến cuối cùng, đọa lạc trong ma đạo, đọa lạc trong tà đạo, thậm chí đọa lạc trong tam đồ, quý vị cũng chẳng thể trách Phật không chiếu cố quý vị. “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”. Phật chiếu cố quý vị, chính quý vị chẳng tiếp nhận, chính quý vị bài xích, [vậy là] chẳng có cách nào hết! Đức Phật dạy chúng ta học tập, phải tuân tự tiến dần dần, chẳng thể vượt cấp. Nếu chính mình chẳng chứng đắc, tự ngỡ là mình đã chứng đắc, còn khoe khoang trước mặt kẻ khác, Phật pháp gọi điều này là Tăng Thượng Mạn, quả báo ở trong tam đồ. Người sáng mắt thấy rất rõ ràng, chính mình hoàn toàn chẳng biết, cứ tự cho là đúng! Đây là do nguyên nhân nào? Học tập nhảy cấp, ưa cao chuộng xa! Trong phẩm kinh kế tiếp, có một đoạn kinh văn nói rất cặn kẽ [chuyện này].

Do vậy có thể biết, nói chung, đức Phật dạy kẻ sơ học điều đầu tiên là phải trì giới, điều thứ hai là phải tu phước. Nếu sơ sót giới luật, “ta chẳng cần trì giới, ta tu Định ngay, ta học Giáo ngay”, có thể thành tựu hay không? Từ xưa tới nay, chẳng tìm thấy một ai! Quý vị cứ tìm đi, tìm trong lịch sử xưa nay, trong ngoài nước, quý vị chẳng tìm thấy một người! Giới đối với sự tu học của chúng ta, bất luận quý vị học Giáo, học Thiên, học Mật, hay học Tịnh Độ, giới luật là môn học chung, là môn học cơ sở. Bỏ Giới, sẽ chẳng có Phật. Cổ đại đức nói rất hay, “*giới là Phật thân*”. Quý vị chẳng có giới, tức là chẳng có thân, lấy gì để tu? Luật là Phật hạnh. Chẳng có luật, sẽ chẳng phải là hành vi của Phật. Luật là gì? Luật nghi. Chúng ta nói tới giới luật và oai nghi. Người thế gian thường nói “*oai nghi*” là phong độ, hoặc phong thái. Oai nghi từ đâu ra? Do trì giới mà có! Chỉ có trì giới, tâm mới thanh tịnh. Học giới phải theo cách nào? Nhất định là học từ Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo là cơ sở của giới luật. Trước hết, hãy tu Thập Thiện, sau đây mới thọ Tam Quy, Ngũ Giới.

Hiện thời, Phật môn suy vi, chẳng thể trách móc người khác. Cổ thánh tiên hiền đã nói thật hay: “*Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ*” (Có điều gì chẳng làm được, hãy xét lại mình). Khi chúng ta làm [chuyện gì đó] không suông sẻ, nhất định phải phản tỉnh kỹ càng, hãy tự mình suy nghĩ, không suông sẻ rốt cuộc là do sai sót ở nơi đâu, quý vị sẽ tìm được. Nảy sanh [sai sót] ở chỗ nào? Nảy sanh từ chỗ chúng ta đã sơ sót nơi giáo dục cơ sở, đã sơ sót Thập Thiện Nghiệp Đạo, chẳng thực hiện từ chỗ này. Mười điều ấy (Thập Thiện) chẳng phải là giới

luật, mà là thiện hạnh. Nói cách khác, đó là luân lý đạo đức cơ bản để làm người, quý vị mới được coi là người. Quý vị có thể làm thân người, trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, trong quá khứ đã tu Trung Phẩm Thập Thiện. Đây là Dẫn Nghiệp, dẫn dắt quý vị được làm thân người trong đời này. Tuy được làm thân người, vận mạng mỗi người khác nhau, nghèo hèn, giàu sang, cát, hung, họa, phước, đó là Mẫn Nghiệp, do trong đời quá khứ đã tạo tác nghiệp thiện hoặc bất thiện cảm vùi. Người sống trong thế gian này, hiện thời rất nhiều người không hiểu chân tướng sự thật này, lại còn cho rằng những điều Phật, Đạo, hoặc cổ thánh tiên hiền đã nói đều là mê tín, đều là truyền thuyết, chẳng qua nổi khẩu nghiệp khoa học.

Khoa học dạy chúng ta những gì? Khoa học dạy chúng ta phải cạnh tranh, muốn chúng ta chuyện gì cũng giành hạng nhất. Mỗi cá nhân đều tranh đấu đến nổi toác đầu tuôn máu, đến cuối cùng vẫn chẳng đạt được gì, rỗng tuếch tuềnh toang! Sinh không đem tới, chết chẳng mang theo. Họ bảo chúng ta có quan niệm tiêu cực. Đây là sai lầm, coi chân tướng sự thật là mê tín, là tiêu cực. Cái tích cực [trong quan niệm của họ, thật ra] đã tạo thành một thân đầy tội nghiệp. Bất luận quý vị tin hay không, quý vị đều có đời sau, sẽ phải hứng chịu quả báo, tội gì phải vậy! Được làm thân người, nghe Phật pháp, quá may mắn! Xã hội Trung Hoa từ xưa tới nay, tối thiểu có năm ngàn năm lịch sử được ghi chép! Lãnh thổ rộng lớn dường ấy, dân chúng phức tạp như thế, chung sống với nhau mà có thể tôn trọng lẫn nhau, nhường nhịn lễ độ với nhau, yêu kính lẫn nhau, hỗ trợ hợp tác, duy trì xã hội an định, hòa bình, dựa vào gì vậy? Giáo huấn của thánh hiền. Từ bé đã tiếp nhận giáo học luân lý đạo đức, suốt năm ngàn năm chẳng gián đoạn. Hiện thời đã đứt đoạn, tôi thường nói, gián đoạn lần này thời gian khá dài, tối thiểu là tám mươi năm, cho nên chúng ta chịu đau khổ nhiều ngàn ấy, phải nên phản tỉnh.

Phương Tây thì văn minh khoa học kỹ thuật phát triển, đến giữa thế kỷ hai mươi, [bắt đầu thấy có] trục trặc, người phương Tây bắt đầu phản tỉnh. Vì họ thấy rất rõ ràng, cứ tiếp tục giống như vậy, phát triển theo khoa học kỹ thuật, công thương nghiệp cạnh tranh không có giới hạn, tương lai sẽ là gì? Tương lai sẽ là tận thế. Khá nhiều tôn giáo ngoại quốc nói tận thế vào năm nào? Vào năm 2000 Tây Lịch. Năm 2000 đã qua, năm 2100 chưa đến, năm nay mới là năm 2006. Tôi nghe có những người nói sợ rằng năm 2100 sẽ rất khó vượt qua... Trước kia, người Hoa đã bói toán, chẳng phải là bói vận mạng cá nhân, chẳng phải là bói vận mạng của quốc gia, mà bói vận mạng cho cả thế giới. Thế giới có định số, nhưng chúng ta biết nó cũng có biến số. Nếu toàn bộ giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ của tổ tiên chẳng thể phục hưng trong lúc này, phổ cập cả thế giới, định số ấy sẽ rất có thể xảy ra.

Nếu giáo dục của cổ thánh tiên hiền thật sự có thể hưng vượng trong lúc này, phổ cập toàn thế giới, định số ấy lại có biến số, biến số ấy sẽ rất lớn.

Quý vị thấy thầy tướng số đoán vận mạng lưu niên cho ông Viên Liễu Phàm, thọ mạng của ông Viên chỉ có năm mươi ba tuổi. Thiền sư Vân Cốc chẳng dạy ông Viên điều chi khác. Tiên sinh Viên Liễu Phàm đã học luân lý, đạo đức, nhân quả, trí huệ, đều đã học, nhưng học chẳng đủ, chẳng chuyên nội định nghiệp. Thiền sư Vân Cốc dạy ông Viên tăng cường, không ngừng tăng cường, tăng cường không có hạn định. Kết quả là định số của ông Viên biến đổi. Ông ta là một người đọc sách, tham gia khảo thí, thứ tự đỗ đạt tăng cao dần. Không tiên sinh đoán ông Viên đỗ hạng ba, ông Viên đậu hạng nhất, mỗi năm thu nhập gia tăng, bổng lộc gia tăng. Nay chúng ta làm Liễu Phàm Tứ Huấn thành hai đĩa DVD, được lắm! Cả gia đình quý vị có thể cùng xem, đó là lên lớp, học tập. Hai đĩa DVD ấy là sách giáo khoa, quý vị mỗi ngày xem một lượt. Nếu có thể kiên nhẫn tiếp tục xem chẳng ngừng suốt một năm, mỗi ngày xem một lần, suốt năm không gián đoạn, tôi tin là quý vị nhất định sẽ có thể biến đổi vận mạng của chính mình, chỉ cần quý vị thật sự làm. Còn có một phương pháp hữu hiệu hơn, nỗ lực biến đổi chính mình hơn, có hiệu quả tốt hơn so với [phương cách của] tiên sinh Liễu Phàm [là cách thức được nói trong] *Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký*. Tác phẩm này cũng được làm thành đĩa DVD, dùng phương pháp phim truyền hình để lên lớp, phương pháp này cực tốt! Nếu quý vị thật sự học cẩn thận hai thứ ấy trong suốt một năm, vận mạng của quý vị sẽ hoàn toàn thay đổi. Đây là gì? Chính là giáo dục nhân quả!

Hiện thời, nếu chúng ta đề xướng luân lý đạo đức, chẳng có ai tin tưởng, mà cũng chẳng có người nào chịu học! Thực hiện từ nhân quả, sau đây mới trở lại luân lý và đạo đức; làm theo kiểu ấy sẽ suông sẻ. Khi quý vị đã thật sự tin vào nhân quả báo ứng, quý vị sẽ chẳng dám không trì giới. Điều thứ nhất trong giới điều là “chẳng sát sanh”, các tài liệu giảng dạy hiện thời đều đã có. Quý vị có một đĩa DVD “*Vì sao chẳng thể ăn chúng nó*”, đây chính là điều thứ nhất trong Thập Thiện, và là điều thứ nhất trong Ngũ Giới, tức chẳng sát sanh. Vì sao chẳng thể sát sanh? Vì sao chẳng thể ăn thịt? Quý vị học “khóa học ấy” sẽ hiểu. Điều khó nhất trong Ngũ Giới và Thập Thiện chính là điều đầu tiên. Đã giác ngộ, đã hiểu rõ điều đầu tiên, những điều sau đó sẽ dễ dàng. Chẳng trộm cắp, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, sẽ đều làm được dễ dàng. Khó là khó nơi điều đầu tiên! Chẳng làm được điều đầu tiên, những điều sau đây sẽ đều chẳng có; dầu có, cũng chẳng đáng tin cậy! Gặp phải loại duyên nào đó hiện tiền, sẽ quên bẵng sạch sành sanh giữ giới, tu điều thiện! Tập khí phiền não hiện hành, vẫn tạo tội nghiệp y như cũ, chớ nên không biết!

Do vậy, nếu quý vị hỏi tôi, chúng ta nên học từ nơi đâu? Tôi có thể giới thiệu với quý vị, hiện thời, ba thứ ấy, tức là một bộ Liễu Phàm Tứ Huấn, Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký, và Sơn Tây Tiểu Viện, quý vị có thể hướng dẫn toàn thể gia đình của chính mình cùng xem và học tập thì mới chuyên nghiệp được! Một mình quý vị chuyên biến, người nhà chẳng hợp tác, chẳng phối hợp với quý vị. Khó lắm! Cá nhân quý vị có nghiệp, người một nhà cùng có cộng nghiệp. Tôi tin là quý vị hy vọng người một nhà đều hạnh phúc, người một nhà đều mỹ mãn, quý vị chẳng học môn này thì làm bằng cách nào đây? Hiện thời có tài liệu dạy bảo tốt đẹp dường ấy bày ra ở nơi đây, nếu quý vị chẳng học kỹ càng, đúng là đáng tiếc quá! Trong tài liệu học tập nội bộ của chúng ta còn có một số tài liệu cảm ứng, đều là những quả báo chứng thực ngàn vạn phần xác đáng! Vì thế, trong hết thầy các kinh, đức Phật đã rất miệng buốt lòng khuyen dạy chúng ta trì giới, tu phước.

Người học Phật nhất định phải hiểu vì sao Phật pháp hiện thời suy vi, vì sao suy vi? Quý vị chẳng cần hỏi ai khác, hãy hỏi chính mình, ta có làm đúng pháp hay là không? Ta làm chẳng đúng pháp, Phật giáo làm sao có thể hưng thịnh cho nổi? Bản thân chúng ta đối với khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, hằng ngày phải phản tỉnh, [những thứ ấy] có tương ứng với tập khí phiền não của chính mình hay không, hay là tương ứng với giáo huấn của Phật, Bồ Tát? Hằng ngày phản tỉnh, kiểm điểm; nếu quý vị ghi chép lại thì gọi là Công Quá Cách (功過格). Cầu học thì dẫu tuổi tác lớn cỡ nào, đã tám mươi tuổi đi nữa, từ thuở bé chẳng học đàn hoàng, hiện thời vẫn học bổ sung. Học bắt đầu từ chỗ nào? Vẫn là học bắt đầu từ Đệ Tử Quy. Ba trăm sáu mươi câu trong Đệ Tử Quy, đối với mỗi câu, mỗi điều đều phản tỉnh, [chính mình] có làm được hay chưa? Đã làm được thì ngày mai đừng quên bằng, phải tiếp tục làm. Chẳng làm được thì phải sám hối, ngày mai sẽ cấp tốc làm theo, thực hiện từ chỗ này. Tốn thời gian bao lâu? Ba tháng! Hạn định kỳ hạn để cầu chứng. Nói cách khác, trong khoảng thời gian một trăm ngày, nhất định phải thực hiện nó. Nếu quý vị kéo dài thời gian lâu hơn, sẽ chẳng thể đạt thành tựu! Một khóa trình có kỳ hạn của nó, hãy học tốt khóa trình này, một ngày cũng chớ nên bỏ lỡ!

Khi học đến phẩm sau trong bộ kinh này, chúng tôi sẽ nói, Hoa Nghiêm dạy “*hàng bố chẳng trở ngại viên dung, viên dung chẳng trở ngại hàng bố*”, bất cứ một pháp nào chắc chắn sẽ xuyên suốt cả năm mươi hai địa vị. Do vậy, “*một chính là hết thầy, hết thầy chính là một*”. Nay chúng ta khởi đầu học từ Đệ Tử Quy, chẳng thể nói sau khi đã học ba tháng, ta lại học cái khác, ta đã học môn này rồi, có thể chẳng cần đến nữa! [Nếu hiểu như thế], quý vị sai mất rồi! Quý vị học Đệ Tử Quy, suốt cả đời gìn giữ, vĩnh viễn thực hiện. Thực hiện trong ba tháng [rồi sau đó] sẽ thực hiện suốt đời, nhưng phải nâng cao hơn, đến tam cá

nguyệt thứ hai, ta sẽ thực hành Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký. Tôi lập thời khóa biểu học tập cho các đồng học, tam cá nguyệt thứ ba bèn hoàn thành Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, tam cá nguyệt thứ tư hoàn thành kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong thời gian một năm, vun quén cơ sở vững vàng, sau đây học tập ba nhà Nho, Thích, Đạo, tùy tiện đối với bất cứ nhà nào, quý vị đều trọn đủ điều kiện. Chúng tôi thường nói là “*quý vị có đủ tư cách để học tập*”. Tùy thuộc quý vị hứng thú ở chỗ nào, ưa thích như thế nào, bèn chọn lấy một môn. Cổ đại đức dạy chúng ta, mà Phật, Bồ Tát cũng dạy giống hệt như vậy, “*thâm nhập một môn, huân tu lâu dài*”.

Cổ đại đức dạy chúng ta, học thì quý chuyên ròng, chẳng chuộng nhiều. Vì sao? Sau khi đã chuyên ròng, sẽ có thể xuyên suốt hết thảy các pháp. Người ấy có thể quán thông, chúng ta thường nói là “*xúc loại bàng thông*” (觸類旁通, hễ tiếp xúc một phương diện bèn thông hiểu toàn thể sự vật). Đây là gì? Tâm quý vị thanh tịnh, trí huệ đã mở mang, những thứ chưa từng học hễ tiếp xúc đều thông suốt. Thậm chí có thể nói là quý vị còn cao minh hơn người đã học [thứ ấy] lâu năm! Do nguyên nhân nào? Người đã học nhiều năm, nhưng học chẳng thông, chẳng trừ tập khí phiền não. Cũng có nghĩa là cơ sở trong năm thứ nhất là trừ tập khí phiền não, tức là “*sái tâm dịch hạnh*” (洒心易行, gột lòng, đổi hạnh) như kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Phải khéo dùng thời gian một năm để học cẩn thận môn học này, hòng gột sạch tinh tươm cái tâm ô nhiễm, cái tâm bản thiêu, cái tâm tập khí trần lụy bất thiện từ vô thỉ. Dùng gì để gột rửa? Đệ Tử Quy, Liễu Phàm Tứ Huán, Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký, Cảm Ứng Thiên, kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, dùng những thứ ấy để gột rửa, gột sạch tinh tươm cái tâm của chính mình. Quý vị nói hiện thời bản thân quý vị trì giới vừa có định lực lại vừa có trí huệ, nhưng nói thật thà, người khác ở bên cạnh thấy rất rõ ràng: Quý vị khởi tâm động niệm, ngôn hạnh, cử chỉ đều bất thiện, biểu hiện thành gì? Ích kỷ, kiêu căng, ngã mạn. Quý vị tương ứng với Thập Ác, chẳng tương ứng với Thập Thiện, nhưng chính quý vị chẳng biết. Tự mình chẳng biết thì là ngu si. Tự mình đã biết mà chẳng thể sửa đổi; đây là nghiệp chướng quá nặng, chẳng quay đầu được!

Chính mình chẳng có phước, chính mình học tập có chướng ngại, giúp đỡ người khác vẫn có chướng ngại, hóa độ người khác vẫn có chướng ngại. Vì thế, quý vị hãy thật sự dùng một năm để học kỹ bốn môn học ấy, phước báo của quý vị sẽ hiện tiền, nghiệp chướng tiêu trừ. Phước báo hiện tiền, nói cách khác, tướng mạo của quý vị biến đổi, tướng chuyển theo tâm, thể chất biến đổi. Không chỉ là khỏe mạnh, mà nét mặt còn rạng rỡ. Khuôn mặt quý vị sáng ngời, đó là thanh tịnh quang, là bình đẳng quang, là từ bi quang, là trí huệ quang, làm sao

giống hệt như cũ cho được? Người khác vừa trông thấy quý vị sẽ tôn kính, bội phục quý vị, bị quý vị cảm hóa, thân giáo đầy nhé! Chẳng phải là làm ra vẻ, có làm ra vẻ thì cũng vô dụng! Làm thành gì vậy? Làm giống hệt, nhưng chẳng thể có quang minh, chẳng thể phóng quang. Chẳng thể phóng quang thì “luồng sáng” của quý vị chẳng thể cảm động kẻ khác! [Có thể phóng quang thì] luồng sáng ấy sẽ tự nhiên cảm động những người chung quanh quý vị.

Không chỉ là nhân sự có thể cảm động sự dao động của quý vị, mà cây cối, hoa, cỏ, [kể cả] hoàn cảnh cư trụ của chúng ta, người hiện thời nói là “*từ trường*”. Quý vị ngồi ở nơi ấy sẽ biến đổi từ trường nơi đó, có thể khiến cho người khác ở nơi ấy sẽ cảm thấy hết sức thoải mái, hết sức vui sướng, xa lìa kinh sợ, điên đảo, vọng tưởng. Đây chính là công đức thắng diệu! Quý vị hãy dùng thời gian một năm để thử xem, hãy vun quén căn cội. Nhất định phải khiêm tốn, chớ nghĩ “nay ta đã có tuổi, mà cũng có thân phận, địa vị, ta còn học những thứ này hay sao? Đó là những thứ dành cho trẻ nhỏ học!” Phải học! Nếu quý vị chẳng chịu học, trong tương lai quý vị sẽ hối hận đời đời kiếp kiếp! Hiện thời, chịu dùng thời gian một năm để đổ công dốc sức vào đây, đổ công siêng gắng, quý vị sẽ đạt được quả báo tốt lành. Đã có cơ sở này, trong cơ sở này có giới, có phước, lại còn có huê.

Khởi tâm động niệm có thể nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, đừng nên nêu gương xấu. Cái tâm ấy chính là căn cội để tu phước, vô lượng vô biên phước đức trong tương lai đều phát sanh từ căn cội ấy. Nếu chúng ta có thể kích phát, thì [những người bị] kích phát sẽ phát lên cái tâm ấy. Vì sao? Trong xã hội hiện thời, đại đa số mọi người đều chẳng phải là nêu gương tốt, cho nên xã hội động loạn, tai nạn trên thế giới nhiều ngàn ấy. Chúng ta trông thấy, ta khổ thì kẻ khác cũng khổ. Nay ta phải cứu chính mình, mà cũng có thể chiếu cố kẻ khác. Vì thế, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chắc chắn đừng nêu gương xấu cho người khác.

Điều đầu tiên trong gương tốt là giữ pháp tắc, tuân thủ quy củ, tuân thủ kỷ luật. Thường nói là “*nhà có gia quy, nước có quốc pháp*”. Quý vị đến đạo tràng này, đạo tràng có quy củ của đạo tràng. Chẳng có quy củ sẽ loạn. Đồng học, đồng tham đạo hữu, bất luận số người bao nhiêu, bốn người ở cùng một chỗ, quý vị thấy đức Phật dạy chúng ta tuân thủ Lục Hòa Kính. Điều đầu tiên trong Lục Hòa Kính là Kiến Hòa Đồng Giải, đức Phật dạy đúng là rất cao minh. Chúng ta nghe xong, tự nhiên nắm vốc gieo sát đất, chẳng thể không bội phục. Tu Kiến Hòa Đồng Giải như thế nào? Mỗi cá nhân chúng ta buông xuống thành kiến của chính mình thì [kiến giải] sẽ đồng. Quý vị thấy điều này rất cao minh! Ai cũng chẳng muốn phải vâng phục kẻ khác. Hễ buông xuống thành kiến, tự nhiên tâm địa sạch lâu, điều này cao minh tột bậc! Quý

vị thấy đức Phật trọn chẳng nói “tri kiến của các người sai lầm, tri kiến của ta là chánh xác, các người phải tuân theo tri kiến của ta”. Đức Phật chẳng nói kiêu ấy, nhưng trong kinh luật luận do đức Phật đã nói, lão nhân gia bảo chúng ta: “Đây là Tánh Đức của chính quý vị”, đức Phật chẳng nói [những Tánh Đức ấy] là của Ngài, mà là “Tánh Đức của quý vị. Nay vì quý vị có tập khí phiền não chướng ngại, Tánh Đức chẳng thấu lộ được, những thứ ấy quý vị thấy đều sẵn có”. Giống như Đệ Tử Quy là Tánh Đức, Cảm Ứng Thiên là Tánh Đức, Thập Thiện Nghiệp là Tánh Đức, đều vốn có sẵn trong tự tánh của quý vị. Nếu quý vị giác ngộ, làm được một trăm phần trăm, tuyệt đối chẳng khiếm khuyết một điều nào, Tánh Đức sẽ lưu lộ!

Đức Phật đã dạy chúng ta, trước kia, khi Ngài chưa giác ngộ, trước khi khai ngộ, Ngài cũng là phàm phu giống hết như chúng ta, nhưng Ngài có thể trừ bỏ chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Kinh Hoa Nghiêm đã nói ba loại lớn, tức là vọng tưởng, phân biệt, và chấp trước. Trừ bỏ những thứ ấy, tâm thanh tịnh hiện tiền. Trong cái tâm thanh tịnh vốn trọn đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo, đều thấu lộ. Vì thế, đức Phật nói Ngài chẳng độ chúng sanh, chúng sanh tự ngộ, tự tu, tự độ. Lời ấy là lời thật, chẳng giả tí nào! Bất quá Phật, Bồ Tát làm Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh mà thôi, nêu gương tốt mà thôi. Nay chúng ta học Phật, phải hiểu đạo lý này, phải hiểu những chân tướng sự thật này, mới biết chính mình phải nên thực hiện như thế nào!

Do vậy, trì giới và tu phước là điều kiện tiên quyết. Không khởi sự từ chỗ này, dấu học nhiều cách mấy, đều là giả trá, đều xôi hổng bông không, hữu danh vô thực! Tôi thường nêu tỷ dụ để nói, giống như hoa cắm trong bình, chẳng có rễ, nhìn đẹp mắt lắm, vài ngày chết rụi! Có rễ thì giống như trồng nơi cuộc đất phì nhiêu, nảy mầm, tươi tắn sống động, có thể tăng trưởng thành đại thụ. Chư vị phải ghi nhớ các căn cội ấy như tôi vừa mới nói, chính là Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp Đạo. Đây là căn cội, ba căn cội của Nho, Thích, Đạo. Nay đã hết thời gian rồi, chúng ta nghỉ ngơi mấy phút!

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin hãy ngồi xuống. Chúng ta xem tiếp lời chú giải cho đoạn kinh văn này. Chúng tôi đọc trước lời Sớ của Thanh Lương đại sư một lượt, cũng chẳng dài cho lắm:

(Sớ) Đệ tam Phật tử, nhược chư Bồ Tát hạ.

(疏) 第三佛子，若諸菩薩下。

(Sớ: Thứ ba, từ câu “Phật tử! Nếu các Bồ Tát...” trở đi).

“Hạ” là dưới, tức là từ câu “*Phật Tử! Nhược chư Bồ Tát như thị dụng tâm*” (Phật Tử! Nếu các Bồ Tát dụng tâm như thế) trở đi.

(Sớ) Kết thán nhân sở thành ích.

(疏) 結歎因所成益。

(Sớ: Tổng kết, tán thán lợi ích được thành tựu bởi những cái nhân ấy).

Một trăm bốn mươi một bài kệ trên đây đều nói về tu nhân. Tu nhân nhất định có kết quả, kết quả là công đức thù thắng, màu nhiệm. Chúng ta lại xem câu kệ tiếp:

(Sớ) Nhược năng như thượng, vi thiện dụng tâm. Nhược thử dụng tâm, tắc nội đức tề viên, ngoại bất năng động, tâm du đại trí. Cố nhân thiên bất năng động, tâm quán đại bi, cố Nhị Thừa bất năng động.

(疏) 若能如上，為善用心，若此用心，則內德齊圓，外不能動。心游大智，故人天不能動。心冠大悲，故二乘不能動。

(Sớ: Nếu có thể [thực hiện trọn vẹn] những điều đã nói trên thì là khéo dụng tâm. Nếu dụng tâm như thế, ắt trong là các đức đều toàn vẹn, bên ngoài chẳng thể động, tâm an trụ nơi đại trí. Vì thế, người, trời chẳng thể động. Do tâm trùm lấp bởi đại bi, Nhị Thừa chẳng thể động được).

Chúng tôi nói trước mấy câu này. Trong giờ trước, tôi đã đương nhiên nhắc nhở các đồng tu, vàn muôn phần chớ nên sơ sót vun bồi căn cội giáo dục, đây là học tập về cơ sở. Vì sao? Chẳng có căn cội, chẳng có cơ sở, đối với một trăm bốn mươi một nguyện này, chúng ta cũng chỉ có thể đọc tụng, tán thán, hâm mộ, chính mình chẳng làm được! Thật đấy, chẳng giả đâu nhé! Có bao nhiêu điều chẳng làm được? Nói thật ra, một điều cũng chẳng làm được. Nếu quý vị có căn cội, sẽ có thể làm được chút phần, thậm chí điều nào cũng đều có thể làm được đôi chút. Chẳng có căn cội sẽ chẳng được! Trì giới và tu phước là căn cội.

Có thể giống như phẩm kinh này đã nói, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần đều có thể trở về Tánh Đức, dẫn phát Tánh Đức. Đây là khéo dụng tâm. Có thể dụng tâm như vậy, đương nhiên những điều được nói tiếp đó đều là tự nhiên. Trong là các đức đều trọn vẹn, tự tánh vốn sẵn có vô lượng vô biên đức hạnh. Các đức hạnh ấy đều viên mãn đúng là chẳng dễ dàng! Thấy đều viên mãn thì chính là Pháp Thân Bồ Tát. Đây là địa vị Thập Tín, ngay lập tức tăng tấn, dự vào Sơ Trụ. Dự

vào Sơ Trụ là “phá vô minh, chứng Pháp Thân”. Đây là lúc vô minh sắp phá mà còn chưa phá, vị ấy có đại hạnh, đại đức, vô thi vô minh bị phá, vượt thoát mười pháp giới. Do vậy, bên ngoài chẳng thể lay động [người ấy được]. Chư thiên, ma vương, Phạm Thiên, sa-môn, Bà-la-môn, Càn-thát-bà, A-tu-la đều chẳng thể động, [người ấy] đã vượt thoát, [tức là] vượt thoát mười pháp giới. Thanh Văn, Duyên Giác ở ngoài lục đạo, Tiểu Thừa cũng chẳng thể động! Phàm chúng (chúng sanh bình phàm) trong lục đạo chẳng thể động là vì quý vị có trí, “*tâm du đại trí*” là trí huệ đã mở mang, phá hết sạch vô minh. Quý vị thấy đó, trong hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, đã buông xuống chấp trước, phân biệt cũng chẳng có, khởi tâm động niệm cũng chẳng có. Sau khi đã buông xuống khởi tâm động niệm thì mới có thể ra khỏi mười pháp giới. Đây là khe nhập Sơ Trụ Bồ Tát, sẽ vào thế giới Hoa Tạng. Đây là đã nhập Nhất Chân pháp giới. Vì thế, Nhị Thừa cũng chẳng thể động. Nhị Thừa thiếu khuyết tâm đại bi, do chỉ quan tâm tự lợi, chẳng chủ động tạo lợi lạc cho người khác. Bồ Tát xả mình vì người, cho nên Nhị Thừa cũng chẳng có cách nào lay động tâm trí của Bồ Tát!

Trong phần chú giải kế tiếp, Thanh Lương đại sư nói:

(Sớ) Bất động hữu nhị. Nhất, tu hành thời, thử đẳng bất năng hoặc loạn cố.

(疏)不動有二。一、修行時，此等不能惑亂故。

(Sớ: “*Bất động*” có hai điều. Một là khi tu hành, những hạng người ấy chẳng thể [khiến cho hành nhân] bị mê hoặc, nhiễu loạn).

“*Hoặc*” (惑) là mê hoặc, nhiễu loạn. Tức là từ thiên ma, ngoại đạo cho đến Thanh Văn, Duyên Giác đều chẳng thể mê hoặc, chẳng thể nhiễu loạn. [Hành nhân tu tập một trăm bốn mươi một nguyện này] chẳng bị nhiễu loạn, mà cũng không bị mê hoặc.

(Sớ) Nhị, bất hy bỉ cố.

(疏)二、不希彼故。

(Sớ: Thứ hai, do chẳng mong cầu những điều ấy).

Thứ hai, điều này rất trọng yếu, đối với những cái quả đạt được do tu nhân, chẳng có mảy may ý niệm mong cầu. Chẳng cầu phước báo sanh thiên, chẳng cầu phước báo làm Phạm Vương, mà cũng chẳng cầu quả báo A La Hán, Bích Chi Phật. Những ý niệm ấy đều chẳng có, đã vượt thoát, những thứ ấy chẳng thể lay động họ.

Hiện thời, chúng ta là sơ học, điều quan trọng, khẩn yếu nhất mà tôi vẫn cần phải bổ sung cùng chư vị, tức là nghe kinh, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quý vị mới thật sự thành tựu viên mãn. Thành tựu của

quý vị chắc chắn chẳng kém các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi một địa vị trong hội Hoa Nghiêm. Dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư của thế giới Tây Phương, cũng vượt trội bốn mươi một địa vị [Pháp Thân đại sĩ ấy]. Lời này chẳng phải do tôi nói, mà là do đức Phật đã nói trong kinh. Chúng ta phải tin tưởng đức Phật chẳng dối gạt mọi người, giống như trong kinh Kim Cang đã nói: *“Phật là bậc chân ngữ, là bậc thật ngữ, là bậc như ngữ, là bậc chẳng nói dối, là bậc chẳng nói những điều khác lạ”*, phải thật sự tin tưởng thì chúng ta mới viên mãn Thập Tín.

Ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác cũng chẳng cầu, làm sao có thể cầu lục đạo cho được? Lục đạo thắm vào đâu? Triệt để buông xuống thì mới giống như một vị Bồ Tát. Chư vị phải nghe cho rõ, giống như một vị Bồ Tát, vẫn chưa phải là Bồ Tát, vì sao? Một trăm bốn mươi một nguyện ấy thấy đều thi hành thì mới là Bồ Tát thật sự. Chúng ta chẳng mong cầu quả báo trong mười pháp giới. Cái tâm ấy là tâm trí huệ, tâm ấy là tâm giác ngộ. Hễ còn có mảy may mong cầu, quý vị đã mê hoặc, làm sao có thể thấy đạo vô thượng cho được? Do đó, kinh chẳng thể không nghe, chẳng thể không đọc. Bản thân tôi cũng nêu gương tốt cho mọi người. Học Phật năm mươi lăm năm, vì sao tôi chẳng bị những thứ tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần mê hoặc, lay động? Chẳng có gì khác, hằng ngày đọc tụng, hằng ngày dạy học, dạy và học tăng trưởng lẫn nhau. Người khác học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, ý niệm đầu tiên là muốn tạo một đạo tràng. Năm nay tôi đã tám mươi tuổi, chẳng có đạo tràng, không mong cầu. Người tám mươi tuổi, người Hoa thường nói là *“phong chúc tàn niên”* (風燭殘年, năm tàn thán lụi như đuốc trước gió), có thể ra đi bất cứ lúc nào. Tôi nghĩ lại những bạn học, bạn chơi đùa thuở bé, những đồng nghiệp về sau, gần như hơn hai phần ba đã chẳng còn, mới thật sự hiểu lời cổ nhân đã nói, đời người bảy mươi tuổi xưa nay hiếm! Người chưa đến bảy mươi tuổi đã ra đi chiếm hơn quá nửa, nay chúng tôi đã vượt khỏi mức tuổi ấy nhiều rồi, còn mong cầu chuyện gì trong thế gian này nữa? Chẳng cầu chi hết! Mỗi ngày vui thú nơi những chuyện này, chẳng mệt nhọc, hằng ngày thời gian tôi đọc kinh nhất quyết chẳng ít hơn bốn tiếng đồng hồ, những thời gian còn lại thì niệm Phật.

Nghe kinh và đọc kinh giống nhau. Kinh Hoa Nghiêm giảng đến đây đã hơn ba ngàn giờ. Đối với người thật sự có tâm học, chúng tôi có giữ lại đĩa DVD, quý vị có thể copy một bộ, học từ đầu. Nhưng phải nhớ kỹ căn cội như tôi đã nói trong phần trên, cần phải chú trọng dùng thời gian một năm, buông xuống vạn duyên, vun bồi căn cội tốt đẹp, như vậy thì quý vị phước đức vô lượng. Tôi giới thiệu bốn thứ, chúng là căn bản. Thứ nhất là Đệ Tử Quy, thứ hai là Liễu Phàm Tứ Huấn, trong ba tháng tức chín mươi ngày, dùng hai đĩa phim truyền hình, thật

sự chỉ có hai tiếng đồng hồ. Tốt nhất là mỗi ngày cả gia đình quý vị học tập, bỏ ra hai tiếng đồng hồ, hằng ngày ôn tập, đó gọi là “*trường thời huân tu*”. Quý vị có chín mươi lần huân tập, sẽ có thể sanh ra một chút hiệu quả. Trong tam cá nguyệt thứ ba sẽ học Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký. Hai khoa mục này giống nhau, nhưng trong ấy sâu hay cạn khác nhau. Nói cách khác, chúng ta phải dùng thời gian nửa năm để học tập giáo dục nhân quả.

Sau khi học xong Đệ Tử Quy, [thời gian để học] Đệ Tử Quy là ba tháng. Trong tam cá nguyệt thứ hai, học Liễu Phàm Tứ Huấn, tam cá nguyệt thứ ba học Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký, tam cá nguyệt thứ tư học Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, chẳng khó khăn tí nào! Dùng thời gian một năm để vun quén vũng vàng căn cội nơi pháp thế gian, sau đây lại dùng thời gian ba tháng để thực hành Thập Thiện Nghiệp Đạo, quý vị sẽ cội bền gốc sâu. Quý vị muốn học kinh Hoa Nghiêm, hãy vun quén căn cội ổn thỏa rồi mới bắt đầu học. Khi ấy, quý vị sẽ thấu hoạch đúng như cổ nhân đã nói “*sự bán công bội*” (chỉ tốn một nửa công sức, mà thành tựu gấp nhiều lần). Quý vị chẳng có căn cội ấy, hằng ngày nghe kinh Hoa Nghiêm, nghe suốt ba trăm năm vẫn vô dụng, chẳng đạt được lợi ích, chẳng khai ngộ! Khai ngộ từ chỗ nào? Khai ngộ từ cái tâm thanh tịnh. Vì sao tôi nói “quý vị chẳng thể khai ngộ” khẳng định như vậy? Trong tâm quý vị quá nhiều tập khí phiền não! Giáo dục cơ sở là để đào thải tập khí phiền não, gột sạch cái tâm ô nhiễm của quý vị. Dùng Đệ Tử Quy để gột, dùng Liễu Phàm Tứ Huấn để gột, dùng Du Tịnh Ý Công Ngộ Táo Thần Ký để gột, dùng Cảm Ứng Thiên để gột, dùng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo sẽ gột sạch. Sau khi tâm đã được gột sạch lầu, tâm đã định, tâm sẽ sanh trí huệ. Sau đây, lại đọc Hoa Nghiêm, sẽ khác hẳn, quý vị mới thật sự có thể nghe hiểu. Nếu không, quý vị chỉ có thể nghe ngôn ngữ, chú ý nghĩa ở ngoài ngôn từ quý vị chẳng nghe biết, quý vị đọc kinh chỉ có thể thấy văn tự, chú nghĩa thú ở ngoài văn tự quý vị chẳng có cách nào thấu hiểu. Đạo lý ở ngay chỗ này.

Nghe kinh quan trọng, niệm Phật quan trọng, vì sao? Nghe kinh phải có thời gian, thời gian sẽ không dài. Chẳng hạn như tôi lấy ngay chính mình làm thí dụ. Mỗi ngày tôi đọc kinh bốn tiếng đồng hồ, hiện thời giảng kinh ở đây hai tiếng đồng hồ, tức là đã tốn mất sáu giờ. Mỗi ngày còn lại mười tám tiếng đồng hồ, trừ ngủ nghỉ mất tám tiếng đồng hồ ra, còn có mười tiếng đồng hồ, làm gì? Nếu quý vị chẳng niệm Phật, trong mười tiếng đồng hồ ấy, sẽ suy nghĩ loạn xạ, vẫn là cái tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, chẳng thể vãng sanh.

Cư sĩ Hoàng Trung Xương vãng sanh khoảng một tuần rồi, ông ta là tấm gương tốt nhất cho chúng ta! Vì sao ông ta thành công? Nói thật ra, chính ông ta đã nói rất rõ ràng: Ông ta một bộ kinh Vô Lượng

Thọ, một câu Nam-mô A Di Đà Phật, ngày đêm chẳng gián đoạn. Hằng ngày phản tỉnh, hằng ngày kiểm điểm, hằng ngày sửa lỗi, hằng ngày sám hối. Ông ta phát nguyện ba năm thành tựu, hai năm mười tháng đã thành tựu. Quý vị thấy ông ta biết trước lúc mất. Các đồng tu bên đó gọi điện thoại cho tôi biết, hôm nay họ đi nhận tro cốt, thâu nhặt được xá-lợi rất nhiều. Tôi bảo các đồng học, thâu thập xá-lợi, trong tương lai dựng một tòa tháp thờ xá-lợi, còn tro cốt để người nhà ông ta đem về an táng. Giống như tôi đã nghĩ từ trước, dựa theo những điều đã nói trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, người niệm Phật tiếp xúc pháp môn Niệm Phật từ ba năm đến năm năm vãng sanh rất nhiều. Chẳng phải là thọ mạng đã hết, mà là công phu của họ đã thành tựu. Ra đi tự tại như vậy, tiêu sái dường ấy, rất đáng cho người khác hâm mộ, đây mới đúng là thành tựu thật sự, như tôi vừa mới nói, vượt trội bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong kinh Hoa Nghiêm. Công đức hộ pháp chẳng thể nghĩ bàn, thật sự giúp cho một người thành Phật.

Chúng ta lại xem kết luận cuối cùng của Lý trưởng giả, cũng là kết luận chung của cả phẩm kinh này:

(Luận) Dĩ thượng dĩ thế gian hữu thử nhất bách tứ thập nhất chủng sự pháp, đốn phiên nhất bách tứ thập nhất chủng đại nguyện.

(論)已上以世間有此一百四十一種事法。頓翻一百四十一種大願。

(Luận: Trên đây là do thế gian có một trăm bốn mươi một loại pháp thuộc về mặt Sự này, nhanh chóng đổi chúng thành một trăm bốn mươi một loại đại nguyện).

Có sự việc nhiều ngàn ấy, nói thật ra là nêu thí dụ. Quý vị thấy “đốn phiên” (頓翻, nhanh chóng chuyển đổi), chẳng phải là “tiệm phiên” (漸翻, chuyển đổi dần dần). Vừa tiếp xúc, ngay lập tức chuyển biến ý niệm, chuyển thành một trăm bốn mươi một loại đại nguyện. Đại nguyện xứng tánh, tức là biến những chuyện vụn vặt hằng ngày thành Tánh Đức trong tự tánh của chính mình, lưu lộ ra ngoài.

(Luận) Dụng thành Thập Tín nội tu hành chi tâm.

(論)用成十信內修行之心。

(Luận: Dùng [các đại nguyện ấy] để tạo thành cái tâm tu hành trong các địa vị thuộc Thập Tín).

Đây là Thập Tín Bồ Tát.

(Luận) Tuy thị hữu vi chi tâm, năng thành Thập Trụ dĩ hậu

ngũ vị chi nội Lý Trí đại bi chi hải.

(論)雖是有為之心，能成十住已後五位之內理智大悲之海。

(Luận: Tuy là cái tâm hữu vi mà có thể thành tựu biển đại bi Lý Trí thuộc năm địa vị kể từ Thập Trụ trở đi).

Phải ghi nhớ câu này, hết sức trọng yếu! Từ Thập Trụ trở đi, ngũ vị là gì vậy? Chính là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, năm loại lớn trong hàng Bồ Tát. Đây là cơ sở. Sau đây, “nhập vị” (入位, dự vào địa vị Tam Hiền, Thập Thánh), chúng ta phải ghi nhớ, “nhập vị” thì hiện thời vẫn chẳng nhập, dựa vào đâu để nhập? Chính là dựa vào một trăm bốn mươi một nguyện này. Quý vị chẳng trọn đủ một trăm bốn mươi một nguyện này, sẽ chẳng thể “nhập Trụ” (chứng nhập Sơ Trụ). “Trụ” là gì? Sơ Trụ Bồ Tát. Sơ Trụ được gọi là Phát Tâm Trụ, tâm Bồ Đề thật sự phát khởi.

Do vậy, hễ Bồ Đề tâm phát xuất, quý vị là Pháp Thân Bồ Tát. Không chỉ vượt trội lục đạo, vượt thoát mười pháp giới; nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thầy đều đoạn trừ. Thầy đều đoạn hết, vì sao còn có bốn mươi một tầng cấp? Trong các buổi giảng, chúng tôi đã thưa trình rất cặn kẽ cùng quý vị chuyện này. Bốn mươi một tầng cấp ấy, chẳng thể nói là có, mà cũng chẳng thể nói là không. Vì sao chẳng thể nói chúng là có? Chư vị ngẫm xem, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thì mới có tầng cấp. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thầy đều chẳng có, còn có tầng cấp chi nữa? Vì thế, quý vị chẳng thể nói là chúng có! Thế giới Hoa Tạng là một thế giới bình đẳng, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là thế giới bình đẳng. Quý vị hiểu ý nghĩa của bốn mươi một địa vị trong Hoa Tạng, thì cũng sẽ hiểu “bốn cõi, ba bậc, chín phẩm” trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là chuyện như thế nào, quý vị sẽ hiểu rõ.

Vì sao chẳng thể nói là chúng không có? Chẳng đoạn tập khí vô thỉ vô minh, có ý nghĩa như thế đó. Vì thế, tuy đều là Pháp Thân Bồ Tát, tập khí của mỗi người khác nhau, đạo lý ở chỗ này! Chẳng có cách nào để đoạn tập khí, nhất định phải dựa vào thời gian để đào thải dần dần, thời gian dài bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tập khí sẽ chẳng còn nữa. Tập khí chẳng còn, đây là Phật quả viên mãn rốt ráo. Chẳng có cách nào rút ngắn thời gian ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đây là nhất định. Bất luận quý vị ở trong thế giới Cực Lạc cũng thế, mà trong thế giới Hoa Tạng cũng thế, đều phải trải qua thời gian dài ngắn ấy, tự nhiên sẽ đoạn hết tập khí. Do vậy, khi ấy bèn gọi là “vô công dụng đạo”, hết thầy đều thuận theo tự nhiên, chẳng thể thêm chút ít sức lực nào. Hễ quý vị thêm vào, tức là còn có khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, chấp trước, há

có đạo lý ấy? Do vậy, phải hiểu điều này, nhưng chần chẫn [những tập khí ấy] chẳng ảnh hưởng Phật, Bồ Tát tùy loại hóa thân. Nơi nào có cảm, Phật, Bồ Tát sẽ ứng. Khắp pháp giới cảm, sẽ ứng khắp pháp giới, thần thông rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, đối với chuyện giáo hóa chúng sanh và sự nghiệp ứng hóa của các Ngài, các tập khí vô minh ấy chẳng gây trở ngại mảy may. Vì thế, chẳng thể nói chuyện này là có, mà cũng chẳng thể nói chúng không có.

Nếu chúng ta hỏi, từ đây tiến lên cho đến bậc Đẳng Giác Bồ Tát, các Ngài tu gì? Vẫn là tu một trăm bốn mươi một nguyện này. Lại thừa cùng chư vị, vẫn là tu Đệ Tử Quy, vẫn là tu Cảm Ứng Thiên, vẫn là tu Thập Thiện Nghiệp Đạo. Các Ngài ở trong mười phương thế giới hóa độ chúng sanh, lấy thân làm gương. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, hãy suy nghĩ kỹ lưỡng, thử tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật đã tu gì? Ngài đã làm gì? Có phải là hằng ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác toàn bộ đều nhằm thực hiện Đệ Tử Quy, thực hiện Cảm Ứng Thiên, viên mãn Thập Thiện Nghiệp Đạo, có phải là như vậy hay không? Chẳng sai tí nào! Do đó, phải hiểu, cơ sở vốn là viên mãn. Nếu quý vị chẳng đặt vững cơ sở ở nơi đây, sẽ chẳng thành được một điều gì! Chẳng thành được một điều gì, dầu học Phật, vẫn ở trong tam đồ lục đạo, quý vị chẳng có cách nào chuyển đổi nghiệp lực của chính mình! Không có cách nào chuyển nghiệp, đương nhiên quý vị bị nghiệp lực làm chúa tể, nghiệp lực lôi dắt quý vị đến nơi đâu, quý vị bèn đọa vào nơi đó. Quý vị lại ngắm xem, trong đời này quý vị khởi tâm động niệm thì thiện niệm nhiều hay ác niệm nhiều? Ngôn ngữ, các loại hành vi do quý vị tạo tác là thiện hạnh nhiều hay ác hạnh nhiều? Chính mình sẽ hiểu! Nếu ác niệm nhiều hơn thiện niệm, ác hạnh nhiều hơn thiện hạnh, sẽ có phần trong tam đồ. Thiện niệm nhiều hơn ác niệm, thiện hạnh nhiều hơn ác hạnh, [sẽ có phần] trong hai đường trời người. Vì thế, chuyện này, đối với tiền đồ của mỗi người, chẳng cần hỏi ai khác, tới đến hãy lắng lòng khéo phản tỉnh, sẽ biết rõ ràng, minh bạch.

Nghe kinh mà có cơ sở thì được thọ dụng. Chẳng có cơ sở, [chỉ là] kết pháp duyên với Phật môn mà thôi! Phải hiểu điều này, cũng tức là quý vị nghe xong chẳng thể “*tiêu quy tự tánh*”, giống như ăn thứ gì đó mà chẳng tiêu hóa được. Tiêu hóa thì quý vị mới có thể hấp thụ chất bổ. Khi chẳng tiêu hóa, sẽ chẳng thể hấp thụ. Đôi khi vì chẳng thể hấp thụ mà đâm ra trở thành chướng ngại, giống như ăn một món đồ gì đó, đạo lý giống nhau. Ăn thứ gì mà chẳng tiêu hóa được, sẽ sanh bệnh; nghe kinh chẳng tiêu hóa thì cũng sẽ sanh bệnh; bệnh gì vậy? Tăng trưởng Sở Tri Chướng! Quý vị đã hiểu sai, thấy sai nghĩa thú thật sự trong kinh giáo. Vì sao? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị chẳng đoạn. Dùng vọng tưởng, phân biệt tức là dùng cái tâm luân hồi để tiếp nhận Phật pháp, Phật pháp cũng thành pháp luân hồi. Do vậy,

quý vị mới thật sự có thể hiểu, đào thải tập khí phiền não của chính mình quan trọng dường ấy. Không nghiêm túc thực hiện từ chỗ này, suốt đời này quý vị chẳng thể thành tựu, mà cũng là suốt đời này, quý vị chắc chắn chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, niêm Phật chắc chắn chẳng thể vãng sanh. Tin tức cư sĩ Hoàng Trung Xương ở Thâm Quyển vãng sanh đã truyền đến Mã Lai và Indonesia, các đồng tu bên ấy hết sức cảm động. Tài liệu về ông ta không nhiều lắm, hiện thời chúng tôi ấn hành chỉ có sáu trang. Người này đã nêu gương mẫu tốt nhất cho người hiện thời!

Chúng ta lại xem phần luận văn tiếp theo của Lý trưởng giả. Trước hết Ngài nói về tầm trọng yếu của hai chữ “*nhập vị*”, phải đặc biệt coi trọng hai chữ này.

(Luận) Nhập vị vạn hạnh chi hải, giai do thử nhất bách tứ thập đại nguyện thắng thượng duyên lực chi sở năng thành cố.

(論)入位萬行之海，皆由此一百四十大願勝上緣力之所能成故。

(Luận: Biện vạn hạnh để nhập vị đều do sức tăng thượng duyên thù thắng của một trăm bốn mươi nguyện này tạo thành).

“*Thắng*” là thù thắng, “*thượng*” là tăng thượng duyên. Chẳng có điều này, sẽ không được!

(Luận) Nhược sơ phát tâm Bồ Tát, vô thử chi nguyện, sở tu giải thoát, giai thành Thanh Văn, Độc Giác chi hạnh.

(論)若初發心菩薩，無此之願，所修解脫，皆成聲聞獨覺之行。

(Luận: Nếu sơ phát tâm Bồ Tát không có những nguyện này thì tu giải thoát sẽ đều trở thành hạnh Thanh Văn, Độc Giác).

Đây là kẻ như quý vị tu khá lắm, tu rất tốt đẹp. Quý vị chẳng có những nguyện này! Chẳng có những nguyện này tức là quý vị chẳng có bi tâm, sẽ biến thành gì? Tiểu Thừa tự lợi. Kẻ ra vẫn còn khá, đã thoát khỏi lục đạo luân hồi, nhưng không thoát khỏi mười pháp giới. Đây là nói trong trường hợp quý vị tu hành rất khá, bất quá thuộc địa vị này!

(Luận) Thiết thị Bồ Tát, dân sanh Tịnh Độ, vô thành Phật duyên.

(論)設是菩薩，但生淨土，無成佛緣。

(Luận: Nếu là Bồ Tát, chỉ sanh về Tịnh Độ, chẳng có duyên

thành Phật).

Phải coi trọng câu này. Đây là gì? Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. “Thành Phật”, ở đây là nói đến Phật quả rốt ráo. Quý vị chẳng thành Phật quả rốt ráo, cho nên nói là “*chẳng có duyên thành Phật*”.

(Luận) Vị thử giáo trung phát tâm Bồ Tát.

(論) 為此教中發心菩薩。

(Luận: Vì các vị phát tâm Bồ Tát trong giáo pháp này).

Chính vì cái duyên này, [vì] những vị phát tâm Bồ Tát nơi giáo pháp Hoa Nghiêm. Quý vị thấy họ chẳng giống những vị phát tâm Bồ Tát khác.

(Luận) Tát cánh đạt thử hữu vi, thành kỳ Lý Trí như dã.

(論) 畢竟達此有為，成其理智如也。

(Luận: Rốt cuộc đạt được pháp hữu vi này, thành tựu Lý và Trí đều như).

Đây là khuyên dạy chúng ta, chúng ta phải biết tu hành như thế nào? Do vậy, trong hiện tiền, đối với chúng ta, nghe kinh là một khoa mục hết sức trọng yếu. Nghe kinh thì phải nghe hằng ngày, chớ nên gián đoạn. Dầu như ta có chuyện phải rời đi vài ngày, cũng chớ nên gián đoạn. Nghe lại những phần trước, ôn cái cũ để biết cái mới. Một ngày chẳng nghe kinh, sẽ suy nghĩ loạn xạ, sẽ đọa lạc. Vì thế, nghe kinh và niệm Phật trọng yếu hơn bất cứ điều nào khác!

Nếu chúng ta muốn chứng đắc Phật quả rốt ráo, phải luôn đừng lìa kinh Hoa Nghiêm. Vì sao? Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Trong niên hiệu Càn Long, cư sĩ Bành Tế Thanh, đây là một vị đại đức lỗi lạc. Tuy là tại gia cư sĩ, nhưng ông ta thông Tông, thông Giáo. Đó là bậc tái lai. Ông ta xuất thân là quý tộc, cha ông ta là Binh Bộ Thượng Thư của hoàng đế Càn Long. Nếu nói theo kiểu hiện thời, sẽ là Bộ Trưởng Quốc Phòng. Hoàn cảnh gia đình của ông ta tốt đẹp, mười mấy tuổi đã đỗ Tiến Sĩ; suốt đời không làm quan mà học Phật, biến thành một vị đại đức trong Phật môn. Quý vị thấy ông ta nói: “*Kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm*”. Câu này do ông ta nói ra đầu tiên, đúng là chẳng sai. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy vào đâu? Quy vào kinh Vô Lượng Thọ. Người thời Tùy - Đường tuy chẳng nói mình bạch như thế, nhưng sớm nhất là vào thời đại Tùy - Đường, các nhà nghiên cứu kinh giáo đã nói Hoa Nghiêm và Pháp Hoa hướng dẫn vào kinh Vô Lượng Thọ, lời này

cũng rất tuyệt diệu! Cũng có nghĩa Hoa Nghiêm và Pháp Hoa hướng dẫn quý vị đến Vô Lượng Thọ. Vô Lượng Thọ là Tây Phương Cực Lạc thế giới, nói hàm súc hơn, còn Bành Tế Thanh thì nói huých toẹt, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm.

Vì thế, năm xưa tôi đã từng giảng kinh Hoa Nghiêm một lần, chẳng giảng tỉ mỉ như thế này, cũng giảng một thời gian rất dài, chỉ giảng được một nửa. Về sau, học kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản Hoa Nghiêm, Đại Bản Hoa Nghiêm quá rườm rà, tôi bèn thôi, chuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ. Giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần. Vì sao lần này lại giảng bộ kinh này? Do Hàn Quán Trưởng khả thỉnh. Đã mười năm rồi! Mười năm trước, trước khi vãng sanh, bà ta đã ở trên giường bệnh ba lượt yêu cầu tôi, hy vọng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm từ đầu đến cuối một lượt, giữ lại băng thâu hình để người đời sau tham khảo. Tôi nhận lời, bà thật sự ra đi. Tôi nói năng chẳng thể không giữ lời; do đó mới buông xuống những kinh khác, chuyên tâm giảng Hoa Nghiêm. Tôi vẫn hy vọng trong tương lai, thiết bị và hoàn cảnh có thể tốt đẹp hơn một chút, tôi vẫn hy vọng có một ngày khôi phục giảng bốn tiếng đồng hồ. Tôi hy vọng đạt tới tiêu chuẩn ấy. Mỗi ngày, tôi đọc kinh bốn tiếng đồng hồ, giảng kinh bốn tiếng đồng hồ, buông xuống muôn duyên, nâng cao cảnh giới của chính mình, tăng cao linh tánh của chính mình, quan trọng hơn bất cứ điều chi khác! Những lúc không đọc kinh, không giảng kinh, trong tâm thâm niệm Phật hiệu, vui sướng hơn bất cứ điều gì khác. Chẳng luống uổng đời này. Nhất là lúc tuổi già, thời gian càng quý báu, kẻ trẻ tuổi chẳng hiểu, lúc tuổi già, cái tâm cảnh giác hết sức cao!

Vì thế, các đồng học ngàn muôn phần phải ghi nhớ, phải phát tâm, chẳng thể không cầu sanh Tịnh Độ. Không cầu sanh Tịnh Độ, vậy là quý vị đã thật sự sai mất rồi! Quý vị đã sống uổng đời này, lỡ làng đời này! Phải thật sự cầu sanh Tịnh Độ, đảm bảo sao cho chính mình có thể vãng sanh. Cư sĩ Hoàng Trung Xương là tấm gương tốt nhất! Quý vị thấy ông ta tu như thế nào? Phát tâm như thế nào? Hằng ngày tu sám hối như thế nào? Ông ta hằng ngày tu sám hối, chẳng khác cổ nhân sử dụng Công Quá Cách. Tuy ông ta chẳng có Công Quá Cách, nhưng hằng ngày đều ghi lại những điều chính mình đã sám hối, viết rất nhiều. Hiện thời, cũng không cần chỉnh lý quá nhiều, nhưng vẫn cần phải chỉnh lý. Ông ta viết trên những mảnh giấy vụn. Tôi thấy tài liệu ấy sợ là phải đến hai, ba trăm trang, đều là những mảnh giấy nhỏ. Trong tương lai, có đồng học phát tâm chỉnh lý, sẽ in thành sách để người niệm Phật tham khảo. Xác thực là một sự cố vũ, khích lệ không gì to lớn hơn, có thể kiên định tín tâm và nguyện tâm của người học Phật, có thể nói là ba năm chắc chắn thành tựu!

Thật sự thành tựu, quý vị không muốn vãng sanh cũng được. Vì

sao? Sinh tử tự tại. Quý vị nói “ta ở trên thế gian này thêm vài năm nữa”, được chứ, chẳng trở ngại tí nào! Có thể tùy ý ra đi bất cứ lúc nào, thật sự chẳng có sanh tử. Bất quá cho đến lúc đó, quý vị muốn ở trong thế gian này hay không, chẳng phải là do nghiệp lực của quý vị [quyết định], mà là do nguyện lực của chính quý vị. Do nguyện lực, chắc chắn quý vị có thể quan sát [chính mình] có duyên với thế gian này hay không. Phật, Bồ Tát trụ thế là do duyên, có duyên với chúng sanh. Cái duyên với chúng sanh nên hiểu như thế nào? Họ có nghe theo lời giáo huấn của quý vị hay không? Hễ nghe theo lời giáo huấn của quý vị, tức là còn có duyên. Có duyên thì quý vị sẽ giúp đỡ họ. Chẳng nghe, chẳng tin tưởng quý vị, chẳng thích nghe, vậy là quý vị ra đi. Ra đi cũng là giáo hóa chúng sanh. Quý vị tiêu sái ra đi, biết trước lúc mất, tự tại vãng sanh kiêu đó, khiến cho kẻ khác nhìn vào sẽ tin tưởng.

Do vậy, Phật, Bồ Tát đến thế gian này, “*sanh*” là để giáo hóa chúng sanh, mà thị hiện diệt độ vẫn nhằm giáo hóa chúng sanh, chẳng có chuyện gì luống công! Cũng có nghĩa là sanh ra, chết đi, đều nhằm nêu gương tốt nhất cho chúng sanh, khơi gợi, phát khởi, khiến cho chúng sanh suy nghĩ lại. Hơn nữa, hưởng hồ trong cuộc sống hằng ngày, từng ly, từng tí đều nêu gương cho đại chúng trong xã hội. Nếu chẳng phải như thế, sẽ chẳng phải là Bồ Tát. Đó là giả trá, chẳng thật! Vị Bồ Tát thật sự dụng tâm, dụng tâm trong cuộc sống hằng ngày, nhất định tương ứng với một trăm bốn mươi một nguyện này. Nếu chẳng tương ứng với một trăm bốn mươi một nguyện, quý vị sẽ nói gã ấy là giả Bồ Tát. Lời này chẳng phải là do tôi hay quý vị nói, mà là trong kinh, đức Phật đã dạy như thế, nói khẳng định đường ấy! Vì thế, khi hơi thở của chúng ta còn chưa dứt, còn sống trong thế gian này, nhất định phải ghi nhớ trì giới. Trì giới thì đặc biệt phải biết học Đệ Tử Quy, học Cấm Ứng Thiên, học Liễu Phạm Tứ Huân, học Du Tịnh Ý Công Ngô Táo Thần Ký, học kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong giai đoạn hiện tiền, nếu chúng ta không vun quén vững bền căn cội thì cũng là giả Bồ Tát, vẫn là giả vờ, chẳng phải tu thật! Giả vờ, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo, niệm Phật chẳng thể vãng sanh, phải hiểu điều này!

Vậy thì nếu quý vị hỏi, ông Hoàng Trung Xương có làm được hay không? Những thứ tôi đã nói ông ta có làm được hay chẳng? Ông ta chưa từng học, nhưng toàn bộ đều làm được! Vì sao biết ông ta làm được toàn bộ? Trong khi niệm Phật suốt hai năm mười tháng ấy, ông ta chỉ ngữ. Quý vị thấy ông ta có một bài viết về điều gì? Viết về lợi ích và công đức của chỉ ngữ, quý vị biết ngay! Chỉ ngữ là không nói chuyện. Khi chỉ ngữ một khoảng thời gian, sẽ đối với tất cả hết thảy những thứ bên ngoài chẳng màng, người khác cũng chẳng thể nói chuyện với quý vị được. Thật sự làm được, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, trong cuộc sống hằng ngày hoàn toàn tùy duyên, chẳng

chê trách bất cứ thứ gì, thứ gì cũng đều tốt đẹp. Chính mình suốt ngày từ sáng đến tối ngây ngô, giống như một kẻ vô dụng, chẳng làm ra trò trống gì, toàn bộ tập khí kiêu căng, ngã mạn chẳng còn nữa. Đối với bất cứ ai, cũng đều có thể dấy lên tâm cung kính, thấu hiểu lời Lục Tổ dạy: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Chỉ ngữ đến một mức độ nhất định, sẽ đạt tới cảnh giới này. Đối với phẩm Tịnh Hạnh, tôi chẳng biết ông ta có tương ứng hay không, đại khái là [phán định] rất khó khăn. Nhưng ba môn công khóa cơ bản như tôi đã nói với quý vị trong phần trước, ông ta đã làm được, tức là ông ta đã trọn đủ điều kiện để ắt sanh vào Tịnh Độ. Chẳng học những thứ ấy có được hay chăng?

Chỉ cần là trong cuộc sống hằng ngày, giữ sao cho không nói chuyện. Không nói chuyện ba năm, tâm ông ta định, nguyện lực của ông rất mạnh! Niệm nào cũng đều cầu sanh Tịnh Độ, niệm lực quá mạnh, cho nên ông ta có thể bỏ sạch thế gian này như vậy. Do đó, chẳng buông xuống duyên thế gian, sẽ giống như sợi dây thừng, quý vị muốn đi, sẽ không đi được. Nó trói buộc quý vị! Kinh thường nói, tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là năm cái rề của địa ngục. Quý vị phải chặt đứt năm cái rề ấy thì mới có thể vượt thoát. Hễ có một điều, nó sẽ lôi kéo quý vị, chẳng đi được! Huống hồ là cả năm điều, thì còn sao được nữa! Ông ta có thể chém đứt những cái rề ấy, cho nên có thể tự tại vãng sanh. Trước khi ra đi, ông ta đến nơi này lễ bái, cảm ơn, đều là nêu gương cho mọi người thấy. Ông ta đến lễ bái, đến cảm ơn, không phải là nhục thân của ông ta đến. Mọi người chẳng thấy chuyện này, quỷ thần trông thấy. Sau khi đã đến những nơi đó, trở về mới tắt hơi, vãng sanh. Không chỉ là đã độ rất nhiều người, mà còn độ càng nhiều quỷ thần hơn nữa. Các đồng học chúng ta phải nghiêm túc nỗ lực. Hôm nay, chúng tôi giảng phẩm kinh này đến đây là viên mãn, phần sau sẽ nói về công đức thắng diệu!

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh
Phẩm thứ mười một, Tịnh Hạnh Phẩm chung
大方廣佛華嚴經
(十一) 淨行品終

“Hoan nghênh ân tống, công đức vô lượng”